TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

09

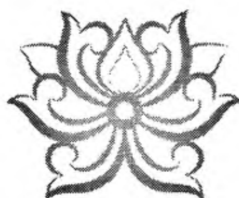
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

09

KINH TIỂU BỘ

(Khuddaka Nikāya)

5



Dịch giả

Tỳ-khưu INDACANDA

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

KINH TIỂU BỘ

(Khuddaka Nikāya)

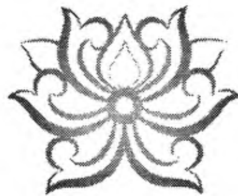


THÁNH NHÂN KÝ SỰ
(*Apadāna*)

PHẬT SỬ
(*Buddhavaṃsa*)

HẠNH TẠNG
(*Cariyāpiṭaka*)

MILINDA VẤN ĐẠO
(*Milindapañha*)



NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC



HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT

- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ



LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身，處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác.

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心，以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

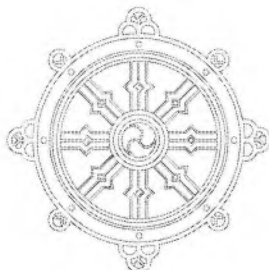
Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh “Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự.”

Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)



LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma,* S. *Abhidharma,* H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Pháp Hoa*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đổng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 5 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải, Phân tích đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử và Hạnh tạng*.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海藏) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch.

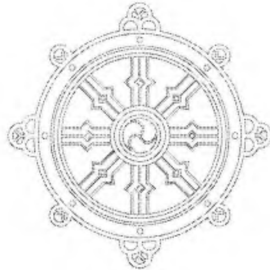
Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)



LỜI NÓI ĐẦU

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,...

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

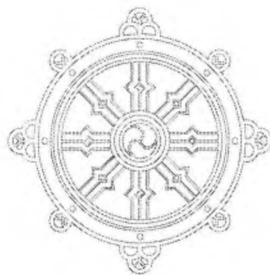
Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)



BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bvs.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvsA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải*)
CNidA.	*Cūḷaniddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
ItA.	*Itivuttaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện Tiền thân*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)

Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī (Giải nghi)*
Kv.	*Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm dị biệt)*
M.	*Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ)*
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Trung bộ)*
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)*
Mhvs.	*Mahāvaṃsa (Đại sử)*
Miln.	*Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo)*
MNid.	*Mahāniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải)*
MNidA.	*Mahāniddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải)*
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)*
Mv.	*Mahāvagga (Đại phẩm)*
Nid.	*Niddesa (Nghĩa thích / Diễn giải)*
NidA.	*Niddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải)*
Netti.	*Nettipakaraṇa (Chỉ đạo luận / Cẩm nang học Phật)*
Paṭ.	*Paṭṭhāna (Duyên hệ)*
Pe.	*Peṭakopadesa (Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng)*
Ps.	*Paṭisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo / Phân tích đạo)*
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo)*
Pug.	*Puggalapaññatti (Nhân thi thiết)*
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā (Chú giải Nhân thi thiết)*
Pv.	*Petavatthu (Ngạ quỷ sự / Chuyện Ngạ quỷ)*
PvA.	*Petavatthu Aṭṭhakathā (Chú giải Ngạ quỷ sự / Chú giải Chuyện Ngạ quỷ)*
S.	*Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ)*
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)*
Sn.	*Suttanipāta (Kinh tập)*
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh tập)*
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ)*
Thag.	*Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)*
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)*
Thīg.	*Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)*

ThīgA.	*Therīgāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)*
Thūvs.	*Thūpavaṃsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)*
Ud.	*Udāna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)*
UdA.	*Udāna Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)*
Uj.	*Upāsakajanālaṅkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)*
Vbh.	*Vibhaṅga (Phân tích)*
VbhA.	*Vibhaṅga Aṭṭhakathā (Chú giải Phân tích)*
Vin.	*Vinaya Piṭaka (Luật tạng)*
VinA.	*Vinaya Aṭṭhakathā (Chú giải Luật tạng)*
Vism.	*Visuddhimagga (Thanh tịnh đạo)*
Vv.	*Vimānavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)*
VvA.	*Vimānavatthu Aṭṭhakathā (Chú giải Thiên cung sự / Chú giải Chuyện Thiên cung)*
Yam.	*Yamaka (Song đối)*

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy.	*Divyāvadāna (Thiên cung sự)*
Mhvu.	*Mahāvastu (Đại sự)*
MPS.	*Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niết-bàn)*

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS.	*Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, Nxb. Buddhasāsana Samiti)
BD.	*Book of Discipline (Luật tạng)*
BI.	*Buddhist India (Phật giáo Ấn Độ)*
BPE.	*Buddhist Manual of Psychological Ethics (Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo)*
Cpd.	*Compendium of Philosophy (Cương yếu triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha)*
DB.	*Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ)*
Expos.	*Expositor (Chú giải Pháp tụ)*
GS.	*Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bộ)*

KS. *Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB. *A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS. *Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM. *Questions of King Milinda* (*Milinda vấn đạo*)
PC. *Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth. *Psalms of the Brethren* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis. *Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB. *Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)
SBE. *The Sacred Books of the East* (*Thánh điển phương Đông*)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT

TTTĐPGVN. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*
TTPV. *Tam tạng Pāḷi-Việt*

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
N. *Nam truyền Đại tạng kinh* (南傳大藏經)
Biệt Tạp. *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng./ EĀ. *Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經, *Ekottarikāgama*)
Tạp./ SĀ. *Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經, *Saṃyuktāgama*)
Trung./ MĀ. *Trung A-hàm kinh* (中阿含經, *Mādhyamāgama*)
Trường./ DĀ. *Trường A-hàm kinh* (長阿含經, *Dīrghāgama*)

TỪ ĐIỂN

BHSD. *Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit hỗn hợp*)
CPD. *Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN. *Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EB. *Encyclopaedia of Buddhism* (*Bách khoa Từ điển Phật giáo*)
EPD. *English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE. *Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED. *Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

CST.	Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6)
PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

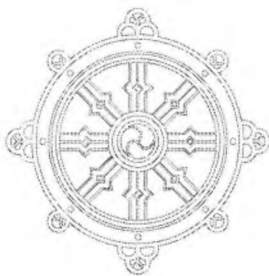
Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	DL.	Dương lịch
PL.	Phật lịch	tr.	trang
Sđd.	Sách đã dẫn	Nxb.	Nhà xuất bản
nt.	như trên		
HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ	ND.	Người dịch
BBT.	Ban Biên tập		

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini)	Công nguyên
BC. (Before Christ)	trước Công nguyên
Cf. (confer)	Tham chiếu, so sánh
ed. (by)	biên tập (bởi)
edn. (edition)	ấn bản
etc. (et cetera)	vân vân… (v.v…)
f./ ff. (following pages)	trang kế tiếp / các trang kế tiếp
ibid. (ibidem)	cùng trang đã dẫn / như trên
n. (note)	chú thích
op. cit (opere citato)	sách đã dẫn
p./ pp. (page/ pages)	trang / các trang
tr. (by)	dịch bởi

trans. (translation)	bản dịch
v. (verse)	bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn
vol./ vols. (volume/ volumes)	tập, quyển / các tập, các quyển



TỔNG QUAN KINH TIỂU BỘ

1. Khái niệm "*Kinh Tiểu bộ*"

"*Kinh Tiểu bộ*" (*Khuddaka Nikāya,* 小部經) dịch sát nghĩa *là* "*Hợp tuyển các tập kinh ngắn*" (*The Collection of Little Texts, Minor Collection*), là tuyển tập (*nikāya*) điển tịch thứ năm trong năm bộ kinh thuộc kho tàng kinh điển Pāli (*Sutta Piṭaka,* 巴利文大藏經) của Phật giáo Thượng Tọa bộ (上座部佛教), còn gọi là Phật giáo Nam truyền (南傳佛教) hoặc Phật giáo Thượng Tọa bộ Nam truyền (南傳上座部佛教). Bộ này gồm 16 tập kinh chứa đựng nhiều bài kinh lẻ, thi kệ, đoạn kinh ngắn về chân lý, lộ trình tu tập, đạo đức sống và tư liệu lịch sử, phần lớn do đức Phật giảng và một số do các Thánh Tăng A-la-hán giảng hay biên tập.

Từ "*Khuddaka*" trong tiếng Pāli có nghĩa là "tiểu" (小) hay "tạp" (雜), tương đương trong tiếng Sanskrit là "*Kṣudraka.*" Trong văn học Hán tạng, chữ "*Nikāya*" thường được phiên âm là "Ni-kha-da" (尼柯耶), tương đương với từ "*Āgama*" trong tiếng Sanskrit mà Phật giáo Đại thừa thường sử dụng và được phiên âm trong Hán ngữ là "A-hàm" (阿含) hoặc "A-cấp-ma" (阿笈摩).

Cụm từ "*Khuddaka Nikāya*" (小部經) được phiên âm trong Hán ngữ là "Khuất-đà-ca Ni-kha-da" (屈陀迦尼柯耶). *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) gọi *Tiểu bộ kinh* là "Khuất-đà-ca kinh" (屈陀迦經).[1] Bộ tương đương với *Khuất-đà-ca kinh* gọi là "Khuất-đà-già A-hàm" (屈陀伽阿含). Tổng hợp vừa dịch nghĩa vừa phiên âm, "*Khuddaka Nikāya*" trong tiếng Pāli và từ tương đương "*Kṣudraka Āgama*" trong tiếng Sanskrit thường được dịch trong tiếng Hán là "Tiểu Ni-kha-da" (小尼柯耶), trong đó "tiểu" có nghĩa là nhỏ, "Ni-kha-da" là từ phiên âm Hán Việt. Phật-đà-thập (Buddhajīva) và Trúc Đạo Sinh trong *Ngũ phần luật* (五分律) gọi là "Tạp tạng" (雜藏),[2] còn Ngài Huyền Trang dịch là "Tạp loại A-cấp-ma" (雜類阿笈摩).[3]

---

[1] Xem *T.*24. 1462.1. 0675b19-20: 何謂為五部？答曰：長阿鋡經，中阿鋡經，僧述多經，殃堀多羅經，屈陀迦經。

[2] *Di-sa-tắc bộ Hòa-hê Ngũ phần luật* (彌沙塞部和醯五分律) (*T.*22. 1421.30. 0191a24) ghi: 此是長經, 今集為一部, 名長阿含; 此是不長, 不短, 今集為一部, 名為中阿含; 此是雜說, 為比丘, 比丘尼, 優婆塞, 優婆夷, 天子, 天女說, 今集為一部, 名雜阿含; 此是從一法, 增至十一法, 今集為一部, 名增一阿含;自餘雜說, 今集為一部, 名為雜藏, 合名為修多羅藏。

[3] Xem *Đại A-la-hán Nan-đề Mật-đa-la sở thuyết pháp trụ ký* 大阿羅漢難提蜜多羅所說法住記 (*T.*49. 2030. 0014b06): 有五阿笈摩, 謂長阿笈摩, 中阿笈摩, 增一阿笈摩, 相應阿笈摩, 雜類阿笈摩。

Về từ nguyên, "*Nikāya*" có nghĩa là: (i) Giáo phái (教派, *school*), bộ phái (部派, *sect*), (ii) Đoàn thể (團體, *body, assembly*), nhóm (部類, *group*),[4] (iii) Bộ sưu tập hay tuyển tập các bài kinh (收集, *collection*).[5] Trong ngữ cảnh văn học Pāli, "*Nikāya*" được hiểu là tuyển tập các bài kinh Phật (*collection of Buddhist suttas*). Theo từ điển *Pāli-English Dictionary,* tựa đề *Kinh Tiểu bộ* phát xuất từ thực tế rằng đây là tuyển tập các bài kinh ngắn so với bốn bộ kinh Pāli.[6] Theo tác phẩm *Chú giải Tiểu tụng* (*Paramatthajotikā*), tựa đề *Kinh Tiểu bộ* là do 15 bản văn của tuyển tập kinh điển này, chứa đựng nhiều chủ đề và sắc thái Phật học khác nhau.[7]

Phật Quang đại từ điển cho rằng: "Sở dĩ bộ kinh này có tên gọi là *Kinh Tiểu bộ* vì tuyển tập này tập hợp các truyền thuyết, kệ tụng và cách ngôn trong bốn bộ kinh Pāli gồm *Kinh Trường bộ, Kinh Trung bộ, Kinh Tương ưng bộ* và *Kinh Tăng chi bộ* thành các bài kinh ngắn."[8] Quan điểm này chỉ đúng một phần, vì trên thực tế có nhiều bài kinh, chương, đoạn và thi kệ trong *Kinh Tiểu bộ* hoàn toàn độc lập với bốn bộ kinh nêu trên. Từ góc độ nội dung, 15 bản văn kết hợp với bản *Milinda vấn đạo* (trong ấn bản *TTTĐPGVN* này) của *Kinh Tiểu bộ* là kho tàng văn học Phật giáo về những gì chưa được đề cập hoặc đã đề cập một phần trong bốn bộ kinh Pāli, và chứa đựng các bản văn giai đoạn đầu và giai đoạn sau.[9] Đây chính là một trong những đóng góp quan trọng của *Kinh Tiểu bộ* trong văn học Kinh tạng Pāli.

2. Thể tài văn học của *Kinh Tiểu bộ*

Về thể loại, *Kinh Tiểu bộ* là tuyển tập hỗn hợp hay tạp kinh (雜文, *miscellaneous collection*) gồm thể tài văn xuôi và phần lớn là thi kệ (*gāthā,* 偈頌, *verse*). Bên cạnh một số chương và phẩm được thể hiện dưới dạng văn xuôi, nhiều nội dung của 16 tập kinh này là thi kệ, bao hàm các bài kệ thơ ngắn gọn, đa dạng, đặc sắc, thể hiện tính văn học và triết học Phật giáo sâu sắc.

Các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* có độ dài ngắn không đồng nhất. Ngắn nhất

---

[4] Xem mục từ "*Nikāya*" trong *Từ điển Pāli - Hán* (巴漢詞典) của Bhikkhu Mahāñāṇo, cũng như ấn bản tương tự do Tôn giả Minh Pháp (明法尊者) hiệu đính.

[5] Xem mục từ "*Nikāya*" trong từ điển *Pāli-English Dictionary* của Hội Thánh điển Pāli (Pali Text Society) và tương tự mục từ "*Nikāya*" trong từ điển *Concise Pāli-English Dictionary* của A. P. Buddhadatta Mahāthera, tr. 170.

[6] Nguyên tác: "The name *Khuddaka Nikāya* is taken from the fact that it is a collection of books-short, that is as compared with the Four Nikāyas." *The Anagatavaṃsa* (*JPTS*. 1886), p. 35; *The Gandhavaṃsa* (*JPTS*. 1886), p. 57.

[7] Xem H. Smith, (ed.), *The Khuddaka-Pāṭha Together with Its Commentary Paramatthajotikā* I (London: PTS, 1915), p. 12.

[8] Nguyên tác: 係集輯長，中，相應，增支等四尼迦耶之傳說，偈頌，格言等而成，概為短篇，故稱小部。

[9] Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "It has been suggested that the *Khuddaka Nikāya* was the repository for materials that were left out of the four Nikāyas (the *Dīgha Nikāya, Majjhima Nikāya, Saṃyutta Nikāya* and *Aṅguttara Nikāya*) and thus included both early and late texts."

là *Tiểu tụng,* chưa đầy 10 trang Pāli trong ấn bản của PTS, trong khi *Chuyện Tiền thân* với 547 câu chuyện, có số trang lên đến cả ngàn. Trong mỗi tập kinh, có những bài kinh vài trang, nhưng cũng có những bài kinh rất ngắn với 4-5 hàng Pāli, chứa đựng những lời dạy minh triết mang tính trị liệu cao.

3. Vị trí của *Kinh Tiểu bộ* trong các thể tài kinh

Tam tạng Pāli (*Tipiṭaka*) phân loại 9 thể tài kinh,[10] vốn được Thượng Tọa bộ chủ trương và được sự chấp nhận cao trong Phật giáo bộ phái. Tam tạng Phật giáo Đại thừa phân loại thành 12 thể tài kinh (S. *dvādaśāṅga-dharma-pravacana*),[11] vốn bắt nguồn từ *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự* (根本說一切有部毘奈耶雜事)[12] và được chấp nhận trong Pháp Tạng bộ (法藏部, S. Dharmaguptaka), Hóa Địa bộ (化地部, S. Mahīśāsaka, P. Mahisāsaka) và Đại Chúng bộ (大衆部, S. Mahāsaṃghika, P. Mahāsaṅghika).

Thứ tự về 9 thể tài kinh[13] và 12 thể tài kinh[14] được tìm thấy khác nhau trong văn học Kinh tạng chữ Hán như sau:

1. **Kinh** (經, S. *Sūtra,* P. *Sutta*) hoặc Khế kinh (契經), hay Trường hàng (長行), phiên âm là Tu-đa-la (修多羅), chỉ chung các bài kinh do Phật thuyết giảng.

2. **Trùng tụng** (重頌, S. *Geya,* P. *Geyya*) còn dịch là Ứng tụng (應頌), phiên âm là Kỳ-dạ (衹夜), loại kệ tụng có nhiều câu được lặp lại.

---

[10] Còn gọi là 9 phần giáo (九分教), 9 bộ kinh (九部經), 9 bộ pháp (九部法), 9 kinh (九經). Tham chiếu danh mục chín thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021).

[11] Còn gọi là thập nhị bộ kinh (十二部經), thập nhị phần giáo (十二分教), thập nhị phần Thánh giáo (十二分聖教), thập nhị phần kinh (十二分經). Tham chiếu danh mục 12 thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021). Tham chiếu: *Thanh tịnh kinh* 清淨經 (*T*.01. 0001.17. 0074b19-23); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.49.1. 0794b14); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.33. 0306c17-19): 修多羅, 衹夜, 受記經, 伽陀, 優陀那, 因緣經, 阿波陀那, 如是語經, 本生經, 廣經, 未曾有經, 論議經。 Cách dụng ngữ không chính xác trong cước chú trên và trong cước chú này đã gây ngộ nhận cho nhiều độc giả khi chưa hiểu bản chất của 9 hoặc 12 thể loại văn học.

[12] (*T*.24. 1451.38. 0398c25-27): 契經, 應頌, 記別, 諷頌, 自說, 因緣, 本事, 本生, 方廣, 希有, 譬喻, 論議。

[13] *Ma-ha Tăng-kỳ luật* 摩訶僧衹律 (*T*.22. 1425.1. 0227b11): 爾時佛告舍利弗, 有如來不為弟子廣說修多羅, 衹夜, 授記, 伽陀, 憂陀那, 如是語, 本生, 方廣, 未曾有經。舍利弗, 諸佛如來不為聲聞制戒, 不立說波羅提木叉法, 是故如來滅度之後法不久住。Trật tự trong *Luật tạng Pāli* như sau: (巴利律藏): 舍利弗！拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 不疲厭為聲聞弟子廣說正法, 多為彼等說契經, 衹夜經, 授記經, 偈經, 自說經, 因緣經, 本生經, 未曾有經, 方等經, 為弟子制立學處, 教示波羅提木叉。

[14] *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1138. 0300c05): 佛告二比丘。汝等持我所說修多羅, 衹夜, 受記, 伽陀, 優陀那, 尼陀那, 阿波陀那, 伊帝目多伽, 闍多伽, 毘富羅, 阿浮多達摩, 優波提舍等法。Trật tự trong *Tứ phần luật* (四分律 (*T*.22. 1428.1. 0569b03): 佛告舍利弗。拘那含牟尼佛, 隨葉佛。不廣為諸弟子說法。契經, 衹夜經, 授記經, 偈經, 句經, 因緣經, 本生經, 善道經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優波提舍經。 如是生經, 本經, 善因緣經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優婆提舍經, 句義經, 法句經, 波羅延經, 雜難經, 聖偈經, 如是集為雜藏。Trong *Ngũ phần luật* 五分律 (*T*.22. 1421.1. 0001b25): 舍利弗。拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 廣為弟子說法。無有疲厭所謂修多羅, 衹夜, 受記, 伽陀, 憂陀那, 尼陀那, 育多伽婆, 本生, 毘富羅, 未曾有, 阿婆陀那, 憂波提舍, 自餘雜說今集為一部, 名為雜藏。

3. **Ký thuyết** (記說, S. *Vyākaraṇa,* P. *Veyyākaraṇa*) còn gọi là Thọ ký (受記), phiên âm là Hoa-già-la-na (華遮羅那) hay Hòa-già-la-na (和伽羅那), bao gồm lời Phật chứng nhận cho các đệ tử sẽ thành Phật trong tương lai.

4. **Kệ-đà** (偈陀, S=P. *Gāthā*) thường dịch là Phúng tụng (諷頌) hay Ký chú (記註), gồm những bài thi kệ không có văn xuôi ở trước.

5. **Tự thuyết** (自說, S=P. *Udāna*) còn gọi là Vô vấn tự thuyết (無問自說) hoặc Tán thán kinh (讚歎經), phiên âm là Ưu-đà-na (憂陀那), gồm những bài kinh đức Phật giảng do cảm hứng tự nhiên, không có người thỉnh cầu.

6. **Nhân duyên** (因緣, S. *Nidāna*) còn dịch là Quảng thuyết (廣說), phiên âm là Ni-đà-na (尼陀那), gồm những bài kinh giảng về nhân duyên thuyết pháp.

7. **Thí dụ** (譬喻, S. *Avadāna*) còn gọi là Diễn thuyết giải ngộ kinh (演說解悟經), phiên âm là A-ba-đà-na (阿波陀那), gồm những kinh chứa nhiều thí dụ, ẩn dụ, ngụ ngôn để giải thích chân lý cho dễ hiểu hơn.

8. **Như thị ngữ** (如是語, S. *Itivṛttaka,* P. *Itivuttaka*) còn gọi là Bổn sự kinh (本事經), phiên âm là Y-đế-mục-đa-già (醫帝目多伽), gồm những bài kinh nói pháp tu tập của các đệ tử Thánh trong quá khứ và vị lai.

9. **Bổn sanh kinh** (本生經, S=P. *Jātaka*), phiên âm là Xà-đà-già (闍陀伽) gồm các bài kinh nói về tiền thân của đức Phật Thích-ca.

10. **Phương quảng** (方廣) còn gọi là Phương đẳng (方等, S. *Vaipulya,* P. *Vedalla*) hoặc Quảng kinh (廣經), phiên âm là Tỳ-phật-lược (毗佛略), gồm các bài kinh do đức Phật hay các đệ tử Thánh trao đổi, giảng giải, triển khai sâu rộng với các vị Tăng, Ni hay cư sĩ.

11. **Vị tằng hữu** (未曾有, S. *Adbhutadharma,* P. *Abbhutadhamma*) còn gọi là Hy pháp (希法), phiên âm là A-phù-đà-đạt-ma (阿浮陀達磨), gồm các kinh nói về thần lực siêu phàm của đức Phật mà người đời khó hiểu được.

12. **Luận nghị** (論議, S. *Upadeśa*) còn gọi là Cận sự thỉnh vấn kinh (近事請問經), phiên âm là Ưu-ba-đề-xá (優波提舍), gồm các bài kinh thiên nặng về lý luận và phân tích chi tiết các khái niệm Phật học.

Danh mục 9 thể tài kinh trong văn học Pāli gồm có: 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, tức không bao gồm ba thể loại "Nhân duyên" (thứ 6), "Thí dụ" (thứ 7) và "Luận nghị" (thứ 12) như trong văn học Phật giáo Đại thừa. *Kinh Ví dụ con rắn*", số 22, trong *Kinh Trung bộ* và một số kinh khác trong *Tăng chi bộ, Luật tạng* và *Luận tạng* đều thống nhất một danh sách 9 thể loại văn học: Kinh (*Sutta*), Ứng tụng (*Geyya*), Ký thuyết (*Veyyākaraṇa*), Kệ tụng (*Gāthā*), Cảm hứng ngữ (*Udāna*), Như thị ngữ (*Itivuttaka*), Bổn sanh (*Jātaka)*, Vị tằng hữu pháp (*Abbhutadhamma*), Phương quảng (*Vedalla*).[15]

---

[15] Xem *A*. II. 6, 103, 177; *Vin*. III. 8; *Pug*. 43.

Có thể nói, văn học *Kinh Tiểu bộ* bao gồm tất cả 9 thể tài văn học này. Các thể tài văn học "Nhân duyên", "Thí dụ" và "Luận nghị" tuy không được đề cập trong văn học Thượng Tọa bộ, nhưng trên thực tế, văn học Kinh tạng Pāli đều có các nội dung này. Do đó, có thể khẳng định rằng 16 tập trong *Kinh Tiểu bộ* có mối quan hệ mật thiết với hai hệ thống thể tài văn học của Thượng Tọa bộ và Đại thừa.

4. Niên đại và tác giả của *Kinh Tiểu bộ*

Đại Chúng bộ, Hóa Địa bộ và Pháp Tạng bộ chấp nhận đưa *Kinh Tiểu bộ* vào danh mục Kinh tạng của mình, đang khi một số bộ phái chỉ chấp nhận bốn bộ kinh Pāli. Ở chừng mực nào đó, *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Thượng Tọa bộ là ví dụ mở rộng của Tiểu tạng (*Khuddaka Piṭaka*).[16]

Dựa vào văn bản học, chúng ta có thể truy nguyên niên đại của *Kinh Tiểu bộ* gồm giai đoạn đầu và giai đoạn sau khác nhau.[17] Sáu tuyển tập của *Kinh Tiểu bộ* được ra đời trong giai đoạn đầu gồm *Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ.* Tuyển tập ra đời trong giai đoạn sau gồm *Chuyện Thiên cung, Chuyện Ngạ quỷ, Diễn giải* (*Nghĩa thích*), *Phân tích đạo* (*Vô ngại giải đạo*), *Thánh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng, Tiểu tụng* và sau nhất là *Milinda vấn đạo.* Riêng *Chuyện Tiền thân* có hơn 500 câu chuyện ra đời trong giai đoạn đầu và một số câu chuyện được bổ sung trong giai đoạn sau.

Về niên đại ra đời, Giáo sư Oliver Abeynayaka cho rằng *Kinh Tiểu bộ* được ra đời gần với giai đoạn hình thành văn học A-tỳ-đạt-ma.[18] *Kinh Tiểu bộ* được hình thành và phát triển trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ thời đức Phật qua khẩu truyền cho đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ 3 (*The Third Buddhist Council*) vào thế kỷ III TTL tại Pāṭaliputta, thủ phủ của Đại đế Asoka.[19] Giáo sư Rhys Davids dựa vào việc sử dụng khái niệm "người thông suốt năm bộ kinh Pāli" (*pañcanekāyika*) trên các chỉ dụ vào thế kỷ III TTL, gián tiếp chứng minh rằng *Kinh Tiểu bộ* ra đời vào thế kỷ III TTL.[20]

---

[16] Xem chi tiết trong Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "Though Buddhist schools such as the Mahisāsaka, Dharmaguptaka and Mahāsaṃghika included a *Khuddaka Piṭaka* in their canons, the *Khuddaka Nikāya* of the Theravāda school is the only extant example of such a *Khuddaka Piṭaka*."

[17] Giáo sư Oliver Abeynayake, "*A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya*" (*Phân tích phương diện lịch sử và văn bản của Kinh Tiểu bộ*) (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 113, đưa ra luận điểm này với nhiều dẫn chứng thuyết phục: "The *Khuddaka Nikāya* can easily be divided into two strata, one being early and the other late. The texts *Sutta Nipāta*, *Itivuttaka*, *Dhammapada*, *Therīgāthā*, *Theragāthā*, *Udāna* and *Jātaka* belong to the early stratum and the texts *Khuddakapātha*, *Vimānavatthu*, *Petavatthu*, *Niddesa*, *Paṭisambhida*, *Apadāna*, *Buddhavaṃsa* and *Cariyapiṭaka* can be categorized in the later stratum."

[18] Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 116.

[19] Xem chi tiết tại sách, Charles Willemen, Bart Dessein, Collett Cox, *Sarvāstivāda Buddhist Scholasticism* (*Handbuch Der Orientalistik*) (Leiden: Brill, 1998), p. 45.

[20] Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (London: G. P. Putnam's Sons, 1903), p. 168.

Về tác giả, phần lớn các học giả Phật giáo Nam truyền đều cho rằng đức Phật và một số vị A-la-hán là tác giả truyền miệng của 15 tập kinh đầu, đang khi hai tập 16-17 do Ngài Kaccāna (Ca-chiên-diên) làm tác giả, và tập 18[21] do Ngài Nāgasena trước tác. Bằng phương pháp phân tích văn bản học, Giáo sư Oliver Abeynayaka chứng minh rằng nếu bốn bộ kinh điển Pāli là do đức Phật thuyết giảng thì các bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ* do các vị đệ tử Thánh của đức Phật thuyết giảng hoặc biên tập.[22] Giáo sư A. K. Warder cho rằng tính tác giả của *Kinh Tiểu bộ* rất khó chứng minh rõ ràng. Có nhiều bài kinh do đức Phật giảng, đang khi nhiều bài kinh khác có thể do các vị đệ tử Thánh thuyết giảng hoặc biên tập.[23]

5. Phân loại và số lượng bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ*

Có bốn phân loại chính về *Kinh Tiểu bộ*: Bộ 14 tập, 15 tập, 17 tập và 18 tập. Theo *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) quyển 1, *Kinh Tiểu bộ* chỉ có 14 tập, không bao gồm *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha,* 小誦).[24]

Căn cứ theo *Chú giải Luật tạng* (*Samantapāsādika*) bản Pāli, cũng như lời tựa của bản *Chú giải Kinh Trường bộ* (*Sumaṅgalavilāsinī*) bản Pāli, do có bổ sung *Tiểu tụng* nên *Kinh Tiểu bộ* gồm có 15 tập.[25] Số lượng tuyển tập này tương ứng với phân loại Tam tạng Phật giáo Thái Lan (泰國所傳巴利三藏). Theo Étienne Lamotte, *Kinh Tiểu bộ* gồm 15 tập kinh thuộc Phật giáo Thượng Tọa bộ, trường phái Phật giáo duy nhất có đầy đủ *Kinh Tiểu bộ*.[26]

Căn cứ vào Lời tựa của ấn bản đầu trong *Chú giải Kinh Trường bộ* do Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) biên soạn vào thế kỷ V, các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* (*Dīgha-bhāṇaka,* 長部誦者, 長部誦師) chỉ liệt dẫn ra các tập 2-12 trong *Kinh Tiểu bộ*, trong khi các nhà đọc tụng *Kinh Trung bộ* (*Majjhima-bhāṇaka,* 中部誦者, 中部誦師) liệt dẫn ra 14 tập gồm 2-15 trong

[21] Theo cách phân loại Tam tạng của Phật giáo Miến Điện, *Tiểu bộ* có tất cả 18 tập, trong đó tập 16 là *Chỉ đạo luận* hay còn gọi là *Cẩm nang học Phật* (*Nettipakaraṇa*) và tập 17 là *Tạng thích* hay còn gọi là *Chú thích Kinh tạng* (*Peṭakopadesa*).

[22] Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 16: "It is believed that the first four *Nikāyas* contain discourses preached by the Buddha, whereas the texts of the *Khuddaka Nikāya* are compositions of the disciples."

[23] Xem A. K. Warder, *Indian Buddhism* (Delhi: Motilal Banarsidass, 2000), p. 202-03.

[24] *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* 善見律毘婆沙 (*T*.04. 1462.1 0676a07-10): 法句, 喻, 軀陀那, 伊諦佛多伽, 尼波多, 毘摩那卑, 多涕羅, 涕利, 伽陀, 本生, 尼涕婆波, 致参毘陀, 佛種性經, 若用藏者, 悉入屈陀迦。

[25] Tác phẩm *Samantapāsādikā*, còn có tên khác là *Pārājikakaṇḍa-aṭṭhakathā* (*paṭhamo bhāgo*). Chú giải chương Ba-la-di, phần mở đầu đã nêu: "Khuddakapāṭha-dhammapada-udāna-itivuttaka-suttanipāta-vimānavatthu-petavatthu-theragāthā-therīgāthā-jātaka-niddesa-paṭisambhidā-apadāna-buddhavaṃsa-cariyāpiṭakavasena pannarasappabhedo khuddakanikāyoti." Bản Hán dịch tác phẩm này cũng ghi nhận tương tự như vậy. Xem *Nhất thiết Thiện Kiến luật chú tự* 一切善見律註序 (*N*.70. 0036.1. 0019a06-08): 由小誦經, 法句經, 自說經, 如是語經, 小經, 集經, 天宮事經, 餓鬼事經, 長老長老尼偈經, 本生經, 義釋經, 無礙解道經, 譬喻經, 佛種姓經, 所行藏經, 之十五分為小部。 Trong đoạn này cũng có sự nhầm lẫn nhỏ, dịch giả xưa đã thêm "*Tiểu kinh*" (小經) vào danh sách *Kinh Tiểu bộ* này, và gộp "*Trưởng lão Tăng kệ*" và "*Trưởng lão Ni kệ*" thành một.

[26] Étienne Lamotte, (1956) "Problèmes Concernant les Textes Canoniques *Mineurs*", *Journal Asiatique*, số 244, tr. 249-64.

Kinh Tiểu bộ. Bản *Chú giải Luật tạng* (*Samantapāsādikā*)[27] giới thiệu *Kinh Tiểu bộ* gồm tập 1-15 như ấn bản chúng ta có hiện nay, đang khi tác phẩm *Aṭṭhasālinī*, bản *Chú giải A-tỳ-đạt-ma*[28] đề cập chỉ có 14 bản văn, không có *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*).[29]

Chú giải về Lời tựa Kinh Trường bộ bằng tiếng Pāli cho rằng chỉ có sự khác biệt về cách phân loại số lượng các tập kinh trực thuộc, hoàn toàn không khác biệt về nội dung của *Kinh Tiểu bộ*. Sở dĩ có sự khác biệt về số lượng các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* là do tình trạng gộp lại của một số tập kinh, trong khi một số nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* và *Kinh Trung bộ* có khuynh hướng tách lập các bộ kinh riêng biệt. Chẳng hạn các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* đề cập đến việc trùng tuyên 11 bản văn (ngoại trừ *Tiểu tụng, Thánh nhân ký sự, Phật sử* và *Hạnh tạng*). Trên thực tế, các bản văn này đã được gộp vào trong ấn bản của 11 bản văn trước.[30]

Theo phân loại của Tam tạng Phật giáo Tích Lan, *Kinh Tiểu bộ* có 17 tập kinh do bổ sung hai tuyển tập gồm "*Chỉ đạo luận*" hay còn gọi là "*Cẩm nang học Phật*" (*Nettippakaraṇa*, 指導論) và "*Tạng thích*" hay "*Giải thích kinh*" (*Peṭakopadesa*, 藏釋). Tam tạng Phật giáo Miến Điện bổ sung tập *Milindapañha* (*Milinda vấn đạo*), tức bản tiếng Hán "*Di-lan vương vấn*" (彌蘭王問) hay *Di-lan-đà vấn* (彌蘭陀問) nên *Kinh Tiểu bộ* của Miến Điện gồm 18 tập.[31]

Ấn bản *Kinh Tiểu bộ* gồm 18 tập của Phật giáo Miến Điện được biên tập trong Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 5 (*Pañcamasaṃgāyanā, The Fifth Buddhist Council*) tại thành phố Mandalay, Miến Điện vào năm 1871, dưới sự bảo trợ của Vua Mindon.[32] Tại Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 6 (*Chaṭṭha Saṅgāyana, The Sixth Buddhist Council*) vào năm 1954 tại chùa Kaba Aye, thành phố Yangon, Miến Điện, nhân dịp nước này kỷ niệm 2500 năm đức Phật nhập Niết-bàn, Tam tạng Thánh điển Pāli được thống nhất một lần nữa, từ đó Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (CST) chính thức ra đời, và *Kinh Tiểu bộ* cũng có 18 tập.

---

[27] J. Takakusu and M. Nagai (eds.), *Samantapāsādikā*: *Buddhaghosa's Commentary on the Vinaya Piṭaka*, 8 vols, (London: PTS, 1947-75), p. 12-15.

[28] Edward Müller (ed.), *The Aṭṭhasālinī*: *Buddhaghosa's Commentary on the Dhammasaṅginī* (London: PTS, 1979), p. 26.

[29] Xem Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal, 1997), p. 42.

[30] Tham chiếu: T. W. Rhys Davids, J. E. Carpenter and W. Stede (eds.), *The Sumaṅgalavilāsinī*: *Buddhaghosa's Commentary on the Dīgha Nikāya*, vol. I. (London: PTS, 1886-1932), p. 15.

[31] Trong tác phẩm *An Introduction to Pāli Literature* (Calcutta, India: Punthi Pustak, 1964), p. 43, S. C. Banerji cho rằng: "*Kinh Tiểu bộ* theo truyền thống Miến Điện có tất cả 19 tập, bao gồm 15 tập trên và các tập sau: 1) *Milindapañha*, 2) *Suttasaṃgaha*, 3) *Peṭakopadesa*, 4) *Netti* hay *Nettipakaraṇa*." *Phật Quang đại từ điển* cũng cho rằng ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Miến Điện gồm có 19 tập (十九部), tức là tính thêm bộ *Suttasaṃgaha* (經集). Tham chiếu tại đường dẫn: http://buddhaspace.org/dict/fk/data/ (truy cập ngày 13/01/2021).

[32] Xem thông tin chi tiết trong sách: Mendelson, *Sangha and State in Burma* (*Tăng đoàn và Nhà nước tại Miến Điện*), (Ithaca, New York: Cornell University Press, 1975), pp. 276ff.

Tựa tiếng Việt, Pāli, Hán	Tiếng Anh	Ấn bản
(1) *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*, 小誦)	*The Short Passages*	PTS, Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, CST, CBETA
(2) *Kinh Pháp cú* (*Dhammapada*, 法句)	*Verses on Dhamma*	- nt -
(3) *Kinh Phật tự thuyết* (*Udāna*, 自說)	*Inspired Utterances*	- nt -
(4) *Kinh Phật thuyết như vậy* (*Itivuttaka*, 如是語)	*Thus It Was Said*	- nt -
(5) *Kinh tập* (*Suttanipāta*, 經集)	*Group of Discourses*	- nt -
(6) *Chuyện Thiên cung* (*Vimānavatthu*, 天宮事)	*Stories of Heavenly Abodes*	- nt -
(7) *Chuyện Ngạ quỷ* (*Petavatthu*, 餓鬼事)	*Stories of Hungry Ghosts*	- nt -
(8) *Trưởng lão Tăng kệ* (*Theragāthā*, 長老偈)	*Verses of the Male Elders*	- nt -
(9) *Trưởng lão Ni kệ* (*Therīgāthā*, 長老尼偈)	*Verses of the Female Elders*	- nt -
(10) *Chuyện Tiền thân* (*Jātaka*, 本生)	*Birth Stories*	- nt -
(11) *Diễn giải* (*Niddesa*, 義釋)	*Exposition*	- nt -
(12) *Phân tích đạo* (*Paṭisambhidāmagga*, 無礙解道)	*Way of Analysis*	- nt -
(13) *Thánh nhân ký sự* (*Apadāna*, 譬喻)	*Legends*	- nt -
(14) *Phật sử* (*Buddhavaṃsa*, 佛種姓)	*Lineage of the Buddhas*	- nt -
(15) *Hạnh tạng* (*Cariyāpiṭaka*, 行藏)	*Basket of Conduct*	- nt -
(16) *Chỉ đạo luận* (*Nettipakaraṇa*, 指導論)	*The Guide*	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST.

(17) *Tạng thích* (*Peṭakopadesa*, 藏釋)	*Piṭaka Disclosure*	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST
(18) *Milinda vấn đạo* (*Milindapañha*, 彌蘭王問)	*Questions of Milinda*	PTS, Miến Điện và CST.

Kế thừa việc bổ sung và chọn lọc ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của các nước Phật giáo Nam truyền, Ban Biên tập đã thống nhất ấn bản *Kinh Tiểu bộ* thuộc *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có 16 tập, gồm 15 tập đầu theo truyền thống chú giải của Phật giáo Thượng Tọa bộ từ thời Ngài Buddhaghosa và thêm tập thứ 18 như ấn bản PTS, Miến Điện và Ấn Độ (CST) ngày nay.

6. Dịch giả, bản dịch và nguyên tác *Kinh Tiểu bộ*

Trong bộ này có tất cả 16 tuyển tập, với ba dịch giả: Hòa thượng Thích Minh Châu, cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan và Tỳ-khưu Indacanda.

(1) Hòa thượng Thích Minh Châu dịch 7 tập, gồm: *Tiểu tụng, Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ* và 120 câu chuyện đầu của *Chuyện Tiền thân.*

Đối với *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*, Hòa thượng dựa vào bản *Chú giải* (*Aṭṭhakathā*) của hai bản kinh này để dịch và có tham khảo bản tiếng Anh "*Psalms of the Early Buddhist*" do Bà Rhys Davids dịch, PTS xuất bản năm 1909 (*Psalms of the Sisters*) và 1913 (*Psalms of the Brethren*).

(2) Cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan đã tham gia công tác phiên dịch cao quý này với hai tuyển tập *Chuyện Thiên cung* (*Thiên cung sự*), *Chuyện Ngạ quỷ* (*Ngạ quỷ sự*) và 427 câu chuyện tiền thân còn lại từ nguyên tác tiếng Anh, vốn được dịch từ *Chú giải.*

Về bản dịch *Chuyện Thiên cung* và *Chuyện Ngạ quỷ*, dịch giả dựa vào bản dịch tiếng Anh: *The Minor Anthologies of the Pali Canon (Part IV) - Vimāna Vatthu: Stories of Mansion, Peta Vatthu: Stories of the Departed* của Jean Kennedy và Henry S. Gehman, do Bà Rhys Davids biên tập và viết lời giới thiệu, PTS xuất bản năm 1942.

Tập *Chuyện Tiền thân đức Phật* (*Bổn sanh*) gồm 547 câu chuyện, được Robert Chalmers, W. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell dịch sang Anh ngữ và được E. B. Cowell biên tập thành 6 tập, do PTS xuất bản năm 1895.

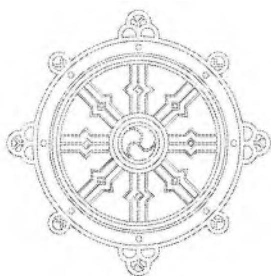
Điểm lưu ý khác, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan dựa vào nguyên tác Pāli của Hội PTS ấn hành, khá khớp với phiên bản CST, do đó, Ban Biên tập đã đánh số bản dịch Việt theo CST, đồng bộ với 4 bộ đã ấn hành để tiện việc tra cứu. Nhiều thi kệ trong

tập *Chuyện Tiền thân* của ấn bản trước bị tỉnh lược và dịch ra Việt văn bằng văn xuôi, Ban Biên tập thống nhất dịch đủ và đúng theo thể văn vần như trong nguyên tác vốn có, để giữ được tính thi ca trong văn học Pāli, đồng thời bổ sung thêm những câu, đoạn bị thiếu, hoặc đánh máy nhầm, sai sót.

(3) Vị thứ ba đóng vai trò khá quan trọng trong việc hoàn thiện Tam tạng Thánh điển Pāli này là Tỳ-khưu Indacanda. Với sự nhẫn nại, kiên trì và hoài bão đóng góp cho kho tàng Pháp bảo Phật giáo Việt Nam, Tỳ-khưu Indacanda đã và đang dịch các kinh, luật, luận, chú giải chưa được dịch sang tiếng Việt.[33] Đối với Kinh tạng của bộ *TTTĐPGVN* này, có 6 dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda được đưa vào: *Diễn giải* (*Đại diễn giải* và *Tiểu diễn giải*), *Phân tích đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng* và *Milinda vấn đạo.* Trong 6 bản dịch này, với tính đặc thù của nguyên tác Pāli Tích Lan, Ban Biên tập giữ nguyên theo cách chữ đậm, chữ nghiêng, đánh số bản dịch của dịch giả.

Nội dung khái lược của từng tập trong bộ này được giới thiệu trước mỗi tập trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam.*

Cẩn chí,
Mùa An cư PL. 2565 – DL. 2021
TT.TS. Thích Nhật Từ
(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



[33] Xem các bản dịch *Tam tạng Pāli-Việt* của Tỳ-khưu Indacanda (Sri Lanka: Buddhist Cultural Center), xuất bản từ năm 2007-2018, hoặc https://www.tamtangpaliviet.net/.

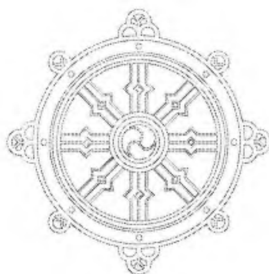
MỤC LỤC

THÁNH NHÂN KÝ SỰ

PHẬT SỬ

HẠNH TẠNG

MILINDA VẤN ĐẠO



THÁNH NHÂN KÝ SỰ
(*APADĀNA*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Apadānapāḷi là tựa đề của tập thứ 13 thuộc *Tiểu bộ* (*Khuddakanikāya*). Chúng tôi đề nghị tựa đề tiếng Việt là *Thánh nhân ký sự*. *Chú giải* của tập *Apadānapāḷi* có tên là *Visuddhajanavilāsinī*, nhưng các chi tiết liên quan đến vị Chú giải sư không được tìm thấy.

Apadānapāḷi gồm có bốn phần:

Buddhāpadāna (liên quan đến Phật Toàn Giác)

Paccekabuddhāpadāna (liên quan đến Phật Độc Giác)

Therāpadāna (559 câu chuyện về các vị Trưởng lão)

Therīapadāna (40 câu chuyện về các vị Trưởng lão Ni)

Phần thứ nhất *Buddhāpadāna* đề cập đến câu chuyện của tiền thân đức Bồ-tát khi Ngài là đấng Chuyển Luân Vương Tilokavijaya (*ApA*. 109). Vị này đã dùng năng lực của tâm tạo nên tòa lâu đài bằng châu báu và đã cúng dường đến vô số chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác và chư vị Thinh văn đệ tử bằng tác ý. Điểm đáng chú ý ở đây là tất cả các chi tiết ở cuộc lễ cúng dường này chỉ là những diễn tiến trong tâm thức của vị Chuyển Luân Vương Tilokavijaya, và không nên hiểu rằng đã có diễn ra một cuộc hội họp của các vị đã chứng quả giác ngộ trong hai thời quá khứ và hiện tại, tức là chư Phật gồm ba hạng: Toàn Giác, Độc Giác và Thinh văn (câu kệ 22 và 52). Hơn nữa, chính đức Phật Gotama thời hiện tại của chúng ta cũng đã xác nhận rằng quả báo của sự cúng dường ở trong tâm này đã giúp cho tiền thân của Ngài được sanh về cõi trời Đạo-lợi (câu kệ 53).

Trái lại, phần thứ nhì *Paccekabuddhāpadāna* không đề cập đến các hành động quá khứ đã có liên quan đến sự giải thoát trong thời hiện tại của chư Phật Độc Giác theo như chủ đề chính của bộ kinh, mà là "những kệ ngôn cao thượng đã được chư Phật Độc Giác là các đấng Chiến Thắng nói lên, những kệ ngôn ấy đã được đấng Sư Tử dòng Sakya, bậc Tối Thượng Nhân giảng giải vì mục đích của việc nhận thức giáo pháp" (câu kệ 138). Những lời kệ này của chư Phật Độc Giác còn được tìm thấy ở phẩm I, phần 3, *Suttanipāta* (*Kinh tập*), là tập kinh thứ 5 thuộc *Khuddakanikāya*. Điều cần lưu ý ở đây là do nhân duyên lời thỉnh cầu của Ngài Ānanda mà đức Phật Gotama đã thuyết giảng hai phần *Buddhāpadāna* và *Paccekabuddhāpadāna* này.

Hai phần cuối, *Therāpadāna* gồm có 559 câu chuyện về các vị Trưởng lão được chia làm 56 phẩm (*vagga*), và *Therīapadāna* (*Trưởng lão Ni ký sự*) gồm có 40 câu chuyện về các vị Trưởng lão Ni được chia làm 4 phẩm. Các câu chuyện này đề cập đến những hành động đã được tiền thân của các vị này thực hiện trong thời quá khứ. Đối tượng của các việc phước thiện này có tính chất đa dạng, có thể là các vị Phật Toàn Giác, Độc Giác hoặc Thinh văn. Thậm chí việc lễ bái cúng dường các vật có liên quan đến các Ngài như là cội Bồ-đề, ngôi bảo tháp, tấm y ca-sa, và ngay cả dấu chân đã được đức Phật để lại trên nền đất, v.v... cũng đã làm sanh khởi niềm tin đưa đến việc hành thiện của tiền thân các vị này, cuối cùng đem lại sự thành tựu Niết-bàn cho các vị trong kiếp sống cuối cùng. Một số tiền thân có sự phát nguyện thành tựu vị thế tối thắng và đã nhận được chú nguyện thành tựu của các vị Phật đương thời. Thêm vào đó, các ký sự này còn đề cập đến việc thành tựu về phước báu nhân thiên và các sự thành công trong các kiếp sống kế tiếp trước khi gặp được đức Phật Gotama, rồi việc xuất gia trở thành Tỳ-khưu hay Tỳ-khưu-ni, sau đó thành tựu quả vị Thinh văn A-la-hán, chứng đắc các pháp thù thắng là bốn (tuệ) phân tích, tám giải thoát, sáu thắng trí và Niết-bàn. Các chi tiết được trình bày ở mỗi ký sự đã được chư Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni đích thân thuật lại, dài ngắn cũng không chừng đỗi, đôi lúc có xen lẫn một vài dòng kệ chú thích của người sưu tập, câu chuyện ngắn nhất chỉ có vài ba câu kệ (*gāthā*), câu chuyện dài nhất có hơn hai trăm câu kệ (400 dòng).

Xét rằng 139 câu kệ của hai phần đầu tức là *Buddhāpadāna* và *Paccekabuddhāpadāna* chỉ là một phần rất khiêm tốn so với gần 7.800 câu kệ của toàn thể bộ kinh này, cho nên có thể nói rằng chủ đề chính của bộ kinh hướng đến các vị Thánh Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni. Đặc biệt, đối với những vị Thinh văn có được sự thành tựu về các vị thế tối thắng vào thời đức Phật Gotama, thì tiền thân của các vị này trong quá khứ cũng đã có sự phát khởi ước muốn thành tựu vị thế ấy, cũng có làm việc phước thiện thù thắng và cũng được chú nguyện bởi vị Phật của thời kỳ ấy. Có giả thuyết cho rằng hai phần đầu *Buddhāpadāna* và *Paccekabuddhāpadāna* đã được thêm vào nhằm để khẳng định rằng con đường giải thoát gồm có ba hạng: Toàn Giác, Độc Giác và Thinh văn. Dầu hạnh nguyện và sự thực hành của ba hạng Phật là không đồng đẳng cấp, nhưng cứu cánh giải thoát đều giống nhau là sự đoạn tận các lậu hoặc, chấm dứt các khổ đau và Niết-bàn.

Có thể đưa ra nhận xét rằng bộ *Apadāna* chủ yếu nói về vai trò của nghiệp (*kamma*) trong quá trình luân hồi (*saṃsāra*), về sự gặt hái kết quả (*phala*) của hành động đã làm trong các kiếp quá khứ (*pubbakamma*). *Apadāna* không chỉ nêu lên các thiện nghiệp có quả thành tựu tốt đẹp mà còn có nhắc đến một số ác nghiệp đưa đến kết quả xấu xa. Ví dụ như ký sự của Trưởng lão Upāli (*Upālittherāpadāna*) kể lại câu chuyện tiền thân của vị này đã thực hiện hành động cung kính đến đức Phật Padumuttara và đã ước

nguyện trở thành vị Tỳ-khưu đứng đầu về Luật. Tuy nhiên, vào kiếp sanh làm vị Hoàng tử tên Candana, do việc đã dùng voi khuấy rối đến một vị Phật đang đi khất thực, cho nên trong kiếp cuối cùng dẫu bị sanh làm người thợ cạo thuộc dòng dõi thấp kém nhưng vị Trưởng lão Upāli này vẫn trở thành vị Tỳ-khưu đứng đầu về Luật trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

Điểm đặc biệt là các việc quét dọn, xây dựng viền rào, cúng dường đến cội cây Bồ-đề, hay là các hành động xây dựng và quét vôi bảo tháp, dâng hoa đến bảo tháp, cúng dường Xá-lợi cũng là nhân tố cho những thành tựu phước báu lớn lao và còn đưa đến thành tựu quả vị A-la-hán trong thời đức Phật nữa. Nói đến Xá-lợi, điểm đáng lưu ý là ngay cả đức Phật cũng tỏ lòng tôn trọng đến Xá-lợi của các vị Thinh văn. Ký sự 50 về Trưởng lão Cunda mô tả đức Thế Tôn đã nhận lấy Xá-lợi của vị Trưởng lão Sāriputta bằng hai tay, và trong khi phô bày Xá-lợi ấy đã tán dương vị Thinh văn đệ nhất này. Tương tợ như thế, Ngài cũng đã nâng Xá-lợi của vị Trưởng lão Ni Mahāpajāpati Gotamī bằng hai tay khi nhắc đến công hạnh của bà. Và nhiều ký sự nói về các vị Thinh văn được giải thoát Niết-bàn do công hạnh cúng dường Xá-lợi trong quá khứ. Thêm vào đó, việc cúng dường thực phẩm và các vật dụng cần thiết đến đức Phật và hội chúng Tỳ-khưu là có được thành quả lớn lao cũng được khẳng định qua nhiều ký sự ở bộ kinh này.

Đặc biệt, có phần ký sự tên *Pubbakammapilotiapadāna* đề cập đến các nghiệp xấu do tiền thân đức Phật Gotama đã tạo nên trong 12 kiếp sống quá khứ. Các nghiệp này đã trổ quả vào lúc Ngài đã thành tựu quả vị Phật Toàn Giác. Ví dụ như việc nữ du sĩ ngoại đạo Sundarikā đã vu cáo Ngài trong thời hiện tại là do tiền thân của Ngài, lúc sanh làm kẻ vô lại Munāḷī, đã vu cáo đức Phật Độc Giác Sarabhu, và vào một kiếp khác đã bôi nhọ vị ẩn sĩ Bhīma có năm thắng trí, có đại thần lực là người vẫn còn đắm say dục lạc; về việc nàng Ciñcamānavikā vu cáo sự liên hệ thân mật giữa nàng và đức Phật do nhân của hành động vu cáo vị Thinh văn tên Nanda của đức Phật Sabbābhibhū; về việc voi Nālāgirī chạy đến Ngài với ý muốn hãm hại do việc tiền thân đã cỡi voi công kích một vị Phật Độc Giác đang đi khất thực. Và về các chứng khó chịu ở thân cũng do tác động của nghiệp quá khứ ví dụ như chứng nhức đầu do đã có tâm hoan hỷ khi trông thấy các con cá bị giết chết; về chứng đau lưng do đã đánh gục đối thủ trong một cuộc giao đấu; về bệnh tiêu chảy do trong thời quá khứ làm một vị thầy thuốc đã cố ý cho thuốc xổ đến con trai nhà triệu phú, v.v... Có điều thắc mắc là các ký sự *Pubbakammapilotika* này có liên quan đến đức Phật, nhưng tại sao lại không được xếp vào *Buddhāpadāna*, mà lại được sắp vào phần của các vị Thinh văn *Therāpadāna*?

Một điều khác cũng đã được ghi nhận như sau: Trong các tập thuộc *Tiểu bộ* (*Khuddakanikāya*), chủ đề về nghiệp đã được trình bày theo các sự sắp xếp khác nhau:

– *Jātaka* (*Bổn sanh*), *Buddhavaṃsa* (*Phật sử*), *Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*) nói về các tiền thân của đức Phật Gotama.

– *Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*) liên quan đến các vị Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni.

– *Vimānavatthu* (*Chuyện Thiên cung*) và *Petavatthu* (*Chuyện Ngạ quỷ*) thì đề cập đến nghiệp quả của nhiều hạng người.

Về hình thức, bộ *Apadāna* được viết theo thể kệ thơ (*gāthā*), mỗi câu kệ gồm có bốn *pāda* được trình bày thành hai dòng. Đa số các câu kệ của tập kinh này làm theo thể thông thường gồm có tám âm cho mỗi *pāda*. Chúng tôi chủ trương ghi lại lời dịch Việt theo lối văn xuôi hầu ý nghĩa chuyển dịch được phần trọn vẹn. Đôi chỗ hai câu kệ được dịch chung thành một đoạn dựa theo tính chất hoàn chỉnh về văn phạm hoặc về ý nghĩa của chúng.

Về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, có một số điều cần lưu ý như sau: Mặc dầu toàn bộ văn bản là các lời tự thuật, tuy nhiên chúng tôi chỉ trình bày ở dạng chữ nghiêng cho những đoạn có tính chất đối thoại trực tiếp hoặc những điều ước nguyện, suy nghĩ. Về từ xưng hô của hàng đệ tử đối với đức Phật, chúng tôi sử dụng từ "con" ở ngôi thứ nhất cho những trường hợp trực tiếp, và "tôi" cho những trường hợp xét rằng người nghe là các đối tượng khác. Về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại lời tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mấu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu Pāḷi thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này. Việc làm này của chúng tôi không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu cổ ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Ngày 01 tháng 6 năm 2008

Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)

PHẦN THỨ NHẤT
(*PAṬHAMO BHĀGO*)

I. PHẨM ĐỨC PHẬT
(*BUDDHAVAGGO*)

A. PHẬT TOÀN GIÁC KÝ SỰ
(*BUDDHĀPADĀNAṂ*)

1. Trong khi đức Như Lai ngự tại Jetavana, bậc Hiền trí xứ Videha[1] đã cúi mình hỏi Ngài rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, nghe nói có các vị được gọi là đức Phật Toàn Tri, các vị ấy được thành tựu là do các nguyên nhân nào?"

2. Khi ấy, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Toàn Tri Cao Quý đã nói với vị Hiền nhân Ānanda bằng âm điệu ngọt ngào rằng: "Những vị nào có hành động hướng thượng đã được thực hiện đến chư Phật quá khứ, [nhưng] có sự giải thoát chưa được thành đạt trong các giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

3. Chính nhờ vào yếu tố đầu tiên ấy đối với phẩm vị Giác ngộ, đồng thời nhờ vào sự quyết định, nhờ vào năng lực lớn lao và nhờ vào quyền lực của tuệ, những vị sáng suốt có trí tuệ vô cùng sắc bén thành tựu phẩm vị Toàn tri.

4. Các đấng Pháp Vương là không thể đếm được. Ta cũng đã phát nguyện về bản thể giác ngộ ở nơi các vị Phật quá khứ, và đã được thành tựu dầu chỉ bằng tâm ý.

5. Giờ đây, các ngươi với tâm ý thanh tịnh hãy lắng nghe các ký sự về chư Phật Toàn Giác: Các đấng Pháp Vương đã được tròn đủ ba mươi pháp toàn hảo là không thể đếm được.[2]

6. Ta đã cung kính chắp mười ngón tay lại đê đầu đảnh lễ phẩm vị Toàn giác của chư Phật Tối Thượng, [đảnh lễ] các đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với các hội chúng [Thinh văn].[3]

7. Cho đến các châu báu vô số kể được tìm thấy ở trên bầu trời và ở dưới

---

[1] Đây chính là Ngài Ānanda. *Chú giải* của *Apadāna* giải thích *vedehamuni* là vị Hiền trí, con trai của một người phụ nữ sanh ra ở xứ sở Vedeha (*ApA.* 128).

[2] Đức Phật Gotama kể về thời kỳ Bồ-tát là vị Chuyển Luân Vương Tilokavijaya (*ApA.* 103).

[3] *Sasaṅghe sāvakasaṅghasahite* (*Sđd.* 103).

mặt đất tại các địa phận của chư Phật [trong mười ngàn thế giới],[4] Ta đã mang lại toàn bộ [châu báu ấy] bằng tâm [chú nguyện].

8. Tại nơi ấy ở trên mặt đất bằng bạc, Ta đã hóa hiện ra tòa lâu đài làm bằng châu báu, có nhiều tầng lầu, có chiều cao vươn tận không trung.

9. [Tòa lâu đài] có trụ cột được tô điểm, khéo được thực hiện, khéo được phân bố, có giá trị lớn lao, có chỗ nối liền làm bằng vàng, được tô điểm bằng các cổng chào và các lọng che.

10. Tầng thứ nhất bằng ngọc bích xinh đẹp tương tợ bầu trời không chút bợn nhơ. Ở tầng lầu bằng vàng cao quý có hồ sen với những đóa hoa sen chen chúc.

11. Có tầng lầu làm bằng san hô với màu sắc của san hô, có tầng lầu màu đỏ xinh đẹp, có tầng lầu với ánh sáng màu cánh kiến đang chiếu sáng các phương.

12. Có tiền sảnh khéo được phân bố, có các tháp nhọn, có các cửa ra vào hình sư tử, có bốn viền rào làm thích ý với những mạng lưới vòng hoa có hương thơm.

13. Có các nhà mái nhọn cao quý màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng và màu đen thuần khiết được điểm tô bằng bảy loại châu báu.

14. Có mặt tiền ở phần trên được rạng rỡ với các đóa hoa sen cùng với [hình ảnh] các loài thú dữ và chim muông, được trải ra với các chòm tinh tú và các vì sao, được điểm tô với mặt trăng và mặt trời.

15. [Các tầng lầu] được che phủ bởi màn lưới bằng vàng có các chuông lục lạc bằng vàng. Các tràng hoa bằng vàng quyến rũ vang lên âm thanh nhờ vào sức đẩy của làn gió.

16. Có dãy cờ hiệu khéo nhuộm với các màu khác nhau là màu đỏ tía, màu đỏ, màu vàng, màu hồng được dựng lên.

17. Được tô điểm với nhiều kiểu giường được lót trải bằng các tấm vải mịn màng của xứ Kasi, có đến hàng trăm chiếc giường làm bằng ngọc pha lê, bằng bạc, bằng ngọc ma-ni, bằng hồng ngọc và bằng đá quý tương tợ như thế.

18. Có những tấm mền lông thú màu vàng úa được làm ở các xứ Dukūla, xứ Trung Hoa và xứ Pattuṇṇa. Bằng tâm ý, Ta đã sắp xếp tất cả [các chiếc giường] với các tấm trải đủ các loại.

19. Ở khắp các tầng lầu, có những người đứng nghiêm cầm các ngọn đuốc làm bằng ngọc ma-ni đỏ được điểm tô bằng châu báu ở chóp nhọn.

20. Những cột trụ dựng đứng [ở cổng], những cổng chào xinh đẹp làm bằng vàng [được khai thác từ sông] Jambu, làm bằng lõi gỗ [cây khira], và còn làm bằng bạc nữa, [tất cả đều] chói sáng.

21. Có nhiều gian tiếp giáp được khéo phân bố, được tô điểm với những cánh cửa và chốt khóa. Cả hai phía [của tòa lâu đài] đều có nhiều chậu chứa đầy những đóa sen đỏ và sen xanh.

---

[4] *Yāvatā buddhakhettesūti dasasahassacakkavāḷesu buddhakhettesu* (*Sdd.* 104).

22. Ta đã hóa hiện ra tất cả chư Phật thời quá khứ là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng hội chúng, với các vị Thinh văn trong dáng vóc tự nhiên.

23. Chư Phật cùng các vị Thinh văn sau khi đi vào bằng cánh cửa ấy đã ngồi xuống ở ghế ngồi toàn bộ đều làm bằng vàng, [hình thành] đoàn thể các bậc Thánh nhân.

24. Và có những vị trong lúc này là các vị Phật vô thượng ở thế gian. [Chư Phật] quá khứ và hiện tại, tất cả các vị đã bước lên tòa lâu đài.

25. Hàng trăm vị Phật Độc Giác, các đấng Tự Chủ, là các bậc không bị khuất phục trong quá khứ và hiện tại, tất cả các vị đã bước lên tòa lâu đài.

26. Có nhiều cây Như Ý thuộc cõi trời và thuộc loài người, [từ các cây ấy] Ta đã mang lại toàn bộ vải vóc và đã khoác ba lá y lên [các vị ấy].

27. Ta đã chứa đầy các bình bát xinh đẹp làm bằng ngọc ma-ni với các vật thực cứng mềm đáng được thưởng thức, có đầy đủ nước uống và thức ăn, rồi đã dâng cúng [đến các vị ấy].

28-29. Tất cả các vị ấy, đoàn thể các bậc Thánh nhân, đều đồng đẳng về thiên nhãn [và] gắn bó với tấm y thanh bạch. Được toại ý với vật thực tối thắng [của Ta] gồm có mật ong, đường thô, luôn cả dầu ăn và mật mía, [các vị] đã đi vào gian phòng làm bằng châu báu tợ như những con sư tử cư ngụ ở hang động.

30. Các vị đã nằm xuống với tư thế của loài sư tử ở chiếc giường vô cùng giá trị, có sự tỉnh thức, rồi ngồi dậy và đã xếp vào tư thế kiết-già ở trên chiếc giường, thể nhập vào sự thỏa thích trong thiền là hành xứ của tất cả chư Phật.

31. Một số vị khác thuyết giảng giáo pháp, một số vị khác tiêu khiển bằng thần thông, một số vị khác đã phát triển được năng lực của các thắng trí thì hướng tâm vào các thắng trí, hàng ngàn vị khác thể hiện các sự biến hóa về thần thông.

32. Chư Phật cũng chất vấn chư Phật về chủ đề liên quan đến cảnh giới của các đấng Toàn Tri. Nhờ vào tuệ, các vị giác ngộ rốt ráo về sự việc một cách sâu sắc và hoàn hảo.

33. Các vị Thinh văn chất vấn chư Phật, chư Phật chất vấn các vị Thinh văn. Các vị ấy chất vấn lẫn nhau và trả lời cho nhau.

34. Chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thinh văn và tín chúng, các vị ấy vui thích ở tòa lâu đài tùy theo sự thỏa thích của bản thân như vầy:

35. 'Nguyện cho những chiếc lọng che bằng châu báu với những chuỗi vòng hoa bằng vàng và những mạng lưới ngọc trai viền quanh được tồn tại, nguyện cho tất cả hãy duy trì ở trên đỉnh đầu [của tôi].'

36. 'Nguyện cho những mái che bằng vải được tô điểm với những ngôi sao bằng vàng [và] những mái che được tô điểm với những tràng hoa hãy xuất hiện, nguyện cho tất cả hãy duy trì ở trên đỉnh đầu [của tôi].'

37. [Tòa lâu đài có hồ nước] được trải dài với những vòng hoa và chuỗi

bông, được rạng rỡ với những chuỗi bông hoa thơm ngát, được viền quanh bằng những chuỗi vải vóc, được tô điểm bằng những chuỗi châu báu.

38. [Hồ nước] được tô điểm với các đóa hoa chen chúc, được tỏa lên mùi hương thơm ngào ngạt, được thể hiện bởi năm loại hương thơm tổng hợp lại, được phủ lên bằng tấm che bằng vàng.

39. 'Nguyện cho bốn phía của hồ nước hãy biểu hiện màu sắc vàng chói với những sen hồng sen xanh được phơi bày, với các bụi phấn của hoa sen được tỏa ra.'

40. 'Nguyện cho tất cả cây cối ở xung quanh tòa lâu đài hãy trổ hoa.' Và các bông hoa đã tự mình phóng thích, đi đến và rải rắc ở tòa lâu đài.

41. 'Nguyện cho các con chim công ở tại nơi ấy hãy nhảy múa, các con thiên nga hãy líu lo, các con chim Ca-lăng-tần-già và các bầy chim ở xung quanh hãy cất tiếng hót.'

42. 'Nguyện cho tất cả các chiếc trống hãy vang lên, tất cả các cây đàn vīṇā ấy hãy tấu nhạc. Nguyện cho tất cả các cuộc trì tụng [được] tiến hành ở xung quanh của tòa lâu đài.'

43-44. 'Nguyện cho những chiếc ghế bành bằng vàng khổng lồ, hội đủ hào quang, không bị hỏng hóc, làm bằng châu báu hãy tồn tại từ thế giới này đến thế giới khác cho đến địa phận của chư Phật. Nguyện cho những cây đèn ấy hãy chói sáng. Nguyện cho hệ thống mười ngàn [thế giới] hãy trở thành [sáng chói như là] một ngọn đèn.'

45. 'Nguyện cho các kiều nữ luôn cả các vũ công, các toán mỹ nhân hãy nhảy múa. Nguyện cho các màn trình diễn đa dạng hãy được phô diễn ở xung quanh của tòa lâu đài.'

46. [Khi ấy] Ta dựng lên ngọn cờ hiệu ở ngọn cây, ở chóp núi, ở đỉnh ngọn núi Sineru, tất cả [các ngọn cờ] đều được tô điểm, có năm màu.

47. 'Nguyện cho loài người, loài rồng, càn-thát-bà và tất cả chư thiên ấy hãy đi đến.' Các vị đã đến quây quần xung quanh tòa lâu đài, chắp tay lễ bái.

48. 'Bất cứ thiện nghiệp nào là việc cần phải thực hiện để sanh lên cõi trời đều đã được tôi thực hiện tốt đẹp bằng thân, bằng lời nói, bằng ý.

49. Có những chúng sanh là hữu tưởng và có những chúng sanh là vô tưởng, nguyện cho tất cả các vị ấy đều được hưởng phần chia sẻ quả báo phước thiện đã được thực hiện của tôi.

50. Quả báo phước thiện của tôi đã được thực hiện, đã được biết chắc chắn, đã được ban phát đến những vị ấy, còn những vị nào chưa biết về điều ấy thì chư thiên đã đi đến và thông báo.

51. Các chúng sanh nào [sống] nhờ vào vật thực ngụ ở tất cả các thế giới, do oai lực của tôi nguyện cho tất cả đều thọ lãnh vật thực hợp ý.'

52. Vật cúng dường đã được Ta cúng dường bằng tâm ý, Ta đã làm hóa hiện

ra tòa lâu đài bằng tâm ý. Tất cả chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thinh văn của các đấng Chiến Thắng đã được cúng dường.

53. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, Ta đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

54. Ta nhận biết hai cõi tái sanh, ở bản thể thiên nhân và loài người, Ta không biết đến cảnh giới khác; điều này là quả báo của ước nguyện bằng tâm ý.

55. [Nếu sanh ra ở cõi trời] Ta vượt trội chư thiên; [nếu sanh làm người] Ta là vị thống lãnh nhân loại, Ta được hội đủ tướng mạo về sắc thân, trong cõi hữu không ai sánh bằng [Ta] về trí tuệ.

56. Vật thực tối thượng đủ các loại và châu báu không phải là ít ỏi, [cùng với] vô số các loại vải từ trên không tức thời hiện đến cho Ta.

57. Ở đất liền, luôn cả ở ngọn núi, ở trên hư không, ở trong nước, ở trong rừng, mỗi khi Ta vươn tay ra thì các thức ăn của cõi trời hiện đến cho Ta.

58. Ở đất liền,… (nt)… Ta vươn tay ra thì mọi châu báu hiện đến cho Ta.

59. Ở đất liền,… (nt)… Ta vươn tay ra thì mọi vật thơm hiện đến cho Ta.

60. Ở đất liền,… (nt)… Ta vươn tay ra thì mọi xe, thuyền hiện đến cho Ta.

61. Ở đất liền,… (nt)… Ta vươn tay ra thì mọi tràng hoa hiện đến cho Ta.

62. Ở đất liền,… (nt)… Ta vươn tay ra thì đồ trang sức hiện đến cho Ta.

63. Ở đất liền,… (nt)… Ta vươn tay ra thì tất cả thiếu nữ hiện đến cho Ta.

64. Ở đất liền,… (nt)… Ta vươn tay ra thì mật và đường hiện đến cho Ta.

65. Ở đất liền,… (nt)… Ta vươn tay ra thì mọi vật thực hiện đến cho Ta.

66. Nhằm đạt được phẩm vị Toàn giác cao quý, Ta [đã] bố thí tặng phẩm quý giá đến những kẻ không có tài sản, những người lữ khách, những kẻ ăn xin và những người bộ hành.

67. Ta trở thành đức Phật ở trên đời khiến cho ngọn núi gào thét, khiến cho tảng đá gầm lên tiếng vang ầm ĩ, khiến cho thế gian luôn cả chư thiên vui cười.

68. Mười phương ở thế giới vũ trụ đối với người đang du hành là không có điểm tận cùng. Và ở mỗi phương [thế giới] ấy, các địa phận của chư Phật là không thể đếm được.

69. [Khi là đấng Chuyển Luân Vương] Ta có hào quang được nổi danh với [hình thức] tia ánh sáng di chuyển thành từng đôi. Mạng lưới hào quang đã là ánh sáng vĩ đại hiện hữu ở khoảng giữa mười ngàn thế giới.

70. 'Nguyện cho tất cả mọi người ở chừng ấy thế giới đều nhìn thấy Ta. Nguyện cho tất cả đều có tâm ý vui mừng và tất cả đều tiến bước theo Ta. [Nguyện cho tất cả đều tiến bước theo Ta đến tận chỗ ngụ của đấng Phạm thiên].'[5]

71. Ta đã vỗ vào chiếc trống bất tử với tiếng vang ngọt ngào được phát ra.[6]

---

[5] Câu 1 và 2 được thấy ở tạng Thái Lan và PTS. Câu 1 và 3 được thấy ở tạng Miến Điện. (ND)

[6] Ta đã thuyết giảng giáo pháp bất tử với âm thanh vi diệu được phát ra. (ND)

'Nguyện cho tất cả mọi người ở khoảng giữa mười ngàn thế giới hãy lắng nghe âm thanh ngọt ngào.

72. Trong khi đám mây giáo pháp đang đổ mưa, nguyện cho tất cả không còn lậu hoặc.[7] Những chúng sanh nào là hạng thấp kém ở nơi đây, nguyện cho những người ấy được là bậc Nhập lưu.'

73. Sau khi bố thí những gì cần được bố thí, sau khi làm viên mãn giới hạnh không thiếu sót, sau khi đi đến sự toàn hảo về pháp xuất ly, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.

74. Sau khi đã vấn hỏi các bậc trí tuệ, sau khi đã thể hiện sự tinh tấn tối thượng, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về pháp nhẫn nại, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.

75. Sau khi đã thực hành pháp quyết định một cách bền vững, sau khi đã làm tròn đủ sự toàn hảo về pháp chân thật, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về pháp từ ái, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.

76. Sau khi đã là bình đẳng trong mọi trường hợp đối với lợi lộc và không lợi lộc, đối với an lạc và khổ đau, đối với sự kính trọng và chê bai, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.

77. Sau khi thấy được sự biếng nhác là nguy hiểm và thậm chí [thấy được] sự tinh tấn là an toàn, các ngươi hãy có sự nỗ lực tinh tấn; điều này là lời giáo huấn của chư Phật.

78. Sau khi thấy được sự tranh cãi là nguy hiểm và sự không tranh cãi là an toàn, các ngươi hãy có sự hợp nhất, thân thiện; điều này là lời giáo huấn của chư Phật.

79. Sau khi thấy được sự xao lãng là nguy hiểm và sự không xao lãng là an toàn, các ngươi hãy tu tập đạo lộ có tám chi phần; điều này là lời giáo huấn của chư Phật.

80. Tất cả chư Phật và các bậc A-la-hán đã tụ hội lại. Các ngươi hãy tôn kính đảnh lễ chư Phật Toàn Giác và các bậc A-la-hán."

81. Như vậy, chư Phật là không thể nghĩ bàn. Giáo pháp của chư Phật là không thể nghĩ bàn. Đối với những ai tịnh tín vào những điều không thể nghĩ bàn, quả thành tựu cho những người ấy là không thể nghĩ bàn.

Trong khi trình bày về phẩm hạnh Phật của bản thân, đức Thế Tôn đã nói về bản thể của giáo pháp tên là Buddhāpadāniyaṃ như thế ấy.

"Ký sự về Phật Toàn Giác" được đầy đủ.

[7] *Chú giải* ghi rằng: "*Sabbe bhikkhubhikkhunī-ādayo*" nghĩa là "tất cả là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni", v.v... (*Sđd.*).

B. PHẬT ĐỘC GIÁC KÝ SỰ
(*PACCEKABUDDHĀPADĀNAṂ*)

Giờ xin thỉnh các vị hãy lắng nghe ký sự về Phật Độc Giác:

82. Trong khi đức Như Lai ngự tại Jetavana, bậc Hiền trí xứ Videha đã cúi mình hỏi Ngài rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, nghe nói có các vị được gọi là đức Phật Độc Giác, các vị ấy được thành tựu là do các nguyên nhân nào?"

83. Khi ấy, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Toàn Tri Cao Quý đã nói với vị Hiền nhân Ānanda bằng âm điệu ngọt ngào rằng: "Những vị nào có hành động hướng thượng đã được thể hiện đến chư Phật quá khứ, [nhưng] có sự giải thoát chưa được thành đạt trong [thời kỳ] giáo pháp của các đấng Chiến Thắng.

84. Chính nhờ vào yếu tố đầu tiên ấy về sự chấn động của tâm, các vị sáng suốt có trí tuệ vô cùng sắc bén vẫn thành tựu phẩm vị Độc Giác chỉ nhờ vào đối tượng nhỏ nhoi, mặc dầu [ở vào thời kỳ] không có các vị Phật [Toàn Giác].

85. Trong toàn bộ thế gian, ngoại trừ Ta không có ai sánh bằng các vị Phật Độc Giác. Hạnh này của các bậc Đại Hiền Trí ấy.

86. Là những người đang mong mỏi phương thuốc vô thượng [Niết-bàn], tất cả các ngươi, với tâm khéo tín thành, hãy lắng nghe những lời nói tốt đẹp như là viên mật về các bậc Đại Ẩn Sĩ đã được tự chính mình giác ngộ.

87. [Hãy lắng nghe] những lời thuật lại theo tuần tự của các vị Phật Độc Giác đã tụ hội lại,[8] và [hãy lắng nghe] về sự tai hại và nền tảng của sự xa lìa tham ái, theo đó các vị đã thành tựu quả vị Giác ngộ.

88. Với sự nghĩ tưởng về ly tham ái đối với các sự việc có tham ái, với chướng ngại [toàn bộ phiền não] và chiến thắng các loạn tưởng [sáu mươi hai tà kiến], theo đúng như thế các vị đã thành tựu quả vị Giác ngộ."

89. Buông bỏ sự trừng phạt đối với tất cả chúng sanh và không hãm hại bất cứ ai trong số họ, với tâm từ ái người có sự thương tưởng đến điều lợi ích hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].[9]

90. Buông bỏ sự trừng phạt đối với tất cả chúng sanh và không hãm hại bất cứ ai trong số họ, không nên mong mỏi về con trai, sao lại [mong mỏi] về bạn bè? Hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

---

[8] *Chú giải* nêu tên một số các vị Độc Giác Phật như là: Ariṭṭha, Upariṭṭha, Tagarasikhi, Yasassī, Sudassana, Piyadassī,... Sumaṅgala, Dibbila, v.v... (*ApA*. 129).

[9] *Yathā khaggassa nāma visāṇaṃ ekameva hoti adutiyaṃ, evameva so paccekasambuddho takkappo tassadiso tappaṭibhāgo* (*ApA*. 133).

91. Các sự ái luyến hiện diện ở người có sự thân cận đã được tạo nên, theo sau sự ái luyến là khổ đau này được thành lập. Trong khi xem xét thấy điều tai hại sanh lên từ sự ái luyến, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

92. Trong khi thương tưởng đến bạn bè thân hữu, [thời] xao lãng mục đích, có tâm bị ràng buộc. Trong khi xem xét thấy mối nguy hiểm này ở sự giao du, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

93. Sự mong mỏi ở các con và những người vợ tương tợ như lùm tre rậm bị vướng víu. Trong khi không bị vướng víu như là mụt măng tre, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

94. Tương tợ như con nai ở trong rừng không bị trói buộc, đi đến nơi nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

95. Có sự mời gọi giữa bạn bè về chuyện nghỉ ngơi, về việc đứng gần, về sự ra đi, ở cuộc du hành, trong khi xem xét về sự tự do không được [kẻ khác] ham thích,[10] hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

96. Sự vui đùa thích thú ở giữa đám bạn bè và lòng thương yêu đối với con cái là bao la, trong khi chán ghét sự tách lìa khỏi những người yêu dấu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

97. Người không lòng bất bình trải khắp bốn phương, tự hài lòng với thứ này thứ nọ, chịu đựng mọi hiểm nghèo không lòng hoảng sợ, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

98. Ngay cả các vị đã xuất gia cũng khó đồng thuận, những kẻ tại gia sống dưới mái gia đình cũng vậy, đã là người ít bị bận tâm về con cái của kẻ khác, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

99. Hãy cởi bỏ hình tướng tại gia như loài cây koviḷāro có lá được rũ bỏ, là người anh hùng, sau khi cắt đứt mọi sự ràng buộc của gia đình, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

100. Nếu có thể đạt được bạn là kẻ đồng hành cẩn trọng, sáng suốt, sống ngay thẳng, sau khi khắc phục mọi hiểm nghèo hãy nên du hành với vị ấy, có sự hoan hỷ, có niệm.

101. Nếu không thể đạt được bạn là kẻ đồng hành cẩn trọng, sáng suốt, sống ngay thẳng, tương tợ như vị vua từ bỏ lãnh địa đã xâm chiếm được, hãy nên sống một mình như là con long tượng cư ngụ đơn độc ở trong khu rừng.

102. Quả vậy, chúng ta ca ngợi sự thành tựu bạn bè. Những bạn bè vượt trội [hoặc] tương đương là nên giao thiệp. [Nếu] những người này là không đạt được, [chỉ nên] thọ hưởng những gì không bị chê trách, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

103. Sau khi nhìn thấy những [vòng] vàng sáng chói khéo được hoàn thành bởi con trai người thợ kim hoàn, [chúng] đang va chạm vào nhau khi hai vòng

---

[10] "Sự tự do không được [kẻ khác] ham thích" là nói về sự xuất gia (*ApA*. 167).

ở trên cùng cánh tay, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

104. Tương tợ như thế, cùng với người thứ hai có thể xảy ra sự chuyện vãn bằng lời nói và sự quyến luyến sâu đậm cho tôi. Trong khi xem xét thấy mối nguy hiểm này trong tương lai, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

105. Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào, làm thích ý, chúng khuấy động tâm bằng nhiều hình thức ẩn hiện. Sau khi nhìn thấy điều tai hại ở trong các loại dục, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

106. Điều này là tai họa, là mụt nhọt, là bất hạnh, là tật bệnh, là mũi tên, và là sự nguy hiểm cho tôi. Sau khi nhìn thấy mối nguy hiểm này ở trong các loại dục, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

107. Lạnh, nóng, đói, khát, gió và sức nóng, muỗi mòng và rắn rết, sau khi đã khắc phục tất cả những điều này, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

108. Tợ như con voi có thân hình khổng lồ, có đốm hoa sen, cao thượng, đã lìa bỏ các bầy đàn, đang sống trong rừng theo như ý thích, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

109. Người ưa thích sự tụ hội có thể chạm đến sự giải thoát tạm thời[11] là điều không có cơ sở. Sau khi cân nhắc lời nói của đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

110. [Nghĩ rằng:] "Tôi đã vượt lên trên các sự trái khuấy của tà kiến, đã đạt đến quy luật, đã tiếp thâu đạo lộ, có trí đã được sanh khởi, không cần người khác dẫn dắt", hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

111. Không tham lam, không lừa gạt, không khao khát, không chê bai, có tật xấu và sự mê muội đã được loại trừ, không còn ước ao [tham vọng] về toàn thể thế giới, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

112. Nên lánh xa hẳn bạn bè ác xấu, kẻ không nhìn thấy mục đích đã dấn sâu vào sở hành sai trái. Không nên chính mình giao thiệp với kẻ bám víu [vào tà kiến] bị xao lãng. Hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

113. Nên cộng sự với vị nghe nhiều [học rộng], nắm giữ giáo pháp, là người bạn cao thượng, có biện tài. Sau khi nhận biết các mục đích, nên lìa bỏ điều nghi hoặc, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

114. Trong khi không chú trọng và không mong mỏi sự vui đùa, sự thích

---

[11] "*Sāmayikaṃ vimuttinti lokiyasamāpattiṃ*" (*ApA*. 182): "Sự giải thoát tạm thời là sự thể nhập hiệp thế" (các tầng thiền và ngũ thông - ND).

thú, và khoái lạc ngũ dục ở trên đời, đã lánh xa việc trang sức, có sự nói lời chân thật, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

115. Sau khi từ bỏ con và vợ, cha và mẹ, các tài sản và lúa gạo, các quyến thuộc và các dục đúng theo giới hạn [về năng lực của bản thân], hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

116. Điều này [ngũ dục] là sự ràng buộc, hạnh phúc ở đây là sự khoái lạc nhỏ nhoi, chính sự khổ đau ở đây là nhiều hơn. Người có trí, sau khi biết được điều này là móc câu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

117. Tợ như loài thủy tộc phá tan chiếc lưới ở trong nước, tợ như ngọn lửa không còn quay lại nơi đã bị đốt cháy, sau khi đã tự phá tan các sự ràng buộc, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

118. Có mắt nhìn xuống và không có sự buông thả ở bước chân đi, có các căn được hộ trì, có tâm ý được canh phòng, không bị ngập tràn [bởi dục vọng], trong khi không bị thiêu đốt [bởi phiền não], hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

119. Sau khi trút bỏ các biểu tượng gia chủ tương tợ như cây san hô có lá được rũ bỏ, sau khi đã ra đi, mặc y ca-sa, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

120. Sự tham đắm trong các vị nếm là việc không làm, không có sự buông thả, không có sự nuôi dưỡng kẻ khác, có sự đi khất thực theo tuần tự từng nhà, có tâm không quyến luyến ở các gia đình, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

121. Sau khi dứt bỏ năm pháp che lấp của tâm, sau khi xua đuổi hẳn tất cả các tùy phiền não, không bị lệ thuộc [tà kiến], sau khi cắt đứt ái luyến và sân hận, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

122. Sau khi đã bỏ lại sau lưng lạc và khổ cùng với hỷ và ưu ngay trước đây, sau khi đạt được xả [của tứ thiền], sự vắng lặng [của định ở tứ thiền], và sự thanh tịnh [của giải thoát], hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

123. Có sự nỗ lực tinh tấn để đạt đến chân lý tuyệt đối, có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác, có sự cố gắng bền bỉ, có được sức mạnh và năng lực, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

124. Trong khi không bỏ phế việc ẩn cư tham thiền, là người thường xuyên hành trì thuận pháp đối với các pháp,[12] là người nhận chân được sự tai hại trong các hữu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

[12] Theo *Chú giải*, có hai cách giải thích: "Thực hành pháp minh sát tùy thuận theo sự diễn biến của các pháp như là ngũ uẩn, v.v...", hoặc là "hành tuần tự theo chín pháp siêu thế là bốn Đạo, bốn Quả và Niết-bàn" (*ApA*. 196).

125. Trong khi ước nguyện sự đoạn diệt ái [Niết-bàn], không xao lãng, không ngây ngô khờ khạo, có sự nghe nhiều, có niệm, đã hiểu rõ giáo pháp, được quả quyết, có sự tinh tấn, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

126. Trong khi không kinh hãi tợ như con sư tử không kinh hãi đối với các tiếng động, trong khi không dính mắc tợ như làn gió không bị dính mắc ở tấm lưới, trong khi không vấy bẩn tợ như đóa sen không bị vấy bẩn bởi nước, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

127. Tợ như con sư tử có sức mạnh của các răng nanh, là vua của các loài thú, có cuộc sống khuất phục và chế ngự [các con thú], hãy nên lai vãng các trú xứ xa vắng, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

128. Vào thời điểm đang rèn luyện từ, bi, hỷ, xả và giải thoát, trong khi không bị chống đối bởi toàn bộ thế gian, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

129. Trong khi từ bỏ tham ái, sân hận và si mê, trong khi tự phá tan các sự ràng buộc, trong khi không kinh hãi về sự đoạn tận mạng sống, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

130. Người ta cộng sự và phục vụ có động cơ và chủ đích [lợi lộc], ngày nay những người bạn không có động cơ [lợi lộc] là khó đạt được, những người [chỉ] biết đến lợi ích của chính mình là những người không trong sạch, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

131. "Những vị có giới thanh tịnh, có tuệ hoàn toàn thanh tịnh, định tĩnh, gắn bó với sự tỉnh thức, là người hành pháp minh sát, có sự thấy biết đặc biệt về các pháp, nhận biết rõ ràng về các chi phần của đạo và các yếu tố đưa đến giác ngộ.[13]

132. Sau khi rèn luyện không tánh [giải thoát], vô nguyện [giải thoát], và vô tướng [giải thoát] trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những bậc trí tuệ nào không tiến đến bản thể Thinh văn [sẽ] trở thành các đấng Tự Chủ, các bậc Chiến Thắng đơn độc.

133. Là những vị có các yếu tố cao thượng, có sự tập hợp của nhiều bản chất tự nhiên, cai quản được các tâm, đã vượt qua dòng lũ của tất cả khổ đau, có tâm phấn chấn, có sự thấy biết chân lý tuyệt đối, tương đương loài sư tử, tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

134. Có các giác quan an tịnh, có tâm ý an tịnh, có định, có sự hành xử trí tuệ thâm sâu của tự thân, là những ngọn đèn đang soi sáng mục đích cho các kẻ khác ở thế giới này, những vị Phật Độc Giác này được quý trọng vào mọi thời điểm.

135. Có tất cả các pháp ngăn che đã được dứt bỏ, là vị Chúa của mọi người,

---

[13] Chúng tôi hiểu rằng từ câu 131-37 là lời giảng dạy của đức Phật Gotama. (ND)

là những ngọn đèn của thế gian có ánh sáng của vàng khối, hiển nhiên là những bậc xứng đáng được cúng dường ở thế gian, những vị Phật Độc Giác này được quý trọng vào mọi thời điểm.

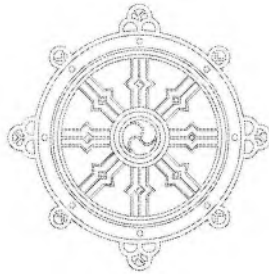
136. Lời khéo được giảng dạy của chư Phật Độc Giác lưu truyền ở thế gian luôn cả chư thiên. Sau khi đã nghe được như thế, những kẻ ngu nào không hành theo, những kẻ ấy quẩn quanh trong những khổ đau lượt này đến lượt khác.

137. Lời khéo được giảng dạy của chư Phật Độc Giác tương tợ như mật ong đang nhỏ xuống từng giọt. Sau khi đã nghe được như thế, những ai gắn bó với sự thực hành, những người ấy [sẽ] trở thành những người thấy được chân lý, có được trí tuệ."

138. Sau khi đã ra đi [đạt được quả vị Giác ngộ], những kệ ngôn cao thượng đã được chư Phật Độc Giác là các đấng Chiến Thắng nói lên, những kệ ngôn ấy đã được đấng Sư Tử dòng Sakya, bậc Tối Thượng Nhân giảng giải vì mục đích của việc nhận thức giáo pháp.

139. Vì lòng thương tưởng thế gian, đấng Sư Tử, bậc Tự Chủ [Gotama] đã thực hiện, đã giảng giải những kệ ngôn này của chư Phật Độc Giác ấy nhằm mục đích làm tăng trưởng sự chấn động tâm, sự không quyến luyến và sự khôn ngoan vượt bực [của các bậc thiện trí].

"Ký sự về Phật Độc Giác" được đầy đủ.



C. TRƯỞNG LÃO KÝ SỰ
(*THERĀPADĀNAṂ*)

Giờ xin thỉnh các vị hãy lắng nghe ký sự về các vị Trưởng lão:

1. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA (*Sāriputtattherāpadānaṃ*)

140. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

141. Ở không xa khu ẩn cư của tôi là con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh đẹp được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý.

142. Con sông nhỏ chảy qua tại nơi ấy, không có cát, không có hố sâu, [có nước] dịu ngọt, không có mùi khó chịu, điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

143. Tại nơi ấy có con sông nhỏ và có các con cá sấu kumbhīla, cá lưỡi kiếm, cá sấu suṃsumāra và các con rùa lởn vởn ở nơi này đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

144. Có các loại cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita, cá maggura đang vượt dòng nước, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

145. Ở hai bên bờ của con sông có những giống cây được đơm hoa, kết trái đang trĩu xuống từ cả hai phía, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

146. Có các cây xoài, cây sāla, cây tilaka, cây pāṭalī, cây sinduvāraka tỏa ra hương thơm của cõi trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

147. Có các cây campaka, cây salala, cây nīpa, cây nāga, cây nguyệt quế, cây dứa hoang tỏa ra hương thơm của cõi trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

148. Có các cây atimutta, cây asoka và cây bhaginimālā được nở rộ hoa, có các cây aṅkola và các cây imbijāla được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

149. Có các cây dừa dại và luôn cả cây kandalī, các cây godhuka, các bụi cây tiṇasūlika tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

150. Có nhiều cây kaṇikāra, cây kaṇṇika, cây asana và cây ajjuna tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

151. Có các cây nguyệt quế, cây nguyệt quế núi, cây koviḷāra được nở rộ hoa, tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

152. Có nhiều cây bã đậu, cây kuṭaja, cây kadamba, cây vakula tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

153. Các cây āḷaka, các cây isimugga, các cây chuối và các cây chanh được phát triển nhờ vào làn nước thơm, chúng trĩu những quả.

154. Một số sen hồng trổ hoa, một số khác đơm nhụy, một số khác nữa đã úa tàn; các đóa sen hồng luôn luôn được nở rộ ở trong hồ nước.

155. Chen chúc với những lá cây siṅghāṭaka, những đóa sen hồng đang tượng hình có những rễ sen đang cắm xuống luôn luôn rực rỡ ở trong hồ nước.

156. Được đem lại các cây ambagandhī, các cây uttāla, các cây bandhujīvaka tỏa ra hương thơm của cõi trời luôn luôn được nở rộ ở trong hồ nước.

157. Các loài cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá palaja, cá muñja, cá rohita, cá aṅgula và cá maṅgura nữa luôn luôn sống ở trong hồ nước.

158. Các con cá sấu loại kumbhīla, loại suṃsumāra, loại cá tantigāha, các hạng quỷ sứ, các loài rắn và các loài mãng xà luôn luôn sống ở trong hồ nước.

159. Các chim bồ câu, các loài ngỗng trời, ngỗng đỏ, các loài sống ở sông, các chim cu cu, chim két, chim sáo sống nương tựa vào hồ nước ấy.

160. Các loài chim kukutthaka, chim kulīraka, chim pokkharasātaka ở rừng, chim le le và chim suvapota sống nương tựa vào hồ nước ấy.

161. Các chim thiên nga, chim cò, chim công, chim cu cu, gà rừng, chim pampaka và chim jīvaṃjīva sống nương tựa vào hồ nước ấy.

162. Nhiều loài chim [ở đất liền] như chim cú mèo, chim gõ kiến, chim kurara, chim diều hâu và chim mahākāla sống nương tựa vào hồ nước ấy.

163. Nhiều con hươu, heo rừng, chó sói, chó rừng, nai và loài thú suggapota sống nương tựa vào hồ nước ấy.

164. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu và các con voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi sống nương tựa vào hồ nước ấy.

165. Các hạng Kim Sí điểu luôn cả các loài khỉ, và cũng có những người thợ rừng, các người phục vụ, luôn cả các thợ săn sống nương tựa vào hồ nước ấy.

166. Ở không xa khu ẩn cư của tôi, có các cây tinduka, cây piyāla, cây cam thảo và cây kāsumārī thường xuyên trĩu những trái.

167. Ở không xa khu ẩn cư của tôi, có các cây kosumbha, cây salala, cây nīpa có trái ngọt thường xuyên trĩu những trái.

168. Các cây harītaka, cây āmalaka, cây xoài, cây mận đỏ, cây vibhīṭaka, cây táo, cây bhallātaka và cây billa, chúng trĩu những trái.

169. Ở khu ẩn cư của tôi, có nhiều loại [rễ củ] như là củ āluva, củ kalamba, củ biḷālī, củ takkaḷa, củ jīvaka và củ sutaka nữa.

170. Ở không xa khu ẩn cư của tôi, có những hồ nước khéo được tạo lập, có nước trong, có nước mát, có những bến nước cạn xinh đẹp làm thích ý.

171. Có hương thơm của cõi trời tỏa ra từ [hồ nước] được che phủ bởi những sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la.

172. Khi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư đáng yêu, khéo được xây dựng ở trong khu rừng được đơm hoa, được kết trái, được hội đủ tất cả các yếu tố như thế.

173. [Tôi] là vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucī có giới hạnh, thành tựu về phận sự, chứng thiền, luôn luôn thỏa thích về thiền, đã đạt được năng lực về năm thắng trí.

174. Hai mươi bốn ngàn học trò đã phục vụ tôi. Tất cả những vị này đều là Bà-la-môn, có dòng dõi [cao quý], có danh vọng.

175. Họ đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức, về từ ngữ, về văn phạm và về giáo lý [của Bà-la-môn].

176. Những người học trò của tôi là khéo được học tập, và rành rẽ về các hiện tượng thiên nhiên, về các điềm báo hiệu, về các tướng mạo, về địa lý, về trái đất và về không gian.

177. Là những người ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vị này luôn luôn hầu cận tôi.

178. Là những bậc trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, không mong mỏi bất cứ điều gì, các vị luôn luôn hầu cận tôi.

179. Là những bậc trí tuệ đã đạt được sự toàn hảo về các thắng trí, vui thích trong hành xứ của mình, có sự đi lại ở không trung, các vị luôn luôn hầu cận tôi.

180. Các vị ấy là các bậc trí tuệ đã thu thúc ở sáu căn môn, không có dục vọng, có các giác quan được phòng hộ và không quyến luyến; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

181. Các vị ấy trải qua đêm với việc ngồi xuống bằng thế kiết-già, với việc đứng và đi kinh hành; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

182. Các vị không ái luyến những gì cám dỗ, không nổi giận những gì khiêu khích, không mê muội những gì mê hoặc; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

183. Trong khi thử nghiệm, các vị ấy thường xuyên thể hiện phép thần thông, các vị ấy làm rung chuyển trái đất; bằng sự đối nghịch khó mà tiếp cận.

184. Và trong khi giải trí, những người học trò ấy giải trí với trò chơi của thiền, các vị đem lại trái cây từ cây mận đỏ; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

185. Một số khác đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số khác đến Đông Thắng-thần châu và một số khác đến Bắc Cu-lô châu, bằng sự tìm kiếm khó mà tiếp cận.

186. Các vị ấy chuyển đi túi đồ dùng ở phía trước và tiến lên ngay ở phía sau, bầu trời bị che lấp bởi hai mươi bốn ngàn vị.

187. Một số vị dùng vật thực là trái cây đã rụng xuống, có vị nấu bằng lửa, có vị không dùng lửa [ăn sống], có vị dùng răng và cũng có vị dùng cối giã, có vị nghiền nát bằng đá.

188. Một số vị ưa thích sự tẩy sạch [tội] bằng cách lội xuống nước sáng tối, một số vị thực hiện việc rải rắc nước [ở cơ thể]; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

189. [Một số vị] có lông ở nách và móng tay chân được để dài, có răng dính bựa, có đầu vấy bụi, được tẩm hương bằng hương thơm của giới hạnh; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

190. Vào sáng sớm, các vị đạo sĩ tóc bện có khổ hạnh cao tột sau khi tụ hội lại đã nói về sự thành công và thất bại, rồi ra đi ở trên không trung.

191. Trong khi những vị này ra đi, có tiếng động ồn ào phát ra bởi âm thanh của các tấm da dê khiến chư thiên được hoan hỷ.

192. Có sự di chuyển ở không trung, các vị ẩn sĩ ra đi phương này phương khác. Được nâng đỡ bởi năng lực của mình, các vị ấy ra đi theo như ước muốn.

193. Chính tất cả các vị di chuyển ở hư không này là những vị làm rung chuyển trái đất, có oai lực nổi bật, khó mà khuất phục, tợ như biển cả không bị xao động.

194. Một số vị ẩn sĩ có hạnh đứng và đi kinh hành, một số vị có hạnh ngồi, một số vị có vật thực đã được rơi xuống; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

195. Những vị này an trú tâm từ, tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Tất cả các vị ấy không ca ngợi về bản thân và không khinh miệt bất cứ ai.

196. Không bị hãi sợ như là sư tử chúa, có sức mạnh như là voi chúa, khó mà tiếp cận như là loài hổ, các vị đi đến gặp tôi.

197. Các thầy về pháp thuật, chư thiên, các loài rồng, càn-thát-bà, và loài quỷ sứ, các ác thần, những người khổng lồ, các loài nhân điểu sống nương tựa vào hồ nước ấy.

198. Các vị ấy mang búi tóc và túi vật dụng, có y choàng là tấm da dê, có sự di chuyển ở không trung; tất cả sống nương tựa vào hồ nước ấy.

199. Các vị này luôn luôn [có hành vi] đúng đắn, có sự kính trọng lẫn nhau. Trong số hai mươi bốn ngàn vị, tiếng động hỉ mũi không xảy ra.

200. Trong khi đặt xuống từng bước từng bước chân, các vị khéo thu thúc, ít có tiếng động. Sau khi đến gần, hết thảy tất cả đều đê đầu đảnh lễ tôi.

201. Được vây quanh bởi những người học trò thanh tịnh và khổ hạnh ấy, tôi sống tại nơi ấy, ở khu ẩn cư, có thiền chứng, được thỏa thích về thiền.

202. Khu ẩn cư được tỏa hương với hương thơm trái cây của các cây cho quả và hai loại hương thơm giới hạnh của các vị ẩn sĩ và hương thơm của các bông hoa.

203. Tôi không biết đến ngày và đêm, sự thù hận ở tôi không được biết đến. Trong khi giáo huấn những người học trò của mình, tôi đạt được niềm vui dào dạt.

204. Trong khi các bông hoa đang trổ hoa và những trái cây đang kết trái, các hương thơm của cõi trời tỏa ra điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

205. Khi ấy, là người có nhiệt tâm, cẩn trọng, sau khi xuất khỏi định, tôi đã cầm lấy túi vật dụng rồi đi sâu vào rừng.

206. Khi ấy, tôi đã khéo được học tập về các hiện tướng và luôn cả về giấc mơ đã được khởi lên, tôi duy trì câu chú thuật đang được hiện hành.

207. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác có ước muốn độc cư nên đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

208. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống.

209. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác có vẻ ngời sáng làm thích ý, tợ như bông hoa súng được tỏa sáng, tợ như ngọn lửa tế thần được cháy rực.

210. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây đèn đang chiếu sáng, như là tia chớp ở bầu trời, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

211. Bậc Cao Quý này là đấng Đại Hùng, vị Đoạn Tận Khổ Đau, bậc Hiền Trí. Do việc nhìn thấy Ngài, toàn bộ khổ đau được phóng thích.

212. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã suy xét về tướng mạo: "Là đức Phật hay không phải là đức Phật? Vậy ta hãy quan sát bậc Hữu Nhãn."

213. Những bánh xe có ngàn căm được nhìn thấy ở lòng bàn chân cao quý. Sau khi nhìn thấy những tướng mạo của Ngài, tôi đã đi đến quyết định [Ngài là] đức Như Lai.

214. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc chổi và quét dọn. Rồi tôi đã tự mình mang lại những đóa hoa và cúng dường đến đức Phật tối thượng.

215. Sau khi đã cúng dường đến bậc Toàn Giác, vị đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi lễ bái đấng Lãnh Đạo Thế Gian [và đã nói rằng]:

216. "Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lậu Hoặc đã an trú với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói.

217. Bạch đấng Tự Chủ có sự tấn hóa vô lượng, xin Ngài hãy tiếp độ thế gian này. Sau khi đi đến nhìn thấy Ngài, những người ấy vượt qua dòng nước nghi hoặc.

218. Bạch đấng Tối Thượng Của Loài Người, Ngài là bậc Thầy, là cờ hiệu, là biểu tượng, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ và là ngọn đèn của chúng sanh.

219. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo lường nước ở biển cả bằng vật chứa, nhưng không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài.

220. Bạch đấng Toàn Tri, có thể nắm lấy trái đất đặt vào đĩa cân, nhưng không thể nào nắm lấy trí tuệ của Ngài.

221. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo đạc bầu trời bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, nhưng không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài.

222. [Trí tuệ của đức Phật] vượt hẳn nước trong đại dương và đất liền rắn rỏi. So sánh với trí tuệ của đức Phật không gì được xem là tương đương.

223. Bạch đấng Hữu Nhãn, ở thế gian luôn cả chư thiên, những ai có tâm [được] vận hành, họ đều đi vào trong màng lưới trí tuệ của Ngài.

224. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ nào Ngài [đã] chứng đạt sự Giác ngộ tối thượng toàn vẹn thì bằng trí tuệ ấy Ngài [đã] chế ngự các ngoại đạo khác."

225. Sau khi ngợi ca bằng các câu kệ này, vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucī ấy đã trải ra tấm da dê ở trên mặt đất rồi ngồi xuống.

226. Được truyền tụng rằng ngọn núi chúa [Neru] đã chìm sâu vào trong đại dương tám mươi bốn ngàn [do-tuần] và đã vươn cao cũng với khoảng cách như thế.

227. Ngọn núi Neru ấy đã vươn cao đến chừng ấy về chiều dài và chiều rộng. Nó đã bị nghiền nát thành trăm ngàn *koṭi* mảnh vụn nhỏ.

228. "Bạch đấng Toàn Tri, trong khi được xếp thành từng nhóm một trăm ngàn những mảnh vụn nhỏ ấy đã đi đến sự chấm dứt, nhưng trí tuệ của Ngài vẫn không thể nào đo lường được.

229. Nếu người nào rào quanh nước bằng tấm lưới có lỗ nhỏ, thì bất cứ các chúng sanh ở trong nước đều có thể rơi vào trong tấm lưới.

230. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, những người nào là phàm phu ngoại đạo đang lao theo việc nắm bắt tà kiến đều đã bị mê muội do sự vướng mắc [vào mạng lưới tà kiến].

231. Do trí tuệ trong sạch và tầm nhìn không bị che lấp của Ngài, những người đã đi vào trong mạng lưới không vượt hơn trí tuệ của Ngài."

232. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Anomadassī, đấng Chiến Thắng có danh vọng lớn lao, sau khi xuất khỏi thiền định, đã quan sát phương hướng.

233-34. Vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassī tên là Nisabha được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị có tâm an tịnh như thế ấy, là các bậc Vô lậu, được trong sạch, có sáu thắng trí, có thiền chứng. Sau khi biết được tâm của đức Phật, vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

235. Tại nơi ấy, đứng ở trên không trung, các vị ấy đã đi nhiễu quanh, tay chắp lên lễ bái, rồi đã đáp xuống gần bên đức Phật.

236. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã để lộ nụ cười.

237. Vị thị giả của đấng Toàn Tri, bậc Đại Ẩn Sĩ, có tên là Varuṇa, sau khi đắp y một bên vai, đã hỏi đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

238. "Bạch đức Thế Tôn, điều gì là nguyên nhân của việc nở nụ cười của bậc Đạo sư? Bởi vì chư Phật, không có nguyên nhân các Ngài không để lộ nụ cười."

239. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở giữa hội chúng và đã nói lên lời kệ này:

240. "Người nào đã cúng dường Ta bằng bông hoa và cũng đã ngợi ca trí tuệ [của Ta], Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói."

241. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Có ước muốn được nghe Chánh pháp, các vị ấy đã đi đến gần đấng Toàn Giác.

242. Chư thiên có đại thần lực ở tất cả các thế giới, các vị nào có ước muốn được nghe Chánh pháp, các vị ấy đã đi đến gần đấng Toàn Giác.

243. "Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

244. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

245. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

246. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

247. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần.

248. Và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

249. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, người này sẽ đi đến bản thể nhân loại. Người nữ Bà-la-môn tên Sāriyā sẽ mang bào thai [vị này].

250. Người nam này sẽ được biết đến với danh hiệu dòng họ của người mẹ, và sẽ có trí tuệ sắc bén với tên là Sāriputta.

251. Sau khi lìa bỏ tám mươi *koṭi*, người này sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong khi tầm cầu vị thế an tịnh, người này sẽ lang thang ở trái đất.

252. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

253. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống,[14] được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu với tên là Sāriputta.

[14] *Orasoti urasi jāto = oraso* nghĩa là được sanh ra từ ngực (*ApA.* 278). Lúc thuyết pháp, sự phát âm ở ngực đã được đức Phật sử dụng đến. Do việc lắng nghe giáo pháp, các vị này sẽ thành tựu các đạo, quả nên được gọi là "sanh ra từ ngực".

254. Được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp, con sông Bhāgīrathī này đổ về biển cả, làm thỏa mãn đại dương.

255. Tương tợ y như thế, vị Sāriputta này được tự tin vào ba bộ Vệ-đà, sẽ đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ làm thỏa ý các chúng sinh.

256. Bắt nguồn từ núi Hy-mã-lạp cho đến biển cả và đại dương, số lượng cát ở vào khoảng giữa ấy là vô số kể bằng cách tính đếm.[15]

257. Mặc dầu có thể tính toán toàn bộ số lượng cát ấy bằng cách tính đếm, nhưng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta.

258. Trong khi đang được tồn tại ở dạng hạt nhỏ, cát của dòng sông có thể bị cạn kiệt, nhưng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta.

259. Các làn sóng của biển cả là không thể ước lượng bằng cách tính đếm, tương tợ y như thế, sẽ không có điểm tận cùng về trí tuệ của Sāriputta.

260. Người này sẽ làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sẽ đi đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu.

261. Trong khi làm đổ những cơn mưa giáo pháp, người này sẽ tiếp tục vận hành đúng đắn bánh xe pháp đã được chuyển vận bởi người con trai dòng Sakya như thế ấy.

262. Sau khi biết rõ tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

263. Ôi, việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đến bậc Đạo sư Anomadassī! Sau khi thể hiện sự tôn kính đến vị ấy, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện.

264. Việc làm đã được thực hiện ở vô lượng kiếp [trước đây] đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

265. Lúc bấy giờ, trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vị thế không bị lay chuyển, trong lúc xem xét tất cả các ngoại đạo, tôi đã luân hồi ở cõi hữu.

266. Cũng giống như người bị bệnh nên tìm kiếm phương linh dược, nên xem xét toàn bộ khu rừng nhằm thoát khỏi cơn bệnh.

267. Trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vị thế bất tử, tôi đã xuất gia vào đời tu ẩn sĩ liên tục năm trăm kiếp sống.

268. Tôi đã duy trì búi tóc bện, có y choàng là tấm da dê, tôi đã đạt đến sự toàn hảo của các thắng trí và đã đi đến thế giới Phạm thiên.

269. Ngoại trừ giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không có sự thanh tịnh ở ngoại giáo. Thật vậy, bất cứ chúng sanh nào có trí giác ngộ đều được trở nên thanh tịnh trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

270. Pháp [thanh tịnh] này là sự tạo thành do hành động của bản thân, pháp

[15] Hằng hà sa số: Nhiều như cát sông Hằng.

này không là sự truyền tụng. Trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác, tôi đã lai vãng bến bãi tồi tệ.

271. Giống như người tầm cầu lõi cây, sau khi đốn ngã cây chuối rồi chẻ hai, không thể tìm thấy lõi cây ở nơi ấy bởi vì cây chuối thì không có lõi.

272. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian và số đông người với những tà kiến khác nhau là vắng bóng Niết-bàn, giống như cây chuối thì không có lõi.

273. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã là thân quyến của Phạm thiên.[16] Sau khi từ bỏ của cải lớn lao, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

(Dứt tụng phẩm thứ nhất).

274. Vị Bà-la-môn tên Sañjaya là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống dưới sự hướng dẫn của vị ấy.[17]

275. Bạch đấng Đại Hùng, vị Bà-la-môn tên Assaji là Thinh văn của Ngài, khó mà tiếp cận, có oai lực nổi bật, khi ấy [đang] đi khất thực.

276. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền trí ấy, có trí tuệ, được định tĩnh trong sự sáng suốt, có tâm thanh tịnh, là bậc Long tượng, tợ như đóa sen khéo được nở rộ.

277. Sau khi nhìn thấy vị anh hùng ưu tú, cao quý, khéo được rèn luyện, có tâm ý thanh tịnh, tâm của tôi đã khởi lên rằng: "Phải chăng vị này là A-la-hán?

278. Phải chăng con người đáng mến, biết cách xử trí, có dáng vóc lịch sự, khéo thu thúc, đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, là người nhìn thấy sự bất tử?

279. Hay là ta nên hỏi về mục đích tối thượng với tâm ý hớn hở? Được ta hỏi, vị ấy sẽ trả lời. Khi ấy, ta hãy hỏi tiếp."

280. Trong khi vị ấy đang đi khất thực, tôi đã đi ở phía sau chờ đợi cơ hội để hỏi về vị thế bất tử.

281. Khi vị ấy đi đến giữa đường, tôi đã đi đến gần và đã hỏi rằng: "Thưa vị Anh hùng, Ngài có dòng họ thế nào? Thưa Ngài, Ngài là học trò của vị nào?"

282. Được tôi hỏi, vị ấy tợ như con sư tử không bị hãi sợ đã trả lời rằng: "Này đạo hữu, đức Phật đã xuất hiện ở thế gian, tôi là học trò của Ngài ấy."

283. "Thưa vị Đại Anh hùng, người nối dõi, bậc có danh vọng lớn lao, giáo pháp lời dạy của đức Phật của Ngài là như thế nào? Thưa Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng tận tường cho tôi."

284. Được tôi hỏi, vị ấy đã thuyết giảng về toàn bộ đạo lộ thâm sâu vi tế, là pháp tiêu diệt mũi tên tham ái, có sự xua đi tất cả khổ đau [như vầy]:

285. "Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế."

---

[16] Nghĩa là đã sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn (*ApA.* 230).

[17] Xem thêm chi tiết về sự kiện này ở *Luật tạng, Đại phẩm* (chương I, tụng phẩm 4).

286. Khi câu hỏi vừa được trả lời, tôi đây đã chứng đắc quả vị thứ nhất. Sau khi lắng nghe lời dạy của đấng Chiến Thắng, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bẩn.

287. Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí, sau khi nhìn thấy giáo pháp tối thượng, với Chánh pháp đã được thâm nhập tôi đã nói lên lời kệ ngôn này:

288. "Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn, [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã bị trôi qua trong hàng vạn kiếp sống."

289. Trong lúc tầm cầu giáo pháp, tôi đây đã lai vãng bến bãi tồi tệ. [Giờ đây] mục đích ấy của tôi đã được đạt đến, tôi không còn thời gian để xao lãng.

290. Tôi đã được vị Assaji làm cho hoan hỷ. Sau khi đạt đến vị thế bất động, trong khi tìm kiếm người bạn, tôi đã đi đến khu ẩn cư.

291. Sau khi nhìn thấy tôi ngay từ đàng xa, bạn của tôi, là người khéo được học tập và được thành tựu bốn oai nghi, đã nói lên lời nói này:

292. "Bạn có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, dường như bản thể hiền trí đã được [bạn] nhìn thấy. Phải chăng bạn đã chứng đắc sự bất tử, Niết-bàn, vị thế trường cửu?

293. Dường như bạn [đã] đạt đến điều xứng đáng với sự tốt đẹp và đã được làm cho trở thành điềm đạm, tợ như con voi đã được chế ngự trong giai đoạn thuần hóa. Này người Bà-la-môn, phải chăng bạn được an tịnh?"

294. "Bất tử là sự xua đi mũi tên sầu muộn đã được tôi chứng đắc. Bạn cũng vậy, hãy chứng đắc điều ấy. Chúng ta hãy đi đến gặp đức Phật."

295. Sau khi đáp lại rằng: "Lành thay!", bạn của con là người khéo được học tập đã dùng tay nắm lấy tay con và đã đi đến gặp Ngài.

296. Bạch người con trai dòng Sakya, cả hai chúng con cũng sẽ xuất gia trong sự chứng minh của Ngài. Sau khi đi đến giáo pháp của Ngài, chúng con sống không còn lậu hoặc.

297. Kolita là đứng đầu về thần thông, còn con có sự đạt đến bờ kia về trí tuệ. Chính cả hai chúng con đã hợp nhất làm rạng rỡ giáo pháp.

298. Có ước nguyện chưa được hoàn thành, con đã lai vãng bến bãi tồi tệ. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, ước nguyện của con đã được tròn đủ.

299. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các cây cối nở hoa lúc vào mùa. Chúng tỏa ra các hương thơm của cõi trời và làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng.

300. Bạch đấng Đại Hùng, bạch người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao, tương tợ như thế ấy, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, con tầm cầu thời điểm để trổ hoa.

301. Trong lúc tầm cầu bông hoa giải thoát là việc ra khỏi sự luân hồi ở các cõi, với sự đạt được bông hoa giải thoát, con làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng.

302. Bạch đấng Hữu Nhãn, cho đến địa phận của chư Phật, không gì sánh bằng tuệ của người con trai của Ngài, ngoại trừ bậc Hiền trí.

303. Được thuần phục trong sự thuần hóa tối thượng, những người học trò đã khéo được huấn luyện của Ngài và hội chúng đã khéo được học tập luôn luôn tháp tùng Ngài.

304. Là những bậc Trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, các bậc Hiền trí được thành tựu sự tốt đẹp về đạo đức luôn luôn tháp tùng Ngài.

305. Là những bậc Trí tuệ, ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vị luôn luôn tháp tùng Ngài.

306. Là những bậc Trí tuệ chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp giũ bỏ (Đầu-đà), chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cư, các vị luôn luôn tháp tùng Ngài.

307. Là những vị thực hành [bốn đạo] trú vào quả vị [A-la-hán], và những vị Hữu học có thành tựu quả vị, các vị tầm cầu mục đích tối thượng luôn luôn tháp tùng Ngài.

308. Các vị là bậc Nhập lưu không còn nhơ bẩn, các vị là bậc Nhất lai, các vị Bất lai và các vị A-la-hán luôn luôn tháp tùng Ngài.

309. Các bậc Thinh văn ấy, có nhiều vị được thiện xảo về các pháp thiết lập niệm, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tất cả các vị luôn luôn tháp tùng Ngài.

310. Các vị được thiện xảo về các nền tảng của thần thông, được thỏa thích trong việc tu tập định, được gắn bó vào chánh tinh tấn, luôn luôn tháp tùng Ngài.

311. Các vị có ba minh và sáu thắng trí, đã đi đến sự toàn hảo về thần thông, đã đạt được sự toàn hảo về tuệ, luôn luôn tháp tùng Ngài.

312. Bạch đấng Đại Hùng, các vị học trò như thế ấy của Ngài đã khéo được học tập, khó mà tiếp cận, có oai lực nổi bật, luôn luôn tháp tùng Ngài.

313. Được tháp tùng bởi những người học trò thu thúc, nhiệt tình ấy, Ngài tợ như [con sư tử], vua của loài thú không bị hãi sợ, tợ như [mặt trăng], vua của các vì sao chiếu sáng rực rỡ.

314. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các loài thảo mộc phát triển. Chúng đạt được sự lớn mạnh và phô bày sự kết trái.

315. Bạch người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao, Ngài là tương tợ trái đất. Sau khi thiết lập ở giáo pháp, các vị ấy đạt được quả vị bất tử.

316. Có các con sông Sindhu, luôn cả sông Sarassatī, sông Candabhāgikā, sông Gaṅgā, sông Yamunā, luôn cả sông Sarabhū và sông Mahī.

317. Khi những con sông này trôi chảy và biển cả tiếp nhận, những con sông này từ bỏ tên gọi trước đây và chỉ được biết đến là "biển cả" mà thôi.

318. Tương tợ y như thế, bốn giai cấp này sau khi xuất gia trong sự chứng

minh của Ngài, các vị từ bỏ tên gọi trước đây và được biết đến là "con trai của đức Phật".

319. Cũng giống như mặt trăng không bị vết nhơ trong lúc đang di chuyển ở bầu không gian thì vượt trội tất cả các quần thể tinh tú ở thế giới về ánh sáng.

320. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, được tháp tùng bởi chư thiên và nhân loại, Ngài vượt lên trên tất cả các hạng này và chói sáng vào mọi lúc.

321. Được khởi lên từ dưới sâu, sóng không thể vượt qua được bờ biển. Tất cả các đợt sóng chạm đến bờ biển thì chúng tan tác trở thành bọt nước.

322. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở trên thế gian và nhiều người với các quan điểm khác nhau có ý định nói về giáo lý, bọn họ không vượt qua Ngài là bậc Hiền Trí.

323. Và bạch đấng Hữu Nhãn, nếu họ gặp Ngài, xin Ngài hãy đáp lại. Sau khi đi đến gặp Ngài, những người ấy trở thành như là bọt nước.

324. Cũng giống như giống cây kumuda, cây mandālaka và nhiều loài cây khác được sanh ra ở trong nước, chúng bị lấm nhơ bởi nước và bùn lầy.

325. Tương tợ y như thế, nhiều chúng sanh được sanh ra lớn lên ở trên đời bị sầu khổ bởi tham ái, sân hận giống như cây kumuda ở bãi bùn vậy.

326. Cũng giống như đóa hoa sen là loài được sanh ra ở trong nước, lớn lên ở giữa làn nước, nó không bị lấm nhơ bởi nước, có tua nhị cũng được trong sạch.

327. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, bậc Đại Hiền Trí được sanh ra ở trên thế gian, Ngài không bị lấm nhơ bởi thế gian như là đóa hoa sen không bị lấm nhơ bởi nước.

328. Cũng giống như nhiều loài hoa mọc trong nước trổ hoa vào tháng Rammaka, chúng không vượt quá tháng ấy, khi ấy là thời điểm của việc trổ hoa.

329. Bạch người con trai dòng Sakya, Ngài đã trổ hoa bằng sự giải thoát, tương tợ y như thế các vị ấy [cũng vậy]. Các học trò không vượt quá lời dạy như là đóa hoa sen, là loài được sanh ra ở trong nước [không trổ hoa trễ thời hạn].

330. Cây sāla chúa khéo được trổ hoa tỏa ra hương thơm của cõi trời. Được vây quanh bởi những cây sāla khác, cây sāla chúa tỏa sáng.

331. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, Ngài đã trổ hoa bằng trí tuệ của vị Phật. Được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, Ngài tỏa sáng như là cây sāla chúa.

332. Cũng giống như núi Hy-mã-lạp bằng đá là nguồn dược liệu cho tất cả chúng sinh, là chốn cư ngụ của các loài rồng, các a-tu-la và chư thiên.

333. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, Ngài ví như nguồn dược liệu cho tất cả chúng sinh. Các vị có được ba minh, sáu thắng trí và đã đi đến sự toàn hảo về thần thông [nhờ nương tựa vào Ngài].

334. Bạch đấng Đại Hùng, được Ngài chỉ dạy với lòng bi mẫn, các vị ấy thỏa thích với sự thỏa thích trong giáo pháp, các vị sống theo lời dạy của Ngài.

335. Giống như con sư tử, vua của loài thú, sau khi rời khỏi chỗ ngụ, nó quan sát bốn phương và rống lên ba lần.

336. Khi chúa của loài thú gầm thét, mọi thú vật đều kinh hoàng. Bởi vì nó có dòng dõi như thế, nó luôn luôn làm các loài thú run sợ.

337. Bạch đấng Đại Hùng, khi Ngài thuyết pháp thì trái đất rúng động, những ai có khả năng giác ngộ được giác ngộ, phe đảng của Ma vương run sợ.

338. Bạch đấng Đại Hiền Trí, khi Ngài thuyết pháp tất cả các ngoại đạo run sợ, tợ như bầy chim quạ bay tán loạn, như là các con thú run sợ đối với [sư tử] chúa của loài thú.

339. Những vị có đồ chúng ở trên thế gian được gọi là "các bậc thầy". Các vị ấy thuyết giảng đến đám đông học thuyết đã được tuần tự truyền thừa.

340. Bạch đấng Đại Hùng, tuy nhiên Ngài không là như vậy. Ngài thuyết giảng giáo pháp đến các chúng sinh sau khi đã tự thân giác ngộ về các chân lý và toàn bộ các pháp thuộc về giác ngộ.

341. Sau khi biết được tánh khí bộc lộ và tiềm ẩn về sự mạnh và yếu của các quyền, sau khi hiểu rõ về tính chất có hay không có khả năng, Ngài thuyết pháp tợ như là cơn mưa lớn [gào thét].

342-43. Đám đông có các quan điểm khác nhau, trong khi đang suy xét, có thể ngồi đến tận cùng thế giới vũ trụ. Nhằm cắt đứt sự nghi hoặc ấy, bậc Hiền trí, vị thiện xảo về sự so sánh đối chiếu, sau khi biết được tâm của tất cả, Ngài cắt đứt sự nghi hoặc của chúng sinh ngay trong khi đang giảng giải về một câu hỏi.

344. Trái đất là được tràn đầy bởi chính các vị như là Upatissa [Sāriputta]. Chính tất cả các vị ấy, tay chắp lên, đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

345. Trong khi ngợi ca đến trọn kiếp, họ đã ngợi ca về những đức hạnh khác nhau. Họ đã không thể nào ước lượng được, các đấng Như Lai là vô lượng.

346. Giống như tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng bằng sức mạnh của mình, trong khi ngợi ca đến một *koṭi* (mười triệu) kiếp, họ cũng đã ca ngợi y như vậy.

347. Nếu có vị thiên nhân hoặc người nào đó đã được học tập rành rẽ, có ý định đo lường [các đức hạnh ấy], vị ấy chỉ có thể gánh lấy nỗi phiền muộn mà thôi.

348. Bạch người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về tuệ, con sống không có lậu hoặc.

349. Con hoàn toàn chế ngự các ngoại đạo, con vận hành giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Hôm nay con là vị Tướng quân Chánh pháp trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya.

350. Việc làm đã được thực hiện ở vô lượng kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

351. Nếu người nào đó có thể mang vác vật nặng thường xuyên ở trên đầu, người ấy sẽ bị khổ sở bởi vật nặng, tương tợ y như thế, tôi phải gánh chịu các vật nặng.

352. Trong khi đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, tôi đã luân hồi ở các cõi. Tôi đã chịu đựng gánh nặng của hữu giống như tôi đã phải nâng lên ngọn núi Neru.

353. Và gánh nặng đã được tôi đặt xuống, các hữu đã được tôi hủy diệt, mọi việc cần làm trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya đã được làm xong.

354. Cho đến địa phận của chư Phật, ngoại trừ bậc Cao Quý dòng Sakya, tôi là đứng đầu về tuệ, người sánh bằng tôi không tìm thấy.

355. Được khéo thiện xảo về định, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông. Và hôm nay, trong khi mong muốn, tôi có thể biến hóa thành ngàn người.

356. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp cho con. Con có được năng lực đối với sự an trú theo tuần tự, Diệt [thọ tưởng] định là nơi an nghỉ của con.

357. Thiên nhãn của con được thanh tịnh, con thiện xảo về định, được gắn bó vào chánh tinh tấn, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ.

358. Bởi vì pháp gì vị Thinh văn cần phải đạt đến, toàn bộ tất cả đã được tôi thực hiện. Ngoại trừ đấng Bảo Hộ Thế Gian, người sánh bằng tôi không tìm thấy.

359. Được thiện xảo về việc thể nhập định, có sự đạt được nhanh chóng đối với các thiền giải thoát, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về các đức hạnh của vị Thinh văn.

360. Với đức hạnh tốt lành của vị Thinh văn, với trí giác ngộ, do sự tôn kính đối với bậc Tối Thượng Nhân, với đức tin, tâm [của tôi] luôn luôn được gắn liền ở các việc thực hành Phạm hạnh.

361. Như là con rắn có nọc độc đã được lấy đi, như là trâu rừng có sừng đã bị cắt lìa, có sự ngã mạn kiêu ngạo đã được quăng bỏ, tôi đến gần hội chúng với sự vô cùng tôn kính.

362. Nếu trí tuệ của tôi có hình dạng thì trái đất không thể sánh bằng, điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ của đức Thế Tôn Anomadassī.

363. Tôi tiếp tục vận hành đúng đắn bánh xe pháp đã được chuyển vận bởi người con trai dòng Sakya như thế ấy; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

364. Vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi đâu, mong rằng kẻ có ước muốn xấu xa, biếng nhác, có sự tinh tấn kém cỏi, ít học hỏi, có hành vi sai trái chớ đến gần tôi.

365. Và mong rằng bậc nghe nhiều [học rộng], có sự sáng suốt, khéo được định tĩnh trong các giới, được gắn liền với sự tịnh lặng của tâm đứng [với tôi], dầu là [đứng] ở trên đầu.

366. Tôi nói điều này với các vị là hết thảy chư Đại đức đã tụ hội lại nơi đây, các vị chớ có ước muốn xấu xa, hãy tự hài lòng [với vật có được], có thiền chứng, luôn luôn thỏa thích trong thiền.

367. Sau khi nhìn thấy vị Thinh văn tên Assaji ấy lần đầu tiên, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bẩn; bậc Trí tuệ ấy là người thầy của tôi.

368. Nhờ vào tác động của điều ấy, giờ đây tôi đã trở thành vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện, tôi sống không còn lậu hoặc.

369. Vị Thinh văn tên Assaji ấy đã là người thầy của tôi. Vị ấy cư ngụ ở phương nào, tôi thực hiện việc nằm quay đầu [hướng về phương ấy].

370. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

371. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát [bốn đạo và bốn quả] và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sāriputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sāriputta" là phần thứ nhất.

2. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀMOGGALLĀNA
(*Mahāmoggallānattherāpadānaṃ*)

374. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp, đứng đầu hội chúng chư thiên.

375. Lúc bấy giờ, tôi là Long vương có tên là Varuṇa. Tôi biến hóa thành dáng vóc theo như ước muốn. Tôi đã cư ngụ ở đại dương.

376. Sau khi giải tán đám tùy tùng, tôi đã tổ chức tấu nhạc. Khi ấy, tôi đã tháp tùng đấng Toàn Giác và đã bảo các long nữ ca hát.

377. Trong khi các nhạc cụ [của long cung] đang được tấu lên, chư thiên đã trình tấu các nhạc cụ [của cõi trời]. Đức Phật cũng đã lắng nghe âm thanh của cả hai và đã tự mình nhận biết.

378. Sau khi thỉnh mời đấng Toàn Giác, tôi đã đi đến cung điện của mình. Sau khi cho sắp đặt chỗ ngồi, tôi đã thông báo về thời gian.

379. Trong lúc chiếu sáng tất cả các phương, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến cung điện của tôi, được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu.

380. Vào lúc đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu

cùng với hội chúng Tỳ-khưu đã ngồi xuống, khi ấy tôi đã làm toại ý các vị với cơm ăn và nước uống.

381. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

382. "Người nào đã cúng dường đến đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian và hội chúng, với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, người ấy sẽ đi đến thế giới chư thiên.

383. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bảy lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

384. Người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi lăm lần. Trong thời gian ấy, các của cải không thể ước lượng được sẽ sanh lên cho người ấy.

385. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

386. Sau khi mệnh chung từ địa ngục, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kolita.

387. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vị Thinh văn thứ nhì của đức Thế Tôn Gotama.

388. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

389. Lệ thuộc vào bạn ác xấu, tôi đã chịu sự khống chế của ái dục. Với tâm ý tồi bại, tôi đã giết chết người mẹ và cả người cha nữa.

390. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là địa ngục hay nhân loại, do bị liên đới đến ác nghiệp, tôi chết với đầu bị vỡ.

391. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí ở đây, sự việc như thế cũng sẽ xảy ra vào thời điểm tử biệt của tôi.

392. Được gắn bó với sự cô tịch, được thỏa thích trong sự tu tập về định, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

393. Đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, [chỉ] bằng ngón chân cái tôi có thể làm lay động ngay cả trái đất vô cùng sâu thẳm, dày đặc, khó có thể hủy hoại.

394. Tôi không nhìn thấy bản ngã, sự ngã mạn của tôi không được biết đến, tôi thể hiện tâm tôn trọng đến các vị Sa-di.

395. Về việc làm mà tôi đã khẳng định trước đây vô lượng kiếp, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

396-98. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

(Các câu kệ 396, 397, 398 tương tợ như các câu kệ 371, 372, 373).

Đại đức Trưởng lão Mahāmoggallāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahāmoggallāna" là phần thứ nhì.

3. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA
(*Mahākassapattherāpadānaṃ*)

399. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Niết-bàn, tôi thể hiện sự cúng dường đến đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Đạo Sư, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

400. Với tâm phấn chấn, dân chúng được vui mừng hoan hỷ. Trong khi mọi người sanh khởi tâm chấn động, niềm phỉ lạc đã khởi lên ở tôi.

401. Tôi đã đưa quyến thuộc bạn bè đến và đã nói lời nói này: "Đấng Đại Hùng đã viên tịch Niết-bàn, giờ đây chúng ta hãy thực hiện sự cúng dường."

402. Sau khi đáp lại rằng: "Lành thay! Chúng ta sẽ thực hiện sự tích lũy phước báu ở nơi đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian", bọn họ đã sanh khởi nỗi vui mừng còn hơn tôi nữa.

403. Họ đã thiết lập lễ đài khéo được thực hiện cao một trăm cánh tay,[18] trải dài một trăm năm mươi cánh tay là cung điện vươn cao đến tận bầu trời.

404. Tại đó, sau khi thực hiện tòa lâu đài được tô điểm với những hàng cây thốt nốt, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín và đã cúng dường đến ngôi bảo tháp tối thượng.

405. Ngôi bảo tháp chiếu sáng bốn phương trông như là khối lửa được phát cháy, như là cây sāla chúa đã được trổ hoa, như là cầu vồng ngũ sắc ở không trung.

406. Tại nơi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín, sau khi đã thực hiện nhiều việc tốt lành, sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã sanh lên cõi trời.

407. Tôi đã chú nguyện phương tiện di chuyển ở cõi trời là cỗ xe ngựa được kéo bởi một ngàn con. Tòa lâu đài cao ngất của tôi được vươn cao bảy tầng lầu.

408. Đã có một ngàn nhà mái nhọn làm toàn bằng vàng. Trong lúc chiếu sáng tất cả các phương, chúng tỏa sáng bằng hào quang của chúng.

409. Khi ấy, cũng có những tháp nhọn khác làm bằng hồng ngọc. Với nguồn ánh sáng, chúng cũng rọi sáng bốn phương ở chung quanh.

410. Các ngôi nhà mái nhọn đã được hóa hiện ra, đã được sanh lên do nghiệp phước thiện. Được làm bằng ngọc ma-ni, chúng cũng rọi sáng mười phương ở chung quanh.

411. Trong lúc chúng đang rực sáng, đã có được ánh sáng vĩ đại. Tôi vượt trội tất cả chư thiên; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

412. Trong sáu mươi ngàn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Ubbiddha, cư trú ở trái đất, là người chinh phục bốn phương.

413. Tương tợ y như thế, được hài lòng với nghiệp của chính mình, trong kiếp Bhadda,[19] tôi đã ba mươi lần trở thành đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của bốn châu lục.

---

[18] *Hattha* là đơn vị đo chiều dài bằng một cánh tay, khoảng nửa mét. (ND)

[19] Kiếp Bhadda là kiếp có 5 vị Phật Toàn Giác xuất hiện.

414. Cũng ở tại nơi ấy, cung điện dành cho tôi được vươn cao như là cầu vồng, có chiều dài là hai mươi bốn [do-tuần] và chiều rộng là mười hai [do-tuần].

415. Thành phố tên là Rammaka có cổng chào và tường thành vững chãi, có chiều dài năm trăm [do-tuần] và chiều rộng là một nửa của chiều dài, được đông đúc bởi các đám dân chúng trông tợ như thành phố của các cõi trời.

416. Khi ấy thành phố là đông đúc giống như hai mươi lăm cây kim được bỏ chung vào trong hộp đựng kim, chúng va chạm lẫn nhau.

417. Cũng như thế ấy, thành phố của tôi tràn đầy những voi, ngựa, xe cộ, luôn luôn đông đúc với những con người; Rammaka là thành phố tuyệt vời.

418. Tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống và đã trở về lại bản thể thiên nhân. Vào kiếp sống cuối cùng, tôi đã có được sự thành tựu về dòng dõi.

419. Được sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn có sự tích lũy nhiều châu ngọc, tôi cũng đã từ bỏ tám mươi *koṭi* vàng và tôi đã xuất gia.

420-22. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākassapa" là phần thứ ba.

4. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA (*Anuruddhattherāpadānaṃ*)

423. Tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang an trú vào hạnh độc cư.

424. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chắp tay lên và đã thỉnh cầu đức Phật tối thượng rằng:

425. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, con sẽ dâng lên cây đèn đến Ngài, là vị đang tham thiền ở dưới cội cây, xin Ngài thương xót."

426. Bậc Trí Tuệ ấy, đấng Tự Chủ cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã chấp nhận. Khi ấy, tôi đã khoan thủng các thân cây và đã gắn thiết bị vào.

427. Tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian một ngàn tim đèn. Sau khi đã cháy sáng bảy ngày, các cây đèn của tôi đã lụi tàn.

428. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã được sanh ra ở thiên cung.

429. Được đạt đến bản thể thiên nhân, có cung điện đã được hóa hiện ra cho tôi, nó chiếu sáng ra xung quanh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

430. Khi ấy, tôi đã chiếu sáng ở xung quanh một trăm do-tuần, tôi vượt trội tất cả chư thiên; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

431. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi ba kiếp,

không người nào xem thường tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

432. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Khi ấy, tôi nhìn thấy [xa khoảng cách] một do-tuần ở xung quanh vào ban ngày và ban đêm.

433. Tôi nhìn thấy một ngàn thế giới bằng trí tuệ trong giáo pháp của bậc Đạo sư, tôi đã đạt được thiên nhãn; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

434. Đấng Toàn Giác tên Sumedha là ba mươi ngàn kiếp về trước. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng cây đèn đến Ngài.

435-37. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anuruddha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anuruddha" là phần thứ tư.

5. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUṆṆA (*Puṇṇattherāpadānaṃ*)

438. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi đã dẫn đầu các học trò đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân.

439. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã tán dương việc làm của tôi một cách ngắn gọn.

440. Sau khi lắng nghe giáo pháp ấy, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư. Tôi đã chắp tay lên và đã ra đi, mặt hướng phía bên phải.

441. Sau khi lắng nghe một cách tóm tắt, tôi đã thuyết giảng một cách chi tiết. Sau khi lắng nghe lời giảng của tôi, tất cả những người học trò đều có tâm hoan hỷ.

442. Sau khi xua đi tà kiến của mình, họ đã khiến tâm được tịnh tín vào đức Phật. Tôi cũng thuyết giảng một cách tóm tắt, một cách chi tiết tương tợ y như thế.

443. Là người biết rõ đường hướng của Vi diệu pháp, thông thạo về các đề tài thuyết giảng, sau khi làm cho tất cả hiểu rõ, tôi sống không còn lậu hoặc.

444. Trước đây năm trăm kiếp, có bốn vị chúa tể ở bốn châu lục là những vị vô cùng nổi tiếng, được thành tựu bảy loại báu vật.

445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Puṇṇa Mantāniputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Puṇṇa Mantāniputta" là phần thứ năm.

6. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀLI (*Upālittherāpadānaṃ*)

446. Ở thành phố Haṃsavatī, vị Bà-la-môn tên Sujāta có sự tích lũy tám mươi *koṭi*, có dồi dào tài sản và lúa gạo.

447. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống và về giáo lý [của Bà-la-môn].

448. Khi ấy, các du sĩ ngoại đạo có một ngọn lửa, các Thinh văn của đức Phật Gotama, các vị lang thang và cả các đạo sĩ khổ hạnh du hành ở trái đất.

449. Bọn họ cũng tháp tùng theo tôi [cho rằng]: "Vị Bà-la-môn nổi tiếng." Nhiều người tôn vinh tôi, tôi không tôn vinh bất cứ người nào.

450. Tôi không nhìn thấy bậc xứng đáng sự tôn vinh, khi ấy tôi ngã mạn và ương ngạnh. Khi đấng Chiến Thắng còn chưa xuất hiện thì không có từ ngữ "đức Phật".

451. Bao ngày đêm trôi qua, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhãn, sau khi xua đi tất cả tăm tối, đã xuất hiện ở thế gian.

452. Vào lúc giáo pháp được phổ biến rộng rãi, được biết nhiều và trở thành phổ thông, khi ấy đức Phật đã đi đến thành phố tên Haṃsa.

453. Khi ấy, vì lợi ích của người cha, đức Phật, bậc Hữu Nhãn ấy đã thuyết giảng giáo pháp. Vào thời điểm ấy, đám đông ở xung quanh là một do-tuần.

454. Khi ấy, được thỏa thuận trong số mọi người, vị đạo sĩ khổ hạnh tên Sunanda ấy đã che phủ hết thảy hội chúng của đức Phật bằng những bông hoa.

455. Và trong khi bậc Tối Thượng đang công bố bốn sự thật ở nơi mái che bằng bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của một trăm ngàn *koṭi* người.

456. Đức Phật đã đổ những cơn mưa giáo pháp trong bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ tám, đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Sunanda rằng:

457. "Người này trong khi luân hồi ở cõi hữu, dầu ở thế giới chư thiên hay loài người, sẽ trở thành bậc ưu tú trong số tất cả và sẽ luân hồi ở các cõi.

458. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

459. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Puṇṇa Mantāniputta."

460. Lúc bấy giờ, trong khi làm cho tất cả dân chúng vui mừng, trong khi thị hiện năng lực của chính mình, bậc Toàn Giác đã tán dương đạo sĩ khổ hạnh Sunanda như thế.

461. Dân chúng chắp tay lễ bái vị đạo sĩ khổ hạnh Sunanda [nghĩ rằng]: "Sau khi thể hiện sự tôn kính đến đức Phật, vị ấy đã làm trong sạch cảnh giới tái sanh của bản thân."

462. Tại nơi ấy, sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí, tôi đã có sự suy tư rằng: “Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính giống như ta nhìn thấy vị Gotama.”

463. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã suy nghĩ về hành động của tôi rằng: “Ta sẽ thực hành việc làm gì ở phước điền vô thượng?”

464. Và vị Tỳ-khưu này là vị trì tụng trong số tất cả các vị trì tụng trong giáo pháp, và đã được chọn lựa là vị đứng đầu về Luật, tôi đã ước nguyện vị thế ấy.

465. Tài sản này của tôi là vô lượng, không thể bị xao động tợ như biển cả. Với của cải ấy tôi đã cho xây dựng tu viện dành cho đức Phật.

466. Có khu vườn tên là Sobhana ở phía Đông của thành phố. Sau khi đã mua bằng một trăm ngàn, tôi đã cho thực hiện tu viện dành cho hội chúng.

467. Sau khi đã xây dựng các nhà mái nhọn, các lầu đài, các mái che, các tòa nhà, các hang động, các đường kinh hành khéo được tạo lập, tôi đã cho thực hiện tu viện dành cho hội chúng.

468. Sau khi đã cho xây dựng nhà tắm hơi, nhà đốt lửa, rồi giếng nước, nhà tắm, tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu.

469. Tôi đã dâng cúng mọi thứ này [gồm có] các ghế dài, các ghế đẩu, các vật dụng, các xoong nồi và thuốc men dành cho tu viện.

470. Sau khi đã thiết lập sự phòng hộ, tôi đã cho xây dựng tường thành vững chắc, không cho bất cứ việc gì quấy rầy đến những bậc có tâm thanh tịnh như thế ấy.

471. Tôi đã cho xây dựng một trăm ngàn chỗ ngụ ở tu viện dành cho hội chúng. Sau khi bố trí đầy đủ tiện nghi, tôi đã cống hiến đến bậc Toàn Giác.

472. “Bạch bậc Hiền Trí, xin Ngài hãy tiếp nhận ngôi tu viện đã được con hoàn thành. Bạch đấng Anh Hùng, con sẽ dâng cúng đến Ngài. Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy chấp thuận.”

473. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Lãnh Đạo sau khi biết được tâm tư của tôi đã chấp thuận.

474. Sau khi biết được sự chấp thuận của bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Toàn Tri, sau khi đã chuẩn bị thức ăn, tôi đã thông báo về thời điểm.

475. Khi thời điểm đã được thông báo, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến tu viện của tôi cùng với một ngàn bậc Vô lậu.

476. Biết được lúc Ngài đã ngồi xuống, tôi đã làm toại ý Ngài với cơm ăn và nước uống. Biết được lúc Ngài đã thọ thực xong, tôi đã nói lời nói này:

477. “Bạch đấng Hiền Trí, tu viện tên Sobhana đã được mua bằng một trăm ngàn và đã được cho xây dựng với chừng cỡ ấy, xin Ngài hãy tiếp nhận.

478. Do sự dâng cúng tu viện này và do các nguyện lực của tác ý, trong khi sanh ra ở cõi hữu, mong sao con đạt được điều con đã ước nguyện.”

479. Sau khi thọ nhận tu viện dành cho hội chúng đã được xây dựng khéo léo, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lời nói này:

480. "Người nào đã dâng lên tu viện dành cho hội chúng đã được xây dựng khéo léo đến đức Phật, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

481. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng.

482. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên tháp tùng người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng.

483. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

484. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng.

485. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

486. [Người này] sẽ thọ lãnh mọi thứ mà vị Thiên vương có thể đạt được, sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ cai quản thiên quốc.

487. [Người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần. Vương quyền ở trái đất là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

488. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

489. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upāli.

490. Sau khi đạt được sự toàn hảo về Luật và rành rẽ về sự thành lập hay không thành lập [tội], trong lúc duy trì giáo pháp của đấng Chiến Thắng, [người này] sẽ sống không còn lậu hoặc.

491. Sau khi biết rõ mọi việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

492. Con ao ước về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp]. [Giờ] con đã đạt mục đích ấy và có được sự đoạn tận tất cả mọi điều trói buộc.

493. Giống như khi bị buộc vào cọc nhọn, người đàn ông khiếp sợ hình phạt của đức vua, trong khi không tìm thấy sự thoải mái ở cọc nhọn thì mong mỏi chỉ mỗi sự phóng thích.

494. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, con khiếp sợ hình phạt của sự hiện hữu. Trong khi bị buộc vào cọc nhọn của nghiệp báo, con bị phiền muộn vì sự cảm thọ khát khao.

495. Bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, con không thấy thoải mái ở hiện hữu. Cũng tợ như người bị hành phạt bởi đức vua, con tầm cầu sự giải thoát.

496. Giống như người bị rắn độc cắn thì bị nọc độc hành hạ, người ấy có thể tìm kiếm phương thuốc là cách thức làm cho tiêu tan nọc độc.

497. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy phương thuốc là vật làm tiêu tan nọc độc. Sau khi uống thuốc ấy, người ấy có thể có được sự an lạc do việc thoát khỏi nọc độc.

498. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, bị hành hạ bởi vô minh con đã tầm cầu phương thuốc Chánh pháp, giống như người đàn ông bị hãm hại bởi nọc độc [đã tìm phương thuốc giải độc].

499. Trong khi tìm kiếm phương thuốc Giáo pháp, con đã nhìn thấy lời chỉ dạy của vị dòng Sakya ấy là cao quý trong số tất cả các loại thuốc men, là sự nhổ lên tất cả các mũi tên.

500. Sau khi uống vào phương thuốc Giáo pháp, con đã xóa sạch tất cả nọc độc, con đã chạm đến Niết-bàn, có trạng thái mát mẻ, không già không chết.

501. Giống như người bị ma quỷ khuấy rối, bị hành hạ bởi ma quỷ nhập vào thì có thể tìm thầy chữa bệnh ma quỷ nhằm thoát khỏi ma quỷ.

502. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy vị rành rẽ các sự hiểu biết về ma quỷ. Vị ấy có thể diệt trừ ma quỷ cho người ấy và có thể làm cho tiêu tan tận gốc rễ.

503. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, con bị phiền muộn bởi sự xâm nhập của tăm tối, con tìm kiếm ánh sáng của trí tuệ nhằm sự giải thoát khỏi tăm tối.

504. Giờ con đã nhìn thấy bậc Hiền Trí dòng họ Sakya có sự trong sạch đối với các điều tăm tối phiền não. Vị ấy đã xua đi sự tăm tối của con, tợ như người thầy chữa bệnh ma quỷ xua đi ma quỷ.

505. Con đã cắt đứt dòng chảy luân hồi, đã chặn đứng dòng nước tham ái, đã thủ tiêu tất cả hữu tận gốc rễ, tợ như vị thầy chữa bệnh ma quỷ.

506. Giống như loài nhân điểu lao xuống con rắn là mồi của bản thân nó, nó khuấy động hồ nước lớn ở xung quanh đến một trăm do-tuần.

507. Sau khi bắt được con rắn, con nhân điểu liền gây tổn thương phía dưới đầu [con rắn]. Sau khi tóm lấy [con rắn], nó ra đi đến nơi dự tính.

508. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, trong khi tầm cầu [Niết-bàn] không còn tạo tác, con đã tẩy uế sạch sẽ các điều xấu xa, cũng giống như con nhân điểu có sức mạnh [tìm kiếm con mồi rồi tiêu diệt].

509. Con đã nhìn thấy giáo pháp cao quý là đạo lộ an tịnh vô thượng, con đã nắm giữ điều này và an trú giống như con nhân điểu tóm lấy con rắn rồi mang đi.

510. Có loại dây leo tên là āsāvatī được sanh ra tại khu rừng Cittalatāvana [ở cõi trời Đạo-lợi]. Đối với loại dây leo ấy, một ngàn năm nó sanh ra một trái.

511. Chư thiên gần gũi với loại dây leo ấy cho đến khi nó có trái sau thời gian dài lâu. Loài dây leo thượng hạng āsāvatī ấy được chư thiên yêu quý như thế.

512. Con thân cận với bậc Hiền trí ấy đến một trăm ngàn [năm],[20] con lễ bái sáng chiều như là chư thiên gần gũi với trái āsāvatī vậy.

513. Sự phục vụ không phải là không có kết quả và sự lễ bái không phải là rỗng không. Dầu con đang trải qua [luân hồi] dài lâu thăm thẳm, cơ hội [về sự xuất hiện của đức Phật] đã không bỏ rơi con.

514. Trong khi xem xét các cõi, con không nhìn thấy sự tiếp nối tái sanh, không còn nền tảng tái sanh, đã hoàn toàn giải thoát, được an tịnh, con đi đó đây.

515. Bạch đấng Đại Hùng, cũng giống như đóa hoa sen nở rộ nhờ tia nắng mặt trời, tương tợ y như thế, con được thăng hoa nhờ vào hào quang của đức Phật.

516. Giống như trong việc sanh sản của loài hạc nâu, hạc nâu đực không bao giờ được biết đến, những con hạc nâu cái ấy luôn luôn được thụ thai trong khi những cơn mưa đang gào thét.

517. Những con hạc nâu cái ấy còn duy trì bào thai lâu dài đến chừng nào cơn mưa còn chưa đổ xuống. Khi cơn mưa đổ xuống, chúng được thoát khỏi gánh nặng.

518. Được gào thét bởi cơn mưa giáo pháp của đức Phật Padumuttara, con đã kết tụ bào thai giáo pháp nhờ vào âm thanh của cơn mưa giáo pháp.

519. Con mang theo bào thai phước báu đến một trăm ngàn [kiếp],[21] con không được thoát khỏi gánh nặng [luân hồi] khi cơn mưa giáo pháp chưa gào thét.

520. Bạch đấng Hiền Trí của dòng họ Sakya, khi nào Ngài gào thét với cơn mưa giáo pháp ở thành Kapilavatthu đáng yêu thì con được giải thoát khỏi gánh nặng [luân hồi].

521. Con đã nhận thức về không tánh, về vô tướng, và cũng như thế về vô nguyện, về bốn quả vị và tất cả các pháp.

(Dứt tụng phẩm thứ nhì).

522. Con ước nguyện về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp]. [Giờ] con đã đạt đến mục đích ấy và vị thế an tịnh vô thượng [Niết-bàn].

523. Cũng giống như vị Ẩn sĩ [Tỳ-khưu] là bậc trì tụng, con đã đạt đến sự toàn hảo về Luật, không có vị nào sánh bằng với con, con duy trì giáo pháp.

524. Về Luật [Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], luôn cả *Luật Hợp phần* (*Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*), theo cách chia làm ba phần và phần thứ năm, ở đây con không có điều gì nghi ngờ về mẫu tự hay từ ngữ.

525. Con được rành rẽ về việc khiển trách tội, về việc sửa chữa tội, về sự

---

[20] *Satasahassasamvaccharam* (*ApA*. 281), *Samvaccharam* có ý nghĩa là "năm".

[21] *Kappasatasahassam* (*Sdd*. 282), *kappa* có ý nghĩa là "kiếp".

thành lập hay không thành lập tội, về việc phục hồi [phẩm vị], về việc làm cho hết tội, con đã đạt đến sự toàn hảo về mọi lãnh vực.

526. Sau khi lấy ra một điều học ở Luật [Phân tích] thậm chí ở *Luật Hợp phần*, con có thể gỡ rối về cả hai bộ Luật và giải thích điều cốt lõi.

527. Con vô cùng thiện xảo về ngôn từ và rành rẽ về điều lợi ích hoặc không lợi ích. Không có điều [Luật] gì là con không biết đến, con là vị có sự chăm chú về giáo pháp của bậc Đạo sư.

528. Giờ đây trong thời điểm hiện tại, con xua đi tất cả mọi điều ngờ vực về giáo pháp của người con trai dòng Sakya, con cắt đứt tất cả các điều nghi hoặc.

529. Con rành rẽ về câu cú, luôn cả phần phụ thuộc của câu cú, về mẫu tự, luôn cả từ ngữ, về nhập đề, về kết thúc, về tất cả các lãnh vực này.

530. Cũng giống như vị vua hùng mạnh có thể khống chế và gây khó khăn cho kẻ địch, sau khi toàn thắng cuộc chiến thì có thể kiến thiết thành phố ở tại nơi ấy.

531. [Đức vua] có thể cho xây dựng tường thành, luôn cả hào rãnh, trạm gác, cổng thành và nhiều vọng canh đủ các loại ở thành phố.

532. Ở tại nơi ấy, [đức vua] có thể cho xây dựng ngã tư đường, bùng binh, khu phố chợ khéo được phân bố và phòng hội họp để quyết định điều hay lẽ thiệt.

533. Đức vua bổ nhiệm vị tướng lãnh quân đội với nhiệm vụ tiêu diệt những kẻ nghịch, để biết được thế yếu và thế mạnh nhằm bảo toàn binh lực.

534. Nhằm mục đích bảo quản phẩm vật, đức vua bổ nhiệm người nam thiện xảo trong việc cất giữ làm người thủ khố: "Chớ làm thất thoát phẩm vật của trẫm."

535. Người nào tận tụy đối với đức vua và mong muốn ngài có được sự tiến triển, đức vua ban cho người ấy quyền phân xử để được trở thành cận thần của ngài.

536. Đức vua phong cho vị giảng huấn thông thạo về chú thuật, rành rẽ về các điềm báo hiệu và các hiện tượng đã được sanh khởi vào địa vị quân sư.

537. [Đức vua] hội đủ những yếu tố này được gọi là "Sát-đế-lỵ". [Quần thần] luôn bảo vệ đức vua tợ như con ngỗng đỏ luôn hộ trì kẻ bị khổ đau.

538. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ như thế ấy, Ngài được gọi là "Pháp Vương" của thế gian luôn cả chư thiên, tợ như vị Sát-đế-lỵ có kẻ thù đã bị đánh bại.

539. Sau khi đánh bại các ngoại đạo và luôn cả Ma vương cùng với đội quân binh, sau khi hủy diệt sự tăm tối ấy, Ngài đã xây dựng thành phố giáo pháp.

540. Bạch đấng Trí Tuệ, tại nơi ấy giới là tường thành, trí của Ngài là cổng thành, tín của Ngài là trạm gác, và sự thu thúc là người canh gác cổng.

541. Bạch đấng Hiền Trí, sự thiết lập niệm là vọng canh, tuệ của Ngài là

bùng binh, và nền tảng của thần thông là ngã tư đường; con đường giáo pháp đã khéo được xây dựng.

542. Toàn bộ Kinh, Vi diệu pháp và luôn cả Luật là lời dạy của đức Phật gồm có chín thể loại; đây là phòng hội họp về giáo pháp của Ngài.

543. Sự an trú không tánh, sự an trú vô tướng và sự an trú vô nguyện, [bốn quả vị Sa-môn] không bị lay chuyển và sự tịch diệt [Niết-bàn]; đây là căn nhà giáo pháp của Ngài.

544. Vị có tên Sāriputta đã được chọn lựa là vị đứng đầu về tuệ, được rành rẽ về biện tài, là vị Tướng quân Chánh pháp của Ngài.

545. Bạch đấng Hiền Trí, vị tên Kolita được thiện xảo về sanh tử [thông], đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông là viên quan tế tự của Ngài.

546. Bạch đấng Hiền Trí, vị duy trì truyền thống cổ xưa [Mahākassapa] có oai lực nổi bật, khó mà tiếp cận, đứng đầu về đức hạnh trong việc giáo giới các pháp giũ bỏ, là viên quan phán xử của Ngài.

547. Bạch đấng Hiền Trí, vị tên Ānanda nghe nhiều [học rộng], nắm giữ giáo pháp, có sự trì tụng toàn bộ về lời chỉ dạy, là vị bảo vệ giáo pháp của Ngài.

548. Sau khi điểm qua tất cả các vị này, đức Thế Tôn đã cân nhắc đến tôi và đã ban cho tôi việc phân xử về Luật đã được bậc Thức Tri thuyết giảng.

549. Bất cứ vị Thinh văn nào của đức Phật hỏi câu hỏi về Luật, tôi không cần có sự suy nghĩ về câu hỏi ấy, tôi giảng giải đúng ngay ý nghĩa câu hỏi ấy.

550. Cho đến địa phận của chư Phật ngoại trừ bậc Đại Hiền Trí ấy, không ai sánh bằng tôi về Luật, làm sao sẽ có vị hơn được?

551. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đức Gotama khẳng định như vầy: "Không có vị nào sánh bằng Upāli về Luật [Phân tích] và các bộ *Hợp phần.*"

552. Cho đến giáo pháp của bậc Đạo sư có chín thể loại đã được đức Phật nói ra, đối với người nhận thức được "Luật là nền tảng" thì tất cả [giáo pháp] đều được bao gồm trong Luật.

553. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

554. Tôi đã ước nguyện về vị thế ấy từ trăm ngàn [kiếp], tôi đã đạt đến mục đích ấy, đã đạt đến sự toàn hảo về Luật.

555. Trước đây tôi đã là người thợ cạo râu tóc đem lại niềm vui cho các vị dòng Sakya. Sau khi lìa bỏ sự xuất thân ấy, tôi đã trở thành người con trai của bậc Đại Ẩn Sĩ.

556. Trước đây hai kiếp, vị hộ trì trái đất là vị Sát-đế-ly tên Añjasa, có oai lực vô biên, có danh vọng vô lượng, có tài sản lớn lao.

557. Là người con trai của vị vua ấy, tôi là vị Sát-đế-ly tên Candana. Tôi đã ỷ lại vào sự kiêu hãnh về dòng dõi và sự kiêu hãnh về danh vọng và của cải.

558. Một trăm ngàn con long tượng mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được tô điểm với tất cả các loại trang sức, luôn luôn hộ tống tôi.

559. Khi ấy, được tháp tùng bởi các binh lính của mình, là người có ý thích đi dạo khu vườn, tôi đã cỡi lên con voi Sirika và đã rời khỏi thành phố.

560. Đức Phật tên Devala[22] đầy đủ tánh hạnh, có các căn được phòng hộ, khéo thu thúc đã đi đến phía trước tôi.

561. Khi ấy, tôi đã thúc con voi Sirika và đã công kích đức Phật. Do đó, con voi ấy đã nổi cơn giận dữ và không chịu nhấc bàn chân lên.

562. Sau khi nhìn thấy con voi có tâm ý bất bình, tôi đã thể hiện sự giận dữ đối với đức Phật. Sau khi gây khó khăn cho đức Phật, tôi đã đi đến khu vườn.

563. Tôi không tìm thấy sự thoải mái ở tại nơi ấy giống như cái đầu đã bị bốc cháy, tôi bị thiêu đốt vì sự bực bội tợ như con cá bị vướng vào lưỡi câu.

564. Việc xảy ra cho tôi tợ như trái đất bị rực cháy đến tận bờ biển, tôi đã đi đến gặp người cha và đã nói lời nói này:

565. "Việc con đã công kích đấng Tự Chủ tợ như con rắn độc bị nổi giận, tợ như khối lửa đã tiến đến, tợ như con voi có sự huấn luyện bị động cỡn.

566. Đức Phật, đấng Chiến Thắng có khổ hạnh nổi bật khủng khiếp, đã bị con công kích. Trước khi tất cả chúng ta bị tiêu diệt, chúng ta hãy xin bậc Hiền Trí ấy thứ lỗi.

567. Ngài là vị có bản thân đã được rèn luyện được định tĩnh, nếu chúng ta không được vị ấy tha thứ thì xứ sở của con sẽ bị tiêu hoại trong vòng bảy ngày.

568. [Các vị Vua] Sumekhala, Kosiya, Siggava và luôn cả Sattuko, sau khi công kích các vị Ẩn sĩ, họ cùng với cư dân của xứ sở đã lâm vào cảnh khổ đau.

569. Khi các vị Ẩn sĩ đã tự chế ngự, có sự thực hành Phạm hạnh, nổi cơn bực tức, các vị làm cho thế gian cùng với biển cả và núi non luôn cả chư thiên bị hủy hoại."

570. Tôi đã triệu tập các nam nhân trong phạm vi ba ngàn do-tuần, và tôi đã đi đến gặp đấng Tự Chủ với ý định sám hối tội lỗi.

571. Hết thảy tất cả có y phục ướt đẫm, có đầu tóc ướt đẫm đã chắp tay lên. Sau khi quỳ xuống ở bàn chân của đức Phật, bọn họ đã nói lời nói này:

572. "Bạch đấng Đại Hùng, dân chúng cầu xin Ngài, xin Ngài hãy tha thứ, xin Ngài hãy xua đi nỗi bực bội, xin Ngài chớ hủy hoại xứ sở của chúng tôi."

573. "Xin tất cả loài người và chư thiên cùng với hạng người khổng lồ và các quỷ dữ hãy đập bể đầu của con bằng cái chày vồ làm bằng sắt vào mọi lúc."

574. [Vị Phật đáp:] "Ngọn lửa không tồn tại ở nước, hạt giống không mọc lên ở tảng đá, sâu bọ không tồn tại ở thuốc men, sự giận dữ không nảy sanh ở đức Phật.

[22] Mặc dầu văn bản ghi *sambuddho* nghĩa là Phật Toàn Giác, nhưng *Chú giải* giải thích đây là *paccekasambuddho* nghĩa là Phật Độc Giác (*ApA*. 288).

575. Cũng giống như trái đất thì không lay chuyển, biển cả thì không thể đo lường và không gian thì vô tận, tương tợ như vậy, chư Phật là không dao động.

576. Các đấng Đại Hùng luôn nhẫn nại, các đạo sĩ khổ hạnh luôn thứ tha. Đối với các vị đã nhẫn nại đã thứ tha, việc đi đến sự bực bội là không có."

577. Nói xong điều này, trong khi xua đi sự bực bội, đức Phật khi ấy đã bay lên không trung ở phía trước đám đông dân chúng.

578. Bạch đấng Trí Tuệ, do nghiệp ấy con đã đi đến bản thể thấp kém. Sau khi tự vượt lên trên số phận ấy, con đã đi vào thành phố không hãi sợ [Niết-bàn].

579. Bạch đấng Đại Hùng, cũng vào khi ấy con đã cầu xin đấng Tự Chủ thứ lỗi và vị ấy đã xua đi sự bực bội đang thiêu đốt con, đang tồn tại vững chắc ở con.

580. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay cũng vậy, trong khi con đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, Ngài đã dập tắt ba ngọn lửa và giúp con đạt đến trạng thái mát mẻ.

581. Nếu các người có sự chú ý vào việc nghe thì hãy lắng nghe khi tôi đang nói. Tôi sẽ giảng giải ý nghĩa cho các người về việc tôi đã thấy được vị thế [Niết-bàn] như thế nào.

582. Sau khi đã khinh miệt đấng Tự Chủ là vị có tâm an tịnh, định tĩnh ấy, do nghiệp ấy ngày hôm nay tôi đã bị sanh ra vào dòng dõi thấp kém.

583. Các người chớ để cơ hội trôi qua bởi vì khi cơ hội đã trôi qua các người sẽ sầu muộn. Các người hãy nên tinh tấn cho lợi ích của chính mình, cơ hội sẽ xảy đến cho các người.

584. Và [giáo pháp] đối với một số người là sự ói mửa, đối với một số người là sự tháo dạ, đối với số người là chất độc chết người và đối với một số người là phương thuốc.

585. Là sự ói mửa đối với những người đang thực hành, là sự xổ ruột đối với những người tiến đến quả vị, là phương thuốc đối với những người có sự thành tựu quả vị, là phước điền đối với những người tầm cầu.

586. Chất độc chết người [tác hại] đối với những kẻ thù nghịch giáo pháp như thế nào thì con rắn độc có nọc độc tà kiến thiêu đốt người đàn ông ấy như vậy.

587. Được uống một lần, chất độc chết người chấm dứt mạng sống. Còn người khi đã thù nghịch với giáo pháp thì bị thiêu đốt một *koṭi* (mười triệu) kiếp.

588. Do sự nhẫn nại, do sự không hãm hại và do sự hành trì tâm từ ái, đức Phật giúp thế gian luôn cả chư thiên vượt qua, vì thế các người không nên thù nghịch.

589. Chư Phật tương đương với trái đất, các Ngài không bị vướng bận vào các sự được lợi hay mất lợi, vào sự kính trọng hay không kính trọng, vì thế các người không nên thù nghịch.

590. Trong trường hợp kẻ phá hoại Devadatta, kẻ cướp Aṅgulimāla, con voi Dhanapāla và [người con trai] Rāhula, bậc Hiền Trí là bình đẳng đối với tất cả.

591. Các vị này không có sự bất bình, các vị này không biết đến sự luyến ái. Đức Phật là bình đẳng đối với tất cả, đối với kẻ phá hoại cũng như đối với người con ruột.

592. Sau khi nhìn thấy ở trên đường tấm y ca-sa bị quăng bỏ lấm lem bởi phân bò, nên chắp tay ở trên đầu đảnh lễ biểu tượng của bậc Ẩn Sĩ.

593. Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai được thanh tịnh nhờ vào biểu tượng này, vì thế những vị này đáng được lễ bái.

594. Luật tốt đẹp được xem như là bậc Đạo sư, tôi duy trì Luật bằng trái tim. Trong khi tôn kính đối với Luật, tôi sẽ luôn luôn an trú.

595. Luật là khuynh hướng của tôi, Luật là chỗ đứng và là đường kinh hành [của tôi], tôi sắp xếp sự cư ngụ ở trong Luật, Luật là hành xứ của tôi.

596. Tôi đã đạt đến sự toàn hảo về Luật và cũng rành rẽ các pháp dàn xếp [về tranh tụng]. Bạch đấng Đại Hùng, Upāli đảnh lễ ở bàn chân của Ngài là bậc Đạo sư.

597. Trong khi lễ bái bậc Toàn Giác và bản chất tốt đẹp của giáo pháp, tôi đây sẽ du hành từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác.

598. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

599. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

600. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upāli" là phần thứ sáu.

7. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AÑÑĀKOṆḌAÑÑA
(*Aññākoṇḍaññattherāpadānaṃ*)

601. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Hướng Đạo, vị đã đạt đến nền tảng của bậc Giác Ngộ.

602. Cho đến tất cả dạ-xoa đã tụ hội lại ở cội cây Bồ-đề, họ vây quanh và chắp tay lên đảnh lễ bậc Toàn Giác.

603. Với tâm ý hớn hở, tất cả chư thiên ấy di chuyển đó đây ở trên không trung [nói rằng]: "Đức Phật này đã ngự đến, xua tan bóng đêm tăm tối."

604. Được tràn ngập niềm vui, các vị ấy đã phát lên tiếng vang lớn rằng: "Chúng ta sẽ thiêu đốt các phiền não ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác."

605. Nhận biết giọng nói được thốt thành lời của chư thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng bữa ăn đầu tiên [đến đức Phật].

606. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này:

607. "Sau khi ra đi bảy ngày, Ta đã chứng đắc phẩm vị Giác ngộ. Đây là bữa ăn đầu tiên của Ta, là vật nuôi dưỡng cơ thể đối với việc hành Phạm hạnh.

608. Bởi vì người nào từ cõi trời Đẩu-suất đi đến nơi đây và đã dâng lên thức ăn cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

609. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp. Sau khi vượt trội tất cả chư thiên, người ấy sẽ cư ngụ ở cõi trời.

610. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, là đấng Chuyển Luân Vương, cai quản quốc độ ở tại nơi ấy một ngàn lần.

611. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

612. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại. Sau khi lìa gia đình xuất gia, người ấy sẽ sống sáu năm [khổ hạnh].

613. Sau đó, vào năm thứ bảy đức Phật sẽ thuyết giảng chân lý. Vị tên là Koṇḍañña sẽ chứng ngộ đầu tiên."

614. Tôi đã xuất gia theo [đức Bồ-tát] vị đã lìa khỏi [gia đình]. Sự tinh tấn đã được tôi thể hiện tốt đẹp. Nhằm mục đích thiêu đốt các phiền não, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

615. Đấng Toàn Tri, đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên, đã ngự đến Isināma tại Vườn Nai và đã vỗ lên tiếng trống bất tử.

616. Bây giờ, tôi đây đã đạt đến vị thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

617-19. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aññākoṇḍañña đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aññākoṇḍañña" là phần thứ bảy.

8. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIṆḌOLABHĀRADVĀJA
(*Piṇḍolabhāradvājattherāpadānaṃ*)

620. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã cư ngụ tại Cittakūṭa [đỉnh núi Citta] ở phía trước núi Hy-mã-lạp.

621. Ở tại nơi ấy, tôi đã là [con sư tử] vua của loài thú có dáng vóc dũng mãnh đi khắp bốn phương. Nhiều người hoảng hốt sau khi nghe tiếng rống của nó.

622. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu và đã dâng đến đức Phật [khi Ngài] đã xuất khỏi định.

623. Sau khi lễ bái đức Phật tối thượng, bậc Tối Thượng Nhân từ bốn hướng, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín rồi đã rống lên tiếng rống của loài sư tử.

624. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này:

625. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại [nói rằng]: "Vị đứng đầu trong số các bậc thuyết giảng đã đi đến, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của Ngài."

626. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Đại Hiền Trí có sự nhìn thấy tương lai xa vời, đã tán dương đức tin của tôi ở phía trước chư thiên đang được tràn ngập niềm vui ấy rằng:

627. "Người nào đã dâng cúng đóa hoa sen này và đã rống lên tiếng rống của loài sư tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

628. Vào kiếp thứ tám về sau này, người này sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của bốn châu lục.

629. [Người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương có sức mạnh vĩ đại tên Paduma, cai quản lãnh địa ở trên trái đất sáu mươi bốn lần.

630. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

631. Khi Phật ngôn được công bố, [người này] sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. [Người này] sẽ lìa khỏi phẩm vị Bà-la-môn và sẽ xuất gia ngay khi ấy.

632. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

633. Tại chỗ ngụ hẻo lánh ở trong rừng đầy dẫy ác thú, [vị ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

634-36. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piṇḍolabhāradvāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piṇḍolabhāradvāja" là phần thứ tám.

9. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYA REVATA
(*Khadiravaniyarevatattherāpadānaṃ*)

637. Sông Gaṅgā có tên là Bhāgīrathī, được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp. Tôi đã là người chèo thuyền ở bến tàu hiểm trở, và ở bờ này tôi chèo qua [bờ kia].

638. Tôi đã được nghe trước rằng đấng Lãnh Đạo Padumuttara sẽ vượt qua dòng sông cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

639. Sau khi gom lại nhiều chiếc thuyền, tôi đã thực hiện mái che được chuẩn bị khéo léo bởi những người thợ mộc ở trên [một] chiếc thuyền, rồi đã chờ đợi đấng Nhân Ngưu.

640. Và đấng Toàn Giác đã ngự đến và đã bước lên chiếc thuyền ấy. Đứng ở giữa [dòng] nước, bậc Đạo sư đã nói lên những lời kệ này:

641. "Người nào đã đưa bậc Toàn Giác và hội chúng Vô lậu sang bờ kia, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên.

642. Sẽ có cung điện hình dạng chiếc thuyền được kiến tạo khéo léo sanh lên cho ngươi, sẽ có mái che bằng bông hoa được duy trì ở trên không vào mọi lúc.

643. Năm mươi tám kiếp về sau, [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Tāraka, là đấng Chuyển Luân Vương, có sự chinh phục bốn phương.

644. Năm mươi bảy kiếp về sau, [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Campaka, có sức mạnh lớn lao và sẽ rực sáng như mặt trời đang mọc.

645. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

646. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại và sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Revata.

647. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sau khi lìa khỏi gia đình sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

648. Sau khi xuất gia, vị ấy sau này sẽ là vị hành minh sát có sự gắn bó mật thiết, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

649. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

650. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

651. Sau đó, khi nhìn thấy tôi được vui thích ở rừng, bậc Hiền Trí, người đã đi đến tận cùng thế gian, đấng Đại Trí đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị Tỳ-khưu cư ngụ ở rừng.

652. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khadiravaniya Revata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khadiravaniya Revata" là phần thứ chín.

10. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀNANDA (*Ānandattherāpadānaṃ*)

653. Sau khi đi ra khỏi cổng tu viện, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, trong lúc đổ cơn mưa bất tử đã giúp cho đám đông dân chúng đạt đến Niết-bàn.

654. Một trăm ngàn vị Anh hùng ấy có sáu thắng trí, có đại thần lực, tháp tùng bậc Toàn Giác tợ như bóng không có sự xa lìa [hình].

655. Tôi đã ngồi trên mình voi [nắm giữ] chiếc lọng trắng cao quý tối thượng. Sau khi nhìn thấy hình dáng vô cùng lịch sự, tôi đã có niềm hạnh phúc sanh khởi.

656. Leo xuống từ mình voi, tôi đã đi đến gần bậc Nhân Ngưu. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng làm bằng châu báu của tôi che cho đức Phật tối thượng.

657. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã ngưng lại cuộc thuyết giảng ấy và đã nói lên những lời kệ này:

658. "Người nào đã nắm giữ chiếc lọng được tô điểm các vật trang sức bằng vàng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

659. Từ nơi này ra đi, người nam này sẽ cư ngụ ở cõi trời Đẩu-suất và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

660. [Người này] sẽ cai quản thiên quốc ba mươi bốn lần, sẽ là vị thống lãnh quân đội cư ngụ ở trái đất trong một trăm lẻ tám kiếp sống.

661. [Người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi tám lần và sẽ cai quản lãnh thổ vương quốc rộng bao la ở trên trái đất.

662. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

663. Có tên là Ānanda [người này] sẽ là thân bằng quyến thuộc, sẽ trở thành người thị giả của bậc Đại Ẩn sĩ, là biểu tượng của gia tộc dòng Sakya.

664. [Người này] sẽ có sự nhiệt tâm và cẩn trọng nữa, được rành rẽ về nhiều chân lý, có hành vi khiêm nhường, không nhẫn tâm, có sự trì tụng toàn bộ.

665. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

666. Các con voi sống ở rừng là loài voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi, có các ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua.

667. Hàng trăm ngàn vị ấy cũng là các bậc trí tuệ và có đại thần lực, tất cả các vị ấy là không sánh bằng đối với đức Phật, đấng Tượng Vương.

668. Tôi lễ bái vào canh đầu, vào canh giữa và vào canh cuối. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng.

669. Tôi có sự nhiệt tâm và cẩn trọng nữa, có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ], đã đạt đến quả vị Nhập lưu và rành rẽ về các nền tảng của bậc Hữu học.

670. Việc tôi đã khẳng định về hành động ở một trăm ngàn kiếp trước đây, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã được tồn tại, được bất động ở Chánh pháp.

671. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

672. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

673. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

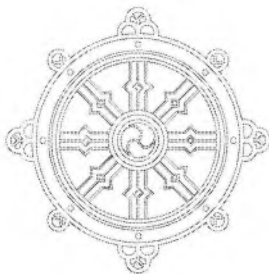
Đại đức Trưởng lão Ānanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ānanda" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Phật [Toàn Giác], Phật Độc Giác, vị Sāriputta, vị Koḷita, vị Kassapa, vị Anuruddha, vị Trưởng lão Puṇṇa, vị Upāli, vị Aññāsikoṇḍañña, vị Piṇḍola, vị Revata và bậc Trí tuệ Ānanda; toàn bộ sáu trăm năm mươi câu kệ đã được gộp chung lại.

Phẩm Đức Phật là phẩm thứ nhất.



II. PHẨM SĪHĀSANADĀYAKA
(*SĪHĀSANADĀYAKAVAGGO*)

11. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA
(*Sīhāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

674. [Vào lúc ấy] đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha đã Niết-bàn, Phật ngôn đã được lan rộng, giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết.

675. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử. Sau khi làm xong bảo tọa sư tử, tôi đã thực hiện ghế kê chân.

676. Và khi trời mưa ở bảo tọa sư tử, tôi đã xây dựng ngôi nhà ở tại nơi ấy. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

677. Ngay lập tức đã có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi dài hai mươi bốn do-tuần, rộng mười bốn do-tuần.

678. Có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi. Và có chiếc ghế bành làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra ở tòa lâu đài.

679. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng. Các tòa lâu đài và luôn cả các kiệu khiêng đều được sanh lên theo như ước muốn.

680. Có các chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni và nhiều chiếc khác làm bằng lõi gỗ, tất cả đều được sanh lên cho tôi; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

681. Tôi bước lên những đôi giày làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng pha lê và ngọc bích; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân.

682. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

683. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương[1] tên Inda. Trước đây bảy mươi hai kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương tên Sumana.

684. Trước đây đúng bảy mươi kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương tên Varuṇa, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục.

685. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] Câu kệ này và câu kế được ghi theo *Chú giải* (*ApA*. 312).

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanadāyaka" là phần thứ nhất.

12. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKATTHAMBHIKA
(*Ekatthambhikattherāpadānaṃ*)

686. Đức Thế Tôn Siddhattha đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Những người ấy đã đi đến nương nhờ vào đức Phật, họ đặt niềm tin vào đức Như Lai.

687. Tất cả đã tụ hội lại, bàn bạc, rồi xây dựng hội trường dành cho bậc Đạo sư. Không có được một cây cột trụ, họ tìm kiếm ở khu rừng bạt ngàn.

688. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy bọn họ ở trong rừng và đã đi đến gần đám đông. Sau khi chắp tay lên, tôi đã hỏi đám đông.

689. Được tôi hỏi, những người cư sĩ có giới hạnh ấy đã trả lời rằng: "Chúng tôi có ý định xây dựng hội trường nhưng không có được một cây cột trụ."

690. "Xin các vị hãy giao cho tôi, tôi sẽ dâng đến bậc Đạo sư một cây cột trụ. Tôi sẽ mang cây cột trụ đến, các vị không phải bận tâm."

691. Họ đã xem xét cây cột trụ của tôi, và đã được tin tưởng với tâm ý hớn hở. Sau đó, họ đã quay trở lại và đã đi về nhà của mình.

692. Khi ấy, lúc đám đông cư sĩ ra đi không lâu, tôi đã dâng cúng cây cột trụ. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dựng đứng cây cột trụ trước tiên.

693. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời. Có cung điện cao ráo dành cho tôi, được vươn cao một trăm tầng lầu.

694. Khi ấy, tôi luôn luôn được người hầu hạ trong lúc những chiếc trống lớn được vỗ vang. [Trước đây] năm mươi lăm kiếp, tôi đã là đức Vua Yasodhara.

695. Ở tại nơi ấy, dành cho tôi cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu, được kề cận nhà mái nhọn cao quý, và có một cây cột trụ thích ý.

696. [Trước đây] hai mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Udena. Ở tại nơi ấy, cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu dành cho tôi.

697. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều thọ hưởng mọi sự an lạc; điều này là quả báo của một cây cột trụ.

698. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây cột trụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một cây cột trụ.

699. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekatthambhika[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekatthambhika" là phần thứ nhì.

---

[2] *Sīhāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng bảo tọa (*āsana*) sư tử (*sīha*), pháp tọa."

[3] *Ekatthambhika* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) cây cột trụ (*thambha*)."

13. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDA (*Nandattherāpadānaṃ*)

700. Tấm vải sợi lanh đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Padumuttara, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

701. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện đến tôi đây rằng: "Với sự dâng cúng tấm vải này, ngươi sẽ có được màu da vàng chói.

702. Được thúc đẩy bởi các nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người], ngươi sẽ trở thành người em trai của đức Thế Tôn Gotama.

703. Là người say mê ái dục, thiên về khoái lạc, bám víu vào sự tham đắm trong các dục, khi ấy bị thúc đẩy bởi đức Phật, ngươi sẽ xuất gia.

704. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi xuất gia ở tại nơi ấy, ngươi sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

705. [Trước đây] một trăm ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là Cela. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là Upacela.

706. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên cũng là Cela, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục.

707. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nanda[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nanda" là phần thứ ba.

14. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CULLAPANTHAKA (*Cullapanthakattherāpadānaṃ*)

708. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đã tách lìa khỏi đám đông, và Ngài đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp.

709. Khi ấy, tôi cũng sống ở khu ẩn cư tại núi Hy-mã-lạp. Khi đấng Anh Hùng ngự đến không bao lâu, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

710. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che bằng bông hoa và đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu. Trong lúc Ngài đang nhập định, tôi đã tạo ra sự khuấy rối.

711. Tôi đã nâng lên bằng hai bàn tay và đã dâng lên chiếc lọng che bằng bông hoa. Đức Thế Tôn, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara đã thọ nhận.

712. Tất cả chư thiên có tâm hoan hỷ, các vị ấy đi đến núi Hy-mã-lạp. Các vị đã thể hiện hành động tán thưởng [nói rằng]: "Bậc Hữu Nhãn sẽ nói lời tùy hỷ."

713. Nói xong điều này, chư thiên ấy đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân trong lúc Ngài đang ở trên không trung cầm lấy chiếc lọng bằng hoa sen hồng thượng hạng của tôi. [Đức Phật đã nói rằng:]

[4] Nanda là người em trai cùng cha (đức Vua Suddhodana) khác mẹ (con bà Mahāpajāpati Gotamī) của Thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta). (ND)

714. "Vị đạo sĩ khổ hạnh đã nâng lên chiếc lọng có một trăm cánh sen và đã dâng cúng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

715. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần.

716. [Người ấy] luân hồi đến chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, khi đang đứng ở bên ngoài trời thì sẽ có đóa hoa sen hồng che chở [cho vị ấy].

717. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

718. Khi Phật ngôn được công bố, [người ấy] sẽ đạt được bản thể nhân loại và sẽ trở thành vị giỏi nhất về [biến hóa] thân được tạo ra bởi ý.

719. Sẽ có hai người anh em trai. Cả hai đều có tên là Panthaka. Sau khi thọ hưởng mục đích tối thượng, cả hai sẽ làm sáng chói giáo pháp."

720. Được mười tám tuổi, tôi đây đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi không đạt được điều gì xuất sắc ở trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya.

721. Bản chất của tôi đã là đần độn, trước đây tôi đã bị khi dễ. Và người anh trai đã xua đuổi tôi rằng: "Bây giờ ngươi hãy đi về nhà của mình đi."

722. Trong khi bị xua đuổi ở tại cổng ra vào của tu viện dành cho hội chúng, với tâm ý rầu rĩ tôi đây đã đứng tại nơi ấy với niềm ao ước về bản thể Sa-môn.

723. Đức Thế Tôn đã đi đến nơi ấy. Ngài đã xoa đầu tôi. Sau khi nắm lấy cánh tay của tôi, Ngài đã dẫn tôi đi vào tu viện dành cho hội chúng.

724. Với lòng thương tưởng, bậc Đạo sư đã đưa cho tôi miếng giẻ chùi chân [và nói rằng]: "Ngươi hãy chú nguyện cho được trong sạch như vầy theo một hướng đã được xác định đúng đắn."

725. Sau khi cầm lấy vật ấy bằng hai tay, tôi đã nhớ lại đóa sen hồng. Tại nơi ấy tâm của tôi đã được giải thoát, tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

726. Tôi đã đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện trong việc [biến hóa] các thân được tạo ra bởi ý. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

727. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Cullapanthaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Cullapanthaka" là phần thứ tư.

15. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIḶINDIVACCHA
(*Piḷindivacchattherāpadānaṃ*)

728. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, nhân vật cao cả Sumedha đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thể hiện sự cúng dường đến ngôi bảo tháp.

729. Và ở tại nơi ấy, các vị nào là bậc lậu tận, có sáu thắng trí, có đại thần lực, tôi đã triệu tập các vị ấy lại ở tại nơi ấy và đã thực hiện bữa trai phạn đến hội chúng.

730. Lúc bấy giờ, vị thị giả của đức Thế Tôn Sumedha tên là Sumodha đã có mặt. Khi ấy, vị ấy đã nói lời tùy hỷ.

731. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh về thiên cung. Tám mươi sáu ngàn tiên nữ đã cùng tôi vui sướng.

732. Các nàng ấy luôn luôn phục tòng chỉ mình tôi bằng mọi thứ dục lạc, tôi vượt trội các vị thiên nhân khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

733. Vào kiếp thứ hai mươi lăm, tôi đã là vị Sát-đế-ly tên Varuṇa. Khi ấy, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương có vật thực vô cùng tinh khiết.

734. Dân chúng không gieo hạt giống, cũng không theo sau lưỡi cày, họ thọ dụng gạo sāli này không phải cày, không phải nấu.

735. Sau khi trị vì vương quốc tại nơi ấy, tôi đã đi đến bản thể thiên nhân lần nữa. Khi ấy, cũng giống như tôi, họ đã được tái sanh, có sự đầy đủ về của cải.

736. Tất cả sanh linh, là bạn hay không phải là bạn, đều không hãm hại tôi. Thậm chí tôi được tất cả yêu quý; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

737. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa vật thơm [ở ngôi bảo tháp].

738. Ở vào kiếp Bhadda này, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, có đại oai lực, có sức mạnh lớn lao.

739. Tôi đây đã an trú nhiều người vào năm giới cấm và còn giúp cho họ đạt đến nhàn cảnh nữa, tôi đã được chư thiên yêu quý.

740. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piḷindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piḷindivaccha" là phần thứ năm.

16. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RĀHULA (*Rāhulattherāpadānaṃ*)

741. Tôi đã lắp đặt gương soi ở tòa lâu đài bảy tầng của đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

742. Được tùy tùng bởi một ngàn bậc vô lậu, bậc Đại Hiền Trí, đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Nhân Ngưu đã đi đến hương thất.

743. Trong lúc làm cho hương thất chiếu sáng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

744. "Nhờ người nào chỗ ngụ này được chiếu sáng và gương soi đã khéo được lắp đặt, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

745. Có các tấm gương làm bằng vàng, làm bằng bạc và làm bằng ngọc bích. Từ tấm gương sẽ hiện ra bất cứ những gì được yêu thích ở trong tâm.

746. Người ấy sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần, và kế tiếp đó sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

747. Vào kiếp thứ hai mươi mốt, [người ấy] sẽ là vị Sát-đế-ly tên Vimala, sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, là người chinh phục bốn phương.

748. Có thành phố tên Reṇuvatī được xây dựng bằng các viên gạch, được kiến trúc dạng hình vuông trải dài ba trăm do-tuần.

749. Có tòa lâu đài tên Sudassana được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma, có các nhà mái nhọn cao quý được điểm tô bằng bảy loại châu báu.

750. Được nhộn nhịp với mười loại âm thanh, được đông đảo các nhà pháp thuật, [thành phố này] sẽ là tương tợ như thành phố Sudassana của chư thiên.

751. Ánh sáng của thành phố ấy phát ra ngay trong khi mặt trời đang mọc, và luôn luôn chiếu sáng thành phố ấy tám do-tuần ở xung quanh.

752. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

753. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, người ấy sẽ trở thành con trai của đức Thế Tôn Gotama.

754. Nếu sống tại gia, người ấy có thể trở thành đấng Chuyển Luân Vương. Việc con người như thế ấy đi đến sự vui sướng trong đời sống tại gia là không có cơ sở.

755. Sau khi lìa khỏi gia đình, người ấy sẽ xuất gia, có sự hành trì tốt đẹp, và sẽ trở thành vị A-la-hán với tên là Rāhula."

756. Bạch đấng Đại Hiền Triết, giống như loài chim kikī bảo vệ trứng, giống như loài bò mộng bảo vệ cái đuôi, con là người cẩn trọng, được tròn đủ về giới, con đã hộ trì như vậy.

757. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống vui sướng trong giáo pháp. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

758. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rāhula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rāhula" là phần thứ sáu.

17. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPASENA (*Upasenattherāpadānaṃ*)

759. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở sườn núi, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân ấy.

760. Sau khi nhìn thấy bông hoa kaṇikāra đã được nở rộ, khi ấy tôi đã ngắt lìa ở cuống hoa. Sau khi tô điểm ở chiếc lọng che, tôi đã che ở phía bên trên của đức Phật.

761. Và tôi đã dâng lên vật thực gồm có cơm thượng hạng và thức ăn ngon. Tại nơi ấy, tôi đã chăm lo bữa ăn cho tám vị Sa-môn với đức Phật là vị thứ chín.

762-63. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng chiếc lọng che này và sự hiến tặng món cơm thượng hạng, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành công. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần.

764. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

765. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

766. Trong khi giáo pháp đang chiếu sáng, [người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upasena."

767. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tôi duy trì thân mạng cuối cùng sau khi đã tiêu diệt Ma vương cùng với đạo quân binh.

768. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ ba).

18. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṬṬHAPĀLA (*Raṭṭhapālattherāpadānaṃ*)

769. Con voi cao quý, có ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua đã được tôi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

770. [Con voi] được rạng rỡ với chiếc lọng trắng, có các vật trang sức dành cho loài voi. Sau khi đã cho định giá toàn bộ vật ấy, tôi đã cho xây dựng tu viện dành cho hội chúng.

771. Tôi đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài và đã thực hiện bữa trai phạn lớn lao rồi đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

772. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ. Trong lúc làm cho tất cả dân chúng được vui mừng, Ngài đã thuyết giảng về đạo lộ bất tử.

773. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện về việc ấy cho tôi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, Ngài đã nói lên những lời kệ này:

774. "Người này đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài, Ta sẽ thuyết giảng về quả thành tựu. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

775. Mười tám ngàn ngôi nhà mái nhọn sẽ được hiện ra ở cung trời tối thượng [dành cho người này] và chúng được làm toàn bộ bằng vàng.

776. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi tám lần.

777. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

778. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, vị ấy sẽ lập tức được sanh lên ở gia tộc sang trọng, có của cải lớn lao.

779. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, vị ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Raṭṭhapāla.

780. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

781. Tôi đã vươn dậy, đã ra đi, đã từ bỏ sự thành đạt về của cải. Của cải ví như bãi nước bọt, sự yêu thương đối với của cải không được tìm thấy ở nơi tôi.

782. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

783. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṭṭhapāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṭṭhapāla" là phần thứ tám.

19. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOPĀKA (*Sopākattherāpadānaṃ*)

784. Trong khi tôi đang dọn dẹp cái hang ở khu rừng tại ngọn núi cao nhất, đức Thế Tôn tên Siddhattha đã đi đến gặp tôi.

785. Sau khi nhìn thấy đức Phật đã đi lại gần, tôi đã trải ra tấm thảm và đã dâng cúng chỗ ngồi làm bằng bông hoa đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

786. Sau khi ngồi xuống ở chỗ ngồi làm bằng bông hoa, và sau khi biết được cảnh giới tái sanh của tôi, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã thốt lên về tính chất vô thường rằng:

787. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."

788. Sau khi nói điều ấy, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

789. Sau khi từ bỏ tà kiến của mình, tôi đã tu tập tưởng về vô thường. Sau khi tu tập một ngày, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

790. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người]. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã sanh vào dòng dõi hạ liệt.

791. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

792. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, khéo được định tĩnh trong các giới, sau khi làm vui lòng bậc Long Tượng vĩ đại, tôi đã đạt được sự tu lên bậc trên.

793. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

794. Kể từ khi tôi đã tu tập tưởng [về vô thường] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc trong khi đang tu tập tưởng [về vô thường] ấy.

795. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sopāka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sopāka" là phần thứ chín.

20. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAṄGALA (*Sumaṅgalattherāpadānaṃ*)

796. Có ý định dâng tặng phẩm vật hiến cúng, tôi đã cho chuẩn bị vật thực. Trong khi chờ đợi các vị Bà-la-môn, tôi đã đứng ở khu vực bùng binh rộng lớn.

797. Và tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Piyadassī có danh vọng lớn lao, bậc Hướng Đạo của toàn bộ thế gian, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả.

798. Được tháp tùng bởi các vị Thinh văn, đức Thế Tôn có hào quang, tợ như mặt trời đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường lộ.

799. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã thỉnh mời dầu chỉ bằng tâm ý: "Mong sao bậc Đại Hiền Triết đi đến gần."

800. Biết được ý định của tôi, đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng Ở Thế Gian, cùng với một ngàn bậc lậu tận đã đi đến cửa nhà của tôi.

801. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Xin thỉnh Ngài bước lên tòa lâu đài và ngồi xuống ở bảo tọa sư tử."

802. Bậc Đã [Tự] Rèn Luyện có đoàn tùy tùng đã được rèn luyện, bậc Đã [Tự] Vượt Qua, bậc cao quý trong số các vị đang tiếp độ [chúng sanh] vượt qua sau khi bước lên tòa lâu đài đã ngồi xuống ở chỗ ngồi cao quý.

803. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng lên đức Phật vật thực mà tôi có được [và] đã được chuẩn bị ở trong căn nhà của chính mình.

804. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, sanh niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lễ bái đức Phật tối thượng. Ôi, tính chất cao thượng của đức Phật!

805. Trong số tám hạng Thánh nhân tùy tùng đang thọ thực, có nhiều bậc Vô lậu. Oai lực ấy là của chính Ngài, con đi đến nương tựa vào Ngài.

806. Và đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

807. "Người nào đã chăm lo vật thực đến hội chúng có bản thể chính trực, định tĩnh, và [đến] đức Như Lai, bậc Toàn Giác. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

808. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi bảy lần. Được hài lòng với việc làm của chính mình, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên.

809. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương mười tám lần, và sẽ ngự trị năm trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất."

810. Sau khi đã đi sâu vào trong khu vườn cây, khu rừng thưa, khu rừng rậm được lai vãng bởi loài cọp, và sau khi đã ra sức nỗ lực, các phiền não đã được thiêu đốt bởi tôi.

811. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bữa ăn.

812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

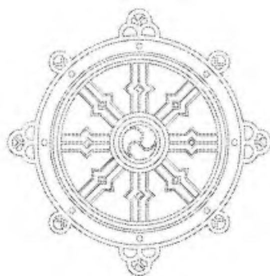
Đại đức Trưởng lão Sumaṅgala đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumaṅgala" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có bảo tọa sư tử, vị có một cây cột trụ, vị Nanda, vị Cullapanthaka, vị Piḷinda, luôn cả vị Rāhula, vị Vaṅganta, vị Raṭṭhapāla, vị Sopāka và luôn cả vị Maṅgala là mười [ký sự] thuộc phẩm thứ nhì. Và ở đây, có một trăm ba mươi tám câu kệ đã được giảng giải.

Phẩm Sīhāsanadāyaka là phẩm thứ nhì.



III. PHẨM SUBHŪTI
(*SUBHŪTIVAGGO*)

21. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHŪTI (*Subhūtittherāpadānaṃ*)

813. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Nisabha, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

814. Khi ấy, là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột tên là Kosiya, tôi sống ở [ngọn núi] Nisabha mỗi một mình, không có người thứ hai.

815. Khi ấy, tôi không thọ dụng trái cây, rễ cây và lá cây [còn ở trên cây]. Trong khi ấy, tôi sống nhờ các lá cây úa vàng đã rụng.

816. Ngay cả trong khi đang buông bỏ mạng sống, tôi cũng không làm cho sự nuôi mạng bị hư hỏng. Tôi làm cho tâm của mình được hài lòng, tôi tránh xa sự tầm cầu sai trái [trong việc nuôi mạng].

817. Mỗi khi tâm liên quan đến tham ái sanh khởi ở tôi, tôi tự mình quán sát. Khi được chăm chú, tôi đã thuần hóa tâm tham ái ấy rằng:

818. "Ngươi bị ái luyến ở điều quyến rũ, bị sân hận ở điều gây khó chịu và bị mê muội bởi điều làm cho mê mẩn; ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

819. Trú xứ này dành cho các đạo sĩ khổ hạnh đã được thanh tịnh, không còn nhơ nhuốc. Ngươi chớ làm hư hoại sự thanh tịnh, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

820. [Nếu] trở thành người tại gia, ngươi sẽ luôn gánh chịu sự bị ràng buộc. Ngươi cũng chớ lầm lẫn về hai việc [xuất gia và tại gia], ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

821. Giống như loại củi gỗ thiêu xác chết không phải là vật để dùng cho công việc ở bất cứ nơi nào khác, dầu ở làng mạc hay rừng thẳm, bởi vì nó không còn được xem là củi đốt nữa.

822. Tợ như loại củi gỗ thiêu xác chết, ngươi không còn là người tại gia và cũng không phải là xuất gia. Hôm nay, ngươi là người không còn thuộc về cả hai hạng, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

823. Nếu điều này xảy ra cho ngươi thì ai nhận biết điều này ở ngươi? Nếu ngươi từ bỏ phận sự về đức tin thì sẽ có nhiều sự biếng nhác ở ngươi.

824. Các bậc tri thức sẽ ghét bỏ ngươi, giống như người dân thành phố chán ghét sự ô nhiễm. Các bậc ẩn sĩ sẽ xua đuổi và luôn quở trách ngươi.

825. Các bậc tri thức sẽ phê phán ngươi đã vi phạm lời giáo huấn. Ngay trong khi không đạt được sự cộng trú, làm sao ngươi có thể sinh sống?

826. Con voi có sức mạnh đến gần và xua đuổi con voi là loài mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi ra khỏi bầy.

827. Trong khi bị tách rời khỏi bầy, con voi không có được sự an ổn, thoải mái. Nó bị khổ sở, tâm rối loạn. Trong khi buồn bực, nó bị dao động.

828. Tương tợ như thế ấy, các vị đạo sĩ tóc bện cũng sẽ xua đuổi ngươi là kẻ có tâm ý xấu xa. Trong khi bị tách rời khỏi các vị ấy, ngươi sẽ không đạt được sự an ổn, thoải mái.

829. Bị xâm nhập bởi mũi tên sầu muộn, ngươi bị thiêu đốt vì sự bực bội dầu là ban ngày hoặc ban đêm, tợ như con voi bị tách rời khỏi bầy.

830. Giống như vàng kim loại không bao giờ làm cho cái búa bị thiêu đốt ở bất cứ đâu; tương tợ như thế, với sự lìa bỏ giới, ngươi sẽ không làm cho [phiền não] được thiêu đốt ở bất cứ nơi nào.

831. Dầu cho đang sống ở tại gia, ngươi sẽ sinh sống cách nào? Tài sản thuộc về người mẹ cũng như thuộc về người cha để dành lại cho ngươi là không có.

832. Trong khi tự mình làm công việc khiến mồ hôi tuôn ra ở cơ thể, ngươi sẽ sinh sống ở tại gia như vậy. Tốt đẹp thay là điều ấy không được ngươi ưa thích."

833. Tại nơi ấy, tôi ngăn chặn tâm có khuynh hướng bị ô nhiễm theo cách như thế. Sau khi thực hiện lời giảng giải với nhiều pháp khác nhau, tôi đã ngăn chặn được các suy nghĩ xấu xa.

834. Như thế, trong khi tôi đang an trú với sự an trú vào sự không xao lãng, ba mươi ngàn năm đã trôi qua khi tôi ở trong khu rừng.

835. Sau khi nhìn thấy [tôi là] người tầm cầu mục đích tối thượng được thỏa thích với sự không xao lãng, bậc Toàn Giác Padumuttara đã đi đến gặp tôi.

836. Là bậc vô lượng, không người tương đương, có hào quang màu [vàng chói] của trái cây timbarūsaka, không ai sánh bằng về dáng vóc, khi ấy đức Phật đã đi kinh hành ở không trung.

837. Tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa, tợ như tia chớp ở khoảng giữa đám mây trên bầu trời, đức Phật không ai sánh bằng về trí tuệ khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

838. Tợ như con sư tử chúa không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu hãnh, tợ như con cọp chúa chói sáng, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

839. Có hào quang màu vàng chói của đồng tiền vàng, giống như than hồng của gỗ khadira, như là viên ngọc ma-ni như ý, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

840. Với ánh sáng tinh khiết của ngọn núi Kelāsa, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, tợ như mặt trời ở chính ngọ, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

841. Sau khi nhìn thấy Ngài đang đi kinh hành ở không trung, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Phải chăng chúng sanh này là thiên nhân, hay đây là loài người?

842. Con người như thế này ở trên trái đất thì ta chưa từng được nghe hoặc được thấy. Cũng có lời chú thuật [về tướng mạo], người này sẽ là bậc Đạo sư."

843. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Khi ấy tôi đã gom lại nhiều loại bông hoa và vật thơm.

844. Sau khi chuẩn bị chỗ ngồi bằng bông hoa, tôi đã nói với bậc có tâm ý tốt đẹp, làm thích ý, vị đứng đầu trong số các bậc Điều Phục Nhân lời nói này:

845. "Bạch đấng Đại Hùng, chỗ ngồi này đã được con chuẩn bị là thích hợp đối với Ngài. Trong khi làm cho tâm của con được vui vẻ, xin Ngài hãy ngồi xuống ở chỗ ngồi bằng bông hoa."

846. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Đức Phật đã ngồi ở chỗ ngồi bằng bông hoa quý cao trong bảy ngày đêm.

847. Trong khi lễ bái [Ngài], tôi đã đứng bảy ngày đêm. Bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian đã xuất khỏi thiền định.

848. Trong khi tán dương việc làm của tôi, Ngài đã nói lời nói này: "Ngươi hãy tu tập sự niệm tưởng về đức Phật là [pháp] vô thượng trong các pháp tu tập.

849. Sau khi tu tập về sự niệm tưởng này, ngươi sẽ được tròn đủ tâm ý và sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp.

850. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Ngươi sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trong quốc độ một ngàn lần.

851. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ngươi sẽ thọ hưởng mọi thứ ấy; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

852. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, ngươi sẽ đạt được tài sản lớn lao, sẽ không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

853. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

854. Sau khi từ bỏ tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu), nhiều nô tỳ và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

855. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, ngươi sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư với tên gọi là Subhūti.

856. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, [đức Phật ấy] sẽ thiết lập

ngươi vào vị thế tối thắng về hai phương diện là có đức hạnh đáng được cúng dường và tương tợ như thế về việc an trú vào sự không say đắm."

857. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

858. Được chỉ dạy bởi đấng Bảo Hộ Thế Gian, tôi đã lễ bái đức Như Lai. Được hoan hỷ, tôi luôn luôn tu tập sự niệm tưởng về đức Phật, là pháp tối thượng.

859. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

860. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

861. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng sự thành tựu tốt đẹp; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

862. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được tài sản lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

863. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

864. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Subhūti đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Subhūti" là phần thứ nhất.

22. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPAVĀNA (*Upavānattherāpadānaṃ*)

865. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Sau khi phát cháy như là khối lửa, bậc Toàn Giác đã viên tịch Niết-bàn.

866. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường đức Như Lai. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được thực hiện, họ đã nâng thi thể lên.

867. Sau khi thực hiện phận sự đối với thi thể, họ đã tập trung Xá-lợi ở tại nơi ấy. Tất cả bọn họ gồm chư thiên và loài người đã xây dựng ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

868. Tầng thứ nhất làm bằng vàng, tầng thứ nhì làm bằng ngọc ma-ni, tầng thứ ba làm bằng bạc, tầng thứ tư làm bằng ngọc pha lê.

869. Tương tợ, viền mép của tầng thứ năm đã được làm bằng hồng ngọc, tầng thứ sáu làm bằng đá quý, phần bên trên làm bằng tất cả các loại châu báu.

870. Phần bên dưới làm bằng ngọc ma-ni, bục nền làm bằng châu báu. Được làm toàn bộ bằng vàng, ngôi bảo tháp vươn lên chiều cao một do-tuần.

871. Khi ấy, chư thiên đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc rằng:

"Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.

872. Xá-lợi không có các mảnh rời rạc, [Xá-lợi] thân thể được kết thành một khối. Chúng ta sẽ thực hiện lớp vỏ bọc ở ngôi bảo tháp dành cho đức Phật này."

873. Với bảy loại châu báu, chư thiên đã làm tăng thêm một do-tuần nữa. Có chiều cao hai do-tuần, ngôi bảo tháp ấy xua đi bóng tối.

874. Khi ấy, loài rồng đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người và luôn cả chư thiên, bọn họ đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

875. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy."

876. Sau khi đã tụ tập chung lại, loài rồng đã phủ lớp ngọc bích, ngọc sa-phia và ngọc ma-ni như ý lên ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

877. Giờ đây, ngôi bảo điện dành cho đức Phật đã được làm bằng ngọc ma-ni toàn bộ, khi ấy có chiều cao ba do-tuần, là nguồn tạo ra ánh sáng.

878. Khi ấy, các nhân điểu đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người, chư thiên và loài rồng, bọn họ đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

879. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy."

880. Loài nhân điểu đã thực hiện ở ngôi bảo tháp lớp vỏ bọc phụ trội toàn bộ làm bằng ngọc ma-ni. Họ cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần.

881. Với chiều cao bốn do-tuần, ngôi bảo tháp của đức Phật chiếu sáng và khiến cho tất cả các phương được rực rỡ tợ như mặt trời đã mọc lên.

882. Khi ấy, các ác thần đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: Loài người, luôn cả chư thiên, loài rồng và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế.

883. Bọn họ đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng.

884. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại châu báu, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao thêm."

885. Các ác thần cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao năm do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ.

886-87. Khi ấy, loài dạ-xoa đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc

rằng: "Loài người, chư thiên, loài rồng, loài nhân điểu và các ác thần đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng.

888. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại ngọc pha lê, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao thêm."

889. Loài dạ-xoa cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao sáu do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ.

890. Lúc bấy giờ, các càn-thát-bà đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người, chư thiên, loài rồng, các ác thần và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế.

891. Tất cả đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. Trong việc này chúng ta là những người chưa làm gì. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy."

892. Sau khi đã làm thành bảy tầng, các càn-thát-bà đã đặt lên chiếc lọng. Khi ấy, các càn-thát-bà đã kiến tạo ngôi bảo tháp toàn bộ làm bằng vàng.

893. Khi ấy, với chiều cao bảy do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ. Đêm và ngày không phân biệt được, [vì] ánh sáng luôn luôn hiện hữu.

894. Mặt trăng, mặt trời, luôn cả các vì sao không hơn được ánh sáng của ngôi bảo tháp. Thậm chí ánh đèn cũng đã không được đốt lên ở xung quanh một trăm do-tuần.

895. Vào thời điểm ấy, những người nào cúng dường ngôi bảo tháp, những người ấy không bước lên ngôi bảo tháp mà họ thảy lên ở không trung.

896. Được chư thiên chỉ định, con dạ-xoa tên Abhisammata [có nhiệm vụ] máng lên cờ hiệu hoặc vòng hoa ở phía bên trên.

897. Những người ấy không nhìn thấy con dạ-xoa ấy mà nhìn thấy vòng hoa được nó mang đi. Sau khi nhìn thấy như thế rồi ra đi, tất cả những người ấy đi đến cõi tái sanh tốt đẹp.

898. Những người không có niềm tin ở lời Phật dạy và những người được tịnh tín vào giáo pháp có ước muốn trông thấy phép kỳ diệu thì họ cúng dường đến ngôi bảo tháp.

899. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Hamsavatī. Sau khi nhìn thấy dân chúng được vui mừng, khi ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy:

900. "Đối với vị có được gian nhà Xá-lợi như vầy, vị ấy ắt hẳn là đức Thế Tôn cao thượng. Và đám dân chúng này đang thể hiện trạng thái hớn hở một cách nhiệt thành.

901. Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, ta sẽ trở thành người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy trong tương lai."

902. Có tấm thượng y đã được khéo giặt sạch bởi người thợ giặt, tôi đã máng vào ngọn tre rồi đã nâng lá cờ hiệu lên ở không trung.

903. Con dạ-xoa Abhisammata đã cầm lấy lá cờ hiệu của tôi và đưa lên không trung. Sau khi nhìn thấy lá cờ hiệu phất phơ trong gió, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt.

904. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín tôi đã đi đến gần vị Sa-môn. Sau khi đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy, tôi đã hỏi về quả thành tựu của lá cờ hiệu.

905. Vị ấy đã giảng cho tôi về sự sanh khởi nỗi vui mừng và phỉ lạc của tôi: "Ngươi sẽ luôn luôn thọ hưởng quả thành tựu của lá cờ hiệu ấy.

906. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

907. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

908. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, được điểm tô với các loại vải nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

909. Có lông mi cong, có nụ cười, vô cùng yểu điệu, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

910. Ngươi sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần.

911. Và ngươi sẽ là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng cách tính đếm.

912. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

913. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, ngươi sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

914. Sau khi từ bỏ tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu), nhiều nô tỳ và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

915. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, ngươi sẽ là Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Upavāna."

916. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

917. Trong khi tôi là đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của bốn châu lục, các ngọn cờ luôn được kéo lên ở xung quanh [tôi] đến ba do-tuần.

918. Từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

919. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upavāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upavāna" là phần thứ nhì.

23. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

920. Lúc bấy giờ, tôi đã là người hầu hạ mẹ ở thành phố Candavatī. Mẹ và cha của tôi bị mù, tôi phụng dưỡng họ.

921. Khi ấy, tôi đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Trong khi phụng dưỡng mẹ và cha, ta không đạt được sự xuất gia."

922. Bị che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bị thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si]. Khi nỗi hãi sợ như thế ấy đã sanh khởi, không có người nào là bậc hướng đạo.

923. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng chiếu sáng. Với người có nghiệp phước thiện thì bản thân có thể tiếp độ được.

924. Tôi đã học tập về ba sự nương nhờ và đã gìn giữ chúng được toàn vẹn. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi thoát khỏi khổ cảnh.

925. Vị Sa-môn tên Nisabha là vị Thinh văn hàng đầu của đức Phật. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã nhận lãnh sự đi đến nương nhờ [thọ trì tam quy].

926. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ sự đi đến nương nhờ được toàn vẹn chừng ấy thời gian.

927. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã tưởng nhớ lại sự nương nhờ ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

928. Khi đã đạt đến thế giới chư thiên, được thành tựu về nghiệp phước thiện, bất cứ khu vực nào tôi đi đến, tôi đều đạt được tám chủng tử.

929. Tôi được tôn vinh ở mọi phương, tôi có tuệ sắc bén, tất cả chư thiên đều phục tùng, tôi đạt được của cải vô lượng.

930. Có màu da vàng chói, tôi đều được yêu mến ở mọi nơi, tôi trung thành đối với các bạn hữu tôi, danh vọng của tôi là cao tột.

931. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng.

932. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

933. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, được thành tựu về nghiệp phước thiện, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi.

934. Được những đứa trẻ tháp tùng, tôi đã rời khỏi thành phố. Có được sự cười giỡn vui đùa, tôi đã đi đến tu viện dành cho hội chúng.

935. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đã được giải thoát, không còn mầm mống tái sanh. Vị ấy đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi và đã ban sự nương nhờ đến tôi.

936. Sau khi lắng nghe về sự nương nhờ, tôi đây đã tưởng nhớ lại sự nương nhờ của tôi. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

937. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Nhận biết đức hạnh [của tôi], đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên.

938. Tôi đã đi đến các sự nương nhờ trước đây vô lượng kiếp. Do đó, nghiệp khéo được tôi thực hiện đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây.

939. Sự nương nhờ của tôi đã được gìn giữ cẩn thận, tâm ý đã khéo được củng cố. Sau khi thọ hưởng mọi thứ danh vọng, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

940. Những vị nào có sự lắng nghe, xin các vị hãy lắng nghe tôi nói. Tôi sẽ giảng cho các vị về đạo lộ đã được tự thân nhìn thấy của mình.

941. "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng được hiện hữu. Tiếng trống bất tử đã được vỗ lên là sự xua đi các mũi tên sầu muộn.

942. Bằng sức lực của mình, các vị có thể thực hiện hành động hướng thượng ở phước điền vô thượng, tương tợ như thế, [với năng lực của mình] các vị sẽ chạm đến Niết-bàn.

943. Sau khi đã thọ nhận ba sự nương nhờ, sau khi đã gìn giữ năm giới cấm, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở nơi đức Phật, các vị sẽ tiến hành việc chấm dứt khổ đau.

944. Sau khi thực hành tương tợ như tôi, sau khi gìn giữ toàn vẹn các giới cấm, không bao lâu sau tất cả, các vị cũng sẽ đạt được phẩm vị A-la-hán."

945. Có được ba minh, tôi đã đạt đến thần thông và được rành rẽ về tâm của người khác. Bạch đấng Đại Hùng, vị Thinh văn của Ngài xin đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư.

946. [Kể từ khi] tôi đã đi đến nương nhờ đức Phật trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ.

947. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tisaraṇagamaniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tisaraṇagamaniya" là phần thứ ba.

24. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCASĪLASAMĀDĀNIYA
(*Pañcasīlasamādāniyattherāpadānaṃ*)

948. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Candavatī. Bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi không đạt được sự xuất gia.

949. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Bị che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bị thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si], vậy thì bằng phương pháp nào, ta có thể được thoát khỏi?

950. Và ta là người làm công khốn khổ, vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có. Hay là ta nên thọ trì và làm toàn vẹn năm giới cấm?"

951. Vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassī có tên là Nisabha. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã nhận lãnh năm điều học [về giới].

952. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ năm giới cấm được toàn vẹn chừng ấy thời gian.

953. Khi thời điểm của tử thần đã đến, chư thiên an ủi tôi rằng: "Thưa ngài, có cỗ xe được thắng một ngàn [ngựa] dành cho ngài, nó đã đến rồi."

954. Khi tâm cuối cùng đang diễn tiến, tôi đã tưởng nhớ lại giới hạnh của tôi. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

955. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng.

956. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

957. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Vesālī.

958. Vào thời điểm cận kề mùa mưa, trong lúc giáo pháp của đấng Chiến Thắng đang chói sáng, mẹ và luôn cả cha của tôi đã nhận lãnh năm điều học [về giới].

959. Do việc đã lắng nghe, tôi đã mau chóng tưởng nhớ lại giới hạnh của mình. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

960. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên.

961. Sau khi gìn giữ năm điều học [về giới] được toàn vẹn, trong vô lượng kiếp trước đây tôi đã không đi đến đọa xứ.

962. Do nhờ tác động của các giới cấm ấy, tôi đây đã thọ hưởng danh vọng. Trong khi ngợi ca [về quả báo của giới] cho dầu đến một *koṭi* (mười triệu) kiếp, tôi cũng chỉ có thể ngợi ca được một phần nhỏ.

963. Sau khi gìn giữ năm giới cấm, tôi đạt được ba chủng tử: Tôi là người có tuổi thọ, có của cải lớn lao, có tuệ sắc bén.

964. Tôi chỉ đang ngợi ca phần phụ trội trong số toàn thể [quả báo] có liên hệ đến loài người. Sau khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đều đạt được các điều này.

965. Vị Thinh văn của đấng Chiến Thắng là người đang thực hành giới

cấm vô số kể, nếu vị ấy vui thích trong các cõi tái sanh thì quả thành tựu sẽ như thế nào?

966. Năm giới cấm đã được thực hành tốt đẹp bởi tôi là người làm công có sự quán sát. Nhờ vào giới hạnh ấy, ngày hôm nay tôi đã cởi bỏ mọi điều trói buộc.

967. [Kể từ khi] tôi đã gìn giữ năm giới cấm trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm giới cấm.

968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcasīlasamādāniya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcasīlasamādāniya" là phần thứ tư.

25. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAṂSĀVAKA
(*Annasaṃsāvakattherāpadānaṃ*)

969. Bậc Toàn Giác [Siddhattha] có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ.

970. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha, bậc Vô Lượng Vô Song, đấng Quang Minh, bậc Đã Được Rèn Luyện, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc tột bậc.

971. Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã chăm lo bữa ăn đến bậc Đại Hiền Trí ấy. Khi ấy, bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ đã nói lời tùy hỷ đến tôi.

972. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, ở đấng Đại Bi ấy là bậc tạo ra niềm an ủi cao tột, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

973. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực.

974. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Annasaṃsāvaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Annasaṃsāvaka" là phần thứ năm.

26. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHŪPADĀYAKA
(*Dhūpadāyakattherāpadānaṃ*)

975. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng khói hương ở liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

976. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại,

[1] *Pañcasīlasamādāniya* nghĩa là "vị có sự thọ trì (*samādāna*) năm (*pañca*) giới cấm (*sīla*)."

[2] *Annasaṃsāvaka* nghĩa là "vị ngợi ca (*saṃsāvaka*) về việc (dâng cúng) vật thực (*anna*)."

tôi đều là đối tượng yêu quý của tất cả; điều này là quả báo của việc dâng cúng khói hương.

977. Kể từ khi tôi đã dâng cúng khói hương trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng khói hương.

978. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhūpadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhūpadāyaka" là phần thứ sáu.

27. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA (*Pulinapūjakattherāpadānaṃ*)

979. Sau khi bỏ đi lớp cát cũ ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī, tôi đã rải lên lớp cát sạch.

980. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cát.

981. Trước đây năm mươi ba kiếp, tôi đã trở thành đức vua cai quản dân chúng, là vị Chuyển Luân Vương tên Mahāpulina, có oai lực lớn lao.

982. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinapūjaka" là phần thứ bảy.

28. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARIYA (*Uttariyattherāpadānaṃ*)

983. Lúc bấy giờ, tôi là con cá sấu ở bờ sông Candabhāgā. Gắn bó với khu vực kiếm ăn của mình, tôi đã đi đến bến đò của con sông.

984. Vào thời điểm ấy, bậc Tự Chủ Siddhattha, nhân vật cao cả ấy, có ý định vượt qua dòng sông nên đã đi về phía bến đò của con sông.

985. Và khi đấng Toàn Giác tiến đến gần, tôi cũng đã tiến đến gần nơi ấy. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã thốt lên lời nói này:

986. "Bạch đấng Đại Anh Hùng, xin hãy ngự lên [ở lưng], tôi sẽ đưa Ngài sang [sông], là địa phận thuộc về tôi do tổ tiên truyền lại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, xin hãy thương xót [đến tôi]."

987. Nghe được tiếng kêu gào của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã ngự lên [ở lưng]. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông].

988. Ở bờ bên kia của dòng sông, tại nơi ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã an ủi tôi rằng: "Ngươi sẽ đạt được bất tử."

---

[3] *Dhūpadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) khói hương (*dhūpa*), tức là xông khói có mùi thơm."

[4] *Pulinapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) cát (*pulina*)."

989. Sau khi chết đi, lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng.

990. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc bảy lần. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của trái đất ba lần.

991. Gắn bó với sự độc cư, cẩn trọng và khéo thu thúc, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

992. [Kể từ khi] tôi đã đưa đấng Nhân Ngưu sang [sông] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

993. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttariya" là phần thứ tám.

29. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIKA (*Ekañjalikattherāpadānaṃ*)

994. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, đấng Xa Phu Cao Quý, vị Anh Hùng Của Nhân Loại, đấng Hướng Đạo, đang đi ở khu phố chợ.

995. Sau khi nhìn thấy vị Huấn Luyện Viên cho người chưa được huấn luyện, bậc Đại Hùng Biện, đấng Đại Trí như thế ấy, được tịnh tín, tôi đã chắp tay lại với tâm ý vui mừng.

996. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay.

997. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekañjalika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekañjalika" là phần thứ chín.

30. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHOMADĀYAKA (*Khomadāyakattherāpadānaṃ*)

998. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thương buôn ở thành phố Bandhumatī. Chính nhờ thế, tôi cấp dưỡng người vợ và gieo trồng sự thành tựu về nhân lành.

999. Trong khi bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đang đi ở trên đường, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư một tấm vải sợi lanh nhằm mục đích hành thiện.

1000. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải sợi lanh trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải sợi lanh.

[5] *Ekañjalika* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) chắp tay (*añjali*)."

1001. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là Sindhavasandana, vị chúa tể độc nhất ở bốn châu lục, được thành tựu bảy loại báu vật.

1002. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

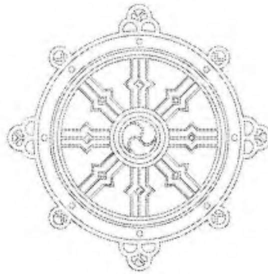
Đại đức Trưởng lão Khomadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khomadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Subhūti, vị Upavāna, vị có sự nương nhờ, vị gìn giữ giới, vị ngợi ca về vật thực, vị [cúng dường] khói hương, vị [dâng cúng] cát, cùng với vị Uttariya, vị có sự chắp tay và vị dâng cúng tấm vải sợi lanh, chính là mười [ký sự] thuộc phần thứ ba. Một trăm tám mươi lăm câu kệ đã được nói lên và tất cả đã được gộp chung lại.

Phẩm Subhūti là phẩm thứ ba.
(Dứt tụng phẩm thứ tư).



[6] *Khomadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải sợi lanh (*khoma*)."

IV. PHẨM KUṆḌADHĀNA
(*KUṆḌADHĀNAVAGGO*)

31. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṆḌADHĀNA
(*Kuṇḍadhānattherāpadānaṃ*)

1003. Vào lúc đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả thiền tịnh bảy ngày, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng tôi đã hầu cận đức Phật tối thượng.

1004. Sau khi biết được thời điểm bậc Đại Hiền Trí Padumuttara đã xuất khỏi [thiền], tôi đã cầm lấy nải chuối lớn và đã đi đến gần [Ngài].

1005. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận trái cây ấy. Trong lúc làm cho tâm tôi được tịnh tín, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng [trái cây ấy].

1006. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Giác, bậc Xa Phu Vô Thượng đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này:

1007. "Các cộng đồng dạ-xoa nào sống ở ngọn núi này, các hạng chúng sanh nào sống ở rừng hãy lắng nghe lời nói của Ta.

1008. Người nào đã hầu cận đức Phật, tợ như con sư tử vua của loài thú, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1009. Người này đây sẽ trở thành vị Thiên vương mười một lần. Và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần.

1010. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1011. Người này sẽ mắng nhiếc các vị Sa-môn có giới hạnh không còn lậu hoặc, và sẽ nhận lấy biệt danh do quả thành tựu của ác nghiệp.

1012. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kuṇḍadhāna."

1013. Được gắn bó với sự cô tịch, chứng thiền, thỏa thích về thiền, tôi đã làm vui lòng bậc Đạo Sư và tôi sống không còn lậu hoặc.

1014. Được các vị Thinh văn hàng đầu vây quanh, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng, đấng Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã bảo người rút thẻ bốc thăm.

1015. Sau khi đắp y một bên vai, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian,

và ở trước bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng, tôi đã rút được [thẻ bốc thăm] đầu tiên.

1016. Do việc làm ấy, đức Thế Tôn, bậc Làm Rung Động Mười Ngàn [Thế Giới] đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế hàng đầu.

1017. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1018. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṇḍadhāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṇḍadhāna" là phần thứ nhất.

32. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀGATA (*Sāgatattherāpadānaṃ*)

1019. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Sobhita. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, tôi đã đi đến tu viện.

1020. Vào thời điểm ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân sau khi bước ra khỏi cổng tu viện đã đứng lại.

1021. Tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Được Rèn Luyện ấy được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

1022. "Những loại nào là thảo mộc, tất cả các loại ấy đều tăng trưởng ở trên đất. Tương tợ như thế, các chúng sanh có sự giác ngộ được phát triển ở trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

1023. Ngài là bậc Xa Phu có trí tuệ và là bậc Đại Ẩn Sĩ đối với đám đông dân chúng. Ngài nâng đỡ họ ra khỏi con đường sai trái và nói cho họ về đạo lộ.

1024. Ngài là bậc Đã Được Rèn Luyện, được vây quanh bởi các vị đã được rèn luyện, là bậc Chứng Thiền cùng với các vị được thỏa thích về thiền, là bậc Có Sự Nhiệt Tâm cùng với những vị có tính khẳng quyết và an tịnh như thế ấy.

1025. Được tô điểm bởi đoàn tùy tùng có phước đức và trí tuệ, Ngài chói sáng. Hào quang của Ngài tỏa ra giống như [ánh sáng] trong lúc mặt trời mọc."

1026. Sau khi nhìn thấy tâm đã được tịnh tín [của tôi], bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1027. "Người Bà-la-môn nào đã khởi lên niềm vui và tán dương về Ta, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp.

1028. Bởi vì sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

1029. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, [người ấy] sẽ đạt được phẩm vị A-la-hán, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư và sẽ có tên là Sāgata."

1030. Sau khi xuất gia, tôi đã lìa bỏ ác nghiệp bằng thân. Sau khi dứt bỏ nết xấu về lời nói, tôi đã làm thanh tịnh về sự nuôi mạng sống.

1031. Trong khi sống như vậy, tôi được rành rẽ về các bản thể của [đề mục] lửa. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1032. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sāgata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sāgata" là phần thứ nhì.

33. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA (*Mahākaccānattherāpadānaṃ*)

1033. Ngôi bảo tháp của đấng Bảo Hộ Padumuttara tên là Paduma. Tôi đã cho xây dựng bảo tọa bằng đá và đã cho thếp vàng.

1034. Sau khi nâng cao chiếc lọng che làm bằng châu báu và chiếc quạt lông đuôi bò, tôi đã dâng đến đức Phật là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian như thế ấy.

1035. Khi ấy, cho đến chư thiên ở địa cầu, tất cả đã tụ hội lại [nói rằng]: "Ngài sẽ thuyết giảng về quả thành tựu của những chiếc lọng che làm bằng châu báu.

1036. Và khi bậc Đạo sư đang thuyết giảng, chúng ta sẽ lắng nghe tất cả điều ấy. Chúng ta có thể làm sanh khởi niềm vui thích hơn nữa đối với giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác."

1037. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở bảo tọa bằng vàng đã nói lên những lời kệ này:

1038. "Bảo tọa làm bằng vàng và châu báu này được dâng cúng bởi người nào, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1039. Người ấy sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp và sẽ ngự trị khu vực xung quanh một trăm do-tuần bằng hào quang.

1040. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương tên Pabhassara và sẽ có oai lực nổi bật.

1041. Dầu là ban ngày hoặc ban đêm, vị Sát-đế-lỵ sẽ rực sáng ở xung quanh tám *ratana* (hai mét), tợ như mặt trời đã mọc lên.

1042. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1043. Sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kaccāna.

1044. Về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vị A-la-hán, không còn

lậu hoặc. Đức Gotama, đấng Quang Đăng Của Thế Gian, sẽ thiết lập vào vị thế hàng đầu.

1045. [Người ấy] sẽ giảng giải một cách chi tiết về câu hỏi đã được hỏi một cách tóm tắt. Và trong khi giảng giải về câu hỏi ấy, [người ấy] sẽ làm thỏa mãn tâm tư [của người hỏi]."

1046. Được sanh ra cao quý trong gia tộc giàu có, tôi đã là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật. Sau khi từ bỏ các tài sản và lúa gạo, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1047. Tôi giảng giải một cách chi tiết cho những người đang hỏi, cho dầu [hỏi] một cách tóm tắt. Tôi làm thỏa mãn tâm tư của những người ấy, tôi làm cho bậc Tối Thượng Nhân hoan hỷ.

1048. Được hoan hỷ về tôi, đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākaccāna" là phần thứ ba.

34. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶUDĀYĪ (*Kāḷudāyittherāpadānaṃ*)

1050. Lúc bấy giờ, đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi du hành đường xa.

1051. Sau khi cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ, cùng với đóa sen xanh và bông hoa nhài, tôi đã cầm lấy món cơm thượng hạng và đã dâng cúng đến bậc Đạo sư.

1052. Đấng Đại Hùng đã thọ dụng món cơm thượng hạng có thức ăn tuyệt hảo. Và Ngài đã cầm lấy bông hoa ấy rồi đã đưa ra cho dân chúng xem. [Ngài nói:]

1053. "Hoa sen là loài hoa tối thượng, đáng quý, đáng mến, đáng yêu ở thế gian. Người nào đã dâng cúng bông hoa này đến Ta, người ấy đã làm được việc làm vô cùng khó khăn.

1054. Người nào đã dâng lên bông hoa và đã dâng cúng món cơm thượng hạng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1055. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười tám lần. Sẽ có hoa sen xanh, luôn cả sen hồng và hoa nhài ở phía bên trên người ấy.

1056. Do quả thành tựu về phước báu của người này, tức thời sẽ có chiếc lọng che đượm mùi hương cõi trời được tạo ra và sẽ được duy trì ở trên không trung.

1057. [Người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần, và sẽ ngự trị năm trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

1058. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1059. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành bà con quyến thuộc, là nguồn đem lại niềm hoan hỷ cho dòng họ Sakya.

1060. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

1061. Đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Gotama ấy sẽ thiết lập vị đã đạt được các [tuệ] phân tích, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc [ấy] vào vị thế tối thắng.

1062. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, người ấy sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, [và sẽ] có tên là Udāyi."

1063. Tham, sân, si mê, ngã mạn và gièm pha đều bị tiêu hoại. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1064. Là người có sự tinh cần, cẩn trọng, tôi cũng đã làm vui lòng đấng Toàn Giác. Và đấng Toàn Giác được hoan hỷ, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1065. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāḷudāyī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāḷudāyī" là phần thứ tư.

35. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA (*Mogharājattherāpadānaṃ*)

1066. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác Atthadassī, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, đã bước đi ở trên đường lộ, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng.

1067. Được tùy tùng bởi những người học trò, tôi đã lìa khỏi căn nhà. Sau khi đi ra khỏi nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1068. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian:

1069. "Cho đến các chúng sanh thuộc sắc giới, vô sắc giới, hoặc vô tưởng, tất cả các chúng sanh ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài.

1070. Người nào dùng tấm lưới lỗ nhỏ vây quanh nước, bất cứ loài sinh vật nào ở trong nước, chúng đều ở trong tấm lưới.

1071. Chúng sanh thuộc sắc giới và vô sắc giới là có tâm tư, tất cả các chúng sanh ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài.

1072. Ngài tiếp độ thế gian dẫy đầy tăm tối này. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bọn họ vượt qua được luồng [suy nghĩ về] hoài nghi.

1073. Thế gian bị bao trùm bởi vô minh, bị tràn ngập bởi bóng tối. Trong khi trí tuệ của Ngài đang chiếu sáng, các bóng tối đều bị tiêu diệt.

1074. Ánh mắt của Ngài là sự xua đi bóng tối lớn lao của tất cả [chúng sanh]. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, nhiều người được Niết-bàn.

1075. Sau khi đã đổ đầy mật ong tinh khiết vào cái hũ, tôi đã nâng lên bằng cả hai tay và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

1076. Đấng Đại Hùng, bậc Đại Ẩn Sĩ đã tự tay thọ nhận. Và sau khi thọ dụng [mật ong] ấy, đấng Toàn Tri đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

1077. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư Atthadassī, đấng Nhân Ngưu, trong khi làm tâm của tôi được tịnh tín, đã nói lên những lời kệ này:

1078. "Người nào đã tán dương trí tuệ này, đã ngợi ca đức Phật tối thượng, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến chốn khổ đau.

1079. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười bốn lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

1080. Rồi [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, sẽ cai quản vô số xứ sở và quốc độ ở trái đất.

1081. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

1082. [Người ấy] sẽ dùng trí tuệ suy xét về ý nghĩa thâm sâu vi tế và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Mogharāja.

1083. [Người ấy] sẽ được thành tựu ba minh, sẽ là vị có phận sự đã được làm xong và sẽ trở thành bậc Không Còn Lậu Hoặc. Đấng Xa Phu Cao Cả Gotama sẽ thiết lập [người ấy] vào vị thế tối thắng."

1084. Sau khi từ bỏ sự gắn bó liên quan đến loài người, sau khi cắt đứt mối ràng buộc đối với sự tái sanh, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1085. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mogharāja" là phần thứ năm.

36. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADHIMUTTA (*Adhimuttattherāpadānaṃ*)

1086. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, tôi đã hộ độ hội chúng Tỳ-khưu với tâm ý trong sạch.

1087. Sau khi thỉnh mời hội chúng quý báu có bản thể chính trực đã được định tĩnh, tôi đã thực hiện mái che bằng cây mía và đã phục vụ bữa ăn đến hội chúng tối thượng.

1088. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1089. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây mía.

1090. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Adhimutta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Adhimutta" là phần thứ sáu.

37. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LASUṆADĀYAKA
(*Lasuṇadāyakattherāpadānaṃ*)

1091. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị đạo sĩ khổ hạnh ở không xa núi Hy-mã-lạp. Tôi sống bằng củ tỏi, củ tỏi là thực phẩm của tôi.

1092. Tôi đã chất [tỏi] đầy các túi xách rồi đã đi đến tu viện dành cho hội chúng. Được mừng rỡ, tôi đã dâng cúng củ tỏi đến hội chúng với tâm mừng rỡ.

1093. Sau khi dâng cúng củ tỏi đến hội chúng đã được thỏa thích trong giáo pháp của bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

1094. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ tỏi trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của các củ tỏi.

1095. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Lasuṇadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Lasuṇadāyaka" là phần thứ bảy.

38. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀYĀGADĀYAKA
(*Āyāgadāyakattherāpadānaṃ*)

1096. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã Niết-bàn, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ ngôi bảo tháp tối thượng.

1097. Khi ấy, sau khi thảo luận với những người thợ mộc, tôi đã dâng cúng phần tài chánh. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cho xây dựng ngôi sảnh đường dài.

1098. Tôi đã sống ở giữa chư thiên tám kiếp không bị gián đoạn. Trong các kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người].

1099. Chất độc không ngấm vào cơ thể, các loại vũ khí không hãm hại được tôi, tôi không bị chết đuối ở trong nước; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài.

1100. Nếu tôi ao ước cơn mưa thì có đám mây lớn đổ mưa xuống, ngay cả chư thiên cũng chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1101. Tôi đã là [đấng Chuyển Luân Vương] được thành tựu bảy loại châu báu ba mươi lần, không người nào chê bai tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

---

[1] *Lasuṇadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tỏi (*lasuṇa*)."

1102. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện ngôi sảnh đường dài trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài.

1103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āyāgadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āyāgadāyaka" là phần thứ tám.

39. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMACAKKIKA
(*Dhammacakkikattherāpadānaṃ*)

1104. Phía trước bảo tọa sư tử của đức Thế Tôn Siddhattha, tôi đã thiết lập bánh xe pháp đã được làm khéo léo, đã được ngợi khen bởi các bậc trí thức.

1105. Với dáng vóc lịch sự, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi được rực rỡ. Nhiều người thường xuyên gắn bó, vây quanh tôi.

1106. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn phục vụ tôi, với đoàn tùy tùng tôi được rực rỡ; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1107. [Kể từ khi] tôi đã thiết lập bánh xe [pháp] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh xe pháp.

1108. Trước đây mười một kiếp, đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Sahassarāja, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1109. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammacakkika[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammacakkika" là phần thứ chín.

40. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAPPARUKKHIYA
(*Kapparukkhiyattherāpadānaṃ*)

1110. Ở phía trước ngôi bảo tháp tối thượng của đức Thế Tôn Siddhattha, tôi đã treo giăng những tấm vải nhiều màu sắc và đã thiết lập cây như ý.

1111. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có cây như ý rực rỡ hiện diện ở cánh cửa lớn của tôi.

1112. Tôi và luôn cả nhóm tùy tùng là những người sống nương tựa vào tôi, chúng tôi luôn luôn lấy vải từ cây như ý ấy rồi mặc vào.

1113. Kể từ khi tôi đã thiết lập cây [như ý] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cây như ý.

---
[2] *Āyāgadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sảnh đường dài (*āyāga*)."
[3] *Dhammacakkika* nghĩa là "vị có bánh xe (*cakka*) giáo pháp (*dhamma*)."

1114. Và trước đây vào kiếp thứ bảy, đã có tám vị Sát-đế-ly tên Suceḷa, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1115. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

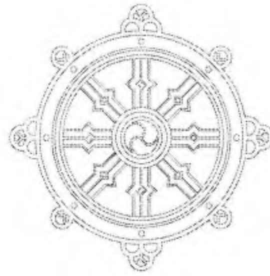
Đại đức Trưởng lão Kapparukkhiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kapparukkhiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Kuṇḍa, vị Sāgata, vị Kaccāna, vị Udāyi, vị Mogharāja, vị Adhimutta, vị dâng cúng củ tỏi, vị có sảnh đường dài, vị liên quan bánh xe pháp và vị có cây như ý là thứ mười, [tổng cộng] là một ngàn hai trăm câu kệ.

Phẩm Kuṇḍadhāna là phẩm thứ tư.



[4] *Kapparukkhiya* nghĩa là "vị liên quan đến cây (*rukkha*) như ý (*kappa*)."

V. PHẨM UPĀLI
(*UPĀLIVAGGO*)

41. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀGINEYYA-UPĀLI
(*Bhāgineyya-Upālittherāpadānaṃ*)

1116. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu. Gắn bó với sự độc cư, Ngài ra đi [một mình] để thiền tịnh.

1117. Là vị trang phục bằng da dê mang theo ba gậy chống [để máng vật dụng], tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1118. Tôi đã đắp tấm da dê ở một bên vai rồi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

1119. "Giống như các loài sanh ra trong quả trứng, các loài [sanh ra] ở nơi ẩm thấp, các loài có sự hóa sanh, các loài sanh ra từ nước, tất cả các loài có cánh như các con quạ, v.v... luôn luôn có sự di chuyển ở không trung.

1120. Bất cứ hạng nào có mạng sống và sự hiện hữu dầu là hữu tưởng hoặc vô tưởng, tất cả các hạng ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài.

1121. Và các hương thơm nào thuộc núi non ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng, tất cả các hương thơm ấy cũng không sánh bằng một phần giới [hương] của Ngài.

1122. Thế giới này luôn cả chư thiên bị lao vào sự tăm tối của si mê. Và trí tuệ của Ngài trong lúc chiếu sáng đã hủy diệt các sự tăm tối.

1123. Giống như khi mặt trời đã lặn, các chúng sanh đi đến sự tối tăm; tương tợ như vậy, khi đức Phật không xuất hiện, thế gian đi đến sự si mê.

1124. Bạch đức Phật tối thượng, giống như mặt trời đang mọc lên luôn luôn làm tiêu tan bóng tối, tương tợ y như thế, Ngài luôn luôn tiêu diệt sự si mê.

1125. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, Ngài là đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên. Do đã được hài lòng với việc làm của Ngài, Ngài đã làm cho nhiều chúng sanh được hoan hỷ."

1126. Sau khi tùy hỷ với toàn bộ sự việc ấy, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, đấng Trí Tuệ đã bay lên không trung, tợ như loài thiên nga chúa ở trên bầu trời.

1127. Sau khi đã bay lên, bậc Toàn Giác, vị Đại Ẩn Sĩ Padumuttara, đấng Đạo Sư, đứng trên không trung đã nói lên những lời kệ này:

1128. "Người nào ca ngợi trí tuệ này bằng cách liên hệ với các ví dụ so sánh, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1129. Người ấy sẽ trở thành vị Thiên vương mười tám lần, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần.

1130. Và [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

1131. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka, sẽ xuất hiện ở thế gian.

1132. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, [người ấy] sẽ có tên là Upāli dầu là hạ tiện về dòng dõi.

1133. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ từ bỏ điều ác. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

1134. Được hoan hỷ, đức Phật Gotama, người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao ấy, sẽ thiết lập vị đã được hiểu biết về Luật ấy vào vị thế tối thắng."

1135. Do đức tin, tôi đã xuất gia, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1136. Và đức Thế Tôn đã thương tưởng đến tôi. Tôi có sự tự tin về Luật. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, tôi sống không còn lậu hoặc.

1137. Được thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, tôi nắm giữ toàn bộ tất cả về Luật là nguồn phát sanh lên châu báu.

1138. Và bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian đã biết được đức hạnh của tôi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, Ngài đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhāgineyya-Upāli" là phần thứ nhất.

42. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆAKOṬIKAṆṆA
(*Soṇakoṭikaṇṇattherāpadānaṃ*)

1140. Tôi đã thực hiện sự tô trét bằng vôi bột và đã cho xây dựng đường kinh hành của bậc Hiền Trí Anomadassī, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1141. Tôi đã trải lót đường kinh hành với những bông hoa có màu sắc khác nhau. Sau khi thực hiện mái che ở không trung, tôi đã chăm lo bữa ăn đến đức Phật tối thượng.

1142. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp. Khi ấy, tôi đã dâng tặng ngôi giảng đường dài đến đức Thế Tôn.

1143. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian, đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn đã thọ nhận, vì lòng bi mẫn.

1144. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Xứng Đáng Cúng Dường [ở thế gian] luôn cả chư thiên đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

1145. "Người nào với tâm mừng rỡ đã thực hiện ngôi giảng đường dài cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1146. Vào thời điểm tử biệt của người có được nghiệp phước thiện này, ngay lập tức sẽ hiện diện cỗ xe ngựa được thắng một ngàn con.

1147. Người nam này sẽ đi đến thế giới chư thiên bằng cỗ xe ấy. Khi sự việc tốt lành được thành tựu, chư thiên sẽ tùy hỷ.

1148. [Người này] sẽ cư ngụ ở cung điện có các nhà mái nhọn cao quý, vô cùng giá trị, đứng đầu trong các cung điện, có vữa tô là châu báu và đất sét.

1149. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành vị Thiên vương trong hai mươi lăm kiếp.

1150. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần. Tất cả các vị ấy đều có chung một tên là Yasodhara với cùng ý nghĩa.

1151. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu và gom góp sự tích lũy về phước thiện, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở kiếp thứ hai mươi tám.

1152. Cũng ở tại nơi ấy, có cung điện cao quý đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. [Người này] sẽ cư ngụ tại thành phố được náo nhiệt với mười loại tiếng động ấy.

1153. Vô lượng kiếp về sau, [người này] với tên là Okkāka sẽ là vị vua ở trong xứ sở, là đấng bảo hộ trái đất có đại thần lực.

1154. Và người nữ cao quý ấy trong số tất cả mười sáu ngàn nữ nhân, là vị nữ Sát-đế-lỵ đã được sanh ra cao quý, sẽ hạ sanh chín người con.

1155. Sau khi sanh chín người con, người nữ Sát-đế-lỵ sẽ chết đi. Một người nữ khác trẻ trung và yêu dấu sẽ làm hoàng hậu chánh cung.

1156. Sau khi làm đức vua Okkāka vui thích, người con gái sẽ đạt được sự ưu đãi. Sau khi đạt được sự ưu đãi, người con gái ấy sẽ lưu đày các người con.

1157. Và những người con bị lưu đày ấy sẽ đi đến ngọn núi [Hy-mã-lạp] tối thượng. Do nỗi lo sợ vì sự chia lìa dòng dõi, tất cả bọn họ đã sống chung với các người chị.

1158. Và một người con gái sẽ bị thương tổn bởi nhiều căn bệnh. Các vị Sát-đế-lỵ sẽ vùi lấp [nàng ở trong hố đất, nói rằng]: "Chớ tách rời dòng dõi của chúng ta."

1159. Có vị Sát-đế-ly sẽ đưa nàng ấy đi rồi sống cùng với nàng ấy. Lúc bấy giờ, sự chia lìa có nguồn gốc gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện.

1160. Hậu duệ của hai vị ấy sẽ thuộc về dòng dõi tên là Koliya. Họ thọ hưởng của cải thuộc về nhân loại ở tại nơi ấy không phải là ít.

1161. Sau khi mệnh chung từ xác thân ấy, [người này] sẽ đi đến thế giới chư thiên. Cũng ở tại nơi ấy, [người này] sẽ có được cung điện cao quý, thích ý.

1162. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, [người này] sẽ đi đến bản thể loài người và sẽ có tên là Soṇa.

1163. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, trong khi đang nỗ lực ở trong giáo pháp của bậc Đạo sư, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.

1164. Đức Thế Tôn Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, vị có sự thấy không giới hạn, bậc có sự biết toàn diện, đấng Đại Hùng sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

1165. Tôi đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, tâm của tôi đã khéo được củng cố, tất cả nhiệm vụ đã được đặt xuống, tôi đã Niết-bàn, không còn lậu hoặc.

1166. Đấng Long Tượng dòng dõi Aṅgīrasa, tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1167. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Soṇakoṭikaṇṇa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Soṇakoṭikaṇṇa" là phần thứ nhì.

43. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶIGODHĀPUTTA BHADDIYA
(*Kāḷigodhāputtabhaddiyattherāpadānaṃ*)

1168. Tất cả mọi người đi đến đức Toàn Giác Padumuttara, bậc Đại Hiền Trí có tâm từ ái, đấng Lãnh Đạo cao cả của toàn thể thế gian.

1169. Tất cả [mọi người] dâng cúng vải vóc, luôn cả chỗ nằm ngồi, thực phẩm, thức ăn và nước uống đến bậc Đạo sư [và] ở phước điền vô thượng.

1170. [Nghĩ rằng]: "Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí đến vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy", tôi đã thỉnh mời đức Phật tối thượng và luôn cả hội chúng vô thượng.

1171. Và được tôi khích lệ, những người này đã thỉnh mời đức Như Lai và toàn thể hội chúng Tỳ-khưu là phước điền vô thượng.

1172. Tôi đã sửa soạn chiếc ghế bành bằng vàng [trị giá] một trăm ngàn, được phủ thảm lông cừu, [được làm] bằng sợi len, bông gòn, chỉ lanh và bông vải, là chỗ ngồi vô cùng giá trị xứng đáng với đức Phật.

1173. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đã đi đến cửa nhà của tôi.

1174. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian có danh tiếng, và đã rước Ngài vào căn nhà của mình.

1175. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã làm toại ý đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, và một trăm ngàn vị Tỳ-khưu với món cơm thượng hạng.

1176. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1177. "Người nào đã dâng cúng chỗ ngồi bằng vàng được phủ thảm len lông cừu này, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1178. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bốn lần và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

1179. [Người ấy] sẽ ngự trị một ngàn xứ sở, vương quốc ở trái đất và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần.

1180. [Người ấy] sẽ là người có gia tộc cao sang trong số tất cả các dòng dõi xuất thân. Và về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vị Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Bhaddiya."

1181. Gắn bó với sự độc cư, tôi đã cư ngụ ở nơi thanh vắng. Và tất cả các quả vị đã được tôi chứng đạt, giờ đây tôi có điều ô nhiễm đã được dứt bỏ.

1182. Biết rõ mọi việc của tôi, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddiya Kāḷigodhāyaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhaddiya Kāḷigodhāputta" là phần thứ ba.

44. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SANNIṬṬHĀPAKA
(*Sanniṭṭhāpakattherāpadānaṃ*)

1184. Sau khi tạo nên một liêu cốc nhỏ ở trong rừng, tôi sống ở trong vùng đồi núi, tự hài lòng với việc có hay không có, với việc có được danh tiếng hay không có danh tiếng.

1185. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến khu vực của tôi.

1186. Khi bậc Đại Hùng tên Padumuttara đi đến gần, tôi đã chuẩn bị tấm thảm cỏ và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

1187. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng trái āmaṇḍa và nước uống đến bậc có bản thể chính trực.

1188. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của trái āmaṇḍa.

1189. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Arindama độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sanniṭṭhāpaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sanniṭṭhāpaka" là phần thứ tư.

45. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA (*Pañcahatthiyattherāpadānaṃ*)

1191. Bậc Toàn Giác tên Sumedha đi ở khu phố chợ, có mắt nhìn xuống, có lời nói cân nhắc, có niệm, có giác quan thu thúc.

1192. [Dân chúng] đã mang đến tôi năm bó hoa sen xanh để làm vòng hoa đội đầu. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường vật ấy đến đức Phật.

1193. Và những bông hoa được dâng lên ấy đã trở thành mái che cho bậc Đạo Sư, và đã di chuyển theo đấng Long Tượng giống như những người học trò di chuyển theo người thầy.

1194. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa cho đến ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1195. Trước đây hai ngàn kiếp, đã có năm vị Sát-đế-ly cùng tên Hatthiya, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1196. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcahatthiya" là phần thứ năm.

46. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMACCHADANIYA (*Padumacchadaniyattherāpadānaṃ*)

1197. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Vipassī, nhân vật cao cả đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ dâng lên giàn hỏa thiêu.

1198. Và khi bông hoa được dâng lên giàn hỏa thiêu, nó đã bay lên hư không bầu trời. Tôi đã tạo nên và đã duy trì mái che ở không trung, nơi giàn hỏa thiêu.

1199. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

[1] *Pañcahatthiya* nghĩa là "vị liên quan đến năm (*pañca*) bó (*hattha*) hoa sen xanh."

1200. Trước đây bốn mươi bảy kiếp, [tôi đã là] đấng Chuyển Luân Vương tên Padumissara, là người chinh phục bốn phương, có oai lực lớn lao.

1201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumacchadaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumacchadaniya" là phần thứ sáu.

47. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA
(*Sayanadāyakattherāpadānaṃ*)

1202. Chiếc giường cao quý được trải lên bằng các lớp vải đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha, vị có tâm từ ái như thế ấy.

1203. Đức Thế Tôn đã thọ nhận chỗ nằm ngồi thích hợp. Đấng Chiến Thắng đã từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bay lên không trung.

1204. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

1205. Trước đây năm mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị tên Varuṇa Deva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1206. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sayanadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sayanadāyaka" là phần thứ bảy.

48. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAṄKAMADĀYAKA
(*Caṅkamadāyakattherāpadānaṃ*)

1207. Sau khi gom góp các viên gạch, tôi đã cho xây dựng đường kinh hành của đấng Hiền Trí Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1208. Đường kinh hành đã được kiến tạo tốt đẹp, cao năm *ratana* (một mét hai lăm), dài một trăm cánh tay (năm mươi mét), đáng được trân trọng, thích ý.

1209. Đức Thế Tôn, đấng Tối Thượng Nhân Atthadassī đã thọ nhận. Ngài đã cầm lấy cát bằng bàn tay và đã nói lên những lời kệ này:

1210. "Do sự dâng cúng cát và đường kinh hành đã khéo được xây dựng này, [người ấy] sẽ thọ hưởng cát có chứa đựng bảy loại châu báu.

1211. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên ba kiếp và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

1212. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ là đức vua ở quốc độ. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trái đất ba lần."

---

[2] *Padumacchadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng hoa sen hồng (*paduma*)."

[3] *Sayanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*sayana*)."

1213. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đường kinh hành.

1214. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Caṅkamadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Caṅkamadāyaka" là phần thứ tám.

49. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHADDA (*Subhaddattherāpadānaṃ*)

1215. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có danh vọng lớn lao, đã tiếp độ đám đông dân chúng rồi Niết-bàn.

1216. Và trong khi bậc Toàn Giác đang Niết-bàn, mười ngàn [thế giới] đã rúng động. Khi ấy, đã có tập thể dân chúng đông đảo và chư thiên đã tụ hội lại.

1217. Sau khi cúng dường trầm hương cùng với các loại bột thơm và hoa nhài, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã thoa lên đấng Tối Thượng Nhân.

1218. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian, bậc Toàn Giác ngay khi đang nằm đã nói lên những lời kệ này:

1219. "Người nào đã phủ lên [cơ thể Ta] bằng vật thơm và tràng hoa vào thời điểm cuối cùng của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1220. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến cõi trời Đẩu-suất. Sau khi cai quản vương quốc ở tại nơi ấy, người ấy sẽ đi đến cõi Hóa Lạc thiên.

1221. Sau khi cúng dường tràng hoa cao quý tối thượng theo phương thức này đây, được hài lòng với nghiệp của chính mình, người ấy sẽ thọ hưởng sự thành đạt.

1222. Người nam này cũng sẽ tái sanh ở cõi trời Đẩu-suất lần nữa. Sau khi mệnh chung từ cõi trời ấy [người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại.

1223. Người con trai dòng Sakya, đấng Long Tượng cao cả ở thế gian luôn cả chư thiên, bậc Hữu Nhãn sẽ giúp cho nhiều chúng sanh giác ngộ rồi sẽ Niết-bàn.

1224. Trong khi đã thành đạt sự xuất gia [làm đạo sĩ], được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch [người này] sẽ đi đến gặp bậc Toàn Giác, và khi ấy sẽ hỏi câu hỏi.

1225. Bậc Toàn Giác, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sẽ làm cho [người này] vui vẻ. Sau khi biết toàn diện về hành động phước thiện, Ngài sẽ phô bày các chân lý [cao thượng].

1226. Và được hài lòng về câu hỏi, người này sẽ hớn hở, có tâm chăm chú. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, [người này] sẽ cầu xin sự xuất gia.

---

[4] *Caṅkamadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đường đi kinh hành (*caṅkama*)."

1227. Đức Phật ấy, bậc rành rẽ về giáo pháp cao cả, sau khi nhìn thấy [người này] có tâm tịnh tín, hoan hỷ với nghiệp của mình, sẽ cho [người này] xuất gia.

1228. Sau khi nỗ lực trong giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người nam này sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

(Dứt tụng phẩm thứ năm).

1229. Được gắn liền với nghiệp quá khứ, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, tôi là người con trai chánh thống của đức Phật, đã được sanh ra từ giáo pháp, đã được tạo ra tốt đẹp.

1230. Sau khi đi đến gặp đấng Pháp Vương, tôi đã hỏi câu hỏi tối thượng. Và trong khi giảng giải về câu hỏi của tôi, Ngài đã đưa tôi vào dòng chảy giáo pháp.

1231. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống, được thỏa thích trong giáo pháp. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1232. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã Niết-bàn, không còn chấp thủ, tợ như cây đèn đã tắt vì sự cạn kiệt về dầu thắp.

1233. Đã có ngôi bảo tháp làm bằng châu báu cao bảy do-tuần. Tại nơi ấy, tôi đã cúng dường ngọn cờ tốt đẹp về mọi mặt, làm thích ý.

1234. Và vị Thinh văn hàng đầu tên Tissa của đức Phật Kassapa, người thừa tự giáo pháp của đấng Chiến Thắng, đã là con trai ruột của tôi.

1235. Do tâm ý kém cỏi, tôi đã nói lời nói không tốt đẹp với vị ấy. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng vào thời điểm cuối cùng.

1236. Tại rừng cây sāla Upavattana, ở chỗ nằm cuối cùng, đấng Hiền Trí, bậc Đại Hùng, đấng Chiến Thắng, bậc có sự lợi ích và lòng bi mẫn, đã cho [tôi] xuất gia.

1237. Giờ đây, đúng ngày hôm nay là sự xuất gia, đúng ngày hôm nay là sự tu lên bậc trên, đúng ngày hôm nay là sự viên tịch Niết-bàn trong sự hiện diện của bậc Tối Thượng Nhân.

1238. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Subhadda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Subhadda" là phần thứ chín.

50. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CUNDA (*Cundattherāpadānaṃ*)

1239. Sau khi cho thực hiện cây cột trụ dành cho đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã phủ lên bằng các bông hoa nhài.

1240. Sau khi làm hoàn tất, tôi đã đem bông hoa ấy lại gần đức Phật. Tôi đã cầm lấy phần còn lại của bông hoa và đã dâng lên đức Phật.

1241. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng tặng cây cột trụ bông hoa đến Ngài.

1242. Đấng Toàn Giác, bậc có sự nghi hoặc đã được loại trừ, được tháp tùng bởi những vị đã vượt qua các bộc lưu, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1243. "Người nào đã dâng cúng cột trụ bông hoa đang tỏa ra mùi hương của cõi trời đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1244. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến thế giới chư thiên, [và sẽ] được hội chúng chư thiên tôn trọng, được các bông hoa nhài phủ quanh.

1245. Được phát khởi từ nghiệp phước thiện, có chỗ trú ngụ cao vút làm bằng vàng và ngọc ma-ni, có cung điện sẽ được hiện ra cho vị ấy.

1246. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bốn kiếp và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

1247. [Người ấy] sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

1248. [Người ấy] sẽ trở thành vị thống lãnh nhân loại tên là Dujjaya. Được nương tựa vào nghiệp của chính mình, [người ấy] sẽ thọ hưởng phước báu ấy.

1249. [Người ấy] sẽ không đi đến đọa xứ và sẽ đi đến bản thể nhân loại. Và số vàng không ít hơn một trăm *koṭi* (một tỷ) sẽ được tích lũy [cho người ấy].

1250. Người ấy sẽ sanh vào dòng dõi Bà-la-môn và sẽ là người con trai ruột thông minh yêu dấu của [Bà-la-môn] Vaṅganta và bà Sārī.

1251. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Aṅgīrasa [Phật Gotama] và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Cūlacunda.

1252. Người ấy sẽ trở thành bậc có lậu hoặc được đoạn tận ngay khi còn là vị Sa-di. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người ấy sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

1253. Tôi đã phục vụ đấng Đại Hùng và nhiều vị hiền đức khác, và tôi đã hầu cận người anh trai của tôi nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

1254. Tôi đã phục vụ người anh trai của tôi,[5] tôi đã đặt Xá-lợi [của anh tôi] ở trong bình bát và đã trình lên đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

1255. Đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên đã cầm lấy bằng hai tay, và trong khi phô bày Xá-lợi ấy, Ngài đã tán dương vị Thinh văn hàng đầu.

---

[5] Anh trai của vị Cunda này là Ngài Sāriputta, tức là vị Thinh văn hàng đầu.

1256. Tâm của tôi đã khéo được giải thoát, đức tin của tôi đã được thiết lập. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1257. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

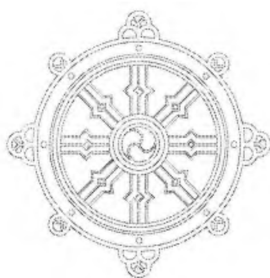
Đại đức Trưởng lão Cunda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Cunda" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Upāli, vị Soṇa, vị Bhaddiya, vị Sanniṭṭhāpaka, vị Hatthiya, mái che, giường nằm, đường kinh hành, vị Subhadda, vị tên Cunda; [tổng cộng] có một trăm bốn mươi câu kệ và bốn câu thêm vào đó.

Phẩm Upāli là phẩm thứ năm.



VI. PHẨM VĪJANĪ
(*VĪJANĪVAGGO*)

51. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIDHŪPANADĀYAKA
(*Vidhūpanadāyakattherāpadānaṃ*)

1258. Chiếc quạt đã được tôi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1259. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1260. Sau khi cầm lấy chiếc quạt, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian trong khi đang đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này:

1261. "Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người ấy] không sa vào đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp."

1262. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, được định tĩnh là đức tính của tâm, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1263. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, đã có mười sáu vị vua tên Vījamāna là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1264. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vidhūpanadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vidhūpanadāyaka" là phần thứ nhất.

52. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATARAṂSIKA
(*Sataraṃsikattherāpadānaṃ*)

1265. Sau khi trèo lên tảng đá cao, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống. Tôi là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, [cư ngụ] ở không xa ngọn núi.

1266. Khi đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, bậc Nhân Ngưu đã ngồi xuống, tôi đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

1267. "Vị này là đức Phật, đấng Đại Hùng, bậc giảng giải về giáo pháp cao quý, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu, chói sáng như là đống lửa.

1268. Tợ như đại dương không bị suy suyển, tợ như biển cả khó mà vượt

[1] *Vidhūpanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái quạt (*vidhūpana*)."

qua, bậc Hữu Nhãn thuyết giảng giáo pháp tợ như [con sư tử], vua của loài thú không bị hãi sợ."

1269. Biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

1270. "Sự chắp tay này đã được dâng cúng và đức Phật tối thượng đã được ngợi ca bởi người nào, [người ấy] sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp.

1271. Cho đến một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Toàn Giác tên Aṅgīrasa, vị đã dứt bỏ tội lỗi, sẽ hiện khởi.

1272. [Người ấy] sẽ là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, là vị A-la-hán với tên Sataraṃsī."

1273. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có ánh sáng tỏa ra, [cho nên] tôi có tên là Sataraṃsī [trăm tia sáng].

1274. Ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi là người có thiền chứng, được thỏa thích về thiền. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1275. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, [đã có] bốn vị có tên Rāma là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1276. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sataraṃsika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sataraṃsika" là phần thứ nhì.

53. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA
(*Sayanadāyakattherāpadānaṃ*)

1277. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chiếc giường đến đức Phật Padumuttara ấy, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian.

1278. Do sự dâng cúng chiếc giường ấy, có sự thành tựu của hạt giống [đã được gieo] ở thửa ruộng tốt, các của cải được sanh lên cho tôi đây; điều này là quả báo của chiếc giường.

1279. Tôi thực hiện việc nằm ngủ ở trên không trung, tôi nâng đỡ trái đất này, tôi có quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng; điều này là quả báo của chiếc giường.

1280. [Trước đây] năm ngàn kiếp, đã có tám vị [tên là] Mahāvara. Và [trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, [đã có] bốn vị có oai lực lớn lao.

1281. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sayanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sayanadāyaka" là phần thứ ba.

---

[2] *Sayanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*sayana*)."

54. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA (*Gandhodakiyattherāpadānaṃ*)

1282. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Phật Padumuttara. Tôi đã mang theo cái bầu nước đã được trang hoàng và tôi đã dâng cúng nước có hương thơm.

1283. Vào thời điểm rưới nước cho cội Bồ-đề, có đám mây lớn đã đổ mưa. Và đã có tiếng động lớn trong lúc sấm sét đang nổ ra.

1284. Tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy [và đã tái sanh] tợ như tốc độ của tia sét ấy. Trong khi đứng ở thế giới chư thiên, tôi đã nói lên lời kệ này:

1285. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống thì tôi sướng vui ở thế giới chư thiên."

1286. Chỗ trú ngụ của tôi cao vút, có một trăm tầng lầu được vươn lên, có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi.

1287. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, sự sầu muộn của tôi không có, tôi không nhìn thấy sự bực bội; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1288. [Trước đây] hai ngàn tám trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Saṃvasita, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1289. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhodakiya" là phần thứ tư.

55. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO OPAVAYHA (*Opavayhattherāpadānaṃ*)

1290. Tôi đã dâng cúng con ngựa thuần chủng đến đức Phật Padumuttara. Sau khi dâng tặng cho bậc Toàn Giác, tôi đã đi về căn nhà của mình.

1291. Vị có tên Devala là Thinh văn hàng đầu của bậc Đạo sư, là người thừa tự của giáo pháp cao quý, đã đi đến gặp tôi [nói rằng]:

1292. "Đức Thế Tôn chỉ sử dụng bình bát và vật dụng thiết yếu của mình, con ngựa thuần chủng là không thích hợp. Biết được ý định của ngươi nên bậc Hữu Nhãn đã chấp thuận."

1293. Sau khi cho người định giá con ngựa Sindhu có tốc độ như gió là phương tiện di chuyển mau chóng, tôi đã dâng cúng vật dụng thích hợp đến đức Phật Padumuttara.

1294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những con ngựa với tốc độ như gió, đáng được thuần phục, được tô điểm, [đã] sanh lên cho tôi.

1295. Những ai đạt được sự tu lên bậc trên [với Ngài], lợi ích của những vị

---

[3] *Gandhodakiya* nghĩa là "vị liên quan đến nước (*udaka*) có hương thơm (*gandha*)."

ấy là đã được thành tựu tốt đẹp. Nếu đức Phật sẽ hiện hữu ở thế gian, tôi có thể gặp lại Ngài lần nữa.

1296. Tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao, là người chinh phục bốn phương, là chúa tể của xứ Jambudīpa hai mươi tám lần.

1297. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1298. [Trước đây] ba mươi bốn ngàn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-ly có quyền uy vĩ đại, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1299. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Opavayha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Opavayha" là phần thứ năm.

56. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRĀSANA
(*Saparivārāsanattherāpadānaṃ*)

1300. Tôi đã dâng cúng vật thực đến đức Phật Padumuttara. Tôi đã đi đến địa điểm thọ trai ấy và đã rải rắc các bông hoa nhài.

1301. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc có bản thể chính trực, định tĩnh, ngồi ở chỗ ngồi ấy đã tán dương về phần vật thực rằng:

1302. "Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm vui lòng người nông phu.

1303. Tương tợ y như thế, phần vật thực này đã được ngươi gieo xuống thửa ruộng màu mỡ, trong khi sanh ra ở cõi hữu, quả báo sẽ làm ngươi vui lòng."

1304. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã ngợi ca về phần vật thực, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1305. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, được gắn bó với sự cô tịch, tôi sống không còn lậu hoặc.

1306. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saparivārāsana[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saparivārāsana" là phần thứ sáu.

57. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCADĪPAKA
(*Pañcadīpakattherāpadānaṃ*)

1307. Sau khi đã khéo an trú trong Chánh pháp của đức Phật Padumuttara, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả sanh linh, tôi đã có được quan điểm chín chắn.

[4] *Saparivārāsana* nghĩa là "vị có vật thực (*asana*) và các vật phụ thuộc (*parivāra*)."

1308. Tôi đã dâng cúng vật thí là các cây đèn sau khi đã đặt vòng quanh cội Bồ-đề. Trong khi đang có niềm tin, tôi đã tức thời thắp sáng các cây đèn.

1309. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những người cầm đuốc ở không trung; điều này là quả báo của việc dâng cúng đèn.

1310. Tôi thể nghiệm được sự nhìn thấy ở xung quanh một trăm do-tuần, sau khi đã vượt xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá và ngọn núi.

1311. [Trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, các vị vua có tên Satacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao.

1312. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcadīpaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcadīpaka" là phần thứ bảy.

58. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA
(*Dhajadāyakattherāpadānaṃ*)

1314. Ở tại cội cây Bồ-đề của đức Phật Padumuttara, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã treo ngọn cờ ở chóp đỉnh của cội cây.

1315. Tôi đã nhặt các lá cây bị rụng xuống rồi đã đổ bỏ ở bên ngoài. Tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [đảnh lễ] bậc Toàn Giác là vị trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã được giải thoát, không còn lậu hoặc, đang ở trước mặt.

1316. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1317. "Do cả hai việc là dâng cúng ngọn cờ và sự phục vụ này, người ấy không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1318. [Người ấy] sẽ thọ hưởng sự huy hoàng ở cõi trời không phải là ít ở giữa chư thiên, sẽ là vị vua ở quốc độ hàng trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên Uggata.

1319. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng sự thành đạt [người ấy] sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama."

1320. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

---

[5] *Pañcadīpaka* nghĩa là "vị có năm (*pañca*) cây đèn (*dīpaka*)."

1321. [Trước đây] năm mươi mốt ngàn kiếp, [tôi đã] có tên Uggata. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Megha.

1322. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhajadāyaka" là phần thứ tám.

59. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMA (*Padumattherāpadānaṃ*)

1323. Trong khi công bố về bốn sự thật, trong khi giúp cho đám đông dân chúng chứng ngộ Niết-bàn, bậc chuyển vận giáo pháp cao quý [đã] đổ cơn mưa bất tử.

1324. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng còn cả cuống đứng ở tầng thượng. Được mừng rỡ, tôi đã ném lên không trung [cúng dường] bậc Hiền Trí Padumuttara.

1325. Và trong khi đóa sen hồng đang đi đến, ngay khi ấy đã có điều kỳ diệu. Biết được ý định của tôi, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã nắm lấy.

1326. Sau khi cầm lấy đóa sen tối thượng trong các loài hoa bằng bàn tay hạng nhất, [đức Phật] đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1327. "Người nào đã thảy đóa sen hồng này đến đấng Toàn Tri, bậc Hướng Đạo, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1328. [Người ấy] sẽ là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi kiếp, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất bảy trăm lần.

1329. Sau khi tính đếm số lượng cánh hoa ở tại nơi ấy, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương [bấy nhiêu lần], khi ấy sẽ có trận mưa bông hoa đổ xuống từ không trung.

1330. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1331. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

1332. Tôi đã ra khỏi lòng [mẹ] có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ]. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1333. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paduma đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paduma" là phần thứ chín.

---

[6] *Dhajadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cây cờ (*dhaja*)."

60. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ASANABODHIYA
(*Asanabodhiyattherāpadānaṃ*)

1334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

1335. Đối với đức Thế Tôn Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề tối thượng.

1336. [Cội Bồ-đề] là giống cây mọc ở trên mặt đất có tên là Asana. Tôi đã chăm sóc cội Bồ-đề tối thượng Asana năm năm.

1337. Sau khi nhìn thấy cội cây đã được trổ hoa là điều kỳ diệu khiến lông rởn ốc. Trong khi tán dương việc làm của mình, tôi đã đi đến gặp đức Phật tối thượng.

1338. Khi ấy, bậc Toàn Giác Tissa, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả ấy, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

1339. "Người nào đã gieo trồng cội cây Bồ-đề này và đã tôn trọng sự cúng dường đức Phật, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1340. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên ba mươi kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần.

1341. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, sau khi thọ hưởng hai sự thành đạt, người ấy sẽ sướng vui ở bản thể nhân loại.

1342. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người ấy sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

1343. Tôi đã gắn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

1344. Kể từ khi tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc gieo trồng cội Bồ-đề.

1345. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã] được nổi tiếng với tên Daṇḍasena. Khi ấy, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật.

1346. Trước đây bảy mươi ba kiếp, đã có bảy vị lãnh chúa là các đấng Chuyển Luân Vương tên Samantanemi.

1347. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Puṇṇaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1348. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

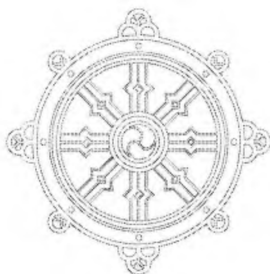
Đại đức Trưởng lão Asanabodhiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Asanabodhiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có cây quạt, vị Sataraṃsī, chiếc giường, vị có nước hương thơm, vị có phương tiện di chuyển, vị có vật phụ thuộc, cây đèn, ngọn cờ, vị cúng dường hoa sen hồng, và cội Bồ-đề là thứ mười. Như thế, [tổng cộng] có chín mươi hai câu kệ đã được nói đến.

Phẩm Vījanī là phẩm thứ sáu.



[7] *Asanabodhiya* nghĩa là "vị liên quan đến cội Bồ-đề (Bodhi) là giống cây asana."

VII. PHẨM SAKACINTANIYA
(*SAKACINTANIYAVAGGO*)

61. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKACINTANIYA
(*Sakacintaniyattherāpadānaṃ*)

1349. Tôi đã nhìn thấy khu rừng bao la rậm rạp ít có tiếng động, không bị chộn rộn, chính là nơi trú ngụ của các vị ẩn sĩ, là địa điểm tiếp nhận các vật hiến cúng.

1350. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đã rải rắc nhiều bông hoa khác loại. Tôi đã đảnh lễ [ngôi bảo tháp] đã được tạo nên, như là [đảnh lễ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt.

1351. Trở thành vị vua được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của quốc độ, tôi hài lòng với nghiệp của chính mình; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1352. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1353. [Trước đây] tám mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương Anantayasa, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục.

1354. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakacintaniya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sakacintaniya" là phần thứ nhất.

62. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVOPUPPHIYA
(*Avopupphiyattherāpadānaṃ*)

1355. Sau khi đi ra khỏi trú xá và bước lên ở con đường kinh hành, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về đạo lộ bất tử.

1356. Nhận biết được giọng nói của đấng Sikhī là đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy nhiều loại bông hoa và đã tung lên ở không trung.

1357. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được vị thế bất động.

1358. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp,

[1] *Sakacintaniya* nghĩa là "vị có sự suy nghĩ (*cintana*) của chính mình (*saka*)."

tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1359. Trước đây hai mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1360. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avopupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avopupphiya" là phần thứ nhì.

63. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCĀGAMANIYA
(*Paccāgamaniyattherāpadānaṃ*)

1361. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài ngỗng đỏ ở bờ sông Sindhu. Và tôi đã khéo ngăn ngừa các điều ác, có thức ăn thuần là loài thảo mộc ở trong nước.

1362. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. Tôi đã dùng mỏ ngắt lấy bông hoa sāla và đã dâng lên [đức Phật] Vipassī.

1363. "Người nào có niềm tin ở đức Như Lai không bị lay chuyển khéo được thiết lập, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh."

1364. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. Hạt giống tốt đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài chim.

1365. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1366. [Trước đây] mười bảy kiếp, tám vị này có cùng một tên là Sucārudassana. Họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1367. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccāgamaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paccāgamaniya" là phần thứ ba.

64. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PARAPPASĀDAKA
(*Parappasādakattherāpadānaṃ*)

1368. "Ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, đấng Anh Hùng cao thượng quý phái, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Chinh Phục mà không tịnh tín?

1369. Tợ như núi Hy-mã-lạp là không thể đo lường được, tợ như biển cả là khó mà vượt qua, tương tợ y như thế về thiền của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

1370. Giống như trái đất với vòng đai rừng đa dạng là không thể ước lượng được, tương tợ y như thế về giới của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

---

[2] *Paccāgamaniya* nghĩa là "vị có sự quay trở lại (*pati-ā-gamana*)."

1371. Tợ như không gian là không bị khuấy động, giống như bầu trời là không thể tính đếm, tương tợ y như thế về trí của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?"

1372. Vị Bà-la-môn tên Sena đã ngợi ca đức Phật tối thượng, bậc Không Bị Đánh Bại Siddhattha, bằng bốn câu kệ này.

1373. [Vị ấy] đã không đi đến khổ cảnh trong chín mươi bốn kiếp, đã thọ hưởng sự thành đạt tốt đẹp ở các cõi trời không phải là ít.

1374. Sau khi ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

1375. [Trước đây] mười bốn kiếp, đã có bốn vị tên Uggata, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1376. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Parappasādaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Parappasādaka" là phần thứ tư.

65. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA
(*Bhisadāyakattherāpadānaṃ*)

1377. Bậc có tên Vessabhū đã là vị thứ ba trong số các bậc Ẩn Sĩ.[4] Bậc Tối Thượng Nhân đã đi sâu vào rừng và đã cư ngụ ở khu rừng rậm.

1378. Tôi đã cầm lấy củ và rễ sen rồi đã đi đến gần bên đức Phật. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên vật ấy đến đức Phật.

1379. Và bằng cái vòi tôi đã được va chạm với bậc Có Sự Giác Ngộ Cao Quý Vessabhū. Tôi chưa biết đến sự sung sướng nào bằng hoặc hơn điều ấy.

1380. [Đây là] lần sau cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Điều lành đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài long tượng.

1381. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

1382. Và [trước đây] mười ba kiếp, đã có mười sáu vị vua tên Samodhāna, là các bậc thống lãnh nhân loại, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1383. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka" là phần thứ năm.

---

[3] *Parappasādaka* nghĩa là "vị tạo cho người khác (*para*) có được đức tin (*pasādaka*)."

[4] Là vị thứ ba trong số ba vị Phật Toàn Giác: Vipassī, Sikhī, Vessabhū (*ApA*. 389).

[5] *Bhisadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ sen (*bhisa*)."

66. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

1384. Tôi đã là người [thợ săn] lai vãng ở các khu vực hiểm trở của những ngọn núi. Tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, tôi giết các bầy thú rừng và sống ở trong vùng đồi núi.

1385. Về phần đức Thế Tôn Atthadassī, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến ngọn núi cao nhất.

1386. Sau khi giết chết con nai đốm, tôi đã tiến đến để ăn thịt. Vào lúc ấy, đức Thế Tôn trong lúc khất thực đã đi đến gần.

1387. Tôi đã cầm lấy những miếng thịt ngon và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư ấy. Khi ấy, trong lúc giúp cho tôi chứng đạt Niết-bàn, đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ.

1388. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đi vào khu vực hiểm trở của ngọn núi. Sau khi làm cho niềm phỉ lạc sanh khởi, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

1389. Do sự dâng cúng thịt ấy và do các nguyện lực của tâm, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn năm trăm kiếp.

1390. Do chính sự dâng cúng thịt ấy và sự tưởng niệm về đức Phật, trong những kiếp còn lại điều lành đã được tôi tích lũy.

1391. [Trước đây] ba mươi tám kiếp, đã có tám vị tên là Dīghāyu. Trước đây sáu ngàn kiếp, đã có hai vị tên là Varuṇa.

1392. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sucintita" là phần thứ sáu.

67. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VATTHADĀYAKA (*Vatthadāyakattherāpadānaṃ*)

1393. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim có màu sắc đẹp đẽ, là vị thống lãnh loài nhân điểu. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang đi ở núi Gandhamādana.

1394. Sau khi bỏ đi dáng vóc của loài nhân điểu, tôi đã mang lốt người thanh niên. Tôi đã dâng cúng một tấm vải đến đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1395. Và sau khi tiếp nhận mảnh vải ấy, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc Đạo Sư đứng ở không trung, đã nói lên lời kệ này:

1396. "Do sự dâng cúng tấm vải này và do các nguyện lực của tâm, sau khi từ bỏ nguồn gốc nhân điểu [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên."

1397. Và sau khi ca ngợi sự dâng cúng tấm vải, đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

---

[6] *Sucintita* nghĩa là "vị đã suy nghĩ (*cintita*) khôn khéo (*su*)."

1398. Trong khi sanh ra ở cõi hữu, tôi có được sự thành tựu về vải vóc, có được mái che ở trên không trung; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

1399. [Trước đây] ba mươi sáu kiếp, đã có bảy người tên Aruṇaka là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao, là các vị thống lãnh nhân loại.

1400. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vatthadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vatthadāyaka" là phần thứ bảy.

68. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBADĀYAKA (*Ambadāyakattherāpadānaṃ*)

1401. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc không còn mầm mống tái sanh, ngồi ở vùng đồi núi đã lan tỏa với tâm từ ái ở thế gian vô hạn lượng.

1402. Khi ấy, tôi đã là con khỉ ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng. Sau khi nhìn thấy đấng Anoma Vô Lượng, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật.

1403. Lúc bấy giờ, ở không xa núi Hy-mã-lạp có những cây xoài đã được kết trái. Tôi đã hái trái chín từ nơi ấy và đã dâng cúng trái xoài cùng với mật ong.

1404-05. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Anomadassī đã chú nguyện điều ấy cho tôi rằng: "Do cả hai việc là sự dâng cúng mật ong và sự dâng cúng trái xoài này, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong năm mươi bảy kiếp, và trong những kiếp còn lại sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người].

1406. [Người ấy] sẽ làm cho nghiệp ác được loại trừ nhờ vào trí giác ngộ đã được hoàn toàn chín muồi, sẽ không đi đến đọa xứ, và sẽ thiêu đốt các phiền não."

1407. Tôi đã được huấn luyện với sự huấn luyện tối thượng bởi bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1408. [Trước đây] bảy ngàn bảy trăm kiếp, mười bốn vị vua ấy có tên Ambaṭṭhaja đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1409. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambadāyaka" là phần thứ tám.

69. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANA (*Sumanattherāpadānaṃ*)

1410. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên là Sumana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian.

1411. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài tối thượng bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

[7] *Vatthadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải (*vattha*)."

[8] *Ambadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái xoài (*amba*)."

1412. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tác ý, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1413. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1414. [Trước đây] hai mươi sáu kiếp, đã có bốn vị vua có danh vọng lớn lao là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật.

1415. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sumana” là phần thứ chín.

70. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACAṄGOṬIYA
(*Pupphacaṅgoṭiyattherāpadānaṃ*)

1416. [Đức Phật Sikhī] tợ như loài sư tử có dáng vóc không bị hãi sợ, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con chim thuộc loài nhân điểu cao cả.

1417. Đức Phật Sikhī, nơi nương nhờ của tam giới, vị không còn dục vọng, bậc không bị đánh bại, đấng cao cả trong số các vị Sa-môn đã ngồi xuống, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1418. Tôi đã đặt để bông hoa anojā thượng hạng ở trong cái rương. Với chính cái rương ấy, tôi đã dâng đến đức Phật tối thượng.

1419. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được vị thế bất động.

1420. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1421. [Trước đây] tròn đủ ba mươi kiếp, đã có năm vị tên Devabhūti, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật.

1422. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphacaṅgoṭiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pupphacaṅgoṭiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự suy nghĩ của mình, vị Avopupphī, cùng với vị có sự quay trở lại, vị có sự tạo niềm tin cho người khác, vị dâng cúng củ sen, vị có sự suy nghĩ khôn khéo, vị cúng dường tấm vải, vị dâng cúng xoài, vị Sumana và luôn cả vị có cái rương bông hoa. [Tổng cộng] có bảy mươi mốt câu kệ đã được nói lên, đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Sakacintaniya là phẩm thứ bảy.

---

[9] *Pupphacaṅgoṭiya* nghĩa là “vị liên quan đến cái rương (*caṅgoṭaka*) có chứa đựng bông hoa (*puppha*).”

VIII. PHẨM NĀGASAMĀLA
(*NĀGASAMĀLAVAGGO*)

71. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGASAMĀLA
(*Nāgasamālattherāpadānaṃ*)

1423. Tôi đã dâng lên bông hoa āpāṭali ở ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī [được tạo lập] ở khu vực cao ráo tại con đường lớn.

1424. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1425. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Bhūmiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1426. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgasamāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgasamāla" là phần thứ nhất.

72. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADASAÑÑAKA
(*Padasaññakattherāpadānaṃ*)

1427. Sau khi nhìn thấy vết chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở bàn chân của Ngài.

1428. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về vết chân [của đức Phật].

1429. Trước đây vào kiếp thứ bảy, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1430. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padasaññaka" là phần thứ nhì.

73. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

1431. Tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo sư được

[1] *Padasaññaka* nghĩa là "vị có sự suy tưởng (*saññaka*) về vết chân (*pada*) của đức Phật."

treo ở ngọn cây, do đó tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ ấy.

1432. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

1433. Trước đây vào kiếp thứ tư, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ [tên] Dumasāra, là người chinh phục bốn phương, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1434. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ ba.

74. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISĀLUVADĀYAKA
(*Bhisāluvadāyakattherāpadānaṃ*)

1435. Tôi đi sâu vào khu rừng rậm và cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

1436. Tôi đã dâng cúng củ sen và nước rửa tay. Sau khi đê đầu đảnh lễ ở bàn chân, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1437. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phước thiện.

1438. Trước đây vào kiếp thứ ba, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Bhisa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1439. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisāluvadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisāluvadāyaka" là phần thứ tư.

75. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA
(*Ekasaññakattherāpadānaṃ*)

1440. Vị có tên Khaṇḍa đã là bậc Thinh văn hàng đầu của [đức Phật] Vipassī. Một phần vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian.

1441. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Nhân Ngưu, bậc Chúa Tể Của Loài Người, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một phần vật thực.

1442. Trước đây bốn mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Varuṇa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1443. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Bhisāluvadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ sen (*bhisāluva*)."

Đại đức Trưởng lão Ekasaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekasaññaka" là phần thứ năm.

76. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASANTHARADĀYAKA (*Tiṇasantharadāyakattherāpadānaṃ*)

1444. Ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn được bao phủ bởi trăm loại lá cây và là chỗ cư ngụ của nhiều loại chim khác nhau.

1445. Tôi đã tắm và đã uống nước tại nơi ấy, và tôi cư ngụ ở không xa. Tôi đã nhìn thấy bậc đứng đầu các vị Sa-môn đang di chuyển bằng đường không trung.

1446. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian, ngay khi ấy đã từ cung trời ngự xuống đứng ở trên mặt đất.

1447. Bằng cái sừng, tôi đã đem cỏ lại và đã dâng cúng chỗ ngồi. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Ba Cõi đã ngồi xuống ở tại chỗ ấy.

1448. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã khom mình xuống di chuyển sang một bên trong lúc đang chiêm ngưỡng bậc Đại Hiền Trí.

1449. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải lót [chỗ ngồi].

1450. Trước đây vào kiếp thứ nhì, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Miga, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1451. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka" là phần thứ sáu.

77. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA (*Sūcidāyakattherāpadānaṃ*)

1452. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, [đã hiện khởi] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng.

1453. Có màu da vàng chói, Ngài là đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy. Năm cây kim khâu đã được tôi dâng cúng đến Ngài nhằm mục đích may y.

1454. Chính nhờ vào việc dâng cúng kim khâu ấy mà trí tuệ sắc bén, nhẹ nhàng, thoải mái, có sự nhận thấy rõ ý nghĩa vi tế, đã sanh khởi đến tôi.

1455. Bốn vị Vua tên Dipadādhipati đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[3] *Ekasaññaka* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) suy tưởng (*saññā*)."

[4] *Tiṇasantharadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm thảm (*santhara*) bằng cỏ (*tiṇa*)."

1456. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1457. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sūcidāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sūcidāyaka" là phần thứ bảy.

78. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬALIPUPPHIYA
(*Pāṭalipupphiyattherāpadānaṃ*)

1458. Lúc bấy giờ, tôi đã là con trai nhà triệu phú, mảnh mai, khéo được nuôi dưỡng. Tôi đã đặt bông hoa pāṭali vào lòng và đã mang theo bông hoa ấy.

1459. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, tợ như cây cột trụ bằng vàng.

1460. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cúng dường bông hoa. Tôi đã lễ bái Đấng Hiểu Biết Thế Gian Tissa, đấng Bảo Hộ, vị Trời của nhân loại.

1461. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1462. Trước đây sáu mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisammata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1463. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭalipupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāṭalipupphiya" là phần thứ tám.

79. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ṬHITAÑJALIYA
(*Ṭhitañjaliyattherāpadānaṃ*)

1464. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Có Tướng Mạo Cao Quý Tissa.

1465. Ngài đang ngồi ở nơi không xa, trên chiếc thảm lá của mình. Tôi đã chắp tay lại đối với Ngài rồi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1466. Sau đó, tia sét đánh xuống vào lúc ấy đã giáng vào đầu của tôi. Vào thời điểm mệnh chung, tôi đây đã thực hiện việc chắp tay lần nữa.

1467. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc chắp tay trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay.

1468. [Trước đây] năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị có tên Migaketu, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1469. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] *Sūcidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) kim khâu (*sūci*)."

[6] *Pāṭalipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) pāṭali."

Đại đức Trưởng lão Ṭhitañjaliya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
"Ký sự về Trưởng lão Ṭhitañjaliya" là phần thứ chín.

80. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIPADUMIYA (*Tipadumiyattherāpadānaṃ*)

1470. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Là bậc đã [tự mình] rèn luyện được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện, đấng Chiến Thắng đã rời khỏi thành phố.

1471. Lúc bấy giờ, ở thành phố Haṃsavatī tôi đã là người làm tràng hoa. Tại nơi ấy bông hoa nào là tuyệt hảo, tôi đã cầm lấy ba bông hoa [ấy].

1472. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, ở lối đi ngược lại tại khu phố chợ. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, vào lúc ấy tôi đây đã suy nghĩ như vầy:

1473. "Ta được gì với những bông hoa này khi ta đem chúng dâng đến đức vua? Ta có thể đạt được ngôi làng, hoặc cánh đồng làng, hoặc ngàn đồng tiền?

1474. Đấng Bảo Hộ Thế Gian là vị điều phục những ai chưa được điều phục, là bậc Trí Tuệ, là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, sau khi cúng dường Ngài ta sẽ đạt được tài sản bất tử."

1475. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Khi ấy, tôi đã cầm ba đóa [hoa sen] màu đỏ và đã ném lên không trung.

1476. Ngay khi vừa được tôi ném lên không trung, các bông hoa ấy đã xòe ra. Chúng duy trì tại nơi ấy ở trên đầu, có cuống hoa ở phía trên, miệng hoa ở phía dưới.

1477. Sau khi nhìn thấy, bất cứ những ai thuộc loài người thì đã thốt lên tiếng hoan hô, chư thiên ở trên không trung thì đã thể hiện hành động tán thán:

1478. "Điều kỳ diệu đã xuất hiện ở thế gian nhờ vào tác động của đức Phật tối thượng. Tất cả chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp nhờ vào tác động của những bông hoa."

1479. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đứng ở ngay tại đường lộ, đã nói lên những lời kệ này:

1480. "Người thanh niên nào đã cúng dường đức Phật bằng ba đóa sen hồng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1481. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp.

1482. Ngay lập tức sẽ hiện ra cung điện tên Mahāvitthārika, có chiều dài ba trăm do-tuần, chiều rộng một trăm năm mươi do-tuần.

1483. Và có bốn trăm ngàn tháp nhọn sẽ được hóa hiện ra, có các nhà mái nhọn cao quý, được đầy đủ các giường nằm rộng lớn.

1484. Hàng trăm ngàn *koṭi* nàng tiên thiện xảo về điệu vũ và lời ca, lại còn được thuần thục về trình tấu nhạc cụ nữa, sẽ quây quần xung quanh.

[7] *Ṭhitañjaliya* nghĩa là "vị đã đứng (*ṭhita*) chắp tay (*añjali*)."

1485. [Người này] sẽ sống ở tại cung điện cao quý như thế ấy trong sự chộn rộn của đám nữ nhân, thường xuyên có cơn mưa bông hoa thuộc về cõi trời có màu đỏ.

1486. Đồng thời sẽ có những bông hoa màu đỏ có kích thước bằng bánh xe treo lơ lửng ở chốt gắn tường bằng ngà voi ở bên ngoài cánh cửa, ở cổng chào.

1487. Tại nơi ấy, bên trong cung điện cao quý được lót toàn bằng cánh hoa, [và các cánh hoa] sau khi được trải ra và phủ lên thì sẽ nhập chung với nhau ngay lập tức.

1488. Các bông hoa màu đỏ tinh khiết ấy bao bọc xung quanh nơi cư ngụ một trăm do-tuần và tỏa ngát hương thơm cõi trời.

1489. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

1490. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, không có tai họa, không có sự nguy khốn, khi kiếp sống cuối cùng được đạt đến [người này] sẽ chạm đến Niết-bàn."

1491. Quả nhiên đức Phật đã được tôi nhìn thấy rõ ràng, thương vụ đã được kinh doanh khéo léo; sau khi cúng dường ba đóa hoa sen hồng, tôi đã thọ hưởng ba sự thành tựu.

1492. Hôm nay, tôi là người đã đạt được giáo pháp, đã được giải thoát một cách trọn vẹn. Có bông sen đỏ khéo nở rộ sẽ được duy trì ở trên đầu của tôi.

1493. Trong lúc bậc Đạo Sư Padumuttara đang thuyết giảng về việc làm của tôi, đã có sự chứng ngộ giáo pháp của hàng ngàn chúng sanh và sinh mạng.

1494. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa sen hồng.

1495. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tipadumiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tipadumiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão có tràng hoa, vị có sự suy tưởng về dấu chân, vị có sự suy tưởng [về đức Phật], vị dâng cúng củ sen, vị suy tưởng về một phần [vật thực], vị dâng cúng cỏ, [vị dâng cúng] kim khâu, vị có các bông hoa pāṭali, vị đứng chắp tay, vị có ba đóa sen hồng; [tổng cộng] có bảy mươi lăm câu kệ.

Phẩm Nāgasamāla là phẩm thứ tám.

---

[8] *Tipadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) đóa sen hồng (*paduma*)."

IX. PHẨM TIMIRAPUPPHIYA
(*TIMIRAPUPPHIYAVAGGO*)

81. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA
(*Timirapupphiyattherāpadānaṃ*)

1497. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā và tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đang ngồi, thanh tịnh, không bị chộn rộn.

1498. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đã vượt qua, vị này sẽ giúp cho vượt qua. Đã rèn luyện, vị này sẽ giúp cho rèn luyện.

1499. Đã được tự tại, [vị này] sẽ giúp cho tự tại. Đã được an tịnh, [vị này] sẽ giúp cho an tịnh. Đã giải thoát, [vị này] sẽ giúp cho giải thoát. Và đã Niết-bàn, [vị này] sẽ giúp cho Niết-bàn."

1500. Sau khi đã tự mình suy nghĩ như thế, tôi đã cầm lấy bông hoa timira và đã rải rắc lên đỉnh đầu của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha.

1501. Tôi đã chắp tay lên và đã đi nhiễu vòng quanh. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư, tôi đã ra đi về hướng khác.

1502. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc đi lần theo triền núi, tôi đã ngã xuống ngay tại chỗ ấy.

1503. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1504. [Trước đây] năm mươi sáu kiếp đã có đúng bảy vị có danh vọng lớn lao, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1505. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ nhất.

82. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA
(*Gatasaññakattherāpadānaṃ*)

1506. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư với tâm ý trong sạch.

[1] *Timirapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) timira."

1507. Tôi đã ném bảy bông hoa naṅgalikī lên không trung, [tâm] hướng về đức Phật Tissa có biển cả đức hạnh vô biên.

1508. Sau khi cúng dường con đường đã được đấng Thiện Thệ đi qua với tâm ý vui mừng, khi ấy được tịnh tín tôi đã thực hiện việc chắp tay bằng các bàn tay của mình.

1509. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1510. Trước đây vào kiếp thứ tám đã có ba vị [cùng tên] Aggisikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1511. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gatasaññaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gatasaññaka" là phần thứ nhì.

83. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIPANNAÑJALIYA
(*Nipannañjaliyattherāpadānaṃ*)

1512. Ở trong khu rừng hoang rậm tôi đã đạt được tâm bi mẫn tối cao. Tôi đã ngồi xuống ở gốc cây, và tôi đã bị bệnh trầm trọng.

1513. Vì lòng thương tưởng, bậc Đạo Sư Tissa đã đi đến bên tôi. Đang ở trạng thái nằm, tôi đây đã chắp tay lại ở đầu.

1514. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác tối thượng của tất cả chúng sanh, và tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1515. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

1516. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có đúng năm vị [cùng tên] Mahāsikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nipannañliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nipannañliya" là phần thứ ba.

84. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADHOPUPPHIYA
(*Adhopupphiyattherāpadānaṃ*)

1518. Vị Tỳ-khưu tên Abhibhū ấy có đại thần lực, có tam minh, là vị Thinh văn hàng đầu của [đức Thế Tôn] Sikhī. Vị ấy đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

---

[2] *Gatasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) đến con đường đức Phật đi qua (*gata*)."

1519. Tôi cũng là vị Ẩn sĩ sống ở khu ẩn cư xinh xắn tại núi Hy-mã-lạp, khi ấy tôi có năng lực trong các pháp vô lượng [tâm] và các thần thông.

1520. Tợ như loài có cánh ở trên bầu trời, tôi đã định cư ở ngọn núi. Sau khi cầm lấy bông hoa adha, tôi đã đi đến ngọn núi.

1521. Sau khi cầm lấy bảy bông hoa, tôi đã rải rắc ở trên đỉnh đầu. Và khi được vị Anh Hùng nhìn thấy, tôi đã ra đi mặt hướng phía Đông.

1522. Sau khi trở về khu ẩn cư, tôi đã đi đến chỗ trú ngụ. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng và đã đi vào trong vùng đồi núi.

1523. Con trăn có bộ dạng ghê rợn, có sức mạnh khủng khiếp đã hành hạ tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây và đã mệnh chung tại nơi ấy.

1524. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Adhopupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Adhopupphiya" là phần thứ tư.

85. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṂSISAÑÑAKA (*Raṃsisaññakattherāpadānaṃ*)

1526. Trước đây, tôi đã tạo lập chỗ cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Có y choàng là tấm da dê, tôi sống ở trong vùng đồi núi.

1527. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa, đi vào bên trong khu rừng.

1528. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín đối với hào quang của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã chắp tay lên, ngồi chồm hổm, rồi đê đầu đảnh lễ.

1529. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về hào quang.

1530. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka" là phần thứ năm.

86. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DUTIYARAṂSISAÑÑAKA (*Dutiyaraṃsisaññakattherāpadānaṃ*)

2531. Tôi là vị mặc y phục bằng vỏ cây ở núi Hy-mã-lạp. Và sau khi bước lên đường kinh hành tôi đã ngồi xuống, mặt hướng phía Đông.

---

[3] *Adhopupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) adha."

[4] *Raṃsisaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) đến hào quang (*raṃsi*) đức Phật."

1532. Tôi đã nhìn thấy đấng Thiện Thệ Phussa ở ngọn núi, khi ấy Ngài đang thỏa thích ở trong thiền. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang.

1533. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về hào quang.

1534. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka" là phần thứ sáu.

87. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

1535. Tôi là vị mặc tấm da dê sần sùi ở núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Cao Quý Phussa, có trái cây ở bàn tay, tôi đã dâng cúng trái cây.

1536. [Do] việc tôi đã dâng cúng trái cây với tâm ý trong sạch, khi tôi được sanh lên ở cõi hữu thì có trái cây hiện đến cho tôi.

1537. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

1538. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ bảy.

88. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

1539. Tôi sống ở tấm thảm bằng lá cây tại núi Hy-mã-lạp. Khi [đức Phật] Phussa đang nói về giáo pháp, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm thanh.

1540. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1541. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ tám.

89. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISIÑCAKA
(*Bodhisiñcakattherāpadānaṃ*)

1542. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Trong khi đang đi đến về việc xuất gia, tôi đã đi đến gần lễ hội.

1543. Tôi đã cầm lấy nước bông hoa và đã rưới xuống cội Bồ-đề [nói rằng]:

"Đã được giải thoát, Ngài sẽ giúp cho chúng con giải thoát. Đã Niết-bàn, Ngài sẽ giúp cho chúng con Niết-bàn."

1544. [Kể từ khi] tôi đã rưới nước [bông hoa] ở cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc rưới nước [bông hoa] ở cội Bồ-đề.

1545. Ở kiếp thứ ba mươi ba trong thời hiện tại đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Udakāsecana, các vị này là các đấng Chuyển Luân Vương.

1546. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhisiñcaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhisiñcaka" là phần thứ chín.

90. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPUPPHIYA (*Padumapupphiyattherāpadānaṃ*)

1547. Tôi đã lội vào nước ở hồ sen, trong khi đang ngắt các đóa sen hồng tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Phussa có ba mươi hai hảo tướng.

1548. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng và đã ném lên không trung. Sau khi thực hiện việc làm tịnh tín, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1549. Sau khi xuất gia, với thân và ý đã được thu thúc, tôi đã từ bỏ sở hành xấu xa về lời nói và đã làm trong sạch sự nuôi mạng sống.

1550. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1551. Đã có mười tám vị lãnh chúa tên Padumābhāsa và bốn mươi tám [vị lãnh chúa] trong mười tám kiếp.

1552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có bông hoa timira, vị có bông hoa naṅgalī, vị nắm chắp tay, bông hoa adha, hai vị có sự suy tưởng về hào quang, vị dâng cúng trái cây, vị có sự suy tưởng về âm thanh, vị rưới nước [bông hoa] và vị có đóa sen hồng; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Timirapupphiya là phẩm thứ chín.

---

[5] *Bodhisiñcaka* nghĩa là "vị rưới nước (*siñcaka*) cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

[6] *Padumapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến hoa (*puppha*) sen hồng (*paduma*)."

X. PHẨM SUDHĀPIṆḌIYA
(*SUDHĀPIṆḌIYAVAGGO*)

91. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUDHĀPIṆḌIYA
(*Sudhāpiṇḍiyattherāpadānaṃ*)

1553-54. Đối với người đang cúng dường đến đối tượng xứng đáng sự cúng dường như là đức Phật hoặc là vị Thinh văn đang vượt qua chướng ngại, hoặc đã vượt qua sầu muộn và than vãn, đối với người đang cúng dường đến các vị đã đạt Niết-bàn không còn hãi sợ như thế ấy thì không thể nào ước định được phước báu [của người ấy] là thế này hay thế kia, bằng bất cứ cách thức gì.

1555. Ở đây, người nào có thể được làm chúa tể thậm chí của cả bốn châu lục, điều ấy không giá trị bằng một phần mười sáu của một phần nhỏ của sự cúng dường.

1556. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng vữa vôi ở chỗ khe nứt tại ngôi bảo tháp của bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha.

1557. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tu bổ.

1558. Trước đây ba mươi kiếp, [đã có] mười ba vị tên Paṭisaṅkhāra là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1559. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sudhāpiṇḍiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sudhāpiṇḍiya” là phần thứ nhất.

92. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

1560. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng chiếc ghế sạch bong đến đức Phật, bậc Quyến Thuộc Của Mặt Trời, đấng Bảo Hộ Thế Gian Tissa.

1561. Trước đây ba mươi tám kiếp, tôi đã là đức Vua Mahāruci. Của cải đã là thừa thãi và giường nằm không phải là ít.

1562. Sau khi dâng cúng đến đức Phật chiếc ghế với tâm ý trong sạch, tôi đã thọ hưởng nghiệp của mình đã được bản thân khéo thực hiện trong thời quá khứ.

1563. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc ghế trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc ghế.

---
[1] *Sudhāpiṇḍiya* nghĩa là “vị liên quan đến cục (*piṇḍa*) vôi bột (*sudhā*).”

1564. Trước đây ba mươi tám kiếp, [đã có] Ruci, Uparuci và luôn cả Mahāruci là vị thứ ba, ba vị ấy là các đấng Chuyển Luân Vương.

1565. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sucintita" là phần thứ nhì.

93. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AḌḌHACELAKA (*Aḍḍhacelakattherāpadānaṃ*)

1566. Tôi bị lâm vào cảnh vô cùng khốn khổ và bị xâm nhập bởi mùi hôi thối. Tôi đã dâng cúng một nửa mảnh vải đến đức Thế Tôn Tissa.

1567. Sau khi dâng cúng một nửa mảnh vải, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi cho thực hiện.

1568. Kể từ khi tôi đã dâng cúng mảnh vải trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mảnh vải.

1569. [Trước đây] bốn mươi chín kiếp, ba mươi hai vị thống lãnh dân chúng tên Samantacchadana đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1570. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aḍḍhacelaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aḍḍhacelaka" là phần thứ ba.

94. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA (*Sūcidāyakattherāpadānaṃ*)

1571. Trong thời quá khứ, tôi đã là người thợ rèn ở kinh thành Bandhumā. Tôi đã dâng cúng kim khâu đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

1572. Do nhờ nghiệp như thế ấy, trí tuệ [của tôi] tương đương sự tuyệt hảo của kim cương. Tôi có được sự xa lìa tham ái, tôi được giải thoát, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

1573. Trong tất cả các kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai, tôi đã thành đạt mọi thứ nhờ vào trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng kim khâu.

1574. Trước đây chín mươi mốt kiếp đã có bảy vị tên Vajira, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1575. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sūcidāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sūcidāyaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Sucintita* nghĩa là "vị đã suy nghĩ (*cintita*) khéo léo (*su*)."

[3] *Aḍḍhacelaka* nghĩa là "vị liên quan đến một nửa (*aḍḍha*) mảnh vải (*cela*)."

[4] *Sūcidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) kim khâu (*sūci*)."

95. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMĀLIYA (*Gandhamāliyattherāpadānaṃ*)

1576. Tôi đã thực hiện bảo tháp có hương thơm được bao phủ với các bông hoa nhài, được làm xứng đáng với đức Phật, được dành cho đức Thế Tôn Siddhattha.

1577. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

1578. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, là vị đứng đầu trong số các bậc Sa-môn, Ngài đã ngồi ở phía trước hội chúng Tỳ-khưu. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1579. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm trước đây chín mươi bốn kiếp, nhờ vào quả báo của hành động đã được thực hiện đến đức Phật một cách đặc biệt, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1580. [Trước đây] ba mươi chín kiếp đã có mười sáu vị có tên là Devagandha, các vị ấy đã là đấng Chuyển Luân Vương.

1581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhamāliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhamāliya" là phần thứ năm.

96. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIPUPPHIYA (*Tipupphiyattherāpadānaṃ*)

1582. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cội cây pāṭali có màu lục, tôi đã đặt xuống ba bông hoa.

1583-84. Khi ấy, tôi đã ngắt các lá cây héo úa rồi ném ra bên ngoài. Sau khi đảnh lễ cội cây pāṭali tợ như [đang đảnh lễ] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc đang ở trước mặt,[6] tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1585. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

1586. Trước đây ba mươi ba kiếp, mười ba vị vua tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[5] *Gandhamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*māla*) có hương thơm.

[6] Ngài Vipassī đã chứng quả Phật tại cội cây pāṭali (*TTPV*, tập 42, trang 189, câu kệ 34). (ND)

1587. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tipupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tipupphiya" là phần thứ sáu.

97. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUPIṆḌIKA
(*Madhupiṇḍikattherāpadānaṃ*)

1588. Tôi đã nhìn thấy bậc Ẩn Sĩ Siddhattha tối thượng, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng ở trong khu rừng rậm mênh mông, ít tiếng động, không bị náo loạn.

1589. Ngài là loài Long Tượng có trạng thái Niết-bàn, như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, được hội chúng chư thiên tôn kính. Niềm hạnh phúc của tôi đã được dâng trào, ngay lập tức trí tuệ đã được sanh lên cho tôi.

1590. Sau khi dâng cúng mật ong đến bậc Đạo sư vừa xuất khỏi thiền định, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư rồi ra đi, mặt hướng phía Đông.

1591. [Trước đây] ba mươi bốn kiếp, tôi đã là đức vua Sudassana, và ở bữa ăn ngay lập tức có mật ong cùng với các củ sen chảy ra, có cơn mưa mật ong đã đổ xuống; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

1592. Kể từ khi tôi đã cúng dường mật ong trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường mật ong.

1593. Trước đây ba mươi bốn kiếp, bốn vị Sudassana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1594. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhupiṇḍika[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Madhupiṇḍika" là phần thứ bảy.

98. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SENĀSANADĀYAKA
(*Senāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

1595. Tôi đã dâng cúng tấm thảm lá cây đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã xếp đặt vật dụng và bông hoa ở xung quanh.

1596. Tôi đã thọ hưởng tòa lâu đài có đức tính đáng yêu vô cùng quý giá như thế. Và các bông hoa có trị giá lớn lao tuôn trào ra ở chiếc giường của tôi.

1597. Tôi nằm ở chiếc giường đã được trang hoàng, được trải lót bông hoa, và ngay lập tức có cơn mưa bông hoa đổ mưa ở giường của tôi.

1598. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm thảm lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm.

---

[7] *Tipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa (*puppha*)."

[8] *Madhupiṇḍika* nghĩa là "vị liên quan đến khối (*piṇḍa*) mật ong (*madhu*)."

1599. Trước đây vào kiếp thứ năm, bảy vị thống lãnh dân chúng tên Tiṇasantharaka ấy đã được sanh lên, các vị này là các đấng Chuyển Luân Vương.

1600. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Senāsanadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Senāsanadāyaka" là phần thứ tám.

99. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEYYĀVACCAKA
(*Veyyāvaccakattherāpadānaṃ*)

1601. Đã có đoàn người vô cùng đông đúc đến với đức Thế Tôn Vipassī. Tôi là đã người làm việc phục dịch năng động trong mọi công chuyện.

1602. Và vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ thì tôi không có. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư với tâm ý trong sạch.

1603. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc phục dịch trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục dịch.

1604. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức Vua Sucintita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1605. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Veyyāvaccaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Veyyāvaccaka" là phần thứ chín.

100. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPAṬṬHĀKA
(*Buddhupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

1606. Tôi đã là người thổi tù và vỏ ốc [thông báo] của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi thường xuyên gắn bó với việc phục vụ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

1607. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn vây quanh tôi.

1608. [Kể từ khi] tôi đã phục vụ bậc Đại Ẩn Sĩ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

1609. Trước đây hai mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua có tên Mahānigghosa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1610. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka" là phần thứ mười.

---

[9] *Senāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chỗ nằm ngồi (*senāsana*)."

[10] *Veyyāvaccaka* nghĩa là "vị làm công việc phục dịch (*veyyāvaccaka*) đến đức Phật."

[11] *Buddhupaṭṭhāka* nghĩa là "vị là người phục vụ (*upaṭṭhāka*) của đức Phật (*Buddha*)."

Phần tóm lược

[Vị dâng] vữa vôi, vị đã khéo suy nghĩ, [một nửa] mảnh vải, cây kim khâu, vị có tràng hoa có hương thơm, vị dâng ba bông hoa, mật ong, chỗ nằm ngồi, việc phục dịch, và người phục vụ; [tổng cộng] có đúng sáu mươi câu kệ đã được thuật lại trong phẩm này.

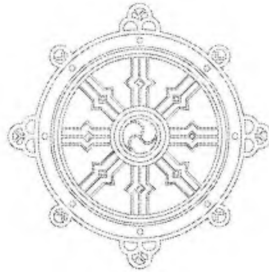
Phẩm Sudhāpiṇḍiya là phẩm thứ mười.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Phẩm Buddha là phẩm thứ nhất, phẩm bảo tọa sư tử, phẩm Subhūti, phẩm Kuṇḍadhāna, phẩm Upāli, phẩm vị có cây quạt, phẩm vị đã tự mình suy nghĩ, phẩm Nāgasamāla, phẩm [bông hoa] timira, với phẩm [vị dâng] vữa vôi; mười phẩm ấy có một ngàn bốn trăm câu kệ và thêm năm mươi lăm câu nữa.

Nhóm "Mười" từ phẩm Buddha.

Nhóm "Một trăm" thứ nhất được đầy đủ.



XI. PHẨM BHIKKHĀDĀYĪ
(*BHIKKHĀDĀYĪVAGGO*)

101. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHĀDĀYAKA
(***Bhikkhādāyakattherāpadānaṃ***)

1611. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi đi ra khỏi khu rừng bao la, Ngài đã đạt đến Niết-bàn, lìa khỏi tham ái.

1612. Tôi đã dâng lên một muỗng thức ăn đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ đã được an tịnh như thế ấy.

1613. Trong lúc đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời đang giúp cho đám đông dân chúng đang tiếp bước theo sau được thành tựu Niết-bàn, có niềm hạnh phúc cao thượng đã sanh khởi đến tôi.

1614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thức ăn.

1615. Trước đây tám mươi bảy kiếp, chính bảy vị có tên Mahāreṇu là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1616. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhikkhādāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhikkhādāyaka" là phần thứ nhất.

102. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆASAÑÑAKA
(***Ñāṇasaññakattherāpadānaṃ***)

1617. Đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ có màu da vàng chói như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như giống voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi.

1618. Tôi đã nhìn thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian đang bước đi ở trên đường, đang chiếu sáng tất cả các phương tợ như mặt trăng đã được tròn đầy.

1619. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài], tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Siddhattha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

1620. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ [của đức Phật].

1621. Trước đây bảy mươi ba kiếp, mười sáu vị đứng đầu nhân loại đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1622. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇasaññaka" là phần thứ nhì.

103. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI
(*Uppalahatthittherāpadānaṃ*)

1623. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa cư ngụ ở [thành phố] Tivarā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha.

1624-25. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều được thọ hưởng quả báo tăng trưởng của việc đã được thực hiện tốt đẹp của mình trước đây, tôi được vây quanh bởi những người tốt của xứ Malla; điều này là quả báo của việc dâng cúng đức Phật.

1626. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1627. Xét đến chín mươi bốn [kiếp] trừ ra thời hiện tại, ở tại nơi ấy đã có năm trăm vị vua tên là Najjūpama.

1628. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uppalahatthiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uppalahatthiya" là phần thứ ba.

104. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA
(*Padapūjakattherāpadānaṃ*)

1629. Tôi đã dâng cúng bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã đặt xuống bảy bông hoa ở hai bàn chân [của Ngài] với sự mừng rỡ.

1630. Do việc làm ấy, giờ đây tôi vượt trội nhân loại và chư thiên. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1631. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1632. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có mười ba đấng Chuyển Luân Vương tên Samantagandha là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

1633. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Ñāṇasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về trí tuệ (*ñāṇa*) của đức Phật."

Đại đức Trưởng lão Padapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padapūjaka" là phần thứ tư.

105. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUṬṬHIPUPPHIYA
(*Muṭṭhipupphiyattherāpadānaṃ*)

1634. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Sudassana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

1635. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã cúng dường đến [đức Phật] Padumuttara. Có nhãn quan trong sạch, có thiện ý, tôi đã chứng đắc thiên nhãn.

1636. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tâm, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1637. Trước đây ba mươi sáu kiếp đã có mười sáu vị vua tên Devuttara là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Muṭṭhipupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Muṭṭhipupphiya" là phần thứ năm.

106. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA
(*Udakapūjakattherāpadānaṃ*)

1639. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.

1640. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận.

1641. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư tên Padumuttara đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này:

1642. "Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, [người ấy] không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1643. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1644. [Trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja ấy đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

1645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Padapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ở bàn chân (*pada*)."

[3] *Muṭṭhipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến số bông hoa (*puppha*) ở nắm tay (*muṭṭhi*)."

Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ sáu.

107. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAMĀLIYA (*Naḷamāliyattherāpadānaṃ*)

1646. Đức Phật Padumuttara, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc An Tịnh như thế ấy đã ngồi xuống ở tấm thảm cỏ.

1647. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và buộc lại thành chiếc quạt, tôi đã dâng đến đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1648. Đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận chiếc quạt. Sau khi biết được ý định của tôi, Ngài đã nói lên lời kệ này:

1649. "Giống như thân thể của Ta được mát mẻ, sự bực bội không được biết đến, tương tợ y như thế, mong rằng tâm ngươi được giải thoát khỏi ba loại lửa."

1650. Tất cả chư thiên là những vị sống nương tựa vào khu rừng đã hội tụ lại. Chúng tôi lắng nghe lời dạy của đức Phật là điều làm cho người thí chủ được hoan hỷ.

1651. Ngồi xuống tại nơi ấy ở phía trước hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn, trong lúc làm cho thí chủ được hoan hỷ, đã nói lên những lời kệ này:

1652. "Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Subbata.

1653. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Māluta.

1654. Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do tính chất đầy đủ của việc tôn kính, [người này] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1655. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị ấy tên là Subbata. [Trước đây] hai mươi chín ngàn kiếp, [đã có] tám vị tên là Māluta.

1656. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷamāliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷamāliya" là phần thứ bảy.

(Tụng phẩm thứ bảy được chấm dứt).

108. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANŪPAṬṬHĀPAKA (*Āsanūpaṭṭhāpakattherāpadānaṃ*)

1657. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm ít tiếng động, không bị náo loạn, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến [đức Phật] Atthadassī như thế ấy.

[4] *Udakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) nước (*udaka*).

[5] *Naḷamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) sậy (*naḷa*)."

1658. Tôi đã cầm lấy một nắm tràng hoa và đã đi nhiễu quanh Ngài. Sau khi phục vụ bậc Đạo sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1659. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã tự thân đạt được Niết-bàn, tất cả các hữu đã được xóa sạch.

1660. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bảo tọa sư tử.

1661. Trước đây bảy trăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ Sannibbāpaka, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1662. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āsanūpaṭṭhāpaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āsanūpaṭṭhāpaka" là phần thứ tám.

109. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḶĀLIDĀYAKA
(*Biḷālidāyakattherāpadānaṃ*)

1663. Tôi sống trên tấm thảm bằng lá ở không xa núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, tôi đạt được sự ham thích các loại cỏ và có thói quen nằm ngủ [ở thảm lá].

1664. Sau khi mang lại và sửa soạn [các] trái táo, trái bhallātaka và trái billa, tôi đào xới các loại rễ củ kalamba, biḷālī và takkala.

1665. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi.

1666. Khi bậc Long Tượng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đi đến, tôi đã dâng lên củ biḷālī và đã đặt vào trong bình bát.

1667. Khi ấy, trong lúc làm cho tôi được hoan hỷ, bậc Đại Hùng đã thọ dụng. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Tri đã nói lên lời kệ này:

1668. "Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngươi đã dâng cúng củ biḷālī đến Ta, ngươi không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1669. Trước đây năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Sumekhaliya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1670. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1671. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[6] *Āsanūpaṭṭhāpaka* nghĩa là "vị thiết lập (*upaṭṭhāpaka*) bảo tọa (*āsana*) sư tử."

Đại đức Trưởng lão Biḷālidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Biḷālidāyaka" là phần thứ chín.

110. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO REṆUPŪJAKA
(*Reṇupūjakattherāpadānaṃ*)

1672. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như mặt trăng đã được tròn đầy.

1673. Ngài được vây quanh bởi các vị Thinh văn tợ như quả đất được bao quanh bởi các biển cả. Tôi đã cầm lấy bông hoa nāga và đã dâng các bột phấn hoa đến [đức Phật] Vipassī.

1674. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bột phấn hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1675. Trước đây bốn mươi lăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Reṇu, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1676. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

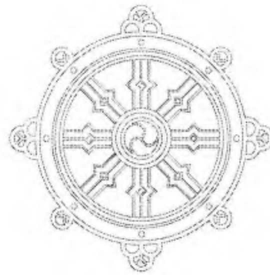
Đại đức Trưởng lão Reṇupūjaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Reṇupūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dâng cúng thức ăn, vị suy tưởng về trí tuệ, vị liên quan đến bó [bông hoa], vị cúng dường bàn chân, vị liên quan đến nắm bông hoa, vị dâng cúng nước, vị có tràng hoa sậy, vị phục vụ, vị dâng cúng củ biḷālī và vị dâng cúng phấn hoa; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ.

Phẩm Bhikkhādāyī là phẩm thứ mười một.



[7] *Biḷālidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây biḷāli."

[8] *Reṇupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bột phấn hoa (*reṇu*)."

XII. PHẨM MAHĀPARIVĀRA
(*MAHĀPARIVĀRAVAGGO*)

111. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀPARIVĀRA
(*Mahāparivārattherāpadānaṃ*)

1677. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào thành Bandhuma cùng với sáu mươi tám ngàn vị.

1678. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến ngôi bảo tháp ở trên đảo. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

1679. Có tám mươi bốn ngàn dạ-xoa ở lân cận [đã] phục vụ tôi một cách cung kính, tợ như các tập thể chư thiên [phục vụ] vị thần Inda.

1680. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi cung điện và đã cầm lấy tấm vải. Tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã dâng cúng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

1681. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Do nhờ năng lực của đức Phật, quả đất này đã rúng động."

1682. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín vào đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1683. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín và đã dâng cúng tấm vải đến bậc Đạo sư, tôi đây cùng với các quan lại và đám tùy tùng đã đi đến nương nhờ [đức Phật].

1684. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1685. Trước đây mười lăm kiếp đã có mười sáu vị tên Suvāhana, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahāparivāra[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahāparivāra" là phần thứ nhất.

112. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAṄGALA (*Sumaṅgalattherāpadānaṃ*)

1687. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu sau khi rời khỏi trú xá đã đi đến hồ nước.

---

[1] *Mahāparivāra* nghĩa là "vị có đoàn tùy tùng (*parivāra*) đông đảo (*mahā*)."

1688. Sau khi tắm và uống nước, bậc Toàn Giác, đức Thế Tôn đã khoác lên một tấm y rồi đã đứng ở tại nơi ấy, quan sát khắp các phương.

1689. Tôi đã đi vào cung điện và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ khi ấy tôi đã vỗ tay.

1690. Đức Phật đang chói sáng tợ như mặt trời, đang tỏa sáng tợ như khối vàng. Tôi đã ra sức trong điệu vũ lời ca và năm loại nhạc khí [cúng dường Ngài].

1691. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh, danh tiếng của tôi là rộng khắp.

1692. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch bậc Hiền Trí, sau khi làm cho bản thân được hoan hỷ, Ngài đã làm cho những người khác được hoan hỷ."

1693. Sau khi xem xét rồi ngồi xuống, sau khi đã tạo niềm vui ở bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi phục vụ đấng Toàn Giác, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

1694. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp đã có hai rồi chín vị cùng tên Ekacintita, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1695. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumaṅgala đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumaṅgala" là phần thứ nhì.

113. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

1696. Cuộc giao chiến giữa hai vị Thiên vương đang diễn tiến đã trở nên hỗn độn, tiếng kêu la ầm ĩ đã vang lên.

1697. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở không trung đã làm cho đám đông người bị dao động.

1698. Tất cả chư thiên mừng rỡ, buông bỏ áo giáp và vũ khí, liền khi ấy đã đảnh lễ đấng Toàn Giác rồi ngồi xuống, có sự chăm chú.

1699. Biết được ý định của chúng tôi, Ngài đã cất cao giọng nói. Là bậc có lòng thương xót, đấng Hiểu Biết Thế Gian đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn:

1700. "Người có tâm sân hận hãm hại một mạng sống, do sự sân hận ấy của tâm [người này] sanh vào địa ngục.

1701. Ví như con voi đối đầu trong chiến trận hãm hại nhiều mạng người, các ngươi hãy làm tâm của mình được tịnh lặng, chớ có giết hại lần này lần khác."

1702. Ngay cả các binh đội của hai vị vua dạ-xoa cũng đã bị kinh ngạc. Và họ đã đi đến nương nhờ đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian hoàn thiện như thế ấy.

1703. Bậc Hữu Nhãn đã khiến cho dân chúng suy tưởng, hơn nữa còn tiếp độ họ. Ngay trong khi đang cùng với chư thiên xem xét, Ngài đã ra đi mặt hướng phía Bắc.

1704. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã đi đến nương nhờ đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1705. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, mười sáu vị vua lãnh đạo chiến xa tên Mahādundubhi đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1706. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamanīya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamanīya" là phần thứ ba.

114. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA (*Ekāsaniyattherāpadānaṃ*)

1707. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Thiên vương tên Varuṇa. Có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi đã phục vụ đấng Toàn Giác.

1708. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tất cả các nhạc cụ và đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng.

1709. Tôi đã phối hợp [âm thanh của] chũm chọe vào lời ca và điệu vũ, tôi đã phục vụ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [phục vụ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt.

1710. Sau khi phục vụ cội Bồ-đề ấy là loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, tôi đã xếp chân vào thế kiết-già và đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1711. Được hài lòng với nghiệp của mình, tôi đã được tịnh tín đối với cội Bồ-đề tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên.

1712. Trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác ở giữa loài người và ở giữa chư thiên, có sáu mươi ngàn nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi.

1713. Trước đây năm trăm kiếp đã có ba mươi bốn vị Sát-đế-lỵ tên là Subāhu, [các vị ấy] đã được thành tựu bảy loại báu vật.

1714. Đối với tôi, ba loại lửa đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1715. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsaniya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekāsaniya" là phần thứ tư.

---

[2] *Saraṇagamanīya* nghĩa là "vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y."

[3] *Ekāsaniya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) chỗ ngồi (*āsana*)."

115. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAṆṆAPUPPHIYA
(*Suvaṇṇapupphiyattherāpadānaṃ*)

1716. Đức Thế Tôn tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, đang ngồi thuyết giảng đạo lộ bất tử cho tập thể dân chúng.

1717. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, là đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã dâng lên đức Phật bốn bông hoa bằng vàng.

1718. Khi ấy, đã có mái che bằng vàng [che] khắp cả hội chúng. Hào quang của đức Phật và vẻ sáng của vàng đã là nguồn ánh sáng bao la.

1719. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho những người ấy.

1720. Sau khi thỉnh cầu bậc Toàn Giác và đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình.

1721. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

1722. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1723. Trước đây bốn mươi ba kiếp đã có mười sáu vị vua tên Nemisammata, là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Suvaṇṇapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Suvaṇṇapupphiya" là phần thứ năm.

116. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

1725. Tôi cư ngụ ở cội cây rājāyatana cùng với các quan lại và đám tùy tùng. Khi ấy, đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, viên tịch Niết-bàn.

1726. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến nơi hỏa táng. Tại nơi ấy, sau khi trình tấu nhạc cụ, tôi đã đặt xuống vật thơm và tràng hoa.

1727. Sau khi cúng dường ở giàn hỏa thiêu, tôi đã đảnh lễ nơi hỏa táng. Tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

1728-29. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến sự cúng dường lễ hỏa táng. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng

---

[4] *Suvaṇṇapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến đóa hoa (*puppha*) bằng vàng (*suvaṇṇa*)."

Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1730. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

1731. Trước đây hai mươi chín kiếp, mười sáu vị vua [có cùng] tên Uggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1732. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ sáu.

117. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

1733. Lúc bấy giờ, đấng Cao Cả Của Thế Gian Vipassī đã buông bỏ sự duy trì tuổi thọ. Quả địa cầu là trái đất có nước bao quanh đã rúng động.

1734. Vào lúc chấm dứt tuổi thọ của đức Phật, chỗ ngụ được lợp mái, được trải rộng, có tràng hoa khéo được trang hoàng của tôi cũng đã rúng động.

1735. Khi chỗ ngụ bị rúng động, nỗi sợ hãi đã sanh khởi ở tôi. Việc đã xảy ra là do nguyên nhân gì? Nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện là do nguyên nhân gì?

1736. [Thiên vương] Vessavaṇa đã đi đến nơi ấy và đã trấn an đám đông dân chúng rằng: "Không có điều lo ngại cho sanh mạng, các người hãy có sự chăm chú, bình tĩnh."

1737. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Trong khi điều ấy sanh khởi, quả địa cầu đã tự rúng động."

1738. Sau khi đã tán dương năng lực của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi thực hiện.

1739. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

1740. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vị vua có sự huy hoàng tên Samita, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1741. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

[6] *Buddhasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về đức Phật (*buddha*)."

118. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGASAÑÑAKA
(*Maggasaññakattherāpadānaṃ*)

1742. Bị lạc lối ở trong khu rừng bạt ngàn, các vị Thinh văn có hạnh sống ở rừng của đức Phật Padumuttara đi quanh quẩn tợ như những người mù.

1743. Sau khi suy tưởng về bậc Toàn Giác danh hiệu Padumuttara, những người con trai ấy của bậc Hiền Trí ấy đã bị lạc lối ở trong khu rừng lớn.

1744. Từ chỗ ngụ, tôi đã bước xuống và đã đi đến bên các vị Tỳ-khưu. Tôi đã chỉ đường và đã dâng cúng thức ăn đến các vị ấy.

1745. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1746. Trước đây năm trăm kiếp, mười hai vị tên Sacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggasaññaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maggasaññaka" là phần thứ tám.

119. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUPAṬṬHĀNASAÑÑAKA
(*Paccupaṭṭhānasaññakattherāpadānaṃ*)

1748. Lúc bấy giờ, ngay sau khi đấng Thiện Thệ Atthadassī tịch diệt, tôi đã sanh vào dòng giống dạ-xoa, và tôi đã đạt được danh tiếng.

1749. Đối với tôi, quả thật là khó được thành tựu, khó được chói sáng, khó được vươn lên, là việc đấng Hữu Nhãn đã Niết-bàn trong khi tôi đang tìm kiếm của cải.

1750. Vị Thinh văn tên Sāgara đã biết được ý định của tôi, có ý định tiếp độ tôi, vị ấy đã đi đến gần bên tôi [nói rằng]:

1751. "Điều gì khiến ngươi sầu muộn? Này người khôn ngoan, chớ lo ngại, ngươi hãy thực hành giáo pháp. Sự thành tựu về hạt giống [giác ngộ] đã được đức Phật ban phát cho tất cả.

1752-53. Người cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [khi Ngài] đang còn tại tiền, và người cúng dường Xá-lợi của Ngài khi Ngài đã tịch diệt dầu chỉ nhỏ bằng hạt mù-tạt, khi niềm tịnh tín ở trong tâm là tương đương thì phước báu đạt được lớn lao là tương đương; vì thế, ngươi hãy cho xây dựng ngôi bảo tháp rồi hãy cúng dường các Xá-lợi của đấng Chiến Thắng."

1754. Sau khi lắng nghe lời nói của vị Sāgara, tôi đã cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Phật. Tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp tối thượng của bậc Hiền Trí năm năm.

---

[7] *Maggasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về con đường (*magga*)."

1755. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi thọ hưởng sự thành đạt tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1756. Và trước đây bảy trăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Bhūripañña đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccupaṭṭhānasaññaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paccupaṭṭhānasaññaka" là phần thứ chín.

120. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA (*Jātipūjakattherāpadānaṃ*)

1758. Khi đấng Vipassī đang đản sanh, có nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện. Và quả địa cầu cùng với biển cả và núi non đã rúng động.

1759. Và các nhà tiên tri đã dự báo rằng: "Đức Phật, bậc cao cả đối với tất cả chúng sanh, sẽ xuất hiện ở thế gian và sẽ tiếp độ dân chúng."

1760. Sau khi nghe lời nói của các nhà tiên tri, tôi đã thực hiện việc cúng dường đản sanh. Không có sự cúng dường nào như là sự cúng dường đản sanh.

1761. Sau khi thực hành việc tốt lành, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện việc cúng dường đản sanh, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1762. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh.

1763. Những người vú nuôi chăm sóc tôi thuận theo năng lực tâm của tôi, những người ấy không thể nào làm tôi nổi giận; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh.

1764. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh.

1765. Trước đây vào kiếp thứ ba, ba mươi bốn vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Supāricāriya đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1766. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jātipūjaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jātipūjaka" là phần thứ mười.

---

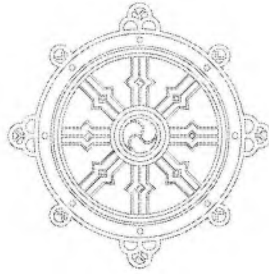
[8] *Paccupaṭṭhānasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về sự chăm sóc, phục vụ, hầu hạ (*paccupaṭṭhāna*)."

[9] *Jātipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa nhài (*jāti*)."

Phần tóm lược

Vị có tùy tùng, vị Sumaṅgala, vị nương nhờ, vị có chỗ ngồi, vị dâng bông hoa, vị cúng dường lễ hỏa táng, vị suy tưởng về đức Phật, vị chỉ đường, vị có sự phục vụ, vị với sự đản sanh; [tổng cộng] có chín mươi câu kệ đã được nói lên và đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Mahāparivāra là phẩm thứ mười hai.



XIII. PHẨM SEREYYAKA
(*SEREYYAKAVAGGO*)

121. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA (*Sereyyakattherāpadānaṃ*)

1767. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, trong khi đang đứng ở ngoài trời, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1768. Bậc Đại Ẩn Sĩ giống như là con sư tử đang đi lang thang ở trong rừng, tợ như con cọp chúa không có sự sợ hãi, tợ như giống voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi.

1769. Tôi đã cầm lấy bông hoa sereyya và đã ném lên không trung. Do nhờ năng lực của đức Phật, [các bông hoa ấy] quây quần ở khắp nơi.

1770. Bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã chú nguyện. Các mái che bằng bông hoa ở xung quanh đã rải rắc ở đấng Nhân Ngưu.

1771. Kế đó, tấm màn bằng bông hoa ấy, có các cuống hoa ở phía trong và các vành hoa bên ngoài, đã trở thành mái che trong bảy ngày và sau đó đã biến mất.

1772. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật, bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1773. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1774. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, hai mươi lăm vị [cùng] tên Cittamālā ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1775. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sereyyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sereyyaka" là phần thứ nhất.

122. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHATHŪPIYA (*Pupphathūpiyattherāpadānaṃ*)

1776. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuṭa. Ở trung tâm của ngọn núi ấy có vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật sinh sống.

---

[1] *Sereyyaka* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa sereyya."

1777. Có năm ngàn người học trò luôn luôn vây quanh tôi. Các vị ấy đã là những người [ngủ] thức dậy trước [tôi] và được tự tin vào các chú thuật.

1778. "Hỡi người thầy của chúng con, đức Phật đã hiện khởi ở trên thế gian, xin thầy biết rõ về điều ấy. Đấng Chiến Thắng Cao Quý có ba mươi hai hảo tướng và tám mươi tướng phụ, có vầng hào quang tợ như mặt trời chiếu sáng."

1779. Sau khi lắng nghe lời nói của những người học trò, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã rời khu ẩn cư và hỏi những người học trò phương hướng về khu vực mà đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ.

1780. Tôi đã lễ bái phương hướng ấy [hướng đến] đấng Chiến Thắng, bậc Không Người Đối Thủ. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã tôn vinh đức Như Lai ấy.

1781. "Này các đệ tử, hãy đến. Chúng ta sẽ đi và sẽ diện kiến đức Như Lai. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng."

1782. Tôi đã ra đi một mình và tôi đã lâm bệnh. Trong khi bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã đi đến nhà nghỉ chân để nằm nghỉ.

1783. Sau khi triệu tập tất cả những người học trò lại, tôi đã hỏi họ về đức Như Lai: "Đức độ của đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Có Sự Giác Ngộ Tuyệt Đối là như thế nào?"

1784. Được tôi hỏi, các vị ấy đã trả lời theo như đã nhìn thấy. Các vị đã mô tả đức Phật tối thượng ấy một cách kính trọng như Ngài đang ở trước mặt của tôi.

1785. Sau khi lắng nghe lời nói của họ, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1786. Sau khi hỏa táng thi thể của tôi, các vị ấy đã đi đến gặp đức Phật. Họ đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

1787. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa dành cho đức Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1788. [Trước đây] bốn mươi bốn ngàn kiếp, mười sáu vị Sát-đế-ly [cùng] tên Aggisama đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1789. [Trước đây] hai mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị lãnh chúa [cùng] tên Ghatāsana đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphathūpiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphathūpiya" là phần thứ nhì.

---

[2] *Pupphathūpiya* nghĩa là "vị liên quan đến ngôi bảo tháp (*thūpa*) bằng bông hoa (*puppha*)."

123. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀYĀSADĀYAKA
(*Pāyāsadāyakattherāpadānaṃ*)

1791. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang đi ra khỏi khu rừng bao la.

1792. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng, tôi đây đã chuẩn bị món cơm sữa ở trong cái đĩa kim loại vô cùng quý giá rồi đã đem dâng tặng bậc có năng lực.

1793. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã khéo léo bước lên con đường kinh hành ở bầu trời trên không trung.

1794. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, sau khi đặt chiếc đĩa kim loại xuống tôi đã đảnh lễ [đức Phật] Vipassī.

1795. "Bạch đấng Toàn Tri, Ngài là vị Trời ở [thế gian có cả] chư thiên cùng nhân loại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vì lòng thương tưởng xin Ngài hãy thọ nhận."

1796. Biết được ý định của tôi, đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí ở trên đời đã thọ nhận.

1797. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cơm sữa.

1798. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Buddha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1799. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāyāsadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāyāsadāyaka" là phần thứ ba.

124. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA
(*Gandhodakiyattherāpadānaṃ*)

1800. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī, bậc Toàn Tri, người tiêu diệt sự tăm tối, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

1801. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian [đang] đi ở không xa tòa lâu đài. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh sáng của mặt trời.

1802. Và tôi đã cầm lấy nước thơm rồi đã rải rắc vào đức Phật tối thượng. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1803. [Kể từ khi] tôi đã rải rắc nước thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[3] *Pāyāsadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) món cơm sữa (*pāyāsa*)."

1804. Trước đây ba mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sugandha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhodakiya" là phần thứ tư.

125. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHĀTHAVIKA
(*Sammukhāthavikattherāpadānaṃ*)

1806. Trong khi trấn an dân chúng, tôi đã giải thích về điềm báo hiệu khi vị Vipassī đang đản sanh rằng: "Đức Phật sẽ hiện khởi ở thế gian.

1807. Và vị nào trong khi đản sanh mười ngàn thế giới đã rúng động, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1808. Và vị nào trong khi đản sanh đã có nguồn ánh sáng bao la, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1809. Và vị nào trong khi đản sanh các dòng sông đã ngưng chảy, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1810. Và vị nào trong khi đản sanh ngọn lửa ở địa ngục Avīci đã không bốc cháy, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1811. Và vị nào trong khi đản sanh bầy chim đã không bay lượn, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1812. Và vị nào trong khi đản sanh làn gió ngưng thổi, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1813. Và vị nào trong khi đản sanh tất cả châu báu đã rực sáng, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1814. Và vị nào trong khi đản sanh đã có việc bước đi bảy bước chân, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1815. Và ngay khi được sanh ra, bậc Toàn Giác đã chiếu sáng tất cả các phương, Ngài đã thốt lên lời nói hùng tráng; điều này là thông lệ của chư Phật."

1816. Sau khi làm cho dân chúng động tâm, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1817. [Kể từ khi] tôi đã ca ngợi đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

1818. Trước đây chín mươi kiếp, [tôi đã là] vị tên Sammukhāthavika, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1819. Trước đây tám mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Paṭhavidundubhī, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1820. Trước đây tám mươi tám kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Obhāsa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1821. Trước đây tám mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Saritacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1822. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Agginibbāpana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1823. Trước đây tám mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gatipacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1824. Trước đây tám mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vātasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1825. Trước đây tám mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Ratanapajjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1826. Trước đây tám mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị tên Padavikkamana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1827. Trước đây tám mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vilokana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1828. Trước đây tám mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Girisāra, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1829. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sammukhāthavika[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sammukhāthavika" là phần thứ năm.

126. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMĀSANIYA
(*Kusumāsaniyattherāpadānaṃ*)

1830. Tôi đã là vị Bà-la-môn ở thành phố Dhaññavatī về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

1831. Là người thông suốt ba tập Vệ-đà, tôi được rành rẽ về điềm báo hiệu, biết về từ ngữ, về văn phạm, và tôi đã chỉ dạy các học trò về chú thuật.

1832. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng trong khi đoàn tụ với cha mẹ, tôi đã đặt năm bó sen xanh ở trên chiếc ghế nhỏ.

1833. Khi ấy, đức Thế Tôn Vipassī, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi đến, trong lúc làm cho tất cả các phương rực sáng.

1834. Sau khi sắp xếp chỗ ngồi, tôi đã thỉnh mời bậc Đại Hiền Trí. Sau khi trải ra [các] bông hoa ấy, tôi đã rước [đức Phật] đến ngôi nhà của mình.

---

[4] *Sammukhāthavika* nghĩa là "vị đã ngợi ca (*thavika*) trực tiếp ở trước mặt (*sammukhā*)."

1835. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng đến đức Phật phần vật thực đã có sẵn ở trong nhà của tôi.

1836. Biết được thời điểm Ngài đã thọ thực xong, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Đấng Toàn Tri, sau khi nói lời tùy hỷ, đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1837. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

1838. Vào kiếp kế liền trước đây, tôi đã là đức Vua Varadassana, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1839. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kusumāsaniya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kusumāsaniya" là phần thứ sáu.

127. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

1840. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống tại khu ẩn cư ở không xa núi Hy-mã-lạp.

1841. Tôi có vật cúng dường đến ngọn lửa, có các bông sen trắng và trái cây. Sau khi đặt vào trong chiếc giỏ, tôi đã treo lên ở ngọn cây.

1842. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, trong khi khất thực Ngài đã đi đến gần tôi.

1843. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật. Tôi đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho chính tôi.

1844. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này:

1845. "Do sự dâng cúng trái cây này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1846. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1847. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Sumaṅgala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1848. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Kusumāsaniya* nghĩa là "vị liên quan đến chỗ ngồi (*āsana*) bằng bông hoa (*kusuma*)."

[6] *Phaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*)."

128. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆASAÑÑAKA
(*Ñāṇasaññakattherāpadānaṃ*)

1849. Tôi sống trong vùng đồi núi tại núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy bãi cát đang chói sáng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng rằng:

1850. "Về trí tuệ, không có gì so sánh, không có gì đối địch với bậc Đạo sư. Sau khi biết rõ tất cả các pháp, Ngài đã giải thoát nhờ vào trí tuệ.

1851. Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Không có gì sánh bằng trí tuệ của Ngài, cho dầu là trí tuệ hạng nhất."

1852. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín ở trí tuệ [đức Phật], tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, điều tốt lành đã được tôi thực hiện.

1853. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ.

1854. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị độc nhất tên Pulinapupphiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1855. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇasaññaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇasaññaka" là phần thứ tám.

129. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA
(*Gandhapupphiyattherāpadānaṃ*)

1856. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, bậc Xứng Đáng Sự Cúng Dường dẫn đầu các vị Thinh văn, đã rời khỏi tu viện.

1857. Sau khi nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Toàn Tri, bậc Tiêu Diệt Sự Tăm Tối, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa có hương thơm.

1858. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ đức Như Lai lần nữa.

1859. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1860. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Caraṇa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1861. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[7] *Ñāṇasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về trí tuệ (*ñāṇa*) của đức Phật."

Đại đức Trưởng lão Gandhapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhapupphiya" là phần thứ chín.

130. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (*Padumapūjakattherāpadānaṃ*)

1862. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên Gotama được che phủ bởi nhiều loại cây cối khác nhau, là nơi trú ngụ của các nhóm chúng sanh vĩ đại.

1863. Và có khu ẩn cư đã được tạo nên ở trung tâm của ngọn núi ấy. Được vây quanh bởi những học trò của mình, tôi sống tại khu ẩn cư.

1864. "Này các nhóm học trò của ta, hãy mang lại cho ta hoa sen hồng. Chúng ta sẽ thực hiện việc cúng dường đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy."

1865. Các vị ấy đã đáp lại rằng: "Xin vâng", rồi đã mang lại hoa sen hồng cho tôi. Tại nơi ấy, sau khi xác định đối tượng, tôi đã dâng lên đức Phật.

1866. Khi ấy, tôi đã triệu tập các người học trò lại và đã giáo huấn điều tốt đẹp: "Các ngươi chớ xao lãng, không xao lãng là nguồn đem lại sự an lạc."

1867. Sau khi đã giáo huấn như vậy cho những người học trò có sự chấp nhận lời dạy bảo ấy, được gắn bó với đức tính không xao lãng, tôi đã mệnh chung vào khi ấy.

1868. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1869. [Trước đây] năm mươi mốt kiếp, tôi đã là đức Vua Jaluttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Sereyyaka, vị có ngôi bảo tháp bằng bông hoa, vị [dâng cúng] cơm sữa, vị [rắc] nước thơm, vị ca ngợi, vị có chỗ ngồi, vị [dâng cúng] trái cây, vị suy tưởng, bông hoa có hương thơm, vị có hoa sen hồng; [tổng cộng] có một trăm lẻ năm câu kệ đã được thuật lại bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Sereyyaka là phẩm thứ mười ba.

---

[8] *Gandhapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) có mùi thơm (*gandha*)."

[9] *Padumapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) hoa sen hồng (*paduma*)."

XIV. PHẨM SOBHITA
(*SOBHITAVAGGO*)

131. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOBHITA (*Sobhitattherāpadānaṃ*)

1870. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu thuyết giảng về vị thế bất tử đến tập thể dân chúng đông đảo.

1871. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài, tôi đã bật thốt lên lời. Khi ấy, tôi đã chắp tay lên và có sự chăm chú.

1872. "Giống như biển cả là đứng đầu trong số các nguồn nước, núi đá Neru là cao quý trong số các ngọn núi, tương tợ y như thế, những người nào vận hành năng lực của tâm, những người ấy không đạt được một phần trí tuệ của đức Phật."

1873. Sau khi quy định đường lối trong giáo pháp, đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

1874. "Người nào đã ca ngợi trí tuệ về đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, người ấy sẽ không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1875. [Người ấy] sẽ thiêu đốt các phiền não, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, với tên là Sobhita."

1876. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp, bảy vị [cùng] tên Yasuggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1877. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1878. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sobhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sobhita" là phần thứ nhất.

132. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA (*Sudassanattherāpadānaṃ*)

1879. Ở bờ sông Vitatthā, cây pilakkha đã được kết trái. Trong khi tìm kiếm giống cây ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1880. Sau khi nhìn thấy cây ketaka đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã cắt ở cuống hoa và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

1881. "Bạch đức Phật tối thượng, bạch bậc Đại Hiền Trí, với trí tuệ nào Ngài đã đạt được vị thế trường tồn bất tử, con xin cúng dường trí tuệ ấy."

1882. Sau khi cúng dường trí tuệ, tôi đã nhìn thấy cây pilakkha, tôi đã được chứng đạt tuệ ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1883. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1884. Trước đây mười ba kiếp, mười hai vị [cùng] tên Phaluggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1885. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sudassana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sudassana" là phần thứ nhì.

133. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA
(*Candanapūjakattherāpadānaṃ*)

1886. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bờ sông Candabhāgā. Và tôi đã có thức ăn là bông hoa, tương tợ y như vậy, có y phục là bông hoa.

1887. Và đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi ra ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng, tợ như chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

1888. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Tâm của Ngài khéo được thanh tịnh. Ngài có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, có khuôn mặt và các giác quan trong sáng."

1889. Bậc Trí Tuệ có tuệ bao la đã từ bầu trời bước xuống. Ngài đã trải ra tấm y hai lớp rồi đã ngồi vào tư thế kiết-già.

1890. Tôi đã cầm lấy trầm hương hòa tan rồi đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

1891. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1892. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1893. Trước đây một ngàn bốn trăm kiếp, ba vị [cùng] tên Rohita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1894. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Candanapūjaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Candanapūjaka" là phần thứ ba.

(Dứt tụng phẩm thứ tám).

[1] *Candanapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) trầm hương (*candana*)."

134. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHADANIYA
(***Pupphachadaniyattherāpadānaṃ***)

1895. Là vị giảng huấn, gắn bó với sự hiến cúng, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Sunanda đã cúng hiến cho lễ hiến cúng.

1896. Khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, bậc Cao Cả, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ, trong lúc thương tưởng dân chúng đã đi kinh hành ở trên không trung.

1897. Sau khi đã đi kinh hành, bậc Toàn Giác, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, vị Không Còn Mầm Mống Tái Sanh đã lan tỏa bằng tâm từ ái đến các chúng sanh một cách không giới hạn.

1898. Sau khi đã cắt các bông hoa ở cuống, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã triệu tập lại tất cả các học trò rồi đã thảy [các bông hoa] lên không trung.

1899. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, mái che của các bông hoa đã trải khắp cả thành phố và đã không biến mất trong bảy ngày.

1900. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi đã vượt qua sự ràng buộc ở thế gian.

1901. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, ba mươi lăm vị Sát-đế-ly có [cùng] tên Ambaraṃsa đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphachadaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphachadaniya" là phần thứ tư.

135. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA
(***Rahosaññakattherāpadānaṃ***)

1902. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Vasabha. Ở chân ngọn núi ấy có khu ẩn cư đã được tạo lập.

1903. Khi ấy, là vị Bà-la-môn, tôi đã chỉ dạy ba ngàn học trò. Sau khi triệu tập những người học trò ấy lại, tôi đã ngồi xuống ở một bên.

1904. Sau khi ngồi xuống ở một bên, là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, trong lúc tầm cầu về sự hiểu biết của đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài].

1905. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở tấm thảm bằng lá. Sau khi xếp vào tư thế kiết-già, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1906. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ.

---

[2] *Pupphachadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng bông hoa (*puppha*)."

1907. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Siridhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1908. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rahosaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rahosaññaka" là phần thứ năm.

136. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA
(*Campakapupphiyattherāpadānaṃ*)

1909. [Đức Phật] ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng, khiến cho tất cả các phương rực sáng tợ như vì sao osadhī.

1910. Đã có ba người thanh niên khéo được học tập về nghề nghiệp của mình cầm lấy túi vật dụng đi theo tôi ở phía sau.

1911. Có bảy bông hoa đã bị rụng xuống ở trong cái giỏ vì sức nóng. Tôi đã cầm lấy các bông hoa ấy và đã dâng lên [hướng tâm đến] trí tuệ của đức Vessabhū.

1912. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1913. Trước đây hai mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Vipulābha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1914. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Campakapupphiya" là phần thứ sáu.

137. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA
(*Atthasandassakattherāpadānaṃ*)

1915. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc có lậu hoặc đã được đoạn tận, vị đã đạt năng lực, đang ngồi ở nơi khoảnh rừng rộng, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1916. "Một trăm ngàn vị có ba minh, có sáu thắng trí, có đại thần lực quây quanh bậc Toàn Giác, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

1917. Ở [thế gian] gồm cả chư thiên, người có sự tương đương về trí tuệ không tìm thấy, ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có trí tuệ vô biên mà không tịnh tín?

1918. Và người ta không thể làm tổn hại Pháp thân đang chiếu sáng [giống như] toàn bộ hầm mỏ châu ngọc, ai là người nhìn thấy [Ngài] mà không tịnh tín?"

---

[3] *Rahosaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về nơi thanh vắng (*raho*)."

[4] *Campakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) campaka."

1919. Với ba lời kệ này, vị Nārada Saragacchiya đã ngợi ca về đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại Padumuttara.

1920. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm và do sự ngợi ca đức Phật, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1921. Trước đây ba ngàn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Sumitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1922. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Atthasandassaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Atthasandassaka" là phần thứ bảy.

138. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPASĀDANIYA
(*Ekapasādaniyattherāpadānaṃ*)

1923. Tên của tôi là Nārada, mọi người biết tôi là [dòng dõi] Kesava. Trong khi tìm hiểu về điều thiện và bất thiện, tôi đã đi đến gần bên đức Phật.

1924. Trong khi an ủi chúng sanh, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī, đấng Bi Mẫn có tâm từ ái, bậc Hữu Nhãn ấy thuyết giảng giáo pháp.

1925. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1926. [Trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi đã là đức vua, chúa tể trái đất, là đấng Chuyển Luân Vương tên Amittatāpana có oai lực lớn lao.

1927. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapasādaniya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapasādaniya" là phần thứ tám.

139. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPUPPHADĀYAKA
(*Sālapupphadāyakattherāpadānaṃ*)

1928. Lúc bấy giờ, tôi đã là vua của loài thú, là con sư tử đã được sanh ra cao quý. Trong khi tìm kiếm chỗ hiểm trở ở ngọn núi, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1929. "Vị này ắt hẳn là đấng Đại Hùng, người giúp cho đám đông dân chúng được [giải thoát] Niết-bàn. Hay là ta nên hầu cận vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu?"

1930. Sau khi bẻ gãy nhánh cây sāla, tôi đã mang lại bông hoa còn lớp vỏ bọc. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã dâng cúng bông hoa tối thượng.

1931. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

---

[5] *Atthasandassaka* nghĩa là "vị chỉ dạy (*sandassaka*) về ý nghĩa, mục đích (*attha*)."

[6] *Ekapasādaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc một lần (*eka*) có được đức tin (*pasādana*)."

1932. Và trước đây vào kiếp thứ chín, ba vị vua tên Virocana đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1933. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālapupphadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sālapupphadāyaka" là phần thứ chín.

140. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA
(*Piyālaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

1934. Lúc bấy giờ, tôi đã là kẻ đồ tể, là kẻ giết hại các sanh mạng khác. Tôi nằm ngủ ở sườn núi không xa bậc Đạo Sư Sikhī.

1935. Tôi nhìn thấy đức Phật, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian vào ban đêm và ban ngày. Nhưng vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Chúa Tể Của Loài Người thì tôi không có.

1936. Tôi đã cầm lấy trái cây piyāla và đã đi đến gần đức Phật. Đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã thọ nhận.

1937. Kể từ đó về sau tôi đã theo phục vụ đấng Hướng Đạo. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1938. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

1939. Trước đây mười lăm kiếp, ba vị [tên] Piyālī đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1940. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piyālaphaladāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Sobhita, vị Sudassana, [vị dâng cúng] trầm hương, [vị dâng cúng] mái che bằng bông hoa, vị suy tưởng về nơi thanh vắng, vị có bông hoa campaka, cùng với vị chỉ dạy về mục đích, vị có một lần tịnh tín, vị dâng cúng bông hoa Sāla, và vị dâng cúng trái cây là thứ mười; [tổng cộng] có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Sobhita là phẩm thứ mười bốn.

---

[7] *Sālapupphadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa (*puppha*) sāla."
[8] *Piyālaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) piyāla."

XV. PHẨM CHATTA
(*CHATTAVAGGO*)

141. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA
(*Atichattiyattherāpadānaṃ*)

1941. Khi đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã viên tịch Niết-bàn, tôi đã cho thực hiện chiếc lọng che ở thượng tầng và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp.

1942. Tôi đã nhiều lần đi đến và đã lễ bái ngôi bảo tháp của bậc Đạo sư. Tôi đã thực hiện mái che bằng bông hoa và tôi đã đặt ở phía trên chiếc lọng che.

1943. Tôi đã cai quản thiên quốc [trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi không đi đến bản thể loài người; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1944. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Atichattiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Atichattiya" là phần thứ nhất.

142. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THAMBHĀROPAKA
(*Thambhāropakattherāpadānaṃ*)

1945. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Dhammadassī đã Niết-bàn, tôi đã dựng lên cột cờ ở ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng.

1946. Sau khi tạo lập cái cầu thang, tôi đã bước lên ngôi bảo tháp tối thượng. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp.

1947. Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1948. Trước đây chín mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua [cùng] tên Thūpasikkhara đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1949. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Thambhāropaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Thambhāropaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Atichattiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc lọng che ở thượng tầng (*atichatta*)."

[2] *Thambhāropaka* nghĩa là "vị dựng lên (*āropaka*) cây cột (*thambha*)."

143. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA
(*Vedikārakattherāpadānaṃ*)

1950. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Piyadassī đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện viền rào bằng ngọc trai.

1951. Sau khi cho rải quanh với các viên ngọc ma-ni, tôi đã thực hiện viền rào tuyệt hảo. Sau khi thực hiện lễ hội ở viền rào, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1952. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có các người cầm giữ những viên ngọc ma-ni ở trên không trung; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1953. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, ba mươi hai vị vua [cùng] tên Maṇippabhā đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1954. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka" là phần thứ ba.

144. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRIYA
(*Saparivāriyattherāpadānaṃ*)

1955. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác sau khi phát cháy như là khối lửa, đã viên tịch Niết-bàn.

1956. Và khi bậc Đại Hùng đã Niết-bàn, đã có ngôi bảo tháp rộng rãi. Người người túc trực ngày và đêm ở gian nhà Xá-lợi cao quý tối thượng.

1957. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện vòng rào chắn bằng gỗ trầm hương. Và khi ấy, có làn khói phù hợp với ngôi bảo tháp được nhìn thấy.

1958. Trong khi được sanh lên ở cõi hữu, dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không nhìn thấy tôi có sự thua kém; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1959. Trước đây mười lăm kiếp đã có tám vị [vua], tất cả các vị ấy có [cùng] tên Samatta, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1960. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saparivāriya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saparivāriya" là phần thứ tư.

145. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA
(*Ummāpupphiyatherāpadānaṃ*)

1961. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Bảo Hộ Thế Gian, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã Niết-bàn, đã có lễ hội ở ngôi đại bảo tháp.

---

[3] *Vedikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) viền rào (*vedi*)."

[4] *Saparivāriya* nghĩa là "vị liên quan đến nhóm tùy tùng (*parivāra*) của mình (*sa*)."

1962. Trong khi lễ hội dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha đang được tiến hành, tôi đã cầm lấy bông hoa ummā và đã dâng lên ngôi bảo tháp.

1963. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bảo tháp.

1964. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tám mươi lăm vị vua [cùng] tên Somadeva đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1965. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ummāpupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ummāpupphiya" là phần thứ năm.

146. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA
(*Anulepadāyakattherāpadānaṃ*)

1966. Tôi đã thực hiện vòng rào chắn ở cội Bồ-đề của bậc Hiền Trí Anomadassī. Tôi đã dâng cúng khối vôi bột và đã làm công việc tô trét.

1967. Sau khi nhìn thấy hành động đã được thực hiện khéo léo ấy, đấng Tối Thượng Nhân Anomadassī, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1968. "Do việc làm về vôi bột này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành đạt và sẽ chấm dứt khổ đau."

1969. Tôi có vẻ mặt tịnh tín, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1970. Trước đây tròn đủ một trăm kiếp không thiếu hụt, [tôi đã là] đức vua tên Sabbaghana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1971. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anulepadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anulepadāyaka" là phần thứ sáu.

147. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADĀYAKA
(*Maggadāyakattherāpadānaṃ*)

1972. Bậc Hữu Nhãn vượt qua con sông nhỏ rồi đi vào khu rừng. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Siddhattha có ba mươi hai hảo tướng ấy.

1973. Tôi đã cầm lấy cuốc xẻng và cái giỏ rồi đã san bằng con đường ấy. Tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín.

1974. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng đường đi.

---

[5] *Ummāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ummā."

[6] *Anulepadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vữa để tô trét (*anulepa*)."

1975. [Trước đây] năm mươi bảy kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất với tên Suppabuddha; vị lãnh đạo ấy là chúa tể loài người.

1976. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maggadāyaka" là phần thứ bảy.

148. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA
(*Phalakadāyakattherāpadānaṃ*)

1977. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ đóng xe thuyền khéo được học tập về nghề mộc. Tôi đã thực hiện tấm ván bằng gỗ trầm hương và đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

1978. Cung điện bằng vàng khéo được hóa hiện ra này chói sáng. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng.

1979. Các tòa lâu đài luôn cả các kiệu khiêng được sanh lên theo như ước muốn, châu báu của tôi không bị suy suyển; điều này là quả báo của tấm ván gỗ.

1980. [Kể từ khi] tôi đã dâng tấm ván gỗ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm ván gỗ.

1981. Trước đây năm mươi bảy kiếp, bốn vị [cùng] tên Nimmita đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1982. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phalakadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phalakadāyaka" là phần thứ tám.

149. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṬAṂSAKIYA
(*Vaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ*)

1983. Đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Sumedha, trong khi thực hành hạnh độc cư, đã đi sâu vào khu rừng lớn.

1984. Sau khi nhìn thấy cây salala đã được trổ hoa, tôi đã buộc thành vòng hoa đội đầu. Tôi đã dâng lên đức Phật bằng cách đặt ở trước mặt đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1985. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1986. [Trước đây] một ngàn chín trăm kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Nimmita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1987. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṭaṃsakiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vaṭaṃsakiya" là phần thứ chín.

150. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAṄKADĀYAKA
(*Pallaṅkadāyakattherāpadānaṃ*)

1988. Tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành có mái che ở phía trên đến đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1989. Lúc bấy giờ, chiếc ghế bành ấy có đầy đủ bảy loại châu báu luôn luôn sanh lên cho tôi, đúng theo ý định của tôi.

1990. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc ghế bành.

1991. [Trước đây] hai chục ngàn kiếp, ba người [cùng] tên Suvaṇṇābha, [đã là] các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1992. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

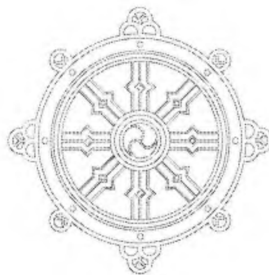
Đại đức Trưởng lão Pallaṅkadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pallaṅkadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Chiếc lọng che, cây cột [đèn], viền rào quanh, vị có nhóm tùy tùng, vị liên quan đến bông hoa umma, vị tô trét, vị dâng cúng đường đi, vị dâng cúng tấm ván gỗ, vị có vòng hoa đội đầu, vị dâng cúng chiếc ghế bành; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Chatta là phẩm thứ mười lăm.



---

[7] *Vaṭaṃsakiya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*vaṭaṃsaka*)."

[8] *Pallaṅkadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc ghế bành (*pallaṅka*)."

XVI. PHẨM BANDHUJĪVAKA
(*BANDHUJĪVAKAVAGGO*)

151. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA
(*Bandhujīvakattherāpadānaṃ*)

1993. [Tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sikhī] tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, tinh khiết, trong sạch, không bị loạn động, đã đoạn tận sự vui thích ở hiện hữu, đã vượt qua sự ái luyến ở đời.

1994. Là bậc đã vượt qua, cao quý trong số các đấng đang tiếp độ, Ngài đang giúp cho dân chúng thành tựu Niết-bàn. Ngài đang tham thiền ở trong khu rừng, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh.

1995. Sau khi buộc lại các bông hoa bandhujīvaka bằng sợi chỉ, tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī.

1996. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1997. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị Chúa Tể Của Loài Người có danh vọng vĩ đại tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1998. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka" là phần thứ nhất.

152. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA
(*Tambapupphiyattherāpadānaṃ*)

1999. Là người bị bận rộn trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi đã làm điều lầm lỗi. Bị xâm chiếm bởi nỗi lo sợ và hốt hoảng, tôi đã trốn chạy đến cuối khu rừng.

2000. Sau khi nhìn thấy giống cây đã được trổ hoa, dính thành từng chùm, khéo léo phô bày, tôi đã ngắt lấy bông hoa màu nâu đỏ và đã rải rắc ở cội cây Bồ-đề.

2001. Sau khi quét dọn cội cây Bồ-đề là giống cây pāṭalī tối thượng ấy, tôi đã xếp chân vào tư thế kiết-già và ngồi xuống ở gốc cội cây Bồ-đề.

2002. Trong khi tìm kiếm con đường [tôi] đã đi qua, bọn họ đã đến gần chỗ tôi. Và ở tại nơi ấy, sau khi nhìn thấy bọn họ, tôi đã quan sát cội cây Bồ-đề tối thượng.

2003. Và với tâm ý trong sạch, tôi đã đảnh lễ cội cây Bồ-đề. Tôi đã bị rơi xuống ở hẻm núi đáng kinh sợ có độ sâu bằng nhiều cây thốt nốt.

2004. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

2005. Và trước đây vào kiếp thứ ba, tôi đã là đức Vua Susaññata, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2006. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tambapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tambapupphiya" là phần thứ nhì.

153. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA
(*Vīthisammajjakattherāpadānaṃ*)

2007. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra tợ như mặt trời đang mọc, như là mặt trời có tia sáng màu vàng, như là mặt trăng vào ngày rằm.

2008. Đã có tất cả sáu mươi tám ngàn vị Lậu tận [A-la-hán] đã tháp tùng bậc Toàn Giác, vị Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu.

2009. Với tâm ý trong sạch, tôi đã quét dọn con đường ấy, và trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra, tôi đã trương lên lá cờ ở tại nơi ấy.

2010. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên ngọn cờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn cờ.

2011. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là vị vua có sức mạnh vĩ đại, được thành tựu về mọi phương diện, được nổi danh là Sudhaja.

2012. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vīthisammajjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vīthisammajjaka" là phần thứ ba.

154. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA
(*Kakkārupūjakattherāpadānaṃ*)

2013. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa kakkāru và đã dâng lên đức Phật.

2014. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[1] *Tambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan bông hoa (*puppha*) màu nâu đỏ (*tamba*)."

[2] *Vīthisammajjaka* nghĩa là "vị quét dọn (*sammajjaka*) con đường (*vīthi*)."

2015. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tôi đã là đức Vua Sattuttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2016. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kakkārupūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kakkārupūjaka" là phần thứ tư.

155. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA
(*Mandāravapūjakattherāpadānaṃ*)

2017. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandārava và đã dâng lên đức Phật.

2018. Trong bảy ngày, đã có tràng hoa của cõi trời là chiếc lọng che cho đức Như Lai. Tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã lễ bái đức Như Lai.

2019. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2020. Và trước đây vào kiếp thứ mười, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2021. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mandāravapūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mandāravapūjaka" là phần thứ năm.

156. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA
(*Kadambapupphiyattherāpadānaṃ*)

2022. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuṭa. Bảy vị Phật Độc Giác ấy cư ngụ ở chân ngọn núi ấy.

2023. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trổ hoa tợ như mặt trăng, [vua của các ngọn đèn] đã mọc lên, bằng cả hai tay tôi đã hái và đã rải rắc ở bảy vị Phật.

2024. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2025. Trước đây chín mươi hai kiếp, bảy vị [cùng] tên Puppha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2026. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Kakkārupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa kakkāru."

[4] *Mandāravapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa mandārava."

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphiya" là phần thứ sáu.

157. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASŪLAKA
(*Tiṇasūlakattherāpadānaṃ*)

2027. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên Bhūtagaṇa. Ở tại nơi ấy có đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ, bậc Tách Ly Khỏi Thế Gian cư ngụ đơn độc.

2028. Tôi đã cầm lấy những bông hoa tiṇasūla và đã dâng lên đức Phật. Tôi không trở thành người bị rơi vào đọa xứ trong chín mươi chín ngàn kiếp.

2029. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị Dharaṇīruha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2030. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasūlaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasūlaka" là phần thứ bảy.

158. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA
(*Nāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

2031. [Tôi đã là] vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Suvaccha sống ở trong vùng đồi núi, được tùy tùng bởi các người học trò của mình.

2032. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

2033. Ngài [đã] đi kinh hành ở trên không trung, tương tợ y như thế Ngài [đã] phun khói, [đã] chói sáng. Sau khi nhận biết sự vui mừng ở tôi, Ngài đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

2034. Sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã cầm lấy bông hoa nāga và đã rải rắc ở con đường [Ngài] đã đi qua.

2035. [Kể từ khi] tôi đã rải rắc bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm tôi đã không đi đến khổ cảnh.

2036. [Trước đây] ba ngàn một trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Mahāratha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2037. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgapupphiya" là phần thứ tám.

---

[5] *Kadambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kadamba."

[6] *Tiṇasūlaka* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa tiṇasūlaka."

[7] *Nāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) nāga."

159. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA
(*Punnāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

2038. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnāga đã được trổ hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

2039. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng lên đức Phật.

2040. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2041. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2042. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Punnāgapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya" là phần thứ chín.

160. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDADĀYAKA
(*Kumudadāyakattherāpadānaṃ*)

2043. Ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, được che phủ bởi các bông sen đỏ và sen xanh, được tràn ngập bởi các bông sen trắng.

2044. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim tên gọi kukuttha, có giới hạnh, được thành tựu trí sáng suốt, rành rẽ về phước và tội.

2045. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã lai vãng ở không xa hồ nước thiên nhiên.

2046. Tôi đã ngắt hoa súng trắng mọc ở trong nước và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Biết được ý định của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã thọ nhận.

2047. Và sau khi đã dâng cúng vật thí ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2048. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, tám vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Varuṇa này đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2049. Bốn [tuệ] phân tích,… (nt)… tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumudadāyaka" là phần thứ mười.

---

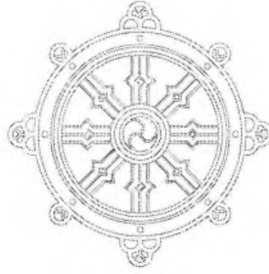
[8] *Punnāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) punnāga."

[9] *Kumudadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) hoa súng trắng (*kumuda*)."

Phần tóm lược

Vị [có hoa] bandhujīvaka, vị có hoa màu nâu đỏ, [vị quét dọn] con đường đi, vị có hoa kakkāru, hoa mandārava, vị có hoa kadamba, vị có hoa tiṇasūla, vị có hoa nāga, hoa punnāga, vị có hoa komuda; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Bandhujīvaka là phẩm thứ mười sáu.



XVII. PHẨM SUPĀRICARIYA
(*SUPĀRICARIYAVAGGO*)

161. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPĀRICARIYA
(*Supāricariyattherāpadānaṃ*)

2050. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, vị Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn tên Paduma đã thuyết giảng giáo pháp.

2051. Đã có cuộc hội họp của các dạ-xoa ở không xa bậc Đại Ẩn Sĩ. Vì công việc ấy, các dạ-xoa đã đi đến và ngay lập tức đã xem xét.

2052. Nhận biết lời nói của đức Phật và sự thuyết giảng về bất tử, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã vỗ tay và đã phục vụ [Ngài].

2053. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ bậc Đạo Sư đã khéo được thực hành, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp.

2054. Trước đây hai ngàn chín trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Samalaṅkata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2055. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supāricariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Supāricariya" là phần thứ nhất.

162. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆAVERAPUPPHIYA
(*Kaṇaverapupphiyattherāpadānaṃ*)

2056. Đức Thế Tôn tên Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu các vị Thinh văn, đã bước đi ở trong thành phố.

2057. Tôi đã được vinh dự là người canh gác ở hậu cung của đức vua. Tôi đã đi đến gần tòa lâu đài và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

2058. Tôi đã cầm lấy bông hoa kaṇavera và đã rải rắc ở hội chúng Tỳ-khưu. Tôi đã thực hiện nhiều lần ở đức Phật, sau đó đã rải rắc nhiều hơn nữa.

2059. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2060. Trước đây tám mươi bảy kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahiddhika đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2061. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇaverapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṇaverapupphiya" là phần thứ nhì.

163. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA
(*Khajjakadāyakattherāpadānaṃ*)

2062. Trước đây, tôi quả nhiên đã có dâng cúng trái cây đến đức Thế Tôn Tissa. Và tôi đã dâng lên trái dừa được công nhận là vật ăn được.

2063. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây ấy đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ Tissa, tôi được vui mừng là người đã làm xong việc theo như dự tính, tôi đã được tái sanh theo như ước muốn.

2064. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2065. Trước đây mười ba kiếp, tôi đã là đức Vua Indasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2066. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khajjakadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khajjakadāyaka" là phần thứ ba.

164. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA
(*Desapūjakattherāpadānaṃ*)

2067. Còn về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, Ngài bay lên bầu trời và di chuyển bằng đường không trung.

2068. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường đến bất cứ khu vực nào mà đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến và đứng lại ở khu vực ấy.

2069. [Kể từ khi] tôi đã nhìn thấy bậc Đại Hiền Trí [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường khu vực [đức Phật đã đứng].

2070. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gosujāta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Desapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Desapūjaka" là phần thứ tư.

---

[1] *Kaṇaverapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kaṇavera."

[2] *Khajjakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực để nhai (*khajjaka*)."

[3] *Desapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) khoảnh đất, vùng đất (*desa*)."

165. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆIKĀRACCHADANIYA
(*Kaṇikāracchadaniyattherāpadānaṃ*)

2072. Đấng Toàn Giác Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hiền Trí đã đi sâu vào khu rừng lớn cho việc nghỉ ngơi giữa ngày.

2073. Khi ấy, tôi đã thu nhặt bông hoa kaṇikāra và đã làm chiếc lọng che. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật.

2074. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2075. Trước đây hai mươi kiếp, tám vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Soṇṇābha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2076. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇikāracchadaniya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṇikāracchadaniya" là phần thứ năm.

166. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA
(*Sappidāyakattherāpadānaṃ*)

2077. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên Phussa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Anh Hùng, trong khi giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, Ngài [đã] đi ở trên đường.

2078. Theo tuần tự, đức Thế Tôn đã đi đến gần chỗ của tôi. Do đó, tôi đã nhận lấy bình bát và đã dâng cúng bơ lỏng, dầu ăn.

2079. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bơ lỏng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

2080. Trước đây năm mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Samodaka độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2081. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sappidāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sappidāyaka" là phần thứ sáu.

167. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA
(*Yūthikāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2082. Tôi [đã] di chuyển xuôi dòng ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đấng Tự Chủ ở tại nơi ấy tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

---

[4] *Kaṇikāracchadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng bông hoa kaṇikāra."

[5] *Sappidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*sappi*)."

2083. Tôi đã cầm lấy bông hoa yūthika và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

2084. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2085. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, tôi đã là vị tên Samuddhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2086. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya” là phần thứ bảy.

168. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DUSSADĀYAKA
(*Dussadāyakattherāpadānaṃ*)

2087. Lúc bấy giờ, tôi đã là người con trai của đức vua ở thành phố Tivarā đáng yêu. Sau khi nhận được tặng phẩm, tôi đã dâng cúng đến bậc An Tịnh.

2088. Đức Thế Tôn đã chấp thuận và đã dùng bàn tay sờ vào tấm vải. Sau khi chấp thuận, [đức Phật] Siddhattha đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2089. Trong khi đức Phật đang đi, các tấm vải đã chạy theo phía sau của Ngài. Tại nơi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín; đức Phật là nhân vật cao cả của chúng ta.

2090. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

2091. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, khi ấy tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, là vị chúa tể của loài người tên Parisuddha, có oai lực lớn lao.

2092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dussadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dussadāyaka” là phần thứ tám.

169. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMĀDAPAKA
(*Samādapakattherāpadānaṃ*)

2093. Ở tại thành phố Bandhumatī, đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Tôi đã là người ưu tú trong số họ, và họ là các cộng sự viên của tôi.

2094. Sau khi tụ tập tất cả bọn họ lại, tôi đã khuyến khích về công việc phước thiện: “Chúng ta sẽ làm tràng hoa dâng đến hội chúng là phước điền tối thượng.”

---

[6] *Yūthikāpupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) yūthika.”

[7] *Dussadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải (*dussa*).”

2095. Thuận theo mãnh lực của niềm ước muốn của tôi, họ đã đáp lại rằng: "Tốt lắm", và họ đã hoàn tất tràng hoa ấy. [Tôi đã nói rằng:] "Chúng ta hãy dâng đến [đức Phật] Vipassī."

2096. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tràng hoa.

2097. Trước đây năm mươi chín kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất tên Ādeyya, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2098. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Samādapaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Samādapaka" là phần thứ chín.

170. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAṄGULIYA
(*Pañcaṅguliyattherāpadānaṃ*)

2099. Đức Thế Tôn tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Hiền Trí, vị thiện xảo về việc an trú [thiền quả] đang đi vào hương thất.

2100. Tôi đã cầm lấy tràng hoa có hương thơm ngào ngạt và đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Chính vì không làm ồn đến đấng Toàn Giác, tôi đã dâng cúng một nhúm năm ngón tay [bông hoa].

2101. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên hương thơm trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một nhúm năm ngón tay [bông hoa].

2102. Trước đây bảy mươi hai kiếp, vị vua tên Sayampabha đã là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcaṅguliya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcaṅguliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự phục vụ tốt, vị có bông hoa kaṇavera, vị có vật ăn được, vị cúng dường khu vực, bông hoa kaṇikāra, vị dâng cúng bơ lỏng, bông hoa yūthika, vị dâng cúng tấm vải, tràng hoa và một nhúm năm ngón tay; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ.

Phẩm Supāricariya là phẩm thứ mười bảy.

[8] *Pañcaṅguliya* nghĩa là "vị liên quan đến 1 nhúm 5 (*pañca*) ngón tay (*aṅgula*)."

XVIII. PHẨM KUMUDA
(*KUMUDAVAGGO*)

171. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA
(*Kumudamāliyattherāpadānaṃ*)

2104. Ở núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn. Là loài quỷ sứ đã được sanh ra ở tại nơi ấy, tôi đã có dáng vẻ rùng rợn, có sức mạnh lớn lao.

2105. Bông súng trắng ở tại nơi ấy trổ hoa. Chúng được sanh ra có kích thước bằng bánh xe. Tôi đã thu nhặt bông hoa ấy, và đã có sự gặp gỡ với bậc có năng lực vào lúc ấy.

2106. Về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi nhìn thấy bông hoa đã được gom lại, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

2107. Và khi bậc Toàn Giác, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã gặp Ngài; tôi đã cầm lấy bông hoa và đã dâng lên đức Phật.

2108. Khi ấy, hội chúng ấy đã trải dài đến tận cùng núi Hy-mã-lạp. Đức Như Lai đã đi đến, có được đầy đủ mái che cho toàn bộ hội chúng.

2109. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2110. Trước đây mười lăm kiếp, bảy vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Sahassaratha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2111. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudamāliya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumudamāliya" là phần thứ nhất.

172. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NISSEṆIDĀYAKA
(*Nisseṇidāyakattherāpadānaṃ*)

2112. Tôi đã cho thực hiện cầu thang để bước lên tòa lâu đài của đức Thế Tôn Koṇḍañña, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

2113. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

---
[1] *Kumudamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*māla*) kumuda."

2114. [Trước đây] ba mươi mốt ngàn kiếp, ba vị vua [cùng] tên Sambahula đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2115. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nisseṇidāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nisseṇidāyaka" là phần thứ nhì.

173. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA
(*Rattipupphiyattherāpadānaṃ*)

2116. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu.

2117. Sau khi nhìn thấy giống cây rattika [nở hoa ban đêm] có chứa dược liệu đã được trổ hoa, tôi đã thu hoạch bông hoa luôn cả cuống và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

2118. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2119. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức vua tên Suppasanna, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rattipupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rattipupphiya" là phần thứ ba.

174. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAPĀNADĀYAKA
(*Udapānadāyakattherāpadānaṃ*)

2121. Tôi đã thực hiện cái giếng dành cho đức Thế Tôn Vipassī. Và khi ấy, sau khi dâng cúng đồ ăn khất thực, tôi đã dâng [cái giếng] đến Ngài.

2122. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái giếng.

2123. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udapānadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udapānadāyaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Nisseṇidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cầu thang (*nisseṇī*)."

[3] *Rattipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*māla*) nở vào ban đêm (*ratti*)."

[4] *Udapānadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái giếng (*udapāna*)."

175. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA (*Sīhāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2124. Khi bậc Lãnh Đạo Padumuttara, đấng Bảo Hộ Thế Gian đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử.

2125. Tại nơi ấy, sau khi thực hiện sự cúng dường với nhiều vật thơm và tràng hoa đến Ngài là nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại, nhiều người thành tựu Niết-bàn.

2126. Sau khi đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2127. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, tám vị vua [cùng] tên Siluccaya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2128. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanadāyaka" là phần thứ năm.

176. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADATTIKA (*Maggadattikattherāpadānaṃ*)

2129. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu đã đi kinh hành ở ngoài trời nhằm sự thoải mái [cho cơ thể] trong thời hiện tại.

2130. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và đã rải rắc những bông hoa. Các bông hoa đã rơi ở bàn chân được giở lên và ở trên đỉnh đầu.

2131. Trước đây hai mươi ngàn kiếp, năm người [cùng] tên Pupphacchadaniya đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2132. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggadattika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maggadattika" là phần thứ sáu.

177. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (*Ekadīpiyattherāpadānaṃ*)

2133. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng một ngọn đèn ở cây sa-la là cội Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Padumuttara.

2134. Trong khi [tôi] được sanh lên ở cõi hữu, sự tích lũy phước báu đã được sanh theo, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọn đèn.

2135. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, bốn người [cùng] tên Candābha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

---

[5] *Sīhāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bảo tọa sư tử (*sīhāsana*)."

2136. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadīpiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadīpiya" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ chín).

178. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA (*Maṇipūjakattherāpadānaṃ*)

2137. Có con sông nhỏ đã phát xuất từ phần bên dưới của núi Hy-mã-lạp. Và lúc bấy giờ, bậc Tự Chủ cư ngụ ở phần đất cạnh bờ sông ấy.

2138. Tôi đã cầm lấy chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni có màu sắc xinh xắn, đáng yêu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

2139. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên ngọc ma-ni trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2140. Và trước đây mười hai kiếp, tám vị vua [cùng] tên Sataraṃsi ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2141. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maṇipūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maṇipūjaka" là phần thứ tám.

179. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKICCHAKA (*Tikicchakattherāpadānaṃ*)

2142. Ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là người thầy thuốc khéo được học tập, là nguồn đem lại sự an lạc cho những bệnh nhân có sự khổ đau.

2143. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có giới hạnh, vô cùng sáng suốt, bị lâm bệnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng thuốc chữa bệnh.

2144. Chính nhờ thế, vị Sa-môn có giác quan thu thúc đã được lành bệnh. Người là vị hầu cận của [đức Phật] Vipassī, có tên là Asoka.

2145. Kể từ khi tôi đã dâng cúng phương thuốc trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh.

2146. Và trước đây vào kiếp thứ tám, [tôi đã là] vị tên Sabbosadha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2147. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikicchaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikicchaka" là phần thứ chín.

---

[6] *Ekadīpiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) ngọn đèn (*dīpa*)."

[7] *Tikicchaka* nghĩa là "vị thầy thuốc".

180. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAṄGHUPAṬṬHĀKA
(*Saṅghupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2148. Vào thời kỳ đức Thế Tôn Vessabhū, tôi đã là người phụ việc tu viện. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ hội chúng tối thượng.

2149. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2150. Trước đây vào kiếp thứ bảy, chính bảy vị [cùng tên] Samodaka ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2151. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

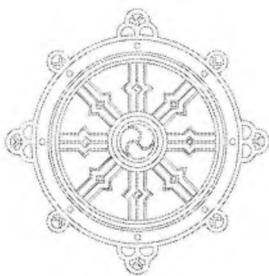
Đại đức Trưởng lão Saṅghupaṭṭhāka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saṅghupaṭṭhāka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông súng trắng, rồi vị có cầu thang, giống cây nở hoa về đêm, vị dâng cúng giếng nước, vị có bảo tọa sư tử, vị rải rắc [bông hoa] ở con đường, vị có một ngọn đèn, vị dâng lên ngọc ma-ni, vị y sĩ, vị phục vụ; [tổng cộng] có bốn mươi chín câu kệ.

Phẩm Kumuda là phẩm thứ mười tám.



[8] *Saṅghupaṭṭhāka* nghĩa là "vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) hội chúng (*saṅgha*)."

XIX. PHẨM KUṬAJAPUPPHIYA
(*KUṬAJAPUPPHIYAVAGGO*)

181. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬAJAPUPPHIYA
(*Kuṭajapupphiyattherāpadānaṃ*)

2152. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời đã mọc lên đang quan sát phương hướng trong lúc đang di chuyển ở không trung.

2153. Sau khi nhìn thấy cây kuṭaja đã được trổ hoa, đã được phát tán ngang dọc, tôi đã ngắt lấy [bông hoa] từ trên cây và đã dâng lên [đức Phật] Phussa.

2154. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2155. Trước đây mười bảy kiếp, bảy vị [cùng tên] Pupphita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2156. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭajapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭajapupphiya" là phần thứ nhất.

182. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA
(*Bandhujīvakattherāpadānaṃ*)

2157. Đấng Toàn Giác, bậc Tự Chủ tên Siddhattha là vị đã được các bậc có đức hạnh ca ngợi. Được thành tựu về thiền định, Ngài đã ngồi ở trong vùng đồi núi.

2158. Trong khi tìm kiếm bông hoa tối thượng sanh trưởng ở trong nước tại hồ nước thiên nhiên, tôi đã nhìn thấy các bông hoa bandhujīvaka gần kề bên cạnh.

2159. Tôi đã nâng lên [các bông hoa] bằng cả hai tay và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên [đức Phật] Siddhattha.

2160. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

---

[1] *Kuṭajapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kuṭaja."

2161. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng, là đấng Chuyển Luân Vương tên Samuddakappa, có oai lực lớn lao.

2162. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka" là phần thứ nhì.

183. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOṬUMBARIYA
(*Koṭumbariyattherāpadānaṃ*)

2163. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật Sikhī] ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng, tợ như biển cả không thể đo lường, giống như là quả địa cầu bao la.

2164. Tương tợ như loài bò mộng thuần chủng, Ngài được tôn vinh bởi hội chúng chư thiên. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

2165. Sau khi lấy ra bảy bông hoa đã được che phủ bằng tấm vải mịn, tôi đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2166. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2167. Trước đây hai mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương độc nhất với tên là Mahānela, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao.

2168. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koṭumbariya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koṭumbariya" là phần thứ ba.

184. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA
(*Pañcahatthiyattherāpadānaṃ*)

2169. Đức Thế Tôn tên Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bước đi ở trên đường lộ, được tháp tùng bởi các vị Thinh văn.

2170. Năm bó hoa sen và bốn bó nữa đã được tôi cất giữ. Có ý định dâng vật hiến cúng nhằm thành tựu công đức, tôi đã cầm [các bông hoa] lên.

2171. Trong lúc bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân, bậc có màu da vàng chói, đang đi ở khu phố chợ, được chiếu rọi bởi ánh hào quang của đức Phật, tôi đã cúng dường [bông hoa] đến Ngài.

---

[2] *Bandhujīvaka* nghĩa là "vị có bông hoa bandhujīvaka."

[3] *Koṭumbariya* nghĩa là "vị liên quan đến tấm vải mịn koṭumbara."

2172. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2173. Trước đây mười ba kiếp, năm vị được gọi tên là Usabha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2174. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcahatthiya" là phần thứ tư.

185. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADĀYAKA
(*Isimuggadāyakattherāpadānaṃ*)

2175. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

2176. Tôi đã nghiền các hạt đậu tây ở trong mật viên tinh khiết. Trong khi đứng ở ngay tại tòa lâu đài, tôi đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2177. Đã hiện diện tám trăm ngàn vị Thinh văn của đức Phật. Món ấy dầu được tràn đầy bình bát của tất cả các vị, mà vẫn còn nhiều hơn thế nữa.

2178. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2179. Trong bốn mươi ngàn kiếp, ba mươi tám người ấy có [cùng] tên là Isimugga, họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2180. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Isimuggadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Isimuggadāyaka" là phần thứ năm.

186. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHI-UPAṬṬHĀKA
(*Bodhi-upaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2181. Tôi đã là người sử dụng chiếc trống con ở thành phố Rammavatī. Thường xuyên bận rộn với công việc phục vụ, tôi đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng.

2182. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã phục vụ sáng chiều, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một ngàn tám trăm kiếp.

2183. Trước đây một ngàn năm trăm kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng tên Muraja, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2184. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[4] *Pañcahatthiya* nghĩa là "vị liên quan đến năm (*pañca*) bó (*hattha*) hoa."

[5] *Isimuggadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đậu tây (*isimugga*)."

Đại đức Trưởng lão Bodhi-upaṭṭhāka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhi-upaṭṭhāka" là phần thứ sáu.

187. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACINTIKA (*Ekacintikattherāpadānaṃ*)

2185. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng:

2186. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp.

2187. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố, và không bị dao động cho đến hết cuộc đời."

2188. "Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh.

2189. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh."

2190. Do lòng thương tưởng này, khi biết vị thiên nhân đang mệnh chung, chư thiên thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa."

2191. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: "Bị mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?"

2192. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, nên đã đi đến gặp tôi.

2193. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumana. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động.

2194. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

2195. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2196. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacintika[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekacintika" là phần thứ bảy.

188. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKAṆṆIPUPPHIYA (*Tikaṇṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

2197. Trong khi là vị thiên nhân, tôi đã được các tiên nữ trọng vọng. Tôi đã nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã nhớ đến đức Phật tối thượng.

---

[6] *Bodhi-upaṭṭhāka* nghĩa là "vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

[7] *Ekacintika* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) suy nghĩ (*cintika*)."

2198. Sau khi lấy ra bông hoa tikaṇṇi, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín và đã dâng lên đức Phật Vipassī, đấng Nhân Ngưu.

2199. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2200. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng] tên Ramuttama đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikaṇṇipupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikaṇṇipupphiya" là phần thứ tám.

189. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACĀRIYA (*Ekacāriyattherāpadānaṃ*)

2202. Lúc bấy giờ, đã xảy âm thanh ầm ĩ ở chư thiên cõi trời Đạo-lợi rằng: "Đức Phật Niết-bàn ở thế gian, và chúng ta vẫn còn tham ái."

2203. Chư thiên ấy đã bị khơi dậy bởi nỗi niềm chấn động, đã bị chiếm hữu bởi mũi tên sầu muộn. Được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, tôi đã đi đến gần bên đức Phật.

2204. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandārava mềm mại đã được hóa hiện ra, tôi đã dâng lên đức Phật vào thời điểm viên tịch Niết-bàn.

2205. Khi ấy, tất cả chư thiên và các tiên nữ đã tùy hỷ với tôi. Tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2206. Trước đây sáu mươi ngàn kiếp, mười sáu người [cùng] tên Mahāmallajana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2207. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacāriya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekacāriya" là phần thứ chín.

190. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIVAṆṬIPUPPHIYA (*Tivaṇṭipupphiyattherāpadānaṃ*)

2208. Bị [phiền não] chế ngự, tất cả các vị ấy đã cùng nhau đi đến gặp tôi và tham thiền. Trong khi các vị ấy đang tham thiền, họ đã có sự bực bội khởi lên.

2209. Lúc bấy giờ, vị có tên Sunanda, Thinh văn của đức Phật, bậc Hiền Trí Dhammadassī đã đi đến gặp tôi.

2210. Khi ấy, những người nào đã có sự sinh hoạt gắn bó với tôi, những người ấy đã dâng cúng bông hoa đến tôi. Tôi đã cầm lấy bông hoa ấy và đã dâng lên vị Thinh văn.

---

[8] *Tikaṇṇipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tikaṇṇi."

[9] *Ekacāriya* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) hành xử (*cāriya*)."

2211. Tôi đây đã qua đời và cũng đã tái sanh ở tại nơi ấy lần nữa. Tôi đã không đi đến đọa xứ trong một ngàn tám trăm kiếp.

2212. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, tám vị [cùng] tên Dhūmaketu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2213. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

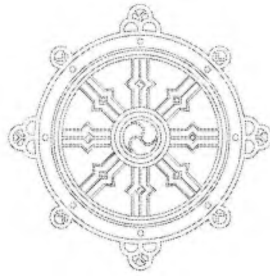
Đại đức Trưởng lão Tivaṇṭipupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tivaṇṭipupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kuṭaja, vị có bông hoa bandhujīva, bông hoa koṭumbara, bó bông hoa, hạt đậu tây, cội Bồ-đề, vị có một lần suy nghĩ, vị có bông hoa tikaṇṇi, vị có một lần hành xử, bông hoa tivaṇṭi; [tổng cộng] có sáu mươi hai câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Kuṭajapupphiya là phẩm thứ mười chín.



[10] *Tivaṇṭipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tivaṇṭi."

XX. PHẨM TAMĀLAPUPPHIYA
(*TAMĀLAPUPPHIYAVAGGO*)

191. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMĀLAPUPPHIYA
(*Tamālapupphiyattherāpadānaṃ*)

2214. Tòa lâu đài với tám mươi bốn ngàn cột trụ làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra cho tôi, tợ như [phép mầu do] cây như ý của chư thiên.

2215. Với tâm ý trong sạch, tôi đã cầm lấy bông hoa tamāla và đã dâng lên đức Phật Sikhī, là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2216. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2217. Trước đây hai mươi kiếp, chỉ một mình [tôi] có tên Candatitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tamālapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tamālapupphiya" là phần thứ nhất.

192. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASANTHARADĀYAKA
(*Tiṇasantharadāyakattherāpadānaṃ*)

2219. Cỏ mà vị Ẩn sĩ sống ở trong rừng [đã] cắt cho bậc Đạo Sư, tất cả cỏ ấy đã ngã xuống ở trên mặt đất, nghiêng về phía phải.

2220. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cỏ ấy và đã trải ra ở phần cao nhất của mặt đất. Và tôi đã mang lại chỉ ba lá cây thốt nốt.

2221. Sau khi làm mái che bằng cỏ, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. Chư thiên và nhân loại đã duy trì [mái che] cho bậc Đạo Sư ấy trong bảy ngày.

2222. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cỏ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cỏ.

2223. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahaddhana đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[1] *Tamālapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tamāla."

2224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka" là phần thứ nhì.

193. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHAṆḌAPHULLIYA (*Khaṇḍaphulliyattherāpadānaṃ*)

2225. Lúc bấy giờ, ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Phussa ở trong khu rừng bao la đã bị phá sập bởi các con voi, có cây cối đã mọc lên ở nơi ấy.

2226. Được vui lòng với các đức hạnh của bậc Thầy của tam giới ấy, tôi đã san bằng chỗ lồi lõm và đã dâng cúng khối vôi bột.

2227. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khối vôi bột.

2228. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Jitasena đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2229. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khaṇḍaphulliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khaṇḍaphulliya" là phần thứ ba.

194. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA (*Asokapūjakattherāpadānaṃ*)

2230. Lúc bấy giờ, ở thành phố Tīvarā đáng yêu đã có khu vườn thượng uyển. Ở tại nơi ấy, tôi đã là người giữ vườn, có sự sinh hoạt gắn bó với đức vua.

2231. Đấng Tự Chủ tên Paduma đã là vị có hào quang. Khi bậc Hiền Trí ấy ngồi ở nơi cây sen trắng, bóng râm đã không rời khỏi Ngài.

2232. Sau khi nhìn thấy cây asoka đã được trổ hoa, nặng trĩu từng chùm, có dáng nhìn xinh đẹp, tôi đã dâng lên đức Phật có tên là Padumuttara.

2233. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2234. Trước đây ba mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng tên] Aruṇañjaha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2235. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Tiṇasantharadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm thảm (*santhara*) bằng cỏ (*tiṇa*)."

Đại đức Trưởng lão Asokapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Asokapūjaka" là phần thứ tư.

195. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṄKOLAKA (*Aṅkolakattherāpadānaṃ*)

2236. Sau khi nhìn thấy cây aṅkola với chùm hoa cao quý có lớp vỏ bọc đã được trổ hoa, tôi đã hái xuống bông hoa ấy và đã đi đến gặp đức Phật.

2237. Vào thời điểm ấy, bậc Đại Hiền Trí Siddhattha có sự ẩn cư. Sau khi bày tỏ sự tôn kính trong chốc lát, tôi đã rải rắc bông hoa ở nơi hang động.

2238. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2239. Trước đây ba mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị Devagajjita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aṅkolaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aṅkolaka" là phần thứ năm.

196. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA (*Kisalayapūjakattherāpadānaṃ*)

2241. Tôi đã có một vườn hoa ở thành phố Dvāravatī. Và có giếng nước ở ngay tại nơi ấy là nguồn cung cấp [nước] cho các loài thực vật.

2242. Có lòng thương tưởng đến tôi, vị Siddhattha không bị đánh bại ấy, được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, đi đến ở trên không trung.

2243. Tôi không nhìn thấy bất cứ vật nào khác đáng để cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi nhìn thấy chồi non của cây asoka, tôi đã thảy [chồi non ấy] lên không trung.

2244. Trong khi đức Phật đang di chuyển, các chồi non ấy đi theo phía sau của Ngài. Tôi đây sau khi đã nhìn thấy thần thông ấy [đã tán dương rằng]: "Ôi, tính chất cao thượng của đức Phật!"

2245. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chồi non trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2246. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị Ekassara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2247. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Asokapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa asoka."

[4] *Aṅkolaka* nghĩa là "vị có bông hoa aṅkola."

Đại đức Trưởng lão Kisalayapūjaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kisalayapūjaka" là phần thứ sáu.

197. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKADĀYAKA
(*Tindukadāyakattherāpadānaṃ*)

2248. Tôi đã là con khỉ có sức mạnh và nhanh nhẹn, thường lai vãng ở nơi hiểm trở của ngọn núi. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

2249. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã lìa khỏi [chỗ ngụ] vài ngày và đã xem xét đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc đã đi đến tận cùng ba cõi.

2250. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian cùng với một ngàn bậc Vô lậu đã đi đến gần tôi.

2251. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi đến gần, có trái cây ở tay. Đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã thọ nhận.

2252. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2253. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị có tên Upananda, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2254. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tindukadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tindukadāyaka" là phần thứ bảy.

198. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUṬṬHIPŪJAKA
(*Muṭṭhipūjakattherāpadānaṃ*)

2255. Vì lòng thương tưởng hậu thế, đức Thế Tôn tên Sumedha, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, đấng Chiến Thắng đã ra sức nỗ lực.

2256. Trong khi bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy đang đi kinh hành, tôi đã dâng lên đức Phật nắm tay gồm những bông hoa girinela.

2257. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp.

2258. Trong hai ngàn ba trăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sunela, là người độc nhất được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2259. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] *Kisalayapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) các chồi non (*kisalaya*)."

[6] *Tindukadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây tinduka."

Đại đức Trưởng lão Muṭṭhipūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Muṭṭhipūjaka" là phần thứ tám.

199. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṄKAṆIPUPPHIYA
(*Kiṅkaṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

2260. Đấng Tự Chủ tên Sumaṅgala, bậc Không Bị Đánh Bại, đấng Chiến Thắng đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi vào thành phố.

2261. Sau khi thực hành việc đi khất thực, bậc Hiền Trí đã lìa khỏi thành phố. Có phận sự đã được làm xong, bậc Toàn Giác ấy đã cư ngụ ở trong khu rừng.

2262. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiṅkaṇi và đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

2263. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2264. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Apilāpiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2265. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṅkaṇipupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṅkaṇipupphiya" là phần thứ chín.

200. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA
(*Yūthikāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2266. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi đến trú xá.

2267. Sau khi cầm lấy bông hoa yūthika tối thượng bằng cả hai tay, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc có tâm từ ái như thế ấy.

2268. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu và đã không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2269. Trước đây năm mươi kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Samittanandana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2270. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya" là phần thứ mười.

---

[7] *Muṭṭhipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) nắm (*muṭṭhi*) bông hoa."

[8] *Kiṅkaṇipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kiṅkaṇi."

[9] *Yūthikāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) yūthikā."

Phần tóm lược

Vị có bông hoa tamāla, thảm trải bằng cỏ, vị khám phá sự đổ vỡ, vị liên quan đến bông hoa asoka, vị có bông hoa aṅkola, chồi non, trái cây tinduka, các bông hoa nela, vị có bông hoa kiṅkaṇi, vị có bông hoa yūthikā; [tổng cộng] có năm mươi tám câu kệ.

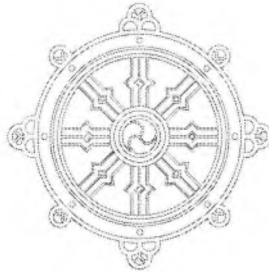
Phẩm Tamālapupphiya là phẩm thứ hai mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Vị dâng cúng thức ăn, [vị có] đoàn tùy tùng, bông hoa sereyya, Trưởng lão Sobhita là tương tợ, vị có chiếc lọng che, bông hoa bandhujīva, vị có sự phục vụ khéo léo, bông hoa kumuda, bông hoa kuṭaja và luôn cả vị có bông hoa tamāla đã được thực hiện là thứ mười. Có sáu trăm câu kệ và sáu mươi sáu câu thêm vào đó.

Nhóm "Mười" từ phẩm Bhikkhā.

Nhóm "Một trăm" thứ nhì được đầy đủ.



XXI. PHẨM KAṆIKĀRAPUPPHIYA (*KAṆIKĀRAPUPPHIYAVAGGO*)

201. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆIKĀRAPUPPHIYA (*Kaṇikārapupphiyattherāpadānaṃ*)

2271. Sau khi nhìn thấy cây kaṇikāra đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã hái xuống [bông hoa] và đã dâng lên [đức Phật] Tissa, bậc đã vượt qua dòng lũ như thế ấy.

2272. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2273. Trước đây ba mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aruṇapāṇī, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2274. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇikārapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṇikārapupphiya" là phần thứ nhất.

202. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA (*Minelapupphiyattherāpadānaṃ*)

2275. Đức Thế Tôn Sikhī hùng tráng có màu da vàng chói, có trăm ánh hào quang, có sự huy hoàng, có tâm từ ái, đã bước lên con đường kinh hành.

2276. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, sau khi đảnh lễ bậc có trí tuệ tối thượng, tôi đã cầm lấy bông hoa minela và đã dâng lên đức Phật.

2277. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2278. Vào kiếp [thứ] hai mươi chín, [tôi đã là] vị tên Sumedhayasa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2279. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Minelapupphiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Minelapupphiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Kaṇikārapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kaṇikāra."

[2] *Minelapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) minela."

203. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṄKIṆIKAPUPPHIYA (*Kiṅkiṇikapupphiyattherāpadānaṃ*)

2280. Bậc Toàn Tri, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [sáng chói] trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã lội xuống hồ nước lạnh và đã tắm.

2281. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiṅkiṇi và đã dâng lên [đức Phật] Vipassassī, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2282. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2283. Vào kiếp [thứ] hai mươi bảy, [tôi đã là] đức Vua Bhīmaratha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2284. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṅkiṇikapupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṅkiṇikapupphiya" là phần thứ ba.

204. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

2285. Đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu các bậc Thinh văn đã đi đến bờ sông Gaṅgā.

2286. Sông Gaṅgā đã tràn nước đến mé bờ khiến loài quạ có thể uống được, khó có thể vượt qua. Tôi đã đưa đức Phật, bậc Tối Thượng Của Loài Người, cùng với hội chúng Tỳ-khưu sang sông.

2287. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

2288. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, năm vị [cùng tên] Sabbhogavā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2289. Và trong kiếp sống cuối cùng này, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn. Cùng với ba người bạn, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của bậc Đạo Sư.

Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Taraṇiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇiya" là phần thứ tư.

---

[3] *Kiṅkiṇikapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kiṅkiṇi."

[4] *Taraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đưa sang (*taraṇa*) sông."

205. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUṆḌIPUPPHIYA
(*Nigguṇḍipupphiyattherāpadānaṃ*)

2290. Tôi đã là người phụ việc tu viện của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi đã cầm lấy bông hoa nigguṇḍi và đã dâng lên đức Phật.

2291. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2292. Trước đây ba mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2293. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nigguṇḍipupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nigguṇḍipupphiya" là phần thứ năm.

206. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA
(*Udakadāyakattherāpadānaṃ*)

2294. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có tâm ý thanh tịnh, không bị chộn rộn, đang thọ thực, tôi đã cầm lấy bình nước và đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha.

2295. Giờ đây, tôi không còn bợn nhơ, được xa lìa ô nhiễm, sự hoài nghi đã được đoạn tận. Trong khi sanh lên ở cõi hữu, quả báo tốt đẹp phát sanh [đến tôi].

2296. Kể từ khi tôi đã cúng dường nước trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước.

2297. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Vimala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakadāyaka" là phần thứ sáu.

207. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMĀLIYA
(*Salalamāliyattherāpadānaṃ*)

2299. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Điều Phục Nhân Siddhattha ngồi ở trong vùng đồi núi đang chói sáng như là cây kaṇikāra, đang làm cho tất cả các phương rực sáng.

---

[5] *Nigguṇḍipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) nigguṇḍi."

[6] *Udakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*)."

2300. Khi ấy, không do dự tôi đã dùng cây cung và đã giương lên mũi tên. Sau khi đã cắt đứt bông hoa có luôn cả cuống, tôi đã dâng lên đức Phật.

2301. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2302. Trước đây năm mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Jutindhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalamāliya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalamāliya" là phần thứ bảy.

208. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORAṆḌAPUPPHIYA
(*Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ*)

2304. Trong khi đi theo sau từng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã nhìn thấy bàn chân đang bước đi được điểm tô dấu hiệu hình bánh xe [của Ngài].

2305. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa đã được trổ hoa, tôi đã cúng dường [bông hoa] ở dấu chân [Ngài]. Trở nên mừng rỡ, tôi đã đảnh lễ dấu chân tối thượng với tâm mừng rỡ.

2306. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân [đức Phật].

2307. Vào kiếp thứ bảy mươi lăm, tôi đã là Vītamala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2308. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koraṇḍapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koraṇḍapupphiya" là phần thứ tám.

209. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀDHĀRADĀYAKA
(*Ādhāradāyakattherāpadānaṃ*)

2309. Chân đế bình bát đã được tôi cúng dường đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Tôi cai quản toàn bộ trái đất này cùng với tất cả tài nguyên.

2310. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

---

[7] *Salalamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến chùm hoa (*mālā*) salala."

[8] *Koraṇḍapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) koraṇḍa."

2311. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bốn người [cùng] tên Samantacaraṇa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2312. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ādhāradāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ādhāradāyaka" là phần thứ chín.

210. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀTĀTAPANIVĀRIYA
(*Vātātapanivāriyattherāpadānaṃ*)

2313. Tôi đã cúng dường một chiếc lọng đến đức Thế Tôn Tissa, vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, với tâm ý trong sạch.

2314. Điều ác xấu của tôi được chặn đứng, có sự thành tựu của điều thiện. [Chư thiên] nắm giữ chiếc lọng ở không trung [che cho tôi], điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2315. [Đây là] lần sau cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

2317. Trước đây bảy mươi hai kiếp, tám bậc thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahānidāna đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2318. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vātātapanivāriya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vātātapanivāriya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kaṇikāra, bông hoa minela, bông hoa kiṅkiṇi, với sự vượt qua, vị có bông hoa nigguṇḍi, vị cúng dường nước, bông hoa salala, bông hoa kuraṇḍaka, [vị dâng cúng] chân đế bình bát, lọng che nắng; [tổng cộng] có bốn mươi tám câu kệ.

Phẩm Kaṇikārapupphiya là phẩm thứ hai mươi mốt.

---

[9] *Ādhāradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chân đế (*ādhāra*) bình bát."

[10] *Vātātapanivāriya* nghĩa là "vị liên quan đến vật ngăn cản (*nivāraṇa*) gió (*vāta*) và sức nóng (*ātapa*)."

XXII. PHẨM HATTHI
(*HATTHIVAGGO*)

211. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HATTHIDĀYAKA
(*Hatthidāyakattherāpadānaṃ*)

2319. Con voi hạng nhất có ngà dài như gọng xe, vững chãi, đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2320. Tôi thọ hưởng mục đích tối thượng là trạng thái an tịnh vô thượng. Vật thí cao quý đã được tôi dâng cúng đến vị tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian.

2321. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con voi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con voi.

2322. Vào kiếp [thứ] bảy mươi tám, mười sáu vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2323. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hatthidāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Hatthidāyaka" là phần thứ nhất.

212. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA
(*Pānadhidāyakattherāpadānaṃ*)

2324. Tôi đã dâng cúng đôi dép đến vị Ẩn sĩ già cả, sống ở rừng, có sự khổ hạnh dài lâu, có nội tâm đã được phát triển.

2325. Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con thọ hưởng mọi phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2326. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

2327. Trước đây bảy mươi bảy kiếp, tám vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Suyāna đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2328. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Hatthidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) con voi (*hatthi*)."

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pānadhidāyaka" là phần thứ nhì.

213. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA
(*Saccasaññakattherāpadānaṃ*)

2329. Vào lúc ấy, trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, [đức Phật] Vessabhū, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu, [đã] thuyết giảng về các chân lý cao thượng.

2330. Là người thành tựu tâm bi mẫn cao tột, tôi đã đi đến cuộc hội họp. Ngồi xuống, an tịnh, tôi đây đã lắng nghe giáo pháp của bậc Đạo Sư.

2331. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. Tôi đã cư ngụ giữa chư thiên trong thành phố ở tại nơi ấy ba mươi kiếp.

2332. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về chân lý.

2333. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Ekaphusita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2334. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saccasaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saccasaññaka" là phần thứ ba.

214. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA
(*Ekasaññakattherāpadānaṃ*)

2335. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ.

2336. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2337. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Amitābha, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2338. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekasaññaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Pānadhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đôi dép (*pānadhi*)."

[3] *Saccasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về chân lý (*sacca*)."

[4] *Ekasaññaka* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) suy tưởng (*saññā*)."

215. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṂSISAÑÑAKA (*Raṃsisaññakattherāpadānaṃ*)

2339. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như con hổ hùng tráng cao quý khéo được sanh ra, [đang ngồi] ở trong vùng đồi núi.

2340. Năng lực ấy của đức Phật chói sáng ở trong vùng đồi núi. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2341. Do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm và cũng nhờ vào sự niệm tưởng đến đức Phật, việc thiện đã được tôi thực hiện tốt đẹp trong các kiếp còn lại.

2342. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2343. Vào kiếp thứ năm mươi bảy, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sujāta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2344. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka" là phần thứ năm.

216. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAṆṬHITA (*Saṇṭhitattherāpadānaṃ*)

2345. Ở tại cội cây assattha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh lục, tôi đã đạt được sự suy tưởng thuần túy hướng đến đức Phật, có niệm [đầy đủ].

2346. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, do nhờ tác động của sự suy tưởng ấy, sự đoạn tận các lậu hoặc đã được tôi đạt đến.

2347. Trước đây mười ba kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Dhaniṭṭha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2348. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saṇṭhita[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saṇṭhita" là phần thứ sáu.

217. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAVANṬADĀYAKA (*Tālavanṭadāyakattherāpadānaṃ*)

2349. Chiếc quạt lá cọ đã được tôi dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời Tissa nhằm mục đích dập tắt sự nóng nực và làm lắng dịu sự bực bội.

---

[5] *Raṃsisaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) đến hào quang (*raṃsi*) của đức Phật."

[6] *Saṇṭhita* nghĩa là "vị (có sự suy tưởng) đã được bền vững (*saṇṭhita*)."

2350. Tôi tự mình dập tắt ngọn lửa tham ái và đặc biệt hơn nữa là ngọn lửa sân hận. Và tôi dập tắt ngọn lửa si mê; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ.

2351. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2352. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2353. Trước đây sáu mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Mahānāma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2354. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tālavaṇṭadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tālavaṇṭadāyaka" là phần thứ bảy.

218. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA
(*Akkantasaññakattherāpadānaṃ*)

2355. Sau khi cầm lấy tấm vải choàng thô xấu, tôi đã [đi đến] thành phố của vị thầy tế độ. Và tôi học tập về chú thuật làm bẻ gãy mũi tên.

2356. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Là bậc ưu tú, cao quý, tột đỉnh, đức Phật Tissa là bậc Tối Thượng của đám đông.

2357. Khi tấm vải choàng thô xấu được trải ra, đấng Tối Thượng Nhân, bậc Đại Hùng, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu trong khi bước đi đã đặt chân lên [tấm vải choàng].

2358. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian ấy tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, với tâm ý trong sạch tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư.

2359. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải choàng thô xấu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải choàng thô xấu.

2360. Trước đây ba mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sunanda, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2361. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Akkantasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Akkantasaññaka" là phần thứ tám.

219. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA
(*Sappidāyakattherāpadānaṃ*)

2362. Ngồi ở nơi cao quý của tòa lâu đài, được trọng vọng bởi đám phụ nữ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn bị lâm bệnh và đã thỉnh vào trong nhà.

2363. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi vào, tôi đã dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến bậc Đại Ẩn sĩ Siddhattha.

2364. Sau khi nhìn thấy sự mệt nhọc đã được lắng xuống, khuôn mặt và giác quan đã được rạng rỡ, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ngợi ca ở phía trước Ngài.

2365. Là bậc đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi nhìn thấy tôi có nội tâm đã khéo được tịnh tín, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

2366. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn.

2367. Trước đây mười bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Jutideva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2368. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sappidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sappidāyaka" là phần thứ chín.

220. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀPANIVĀRIYA
(*Pāpanivāriyattherāpadānaṃ*)

2369. Con đường kinh hành của đức Thế Tôn Piyadassī đã được tôi làm sạch sẽ, được che bởi những cây sậy, có sự ngăn cản gió và sức nóng.

2370. Tôi đã nỗ lực trong giáo pháp của bậc Đạo Sư nhằm mục đích lánh xa điều ác, nhằm sự thành tựu việc thiện, nhằm sự dứt bỏ các điều ô nhiễm.

2371. Trước đây mười một kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aggideva, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāpanivāriya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāpanivāriya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

[Vị cúng dường] con voi, đôi dép, [vị suy tưởng về] chân lý, các hào quang, [vị có sự suy tưởng] đã được bền vững, vị có cây quạt lá cọ, tương tợ là vị suy tưởng về việc [đức Phật] đã bước lên, bơ lỏng, vị có sự ngăn cản điều ác; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ.

Phẩm Hatthi là phẩm thứ hai mươi hai.

---

[7] *Sappidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*sappi*)."

[8] *Pāpanivāriya* nghĩa là "vị liên quan đến vật ngăn chặn (*nivāraṇa*) điều ác (*pāpa*)."

XXIII. PHẨM ĀLAMBANADĀYAKA
(*ĀLAMBANADĀYAKAVAGGO*)

221. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLAMBANADĀYAKA
(*Ālambanadāyakattherāpadānaṃ*)

2373. Vật tựa [lưng] đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2374. Tôi cai quản trái đất bao la bao gồm biển cả và tôi thực hiện quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng ở trên trái đất.

2375. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

2376. Trước đây sáu mươi hai kiếp, ba vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Ekāpassita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2377. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ālambanadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ālambanadāyaka" là phần thứ nhất.

222. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJINADĀYAKA
(*Ajinadāyakattherāpadānaṃ*)

2378. Trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi đã là bậc thầy của đám đông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

2379-80. Mảnh da thú đã được tôi dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Nhờ vào việc làm ấy ở đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2381. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm da dê trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm da dê.

2382. Trước đây vào kiếp thứ năm, tôi đã là đức Vua Sudāyaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[1] *Ālambanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật tựa lưng (*ālambana*)."

2383. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajinadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajinadāyaka" là phần thứ nhì.

223. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA
(*Dviratanivattherāpadānaṃ*)

2384. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

2385. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī một lát thịt. Tôi được thiết lập làm vị chúa tể ở thế gian luôn cả chư thiên.

2386. Do nhờ sự dâng cúng lát thịt này, châu báu sanh lên cho tôi. Hai loại châu báu này ở thế gian đưa đến sự thành tựu của đời hiện tại.

2387. Tôi thọ hưởng tất cả các thứ ấy nhờ vào năng lực của sự dâng cúng lát thịt. Thân thể của tôi mềm mại, trí tuệ của tôi có sự nhận biết vi tế.

2388. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng lát thịt trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lát thịt.

2389. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng. Vị ấy tên là Mahārohita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dvirataniya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dvirataniya" là phần thứ ba.

(Dứt tụng phẩm thứ mười).

224. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA
(*Ārakkhadāyakattherāpadānaṃ*)

2391. Tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn đến đức Thế Tôn Siddhattha. Và tôi đã dâng cúng sự bảo vệ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

2392. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và sự hãi sợ. Khi được sanh lên ở bất cứ đâu, sự run sợ của tôi là không được biết đến.

2393. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn.

2394. Trước đây vào kiếp thứ sáu, [tôi đã là] vị tên Apassena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[2] *Ajinadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm da dê (*ajina*)."

[3] *Dviratanіya* nghĩa là "vị liên quan đến hai (*dvi*) loại châu báu (*ratana*)."

2395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ārakkhadāyaka" là phần thứ tư.

225. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVYĀDHIKA
(*Avyādhikattherāpadānaṃ*)

2396. Tôi đã dâng cúng gian nhà sưởi ấm đến đức Thế Tôn Vipassī, chỗ trú ngụ và bình chứa nước nóng đến những người bị bệnh.

2397. Do việc làm ấy, thân thể của tôi đã được tạo thành tốt đẹp, tôi không còn biết đến bệnh tật; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

2398. Kể từ khi tôi đã dâng cúng gian nhà trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của gian nhà sưởi ấm.

2399. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị tên Aparājita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2400. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avyādhika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avyādhika" là phần thứ năm.

226. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṄKOLAPUPPHIYA
(*Aṅkolapupphiyattherāpadānaṃ*)

2401. Nārada là tên của tôi, [mọi người] biết đến tôi là Kassapa. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị đứng đầu trong số các Sa-môn, được chư thiên tôn kính.

2402. Đức Phật có các tướng mạo phụ là vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Tôi đã cầm lấy bông hoa aṅkola và đã dâng lên đức Phật.

2403. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2404. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Romasa, có sự trang sức với ngọc trai và tràng hoa, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng.

2405. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aṅkolapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aṅkolapupphiya" là phần thứ sáu.

---

[4] *Ārakkhadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sự bảo vệ (*ārakkha*)."

[5] *Avyādhika* nghĩa là "vị không có bệnh tật (*vyādhi*)."

[6] *Aṅkolapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aṅkola."

227. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOVAṆṆAVAṬAṂSAKIYA
(*Sovaṇṇavaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ*)

2406. Trong khi đi ra khu vực vườn hoa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy vòng hoa đội đầu bằng vàng được kiến tạo khéo léo.

2407. Cỡi trên lưng của con voi, tôi đã mau chóng từ nơi ấy leo xuống và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2408. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2409. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2410. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sovaṇṇavaṭaṃsakiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sovaṇṇavaṭaṃsakiya" là phần thứ bảy.

228. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MIÑJAVAṬAṂSAKIYA
(*Miñjavaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ*)

2411. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã Niết-bàn, tôi đã thực hiện việc cúng dường cội Bồ-đề với những vòng hoa đội đầu được xếp đặt các nơi.

2412. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề.

2413. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Meghabbha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2414. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Miñjavaṭaṃsakiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Miñjavaṭaṃsakiya" là phần thứ tám.

229. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATĀVELIYA
(*Sukatāveliyattherāpadānaṃ*)

2415. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Asita. Sau khi chọn lấy vòng hoa đội đầu, tôi đã ra đi để dâng lên đức vua.

2416. Khi chưa gặp được đức vua, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Sikhī. Được mừng rỡ, tôi đã dâng [vòng hoa] lên đức Phật với tâm mừng rỡ.

---

[7] *Sovaṇṇavaṭaṃsakiya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*vaṭaṃsaka*) bằng vàng (*sovaṇṇa*)."

[8] *Miñjavaṭaṃsakiya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*vaṭaṃsaka*) bằng ruột cây (*miñja*)."

2417. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2418. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao tên Vebhāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sukatāveliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sukatāveliya" là phần thứ chín.

230. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA
(*Ekavandiyattherāpadānaṃ*)

2420. Đấng Anh Hùng Vessabhū là bậc ưu tú, cao quý trong số các vị thắng trận. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

2421. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

2422. [Trước đây] hai mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Vigatānanda, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2423. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekavandiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekavandiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vật tựa [lưng], tấm da dê, vị dâng cúng thịt, vị thí chủ về sự bảo vệ, sự không bị bệnh, [bông hoa] aṅkola, [vòng hoa] vàng, [vòng hoa] ruột cây, vòng hoa đội đầu và sự đảnh lễ; [tổng cộng] có năm mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Ālambanadāyaka là phẩm thứ hai mươi ba.

---

[9] *Sukatāveliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*āveli*) đã được làm (*kata*) khéo léo (*su*)."

[10] *Ekavandiya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) đảnh lễ (*vandana*)."

XXIV. PHẨM UDAKĀSANA
(*UDAKĀSANAVAGGO*)

231. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKĀSANADĀYAKA
(*Udakāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2424. Sau khi đi ra khỏi cổng của tu viện, tôi đã trải ra tấm ván. Và tôi đã phục vụ nước nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2425. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở [sự bố thí] chỗ ngồi và nước.

2426. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisāma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2427. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakāsanadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakāsanadāyaka" là phần thứ nhất.

232. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀJANADĀYAKA
(*Bhājanadāyakattherāpadānaṃ*)

2428. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ làm gốm ở thành phố Bandhumatī. Trong khi ấy, tôi đã cung cấp bát đĩa đến hội chúng Tỳ-khưu.

2429. [Kể từ khi] tôi đã cung cấp bát đĩa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] bát đĩa.

2430. Trước đây năm mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Anantajāli, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2431. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhājanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhājanadāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Udakāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*) và chỗ ngồi (*āsana*)."

[2] *Bhājanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bát đĩa (*bhājana*)."

233. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPŪPIYA
(*Sālapūpiyattherāpadānaṃ*)

2432. Tôi đã là người bán bánh ngọt ở thành phố Aruṇavatī. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Sikhī đang đi ngang qua cánh cửa của tôi.

2433. Với tâm ý trong sạch, tôi đã nhận lấy bình bát của đức Phật và đã dâng cúng bánh ngọt sālā đến đức Phật, bậc đã đi đến đạo lộ chân chánh.

2434. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật thực cứng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh ngọt sālā.

2435. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vị Amitañjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālapūpiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sālapūpiya" là phần thứ ba.

234. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADĀYAKA
(*Kilañjadāyakattherāpadānaṃ*)

2437. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ đan lát ở trong thành phố Tivarā đáng yêu. Dân chúng ở nơi ấy được tịnh tín ở đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha.

2438. Người ta tìm kiếm chiếc chiếu nhằm mục đích cúng dường đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. Tôi đã dâng cúng chiếc chiếu đến những người đang tiến hành việc cúng dường đức Phật.

2439. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc chiếu.

2440. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kilañjadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kilañjadāyaka" là phần thứ tư.

235. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA
(*Vedikārakattherāpadānaṃ*)

2442. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī.

[3] *Sālapūpiya* nghĩa là "vị liên quan đến bánh ngọt (*pūpa*) sālā."
[4] *Kilañjadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc chiếu (*kilañja*)."

2443. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn.

2444. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị tên Suriyassama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka" là phần thứ năm.

236. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṆṆAKĀRA (*Vaṇṇakārattherāpadānaṃ*)

2446. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ nhuộm màu ở thành phố Aruṇavatī. Tôi đã nhuộm các màu sắc khác nhau cho các xấp vải ở ngôi bảo tháp.

2447. Kể từ khi tôi đã nhuộm màu sắc trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng màu sắc.

2448. Trước đây hai mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Candupama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2449. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṇṇākāra đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vaṇṇākāra" là phần thứ sáu.

237. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPUPPHIYA (*Piyālapupphiyattherāpadānaṃ*)

2450. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cây piyāla đã được trổ hoa, tôi đã rải rắc [bông hoa] ở con đường [đức Phật] đã đi qua.

2451. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piyālapupphiya" là phần thứ bảy.

---

[5] *Vedikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) vòng rào chắn (*vedi*)."

[6] *Piyālapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) piyāla."

238. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGADĀYAKA
(*Ambayāgadāyakattherāpadānaṃ*)

2453. Nương tựa vào nghề nghiệp của mình, tôi đã đi đến khu rừng rậm. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác đang đi, tôi đã dâng cúng vật thí là trái xoài.

2454. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hiến dâng trái xoài.

2455. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambayāgadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambayāgadāyaka" là phần thứ tám.

239. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA
(*Jagatikārakattherāpadānaṃ*)

2456. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, việc bố trí đã được tôi điều hành ở ngôi bảo tháp tối thượng của đức Phật.

2457. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố trí.

2458. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jagatikāraka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jagatikāraka" là phần thứ chín.

240. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀSIDĀYAKA
(*Vāsidāyakattherāpadānaṃ*)

2459. Trước đây, tôi đã là người thợ rèn ở trong kinh thành Tivarā. Tôi đã dâng cúng một lưỡi rìu đến đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

2460. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lưỡi rìu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lưỡi rìu.

2461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vāsidāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vāsidāyaka" là phần thứ mười.

---

[7] *Ambayāgadāyaka* nghĩa là "vị thí chủ (*dāyaka*) của việc hiến dâng (*yāga*) trái xoài (*amba*)."

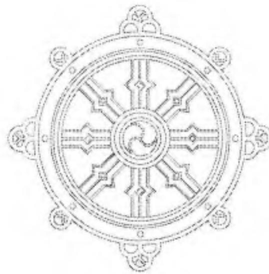
[8] *Jagatikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) việc bố trí (*jagati*)."

[9] *Vāsidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lưỡi rìu (*vāsi*)."

Phần tóm lược

Chỗ ngồi và nước, bát đĩa, vị có bánh ngọt sālā, vị liên quan đến chiếc chiếu, vòng rào chắn, thợ nhuộm màu, bông hoa piyāla, vị bố thí vật hiến dâng là trái xoài, việc bố trí, vị dâng cúng lưỡi rìu; [tổng cộng] có ba mươi tám câu kệ.

Phẩm Udakāsana là phẩm thứ hai mươi bốn.



XXV. PHẨM TUVARADĀYAKA
(*TUVARADĀYAKAVAGGO*)

241. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TUVARADĀYAKA
(*Tuvaradāyakattherāpadānaṃ*)

2462. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi cầm lấy và mang theo hạt tuvara nướng, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

2463. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của hạt tuvara nướng.

2464. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tuvaradāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tuvaradāyaka" là phần thứ nhất.

242. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAKESARIYA
(*Nāgakesariyattherāpadānaṃ*)

2465. Sau khi đã kiểm tra cẩn thận cây cung, tôi đã đi sâu vào trong rừng. Tôi đã nhìn thấy vươn lên đóa hoa sen có tua nhụy rũ xuống.

2466. Sau khi cầm lấy [bông hoa] bằng hai bàn tay, tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã dâng lên đức Phật Tissa, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2467. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2468. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, bảy vị [cùng] tên Kesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2469. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgakesariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgakesariya" là phần thứ nhì.

243. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶINAKESARIYA
(*Naḷinakesariyattherāpadānaṃ*)

2470. Tôi là con gà nước sống ở giữa hồ nước thiên nhiên. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên đang di chuyển ở trên không trung.

---

[1] *Tuvaradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) hạt tuvara nướng."

2471. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dùng mỏ ngắt đóa hoa sen [có tua nhụy] và đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Tissa.

2472. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2473. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Satapatta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2474. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷinakesariya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷinakesariya" là phần thứ ba.

244. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA TRÙNG CỐC VÂN NAM (*Viravipupphiyattherāpadānaṃ*)

2475. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ra đi cùng với một ngàn vị có lậu hoặc đã được đoạn tận. Tôi đã cầm lấy bông hoa viravi và đã dâng lên đức Phật.

2476. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2477. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Viravipupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Viravipupphiya" là phần thứ tư.

245. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDHŪPAKA (*Kuṭidhūpakattherāpadānaṃ*)

2478. Tôi đã là người trông nom liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhattha. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình xông khói vào lúc này lúc khác.

2479. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2480. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭidhūpaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭidhūpaka" là phần thứ năm.

---

[2] *Naḷinakesariya* nghĩa là "vị liên quan đến đóa sen (*naḷina*) có tua nhụy (*kesarī*)."

[3] *Viravipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) viravi."

[4] *Kuṭidhūpaka* nghĩa là "vị xông khói (*dhūpaka*) thơm liêu cốc (*kuṭi*)."

246. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTADĀYAKA
(*Pattadāyakattherāpadānaṃ*)

2481. Với sự thuần thành tuyệt đối, việc dâng cúng bình bát đã được tôi cung ứng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, bậc có bản thể chính trực như thế ấy.

2482. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát.

2483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pattadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pattadāyaka" là phần thứ sáu.

247. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA
(*Dhātupūjakattherāpadānaṃ*)

2484. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha Niết-bàn, tôi đã nhận được một phần Xá-lợi của bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2485. Sau khi nhận lấy phần Xá-lợi ấy của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, trong năm năm tôi đã chăm sóc [phần Xá-lợi ấy] như là [chăm sóc] bậc Tối Thượng Nhân đang còn tại tiền.

2486. Kể từ khi tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở sự hầu cận Xá-lợi.

2487. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhātupūjaka" là phần thứ bảy.

248. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA
(*Sattalipupphapūjakattherāpadānaṃ*)

2488. Lúc bấy giờ, tôi đã đặt bảy bông hoa sattali ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân Vessabhū.

2489. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2490. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattalipupphapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattalipupphapūjaka" là phần thứ tám.

---

[5] *Pattadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bình bát (*patta*)."

[6] *Dhātupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) Xá-lợi (*dhātu*)."

[7] *Sattalipupphapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa (*puppha*) sattali."

249. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIMBIJĀLIYA
(*Bimbijāliyattherāpadānaṃ*)

2491. Đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ tên Padumuttara, là nhân vật cao cả. Ngài công bố về bốn sự thật và làm sáng tỏ về vị thế bất tử.

2492. Khi ấy, sau khi ngắt rời các bông hoa bimbijālika, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2493. Trước đây sáu mươi tám kiếp, bốn vị [cùng tên] Kiñjakesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2494. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bimbijāliya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bimbijāliya" là phần thứ chín.

250. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLADĀYAKA
(*Uddāladāyakattherāpadānaṃ*)

2495. Đấng Tự Chủ tên Kakusandha, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi lìa khỏi khu rừng bao la đã đi đến gần con sông lớn.

2496. Khi ấy, với tâm tịnh tín tôi đã cầm lấy bông hoa uddālaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ, bậc đã tự chế ngự, có bản thể chính trực.

2497. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2498. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uddāladāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uddāladāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Hạt tuvara nướng, [vị Trưởng lão] Nāgakesariya, các bông hoa sen, các bông hoa viravi, vị xông khói liêu cốc, bình bát, Xá-lợi, các bông hoa sattali, các bông hoa bimbijālika, cùng với bông hoa uddālaka; [tổng cộng] có ba mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc thông minh.

Phẩm Tuvaradāyaka là phẩm thứ hai mươi lăm.

---

[8] *Bimbijāliya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) bimbijāliya."

[9] *Uddāladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa uddāla."

XXVI. PHẨM THOMAKA
(*THOMAKAVAGGO*)

251. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THOMAKA
(*Thomakattherāpadānaṃ*)

2499. Trong khi đang trú ở thế giới chư thiên, tôi được hoan hỷ sau khi lắng nghe giáo pháp của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, và tôi đã nói nên lời nói này:

2500. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua."

2501. Kể từ khi tôi đã nói lên lời nói ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2502. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Thomaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Thomaka" là phần thứ nhất.

252. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA
(*Ekāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2503. Có ước muốn thực hiện hành động hướng thượng ở giáo pháp của đức Phật tối thượng, tôi đã lìa bỏ vóc dáng thiên nhân và đã cùng với người vợ đi đến nơi này.

2504. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Devala. Vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị ấy với tâm ý trong sạch.

2505. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

2506. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekāsanadāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Thomaka* nghĩa là "vị tán dương (*thomaka*)."

[2] *Ekāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*asana*) một lần (*eka*)."

253. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

2507. Bậc Giác Ngộ, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Ānanda đã viên tịch Niết-bàn ở trong rừng già hoang rậm, không có bóng người.

2508. Khi ấy, tôi đã từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây và đã thực hiện lễ hỏa táng. Tại đó, tôi đã thiêu đốt thi thể và đã thể hiện sự tôn kính.

2509. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ tư.

254. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA
(*Ticampakapupphiyattherāpadānaṃ*)

2511. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Vikata. Ở trung tâm của ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập, cư ngụ.

2512. Sau khi nhìn thấy sự an tịnh của vị ấy, với tâm ý trong sạch tôi đã cầm lấy ba bông hoa campaka và đã rải rắc chúng.

2513. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2514. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ticampakapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ticampakapupphiya" là phần thứ tư.

255. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPĀṬALIYA
(*Sattapāṭaliyattherāpadānaṃ*)

2515. Tôi đã dâng lên các bông hoa sattapāṭali đến đức Phật [trong lúc Ngài] ngồi ở trong vùng đồi núi, đang chói sáng như là cây kaṇikāra.

2516. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

[4] *Ticampakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa (*puppha*) campaka."

Đại đức Trưởng lão Sattapāṭaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattapāṭaliya" là phần thứ năm.

256. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀHANADĀKAYA
(*Upāhanadākayattherāpadānaṃ*)

2518. Lúc bấy giờ, vị tên Candana đã là người con trai của đấng Giác Ngộ. Tôi đã dâng cúng [đến vị ấy] một đôi dép [ước nguyện rằng]: "Xin ngài hãy giúp con thành tựu quả vị Giác ngộ."

2519. Kể từ khi tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

2520. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāhanadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upāhanadāyaka" là phần thứ sáu.

257. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA
(*Mañjaripūjakattherāpadānaṃ*)

2521. Sau khi đã thực hiện một bó [hoa], tôi đã bước đi ở đường lộ. Tôi đã nhìn thấy bậc cao cả trong số các vị Sa-môn được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu.

2522. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy [bó hoa] bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật.

2523. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2524. Trước đây bảy mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa tên Jotiya, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañjaripūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mañjaripūjaka" là phần thứ bảy.

258. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṆṆADĀYAKA
(*Paṇṇadāyakattherāpadānaṃ*)

2526. Tôi là vị mặc y phục bằng vỏ cây ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Thu thúc trong các điều kiện hạn chế, tôi có thức ăn là muối và lá cây.

---

[5] *Sattapāṭaliya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa sattapāṭali."

[6] *Upāhanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đôi dép (*upāhana*)."

[7] *Mañjaripūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bó hoa (*mañjari*)."

2527. Vào lúc bữa ăn sáng đã điểm, [đức Phật] Siddhattha đã đi đến gặp tôi. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên các thứ ấy đến đức Phật.

2528. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây.

2529. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức vua Yadatthiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2530. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṇṇadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṇṇadāyaka" là phần thứ tám.

259. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDĀYAKA
(*Kuṭidāyakattherāpadānaṃ*)

2531. Lúc bấy giờ, là vị hành pháp ngụ ở rừng, đấng Toàn Giác đã cư ngụ ở gốc cây. Tôi đã thực hiện gian nhà lá và đã dâng cúng đến bậc Không Bị Đánh Bại.

2532. Kể từ khi tôi đã cúng dường cái chòi lá trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái chòi.

2533. Trước đây hai mươi tám kiếp, mười sáu vị vua được gọi là Sabbattha-abhivassī đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2534. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭidāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭidāyaka" là phần thứ chín.

260. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA
(*Aggajapupphiyattherāpadānaṃ*)

2535. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác Sikhī có màu da vàng chói ngồi ở trong vùng đồi núi đang chiếu sáng các hào quang như là ngọn lửa.

2536. Tôi đã cầm lấy bông hoa aggaja và đã đi đến gần đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật [bông hoa ấy].

2537. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2538. [Trước đây] hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[8] *Paṇṇadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lá cây (*paṇṇa*)."

[9] *Kuṭidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) liêu cốc (*kuṭi*)."

2539. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

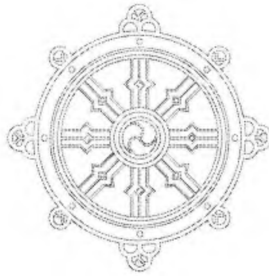
Đại đức Trưởng lão Aggajapupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aggajapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị tán dương, một bữa ăn, giàn hỏa thiêu, bông hoa campaka, bông hoa sattapāṭali, đôi dép, bó hoa, lá cây, vị dâng cúng cái chòi, bông hoa aggaja; và các câu kệ đã được tính đếm ở đây là bốn mươi mốt câu cả thảy.

Phẩm Thomaka là phẩm thứ hai mươi sáu.



[10] *Aggajapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aggaja."

XXVII. PHẨM ĀKĀSUKKHIPIYA
(*ĀKĀSUKKHIPIYAVAGGO*)

261. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA
(*Ākāsukkhipiyattherāpadānaṃ*)

2540. Trong khi đấng Nhân Ngưu Siddhattha có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ, tôi đã cầm lấy hai bông hoa cao quý mọc ở trong nước và đã đi đến gặp Ngài.

2541. Tôi đã đặt xuống một bông hoa ở các bàn chân của đức Phật tối thượng, và tôi đã cầm lấy một bông hoa rồi đã thảy lên không trung.

2542. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2543. Trước đây ba mươi hai kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Antalikkhacara, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2544. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ākāsukkhipiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ākāsukkhipiya" là phần thứ nhất.

262. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA
(*Telamakkhiyattherāpadānaṃ*)

2545. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Nhân Ngưu đã Niết-bàn, ngay khi ấy tôi đã thoa dầu ở vòng rào chắn của cội cây Bồ-đề.

2546. Kể từ khi tôi đã thoa dầu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa [dầu].

2547. Trước đây hai mươi bốn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Succhavi, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2548. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Telamakkhiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Telamakkhiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Ākāsukkhipiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc thảy lên (*ukkhepa*) không trung (*ākāsa*)."

[2] *Telamakkhiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc thoa (*makkhana*) dầu (*tela*)."

263. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AḌḌHACANDIYA (*Aḍḍhacandiyattherāpadānaṃ*)

2549. Bông hoa aḍḍhacanda đã được tôi dâng cúng ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Tissa là loại thảo mộc sanh trưởng ở trên trái đất.

2550. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

2551. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Devala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aḍḍhacandiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aḍḍhacandiya" là phần thứ ba.

264. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA (*Padīpiyattherāpadānaṃ*)

2553. Lúc bấy giờ, trong khi là vị thiên nhân, tôi đã ngự xuống trái đất. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng năm ngọn đèn.

2554. Kể từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đèn.

2555. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2556. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padīpiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padīpiya" là phần thứ tư.

265. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḶĀLIDĀYAKA (*Biḷālidāyakattherāpadānaṃ*)

2557. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Romaso. Ở tại chân ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập.

2558. Tôi đã cầm lấy củ biḷālī và đã dâng cúng đến vị Sa-môn. Bậc Đại Hùng, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ rằng:

2559. "Ngươi đã dâng cúng củ biḷālī đến Ta với tâm ý trong sạch. Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, quả báo sẽ sanh khởi đến ngươi."

2560. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng củ biḷālī trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của củ biḷālī.

---

[3] *Aḍḍhacandiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa aḍḍhacandiya."

[4] *Padīpiya* nghĩa là "vị liên quan đến ngọn đèn (*padīpa*)."

2561. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Biḷālidāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Biḷālidāyaka" là phần thứ năm.

266. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MACCHADĀYAKA (*Macchadāyakattherāpadānaṃ*)

2562. Lúc bấy giờ, tôi đã là con chim ưng ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã gắp lấy con cá lớn và đã dâng cúng đến bậc Hiền Trí Siddhattha.

2563. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con cá trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con cá.

2564. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Macchadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Macchadāyaka" là phần thứ sáu.

267. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAṂSAKA (*Javahaṃsakattherāpadānaṃ*)

2565. Lúc bấy giờ, tôi đã là lính kiểm lâm ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Siddhattha đang di chuyển ở trên không trung.

2566. Trong khi ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo.

2567. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

2568. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Javahaṃsaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Javahaṃsaka" là phần thứ bảy.

268. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA (*Salalapupphiyattherāpadānaṃ*)

2569. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī được bao phủ bằng mạng lưới hào quang.

2570. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy bông hoa salala và đã rải rắc đến [đức Phật] Vipassī.

2571. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt

---

[5] *Biḷālidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ biḷālī."

[6] *Macchadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cá (*maccha*)."

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalapupphiya" là phần thứ tám.

269. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀGATĀSAYA (*Upāgatāsayattherāpadānaṃ*)

2573. Ở trung tâm của núi Hy-mã-lạp có cái hồ nước đã khéo được tạo lập. Tôi đã là loài quỷ dữ ở tại nơi ấy, có bản chất quấy rối, là kẻ gây nên nỗi hãi sợ.

2574. Có ý muốn tiếp độ tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī ấy đã đi đến gặp tôi.

2575. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã đi ra khỏi nơi trú ẩn và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư.

2576. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

2577. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāgatāsaya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upāgatāsaya" là phần thứ chín.

270. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

2578. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói là bậc xứng đáng sự cúng dường. Bậc Đạo Sư dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đã đứng ở bờ sông.

2579. Thuyền bè là phương tiện vượt qua biển cả không được tìm thấy ở tại nơi ấy. Tôi đã đi ra khỏi dòng sông và đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông].

2580. [Kể từ khi] tôi đã đưa bậc Tối Thượng Nhân sang [sông] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

2581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Taraṇiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇiya" là phần thứ mười.

---

[7] *Salalapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) salala."

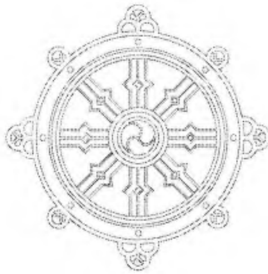
[8] *Upāgatāsaya* nghĩa là "vị có chỗ ngụ (*āsaya*) đã được đức Phật đi đến gần (*upāgata*)."

[9] *Taraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đưa sang (*taraṇa*) sông."

Phần tóm lược

Vị có sự thảy lên [bông hoa], dầu thoa, vị có [bông hoa] aḍḍhacanda, vị dâng cúng cây đèn, vị dâng cúng củ biḷālī, con cá, vị tên Javahaṃsaka, vị dâng cúng bông hoa salala, loài quỷ dữ, vị đưa sang [sông] là mười. Và ở đây được ghi nhận là bốn mươi mốt câu kệ cả thảy.

Phẩm Ākāsukkhipiya là phẩm thứ hai mươi bảy.



XXVIII. PHẨM SUVAṆṆABIMBOHANA (*SUVAṆṆABIMBOHANAVAGGO*)

271. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAṆṆABIMBOHANIYA (*Suvaṇṇabimbohaniyattherāpadānaṃ*)

2582. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một cái ghế. Và tôi đã dâng lên cái gối nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2583. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cái gối trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái gối.

2584. Trước đây vào kiếp thứ sáu mươi ba, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Asama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2585. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Suvaṇṇabimbohaniya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Suvaṇṇabimbohaniya" là phần thứ nhất.

272. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TILAMUṬṬHIDĀYAKA (*Tilamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

2586. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã đi đến bằng thần thông với thân được tạo thành bởi ý.

2587. Khi Ngài đang đi đến gần, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư, đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng [một] nắm hạt mè.

2588. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm hạt mè.

2589. Trước đây mười sáu kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Nandiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2590. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tilamuṭṭhidāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tilamuṭṭhidāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Suvaṇṇabimbohaniya* nghĩa là "vị liên quan đến cái gối (*bimbohana*) vàng (*suvaṇṇa*)."

[2] *Tilamuṭṭhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nắm tay (*muṭṭhi*) hạt mè (*tila*)."

273. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAṄGOṬAKIYA
(*Caṅgoṭakiyattherāpadānaṃ*)

2591. [Đức Phật Siddhattha] sống ở trong vùng đồi núi kề cận biển cả. Sau khi đi ra tiếp đón [Ngài] tôi đã thực hiện và đã dâng cúng cái hộp [đựng bông hoa].

2592. Sau khi dâng cúng cái hộp đựng bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả chúng sanh, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2593. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cái hộp trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái hộp.

2594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Caṅgoṭakiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Caṅgoṭakiya" là phần thứ ba.

274. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA
(*Abbhañjanadāyakattherāpadānaṃ*)

2595. Đức Thế Tôn Koṇḍañña là vị có tâm bình đẳng như hư không, có thiền chứng không bị chướng ngại, có tham ái đã được lìa bỏ như thế ấy.

2596. Bậc Đạo Sư, đấng Chúa Tể Của Loài Người là vị vượt qua tất cả si mê, là bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian, tôi đã dâng cúng thuốc cao đến Ngài.

2597. Kể từ khi tôi đã dâng cúng thuốc cao trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc cao.

2598. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Cirappa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abbhañjanadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka" là phần thứ tư.

275. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA
(*Ekañjaliyattherāpadānaṃ*)

2600. Tôi đã dâng cúng khu vực sinh sống [cô tịch] đến vị Sa-môn, bậc Đại Ẩn Sĩ đang cư ngụ tại cội cây sung, nơi tấm thảm lá cây đã được xác định.

---

[3] *Caṅgoṭakiya* nghĩa là "vị liên quan đến cái hộp (*caṅgoṭaka*)."

[4] *Abbhañjanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) thuốc cao (*abbhañjana*)."

2601. Sau khi chắp tay lên, tôi đã trải ra tấm thảm bằng bông hoa đến [đức Phật] Tissa, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.

2602. [Kể từ khi] tôi đã thực hiện tấm thảm bằng bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm.

2603. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là bậc thống lãnh loài người tên Ekañjalika, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2604. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekañjaliya" là phần thứ năm.

276. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO POTTHADĀYAKA
(*Potthadāyakattherāpadānaṃ*)

2605. Việc cúng dường tấm vải bạt đã được tôi dâng cúng ở đối tượng đáng được cúng dường vô thượng, trước tiên hết là bậc Đạo Sư, giáo pháp, và luôn cả hội chúng của bậc Đại Ẩn Sĩ nữa.

2606. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải bạt.

2607. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Potthadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Potthadāyaka" là phần thứ sáu.

277. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

2608. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã đặt ở giàn hỏa thiêu bảy bông hoa māluva.

2609. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường lễ hỏa táng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu.

2610. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Paṭijagga đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

2611. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Ekañjaliya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) chắp tay (*añjali*)."

[6] *Potthadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải bạt (*pottha*)."

[7] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

278. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA
(*Āluvadāyakattherāpadānaṃ*)

2612. Ở ngọn núi Hy-mã-lạp, có con sông Mahāsindhu có dáng hình xinh đẹp. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Sudassana; Ngài là bậc có tham ái đã được lìa bỏ, có ánh sáng rực rỡ.

2613. Sau khi nhìn thấy bậc được gắn liền với sự an tịnh tột bực, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng cúng rễ cây āluva đến Ngài.

2614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng rễ cây āluva trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của rễ cây āluva.

2615. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āluvadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āluvadāyaka" là phần thứ tám.

279. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUṆḌARĪKA
(*Ekapuṇḍarīkattherāpadānaṃ*)

2616. Lúc bấy giờ, đấng Tự Chủ tên Romasa là bậc có sự hành trì tốt đẹp. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng [đến Ngài].

2617. Kể từ khi tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đóa hoa sen trắng.

2618. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapuṇḍarīka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapuṇḍarīka" là phần thứ chín.

280. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆĪYA (*Taraṇīyattherāpadānaṃ*)

2619. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cho xây dựng cây cầu ở đường lộ lớn gập ghềnh để giúp cho mọi người vượt qua [đoạn đường ấy].

2620. [Kể từ khi] tôi đã cho xây dựng cây cầu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

2621. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Samogadha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2622. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[8] *Āluvadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) rễ cây āluva."

[9] *Ekapuṇḍarīka* nghĩa là "vị có một (*eka*) đóa hoa sen trắng (*puṇḍarīka*)."

Đại đức Trưởng lão Taraṇīya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

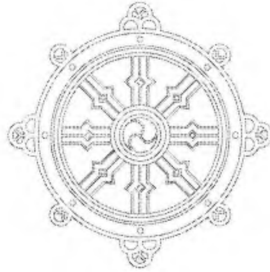
"Ký sự về Trưởng lão Taraṇīya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vàng, nắm hạt mè, cái hộp, thuốc cao, sự chắp tay, vị có tấm vải bạt, giàn hỏa thiêu, rễ cây āluva, một đóa hoa sen trắng, với cây cầu; [tổng cộng] có bốn mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Suvaṇṇabimbohana là phẩm thứ hai mươi tám.

(Dứt tụng phẩm thứ mười một).



[10] *Taraṇīya* nghĩa là "vị liên quan đến việc vượt qua (*taraṇa*)."

XXIX. PHẨM PAṆṆADĀYAKA (PAṆṆADĀYAKAVAGGO)

281. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṆṆADĀYAKA (Paṇṇadāyakattherāpadānaṃ)

2623. Tôi đã ngồi xuống trong gian nhà lá, có bữa ăn là vật thực bằng lá cây. Bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi trong lúc tôi đang ngồi.

2624. Bậc Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha là người thầy thuốc của tất cả thế gian. Khi Ngài đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cây, tôi đã dâng cúng lá cây đến Ngài.

2625. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây.

2626. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṇṇadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṇṇadāyaka" là phần thứ nhất.

282. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA (Phaladāyakattherāpadānaṃ)

2627. [Đức Phật Siddhattha] ấy có sự an tịnh sánh bằng núi Sineru, tợ như vật nâng đỡ trái đất, sau khi xuất khỏi thiền định đã đi đến gần tôi về việc khất thực.

2628. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhīṭaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

2629. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng tất cả thức ăn ấy đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, vị Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả thế gian.

2630. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2631. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Ekajjha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2632. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Paṇṇadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lá cây (*paṇṇa*)."

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ nhì.

283. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA
(*Paccuggamaniyattherāpadānaṃ*)

2633. Bậc Nhân Ngưu đang đi đến, giống như loài sư tử lang thang ở trong rừng, giống như loài bò mộng thuần chủng, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

2634. Với tâm ý trong sạch, tôi đã thực hiện việc đi ra tiếp đón đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha, vị thầy thuốc của tất cả thế gian.

2635. [Kể từ khi] tôi đã đi ra tiếp đón đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi ra tiếp đón.

2636. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Saparivāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2637. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccuggamaniya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paccuggamaniya" là phần thứ ba.

284. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA
(*Ekapupphiyattherāpadānaṃ*)

2638. Lúc bấy giờ, tôi đã là con yêu tinh ở cánh cổng phía Nam. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng.

2639. Tôi đã dâng cúng một bông hoa đến bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, vị Có Sự Tầm Cầu Lợi Ích Cho Tất Cả Thế Gian, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2640. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapupphiya" là phần thứ tư.

---

[2] *Phaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*)."

[3] *Paccuggamaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đi ra tiếp đón (*paccuggamana*)."

[4] *Ekapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) bông hoa (*puppha*)."

285. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA (*Maghavapupphiyattherāpadānaṃ*)

2642. Ở bờ sông Nammadā, có đấng Tự Chủ là bậc Không Bị Đánh Bại. Ngài đã chứng đạt thiền định, được thanh tịnh, không bị chộn rộn.

2643. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại, tôi đã được tịnh tín, có tâm ý vui mừng. Khi ấy, tôi đã dâng cúng đấng Tự Chủ ấy với bông hoa maghava.

2644. Kể từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maghavapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maghavapupphiya" là phần thứ năm.

286. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPAṬṬHĀKADĀYAKA (*Upaṭṭhākadāyakattherāpadānaṃ*)

2646. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Long Tượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đang bước đi ở đường lộ.

2647. Sau khi cho người thỉnh mời bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian ấy, tôi đã dâng cúng người phục vụ đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha.

2648. Sau khi tiếp nhận, đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí đã gởi trả lại [người phục vụ cho tôi], rồi đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và ra đi, mặt hướng phía Đông.

2649. Kể từ khi tôi đã dâng cúng người phục vụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2650. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Balasena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2651. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upaṭṭhākadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upaṭṭhākadāyaka" là phần thứ sáu.

287. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO APADĀNIYA (*Apadāniyattherāpadānaṃ*)

2652. Tôi đã ca ngợi sự nghiệp của các đấng Thiện Thệ đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

---

[5] *Maghavapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) maghava."

[6] *Upaṭṭhākadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) người phục vụ (*upaṭṭhāka*)."

Được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bằng đầu và bằng các bàn tay của mình ở bàn chân [của bậc Đại Ẩn Sĩ].

2653. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca sự nghiệp [của chư Phật] trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

2654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Apadāniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Apadāniya" là phần thứ bảy.

288. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA (*Sattāhapabbajitattherāpadānaṃ*)

2655. Hội chúng của đức Thế Tôn Vipassī là được tôn sùng kính trọng. Có điều bất hạnh đã xảy đến cho tôi là trước đây thân quyến đã có sự chia rẽ.

2656. Tôi đã đi đến sự xuất gia nhằm làm lắng dịu điều bất hạnh. Tại nơi ấy, do sự mong mỏi giáo pháp của bậc Đạo Sư, tôi đã được thỏa thích trong bảy ngày.

2657. Kể từ khi tôi đã xuất gia trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc xuất gia.

2658. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị lãnh chúa được biết đến với tên "Sunikkhama" đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2659. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattāhapabbajita[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattāhapabbajita" là phần thứ tám.

289. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPAṬṬHĀKA (*Buddhupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2660. Lúc bấy giờ, tên của tôi là Veṭambarī. Người cha của tôi đã nắm lấy cánh tay của tôi và đã đưa tôi đến bậc Đại Hiền Trí.

2661. [Nghĩ rằng]: "Chư Phật này, các đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian sẽ chỉ dạy cho ta." Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình phục vụ các vị ấy một cách tôn kính.

2662. Kể từ khi tôi đã chăm sóc chư Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2663. Trước đây hai mươi ba kiếp, bốn vị Sát-đế-ly [cùng] tên Samaṇupaṭṭhāka đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

---

[7] *Sattāhapabbajita* nghĩa là "vị đã xuất gia (*pabbajita*) bảy (*satta*) ngày (*aha*)."

2664. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka" là phần thứ chín.

290. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUBBAṄGAMIYA
(*Pubbaṅgamiyattherāpadānaṃ*)

2665. Nhằm đạt đến mục đích tối thượng, chúng tôi tám mươi bốn ngàn người đã xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong số các vị ấy, tôi đã là người đứng đầu.

2666. Và các vị này được thanh tịnh, không bị chộn rộn, dầu còn tham ái và còn sự tái sanh. Được tịnh tín, các vị này đã tự tay phục vụ [chư Thánh nhân] một cách tôn kính.

2667. Có các lậu hoặc đã được đoạn tận, có sân hận đã được tống khứ, có phận sự đã được hoàn thành, không còn lậu hoặc, các đấng Tự Chủ không bị đánh bại đã lan tỏa với tâm từ ái.

2668. Sau khi phục vụ chư vị đã tự mình giác ngộ, tôi có được niệm, nhưng tôi đã gần kề sự chết. Và chúng tôi đã đi đến bản thể chư thiên.

2669. [Kể từ khi] tôi đã gìn giữ giới hạnh trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tự chế ngự.

2670. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pubbaṅgamiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pubbaṅgamiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Lá cây, [các] trái cây, sự đi ra tiếp đón, vị có một bông hoa, [vị có] bông hoa maghava, người phục vụ, sự nghiệp [của chư Phật], sự xuất gia, vị phục vụ chư Phật, vị đứng đầu; [tổng cộng] có bốn mươi tám câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Paṇṇadāyaka là phần thứ hai mươi chín.

---

[8] *Buddhupaṭṭhāka* nghĩa là "vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) đức Phật (*buddha*)."

[9] *Pubbaṅgamiya* nghĩa là "liên quan đến vị đứng đầu, vị đi (*gam*) ở phía trước (*pubba*)."

XXX. PHẨM CITAKAPŪJAKA
(*CITAKAPŪJAKAVAGGO*)

291. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

2671. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Ajita. Có ý định dâng tặng vật hiến cúng, tôi đã thu thập nhiều loại bông hoa.

2672. Sau khi nhìn thấy giàn hỏa thiêu của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī đang bốc cháy, tôi đã đem số bông hoa ấy lại và đã rải rắc ở giàn hỏa thiêu.

2673. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2674. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vị thống lãnh loài người [cùng] tên Supajjalita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2675. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ nhất.

292. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHADHĀRAKA
(*Pupphadhārakattherāpadānaṃ*)

2676. Tôi đã là vị mang y phục bằng vỏ cây, có y choàng là tấm da dê, có năm thắng trí đã được phát sanh, là người chạm đến mặt trăng.

2677. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī đã ngự đến chỗ tôi, tôi đã nắm giữ những bông hoa san hô [hình chiếc lọng] che cho bậc Đạo Sư.

2678. [Kể từ khi] tôi đã nắm giữ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nắm giữ.

2679. Trước đây tám mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantadhārana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2680. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

Đại đức Trưởng lão Pupphadhāraka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphadhāraka" là phần thứ nhì.

293. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CHATTADĀYAKA
(*Chattadāyakattherāpadānaṃ*)

2681. Lúc bấy giờ, người con trai của tôi đã xuất gia, có trang phục là y ca-sa. Và vị ấy đã đạt được bản thể của vị Phật, đã Niết-bàn, được thế gian tôn vinh.

2682. Trong lúc tìm hiểu về [tăm tích] người con trai của mình, tôi đã đi lần theo ở phía sau. Tôi đã đi đến giàn hỏa thiêu của con người vĩ đại đã được Niết-bàn.

2683. Ở tại nơi ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ giàn hỏa thiêu. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc lọng trắng và đã dâng lên.

2684. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chiếc lọng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

2685. Trước đây hai mươi lăm kiếp, bảy vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahāraha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Chattadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Chattadāyaka" là phần thứ ba.

294. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

2687. Khi mặt trời còn chưa mọc lên, đã có tiếng gầm rú dữ dội [báo hiệu] sự xuất hiện của đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ ở trên thế gian.

2688. Tại nơi ấy, tôi đã nghe được tiếng động nhưng tôi không nhìn thấy đấng Chiến Thắng ấy. Và khi sự chết đã gần kề, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng về đức Phật.

2689. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Pupphadhāraka* nghĩa là "vị nắm giữ (*dhāraka*) bông hoa (*puppha*)."

[3] *Chattadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc lọng che (*chatta*)."

[4] *Saddasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về âm thanh (*sadda*)."

295. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GOSĪSANIKKHEPAKA
(*Gosīsanikkhepakattherāpadānaṃ*)

2691. Sau khi rời khỏi cánh cổng của tu viện, tôi đã trải lót xương sọ của loài bò [ở con đường lầy lội]. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2692. [Tôi có] các loài ngựa dòng Sindhu thuần chủng có tốc độ của gió, có các phương tiện di chuyển nhanh chóng, tôi thọ hưởng tất cả [các] thứ này; điều này là quả báo của [việc trải lót] xương sọ của loài bò.

2693. Ôi, hành động đã khéo được thực hiện bởi tôi ở thửa ruộng tốt là hành động tuyệt vời. Việc khác không có giá trị bằng một phần [mười sáu] so với hành động đã được thực hiện ở nơi hội chúng.

2694. [Kể từ khi] tôi đã trải lót xương sọ của loài bò trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải lót.

2695. [Trước đây] bảy mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Suppatiṭṭhita, là người độc nhất có quyền uy vĩ đại, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2696. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gosīsanikkhepaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gosīsanikkhepaka" là phần thứ năm.

296. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPŪJAKA
(*Pādapūjakattherāpadānaṃ*)

2697. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng.

2698. Khi đức Phật Vipassī, đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy đi đến gần tôi, khi ấy tôi đã rải rắc trầm hương và luôn cả cỏ thơm ở bàn chân [Ngài].

2699. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bàn chân ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ở bàn chân.

2700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pādapūjaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pādapūjaka" là phần thứ sáu.

297. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DESAKITTAKA
(*Desakittakattherāpadānaṃ*)

2701-02. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Upasāḷhaka. Sau khi nhìn

---

[5] *Gosīsanikkhepaka* nghĩa là "vị đặt xuống (*nikkhepaka*) những cái sọ (*sīsa*) của loài bò (*go*)."

[6] *Pādapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ở bàn chân (*pāda*)."

thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đi sâu vào khu rừng rậm, tôi đã đảnh lễ vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian ở hai bàn chân. Biết được tôi có tâm đã được tịnh tín, đức Phật đã biến mất.

2703. Sau khi lìa khỏi khu rừng rậm, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Sau khi tán dương khu vực ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2704. [Kể từ khi] tôi đã tán dương khu vực ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Desakittaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Desakittaka" là phần thứ bảy.

298. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyatherāpadānaṃ*)

2706. Tôi đã là người thợ săn ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

2707. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, tôi đã làm công việc phục vụ. Và tôi đã đi đến nương nhờ đối với bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2708. [Kể từ khi] tôi đã đi đến nương nhờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ.

2709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamaniya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya" là phần thứ tám.

299. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPIṆḌIYA
(*Ambapiṇḍiyattherāpadānaṃ*)

2710. [Tôi đã là] người khổng lồ được nổi tiếng với tên là Romasa. Tôi đã dâng cúng một chùm trái xoài đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

2711. Kể từ khi tôi đã dâng cúng xoài trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái xoài.

2712. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambapiṇḍiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambapiṇḍiya" là phần thứ chín.

---

[7] *Desakittaka* nghĩa là "vị tán dương (*kittaka*) khu vực (*desa*)."

[8] *Saraṇagamaniya* nghĩa là "vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y."

[9] *Ambapiṇḍiya* nghĩa là "vị liên quan đến chùm (*piṇḍa*) xoài (*amba*)."

300. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANUSAṂSĀVAKA
(*Anusaṃsāvakattherāpadānaṃ*)

2713. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī đang đi khất thực. Tôi đã dâng lên một vá thức ăn đến đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2714. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã đảnh lễ và tôi đã ngợi ca đức Phật nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2715. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca [đức Phật] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca [đức Phật].

2716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anusaṃsāvaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anusaṃsāvaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Giàn hỏa thiêu, bông hoa san hô, chiếc lọng [trắng], tiếng động, việc trải lót xương sọ của loài bò, [vị đảnh lễ] bàn chân, [vị tán dương] khu vực, sự nương nhờ, trái xoài, và luôn cả vị ngợi ca [đức Phật]; [tổng cộng] có bốn mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Citakapūjaka là phẩm thứ ba mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Bông hoa kaṇikāra, vị cúng dường voi, vật tựa [lưng], chỗ ngồi và nước, hạt tuvara nướng, vị tán dương và luôn cả việc thảy lên [không trung], gối kê đầu, vị dâng cúng lá cây và vị cúng dường lễ hỏa táng; toàn bộ các câu kệ ở đây là bốn trăm năm mươi mốt câu.

Tất cả gồm có hai ngàn năm trăm và bảy mươi hai câu thêm vào đó nữa. [Tổng cộng] có ba trăm ký sự đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Nhóm "Một trăm" thứ ba được đầy đủ.

---

[10] *Anusaṃsāvaka* nghĩa là "vị ngợi ca (*anusaṃsāvaka*) đức Phật."

XXXI. PHẨM PADUMAKESARIYA
(*PADUMAKESARIYAVAGGO*)

301. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKESARIYA
(*Padumakesariyattherāpadānaṃ*)

2717. Trong thời quá khứ, tôi đã là con voi ở hội chúng các vị Đại Ẩn Sĩ. Do niềm tịnh tín, tôi đã rải rắc nhụy của hoa sen đến các bậc Đại Ẩn Sĩ.

2718. Các đấng Chiến Thắng Độc Giác tối thượng là những vị có các ái đã được giũ bỏ như thế ấy. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở các vị ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2719. Kể từ khi tôi đã rải rắc nhụy hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2720. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumakesariya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumakesariya" là phần thứ nhất.

302. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAGANDHIYA
(*Sabbagandhiyattherāpadānaṃ*)

2721. Tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. Tôi đã dâng cúng tấm vải thượng hạng bằng tơ lụa đến bậc có bản thể chính trực.

2722. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thơm.

2723. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Sucela, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbagandhiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbagandhiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Padumakesariya* nghĩa là "vị liên quan đến việc rải rắc nhụy (*kesara*) sen hồng (*paduma*)."

[2] *Sabbagandhiya* nghĩa là "vị liên quan đến tất cả (*sabba*) các loại hương thơm (*gandha*)."

303. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PARAMANNADĀYAKA
(*Paramannadāyakattherāpadānaṃ*)

2725. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng, tợ như mặt trời đang mọc lên.

2726. Tôi đã chắp tay lên và đã rước Ngài về nhà của mình. Sau khi đã rước đấng Toàn Giác [về nhà], tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng.

2727. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực thượng hạng.

2728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paramannadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paramannadāyaka" là phần thứ ba.

304. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAÑÑAKA
(*Dhammasaññakattherāpadānaṃ*)

2729. Đã có lễ hội ở cội Đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī đúng vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngự ở cội cây.

2730. Vào thời điểm ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn [đã] công bố về bốn sự thật, trong lúc thốt lên với lời nói hùng tráng.

2731. Trong khi thuyết giảng một cách giản lược và trong khi thuyết giảng một cách chi tiết, đấng Toàn Giác, bậc Đã Phơi Bày Điều Bị Che Lấp đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn.

2732. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

2733. Kể từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về giáo pháp.

2734. Trước đây ba mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Sutavā, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2735. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Paramannadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*anna*) thượng hạng (*parama*)."

Đại đức Trưởng lão Dhammasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammasaññaka" là phần thứ tư.

305. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

2736. Lúc bấy giờ, đã có khu ẩn cư ở bờ sông Bhāgīrathī. Có sự mong cầu, tôi đã đi đến khu ẩn cư ấy, tay cầm trái cây.

2737. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Vipassī tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư tất cả trái cây mà tôi có.

2738. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2739. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ năm.

306. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMPASĀDAKA
(*Sampasādakattherāpadānaṃ*)

2740. Bạch đức Phật Anh Hùng, con kính lễ Ngài! Ngài đã được giải thoát về mọi phương diện. Vì con đã bị lâm vào cảnh bất hạnh, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ của con đây.

2741. Đức Siddhattha, bậc Không Người Đối Địch Ở Thế Gian đã chú nguyện cho tôi đây rằng: "Hội chúng là vô thượng, không thể đo lường, sánh bằng biển lớn.

2742. Ngươi hãy làm cho tâm được tịnh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn, nguồn ban phát kết quả vô cùng tận. Ngươi đã gieo hạt giống tốt, ngươi hãy trồng tỉa ở tại nơi ấy."

2743. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã chỉ dạy cho tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2744. Khi bậc Toàn Tri, đấng Nhân Ngưu, vừa mới ra đi không bao lâu, tôi đã gần kề sự chết, và tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

2745. Khi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn, nguồn ban phát kết quả vô cùng tận, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2746. Kể từ khi tôi đã đạt được niềm tịnh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của niềm tịnh tín.

---

[4] *Dhammasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về giáo pháp (*dhamma*)."

[5] *Phaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*)."

2747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sampasādaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sampasādaka" là phần thứ sáu.

307. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRĀMADĀYAKA
(*Ārāmadāyakattherāpadānaṃ*)

2748. Tự viện của đức Thế Tôn Siddhattha đã được tôi tạo dựng trong khi các con chim được yên lặng ở những cội cây có bóng râm dày đặc.

2749. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị thọ nhận các vật hiến cúng. Tôi đã bàn giao tu viện đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

2750. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng trái cây và bông hoa. Sau đó, có niềm tịnh tín đã được sanh lên, tôi đã chuyển giao khu rừng ấy.

2751. Bất cứ vật gì tôi đã dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch [đều có] quả báo sanh khởi đến tôi trong khi tôi tái sanh vào cõi hữu.

2752. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tu viện trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tu viện.

2753. Trước đây ba mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Mudusītala đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2754. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārāmadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ārāmadāyaka" là phần thứ bảy.

308. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA
(*Anulepadāyakattherāpadānaṃ*)

2755. Tôi đã nhìn thấy vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Atthadassī. Trong khi vị ấy đang xây dựng công trình mới ở trong khuôn viên [tu viện], tôi đã đi đến gần [nơi ấy].

2756. Và khi công trình mới đã được hoàn thành, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng ở phước điền vô thượng, tôi đã dâng cúng lớp vữa tô.

2757. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lớp vữa tô.

2758. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[6] *Sampasādaka* nghĩa là "vị tự tạo niềm tin (*pasādaka*) cho chính mình (*sam*)."

[7] *Ārāmadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tu viện (*ārāma*)."

Đại đức Trưởng lão Anulepadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anulepadāyaka" là phần thứ tám.

309. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

2759-60. Trong giấc mơ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng, đang đi vào bên trong khu rừng. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã sanh lên nhàn cảnh.

2761. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2762. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ chín.

310. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PABBHĀRADĀYAKA
(*Pabbhāradāyakattherāpadānaṃ*)

2763. Sườn núi đã được tôi làm sạch sẽ dành cho đức Thế Tôn Piyadassī. Và tôi đã bố trí lu nước cho việc sử dụng của vị [Phật] như thế ấy.

2764-65. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã chú nguyện về việc ấy cho tôi rằng: "Tòa lâu đài ấy có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, và châu báu không phải là ít sẽ được sanh lên [cho ngươi]." Sau khi dâng cúng vật thí là sườn núi, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2766. Trước đây ba mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Susuddha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2767. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pabbhāradāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pabbhāradāyaka" là phần thứ mười.

---

[8] *Anulepadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vữa tô (*anulepa*)."

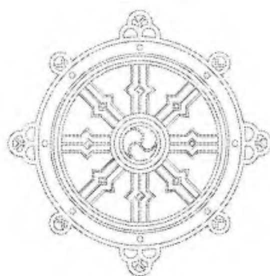
[9] *Buddhasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về đức Phật (*buddha*)."

[10] *Pabbhāradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sườn núi (*pabbhāra*)."

Phần tóm lược

Tua nhụy, vật thơm và vật thực, vị có sự suy tưởng về giáo pháp, và [cúng dường] bằng trái cây, niềm tịnh tín, và vị dâng cúng tu viện, lớp vữa tô, vị suy tưởng về đức Phật, và vị dâng cúng sườn núi; [tổng cộng] có năm mươi mốt câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Padumakesariya là phẩm thứ ba mươi mốt.



XXXII. PHẨM ĀRAKKHADĀYAKA
(*ĀRAKKHADĀYAKAVAGGO*)

311. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA
(*Ārakkhadāyakattherāpadānaṃ*)

2768. Hàng rào đã được tôi cho xây dựng đến bậc Hiền Trí Dhammadassī. Và sự bảo vệ đã được tôi dâng cúng đến bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2769. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

2770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ārakkhadāyaka" là phần thứ nhất.

312. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHOJANADĀYAKA
(*Bhojanadāyakattherāpadānaṃ*)

2771. Đấng Chiến Thắng luôn luôn chiếu sáng tợ như cây sāla non trẻ đã được mọc lên tốt đẹp, tợ như cây sobhañjana đã vươn cao, tợ như tia sét ở trên bầu trời.

2772. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng vật thực đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū, vị Trời Của Chư Thiên ấy.

2773. Đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ về vật [cúng dường] ấy đến tôi rằng: "Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, mong rằng quả báo sanh khởi đến ngươi."

2774. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực.

2775. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amittabha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2776. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhojanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhojanadāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Ārakkhadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sự bảo vệ (*ārakkha*)."

[2] *Bhojanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*bhojana*)."

313. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA
(*Gatasaññakattherāpadānaṃ*)

2777. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhattha đang di chuyển ở khoảng không của cõi trời. Và không có dấu chân [được lưu lại] ở bầu trời, ở trên không trung, ở lớp khí quyển.

2778. Sau khi nhìn thấy sự di chuyển của bậc Hiền Trí và nhìn thấy y của đấng Chánh Đẳng Giác bị lay động bởi làn gió, niềm hạnh phúc đã lập tức sanh khởi đến tôi.

2779. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2780. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gatasaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gatasaññaka" là phần thứ ba.

314. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPADUMIYA
(*Sattapadumiyattherāpadānaṃ*)

2781. Tôi là vị Bà-la-môn tên Nesāda sống ở bờ sông. Tôi đã quét dọn khu ẩn cư bằng những bông hoa [sen] có trăm cánh.

2782. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha có màu da vàng chói, đang di chuyển qua khu rừng, niềm vui đã sanh khởi đến tôi.

2783. Sau khi đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã rước [Ngài] về khu ẩn cư và đã rải rắc [đến Ngài] với những đóa hoa sen hạng nhất.

2784. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2785. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng tên] Pādapāvara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2786. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattapadumiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattapadumiya" là phần thứ tư.

---

[3] *Gatasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về đức Phật đã đi qua (*gata*)."

[4] *Sattapadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến bảy (*satta*) đóa sen hồng (*paduma*)."

315. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHĀSANADĀYAKA
(*Pupphāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2787. Đấng Toàn Giác Siddhattha, bậc Không Bị Đánh Bại, có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia sáng, đang đi ở không xa.

2788. Tôi đã đi ra tiếp đón và đã đưa Ngài đi vào khu ẩn cư. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chỗ ngồi bằng bông hoa.

2789. Khi ấy, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, tôi đã ước nguyện về nghiệp ấy rằng:

2790. "Có phước thiện nào đã được tôi thực hiện ở đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, do nhờ tất cả [các] thiện nghiệp ấy, mong rằng tôi được vô nhiễm ở trong giáo pháp."

2791. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chỗ ngồi bằng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chỗ ngồi bằng bông hoa.

2792. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphāsanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphāsanadāyaka" là phần thứ năm.

316. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANATTHAVIKA
(*Āsanatthavikattherāpadānaṃ*)

2793. Ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī tên là Uttama. Lúc bấy giờ, tôi đã mò mẫm lang thang ở trong khu rừng hoang vắng.

2794. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, tôi đã nhìn thấy ngôi bảo tọa sư tử. Tôi đã khoác y một bên vai, đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

2795. Sau khi đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian hết một khoảng thời gian trong ngày, [tôi đã] trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã thốt lên lời nói này:

2796. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, bạch đấng Nhân Ngưu, Ngài là đấng Toàn Tri."

2797. Bằng cách lấy Ngài làm đối tượng, tôi đã ngợi ca đức Phật Sikhī và đã đảnh lễ ngôi bảo tọa, sau đó tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

2798. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đấng cao quý trong số các vị đang thuyết giảng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

---

[5] *Pupphāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chỗ ngồi (*āsana*) bằng bông hoa (*puppha*)."

2799. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Atulya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2800. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āsanatthavika[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āsanatthavika" là phần thứ sáu.

317. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

2801. Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, đấng Đại Hùng có vóc dáng tốt đẹp, được tháp tùng bởi các bậc Thinh văn, cư ngụ ở căn nhà tối thượng.

2802. Bằng lời nói ngọt ngào ấy, Ngài [đã] thu hút đám đông dân chúng. Lời giảng đã vang vang và bao quát ở chư thiên và nhân loại.

2803. Sau khi lắng nghe âm thanh vang vang của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm thanh và tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

2804. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ bảy.

318. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIRAṂSIYA
(*Tiraṃsiyattherāpadānaṃ*)

2806. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] Siddhattha đang chiếu sáng tất cả các phương ở trong vùng đồi núi, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như khối lửa ở ngọn núi.

2807. Sau khi nhìn thấy ánh sáng của đức Phật, ánh sáng của mặt trời, và tương tợ như thế ấy là ánh sáng của mặt trăng, niềm hạnh phúc đã sanh khởi đến tôi.

2808. Sau khi nhìn thấy ba loại ánh sáng, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng của các vị Thinh văn.

2809. Bởi vì ở thế gian có ba nguồn ánh sáng xua đuổi bóng tối ở trên đời là mặt trăng, mặt trời, và đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

---

[6] *Āsanatthavika* nghĩa là "vị ngợi ca (*thavika*) ngôi bảo tọa (*āsana*)."

[7] *Saddasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về âm thanh (*sadda*)."

2810. Tôi đã trình bày ví dụ so sánh và đã tán dương bậc Đại Hiền Trí. Sau khi tán dương vẻ đẹp của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2811. Kể từ khi tôi đã tán dương đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2812. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là vị độc nhất tên Ñāṇadhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2813. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiraṃsiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiraṃsiya" là phần thứ tám.

319. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KANDALIPUPPHIYA (*Kandalipupphiyattherāpadānaṃ*)

2814. Lúc bấy giờ, tôi đã là người nông dân ở bờ sông Sindhu. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [sống] lệ thuộc vào vật thực của người khác.

2815. Trong lúc đi dọc theo sông Sindhu, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhattha đang ngồi thiền định, tợ như đóa hoa sen đã nở rộ.

2816. Khi ấy, tôi đã ngắt bảy bông hoa kandali ở cuống hoa. Tôi đã dâng lên ở đỉnh đầu của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời.

2817. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, được định tĩnh trong [đề mục] thích hợp, tợ như loài voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi khó mà tiếp cận.

2818. Sau khi đi đến gần vị [có tính] cẩn trọng, có [các] giác quan đã được tu tập ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

2819. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2820. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kandalipupphiya" là phần thứ chín.

320. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA (*Kumudamāliyattherāpadānaṃ*)

2821. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Đại Hùng Vipassī, vị Anh Hùng ưu tú cao quý, bậc Đại Ẩn Sĩ có sự chinh phục, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý.

2822. Khi bậc Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang bước đi ở đường lộ, tôi đã cầm lấy tràng hoa kumuda và đã rải rắc đến đức Phật tối thượng.

---

[8] *Tiraṃsiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) nguồn ánh sáng (*raṃsi*)."

2823. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2824. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

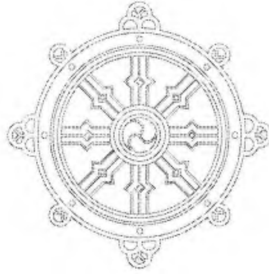
Đại đức Trưởng lão Kumudamāliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumudamāliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dâng cúng sự bảo vệ, vị dâng cúng vật thực, vị có sự suy tưởng về đức Phật đã đi qua, vị liên quan đến đóa hoa sen, vị có chỗ ngồi bằng bông hoa, vị ca ngợi, vị có sự suy tưởng về âm thanh, ba loại hào quang, vị có hoa kandali, vị có hoa kumuda, [tổng cộng] có năm mươi bảy câu kệ.

Phẩm Ārakkhadāyaka là phẩm thứ ba mươi hai.



[9] *Kumudamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) kumuda."

XXXIII. PHẨM UMMĀPUPPHIYA
(*UMMĀPUPPHIYAVAGGO*)

321. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA
(*Ummāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2825. Tôi đã nhìn thấy đấng Tối Thượng Nhân, bậc Không Bị Đánh Bại Siddhattha đã được định tĩnh, đã được đạt đến và đã nhập vào thiền định.

2826. Tôi đã cầm lấy bông hoa ummā và đã dâng lên đức Phật. Tất cả các bông hoa có đầu quay về một hướng, có cuống hoa ở phía trên, có miệng hoa ở phía dưới.

2827. Trong khi ngự ở trên không trung, chúng có nhiều màu sắc tợ như chiếc thảm bông hoa. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

2828. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2829. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacchadana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2830. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ummāpupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ummāpupphiya" là phần thứ nhất.

322. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA
(*Pulinapūjakattherāpadānaṃ*)

2831. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Nhân Ngưu đang chiếu sáng, trông tợ như cây kakudha đang chói sáng, giống như con bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhī đang tỏa rạng.

2832. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, tôi đã ngợi ca đấng Đạo Sư.

2833. Sau khi nhặt lấy cát vô cùng trong sạch và túm lại bằng vạt váy, tôi đã rải rắc ở con đường đã đi qua của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

---

[1] *Ummāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ummā."

2834. Sau đó, với tâm ý trong sạch tôi đã rải xuống một nửa số cát ở chỗ nghỉ ngơi ban ngày của bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2835. [Kể từ khi] tôi đã rải xuống số cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát.

2836. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinapūjaka" là phần thứ nhì.

323. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HĀSAJANAKA (*Hāsajanakattherāpadānaṃ*)

2837. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã nâng tấm y lên cao hơn nữa.

2838. Sau khi nhìn lại từ đàng xa, nụ cười đã sanh khởi đến tôi. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín hơn nữa.

2839. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hāsajanaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Hāsajanaka" là phần thứ ba.

324. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YAÑÑASĀMIKA (*Yaññasāmikattherāpadānaṃ*)

2841. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã là người thông thạo về chú thuật. Tôi đã duy trì truyền thống gia tộc, sự tế lễ đã được tôi khuyến khích.

2842. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn con thú bị giết chết bởi tôi. Chúng đã bị đưa lại ở cột trụ bằng lõi cây và được sẵn sàng cho mục đích tế lễ.

2843. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trăng vào ngày rằm.

2844. Đấng Toàn Giác Siddhattha, vị Đã Hoàn Thành Tất Cả Phận Sự, bậc Đem Lại Phúc Lợi Được Tôn Kính Bởi Tam Giới đã đi đến gần và đã nói lời nói này:

2845. "Này người trai trẻ, việc không hãm hại sanh mạng của mọi loài; sự xa lánh việc trộm cắp, việc gian dâm và việc uống chất say khiến Ta được hoan hỷ.

---

[2] *Pulinapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) cát (*pulina*)."

[3] *Hāsajanaka* nghĩa là "vị làm sanh khởi (*janaka*) nụ cười (*hāsa*)."

2846. Và sự thích thú trong sở hành bình lặng, sự hiểu rộng, lòng biết ơn, các pháp này nên được ca ngợi ở thế giới này và thế giới khác.

2847. Sau khi làm phát triển những pháp này, được vui thích về sự lợi ích đối với tất cả chúng sanh, sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, hãy tu tập đạo lộ tối thượng."

2848. Sau khi đã nói lời này, sau khi đã chỉ dạy tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên không trung và ra đi.

2849. Tôi đã làm cho tâm được trong sạch trước, và sau đó đã làm cho tâm được tịnh tín. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

2850. [Kể từ khi] tôi đã làm cho tâm được tịnh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2851. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yaññasāmika[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yaññasāmika" là phần thứ tư.

325. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTASAÑÑAKA
(*Nimittasaññakattherāpadānaṃ*)

2852. Tôi sống ở khu ẩn cư tại bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy con nai màu vàng chói đang bước đi ở trong khu rừng.

2853. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở con nai, tôi đã tưởng nhớ đến đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã tưởng nhớ đến các vị Phật khác.

2854. Chư Phật nào thuộc thời quá khứ xa xăm, hiện tại và vị lai, ba [thời] chư Phật ấy chói sáng như thế ấy tợ như con nai chúa.

2855. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2856. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Araññasatta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nimittasaññaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nimittasaññaka" là phần thứ năm.

---

[4] *Yaññasāmika* nghĩa là "vị làm chủ (*sāmika*) lễ cúng tế (*yañña*)."

[5] *Nimittasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về hiện tướng (*nimitta*)."

326. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAṂSĀVAKA
(*Annasaṃsāvakattherāpadānaṃ*)

2858. Bậc Toàn Giác [Siddhattha], có màu da vàng chói tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ.

2859. Tôi đã rước bậc Toàn Giác Siddhattha, vị đã hoàn thành tất cả phận sự, bậc không còn dục vọng, vị không bị đánh bại, và tôi đã chăm lo bữa ăn đến bậc Đại Hiền Trí ấy.

2860. Khi ấy, bậc Hiền Trí, đấng Bi Mẫn Ở Thế Gian đã chiếu sáng đến tôi. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2861. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực.

2862. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Annasaṃsāvaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Annasaṃsāvaka" là phần thứ sáu.

327. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUṆḌIPUPPHIYA
(*Nigguṇḍipupphiyattherāpadānaṃ*)

2863. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng:

2864. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp.

2865. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố và không bị dao động cho đến hết cuộc đời."

2866. "Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh.

2867. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh."

2868. Do lòng thương tưởng này, chư thiên khi đã biết vị thiên nhân đang mệnh chung, thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa."

2869. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: "Bị mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?"

2870. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, đã đi đến gặp tôi.

[6] *Annasaṃsāvaka* nghĩa là "vị ngợi ca (*saṃsāvaka*) về việc dâng cúng vật thực (*anna*)."

2871. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumana. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động.

(Dứt tụng phẩm thứ mười hai).

2872. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc Trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

2873. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy. Trong khi sống ở trong bụng mẹ, tôi đã được người mẹ cưu mang lần nữa.

2874. Sau khi mệnh chung từ thân ấy, tôi đã được sanh về thế giới chư thiên. Khi ấy, tôi không nhận thấy tâm ưu phiền trong khoảng thời gian ấy.

2875. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đạo-lợi, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Sau khi ra khỏi bụng mẹ, tôi đã biết được [nghiệp] đen lẫn trắng.

2876. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã đi vào tu viện của đức Thế Tôn Gotama, người con trai của dòng Sakya như thế ấy.

2877. Khi Phật ngôn đã được lan rộng, khi giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết, tôi đã nhìn thấy ở tại nơi ấy những vị thực hành giáo pháp, những vị Tỳ-khưu của bậc Đạo Sư.

2878. Có thành phố tên là Sāvatthi, đức vua xứ Kosala ngự ở tại nơi ấy. Đức vua đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng bằng chiếc xe được kéo bằng voi.

2879. Sau khi nhìn thấy con voi của đức vua, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Tôi đã chắp tay lên và đã đi đến cuộc hội họp.

2880. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vị Thinh văn tên Ānanda đã hầu cận đức Phật.

2881. [Là người] có hành vi hoàn hảo, lại có nghị lực, có niệm và nghe nhiều, trong khi làm tâm của đức vua được tịnh tín, vị có sự chói sáng rực rỡ đã truyền đạt lại [giáo pháp].

2882. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Trong khi là người đứng ở ngay tại chỗ ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

2883. Sau khi khoác y một bên vai, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, tôi đã thốt lên lời kệ này:

2884. Tôi đã nâng lên bông hoa niggundī rồi đã đặt xuống ở bảo tọa sư tử của đức Phật Padumuttara, đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Đạo Sư.

2885. "Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị thế bất động."

2886. Trong hai mươi lăm ngàn kiếp, các bậc thống lãnh loài người [ở mỗi kiếp] đã là từng nhóm tám vị Sát-đế-ly có tuổi thọ dài, rất dài.[7]

---

[7] *Abbuda* là số 1 thêm vào 56 số không, *nirabbuda* là số 1 thêm vào 63 số không. (ND)

2887. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Niggunḍipupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Niggunḍipupphiya" là phần thứ bảy.

328. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀVELIYA (*Sumanāveliyattherāpadānaṃ*)

2888. Sau khi cùng nhau đi đến, tất cả dân chúng tiến hành việc cúng dường trọng thể đến đức Thế Tôn Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

2889. Khi ấy, tôi đã thực hiện một khối vôi bột cùng với vòng hoa đội đầu bằng bông hoa nhài, và tôi đã dâng lên ở phía trước bảo tọa sư tử.

2890. Tất cả dân chúng sau khi cùng nhau đi đến nhìn thấy bông hoa tối thượng [nói rằng]: "Người nào đã cúng dường bông hoa này đến đức Phật tối thượng như thế ấy?"

2891. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

2892. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều là đối tượng yêu quý của tất cả; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2893. Tôi không biết đến sự phỉ báng [nào] đã được thực hiện bởi tôi bằng thân, bằng lời nói, hay bằng ý đối với các vị đạo sĩ khổ hạnh, những vị đã chế ngự bản thân.

2894. Do việc ấy đã được thực hành tốt đẹp và do các nguyện lực của tâm, tôi là đối tượng được cúng dường của tất cả; điều này là quả báo của việc không phỉ báng.

2895. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2896. Trước đây mười một kiếp, vị Sát-đế-lỵ tên Sahassāra đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2897. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanāveliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanāveliya" là phần thứ tám.

---

[8] *Niggunḍipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) niggunḍi."

[9] *Sumanāveliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*āveli*) bằng hoa nhài (*sumana*)."

329. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHATTIYA
(*Pupphachattiyattherāpadānaṃ*)

2898. [Trong lúc] đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang công bố về sự thật, đang giúp cho các sanh linh thành tựu Niết-bàn.

2899. [Khi ấy] tôi đã mang lại bông hoa sen mọc ở trong nước, làm thích ý. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật.

2900. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Siddhattha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Đạo Sư, đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này:

2901. "Người nào sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở Ta đã nắm giữ chiếc lọng che bằng bông hoa, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, người ấy không đi đến chốn khổ đau."

2902. Nói xong lời này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã giải tán hội chúng rồi đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2903. Khi vị Trời của nhân loại đứng dậy, chiếc lọng che màu trắng cũng đã vươn lên. Chiếc lọng che tối thượng di chuyển ở phía trước đức Phật tối thượng.

2904. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chiếc lọng che trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc lọng bằng bông hoa.

2905. Vào kiếp thứ bảy mươi bốn, tám vị [cùng] tên Jalasikha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2906. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphachattiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphachattiya" là phần thứ chín.

330. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRACHATTADĀYAKA
(*Saparivārachattadāyakattherāpadānaṃ*)

2907. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, làm mưa cơn mưa giáo pháp, tợ như nước mưa tuôn ở bầu trời.

2908. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác ấy đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đi về nhà của mình.

2909. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che đã được tô điểm và đã đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã ném [chiếc lọng] lên không trung.

2910. Tợ như chiếc xe kéo đã được khéo điều khiển, tợ như vị đứng đầu các bậc Thinh văn đã được huấn luyện, [chiếc lọng che] đã tiến đến gần đấng Toàn Giác và đã đứng yên ở trên đỉnh đầu.

---

[10] *Pupphachattiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc lọng che (*chatta*) bằng bông hoa."

2911. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

2912. "Chiếc lọng che đã được tô điểm làm thích ý này đã được dâng cúng bởi người nào, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh.

2913. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên bảy lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi hai lần.

2914. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

2915. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người ấy] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

2916. Hiểu được lời nói hùng tráng đã được thốt lên là ngôn từ của đức Phật, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt.

2917. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã ngự đến sanh chủng thiên nhân. Có tòa lâu đài tối thượng làm thích ý đã được sanh lên cho tôi.

2918. Trong khi [tôi] rời khỏi cung điện, có chiếc lọng che màu trắng đã được cầm giữ [che cho tôi]. Khi ấy, tôi đã đạt được sự tưởng nhớ lại; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2919. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến bản thể nhân loại. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi sáu lần.

2920. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thành phố chư thiên. Sau khi tuần tự luân hồi, tôi đã quay trở lại cuộc sống nhân loại.

2921. Trong khi tôi hạ sanh vào bụng mẹ, có những người đã nắm giữ chiếc lọng màu trắng [che cho tôi]. Được bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

2922. Vị Bà-la-môn tên Sunanda là thông thạo về chú thuật. Vị ấy đã cầm lấy chiếc lọng che bằng pha lê và đã dâng cúng đến vị tối thượng Thinh văn.

2923. Bậc Đại Anh hùng, nhà thuyết giảng vĩ đại Sāriputta đã nói lời tùy hỷ. Sau khi lắng nghe lời tùy hỷ của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ.

2924. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

2925. Sau khi từ chỗ ngồi đứng dậy, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã thốt lên lời nói này:

2926. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đức Phật, bậc Vô Thượng Ở Thế Gian, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara là vị thọ nhận các vật hiến cúng.

2927. Tôi đã dâng cúng chiếc lọng che đã được tô điểm có nhiều màu sắc đến Ngài. Đấng Tự Chủ, Nhân Vật Cao Cả đã nhận lấy bằng hai tay.

2928. Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! Do sự dâng cúng một chiếc lọng che, tôi đã không đi đến chốn khổ đau.

2929. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

2930. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

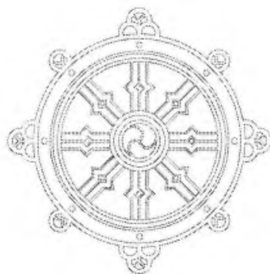
Đại đức Trưởng lão Saparivārachattadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saparivārachattadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa ummā, [vị cúng dường] cát, nụ cười, vật tế lễ, vật báo hiệu, vị ngợi ca [về sự cúng dường vật thực], vị có bông hoa niggunḍī, bông hoa nhài, vị có chiếc lọng che bằng bông hoa, vị có chiếc lọng che và các vật phụ thuộc, [tổng cộng] có hơn một trăm lẻ bảy câu kệ.

Phẩm Ummāpupphiya là phẩm thứ ba mươi ba.



XXXIV. PHẨM GANDHADHŪPIYA
(*GANDHADHŪPIYAVAGGO*)

331. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHADHŪPIYA
(*Gandhadhūpiyattherāpadānaṃ*)

2931. Tôi đã dâng cúng nhang thơm đến đức Thế Tôn Siddhattha. Nhang thơm ấy được bao phủ bằng [mùi hương của] các bông hoa nhài và được phù hợp với đức Phật.

2932. Đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, tợ như bông hoa súng được chói sáng, tợ như ngọn lửa tế thần được cháy rực.

2933. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, Ngài đã ngồi xuống ở phía trước hội chúng gồm các vị Tỳ-khưu cao quý trong số các bậc Sa-môn.

2934. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã chắp tay lên. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

2935. Kể từ khi tôi đã cúng dường hương thơm cho đến chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường hương thơm.

2936. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhadhūpiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhadhūpiya" là phần thứ nhất.

332. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA
(*Udakapūjakattherāpadānaṃ*)

2937. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.[1]

2938. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận.

2939. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư tên Padumuttara sau khi biết được ý định của tôi đã nói lên lời kệ này:

[1] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka, số 106, trang 130.

2940. "Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, ngươi không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

2941. Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào việc làm ấy, sau khi từ bỏ sự hơn thua, con đã đạt được vị thế bất động.

2942. Và [trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

2943. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ nhì.

333. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA
(*Punnāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

2944. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnāga đã được trổ hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.[3]

2945. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng [bông hoa] lên đức Phật.

2946. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2947. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2948. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Punnāgapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya" là phần thứ ba.

334. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA
(*Ekadussadāyakattherāpadānaṃ*)

2949. Tôi đã là người gánh cỏ ở thành phố Haṃsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

2950. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi.

---

[2] *Udakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) nước (*udaka*)."

[3] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya, số 159, trang 165.

[4] *Punnāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) punnāga."

2951. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của mình, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, và vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có.

2952. Đây là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có người thí chủ nào. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng dường."

2953. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

2954. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã nói lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua."

2955. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng:

2956. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

2957. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

2958. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người.

2959. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bị suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước muốn."

2960. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

2961. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tấm vải.

2962. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi.

2963. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, luôn cả rừng rậm cùng với núi non.

2964. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này cõi khác.

2965. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây.

2966. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải.

2967. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

2968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadussadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka" là phần thứ tư.

335. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHUSITAKAMPIYA
(*Phusitakampiyattherāpadānaṃ*)

2969. Lúc bấy giờ, đấng Toàn Giác tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, được tùy tùng bởi các bậc Lậu tận, đã cư ngụ tại tu viện của hội chúng.

2970. Rồi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī cùng với tám trăm ngàn bậc Lậu tận đã đi ra từ cánh cổng tu viện.

2971. Là vị quấn y phục bằng da dê và cũng là vị mặc y phục bằng vỏ cây, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha rồi đã đi đến gần bậc Toàn Giác.

2972. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lên, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha và đã rưới lên đức Phật.

2973. Do việc làm ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã tán dương việc làm của tôi, rồi đã ra đi theo như ý định.

2974. Kể từ khi tôi đã cúng dường năm ngàn giọt [nước], tôi đã [trở thành vị Thiên vương] cai quản thiên quốc đúng hai ngàn năm trăm kiếp.

2975. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương đúng hai ngàn năm trăm kiếp. Với nghiệp còn dư sót, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

2976. Vào lúc tôi là vị Thiên vương, vào lúc tôi là vị thống lãnh nhân loại, tôi có tên là Phusita, chính tên gọi ấy là thuộc về tôi.

2977. Trong khi là vị thiên nhân cũng như khi là loài người, mưa đổ xuống như nhỏ giọt ở xung quanh tôi một sải tay.

2978. Các lần tái sanh của tôi đã được tiêu diệt, các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận; điều này là quả báo của giọt nước.

2979. Mùi thơm tỏa ra từ thân thể của tôi giống như mùi của trầm hương. Mùi thơm của tôi từ cơ thể tỏa ra [khoảng cách] một nửa kosa.[6]

2980. Là người có được nghiệp phước thiện đang tỏa ra hương thơm của cõi trời, mọi người sau khi ngửi được mùi hương biết được là Phusita đã đi đến đây.

2981. Các cành cây, các lá cây, các nhánh cây và luôn cả toàn bộ các loại cỏ, thuận theo ý định của tôi, có hương thơm được sanh lên trong giây lát.

---

[5] *Ekadussadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) tấm vải (*dussa*)."

[6] *Kosa* là khoảng cách bằng 500 lần chiều dài của cây cung.

2982. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của giọt nước.

2983. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phusitakampiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phusitakampiya" là phần thứ năm.

336. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PABHAṄKARA (*Pabhaṅkarattherāpadānaṃ*)

2984. Ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đã ngự ở trong khu rừng đông đúc thú dữ.

2985. Không người nào đã dám đi đến để đảnh lễ ngôi bảo tháp. Bị bao phủ bởi cỏ, cây cối và dây leo, ngôi bảo tháp đã bị sụp đổ.

2986. Khi ấy, tôi đã là người thợ rừng theo nghề của cha và ông nội. Tôi đã nhìn thấy ngôi bảo tháp đổ nát, bị chằng chịt bởi cỏ và dây leo ở trong khu rừng.

2987. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp của đức Phật, tôi đã thiết lập tâm cung kính rằng: "Đây là ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng, nó đã bị sụp đổ và còn tồn tại ở trong khu rừng.

2988. Thật không đúng đắn, không hợp lẽ đối với người biết được điều phải quấy! Ta hãy dọn sạch ngôi bảo tháp của đức Phật rồi hãy chăm lo công việc khác."

2989. Sau khi dọn sạch cỏ, cây cối và dây leo ở ngôi bảo tháp, tôi đã đảnh lễ tám lượt rồi đã cúi mình ra đi.

2990. Do việc làm ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

2991. Tại nơi ấy, có cung điện bằng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

2992. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lượt. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần.

2993. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp].

2994. Khi tôi đang di chuyển bằng kiệu khiêng, bằng lưng voi ở trong khu rừng, bất cứ hướng nào tôi đi đến, khu rừng đều có sự trợ giúp đến tôi.

2995. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, gốc cây hoặc thậm chí gai nhọn mà tôi không nhìn thấy bằng mắt, tự chính chúng được dời đi.

2996. Và bệnh cùi, nhọt, chàm, động kinh, ghẻ, lở, ngứa không xảy đến cho tôi; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp].

2997. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi không biết đến khối u mọc lên ở cơ thể của tôi.

2998. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và loài người.

2999. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi có màu da vàng chói, có sự phát ra ánh sáng ở khắp mọi nơi.

3000. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sự khó chịu biến mất và sự khoan khoái hiện hữu.

3001. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tâm tôi được trong sạch, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh.

3002. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

3003. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc làm sạch sẽ.

3004. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pabhaṅkara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pabhaṅkara" là phần thứ sáu.

337. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAKUṬIDĀYAKA
(*Tiṇakuṭidāyakattherāpadānaṃ*)

3005. Tôi đã là người làm công cho người khác ở thành phố Bandhumatī. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [sống] lệ thuộc vào vật thực của người khác.

3006. Sau khi đi đến nơi vắng vẻ rồi ngồi xuống, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian và hành động hướng thượng của ta là không có.

3007. Thời điểm để dọn sạch cảnh giới tái sanh, cơ hội đã được sắp xếp cho ta. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở cho những chúng sanh thật sự không có phước báu."

3008. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã đi đến gặp người chủ công việc. Sau khi yêu cầu về công việc trong một ngày, tôi đã đi vào khu rừng.

3009. Khi ấy, tôi đã mang lại cỏ, cây gỗ và dây leo. Sau khi dựng lên ba cây gậy, tôi đã thực hiện cái lều bằng cỏ.

3010. Sau khi cúng hiến cái lều nhỏ ấy vì sự lợi ích của hội chúng, tôi đã trở về nội trong ngày hôm ấy và đã đi đến gặp người chủ công việc.

3011. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Do nhờ [quả báo của việc dâng cúng] cái lều nhỏ bằng cỏ, tại nơi ấy có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đã được hóa hiện ra.

3012. [Cung điện ấy] có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi.

3013. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có tòa lâu đài hiện diện kế bên đúng theo ý định của tôi.

3014. Sự sợ hãi, hoặc trạng thái u mê, hoặc lông rởn ốc là không được biết đến, tôi không biết đến sự run sợ của tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3015. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, tất cả đều tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3016. Các loài bò sát và các hạng ma quỷ, các con rắn, các ác thần và các quỷ sứ, các hạng này cũng tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3017. Tôi không nhớ tôi có sự nhìn thấy giấc mộng xấu xa [lần nào], niệm của tôi hiện hữu; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3018. Chỉ nhờ vào cái lều nhỏ bằng cỏ, tôi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3019. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3020. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇakuṭidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tiṇakuṭidāyaka” là phần thứ bảy.

338. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTAREYYADĀYAKA
(*Uttareyyadāyakattherāpadānaṃ*)

3021. Lúc bấy giờ, ở thành phố Haṃsavatī tôi đã là vị Bà-la-môn, là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà.

3022. Tôi là người có dòng dõi, khéo được học tập, được các người học trò của mình trọng vọng. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi thành phố nhằm mục đích rửa tội bằng nước.

3023. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu, đấng Chiến Thắng đã đi vào thành phố.

3024. Tôi đã nhìn thấy vị có dáng vóc vô cùng tao nhã như là đã được tạo nên bởi sự không còn dục vọng, được tháp tùng bởi các vị A-la-hán. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

3025. Tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã cúi chào bậc Có Sự Hành Trì Tốt Đẹp. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tấm áo choàng.

---

[7] *Tiṇakuṭidāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) cái lều nhỏ (*kuṭi*) bằng cỏ (*tiṇa*).”

3026. Sau khi nâng lên bằng cả hai tay, tôi đã thảy tấm vải choàng lên. Hội chúng của đức Phật đứng đến nơi đâu thì tấm vải choàng đã che đến nơi ấy.

3027. Khi ấy, trong lúc làm tấm che cho hội chúng Tỳ-khưu đông đảo, v.v... đang đi khất thực, [tấm vải choàng] đã đứng yên, khiến cho tôi được vui mừng.

3028. Trong khi tôi đang từ nhà bước ra, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, bậc Đạo Sư đứng ở tại đường lộ, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng:

3029. "Người nào với tâm tịnh tín, với ý vui mừng đã dâng cúng tấm vải choàng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3030. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần.

3031. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi đang sống ở thế giới chư thiên, sẽ có được sự che phủ bằng tấm vải ở xung quanh một trăm do-tuần.

3032. Và [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi sáu lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3033. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi luân hồi ở cõi hữu, sẽ tức thời đạt được mọi điều ước nguyện ở trong tâm.

3034. Người nam này sẽ đạt được các tấm vải làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải có giá trị cao.

3035. Người nam này sẽ đạt được mọi ước nguyện ở trong tâm và sẽ thọ hưởng quả thành tựu của [việc dâng cúng] một tấm vải vào mọi thời điểm.

3036. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama."

3037. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến đấng Toàn Tri, bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi dâng cúng một tấm vải choàng, tôi đã đạt được vị thế bất tử.

3038. Trong lúc tôi sống ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, có tấm che bằng vải được duy trì ở xung quanh tôi một sải tay.

3039. Tôi sử dụng y và vật dụng không phải do gợi ý xin xỏ, tôi có sự thành đạt về cơm ăn nước uống; điều này là quả báo của tấm áo choàng.

3040. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

3041. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttareyyadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttareyyadāyaka" là phần thứ tám.

---

[8] *Uttareyyadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm áo choàng (*uttareyya*)."

339. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVAṆIYA
(*Dhammasavaṇiyattherāpadānaṃ*)

3042. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật, đã giúp cho nhiều người vượt qua.

3043. Lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây.

3044. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Lúc ấy, tợ như con chim bị va vào tảng đá, tôi đã không đạt được sự di chuyển.

3045. Sự hư hoại về oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây. Giống như người nổi trên mặt nước, tôi [thường] di chuyển ở không trung như vậy.

3046. "Chắc là có người có bản chất cao thượng đang ngồi ở phía bên dưới. Hừ! Ta sẽ tìm hiểu việc này. Ít ra ta cũng có thể biết được nguyên nhân."

3047. Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư đang thuyết giảng về tính chất vô thường, khi ấy tôi đã học tập điều ấy.

3048. Sau khi đã học tập sự suy tưởng về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

3049. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe giáo pháp ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3050. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần.

3051. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3052. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vị Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường.

3053. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy, [nhưng] tôi [đã] không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tử.

3054. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."[9]

3055. Sau khi lắng nghe câu kệ ngôn, tôi đã nhớ lại việc làm quá khứ. Sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

3056. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên.

3057. Trong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn tất việc cần làm. Hôm nay, còn có việc gì tôi cần phải làm ở giáo pháp của người con trai dòng Sakya?

---

[9] Câu kệ này được thấy ở nhiều nơi trong tạng Kinh.

3058. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo của việc lắng nghe Chánh pháp.

3059. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammasavaṇiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaṇiya" là phần thứ chín.

340. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UKKHITTAPADUMIYA (*Ukkhittapadumiyattherāpadānaṃ*)

3060. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Haṃsavatī. Tôi đã lội xuống hồ sen và đã hái những đóa hoa sen.

3061. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp cùng với một trăm ngàn bậc có tâm an tịnh như thế ấy.

3062. Khi ấy, trong khi lưu tâm đến sự tiến hóa của tôi, Ngài cùng với các bậc Lậu tận trong sạch có sáu thắng trí, đã đi đến chỗ của tôi.

3063. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, khi ấy tôi đã ngắt đóa hoa sen ở cuống và đã thảy lên không trung.

3064. "Bạch đấng Anh Hùng, nếu Ngài là đức Phật, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, xin cho các đóa sen tự đi đến và duy trì ở trên đỉnh đầu Ngài."

3065. Đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã chú nguyện. Do nhờ oai lực của đức Phật, chúng đã duy trì ở trên đỉnh đầu.

3066. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3067. Có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đây. Nó được gọi tên là "Satapattaṃ" có chiều cao sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

3068. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

3069. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

3070. Chỉ nhờ vào một đóa sen hồng ấy, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3071. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[10] *Dhammasavaṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc lắng nghe (*savaṇa*) pháp (*dhamma*)."

3072. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một đóa sen hồng.

3073. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

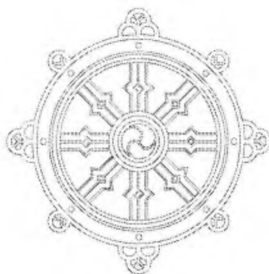
Đại đức Trưởng lão Ukkhittapadumiya[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ukkhittapadumiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Nhang thơm, [vị cúng dường] nước, bông hoa punnāga, vị có tấm vải độc nhất, giọt nước [thơm], vị Pabhaṅkara, vị dâng cúng cái lều [cỏ], vị có tấm áo choàng, vị có sự lắng nghe, vị có một đóa sen hồng; các câu kệ được gộp chung lại ở phẩm này là một trăm câu kệ và bốn mươi bốn câu nữa.

Phẩm Gandhadhūpiya là phẩm thứ ba mươi bốn.



[11] *Ukkhittapadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến đóa sen hồng (*paduma*) đã được thảy lên (*ukkhitta*) không trung."

XXXV. PHẨM EKAPADUMIYA
(*EKAPADUMIYAVAGGO*)

341. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPADUMIYA
(*Ekapadumiyattherāpadānaṃ*)

3074. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi giảng giải ở cõi này cõi khác, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

3075. Khi ấy, tôi là con thiên nga chúa cao quý trong số các loài chim [lưỡng sanh]. Tôi lặn xuống hồ nước thiên nhiên và vui giỡn trò đùa của loài thiên nga.

3076. Vào khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Chiến Thắng đã đi đến ở bên trên của hồ nước thiên nhiên.

3077. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã ngắt đóa sen hồng trăm cánh đáng yêu ở cuống hoa.

3078. Được tịnh tín vào đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi dùng mỏ gắp lấy và thảy lên bầu trời, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

3079. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở không trung đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng:

3080. "Do một đóa sen hồng này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp."

3081. Nói xong điều ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, sau khi tán dương việc làm của tôi, đã ra đi theo như ý định.

3082. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3083. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapadumiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapadumiya" là phần thứ nhất.

---

[1] *Ekapadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) đóa sen hồng (*paduma*)."

342. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA
(*Ti-uppalamāliyattherāpadānaṃ*)

3084. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi.

3085. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa. Sau khi nhìn thấy bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ.

3086. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đầu.

3087. Sau khi dâng lên các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, sau khi đạt đến sự tôn kính, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3088. Trong khi đang cúi mình ra đi, với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống.

3089. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3090. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

3091. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamāliya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamāliya" là phần thứ nhì.

343. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA
(*Dhajadāyakattherāpadānaṃ*)

3093. Đấng Đạo Sư tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. Sau khi nhìn thấy sự đoạn tận mầm mống tái sanh [sự viên tịch Niết-bàn] của Ngài, tôi đã treo lên lá cờ.

3094. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3095. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

3096. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

---

[2] *Ti-uppalamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa (*mālā*) gồm ba (*ti*) đóa sen xanh (*uppala*)."

3097. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cờ.

3098. Và giờ đây, trong lúc mong muốn tôi có thể che đậy [mặt đất] có rừng rậm luôn cả núi non bằng loại vải sợi lanh; vào khi ấy quả báo của tôi đã được thể hiện.

3099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhajadāyaka" là phần thứ ba.

344. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIṄKIṆIPŪJAKA
(*Tikiṅkiṇipūjakattherāpadānaṃ*)

3100. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Bhūtagaṇa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ vướng ở ngọn cây.

3101. Khi ấy, tôi đã thu nhặt ba bông hoa kiṅkiṇi và đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường tấm y may từ vải bị quăng bỏ.

3102. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa hoa.

3103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikiṅkiṇipūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikiṅkiṇipūjaka" là phần thứ tư.

345. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶĀGĀRIKA
(*Naḷāgārikattherāpadānaṃ*)

3104. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Hārita. Khi ấy, đấng Tự Chủ tên Nārada đã cư ngụ ở gốc cây.

3105. Tôi đã thực hiện gian nhà bằng cây sậy và đã lợp bằng cỏ. Sau khi dọn sạch sẽ con đường kinh hành, tôi đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ.

3106. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười bốn kiếp, và đã cai quản thiên quốc bảy mươi bốn lần.

3107. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3108. Cung điện của tôi có chiều cao tợ như chiếc cầu vồng đã xuất hiện, có ngàn cây cột trụ, không thể so sánh, là cung điện có sự rực rỡ.

3109. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

---

[3] *Dhajadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lá cờ (*dhaja*)."

[4] *Tikiṅkiṇipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ba (*ti*) bông hoa *kiṅkiṇi*."

3110. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3111. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷāgārika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷāgārika" là phần thứ năm.

346. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (*Campakapupphiyattherāpadānaṃ*)

3112. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Cāpala. Đức Phật tên Sudassana đã cư trú ở trong vùng đồi núi.

3113. Sau khi hái bông hoa ở núi Hy-mã-lạp, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, đang di chuyển ở không trung.

3114. Khi ấy, tôi đã đặt tám bông hoa campaka ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

3115. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3116. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Campakapupphiya" là phần thứ sáu.

347. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (*Padumapūjakattherāpadānaṃ*)

3117. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có vị Phật tên Sambhava đã cư ngụ ở ngoài trời.

3118. Tôi đã lìa khỏi chỗ cư ngụ và đã mang đến [dâng] đóa sen hồng. Sau khi đã cầm giữ [đóa sen] một ngày, tôi đã quay trở về chỗ trú ngụ.

3119. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] *Naḷāgārika* nghĩa là "vị liên quan đến gian nhà (*āgāra*) bằng cây sậy (*naḷa*)."

[6] *Campakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) campaka."

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka” là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ mười ba).

348. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAMUṬṬHIDĀYAKA

(*Tiṇamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

3121. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. Bậc Toàn Giác tên Upatissa đã đi kinh hành ở bên ngoài trời.

3122. Lúc bấy giờ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy.

3123. Với tâm ý trong sạch, khi ấy tôi đã dâng cúng nắm cỏ để làm chỗ ngồi đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ ấy.

3124. Sau khi dâng cúng đến vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín nhiều hơn nữa. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3125. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc bị con sư tử vật ngã, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

3126. [Do] việc làm đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, là vừa mới xảy ra đây, tợ như tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên.

3127. Ở tại nơi ấy, tòa lâu đài xinh đẹp có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, có màu lục, đã được hóa hiện ra do nghiệp phước thiện.

3128. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao. Được quây quần với các nàng tiên nữ trẻ, tôi đã sướng vui theo ước muốn của dục vọng.

3129. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể loài người và đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

3130. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chỗ ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm cỏ.

3131. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka” là phần thứ tám.

---

[7] *Tiṇamuṭṭhidāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) nắm (*muṭṭhi*) cỏ (*tiṇa*).”

349. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKAPHALADĀYAKA
(*Tindukaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3132. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, đang ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng.

3133. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã ngắt cả chùm. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Vessabhū.

3134. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3135. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tindukaphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tindukaphaladāyaka" là phần thứ chín.

350. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA
(*Ekañjaliyattherāpadānaṃ*)

3136. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Revata đã cư ngụ ở bờ sông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng.

3137. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, tôi đã thể hiện sự chắp tay lại.

3138. [Kể từ khi] tôi đã thể hiện sự chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay.

3139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekañjaliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có đóa sen hồng, vị có tràng hoa sen xanh, lá cờ, vị có bông hoa kiṅkiṇi, [gian nhà bằng] cây sậy, bông hoa campaka, đóa sen hồng, nắm [cỏ], cây tinduka, và vị chắp tay lại là tương tợ; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Ekapadumiya là phẩm thứ ba mươi lăm.

---

[8] *Tindukaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) tinduka."

[9] *Ekañjaliya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) chắp tay (*añjali*)."

XXXVI. PHẨM SADDASAÑÑAKA
(*SADDASAÑÑAKAVAGGO*)

351. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

3140. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác được vây quanh bởi hội chúng chư thiên.

3141. Trong lúc Ngài đang công bố về bốn sự thật [và] đang tiếp độ đám đông dân chúng, tôi đã lắng nghe lời nói ngọt ngào tương tợ tiếng hót của loài chim Karavīka.

3142. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào âm vang giọng nói Phạm thiên của bậc Hiền Trí Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

3143. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của niềm tịnh tín.

3144. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ nhất.

352. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YAVAKALĀPIYA
(*Yavakalāpiyattherāpadānaṃ*)

3145. Lúc bấy giờ, tôi đã là người trồng lúa mạch ở thành phố Aruṇavatī. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác ở đường lộ, tôi đã trải xuống bó rơm lúa mạch.

3146. Biết được ý định của tôi, bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian Sikhī đã ngồi xuống ở tấm trải bằng rơm lúa mạch.

3147. Sau khi nhìn thấy bậc Vô Nhiễm, vị có Thiền Chứng Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã ngồi xuống, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tại nơi ấy tôi đã mệnh chung.

3148. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp,

---

[1] *Saddasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về âm thanh (*sadda*)."

tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải thảm rơm lúa mạch.

3149. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yavakalāpiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yavakalāpiya" là phần thứ nhì.

353. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṂSUKAPŪJAKA (*Kiṃsukapūjakattherāpadānaṃ*)

3150. Sau khi nhìn thấy cây kiṃsuka đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi suy tưởng về đức Phật Siddhattha, tôi đã cúng dường ở không trung.

3151. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3152. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṃsukapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṃsukapūjaka" là phần thứ ba.

354. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKOṬAKAKORAṆḌADĀYAKA (*Sakoṭakakoraṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

3153. Và sau khi nhìn thấy dấu chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã đảnh lễ dấu chân tối thượng.

3154. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất đã được trổ hoa, tôi đã ngắt một chùm và đã cúng dường ở dấu chân có hình bánh xe.

3155. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân.

3156. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakoṭakakoraṇḍadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sakoṭakakoraṇḍadāyaka" là phần thứ tư.

355. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DAṆḌADĀYAKA (*Daṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

3157. Lúc bấy giờ, tôi đã đi sâu vào khu rừng hoang rậm và đã đốn cây tre. Sau khi cầm lấy thanh đòn ngang, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

---

[2] *Yavakalāpiya* nghĩa là "vị liên quan đến bó rơm (*kalāpa*) lúa mạch (*yava*)."

[3] *Kiṃsukapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa kiṃsuka."

[4] *Sakoṭakakoraṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chùm (*sakoṭaka*) bông hoa koraṇḍa."

3158. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các bậc có sự hành trì tốt đẹp. Tôi cũng đã dâng cúng thanh đòn ngang, rồi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3159. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy.

3160. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Tưởng lão Daṇḍadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Daṇḍadāyaka" là phần thứ năm.

356. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGUDĀYAKA
(*Ambayāgudāyakattherāpadānaṃ*)

3161. Bậc Giác Ngộ tên Sataraṃsī, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi xuất khỏi định đã đi đến tôi về việc khất thực.

3162. Sau khi nhìn thấy vị Phật Độc Giác có tâm thanh tịnh, tôi đã dâng cúng món cháo xoài đến Ngài với tâm ý trong sạch.

3163. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cháo xoài.

3164. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambayāgudāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambayāgudāyaka" là phần thứ sáu.

357. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPUṬAKAPŪJAKA
(*Supuṭakapūjakattherāpadānaṃ*)

3165. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, trong khi lìa khỏi việc nghỉ ngơi ban ngày, trong khi đi đó đây về việc khất thực, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

3166. Do điều ấy, được sung sướng, có tâm ý vui mừng, tôi đã dâng cúng chiếc hộp đựng muối xinh đẹp đến đức Phật tối thượng như thế ấy, [và] tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

3167. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc hộp xinh đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc hộp.

3168. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supuṭakapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Supuṭakapūjaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Daṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cây gậy (*daṇḍa*)."

[6] *Ambayāgudāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cháo (*yāgu*) xoài (*amba*)."

[7] *Supuṭakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) chiếc hộp (*puṭaka*) xinh đẹp (*su*)."

358. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA
(*Mañcadāyakattherāpadānaṃ*)

3169. Do được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một chiếc giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

3170. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường nhỏ ấy, tôi đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

3171. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

3172. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka" là phần thứ tám.

359. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

3173. Lúc bấy giờ, tôi là đạo sĩ lõa thể. Vị Tỳ-khưu và tôi đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị đắm, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ.

3174. [Kể từ khi] vị ấy ban cho sự nương nhờ đến tôi trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ.

3175. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamaniya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya" là phần thứ chín.

360. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIṆḌAPĀTIKA
(*Piṇḍapātikattherāpadānaṃ*)

3176. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Tissa đã cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Sau khi Ngài đã từ chính cõi trời Đẩu-suất về lại nơi đây, tôi đã dâng cúng vật thực.

3177. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao tên Tissa, sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất.

3178. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

---

[8] *Mañcadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*mañca*)."

[9] *Saraṇagamaniya* nghĩa là "vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y."

3179. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

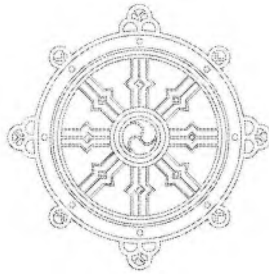
Đại đức Trưởng lão Piṇḍapātika[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piṇḍapātika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự suy tưởng về âm thanh, vị trồng lúa mạch, các bông hoa kiṃsuka, và bông hoa koraṇḍa, thanh đòn ngang, món cháo xoài, vị có chiếc hộp xinh đẹp, vị dâng cúng chiếc giường, sự nương nhờ, và món vật thực; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ.

Phẩm Saddasaññaka là phẩm thứ ba mươi sáu.



[10] *Piṇḍapātika* nghĩa là "vị liên quan đến đồ ăn khất thực (*piṇḍapāta*)."

XXXVII. PHẨM MANDĀRAVAPUPPHIYA (*MANDĀRAVAPUPPHIYAVAGGO*)

361. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPUPPHIYA (*Mandāravapupphiyattherāpadānaṃ*)

3180. Sau khi từ cõi trời Đạo-lợi đi đến nơi đây, người thanh niên tên Maṅgala đã cầm lấy bông hoa mandārava dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

3181. Tôi đã đặt ở trên đỉnh đầu của [đức Phật] đang ngồi nhập định. Sau khi đã duy trì bảy ngày, tôi đã trở về lại thế giới chư thiên.

3182. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mandāravapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mandāravapupphiya" là phần thứ nhất.

362. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPUPPHIYA (*Kakkārupupphiyattherāpadānaṃ*)

3184. Sau khi từ cõi trời Dạ-ma đi đến vị Gotama vinh quang và quý trọng ở cõi người, tôi đã cầm lấy bông hoa kakkāru và đã dâng lên đức Phật.

3185. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3186. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kakkārupupphiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kakkārupupphiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Mandāravapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) mandārava."

[2] *Kakkārupupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kakkāru."

363. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISAMUḶĀLADĀYAKA
(*Bhisamuḷāladāyakattherāpadānaṃ*)

3187. Đấng Toàn Giác tên Phussa là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cư, bậc Trí Tuệ đã đi đến gần chỗ của tôi.

3188. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín vào đấng Đại Bi, bậc Chiến Thắng ấy, tôi đã cầm lấy rễ và củ sen rồi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3189. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

3190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisamuḷāladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisamuḷāladāyaka" là phần thứ ba.

364. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KESARAPUPPHIYA
(*Kesarapupphiyattherāpadānaṃ*)

3191. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị thầy về pháp thuật ở núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Có Danh Vọng Lớn Lao đang đi kinh hành.

3192. Khi ấy, tôi đã đặt ba bông hoa kesarī ở trên đầu, rồi đã đi đến gần và đã cúng dường đến bậc Toàn Giác Vessabhū.

3193. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3194. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kesarapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kesarapupphiya" là phần thứ tư.

365. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṄKOLAPUPPHIYA
(*Aṅkolapupphiyattherāpadānaṃ*)

3195. Lúc bấy giờ, bậc Giác Ngộ tên Paduma đã sống ở ngọn núi Cittakūṭa. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy.

3196. Sau khi nhìn thấy cây aṅkola đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã thu nhặt [bông hoa]. Tôi đã đi đến gặp bậc Giác Ngộ và đã cúng dường đấng Chiến Thắng Paduma.

3197. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[3] *Bhisamuḷāladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) rễ (*bhisa*) và củ sen (*muḷāla*)."

[4] *Kesarapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kesarī."

3198. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aṅkolapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aṅkolapupphiya" là phần thứ năm.

366. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (*Kadambapupphiyattherāpadānaṃ*)

3199. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ.

3200. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy bông hoa kadamda và đã cúng dường đến đức Phật Vipassī.

3201. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3202. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphiya" là phần thứ sáu.

367. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLAPUPPHIYA (*Uddālapupphiyattherāpadānaṃ*)

3203. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Anoma đã sống ở bờ sông Gaṅgā. Sau khi cầm lấy bông hoa uddālaka, tôi đã cúng dường đến bậc Không Bị Đánh Bại.

3204. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3205. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uddālapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uddālapupphiya" là phần thứ bảy.

368. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACAMPAKAPUPPHIYA (*Ekacampakapupphiyattherāpadānaṃ*)

3206. Và bậc Giác Ngộ Upasanta sống ở trong vùng đồi núi. Tôi đã cầm lấy một bông hoa campaka và đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

---

[5] *Aṅkolapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aṅkola."

[6] *Kadambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kadamba."

[7] *Uddālapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) uddāla."

3207. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bằng hai tay và đã cúng dường đến đấng Hiền Trí Độc Giác Tối Thượng, bậc Không Bị Đánh Bại.

3208. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3209. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacampakapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekacampakapupphiya" là phần thứ tám.

369. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA
(*Timirapupphiyattherāpadānaṃ*)

3210. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

3211. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa timira và đã rải rắc ở đỉnh đầu đấng Hiền Trí Độc Giác Tối Thượng.

3212. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ chín.

370. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA
(*Salalapupphiyattherāpadānaṃ*)

3214. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đang đi kinh hành.

3215. Tôi đã thu hái bông hoa salala và đã dâng cúng đến đức Phật. Đấng Đại Hùng đã ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời.

3216. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa], trong khi tôi đang nhìn xem.

3217. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã chắp tay lên và đã leo lên ngọn núi lần nữa.

3218. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[8] *Ekacampakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) bông hoa (*puppha*) campaka."

[9] *Timirapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) timira."

3219. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

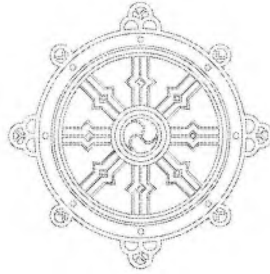
Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Salalapupphiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa mandārava, bông hoa kakkāru, củ sen, bông hoa kesara, bông hoa aṅkola, vị có bông hoa kadamba, bông hoa uddāla, một bông hoa campaka, bông hoa timira, và cả bông hoa salala nữa; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ.

Phẩm Mandāravapupphiya là phẩm thứ ba mươi bảy.



[10] *Salalapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) salala.”

XXXVIII. PHẨM BODHIVANDAKA
(*BODHIVANDAKAVAGGO*)

371. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIVANDAKA
(*Bodhivandakattherāpadānaṃ*)

3220. Sau khi nhìn thấy cây pāṭalī, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, được xanh tươi, tôi đã đắp y một bên vai, chắp tay lên và đã đảnh lễ cây pāṭalī.

3221. Tôi đã chắp tay lên và thể hiện tâm ý cung kính đến bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc.

3222. Tôi đã đảnh lễ cây pāṭalī tợ như [đảnh lễ] đấng Toàn Giác Vipassī, bậc được thế gian tôn sùng, là đại dương về lòng bi mẫn và trí tuệ, đang ở trước mặt.

3223. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

3224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhivandaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhivandaka" là phần thứ nhất.

372. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬALIPUPPHIYA
(*Pāṭalipupphiyattherāpadānaṃ*)

3225. Đức Thế Tôn tên Vipassī là đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, đấng Chiến Thắng đã đi vào thành Bandhuma.

3226. Tôi đã đặt ba bông hoa pāṭalī vào lòng của tôi. Chính vì có ý định gội đầu, tôi đã đi đến bến tàu ở dòng sông.

3227. Sau khi đi ra khỏi thành Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

3228. Tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, đấng cao quý trong số các vị Sa-môn dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang bước đi.

3229. Được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, bậc có sự rửa sạch các cấu uế ô nhiễm ấy, tôi đã cầm lấy ba bông hoa và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

---

[1] *Bodhivandaka* nghĩa là "vị đảnh lễ (*vandaka*) cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

3230. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3231. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭalipupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāṭalipupphiya" là phần thứ nhì.

373. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA
(*Ti-uppalamāliyattherāpadānaṃ*)

3232. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi.[2]

3233. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa. Sau khi nhìn thấy bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ.

3234. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đầu.

3235. Sau khi cúng dường các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa, sau khi thể hiện sự tôn kính, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3236. Trong khi đang cúi mình ra đi với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống.

3237. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ cuộc sống trước đây, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3238. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

3239. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamāliya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamāliya" là phần thứ ba.

374. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṬṬIPUPPHIYA
(*Paṭṭipupphiyattherāpadānaṃ*)

3241. Vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã Niết-bàn, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và họ đã di chuyển nhục thân [của Ngài].

---

[2] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamāliya, số 342, trang 271.

[3] *Ti-uppalamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa (*mālā*) gồm ba (*ti*) đóa sen xanh (*uppala*)."

3242. Trong khi nhục thân đang được di chuyển, trong khi các chiếc trống đang được vang lên, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa paṭṭi.

3243. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo ở việc đã cúng dường nhục thân [đức Phật].

3244. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3245. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3246. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṭṭipupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṭṭipupphiya" là phần thứ tư.

375. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPAṆṆIYA
(*Sattapaṇṇiyattherāpadānaṃ*)

3247. Bậc Toàn Giác tên Sumana, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa thất diệp.

3248. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa thất diệp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa thất diệp.

3249. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3250. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3251. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattapaṇṇiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattapaṇṇiya" là phần thứ năm.

376. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMUṬṬHIYA
(*Gandhamuṭṭhiyattherāpadānaṃ*)

3252. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện và khi vật thơm các loại

---

[4] *Paṭṭipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) paṭṭi."

[5] *Sattapaṇṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa thất diệp (*sattapaṇṇa*)."

được đặt vào, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường một nắm tay vật thơm.

3253. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

3254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3255. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3256. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhamuṭṭhiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhamuṭṭhiya" là phần thứ sáu.

377. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

3257. Khi đức Thế Tôn tên Padumuttara đã viên tịch Niết-bàn và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa sāla.

3258. Kể từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

3259. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3261. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ bảy.

378. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVAṆṬIYA
(*Sumanatālavaṇṭiyattherāpadānaṃ*)

3262. Tôi sở hữu chiếc quạt lá cọ vô cùng giá trị được bao phủ với các bông hoa nhài, và tôi đã dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha.

---

[6] *Gandhamuṭṭhiya* nghĩa là "vị liên quan đến nắm tay (*muṭṭhi*) vật thơm (*gandha*)."

[7] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) giàn hỏa thiêu (*citaka*)."

3263. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt lá cọ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ.

3264. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3265. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3266. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya” là phần thứ tám.

379. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANADĀMIYA
(*Sumanadāmiyattherāpadānaṃ*)

3267. Sau khi thực hiện tràng hoa nhài, tôi đã nắm giữ [tràng hoa], đứng ở phía trước đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Đã Gội Rửa [tội lỗi], vị Đạo Sĩ Khổ Hạnh.

3268. [Kể từ khi] tôi đã nắm giữ tràng hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nắm giữ tràng hoa nhài.

3269. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3271. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanadāmiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sumanadāmiya” là phần thứ chín.

380. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA
(*Kāsumāriphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3272. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng.

---

[8] *Sumanatālavaṇṭiya* nghĩa là “vị liên quan đến chiếc quạt (*vaṇṭa*) lá cọ (*tāla*) được bao phủ với các bông hoa nhài (*sumana*).”

[9] *Sumanadāmiya* nghĩa là “vị liên quan đến tràng hoa (*dāma*) bông nhài (*sumana*).”

3273. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã cầm lấy trái cây kāsumāri và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3274. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3275. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3277. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

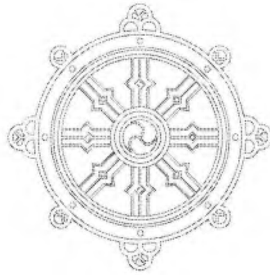
Đại đức Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Cội cây Bồ-đề, bông hoa pāṭalī, vị có [ba] đóa sen xanh, bông hoa paṭṭi, các bông hoa thất diệp, nắm tay vật thơm, giàn hỏa thiêu, [chiếc quạt] lá cọ, vị có tràng hoa nhài, và luôn cả vị có trái cây kāsumāri; [tổng cộng] có năm mươi chín câu kệ.

Phẩm Bodhivandaka là phẩm thứ ba mươi tám.



[10] *Kāsumāriphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) kāsumāri."

XXXIX. PHẨM AVAṆṬAPHALA
(*AVAṆṬAPHALAVAGGO*)

381. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVAṆṬAPHALADĀYAKA
(*Avaṇṭaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3278. Đức Thế Tôn tên Sataraṃsī là đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác đã ra đi về việc khất thực.

3279. Tay có trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây avaṇṭa.

3280. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3281. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3282. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3283. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avaṇṭaphaladāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avaṇṭaphaladāyaka" là phần thứ nhất.

382. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA
(*Labujadāyakattherāpadānaṃ*)

3284. Tôi đã là người phụ việc chùa ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

3285. Tôi đã cầm lấy trái cây, bánh mì và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ nhận, trong khi đang đứng ở hư không.

3286. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch, tôi có được sự sanh khởi niềm vui, [điều ấy là] nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại.

3287. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc bao la và sự an lạc tối thượng. Còn có châu báu sanh lên [cho tôi] khi tôi được sanh ra nơi này nơi khác.

---

[1] *Avaṇṭaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) avaṇṭa."

3288. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3289. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3290. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3291. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Labujadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Labujadāyaka" là phần thứ nhì.

383. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDUMBARAPHALADĀYAKA (*Udumbaraphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3292. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ sông Vinatā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Có Sự Chăm Chú vô cùng định tĩnh.

3293. Được tịnh tín ở Ngài, bậc có sự rửa sạch các cấu uế ô nhiễm, tôi đã cầm lấy trái sung và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3294. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3295. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udumbaraphaladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udumbaraphaladāyaka" là phần thứ ba.

384. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĀYAKA (*Pilakkhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3298. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ở cuối khu rừng, tôi đã dâng cúng trái cây pilakkha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

3299. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây [trước đây] một ngàn tám trăm

[2] *Labujadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) labuja."

[3] *Udumbaraphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) udumbara."

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3300. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3302. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka" là phần thứ tư.

385. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHĀRUSAPHALADĀYAKA (*Phārusaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3303. Trong khi bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang đi trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây phārusa.

3304. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3305. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3306. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3307. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phārusaphaladāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phārusaphaladāyaka" là phần thứ năm.

386. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIPHALADĀYAKA (*Valliphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3308. Lúc bấy giờ, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã đi đến khu rừng. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm trái cây, họ đã đạt được trái cây.

3309. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây valli.

---

[4] *Pilakkhaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) pilakkha."

[5] *Phārusaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) phārusa."

3310. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3311. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3312. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Valliphaladāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Valliphaladāyaka" là phần thứ sáu.

387. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADALIPHALADĀYAKA (*Kadaliphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3314. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kaṇikāra được cháy sáng, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, tợ như cây đèn đang chiếu sáng.

3315. Tôi đã cầm lấy trái chuối và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và ra đi.

3316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3317. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3318. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3319. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kadaliphaladāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kadaliphaladāyaka" là phần thứ bảy.

388. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PANASAPHALADĀYAKA (*Panasaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3320. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Ajjuna đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Ngài là bậc Hiền Trí được thành tựu tánh hạnh và thiện xảo về định.

---

[6] *Valliphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) valli."

[7] *Kadaliphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái (*phala*) chuối."

3321. Tôi đã cầm lấy trái mít jīvajīvaka có kích thước bằng hũ nước. Tôi đã đặt vào cái chậu bằng lá và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

3322. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3323. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3324. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3325. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Panasaphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Panasaphaladāyaka" là phần thứ tám.

389. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆAKOṬIVĪSA
(*Soṇakoṭivīsattherāpadānaṃ*)

3326. Vào thời kỳ giáo pháp của [đức Phật] Vipassī, một hang động đã được tôi xây dựng dành cho hội chúng bốn phương ở tại kinh thành Bandhumā.

3327. Sau khi trải lót nền đất của hang động bằng các tấm vải, tôi đã cống hiến. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã thực hiện lời ước nguyện rằng:

3328. "Mong rằng tôi có thể làm hài lòng bậc Toàn Giác, có thể đạt được sự xuất gia, và có thể đạt đến sự an tịnh tối thượng, Niết-bàn vô thượng."

3329. Do nhờ chính nhân tố trong sạch ấy, tôi đã luân hồi chín mươi kiếp. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đã chói sáng, là người có phước báu đã được tạo lập [trước đây].

3330. Sau đó, nhờ vào phần dư sót của nghiệp, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, tôi đã được sanh làm người con trai độc nhất của nhà bá hộ cao cả ở tại Campā.

3331. Ngay khi tôi vừa được sanh ra, nghe tin người cha đã khởi ước muốn này: "Ta ban cho công tử hai chục *koṭi* (hai trăm triệu) tiền, không thiếu đồng nào."

3332. Các sợi lông của tôi, dài bốn ngón tay, được mọc lên ở cả hai lòng bàn chân. Chúng là mảnh mai, có sự xúc chạm mềm mại, xinh xắn như là bông vải.

3333. Chín mươi kiếp đã trôi qua, kiếp này là thêm một kiếp nữa, tôi không biết đến việc các bàn chân được đặt xuống ở mặt đất không có trải lót.

---

[8] *Panasaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái (*phala*) mít (*panasa*)."

3334. Tôi đã làm hài lòng bậc Toàn Giác, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Và phẩm vị A-la-hán đã được tôi đạt đến. Tôi có được trạng thái mát mẻ, chứng được Niết-bàn.

3335. Đấng Toàn Tri đã xác định tôi là người đứng đầu trong số các vị đã ra sức tinh tấn, và có lậu hoặc đã được đoạn tận, là bậc A-la-hán, có sáu thắng trí, có đại thần lực.

3336. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng hang động.

3337. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3339. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3340. Tại hồ nước lớn Anotatta, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, bậc Trưởng lão Soṇakoṭivisa khi được hỏi câu hỏi đã trả lời.

Đại đức Trưởng lão Soṇakoṭivisa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Soṇakoṭivisa” là phần thứ chín.

390. KÝ SỰ VỀ PHẬT TOÀN GIÁC TÊN PUBBAKAMMAPILOTIKA (*Pubbakammapilotikāpadānaṃ*)

3341. Ở trong khu rừng có nhiều loại hương thơm ở gần hồ nước Anotatta, ở trên mặt phẳng của tảng núi đá đáng yêu được lấp lánh bởi nhiều loại châu ngọc.

3342. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đông đảo, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, ngồi ở tại nơi ấy, đã giảng giải về các việc làm quá khứ của bản thân:

3343. “Này các Tỳ-khưu, hãy lắng nghe Ta. Nghiệp nào đã được tạo ra bởi Ta, nếu là nghiệp có sự liên quan thì cũng sẽ chín muồi cho dầu ở vào bản thể của vị Phật.

3344. Trong những đời sống khác trước đây, Ta đã là kẻ vô lại tên Munāḷī. Ta đã vu cáo đức Phật Độc Giác Sarabhū, [Ngài là] vị không làm điều sái quấy.

3345. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong nhiều ngàn kiếp và đã nhận chịu cảm thọ khổ đau.

3346. Do phần dư sót của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Ta đã nhận lãnh sự vu cáo vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikā.

3347. Đức Phật Sabbābhibhū có vị Thinh văn tên là Nanda. Do sự vu cáo vị [Thinh văn] ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục.

3348. Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong mười ngàn năm. Đạt được bản thể nhân loại, Ta đã nhận lãnh nhiều sự vu cáo.

3349. Do phần dư sót của nghiệp ấy, nàng Ciñcamānavikā đã vu cáo Ta với sự không có thật ở trước đám đông dân chúng.

3350. Ta đã là vị Bà-la-môn thông thái, được tôn vinh kính trọng. Ta đã chỉ dạy về chú thuật cho năm trăm người trai trẻ ở tại khu rừng lớn.

3351. Vị ẩn sĩ Bhīma có năm thắng trí, có đại thần lực, đã đi đến nơi ấy. Và sau khi nhìn thấy vị ấy đi đến, Ta đã vu cáo vị không làm điều sái quấy.

3352. Kế đó, Ta đã nói với các người học trò rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.' Ngay trong khi Ta đang nói, các người trai trẻ đã vui thích theo.

3353. Sau đó, tất cả các người trai trẻ, trong khi khất thực theo từng nhà, đã nói với đám đông dân chúng rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.'

3354. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tất cả năm trăm vị Tỳ-khưu này đã gánh chịu sự vu cáo, vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikā.

3355. Trong thời quá khứ, vì nguyên nhân tài sản, Ta đã giết chết người anh [em] trai khác mẹ [cùng cha]. Ta đã xô vào hẻm núi hiểm trở và đã nghiền nát bằng tảng đá.

3356. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Devadatta đã ném tảng đá và đã làm dập ngón cái ở bàn chân của Ta do mảnh vỡ của tảng đá.

3357. Trước đây, Ta đã là đứa bé trai đang đùa giỡn ở con đường lớn. Sau khi nhìn thấy đức Phật Độc Giác, Ta đã ném đá vụn ở con đường [vào vị Phật ấy].

3358. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Devadatta đã bố trí các sát thủ nhằm mục đích giết hại Ta.

3359. Trước đây, Ta đã là kẻ cỡi voi. [Nhìn thấy] bậc Hiền Trí Độc Giác tối thượng đang đi đó đây để khất thực, Ta đã dùng con voi công kích vị ấy.

3360. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, ở trong kinh thành Giribbaja, con voi Nālāgirī quản trí hung hãn đã tiến gần đến Ta.

3361. Ta đã là đức vua, người trị vì. Ta đã giết chết người đàn ông bằng cây thương. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã bị nung nấu ở địa ngục một cách dữ dội.

3362. Do phần dư sót của nghiệp ấy, giờ đây toàn bộ lớp da ở bàn chân của Ta đã gây khó chịu, bởi vì nghiệp không bị tiêu hoại.

3363. Ta đã là đứa trẻ đánh cá ở trong ngôi làng của các ngư phủ. Sau khi nhìn thấy các con cá bị giết chết, Ta đã sanh tâm vui mừng.

3364. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở đầu của Ta. Và khi Viḍūdabha nổi loạn, tất cả dòng tộc Sakya (Thích-ca) đã bị giết chết.

3365. Vào thời giáo pháp của [đức Phật] Phussa, Ta đã quở mắng các vị Thinh văn rằng: 'Các ngươi hãy nhai, hãy ăn lúa mạch và chớ có ăn cơm gạo sālī.'

3366. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã [phải] ăn lúa mạch ba tháng. Khi ấy, được vị Bà-la-môn thỉnh mời, Ta đã cư ngụ ở Verañjā.

3367. Khi cuộc đấu vật đang được diễn tiến, Ta đã đánh gục người con trai dòng Malla. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở lưng của Ta.

3368. Ta đã là người thầy thuốc. Ta đã cho người con trai nhà triệu phú thuốc xổ. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta có bệnh tiêu chảy.

3369. Lúc bấy giờ, Ta đã là Jotipāla. Ta đã nói với đấng Thiện Thệ Kassapa rằng: 'Giác ngộ là sự đạt được vô cùng khó khăn, do đâu sự Giác ngộ lại có cho kẻ cạo đầu?'

3370. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã thực hành nhiều việc làm khó khăn trong sáu năm ở Uruvelā, sau đó Ta đã đạt được quả vị Giác ngộ.

3371. Ta đã không đạt được quả vị Giác ngộ tối thượng bằng con đường [Trung đạo] này. Bị ngăn cản bởi nghiệp quá khứ, Ta đã tầm cầu đạo lộ sai trái [khổ hạnh].

3372. Ta có sự chấm dứt về phước và tội, Ta đã tránh xa mọi điều bực bội, Ta không sầu muộn, không đau buồn, Ta sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

3373. Đấng Chiến Thắng, vị đã đạt được toàn bộ năng lực của các thắng trí, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, tại hồ nước lớn Anotatta, đã giảng giải như thế.

Đức Thế Tôn đã nói về bài giảng giáo pháp tên Pubbakammapilotika[9] đề cập đến hành động trong quá khứ của bản thân như thế ấy.

"Ký sự về Phật Toàn Giác tên Pubbakammapilotika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Trái cây avanṭa, luôn cả trái bánh mì, trái sung, và trái pilakkha, trái cây phārusa, trái cây valli, và vị có trái chuối, trái mít, vị Koṭivīsa, và ký sự tên "Pubbakammapiloti" của bậc Đại Ẩn Sĩ; [tổng cộng] có chín mươi mốt câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Avanṭaphala là phẩm thứ ba mươi chín.

(Dứt tụng phẩm thứ mười bốn).

[9] *Pubbakammapilotika* tạm dịch là sự việc có liên quan (*pilotika*) nghiệp (*kamma*) quá khứ (*pubba*).

XL. PHẨM PIḶINDIVACCHA
(*PIḶINDIVACCHAVAGGO*)

391. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIḶINDIVACCHA
(*Piḷindivacchattherāpadānaṃ*)

3374. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Haṃsavatī. Của cải đã được tích lũy trong nhà của tôi là không bị suy suyển, không thể đo lường.

3375. Sau khi đi đến nơi vắng vẻ rồi ngồi xuống, tôi đã được vui vẻ tâm trí. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy:

3376. "Ta đã đạt được nhiều của cải, nội phòng của ta là trù phú. Ngay cả đức Vua Ānanda, vị chúa tể trái đất, cũng đã thỉnh mời [ta].

3377. Và đức Phật này đã hiện khởi. Bậc Hiền Trí là hiện tượng hiếm hoi. Và của cải của ta được biết đến, ta sẽ dâng cúng vật thí đến bậc Đạo Sư.

3378. Vật thí cao quý đã được Vương tử Paduma dâng cúng đến đấng Chiến Thắng là các con long tượng cùng với các ghế bành và sự ủng hộ không phải là ít ỏi.

3379. Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí chưa được những người khác dâng cúng trước đây đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiên."

3380. Sau khi suy nghĩ về quả báo hạnh phúc ở sự cống hiến của việc ấy theo nhiều cách, tôi đã nhìn thấy sự dâng cúng vật dụng là đáp ứng được ý định của tôi.

3381. "Ta sẽ dâng cúng các loại vật dụng chưa được những người khác dâng cúng trước đây đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiên."

3382. Ngay lập tức tôi đã đi đến các người làm nghề tre và đã bảo làm lọng che. Tôi đã tập trung một trăm ngàn chiếc lọng che thành một đống.

3383. Tôi đã tập trung một trăm ngàn tấm vải thành một đống. Tôi đã tập trung một trăm ngàn bình bát thành một đống.

3384. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các chiếc búa nhỏ, các con dao nhỏ, và luôn cả các kim khâu, các đồ cắt móng, rồi đã cho treo chúng ở bên dưới chiếc lọng che.

3385. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các cây quạt gió, các cây quạt lá cọ, các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng, các đồ lọc nước và các vật đựng dầu.

3386. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các hộp đựng kim, các dây đeo ở vai, luôn cả các dây buộc thân, và các chân kê [bình bát] đã được làm khéo léo.

3387. Tôi đã chứa đầy các chậu đựng vật dụng và luôn cả các tô nhỏ bằng đồng với thuốc men, rồi đã đặt chúng ở bên dưới chiếc lọng che.

3388. Tôi đã chứa đầy các chậu với mọi thứ như là rễ cây, cỏ usīra, mật mía, trái tiêu dài, các hạt tiêu, trái harītakī, củ gừng.

3389. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các đôi dép, các đôi giày, các vật lau khô nước, các cây gậy chống được làm khéo léo.

3390. [Tôi đã bảo làm] các ống thuốc bôi, các que bôi thuốc, các bình lọc nước, các chìa khóa, các túi đựng chìa khóa được thêu với năm loại màu sắc.

3391. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các vải băng bó, các ống dẫn khói, và luôn cả các chân đèn, các vật đo lường và các hòm nhỏ.

3392. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các kẹp gắp, các cây kéo, rồi các vật hốt rác và luôn cả các túi đựng thuốc men.

3393. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các ghế dài, các ghế đẩu, các ghế bành bằng bốn vật liệu,[1] và đã xếp đặt ở bên dưới chiếc lọng che.

3394. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các tấm nệm lông cừu, các tấm nệm bông gòn, luôn cả các tấm nệm ở ghế đẩu, và các chiếc gối đã được làm khéo léo.

3395. [Tôi đã bảo làm] các vật kỳ cọ, các loại sáp ong, dầu ăn, lò sưởi ấm tay, hộp đựng, các tấm ván, kim khâu, cùng với tấm trải giường.

3396. [Tôi đã bảo làm] các chỗ nằm ngồi, các thảm chùi chân, các gậy chống ở giường ghế, các vật chà răng và tăm xỉa răng, các dầu thơm bôi ở đầu.

3397. [Tôi đã bảo làm] các vật tạo ra lửa, các ghế rơm, các nắp bình bát và các tô nhỏ, các vá múc nước, bột tắm và chậu nhuộm.

3398. [Tôi đã bảo làm] cái chổi, bể nước, tương tợ như thế là vải choàng tắm mưa, tấm lót ngồi, vải đắp ghẻ và y nội.

3399. [Tôi đã bảo làm] thượng y và y hai lớp, dụng cụ xông mũi, đồ làm sạch miệng, nhiều giấm chua và muối, mật ong và thức uống từ sữa chua.

3400. [Tôi đã bảo làm] nhang thơm, sáp ong, vải vụn, khăn lau mặt, chỉ sợi, bất cứ vật gì được gọi là vật có thể dâng cúng, và bất cứ vật gì thích hợp đối với bậc Đạo Sư.

3401. Sau khi tập hợp mọi thứ này lại, tôi đã đi đến gặp đức Vua Ānanda. Sau khi đã gặp bậc sanh thành của vị Đại Ẩn Sĩ, tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã nói lời nói này:

3402. "[Chúng ta] đã được sanh ra và lớn lên cùng nhau, tâm ý của cả hai là tương đồng, có sự chia sẻ sướng khổ, và cả hai có cùng chí hướng.

---

[1] Bốn loại vật liệu là vàng, ngọc ma-ni, ngọc pha lê và hồng ngọc (*Ap*. II, câu kệ 4760, 5368, 6397; *Ap*. III, câu kệ 174).

3403. Tâu vị cảm hóa kẻ thù địch, [thần] có nỗi khổ trong tâm có liên quan đến Bệ hạ. Tâu vị Sát-đế-ly, nếu Bệ hạ có khả năng xin Bệ hạ hãy dẹp tan nỗi khổ ấy."

3404. "Nỗi khổ của ngươi là nỗi khổ của trẫm, tâm ý của cả hai là tương đồng. Nếu là việc có liên quan đến trẫm thì ngươi hãy nhận biết rằng: 'Việc đã được hoàn tất.'"

3405. "Tâu Đại vương, xin Bệ hạ hiểu cho thần, nỗi khổ của thần là khó mà dẹp tan. Trong khi có thể, xin Bệ hạ hãy tuyên bố rằng có một vật quý giá mà Bệ hạ khó từ bỏ được."

3406. "Cho dù là vương quốc, cho đến sanh mạng của trẫm, nếu có sự lợi ích cho ngươi với những vật này thì trẫm sẽ ban cho, không ngần ngại."

3407. "Tâu Bệ hạ, quả nhiên Bệ hạ đã tuyên bố. [Tuy nhiên] điều ấy đã được nhiều người tuyên bố một cách xằng bậy. Hôm nay thần sẽ biết rằng Bệ hạ có được cương quyết trong mọi vấn đề [hay không?]"

3408. "Ngươi đã ép buộc trẫm quá đáng trong khi trẫm đang ban phát cho ngươi. Ngươi được lợi ích gì với việc đã ép buộc trẫm? Ngươi hãy nói cho trẫm điều đã được ngươi mong mỏi."

3409. "Tâu Đại vương, thần ao ước đức Phật tối thượng, đấng Vô Thượng. Thần sẽ chăm lo bữa ăn đến bậc Toàn Giác, xin chớ để cho cuộc sống của thần trở thành tội lỗi."

3410. "Trẫm sẽ ban cho ngươi điều ân huệ khác, chớ cầu xin [trẫm về] đức Như Lai. Đức Phật tợ như viên ngọc ma-ni như ý, không thể ban tặng cho bất cứ ai."

3411. "Tâu Bệ hạ, phải chăng điều đã được ngài tuyên bố là [sẽ ban tặng] ngay cả sanh mạng của chính mình? Đúng ra nên ban tặng đức Như Lai hơn là bố thí sanh mạng."

3412. "Bậc Đại Hùng nên được đặt riêng, đấng Chiến Thắng không thể ban tặng cho bất cứ ai, đức Phật sẽ không được trẫm đồng ý. Ngươi hãy chọn lấy tài sản vô hạn lượng đi."

3413. "Chúng ta hãy tìm đến sự phân xử, chúng ta sẽ hỏi các vị quan tòa. Chúng ta hãy tranh cãi về vấn đề ấy theo cách thức mà họ sẽ giải bày."

3414. Tôi đã nắm lấy tay của đức vua rồi đã đi đến tòa án. Trước các vị quan phán xử, tôi đã nói lời nói này:

3415. "Xin các quan phán xử hãy lắng nghe tôi. Đức vua đã ban cho tôi điều ân huệ, không loại trừ bất cứ vật gì, ngài cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa.

3416. Khi ngài đã ban điều ân huệ cho tôi, tôi đã cầu xin đức Phật tối thượng. [Như vậy] đức Phật là đã được ban cho tôi một cách tốt đẹp, hay là tôi còn có điều nghi ngờ?"

3417. "Chúng tôi sẽ lắng nghe lời nói của ngươi và của đức vua là vị hộ trì

xứ sở. Sau khi lắng nghe lời nói của cả hai, chúng tôi sẽ chặt đứt điều nghi hoặc ở tại nơi đây."

3418. "Tâu Bệ hạ, có phải ngài đã ban cho tất cả mọi thứ thuộc quyền sở hữu đến người này, và cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa, không loại trừ bất cứ vật gì?"

3419. "Chính vì bị lâm vào tình cảnh khó khăn, [người này] đã cầu xin điều ân huệ vô thượng. Sau khi biết được người này vô cùng đau khổ, trẫm đã ban cho mọi thứ thuộc quyền sở hữu."

3420. "Tâu Bệ hạ, phần thua là thuộc về ngài, đức Như Lai nên được ban cho người này. Sự nghi hoặc của hai vị đã được chặt đứt, xin hai vị hãy duy trì đúng theo sự việc."

3421. Đứng ngay tại nơi ấy, đức vua đã nói điều này với vị quan phán xử: "Này các hiền thần, nếu các ngươi cũng có thể ban cho trẫm [điều ân huệ] thì trẫm [sẽ] nhận lại đức Phật."

3422. "Sau khi đã làm tròn đủ ý định của ngươi, sau khi đã chăm lo bữa ăn cho đức Như Lai, ngươi nên giao lại bậc Toàn Giác cho vị có danh vọng lớn lao Ānanda."

3423. Sau khi đảnh lễ các vị quan phán xử và cả vị Sát-đế-ly Ānanda nữa, tôi đã trở nên hớn hở vui mừng và đã đi đến gặp đấng Toàn Giác.

3424. Sau khi đã đi đến gặp đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã nói lời nói này:

3425. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. Ngài đang đem lại nỗi vui mừng cho tâm của con, xin Ngài hãy ngự đến căn nhà của con."

3426. Biết được ý định của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã nhận lời.

3427. Sau khi biết được sự nhận lời [của đức Phật], tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. Trở nên mừng rỡ, có tâm phấn chấn, tôi đã đi về nhà.

3428. Sau khi triệu tập lại bạn bè và các viên quan lại, tôi đã nói lời nói này: "Tôi đã đạt được sự thành tựu vô cùng khó khăn, giống như [đã đạt được] viên ngọc ma-ni như ý.

3429. Ngài là đấng Vô Lượng Vô Song, là bậc Trí Tuệ không người tương đương, không kẻ sánh bằng, là đấng Chiến Thắng không người đối thủ, chúng ta sẽ cúng dường Ngài bằng vật gì?

3430. Tương tợ như vậy, đấng Nhân Ngưu chính là vị tương đương với bậc không thể sánh bằng, không có người thứ hai, vì thế hành động hướng thượng xứng đáng với đức Phật là việc làm khó khăn đối với tôi.

3431. Chúng ta hãy thu thập những bông hoa khác loại và hãy thực hiện mái che bằng bông hoa; mọi sự cúng dường này sẽ là xứng đáng với đức Phật."

3432. Tôi đã cho thực hiện mái che bằng hoa sen xanh, luôn cả hoa sen hồng, hoa vassika, hoa adhimuttaka, hoa campaka và hoa nāga.

3433. Tôi đã sắp đặt một trăm ngàn chỗ ngồi ở bóng râm của các chiếc lọng che. Chỗ ngồi cuối cùng dành cho tôi trị giá hơn một trăm [đồng tiền].

3434. Tôi đã sắp đặt một trăm ngàn chỗ ngồi ở bóng râm của các chiếc lọng che. Sau khi cho chuẩn bị cơm nước, tôi đã thông báo về thời điểm.

3435. Khi thời điểm đã được thông báo, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến căn nhà của tôi.

3436. Cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống [chỗ ngồi] có chiếc lọng che đang được duy trì ở phía bên trên, ở mái che làm bằng bông hoa khéo được nở rộ.

3437. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy thọ nhận một trăm ngàn chiếc lọng che, một trăm ngàn chỗ ngồi đúng phép tắc và không phạm sai trái."

3438. Có ý định giúp cho tôi vượt qua, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí ấy đã tiếp nhận.

3439. Tôi đã dâng cúng mỗi vị Tỳ-khưu một cái bình bát riêng biệt. Các vị đã xả bỏ bình bát trước đây và đã sử dụng bình bát bằng kim loại.

3440. Đức Phật đã ngồi ở mái che bông hoa bảy ngày đêm. Trong khi giúp cho nhiều chúng sanh được giác ngộ, Ngài đã chuyển vận bánh xe giáo pháp.

3441. Trong khi Ngài đang chuyển vận bánh xe giáo pháp ở bên dưới mái che bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi bốn ngàn [chúng sanh].

3442. Khi ngày thứ bảy đã đến, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara ngồi ở bóng râm của chiếc lọng che đã nói lên những lời kệ này:

3443. "Người thanh niên nào đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3444. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3445. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng và các cỗ xe kéo sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3446. Sáu mươi ngàn cỗ xe ngựa được trang hoàng với tất cả các loại trang sức sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3447. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên trình tấu đến người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3448. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

3449. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3450. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

3451. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3452. Trong khi đang sống ở thế giới chư thiên, người có được nghiệp phước thiện sở hữu chiếc lọng che bằng châu báu bao trùm toàn bộ thế giới chư thiên.

3453. Khi [người này] ước ao bóng râm, thì có chiếc lọng che được tạo ra từ vải và bông hoa sẽ che bóng râm một cách thường xuyên, thuận theo tâm ý của người này.

3454. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, [người này] sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

3455. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3456. Biết rõ về toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng.

3457. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Piḷindivaccha, và sẽ được kính trọng trong số chư thiên, các a-tu-la, và các càn-thát-bà.

3458. Sau khi trở thành người được mến mộ đối với tất cả, đối với các vị Tỳ-khưu, đối với các vị Tỳ-khưu-ni, và tương tợ như thế ấy đối với các người tại gia, vị ấy sẽ sống, không còn lậu hoặc."

3459. Việc làm đã được thực hiện [trước đây] một trăm ngàn kiếp, đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

3460. Ôi, việc làm đã khéo được tôi thực hiện ở phước điền vô thượng. Sau khi thực hiện việc làm ở tại nơi ấy, tôi đã đạt được vị thế bất động.

3461. Chính người thanh niên đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì, đã là người đầu tiên, đã là vị tiên phong; điều này là quả báo của việc dâng cúng ấy.

3462. Sau khi dâng cúng các chiếc lọng che đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3463. Tôi không biết đến sự lạnh, sự nóng, bụi bặm và mồ hôi không vấy bẩn, không có sự nguy khốn và không có tai họa, tôi luôn luôn được tôn trọng.

3464. Tôi có làn da mềm mại, có tâm ý trong sạch, một trăm ngàn chiếc lọng che là thuộc về tôi trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu.

3465. Do tác động của nghiệp ấy, [các chiếc lọng ấy] được gắn mọi thứ trang sức và được duy trì ở đỉnh đầu của tôi, ngoại trừ đời sống này.

3466. Tại sao không có sự duy trì các chiếc lọng cho tôi trong đời sống này? Vì tất cả các nghiệp đã được tôi làm là nhằm đạt đến chiếc lọng giải thoát.

3467. Sau khi dâng cúng các tấm vải đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3468. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng.

3469. Có một trăm ngàn tấm vải màu trắng, màu vàng và màu đỏ được duy trì ở đỉnh đầu của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm vải.

3470. Từ thành quả của những việc ấy, ở tất cả các nơi tôi đều có được y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải.

3471. Sau khi dâng cúng các bình bát đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3472. Tôi sử dụng các đĩa làm bằng hồng ngọc, các đĩa bằng vàng, các đĩa bằng ngọc ma-ni, và luôn cả các tô nhỏ bằng bạc vào mọi thời điểm.

3473. Tôi không có sự nguy khốn và không có tai họa, luôn luôn được tôn trọng. Tôi có sự thành tựu về cơm ăn, nước uống, vải vóc và giường nằm.

3474. Các của cải của tôi không bị tiêu hoại, tôi có tâm vững chãi. Tôi luôn luôn có sự mong muốn về giáo pháp, ít phiền não, không còn lậu hoặc.

3475. Ở tất cả các nơi, ở thế giới chư thiên hay loài người, những đức tính này là gắn bó không lìa bỏ tôi, cũng giống như bóng râm của cây cối vậy.

3476. Sau khi dâng cúng nhiều chiếc búa nhỏ được gắn liền với chùm tua có màu sắc, khéo được thực hiện đến đức Phật tối thượng, và tương tợ y như thế đến hội chúng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3477. Tôi luôn luôn dũng cảm, không có sự loạn động, và có sự toàn hảo về các lòng tự tin, có nghị lực, có sự tinh cần, có tâm ý được tập trung.

3478. Từ thành quả của việc ấy, ở khắp mọi nơi tôi đều đạt được sự dứt trừ phiền não, [cùng với] trí tuệ tinh tế, không thể ước lượng, tinh khiết.

3479. Với tâm tịnh tín, tôi đã dâng cúng nhiều con dao nhỏ không bị sần sùi, không thô kệch, rất bóng láng đến đức Phật, và tương tợ y như thế đến hội chúng.

3480. Tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. [Tôi có được] tâm tốt đẹp, sự tinh cần, sự nhẫn nại và con dao từ ái.

3481. [Và] lưỡi gươm tuệ vô thượng có tính chất dứt trừ mũi tên tham ái. Từ thành quả của những việc ấy, tôi đạt được trí tuệ sánh với kim cương.

3482. Sau khi dâng cúng các cây kim khâu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3483. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi luôn luôn có tuệ sắc bén, không có sự hoài nghi, có sự cắt đứt mọi điều nghi hoặc, có sắc đẹp và có của cải.

3484. Tôi đã nhìn thấy ý nghĩa và nguyên nhân thâm sâu vi tế bằng trí tuệ. Trí tuệ của tôi là sự tiêu diệt điều tăm tối, được sánh với kim cương cao quý.

3485. Sau khi dâng cúng các đồ cắt móng đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3486. Tôi có được nhiều tôi nam, tớ gái, bò, ngựa, người làm công, người canh gác, người hầu tắm, người phục vụ bữa ăn, người đầu bếp ở khắp tất cả các nơi.

3487. Sau khi dâng cúng các cây quạt gió và các cây quạt lá cọ xinh xắn đến đức Thiện Thệ, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3488. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bứt rứt không hiện hữu, tôi không biết đến sự ưu phiền và sự bực bội ở tâm của tôi.

3489. Từ thành quả của việc ấy của tôi, tất cả các ngọn lửa của tôi là lửa tham ái, lửa sân hận và si mê, lửa ngã mạn và lửa tà kiến đã bị dập tắt.

3490. Sau khi dâng cúng các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng đến hội chúng, tập thể tối thượng, tôi có phiền não được lặng yên, tôi sống không có tật xấu.

3491. Sau khi dâng cúng các đồ lọc nước đến đức Thiện Thệ và các bậc tối thượng thực hành giáo pháp, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3492. Tôi vượt trội tất cả và đạt được tuổi thọ ở cõi trời, tôi không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ trộm cướp hoặc những kẻ thù địch.

3493. Từ thành quả của những việc ấy, người ta cũng không làm tổn hại tôi bằng vũ khí hoặc bằng thuốc độc, tình trạng chết yểu không xảy đến cho tôi.

3494. Sau khi dâng cúng các vật đựng dầu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3495. Tôi có dáng vóc vô cùng tao nhã, có giọng nói tốt, tâm ý khéo hướng thượng, tâm tư không rối loạn, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ.

3496. Sau khi dâng cúng các hộp đựng kim đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3497. Tôi có sự an lạc của tâm, có sự an lạc của thân, có sự an lạc sanh lên từ các oai nghi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3498. Sau khi dâng cúng các dây đeo ở vai đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3499. Và từ thành quả của việc ấy, tôi đạt được trí biết tâm của người khác, tôi nhớ lại kiếp sống thứ nhì, tôi có làn da đẹp toàn diện.

3500. Sau khi dâng cúng các dây buộc thân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3501. Tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận.

3502. Tôi có niệm đã được thiết lập, sự run sợ của tôi là không được biết đến, các đức tính này được gắn liền dầu ở thế giới chư thiên hay là nhân loại.

3503. Sau khi dâng cúng các chân kê [bình bát] đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi được thừa hưởng năm loại màu sắc, tôi không bị lay động bởi bất cứ điều gì.

3504. Bất cứ các pháp nào tôi đã được nghe đều là những sự thức tỉnh cho niệm và trí. Những gì đã được tôi ghi nhớ là không tiêu hoại, chúng được xét đoán cẩn thận.

3505. Sau khi dâng cúng các chậu đựng cùng các vật dụng đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3506. Tôi đạt được các chậu đựng làm bằng vàng, làm bằng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa.

3507. Những người vợ và các tôi trai, tớ gái, các tượng binh, kỵ binh, xa binh, bộ binh và luôn cả những người nữ trung thành nữa, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc.

3508. Các môn khoa học, các từ ngữ về chú thuật, luôn cả nhiều kinh điển các loại, cùng tất cả các học nghệ, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc.

3509. Sau khi dâng cúng các tô nhỏ đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3510. Tôi đạt được các tô nhỏ làm bằng vàng, làm bằng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa.

3511. Tôi đạt được các tô nhỏ làm bằng gỗ assattha, bằng vỏ trái bầu, hoặc bằng các lá sen, và các vỏ sò ốc cho việc uống mật ong.

3512. Tôi có sự thực hành về phận sự, về đức hạnh, về các hành động thuộc về ứng xử; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3513. Sau khi dâng cúng thuốc men đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập

thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3514. Từ thành quả của việc ấy, tôi có tuổi thọ, có sức mạnh, dũng cảm, có sắc đẹp, có uy quyền, có sự sung sướng, không có sự nguy khốn, không có tai họa, và luôn luôn được tôn trọng, không có sự xa lìa với những người yêu mến của tôi.

3515. Sau khi dâng cúng các đôi dép đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3516. Sáu chục trăm ngàn (sáu triệu) phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng, và các cỗ xe kéo luôn luôn vây quanh tôi.

3517. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, có những chiếc giày làm bằng ngọc ma-ni, bằng len, bằng vàng, và bằng bạc hiện ra ở những lần giở bàn chân lên.

3518. Theo quy luật tự nhiên, chúng di chuyển hướng đến việc tẩy sạch các hành động tội lỗi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3519. Sau khi dâng cúng các đôi giày đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đã mang vào chiếc giày có thần lực và tôi sống theo như ước muốn.

3520. Sau khi dâng cúng các miếng vải lau khô nước đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3521. Tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng, không vấy bẩn bụi bặm và mồ hôi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3522. Sau khi dâng cúng các cây gậy chống đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3523. Tôi có nhiều người con trai, sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không bao giờ bị áp bức, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ, thậm chí sự té ngã tôi cũng không biết, tâm ý của tôi không bị tản mạn.

3524. Sau khi dâng cúng thuốc bôi đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3535. Tôi có [cặp] mắt to màu trắng, màu vàng và màu đỏ, có nhãn quan được tịnh tín không bị vẩn đục, được lánh xa mọi tật bệnh.

3526. Tôi đạt được thiên nhãn và tuệ nhãn vô thượng; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3527. Sau khi dâng cúng các chìa khóa đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đạt được chìa khóa trí tuệ, vật mở ra cánh cửa giáo pháp.

3528. Sau khi dâng cúng các túi đựng chìa khóa đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi ít giận dữ, không buồn phiền.

3529. Sau khi dâng cúng các vải băng bó đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3530. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận, có sự thành tựu của cải được sanh lên.

3531. Sau khi dâng cúng các ống dẫn khói đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3532. Niệm của tôi là trực chỉ, các sợi gân khéo được liên kết, tôi đạt được thiên nhãn là từ thành quả của việc ấy.

3533. Sau khi dâng cúng các chân đèn đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3534. Tôi có sự sanh ra tốt đẹp, được đầy đủ các phần thân thể, có tuệ hướng đến giác ngộ; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3535. Sau khi dâng cúng các vật đo lường và các hòm nhỏ đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3536. Tôi luôn luôn cảnh giác, có được sự an lạc, có danh vọng lớn lao, đồng thời có cả tương lai, được xa lìa sự thất bại, có sự tinh tế, được lánh khỏi tất cả các hiểm họa.

3537-38. Và tôi có sự đạt được các đức tính vĩ đại, tôi có hành vi bình lặng, sự kích động đã được xa lìa hẳn, tôi đạt được các vật đo lường và các hòm nhỏ có bốn màu cùng với các con voi, các con ngựa và châu báu, những vật này của tôi không bị tiêu hoại; điều này là quả báo của việc dâng cúng các vật đo lường.

3539. Sau khi dâng cúng các ống đựng thuốc bôi đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3540. Tôi có đủ tất cả các tướng mạo, có tuổi thọ, trí tuệ và [tâm] định tĩnh, thân của tôi luôn luôn được thoát khỏi mọi sự mệt nhọc.

3541. Sau khi dâng cúng các cây kéo có cán nhỏ vô cùng bén đến hội chúng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiết, vật cắt xén các phiền não.

3542. Sau khi dâng cúng các kẹp gắp đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiết, vật gắp bỏ các phiền não.

3543. Sau khi dâng cúng các dụng cụ xông mũi đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3544. Tôi có đức tin, giới hạnh, luôn cả sự hổ thẹn tội lỗi và đức tính ghê sợ [tội lỗi], có sự học hỏi, sự dứt bỏ của cải, sự nhẫn nại và trí tuệ là đức tính thứ tám.

3545. Sau khi dâng cúng các ghế đẩu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3546. Tôi được sanh ra ở gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao, tất cả tôn trọng tôi, danh tiếng của tôi được lan truyền.

3547. Trong một trăm ngàn kiếp, các chiếc ghế bành hình vuông thường xuyên vây quanh tôi, tôi vui thích trong sự ban phát.

3548. Sau khi dâng cúng các tấm nệm đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3549. Tôi có thân thể đều đặn, được tôn trọng, là người mềm mỏng, có dáng vóc tao nhã, tôi đạt được nhóm tùy tùng có trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng nệm.

3550. Tôi đạt được các nệm bông vải đủ các hình dạng, nhiều tấm thảm dệt có hình vẽ, các tấm tranh vải quý giá và nhiều loại chăn mền.

3551. Tôi đạt được các tấm áo khoác mềm mại, các mảnh da dê mềm mại và các tấm trải lót nhiều loại; điều này là quả báo của việc dâng cúng nệm.

3552. Kể từ khi tôi nhớ được bản thân, kể từ khi tôi đạt được sự hiểu biết, tôi không là kẻ vô tích sự, tôi là chiếc nôi của thiền; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm nệm.

3553. Sau khi dâng cúng các chiếc gối đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3554. Tôi luôn luôn kê đầu ở những chiếc gối len, những chiếc gối gương sen và những chiếc gối gỗ trầm màu đỏ.

3555. Sau khi hướng dẫn trí đến đạo lộ cao quý tám chi phần, bốn quả vị Sa-môn, tôi an trú vào các pháp ấy trong mọi thời điểm.

3556. Sau khi hướng dẫn trí đến sự bố thí, sự rèn luyện, sự thu thúc và các pháp vô lượng tâm [từ, bi, hỷ, xả] thuộc sắc giới, tôi an trú vào các pháp ấy trong mọi thời điểm.

3557. Sau khi đặt tâm trí vào phận sự, đức hạnh, sự thực hành và các hành động thuộc về ứng xử, tôi an trú [vào các pháp ấy] trong mọi thời điểm.

3558. Sau khi hướng dẫn trí đến đường kinh hành, hoặc sự nỗ lực tinh tấn ở các chi phần giác ngộ, tôi an trú vào các pháp ấy theo như ý thích.

3559. Sau khi hướng dẫn trí đến giới, định, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi an trú vào các pháp ấy một cách an lạc.

3560. Sau khi dâng cúng các ghế rơm đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3561. Tôi hưởng thụ nhiều ghế bành thượng hạng làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngà voi và lõi gỗ; điều này là quả báo của chiếc ghế rơm.

3562. Sau khi dâng cúng các ghế kê chân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3563. Tôi đạt được nhiều phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân. Các tôi nam, tớ gái, các người vợ, và những người khác sống nương tựa đều phục vụ tôi một cách nghiêm chỉnh; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân.

3564. Sau khi dâng cúng các chất dầu bôi đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3565. Tôi có được sự không bệnh tật, sự thành tựu về dáng vóc, sự tiếp thu giáo pháp một cách nhạy bén, sự đạt được cơm ăn nước uống, và nhóm năm là tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh và trí tuệ.

3566. Sau khi dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3567. Tôi luôn luôn có được sức mạnh, được thành tựu về dáng vóc, có cơ thể tươi vui, không có bệnh, sạch sẽ; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn.

3568. Sau khi dâng cúng vật làm sạch miệng đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3569. Tôi có cổ họng sạch sẽ, có giọng nói ngọt ngào, được tránh khỏi bệnh ho, bệnh suyễn, và hương thơm của hoa sen luôn luôn tỏa ra từ miệng của tôi.

3570. Sau khi dâng cúng sữa đông đầy đủ phẩm chất đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng tài sản bất tử cao quý, đó là niệm hướng đến thân.

3571. Sau khi dâng cúng mật ong đạt được màu sắc và hương vị đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tôi uống hương vị giải thoát không thể ước lượng, không gì sánh bằng.

3572. Sau khi dâng cúng chất tinh túy ở trạng thái thiên nhiên đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng bốn [Thánh] quả tương xứng với nghiệp của tôi.

3573. Sau khi dâng cúng cơm ăn và nước uống đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3574. Tôi luôn luôn có tuổi thọ, có sức mạnh, sáng suốt, có dung sắc, có uy quyền, có sự sung sướng, có sự thành tựu về cơm ăn và nước uống, dũng cảm, có trí tuệ, tôi đạt được những đức tính này trong khi luân hồi ở cõi hữu.

3575. Sau khi dâng cúng nhang [thơm] đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3576-77. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được cơ thể có mùi thơm ngào ngạt, có uy quyền, có tuệ nhạy bén, có danh tiếng, có tuệ sắc bén, có tuệ bao la, có tuệ vi tiếu và tuệ thâm sâu, có tuệ rộng lớn và tuệ đồng tốc. Giờ đây, do nhờ tác động của chính việc ấy, tôi đạt đến sự tịnh lặng, an lạc, Niết-bàn.

3578. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3579. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3580. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piḷindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piḷindivaccha" là phần thứ nhất.

392. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SELA (*Selattherāpadānaṃ*)

3581. Tôi đã là vị chủ quản đường lộ ở thành phố Haṃsavatī. Tôi đã tập hợp thân quyến của tôi lại và đã nói lời nói này:

3582. "Đức Phật, vị Phước Điền Vô Thượng đã hiện khởi ở thế gian. Ngài là vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của toàn bộ thế gian.

3583. Các vị Sát-đế-ly, luôn cả các thị dân và các Bà-la-môn vô cùng sang trọng có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3584. Các người nài voi, các lính ngự lâm, các người đánh xe, các binh lính có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3585. Các vị con lai [có cha dòng Sát-đế-ly và mẹ là nô bộc], các người con trai của đức vua, các thương buôn và các Bà-la-môn có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3586. Các người đầu bếp, các người phục vụ, các người hầu tắm, các người làm tràng hoa có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3587. Các người thợ nhuộm, các người thợ dệt, các người thuộc da và các người thợ cạo có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3588. Các người làm tên, các người thợ tiện, các người thợ da luôn cả các người thợ mộc có tâm tịnh tín có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3589. Các người thợ rèn, các người thợ vàng; cũng vậy, các người thợ thiếc có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3590. Các người làm công, luôn cả các trẻ sai vặt, nhiều kẻ nô lệ làm công, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3591. Các người gánh nước, các người gánh củi, các nông dân và các người gánh cỏ, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3592. Các người trồng hoa, luôn cả các người làm tràng hoa, các người hốt lá, các người gánh trái cây, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3593. Các cô kỹ nữ, các cô hầu đội nước, các cô bán bánh và các bà bán cá, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3594. Xin quý vị hãy đi đến. Tất cả chúng ta hãy tụ hội lại và cùng nhau kết hợp lại thành nhóm. Chúng ta sẽ thực hiện hành động hướng thượng đến phước điền vô thượng."

3595. Sau khi lắng nghe lời nói của tôi, họ đã tức thời kết hợp lại thành nhóm và đã cho thực hiện hội trường phục vụ được xây dựng khéo léo dành cho hội chúng Tỳ-khưu.

3596. Sau khi cho làm hoàn tất hội trường ấy, tôi đã trở nên phấn khởi, có tâm ý hớn hở. Được tất cả những người ấy tháp tùng, tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác.

3597. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã nói lời nói này:

3598. "Bạch đấng Anh Hùng, ba trăm người nam này là cùng nhóm. Bạch bậc Hiền Trí, họ cống hiến đến Ngài hội trường phục vụ đã được xây dựng khéo léo."

3599. Bậc Hữu Nhãn đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu đã tiếp nhận và trước ba trăm người, Ngài đã nói lên những lời kệ này:

3600. "Ba trăm người cùng với vị trưởng thượng đã hợp tác cùng nhau. Sau khi thực hiện, tất cả các ngươi sẽ thọ hưởng thành quả.

3601. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, các ngươi sẽ chạm được Niết-bàn an tịnh, có trạng thái mát mẻ, vô thượng, không già, không chết."

3602. Đức Phật, bậc Toàn Tri, vị Sa-môn vô thượng đã chú nguyện như thế. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, tôi đã bày tỏ sự vui mừng.

3603. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã là vị thống lãnh chư thiên cai quản thiên quốc năm trăm lần.

3604. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Các vị đại thiên đã đảnh lễ tôi khi tôi đang cai quản thiên quốc.

3605. Ở đây, trong vương quốc nhân loại, nhóm người [trước đây] trở

thành bà con họ hàng. Khi kiếp sống cuối cùng đã đến, có người Bà-la-môn tên Vāseṭṭha.

3606. Tôi đã là người con trai của vị ấy, có sự tích lũy tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu). Tên của tôi là Sela. Tôi đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần [của vị Bà-la-môn].

3607-08. Trong khi dẫn đầu những người học trò của mình đi bách bộ đó đây, tôi đã nhìn thấy vị đạo sĩ khổ hạnh tên Keṇiya, mang búi tóc và giỏ vật dụng, có vật cúng hiến đã được chuẩn bị và tôi đã nói lời nói này: "Có phải ông đã thỉnh mời cô dâu, hoặc chú rể, hay là đức vua?"

3609. "Tôi có ý định dâng tặng vật hiến cúng đến vị Bà-la-môn đã được công nhận là vị Trời. Tôi không thỉnh mời đức vua, vật hiến cúng của tôi không có.

3610. Và tôi thì không có cô dâu, chú rể của tôi thì không được biết đến. Còn vị đem lại niềm hoan hỷ cho dòng họ Sakya là bậc Trưởng Thượng Ở Thế Gian, luôn cả chư thiên.

3611. Vị ấy là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, vì sự lợi ích và tấn hóa của toàn bộ thế gian, vị ấy đã được tôi thỉnh mời ngày hôm nay. Đây là vật chuẩn bị cho vị ấy.

3612. Đức Phật đã được [tôi] thỉnh mời vào ngày mai là vị có màu da tợ như trái cây timbarū, là bậc vô lượng, vô song, không thể sánh bằng về dáng vóc.

3613. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực tương tợ tia chớp.

3614. Đức Phật đã được tôi thỉnh mời ấy giống như ngọn lửa ở đỉnh ngọn núi, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy.

3615. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy như là con sư tử, không bị hãi sợ, đã vượt qua sự sợ hãi, là bậc Hiền Trí có sự chấm dứt việc tái sanh.

3616. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo trong các pháp của chư Phật. Ngài không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ khác, tương tợ con voi.

3617. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo về sự thực hành trong Chánh pháp, là vị Phật hùng tráng không thể sánh bằng, tương tợ con bò mộng.

3618. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị có phẩm hạnh vô biên, có danh vọng vô lượng, có tất cả tướng mạo rực rỡ, tương tợ [Chúa trời] Sakka.

3619. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị có năng lực, có đồ chúng, có sự huy hoàng, có sự vẻ vang, khó mà tiếp cận, tương tợ đấng Phạm thiên.

3620. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có giáo pháp đã

đạt, là đấng Thập Lực, là bậc thông thạo về năng lực và siêu năng lực, tương tợ trái đất.

3621. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy được vây bủa bởi các làn sóng giới hạnh, không bị lay động do sự nhận thức [của giác quan] đối với các đối tượng, tương tợ biển cả.

3622. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là khó mà tiếp cận, khó mà chế ngự, không bị lay chuyển, hướng thượng, cao thượng, tương tợ núi Neru.

3623. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có trí tuệ vô biên, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không thể ước lượng, đã đạt đến tột đỉnh, tương tợ bầu không gian.

(Dứt tụng phẩm thứ mười lăm).

3624. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị an ủi, là chốn nâng đỡ cho những kẻ bị khiếp hãi lo sợ, là sự bảo vệ cho những người đến nương nhờ.

3625. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là hầm mỏ châu báu, là chỗ trú của những người có trí giác ngộ, là phước điền của những người tầm cầu sự an lạc.

3626. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc an ủi, tạo ra niềm phấn khởi, là đấng ban phát quả vị Sa-môn, tương tợ đám mây [đem lại cơn mưa].

3627. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là con mắt của thế gian, có oai lực lớn lao, là sự xua đi tất cả các bóng tối, tương tợ mặt trời [xua tan đêm đen].

3628. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Hiền Trí, có sự nhìn thấy bản thể trong các sự giải thoát khỏi đối tượng của các giác quan, tương tợ mặt trăng [lìa bỏ các chỗ đã rọi đến].

3629. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Trưởng Thượng, đã tự mình vươn lên ở thế gian, được tô điểm với các tướng mạo, là bậc Vô Lượng.

3630. Vị nào có trí tuệ không thể đo lường, vị nào có giới không thể tương đương, vị nào có sự giải thoát không thể sánh bằng, vị ấy là đức Phật đã được tôi thỉnh mời.

3631. Vị nào có nghị lực không sánh bằng được, vị nào có sức mạnh không nên suy tưởng, vị nào có sự nỗ lực hàng đầu, vị ấy là đức Phật đã được tôi thỉnh mời.

3632. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có tất cả các chất độc hại là tham, sân và si đã được xóa sạch, tương tợ thuốc chữa bệnh.

3633. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có sự xua đi căn bệnh phiền não, nhiều sự khổ đau và tất cả các bóng tối, tương tợ vị lương y."

3634. "Này ông, vị mà ông nói là 'đức Phật', thậm chí tiếng gọi ấy cũng khó mà đạt được." Sau khi được nghe rằng: "Đức Phật! Đức Phật!", đã có sự phỉ lạc sanh khởi đến tôi.

3635. Niềm phỉ lạc của tôi không [thể] nắm giữ ở bên trong đã bộc lộ ra ngoài. Trong khi có tâm phỉ lạc, tôi đây đã nói lời nói này:

3636. "Vậy thì đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ấy là ở đâu? Tôi sẽ đi đến nơi ấy và sẽ đảnh lễ đấng ban phát quả vị Sa-môn."

3637. Sau khi nắm lấy cánh tay phải [của tôi], [vị đạo sĩ Keṇiya] tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lại, đã nói với tôi về đấng Pháp Vương, bậc có sự xua đi các mũi tên sầu muộn rằng:

3638. "Ông hãy nhìn xem khu rừng lớn này tợ như đám mây khổng lồ đang trỗi dậy, như là lớp thuốc bôi màu lục, trông như là biển cả.

3639. Đức Phật, bậc Điều Phục những ai chưa được điều phục, đấng Hiền Trí ấy ngụ ở nơi đây, đang hướng dẫn những người cần được hướng dẫn và giúp cho họ giác ngộ những chi phần giác ngộ."

3640. Tợ như người khát nước tìm kiếm nước, tợ như người bị đói tìm kiếm thức ăn, như là bò mẹ khao khát con bê, tôi đã tìm đến đấng Chiến Thắng tương tợ như thế.

3641. Là người biết lối hành xử và cách tiếp cận hay dở thích hợp với tình huống, tôi đã chỉ dạy những người học trò của mình trong khi họ đang đi đến chỗ của đấng Chiến Thắng rằng:

3642. "Này các chàng trai, các đấng Thế Tôn là khó mà tiếp cận, tợ như những con sư tử có sở hành đơn độc, các trò nên đi đến, bước từng bước từng bước một.

3643. Giống như con rắn độc khủng khiếp, tợ như con sư tử vua của loài thú, tợ như con voi có ngà đã bị nổi cơn, chư Phật là khó mà tiếp cận như thế ấy.

3644. Này các chàng trai, hãy kềm lại sự ho khan và khịt mũi. Các trò hãy đi đến gần bên đức Phật, bước từng bước từng bước một.

3645. Chư Phật là các vị thầy của thế gian luôn cả chư thiên, là những bậc quý trọng sự yên tịnh, ít gây tiếng động, khó mà tiếp cận, khó đến gần bên.

3646. Khi ta hỏi câu hỏi hoặc là trao đổi xã giao, khi ấy các trò hãy im lặng, hãy đứng yên như là có bản chất của bậc Hiền Trí.

3647. Về Chánh pháp mà vị ấy thuyết giảng nhằm đạt đến Niết-bàn an ổn, các trò hãy chú tâm đến ý nghĩa ấy. Việc lắng nghe Chánh pháp là hạnh phúc."

3648. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, tôi đã chào hỏi với bậc Hiền Trí. Sau khi đã trao đổi lời thăm hỏi ấy, tôi đã quan sát các tướng mạo.

3649. Tôi nhìn thấy ba mươi tướng mạo, nhưng tôi vẫn còn hoài nghi về hai tướng mạo. Đấng Hiền Trí đã dùng thần thông cho thấy vật kín có lớp vỏ bọc lại.

3650. Đấng Chiến Thắng đã thè lưỡi ra uốn lại, rồi đã chạm vào lỗ tai và lỗ mũi, [sau đó] đã che lấp toàn bộ cái trán.

3651. Sau khi nhìn thấy các tướng mạo được đầy đủ cùng với các tướng phụ của Ngài, tôi đã đi đến kết luận là "đức Phật", và đã xuất gia cùng với các người học trò.

3652. Cùng với ba trăm [người học trò], tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đến nửa tháng, tất cả chúng tôi đã đạt được Niết-bàn.

3653. Sau khi đã cùng nhau thực hiện công việc ở phước điền vô thượng, sau khi đã cùng nhau luân hồi, họ đã cùng nhau dừng lại.

3654. Sau khi dâng cúng các cây đà chống, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được tám nhân tố:

3655. Tôi được tôn vinh ở các phương, và của cải của tôi là vô lượng, tôi là chốn nâng đỡ cho tất cả, sự run sợ của tôi không được biết đến.

3656. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, và tôi gìn giữ được tuổi thọ, tôi là người có làn da mềm mại, tôi cư ngụ ở trú xứ đã được mong mỏi.

3657. Sau khi dâng cúng tám cây đà chống, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Tôi có các tuệ phân tích và phẩm vị A-la-hán, điều này là phần phụ trội của điều thứ tám.

3658. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc, là người con trai của Ngài, có tên là Aṭṭhagopānasī.

3659. Sau khi dâng cúng năm cây cột trụ, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được năm nhân tố:

3660. Tôi không dao động nhờ vào tâm từ ái, tôi có các bộ phận cơ thể không bị thiếu sót, tôi có lời nói được thừa nhận, cũng vậy, tôi không bị công kích.

3661. Tâm của tôi không bị tản mạn, tôi không bị dao động bởi bất cứ điều gì. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bị bợn nhơ ở trong giáo pháp.

3662. Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hiền Trí, vị Tỳ-khưu Thinh văn của Ngài có sự tôn kính, có sự phục tùng, có phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, xin đảnh lễ Ngài.

3663. Tôi đã thực hiện chiếc ghế bành được làm khéo léo và đã bố trí ở hội trường. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được năm nhân tố:

3664. Sau khi được sanh vào gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao. Tôi là người được thành tựu mọi thứ, sự bỏn xẻn ở tôi không được biết đến.

3665. Khi tôi mong muốn ra đi, chiếc ghế bành hiện diện kế bên. Bằng chiếc ghế bành tối thượng, tôi đi đến nơi đã được tôi mong muốn.

3666. Do việc dâng cúng chiếc ghế bành ấy, tôi đã xua đi tất cả bóng tối. Bạch đấng Hiền Trí, vị Trưởng lão đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí xin đảnh lễ Ngài.

3667. Tôi đã hoàn thành tất cả các phận sự, phận sự của mình và phận sự đối với người khác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi vào thành phố không sợ hãi (Niết-bàn).

3668. Tôi đã dâng cúng vật hữu dụng chính là hội trường đã được hoàn thành. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đạt đến bản thể tối thượng.

3669. Bất cứ các huấn luyện viên nào ở thế gian, khi họ huấn luyện các con voi, các con ngựa, họ thực hiện nhiều cách hành hạ khác nhau, họ huấn luyện bằng sự tàn bạo.

3670. Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không huấn luyện các người nam và nữ như thế ấy. Ngài huấn luyện trong sự huấn luyện tối thượng, không gậy, không dao.

3671. Trong khi tán dương các đức tính của sự bố thí, bậc Hiền Trí là vị thiện xảo về việc thuyết giảng. Ngay trong khi đang trả lời một câu hỏi, bậc Hiền Trí đã giác ngộ cho ba trăm người.

3672. Được đấng Điều Ngự huấn luyện, chúng tôi đã được hoàn toàn giải thoát, không còn lậu hoặc, đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí, đã được tịch diệt về sự đoạn tận mầm mống tái sanh.

3673. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tất cả các điều lo sợ đã được vượt qua; điều này là quả báo của việc dâng cúng hội trường.

3674. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3675. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3676. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sela đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sela" là phần thứ nhì.

393. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAKITTIKA
(*Sabbakittikattherāpadānaṃ*)

3677. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] tợ như cây kaṇikāra đang

cháy sáng, tợ như cây đèn đang phát sáng, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, giống như tia chớp ở bầu trời.

3678. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] không bị hãi sợ, không có sợ sệt, tợ như con sư tử vua của loài thú, đang tỏa ánh sáng trí tuệ, đang chế ngự các nhóm người ngoại đạo.

3679. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiếp độ thế gian này, đang cắt đứt mọi điều nghi hoặc, tợ như [con sư tử] vua của loài thú đang gầm thét.

3680. Tôi đã là vị mang búi tóc, khoác tấm da dê, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng. Tôi đã cầm lấy y phục bằng vỏ cây và đã trải xuống ở cạnh bàn chân [của đức Phật].

3681. Tôi đã cầm lấy chất bôi thơm kāḷānusāriya và đã thoa lên đức Như Lai. Sau khi thoa lên bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca về đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng :

3682. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã vượt qua dòng nước lũ, Ngài tiếp độ thế gian này, Ngài chiếu sáng bằng ánh sáng trí tuệ, trí tuệ tối thượng [của Ngài] là không bị che lấp.

3683. Ngài chuyển vận bánh xe giáo pháp, Ngài chế ngự các ngoại đạo khác, Ngài là vị cao quý đã chiến thắng trận đấu, Ngài làm trái đất rúng động.

3684. Các làn sóng ở đại dương bị vỡ tan ở bờ biển, tương tợ y như thế, tất cả các tà kiến bị tan vỡ ở trí tuệ của Ngài.

3685. Khi lưới có lỗ nhỏ được đặt vào ở trong hồ nước, các sinh vật đi vào trong lưới thì bị khống chế ngay lập tức.

3686. Bạch Ngài, tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian dựa dẫm vào dị giáo tầm thường, họ xoay vần bên trong trí tuệ cao quý của Ngài.

3687. Ngài là bến bờ của những người đang bị cuốn trôi ở dòng nước lũ, chính Ngài là vị bảo hộ của những người không thân quyến, Ngài là sự bảo vệ cho những người bị khổ đau vì hãi sợ, là nơi nương tựa của những người có mục tiêu đã bị xao lãng.

3688. Ngài là vị anh hùng độc nhất, không người tương tợ, là sự tích lũy bi mẫn và từ ái, có giới tốt đẹp, không kẻ sánh bằng, được an tịnh, có năng lực, vững chãi, đã chiến thắng cuộc hành trình.

3689. Ngài là bậc Trí Tuệ, có sự si mê đã được xa lìa, không còn dục vọng, không có hoài nghi, đã sống trọn vẹn, có sân hận đã được chối bỏ, không ô nhiễm, đã được thanh lọc, tinh khiết.

3690. Ngài đã vượt lên sự quyến luyến, có sự kiêu hãnh đã được tiêu diệt, có tam minh, đã đi đến tận cùng của tam giới, đã vượt qua ranh giới, có sự kính trọng giáo pháp, có mục đích đã được thực hiện, có đạo lộ hữu ích.

3691. Ngài giống như ngôi sao [hướng dẫn] chiếc thuyền, giống như của cải chôn giấu là nguồn tạo sự an ủi, giống như con sư tử không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu kỳ."

3692. Sau khi ngợi ca bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Padumuttara bằng mười câu kệ, sau khi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, khi ấy tôi đã đứng im lặng.

3693. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

3694. "Người nào đã tán dương giới hạnh và trí tuệ, luôn cả giáo pháp của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3695. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu chục ngàn kiếp. Sau khi vượt trội chư thiên khác, [người ấy] sẽ được thiết lập làm vị Chúa tể.

3696. Về sau người ấy sẽ xuất gia, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3697. Sau khi xuất gia, sau khi lánh xa ác nghiệp bằng thân, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3698. "Bạch đấng Đại Hùng, giống như đám mây đang nổi sấm [sét] thì làm cho trái đất này thỏa mãn, tương tợ y như thế, Ngài đã làm con thỏa mãn bằng giáo pháp."

3699. Sau khi ngợi ca giới hạnh, trí tuệ, giáo pháp và đấng Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã đạt đến sự an tịnh tuyệt đối, Niết-bàn, vị thế Bất hoại.

3700. Ôi, nếu như đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn ấy có thể tồn tại lâu dài, thì [nhiều người] có thể nhận thức điều chưa được biết đến và có thể chạm đến vị thế bất tử.

3701. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3702. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

3703. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3704. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbakittika[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbakittika" là phần thứ ba.

394. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUDĀYAKA (*Madhudāyakattherāpadānaṃ*)

3706. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo ở bờ sông Sindhu. Tại nơi ấy, tôi chỉ dạy các học trò về truyền thống cùng với tướng mạo.

[2] *Sabbakittika* nghĩa là "vị tán dương (*kittika*) tổng thể (*sabba*) về đức Phật."

3707. Các vị ấy có sự ao ước về giáo pháp, đã được huấn luyện, có ước muốn được nghe lời giáo huấn tốt đẹp. Đã đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần, các vị ấy sống ở bờ sông Sindhu.

3708. Khi ấy, trong lúc đang tầm cầu mục đích tối thượng, các vị sống ở trong khu rừng bao la.

3709. Bậc Toàn Giác tên Sumedha lúc bấy giờ đã hiện khởi ở thế gian. Thương tưởng đến chúng tôi, đấng Hướng Đạo đã đi đến gần.

3710. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã đi đến gần, tôi đã làm tấm thảm trải bằng cỏ và đã dâng cúng đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian.

3711. Tôi đã cầm lấy mật ong từ khu rừng bao la và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Toàn Giác đã thọ dụng và đã nói lời nói này:

3712. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng mật ong ấy đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3713. Do sự dâng cúng mật ong này và do tấm thảm trải bằng cỏ, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp.

3714. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3715. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người ấy] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3716. Sau khi đã từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, khi [tôi] nhập vào bụng mẹ, có cơn mưa mật ong đã đổ xuống, che lấp trái đất với mật ong.

3717. Và ngay khi tôi đang ra khỏi bụng mẹ một cách vô cùng khó khăn, tại nơi ấy cũng có cơn mưa mật ong đã liên tục đổ mưa đến tôi.

3718. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình, tôi có sự đạt được về cơm ăn và nước uống; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong.

3719. Tôi được dồi dào về mọi dục lạc sau khi đã sống ở [thế giới] chư thiên và nhân loại. Chính nhờ sự dâng cúng mật ong ấy, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

3720. Khi trời đổ mưa ở cỏ dài bốn ngón tay, khi loài thảo mộc mọc ở trên đất đã được trổ hoa và đã che phủ khắp, ở ngôi nhà trống vắng, ở mái che và ở cội cây, tôi sống luôn luôn được an lạc, không còn lậu hoặc.

3721. Tôi đã vượt lên tất cả các cõi trung bình, to lớn và thấp kém. Hôm nay các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3722. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí [trước đây] ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong.

3723. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3724. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3725. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhudāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Madhudāyaka" là phần thứ tư.

395. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKŪṬĀGĀRIYA
(*Padumakūṭāgāriyattherāpadānaṃ*)

3726. Đức Thế Tôn tên Piyadassī, là đấng Tự Chủ, bậc Lãnh Đạo Thế Gian. Đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí có ước muốn độc cư, thiện xảo về định.

3727. Sau khi đi sâu vào khu rừng rậm, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, đấng Tối Thượng Nhân đã trải ra tấm y may từ vải bị quăng bỏ rồi ngồi xuống.

3728. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm loài nai pasada, tôi [đã] đi lang thang.

3729. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên.

3730. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Piyadassī, khi ấy tôi đã lội xuống hồ nước thiên nhiên và đã mang lại đóa sen hồng.

3731. Sau khi mang lại đóa sen hồng trăm cánh làm thích ý, tôi đã xây dựng ngôi nhà mái nhọn và đã phủ lên bằng hoa sen hồng.

3732. Bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, đức Phật, đấng Chiến Thắng đã ngụ bảy ngày đêm ở ngôi nhà mái nhọn.

3733. Sau khi bỏ đi các [bông hoa] héo úa, tôi đã che lên bằng [bông hoa] mới. Liền sau đó, tôi đã chắp tay lên và đứng yên.

3734. Bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã xuất khỏi định. Trong lúc đang quan sát các phương, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống.

3735. Khi ấy, vị thị giả có đại thần lực tên Sudassana đã hiểu được tâm của đức Phật, bậc Đạo Sư Piyadassī.

3736. Được tháp tùng bởi tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu, vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang ngồi an lạc ở cuối khu rừng.

3737. Và cho đến chư thiên ngự ở trong khu rừng rậm, sau khi biết được tâm của đức Phật, khi ấy tất cả đã tụ hội lại.

---

[3] *Madhudāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) mật ong (*madhu*)."

3738. Khi các dạ-xoa, các ác thần, cùng với các loài quỷ sứ đã cùng nhau đi đến, và khi hội chúng Tỳ-khưu đã đến nơi, đấng Chiến Thắng đã thốt lên các lời kệ này:

3739. "Người nào đã cúng dường và đã thực hiện chỗ ngụ cho Ta bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3740. Bằng trí tuệ, Ta sẽ tán dương điều thật khó mà nhìn thấy, vô cùng vi tế, sâu thẳm, đã được thể hiện tốt đẹp. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3741. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc mười bốn kiếp. Có tòa nhà mái nhọn vĩ đại, được che phủ bằng các đóa sen hồng, sẽ được duy trì ở không trung dành cho người ấy; điều này là quả báo của việc làm với bông hoa.

3742. [Người ấy] sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người] hai ngàn bốn trăm kiếp. Tại nơi ấy sẽ có cung điện làm bằng bông hoa được duy trì ở không trung [dành cho người ấy].

3743. Giống như nước không làm lem luốc cánh hoa sen, tương tợ y như thế, các điều ô nhiễm không làm hoen ố trí của người này.

3744. Sau khi đã loại trừ năm pháp che lấp ở trong tâm, người này sẽ làm sanh khởi tâm về việc xuất ly và sẽ xuất gia lìa khỏi gia đình. Sau đó, trong lúc cung điện làm bằng bông hoa đang được duy trì, người này sẽ ra đi.

3745. Trong khi con người cẩn trọng có chánh niệm [này] đang ngụ ở gốc cây, tại nơi ấy sẽ có cung điện làm bằng bông hoa được duy trì ở đỉnh đầu [của người này].

3746. Sau khi dâng cúng y phục, vật thực, thuốc chữa bệnh và chỗ nằm ngồi đến hội chúng Tỳ-khưu, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3747. Tôi đã ra đi xuất gia bằng sự di chuyển của ngôi nhà mái nhọn. Ngôi nhà mái nhọn được duy trì trong khi [tôi] đang ngụ ở gốc cây.

3748. Sự suy tư về y phục và vật thực không có ở tôi. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi nhận được hoàn toàn đầy đủ.

3749. Nhiều *koṭi* kiếp sống của tôi, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm, đã trôi qua vô ích, các bậc Lãnh Đạo Thế Gian đều đã giải thoát.

3750. [Trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, đấng Hướng Đạo Piyadassī [đã hiện khởi]. Sau khi phục vụ Ngài, tôi đã đi đến lần nhập thai này.

3751. Tại đây, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Hữu Nhãn tên Anoma. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

3752. Đức Phật, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng đã giảng giải cho tôi về đạo lộ. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

3753. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3754. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật [trước đây] một ngàn tám

trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumakūṭāgāriya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumakūṭāgāriya" là phần thứ năm.

396. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BAKKULA (*Bakkulattherāpadānaṃ*)

3758. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Sobhita. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo, đã được tạo lập bởi những người học trò của tôi.

3759. Tại nơi ấy, có nhiều mái che và các cây sinduvāraka đã được trổ hoa. Tại nơi ấy, có nhiều cây táo rừng và các cây jīvajīvaka đã được trổ hoa.

3760. Tại nơi ấy, có nhiều cây niggundiya, cây táo, cây āmalaka, cây phārusaka, các dây bầu trái dài, và các giống sen trắng đã được trổ hoa.

3761. Tại nơi ấy, có các cây ālaka, cây beluva, cây chuối, cây chanh. Tại nơi ấy, có nhiều cây mahānāma, cây ajjuna và cây piyaṅguka.

3762. Tại nơi ấy, có các cây kosamba, cây salala, cây nīpa, cây nigrodha và cây kapitthana. Khu ẩn cư của tôi là như thế ấy. Tôi cùng với các người học trò của mình đã cư ngụ tại nơi ấy.

3763. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi tầm cầu sự yên tịnh đã đi đến gần khu ẩn cư của tôi.

3764. Khi đấng Đại Hùng Anomadassī có danh vọng lớn lao đã đi đến gần, bỗng nhiên có căn bệnh về gió đã phát khởi đến đấng Bảo Hộ Thế Gian.

3765. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian trong lúc đang đi lang thang ở khu rừng. Tôi đã đi đến gần đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao.

3766. Ngay sau khi nhìn thấy cử chỉ [của Ngài], khi ấy tôi đã nhận ra rằng: "Không còn nghi ngờ gì nữa, có cơn bệnh đã nảy sanh đến đức Phật của chúng ta."

3767. Tôi đã tức tốc đi về khu ẩn cư, ở chỗ các người học trò của tôi. Có ý định bào chế thuốc chữa bệnh, khi ấy tôi đã triệu tập các người học trò lại.

[4] *Padumakūṭāgāriya* nghĩa là "vị liên quan đến ngôi nhà mái nhọn (*kūṭāgāra*) bằng bông sen hồng (*paduma*)."

3768. Tuân theo lời nói của tôi, các người học trò, tất cả đều có lòng kính trọng, đã tụ tập lại một chỗ do sự tôn kính đối với bậc Đạo sư của tôi.

3769. Sau khi cấp tốc trèo lên núi và mang về tất cả các loại thuốc, tôi đã bào chế loại nước hỗn hợp và tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3770. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ dụng, cơn [bệnh] gió của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ đã mau chóng được dập tắt.

3771. Sau khi nhìn thấy sự khó chịu đã được êm dịu, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Anomadassī đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này:

3772. "Người nào đã dâng cúng thuốc chữa bệnh đến Ta và đã làm êm dịu cơn bệnh của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3773. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp. Ở tại nơi ấy, người này sẽ luôn luôn vui thích các nhạc cụ được trình tấu.

3774. Sau khi đi đến thế giới loài người, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3775. Vào kiếp thứ năm mươi lăm, [người này] sẽ là vị Sát-đế-ly tên Anoma, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu.

3776. Là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao, [người này] sẽ làm chấn động luôn cả cõi trời Đạo-lợi và sẽ được thiết lập làm vị chúa tể.

3777. Trở thành vị thiên nhân hay là người [nhân loại], [người này] sẽ ít bệnh tật. Sau khi xa lìa sự bám víu [của gia đình], [người này] sẽ vượt qua căn bệnh [phiền não] ở thế gian.

3778. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3779. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

3780. Sau khi thiêu đốt các phiền não, [người này] sẽ vượt qua dòng chảy tham ái, và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Bakkula.

3781. Biết rõ toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

3782. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi xem xét về sự độc cư, đã đi đến gần khu ẩn cư của tôi.

3783. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến gần, được tịnh tín, tôi đã tự tay mình làm toại ý Ngài bằng mọi thứ dược phẩm.

3784. Việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đây là sự thành tựu về hạt

giống ở phước điền màu mỡ, bởi vì từ khi việc của tôi đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bao giờ có thể bị hao hụt.

3785. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, là việc tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

3786. Sau khi biết rõ về tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

3787. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh.

3788. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3789. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bakkula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bakkula" là phần thứ sáu.

397. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIMĀNANDA
(*Girimānandattherāpadānaṃ*)

3791. Người vợ của tôi đã qua đời. Con trai tôi [đã chết] được đưa đến bãi tha ma. Mẹ, cha và anh trai [của tôi đang] được thiêu chung một giàn hỏa thiêu.

3792. Bị nung nấu bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã trở nên gầy ốm, vàng vọt. Bị dày vò bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã có sự rối loạn tâm trí.

3793. Bị khổ sở bởi mũi tên sầu muộn, tôi đã đi vào bên trong khu rừng. Tôi ăn trái cây đã được rụng xuống và cư ngụ ở gốc cây.

3794. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

3795. Nghe được tiếng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha, tôi đã ngẩng đầu lên, ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí.

3796. Đấng Đại Hùng đã ngự đến, niềm phỉ lạc đã sanh khởi ở tôi. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy, khi ấy tâm trí của tôi đã được tập trung lại.

3797. Sau khi đạt được niệm trở lại, tôi đã dâng cúng nắm lá cây. Đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng đã ngồi xuống ở tại nơi ấy.

3798. Sau khi ngồi xuống ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã thuyết giảng giáo pháp xua đi mũi tên sầu muộn cho tôi rằng:

3799. "Không được mời mọc, từ nơi ấy họ đã đi đến. Không được cho phép, từ nơi đây họ đã ra đi. Họ đã đi đến như thế nào thì họ đã ra đi như thế ấy; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy?

3800. Cũng giống như những người bộ hành vào lúc cơn mưa đang đổ xuống, do việc đổ xuống của cơn mưa, họ đi đến chỗ có sự tốt đẹp [để trú mưa].

3801. Và khi cơn mưa đã tạnh, họ tự động ra đi theo như ý thích. Mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy?

3802. Các người lữ hành là những người khách có tính chất dao động, chuyển động, rung động, mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy?

3803. Cũng giống như loài rắn quăng bỏ lớp da già cỗi rồi đi đến lớp da [mới], tương tợ như thế, mẹ và cha của ngươi đã bỏ lại xác thân ở nơi đây."

3804. Hiểu được lời nói của đức Phật, tôi đã lìa bỏ mũi tên sầu muộn. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

3805. Sau khi đã đảnh lễ bậc Long Tượng, tôi đã cúng dường bó hoa giri có được hương thơm của cõi trời đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha.

3806. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Trong lúc tưởng nhớ đến các đức hạnh cao cả, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

3807. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Toàn Tri, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, Ngài đã vượt qua. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài tiếp độ tất cả chúng sanh bằng trí tuệ.

3808. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã cắt đứt sự hoài nghi cũng như sự lưỡng lự. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài đã sắp xếp đạo lộ cho con bằng trí tuệ của Ngài.

3809. Các bậc A-la-hán đã đạt đến sự thành tựu, có sáu thắng trí, có đại thần lực, là các bậc trí tuệ có sự du hành ở không trung ngay lập tức tháp tùng theo.

3810. Có các vị Thinh văn, là các bậc Hữu học đang thực hành và có các bậc đã trú vào quả vị A-la-hán. Các vị Thinh văn của Ngài nở rộ như đóa sen hồng vào lúc mặt trời mọc.

3811. Bạch đấng Hữu Nhãn, giống như đại dương là không bị suy suyển, không thể ước lượng, khó mà vượt qua, tương tợ y như vậy, được hội đủ về trí tuệ, Ngài là bậc vô lượng."

3812. Sau khi đảnh lễ đấng Chiến Thắng Của Thế Gian, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao, trong khi lễ bái các phương tôi đã cúi mình ra đi.

3813. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ, có sự nhận biết, có niệm.

3814. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có sự nhiệt tâm, cẩn trọng, chứng thiền, có sự yên tịnh là hành xứ.

3815. Sau khi đã khẳng quyết về sự nỗ lực, sau khi đã làm vui lòng bậc Đại

Hiền Trí, tôi thường xuyên đi đó đây, tợ như mặt trăng đã được thoát khỏi đám mây dày đặc.

3816. Tôi gắn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3817. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật [trước đây] ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3818. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3819. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3820. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Girimānanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Girimānanda" là phần thứ bảy.

398. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMAṆḌAPIYA
(*Salalamaṇḍapiyattherāpadānaṃ*)

3821. Khi [đức Phật] Kakusandha, vị Bà-la-môn hoàn hảo đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che.

3822. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đạt được cung điện tối thượng, tôi vượt trội chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

3823. Dầu là ban ngày hay ban đêm, trong khi đang đi kinh hành và đứng lại, tôi được che bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

3824. Ngay chính trong kiếp này [kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalamaṇḍapiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalamaṇḍapiya" là phần thứ tám.

---

[5] *Salalamaṇḍapiya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*maṇḍapa*) bông hoa salala."

399. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBADĀYAKA
(*Sabbadāyakattherāpadānaṃ*)

3828. Chỗ cư ngụ của tôi đã khéo được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được tạo lập, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ.

3829. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý.

3830. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v...

3831. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvaṃjīvaka.

3832. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm ầm ĩ, có nhiều chim cú và loài piṅgala, được đầy đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai.

3833. Tất cả các cây đều làm bằng vàng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ trú ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm.

3834. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi.

3835. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [và đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy.

3836. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận.

3837. Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiền Trí đã cho giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi về chỗ cư ngụ của tôi.

3838. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: "Vào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này]. Tất cả các người hãy tụ hội lại."

3839. [Họ đã đáp rằng:] "Việc chúng tôi sống thân cận với Ngài là điều lợi ích cho chúng tôi, là điều đã được thành đạt tốt đẹp cho chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ thực hiện việc cúng dường đến bậc Đạo Sư, đức Phật tối thượng."

3840. Sau khi sắp đặt thức ăn và nước uống, tôi đã thông báo về thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

3841. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống ở chiếc ghế làm toàn bằng vàng.

3842. Khi ấy, đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng ở phía trên, có những cái quạt quạt gió ở phía bên trong của hội chúng Tỳ-khưu.

3843. Tôi đã làm toại ý hội chúng Tỳ-khưu với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vị một xấp vải đôi.

3844. Vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian mà mọi người gọi là "Sumedha", sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên lời kệ này:

3845. "Người nào đã làm toại ý Ta và tất cả các vị này với cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3846. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên một ngàn tám trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3847. Người này sanh lên chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng làm toàn bằng vàng che cho người ấy vào mọi lúc.

3848. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3849. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

3850. [Người này] sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ rống lên tiếng rống của loài sư tử. Nhiều người cầm chiếc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] được thiêu ở bên dưới chiếc lọng."

3851. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt, ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức.

3852. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo việc dâng cúng mọi thứ.

3853. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3854. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3855. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbadāyaka" là phần thứ chín.

400. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJITA (*Ajitattherāpadānaṃ*)

3856. Sau khi đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống.

3857. Tôi đã không nhìn thấy bậc Toàn Giác [trước đây] và tôi cũng không được nghe lời đồn đãi. Khi ấy, tôi đi lang thang ở trong rừng, đang tìm kiếm thức ăn cho mình.

3858. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có ba mươi hai hảo tướng. Sau khi nhìn thấy, tôi đã có ý nghĩ rằng: "Người này có tên là gì nhỉ?"

---

[6] *Sabbadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) mọi thứ (*sabba*)."

3859. Sau khi xem xét các tướng mạo, tôi đã tưởng nhớ lại vốn hiểu biết của mình; bởi vì điều này tôi đã được nghe các bậc trí tuệ cao niên giảng giải cặn kẽ.

3860. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Theo như lời nói ấy của họ thì người này sẽ là đức Phật. Có lẽ ta nên tôn trọng thì số phận của ta sẽ được sáng sủa?"

3861. Tôi đã mau chóng đi về lại khu ẩn cư và đã chọn lấy dầu của cây madhu. Tôi đã mang theo một hủ và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu.

3862. Tôi đã cầm lấy cái chạng ba và đã dựng lên ở ngoài trời. Tôi đã thắp sáng cây đèn và đã đảnh lễ tám lần.

3863. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm. Sau đó, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã xuất thiền vào lúc cuối đêm.

3864. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã [trải qua] bảy ngày đêm. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến đức Phật.

3865. Khi ấy, do nhờ oai lực của đức Phật, tất cả các khu rừng được tạo bằng hương thơm, được thấm nhuần hương thơm ở ngọn núi, đã di chuyển đến gần đấng Chiến Thắng.

3866. Các loài thảo mộc mọc ở trên đất thuộc loài có hoa, có hương thơm thì đã được trổ hoa. Khi ấy, do nhờ oai lực của đức Phật, tất cả đã tụ hội lại.

3867. Cho đến các loài rồng và các loài nhân điểu ở núi Hy-mã-lạp, có ý muốn nghe giáo pháp, cả hai loài ấy đã đi đến gần bên đức Phật.

3868. Vị Sa-môn tên Devala là bậc Thinh văn hàng đầu của đức Phật, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đã đi đến gần bên đức Phật.

3869. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

3870. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3871. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

(Dứt tụng phẩm thứ mười sáu).

3872. [Người ấy] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần, và sẽ cai trị vương quốc rộng lớn ở trái đất bảy trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3873. Do sự dâng cúng cây đèn này, [người ấy] sẽ có thiên nhãn. Người này sẽ luôn luôn nhìn thấy khoảng cách tám kosa[7] ở xung quanh.

3874. Trong khi [người này] mệnh chung từ thế giới chư thiên và đang đi tái sanh, sẽ có cây đèn được duy trì ban ngày luôn cả ban đêm [cho người này].

---

[7] *Kosa* là khoảng cách bằng 500 lần chiều dài của cây cung.

3875. Khi con người có được nghiệp phước thiện đang được sanh ra, thành phố [ở nơi sanh ra] là rộng đến đâu thì sẽ được chói sáng đến đấy.

3876. [Người này] đi tái sanh ở chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, chính nhờ tám phần quả báo của sự dâng cúng cây đèn này, sẽ không ai vượt trội con người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

3877. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3878. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

3879. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, [người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Ajita."

3880. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp. Ở tại nơi ấy, tôi cũng có một trăm cây đèn chói sáng vào mọi thời điểm.

3881. Các ánh sáng của tôi tỏa ra cho dù ở thế giới chư thiên hay là nhân loại. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt.

3882. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Trong khi tôi đang được sanh ra, đã có ánh sáng chan hòa.

3883. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến gặp vị Bāvari và đã trở thành học trò [của vị ấy].[8]

3884. Trong khi sống ở núi Hy-mã-lạp, tôi đã nghe về đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo.

3885. Đức Phật là bậc đã được rèn luyện, là bậc giúp cho [người khác] rèn luyện, là bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn mầm mống tái sanh. Đức Phật đã thuyết giảng về Niết-bàn, sự thoát khỏi tất cả khổ đau.

3886. Việc đi đến ấy của tôi đã được thành công bởi vì bậc Đại Hiền Trí đã được vui lòng. Tôi đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3887. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cây đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

3888. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3889. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3890. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajita" là phần thứ mười.

---

[8] Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

Phần tóm lược

Vị Piḷindivaccha, vị Sela, vị Sabbakitti, vị dâng cúng mật ong, vị có ngôi nhà mái nhọn, vị Bakkula, vị Girimānanda, vị tên Salala, vị dâng cúng mọi thứ và luôn cả vị Ajita; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm ở đây gồm có năm trăm câu kệ và hai mươi câu thêm vào đó nữa.

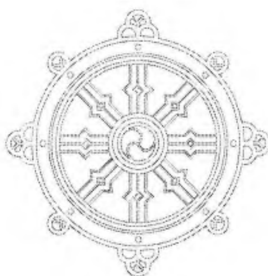
Phẩm Piḷindivaccha là phẩm thứ bốn mươi bốn.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Đóa sen hồng luôn cả vị dâng cúng sự bảo vệ, bông hoa ummā cùng với vị dâng cúng vật thơm và nước, một đóa sen hồng, vị có sự suy tưởng về âm thanh, bông hoa mandārava, vị đảnh lễ cội Bồ-đề, trái cây avaṇṭa và vị Piḷindivaccha; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm là một ngàn một trăm và bảy mươi bốn câu kệ.

Nhóm "Mười" từ phẩm Paduma.

Nhóm "Một trăm" thứ tư được đầy đủ.



PHẦN THỨ HAI
(*DUTIYO BHĀGO*)

XLI. PHẨM METTEYYA
(*METTEYYAVAGGO*)

401. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TISSAMETTEYYA
(*Tissametteyyattherāpadānaṃ*)

3891. Ở gần đỉnh của sườn núi, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Sobhita, [chỉ] ăn trái cây đã được rụng xuống và cư ngụ ở trong vùng đồi núi.

3892. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng về việc đạt đến thế giới Phạm thiên, tôi đã mang lửa và củi lại rồi nhóm lửa.

3893. Có ý muốn tiếp độ tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara ấy, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi.

3894. "Này bậc đại phước, ông đang làm gì vậy? Xin ông hãy cho tôi lửa và củi. Tôi [sẽ] chăm sóc ngọn lửa, nhờ đó tôi sẽ có được sự trong sạch."

3895. "Hỡi người Nhân Loại, Ngài là bậc Hiền Thiện. Hỡi đấng Thiên Nhân, Ngài biết rõ [sự việc]. Ngài hãy chăm sóc ngọn lửa, lửa và củi của Ngài đây này."

3896. Sau đó, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy gỗ củi và đã nhóm lên ngọn lửa. Gỗ củi [của tôi] ở nơi ấy đã không bốc cháy; [đó là] điều kỳ diệu của bậc Đại Ẩn Sĩ.

3897. "Ngọn lửa của ông không bốc cháy, sự hiến cúng của ông không có, sự hành trì của ông là vô nghĩa. Vậy ông hãy chăm sóc ngọn lửa của Ta."

3898. "Hỡi vị Đại Anh Hùng, ngọn lửa ấy của Ngài được gọi là loại lửa gì? Xin Ngài giảng giải cho tôi, cả hai chúng ta sẽ chăm sóc [ngọn lửa] ấy."

3899. "Về sự diệt tận các pháp là nhân tố và về sự tịnh lặng các ô nhiễm, sau khi từ bỏ sự ganh tỵ và bỏn xẻn; ba việc này là sự cúng hiến của Ta."

3900. "Này vị Đại Anh Hùng, Ngài là hạng người như thế nào? Thưa Ngài, Ngài có dòng dõi thế nào? Sở hành và cách tu luyện của Ngài khiến tôi thích thú vô cùng."

3901. "Ta được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-ly, đã đạt đến sự toàn hảo về thắng trí, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa."

3902. “Hỡi đấng Phát Quang, hỡi vị Xua Tan Tăm Tối, hỡi bậc Thiên Nhân, nếu Ngài là đức Phật, đấng Toàn Tri, là bậc Đoạn Tận Khổ Đau, tôi sẽ lễ bái Ngài.”

3903. Tôi đã trải ra tấm da dê và đã dâng cúng chỗ ngồi: “Hỡi đấng Bảo Hộ, hỡi bậc Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống. Tôi sẽ phục vụ Ngài.”

3904. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống tại chỗ ấy, trên tấm da dê đã khéo được trải rộng. Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã đi đến ngọn núi.

3905. Và tôi đã chất trái cây tinduka đầy túi đựng vật dụng rồi mang về. Tôi đã trộn trái cây với mật ong rồi dâng lên đức Phật.

3906. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, trong khi ngắm nhìn bậc Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

3907. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi ở khu ẩn cư của tôi và đã nói lên những lời kệ này:

3908. “Người nào [với tâm] tịnh tín tự tay mình làm Ta được thỏa mãn với trái cây, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3909. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3910-11. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, cơm ăn, nước uống, vải vóc và chỗ nằm vô cùng giá trị, biết được ước muốn của người ấy ngay lập tức sẽ sanh lên cho người ấy là người đã có nghiệp [thiện] trong quá khứ. Và người này sẽ luôn luôn được vui vẻ, không có tật bệnh.

3912. Chốn nào người ấy sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, người ấy sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi rồi sẽ đi đến bản thể nhân loại.

3913. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà, người ấy sẽ đi đến với bậc Toàn Giác và sẽ trở thành bậc A-la-hán.”

3914. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3915. Tôi đã đạt được giáo pháp cao quý, đã tiêu diệt tham ái và sân hận, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3916. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3917. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3918. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tissametteyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tissametteyya” là phần thứ nhất.

402. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUṆṆAKA (*Puṇṇakattherāpadānaṃ*)

3919. Ở gần đỉnh của sườn núi, có đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại cư ngụ ở trong vùng đồi núi. Đức Phật đáng kính bị lâm bệnh.

3920. Cho đến lúc ấy, đã có tiếng động ở vùng lân cận khu ẩn cư của tôi. Trong khi đức Phật đang [viên tịch] Niết-bàn, có ánh sáng đã xuất hiện.

3921. Từ loài gấu, chó sói, linh cẩu, cọp và sư tử ở trong cụm rừng già cho đến toàn bộ [thú rừng] đã rống lên.

3922. Sau khi nhìn thấy hiện tượng bất thường ấy, tôi đã đi đến ngọn núi. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Giác Ngộ, bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt.

3923. Bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt ví như là cây sāla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên, như là đống than đã tàn ngọn lửa.

3924. Sau khi gom đầy cỏ và củi, tôi đã tạo dựng giàn hỏa thiêu ở tại nơi ấy. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được tạo dựng, tôi đã thiêu đốt thi thể.

3925. Sau khi thiêu đốt thi thể, tôi đã rưới nước thơm. Ngay khi ấy, có con dạ-xoa đứng ở trên không trung đã đặt tên [cho tôi] rằng:

3926. "Này vị hiền trí, công việc đối với bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Tự Chủ đã được ông làm đầy đủ, vậy ông hãy luôn luôn có tên là Puṇṇaka."[1]

3927. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tại nơi ấy, có hương thơm bằng chất liệu thuộc cõi trời tỏa ra ở không trung.

3928. Cũng ở tại nơi đó, khi ấy tên gọi của tôi đã là "Puṇṇaka". Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đều làm tròn đủ ý định [của mình].

3929. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Cũng ở nơi đây, tên Puṇṇaka được công bố là tên gọi [của tôi].

3930. Sau khi đã làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3931. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của công việc [hỏa táng] thi thể.

3932. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3933. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3934. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Puṇṇaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Puṇṇaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Puṇṇaka* nghĩa là "người đã làm đầy đủ".

403. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO METTAGŪ (*Mettaguttherāpadānaṃ*)

3935. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Asoka. Tại nơi ấy, khu ẩn cư của tôi đã được hóa hiện ra bởi vị trời Vissakamma.

3936. Bậc Toàn Giác cao cả, đấng Đại Bi, bậc Hiền Trí tên Sumedha, vào buổi sáng, sau khi mặc y đã đi đến tôi để khất thực.

3937. Khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sumedha đi đến, tôi đã nhận lấy bình bát của đấng Thiện Thệ và đã chứa đầy với bơ lỏng và dầu ăn.

3938. Sau khi đã dâng cúng đức Phật tối thượng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chắp tay lên và đã khởi lên niềm vui dào dạt:

3939. "Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, mong sao cho tôi đạt được sự an lạc sung mãn.

3940. Mong sao cho tôi lánh xa chốn đọa đày trong khi luân hồi cõi này cõi khác. Mong sao cho tôi khẳng định được tâm về điều ấy và đạt được vị thế bất động."

3941. "Này người Bà-la-môn, điều lợi ích cho ngươi đã được ngươi đạt thành một cách tốt đẹp, là việc ngươi đã nhìn thấy Ta. Sau khi đi đến gặp Ta, ngươi sẽ trở thành vị A-la-hán.

3942. Sau khi đạt đến thành công lớn, ngươi hãy tự tin, chớ lo sợ. Bởi vì sau khi bố thí bơ lỏng đến Ta, ngươi được hoàn toàn giải thoát khỏi sự [tái] sanh.

3943. Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, ngươi sẽ đạt được sự an lạc sung mãn.

3944. Do sự bố thí bơ lỏng này và do sự hành trì tâm từ ái, ngươi sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp.

3945. Và ngươi sẽ trở thành vị Thiên vương ba mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3946. Và ngươi sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần, là người chinh phục bốn phương, là đấng chúa tể của vùng đất Jambu.

3947. Tợ như đại dương là không bị xao động, giống như trái đất là khó mang vác, và tương tợ y như thế, của cải thuộc về ngươi sẽ là vô lượng."

3948. Sau khi từ bỏ sáu mươi *koṭi* (sáu trăm triệu) tiền vàng, tôi đã xuất gia. Trong khi tầm cầu điều tốt đẹp gì mà tôi đã đi đến với Bāvari?[2]

3949. Tại nơi ấy, tôi học tập các chú thuật và sáu phần về tướng số. "Bạch đấng Đại Hiền Trí,[3] trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy Ngài đã hiện khởi.

3950. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có sự ước muốn về việc nhìn thấy Ngài con đã đi đến. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, con đã đạt đến vị thế bất động."

---

[2] Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

[3] Lúc này là lời đối thoại với đức Phật Gotama. (ND)

3951. Tôi đã dâng cúng bơ lỏng đến đức Phật trong ba mươi ngàn kiếp. Trong khoảng thời gian ấy, tôi không biết rõ lượng bơ lỏng đã được tôi dâng cúng.

3952. Hiểu được ý định của tôi, biết được tâm tư của tôi, [mọi vật] đã được sanh lên, đã được tạo ra theo như ước muốn. Tôi được thỏa mãn về mọi thứ.

3953. Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Bởi vì sau khi dâng cúng chỉ chút ít bơ lỏng, tôi đạt được vô lượng.

3954. Cho đến nước trong đại dương được nhìn thấy từ núi Neru so sánh với bơ lỏng của tôi thì không chạm đến được phần chia của một góc [bơ lỏng của tôi].

3955. Cho đến số lượng của vũ trụ đang được hình thành, khoảng không gian ấy không sánh bằng các tấm vải đã được sanh lên cho tôi.

3956. Núi chúa Hy-mã-lạp cũng chính là ngọn núi hàng đầu sẽ không là sự so sánh đối với vật thơm đã được thoa cho tôi.

3957. [Tôi đã đạt được] vải vóc, vật thơm, bơ lỏng, thức ăn, và ở kiếp hiện tại này là Niết-bàn không còn tạo tác; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

3958. [Tôi có được] sự trú vào các thiết lập niệm, có hành xứ về thiền định, có sự thọ hưởng các chi phần giác ngộ ở ngày hôm nay; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

3959. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3960. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3961. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mettagū[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mettagū" là phần thứ ba.

404. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHOTAKA (*Dhotakattherāpadānaṃ*)

3962. Sông Gaṅgā có tên là Bhāgīrathī được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp, lúc bấy giờ chảy dọc theo cửa khẩu của [thành phố] Haṃsavatī.

3963. Tu viện tên là Sobhita đã khéo được tạo lập ở cạnh bờ sông Gaṅgā. Đức Phật Padumuttara, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ tại nơi ấy.

3964. Như là vị [Chúa trời] Inda với chư thiên cõi Đạo-lợi, đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy phía trước đám người tợ như con sư tử không bị hãi sợ.

3965. Tôi là vị Bà-la-môn sống ở thành phố Haṃsavatī có tên là Chaḷaṅga. Tôi là vị đại hiền trí có tên như thế.

---

[4] *Mettagū* nghĩa là "người đã đạt đến (*gū*) tâm từ ái (*mettā*)."

3966. Khi ấy, có một ngàn tám trăm người theo tôi. Được tháp tùng bởi những người học trò ấy, tôi đã đi đến bờ sông Gaṅgā.

3967. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy các vị Sa-môn không giả dối, có các tội lỗi đã được gội rửa, đang băng qua sông Bhāgīrathī. Tôi đã tức thời suy nghĩ như vầy:

3968. "Những người con trai có danh tiếng lớn lao này của đức Phật trong khi sáng chiều băng qua [sông] khiến bản thân bị khó khăn, bản thân của họ bị hành hạ.

3969. Đức Phật được gọi là vị Cao Cả Của Thế Gian luôn cả chư thiên, [vậy mà] ta không có hành động cúng dường, là việc làm trong sạch con đường đi đến các cảnh giới tái sanh.

3970. Hay là ta nên cho thực hiện cây cầu ở sông Gaṅgā [dâng] đến đức Phật Tối Thượng? Sau khi cho thực hiện việc làm này, ta [sẽ] vượt qua sự hiện hữu này."

3971. Trong khi tin tưởng rằng: "Hành động được làm sẽ có [kết quả] dồi dào cho ta", tôi đã bố thí một trăm ngàn và đã cho xây dựng cây cầu.

3972. Sau khi đã cho xây dựng cây cầu ấy, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi chắp tay lên ở đầu, tôi đã nói lời nói này:

3973. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, cây cầu lớn này đã được làm hết một trăm ngàn và đã được con bảo làm vì lợi ích của Ngài, xin Ngài thọ nhận."

3974. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

3975. "Người nào được tịnh tín đã bảo thực hiện cây cầu cho Ta với các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3976. Dầu cho bị rơi xuống từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, thậm chí bị chết đi, người này sẽ đạt được vị thế; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3977. Các kẻ thù không áp chế được, ví như cơn gió không áp chế được cây đa có mạng rễ đã được phát triển; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3978. Các kẻ cướp không áp chế người này, các vị Sát-đế-lỵ không khinh bỉ, người này thoát khỏi tất cả kẻ thù; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3979. Khi hiện diện ở ngoài trời [và] bị thiêu đốt bởi sức nóng dữ dội, [do] được gắn liền với nghiệp phước thiện, các cảm thọ sẽ không có.

3980. Ở thế giới chư thiên hoặc loài người, sau khi biết được ước muốn của người ấy, phương tiện di chuyển bằng voi sẽ được hóa hiện ra, sẽ được tạo ra ngay lập tức.

3981. Một ngàn con ngựa giống Sindhu có tốc độ của gió là phương tiện di

chuyển nhanh chóng sẽ đi đến sáng chiều; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3982. Sau khi đi đến bản thể nhân loại, người này sẽ được sung sướng. Ngay cả ở đây cũng sẽ có phương tiện di chuyển bằng voi cho chính con người ấy.

3983. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3984. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3985. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến vị [Phật] tên Padumuttara! Sau khi thể hiện sự tôn kính đến vị ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

3986. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3989. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhotaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhotaka" là phần thứ tư.

405. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPASIVA (*Upasivattherāpadānaṃ*)

3990. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Anoma, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

3991. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Và dọc theo bến nước cạn ấy, có nhiều sen hồng sen xanh mọc lên.

3992. Có các loài cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Con sông nhỏ, chứa đầy dẫy những cá và rùa, luôn luôn trôi chảy.

3993. Ở nơi ấy, các loài hoa timira, hoa asoka, hoa khuddamālaka, hoa nguyệt quế, hoa nguyệt quế núi đã được nở rộ tỏa hương đến khu ẩn cư của tôi.

3994. Ở nơi ấy, loài hoa kūṭaja và các rừng hoa nhài được nở rộ. Ở nơi ấy, có nhiều cây sāla, cây salala và cây campaka được nở rộ.

3995. Các loài cây ajjuna, cây atimutta và cây mahānāma được nở rộ và loài cây asana có hương thơm ngọt ngào, chúng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

---

[5] *Dhotaka* nghĩa là "người đã được gội rửa (*dhota*)."

3996. Các loại cây uddālaka, cây pāṭalika, cây yūthika, cây piyaṅguka và cây bimbijālaka bao phủ ở xung quanh nửa do-tuần.

3997. Ở nơi ấy, có nhiều loại cây mātaṅgava, cây sattali, cây pāṭalī, cây sinduvāraka, cây aṅkolaka và cây tālakūṭa được nở rộ hoa.

3998. Ở nơi ấy, có nhiều cây cánh kiến trắng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. Trong khi những cây này đang nở rộ hoa, nhiều cây trở nên rực rỡ. Khu ẩn cư của tôi tỏa ra với hương thơm ấy ở xung quanh.

3999. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhīṭaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

4000. Và ở nơi ấy có những loại trái cây như trái tinduka, trái piyāla, trái cam thảo, trái kāsumārī, trái mít, trái sa-kê, trái chuối, trái badarī.

4001. Ở nơi ấy, có nhiều trái cây ambāṭaka và trái cây vallikāra. Các cây bījapūra và cây sapāriya được kết trái ở khu ẩn cư của tôi.

4002. Từ nơi ấy có nhiều trái cây như trái āḷaka, trái isimugga và trái moda bao phủ, đã chín tới và trĩu nặng. Và có các trái cây như trái vả và trái sung.

4003. Ở nơi ấy, có nhiều trái ớt, trái tiêu, trái đa, trái táo rừng, trái sung và trái pāriya đã chín một phần.

4004. Và có nhiều loại cây này và loại cây khác đã kết trái ở khu ẩn cư của tôi. Cũng có nhiều cây có bông hoa đã đơm hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4005. Các loài thảo mộc như là āluva, kaḷamba, bilālī, takkala, ālaka, luôn cả tālaka đều được tìm thấy ở khu ẩn cư của tôi.

4006. Ở không xa khu ẩn cư của tôi [đã] có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, có nước trong, có nước mát, có bến nước cạn xinh xắn, làm thích ý.

4007. Ở nơi ấy, có nhiều sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la, tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại.

4008. Có những đóa sen hồng đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, có nhiều đóa có các cánh hoa rũ xuống trở thành những gương sen.

4009. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen, chúng tỏa ra nhiều hương thơm khác loại [hòa quyện] với hương thơm ấy ở xung quanh.

4010. Có nhiều bông súng trắng và mùi thơm của xoài thoảng qua được nhận biết. Ở kế bờ hồ nước thiên nhiên, có nhiều cây dừa dại được đơm bông.

4011. Có các cây bandhujīva khéo nở rộ hoa và các cây setavārī có hương thơm ngát. Có các con cá sấu loại kumbhīla, loại suṃsumāra và loại gahaka được sanh ra ở tại nơi ấy.

4012. Có nhiều mãng xà là loài thú kiếm mồi trong hồ nước thiên nhiên ở tại nơi ấy. Và có các loài cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita.

4013. Có đầy dẫy các loài cá, các con rùa và các con rái cá nữa. Và có các con chim bồ câu, các con ngỗng trời, các con gà rừng và các loài sống ở sông.

4014. Có nhiều chim le le, ngỗng đỏ, chim campaka, chim jīvajīvaka, chim kalandaka, chim ưng, chim diều hâu và chim uddhara.

4015. Có nhiều chim koṭṭhaka, chim sukapota, loài cua, loài bò rừng, loài thú kāreṇī và loài thú tilaka sống nương nhờ hồ nước ấy.

4016. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, các loài khỉ và luôn cả loài Kim Sí điểu được nhìn thấy ở khu ẩn cư của tôi.

4017. Trong khi ngửi các hương thơm ấy, trong khi ăn các thứ trái cây [ấy] và trong khi uống nước có hương thơm [ấy], tôi sống ở khu ẩn cư của tôi.

4018. Có các con sơn dương, nai, heo rừng, hươu, các loài có dáng vóc nhỏ bé, và luôn cả các con đom đóm có ánh sáng sống ở khu ẩn cư của tôi.

4019. Ở nơi ấy có nhiều chim thiên nga, chim cò, chim công, chim sáo, chim cu, chim mañjarikā, chim cú mèo và chim gõ kiến.

4020. Có nhiều loài yêu tinh, loài người khổng lồ, và luôn cả loài quỷ sứ, loài quỷ dữ, loài nhân điểu, và luôn cả các loài bò sát sống ở khu ẩn cư của tôi.

4021. Có nhiều vị ẩn sĩ có đại oai lực, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, tất cả đều mang bầu nước, có y choàng là tấm da dê, các vị mang búi tóc rối ấy sống ở khu ẩn cư của tôi.

4022. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, hài lòng với việc có hay không có, sống ở khu ẩn cư của tôi.

4023. Được hỗ trợ bởi các năng lực của bản thân, các vị ấy luôn luôn di chuyển ở không trung, [vừa đi] vừa phất phơ bộ y phục vỏ cây, vừa kềm giữ tấm y da dê.

4024. Các vị ấy không mang theo nước, củi gỗ, hoặc củi nhóm lửa, và các vị ấy đã tự thân đạt được [các thứ ấy], điều này là quả báo của phép kỳ diệu.

4025. Sau khi nhận lấy cái máng bằng kim loại, các vị ấy sống ở giữa rừng ví như những con voi dòng long tượng, tợ như con sư tử không bị hãi sợ.

4026. Một số vị đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số vị khác đi đến Đông Thắng-thần châu, và một số vị khác đi đến Bắc Cu-lô châu tùy theo năng lực của tự thân. Sau khi mang lại vật thực từ các nơi ấy, các vị thọ thực chung.

4027. Khi ấy, trong lúc tất cả các vị có oai lực nổi bật như thế ấy đang ra đi, khu rừng được rộn ràng bởi âm thanh bộ y bằng da dê của [các vị].

4028. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, các vị như thế ấy là những người học trò có sự khổ hạnh nổi bật của con. Được tùy tùng bởi các vị ấy, con sống ở khu ẩn cư của con.

4029. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, các vị này đã cùng nhau tụ hội và cũng đã được huấn luyện. Là những người có sự mong mỏi về việc làm của bản thân, có giới hạnh, cẩn trọng, rành rẽ về các pháp vô lượng tâm, họ đã làm con hài lòng."

4030. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hướng Đạo sau khi nhận biết thời điểm đã đi đến.

4031. Sau khi đi đến, đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí, vị Có Sự Nhiệt Tâm, Cẩn Trọng đã ôm lấy bình bát; rồi đấng Toàn Giác đã đến gần tôi để khất thực.

4032. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến, tôi đã sắp xếp tấm thảm cỏ và đã rải rắc bằng các bông hoa sāla.

4033. Tôi đã thỉnh đấng Toàn Giác ngồi xuống. Trở nên mừng rỡ, với tâm ý đã được kích động, tôi đã mau chóng leo lên ngọn núi và đã thâu nhặt gỗ trầm hương.

4034. Sau khi hái trái mít có kích thước bằng bầu nước, có hương thơm cõi trời, tôi đã đặt ở trên vai rồi đã đi đến gần đấng Hướng Đạo.

4035. Sau khi đã dâng trái cây đến đức Phật, tôi đã thoa trầm hương. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

4036. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở giữa những vị ẩn sĩ và đã nói những lời kệ này:

4037. "Người nào đã dâng cúng trái cây, trầm hương và chỗ ngồi đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4038. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, vật thực sẽ hiện ra đúng theo tâm [ước muốn] của người này.

4039. Được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, người nam này sẽ làm thỏa mãn nhóm tùy tùng với các thức ăn và với các loại vải vóc.

4040. Chốn nào được sanh lên là bản thể thiên nhân hay loài người, sau khi có được của cải không bị suy suyển, người nam này sẽ luân hồi.

4041. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4042. Và người này sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4043. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4044. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc."

4045. Điều lợi ích được thành tựu một cách tốt đẹp đã được thành tựu đến tôi, là việc tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi đã thành tựu tam minh, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

4046. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, sau khi biết được tâm của tôi, vật thực luôn luôn hiện đến cho tôi.

4047. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4048. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upasiva đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upasiva" là phần thứ năm.

406. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (*Nandakattherāpadānaṃ*)

4050. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng rậm hoang dã. Trong lúc tìm kiếm thú rừng là loài nai, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ.

4051. Bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Anuruddha. Khi ấy, có ước muốn độc cư, bậc Trí Tuệ ấy đã đi sâu vào trong khu rừng.

4052. Tôi đã cầm lấy bốn cây gậy rồi đã đặt ở bốn vị trí. Sau khi thực hiện mái che đã được làm khéo léo, tôi đã phủ lên bằng những đóa hoa sen.

4053. Sau khi đã lợp xong mái che, tôi đã đảnh lễ đấng Tự Chủ. Tôi đã quăng bỏ cây cung ngay tại chỗ ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4054. Được xuất gia không bao lâu, bệnh tật đã khởi lên cho tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây rồi đã qua đời ở tại nơi ấy.

4055. Được gắn liền với nghiệp trước đây, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. Ở tại nơi ấy, có cung điện bằng vàng được tạo ra theo như ước muốn.

4056. Tôi đã chú nguyện về phương tiện di chuyển ở cõi trời là chiếc xe đã được buộc vào một ngàn con ngựa. Sau khi bước lên chiếc xe ấy, tôi ra đi theo như ước muốn.

4057. Từ đó, trong khi tôi là vị thiên nhân và trong khi tôi được đưa đi, có chiếc lọng được che cho tôi ở xung quanh một trăm do-tuần.

4058. Tôi nằm ở cái giường thường xuyên được lót bằng bông hoa. Và có các đóa hoa sen từ trên không trung liên tục rơi xuống.

4059. Khi ảo ảnh [ở mắt] đang lung linh và sức nóng đang thiêu đốt, sức nóng đã không làm tôi bị nóng bức; điều này là quả báo của mái che.

4060. Trong khi vượt qua khổ cảnh, các địa ngục đã đóng lại đối với tôi. Ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức.

4061. Sau khi chú nguyện sự niệm tưởng về đất, tôi băng qua nước biển mặn, việc làm của tôi đây đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4062. Thậm chí không có con đường, tôi tạo ra con đường, tôi đi bằng

đường không trung. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4063. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4064. Cuộc sống trước đây đã được buông bỏ, tôi là Tỳ-khưu của đức Phật và là người thừa tự Chánh pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4065. Tôi đã làm hài lòng đấng Thiện Thệ Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakya. Tôi là ngọn cờ của giáo pháp, là người thừa tự giáo pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4066. Tôi đã hầu cận đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakya và đã hỏi đấng Lãnh Đạo Thế Gian về đạo lộ đi đến bờ kia.

4067. Được yêu cầu, đức Phật đã thuyết giảng về đạo lộ thâm sâu vi tế. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

4068. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp! Tôi đã được giải thoát khỏi sự sanh, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4069. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4070. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nandaka" là phần thứ sáu.

407. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HEMAKA (*Hemakattherāpadānaṃ*)

4072. Vào lúc bấy giờ, có vị đạo sĩ khổ hạnh tên là Anoma đã tạo lập khu ẩn cư được xây dựng khéo léo ở gần chóp đỉnh của sườn núi và đã sống ở gian nhà rộng bằng lá.

4073. Sự thực hành khổ hạnh của vị ấy đã được thành tựu. Được đạt đến sự thành tựu về các năng lực của bản thân, vị hiền trí có sự nhiệt tâm, cẩn trọng, đang tiến đến bản thể Sa-môn của chính mình.

4074. [Vị ấy] tự tin ở giáo lý của mình và rành rẽ về học thuyết của người khác, được nổi tiếng ở trên trời dưới đất và rành rẽ về điềm báo hiệu.

4075. Vị hiền trí không còn sầu muộn, không giết hại, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, chứng thiền, thỏa thích về thiền.

4076. Bậc Toàn Giác cao cả, đấng Bi Mẫn, bậc Hiền Trí tên Piyadassī, có ước muốn giúp cho chúng sanh vượt qua, khi ấy Ngài đã lan tỏa với tâm bi mẫn.

4077. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī vẫn đi đến dầu cho [khoảng cách là] một ngàn vũ trụ, và bậc Hiền Trí giáo giới [người ấy].

4078. Có ý muốn tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. Tôi chưa từng nhìn thấy đấng Chiến Thắng trước đây, và cũng chưa từng được nghe từ bất cứ ai.

4079. Tôi hiểu biết rành rẽ về các điềm báo hiệu, các mộng mị và các tướng mạo. Tôi được nổi tiếng về thiên văn địa lý và rành rẽ về thuật chiêm tinh.

4080. Tại đó, sau khi lắng nghe đức Phật, tôi đây đã làm cho tâm được tịnh tín. Trong khi ăn hoặc trong khi ngồi xuống, tôi thường xuyên nhớ lại.

4081. Khi tôi nhớ lại như vậy, đức Thế Tôn cũng đã tưởng nhớ lại. Trong khi tưởng nhớ đến đức Phật, tôi có được phỉ lạc ngay lập tức.

4082. Và đã xảy ra một lần khác nữa, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi. Tôi cũng không biết về người đã đi đến: "Vị này là đức Phật, bậc Đại Hiền Trí."

4083. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã tỏ rõ về bản thân rằng: "Ta là đức Phật [ở thế gian] gồm luôn cả chư thiên."

4084. Sau khi nhận ra đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín rồi đã nói lời nói này:

4085. "Những người khác tự ngồi xuống ở ghế đẩu, ghế bành và các ghế dài. Còn Ngài là đấng Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi bằng châu báu."

4086. Ngay khi ấy, tôi đã hóa hiện ra chiếc ghế đẩu toàn bộ làm bằng châu báu và đã dâng lên bậc Hiền Trí Piyadassī [chiếc ghế] đã được hóa hiện ra bằng thần thông.

4087. Và khi Ngài đã ngồi xuống trên chiếc ghế đẩu bằng châu báu đã được hóa hiện ra bằng thần thông, tôi đã tức thời dâng đến Ngài trái mận đỏ có kích thước bằng bầu nước.

4088. Sau khi làm cho tôi sanh khởi niềm vui, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng. Khi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

4089. Rồi đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ngồi ở chỗ ngồi bằng châu báu đã nói lên các lời kệ này:

4090. "Người nào đã dâng cúng Ta chiếc ghế đẩu làm bằng châu báu và trái cây bất tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4091. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

4092. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi hai lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4093. [Người này] sẽ đạt được nhiều chiếc ghế bành khéo được tạo ra làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng hồng ngọc và luôn cả làm bằng châu báu.

4094. Khi ấy, có vô số chiếc ghế bành sẽ quây quanh con người có được nghiệp phước thiện, ngay cả trong lúc [vị ấy] đang đi kinh hành.

4095. Các ngôi nhà mái nhọn, các tòa lâu đài và chỗ nằm vô cùng giá trị, sau khi biết được tâm [ước muốn] của người này sẽ được hiện ra ngay khi ấy.

4096. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục với yên cương bằng vàng.

4097. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4098. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức.

4099. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng cũng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4100. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao.

4101. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4102. Sáu mươi ngàn con bò cái sữa sẽ sản xuất ra các con bò con và bò đực cao quý; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4103. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

4104. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4105. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn tên là Gotama sau khi hủy diệt điều tăm tối ấy và sẽ trở thành đức Phật ở thế gian.

4106. [Người này] sẽ đi đến chiêm ngưỡng vị [Phật] ấy, sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, sẽ làm hài lòng bậc Đạo Sư và sẽ vô cùng thỏa thích trong giáo pháp.

4107. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị [Phật] ấy, [người này] sẽ tiêu diệt các phiền não. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

4108. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng thực hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Trong khi ước nguyện mục đích tối thượng, tôi sống ở trong giáo pháp.

4109. Đây là lần sau cùng của tôi, là kiếp sống cuối cùng trong sự luân

chuyển. [Tôi] đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4110. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4111. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4112. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hemaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Hemaka" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ mười bảy).

408. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TODEYYA (*Todeyyattherāpadānaṃ*)

4113. Lúc bấy giờ, ở kinh thành Ketumatī có đức vua tên Vijaya, là vị anh hùng, được hội đủ sức lực, đã cư ngụ ở tại thành phố.

4114. Khi vị vua ấy bị xao lãng, những kẻ lục lâm đã nổi dậy. Khi ấy, những điều tội lỗi và các sự phóng đãng nữa đã tàn phá xứ sở.

4115. Vào lúc biên thùy bị rối loạn, vị thuần hóa kẻ thù, [đức vua] đã lập tức cho tập trung các binh lính, luôn cả các nhân viên quân đội và khi ấy đã lên án kẻ thù.

4116. Lúc bấy giờ, các nài voi, các lính ngự lâm, các bậc anh hùng, đội quân áo giáp da, các cung thủ và các thủ lãnh, tất cả đã tập trung lại.

4117. Lúc bấy giờ, các người đầu bếp, các thợ hớt tóc, các người hầu tắm, các người làm tràng hoa, các vị anh hùng thắng trận, tất cả đã tập trung lại.

4118. Lúc bấy giờ, các người tay có cầm dao, tay có cầm cung, có áo giáp, các võ sĩ thắng trận, tất cả đã tập trung lại.

4119. Lúc bấy giờ, các con voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi có sự trang sức với các chuông vàng, tất cả đã tập trung lại.

4120. Lúc bấy giờ, các dũng sĩ đã được huấn luyện, có sức chịu đựng sự lạnh, sự nóng và sự mang vác các vật thối tha, tất cả đã tập trung lại.

4121. Lúc bấy giờ, có tiếng tù và vỏ ốc, tiếng trống lớn và tiếng trống trầm. Trong lúc đang giải trí với những tiếng trống này, tất cả bọn họ đã tập trung lại.

4122. Lúc bấy giờ, trong khi đánh đập nhau, trong khi làm cho nhau té ngã bằng các chĩa ba, các cây trượng và bùa chú, bằng các áo giáp và các mũi thương, tất cả đã tập trung lại.

4123. Lúc bấy giờ, là kẻ chiến thắng, vị vua ấy đã không lắng nghe kẻ bại trận về bất cứ điều gì và đã làm sáu chục ngàn sanh mạng phải khiếp đảm ở nơi cọc nhọn.

4124. Những con người [ấy] đã thốt ra lời rằng: "Ôi, vị vua bất nhân! Đối với kẻ đang bị nung nấu ở địa ngục thì khi nào sẽ là sự kết thúc?"

4125. Khi ấy, trong lúc trằn trọc ở trên giường, tôi [như là] nằm ở địa ngục, cả ngày lẫn đêm tôi không ngủ. Với cây cọc nhọn họ làm cho tôi hoảng sợ.

4126. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Được gì với sự chểnh mảng, với vương quốc, với xe cộ và với binh lực? Chúng không phải là để bám víu, chúng luôn luôn làm tôi hãi sợ.

4127. Được gì cho tôi với các người con trai, với các người vợ và với toàn bộ vương quốc? Hay là ta nên xuất gia, ta nên làm trong sạch đạo lộ tái sanh?"

4128-29. Không mong mỏi việc lai vãng ở chiến trường, vào địa vị, tôi đã từ bỏ sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu. Bị nóng nảy bởi hành động của chính mình, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình.

4130-31. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm cung, mang áo giáp. Sau khi buông bỏ tất cả các thứ ấy, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình.

4132. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. Sau khi bảo đem đi tất cả các thứ ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4133. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con bò cái, tất cả đều mang bầu sữa. Sau khi quăng bỏ luôn cả lũ bò cái, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4134. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

4135. Các nàng có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon. Tôi đã từ bỏ các nàng đang khóc lóc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4136. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả. Sau khi quăng bỏ vương quốc ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4137. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp. Tôi đã tạo lập khu ẩn cư ở bờ sông Bhāgīrathī.

4138. Sau khi xây dựng gian nhà rộng bằng lá, tôi đã xây dựng ngôi nhà thờ lửa. Có sự nỗ lực tinh tấn, có tính khẳng quyết, tôi sống ở khu ẩn cư của tôi.

4139. Và trong lúc tham thiền ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, tuy nhiên sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ.

4140. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Cao Cả, đấng Bi Mẫn, bậc Hiền Trí, trong khi chói sáng với ánh sáng trí tuệ, đã lập tức hiện khởi ở thế gian.

4141. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực, khi ấy đã thông báo cho tôi về đức Phật tối thượng đã hiện khởi:

4142. "Đức Phật bậc Hữu Nhãn tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Ngài giúp cho tất cả loài người vượt qua. Ngài cũng sẽ giúp cho ngươi vượt qua."

4143. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, ngay khi ấy sự chấn động đã xuất hiện [ở tôi]. Trong lúc suy nghĩ: "Đức Phật! Đức Phật!", tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư.

4144. Và sau khi quăng bỏ lửa củi, tôi đã tự sắp xếp thảm trải. Sau khi lễ bái khu ẩn cư, tôi đã rời khỏi khu rừng.

4145. Sau khi cầm lấy trầm hương từ khu rừng ấy, trong khi tìm kiếm vị Trời Của Chư Thiên từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác, tôi đã đi đến gần bậc Hướng Đạo.

4146. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, trong khi công bố về bốn sự thật [đã] giác ngộ nhiều người.

4147. Sau khi đã chắp tay lên và đặt trầm hương ở trên đầu, tôi đã đảnh lễ đấng Toàn Giác và đã nói lên những lời kệ này:

4148. "Trong khi hoa nhài đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra vùng lân cận. Bạch đấng Anh Hùng, Ngài tỏa ra khắp mọi phương với hương thơm của đức hạnh.

4149. Trong khi các loài hoa campaka, hoa mù u, hoa atimuttaka, hoa dứa dại, hoa sāla đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra theo chiều gió.

4150. Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại, sau khi nghe được danh thơm của Ngài, con từ núi Hy-mã-lạp đã đi đến nơi đây, con xin cúng dường Ngài."

4151. Tôi đã thoa trầm hương cao quý lên đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngay khi ấy tôi đã đứng yên lặng.

4152. Đức Thế Tôn tên Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4153. "Người nào đã ca tụng về đức hạnh của Ta và đã cúng dường trầm hương, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4154. [Người này] sẽ là người cao quý, thẳng thắn, có sự huy hoàng, có ngôn từ được [người khác] thâu nhận, có hào quang trong hai mươi lăm kiếp.

4155. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai ngàn sáu trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4156. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi

ba lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4157. Mệnh chung từ nơi ấy, người này sẽ đi đến bản thể nhân loại, được gắn liền với nghiệp phước thiện, sẽ là thân quyến của Phạm thiên.[6]

4158. [Sẽ có] người Bà-la-môn tên Bāvarī, là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà, hội đủ ba tướng mạo.

4159. Sau khi trở thành đệ tử của vị ấy, [người này] sẽ thông thạo về chú thuật và sẽ đi đến với đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya.

4160. Người này sẽ hỏi các câu hỏi khôn khéo, sẽ tu tập đạo lộ, sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

4161. Ba loại lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4162. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4163. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4164. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Todeyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Todeyya" là phần thứ tám.

409. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JATUKAṆṆI (*Jatukaṇṇittherāpadānaṃ*)

4165. Khi ấy, tôi đã là người con trai của nhà triệu phú ở thành phố Hamsavatī. Tôi được cung ứng và được vây quanh bởi các loại dục lạc.

4166. Khi ấy, những người ghi dấu các căn nhà đã dựng lên ba tòa nhà. Sau khi bước lên tòa nhà, tôi được vây quanh bởi các điệu vũ và lời ca ở tại nơi ấy.

4167. Các loại nhạc cụ kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe được biểu diễn cho tôi. Tất cả những người phụ nữ đang nhảy múa hoàn toàn thu hút tâm ý của tôi.

4168. Những vũ công về các điệu vũ velāpika, lāmaṇika, kuñjavāsī và timajjhika, những người nhào lộn và những diễn viên hài luôn luôn vây quanh tôi.

4169. Có nhiều nhạc công, những người đánh trống, các diễn viên uốn dẻo, các vũ công, các diễn viên và ngay cả các kịch sĩ luôn luôn vây quanh tôi.

4170. Các người thợ hớt tóc, các người hầu tắm, các người đầu bếp, các

[6] Người Bà-la-môn (*Brāhmaṇa*) tự hào là thân quyến của Phạm thiên (*Brahmā*).

người làm tràng hoa, các người giữ trẻ, các người nhào lộn, các võ sĩ đấu vật, tất cả bọn họ luôn luôn vây quanh tôi.

4171. Trong khi những người này đang đùa giỡn, luyện tập về kỹ xảo, tôi không biết đến ngày và đêm, tợ như vị Chúa trời Inda ở cõi trời Tam Thập.

4172. Những người lữ hành, những người đi đường, tất cả các hành khất, nhiều người bộ hành, trong lúc xin ăn bọn họ thường xuyên đi đến nhà của tôi.

4173. Các Sa-môn và luôn cả các Bà-la-môn là những phước điền vô thượng, trong lúc làm tăng trưởng phước báu của tôi, các vị đi đến nhà của tôi.

4174. Các hạng đạo sĩ che một mảnh vải, đạo sĩ che bằng dây leo, các du sĩ ngoại đạo, đạo sĩ có tấm choàng bằng bông hoa, đạo sĩ chống ba cây gậy, đạo sĩ có một chòm tóc, tất cả đều đi đến nhà của tôi.

4175. Các vị đạo lõa thể, các kẻ cướp giật, các người hành pháp trâu bò, các người hành pháp chư thiên, các người tu hạnh bôi trét bụi và bùn đất [ở cơ thể], những người này đi đến nhà của tôi.

4176. Nhiều vị đạo sĩ nhóm Parivattaka, nhóm Siddhipatta, nhóm Koṇḍapugganika, các đạo sĩ khổ hạnh và các người tu ở rừng đi đến nhà của tôi.

4177. Những người Oḍḍaka, luôn cả các người Ta-min, các người Sākula, các người Malayālaka, các người Sabara và cả các người Yonaka nữa đi đến nhà của tôi.

4178. Tất cả những người xứ sở Andhaka, xứ sở Muṇḍaka, xứ sở Kolaka, xứ sở Sānuvindaka và xứ sở Trung Hoa xa xôi đi đến nhà của tôi.

4179. Các người xứ sở Alasandaka, xứ sở Pallavaka, xứ sở Babbara, xứ sở Bhagga, xứ sở Kārusa, xứ sở Rohita và xứ sở Cetaputta đi đến nhà của tôi.

4180. Các người xứ sở Mādhuraka, xứ sở Kosalaka, xứ sở Kāsika, xứ sở Hatthiporika, xứ sở Isiṇḍa, luôn cả các người xứ sở Makkala đi đến nhà của tôi.

4181. Các người xứ sở Celāvaka, xứ sở Aramma, xứ sở Okkala, xứ sở Meghala, xứ sở Khuddaka, luôn cả xứ sở Suddaka đi đến nhà của tôi.

4182. Các người xứ sở Rohaṇa, xứ sở Sindhava, xứ sở Citaka, xứ sở Ekakaṇṇika, xứ sở Suraṭṭha và xứ sở Aparanta đi đến nhà của tôi.

4183. Các người xứ sở Suppāraka, xứ sở Kikumāra, xứ sở Malaya, xứ sở Soṇṇabhūmika, xứ sở Vajjī và xứ sở Tāra, tất cả bọn họ đi đến nhà của tôi.

4184. Những người làm ống thổi, những người thợ dệt, những người thợ thuộc da, những người thợ mộc, những người thợ rèn và những người thợ làm đồ gốm đi đến nhà của tôi.

4185. Những người thợ làm ngọc, thợ làm kim khí, thợ kim hoàn, người buôn vải và thợ làm chì, tất cả đi đến nhà của tôi.

4186. Những người thợ làm tên, thợ tiện gỗ, thợ dệt, những người làm hương liệu, những người thợ nhuộm và những người thợ may đi đến nhà của tôi.

4187. Những người buôn dầu, những người vận chuyển gỗ, những người vận chuyển nước, những người đưa tin, những người đầu bếp và những người bảo quản vật thực đi đến nhà của tôi.

4188. Những người gác cổng, những người hộ vệ, những người canh ngục, những người đổ bỏ rác bông hoa, các nài voi, các quản tượng đi đến nhà của tôi.

4189 Tôi đã dâng đến vị Đại vương Ānanda là người bị xao lãng. Tôi làm đầy đủ sự thiếu hụt [của đức vua] bằng châu báu có bảy màu sắc.

4190. Những người đã được tôi đề cập đến là những nhóm người có màu da khác nhau. Sau khi biết được tâm của họ, tôi đã làm thỏa mãn họ bằng châu báu.

4191. Trong khi họ đang nói những lời vui vẻ, trong khi những cái trống lớn được vỗ vang lên, trong khi họ đang thổi những chiếc tù và vỏ ốc, tôi sướng vui ở tại ngôi nhà của chính mình.

4192-93. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhãn ấy, được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị Tỳ-khưu là các bậc Lậu tận có năng lực, đã ngự đến ở trên đường, trong lúc đang tỏa sáng tất cả các phương tợ như cây đèn chiếu sáng.

4194. Tất cả các chiếc trống lớn được vỗ lên trong khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang đi. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao.

4195. Do ánh hào quang đã đi vào dầu chỉ bằng cánh cửa sổ, ở trong gian nhà ngay lập tức đã có ánh sáng vô cùng bao la.

4196. Sau khi nhìn thấy ánh hào quang của đức Phật, tôi đã nói với đám đông rằng: "Chắc chắn rằng đức Phật tối thượng đã đi đến con đường này."

4197. Tôi đã cấp tốc bước xuống khỏi tòa nhà và đã đi đến khu phố chợ. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã nói lời nói này:

4198. "Xin đức Phật, đấng Lãnh Đạo Padumuttara hãy thương tưởng đến con." Bậc Hiền Trí ấy đã nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

4199. Sau khi thỉnh mời, tôi đã hướng dẫn bậc Toàn Giác đi đến ngôi nhà của mình. Tại nơi ấy, tôi đã làm thỏa mãn bậc Đại Hiền Trí với cơm ăn và nước uống.

4200. Biết được thời điểm đã thọ thực xong của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng bằng một trăm khúc tấu nhạc.

4201. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở trong nhà và đã nói lên những lời kệ này:

4202. "Người nào đã phục vụ Ta bằng các khúc tấu nhạc và đã dâng cúng Ta cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4203. Sau khi đã có dồi dào về lương thực, với vàng, với thức ăn, người nam này sẽ cho thực hiện bốn châu lục thành một vương quốc.

4204. [Người này] sẽ thọ trì năm giới cấm và sau đó là mười đường lối về [thiện] nghiệp. Sau khi thọ trì và trong lúc hành theo, người này sẽ chỉ dạy hội chúng.

4205. Một trăm ngàn nữ nhân được trang điểm sẽ thường xuyên trình tấu nhạc cụ cho người này; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4206. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần.

4207. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4208. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4209. [Người này] sẽ sanh vào bản thể thiên nhân hay loài người. Người này sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ đi đến bản thể loài người.

4210. Sau khi trở thành vị giảng huấn, thông suốt ba tập Vệ-đà, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, [người này] sẽ đi đó đây ở trái đất này.

4211. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người này sẽ xuất gia và sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

4212. Người này sẽ làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sẽ thiêu đốt các phiền não và sẽ trở thành vị A-la-hán."

4213. Giờ đây, tôi sống trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya không bị hãi sợ, tợ như con cọp chúa ở trong rừng, như là con sư tử vua của loài thú.

4214. Tôi không nhìn thấy sự tái sanh của tôi ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, ở nơi nghèo khó hoặc ở vào khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4215. Tôi đã được gắn liền với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jatukaṇṇi đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jatukaṇṇi" là phần thứ chín.

410. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDENA (*Udenattherāpadānaṃ*)

4219. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Paduma, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4220. Các con sông chảy qua nơi ấy có những bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Các con sông luôn luôn có nước trong, có nước mát, xinh đẹp.

4221. Có các loài cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Những loài cá này thường xuyên sống ở dòng sông, đồng thời làm cho các con sông trở nên rực rỡ.

4222. [Các con sông] được che phủ bởi các cây xoài và cây mận. Tương tợ như thế, có các cây bông hường, cây tilaka, cây bả đậu, cây hoa kèn làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4223 Các cây aṅkolaka, cây bimbijāla và cây māyākārī được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4224. Các cây atimutta, cây sattalika, cây nāga và cây sāla được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4225. Các cây kosamba, cây salala, cây nīpa và cây aṭṭhaṅga khéo được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4226. Ở khu ẩn cư có nhiều loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhīṭaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

4227. Tại nơi ấy, ở khu ẩn cư của tôi, các cây kalamba, cây kandalī trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4228. Các cây asokapiṇḍī, cây varī và cây nimba được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4229. Các cây punnāga, cây giripunnāga, cây timira ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4230. Các cây nigguṇḍī, cây siriniggunḍī, cây campa ở tại nơi này được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4231. Không xa có cái hồ nước được líu lo bởi loài ngỗng đỏ, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen xanh và các bông sen đỏ.

4232. Có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý, có nước trong, có nước mát, trong vắt tương tợ ngọc pha lê, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4233. Ở tại nơi ấy, có các bông sen xanh, các bông sen trắng và các bông sen đỏ nở rộ. Được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4234. Có các loại cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita. Và trong khi thơ thẩn ở tại nơi ấy, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4235. Có các con cá sấu kumbhīla, cá sấu suṃsumāra, các con rùa, các con gaha, các con rắn và các con mãng xà làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4236. Và ở tại nơi ấy có các loài sống ở sông như chim bồ câu, ngỗng trời, ngỗng đỏ, chim le le, chim sáo, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4237. Các cây nayita, cây ambagandhī và cây dừa dại ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4238. Có các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói và linh cẩu, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4239. Có các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc, có y choàng là tấm da dê, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, các vị làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4240. Các vị này mặc các tấm da dê, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, có hành trang ít ỏi, tất cả các vị ấy làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4241. Lúc bấy giờ, các vị đã cầm lấy túi vật dụng rồi đi sâu vào rừng. Trong khi thọ thực các rễ và trái cây, các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư.

4242. Các vị ấy không đem lại củi [và] nước rửa chân. Do năng lực của tất cả các vị, [các vật dụng] được tự chúng mang lại.

4243. Có tám mươi bốn ngàn vị ẩn sĩ đã tụ hội ở tại nơi này. Tất cả các vị này là các vị tầm cầu mục đích tối thượng, có thiền chứng.

4244. Là các đạo sĩ khổ hạnh, có sự hành trì Phạm hạnh, đang năng nổ trong việc duy trì sự nhập định, có sự di chuyển ở không trung, tất cả các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư.

4245. Mỗi năm ngày, các vị tụ hội lại, có sự chăm chú, có hành vi thanh tịnh. Sau khi đảnh lễ lẫn nhau, các vị ra đi bằng hướng đối nghịch.

4246. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy, đấng Chiến Thắng đã tức thời hiện khởi.

4247. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực. Khi ấy, nó đã thông báo cho tôi về đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Padumuttara rằng:

4248. "Thưa ngài, đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara này đã xuất hiện. Ngài hãy mau đi đến và phục vụ bậc Toàn Giác."

4249. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, khi ấy với tâm ý trong sạch, tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư và đã lìa khỏi khu rừng.

4250. Như là mảnh vải đang bốc cháy, sau khi lìa khỏi khu ẩn cư tôi đã trú ngụ [chỉ] một đêm và đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo.

4251. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi công bố về bốn sự thật đã thuyết giảng về vị thế bất tử.

4252. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần bậc Đại Ẩn Sĩ. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

4253. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

4254. "Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lậu Hoặc sống ở thế gian này với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói.

4255. Sau khi cắt đứt dòng chảy luân hồi, Ngài đã giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, họ vượt qua dòng chảy ái dục.

4256. Bạch đấng Tối Thượng của loài người, Ngài là bậc thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh.

4257. Bạch đấng Toàn Tri, cho đến những người được gọi là các bậc Xa Phu có đồ chúng ở trên thế gian, Ngài là đấng Cao Cả, tất cả những người ấy đều được gộp chung lại ở Ngài.

4258. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ của Ngài, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, họ sẽ được chấm dứt khổ đau.

4259. Bạch đấng Hữu Nhãn, bạch đấng Đại Hiền Trí, những hương thơm nào đã được sanh lên và tỏa ra ở thế gian, không có gì sánh bằng hương thơm ở phước điền của Ngài.

4260. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài giúp cho thoát khỏi sự sanh vào loài thú, địa ngục. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài giảng giải về đạo lộ an tịnh, không còn tạo tác."

4261. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4262. "Người nào được tịnh tín đã tự tay mình cúng dường trí tuệ của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4263. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần."

4264. Tôi đã nhận lãnh điều lợi ích đã được đạt thành một cách tốt đẹp. Sau khi làm hài lòng bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4265. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4266. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4267. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

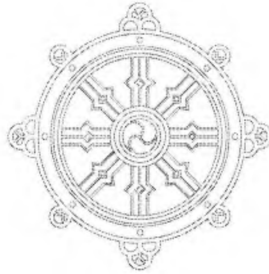
Đại đức Trưởng lão Udena đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udena" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Trưởng lão Metteyya, vị Puṇṇaka, vị Mettagū, luôn cả vị Dhotaka, vị Upasīva, vị Nanda, và vị Hemaka là vị thứ bảy ở nơi ấy, vị Todeyya, vị Jatukaṇṇī, và vị Udeno có danh vọng lớn lao. Ở đây là ba trăm câu kệ và thêm vào tám mươi ba câu.

Phẩm Metteyya là phẩm thứ bốn mươi mốt.



XLII. PHẨM BHADDĀLI
(*BHADDĀLIVAGGO*)

411. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDĀLI (*Bhaddālittherāpadānaṃ*)

4268. Bậc Toàn Giác tên Sumedha, đấng Bi Mẫn Cao Cả, vị Hiền Trí, bậc Cao Cả Của Thế Gian có ước muốn độc cư nên đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

4269. Sau khi đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Sumedha đã xếp chân kiết-già, rồi ngồi xuống.

4270. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha ấy đã thể nhập vào định. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm.

4271. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng rồi đã đi sâu vào khu rừng. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc.

4272. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cây chổi và đã quét khu ẩn cư. Sau khi dựng lên bốn cây cọc, tôi đã tạo nên cái mái che.

4273. Sau khi mang lại bông hoa sāla, tôi đã che phủ mái che. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Như Lai.

4274. Người ta nói về bậc Thông Thái có trí tuệ bao la là "Sumedha". Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này.

4275. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Quả nhiên, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhãn [đã] thuyết giảng giáo pháp.

4276. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này:

4277. "Người nào đã duy trì mái che, được che phủ bằng bông hoa sāla cho Ta suốt bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4278. Dầu trở thành vị thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ có làn da màu vàng chói, sẽ có của cải dồi dào, sẽ có sự thọ hưởng các dục lạc.

4279. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng.

4280. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ đi đến phục vụ người nam này sáng chiều. Được hộ tống bởi những con long tượng ấy, người nam này sẽ vui sướng.

4281. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu với sự sanh ra được thuần

chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức.

4282. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4283. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao.

4284. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung, mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4285. Sẽ luôn luôn hiện hữu sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả, có tài sản và lúa gạo dồi dào, được thành công tốt đẹp về mọi mặt; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4286. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4287. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4288. Và [người này] sẽ cai quản thiên quốc ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4289. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4290. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc."

4291. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian cách đây ba mươi ngàn kiếp, trong khoảng thời gian này, tôi đã tầm cầu vị thế bất tử.

4292. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp là tôi đã hiểu được giáo pháp, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

4293. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi tán dương trí tuệ của Ngài, con đã đạt được vị thế bất động".

4294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được sung sướng ở tất cả các nơi, là quả báo của tôi về việc tán dương trí tuệ.

4295. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4297. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhaddāli" là phần thứ nhất.

412. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA
(*Ekachattiyattherāpadānaṃ*)

4299. Ở bờ sông Candabhāgā có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá được rải cát vô cùng tinh khiết đã khéo được tạo lập.

4300. Con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh xắn, làm thích ý, có đủ các loài cá và rùa, được loài cá sấu lai vãng.

4301. Có các con gấu, công, báo, chim cu rừng và chim sáo. Chúng hót líu lo vào mọi lúc, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4302. Có các chim cu cu có âm giọng lôi cuốn và các con thiên nga có âm điệu ngọt ngào. Chúng hót líu lo tại nơi ấy, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4303. Có các con sư tử, cọp, heo rừng, chó sói, chó rừng và linh cẩu. Chúng gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4304. Có các con linh dương, nai, chó rừng, lợn rừng. Nhiều con gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4305. Có các loại cây uddālaka, cây campaka, cây pāṭalī, cây sinduvāraka, cây atimutta và cây asoka nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4306. Có các loại cây aṅkola, cây yūthika, luôn cả cây sattalī, cây bimbijālika, cây kaṇṇika và cây kaṇikāra nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4307. Có các loại cây nāga, cây sāla, cây salala, cây sen trắng được trổ hoa ở nơi đây. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4308. Có các loại cây ajjuna, cây asana và cây mahānāma được trổ hoa ở nơi đây, có các cây sāla và các bông hoa của cây kê, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4309. Có các cây xoài, cây mận đỏ, cây tilaka, cây nimba và cây sālakalyāṇī, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4310. Có các loại cây asoka, cây kapittha và cây bhaginimāla được trổ hoa

ở nơi đây, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4311. Các loại cây kadamba, luôn cả các cây chuối và cây isimugga đã được gieo trồng, chúng thường xuyên trĩu nặng những trái, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4312. Có những loại cây có trái như cây harītaka, cây āmalaka, cây xoài, cây mận đỏ, cây vibhītaka, cây táo, cây bhallātaka và cây billa ở khu ẩn cư của tôi.

4313. Không xa, có cái hồ nước khéo được thiết lập làm thích ý, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen đỏ và các bông sen xanh.

4314. Có những đóa sen đỏ đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, luôn cả các đóa có các cánh hoa rũ xuống, chúng nở hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4315. Có các loại cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita. Trong khi thơ thẩn ở làn nước trong, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4316. Có mùi thơm của xoài được thoảng qua và có các cây dứa dại ở dọc bờ sông. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4317. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4318. Ở nơi ấy, có cát sáng chói được trải ra và được ve vãn bởi làn nước với các bông hoa tàn đã được nở rộ giờ yên nghỉ, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4319. Các vị [đạo sĩ] mang búi tóc rối, có y choàng là tấm da dê, tất cả đều mặc y phục bằng vỏ cây, họ làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4320. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, không mong mỏi về sự thọ hưởng các dục lạc, sống ở khu ẩn cư của tôi.

4321. Tất cả các vị có [lông] nách, móng tay chân và các lông được mọc dài, có răng bẩn, có đầu lấm bụi, mang bụi dơ [ở thân], sống ở khu ẩn cư của tôi.

4322. Và các vị ấy đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí, có sự di chuyển ở không trung. Trong khi bay lên bầu trời, các vị này làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4323. Khi ấy, được tùy tùng bởi những người học trò ấy, tôi sống ở khu rừng. Luôn luôn thể nhập vào thiền, tôi không biết đến ngày và đêm.

4324. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Đại Hiền Trí, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī, trong khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4325. Rồi có người học trò nọ đã đi đến gặp tôi. Người ấy có ý định học về các chú thuật và sáu phần về danh hiệu và tướng số [và đã nói rằng]:

4326. "Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī đã xuất hiện ở thế gian. Trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử."

4327. Được hớn hở, vui mừng, hoan hỷ, có khuynh hướng đi đến với giáo pháp, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã nói lời nói này:

4328. "Đức Phật có ba mươi hai hảo tướng đã xuất hiện ở thế gian. Các người hãy đi đến, tất cả chúng ta sẽ đi gặp đấng Chánh Đẳng Giác."

4329. Là những người tầm cầu mục đích tối thượng, có sự đáp ứng theo lời giáo huấn, đã hướng đến sự toàn hảo trong Chánh pháp, các vị ấy đã đồng ý rằng: "Lành thay!"

4330. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc ấy, có y choàng là tấm da dê, đã rời khỏi khu rừng.

4331. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn Atthadassī, vị có danh tiếng lớn lao, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử.

4332. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng màu trắng và đã che cho đức Phật tối thượng. Sau khi nắm giữ [chiếc lọng] trong một ngày, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

4333. Kế đó, đức Thế Tôn, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Atthadassī đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4334. "Người nào được tịnh tín nắm giữ chiếc lọng [che] cho Ta bằng các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4335. Khi người này được sanh lên, ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng luôn luôn che cho người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

4336. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4337. Và sẽ trở thành vị Thiên vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4338. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakya, trong khi xua đi điều tăm tối ấy, sẽ hiện khởi.

4339. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc."

4340. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm là đã nắm giữ chiếc lọng [che] cho đức Phật, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến việc không được che bởi chiếc lọng trắng.

4341. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Việc nắm giữ chiếc lọng được vận hành liên tục đến tận ngày hôm nay.

4342. Ôi, việc làm đã được tôi khéo thực hiện đến [đức Phật] Atthadassī như thế ấy. Tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4343. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4344. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4345. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekachattiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekachattiya" là phần thứ nhì.

413. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASŪLAKACHADANIYA
(*Tiṇasūlakachadaniyattherāpadānaṃ*)

4346. Lúc bấy giờ, tôi đã suy xét về sự sanh, sự già và sự chết. Sau khi lìa khỏi sự sống chung, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4347. Trong khi tuần tự du hành, tôi đã đi đến bờ sông Gaṅgā. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy khoảnh đất nổi cao lên ở bờ sông Gaṅgā.

4348. Sau khi tạo lập khu ẩn cư ở tại nơi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư. Đường kinh hành của tôi đã khéo được thực hiện, được lai vãng bởi các bầy chim khác loại.

4349. Chúng đến gần tôi và trở nên quen thuộc. Và chúng hót líu lo một cách quyến rũ. Trong khi đùa vui với chúng, tôi sống ở khu ẩn cư.

4350. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi, có con sư tử [vua của loài thú] đi khắp bốn phương. Sau khi rời khỏi chỗ trú ẩn, nó đã gầm lên như là tiếng sấm.

4351. Và khi con nai chúa gào thét, nụ cười đã xuất hiện ở tôi. Trong lúc tìm kiếm con nai chúa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

4352. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường nhụy bông hoa nāga.

4353. Tôi đã ca tụng đấng Lãnh Đạo Thế Gian như là mặt trời đang mọc lên, như là cây sāla chúa đã được trổ hoa, như là vì sao osadhī đang chiếu sáng.

4354. "Bạch đấng Toàn Tri, Ngài đã giải thoát thế gian này, luôn cả chư thiên bằng trí tuệ của Ngài. Sau khi làm cho Ngài hài lòng, [chúng sanh] được hoàn toàn giải thoát khỏi sự sanh.

---

[1] *Ekachattiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) chiếc lọng (*chatta*)."

4355. Bạch đấng Toàn Tri, do sự không nhìn thấy chư Phật là các vị có sự nhìn thấy tất cả, [chúng sanh] bị xâm chiếm bởi ái dục, sân hận [rồi] rơi vào địa ngục Vô Gián.

4356. Bạch đấng Toàn Tri, bạch đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi đi đến diện kiến Ngài, tất cả được giải thoát khỏi hữu [và] chạm đến đạo lộ bất tử.

4357. Khi chư Phật, các bậc Hữu Nhãn, các đấng Phát Quang xuất hiện, sau khi thiêu đốt các phiền não, các Ngài thị hiện ánh sáng."

4358. Sau khi tán dương đấng Toàn Giác Tissa, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường hoa tiṇasūla.

4359. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa đã ngồi xuống chỗ ngồi của mình, rồi đã nói lên những lời kệ này:

4360. "Người nào được tịnh tín, tự tay mình che phủ Ta bằng các bông hoa, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4361. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

4362. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Và [đó là] kết quả về hành động của người ấy, do sự cúng dường các bông hoa.

4363. Và người nam này, được gắn liền với nghiệp phước thiện, khi đã gội đầu xong, nếu ao ước về bông hoa, [bông hoa] sẽ hiện ra ở phía trước.

4364. [Nếu người này] ước muốn bất cứ điều gì với các dục, chính điều ấy sẽ hiện ra. Sau khi làm tròn đủ ý định, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

(Dứt tụng phẩm thứ mười tám).

4365. Có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ], tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4366. Trong khi đi kinh hành, trong khi nằm, trong khi ngồi, hay trong khi đứng, tôi sống thường xuyên tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

4367. Ở tại nơi ấy, tôi không có sự thiếu hụt về y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4368. Bây giờ, tôi đây đã đạt đến vị thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4369. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4370. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4371. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasūlakachadaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasūlakachadaniya" là phần thứ ba.

414. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUMAṂSADĀYAKA (*Madhumaṃsadāyakattherāpadānaṃ*)

4373. Tôi đã là người bán thịt heo ở thành phố Bandhumatī. Sau khi nấu chín phổi và lòng, tôi trộn chung vào món thịt ngọt.

4374. Tôi đã đi đến nơi tụ hội [của các vị Tỳ-khưu] và đã nhận lấy một bình bát. Sau khi chứa đầy bình bát ấy, tôi đã dâng lên hội chúng Tỳ-khưu.

4375. Khi ấy, vị Tỳ-khưu trưởng lão lớn nhất tại nơi ấy đã chúc phúc cho tôi rằng: "Với sự đầy đặn của bình bát này, mong rằng, con sẽ đạt được sự an lạc sung mãn.

4376. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, con sẽ thọ hưởng hai sự thành tựu [trời, người], trong khi kiếp cuối cùng đang hiện hữu, con sẽ thiêu đốt các phiền não."

4377. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Tại nơi ấy, tôi có thức ăn, tôi có nước uống và tôi đạt được sự an lạc sung mãn.

4378. Khi ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi đã nhớ lại việc làm trước đây. Ngay lập tức có trận mưa về cơm ăn và nước uống đổ xuống cho tôi.

4379. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả ở đây, cơm ăn và nước uống đổ mưa xuống cho tôi trong mọi thời điểm.

4380. Do chính sự dâng cúng thịt ấy, sau khi trải qua các kiếp sống, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4381. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thịt ngọt.

4382. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[2] *Tiṇasūlakachadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc che phủ (*chadanaṃ*) bằng các bông hoa tiṇasūla."

4383. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4384. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhumaṃsadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Madhumaṃsadāyaka" là phần thứ tư.

415. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPALLAVAKA (*Nāgapallavakattherāpadānaṃ*)

4385. Tôi [đã] sống ở vườn thượng uyển của thành phố Bandhumatī. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở gần nơi khu ẩn cư của tôi.

4386. Tôi đã cầm lấy chồi non của cây nāga và đã dâng lên đức Phật. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đấng Thiện Thệ.

4387. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường chồi non trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4388. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4389. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapallavaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgapallavaka" là phần thứ năm.

416. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (*Ekadīpiyattherāpadānaṃ*)

4391. Khi bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha viên tịch Niết-bàn, tất cả chư thiên cùng nhân loại đã cúng dường đến bậc Tối Thượng Nhân.

4392. Và khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha được đưa lên giàn hỏa thiêu, mọi người cúng dường lễ hỏa táng của bậc Đạo Sư tùy theo năng lực của mình.

4393. Tôi đã thắp lên ngọn đèn ở không xa giàn hỏa thiêu cho đến khi mặt trời mọc lên. Ngọn đèn đã chiếu sáng đến tôi.

4394. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

---

[3] *Madhumaṃsadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) thịt (*maṃsa*) ngọt (*madhu*)."

[4] *Nāgapallavaka* nghĩa là "vị liên quan đến chồi non (*pallava*) của cây nāga."

4395. Tại nơi ấy, có cung điện đã khéo được kiến tạo dành cho tôi được biết tên là "Ekadīpi". Có một trăm ngàn ngọn đèn đã cháy sáng ở cung điện của tôi.

4396. Thân hình của tôi luôn luôn chiếu sáng tợ như mặt trời đang mọc lên. Với tất cả các hào quang của cơ thể, tôi luôn luôn có được ánh sáng.

4397. Bằng mắt, sau khi đã vượt lên ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá, tôi [có thể] nhìn thấy xung quanh một trăm do-tuần.

4398. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên bảy mươi bảy lần. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba mươi mốt lần.

4399. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4400. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Ngay cả khi đi vào bụng mẹ, mắt của tôi không nhắm lại.

4401. Bốn tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đầy nửa tháng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4402. Tôi đã làm cho thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả phiền não đã được cắt lìa; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4403. Tôi [có thể] nhìn thấy sau khi đã vượt lên thậm chí toàn bộ ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4404. Đối với tôi các sự gập ghềnh trở thành bằng phẳng, bóng đen không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự tăm tối; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4405. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4406. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4407. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4408. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadīpiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadīpiya" là phần thứ sáu.

417. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHAṄGAPUPPHIYA
(*Ucchaṅgapupphiyattherāpadānaṃ*)

4409. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Bandhumatī. Sau khi chất đầy ở bên hông, tôi đã đi đến khu phố chợ.

[5] *Ekadīpiya* nghĩa là "Vị liên quan đến một (*eka*) cây đèn (*dīpa*)."

4410. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, với năng lực lớn lao, dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi ra.

4411. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī, vị giúp cho thế gian vượt qua, tôi đã lấy ra bông hoa từ bên hông và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

4412. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4413. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4414. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4415. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ucchaṅgapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ucchaṅgapupphiya" là phần thứ bảy.

418. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YĀGUDĀYAKA
(*Yāgudāyakattherāpadānaṃ*)

4416. Lúc bấy giờ, sau khi tiếp đãi người khách của tôi, tôi đã đi đến ngôi làng nhỏ. Sau khi nhìn thấy con sông bị tràn ngập, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng.

4417. Là những vị chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp giũ bỏ (Đầu-đà), chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cư, các vị trí tuệ ấy sống ở tu viện của hội chúng.

4418. Sự đi lại của các vị đã được giải thoát tốt đẹp như thế ấy là bị gián đoạn. Các vị ấy không đi để khất thực chính vì dòng sông ngăn trở.

4419. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã lấy gạo của tôi rồi đã dâng cúng vật thí là cháo.

4420. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cháo đến năm vị. Được hài lòng với việc làm của chính mình, tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi.

4421. Và có cung điện làm bằng ngọc ma-ni dành cho tôi được tạo ra ở hội chúng Tam Thập. Được gần gũi với những nữ nhân, tôi vui thích ở cung điện tuyệt vời.

4422. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi ba lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương cai quản lãnh thổ rộng lớn ba mươi lần.

---

[6] *Ucchaṅgapupphiya* nghĩa là "Vị mang bông hoa (*puppha*) ở hông (*ucchaṅga*)."

4423. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đều thọ hưởng danh vọng.

4424. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi tóc được cạo bỏ, tôi đã thấu triệt tất cả.

4425. Trong khi biết chắc rằng, thân thể là sự suy tàn hoặc là sự hoại diệt cũng thế, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán trước việc thọ trì điều học.

4426. Sự bố thí cao quý của tôi đã được bố thí tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Do chính việc dâng cúng cháo ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

4427. Tôi không biết đến sự sầu muộn, sự than vãn, sự bệnh tật, sự lo lắng, sự bực bội của tâm đã được sanh khởi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo.

4428. Sau khi dâng cúng cháo ở phước điền vô thượng của hội chúng, tôi thọ hưởng năm điều lợi ích. Ôi, tính chất đã được hiến dâng tốt đẹp của món cháo!

4429. Sự không bị bệnh, có sắc đẹp, chuyên chú vào giáo pháp, đạt được cơm nước, tuổi thọ là điều [lợi ích] thứ năm đối với tôi.

4430. Bất cứ người nào trong khi sanh khởi niềm phấn khởi, người ấy nên dâng cúng cháo đến hội chúng. Là bậc trí tuệ, [người ấy] có thể nhận lãnh năm điều này.[7]

4431. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo.

4432. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4433. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4434. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yāgudāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yāgudāyaka" là phần thứ tám.

419. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTHODANADĀYAKA
(*Patthodanadāyakattherāpadānaṃ*)

4435. Trước đây, tôi đã là người đi rừng, thường xuyên làm việc ở trong rừng. Sau khi cầm lấy gói cơm, tôi đã đi làm công việc.

4436. Ở nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Sau khi nhìn thấy Ngài đang từ rừng đi ra để khất thực, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

[7] Ở các tạng Miến, Thái, Anh có thêm 2 câu kệ (4 dòng). Không thêm vào vì ý nghĩa không có gì đặc biệt.

[8] *Yāgudāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cháo (*yāgu*)."

4437. Bị vướng bận trong sự quán xuyến công việc của người khác, và phước báu của tôi là không được biết đến. Có gói cơm này, tôi sẽ chăm lo bữa ăn cho bậc Hiền Trí.

4438. Khi ấy, tôi đã cầm lấy gói cơm và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Trong khi tôi đang suy tư, bậc Hiền Trí đã thọ dụng [gói cơm].

4439. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4440. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

4441. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điều này là quả báo của gói cơm.

4442. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của gói cơm.

4443. Các của cải được sanh lên cho tôi tương đương với dòng nước của con sông, tôi không thể nào đo lường; điều này là quả báo của gói cơm.

4444. "Ngươi hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này", vì thế tôi được sung sướng; điều này là quả báo của gói cơm.

4445. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của gói cơm.

4446. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4447. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4448. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Patthodanadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Patthodanadāyaka" là phần thứ chín.

420. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA
(*Mañcadāyakattherāpadānaṃ*)

4449. Khi đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã viên tịch Niết-bàn, khi Phật ngôn đã được phổ biến, được tôn kính bởi chư thiên cùng nhân loại.

4450. Tại nơi ấy, tôi đã là người giai cấp hạ tiện, là người làm ghế dài và ghế đẩu. Tôi sinh sống bằng công việc ấy. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

---

[9] *Patthodanadāyaka* nghĩa là "Vị dâng cúng (*dāyaka*) gói (*pattha*) cơm (*odana*)."

4451. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình làm xong chiếc ghế dài khéo được hoàn tất. Rồi tôi đã đích thân đi đến và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu.

4452. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4453. Được đi đến thế giới của chư thiên, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Các giường nằm có giá trị lớn lao được sanh lên theo như ước muốn.

4454. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc năm mươi lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần.

4455. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

4456. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, nếu tôi đi đến cõi nhân loại, các chiếc giường xinh đẹp vô cùng giá trị tự chính chúng hiện ra cho tôi.

4457. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí hôm nay cũng là thời điểm của chiếc giường, có chiếc giường hiện diện.

4458. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

4459. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4460. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Bhaddāli, vị [dâng] một chiếc lọng, vị Tiṇasūla, vị dâng cúng thịt, vị [dâng] chồi non cây nāga, vị có ngọn đèn, vị có [bông hoa] ở bên hông, vị dâng cúng cháo, vị có gói cơm, vị dâng cúng chiếc giường. Và các câu kệ được tính đếm ở đây là hai trăm câu kệ và một câu kệ được thêm vào đó.

Phẩm Bhaddāli là phẩm thứ bốn mươi hai.

[10] *Mañcadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*mañca*).”

XLIII. PHẨM SAKIṂSAMMAJJAKA (*SAKIṂSAMMAJJAKAVAGGO*)

421. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKIṂSAMMAJJAKA (*Sakiṃsammajjakattherāpadānaṃ*)

4462. Đối với đức Thế Tôn Vipassī, cây Pāṭalī là [tên của] cội cây Bồ-đề tối thượng. Sau khi nhìn thấy cội cây cao cả ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

4463. Sau khi cầm lấy cái chổi, tôi đã quét cội Bồ-đề liền khi ấy. Sau khi quét cội Bồ-đề ấy, tôi đã đảnh lễ cây Pāṭalī.

4464. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã chắp tay lên ở đầu, trong khi tôn kính cội Bồ-đề ấy, tôi đã khom mình bước đi.

4465. Trong khi tưởng nhớ đến cội cây Bồ-đề tối thượng, tôi bước đi ở lối đi bộ. Có con trăn, có hình dáng khủng khiếp, có sức mạnh lớn lao đã bức hiếp tôi.

4466. Hành động đã được tôi làm trong lúc gần đây, đã khiến cho tôi được vui lòng với kết quả. Con trăn nuốt chửng lấy thân hình của tôi, và tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.[1]

4467. Tâm của tôi không bị chộn rộn, luôn luôn tinh khiết, trong trắng. Tôi không còn biết đến mũi tên sầu muộn [và] sự bực bội ở tâm của tôi.

4468. Bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh động kinh, bệnh ghẻ, bệnh lở loét và bệnh ngứa không có ở tôi; điều này là quả báo của việc quét.

4469. Sự sầu muộn và sự than vãn ở trong trái tim của tôi là không được biết đến, tâm không bị cong quẹo, được ngay thẳng; điều này là quả báo của việc quét.

4470. Tôi không bị vướng mắc ở các tầng định, tâm ý được tự tín. Tôi muốn bất cứ tầng định nào, chính tầng định ấy tự đạt đến cho tôi.

4471. Tôi không say đắm ở điều quyến rũ và các sự việc xấu xa, tôi không bị mê muội ở điều ngu xuẩn; điều này là quả báo của việc quét.

4472. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc quét.

4473. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[1] Vị này đã bị con trăn giết chết và được sanh lên cõi trời liền tức thì.

4474. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4475. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakiṃsammajjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sakiṃsammajjaka" là phần thứ nhất.

422. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA
(*Ekadussadāyakattherāpadānaṃ*)

4476. Tôi đã là người gánh cỏ ở thành phố Haṃsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.[3]

4477. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4478. Sau khi ngồi xuống tại ngôi nhà của chính mình, tôi đã tức thời suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian mà vật xứng đáng để dâng cúng không được tìm thấy.

4479. Đây là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có gì để trở thành người thí chủ. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng dường."

4480. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

4481. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã thốt lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua."

4482. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng:

4483. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

4484. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

4485. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người.

4486. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bị suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước muốn."

---

[2] *Sakiṃsammajjaka* nghĩa là "vị một lần (*sakiṃ*) quét tước (*sammajjaka*)."

[3] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka, số 334, trang 260.

4487. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4488. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tấm vải.

4489. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi.

4490. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn, tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, có cả rừng rậm cùng với núi non.

4491. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác.

4492. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây.

4493. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải.

4494. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4495. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadussadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka" là phần thứ nhì.

423. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA
(*Ekāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

4497. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Gosita, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4498. Khi ấy, [tôi] có tên là Nārada. [Người ta] biết đến tôi với tên là Kassapa. Trong lúc tầm cầu đạo lộ thanh tịnh, tôi sống ở [núi] Gosita.

4499. Bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, vị Ưa Thích Sự Độc Cư đã đi đến bằng đường không trung.

4500. Sau khi nhìn thấy hào quang của bậc Đại Ẩn Sĩ đang di chuyển ở trên chóp đỉnh của khu rừng, tôi đã xếp đặt chiếc giường gỗ và đã trải ra tấm da dê.

4501. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi bày tỏ sự vui mừng, tôi đã nói lời nói này:

---

[4] *Ekadussadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) tấm vải (*dussa*)."

4502. "Bạch đấng Đại Hùng, Ngài là vị phẫu thuật, là người thầy thuốc của các bệnh nhân. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy ban cho con liều thuốc của người bị cơn bệnh hành hạ.

4503. Bạch đức Phật tối thượng, bạch đấng Hiền Trí, những người nào có mục đích về sức khỏe, nhìn thấy Ngài đạt được sự thành tựu về mục đích trường cửu, sự tái sanh của những người này được lụi tàn.

4504. Con là người thọ dụng trái cây đã rụng xuống, con không có vật dâng cúng đến Ngài. Con có chỗ ngồi này, thỉnh Ngài ngồi xuống ở chiếc giường gỗ."

4505. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Sau khi chờ đợi trong chốc lát, Ngài đã nói lời này:

4506. "Ngươi hãy tự tin, chớ lo sợ. Ngươi đã đạt được viên ngọc như ý. Điều gì đã được ngươi ước nguyện, tất cả sẽ được tròn đủ trong thời vị lai.

4507. Điều đã được làm ấy của ngươi ở phước điền vô thượng không là vô ích. Đối với người nào có tâm đã được củng cố, bản thân của [người ấy] có thể tiếp độ được.

4508. Do sự dâng cúng chỗ ngồi này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

4509. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần.

4510. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ngươi sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi và sẽ luân chuyển ở vòng luân hồi."

4511. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc trí tuệ đã bay lên không trung, như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4512. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, xe kéo và cỗ xe, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4513. Ngay cả khi đã đi vào rừng rậm, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh.

4514. Trong khi đã đi vào trong nước, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh.

4515. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, luôn luôn có một trăm ngàn chiếc ghế bành vây quanh tôi.

4516. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể thiên nhân và loài người. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn.

4517. Sau khi dâng cúng một chỗ ngồi ở phước điền vô thượng, sau khi nắm lấy chiếc ghế bành giáo pháp, tôi sống không còn lậu hoặc.

4518. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4519. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4520. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4521. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekāsanadāyaka" là phần thứ ba.

424. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAKADAMBAPUPPHIYA (*Sattakadambapupphiyattherāpadānaṃ*)

4522. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Kadamba. Ở sườn ngọn núi ấy có bảy vị Phật ấy đã cư ngụ.

4523. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã hái bảy bông hoa và đã tung lên với tâm [nghĩ] về phước báu.

4524. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4525. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4526. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4527. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4528. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattakadambapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattakadambapupphiya" là phần thứ tư.

425. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORAṆḌAPUPPHIYA (*Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ*)

4529. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng có sự quan tâm [phụng dưỡng] đến cha và mẹ. Tôi sinh sống nhờ vào việc giết thú rừng, tôi không biết đến điều tốt lành.

---

[5] *Ekāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) chỗ ngồi (*āsana*)."

[6] *Sattakadambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bảy (*satta*) bông hoa (*puppha*) kadamba."

4530. Do lòng thương tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhãn đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi.

4531. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở [dấu] bàn chân.

4532. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa mọc ở trên đất đã được trổ hoa, tôi đã hái một số [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng.

4533. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4534. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi là người có màu da của bông hoa koraṇḍa và có cả vẻ sáng ngời nữa.

4535. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ở bàn chân.

4536. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4537. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4538. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koraṇḍapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koraṇḍapupphiya" là phần thứ năm.

426. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMAṆḌADĀYAKA
(*Ghatamaṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

4539. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rừng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất.

4540. Do bản thân đã được thực hành, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhāgīrathī này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi.

4541. Và trái đất kinh khủng, không thể đo lường, không thể ước lượng này, hiểu biết được ước muốn của tôi, nó trở thành tinh thể mật ngọt [cho tôi].

4542. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc mọc ở trên đất, hiểu biết được ước muốn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi].

[7] *Koraṇḍapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) koraṇḍa."

4543. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần, và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4544. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần bơ lỏng nguyên chất.

4545. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4546. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4547. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka" là phần thứ sáu.

427. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAVAṆIYA
(*Ekadhammasavaṇiyattherāpadānaṃ*)

4548. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật đã giúp cho nhiều người vượt qua.[9]

4549. Vào lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy, tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây.

4550. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Như là con chim bị va vào tảng đá, tôi không đạt được sự di chuyển.

4551. Tợ như người đã đi vào trong nước, tôi di chuyển ở hư không như vậy. Sự hư hoại về các oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây.

4552. [Nghĩ rằng:] "Nào! Ta sẽ tìm hiểu việc này. Ít ra ta cũng có thể đạt được lý do." Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư.

4553. Khi ấy, Ngài đang thuyết giảng về tính chất vô thường với âm điệu khích lệ, cuốn hút, dễ nghe, tôi đã học tập chỉ có pháp ấy của Ngài.

4554. Sau khi đã học tập sự nhận biết về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

4555. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe về Chánh pháp. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

---

[8] *Ghatamaṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*ghata*) nguyên chất (*maṇḍa*)."

[9] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaṇiya, số 339, trang 267.

4556. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần.

4557. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4558. Tôi đã thọ hưởng phước báu của chính mình, tôi đã được sung sướng ở cõi này, cõi khác. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy. Tôi không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tử.

4559. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vị Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường:

4560. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên, chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."

4561. Sau khi lắng nghe câu kệ, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng trước đây. Sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4562. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Đức Phật đã cho [tôi] tu lên bậc trên; điều này là quả báo của việc lắng nghe giáo pháp.

4563. Kể từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nghe giáo pháp.

4564. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4565. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4566. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadhammasavaṇiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadhammasavaṇiya" là phần thứ bảy.

428. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

4567. Tôi đã là người nông dân ở thành phố Haṃsavatī. Tôi sinh sống bằng công việc trồng trọt. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

4568. Khi ấy, thửa ruộng đã được thành tựu tốt đẹp, lúa của tôi đã được kết hạt. Và khi thời điểm gặt hái đã đến, vào lúc ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy:

4569. "Thật không đúng đắn, không tốt đẹp cho ta là người biết về lành

---

[10] *Ekadhammasavaṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc một lần (*eka*) lắng nghe (*savaṇa*) giáo pháp (*dhamma*)."

dữ, sao ta có thể thọ dụng phẩm vật đầu mùa nếu khi ấy ta chưa dâng cúng đến hội chúng!

4570. Vị này là đức Phật có ba mươi hai hảo tướng, tương đương với bậc Không Thể Sánh Bằng. Nhờ Ngài, hội chúng là phước điền vô thượng đã được thành lập.

4571. Ta sẽ dâng cúng vật thí là lúa mới đến các Ngài trước tiên hết." Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã trở nên mừng rỡ, tâm tư được khoan khoái.

4572. Tôi đã mang theo lúa từ thửa ruộng và đã đi đến bậc Toàn Giác. Sau khi đi đến bậc Toàn Giác, đấng Nhân Ngưu, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã nói lời nói này:

4573. "Bạch đấng Hiền Trí, lúa mới đã được thành tựu và Ngài cũng là người thọ lãnh. Bạch bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng xin Ngài chấp nhận."

4574. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Hiểu Biết Thế Gian Tissa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã nói lên những lời kệ này:

4575. "Có bốn hạng được thực hành [bốn đạo] và có bốn quả được tồn tại. Hội chúng này có bản thể chính trực, được định tĩnh với tuệ và giới.

4576. Phước báu có mầm mống tái sanh [hữu lậu] của những người đang hiến cúng, của những chúng sanh có lòng mong mỏi phước báu đang thực hiện, đã được dâng cúng đến hội chúng là có quả báo lớn.

4577. Lúa mới nên được dâng cúng đến hội chúng ấy, vật khác cũng vậy. Sau khi xác định là hội chúng, ngươi hãy đưa các vị Tỳ-khưu đến tư gia, và hãy dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu vật đã được chuẩn bị tại nhà."

4578. Sau khi xác định là hội chúng, tôi đã đưa các vị Tỳ-khưu đến nhà, và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu vật đã được tôi chuẩn bị tại nhà.

4579. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4580. Tại nơi ấy, cung điện bằng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

Dứt tụng phẩm thứ mười chín.

4581. Chỗ cư ngụ của tôi được phân bố chằng chịt, đông đảo các nhóm nữ nhân. Tại nơi ấy, tôi ăn, tôi uống và tôi sống ở cõi Tam Thập Tam.

4582. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4583. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của lúa mới.

4584. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng

ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4585. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4586. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4587. Về những tôi trai, những tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4588. Sự lạnh, sự nóng nực hoặc sự bực bội không được tôi biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim không được tôi biết đến.

4589. [Được bảo rằng:] "Ngươi hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này." Tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4590. Giờ đây, lần sau cùng này là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Quả báo của vật dâng cúng khiến tôi luôn luôn được hoan hỷ đến tận hôm nay.

4591. Sau khi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám điều lợi ích thích đáng với việc làm của tôi:

4592. Tôi có sắc đẹp, có danh vọng, có của cải to lớn, là người không bị tai họa, tôi luôn luôn có quyền lực lớn lao, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ.

4593. Bất cứ những ai cư ngụ ở trên trái đất, tất cả đều tôn trọng tôi. Và bất cứ những gì là vật nên được dâng cúng, tôi đều đạt được trước tiên hết.

4594. Ở giữa hội chúng Tỳ-khưu hoặc trước mặt đức Phật tối thượng, các thí chủ đã đi vượt qua tất cả các vị và dâng cúng đến chính tôi.

4595. Tôi thọ hưởng các điều lợi ích này bởi vì tôi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể tối thượng trước tiên hết; điều này là quả báo của lúa mới.

4596. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lúa mới.

4597. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4598. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sucintita" là phần thứ tám.

---

[11] *Sucintita* nghĩa là "vị đã suy nghĩ (*cintita*) khéo léo (*su*)."

429. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆṆAKIṄKAṆIYA
(*Soṇṇakiṅkaṇiyattherāpadānaṃ*)

4600. Vì niềm tin, tôi đã ra đi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Thiên về nghiệp khổ hạnh, tôi đã là vị mang y phục bằng vỏ cây.

4601. Hơn nữa, đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu vào lúc bấy giờ đã hiện khởi, đang giúp cho nhiều người vượt qua.

4602-03. Và sức lực của tôi quả nhiên đã bị cạn kiệt bởi cơn bệnh trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã tạo nên ngôi bảo tháp tối thượng ở trên bãi cát. Với tâm mừng rỡ, với ý phấn chấn, tôi đã dùng tay rải rắc các bông hoa kiṅkaṇī bằng vàng.

4604. Với tâm tịnh tín ấy đối với vị Atthadassī như thế ấy, tôi đã đi vòng quanh ngôi bảo tháp như là có đức Phật hiện diện.

4605. Trong khi đi đến thế giới của chư thiên, tôi đạt được sự an lạc bao la. Tại nơi ấy, tôi đã có màu da vàng chói; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4606. Tôi có tám trăm triệu người nữ đã được trang điểm, thường xuyên phục vụ cho tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4607. Có sáu mươi ngàn nhạc cụ, gồm các trống lớn và các trống nhỏ, các tù và vỏ ốc và các trống con. Các chiếc trống đã vang lên một cách vui nhộn ở tại nơi ấy.

4608. Có tám mươi bốn ngàn con voi là những con voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi, đã được trang điểm.

4609. Được che phủ với những tấm lưới vàng, các con voi thể hiện sự phục vụ đến tôi. Sự thiếu hụt của tôi về binh lực luôn cả về voi là không được biết đến.

4610. Tôi đã thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiṅkaṇī bằng vàng. Tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi tám lần.

4611. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Tôi đã cai quản vương quốc ở mặt đất, trên quả địa cầu một trăm lẻ một lần.

4612. Giờ đây, đã đạt đến bất tử là không còn tạo tác, khó nhìn thấy vô cùng, tôi đây đã được đoạn tận các sự trói buộc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4613. Kể từ khi tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4614. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4615. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4616. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sovaṇṇakiṅkaṇiya[12] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sovaṇṇakiṅkaṇiya" là phần thứ chín.

430. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆṆAKONTARIKA
(*Soṇṇakontarikattherāpadānaṃ*)

4617. Đức Phật là vị đã tu tập về tâm, đã chế ngự bản thân, được định tĩnh, đang cư xử theo đường lối Phạm hạnh, thích thú trong sự tịnh lặng của tâm.

4618. Tôi đã suy tưởng về bậc Toàn Giác đã vượt qua dòng nước lũ, về bậc Hiền Trí được thỏa thích về thiền, đã tiến vào sự thể nhập [định], có ánh sáng của cánh hoa súng.

4619. Sau khi lấy nước bằng cái bầu [đựng nước], tôi đã đi đến đức Phật tối thượng. Sau khi rửa các bàn chân của đức Phật, tôi đã dâng cúng cái bầu nước.

4620. Và bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã truyền lệnh rằng: "Bằng cái bầu này, ngươi hãy đem nước lại và hãy đặt ở cạnh bàn chân của Ta."

4621. Tôi đã đáp lại rằng: "Lành thay!" Và với lòng tôn kính bậc Đạo Sư, tôi đã mang lại nước bằng cái bầu và đã đưa đến gần đức Phật tối thượng.

4622. Trong khi làm cho tâm của tôi được mát mẻ, đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng cái bầu này, mong rằng ý định của người được thành tựu."

4623. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười lăm kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi lần.

4624. Vào ban ngày hoặc ban đêm, nếu tôi đang đi kinh hành hoặc đang đứng, có người cầm cây gậy vàng đứng ở phía trước tôi.

4625. Sau khi dâng cúng cái bầu nước đến đức Phật, tôi đạt được cây gậy vàng. Hành động đã được thực hiện, dầu là nhỏ nhoi trở thành to lớn như thế ấy.

4626. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cái bầu nước trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái bầu nước.

4627. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4628. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4629. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---
[12] *Sovaṇṇakiṅkaṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa kiṅkaṇī bằng vàng (*sovaṇṇa*)."

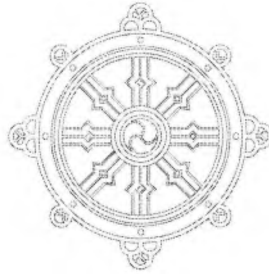
Đại đức Trưởng lão Soṇṇakontarika[13] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Soṇṇakontarika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão quét một lần, vị có tấm vải độc nhất, vị có một chỗ ngồi, vị dâng [bông hoa] kadamba, vị dâng [bông hoa] koraṇḍa, vị [dâng] bơ lỏng, vị lắng nghe [giáo pháp], vị đã khéo suy nghĩ, vị liên quan đến [bông hoa] kiṅkaṇī, và vị có cây gậy vàng. Có một trăm câu kệ và thêm vào bảy mươi mốt câu nữa.

Phẩm Sakiṃsammajjaka là phẩm thứ bốn mươi ba.



[13] *Soṇṇakontarika* nghĩa là "vị có liên quan đến cây gậy (*konta*) bằng vàng (*soṇṇa*)."

XLIV. PHẨM EKAVIHĀRĪ
(*EKAVIHĀRIVAGGO*)

431. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRIYA
(*Ekavihāriyattherāpadānaṃ*)

4630. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

4631. Bậc như thế ấy đã sống không còn pháp chướng ngại, không cần sự nâng đỡ, có tâm ý sánh bằng bầu không gian, thường xuyên [trú vào] không tánh, thỏa thích ở vô tướng.

4632. Bậc Đại Bi, đấng Anh Hùng, rành rẽ về phương thức huấn luyện, có tâm không quyến luyến, lìa phiền não, không thân cận với gia đình và đồ chúng.

4633-34. Bị bận rộn trong những việc hữu ích cho những người khác, đấng Tế Độ Thế Gian ấy ngồi giữa đại chúng đang hướng dẫn chúng sanh, luôn cả chư thiên về đạo lộ đưa đến Niết-bàn, về việc làm khô cạn bãi lầy đưa đến cảnh giới [tái sanh], về pháp bất tử có phẩm vị tối thắng, cản ngăn sự già và sự chết.

4635. Thốt lên âm điệu của loài chim Karavīka (Ca-lăng-tần-già), đấng Bảo Hộ, đức Như Lai, với âm thanh của Phạm thiên đang tiếp độ những người có lối đi bị lầm lạc, không người hướng dẫn, ra khỏi chốn vô cùng khốn khổ.

4636. Trong lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang thuyết giảng giáo pháp không bợn nhơ, tôi đã nhìn thấy Ngài. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình.

4637. Và sau khi xuất gia, lúc bấy giờ, trong khi suy nghĩ về giáo pháp của đấng Chiến Thắng, bị quấy rối bởi việc chung đụng nên tôi đã sống chỉ mỗi một mình ở trong khu rừng đáng yêu.

4638. Sự yên tịnh về thân của tôi trở thành nhân duyên chính yếu cho tôi có được sự yên tịnh ở tâm, có được sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong việc chung đụng.

4639. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4640. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekavihāriya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekavihāriya" là phần thứ nhất.

432. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAṂKHIYA
(*Ekasaṃkhiyattherāpadānaṃ*)

4642. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường cội Bồ-đề tối thượng.

4643. Tôi không nghĩ rằng bậc Đạo Sư nào có cội Bồ-đề được cúng dường như thế này lại là vị kém cỏi, Ngài phải là vị Phật tối thượng.

4644. Do đó, tôi đã cầm lấy chiếc tù và vỏ ốc và đã phục vụ cội cây Bồ-đề. Trong khi thổi [tù và] trọn cả ngày, tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng.

4645. Hành động được thực hiện vào lúc cận kề cái chết đã đưa tôi đến thế giới chư thiên. Cơ thể của tôi vừa ngã xuống là tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.[2]

4646. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn hớn hở vui mừng, hoan hỷ phục vụ tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4647. Tôi đã là đức Vua Sudassana bảy mươi mốt kiếp, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu.

4648. Kể đó, có trăm loại nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi. Tôi thọ hưởng nghiệp quả của chính mình; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4649. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, các chiếc trống luôn luôn vang lên đến tôi ngay cả khi [nhập thai] đi vào bụng mẹ.

4650. Sau khi phục vụ đấng Toàn Giác, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đạt đến vị thế bất động là Niết-bàn, bình yên, bất tử.

4651. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4652. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4653. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Ekavihāriya* nghĩa là "vị liên quan đến sự cư ngụ (*vihāra*) một mình (*eka*)."

[2] Vị ấy bị ngã chết và được sanh lên cõi trời ngay khi ấy.

Đại đức Trưởng lão Ekasaṅkhiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekasaṅkhiya" là phần thứ nhì.

433. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬIHĪRASAÑÑAKA
(*Pāṭihīrasaññakattherāpadānaṃ*)

4655. Khi ấy, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi vào thành phố cùng với một trăm ngàn vị có năng lực [A-la-hán].

4656. Trong khi các vị an tịnh như thế ấy đang đi vào thành phố, các châu báu đã phát sáng, đã có tiếng reo hò vào ngay lúc ấy.

4657. Trong khi đức Phật đang đi vào thành phố, do năng lực của đức Phật, những chiếc trống đã vang lên dầu không được vỗ, các cây đàn vīṇā tự phát ra âm thanh.

4658. Tôi không nhìn thấy đức Phật tối thượng, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara. Và sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu, tại nơi ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

4659. "Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Dầu không có tâm tư, các nhạc cụ tự chính mình phát ra âm thanh."

4660. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

4661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭihīrasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāṭihīrasaññaka" là phần thứ ba.

434. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA
(*Ñāṇatthavikattherāpadānaṃ*)

4664. Tôi đã nhìn thấy bậc Tối Thượng Nhân giống như là cây kaṇikāra được cháy sáng, như là cây đèn được chiếu sáng, như là kim loại vàng đang tỏa sáng.

4665. Sau khi xếp đặt túi nước, y phục vỏ cây và bình đựng nước, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đức Phật tối thượng rằng:

4666. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, trong khi hủy diệt điều tăm tối được che đậy bởi màng lưới si mê ấy, sau khi thể hiện ánh sáng trí tuệ, Ngài đã vượt qua.

[3] *Ekasaṅkhiya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) thổi chiếc tù và vỏ ốc (*saṅkha*)."

[4] *Pāṭihīrasaññaka* nghĩa là "vị tưởng nhớ (*saññaka*) đến điều kỳ diệu (*pāṭihīra*)."

4667. Bạch đấng Vô Thượng, xin Ngài hãy tiếp độ thế gian này bao gồm tất cả. Dầu cho đi khắp trái đất không có gì tương đương với trí tuệ của Ngài.

4668. Với trí tuệ ấy, đức Phật được gọi là 'Đấng Toàn Tri.' Bạch đấng Đại Hùng, con xin đảnh lễ đấng Toàn Tri không gì che lấp ấy."

4669. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật tối thượng trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

4670. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4671. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4672. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇatthavika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇatthavika" là phần thứ tư.

435. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHUKHAṆḌIKA
(*Ucchukhaṇḍikattherāpadānaṃ*)

4673. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

4674. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy khúc mía và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

4675. Kể từ khi tôi đã dâng cúng mía trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khúc mía.

4676. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4677. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4678. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ucchukhaṇḍika[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ucchukhaṇḍika" là phần thứ năm.

---

[5] *Ñāṇatthavika* nghĩa là "vị ngợi ca (*thavika*) trí tuệ (ñāṇa) của đức Phật."

[6] *Ucchukhaṇḍika* nghĩa là "vị liên quan đến khúc (*khaṇḍa*) mía (*ucchu*)."

436. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KALAMBADĀYAKA
(*Kalambadāyakattherāpadānaṃ*)

4679. Bậc Tự Giác Ngộ tên Romasa ngụ ở trong vùng đồi núi. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên Ngài bông hoa kalamba.

4680. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa kalamba.

4681. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4682. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4683. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kalambadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kalambadāyaka" là phần thứ sáu.

437. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKADĀYAKA
(*Ambāṭakadāyakattherāpadānaṃ*)

4684. Sau khi nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại trong khu rừng, tôi đã cầm lấy trái cây ambāṭaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ.

4685. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4686. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4687. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4688. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambāṭakadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambāṭakadāyaka" là phần thứ bảy.

438. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HARĪTAKADĀYAKA
(*Harītakadāyakattherāpadānaṃ*)

4689. Tôi đích thân mang lại các loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhīṭaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

---

[7] *Kalambadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa kalamba."

[8] *Ambāṭakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây ambāṭaka."

4690. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền Trí là vị có thiền chứng, được thích thú về thiền, đã đi đến sườn núi. Bậc Đại Hiền Trí đang bị hành hạ bởi cơn bệnh, không có người thứ hai [phục vụ].

4691. Tôi đã cầm lấy trái harītaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Khi thuốc men vừa mới tác dụng, cơn bệnh đã lắng dịu ngay lập tức.

4692. Có sự khó chịu đã được loại trừ, đức Phật đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng thuốc men, và do sự dứt hẳn cơn bệnh, ...

4693. ... mong rằng ngươi được sung sướng ở khắp mọi nơi, dầu được trở thành vị thiên nhân hay loài người hoặc ở sanh chủng khác, và bệnh hoạn chớ xảy đến cho ngươi."

4694. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4695. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái harītaka đến đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ, cho đến kiếp sống này bệnh hoạn đã không xảy đến cho tôi.

4696. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển, tam minh đã được đắc chứng, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

4697. Kể từ khi tôi đã dâng cúng thuốc men trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc men.

4698. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4699. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Harītakadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Harītakadāyaka" là phần thứ tám.

439. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPIṆḌIYA
(*Ambapiṇḍiyattherāpadānaṃ*)

4701. Khi ấy, tôi đã là con voi chúa có ngà dài như gọng xe, vững chãi. Trong khi đi lang thang ở khu rừng bạt ngàn, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

4702. Sau khi cầm lấy chùm trái xoài, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã thọ lãnh.

4703. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất.[10]

---

[9] *Harītakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây harītaka."

[10] Vị ấy đã chết đi, sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

4704. Từ nơi ấy tôi đã mệnh chung, và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương. Tôi thọ hưởng sự thành đạt theo đường lối thế ấy.

4705. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4706. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4707. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4708. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambapiṇḍiya[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambapiṇḍiya" là phần thứ chín.

440. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAMBUPHALIYA
(*Jambuphaliyattherāpadānaṃ*)

4710. Đức Phật Padumuttara, vị đang nắm giữ danh vọng tối thượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi đó đây để khất thực.

4711. Sau khi thâu hoạch trái cây đầu mùa, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư, bậc Anh Hùng xứng đáng sự cúng dường.

4712. "Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị thế bất động."

4713. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật đầu mùa.

4714. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4715. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[11] *Ambapiṇḍiya* nghĩa là "vị liên quan đến chùm (*piṇḍa*) trái xoài (*amba*)."

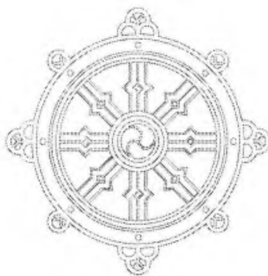
Đại đức Trưởng lão Jambuphaliya[12] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jambuphaliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão sống một mình, vị [thổi] tù và vỏ ốc, vị [tưởng đến] điều kỳ diệu, vị ngợi ca [đức Phật], vị có khúc mía, vị dâng bông hoa kalamba, vị dâng trái ambāṭaka, vị [dâng] trái cây harītaka, vị có chùm xoài, vị dâng trái mận đỏ là thứ mười. Và các câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí là tám mươi sáu câu kệ.

Phẩm Ekavihārī là phẩm thứ bốn mươi bốn.



[12] *Jambuphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phala*) mận đỏ (*jambu*)."

XLV. PHẨM VIBHĪṬAKA
(*VIBHĪṬAKAVAGGO*)

441. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIBHĪṬAKAMIÑJIYA
(*Vibhīṭakamiñjiyattherāpadānaṃ*)

4717. Bậc Đại Hùng Kakusandha là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Ngài đã đi vào bên trong khu rừng, tách biệt khỏi đám đông.

4718. Sau khi cầm lấy phần hột và ruột [của trái vibhīṭaka], tôi đã buộc lại bằng sợi dây leo. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tham thiền ở trong vùng đồi núi.

4719. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng phần hột và ruột đến đấng Anh Hùng, là bậc xứng đáng sự cúng dường.

4720. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần hột và ruột [của trái cây].

4721. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4722. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4723. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vibhīṭakamiñjiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vibhīṭakamiñjiya" là phần thứ nhất.

442. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOLADĀYAKA
(*Koladāyakattherāpadānaṃ*)

4724. Khi ấy, là vị mặc y phục vỏ cây, tôi đã trang phục bằng da dê. Tôi đã khuân vác túi nặng trái táo và đã đem về khu ẩn cư.

4725. Vào thời điểm ấy, đức Phật Sikhī đã là vị đơn độc, không có người thứ hai. Trong khi biết được về mọi thời điểm, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

4726. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp. Đưa ra bằng cả hai tay, tôi đã dâng cúng trái táo đến đức Phật.

---

[1] *Vibhīṭakamiñjiya* nghĩa là "vị liên quan đến phần ruột (*miñja*) của trái cây vibhīṭaka."

4727. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo.

4728. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4729. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4730. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koladāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koladāyaka" là phần thứ nhì.

443. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BILLAPHALIYA
(*Billaphaliyattherāpadānaṃ*)

4731. Khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng ở bờ sông Candabhāgā, được rải rác với những cây billa, được mọc lên với nhiều giống cây khác loại.

4732. Sau khi nhìn thấy trái cây billa có mùi thơm ngát, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Được hớn hở, với tâm ý bị chấn động, tôi đã làm đầy gói nặng.

4733. Tôi đã đi đến [đức Phật] Kakusandha và đã dâng cúng trái cây billa đã chín đến phước điền, đến đấng Anh Hùng với tâm ý trong sạch.

4734. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4735. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4736. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4737. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Billaphaliya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Billaphaliya" là phần thứ ba.

444. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHALLĀTAKADĀYAKA
(*Bhallātakadāyakattherāpadānaṃ*)

4738. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng tợ

---

[2] *Koladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái táo (*kola*)."

[3] *Billaphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phala*) có tên là billa."

như cây sāla chúa đã được trổ hoa, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la.

4739. Tôi đã xếp đặt tấm trải cỏ và đã cầu xin đức Phật tối thượng rằng: "Xin đức Phật hãy thương tưởng đến con, con muốn dâng cúng vật thực."

4740. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Bi Mẫn, vị Có Lòng Thương Tưởng, Có Danh Tiếng Lớn Lao Atthadassī đã ngự xuống khu ẩn cư của tôi.

4741. Sau khi ngự xuống, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cỏ. Tôi đã cầm lấy trái cây bhallātaka và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

4742. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng.

4743. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4744. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4745. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4746. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhallātakadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhallātakadāyaka" là phần thứ tư.

445. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTALIPUPPHIYA
(*Uttalipupphiyattherāpadānaṃ*)

4747. Tôi đã lấy ra tràng hoa uttalī và đã dâng lên cội Bồ-đề là cây Nigrodha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh.

4748. Việc tôi đã dâng lên bông hoa là ngay trong chính kiếp này, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề.

4749. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4750. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4751. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[4] *Bhallātakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây bhallātaka."

Đại đức Trưởng lão Uttalipupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttalipupphiya" là phần thứ năm.

446. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKIYA
(*Ambāṭakiyattherāpadānaṃ*)

4752. Sau khi đi sâu vào trong rừng cây sāla khéo được trổ hoa, bậc Hiền Trí Vessabhū đã ngồi xuống ở những nơi hiểm trở của ngọn núi, trông như là con sư tử đã được sanh ra cao quý.

4753. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường [bông hoa] ambāṭaka đến phước điền, đến bậc Đại Hùng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

4754. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambāṭakiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambāṭakiya" là phần thứ sáu.

447. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANIKA
(*Sīhāsanikattherāpadānaṃ*)

4758. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc tầm cầu lợi ích cho tất cả chúng sanh.

4759. Ở bất cứ nơi đâu tôi sinh sống, ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đạt được cung điện đồ sộ; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

4760. Và có nhiều chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng hồng ngọc, làm bằng ngọc ma-ni luôn luôn hiện ra cho tôi.

4761. Sau khi đã thực hiện chỗ ngồi giác ngộ cho vị tên Padumuttara, tôi được sanh ra trong gia đình thượng lưu. Ôi, tính chất tốt đẹp của giáo pháp!

4762. [Kể từ khi] tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

4763. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[5] *Uttalipupphiya* nghĩa là "vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) uttalī."

[6] *Ambāṭakiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa ambāṭaka."

4764. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4765. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanika[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanika" là phần thứ bảy.

448. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPĪṬHIYA
(*Pādapīṭhiyattherāpadānaṃ*)

4766. Đấng Toàn Giác Sumedha là đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí. Sau khi đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua, vị Có Danh Vọng Lớn Lao ấy đã Niết-bàn.

4767. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện ghế kê chân ở bên cạnh bảo tọa sư tử của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha.

4768. Tôi đã thực hiện nghiệp tốt lành [là nghiệp] có kết quả là sự an lạc, đưa đến sự an lạc. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4769. Trong khi sống ở tại nơi ấy, tôi là người có được nghiệp phước thiện, khi tôi giở các bàn chân lên là có những chiếc ghế đẩu vàng hiện ra cho tôi.

4770. Những người nào có được sự lắng nghe ở Ngài, các sự lợi ích cho họ đã được đạt thành tốt đẹp. [Thậm chí] sau khi thể hiện sự tôn kính đến bậc đã Niết-bàn, họ [cũng] đạt được sự an lạc lớn lao.

4771. Việc làm cũng đã được tôi thực hiện tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi thực hiện chiếc ghế kê chân, tôi đạt được chiếc ghế đẩu vàng.

4772. Bất cứ phương nào tôi ra đi, vì bất cứ lý do gì, tôi đều bước đi ở trên chiếc ghế đẩu vàng; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

4773. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ghế kê chân.

4774. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4775. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4776. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[7] Sīhāsanika nghĩa là "vị liên quan đến bảo tọa (āsana) sư tử (*sīha*)", là chỗ ngồi ở cội cây Bồ-đề (*bodhiyā āsanaṃ*) và trên chỗ ngồi đó, đức Phật đã chứng quả vị Giác ngộ. (ND)

Đại đức Trưởng lão Pādapīṭhiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pādapīṭhiya" là phần thứ tám.

449. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA (*Vedikārakattherāpadānaṃ*)

4777. Sau khi thực hiện viền rào đã được làm khéo léo ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín.

4778. Các vật dụng nhân tạo và thiên nhiên vô cùng sang trọng đã từ không trung rơi xuống; điều này là quả báo của cái viền rào.

4779. Trong khi lao vào cuộc chiến đấu kinh hoàng nổ ra từ hai phe, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ; điều này là quả báo của cái viền rào.

4780. Sau khi biết được ước muốn của tôi, cung điện được sanh lên, xinh đẹp, với những chiếc giường trị giá lớn lao; điều này là quả báo của cái viền rào.

4781. [Kể từ khi] tôi đã xây dựng cái viền rào trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái viền rào.

4782. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4783. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4784. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka" là phần thứ chín.

450. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIGHARIYA (*Bodhighariyattherāpadānaṃ*)

4785. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề của đức Thế Tôn Siddhattha là vị Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

4786. Tôi đạt đến cõi trời Đẩu-suất. Tôi sống ở trong ngôi nhà châu báu. Sự lạnh hoặc sự nóng không có đến tôi, gió không chạm vào thân thể của tôi.

4787. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương. Có thành phố tên là Kāsika đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma.

4788. [Thành phố này] dài mười do-tuần, rộng tám do-tuần. Ở trong thành phố này không có gỗ, dây thừng và gạch ngói.

---

[8] *Pādapīṭhiya* nghĩa là "vị liên quan đến cái ghế (*pīṭha*) kê chân (*pāda*)."

[9] *Vedikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) cái viền rào (*vedi, vedikā*)."

4789. Có tòa lâu đài tên là Maṅgala đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Chiều ngang đã là một do-tuần, chiều rộng nửa do-tuần.

4790. Đã có tám mươi bốn ngàn cột làm bằng vàng và các tháp nhọn làm bằng ngọc ma-ni, mái che đã là bằng bạc.

4791. Có ngôi nhà làm bằng vàng toàn bộ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Nơi này đã được tôi cư ngụ; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà.

4792. Sau khi thọ hưởng tất cả các thứ ấy ở cõi trời và người, hôm nay tôi đã đạt đến Niết-bàn là vị thế an tịnh không gì hơn được.

4793. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà.

4794. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4795. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4796. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhighariya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhighariya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có trái cây vibhīṭaka, vị dâng trái táo, vị dâng trái billa, vị dâng trái bhallātaka, vị dâng tràng hoa uttalī, vị dâng bông hoa ambāṭaka, luôn cả vị có chỗ ngồi, vị dâng ghế kê chân, vị làm cái viền rào, vị cho thực hiện căn nhà của cội Bồ-đề. Ở đây, các câu kệ đã được tính đếm là bảy mươi chín câu, tất cả đã được thuật lại ở phẩm này.

Phẩm Vibhīṭaka là phẩm thứ bốn mươi lăm.

[10] *Bodhighariya* nghĩa là "vị liên quan đến căn nhà (*ghara*) ở cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

XLVI. PHẨM JAGATIDĀYAKA
(*JAGATIDĀYAKAVAGGO*)

451. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIDĀYAKA
(*Jagatidāyakattherāpadānaṃ*)

4797. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện nền đất ở cội cây Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Dhammadassī.

4798. Dầu tôi bị ngã từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, chết đi tôi có được sự nâng đỡ; điều này là quả báo của nền đất.

4799. Lũ trộm cướp không áp bức tôi, các vị Sát-đế-lỵ không xem thường tôi, tôi vượt trội tất cả các kẻ thù; điều này là quả báo của nền đất.

4800. Ở nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được tôn vinh ở tất cả các nơi; điều này là quả báo của nền đất.

4801. Tôi đã cho thực hiện nền đất, trong một ngàn tám trăm kiếp, tôi không trải qua khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nền đất.

4802. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4803. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4804. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jagatidāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jagatidāyaka" là phần thứ nhất.

452. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MORAHATTHIYA
(*Morahatthiyattherāpadānaṃ*)

4805. Tôi đã cầm lấy cánh quạt lông công và đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng cánh quạt lông công.

4806. Do cánh quạt lông công này và do các nguyện lực của tác ý, ba ngọn lửa[2] đã được dập tắt, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

---
[1] *Jagatidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nền đất (*jagati*) ở cội cây Bồ-đề."
[2] Ba ngọn lửa là lửa tham, lửa sân và lửa si. (ND)

4807. Ôi, chư Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Sau khi dâng cúng cánh quạt lông công, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

4808. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4809. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cánh quạt lông công.

4810. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4811. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Morahatthiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Morahatthiya" là phần thứ nhì.

453. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANAVĪJAKA
(*Sīhāsanavījakattherāpadānaṃ*)

4813. Tôi đã đảnh lễ cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn Tissa. Tôi đã lấy ra cây quạt và đã hầu quạt bảo tọa sư tử ở tại nơi ấy.

4814. [Kể từ khi] tôi đã hầu quạt bảo tọa sư tử trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt.

4815. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4816. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4817. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanavījaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanavījaka" là phần thứ ba.

454. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UKKĀDHĀRAKA
(*Ti-ukkādhārakattherāpadānaṃ*)

4818. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm ba ngọn đuốc ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara.

---

[3] *Morahatthiya* nghĩa là "vị liên quan đến cái cánh (*hattha*) của chim công (*mora*)", diễn dịch là cánh quạt lông công. (ND)

[4] *Sīhāsanavījaka* nghĩa là "vị quạt mát (*vījaka*) bảo tọa sư tử (*sīhāsana*)."

4819. [Kể từ khi] tôi đây đã cầm ngọn đuốc trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đuốc.

4820. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4821. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4822. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-ukkādhāraka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ti-ukkādhāraka" là phần thứ tư.

455. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKAMANADĀYAKA
(*Akkamanadāyakattherāpadānaṃ*)

4823. Tôi đã dâng cúng tấm lót chân đến đấng Hiền Trí Kakusandha, vị Bà-la-môn toàn hảo, trong lúc Ngài đang tiến hành việc nghỉ ngơi giữa ngày.

4824. Ngay trong chính kiếp này, kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm lót chân.

4825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Akkamanadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Akkamanadāyaka" là phần thứ năm.

456. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANAKORAṆḌIYA
(*Vanakoraṇḍiyattherāpadānaṃ*)

4828. Tôi đã cầm lấy bông hoa koraṇḍa rừng và đã dâng lên đức Phật, đấng Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

4829. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[5] *Ti-ukkādhāraka* nghĩa là "vị cầm (*dhāraka*) ba (*ti*) ngọn đuốc (*ukkā*)."

[6] *Akkamanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm lót chân (*akkamana*)."

4830. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4831. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4832. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vanakoraṇḍiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vanakoraṇḍiya" là phần thứ sáu.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi).

457. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA
(*Ekachattiyattherāpadānaṃ*)

4833. Trái đất nảy sanh ra than hừng, mặt đất trở thành tro nóng. Đức Thế Tôn Padumuttara đã đi kinh hành ở ngoài trời.

4834. Sau khi cầm lấy chiếc lọng che màu trắng, tôi đã đi đường xa. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác ở tại nơi ấy, niềm hạnh phúc đã khởi đến cho tôi.

4835. Mặt đất được phủ lên bởi màn ảo ảnh, trái đất này toàn là than hừng. Có cơn gió mạnh thổi đến làm mất đi sự thoải mái của cơ thể.

4836. "Xin Ngài hãy thọ lãnh chiếc lọng che này diệt trừ được sự lạnh và nóng, có sự cản ngăn đối với sức nóng của cơn gió, con sẽ được chạm đến sự tịch diệt."

4837. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Chiến Thắng Padumuttara khi ấy đã thọ lãnh.

4838. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

4839. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của chính mình đã được bản thân thực hiện tốt đẹp trước đây.

4840. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có chiếc lọng che màu trắng được cầm che cho tôi trong mọi thời điểm.

4841. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng che trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

4842. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[7] *Vanakoraṇḍiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa koraṇḍa rừng (*vana*)."

4843. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4844. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekachattiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekachattiya" là phần thứ bảy.

458. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPUPPHIYA
(*Jātipupphiyattherāpadānaṃ*)

4845. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao viên tịch Niết-bàn, tôi đã làm những vòng hoa đội đầu rồi đã đặt lên nhục thân [của Ngài].

4846. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi Hóa Lạc thiên. Trong khi sống ở thế giới chư thiên, tôi nhớ lại nghiệp phước thiện.

4847. Có cơn mưa bông hoa từ bầu trời rơi xuống ở tôi vào mọi thời điểm. Nếu tôi luân hồi ở loài người, tôi là vị vua có danh vọng lớn lao.

4848. Tại nơi ấy, có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc, do nhờ tác động của sự cúng dường bông hoa đến chính Ngài ấy là bậc có sự nhìn thấy tất cả.

4849. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc.

4850. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật].

4851. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4852. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4853. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jātipupphiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jātipupphiya" là phần thứ tám.

459. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṬṬIPUPPHIYA
(*Paṭṭipupphiyattherāpadānaṃ*)

4854. Khi nhục thân [đức Phật] được đưa đi, khi những chiếc trống đang được vỗ lên, tôi đã cúng dường bông hoa paṭṭi với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

---

[8] *Ekachattiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) chiếc lọng che (*chatta*)."

[9] *Jātipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) jāti."

4855. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật].

4856. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4857. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4858. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṭṭipupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṭṭipupphiya" là phần thứ chín.

460. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPŪJAKA
(*Gandhapūjakattherāpadānaṃ*)

4859. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện, khi các vật thơm nhiều loại đã được mang lại, tôi đã cúng dường [một] nắm tay vật thơm với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

4860. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng [đức Phật].

4861. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4862. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4863. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhapūjaka[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhapūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị [thực hiện] nền đất, vị có cánh quạt chim công, vị [hầu quạt] bảo tọa, vị cầm giữa ngọn đuốc, vị có tấm lót chân, vị có bông hoa koraṇḍa rừng, vị dâng cúng chiếc lọng che, vị cúng dường hoa jāti, vị trưởng lão có bông hoa paṭṭi, và vị cúng dường vật thơm là thứ mười. Và có sáu mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Jagatidāyaka là phẩm thứ bốn mươi sáu.

---

[10] *Paṭṭipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) paṭṭi."

[11] *Gandhapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) vật thơm (*gandha*)."

XLVII. PHẨM SĀLAKUSUMIYA
(*SĀLAKUSUMIYAVAGGO*)

461. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAKUSUMIYA
(*Sālakusumiyattherāpadānaṃ*)

4864. Khi đức Thế Tôn tên là Padumuttara viên tịch Niết-bàn và được đặt lên ở giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa Sāla.

4865. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng [đức Phật].

4866. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

4867. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4868. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālakusumiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sālakusumiya" là phần thứ nhất.

462. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

4869. Khi đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian đang được thiêu đốt, tôi đã dâng lên giàn hỏa thiêu của Ngài tám bông hoa campaka.

4870. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu [đức Phật].

4871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Sālakusumiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*kusuma*) Sāla."

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ nhì.

463. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKANIBBĀPAKA
(*Citakanibbāpakattherāpadānaṃ*)

4874. Khi nhục thân của bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū đang được đốt cháy, tôi đã cầm lấy nước thơm và đã làm nguội giàn hỏa thiêu.

4875. [Kể từ khi] tôi đã làm nguội giàn hỏa thiêu trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nước thơm.

4876. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4877. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4878. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakanibbāpaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakanibbāpaka" là phần thứ ba.

464. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SETUDĀYAKA
(*Setudāyakattherāpadānaṃ*)

4879. Khi đức Thế Tôn Vipassī đang đi kinh hành ở trước mặt, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện cây cầu.

4880. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện cây cầu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

4881. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4882. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4883. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Setudāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Setudāyaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) giàn hỏa thiêu (*citaka*)."

[3] *Citakanibbāpaka* nghĩa là "vị làm nguội (*nibbāpaka*) giàn hỏa thiêu (*citaka*)."

465. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVAṆṬIYA
(*Sumanatālavaṇṭiyattherāpadānaṃ*)

4884. Tôi đã dâng cúng chiếc quạt được phủ lên bởi những bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi nắm giữ danh vọng lớn lao.

4885. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt.

4886. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4887. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4888. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya" là phần thứ năm.

466. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVAṆṬAPHALIYA
(*Avaṇṭaphaliyattherāpadānaṃ*)

4889. Đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Sataraṃsī. Có ước muốn độc cư, đấng Toàn Giác đã ra đi về việc khất thực.

4890. Có trái cây ở tay, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái avaṇṭa.

4891. Trước đây chín mươi bốn kiếp, kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4892. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4893. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4894. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avaṇṭaphaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avaṇṭaphaliya" là phần thứ sáu.

---

[4] *Sumanatālavaṇṭiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc quạt (*tālavaṇṭa*) được gắn hoa lài (*sumanā*)."

[5] *Avaṇṭaphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phala*) avaṇṭa."

467. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA
(*Labujadāyakattherāpadānaṃ*)

4895. Khi ấy, tôi đã là người phụ việc tại tu viện, ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

4896. Tôi đã cầm lấy trái mít và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đang đứng ở ngay trên không trung.

4897. Đối với tôi, Ngài là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, đem lại sự an lạc trong thời hiện tại. Tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch.

4898. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc vĩ đại và sự an lạc thù thắng. Và khi tôi tái sanh ở nơi này, nơi khác, có châu báu hiện lên [cho tôi].

4899. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4900. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4901. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4902. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Labujadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Labujadāyaka" là phần thứ bảy.

468. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĀYAKA
(*Pilakkhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

4903. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ở cuối rừng, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên trái của cây sung.

4904. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4905. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4906. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4907. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[6] *Labujadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*labuja*) trái mít (*dāyaka*)."

Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka" là phần thứ tám.

469. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYAMPAṬIBHĀṆIYA (*Sayampaṭibhāṇiyattherāpadānaṃ*)

4908. Ai là người nhìn thấy đấng Nhân Ngưu, vị Trời Của Chư Thiên đang tiến bước ở trên đường, tợ như cây kakudha đang chói sáng mà không tịnh tín?

4909. Ai là người nhìn thấy bậc đã xua đi điều tăm tối ấy, đã giúp cho nhiều người vượt qua, đang chói sáng với ánh sáng trí tuệ mà không tịnh tín?

4910. Ai là người nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang hướng dẫn một trăm ngàn vị có năng lực, đang tiếp độ nhiều chúng sanh mà không tịnh tín?

4911. Ai là người nhìn thấy vị đang vỗ lên chiếc trống giáo pháp, đang chế ngự các nhóm ngoại đạo, đang gầm lên tiếng rống sư tử mà không tịnh tín?

4912. Cho đến các Phạm thiên từ thế giới Phạm thiên đã đi đến và hỏi các câu hỏi khôn khéo, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4913. Thế gian luôn cả chư thiên thể hiện sự chắp tay đối với Ngài rồi thỉnh cầu, nhờ Ngài, họ thọ hưởng phước báu, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4914. Tất cả mọi người tụ tập lại và thỉnh cầu bậc Hữu Nhãn, được thỉnh cầu, Ngài không rung động, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4915. Khi Ngài đang đi vào thành phố, có nhiều chiếc trống vang lên và các con voi hào hứng rống lên, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4916. Trong khi đang đi ở đường lộ, toàn bộ hào quang của Ngài luôn luôn chiếu sáng, những chỗ bị gập ghềnh trở thành bằng phẳng, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4917. Khi đức Phật đang nói, [lời Ngài] được nghe ở bầu vũ trụ, Ngài làm cho tất cả chúng sanh được hiểu rõ, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4918. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

4919. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4920. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4921. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[7] *Pilakkhaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) của cây sung (*pilakkha*)."

Đại đức Trưởng lão Sayampaṭibhāṇiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sayampaṭibhāṇiya" là phần thứ chín.

470. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTAVYĀKARAṆIYA (*Nimittavyākaraṇiyattherāpadānaṃ*)

4922. Khi ấy, tôi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp rồi đọc tụng chú thuật. Năm mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi.

4923. Là những vị hiểu biết về kinh Vệ-đà, tất cả đã học thuộc lòng, đã đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần. Được hỗ trợ bởi những sự hiểu biết của chính bản thân, các vị ấy sống ở núi Hy-mã-lạp.

4924. Sau khi mệnh chung từ tập thể cõi trời Đẩu-suất, vị thiên tử có danh vọng lớn lao đã sanh vào bụng mẹ với sự nhận biết và có niệm.

4925. Khi bậc Toàn Giác đang được sanh ra, mười ngàn thế giới đã chuyển động. Khi đấng Lãnh Đạo đang được sanh ra, những người mù đã đạt được thị giác.

4926. Toàn bộ quả đất này đã chuyển động với mọi hình thức. Sau khi nghe được tiếng gầm thét, đám đông dân chúng đã hoảng hốt.

4927. Tất cả mọi người đã tập trung lại và đã đi đến gặp tôi [hỏi rằng]: "Quả đất này đã chuyển động, sẽ có hậu quả gì đây?"

4928. Khi ấy, tôi đã nói với họ rằng: "Các người chớ sợ hãi, sự nguy hại không có cho các người. Tất cả cũng nên tự tin, sự xuất hiện này là có điều tốt đẹp.

4929. Bị tác động bởi tám nguyên nhân, quả đất này chuyển động. Các điều báo hiệu như thế này được nhìn thấy, có ánh sáng bao la vĩ đại.

4930. Không còn nghi ngờ nữa, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhãn sẽ hiện khởi." Sau khi làm cho dân chúng biết rõ, tôi đã thuyết giảng về năm giới cấm.

4931. Sau khi lắng nghe về năm giới cấm và về sự xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, họ đã trở nên hớn hở vui mừng với niềm phấn khởi đã được sanh lên, với tâm ý vui mừng.

4932. [Kể từ khi] tôi đã giải thích về điềm báo hiệu trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc giải thích.

4933. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4934. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

[8] *Sayampaṭibhāṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đích thân mình (*sayaṃ*) ca ngợi (*paṭibhāṇa*)."

4935. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

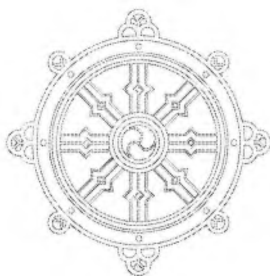
Đại đức Trưởng lão Nimittavyākaraṇiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nimittavyākaraṇiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão liên quan đến bông hoa Sāla, luôn cả vị cúng dường [giàn hỏa thiêu], và vị làm nguội [giàn hỏa thiêu], vị dâng cúng cây cầu, vị có cây quạt, [vị dâng lên] trái avaṇṭa, vị dâng lên trái mít, [vị dâng lên] trái sung, vị ca ngợi, và vị Bà-la-môn liên quan việc giải thích. Có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Sālakusumiya là phẩm thứ bốn mươi bảy.



[9] *Nimittavyākaraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc giải thích (*vyākaraṇa*) các điềm báo hiệu (*nimitta*)."

XLVIII. PHẨM NAḶAMĀLĪ
(*NAḶAMĀLIVAGGO*)

471. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAMĀLIYA
(*Naḷamāliyattherāpadānaṃ*)

4936. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la.

4937. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và ngay trong khi đang đi ra, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, vị Không Còn Lậu Hoặc ở tại nơi ấy.

4938. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường tràng hoa sậy đến đấng Đại Hùng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường, vị Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian.

4939. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4940. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4941. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4942. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷamāliya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷamāliya" là phần thứ nhất.

472. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA
(*Maṇipūjakattherāpadānaṃ*)

4943. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác di chuyển ở trên không trung.

4944. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có cái hồ thiên nhiên rộng lớn. Ở tại nơi ấy đã là chỗ cư ngụ của tôi, được liên quan đến nghiệp phước thiện.

---

[1] *Naḷamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) sậy (*naḷa*)."

4945. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

4946. Trong lúc xem xét, tôi đã không nhìn thấy bông hoa tôi sẽ cúng dường đến đấng Lãnh Đạo. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

4947. Tôi đã cầm lấy viên ngọc ma-ni ở trên đầu của tôi và đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian, [ước nguyện rằng:] "Do sự cúng dường viên ngọc ma-ni này, cầu mong quả thành tựu được tốt đẹp."

4948. Đứng ở trên không trung, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đã nói lên lời kệ này:

4949. "Mong rằng ý định ấy được thành tựu cho ngươi. Ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao. Ngươi hãy thọ hưởng danh vọng lớn lao do sự cúng dường ngọc ma-ni này."

4950. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn tên Padumuttara, vị Phật tối thượng đã đi đến nơi mà tâm đã dự tính.

4951. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần.

4952. Trong khi tôi là vị thiên nhân đang nhớ lại việc làm trước đây thì ngọc ma-ni là vật tạo ra ánh sáng của tôi, hiện ra cho tôi.

4953. Tám mươi sáu ngàn nữ nhân có đồ trang sức và vải vóc đủ màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni là những người vợ của tôi.

4954. [Các nàng] có làn mi cong, có nụ cười, có bộ ngực xinh, có eo thon, thường xuyên vây quanh tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni.

4955. Các vật dụng và các đồ trang sức của tôi được thực hiện khéo léo, làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và làm bằng hồng ngọc đúng theo ước muốn.

4956. Các ngôi nhà mái nhọn, các hang động đáng yêu và chỗ nằm ngồi vô cùng xứng đáng, sau khi biết được ước muốn của tôi, chúng hiện ra theo như ước muốn.

4957. Và những người nào đạt được sự lắng nghe đã khéo được thành tựu [vì sự lắng nghe] là phước điền của nhân loại, là phương thuốc cho tất cả các sanh linh, các vị ấy có được những sự lợi ích.

4958. Việc làm của tôi cũng đã được thực hiện tốt đẹp là việc tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi được thoát khỏi đọa xứ, tôi đạt được vị thế bất động.

4959. Nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi luôn luôn có ánh sáng từ bảy loại châu báu ở xung quanh.

4960. Do chính sự cúng dường ngọc ma-ni ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, ánh sáng trí tuệ đã được tôi nhìn thấy, tôi đạt đến vị thế bất động.

4961. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường ngọc ma-ni trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni.

4962. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4963. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4964. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maṇipūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maṇipūjaka" là phần thứ nhì.

473. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UKKĀSATIKA
(*Ukkāsatikattherāpadānaṃ*)

4965. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên là Kosika đã cư ngụ tại núi Cittakūṭa. Đức Phật, bậc Hiền Trí là vị chứng thiền, thỏa thích với thiền, vui thích với sự độc cư.

4966. Tôi đã dẫn đầu nhóm phụ nữ đi sâu vào núi Hy-mã-lạp và tôi đã nhìn thấy đức Phật Kosika tợ như mặt trăng ngày rằm.

4967. Khi ấy, tôi đã cầm lấy một trăm ngọn đuốc và đặt vòng quanh [đức Phật]. Tôi đã đứng bảy ngày đêm và đã ra đi vào ngày thứ tám.

4968. Khi đức Phật Kosika, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, đã xuất khỏi [thiền], với tâm tịnh tín tôi đã đảnh lễ Ngài và đã dâng cúng một phần vật thực.

4969. "Bạch vị Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất; điều này là quả báo của một phần vật thực."

4970. Luôn luôn có ánh sáng cho tôi vào ban ngày và cả ban đêm nữa. Tôi tỏa ra ánh sáng ở xung quanh một trăm do-tuần.

4971. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, người chinh phục bốn phương, đấng chúa tể của vùng đất Jambu năm mươi lăm kiếp.

4972. Khi ấy, thành phố của tôi đã được sung túc, thịnh vượng, khéo được xây dựng có chiều dài ba mươi do-tuần và chiều rộng hai mươi do-tuần.

4973. Thành phố tên là Sobhana đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma, không thiếu vắng mười loại âm thanh được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe.

---

[2] *Maṇipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ngọc ma-ni (*maṇi*)."

4974. Ở trong thành phố ấy không có dây thừng, gỗ và gạch ngói. Toàn bộ chỉ làm bằng vàng và chiếu sáng trong thời gian liên tục.

4975. Có bốn tường thành bao bọc, ba mặt đã được làm bằng ngọc ma-ni, và ở chính giữa có hàng cây cọ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma.

4976. Có mười ngàn hồ nước được che đậy bởi sen hồng và sen xanh, được phủ lên bởi những sen trắng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại.

4977. [Kể từ khi] tôi đã cầm giữ ngọn đuốc trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cầm giữ cây đuốc.

4978. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4979. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4980. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ukkāsatika[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ukkāsatika" là phần thứ ba.

474. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANAVĪJANIYA
(*Sumanavījaniyattherāpadānaṃ*)

4981. Tôi đã cầm lấy cây quạt hoa nhài ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī và đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng.

4982. [Kể từ khi] tôi đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt.

4983. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4984. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4985. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanavījaniya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanavījaniya" là phần thứ tư.

---

[3] *Ukkāsatika* nghĩa là "vị liên quan đến 100 (*sata*) cây đuốc (*ukkā*)."

[4] *Sumanavījaniya* nghĩa là "vị liên quan đến cây quạt (*vījana*) hoa nhài (*sumana*)."

475. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMMĀSADĀYAKA
(*Kummāsadāyakattherāpadānaṃ*)

4986. Trong khi bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đang đi tìm kiếm [vật thực], tôi đã nhìn thấy bình bát [của Ngài] trống không và tôi đã đặt đầy sữa đông [ở bình bát].

4987. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa đông.

4988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4989. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4990. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kummāsadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kummāsadāyaka" là phần thứ năm.

476. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSAṬṬHADĀYAKA
(*Kusaṭṭhadāyakattherāpadānaṃ*)

4991. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực đến đức Thế Tôn Kassapa, vị Bà-la-môn toàn hảo.

4992. Ngay trong chính kiếp này [kể từ khi] tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám thẻ vật thực.

4993. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4994. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4995. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kusaṭṭhadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kusaṭṭhadāyaka" là phần thứ sáu.

477. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIPUNNĀGIYA
(*Giripunnāgiyattherāpadānaṃ*)

4996. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sobhita đã cư ngụ tại núi Cittakūṭa. Tôi đã hái bông hoa nguyệt quế mọc ở núi và đã cúng dường đến đấng Tự Chủ.

---

[5] *Kummāsadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sữa đông (*kummāsa*)."

[6] *Kusaṭṭhadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tám (*aṭṭha*) thẻ vật thực (*kusa*)." Lá cỏ kusa được dùng làm thăm để chọn ra các vị Tỳ-khưu đi đến nhà thí chủ thọ thực. (ND)

4997. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4998. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4999. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5000. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Giripunnāgiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Giripunnāgiya" là phần thứ bảy.

478. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIKĀRAPHALADĀYAKA
(*Vallikāraphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5001. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sumana đã cư ngụ tại thành phố Takkarā. Tôi đã cầm lấy trái cây vallikāra và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ.

5002. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5003. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5004. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5005. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka" là phần thứ tám.

479. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA
(*Pānadhidāyakattherāpadānaṃ*)

5006. Sau khi đã rời khỏi việc nghỉ ngơi giữa ngày, đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn đã bước lên đường lộ.

5007. Sau khi cầm lấy đôi dép đã được làm khéo léo, tôi đã tiến bước đường xa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, vị có ánh nhìn thu hút, đang đi bộ.

---

[7] *Giripunnāgiya* nghĩa là "vị liên quan đến hoa nguyệt quế (*punnāga*) mọc ở núi."

[8] *Vallikāraphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) vallikāra."

5008. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đem đôi dép lại và đặt xuống ở cạnh bàn chân [đức Phật] rồi đã nói lời nói này:

5009. "Bạch bậc Đại Hùng, vị Chúa Của Nhàn Cảnh, đấng Hướng Đạo, xin Ngài hãy bước lên, mong sao mục đích của con được thành tựu là con sẽ đạt được quả báo do việc này."

5010. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bước lên đôi dép, rồi đã nói lời nói này:

5011. "Người nào được tịnh tín, tự tay mình đã dâng cúng đến Ta đôi dép, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói."

5012. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại, với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, có hai tay chắp lên.

5013. "Do việc dâng cúng đôi dép, người này sẽ được sung sướng và sẽ cai quản thiên quốc năm mươi lăm lần.

5014. Và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5015. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5016. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5017. Người có phước báu [này] sẽ được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc là loài người, sẽ nhận lãnh chiếc xe tương tợ chiếc xe của chư thiên."

5018. Các tòa lâu đài, các kiệu khiêng, các con voi của tôi là được trang điểm. Các chiếc xe được thắng ngựa giống tốt, luôn hiện hữu cho tôi.

5019. Ngay cả trong khi lìa khỏi gia đình, tôi đã rời khỏi bằng xe ngựa. Trong khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5020. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi dâng cúng một đôi dép, tôi được đạt đến vị thế bất động.

5021. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

5022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pānadhidāyaka" là phần thứ chín.

480. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINACAṄKAMIYA
(*Pulinacaṅkamiyattherāpadānaṃ*)

5025. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Trong lúc tìm kiếm loài linh dương, tôi đã nhìn thấy con đường kinh hành.

5026. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã ôm cát ở bên hông [bằng vạt y] và đã rải lên đường kinh hành của đấng Thiện Thệ Quang Vinh.

5027. [Kể từ khi] tôi đã rải cát trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát.

5028. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5029. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5030. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinacaṅkamiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinacaṅkamiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có tràng hoa sậy, vị dâng ngọc ma-ni, vị có trăm ngọn đuốc, vị có cây quạt, món sữa đông, thẻ vật thực, luôn cả bông hoa nguyệt quế ở núi, trái cây vallikāra, vị dâng đôi dép, và đường kinh hành rải cát. Có chín mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Naḷamālī là phẩm thứ bốn mươi tám.

---

[9] *Pānadhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đôi dép (*pānadhi*)." *Chú giải* giải thích từ *pānadhiṃ* là *upāhanayugaṃ* nên được dịch là đôi dép (*ApA*. I. 448).

[10] *Pulinacaṅkamiya* nghĩa là "vị liên quan đến đường kinh hành (*caṅkama*) rải cát (*pulina*)."

XLIX. PHẨM PAṂSUKŪLA
(*PAṂSUKŪLAVAGGO*)

481. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṂSUKŪLASAÑÑAKA
(*Paṃsukūlasaññakattherāpadānaṃ*)

5031. Đức Thế Tôn, bậc Tự Chủ tên Tissa là nhân vật cao cả. Sau khi cởi ra tấm y may từ vải bị quăng bỏ, đấng Chiến Thắng đã đi vào trú xá.

5032. Sau khi cầm lấy cây cung đã được uốn cong, tôi đã bước đi vì nhu cầu thức ăn. Tôi đã nắm lấy con dao cong và đã đi vào khu rừng rậm.

5033. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ được treo ở ngọn cây tại nơi ấy. Tôi đã để cây cung xuống ngay tại nơi ấy và đã chắp tay lên ở đầu.

5034. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ với niềm phỉ lạc dạt dào.

5035. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

5036. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5037. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5038. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṃsukūlasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṃsukūlasaññaka" là phần thứ nhất.

482. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

5039. [Tôi] là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, về tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

---

[1] *Paṃsukūlasaññaka* nghĩa là "vị tưởng nhớ (*saññaka*) đến tấm y may từ vải bị quăng bỏ (*paṃsukūla*)."

5040. Lúc bấy giờ, những người học trò đi đến với tôi tợ như làn nước chảy ở dòng sông. Tôi dạy bọn họ về các chú thuật, đêm ngày không biếng nhác.

5041. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác Siddhattha đã hiện khởi ở thế gian. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, Ngài đã vận hành ánh sáng của trí tuệ.

5042. Tôi có người đệ tử nọ, vị ấy đã thuật lại cho các đệ tử của tôi. Khi ấy, sau khi nghe được sự việc này, bọn họ đã nói với tôi rằng:

5043. "Đức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi ở trên đời. Dân chúng đi theo vị ấy, lợi lộc cho chúng ta sẽ không còn."

5044. [Tôi đã nói rằng:] "Chư Phật, các bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao là những vị hiếm khi hiện khởi. Hay là ta nên nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian?"

5045. Tôi đã cầm lấy tấm da dê, bộ y phục vỏ cây và túi đựng nước của tôi rồi đã rời khỏi khu ẩn cư. Tôi đã thông báo với các đệ tử rằng:

5046. "Tương tợ như bông hoa của cây odumbara và chú thỏ ở mặt trăng, tương tợ như sữa của các con quạ, chư vị Lãnh Đạo Thế Gian là điều hy hữu.

5047. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian cũng như [được sanh vào] bản thể nhân loại là điều hy hữu. Và trong khi có được cả hai, việc nghe [giáo pháp] là điều vô cùng hy hữu.

5048. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian. Này chư vị, chúng ta sẽ nhận được [Pháp] nhãn của chúng ta. Chư vị hãy đến, tất cả chúng ta sẽ đi gặp đấng Chánh Đẳng Giác."

5049. Khi ấy, tất cả các vị ấy đều mang túi đựng nước, mặc y phục da dê thô xấu, quấn búi tóc rối đã rời khỏi khu rừng.

5050. Những vị tầm cầu mục đích tối thượng [ấy] trong khi nhìn với khoảng cách của cán cày, không còn các vướng bận và sân hận, tợ như những con sư tử không bị hãi sợ.

5051. Ít bị bận rộn, không tham lam, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, các vị ấy trong khi vừa lo việc kiếm sống vừa đi đến gần đức Phật tối thượng.

5052. Khi chỉ còn một do-tuần rưỡi, có cơn bệnh đã sanh khởi đến tôi. Sau khi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

5053. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

5054. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5055. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5056. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ nhì.

483. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA
(*Bhisadāyakattherāpadānaṃ*)

5057. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đói [bụng] tôi [đã] nhổ lên củ sen ở tại nơi ấy.

5058. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vị Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung.

5059. Khi ấy, trong khi Ngài đang phất phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ, tôi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5060-61. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: "Xin đức Phật, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng, hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con." Do đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao, đã ngự xuống.

5062. Bậc Hữu Nhãn vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng:

5063. "Này người có đại phước, mong rằng ngươi được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sanh được thành tựu cho ngươi. Do việc dâng cúng củ sen này, ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao."

5064. Sau khi nói lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy thức ăn rồi đã ra đi bằng đường không trung.

5065. Sau đó, tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình.

5066. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét trong lúc sấm sét đang nổ ra.

5067. Sau đó, tia sét đánh xuống đã giáng vào đầu của tôi. Khi ấy, trong khi bị khuỵu xuống, tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ấy.

5068. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên.

5069. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, hầu cận sáng tối; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

5070. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung sướng, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

---

[2] *Buddhasaññaka* nghĩa là "vị tưởng nhớ (*saññaka*) đến đức Phật (*buddha*)."

5071. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

5072. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

5073. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5074. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5075. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka" là phần thứ ba.

484. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA
(*Ñāṇatthavikattherāpadānaṃ*)

5076. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo ở phía Nam của núi Hy-mã-lạp. Vào lúc bấy giờ, trong khi tầm cầu mục đích tối thượng, tôi cư ngụ ở trong rừng.

5077. Trong lúc tìm kiếm vị thầy, tôi sống mỗi một mình với rễ và trái cây, hài lòng với việc có hay không có.

5078. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài công bố về bốn sự thật.

5079. Tôi không được nghe về đấng Toàn Giác, cũng không có ai nói với tôi. Khi tám năm đang trôi qua, tôi đã nghe về đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5080. Sau khi dập tắt củi lửa và quét dọn khu ẩn cư, tôi đã cầm lấy gói vật dụng và đã rời khỏi khu rừng.

5081. Trong khi cư ngụ chỉ một đêm ở các ngôi làng và các khu phố chợ, khi ấy theo tuần tự, tôi đã đi đến gần con sông Candavatī.

5082. Vào thời điểm ấy, trong lúc tiếp độ nhiều chúng sanh, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha thuyết giảng về vị thế bất tử.

5083. Tôi đã vượt qua đám đông người và đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng sánh tợ đại dương. Tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

5084. "Ngài là đấng Tối Thượng Của Loài Người, là bậc Thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi mốt).

---

[3] *Bhisadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ sen (*bhisa*)."

5085. Bạch bậc Hiền Trí, Ngài là bậc khôn khéo về kiến thức, là đấng Anh Hùng đã giúp cho chúng sanh vượt qua, ở thế gian không có người nào khác là đấng Tiếp Độ, không ai là trội hơn Ngài.

5086. Biển cả vĩ đại hiển nhiên là có thể đo lường bằng đầu ngọn cỏ kusa, tuy nhiên bạch đấng Toàn Tri, trí tuệ của Ngài là không thể đo lường được.

5087. Bạch đấng Hữu Nhãn, sau khi đặt trái đất lên đĩa cân là có thể xác định, tuy nhiên sự đo lường trí tuệ của Ngài là không thể có.

5088. Không gian có thể ước lượng bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, tuy nhiên, bạch đấng Toàn Tri, giới hạnh của Ngài là không thể đo lường.

5089. Bạch đấng Hữu Nhãn, nước ở đại dương, bầu trời và trái đất, những vật này là có thể đo lường, còn Ngài là không thể đo lường."

5090. Sau khi đã tán dương đấng Toàn Tri có danh vọng lớn lao bằng sáu câu kệ, khi ấy tôi đã chắp tay lên rồi đứng im lặng.

5091. Người ta nói về người có tuệ bao la, sáng suốt là "Sumedha". Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

5092. "Người nào, được tịnh tín, đã tán dương trí tuệ của Ta bằng tâm ý của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

5093. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

5094. Và [người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5095. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là nhân loại, [người này] được tụ hội với nghiệp phước thiện, sẽ có tuệ sắc bén, tâm tư không bị kém sút.

5096. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5097. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, và sẽ chạm đến phẩm vị A-la-hán vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh."

5098. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được giáo pháp, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến tâm tư không được thích ý.

5099. Tôi đã luân hồi ở tất cả các cõi và đã thọ hưởng đầy đủ, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

5100. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

5101. Kể từ khi tôi đã ngợi ca trí tuệ trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

5102. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5103. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5104. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇatthavika[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇatthavika" là phần thứ tư.

485. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAMĀLIYA (*Candanamāliyattherāpadānaṃ*)

5105. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, các sắc yêu quý, các vật thích ý, tôi đã từ bỏ tám mươi *koṭi* và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5106. Sau khi xuất gia, tôi đã tránh xa nghiệp ác do thân. Sau khi từ bỏ ác hạnh do khẩu, tôi cư ngụ ở bờ sông.

5107. Trong khi tôi đang sống mỗi một mình, đức Phật tối thượng đã đi đến gặp tôi. Tôi không biết về "đức Phật". Tôi đã thực hiện việc chào hỏi.

5108. Sau khi thực hiện việc chào hỏi, tôi đã hỏi tên và dòng họ: "Phải chăng Ngài là thiên thần, là vị càn-thát-bà, hay là Chúa của chư thiên Sakka?

5109. Ngài là ai? Là con trai của ai? Phải chăng vị Đại Phạm thiên đã đi đến nơi đây? Ngài tỏa sáng tất cả các phương, giống như là mặt trời đang mọc.

5110. Thưa Ngài, một ngàn cây căm bánh xe được thấy ở bàn chân. Ngài là ai? Là con trai của ai? Làm thế nào chúng tôi nhận biết Ngài? Xin Ngài cho biết tên và dòng họ, xin Ngài hãy xua đi nỗi nghi hoặc của tôi."

5111. "Ta không phải là thiên thần, không phải là càn-thát-bà, cũng không phải là Chúa của chư thiên Sakka. Và Ta cũng không có bản thể của Phạm thiên, đối với các vị này Ta là bậc Tối Thượng.

5112. Ta đã vượt lên phạm vi của các vị ấy, Ta đã cắt lìa sự trói buộc của các dục. Sau khi thiêu đốt tất cả các phiền não, Ta đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng."

5113. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã nói lời nói này: "Bạch đấng Đại Hiền Trí, nếu Ngài là đức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, xin thỉnh Ngài ngồi xuống, tôi sẽ cúng dường Ngài."

5114. Tôi đã trải ra tấm da dê và tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử [ngồi xuống] ở hang núi.

5115. Tôi đã cấp tốc leo lên ngọn núi và đã hái trái xoài, bông hoa sāla xinh xắn và gỗ trầm hương vô cùng giá trị.

5116. Tôi đã mau mắn nâng lên tất cả các thứ ấy và đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã dâng cúng trái cây và đã cúng dường bông hoa sāla đến đức Phật.

---

[4] *Ñāṇatthavika* nghĩa là "vị ngợi ca (*thavika*) về trí tuệ (*ñāṇa*)."

5117. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã thoa trầm hương và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư với niềm phỉ lạc dạt dào.

5118. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ngồi xuống ở tấm da dê. Trong khi làm cho tôi được hoan hỷ, Ngài đã tán dương việc làm của tôi rằng:

5119. "Do cả hai việc dâng cúng trái cây cùng với hương thơm tràng hoa này, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai trăm năm mươi kiếp, và sẽ trở thành người vận dụng quyền lực với tâm tư không bị sút kém.

5120. [Người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại trong hai ngàn sáu trăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có đại thần lực [chinh phục] bốn phương.

5121. Có thành phố tên là Vebhāra toàn bằng vàng được tô điểm với châu báu các loại sẽ được hóa hiện ra bởi vị thần Vissakamma.

5122. Theo phương cách này đây, người ấy sẽ luân hồi các cõi. Dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ được tôn vinh ở khắp mọi nơi. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, [người này] sẽ là thân quyến của đấng Phạm thiên.[5]

5123. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ trở thành người không có gia đình, sẽ thông suốt về các thắng trí và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

5124. Nói xong điều này, trong lúc tôi đang trầm tư, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ra đi bằng đường không trung.

5125. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5126. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Khi tôi sống ở trong bào thai, tôi không có thiếu hụt về sự thọ hưởng.

5127. Khi tôi đã ở trong bụng mẹ, do ước muốn của tôi, thức ăn, nước uống và vật thực cho người mẹ được sanh lên theo như ước muốn.

5128. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Khi tóc [cạo] được rơi xuống, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5129. Trong lúc suy tầm về nghiệp quá khứ, tôi đã nhìn thấy không phải là kém cỏi, tôi đã nhớ lại việc làm của tôi trong ba mươi ngàn kiếp.

5130. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi đi đến với giáo pháp của Ngài, con đã đạt được vị thế bất động."

5131. Kể từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5132. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[5] Nghĩa là sẽ thuộc dòng dõi Bà-la-môn. (ND)

5133. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5134. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Candanamāliya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Candanamāliya" là phần thứ năm.

486. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA (*Dhātupūjakattherāpadānaṃ*)

5135. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha Niết-bàn, tôi đã đưa các thân quyến của tôi đến và tôi đã thực hiện việc cúng dường Xá-lợi.

5136. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi.

5137. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5138. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhātupūjaka" là phần thứ sáu.

487. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINUPPĀDAKA (*Pulinuppādakattherāpadānaṃ*)

5140. Ở ngọn núi Hy-mã-lạp, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Devaḷa. Con đường kinh hành của tôi ở tại nơi ấy đã được tạo nên bởi các vị phi nhân.

5141. Lúc bấy giờ, [tôi] là vị quấn búi tóc rối, mang túi đựng nước, trong khi tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã rời khỏi khu rừng bao la.

5142. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi. Được sanh ra theo nghiệp của mình, các vị sống ở trong khu rừng bao la.

5143. Sau khi rời khỏi khu ẩn cư, tôi đã tạo nên ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã gom góp các bông hoa các loại và đã cúng dường ngôi bảo tháp ấy.

5144. Ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đi vào khu ẩn cư. Tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã hỏi tôi về sự việc này:

---

[6] *Candanamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến trầm hương (*candana*) và tràng hoa (*mālā*)."

[7] *Dhātupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) Xá-lợi (*Dhātu*)."

5145. "Chúng tôi cũng muốn biết ngài sẽ lễ bái vị thiên thần nào ở ngôi bảo tháp đã được xây dựng bằng cát. Được hỏi, xin ngài hãy giải thích cho chúng tôi."

5146. "Các đấng Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao đã được xác định rõ ở trong câu chú thuật của chúng ta. Đương nhiên, ta lễ bái các vị Phật tối thượng có danh vọng lớn lao ấy."

5147. "Các bậc Đại Hùng, các đấng Toàn Tri, các vị Lãnh Đạo Thế Gian ấy là như thế nào? Màu da thế nào? Giới hạnh thế nào? Các vị có danh vọng lớn lao ấy là như thế nào?"

5148. "Chư Phật có ba mươi hai tướng mạo và còn có bốn mươi cái răng. Với lông mi dài như của bò cái tơ, các con mắt của các vị ấy trông giống như trái cam thảo rừng.

5149. Và trong khi bước đi, chư Phật ấy chỉ nhìn với khoảng cách của cán cày. Đầu gối của các vị ấy không phát tiếng, âm thanh của các khớp không nghe được.

5150. Và trong khi bước đi, các đấng Thiện Thệ bước đi đều nhấc lên bàn chân phải trước tiên; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5151. Và chư Phật ấy không bị hãi sợ tương tợ như con sư tử, vua của loài thú. Các vị chẳng bao giờ ca tụng bản thân và không khinh miệt các hạng chúng sanh.

5152. Được thoát khỏi sự kiêu ngạo và chê bai, là bình đẳng đối với tất cả sanh linh, chư Phật là những vị không ca tụng chính mình; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5153. Và trong khi được sanh ra, chư Phật Toàn Giác ấy thị hiện ánh sáng và làm toàn thể trái đất này rung chuyển theo sáu cách.

5154. Và chư vị này nhìn thấy địa ngục, khi ấy, địa ngục được tiêu diệt, có đám mây lớn đổ mưa; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5155. Các bậc Long Tượng ấy là như thế, và có danh vọng lớn lao không thể sánh bằng, không bị vượt trội về thể hình, các đấng Như Lai là vô lượng."

5156. Tất cả các người đệ tử đã tùy hỷ những lời nói của tôi với sự kính trọng. Và họ đã thực hành theo đúng như thế, tùy theo sức mạnh, tùy theo năng lực.

5157. Trong khi tin tưởng lời nói của tôi, những đệ tử có sự mong mỏi về nghiệp của mình tôn vinh [ngôi bảo tháp] cát với tâm ý hướng về bản thể đức Phật.

5158. Vào lúc bấy giờ, vị thiên tử có danh vọng lớn lao, sau khi mệnh chung ở cõi trời Đẩu-suất đã sanh vào bụng mẹ, mười ngàn thế giới đã rung động.

5159. Tôi đã đứng ở đường kinh hành không xa khu ẩn cư. Tất cả các đệ tử đã tụ tập lại và đã đi đến ở bên tôi [hỏi rằng]:

5160. "Trái đất gầm thét như loài bò mộng, rống lên như loài sư tử, khuấy động như loài cá sấu, sẽ có hậu quả gì đây?"

5161. "Đấng Toàn Giác mà ta tán dương lúc ở gần ngôi bảo tháp bằng cát, giờ đây đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư ấy đã nhập vào bụng mẹ."

5162. Sau khi thực hiện việc giảng pháp cho họ và tán dương bậc Đại Hiền Trí, tôi đã giải tán các đệ tử của mình rồi đã xếp vào thế kiết-già.

5163. Và sức lực của tôi quả nhiên đã cạn kiệt, tôi đã bị bệnh một cách trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

5164. Khi ấy, tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã thực hiện giàn hỏa thiêu. Và sau khi cầm lấy thi thể của tôi, họ đã đặt lên giàn hỏa thiêu.

5165. Các vị ấy đã tụ hội lại, vây quanh giàn hỏa thiêu và đã chắp tay lên ở đầu. Bị ưu phiền bởi mũi tên sầu muộn, các vị ấy đã khóc rống lên.

5166. Trong khi các vị ấy đang than vãn, tôi đã đi đến gần giàn hỏa thiêu [nói rằng]: "Này các bậc trí tuệ, ta là thầy của các ngươi, các ngươi chớ có sầu muộn.

5167. Các ngươi hãy nên nỗ lực cho lợi ích của mình, đêm ngày không biếng nhác. Các ngươi chớ trở nên xao lãng, thời khắc của các ngươi đã được xếp đặt."

5168. Sau khi chỉ dạy các đệ tử của mình, tôi đã trở lại thế giới chư thiên. Và tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười tám kiếp.

5169. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, và đã cai quản thiên quốc hàng trăm lần.

5170. Trong những kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen lẫn [ở cõi trời và cõi người], tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cát.

5171. Giống như vào tháng Komudī, có nhiều giống cây trổ hoa. Tương tợ y như thế, nhờ bậc Đại Ẩn Sĩ, tôi cũng được trổ hoa vào thời điểm.

5172. Chính sự tinh tấn là có khả năng tiến hành các phận sự, là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5173. [Kể từ khi] tôi đã tán dương đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

5174. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5175. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5176. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinuppādaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinuppādaka" là phần thứ bảy.

488. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

5177. Đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, đức Như Lai đã đi đến gần bờ của con sông Vinakā.

5178. Là loài rùa di chuyển ở trong nước, có ý định đưa đức Phật vượt qua, tôi đã đi ra khỏi nước và đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5179. "Xin đức Phật Atthadassī, bậc Đại Hiền Trí hãy bước lên người con, con sẽ đưa Ngài vượt qua. Ngài là bậc Đoạn Tận Khổ Đau."

5180. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī có danh vọng lớn lao đã bước lên và đứng ở trên lưng của tôi.

5181. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi chưa từng có sự sung sướng dường thế ấy, giống như khi được lòng bàn chân [Ngài] chạm đến.

5182. Sau khi vượt qua, đấng Toàn Giác Atthadassī có danh vọng lớn lao đã đứng ở bờ sông và đã nói lên những lời kệ này:

5183. "Ngay khi tâm vừa nghĩ rằng: 'Ta [sẽ] vượt qua dòng nước chảy của con sông', và con rùa chúa có trí tuệ này đã đưa Ta vượt qua.

5184. Do sự vượt qua này của đức Phật và do sự hành trì tâm từ ái, [đối tượng này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp.

5185. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [đối tượng này] ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, sẽ vượt qua dòng chảy nghi hoặc."

5186. Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng tốt đẹp, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu.

5187. Tương tợ y như thế, thửa ruộng đức Phật này đã được thuyết giảng bởi đấng Chánh Đẳng Giác, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả sẽ làm tôi hài lòng.

5188. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

5189. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc vượt qua.

5190. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[8] *Pulinuppādaka* nghĩa là "vị tạo nên (*uppādaka*) ngôi bảo tháp bằng cát (*pulina*)."

5191. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5192. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Taraṇiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇiya" là phần thứ tám.

489. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMARUCI (*Dhammarucittherāpadānaṃ*)

5193. Vào lúc đức Phật, đấng Chiến Thắng Dīpaṅkara đã chú nguyện cho [vị ẩn sĩ] Sumedha rằng: "Vô lượng kiếp về sau, vị này sẽ trở thành đức Phật.

5194. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

5195. Sau khi đã ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được, vị này sẽ được giác ngộ ở gốc cội cây Assattha, trở thành bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao.

5196. Upatissa và Kolita sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

5197. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Citta và luôn cả Āḷavaka sẽ là hai nam cư sĩ hàng đầu.

5198. Khujjuttarā và Nandamātā sẽ là hai nữ cư sĩ hàng đầu. Cội Bồ-đề của đấng Chiến Thắng này được gọi tên là 'Assattha'."[10]

5199. Sau khi nghe được lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại được hoan hỷ, chắp tay lên lễ bái.

5200. Khi ấy, tôi đã là người trai trẻ khéo được học tập tên Megha. Tôi đã nghe được lời chú nguyện thù thắng của bậc Đại Hiền Trí đến vị Sumedha.

5201. Có được niềm tin với vị Sumedha đầy lòng bi mẫn, trong khi vị anh hùng ấy đang hành hạnh xuất gia, tôi đã cùng xuất gia [với vị ấy].

5202. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, có sự nuôi mạng trong sạch, có niệm, là vị anh hùng, là người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5203. Trong khi đang an trú như thế, do một người bạn xấu xa nào đó, tôi bị xúi giục vào hành vi sai trái và đã đánh mất đạo lộ tốt đẹp.

5204. Là người bị tác động bởi sự suy tầm, tôi đã xa lìa lời giáo huấn. Sau đó, vì người bạn tồi ấy, tôi đã phạm vào việc giết chết người mẹ.

---

[9] *Taraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc vượt qua (*taraṇa*)."

[10] Xem lời chú nguyện đầy đủ ở tập Buddhavaṃsa (Phật sử), trang…

5205. Tôi đã thực hiện nghiệp vô gián, với tâm ý xấu xa, tôi đã giết chết [người mẹ]. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến đại địa ngục Avīci vô cùng khiếp đảm.

5206. Trong khi đang ở chốn đọa đày, bị khổ sở, tôi đã chịu đựng dài lâu. Tôi đã không nhìn thấy vị Anh Hùng Sumedha, bậc Cao Quý Của Loài Người nữa.

5207. Trong kiếp này, tôi đã là loài cá khổng lồ ở biển cả. Sau khi nhìn thấy con thuyền ở biển khơi, tôi đã đến gần mục tiêu của việc kiếm mồi.

5208. Sau khi nhìn thấy tôi, các người thương buôn kinh sợ đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Tôi đã nghe tiếng kêu lớn "Gotama" đã được thốt lên bởi những người ấy.

5209. Sau khi nhớ lại sự hiểu biết trước đây, từ nơi ấy, tôi đã mệnh chung. Tôi đã được sanh ra trong gia đình sung túc, dòng dõi Bà-la-môn ở thành Sāvatthi.

5210. Có tên là Dhammaruci, tôi đã là người ghê tởm tất cả các điều ác. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy bậc Quang Đăng Của Thế Gian.

5211. Tôi đã đi đến tu viện Jetavana to lớn và đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến [nương nhờ] đức Phật ba lần vào ban đêm và ban ngày.

5212. Khi ấy, bậc Hiền Trí đã nhìn thấy và đã nói với tôi rằng: "Này Dhammaruci, lâu thật." Do đó, tôi đã nói với đức Phật về sự việc quá khứ đã xảy ra:

5213. "Thật là lâu lắm, hôm nay con quả nhiên được nhìn thấy hình dáng xinh đẹp của Ngài, thân thể không gì sánh bằng, có một trăm phước tướng, là vật làm duyên đưa đến Niết-bàn trước đây.

5214. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bóng tối đã được Ngài tiêu diệt lâu lắm rồi. Dòng sông [ái dục] đã được làm cho khô cạn nhờ vào sự hộ trì tốt đẹp. Sự ô nhiễm đã được làm trong sạch lâu lắm rồi. Con mắt đã có được cấu tạo bằng trí tuệ.

5215. Bạch đức Gotama, con được gần gũi với Ngài trong thời gian dài, con đã không bị tiêu hoại lần nữa trong khoảng thời gian dài. Hôm nay, con được hội tụ với Ngài lần nữa bởi vì những việc đã làm không bị hoại diệt."

5216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammaruci đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammaruci" là phần thứ chín.

490. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAMAṆḌAPIYA
(*Sālamaṇḍapiyattherāpadānaṃ*)

5219. Vào lúc ấy, tôi đã đi sâu vào rừng cây sāla. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo, được phủ lên bởi những bông hoa sāla, tôi cư ngụ ở khu rừng.

5220. Và đức Thế Tôn Piyadassī, đấng Tự Chủ, là nhân vật cao cả. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác đã đi đến khu rừng cây sāla.

5221. Khi ấy, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã đi đến khu rừng. Trong khi tìm kiếm rễ và trái cây, tôi đi lang thang ở trong rừng bao la.

5222. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Piyadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ngồi vững chãi, thể nhập [định], đang chói sáng ở trong khu rừng lớn.

5223. Tôi đã dựng bốn cây gậy và đã tạo nên mái che, được làm khéo léo ở phía bên trên của đức Phật, rồi đã phủ lên bằng các bông hoa sāla.

5224. Tôi đã cầm giữ mái che được phủ lên bằng bông hoa sāla trong bảy ngày. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

5225. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định. Trong khi nhìn với khoảng cách của cán cày, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống.

5226. Vị Thinh văn của bậc Đạo Sư Piyadassī tên là Varuṇa cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo.

5227. Và đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã để lộ nụ cười.

5228. Anuruddha, vị thị giả của bậc Đạo Sư Piyadassī đã khoác y một bên vai rồi đã hỏi bậc Đại Hiền Trí rằng:

5229. "Bạch đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư để lộ nụ cười trong khi biết được lý do, vậy nguyên nhân của việc thể hiện nụ cười của bậc Đạo Sư là gì?"

5230. "Ta đã nhớ lại việc làm của người trai trẻ đã cầm giữ mái che bằng bông hoa cho Ta trong bảy ngày, nên Ta đã để lộ nụ cười.

5231. Ta không nhìn thấy khoảng không gian nào dung chứa được phước báu, và không khoảng không gian nào được như ý dầu ở thế giới chư thiên hay nhân loại.

5232. Đối với người có được nghiệp phước thiện đang sinh sống ở thế giới chư thiên, cho đến hội chúng của người ấy sẽ được phủ lên bởi bông hoa sāla.

5233. Tại đó, trong khi nghiệp phước thiện đã được hội tụ, người ấy sẽ luôn luôn vui sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của thiên đình.

5234. Cho đến hội chúng của người ấy sẽ có được hương thơm hạng nhất. Và sẽ có cơn mưa bông hoa sāla rơi xuống liền khi ấy.

5235. Mệnh chung từ nơi ấy, người nam này sẽ đi đến cõi nhân loại. Thậm chí ở nơi đây cũng có mái che bằng bông hoa Sāla, được duy trì trong mọi thời điểm.

5236. Ở nơi đây, điệu vũ và lời ca được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe, sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5237. Và khi mặt trời đang mọc lên, sẽ có cơn mưa bông hoa sāla rơi xuống. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, [bông hoa Sāla] đổ mưa vào mọi thời điểm.

5238. Vào một ngàn tám trăm kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5239. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5240. Sẽ có mái che bông hoa sāla cho người này khi đang chứng ngộ giáo pháp. Trong khi người này đang được thiêu đốt ở giàn hỏa thiêu, sẽ có mái che ở tại nơi ấy."

5241. Sau khi tán dương quả thành tựu, trong khi làm hài lòng hội chúng với cơn mưa giáo pháp, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã thuyết giảng giáo pháp.

5242. Tôi đã cai quản thiên quốc của chư thiên trong ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bảy lần.

5243. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, tôi nhận được sự an lạc lớn lao. Thậm chí ở nơi đây cũng sẽ có mái che bông hoa sāla trong mọi thời điểm.

5244. Sau khi đã làm hài lòng bậc Đại Hiền Trí Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakya, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

5245. Kể từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5246. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

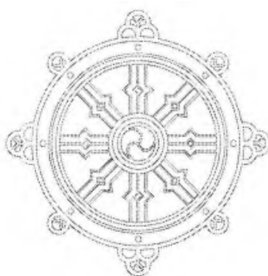
Đại đức Trưởng lão Sālamaṇḍapiya đã nói lên những lời kệ này như thế.

"Ký sự về Trưởng lão Sālamaṇḍapiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Tấm y may từ vải bị quăng bỏ, vị tưởng nhớ đến đức Phật, vị dâng cúng củ sen, vị tán dương trí tuệ, vị có trầm hương, vị cúng dường Xá-lợi, vị tái sanh do cát, vị vượt qua, vị Dhammaruci, vị có mái che bông hoa sāla là tương tợ. Có hai trăm câu kệ và thêm vào mười chín câu nữa.

Phẩm Saṃsukūla là phẩm thứ năm mươi mốt.



L. PHẨM TIKIṄKAṆIPUPPHIYA
(*TIKIṄKAṆIPUPPHIYAVAGGO*)

491. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIṄKAṆIPUPPHIYA
(*Tikiṅkaṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

5249. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị không còn ô nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thế Gian ngồi ở trong vùng đồi núi, chói sáng tợ như là cây kaṇikāra.

5250. Tôi đã lấy ra ba bông hoa kiṅkaṇi và đã dâng lên [Ngài]. Sau khi đã cúng dường đấng Toàn Giác, tôi đi [nhiễu quanh Ngài], mặt hướng phía phải.

5251. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5252. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5253. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5255. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikiṅkaṇipupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikiṅkaṇipupphiya" là phần thứ nhất.

492. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṂSUKŪLAPŪJAKA
(*Paṃsukūlapūjakattherāpadānaṃ*)

5256. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Udaṅgaṇa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ được treo ở ngọn cây.

5257. Khi ấy, sau khi hái xuống ba bông hoa kiṅkaṇi, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường [ba bông hoa] đến tấm y may từ vải bị quăng bỏ.

[1] *Tikiṅkaṇipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa (*puppha*) kiṅkaṇi."

5258. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5259. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh sau khi đã cúng dường đến biểu tượng của bậc A-la-hán [tấm y].

5260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5261. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5262. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṃsukūlapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṃsukūlapūjaka" là phần thứ nhì.

493. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORAṆḌAPUPPHIYA
(*Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ*)

5263. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng cùng với cha và ông. Tôi sinh sống nhờ vào việc giết thú rừng. Điều tốt lành của tôi là không có.

5264. Do lòng thương tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhãn đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi.

5265. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở [dấu] bàn chân.

5266. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa mọc ở trên đất đã được trổ hoa, tôi đã hái một nhúm [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng.

5267. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5268. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi có làn da [màu bông hoa] koraṇḍa, tôi có được vẻ ngời sáng.

5269. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường [dấu] bàn chân [đức Phật].

5270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[2] *Paṃsukūlapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) tấm y may từ vải bị quăng bỏ (*paṃsukūla*)."

5271. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5272. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koraṇḍapupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koraṇḍapupphiya" là phần thứ ba.

494. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṂSUKAPUPPHIYA (*Kiṃsukapupphiyattherāpadānaṃ*)

5273. Sau khi nhìn thấy cây kiṃsuka được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã cúng dường ở không trung.

5274. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5275. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5277. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5278. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṃsukapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṃsukapupphiya" là phần thứ tư.

495. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPAḌḌHADUSSADĀYAKA (*Upaḍḍhadussadāyakattherāpadānaṃ*)

5279. Lúc bấy giờ, vị Thinh văn tên Sujāta của đức Thế Tôn Padumuttara, trong lúc tìm kiếm vải bị quăng bỏ, đã đi quanh quẩn ở đống rác.

5280. Là người làm thuê cho những người khác ở trong thành phố Haṃsavatī, tôi đã dâng cúng một nửa số vải và đã đê đầu đảnh lễ [vị ấy].

5281. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5282. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi ba lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần.

---

[3] *Koraṇḍapupphiya* nghĩa là "vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) koraṇḍa."

[4] *Kiṃsukapupphiya* nghĩa là "vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) kiṃsuka."

5283. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do việc dâng cúng một nửa số vải, tôi được vui vẻ, sự sợ hãi không có.

5284. Và hôm nay, trong khi mong muốn tôi có thể che phủ [hết thảy] núi non và rừng rậm bằng các tấm vải sợi lanh; điều này là quả báo của một nửa số vải.

5285. Kể từ khi tôi đã dâng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một nửa số vải.

5286. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5287. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5288. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upaḍḍhadussadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upaḍḍhadussadāyaka" là phần thứ năm.

496. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMAṆḌADĀYAKA
(*Ghatamaṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

5289. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rừng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất.

5290. Do bản thân đã được thực hành, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhāgīrathī này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi.

5291. Và quả đất kinh khủng, không thể đo lường, không thể ước lượng này, hiểu biết được ước muốn của tôi, trở thành tinh thể mật ngọt [cho tôi].

5292. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc, mọc ở trên đất, hiểu biết được ước muốn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi].

5293. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5294. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi sáu kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần bơ lỏng nguyên chất.

5295. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---
[5] *Upaḍḍhadussadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một nửa (*upaḍḍha*) số vải."

5296. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka" là phần thứ sáu.

497. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA (*Udakadāyakattherāpadānaṃ*)

5298. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bình nước uống đến hội chúng Tỳ-khưu vô thượng của đức Phật Padumuttara.

5299. Dầu ở trên đỉnh núi hoặc ở ngọn cây, ở trên không trung hoặc ở trên đất liền, khi nào tôi muốn nước uống, [nước uống] hiện ra cho tôi ngay tức khắc.

5300. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước.

5301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5302. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakadāyaka" là phần thứ bảy.

498. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINATHŪPIYA (*Pulinathūpiyattherāpadānaṃ*)

5304. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Yamaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

5305. [Tôi] là vị đạo sĩ tóc bện tên Nārada có sự khổ hạnh cao tột. Mười bốn ngàn người đệ tử sống quanh tôi.

5306. Lúc bấy giờ, trong khi đang thiền tịnh tôi đã suy nghĩ như vầy: "Tất cả mọi người tôn vinh ta. Ta không tôn vinh bất cứ ai.

5307. Ta không có vị giáo giới, không biết đến bất cứ vị diễn giả nào. Ta đi đến cư ngụ ở trong rừng, không có thầy giáo thọ và thầy tế độ.

---

[6] *Ghatamaṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*ghata*) nguyên chất (*maṇḍa*)."

[7] *Udakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*)."

5308. Đối với ta, không có thầy giáo thọ để ta phục vụ với tâm cung kính, trong lúc kề cận thì sự cư ngụ ở rừng là không có ý nghĩa.

5309. Như thế, ta sẽ tự tìm kiếm vị thầy đáng kính, đáng thọ nhận sự cúng dường của ta. Ta sẽ sống có sự hỗ trợ, không người nào sẽ trách móc."

5310. Không xa khu ẩn cư của tôi, có con sông nhỏ với bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn khéo được thiết lập, được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý.

5311. Khi ấy, tôi đã đi đến con sông tên là Amarikā. Tôi đã gom cát lại và đã thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát.

5312. "Những vị nào đã là các bậc Toàn Giác, là những vị Hiền Trí có sự đoạn tận việc tái sanh, ngôi bảo tháp như thế này là dành cho các vị ấy"; tôi đã làm điều ấy trở thành ấn chứng.

5313. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp cát, tôi đã biến hóa thành vàng. Tôi đã cúng dường ba ngàn bông hoa kiṅka bằng vàng.

5314. Tràn đầy niềm phấn khởi, tôi chắp tay lên lễ bái sáng chiều. Tôi đã đảnh lễ ngôi bảo tháp cát như là đảnh lễ bậc Toàn Giác ở trước mặt.

5315. Mỗi khi các điều ô nhiễm là các suy tầm về đời sống tại gia sanh khởi, tôi tưởng nhớ đến đấng Thiện Thệ, đến ngôi bảo tháp, lập tức tôi quán xét lại rằng:

5316. "Thưa ông, trong khi sống nương tựa vào đấng Hướng Đạo, bậc Xa Phu, sao ông có thể sống chung với các điều ô nhiễm, thật không thích hợp cho ông!"

5317. Lúc bấy giờ, mỗi khi suy tưởng đến ngôi bảo tháp, sự cung kính đã có đến tôi. Tôi đã xua đuổi các suy tầm xấu xa như là con voi bị khổ sở vì cây lao nhọn.

5318. Trong khi đang an trú như thế, vị vua Thần chết đã chế ngự tôi. Mệnh chung ở tại nơi ấy, tôi đã đi đến thế giới Phạm thiên.

5319. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã sanh ra ở cõi Tam Thập (Đạo-lợi). Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần.

5320. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5321. Tôi thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiṅkaṇi ấy. Trong đời sống, có một trăm ngàn người bảo mẫu ở quanh tôi.

5322. Do bản chất của sự việc đã được thực hành ở ngôi bảo tháp, bụi bặm và cáu đất không làm nhơ nhuốc, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể, tôi có được vẻ ngời sáng.

5323. Ôi, ngôi bảo tháp đã khéo được xây dựng bởi tôi, con sông Amarikā đã khéo được nhìn thấy bởi tôi! Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đạt được vị thế bất động.

5324. Với người có ước muốn làm việc lành có sự nắm được điều cốt yếu, dầu có thửa ruộng hoặc không có thửa ruộng, việc thực hành đều có kết quả tốt đẹp.

5325. Cũng giống như người nam có sức mạnh nỗ lực để vượt qua biển cả, sau khi cầm lấy khúc gỗ nhỏ nhoi, có thể lao mình vào đại dương [nghĩ rằng]:

5326. "Nương tựa vào khúc gỗ này, ta sẽ vượt qua biển lớn." Với sự nỗ lực và tinh tấn, người nam [ấy] có thể vượt qua biển cả.

5327. Tương tợ y như thế, việc làm đã được thực hiện bởi tôi dầu nhỏ nhoi và bé bỏng, sau khi nương tựa vào việc làm ấy, tôi đã tự mình vượt khỏi luân hồi.

5328. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi.

5329. Có niềm tin, mẹ và cha của tôi đã đi đến nương nhờ vào đức Phật. Có sự đạt được [Pháp] nhãn, cả hai người này hành xử thuận theo giáo pháp.

5330. Sau khi nhặt lấy vỏ khô của cội cây Bồ-đề, họ đã cho xây dựng ngôi bảo tháp bằng vàng. Sáng chiều họ trực tiếp lễ bái người con trai của dòng họ Sakya.

5331. Vào ngày lễ Uposatha, họ đã dời đi ngôi bảo tháp bằng vàng. Trong khi tán dương công hạnh của đức Phật, họ đã trải qua ba canh [của đêm].

5332. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp [vàng], tôi đã nhớ lại ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

Dứt tụng phẩm thứ hai mươi hai.

5333. Trong khi tìm kiếm đấng Chiến Thắng ấy, tôi đã nhìn thấy vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

5334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên.

5336.[8] Trong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn thành được công việc. Giờ đây, việc cần phải làm trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakya đã được tôi thực hiện.

5337. [Tôi trở thành] vị ẩn sĩ đã vượt qua mọi sự hận thù và hãi sợ, đã vượt lên mọi điều trói buộc. "Bạch đấng Đại Hùng, con là Thinh văn của Ngài; điều này là quả báo của bông hoa bằng vàng."

5338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

[8] Nguyên bản Pāḷi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 5335. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

5339. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5340. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinathūpiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinathūpiya" là phần thứ tám.

499. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAKUṬIDĀYAKA
(*Naḷakuṭidāyakattherāpadānaṃ*)

5341. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Hārita. Vào lúc bấy giờ, có bậc Tự Chủ tên Nārada đã cư ngụ ở tại gốc cây.

5342. Tôi đã làm gian nhà bằng cây sậy và đã lợp mái bằng cỏ. Tôi đã làm sạch sẽ đường kinh hành và đã dâng cúng đến bậc Tự Chủ.

5343. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5344. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần, đã được hóa hiện ra từ căn chòi bằng cây sậy.

5345. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười bốn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc bảy mươi mốt lần.

5346. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5347. Sau khi bước lên tòa lâu đài giáo pháp tương đương với mọi biểu hiện cao quý, tôi an trú trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakya theo như ý thích.

5348. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của căn chòi bằng cây sậy.

5349. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5350. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5351. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷakuṭidāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷakuṭidāyaka" là phần thứ chín.

---

[9] *Pulinathūpiya* nghĩa là "vị liên quan đến ngôi bảo tháp (*thūpa*) bằng cát (*pulina*)."

[10] *Naḷakuṭidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) căn chòi (*kuṭi*) bằng cây sậy (*naḷa*)."

500. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA
(*Piyālaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5352. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Khi ấy, trong khi đi lang thang ở khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

5353. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây piyāla và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng, là phước điền, là đấng Anh Hùng.

5354. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5355. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5356. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5357. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piyālaphaladāyaka" là phần thứ mười.

Phẩm Tikiṅkaṇipupphiya là phẩm thứ năm mươi.

Phần tóm lược

Vị có bông hoa kiṅkaṇi, y may từ vải bị quăng bỏ, bông hoa koraṇḍa, rồi bông hoa kiṃsuka, vị có một nửa số vải, vị dâng cúng bơ lỏng, vị [dâng cúng] nước, vị thực hiện ngôi bảo tháp, vị có gian nhà bằng cây sậy là thứ chín và vị dâng cúng trái cây piyāla. Có một trăm câu kệ ngôn và chín câu thêm vào đó.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm:

Phẩm Metteyya, phẩm Bhaddāli, luôn cả phẩm Sakiṃsammajjaka, phẩm Ekavihārī, phẩm Vibhīṭakī, phẩm Jagatī, phẩm Sālapupphiya, phẩm Naḷāgāra, phẩm Paṃsukūla và phẩm Tikiṅkaṇipupphiya là tương tợ. Có một ngàn bốn trăm tám mươi hai câu kệ.

Nhóm "Mười" từ phẩm Metteyya.

Nhóm "Một trăm" thứ năm được đầy đủ.

---

[11] *Piyālaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) piyāla."

LI. PHẨM KAṆIKĀRA
(*KAṆIKĀRAVAGGO*)

501. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKAṆIKĀRAPUPPHIYA
(*Tikaṇikārapupphiyattherāpadānaṃ*)

5358. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cư, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

5359. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống.

5360. Khi ấy, tôi đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chĩa ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung.

5361. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giống như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tợ như mặt trăng ngày rằm, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

5362. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

5363. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kaṇikāra có hương thơm của cõi trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

5364. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật.

5365. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5366. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là "Kaṇikārī", có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

5367. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi.

5368. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn.

5369. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rái cá và được gắn liền với chiếc gối.

5370. Khi nào tôi ước muốn việc ra đi, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên.

5371. Tôi đứng, ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuần có mái che được phủ bằng các bông hoa kaṇika.

5372. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi đêm ngày không biếng nhác.

5373. Ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muốn khác.

5374. Lúc bấy giờ, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gần gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo.

5375. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5376. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5377. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5378. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5379. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5380. Về đám tôi trai, bầy tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5381. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5382. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5383. "Ngài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường này", tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5384. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ, tôi là hạng nhất trong số các quyến thuộc; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5385. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bực bội không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến.

5386. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi không biết đến việc tàn tạ sắc thân; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5387. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi.

5388. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5389. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên, tôi là vị trẻ tuổi xứng đáng được cúng dường; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5390. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5391. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vị rành rẽ về các nền tảng của thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về các pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5392. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5393. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5394. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikaṇikārapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikaṇikārapupphiya" là phần thứ nhất.

---

[1] *Tikaṇikārapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa kaṇikāra."

502. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPATTADĀYAKA
(*Ekapattadāyakattherāpadānaṃ*)

5396. Tôi đã là người thợ làm đồ gốm ở thành phố Haṃsavatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc.

5397. Tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng bình bát bằng đất sét đã được làm khéo léo. Tôi đã dâng cúng bình bát đến đức Thế Tôn là vị có bản thể chính trực như thế ấy.

5398. Trong khi tôi được sanh ra ở cuộc đời, tôi đạt được các chiếc đĩa vàng và các chiếc chiếu nhỏ bằng bạc, bằng vàng và bằng ngọc ma-ni.

5399. Tôi thọ dụng những cái đĩa, điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. Và tôi có bản chất của bình bát [chứa đựng] các loại danh vọng và các loại tài sản.

5400. Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu.

5401. Tương tợ y như thế, việc dâng cúng bình bát này được gieo xuống thửa ruộng đức Phật, khi trận mưa rào phỉ lạc đổ mưa, kết quả sẽ làm tôi hài lòng.

5402. So sánh với các thửa ruộng được biết đến, ngay cả các hội chúng [Tỳ-khưu] và luôn cả các tập thể, không có gì sánh bằng thửa ruộng đức Phật là nguồn cung cấp an lạc cho chúng sanh.

5403. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi dâng cúng một cái bình bát, con đạt được vị thế bất động."

5404. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bình bát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát.

5405. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5406. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5407. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapattadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapattadāyaka" là phần thứ nhì.

503. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA
(*Kāsumāriphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5408. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của

[2] *Ekapattadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) bình bát (*patta*)."

Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ngồi ở trong vùng đồi núi, chói sáng như là cây kaṇikāra.

5409. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi cầm lấy trái cây kāsumārika, tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

5410. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5411. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5412. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5413. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka" là phần thứ ba.

504. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVAṬAPHALIYA
(*Avaṭaphaliyattherāpadānaṃ*)

5414. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại đã xuất ra khỏi sự độc cư và đã ra đi về việc khất thực.

5415. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây avaṭa.

5416. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5417. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5418. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avaṭaphaliya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avaṭaphaliya" là phần thứ tư.

---

[3] *Kāsumāriphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) kāsumāri."

[4] *Avaṭaphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phaliya*) avaṭa."

505. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀRAPHALIYA
(*Vāraphaliyattherāpadānaṃ*)

5420. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây vāra.

5421. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vāraphaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vāraphaliya" là phần thứ năm.

506. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MĀTULUṄGAPHALADĀYAKA
(*Mātuluṅgaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5425. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kaṇikāra được đốt cháy, tợ như mặt trăng ngày rằm, tợ như cây đèn đang cháy sáng.

5426. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây chanh và đã tự tay mình dâng cúng đến bậc Đạo Sư, đấng Trí Tuệ xứng đáng cúng dường.

5427. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5428. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5429. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5430. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mātuluṅgaphaladāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mātuluṅgaphaladāyaka" là phần thứ sáu.

---

[5] *Vāraphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phaliya*) vāra."

[6] *Mātuluṅgaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) chanh (*mātuluṅga*)."

507. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJELIPHALADĀYAKA
(*Ajeliphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5431. Vào lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác, đấng Hiền Trí tên Ajjuna, vị hội đủ về hạnh kiểm và thiện xảo về định đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp.

5432. Sau khi cầm lấy ước chừng một chậu trái cây ajeli, trái cây jīvajīvaka và trái cây chattapaṇṇa, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

5433. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5434. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5435. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajeliphaladāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajeliphaladāyaka" là phần thứ bảy.

508. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMODAPHALIYA
(*Amodaphaliyattherāpadānaṃ*)

5437. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Sắc Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây amoda.

5438. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5439. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5440. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Amodaphaliya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Amodaphaliya" là phần thứ tám.

---

[7] *Ajeliphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) ajeli."

[8] *Amodaphaliya* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) amoda."

509. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAPHALADĀYAKA
(*Tālaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5442. Đức Thế Tôn tên Sataraṃsī, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại đã xuất ra khỏi sự độc cư và đã ra đi về việc khất thực.

5443. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây thốt nốt.

5444. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tālaphaladāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tālaphaladāyaka" là phần thứ chín.

510. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀḶIKERADĀYAKA
(*Nāḷikeradāyakattherāpadānaṃ*)

5448. Vào lúc bấy giờ, là người phụ việc tu viện ở thành phố Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

5449. Tôi đã cầm lấy trái dừa và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đứng ở trên hư không.

5450. Trái cây đã được tôi dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch, đối với tôi là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, đưa đến sự an lạc trong thời hiện tại.

5451. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc lớn lao và sự an lạc cùng tột. Khi tôi được sanh ra ở nơi này nơi nọ, châu báu còn hiện lên cho tôi.

5452. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5453. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5454. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[9] *Tālaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) thốt nốt (*tāla*)."

5455. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5456. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

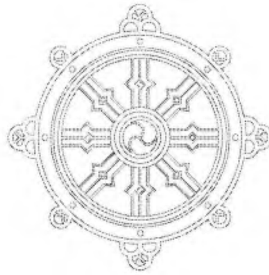
Đại đức Trưởng lão Nāḷikeradāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāḷikeradāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kaṇikāra, một bình bát, vị có trái cây kāsumāri, trái cây avaṭa là tương tợ, và trái cây vāra, trái chanh, trái cây ajeli, luôn cả trái cây amoda, trái cây thốt nốt, và trái dừa là tương tợ. Các câu kệ đã được tính đếm ở đây là một trăm câu kệ, không có hơn kém.

Phẩm Kaṇikāra là phẩm thứ năm mươi mốt.



[10] *Nāḷikeradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) dừa (*nāḷikera*)."

LII. PHẨM PHALADĀYAKA
(*PHALADĀYAKAVAGGO*)

511. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KURAÑJIYAPHALADĀYAKA
(*Kurañjiyaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5457. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong lúc đi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

5458. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây kurañjiya và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng là phước điền, là đấng Anh Hùng.

5459. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5460. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5461. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5462. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kurañjiyaphaladāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kurañjiyaphaladāyaka" là phần thứ nhất.

512. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAPITTHAPHALADĀYAKA
(*Kapitthaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5463. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái táo rừng.

5464. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5465. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[1] *Kurañjiyaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) kurañjiya."

5466. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5467. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kapitthaphaladāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kapitthaphaladāyaka" là phần thứ nhì.

513. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOSUMBHAPHALADĀYAKA (*Kosumbhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5468. Trong lúc vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kakudha đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây kosumbha.

5469. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5470. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5471. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5472. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kosumbhaphaladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kosumbhaphaladāyaka" là phần thứ ba.

514. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KETAKAPUPPHIYA (*Ketakapupphiyattherāpadānaṃ*)

5473. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ của con sông Vinatā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh.

5474. Khi ấy, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng với bông hoa của cây ketaka có mùi thơm ngọt ngào.

5475. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5476. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[2] *Kapitthaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) táo rừng."

[3] *Kosumbhaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái (*phala*) kosumbha."

5477. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5478. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ketakapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ketakapupphiya" là phần thứ tư.

515. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA
(*Nāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

5479. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng bông hoa nāga.

5480. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5481. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5482. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgapupphiya" là phần thứ năm.

516. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJJUNAPUPPHIYA
(*Ajjunapupphiyattherāpadānaṃ*)

5484. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bên bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

5485. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, có tay chắp lên, tôi đã cầm lấy bông hoa ajjuna và đã cúng dường đến đấng Tự Chủ.

5486. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân Kim Sí điểu, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5487. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương cai quản vương quốc rộng lớn mười lần.

5488. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ôi, hạt giống của tôi đã được gieo xuống thửa ruộng tốt là đấng Tự Chủ!

---

[4] *Ketakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ketaka."

[5] *Nāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) nāga."

5489. Tôi tìm thấy điều tốt lành, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Giờ đây, tôi là vị xứng đáng sự cúng dường trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya.

5490. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5491. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5492. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajjunapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajjunapupphiya" là phần thứ sáu.

517. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬAJAPUPPHIYA
(*Kuṭajapupphiyattherāpadānaṃ*)

5493. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Cāvala. Đức Phật tên Sudassana cư ngụ ở trong vùng đồi núi.

5494. Tôi đã cầm lấy bông hoa ở các ngọn núi Hy-mã-lạp rồi đã đi trên không trung. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc.

5495. Sau khi cầm lấy bông hoa kuṭaja, tôi đã chắp tay lên ở đầu, và tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Hiền Trí.

5496. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5497. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5498. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5499. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭajapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭajapupphiya" là phần thứ bảy.

---

[6] *Ajjunapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ajjuna."

[7] *Kuṭajapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kuṭaja."

518. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHOSASAÑÑAKA
(*Ghosasaññakattherāpadānaṃ*)

5500-01. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, đứng đầu hội chúng chư thiên đang công bố về bốn sự thật, đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào của đức Sikhī là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

5502. Tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm vang [của đức Phật], ở nhân vật không người sánh bằng. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã vượt qua cảnh giới khó có thể vượt qua.

5503. Kể từ khi tôi đã đạt được sự nhận biết trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nhận biết âm vang.

5504. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5505. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5504. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghosasaññaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ghosasaññaka" là phần thứ tám.

519. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAPHALADĀYAKA
(*Sabbaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5505. Lúc bấy giờ, tôi là vị Bà-la-môn tên Varuṇa thông suốt về chú thuật. Tôi đã lìa bỏ mười người con trai và đã đi sâu vào khu rừng.

5506. Tôi đã tạo lập khu ẩn cư khéo được xây dựng, khéo được phân chia, làm thích ý. Sau khi làm nên gian nhà rộng bằng lá, tôi sống ở trong khu rừng.

5507. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

5508. Ánh sáng đã trở thành bao la đến tận lùm cây rậm của khu rừng. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, khu rừng được phát sáng.

5509. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ấy của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy túi đựng bình bát và đã chứa đầy với trái cây.

5510. Tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác và đã dâng cúng túi trái cây. Vì lòng thương tưởng đến tôi, đức Phật đã nói lời nói này:

5511. "Ngươi hãy cầm lấy túi nặng [trái cây] và đi đến ở phía sau Ta. Và khi hội chúng đã thọ dụng, phước báu sẽ thành tựu cho ngươi."

[8] *Ghosasaññaka* nghĩa là "vị nhận biết (*saññaka*) âm vang (*ghosa*)."

5512. Tôi đã cầm lấy cái túi ấy và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu. Ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

5513. Được liên kết với nghiệp phước thiện, ở tại nơi ấy, tôi luôn luôn thọ hưởng sự sung sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của cõi trời.

5514. Nơi chốn nào tôi sanh lên, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5515. Sau khi dâng cúng trái cây đến đức Phật, tôi đã được thiết lập làm vị chúa tể cho đến tận bốn châu lục, luôn cả các đại dương và các ngọn núi nữa.

5516. Và đối với tôi, ngay cả các bầy chim bay lên ở không trung, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5517. Và cho đến các loài chúng sanh như các dạ-xoa, các loài quỷ sứ, các vị thiên nhân kumbhaṇḍa, và các loài nhân điểu ở lùm cây rậm của khu rừng cũng đi đến phục vụ cho tôi.

5518. Loài rùa, loài chó, loài ong và cả hai loài mòng muỗi, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5519. Các loài chim gọi là thần điểu, thuộc loài có cánh, có sức mạnh lớn lao, chúng cũng đi đến nương nhờ ở tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5520. Ngay cả các loài rồng có tuổi thọ dài lâu, có thần lực, có danh vọng lớn lao, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5521. Loài sư tử, loài cọp, loài báo, cùng các loài gấu, chó sói và linh cẩu, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5522. Các vị sống bằng cỏ thần dược và các vị sống ở trên không trung, tất cả đi đến nương nhờ ở tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5523. Sau khi chạm đến đối tượng [Niết-bàn] khó được nhìn thấy, vô cùng hoàn hảo, thâm sâu, khéo được chói sáng, tôi an trú; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5524. Sau khi chạm đến tám giải thoát, tôi sống không còn lậu hoặc. Và tôi là người có sự nhiệt tâm, cẩn trọng; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5525. Những vị nào là con trai của đức Phật đã trú vào Thánh quả, có sân hận đã được cạn kiệt, có danh vọng lớn lao, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5526. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi đi đến sự toàn hảo về

các thắng trí, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

5527. Những vị nào là con trai của đức Phật có được tam minh, đã đạt đến thần thông, có danh vọng lớn lao, đã chứng đạt thiên nhĩ, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy.

5528. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5529. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5530. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5531. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbaphaladāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbaphaladāyaka" là phần thứ chín.

520. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMADHĀRAKA
(*Padumadhārakattherāpadānaṃ*)

5532. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có đức Phật tên là Sambhava, đã sống ở ngoài trời.

5533. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã nắm giữ đóa hoa sen. Sau khi nắm giữ [đóa hoa sen] trong một ngày, tôi đã quay trở về nơi cư ngụ.

5534. [Kể từ khi] tôi đã tôn vinh đức Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tôn vinh đức Phật.

5535. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5536. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5537. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumadhāraka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumadhāraka" là phần thứ mười.

---

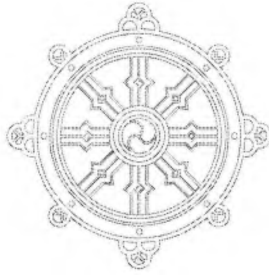
[9] *Sabbaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tất cả (*sabba*) trái cây (*phala*)."

[10] *Padumadhāraka* nghĩa là "vị nắm giữ (*dhāraka*) đóa hoa sen (*paduma*)."

Phần tóm lược

Trái cây kurañjiya, trái táo rừng, trái cây kosumbha, và bông hoa của cây ketaka, bông hoa nāga, bông hoa ajjuna, luôn cả vị có bông hoa kuṭaja, vị nhận biết âm vang, và vị trưởng lão là người dâng cúng tất cả trái cây, vị nắm giữ đóa hoa sen là tương tợ. Và ở đây, có tám mươi câu kệ và có ba câu kệ được thêm vào đó.

Phẩm Phaladāyaka là phẩm thứ năm mươi hai.



LIII. PHẨM TIṆADĀYAKA
(*TIṆADĀYAKAVAGGO*)

521. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAMUṬṬHIDĀYAKA
(*Tiṇamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

5538. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. Ở tại nơi ấy, đấng Toàn Giác Upatissa đã đi kinh hành ở ngoài trời.

5539. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên ấy, tôi đã dâng cúng nắm cỏ.

5540. Sau khi dâng cúng vật để lót ngồi đến đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra đi, mặt hướng về phía Bắc.

5541. Khi đã ra đi không bao lâu, vua của loài thú đã sát hại tôi. Trong khi ngã xuống vì con sư tử, tôi đã lìa đời ở tại nơi ấy.

5542. [Do] nghiệp đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc vừa mới đây, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên tợ như tốc độ của mũi tên đã khéo được bắn ra.

5543. Ở tại nơi ấy, có tòa lâu đài xinh đẹp đã được hiện ra do nghiệp phước thiện. [Tòa lâu đài] có một ngàn cột trụ chống màu lục, có một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ.

5544. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như mặt trời đã mọc lên. Được quây quần với các nàng tiên nữ, tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muốn khác.

5545. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể nhân loại và đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

5546. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật lót ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm cỏ.

5547. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5548. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5549. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka" là phần thứ nhất.

522. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA
(*Mañcadāyakattherāpadānaṃ*)

5550. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một cái giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

5551. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường ấy, tôi đã đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

5552. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cái giường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái giường.

5553. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5554. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5555. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka" là phần thứ nhì.

523. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

5556. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu và tôi là đạo sĩ lõa thể đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị vỡ tan, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ [quy y].[3]

5557. [Kể từ khi] vị ấy đã ban cho tôi sự nương nhờ trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [đây] là quả báo trong việc đi đến nương nhờ.

5558. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[1] *Tiṇamuṭṭhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nắm (*muṭṭhi*) cỏ (*tiṇa*)."

[2] *Mañcadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái giường (*mañca*)."

[3] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya, số 359, trang 279.

5559. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5560. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamaniya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya" là phần thứ ba.

524. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA (*Abbhañjanadāyakattherāpadānaṃ*)

5561. Vào lúc bấy giờ, tôi cư ngụ ở vườn hoa của đức vua ở trong thành phố Bandhumatī. Tôi đã là vị mặc y phục da thú có mang túi đựng nước.

5562. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ ấy, bậc Không Bị Đánh Bại, có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, có thiền chứng, thỏa thích về thiền, có năng lực.

5563. Ngài được thành tựu về mọi dục lạc, đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc. Sau khi nhìn thấy, được tịnh tín, tôi đã dâng cúng dầu thoa với ý vui mừng.

5564. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của dầu thoa.

5565. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5566. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5567. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abbhañjanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka" là phần thứ tư.

525. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPAṬADĀYAKA (*Supaṭadāyakattherāpadānaṃ*)

5568. Lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī đang đi ra sau việc nghỉ ngơi giữa ngày, tôi đã dâng cúng tấm vải đẹp và nhẹ. Tôi đã vui thích ở cõi trời một kiếp.

5569. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải đẹp.

---

[4] *Saraṇagamaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*)."

[5] *Abbhañjanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) dầu thoa (*abbhañjana*)."

5570. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5571. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supaṭadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Supaṭadāyaka" là phần thứ năm.

526. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DAṆḌADĀYAKA
(*Daṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

5573. Vào lúc bấy giờ, tôi đã đi vào khu rừng rậm và đã đốn cây tre. Sau khi thực hiện cây gậy chống, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

5574. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các vị có sự hành trì tốt đẹp. Sau khi dâng cúng cây gậy chống, tôi đã ra đi mặt hướng về phía Bắc.

5575. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy.

5576. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5577. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5578. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Daṇḍadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Daṇḍadāyaka" là phần thứ sáu.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi ba).

527. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRINELAPŪJAKA
(*Girinelapūjakattherāpadānaṃ*)

5579. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong khi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

5580. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa nela ở đấng Đại Bi ấy, là bậc vui thích về các sự lợi ích cho tất cả chúng sanh.

---

[6] *Supaṭadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải đẹp (*supaṭa*)."

[7] *Daṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cây gậy (*daṇḍa*)."

5581. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5582. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5583. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5584. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Girinelapūjaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Girinelapūjaka" là phần thứ bảy.

528. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISAMMAJJAKA
(*Bodhisammajjakattherāpadānaṃ*)

5585. Trong thời quá khứ, tôi đã hốt lá cây Bồ-đề bị rơi rụng ở sân của ngôi bảo tháp và đã đem đi đổ. Tôi đã thọ lãnh hai mươi phần công đức:

5586. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, do nhờ oai lực của nghiệp ấy, tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và luôn cả ở loài người nữa.

5587. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến cõi nhân loại. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn nữa.

5588. Tôi có sắc đẹp, sạch sẽ, được đầy đủ các bộ phận cơ thể chính và phụ, thân hình được phát triển, có cơ thể toàn vẹn, không khiếm khuyết.

5589. Dầu được sanh ra ở thế giới chư thiên hay nhân loại, hoặc ở bất cứ nơi đâu, tôi đều có màu da vàng chói tương tợ như vàng kim loại được đốt nóng.

5590. Khi lá cây Bồ-đề được đổ bỏ tốt đẹp, tôi luôn luôn có được làn da mềm mại, mịn màng, láng lẩy, tinh tế và thanh nhã.

5591. Khi thân thể đã được sanh lên ở bất cứ nơi nào trong số các cõi, bụi bặm và cáu đất không làm dơ bẩn [thân thể], là quả thành tựu do việc đổ bỏ lá.

5592. Hơn nữa, lúc nóng bức, có gió nóng, hoặc do sức nóng của ngọn lửa, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể của tôi, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5593. Bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, tàn nhang, và tương tợ là mụn trứng cá và bệnh ngứa không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5594. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tật bệnh không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5595. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, sự bị ức chế không sanh lên ở tâm, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

---

[8] *Girinelapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa nela ở núi (*giri*)."

5596. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có các kẻ thù, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5597. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, có sự không thiếu hụt về của cải, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5598. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có sự sợ hãi đối với lửa, đối với các vị vua, đối với các kẻ cướp và khi ở trong nước.

5599. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tôi trai tớ gái là những người hầu cận, xử sự thuận theo tâm ý [tôi].

5600. Khi sanh lên ở cõi nhân loại, tuổi thọ không bị giảm thiểu so với khoảng thời gian của đời người, tôi tồn tại đến hết tuổi thọ.

5601. Những người ở bên trong, những người ở bên ngoài, các thị dân và những cư dân của xứ sở, những người ước ao sự tiến hóa, những người mong mỏi sự an lạc, tất cả đều gắn bó [với tôi].

5602. Tôi có của cải, có danh vọng, có sự vinh quang, có phe nhóm quyến thuộc. Tôi có sự hãi sợ và run rẩy được xa lìa, tôi có được tất cả.

5603. Chư thiên, loài người, các hạng a-tu-la, các càn-thát-bà, các dạ-xoa và quỷ sứ, tất cả các hạng ấy luôn luôn hộ trì tôi trong khi tôi luân hồi ở các cõi.

5604. Sau khi thọ hưởng các danh vọng cả hai nơi, ở thế giới chư thiên và nhân loại, cuối cùng tôi được đạt đến Niết-bàn vinh quang vô thượng.

5605. Người nam nào tích lũy phước báu có liên quan đến bậc Toàn Giác hoặc cội Bồ-đề của bậc Đạo Sư ấy, đối với người ấy, có điều gì gọi là khó đạt được.

5606. Sau khi vượt trội những người khác về đạo, về quả, về sự truyền thừa, về các đức hạnh của thiền và các thắng trí, tôi Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5607. Trước đây, sau khi đổ bỏ lá của cội cây Bồ-đề với tâm ý vui mừng, tôi luôn luôn được sở hữu với hai mươi yếu tố này.

5608. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5609. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5610. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhisammajjaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhisammajjaka" là phần thứ tám.

---

[9] *Bodhisammajjaka* nghĩa là "vị quét dọn (*sammajjaka*) ở cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

529. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀMAṆḌAPHALADĀYAKA (*Āmaṇḍaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5611. Sau khi xuất khỏi định, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, vị Lãnh Đạo Thế Gian đã đi kinh hành.

5612. Khi ấy, tôi đã cầm lấy túi nặng trái cây và trong lúc mang đi, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Đại Hiền Trí đang đi kinh hành.

5613. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã dâng cúng trái cây āmaṇḍa.

5614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] trái cây āmaṇḍa.

5615. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5616. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5617. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āmaṇḍaphaladāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āmaṇḍaphaladāyaka" là phần thứ chín.

530. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUGANDHA (*Sugandhattherāpadānaṃ*)

5618. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

5619. Ngài có đầy đủ các tướng phụ, ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quầng ánh sáng, được hội tụ lại với mạng lưới hào quang.

5620. Là người làm cho thoải mái giống như mặt trăng, là nguồn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] giống như cơn mưa, là biểu hiện của đức hạnh tợ như biển cả.

5621. Với giới tợ như trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp, với tuệ ví như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió.

5622. Có lần nọ, bậc Đại Anh Hùng ấy, vị có sự tự tin ở nơi các hội chúng, trong khi đang tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài đã công bố về các sự thật.

5623. Chính vào lúc ấy, tôi đã là con trai nhà triệu phú ở tại thành Bārāṇasī có danh vọng lớn lao. Khi ấy, tôi có được dồi dào về tài sản và lúa gạo.

---

[10] *Āmaṇḍaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) āmaṇḍa."

5624. Trong khi lang thang đi bách bộ, tôi đã đến gần Vườn Nai (Lộc Uyển) và tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang thuyết giảng về vị thế bất tử.

5625. Với giọng nói thân mật, vui vẻ, có âm điệu sánh bằng chim Karavīka, có âm vang như tiếng kêu của loài thiên nga, Ngài đang làm cho đám đông dân chúng hiểu rõ.

5626. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên và đã lắng nghe giọng nói ngọt ngào. Sau khi dứt bỏ các của cải không phải là ít, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5627. Được xuất gia như vậy, tôi đã được nghe nhiều, và không bao lâu, tôi đã trở thành vị Pháp sư, có tài biện giải về nhiều mặt.

5628. Có sự tự tin về màu sắc, với tâm vui mừng, tôi đã tán dương lặp đi lặp lại về màu sắc của màu da vàng chói ở giữa đại chúng:

5629. "Đức Phật này có lậu hoặc đã được cạn kiệt, không còn phiền muộn, hoài nghi đã được chặt đứt, đã đạt đến sự đoạn tận tất cả các nghiệp, đã được giải thoát về sự đoạn tận các mầm mống tái sanh.

5630. Vị này đây là đức Thế Tôn, là đức Phật, là loài sư tử không gì vượt trội, là bậc chuyển vận bánh xe Phạm hạnh của thế gian luôn cả chư thiên.

5631. Đã được rèn luyện, Ngài là vị giúp cho đại chúng rèn luyện. Là bậc an tịnh và là vị ẩn sĩ đã Niết-bàn, Ngài hướng dẫn đại chúng Niết-bàn. Đã được tự tại, Ngài giúp cho đại chúng được tự tại.

5632. Đấng Chiến Thắng ấy là bậc anh hùng, là người dũng cảm, là vị khôn ngoan, là bậc trí tuệ, là vị có lòng bi mẫn, là bậc có năng lực, là người thắng trận, không thô tháo, không còn quyến luyến.

5633. Đấng Hiền Trí là không có dục vọng, không dao động, khôn ngoan, không mê mờ, không thể sánh bằng, có thể gánh vác trọng trách, là loài bò mộng, là loài voi, là loài sư tử, và còn là vị có khả năng trong số các bậc thầy nữa.

5634. Là vị Trời Phạm thiên, là vị anh hùng về thuyết giảng, vị không còn tham ái, không còn ô nhiễm, dứt bỏ sự ham muốn, không nhẫn tâm, lìa sầu khổ, không ai sánh bằng, thu thúc và trong sạch.

5635. Là người Bà-la-môn, là vị Sa-môn, là người bảo hộ, là người thầy thuốc, là người phẫu thuật, là người chiến sĩ, là bậc đã giác ngộ, là người con trai đã lắng nghe, là người không dao động, là người được trào dâng niềm hoan hỷ.

5636. Là người thiết lập, là người duy trì, là người phá hủy, là người thực hiện, là người hướng dẫn, là người giảng giải, là người làm cho hoan hỷ, là người đập vỡ, là người cắt đứt, là người lắng nghe, là người khen ngợi.

5637. Ngài là vị không nhẫn tâm, lìa sầu khổ, không còn phiền muộn, không có hoài nghi, không dục vọng, không vướng bụi trần, là người kham nhẫn, là người ra đi, là vị diễn giả, là người giảng giải.

5638. Là người giúp cho vượt qua, là người làm cho tiến bộ, là người bảo

làm, là người mở tung ra, là người dẫn đi, là người chịu đựng, là người tiêu diệt, là người phá hủy, là vị khổ hạnh có sự nhiệt tâm.

5639. Có tâm bình lặng, hoàn toàn an tịnh, không bạn đồng hành, đầy lòng trắc ẩn, là chúng sanh kỳ diệu, không lừa đảo, là người đã hoàn tất, là vị ẩn sĩ thứ bảy.

5640. Là đấng Chiến Thắng đã vượt qua sự hoài nghi, không còn ngã mạn, không thể đo lường, không thể so sánh, đã vượt trên mọi phương thức khen chê, người đã đi đến tận cùng về các sự thật và các điều cần hiểu biết.

5641. Niềm tịnh tín ở con người có phẩm chất cao quý ấy đưa đến bất tử. Vì thế, niềm tin ở đức Phật, ở giáo pháp và ở hội chúng là có sự thành tựu lớn lao."

5642. Trong khi tán dương bậc nương nhờ tối thượng của tam giới với những đức hạnh, v.v... như thế, tôi đã thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp ở giữa các hội chúng.

5643. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở cõi trời Đẩu-suất. Mệnh chung từ nơi ấy, được sanh lên ở giữa loài người, tôi là người có hương thơm ngạt ngào.

5644. Tôi có hơi thở và hương thơm ở miệng, có hương thơm ở cơ thể tương tợ y như thế, và có hương thơm của mồ hôi một cách liên tục. Các hương thơm này vượt trội mọi thứ hương thơm.

5645. Hương thơm ở miệng của tôi luôn luôn có mùi thơm của hoa sen, hoa súng và hoa campaka. Và trong lúc đang thuyết trình, cơ thể của tôi luôn luôn tỏa ra mùi thơm tương tợ như thế ấy.

5646. Và tất cả quả báo ấy của việc ngợi ca về đức hạnh là kỳ diệu bậc nhất. Xin tất cả các vị hãy lắng nghe tôi với tâm ý chăm chú, tôi sẽ giảng giải toàn bộ.

5647. Sau khi nói về hạnh lành của đức Phật, vì lợi ích cho các sự gắn bó của loài người, tôi được sung sướng ở khắp mọi nơi, được sở hữu hai loại tài sản có tính chất luân chuyển.

5648. Tôi có danh vọng, được sung sướng, dễ mến, thông minh, có vẻ nhìn đáng yêu, là vị diễn giả không bị chê bai, không khuyết điểm và có trí tuệ như thế.

5649. Khi tuổi thọ được cạn kiệt, Niết-bàn là điều dễ dàng đạt được đối với những người có sự tận tụy đối với đức Phật. Tôi sẽ trình bày về nguyên nhân của họ, xin các vị hãy lắng nghe điều ấy đúng theo thực thể.

5650. Trong lúc tôi đang đảnh lễ sự an tịnh và oai lực của đức Thế Tôn đúng theo phương pháp; do việc đó, cho dù sanh lên ở bất cứ đâu, tôi đều có danh vọng.

5651. Trong lúc tán dương đức Phật là bậc Đoạn Tận Khổ Đau, giáo pháp là an tịnh không tạo tác, tôi đã là người ban phát sự an lạc đến chúng sanh; do đó tôi được an lạc.

5652. Trong lúc nói về hạnh lành của đức Phật, tôi có được niềm phỉ lạc đối với đức Phật, tôi đã làm sanh khởi sự yêu mến đối với bản thân và sự yêu mến đối với người khác; do điều ấy, tôi là người dễ mến.

5653. Tôi đã khuất phục các ngoại đạo xấu xa ở đoàn người dẫy đầy các hàng ngoại đạo. Trong lúc nói về hạnh lành [của Ngài], tôi đã làm rạng rỡ đấng Lãnh Đạo; do đó tôi có sự rạng rỡ.

5654. Trong lúc nói về hạnh lành của bậc Toàn Giác, Tôi cũng là người tạo ra sự yêu mến ở dân chúng, tợ như mặt trăng vào mùa thu; do điều ấy, tôi đã có vẻ nhìn đáng yêu.

5655. Tôi đã ngợi ca đấng Thiện Thệ bằng mọi ngôn từ [sắc bén] tương tợ như tính năng của lưỡi dao găm; do điều ấy, tôi là người hùng biện có tài biện luận về nhiều mặt.

5656. Bị thiếu trí, những kẻ ngu dốt chê bai bậc Đại Hiền Trí. Tôi đã quở trách bọn họ bằng Chánh pháp; do điều ấy, tôi là người không bị quở trách.

5657. Do nhờ việc tán dương đức Phật đến chúng sanh, tôi đã xua đi các điều ô nhiễm, tôi có tâm ý không còn ô nhiễm do nhờ tác động của nghiệp ấy.

5658. Là người thuyết giảng về sự niệm tưởng về đức Phật, tôi đã làm sanh khởi tánh giác ngộ cho những người nghe; do điều ấy, tôi đã là người có trí tuệ, nhìn thấy rõ mục đích một cách khôn khéo.

5659. Có kẻ thù là tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, có biển cả luân hồi đã được vượt qua, tôi sẽ thành tựu sự tịch diệt tợ như ngọn lửa không còn nhiên liệu [sẽ lụi tàn].

5660. Việc tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng là ngay trong chính kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi đức Phật.

5661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sugandha[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sugandha" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dâng cúng cỏ, vị dâng cúng chiếc giường, luôn cả vị nương nhờ, vị dâng dầu thoa, [vị dâng cúng] tấm vải đẹp, vị dâng cúng cây gậy, tương tợ y như thế là vị cúng dường bông hoa nela, vị quét cội Bồ-đề, vị dâng cúng trái cây āmaṇḍa, vị Bà-la-môn có hương thơm là thứ mười. Và ở đây, được tính đếm toàn bộ là một trăm với hai mươi ba câu kệ.

Phẩm Tiṇadāyaka là phẩm thứ năm mươi ba.

[11] *Sugandha* nghĩa là "vị có hương thơm (*gandha*) ngạt ngào (*su*)."

LIV. PHẨM KACCĀNA
(*KACCĀNAVAGGO*)

531. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA
(*Mahākaccānattherāpadānaṃ*)

5664. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Lãnh Đạo không có dục vọng, có sự chiến thắng không bị chế ngự, đã hiện khởi.

5665. Đấng Anh Hùng có con mắt hình lá sen, có khuôn mặt không vết bẩn, như là mặt trăng, tương tợ ngọn núi vàng, có hào quang sánh bằng ánh sáng mặt trời.

5666. Là vị có sự thu hút ánh mắt và tâm trí của chúng sanh, được tô điểm với các hảo tướng, đã vượt trên mọi phương thức phê phán, được kính trọng bởi loài người và các hạng [thiên thần] bất tử.

5667. Trong khi giác ngộ chúng sanh, bậc Toàn Giác là người hùng biện, có âm điệu ngọt ngào, có sự liên tục gắn bó với lòng bi mẫn và tự tin ở nơi các hội chúng.

5668. Ngài thuyết giảng giáo pháp ngọt ngào bao gồm bốn sự thật. Ngài tiếp độ những sanh mạng bị chìm đắm trong vũng lầy mê muội.

5669. Khi ấy, tôi đã là một vị đạo sĩ độc hành có chỗ ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Trong khi đi đến thế giới loài người bằng đường không trung, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng.

5670. Tôi đã đi đến gần và đã lắng nghe sự thuyết giảng giáo pháp của đấng Anh Hùng trong lúc Ngài đang tán dương đức hạnh lớn lao của vị Thinh văn:

5671. "Giống như vị Kaccāyana này, trong khi giảng giải một cách chi tiết điều đã được Ta nói một cách tóm tắt, khiến cho hội chúng và Ta hài lòng.

5672. Ta không nhìn thấy bất cứ vị Thinh văn nào khác tương tợ như thế. Vì thế, ở vị thế tối thắng, vị này là đứng đầu. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như vậy."

5673. Khi ấy, tôi đã trở nên sửng sốt sau khi lắng nghe lời nói làm thích ý. Tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp và đã mang lại bó bông hoa.

5674. Sau khi cúng dường đến đấng Nương Nhờ Của Thế Gian, tôi đã phát nguyện vị thế ấy. Khi ấy, biết được thiên hướng của tôi, bậc dứt bỏ sự ham muốn đã chú nguyện rằng:

5675. "Các ngươi hãy nhìn, vị ẩn sĩ cao quý này có làn da màu của vàng đã được tinh luyện, có lông tóc dựng đứng, có bả vai đầy đặn, đứng chắp tay bất động.

5676. Có ánh mắt tràn ngập niềm vui, có thiên hướng về việc tán dương đức Phật, có thân hình cao quý tợ như giáo pháp, như là đã được tưới lên sự bất tử.

5677. Sau khi lắng nghe về đức hạnh của vị Kaccāna, [người này] đang đứng phát nguyện vị thế ấy vào thời vị lai xa vời của bậc Đại Hiền Trí Gotama.

5678. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kaccāna.

5679. Người này sẽ là người nghe nhiều học rộng, có đại trí tuệ, hiểu biết ý định của bậc Hiền Trí, và sẽ thành tựu vị thế ấy như đã được Ta chú nguyện."

5680. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5681. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5682. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không bị sanh vào gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5683. Chính ở kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành phố Ujjenī, [con trai] của vị Bà-la-môn là viên quan tế tự của Vua Caṇḍapajjota.

5684. Tôi là Kaccāna, con trai của Tiriṭavaccha, người mẹ tên là Candimā. Tôi là người khôn khéo, thông suốt các bộ Vệ-đà, có làn da cao quý.

5685. Được phái đi bởi vị quân vương nhằm mục đích tìm hiểu về đức Phật, tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo là cổng thành của sự giải thoát, là sự tích lũy về đức hạnh.

5686. Và tôi đã được nghe lời nói không bợn nhơ, có sự làm khô ráo bùn lầy của con đường, tôi đã thành tựu sự bất tử, thanh tịnh cùng với bảy người còn lại.

5687. Tôi đã trở thành vị hiểu biết về ý định của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Hiền Trí. Và tôi đã được thiết lập vào vị thế tối thắng, có ước nguyện đã được thành tựu tốt đẹp.

5688. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5689. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Mahākaccāna” là phần thứ nhất.

532. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAKKALI (*Vakkalittherāpadānaṃ*)

5691. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là bậc có danh xưng cao thượng, là bậc không thể đo lường.

5692. Ngài có khuôn mặt với hình dáng của đóa hoa sen, có làn da mịn, không vết nhơ của đóa hoa sen, không bị nhơ nhuốc bởi thế gian tương tợ đóa hoa sen không bị lấm lem bởi nước.

5693. Đấng Anh Hùng có con mắt hình lá sen, dễ mến tương tợ đóa hoa sen và có hương thơm nổi bật của đóa hoa sen, do đó Ngài là Padumuttara.

5694. Và bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian không còn ngã mạn, tợ như con mắt cho những kẻ mù, có bản thể an tịnh, là nơi tồn trữ các đức hạnh, là biển cả về lòng bi mẫn và sự hiểu biết.

5695. Có lần nọ, đấng Đại Hùng, vị được đấng Phạm thiên cùng các hàng a-tu-la và chư thiên nể vì, được loài người có cả chư thiên vây quanh, là tối thượng ở giữa dân chúng.

5696. Với khuôn mặt có hương thơm ngát và với âm thanh ngọt ngào, trong lúc làm hài lòng tất cả hội chúng, Ngài đã tán dương vị Thinh văn của mình rằng:

5697. “Không có vị nào khác có khuynh hướng về đức tin, có sự hiểu biết tốt đẹp, có sự gắn bó với việc chiêm ngưỡng Ta như là vị này, giống như vị Tỳ-khưu Vakkali này vậy.”

5698. Khi ấy, tôi đã là con trai của người Bà-la-môn ở trong thành phố Haṃsavatī. Tôi đã được nghe lời nói ấy và đã thích thú vị thế ấy.

5699. Khi ấy, tôi đã thỉnh mời đức Như Lai, bậc Vô Nhiễm ấy cùng với các vị Thinh văn. Sau khi cung cấp vật thực bảy ngày, tôi đã khoác lên [các vị] với những xấp vải đôi.

5700. Được đắm chìm trong biển cả ân đức vô hạn lượng ấy, được tràn đầy phỉ lạc, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở Ngài và đã nói lời nói này:

5701. “Bạch đấng Hiền Trí, mong sao con sẽ trở thành vị Tỳ-khưu đứng đầu trong số những vị có đức tin như vị ấy, là vị đã được Ngài tán dương vào bảy ngày trước đây.”

5702. Được nói như vậy, đấng Đại Hùng, bậc Đại Hiền Trí, vị có tầm nhìn không bị chướng ngại đã phát biểu ở giữa hội chúng lời nói này:

5703. “Các ngươi hãy nhìn người thanh niên này, mặc vải vàng bóng láng, thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có sự thu hút ánh mắt của mọi người.

5704. Trong thời vị lai xa xăm, người này đây sẽ là vị Thinh văn đứng đầu trong số những vị có khuynh hướng đức tin của bậc Đại Ẩn Sĩ Gotama.

5705. [Người này] sẽ luân hồi, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, đều được tránh khỏi mọi sự bực bội, được tựu hội trọn vẹn mọi thứ của cải, được sung sướng.

5706. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5707. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Vakkali."

5708. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5709. Sau khi được sung sướng ở tất cả các nơi trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đã được sanh ra ở thành Sāvatthi trong một gia đình nọ.

5710-11. [Là đứa bé] mảnh mai như bơ tươi, yếu ớt như mầm non mới mọc, lờ đờ, nằm ngửa ra, [cha mẹ tôi] bị đe dọa vì nỗi hãi sợ từ loài quỷ sứ, với tâm ý khốn khổ, đã đặt tôi nằm xuống ở cạnh bàn chân của bậc Đại Ẩn Sĩ [nói rằng]: "Bạch đấng Bảo Hộ, chúng con dâng Ngài đứa bé này. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [cho nó]."

5712. Khi ấy, bậc Hiền Trí ấy, nơi nương nhờ của những ai bị kinh sợ, đã nhận lãnh tôi bằng bàn tay mềm mại dịu dàng, có màng lưới [ở các ngón tay], có dấu hiệu hình vỏ ốc [ở lòng bàn tay].

5713. Từ đó trở đi, nhờ vào Ngài, tôi được bảo vệ với sự không phải phòng vệ. Mọi sự thù nghịch được tiêu tan, tôi lớn lên trong an lạc.

5714. Không được ở cạnh đấng Thiện Thệ, dầu chỉ trong chốc lát là tôi bất mãn. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5715. Không được thỏa mãn, tôi ước ao sắc thân được phân bố với mọi nét xinh đẹp, đã được tạo nên do [mười] pháp toàn hảo, là nơi tích tụ quý cao của những điều may mắn.

5716. Khi ấy, biết được tôi hứng thú với sắc thân của đức Phật, đấng Chiến Thắng đã giáo giới tôi rằng: "Này Vakkali, thôi đi. Sao ngươi lại hứng thú ở sắc thân, là vật được vui thích bởi những kẻ ngu?

5717. Chỉ người nào nhìn thấy Chánh pháp, người trí tuệ ấy nhìn thấy Ta. Trong khi không nhìn thấy Chánh pháp, dầu đang nhìn Ta cũng vẫn không thấy được.

5718. Xác thân có sự tai hại không giới hạn, tương tợ loại cây có độc dược, là chỗ trú ẩn của tất cả các loại bệnh tật, là toàn bộ khối đống khổ đau.

5719. Do đó, ngươi hãy nhàm chán sắc thân, hãy nhìn xem sự sanh và diệt của các uẩn, ngươi sẽ đi đến sự tận cùng của tất cả các nhiễm ô một cách an lạc."

5720. Đấng Lãnh Đạo ấy, vị tầm cầu sự lợi ích, đã giáo huấn tôi như thế. Tôi đã leo lên núi Gijjhakūṭa và tham thiền ở cái hang nơi triền núi.

5721. Đứng ở chân ngọn núi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: "Này Vakkali". Nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng, tôi đã hoan hỷ.

5722. Tôi đã lao mình xuống vực núi sâu hàng trăm thân người. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, tôi đã đến được mặt đất hoàn toàn bình yên.

5723. Ngài cũng đã thuyết giảng giáo pháp lần nữa về sự sanh và diệt của các uẩn. Sau khi hiểu được pháp ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5724. Khi ấy, ở giữa hội chúng vô cùng đông đảo, đấng Đại Trí, bậc đã đi đến tận cùng của sự chết, đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị có khuynh hướng đức tin.

5725. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5726. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5727. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vakkali đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vakkali" là phần thứ nhì.

533. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKAPPINA
(*Mahākappinattherāpadānaṃ*)

5729. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã nổi bật ở trái đất và bầu trời, tương tợ như mặt trời vào mùa thu.

5730. Ngài đánh thức những đóa hoa sen xứng đáng được dẫn dắt bằng ánh sáng của ngôn từ. Đấng Lãnh Đạo làm khô ráo bùn lầy ô nhiễm nhờ vào những tia hào quang của sự hiểu biết.

5731. Ngài tiêu diệt danh vọng của những người ngoại đạo, tương tợ như mặt trời tiêu diệt ánh sáng của loài đom đóm. Ngài soi rõ ánh sáng về ý nghĩa của các sự thật, tợ như mặt trời làm cho châu báu được rạng rỡ.

5732. Ngài là nơi quy tụ của các đức hạnh, tợ như biển cả là nơi chứa đựng các báu vật. Như là đám mây, Ngài trút xuống các loài hữu tình cơn mưa giáo pháp.

5733. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là vị quan phân xử ở thành phố tên Haṃsā. Tôi đã đi đến và đã lắng nghe giáo pháp của bậc có tên là Padumuttara.

5734. Trong khi Ngài đang công bố đức hạnh của vị Thinh văn có kinh nghiệm của vị giáo giới cho các Tỳ-khưu, khiến tâm ý của tôi được vui thích.

5735. Nghe xong, được hài lòng, với tâm ý vui mừng tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với các đệ tử. Sau khi chăm lo bữa ăn, tôi đã phát nguyện vị thế ấy.

5736. Khi ấy, bậc Đại Phước với giọng nói êm dịu của chim thiên nga và của tiếng trống đã nói rằng: "Các ngươi hãy nhìn vị quan đại thần này là người có sự tự tin trong việc xác định.

5737. [Người này] quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta, có lông tóc dựng đứng, có màu da rạng rỡ, có bả vai đầy đặn, có ánh mắt và khuôn mặt được tịnh tín.

5738. Con người có danh vọng lớn lao ấy đang làm cho đám tùy tùng đông đảo được hài lòng. Có thiên hướng hoan hỷ, người này phát nguyện vị thế của vị [Thinh văn] có kinh nghiệm.

5739. Do phần vật thực này và do các nguyện lực của tác ý, người này [sẽ] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

5740. Có được sự lộng lẫy của vị Trời trong số chư thiên, có bản chất vĩ đại ở giữa loài người, sau khi đã thọ hưởng phần còn lại, [người này] sẽ thành tựu Niết-bàn.

5741. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5742. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kappina."

5743. Từ đó, tôi đã thực hành sự tôn kính khéo được thể hiện trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất.

5744. Sau khi chỉ bảo cho chư thiên, nhân loại và các vị quốc vương theo lẽ phải, tôi đã sanh ra trong dòng dõi làm nghề dệt ở kế cận thành Bārāṇasī.

5745. Cùng với vợ và nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã hộ độ năm trăm vị Phật Độc Giác.

5746. Sau khi đã cung cấp vật thực ba tháng, kế đó, chúng tôi đã dâng cúng ba y. Từ nơi ấy chết đi, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5747. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến bản thể loài người lần nữa. Chúng tôi đã được sanh ra ở trong thành Kukkuṭa, cạnh sườn núi Hy-mã-lạp.

5748. Tôi đã là vị hoàng tử có danh vọng lớn lao tên là Kappina. Những người còn lại, được sanh ra ở gia đình các quan cận thần, đã tháp tùng bản thân tôi.

5749. Tôi đã đạt được sự sung sướng về vương quốc lớn lao, có đầy đủ tất

cả các loại dục lạc. Tôi đã nghe về sự xuất hiện của đức Phật được thuật lại bởi những người thương buôn rằng:

5750. "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian là nhân vật độc nhất không ai sánh bằng. Ngài công bố Chánh pháp về bất tử là sự an lạc tối thượng.

5751. Các đệ tử của Ngài là những vị vô cùng chín chắn, khéo được giải thoát và không còn lậu hoặc." Sau khi nghe được lời nói tốt đẹp của những người ấy, tôi đã tôn trọng những người thương buôn.

5752. Sau khi từ bỏ vương quyền, tôi cùng với đám cận thần đã ra đi, hướng tâm về đức Phật. Tôi đã nhìn thấy con sông Mahācandā được tràn đầy, ngập đến bờ.

5753. [Con sông] có dòng nước chảy xiết, không có bến tàu, không có cầu treo, khó vượt qua. Tôi đã vượt qua một cách an toàn sau khi tưởng nhớ đến hạnh lành của đức Phật [rằng]:

5754. "Nếu đức Phật là bậc đã vượt qua dòng nước hiện hữu, là vị đã đi đến tận cùng của thế giới, là bậc sáng suốt. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu.

5755. Nếu đạo lộ đi đến an tịnh là sự giải thoát và là sự an lạc tuyệt đối. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu.

5756. Nếu hội chúng là đã vượt qua khu rừng rậm, là phước điền vô thượng. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu."

5757. Liền với khi sự chân thật cao quý đã được thực hiện, nước đã được lìa khỏi con đường. Do đó, tôi đã vượt qua bờ sông đáng yêu một cách thoải mái.

5758-59. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy đức Phật đang ngồi phía trước các vị Thinh văn tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như ngọn núi vàng đang chói sáng, tợ như cây đèn đã được thắp sáng, tợ như mặt trăng được tháp tùng bởi các vì sao, trông như là vị Chúa trời đang đổ xuống đám mưa những lời thuyết giảng.

5760. Tôi đã cùng với các vị cận thần đảnh lễ rồi đã tiến vào ở một bên. Sau đó, biết được thiên hướng của chúng tôi, đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp.

5761. Sau khi lắng nghe giáo pháp không bợn nhơ, chúng tôi đã nói với đấng Chiến Thắng rằng: "Bạch đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy xuất gia cho chúng con. Chúng con nhàm chán về sự hiện hữu."

5762. Bậc Hiền Trí thứ bảy đã nói như vầy: "Này các Tỳ-khưu, giáo pháp đã khéo được thuyết giảng đưa đến sự đoạn tận khổ đau cho các ngươi. Các ngươi hãy thực hành Phạm hạnh."

5763. Cùng với lời nói, tất cả chúng tôi cũng đã trở thành những vị mang y phục Tỳ-khưu, đã được tu lên bậc trên và là những vị Nhập lưu trong giáo pháp.

5764. Sau đó, đấng Hướng Đạo đã đi đến Jetavana và đã chỉ dạy. Được chỉ dạy bởi đấng Chiến Thắng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5765. Sau đó, tôi đã chỉ dạy một ngàn vị Tỳ-khưu ấy. Lúc bấy giờ, do việc chỉ dạy của tôi, các vị ấy cũng đã trở thành các bậc không còn lậu hoặc.

5766. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng ở đám đông dân chúng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng: "Kappina đứng đầu các vị giáo giới Tỳ-khưu."

5767. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

5768. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5769. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākappina đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākappina" là phần thứ ba.

534. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DABBA (*Dabbattherāpadānaṃ*)

5771. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc hiểu biết về toàn bộ thế gian, đấng Hiền Trí, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.

5772. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5773. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5774. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5775. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5776. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5777. Khi ấy, là con trai nhà triệu phú có danh vọng lớn lao ở tại Haṃsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Của Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5778. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài đang tán dương vị Thinh văn, đang phân bố chỗ trú ngụ cho các vị Tỳ-khưu, tôi đã được hoan hỷ.

5779. Sau khi thực hiện hành động hướng thượng đến bậc Đại Ẩn Sĩ ấy cùng với hội chúng, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5780. Khi ấy, trong lúc tán dương việc làm của tôi, đấng Đại Hùng đã nói

rằng: "Người đã chăm lo vật thực đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng trong bảy ngày...

5781. ... là người này đây có mắt hình lá sen, có bả vai sư tử, có làn da vàng chói, đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta trong lúc phát nguyện vị thế tối thượng.

5782. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5783. Khi ấy, người này sẽ là Thinh văn của vị Phật ấy, được nổi tiếng với tên là Dabba, và sẽ là vị phân bố chỗ trú ngụ hàng đầu."

5784. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5785. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần, và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

5786. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi.

5787. Trước đây chín mươi mốt kiếp, bậc Lãnh Đạo tên Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

5788. Có tâm xấu xa, tôi đã chửi mắng vị Thinh văn đã đoạn tận tất cả các lậu hoặc của đức Phật như thế ấy, dầu đã biết rõ là "Vị trong sạch."

5789. Tôi đã lấy ra tấm thẻ của chính bậc vĩ nhân ấy và tôi đã dâng cúng cơm sữa đến các vị Thinh văn đại ẩn sĩ [không có phần vị ấy].

5790. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

5791. Ngài đã làm chói sáng giáo pháp, đã khuất phục các hàng ngoại đạo xấu xa, đã huấn luyện những người đáng được huấn luyện và đã Niết-bàn cùng các Thinh văn.

5792. Khi đấng Bảo Hộ cùng các vị đệ tử đã Niết-bàn và giáo pháp đang đi đến tiêu hoại, chư thiên bị chấn động, có tóc xổ ra, mặt đầy nước mắt, đã than vãn rằng:

5793. "Sự nhìn thấy giáo pháp sẽ bị lụi tàn, chúng ta sẽ không nhìn thấy các vị có sự hành trì tốt đẹp, chúng ta sẽ không được nghe Chánh pháp. Ôi, chúng ta thật kém phước!"

5794. Khi ấy, toàn bộ quả đất này, vốn bất động, đã có sự chuyển động qua lại. Và biển cả như là có sự sầu muộn đã gào lên âm giọng thê thảm.

5795. Những cái trống không người [sử dụng] đã vang lên từ khắp bốn phương, và các tiếng sấm đem lại sự kinh hãi đã nổ ra khắp nơi.

5796. Những đốm lửa đã rơi xuống từ không trung và cột khói được nhìn thấy. Tất cả cây cối, chúng sanh và các loài thú đã kêu gào thảm thiết.

5797. Sau khi nhìn thấy sự bạo tàn xuất hiện, báo hiệu sự tiêu hoại của giáo pháp, bị chấn động bảy vị Tỳ-khưu, chúng tôi khi ấy đã suy nghĩ rằng:

5798. "Không có giáo pháp, đối với chúng ta là đã đủ với cuộc sống rồi. Chúng ta hãy đi vào khu rừng lớn và gắn bó với lời dạy của đấng Chiến Thắng."

5799. Khi ấy, chúng tôi đã nhìn thấy ngọn núi cao chót vót ở trong khu rừng. Chúng tôi đã leo lên ngọn núi ấy bằng chiếc thang và đã làm chiếc thang rơi xuống.

5800. Khi ấy, vị trưởng lão của chúng tôi đã giáo huấn rằng: "Sự xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, đức tin là điều khó đạt thì [chúng ta] đã đạt được, và giáo pháp còn sót lại là ít ỏi.

5801. Các cơ hội đã qua đi và rơi vào biển cả khổ đau vô tận. Do đó, việc thực hành nên được thực hiện trong khi lời dạy của bậc Hiền Trí vẫn còn tồn tại."

5802. Vị trưởng lão ấy đã trở thành bậc A-la-hán, vị kế tiếp khi ấy là bậc Bất lai, những vị khác được gắn bó với thiện giới đã đi đến thế giới của chư thiên.

5803. Vị vượt qua luân hồi đã Niết-bàn, và chỉ một vị ở cõi Tịnh Cư thiên. Còn tôi, Pukkusāti, Sabhiya, Bāhiya là tương tợ như nhau.

5804. Và luôn cả Kumārakassapa nữa, chúng tôi đã tái sanh ở nơi này nơi khác. Được thương tưởng bởi đấng Gotama, chúng tôi đã được giải thoát khỏi sự trói buộc của luân hồi.

5805. Tôi đã được sanh ra ở thành Kusinārā, giữa những người Mallā. Ngay khi tôi còn ở trong bào thai, mẹ của tôi bị chết và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu. Từ nơi ấy, tôi đã được rơi xuống.

5806. Được rơi xuống ở nơi đống củi, do đó tôi được nổi danh là Dabba.[1] Với năng lực của việc hành trì Phạm hạnh, vào lúc bảy tuổi tôi đã được giải thoát.

5807. Do quả báo của cơm sữa, tôi đã đạt được năm yếu tố. Do sự chửi mắng vị có lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi đã bị vu cáo nhiều lần bởi những kẻ xấu.[2]

5808. Giờ đây, tôi đã vượt qua cả hai điều thiện và ác. Sau khi đạt được sự an tịnh tuyệt đối, tôi sống không còn lậu hoặc.

5809. Tôi đã phân bố chỗ trú ngụ và đã làm cho các vị có sự hành trì tốt đẹp được vui vẻ. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

5810. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5811. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

---

[1] Nghĩa của từ *dabba* là củi, gỗ.

[2] Có hai câu chuyện được ghi lại ở phần câu chuyện dẫn nhập của 2 điều *Saṅghādisesa* 8 và 9 ở tạng Luật.

5812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dabba Mallaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dabba Mallaputta" là phần thứ tư.

535. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMĀRAKASSAPA
(*Kumārakassapattherāpadānaṃ*)

5813. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Lãnh Đạo, bậc Anh Hùng tên Padumuttara, vị hữu ích của tất cả thế gian đã hiện khởi.

5814. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn được nổi tiếng, thông suốt các bộ Vệ-đà. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiến hành việc nghỉ ngơi giữa ngày.

5815. Ngài đang công bố về bốn sự thật, đang giác ngộ chúng sanh luôn cả chư thiên, đang tán dương vị đứng đầu trong số các vị thuyết giảng hay ở nơi đám đông dân chúng.

5816-17. Khi ấy, có tâm hoan hỷ, tôi đã thỉnh mời đức Như Lai và đã trang hoàng mái che bằng những tấm vải có nhiều màu sắc khác nhau, được sáng chói bởi nhiều loại châu báu. Tại nơi ấy, tôi đã chăm lo bữa ăn đến Ngài cùng với hội chúng. Tôi đã cung cấp bữa ăn có hương vị tối thắng đa dạng trong bảy ngày.

5818. Sau khi cúng dường Ngài cùng các vị Thinh văn bằng những bông hoa có nhiều màu sắc khác nhau, tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5819. Khi ấy, đấng Hiền Trí cao quý với thiên hướng thực hành hạnh bi mẫn đã nói rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem người Bà-la-môn cao quý này, có khuôn mặt và con mắt của những đóa hoa sen.

5820. [Người này] tràn ngập niềm phỉ lạc và hưng phấn, có lông tóc dựng đứng, có mắt mở to tỏ lộ nụ cười, có lòng khao khát giáo pháp của Ta.

5821. [Người này] đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta với thiện ý hướng đến một điều: Vị ấy phát nguyện về vị thế ấy là bản thể của vị thuyết giảng hay.

5822. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5823. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kumārakassapa.

5824. Do nhờ tác động của các loại bông hoa cùng vải vóc đã được trang hoàng và của các loại châu báu, người ấy sẽ thành tựu tư cách đứng đầu trong số các vị thuyết giảng hay."

5825. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5826. Giống như vũ công ở giữa sân khấu, trong khi quay cuồng ở không gian của các cõi, tôi đã hạ sanh vào bụng của con nai cái và đã trở thành nai [đực], con của con nai tên Sākha.

5827. Lúc bấy giờ, khi tôi nhập thai là thời điểm trừng phạt xảy đến. Mẹ tôi đã bị con nai Sākha ruồng bỏ và đã đi đến nương tựa vào [nai chúa] Nigrodha.

5828. Lúc bấy giờ, nhờ vào con nai chúa ấy, mẹ tôi đã được thoát khỏi sự chết. Sau khi đã được ban cho mạng sống, mẹ tôi đã giáo huấn tôi như vầy:

5829. "Con nên phục vụ chỉ riêng Nigrodha, chớ có sống thân cận với Sākha. Thà bị chết ở nơi Nigrodha còn tốt hơn nếu phải sống cùng Sākha."

5830. Được chỉ dạy bởi con nai đầu đàn ấy, tôi cùng mẹ và những con nai khác cũng như vậy, đã đi đến trú ngụ ở cõi trời Đẩu-suất đáng yêu, rồi đã đi đến nơi cư trú khác cũng có chỗ ở tương tợ như thế.

5831. Lần khác nữa, trong khi giáo pháp của đấng Anh Hùng Kassapa đang đi đến hoại diệt, [bảy vị chúng tôi] đã leo lên đỉnh ngọn núi và đã gắn bó vào lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5832. Giờ đây, tôi đã được sanh vào gia tộc triệu phú ở thành Rājagaha. Mẹ của tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình khi đã mang thai.

5833. Biết được mẹ tôi có thai, các vị đã đưa mẹ tôi đến gặp Devadatta. Vị ấy đã nói rằng: "Các người hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni xấu xa này."

5834. Giờ đây, [mẹ tôi] cũng đã được đấng Chiến Thắng, bậc Hiền Trí Vương thương xót. Được an toàn, mẹ đã sanh ra tôi tại tu viện của các Tỳ-khưu-ni.

5835. Biết được điều ấy, đức vua xứ Kosala đã nuôi dưỡng tôi. Và do việc có phẩm hạnh từ lúc nhỏ, tôi có tên là Kassapa.

5836. So sánh với vị Mahākassapa (Kassapa lớn), tôi là Kumārakassapa (Kassapa thiếu niên). Tôi đã lắng nghe điều đã được đức Phật thuyết giảng rằng xác thân là tương tợ tổ mối.

5837. Do đó, tâm của tôi đã được giải thoát không còn chấp thủ mọi thứ. Tôi đã cảm hóa được đức Vua Pāyāsi và đã đạt được vị thế tối thắng.

5838. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5839. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumārakassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumārakassapa" là phần thứ năm.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi bốn).

536. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BĀHIYA (*Bāhiyattherāpadānaṃ*)

5841. Trước đây một trăm ngàn kiếp đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là vị có hào quang chói lọi, đứng đầu tam giới.

5842. Tôi đã lắng nghe đấng Hiền Trí đang tán dương đức hạnh của vị Tỳ-khưu có thắng trí nhạy bén. Với tâm phấn chấn, tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

5843. Lúc bấy giờ, sau khi dâng cúng vật thí đến bậc Hiền Trí cùng các đệ tử trong bảy ngày, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã phát nguyện vị thế ấy.

5844. Do đó, đức Phật đã chú nguyện cho tôi rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem, người Bà-la-môn này đã quỳ xuống cạnh bàn chân của Ta với ánh mắt và khuôn mặt được tịnh tín.

5845. Có làn da mỏng manh màu trắng, có thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có môi đỏ như là trái bimba được treo lơ lửng, có răng màu trắng sắc bén.

5846. [Người này] có dồi dào năng lực về đức hạnh, có thân hình vươn cao, là nguồn nước về các hạnh lành, có khuôn mặt nở rộ niềm phỉ lạc.

5847. Người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu có thắng trí nhạy bén. Trong ngày vị lai sẽ có bậc Đại Hùng tên là Gotama.

5848. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Bāhiya."

5849. Khi ấy, vô cùng hớn hở tôi đã đứng dậy. Tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Hiền Trí đến hết cuộc đời. Mệnh chung, tôi đã đi đến cõi trời như là [đi đến] nhà của chính mình.

5850. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là nhân loại, do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi được sung sướng. Tôi đã luân hồi và đã thọ hưởng sự thành đạt.

5851. Lần khác nữa, trong khi giáo pháp của đấng Anh Hùng Kassapa đang đi đến hoại diệt, [bảy vị chúng tôi] đã leo lên đỉnh ngọn núi và đã gắn bó vào lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5852. Là những người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng, có giới trong sạch, có trí tuệ, mệnh chung từ nơi ấy, năm người chúng tôi đã đi đến thế giới của chư thiên.

5853. Sau đó, Bāhiya tôi đã được sanh ra ở kinh thành Bhārukaccha. Từ nơi ấy, tôi dùng thuyền lao vào khu vực biển cả ít có sự an toàn.

5854. Do đó, sau khi ra đi một vài ngày, chiếc thuyền đã bị vỡ tan. Khi ấy, tôi đã rơi vào khu vực có cá dữ, khủng khiếp, gây ra sự kinh hoàng.

5855. Khi ấy, tôi đã ra sức và đã tự vượt qua được đại dương. Tôi đã đến được bến tàu Suppāra quý báu, lờ đờ, run lẩy bẩy.

5856. Tôi đã khoác lên y phục vỏ cây và đã đi vào làng để khất thực. Khi ấy, dân chúng ấy đã hớn hở nói rằng: "Vị A-la-hán này đã ngự đến nơi đây.

5857. Sau khi hậu đãi người này với cơm ăn, nước uống, vải vóc, giường nằm và thuốc men chữa bệnh, chúng ta sẽ được an lạc."

5858. Khi ấy, được họ tôn kính và cúng dường, tôi đã có được lợi lộc về các vật dụng cần thiết. Tôi đã khiến họ có sự suy nghĩ một cách không đúng đắn rằng: "Tôi là vị A-la-hán."

5859. Vì thế, sau khi biết được tâm của tôi, vị thiên nhân [trong số bảy vị] trước đây đã quở trách rằng: "Ngươi không biết phương pháp và đường lối, làm sao ngươi có thể trở thành bậc A-la-hán?"

5860. Bị quở trách bởi vị ấy, bị chấn động, khi ấy tôi đã hỏi rằng: "Các bậc tối thượng nhân A-la-hán ở trên đời là những ai? Các vị này ở đâu?"

5861. "Ở tại Sāvatthi là cung điện của xứ Kosala, có đấng Chiến Thắng là bậc có trí tuệ dồi dào, có sự sáng suốt bao la cao quý. Là người con trai dòng Sakya, là bậc A-la-hán, không còn lậu hoặc, Ngài thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự thành tựu phẩm vị A-la-hán."

5862. Lúc bấy giờ, sau khi lắng nghe lời nói của vị này, tôi vô cùng sung sướng và sửng sốt tợ như người ăn xin đã đạt được của chôn giấu. Tôi đã có tâm phấn chấn để được yết kiến bậc A-la-hán tối thượng, có hình dáng tốt đẹp, có hành xứ không giới hạn.

5863. Lúc bấy giờ, tôi đã rời khỏi nơi ấy, [nghĩ rằng:] "Khi nào tôi [sẽ] nhìn thấy đấng Chiến Thắng, con người cao quý, bậc có khuôn mặt không vết bẩn?" Tôi đã đi đến khu rừng đáng yêu tên Vijita và đã hỏi những người Bà-la-môn rằng: "Bậc đem lại niềm hân hoan cho thế gian ở nơi đâu?"

5864. Do đó, họ đã nói rằng: "Bậc được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại đã đi vào thành phố với ý định tìm kiếm vật thực. Nếu mong mỏi diện kiến bậc Hiền Trí, ngươi hãy mau mau đi đến và hãy lễ bái nhân vật cao cả ấy."

5865. Do đó, tôi đã mau chóng đi đến kinh thành Sāvatthi. Tôi đã nhìn thấy Ngài đang đi đó đây vì mục đích vật thực, không thèm khát, không ham hố.

5866. Có bình bát ở tay, mắt không ước vọng, như là đang phân phát sự bất tử, có khuôn mặt mang vẻ sáng lạn của mặt trời, tợ như chỗ ngụ của điều may mắn.

5867. Tôi đã đi đến gặp Ngài và đã nói lời nói này: "Bạch đấng Gotama, xin Ngài hãy là chốn nương nhờ cho kẻ đã bị lầm lạc vào con đường sai trái."

5868. Bậc Hiền Trí tối thượng đã nói rằng: "Ta đang đi loanh quanh để

khất thực, nhằm mục đích tế độ chúng sanh, không phải là lúc thuyết pháp cho ngươi."

5869. Khi ấy, khát khao về giáo pháp, tôi đã liên tục cầu xin đức Phật. Ngài đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp thâm sâu về đường lối của Không tánh.

5870. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi là người có tuổi thọ đã tận cùng. Ôi, bậc Đạo Sư quả là đấng có lòng thương xót!

5871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5874. Vị Trưởng lão Bāhiya Dārucīriya đã giải thích như thế. Vị ấy đã bị té ngã vào đống rác bởi con bò cái đã bị quỷ nhập vào.

5875. Bậc đại trí đã thuật lại cuộc sống trước đây của bản thân. Vị anh hùng ấy đã viên tịch Niết-bàn tại kinh thành Sāvatthi.

5876. Bậc Ẩn Sĩ tối thượng, trong khi đi ra khỏi thành phố, đã nhìn thấy vị Bāhiya trí tuệ ấy mặc y phục vỏ cây có sự tái sanh đã xa lìa.

5877. Tợ như ngọn cờ của đức vua đã bị đổ xuống, bậc đã được rèn luyện bị ngã ở trên đất, có tuổi thọ đã hết, có phiền não đã lìa, đã là vị thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5878. Do đó, bậc Đạo Sư đã bảo các vị Thinh văn nhiệt tình với giáo pháp rằng: "Các ngươi hãy khiêng lên, đưa đi, rồi hỏa thiêu thi thể của bậc Phạm hạnh.

5879. Các ngươi hãy xây dựng ngôi bảo tháp. Vị đại trí ấy đã Niết-bàn. Vị này là vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị có thắng trí nhạy bén, là người thực hành theo lời dạy của Ta.

5880. Nếu một ngàn câu kệ chỉ chứa đựng những từ vô ý nghĩa, một [phần tư] câu kệ vẫn là tốt hơn [nếu] người đã nghe điều ấy được an tịnh.[3]

5881. Nơi nào nước, đất, lửa và gió không trụ vững, nơi ấy đạo đức không chiếu sáng, mặt trời không rực sáng, nơi ấy không có mặt trăng tỏa sáng, nơi ấy bóng tối không được biết đến.

5882. Và khi nào vị Bà-la-môn hiền trí đã tự thân biết được với sự sáng suốt, thì được giải thoát khỏi sắc, khỏi vô sắc, khỏi lạc và khỏi khổ", đấng Bảo Hộ, bậc Hiền Trí, đấng Nương Nhờ Của Tam Giới đã nói như thế.

Đại đức Trưởng lão Bāhiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bāhiya" là phần thứ sáu.

---

[3] *Dh.* v. 101.

537. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOṬṬHITA (*Koṭṭhitattherāpadānaṃ*)

5883. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.

5884. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5885. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5886. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5887. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5888. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5889. Khi ấy, tôi là người Bà-la-môn ở tại Haṃsavatī, thông suốt các bộ Vệ-đà. Tôi đã đi đến bậc Ưu Tú Cao Cả Của Chúng Sanh và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5890-91. Khi ấy, đấng Anh Hùng ấy đã thiết lập vào vị thế tối thắng đối với vị Thinh văn có hành xứ về sự hiểu biết đã được rạch ròi, và là vị rành rẽ về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ và về phép biện giải. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, tôi đã cung cấp vật thực đến đấng Chiến Thắng Cao Quý cùng các vị Thinh văn trong bảy ngày.

5892. Sau khi khoác lên bậc Đại Dương Của Giác Ngộ cùng với các đệ tử bằng các tấm vải, tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5893. Do đó, bậc Cao Cả Của Thế Gian đã nói rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem vị Bà-la-môn cao thượng này, vị có ánh sáng từ lòng đóa hoa sen phát ra, đã cúi mình ở bàn chân của Ta.

5894. Với đức tin ấy, với sự dứt bỏ và với sự lắng nghe giáo pháp, người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu hàng đầu của đức Phật.

5895. Sau khi đã được sung sướng ở mọi nơi và sau khi đã luân hồi ở cõi này cõi khác, trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

5896. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5897. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Koṭṭhita."

5898. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ, có niệm, có tuệ, định tĩnh. Với tâm từ ái, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng từ đó cho đến hết cuộc đời.

5899. Do quả thành tựu của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5900. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

5901. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi.

5902. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không đi đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc khéo hành trì.

5903. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc khéo hành trì.

5904. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được tái sanh trong gia tộc Bà-la-môn có tài sản lớn lao ở thành phố Sāvatthi.

5905. Người mẹ tên là Candavatī, người cha của tôi tên là Assalāyana. Và đức Phật đã hướng dẫn cha tôi về sự thanh tịnh toàn diện.

5906. Khi ấy, được tịnh tín tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình ở đấng Thiện Thệ. Thầy chỉ dạy là vị Moggallāna, thầy tế độ là vị xuất thân từ bà Sārī.[4]

5907. Khi các sợi tóc đang được cạo, tà kiến đã được chặt đứt tận gốc. Và trong khi đang quấn y ca-sa, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5908. Và sự hiểu biết của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ và về phép biện giải là đã được phân giải; vì thế, đấng Cao Cả Của Thế Gian đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

5909. Được vị Upatissa[5] hỏi, tôi đã giải thích không bị lầm lẫn. Vì thế, tôi đã là vị đứng đầu về các pháp phân tích trong giáo pháp của đấng Toàn Giác.

5910. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5911. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5912. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākoṭṭhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākoṭṭhita" là phần thứ bảy.

---

[4] Vị xuất thân từ bà Sārī, ám chỉ Ngài Sāriputta, con trai (*putta*) của bà Sārī.

[5] Upatissa là tên gọi của Ngài Sāriputta lúc còn tại gia. (ND)

538. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO URUVELAKASSAPA
(*Uruvelakassapattherāpadānaṃ*)

5913. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.

5914. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5915. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5916. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5917. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5918. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5919. Khi ấy, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành ở tại Haṃsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Của Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5920. Khi ấy, Ngài đang thiết lập vị Thinh văn, là bậc đại nhân, có hội chúng lớn vào vị thế tối thắng. Tôi đã lắng nghe và đã trở nên hoan hỷ.

5921. Tôi đã thỉnh mời đấng Chiến Thắng vĩ đại cùng với đoàn tùy tùng đông đảo. Cùng với một ngàn vị Bà-la-môn, tôi đã dâng cúng vật thí.

5922. Sau khi dâng cúng cuộc đại thí, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo rồi đã đứng ở một bên. Được mừng rỡ, tôi đã nói lời nói này:

5923. "Bạch đấng Anh Hùng, với đức tin của con ở Ngài và với công đức của việc làm hướng thượng, mong sao con luôn có được hội chúng đông đảo khi sanh ra ở nơi này, nơi khác."

5924. Khi ấy, với âm điệu ngọt ngào được rống lên bởi loài voi, được hót lên bởi loài chim Karavīka, bậc Đạo Sư đã nói với hội chúng rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem người Bà-la-môn này.

5925. [Người này] có màu da vàng chói, có cánh tay lực lưỡng, có khuôn mặt và ánh mắt như đóa hoa sen, có lông dựng đứng sanh lên ở cơ thể, được mừng rỡ, có niềm tin vào đức hạnh của Ta.

5926. Người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu có âm thanh của loài sư tử. Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

5927. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5928. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự

giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kassapa."

5929. Trước đây chín mươi hai kiếp, đã có đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Phussa, không có vị tương tợ, không có ai sánh bằng.

5930. Và sau, khi đã tiêu diệt tất cả sự tăm tối, đã tháo gỡ mối rối rắm lớn lao, trong lúc làm hài lòng thế gian luôn cả chư thiên, Ngài đã đổ cơn mưa bất tử.

5931. Chính vào lúc ấy, chúng tôi đã là hàng hậu duệ của đức vua ở thành Bārāṇasī. Tất cả ba anh em chúng tôi đều được thân cận đối với đức vua.

5932. Chúng tôi có cơ thể và dáng vóc của vị anh hùng, có sức mạnh, không bị đánh bại ở chiến trường. Khi ấy, vùng biên địa bị dấy loạn, vị lãnh chúa đã nói với chúng tôi rằng:

5933. "Này các con, hãy đi đến vùng biên địa, hãy càn quét lực lượng lục lâm, hãy làm cho vương quốc của ta được thanh bình, rồi hãy quay trở về và trình báo."

5934. Do đó, chúng tôi đã nói rằng: "Nếu bệ hạ có thể ban đấng Lãnh Đạo cho chúng con về việc hộ độ, do việc đó, chúng con sẽ làm tốt nhiệm vụ cho bệ hạ."

5935. Do đó, chúng tôi đã đạt được điều ân huệ. Được phái đi bởi vị quân vương, chúng tôi đã làm cho vùng biên địa buông khí giới và đã đi đến gặp đức vua lần nữa.

5936. Chúng tôi đã thỉnh cầu đức vua về việc hộ độ bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Hiền Trí Anh Hùng; và sau khi đã đạt được [thỉnh cầu], chúng tôi đã cung phụng Ngài cho đến hết cuộc đời.

5937. [Chúng tôi đã dâng cúng] các tấm vải vô cùng giá trị, các vị nếm thượng hạng, các chỗ nằm ngồi đáng yêu và các dược phẩm có lợi ích.

5938. Sau khi dâng cúng đến bậc Hiền Trí cùng với hội chúng các phẩm vật được phát sanh đúng pháp của chúng tôi, chúng tôi là những người có giới, có lòng bi mẫn, có tâm gắn bó với sự tu tập.

5939. Chúng tôi đã luôn luôn phục vụ đấng Lãnh Đạo với tâm từ ái. Khi bậc Cao Cả Của Thế Gian ấy Niết-bàn, chúng tôi đã cúng dường tùy theo năng lực.

5940. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, đã thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở tại nơi ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5941. Giống như người làm trò ảo thuật ở sân khấu biểu diễn nhiều hình thức, tương tợ như thế, trong khi xoay vần ở hiện hữu, tôi đã là vị chúa tể xứ Videha.

5942-43. Có thiên hướng tà kiến theo lời nói của đạo sĩ lõa thể tên Guṇa,

tôi đã bước lên đạo lộ đi địa ngục. Tôi đã không chấp nhận lời khuyên nhủ của người con gái của tôi là Rujā. Trong khi được chỉ dạy theo nhiều cách thức bởi đấng Phạm thiên Nārada, tôi đã từ bỏ tà kiến ác xấu.

5944. Sau khi đã làm tròn đủ mười đường lối về nghiệp [thiện] một cách đặc biệt, tôi đã từ bỏ xác thân và đã đi đến cõi trời như là [đi đến] nhà của chính mình.

5945. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được sanh ra trong đại gia tộc Bà-la-môn ở thành phố Bārāṇasī thịnh vượng.

5946. Bị hãi sợ về sự chết, sự bệnh và sự già, tôi đã từ bỏ tài sản lớn lao, trong lúc tầm cầu đạo lộ Niết-bàn, tôi đã xuất gia ở những đạo sĩ tóc bện.

5947. Khi ấy, hai người em trai của tôi đã xuất gia cùng với tôi. Tôi đã tạo dựng khu ẩn cư ở tại Uruvelā và đã cư ngụ [ở đó].

5948. Kassapa là tên theo gia tộc và là người cư trú ở Uruvelā, do đó, đã có sự định đặt tên cho tôi là Uruvelakassapa.

5949. Người em trai của tôi ở lân cận khu vực Nādī có tên là Nādīkassapa, và [người em trai] ở lân cận khu vực Gayā có tên là Gayākassapa.

5950. Người [em trai] nhỏ nhất có hai trăm, người em trai giữa có ba trăm, tôi có năm trăm đệ tử không thiếu sót, tất cả đều đi theo [sự hướng dẫn của] tôi.

5951. Khi ấy, đức Phật đã đi đến gặp tôi và đã thực hiện đối với tôi những phép kỳ diệu nhiều loại khác nhau. Đấng Cao Cả Của Thế Gian, bậc Điều Phục Nhân đã hướng dẫn cho tôi.

5952. Cùng nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã trở thành vị Tỳ-khưu theo lối "được gọi đến". Cùng với tất cả các vị ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5953-54. Các vị ấy và luôn cả nhiều người đệ tử khác đã tháp tùng theo tôi. Và tôi có khả năng để chỉ dạy. Do đó, trong sự hiện diện của đại chúng, bậc Ẩn Sĩ tối thượng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. Ôi, việc tôn kính đã được thực hiện ở đức Phật đã có quả báo sanh lên cho tôi!

5955. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5956. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5957. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uruvelakassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uruvelakassapa" là phần thứ tám.

539. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RĀDHA (*Rādhattherāpadānaṃ*)

5958. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.

5959. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5960. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5961. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5962. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5963. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5964. Khi ấy, là người Bà-la-môn thông suốt về chú thuật ở tại Haṃsavatī, tôi đã đi đến gặp bậc Quý Nhân ấy và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5965. Được tự tin ở nơi các hội chúng, đấng Đại Hùng, bậc Hướng Đạo đang tuyên bố vị Tỳ-khưu có tài biện giải ở vào vị thế tối thắng.

5966. Khi ấy, sau khi thể hiện sự tôn kính đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, tôi đã quỳ xuống đê đầu ở chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5967. Do đó, đức Thế Tôn, vị có ánh sáng tợ như khối vàng đã nói với tôi bằng giọng nói thu hút, [có khả năng] mang đi các phiền não và ô nhiễm rằng:

5968. "Mong sao ngươi có sự an vui, sống thọ. Mong sao ước nguyện được thành tựu cho ngươi. Sự tôn kính đã được ngươi thể hiện đến Ta cùng hội chúng thật vô cùng rộng lớn.

5969. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5970. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên gọi là Rādha.

5971. Được hoan hỷ về chủng tử đức hạnh của ngươi, người con trai dòng Sakya, bậc Nhân Ngưu, đấng Lãnh Đạo ấy sẽ tuyên bố [ngươi là] vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải."

5972. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ, có niệm, có tuệ, định tĩnh. Với tâm từ ái, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng từ đó cho đến hết cuộc đời.

5973. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5974. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

5975. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi.

5976. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra tại kinh thành Giribbajja,[6] trong gia tộc Bà-la-môn không được sung túc, bị thiếu thốn về y phục và thức ăn.

5977. Tôi đã dâng lên một muỗng thức ăn đến vị Sāriputta như thế ấy. Đến khi già nua và lớn tuổi, khi ấy tôi đã đi đến tu viện.

5978. Là người già cả yếu đuối không có thể lực, các vị không ai cho tôi xuất gia. Vì thế, khi ấy tôi đã trở nên thê thảm, cơ thể bị xuống sắc, có sự sầu muộn.

5979. Sau khi nhìn thấy, đấng Đại Bi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: "Này con trai, lý do gì khiến ngươi lại bị khổ đau vì sầu muộn. Hãy trình bày nỗi khổ đau đã sanh lên ở tâm của ngươi."

5980. "Bạch đấng Anh Hùng, con không đạt được sự xuất gia trong giáo pháp khéo được thuyết giảng của Ngài. Vì thế, con trở nên thê thảm vì sầu muộn. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [của con]."

5981. Khi ấy, bậc Hiền Trí tối thượng đã triệu tập các vị Tỳ-khưu lại và đã hỏi rằng: "Những vị nào nhớ được hành động hướng thượng của người này, những vị ấy hãy nói lên."

5982. Khi ấy, vị Sāriputta đã nói rằng: "Con nhớ được hành động của người này. Trong khi con đang đi khất thực, ông đã bảo dâng cúng một muỗng thức ăn đến con."

5983. "Lành thay! Lành thay! Này Sāriputta, ngươi quả là người biết ơn. Ngươi hãy cho người Bà-la-môn lớn tuổi này xuất gia. Người này sẽ là chủng tử tốt."

5984. Do đó, tôi đã đạt được sự xuất gia và sự tu lên bậc trên với lời tuyên ngôn hành sự. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc.

5985. Vì tôi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí một cách nghiêm chỉnh, do đó, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi là vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải.

5986. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

---

[6] Một tên gọi khác của thành Rājagaha. (ND)

5988. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rādha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rādha" là phần thứ chín.

540. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA (*Mogharājattherāpadānaṃ*)

5989. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.[7]

5990. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5991. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5992. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5993. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5994. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5995. Lúc bấy giờ, tôi đã ở trong một gia đình nọ tại thành Haṃsavatī. Bị vướng bận trong sự quán xuyến công việc của người khác, tài sản riêng của tôi là không có gì.

5996. Trong khi cư ngụ tại gian nhà nghỉ chân có nền đất đã được sửa soạn, tôi đã đốt lên ngọn lửa ở tại nơi ấy [khiến] nền đất ấy đã trở nên đen và cứng.

5997. Khi ấy, đấng Bảo Hộ, bậc giảng giải về bốn sự thật, đã tán dương vị Thinh văn là vị mặc y thô xấu ở hội chúng.

5998. Hoan hỷ về đức hạnh đó của vị ấy, tôi đã quỳ xuống ở đức Như Lai và đã phát nguyện vị thế tối thượng là vị đứng đầu trong số các vị mặc y thô xấu.

5999. Do đó, đức Thế Tôn Padumuttara đã nói với các vị Thinh văn rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem người nam có y phục thô xấu và thân hình gầy ốm này.

6000. [Người này] với khuôn mặt tịnh tín và có sự phỉ lạc, được sở hữu tài sản về đức tin, có lông dựng đứng sanh lên ở cơ thể, được mừng rỡ, không cử động, có nhúm bông Sāla.

6001. Người này phát nguyện vị thế ấy của vị Tỳ-khưu có được đạo binh về sự chân thật và có thiên hướng về hình tướng của vị mặc y thô xấu ấy."

6002. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã quỳ xuống đê đầu ở đấng Chiến Thắng. Tôi đã thực hiện việc làm tốt đẹp trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng cho đến hết cuộc đời.

[7] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Mogharājā, số 35, trang 81.

6003. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6004. Do hành động đốt nền đất ở gian nhà nghỉ chân, tôi đã bị thiêu đốt, bị khổ đau về cảm thọ ở địa ngục một ngàn năm.

6005. Do phần dư sót của nghiệp ấy, trong năm trăm kiếp sống, dầu đã được may mắn sanh ra làm người, tôi đã bị đóng dấu từ lúc mới sanh.

6006. Tôi đã bị nhiễm bệnh phong cùi luôn cả năm trăm kiếp sống. Do tác động của nghiệp ấy, tôi đã trải qua khổ đau lớn lao.

6007. Ở vào kiếp Bhadda này, với tâm ý tịnh tín, tôi đã làm hài lòng vị có danh vọng tối cao bằng món thức ăn.

6008. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6009. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-ly. Khi cha tôi băng hà, tôi đã được kế thừa vương quốc rộng lớn.

6010. Bị bệnh phong cùi chế ngự, tôi không đạt được sự vui sướng và sự an lạc. Vì sự sung sướng về vương quốc là rỗng không, cho nên tôi là Mogharājā.[8]

6011. Sau khi nhìn thấy sự xấu xa của thân thể, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến làm học trò của vị Bà-la-môn cao cả tên Bāvarī.

6012. Cùng với đoàn tùy tùng đông đảo, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo nhân loại. Tôi đã hỏi đấng Anh Hùng ấy là vị [có khả năng] khuất phục người đối đáp một câu hỏi khôn khéo.

6013. Thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, luôn cả thế giới chư thiên không biết rõ quan điểm của Ngài, của vị Gotama có danh vọng.

6014. "Bằng cách nào Thần chết không nhìn thấy người đang suy xét về thân này?" Là người có mục đích, tôi đã đi đến với người có sự thấy biết vượt trội như vậy bằng câu chất vấn.

6015. "Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm. Ngươi hãy suy xét thân này là không. Sau khi dẹp bỏ tà kiến về tự ngã,[9] như vậy ngươi có thể vượt trội Thần chết.

6016. Thần chết không nhìn thấy người đang suy xét về thân này là như thế." Đức Phật, người thầy thuốc chữa tất cả các loại bệnh đã giảng cho tôi như vậy.

6017. Với sự chấm dứt của câu kệ, tôi có râu tóc đã được cạo bỏ, có sự mặc lên tấm vải ca-sa, tôi đã trở thành vị Tỳ-khưu A-la-hán như thế.

6018. Bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã không cư ngụ trong các trú xá thuộc về hội chúng, [nghĩ rằng:] "Chớ để trú xá bị dơ bẩn", tôi đã bị hành hạ bởi các cơn bệnh về gió.

---

[8] Mogharājā nghĩa là "vị vua (*rājā*) rỗng không (*mogha*), *rajja* là vương quốc, vương quyền."

[9] Xem phần nói về Tùy ngã kiến, *Paṭisambhidāmagga* I (*Phân tích đạo* I), *TTPV*, tập 37, trang 266-281.

6019. Sau khi đã đem về từ đống rác, từ bãi tha ma và từ các đường lộ, từ đó tôi đã làm nên y hai lớp và tôi đã mặc y thô xấu.

6020. Hoan hỷ về đức hạnh ấy của tôi, bậc Thầy Thuốc Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị mặc y thô xấu.

6021. Có sự đoạn tận thiện và ác, đã được dứt bỏ mọi cơn bệnh, tợ như ngọn lửa không còn nhiên liệu, tôi đã Niết-bàn không còn lậu hoặc.

6022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

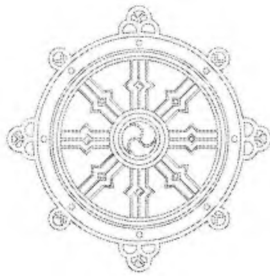
Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mogharāja" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Kaccāna, vị Trưởng lão Vakkali, vị có tên là Mahākappina, vị Dabba, vị có tên là Kumāra, vị Bāhiya, vị Koṭṭhita có năng lực, vị Uruvelakassapa, vị Rādha và bậc trí tuệ Mogharājā. Ở đây có ba trăm và luôn cả sáu mươi hai câu kệ đã được gộp chung lại.

Phẩm Kaccāna là phẩm thứ năm mươi bốn.



LV. PHẨM BHADDIYA
(*BHADDIYAVAGGO*)

541. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKABHADDIYA
(*Lakuṇṭakabhaddiyattherāpadānaṃ*)

6025. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6026. Vào lúc bấy giờ, tôi là con trai nhà triệu phú có đại tài sản ở tại Haṃsavatī. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng.

6027. Khi ấy, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Lãnh Đạo ấy đang thuyết giảng giáo pháp. Ngài đã tán dương vị Thinh văn ưu tú trong số các vị có giọng nói ngọt ngào.

6028. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã phát nguyện vị thế ấy.

6029. Khi ấy, đức Phật, đấng Hướng Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng rằng: "Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

6030. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6031. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Bhaddiya."

6032. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6033. Trước đây chín mươi hai kiếp, bậc Lãnh Đạo Phussa, vị khó tiếp cận, khó chinh phục, đấng Chiến Thắng Tối Thượng của tất cả thế gian đã hiện khởi.

6034. Là vị hội đủ tánh hạnh, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng, là người tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, Ngài đã giải thoát cho nhiều người khỏi sự trói buộc.

6035. Tôi đã là con chim cu cu cườm ở khu rừng Nandārāma. Tôi sống ở cành cây xoài gần hương thất của Ngài.

6036. Khi ấy, sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Tối Thượng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường đang đi khất thực, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã hót lên với tiếng hót ngọt ngào.

6037. Khi ấy, tôi đã đi đến khu vườn của đức vua và đã gắp lấy chùm xoài chín muồi có màu da vàng chói rồi đã dâng đến bậc Toàn Giác.

6038. Khi ấy, biết được tâm của tôi, bậc Đại Bi Mẫn, đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo đã nhận lấy bình bát từ tay của vị thị giả.

6039-40. Với tâm hớn hở, tôi đã dâng cúng chùm xoài đến bậc Đại Hiền Trí. Sau khi đặt vào bình bát, tôi đã chắp hai cánh lại, đồng thời hót lên với tiếng hót ngọt ngào, quyến rũ, êm tai, vui vẻ nhằm mục đích cúng dường đức Phật. Rồi tôi đã bay về tổ và nằm xuống.

6041. Khi ấy, tôi đã có tâm hoan hỷ, có thiên hướng yêu mến đức Phật. Có con chim ưng với tâm ý xấu xa đã đi đến và đã giết chết tôi.

6042. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã thọ hưởng sự sung sướng lớn lao ở cõi trời Đẩu-suất. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã đi đến nhập vào thai của loài người.

6043. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6044. Ngài đã làm chói sáng giáo pháp, đã khuất phục các ngoại đạo xấu xa, đã huấn luyện những người đáng được huấn luyện, và đã Niết-bàn cùng các vị Thinh văn.

6045. Khi đấng Cao Cả ấy của thế gian đã Niết-bàn, được tịnh tín, nhiều người tạo nên ngôi bảo tháp nhằm mục đích cúng dường đến đức Phật, đến bậc Đạo Sư.

6046. Họ bàn thảo như vầy: "Chúng ta sẽ tạo nên ngôi bảo tháp bảy do-tuần được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ."

6047. Khi ấy, tôi đã là vị thống lãnh quân đội của đức vua của xứ Kāsi [tên] là Kiki. Tôi đã nói đến việc giảm thiểu kích thước ở ngôi bảo tháp.

6048. Khi ấy, do lời nói của tôi, họ đã xây dựng ngôi bảo tháp một do-tuần được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Anh Hùng của nhân loại.

6049. Do nghiệp ấy đã được thực hiện hoàn tất và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6050. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở tại kinh thành Sāvatthi.

6051. Sau khi nhìn thấy đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố, tôi đã có tâm ý sửng sốt. Sau khi xuất gia không lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6052. Do hành động tôi đã làm về kích thước của ngôi bảo tháp, tôi đã được sanh ra có thân hình thấp bé, đáng bị khinh thường.

6053. Sau khi cúng dường bậc Ẩn Sĩ tối thượng với giọng hát ngọt ngào, tôi đã thành tựu bản thể hàng đầu trong số các vị Tỳ-khưu có giọng nói ngọt ngào.

6054. Do việc dâng cúng trái cây và sự tưởng nhớ đến đức hạnh của đức Phật, tôi được thành tựu quả vị Sa-môn, tôi sống không còn lậu hoặc.

6055. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6056. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6057. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Lakuṇṭakabhaddiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Lakuṇṭakabhaddiya" là phần thứ nhất.

542. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṄKHĀREVATA
(*Kaṅkhārevatattherāpadānaṃ*)

6058. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6059. Ngài có hàm sư tử, có giọng nói của Phạm thiên, có âm điệu của loài chim thiên nga và tiếng trống, có sự bước đi hùng dũng của loài rồng, có ánh sáng vượt trội mặt trăng và mặt trời.

6060. Bậc Đại Trí, đấng Đại Hùng là có thiền chứng lớn lao, có sức mạnh lớn lao. Bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ là có sự xua đi màn tăm tối lớn lao.

6061. Có lần nọ, đấng Cao Cả của tam giới ấy, bậc Toàn Giác, đấng Hiền Trí, vị hiểu biết về thiên hướng của chúng sanh, trong lúc đang huấn luyện cho nhiều người đáng được huấn luyện, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp.

6062. Trong lúc tán dương ở hội chúng về vị anh hùng có thiền chứng, thỏa thích về thiền, an tịnh, không bị chộn rộn, đấng Chiến Thắng đã làm cho dân chúng được hoan hỷ.

6063. Khi ấy, tôi đã là vị Bà-la-môn thông suốt các bộ Vệ-đà ở thành Haṃsavatī. Sau khi lắng nghe giáo pháp, được hoan hỷ tôi đã phát nguyện vị thế ấy.

6064. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng rằng: "Này Bà-la-môn, ngươi hãy hoan hỷ, ngươi sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

6065. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6066. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Revata."

---

[1] *Lakuṇṭakabhaddiya* nghĩa là "vị tên Bhaddiya thấp lùn (*lakuṇṭaka*)."

6067. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6068. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành Koliya, được thành tựu gia tộc Sát-đế-lỵ sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao.

6069. Vào lúc đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp ở Kapilavatthu, khi ấy, được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

6070. Tôi đã có nhiều sự hoài nghi về điều được phép và không được phép, ở việc này việc nọ. Sau khi thuyết giảng về giáo pháp tối thượng, đức Phật đã hướng dẫn tất cả các điều ấy.

6071. Do đó, tôi đã vượt qua luân hồi và tôi sống luôn luôn được thỏa thích trong sự an lạc của thiền. Khi ấy, đức Phật, sau khi nhìn thấy tôi, Ngài đã nói điều này:

6072. "Bất cứ điều hoài nghi nào ở nơi đây hoặc ở cõi khác, do sự hiểu biết của chính mình hoặc do sự hiểu biết của người khác, những vị nào có thiền chứng, có sự tinh cần, đang thực hành Phạm hạnh, dứt bỏ tất cả những hoài nghi ấy."

6073. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

6074. Do đó, sau khi nhìn thấy tôi được thỏa thích trong thiền, đức Phật, vị đã đi đến tận cùng của thế giới, bậc Hiền Trí, đấng Đại Trí đã tuyên bố tôi là đứng đầu trong số các vị Tỳ-khưu có thiền chứng.

6075. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6076. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6077. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṅkhārevata[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṅkhārevata" là phần thứ nhì.

543. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVALĪ (*Sīvalittherāpadānaṃ*)

6078. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6079. Giới của vị ấy là không thể đo lường, định được sánh với kim cương, trí tuệ cao quý là không thể ước lượng, và sự giải thoát là không có tương đương.

[2] *Kaṅkhārevata* nghĩa là "vị Revata có sự hoài nghi (*kaṅkhā*)."

6080. Ở cuộc hội họp của loài người, chư thiên, các loài rồng và các đấng Phạm thiên, được đông đảo các vị Sa-môn và Bà-la-môn, bậc Lãnh Đạo đã thuyết giảng giáo pháp.

6081. Được tự tin ở nơi các hội chúng, Ngài đã thiết lập vị Thinh văn có lợi lộc nhiều, có phước báu rạng ngời vào vị thế tối thắng.

6082. Khi ấy, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ ở thành phố tên là Haṃsā. Tôi đã nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng [nói] về nhiều đức hạnh của vị Thinh văn.

6083. Tôi đã thỉnh mời và đã cung cấp vật thực đến Ngài cùng với các vị Thinh văn trong bảy ngày. Sau khi cúng dường cuộc đại thí, tôi đã phát nguyện vị thế ấy.

6084. Khi ấy, sau khi nhìn thấy tôi khom mình ở bàn chân, bậc Nhân Ngưu, đấng Đại Hùng với âm điệu dịu dàng đã nói lời nói này.

6085. Do đó, có ước muốn được nghe lời nói của đấng Chiến Thắng, đám đông người gồm có chư thiên, a-tu-la, càn-thát-bà và các đấng Phạm thiên có đại thần lực.

6086. Luôn cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đã chắp tay lên lễ bái rằng: "Bạch đấng Siêu Nhân, xin kính lễ Ngài. Bạch đấng Tối Thượng Nhân, xin kính lễ Ngài.

6087. Bạch đấng Đại Hiền Trí, cuộc đại thí đã được vị Sát-đế-lỵ dâng cúng đến Ngài trọn bảy ngày, xin Ngài hãy chú nguyện quả báo cho vị ấy, [chúng tôi] có ước muốn được nghe."

6088-89. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Các ngươi hãy lắng nghe lời nói của Ta. Sự cúng dường đã khéo được thiết lập ở đức Phật vô lượng, ở hội chúng, ai là người thông báo rằng chính việc cúng dường ấy là có quả báo vô lượng? Và luôn cả người có của cải dồi dào này cũng phát nguyện vị thế tối thượng rằng:

6090. 'Giống như vị Tỳ-khưu Sudassana là có lợi lộc trong số các vị có lợi lộc dồi dào, mong rằng ta cũng có thể được tương tợ y như thế', [người này] sẽ đạt được điều ấy trong ngày vị lai.

6091. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6092. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Sīvali."

6093. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6094. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

6095. Lúc bấy giờ, tôi đã bị bận rộn với việc buôn bán, là người được cảm tình và còn được mong mỏi nữa của một gia đình nọ ở tại thành Bandhumatī.

6096. Khi ấy, có hội đoàn nọ đã thực hiện bữa ăn lớn lao vô cùng nổi tiếng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

6097. Và khi cuộc đại thí được hoàn tất, họ đã dâng cúng món bánh tổng hợp. Trong lúc tìm kiếm, người ta vẫn không nhìn thấy sữa đông tươi và luôn cả mật ong nữa.

6098. Khi ấy, tôi đã cầm lấy sữa đông tươi ấy luôn cả mật ong rồi đã đi đến nhà của người chủ công việc. Trong lúc tìm kiếm vật ấy, họ đã nhìn thấy tôi.

6099. Dầu họ đã xuất ra đến một ngàn nhưng vẫn không nhận được hai món ấy. Do đó, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Việc này sẽ không là chuyện nhỏ.

6100. Giống như tất cả những người này tôn trọng đức Như Lai, thì ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính ở nơi đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng."

6101. Khi ấy, sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã nghiền nát sữa đông và mật ong chung lại rồi đã dâng cúng đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.

6102. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6103. Lần khác nữa, tôi đã trở thành vị vua có danh vọng lớn lao ở thành Bārāṇasī. Khi ấy, bị bực mình đối với quân thù, tôi đã cho thực hiện sự ngăn chặn ở cổng thành.

6104. Khi ấy, mọi người cùng với các quân lính đã bị ngăn cản và đã bị canh giữ bảy ngày. Sau đó, do kết quả của việc ấy, tôi đã thường xuyên bị rơi vào địa ngục.

6105. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành Koliya. Và mẹ của tôi là Suppavāsā, cha là Mahāli người xứ Licchavī.

6106. Do nghiệp phước thiện khi là vị Sát-đế-ly và do tác động của việc ngăn chặn cổng thành, tôi đã sống bảy năm trong bụng mẹ, chịu khổ đau.

6107. Trong bảy ngày, tôi đã bị mê man ở cửa [sanh ra], gánh chịu sự khổ đau lớn lao. Mẹ của tôi đã bị vô cùng đớn đau như thế do việc bày tỏ sự đồng tình [về quyết định ngăn chặn cửa thành trong bảy ngày].

6108. Được đức Phật thương tưởng, tôi đã được sanh ra an toàn. Ngay vào ngày được hạ sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

6109. Thầy tế độ của tôi là vị Sāriputta và vị Moggallāna có đại thần lực. Trong khi đang xuống tóc, bậc Đại trí đã chỉ dạy cho tôi.

6110. Khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Chư thiên, các loài rồng và nhân loại đem lại cho tôi các vật dụng.

6111. Việc tôi đã hoan hỷ cúng dường đến đấng Bảo Hộ Padumuttara và đấng Hướng Đạo Vipassī với các vật dụng một cách đặc biệt.

6112. Do đó, với tính chất đặc biệt của các nghiệp ấy, tôi đạt được lợi lộc dồi dào và thượng hạng ở mọi nơi, ở rừng rú, ở làng mạc, ở sông nước, ở đất liền.

6113. Vào lúc đấng Hướng Đạo ra đi nhằm mục đích thăm viếng vị Revata, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ra đi cùng với ba mươi ngàn vị Tỳ-khưu.

6114. Khi ấy, bậc Đại Trí, đấng Đại Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng đã có các vật dụng được chư thiên đem lại vì sự lợi ích cho tôi.

6115. Được tôi phục vụ, đức Phật đã đi đến và thăm viếng Revata. Sau đó, Ngài đã đi đến Jetavana và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

6116. Bậc Đạo Sư, nguồn lợi ích của tất cả thế gian, đã tán dương tôi ở các hội chúng rằng: "Này các Tỳ-khưu, trong các đệ tử của Ta, Sivalī là vị đứng đầu trong số các vị có được lợi lộc."

6117. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6118. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6119. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīvalī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīvalī" là phần thứ ba.

544. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṄGĪSA (*Vaṅgīsattherāpadānaṃ*)

6120. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6121. Cũng giống như sóng ở biển cả, tợ như các vì sao ở bầu trời, tương tợ như thế, lời giảng dạy của Ngài được tô điểm bằng các vị A-la-hán.

6122. Ngài đứng đầu chư thiên, các hàng a-tu-la, các loài rồng và nhân loại. Ngài là bậc tối thượng ở giữa dân chúng có đông đảo các vị Sa-môn và Bà-la-môn.

6123. Đấng Chiến Thắng, vị đã đi đến tận cùng của thế giới, đang chiếu sáng thế gian bằng các tia sáng. Ngài đang đánh thức những đóa hoa sen xứng đáng được dẫn dắt bằng ngôn từ.

6124. Bậc Tối Thượng Nhân được hội đủ bốn pháp tự tín, có sự sợ hãi và quyến luyến đã được dứt bỏ, đã đạt đến sự bình an, có lòng tự tín.

6125. Đấng Cao Cả Của Thế Gian chứng tỏ vị thế hùng tráng cao quý và toàn bộ nền tảng của bậc đã được giác ngộ, không có tự trách cứ về bất cứ điều gì.

6126. Trong khi Ngài là bậc như thế ấy đang rống lên tiếng rống không chút hãi sợ của loài sư tử, không có người nào phản bác lại, dầu là thiên nhân, hoặc loài người, hay là đấng Phạm thiên.

6127. Trong khi thuyết giảng giáo pháp cao quý, trong khi giúp cho [nhân loại],

luôn cả chư thiên vượt qua, bậc tự tín ở nơi các hội chúng [đã] chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

6128. Sau khi tán dương vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị có tài biện giải được công nhận là tốt lành về nhiều đức hạnh, Ngài đã thiết lập vị ấy vào vị thế tối thắng.

6129. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở thành Haṃsavatī, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành, là người hiểu biết về tất cả các bộ Vệ-đà, là vị chúa tể của việc tranh cãi, là bậc có sự tiêu diệt người đối đáp.

6130. Tôi đã đi đến gặp đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe về sự thuyết giảng giáo pháp ấy. Được thỏa thích với đức hạnh của vị Thinh văn, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc cao quý.

6131. Tôi đã thỉnh mời đấng Thiện Thệ là niềm vui thích của thế gian cùng với hội chúng. Sau khi cung cấp vật thực trong bảy ngày, khi ấy tôi đã khoác lên [các vị] với những tấm vải.

6132. Tôi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân [Ngài]. Được sự cho phép, tôi đã chắp tay lại, đứng ở một bên, mừng rỡ, tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng Tối Thượng rằng:

6133. "Bạch đấng tranh luận [dũng mãnh] tợ loài beo, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Cao Cả của tất cả thế gian, con kính lễ Ngài! Bạch đấng làm cho không còn hãi sợ, con kính lễ Ngài!

6134. Bạch đấng khuấy động Ma vương, con kính lễ Ngài! Bạch đấng có sự tiêu diệt tà kiến, con kính lễ Ngài! Bạch đấng ban cho sự thanh tịnh và an lạc, con kính lễ Ngài! Bạch đấng tạo sự nương nhờ, con kính lễ Ngài!

6135. Ngài đang là đấng Bảo Hộ cho những ai không người bảo hộ, là người ban phát sự không sợ hãi cho những ai bị hãi sợ, là vùng đất nghỉ ngơi của chúng sanh, là nơi nương nhờ cho những ai tầm cầu sự nương tựa."

6136. Sau khi ngợi ca đấng Toàn Giác có đức hạnh lớn lao như thế, v.v... Tôi đã nói rằng: "Con sẽ đạt đến số phận của vị Tỳ-khưu tranh luận dũng cảm."

6137-38. Khi ấy, đức Thế Tôn, bậc có tài biện giải không giới hạn đã nói rằng: "Được tịnh tín, người này đã tự tay mình chăm lo bữa ăn đến đức Phật cùng với [các] Thinh văn trong bảy ngày và đã ngợi ca đức hạnh của Ta. Người này ước nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu là người tranh luận dũng cảm.

6139. Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy sau khi đã thọ hưởng sự thành tựu ở cõi trời và cõi người không phải là ít.

6140. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6141. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Vaṅgīsa."

6142. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái, tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, đức Như Lai bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

6143. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất.

6144. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được tái sanh vào gia đình du sĩ ngoại đạo. Và đến lúc tôi đã được bảy tuổi tính từ lúc sanh.

6145. Tôi đã trở thành người hiểu biết tất cả các bộ Vệ-đà, được tự tin trong nghệ thuật về tranh luận, là vị chúa tể của các nhà tranh luận, có sự thuyết giảng hay, đánh bại các nhà tranh luận khác.

6146. Vaṅgīsa nghĩa là "Được sanh ra ở xứ Vaṅga" hoặc là "Vị chúa tể về lời nói." Được đồng tình bởi thế gian, tên của tôi đã là Vaṅgīsa.

6147. Vào lúc tôi đạt đến sự hiểu biết, tôi đã đứng đầu trong lớp trẻ. Khi ấy tôi đã nhìn thấy vị Sāriputta ở thành Rājagaha đáng yêu.

(**Dứt tụng phẩm thứ hai mươi lăm**).

6148. Trong lúc đi đó đây để khất thực, vị ấy tay ôm bình bát, khéo thu thúc, mắt không láo liên, có lời nói cân nhắc, có tầm nhìn xuống một cán cày.

6149. Sau khi nhìn thấy vị ấy, tôi đã trở nên sửng sốt và đã tức thời nói lên câu kệ văn vẻ, thuận theo tâm ý được sáng tác tại chỗ.

6150. Vị ấy đã nói với tôi về đấng Đạo Sư, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Của Thế Gian. Khi ấy, bậc anh hùng ấy đã nói cho tôi câu trả lời.

6151. Vị ấy đã nói về lời giảng dạy có sự xa lìa tham ái, khó hiểu thấu, cao thượng. Với các sự hiểu biết rõ ràng, tôi đã trở nên hoan hỷ với vị như thế ấy. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [vị Sāriputta] và đã nói rằng: "Xin Ngài hãy cho tôi xuất gia."

6152. Do đó, bậc Đại Trí tuệ ấy đã đưa tôi đến gặp đức Phật tối thượng. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài], rồi đã ngồi xuống gần bên bậc Đạo Sư.

6153. Bậc Tối Thượng trong số những người tranh luận đã nói với tôi rằng: "Này Vaṅgīsa, ngươi biết được điều gì, có tài nghệ gì?" Và tôi đã nói với Ngài rằng: "Con có biết."

6154. "Với tài nghệ đặc biệt của ngươi, nếu ngươi có khả năng thì hãy cho biết về cái sọ người đã chết bị quăng bỏ ở trong rừng cũng đã mười hai năm."

6155. "Xin vâng." Khi tôi đồng ý, Ngài đã chỉ cho thấy ba cái sọ người. Tôi đã cho biết rằng đã đạt đến địa ngục, loài người và cõi trời.

6156. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo đã chỉ cho thấy cái sọ của đức Phật Độc Giác. Do đó, tôi đã bị thất bại và tôi đã cầu xin sự xuất gia.

6157. Sau khi xuất gia, tôi ngợi ca đức Thiện Thệ ở nơi này nơi khác. Do đó, các vị Tỳ-khưu ở đây than phiền về tôi là "Nhà sáng tác thơ ca."

6158. Do đó, nhằm mục đích tìm hiểu, đức Phật, bậc Hướng Đạo đã nói với tôi rằng: "Những câu kệ này đã được suy nghĩ [trước đây] hay là [vừa mới] nảy sanh theo sự việc?"

6159. "Bạch đấng Đại Hùng, con không phải là nhà sáng tác thơ ca, chúng [vừa mới] nảy sanh theo sự việc." "Này Vaṅgīsa, như thế thì ngươi hãy ngợi ca về Ta theo sự việc."

6160. Khi ấy, tôi đã ngợi ca đấng Anh Hùng, bậc Ẩn Sĩ tối thượng với những câu kệ theo sự việc. Khi ấy, được hoan hỷ về tôi, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế đứng đầu.

6161. Do tâm sáng láng, tôi đã vượt trội các vị tốt lành khác. Do điều ấy, tôi đã bị tác động, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6162. "Không tìm thấy bất cứ vị nào khác là vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải như là vị Tỳ-khưu Vaṅgīsa này. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như thế."

6163. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

6164. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6165. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6166. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṅgīsa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vaṅgīsa" là phần thứ tư.

545. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (*Nandakattherāpadānaṃ*)

6167. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6168. Đấng Siêu Nhân, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã ngự đến [thế gian], có cả chư thiên vì sự tấn hóa, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của tất cả chúng sanh.

6169. Đấng Chiến Thắng đạt được danh vọng cao cả, có sự vinh quang, được mang lại sự ca ngợi về tiếng thơm, được cúng dường, được nổi tiếng ở khắp mọi phương của toàn thể thế gian.

6170. Ngài đã vượt lên trên sự nghi hoặc, đã vượt qua hẳn sự lưỡng lự, đã được tròn đủ về tâm ý và sự suy tư, đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

6171. Bậc Vĩ Nhân là người đã làm sanh lên con đường chưa được hiện khởi, đã công bố điều chưa được công bố và đã biết điều chưa được biết.

6172. Là người biết về đạo lộ, hiểu rõ về đạo lộ, bậc Nhân Ngưu ấy đã nói về đạo lộ. Được thiện xảo về đạo lộ, bậc Đạo Sư là đấng cao quý tối thượng trong số những người điều khiển xe.

6173. Khi ấy, đấng Đại Bi, bậc Lãnh Đạo thuyết giảng giáo pháp. Ngài tiếp độ những sanh mạng bị chìm đắm trong vũng lầy mê muội.

6174. Trong lúc tán dương vị Thinh văn được công nhận là đứng đầu trong việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni, bậc Đại Hiền Trí đã tuyên bố về vị thế tối thắng.

6175. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với hội chúng, và sau khi đã chăm lo bữa ăn, tôi đã phát nguyện vị thế tối thượng ấy.

6176. Khi ấy, được hoan hỷ, đấng Bảo Hộ, bậc Đại Ẩn Sĩ đã nói với tôi rằng: "Mong rằng ngươi được an lạc và trường thọ, ngươi sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

6177. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6178. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Nandaka."

6179. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6180. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi.

6181. Sau khi nhìn thấy đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố, tôi đã có tâm ý sửng sốt. Vào lúc tiếp nhận tu viện Jeta, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

6182. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau đó, có sự luân hồi đã được vượt qua, tôi đã được chỉ dạy bởi đấng Toàn Tri.

6183-84. Theo sự yêu cầu, tôi đã thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho các Tỳ-khưu-ni. Được chỉ dạy bởi tôi, tất cả năm trăm vị Ni ấy không thiếu người nào đã trở thành các bậc Vô lậu. Khi ấy, được hoan hỷ, bậc có sự lợi ích lớn lao đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

6185. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

6186. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6187. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6188. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nandaka" là phần thứ năm.

546. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶUDĀYI (*Kāḷudāyittherāpadānaṃ*)

6189. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6190. Bậc Đạo Sư là đấng cao quý trong số các đấng Lãnh Đạo, là bậc hiểu biết về thiện hạnh và ác hạnh, là đấng Chiến Thắng, là bậc ghi nhớ ân nghĩa, là bậc biết được hậu quả, Ngài giúp cho các sanh mạng gắn bó vào niềm tin.

6191. Có thiên hướng về lòng trắc ẩn, Ngài phân định bằng trí tuệ biết được tất cả. Có sự tích lũy về đức độ vô biên, Ngài thuyết giảng về giáo pháp cao quý.

6192. Có lần nọ, bậc Đại Anh Hùng ấy thuyết giảng giáo pháp ngọt ngào bao gồm bốn sự thật ở cuộc hội họp gồm dân chúng vô số kể.

6193. Sau khi lắng nghe giáo pháp cao quý có sự tốt đẹp ở phần đầu phần giữa và phần cuối ấy, đã có sự lãnh hội giáo pháp của hàng trăm ngàn sanh mạng.

6194. Khi ấy, trái đất đã gây ra tiếng động và các đám mây mưa đã gào thét. Chư thiên, Phạm thiên, nhân loại và các a-tu-la đã thể hiện hành động tán thán:

6195. "Ôi, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư! Ôi, sự thuyết giảng giáo pháp! Ôi, đấng Chiến Thắng đã tiếp độ những kẻ bị chìm đắm trong đại dương của hiện hữu!"

6196. Trong khi nhân loại, chư thiên và Phạm thiên sanh lên nỗi niềm bày tỏ như thế, đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình.

6197. Khi ấy, được sanh ra trong gia đình vị quan cận thần ở tại Haṃsavatī, tôi đã là người đáng mến, đáng nhìn, có dồi dào về tài sản và lúa gạo.

6198. Tôi đã đi đến tu viện Haṃsa và đã đảnh lễ đức Như Lai ấy. Tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào và đã thể hiện hành động tôn kính đến vị như thế ấy.

6199. Tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã nói lời nói này: "Bạch đấng Hiền Trí, vị đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình đã được Ngài ngợi khen.

6200. Bạch đấng Anh Hùng, con sẽ là vị như thế ấy trong giáo pháp của đức Phật tối thượng." Khi ấy, đấng Đại Bi đang rưới lên tôi bằng [dòng nước] bất tử.

6201. Ngài đã nói với tôi rằng: "Này con trai, hãy đứng dậy, ngươi sẽ đạt

được điều ước nguyện ấy. Sao lại không có kết quả sau khi đã thể hiện hành động tôn kính đến đấng Chiến Thắng?

6202. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6203. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Udāyi."

6204. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái, tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

6205. Do kết quả của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6206. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra trong gia đình vị quan đại thần của vị lãnh chúa Suddhodana ở tại thành Kapilavatthu đáng yêu.

6207. Vào lúc đấng Nhân Ngưu Siddhattha đã được sanh ra ở tại khu rừng Lumbinī đáng yêu vì lợi ích và vì sự an lạc của tất cả thế gian.

6208. Tôi đã được sanh ra đúng vào ngày hôm ấy. Cùng với Ngài ấy, tôi đã lớn lên, trở thành người bạn yêu dấu, được cảm tình, có học thức, rành rẽ về lề lối.

6209. Đến khi hai mươi chín tuổi, trong lúc ra đi, Ngài đã xuất gia. Sau khi trải qua sáu năm, Ngài đã trở thành đức Phật, đấng Hướng Đạo.

6210. Sau khi đã chiến thắng Ma Vương cùng với đạo quân binh, sau khi đã làm cho các lậu hoặc bị quăng bỏ, sau khi đã vượt qua đại dương của hiện hữu, Ngài đã trở thành đức Phật [ở thế gian], luôn cả chư thiên.

6211. Ngài đã đi đến nơi có tên là Isi [Patana] và đã hướng dẫn nhóm năm vị. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến nơi này, đã đi đến nơi khác và đã hướng dẫn.

6212. Khi ấy, trong lúc đang huấn luyện những người đáng được huấn luyện, trong lúc tiếp cận [thế gian] cùng với chư thiên, đấng Chiến Thắng ấy đã đi đến ngọn núi Māgadha và đã cư ngụ ở tại nơi ấy.

6213. Khi ấy, được phái đi bởi vị lãnh chúa Suddhodana, tôi đã đi đến, đã gặp đấng Thập Lực, đã xuất gia và đã trở thành vị A-la-hán.

6214. Khi ấy, tôi đã cầu xin bậc Đại Ẩn Sĩ và đã thuyết phục Ngài đi đến Kapila. Sau đó, tôi đã trở lại thành phố và đã tạo được niềm tịnh tín cho đại gia tộc.

6215. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo ấy ở hội chúng đông đảo đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình.

6216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāḷudāyi đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāḷudāyi" là phần thứ sáu.

547. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABHAYA (*Abhayattherāpadānaṃ*)

6219. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6220. Đức Như Lai giúp cho người an trú vào việc đi đến nương nhờ, giúp cho người an trú vào giới, vào mười đường lối tối thượng về [thiện] nghiệp.

6221. Đấng Đại Hùng ấy ban cho người quả vị Sa-môn tối thượng. Tương tợ y như thế, Ngài ban phát tám sự thể nhập [thiền] và ba minh.

6222. Bậc Tối Thượng Nhân giúp cho chúng sanh gắn bó vào sáu thắng trí. Bậc Bảo Hộ ấy ban cho người bốn pháp phân tích.

6223. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, dầu [ở xa] vô số do-tuần, đấng Điều Phục Nhân trong phút chốc vẫn đi đến gặp và hướng dẫn.

6224. Lúc bấy giờ, tôi đã là con trai của vị Bà-la-môn ở thành Haṃsavatī, là người thông suốt tất cả các bộ Vệ-đà, được công nhận về [khả năng] giảng giải.

6225. Được thiện xảo về ngôn từ và tự tin về từ đồng nghĩa, là người rõ về cú pháp, hiểu biết về nghi lễ, rành rẽ về việc kết hợp âm điệu thi ca.

6226. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đến tu viện Haṃsa. Tôi đã nhìn thấy bậc hàng đầu trong số các vị đang thuyết giảng, được đám đông dân chúng ái mộ.

6227. Trong khi Ngài đang thuyết giảng giáo pháp không bị ô nhiễm, [dầu] có sự hiểu biết trái nghịch, tôi đã đi đến và đã lắng nghe những lời nói không bị bợn nhơ của Ngài.

6228. Tôi đã không nhìn thấy lời đã được nói ra của bậc Hiền Trí ấy là bị lặp lại, lạc đề, hoặc không có ý nghĩa; do đó tôi đã xuất gia.

6229. Trong thời gian không bao lâu, được tự tin về tất cả các học thuật, tôi đã được công nhận bởi tập thể là vị thông thạo về lời dạy của đức Phật.

6230. Khi ấy, tôi đã sáng tác bốn câu kệ có sự diễn tả khéo léo. Tôi đã ngợi ca bậc Cao Cả của tam giới và tôi đã diễn giảng ngày này qua ngày khác:

6231. "Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không bị ái luyến trong khi sống trong luân hồi [đầy] sự kinh hãi. Vì lòng bi mẫn, Ngài đã không Niết-bàn; do đó, bậc Hiền Trí là đấng Bi Mẫn.

6232. Người nào dầu còn là phàm nhân mà đã không bị sự chi phối của phiền não, có sự nhận biết mình, được gắn liền với niệm; do đó, người này là không thể nghĩ bàn.

6233. Đối với người nào các phiền não ở trạng thái ngủ ngầm đã trở nên yếu ớt, đã bị thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ mà không bị cạn kiệt, điều ấy là kỳ diệu.

6234. Vị nào là thầy của tất cả thế gian và thế gian tôn kính như thế đối với vị nào, cũng tương tợ như vậy, vị nào là thầy dạy của thế gian, thế gian là xu hướng theo vị ấy."

6235. Trong khi tán dương đấng Toàn Giác như thế, v.v... Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp đến hết cuộc đời, từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời.

6236. Kể từ khi tôi đã tán dương đức Phật cho đến một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

6237. Ở thế giới chư thiên, tôi đã cai quản vương quốc rộng lớn và vùng địa phận. Là đấng Chuyển Luân Vương, tôi đã thường xuyên thọ hưởng vương quốc rộng lớn.

6238. Tôi [đã] được sanh ra ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc tán dương.

6239. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc tán dương.

6240. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi là con trai của đức Vua Bimbisāra ở tại kinh thành Giribbajja và có tên là Abhaya.

6241. Sau khi rơi vào sự ảnh hưởng của bạn xấu, tôi đã bị mê muội vì ngoại đạo. Được phái đi bởi [Giáo chủ] Nātaputta, tôi đã đi đến gặp đức Phật tối thượng.

6242. Tôi đã hỏi câu hỏi khôn khéo và đã lắng nghe lời giảng giải xuất chúng. Tôi đã xuất gia, chẳng bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6243. Sau khi tán dương đấng Chiến Thắng Cao Quý, tôi được ca ngợi vào mọi lúc. Với thân hình và khuôn mặt có hương thơm ngát, tôi đã đạt được sự an lạc.

6244. Tôi có được tuệ sắc bén, tuệ vi tiểu, tuệ nhẹ nhàng và tuệ vĩ đại. Tương tợ y như thế,[3] và tôi có tài biện giải đa dạng, nhờ vào tác động của nghiệp ấy.

6245. Với tâm tịnh tín, sau khi ngợi ca danh xưng [của đức Phật] Padumuttara, đấng Tự Chủ, không người sánh bằng, tôi [đã] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp nhờ vào quả báo của nghiệp ấy.

6246. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

---

[3] Xem phần nói về Giảng về tuệ, *Paṭisambhidāmagga* II (*Phân tích đạo* II), *TTPV*, tập 38, trang 187-191.

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abhaya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Abhaya" là phần thứ bảy.

548. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LOMASAKAṄGIYA
(*Lomasakaṅgiyattherāpadānaṃ*)

6249. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6250. Lúc bấy giờ, tôi và luôn cả Candana đã xuất gia trong giáo pháp và đã làm tròn đầy bổn phận trong giáo pháp cho đến phút cuối của cuộc đời.

6251-52. Từ nơi ấy chết đi, cả hai chúng tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất. Tại nơi ấy, chúng tôi đã vượt trội những vị còn lại về mười chi phần là sắc, v.v... về các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc. Chúng tôi đã sống cho đến hết tuổi thọ và đã trải qua sự an lạc lớn lao.

6253. Sau khi mệnh chung từ nơi ấy, Candana đã đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã trở thành người con trai dòng Sakya ở thành Kapilavatthu.

6254. Vào lúc được thỉnh cầu bởi Trưởng lão Udāyi, vì lòng thương tưởng đối với các vị dòng Sakya, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến thành Kapila.

6255. Khi ấy, các vị dòng Sakya vô cùng tự cao, không biết về hạnh lành của đức Phật, chấp nhất về sanh chủng, không tôn trọng, nên không cúi chào đấng Toàn Giác.

6256. Biết được ý định của họ, đấng Chiến Thắng đã đi kinh hành ở trên không trung, đã đổ mưa xuống tương tợ Thần mưa, đã phát cháy như là ngọn lửa.

6257. Ngài đã làm cho nhìn thấy sắc thân vô song rồi lại biến mất, chỉ là một biến thành nhiều, rồi đã biến thành mỗi một mình trở lại.

6258. Ngài đã thị hiện bóng tối và ánh sáng theo nhiều cách. Sau khi đã tạo ra điều kỳ diệu, bậc Hiền Trí đã hướng dẫn các quyến thuộc.

6259. Liền khi ấy, có đám mây lớn khắp bốn châu lục đã đổ mưa. Chính vào khi ấy, đức Phật đã thuyết giảng chuyện *Bổn sanh* "Vessantara."

6260. Khi ấy, tất cả các vị Sát-đế-ly ấy đã tiêu diệt sự tự hào khởi lên do sanh chủng. Họ đã đi đến nương nhờ đức Phật. Khi ấy, [đức Vua] Suddhodana đã nói rằng:

6261. "Bạch đấng có tuệ bao la, bạch đấng Toàn Nhãn, đây là lần thứ ba cha đảnh lễ các bàn chân của Ngài, vào lúc đản sanh Ngài đã làm rung động trái đất, và vào lúc bóng cây Jambu đã không rời bỏ Ngài."

6262. Khi ấy, sau khi nhìn thấy năng lực ấy của đức Phật, với tâm ý sửng sốt, tôi đã xuất gia ở ngay tại nơi ấy và đã sống là người phụng dưỡng mẹ.

6263. Khi ấy, vị Thiên tử Candana đã đi đến gặp tôi và đã hỏi về cách thức tóm tắt và giải rộng của bài *Kinh Bhaddekaratta*.[4]

6264. Khi ấy, bị thúc đẩy bởi vị ấy, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo loài người. Sau khi lắng nghe bài *Kinh Bhaddekaratta*, tôi đã chấn động và đã trở thành người nhiệt tình với khu rừng.

6265. Khi ấy, tôi đã hỏi mẹ về việc tôi sẽ sống mỗi một mình ở trong rừng. Mẹ của tôi đã ngăn cản rằng: "Con là mảnh mai." Khi ấy, tôi đã nói với mẹ rằng:

6266. "Bằng ngực, con sẽ đẩy lùi cỏ dabba, cỏ kusa, cỏ poṭakila, cỏ usīra, cỏ muñja và cỏ babbaja trong khi thực hành hạnh độc cư."[5]

6267. Khi ấy, tôi đã đi vào trong rừng. Tôi đã nhớ lại lời dạy của đấng Chiến Thắng, về sự giáo giới bài *Kinh Bhaddekaratta* và tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6268. Hiển nhiên, người ta có thể tưởng nhớ quá khứ nhưng không thể mong mỏi tương lai, vì việc quá khứ ấy đã được từ bỏ và việc tương lai là chưa đến.

6269. Và người nào nhìn thấy rõ pháp hiện tại ở nơi này, ở nơi kia, sau khi biết được điều ấy là không dời đổi, không lay chuyển, người ấy có thể tiến bộ.

6270. Người nào đang nhiệt tâm với phận sự trong chính ngày hôm nay, có thể biết được Tử thần vào ngày mai. Nếu không, [sẽ] không có sự chạm trán với Tử thần cùng với đạo quân binh đông đảo.

6271. Quả vậy, bậc Hiền Trí nói về vị đang sống có sự nhiệt tâm như thế, đêm ngày không biếng nhác, là vị được an tịnh, là "Người hiền một đêm."

6272. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6273. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6274. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Lomasakaṅgiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Lomasakaṅgiya" là phần thứ tám.

---

[4] *M.* III. 187, *Kinh Nhất dạ Hiền giả* (*Bhaddekarattasuttaṃ*), số 131.

[5] Câu kệ này được thấy trong *Thag.* v. 27.

549. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA
(*Vanavacchattherāpadānaṃ*)

6275. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6276. Lúc bấy giờ, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Phật ấy. Tôi đã thực hành Phạm hạnh đến hết cuộc đời và đã chết đi từ nơi ấy.

6277. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6278. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã trở thành con chim bồ câu ở trong khu rừng. Tại nơi ấy, có vị Tỳ-khưu đầy đủ đức hạnh cư ngụ, luôn luôn thỏa thích với thiền.

6279. Vị anh hùng vĩ đại luôn luôn có tâm từ ái, có lòng bi mẫn, có vẻ mặt hoan hỷ, là vị có hành xả, rành rẽ về các tâm vô lượng.

6280. [Vị ấy] có sự suy tầm không bị chướng ngại, có thiên hướng về sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Không bao lâu sau, tôi đã có được niềm tin ở vị Thinh văn ấy của đấng Thiện Thệ.

6281. Khi ấy, tôi đây đã đi đến ở cạnh bàn chân của vị ấy đang ngồi. Có lần nọ, vị ấy cho thức ăn, và có một lần thuyết giảng giáo pháp.

6282. Khi ấy, tôi đã phục vụ người con trai của đấng Chiến Thắng với lòng yêu thương bao la. Từ nơi đó chết đi, tôi đã đi đến cõi trời như là đã đi về nhà của chính mình sau cuộc hành trình ở xứ lạ.

6283. Mệnh chung từ cõi trời, tôi đã hạ sanh vào loài người nhờ vào nghiệp phước thiện. Tôi đã từ bỏ gia đình và đã xuất gia một cách mau chóng.

6284. Tương tợ y như thế, sau khi trở thành vị Sa-môn, đạo sĩ khổ hạnh, Bà-la-môn, du sĩ ngoại đạo, tôi đã sống ở trong rừng hàng trăm [kiếp sống].

6285. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, ở thành Kapilavatthu đáng yêu có người Bà-la-môn Vacchagotta. Tôi đã nhập thai ở người vợ của ông ta.

6286. Khi tôi đã nhập thai, mẹ của tôi [là sản phụ] đã có niềm khao khát và đã có quyết định về việc cư ngụ ở rừng vào lúc gần được lâm bồn.

6287. Do đó, mẹ đã sanh ra tôi ở bên trong khu rừng đáng yêu. Khi tôi đang ra khỏi bào thai, mọi người đã đỡ lấy tôi bằng tấm y ca-sa.

6288. Sau đó, Vương tử Siddhattha, biểu tượng của gia tộc Sakya đã được sanh ra. Tôi đã trở thành người bạn yêu quý của vị ấy, được tin tưởng, vô cùng tự hào.

6289. Khi con người ưu tú của chúng sanh đang ra đi sau khi đã từ bỏ danh vọng vĩ đại, tôi cũng đã xuất gia và đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

6290. Tôi đã nhìn thấy vị [Mahā] Kassapa là người thuyết giảng về pháp

giũ bỏ, có sự cư ngụ ở rừng, vị đáng được tôn kính. Tôi đã được nghe về sự hiện khởi của đấng Chiến Thắng và tôi đã đi đến gặp đấng Điều Phục Nhân.

6291. Trong lúc giảng giải về mọi ý nghĩa, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi. Sau đó, tôi đã xuất gia và cũng đã quay về lại khu rừng.

6292. Tại nơi ấy, trong khi sống không xao lãng, tôi đã chạm đến sáu thắng trí. Ôi, điều lợi ích đã được đạt thành tốt đẹp cho tôi, tôi đã được người bạn tốt thương tưởng!

6293. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6294. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6295. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vanavaccha[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vanavaccha" là phần thứ chín.

550. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CŪḶASUGANDHA
(*Cūḷasugandhattherāpadānaṃ*)

6296. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6297. Ngài đầy đủ các tướng phụ, có ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quầng ánh sáng, được bao trùm bởi mạng lưới hào quang.

6298. Là người làm cho thoải mái tương tợ mặt trăng, là nguồn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] như là cơn mưa, là kho chứa của đức hạnh ví như biển cả.

6299. Với giới như là trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp, với tuệ tợ như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió.

6300. Vào lúc bấy giờ, tôi được sanh ra tại thành Bārāṇasī trong đại gia tộc có tài sản và lúa gạo dồi dào, có sự tích lũy nhiều loại châu báu khác nhau.

6301. Vào lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang ngồi cùng đoàn tùy tùng đông đảo, tôi đã đi đến gần và đã lắng nghe giáo pháp tợ như cao lương mỹ vị có sự thu hút tâm ý.

6302. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, như là mặt trăng có chòm tinh tú, được đầy đủ các tướng phụ tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

---

[6] *Vanavaccha* nghĩa là "vị có sự cư ngụ (*vaccha*) ở rừng (*vana*)."

6303. Ngài phát ra xung quanh mạng lưới hào quang tợ như ngọn núi vàng cháy rực, được bao quanh bởi quầng ánh sáng tợ như mặt trời có các tia sáng.

6304. Đấng Chiến Thắng Cao Quý có khuôn mặt vàng chói tợ như tảng đá có viên ngọc ma-ni, có trái tim tràn đầy lòng bi mẫn cùng với đức hạnh như là biển cả.

6305. Và đấng Anh Hùng, bậc Hiền Trí có danh tiếng lẫy lừng ở thế gian tợ như ngọn núi tối thượng Sineru, đã được lan rộng với sự vinh quang tương tợ bầu trời.

6306. Đấng Lãnh Đạo có tâm không bị ràng buộc với tất cả các nơi như là làn gió. Bậc Hiền Trí thứ bảy là sự nâng đỡ đối với tất cả chúng sanh tợ như trái đất.

6307. Ngài không bị vấy bẩn bởi thế gian, giống như hoa sen không bị lấm lem bởi nước. Ngài chiếu sáng như là khối lửa có sự đốt cháy những lùm cây ngoại giáo.

6308. Ngài là người tiêu diệt chất độc phiền não ở tất cả các nơi như là phương thuốc chữa bệnh. Ngài được trang sức bằng hương thơm của đức hạnh, tợ như viên đá nghiền nát hương liệu.

6309. Đấng Chiến Thắng là kho chứa của các đức hạnh tợ như biển cả [là nơi chứa đựng] đối với các loại châu báu, là người mang đi các phiền não và ô nhiễm tợ như con sông Sindhu đối với những dãy rừng.

6310. Với sự tiêu diệt đạo binh của Ma vương, Ngài như là người chiến sĩ lực lưỡng có sự chiến thắng. Ngài là vị chúa tể của các loại châu báu, là các chi phần đưa đến giác ngộ, tợ như đấng Chuyển Luân Vương.

6311. Ngài là người thầy thuốc về cơn bệnh sân hận tương tợ vị y sĩ vĩ đại. Ngài là người mổ xẻ mụt nhọt tà kiến giống như phẫu thuật viên hạng nhất.

6312. Khi ấy, được loài người và chư thiên kính trọng, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, Ánh Mặt Trời Của Nhân Loại, đấng Chiến Thắng ấy thuyết giảng giáo pháp ở các hội chúng.

6313. Ngài đã chỉ dạy như vầy: "Sau khi dâng cúng vật thí thì trở nên có tài sản lớn lao, nhờ vào giới đi đến nhàn cảnh, và do sự tham thiền đạt đến Niết-bàn."

6314. Toàn thể các hội chúng lắng nghe sự thuyết giảng có phẩm vị cao cả ấy, có sự tốt đẹp ở phần đầu, phần giữa và phần cuối, như là cao lương mỹ vị, có chất bổ dưỡng lớn lao.

6315. Sau khi lắng nghe giáo pháp có vị ngọt tuyệt vời, tôi được tịnh tín với giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Tôi đã đi đến nương nhờ đức Thiện Thệ và đã tôn kính Ngài đến hết cuộc đời.

6316. Khi ấy, tôi đã lau chùi nền đất ở hương thất của bậc Hiền Trí bằng chất thơm được sanh lên từ bốn loại [bông hoa] vào tám ngày trong một tháng.

6317. Tôi đã ước nguyện về trạng thái có hương thơm ở thân thể bị mùi khó chịu. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã chú nguyện về việc đạt được cơ thể có hương thơm rằng:

6318. "Người nào lau chùi nền đất của hương thất bằng chất thơm một lần, do kết quả của nghiệp ấy, được sanh lên ở nơi này nơi khác.

6319. Ở tất cả các nơi, người nam này sẽ có được thân hình có hương thơm ngạt ngào. Sau khi được gắn liền với hương thơm của đức hạnh, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

6320. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6321. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình Bà-la-môn. Khi tôi đang trú ở trong bào thai, mẹ của tôi đã trở thành người có hương thơm ở cơ thể.

6322. Và vào lúc tôi rời khỏi lòng mẹ, khi ấy, thành Sāvatthi đã tỏa ra như là được tẩm bằng tất cả các loại hương thơm.

6323. Và có cơn mưa bông hoa thơm ngát làm thích ý, với các hương thơm của cõi trời và có các hương trầm có giá trị cao đã thổi đến liền khi ấy.

6324. Và ở ngôi nhà tôi đã được sanh ra, chư thiên đã tẩm hương thơm ngôi nhà ấy bằng mọi thứ hương thơm, bằng hương trầm và các bông hoa.

6325. Và vào lúc tôi còn trẻ, hiền thiện, đang ở vào giai đoạn đầu của tuổi thanh niên, khi ấy, đấng Điều Phục Nhân đã hướng dẫn Sela cùng nhóm tùy tùng.

6326. Cùng với tất cả những người ấy, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Sau khi nhìn thấy năng lực ấy của đức Phật, tôi đã xuất gia.

6327. Sau khi làm cho phát triển bốn pháp: Giới, định, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc.

6328. Và vào lúc tôi đã được xuất gia, vào lúc tôi trở thành vị A-la-hán, và vào lúc tôi sẽ Niết-bàn, khi ấy sẽ có cơn mưa hương thơm.

6329. Hương thơm ở cơ thể của tôi luôn luôn vượt trội các loại hương trầm, hương campaka và hương sen vô cùng giá trị, tương tợ như thế ấy, khi tôi đi nơi này nơi khác, tôi tỏa ra hương thơm át hẳn tất cả các loại hương thơm khác về mọi phương diện.

6330. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6331. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6332. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Cūḷasugandha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Cūḷasugandha" là phần thứ mười.

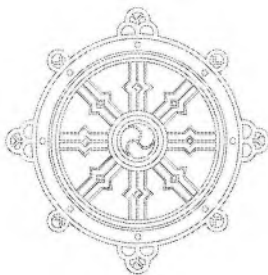
Phẩm Bhaddiya là phẩm thứ năm mươi lăm.

Phần tóm lược

Vị Bhaddiya, vị Trưởng lão Revata, và vị Sīvalī có lợi lộc lớn lao, vị Vaṅgīsa, vị Nandaka, và luôn cả vị Kāḷudāyi, và tương tợ là vị Abhaya, vị Lomasa, vị Vanavaccha, và vị Sugandha đã được thực hiện là thứ mười. Ở đây, có ba trăm câu kệ và mười sáu câu thêm vào đó nữa.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Phẩm tên Kaṇikāra, phẩm về vị dâng cúng trái cây, phẩm về vị dâng cúng cỏ, phẩm Kaccāna và phẩm Bhaddiya. Và các câu kệ này đã được tính đếm ở đây là chín trăm và tám mươi bốn. Có năm trăm năm mươi ký sự đã được giảng giải. Cùng với các câu kệ tóm lược, đây là sáu ngàn hai trăm câu kệ và mười tám câu thêm vào đó nữa.



LVI. PHẨM YASA
(*YASAVAGGO*)

551. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YASA (*Yasattherāpadānaṃ*)

6333. Chỗ cư ngụ của tôi đã được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được hóa hiện ra, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ.[1]

6334. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý.

6335. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v...

6336. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvaṃjīvaka.

6337. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm ầm ĩ, có nhiều chim cú và loài piṅgala, được đầy đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai.

6338. Tất cả các cây đều làm bằng vàng được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ trú ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm.

6339. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi.

6340. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy.

6341. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận.

6342. Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiền Trí đã giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi về chỗ cư ngụ của tôi.

6343. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: "Vào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này]." Khi ấy, tất cả đã tụ hội lại [đáp rằng]:

6344. "Điều lợi ích cho chúng tôi đã được chúng tôi thành đạt khéo léo là chúng tôi sống thân cận với ngài. Chúng tôi cũng sẽ cúng dường đến bậc Đạo Sư là đức Phật tối thượng."

[1] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Sabbadāyaka, số 399, trang 330.

6345. Sau khi sắp đặt thức ăn và nước uống, tôi đã thông báo về thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

6346. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống chiếc ghế làm toàn bằng vàng.

6347. Khi ấy, ở phía trên đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng. Có những cái quạt quạt gió đến hội chúng Tỳ-khưu vô thượng.

6348. Tôi đã làm thỏa mãn hội chúng Tỳ-khưu với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vị một xấp vải đôi.

6349. Sau khi ngồi xuống ở nơi hội chúng Tỳ-khưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng mà mọi người gọi là "Sumedha" đã nói lên lời kệ này:

6350. "Người nào đã làm thỏa mãn Ta và tất cả các vị này với cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

6351. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên một ngàn tám trăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

6352. Người này sanh lên chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có chiếc lọng làm toàn bằng vàng sẽ che cho người ấy.

6353. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6354. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

6355. [Người này] sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ rống lên tiếng rống của loài sư tử. Nhiều người cầm chiếc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] bị thiêu ở bên dưới chiếc lọng."

6356. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt. Dầu ở mái che hoặc ở gốc cây, sự run sợ không được biết đến ở tôi.

6357. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo sự dâng cúng mọi thứ.

6358. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6359. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6360. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yasa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yasa" là phần thứ nhất.

552. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NADĪKASSAPA
(*Nadīkassapattherāpadānaṃ*)

6361. Nhân dịp đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang hành hạnh khất thực, tôi đã cầm lấy trái cây đầu mùa danh tiếng hạng nhất và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

6362. Do nghiệp ấy, tôi trở thành vị chúa của chư thiên, bậc trưởng thượng của thế gian, là vị ưu tú của nhân loại, tôi đã từ bỏ hơn thua và đã đạt đến vị thế bất động.

6363. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây đầu mùa.

6364. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6365. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6366. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nadīkassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nadīkassapa" là phần thứ nhì.

553. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GAYĀKASSAPA
(*Gayākassapattherāpadānaṃ*)

6367. Vào lúc bấy giờ, tôi mặc y da dê, mang túi vật dụng. Tôi đã cầm lấy gói trái táo và đã mang về khu ẩn cư.

6368. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đấng Chiến Thắng là đơn độc không người thứ hai. Trong khi đang làm cho sáng tỏ vào mọi thời điểm, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

6369. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ vị có sự hành trì tốt đẹp. Bằng cả hai bàn tay, tôi đã nâng lên trái táo và đã dâng cúng đến đức Phật.

6370. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo.

6371. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gayākassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gayākassapa" là phần thứ ba.

554. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIMBILA (*Kimbilattherāpadānaṃ*)

6374. Khi đấng Bà-la-môn toàn hảo Kakusandha Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che.

6375. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã đạt được tòa lâu đài hạng nhất. Tôi rực rỡ hơn chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

6376. Và vào ban ngày hoặc vào ban đêm, trong khi đi kinh hành và trong khi đứng, tôi được bao phủ bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

6377. Việc tôi đã cúng dường đức Phật là ngay trong kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6378. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6379. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6380. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kimbila đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kimbila" là phần thứ tư.

555. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA (*Vajjiputtattherāpadānaṃ*)

6381. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đấng Tự Chủ, vị không bị đánh bại sau khi xuất ra khỏi sự độc cư đã ra đi về việc khất thực.

6382. Có được nắm tay trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây savanṭa.

6383. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

6384. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6385. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6386. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vajjiputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vajjiputta" là phần thứ năm.

556. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA (*Uttarattherāpadānaṃ*)

6387. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cư, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp.[2]

6388. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi đã ngồi xuống.

6389. Khi ấy, tôi đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chỉa ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung.

6390. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giống như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tợ như mặt trăng ngày rằm, như là cây sāla chúa được trổ hoa.

6391. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

6392. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kaṇikāra có hương thơm của cõi trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

6393. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật.

6394. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6395. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là "kaṇikārī", có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

6396. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, với một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi.

6397. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn.

6398. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rái cá và được gắn liền với chiếc gối.

---

[2] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Tikaṇikārapupphiya, số 501, trang 448.

6399. Khi nào tôi ước muốn việc ra đi, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên.

6400. Tôi đứng ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuần có mái che được phủ bằng các bông hoa kaṇika.

6401. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi ngày đêm không biếng nhác.

6402. Ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thích theo sự mong muốn này mong muốn khác.

6403. Lúc bấy giờ, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gần gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo.

6404. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

6405. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6406. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6407. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6408. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6409. Về đám tôi trai, bầy tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6410. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6411. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6412. "Ngài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường này", tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6413. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ.

6414. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bực bội không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến.

6415. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi không biết đến việc tàn tạ sắc thân; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6416. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi.

6417. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6418. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên, tôi là vị trẻ tuổi xứng đáng được cúng dường; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6419. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6420. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vị rành rẽ về các nền tảng của thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về các pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6421. Việc tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttara" là phần thứ sáu.

557. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA KHÁC
(*Apara-uttarattherāpadānaṃ*)

6425. Khi bậc Bảo Hộ Thế Gian, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha Niết-bàn, tôi đã tập hợp quyến thuộc của tôi lại và tôi đã cúng dường Xá-lợi.

6426. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi.

6427. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6428. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6429. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttara khác đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttara khác" là phần thứ bảy.

558. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDAJI (*Bhaddajittherāpadānaṃ*)

6430. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đói [bụng], tôi [đã] nhổ lên củ sen ở tại nơi ấy.[3]

6431. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vị Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung.

6432. Khi ấy, trong khi Ngài đang phất phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ, tôi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

6433. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: "Xin đức Phật, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con."

6434. Do đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao đã ngự xuống. Bậc Hữu Nhãn vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng:

6435. "Này người có đại phước, mong rằng ngươi được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sanh được thành tựu cho ngươi. Do việc dâng cúng củ sen này, ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao."

6436. Sau khi nói lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy thức ăn rồi đã ra đi bằng đường không trung.

6437. Sau đó, tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình.

6438. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét và sấm sét đã nổ ra.

6439. Sau đó, tia sét đánh xuống đã giáng vào đầu của tôi. Khi ấy, trong khi bị khuỵu xuống tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ấy.

6440. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.

6441. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm hầu cận sáng tối; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

[3] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka, số 483, trang 425.

6442. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung sướng, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

6443. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, [tôi có] tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

6444. Kể từ khi tôi đã dâng cúng rễ sen trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

6445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddaji đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhaddaji” là phần thứ tám.

559. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVAKA (*Sīvakattherāpadānaṃ*)

6448. Khi bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đang đi về việc tìm kiếm [vật thực]. Tôi đã nhìn thấy bình bát trống trơn và tôi đã để đầy sữa kem.

6449. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa kem.

6450. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6451. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sīvaka” là phần thứ chín.

Tóm lược của phẩm này

Vị Yasa, vị Nadīkassapa, vị Gayākassapa, vị Kimbila, vị Vajjiputta, hai vị Uttara, vị Bhaddaji và luôn cả vị Sīvaka tối thượng.

Phẩm Yasa là phẩm thứ năm mươi sáu.

TRƯỞNG LÃO KÝ SỰ ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

D. TRƯỞNG LÃO NI KÝ SỰ
(*THERĪ APADĀNAṂ*)

I. PHẨM SUMEDHĀ
(*SUMEDHĀVAGGO*)

1. KÝ SỰ VỀ SUMEDHĀ (*Sumedhāpadānaṃ*)

1. Vào thời đức Thế Tôn Koṇāgamana, chúng tôi gồm ba người bạn gái[1] thân thiết đã dâng cúng trú xá ở tại chỗ cư ngụ mới là tu viện của hội chúng.

2. Chúng tôi đã tái sanh mười lần, trăm lần, ngàn lần, mười ngàn lần ở các cõi trời thì ở cõi người có điều gì để nói.

3. Chúng tôi đã có đại thần lực ở cõi trời thì ở cõi người có điều gì để nói. Tôi đã là hoàng hậu, là báu vật nữ nhân trong số bảy loại báu vật.

4. Ở nơi này, do phước thiện đã được tích lũy, Dhanañjānī, Khemā và tôi nữa, ba người đã là hậu duệ của các gia tộc vô cùng giàu có.

5. Sau khi tạo lập tu viện được xây dựng khéo léo và được trang hoàng về mọi phương diện, chúng tôi đã dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu và [chúng tôi] đã được hoan hỷ.

6. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, ở các cõi trời và cũng y như thế ở giữa loài người, tôi đều đạt được phẩm vị cao quý.

7. Ngay trong kiếp này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

8. Khi ấy, đức vua của xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, vị chúa tể của nhân loại đã là người hộ độ cho bậc Đại Ẩn Sĩ.

9. Bảy người con gái của đức vua đã là những nàng công chúa khéo được nuôi dưỡng. Được vui thích trong việc hộ độ đức Phật, các nàng đã thực hành Phạm hạnh [của người thiếu nữ].

10. Là bạn của những cô [công chúa] ấy, tôi đã khéo chuyên chú vào các giới, đã dâng cúng các vật thí một cách cung kính, và đã thực hành phận sự dầu chỉ là người tại gia.

11. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

[1] Sumedhā và hai người bạn gái là Dhanañjanī và Khemā được đề cập ở phần dưới.

12. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại.

13. Là người đã được thành tựu thiện nghiệp, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy.

14. Từ nơi ấy chết đi [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và của các vị vua cai quản các lãnh thổ.

15. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và ở giữa loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi qua nhiều kiếp sống.

16. Nhân ấy, nguồn sanh khởi ấy, căn nguyên ấy, sự chăm chỉ ấy trong giáo pháp, sự liên kết đầu tiên ấy, việc Niết-bàn ấy là do sự thỏa thích trong giáo pháp.

17. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu[2] đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

18. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

19. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Sumedhā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sumedhā" là phần thứ nhất.

2. KÝ SỰ VỀ MEKHALĀDĀYIKĀ (*Mekhalādāyikāpadānaṃ*)[3]

20. Tôi đã là người cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã dâng cúng sợi dây thắt lưng đến công trình xây dựng dành cho bậc Đạo Sư.

21. Và khi ngôi đại bảo tháp đã hoàn tất, được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng thêm sợi dây thắt lưng đến bậc Hiền trí, đấng Bảo Hộ Thế Gian.

22. Kể từ khi tôi đã dâng cúng sợi dây thắt lưng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc xây dựng ngôi bảo tháp.

23. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

24. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

25. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Kāmabhavādayo sabbe nava bhavā mayā samūhatā* (*ApA*. 295) = Toàn bộ 9 hữu như là dục hữu, (sắc hữu, vô sắc hữu), v.v... đã được tôi xóa sạch.

[3] *Mekhalādāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng sợi dây thắt lưng."

Tỳ-khưu-ni Mekhalādāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Mekhalādāyikā" là phần thứ nhì.

3. KÝ SỰ VỀ MAṆḌAPADĀYIKĀ (*Maṇḍapadāyikāpadānaṃ*)[4]

26. Mái che dành cho đấng Hiền Trí Koṇāgamana đã được tôi cho thực hiện. Và tôi đã thường xuyên dâng cúng y đến đức Phật, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian.

27. Bất cứ xứ sở, phố chợ, kinh thành nào tôi đi đến, ở tại tất cả các nơi ấy tôi đều được tôn vinh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

28. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

29. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

30. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Maṇḍapadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Maṇḍapadāyikā" là phần thứ ba.

4. KÝ SỰ VỀ SAṄKAMANATTHĀ (*Saṅkamanatthāpadānaṃ*)[5]

31. Trong lúc đức Thế Tôn Vipassī, bậc Tối Thượng của thế gian như thế ấy đang bước đi trên đường, đang tiếp độ chúng sanh.

32. Tôi đã bước ra khỏi nhà, cúi mình và nằm dài xuống. Bậc Thương Tưởng, đấng Bảo Hộ Thế Gian đã bước lên đỉnh đầu của tôi.

33. Sau khi bước lên đầu [của tôi], đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ra đi. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

34. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

35. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

36. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Saṅkamanatthā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Saṅkamanatthā" là phần thứ tư.

---

[4] *Maṇḍapadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng mái che."

[5] *Saṅkamanatthā* nghĩa là "người nữ thành lập con đường đi."

5. KÝ SỰ VỀ NAḶAMĀLIKĀ (*Naḷamālikāpadānaṃ*)[6]

37. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Sí điểu[7] cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

38. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã cầm lấy tràng hoa sậy và đã cúng dường đến đấng Tự Chủ.

39. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân xác Kim Sí điểu, tôi đã đi đến cõi Tam Thập.

40. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của mười đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi đã khiến cho tâm của tôi bị chấn động, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

41. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

42. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

43. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

44. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

45. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Naḷamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Naḷamālikā" là phần thứ năm.

6. KÝ SỰ VỀ EKAPIṆḌAPĀTADĀYIKĀ (*Ekapiṇḍapātadāyikāpadānaṃ*)[8]

46. Ở thành phố Bandhumatī, có vị Sát-đế-ly tên là Bandhumā. Tôi đã là người vợ của vị vua ấy. Có một lần tôi đã khiến [người] đưa tôi đi [du ngoạn].

47. Khi ấy, tôi đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Dầu đã đạt được vị thế xứng đáng, nhưng không điều lành nào đã được ta thực hiện!

48. Có lẽ ta sẽ đi đến địa ngục là nơi vô cùng nóng bức, khổ sở, có dáng vẻ rùng rợn, vô cùng khiếp đảm; điều này đối với ta là không có sự hoài nghi [nữa]."

49. Tôi đã đi đến gặp đức vua và đã nói lời nói này: "Tâu vị Sát-đế-ly, xin hãy ban cho thiếp một vị Sa-môn. Thiếp sẽ chăm lo về vật thực."

---

[6] *Naḷamālikā* nghĩa là "người nữ có tràng hoa sậy."

[7] *Kinnara, kinnarī*: Loài nhân điểu nam hoặc nữ, có thân người đầu chim. (ND)

[8] *Ekapiṇḍapātadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng một phần vật thực."

50. Vị đại vương đã ban cho tôi [một] vị Sa-môn có [các] giác quan đã được tu tập. Sau khi nhận lấy bình bát của vị ấy, tôi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng.

51. Sau khi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng, tôi đã thoa dầu thơm, rồi đã che đậy lại bằng xấp vải đôi có giá trị đến một ngàn.

52. Đối với tôi, tôi [sẽ] ghi nhớ cảnh tượng này đến hết cuộc đời. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

53. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của ba mươi vị Thiên vương. Điều ước nguyện trong tâm của tôi là được tái sanh theo như ước muốn.

54. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của hai mươi đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi thành tựu kết quả, tôi luân hồi ở nhiều cõi.

55. Tôi đã được giải thoát khỏi tất cả các điều trói buộc. Đối với tôi, các sự liên quan đến tái sanh đã xa lìa, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

56. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

57. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

58. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

59. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Ekapiṇḍapātadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Ekapiṇḍapātadāyikā" là phần thứ sáu.

7. KÝ SỰ VỀ KAṬACCHUBHIKKHĀDĀYIKĀ
(*Kaṭacchubhikkhādāyikāpadānaṃ*)[9]

60. Trong khi bậc Đạo Sư tên Tissa đang đi khất thực, tôi đã nâng lên muỗng vật thực và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

61. Sau khi thọ lãnh, đấng Toàn Giác Tissa, bậc Đạo Sư, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đứng ở đường lộ, đã thực hiện lời tùy hỷ [phước báu] đến tôi:

62. "Sau khi bố thí muỗng vật thực, con sẽ đi đến cõi trời Đạo-lợi. Con sẽ làm chánh hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương.

63. Con sẽ làm chánh hậu của năm mươi đấng Chuyển Luân Vương. Con sẽ luôn luôn thành tựu tất cả các điều ước nguyện ở trong tâm.

64. Sau khi thọ hưởng sự thành đạt, con sẽ xuất gia không có [tài sản] gì. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, con sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

---

[9] *Kaṭacchubhikkhādāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng muỗng vật thực."

65. Nói xong điều ấy, đấng Toàn Giác Tissa, bậc Trí Tuệ, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã bay lên không trung, tợ như loài thiên nga chúa ở trên bầu trời.

66. Đối với tôi, sự bố thí cao quý là đã được bố thí tốt đẹp, sự thành công trong việc cống hiến là đã được cống hiến tốt đẹp. Sau khi bố thí muỗng vật thực, tôi đã đạt đến vị thế không bị lay chuyển.

67. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực.

68. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

69. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

70. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Kaṭacchubhikkhādāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Kaṭacchubhikkhādāyikā" là phần thứ bảy.

8. KÝ SỰ VỀ SATTUPPALAMĀLIKĀ (*Sattuppalamālikāpadānaṃ*)[10]

71. Ở thành phố Aruṇavatī, có vị Sát-đế-ly tên là Aruṇavā. Tôi đã là người vợ của vị vua ấy. Tôi [thường] bảo [người] đưa tôi đi đó đây.

72. Sau khi nhận được bảy đóa sen xanh có hương thơm của cõi trời, tôi đã ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, và ngay khi ấy đã suy nghĩ như vầy:

73. "Với bảy đóa hoa này được gắn ở đầu của ta thì ta có được gì? Điều cao quý đối với ta là được vươn đến trí tuệ của đức Phật tối thượng."

74. Trong lúc chờ đợi đấng Toàn Giác, tôi đã ngồi xuống ở gần cánh cửa lớn [nghĩ rằng]: "Khi nào đấng Toàn Giác ngự đến, ta sẽ cúng dường đến bậc Đại Hiền Trí."

75. Nổi bật, chói sáng, y như con sư tử là vua của các thú rừng, đấng Chiến Thắng được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu đã đi đến ở trên đường lộ.

76. Sau khi nhìn thấy hào quang của đức Phật, tôi đã trở nên mừng rỡ, có tâm ý phấn khởi. Tôi đã mở cửa ra và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

77. Bảy đóa hoa sen xanh đã được phân tán ra ở trên không trung. Chúng tạo thành hình mái che và nằm yên ở trên đỉnh đầu của đức Phật.

78. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

79. Chúng hình thành tấm che màu xanh thẫm ở trên đầu của tôi, tôi tỏa ra hương thơm của cõi trời; điều này là quả báo của bảy đóa sen xanh.

---

[10] *Sattuppalamālikā* nghĩa là "người nữ có bảy đóa hoa sen xanh."

80. Lúc bấy giờ, vào một lần nào đó trong khi tôi được tập thể quyến thuộc dẫn đi, hết thảy nhóm người của tôi đều được khoác lên [một] màu xanh thẫm.

81. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của bảy mươi vị Thiên vương. Sau khi trở thành vị nữ hoàng ở khắp mọi nơi, tôi [đã] luân hồi ở cõi này cõi khác.

82. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của sáu mươi ba đấng Chuyển Luân Vương. Tất cả đều thuận theo tôi, tôi đã có lời nói hợp lý.

83. Màu da của tôi chính là [màu] của hoa sen xanh và còn tỏa ra hương thơm nữa. Tôi không biết đến làn da xấu xí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

84. Được thiện xảo về các nền tảng của phép thần thông, được thích thú trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, được thành tựu các thắng trí và các pháp toàn hảo; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

85. Được thiện xảo trong các sự thiết lập về niệm, có các hành xứ về thiền định, được gắn bó với các sự nỗ lực đúng đắn; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

86. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

87. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

88. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

89. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

90. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Sattuppalamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sattuppalamālikā" là phần thứ tám.

9. KÝ SỰ VỀ PAÑCADĪPIKĀ (*Pañcadīpikāpadānaṃ*)[11]

91. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ở thành phố Haṃsavatī. Là người tầm cầu sự tốt đẹp, tôi đi từ tu viện này đến tu viện khác.

92. Vào một ngày thuộc hạ huyền, tôi đã nhìn thấy cội cây Bồ-đề tối thượng. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín tôi đã ngồi xuống ở gốc cây Bồ-đề.

93. Sau khi thiết lập tâm cung kính, tôi đã chắp tay lên ở đầu và bày tỏ lòng hoan hỷ. Ngay khi ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy:

[11] *Pañcadīpikā* nghĩa là "người nữ có năm ngọn đèn."

94. "Nếu đức Phật có đức hạnh vô lượng, không người sánh bằng, xin cội Bồ-đề này hãy thị hiện thần thông, hãy chói sáng cho tôi thấy."

95. Cùng với điều suy nghĩ của tôi, ngay khi ấy cội Bồ-đề đã phát sáng, đã biến thành vàng toàn bộ và đã chiếu sáng tất cả các phương.

96. Tôi đã ngồi xuống tại nơi ấy, ở gốc cây Bồ-đề bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ bảy, tôi đã thực hiện việc cúng dường các ngọn đèn.

97. Sau khi được đặt quanh chỗ ngồi, năm ngọn đèn đã phát sáng. Khi ấy, các ngọn đèn của tôi đã phát sáng cho đến khi mặt trời mọc lên.

98. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

99. Tại nơi ấy, có cung điện đã khéo được kiến tạo dành cho tôi gọi tên là "Ngũ Đăng", có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

100. Xung quanh tôi có vô số ngọn đèn chiếu sáng. Cho đến cung điện của chư thiên cũng sáng rực bởi ánh sáng của các ngọn đèn.

101. Sau khi ngồi xuống với mặt quay về hướng khác, nếu tôi muốn nhìn thấy ở bên trên, bên dưới và chiều ngang, tôi đều nhìn thấy tất cả bằng mắt.

102. Ngay cả khi tôi mong muốn nhìn thấy những sự việc tốt đẹp hoặc xấu xa thì không có gì che đậy được việc ấy, dầu ở các cây cối hoặc ở các núi non.

103. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của một trăm đấng Chuyển Luân Vương.

104. Mỗi khi tôi tái sanh dầu là cảnh giới chư thiên hoặc loài người, có một trăm ngàn ngọn đèn quây quần xung quanh tôi và chiếu sáng.

105. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Trong khi đi vào bụng mẹ và trụ lại, mắt của tôi không nhắm lại.

106. Một trăm ngàn ngọn đèn là kết quả của nghiệp phước thiện, chúng chiếu sáng ở nhà bảo sanh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

107. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã gìn giữ tâm ý. Tôi đã chạm đến Niết-bàn là trạng thái mát mẻ, không già, không chết.

108. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi biết được đức hạnh [của tôi], đức Phật Gotama đã cho tôi tu lên bậc trên.

109. Trong lúc tôi tham thiền ở mái che hoặc ở gốc cây, ở các tòa nhà lớn hoặc ở các hang động và ở nơi trống vắng, có năm ngọn đèn chiếu sáng tôi.

110. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi được thiện xảo về định, được thành tựu các thắng trí và các pháp toàn hảo; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

111. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn, con là Pañcadīpā có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có các phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

112. Kể từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

113. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

114. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

115. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Pañcadīpikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Pañcadīpikā" là phần thứ chín.

10. KÝ SỰ VỀ UDAKADĀYIKĀ (*Udakadāyikāpadānaṃ*)[12]

116. Ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là cô gái đội nước.[13] Tôi sống nhờ vào việc đội nước. Nhờ vào việc ấy, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

117. Và tôi không có gì xứng đáng để dâng cúng đến phước điền vô thượng. Tôi đã đi đến bể chứa và đã cung cấp nước.

118. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Ở nơi ấy, có cung điện đã được kiến tạo khéo léo, đã được hóa hiện ra dành cho tôi do [công đức của] việc đội nước.

119. Khi ấy, chính tôi là người đứng đầu của một ngàn tiên nữ, tôi luôn luôn cai quản tất cả các nàng ấy cùng với mười khu vực.

120. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của năm mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của hai mươi đấng Chuyển Luân Vương.

121. Tôi [đã] luân hồi trong hai cảnh giới, ở bản thể chư thiên và nhân loại. Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố thí nước.

122. Cho dù ở đỉnh núi hoặc ở ngọn cây, ở trên không trung và ở trên mặt đất, khi nào tôi ước muốn về nước thì tôi đạt được ngay lập tức.

123. Không có phương nào là không có mưa, và không bị nóng bức hoặc bị thiêu đốt; sau khi biết được ý định của tôi, đám mây lớn [sẽ] đổ mưa xuống.

124. Lúc bấy giờ, vào một lần nào đó trong khi tôi được tập thể quyến thuộc dẫn đi, khi nào tôi muốn mưa thì khi ấy đám mây lớn đổ mưa xuống.

125. Sự nóng nực hoặc bực bội không được biết đến ở cơ thể của tôi, và bụi bặm không có ở trên thân thể của tôi; điều này là quả báo của việc bố thí nước.

126. Hiện nay, do tâm ý thanh tịnh, các ác pháp đã lìa, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

---

[12] *Udakadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng nước."

[13] Từ *udakahārikā* được dịch sát nghĩa là người vận chuyển nước (đội, gánh, mang, vác, v.v...).

127. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố thí nước.

128. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

129. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

130. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

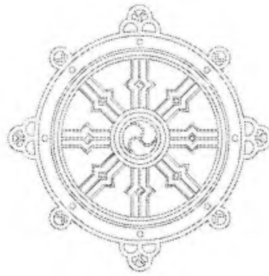
Tỳ-khưu-ni Udakadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Udakadāyikā" là phần thứ mười.

Tóm Lược Của Phẩm Này

Vị Ni Sumedhā, cô gái dâng dây nịt, dâng cúng mái che và con đường đi, cô gái có tràng hoa sậy, cô gái thí vật thực, muỗng [thức ăn], và cô gái dâng cúng đóa sen xanh, cô gái dâng các ngọn đèn, và luôn cả cô gái bố thí nước. Các câu kệ ngôn đã được tính đếm ở đây là một trăm câu kệ ngôn và ba mươi câu thêm vào đó nữa.

Phẩm Sumedhā là phẩm thứ nhất.



II. PHẨM MỘT LẦN TRAI GIỚI
(*EKUPOSATHIKAVAGGO*)

11. KÝ SỰ VỀ EKUPOSATHIKĀ (*Ekuposathikāpadānaṃ*)[1]

131. Ở thành phố Bandhumatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Bandhumā. Vào ngày trăng tròn, vị ấy thực hành bát quan trai giới.

132. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là cô nô tỳ đội nước ở tại nơi ấy. Sau khi nhìn thấy đoàn quân cùng với đức vua, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy:

133. "Ngay cả đức vua cũng đã buông bỏ vương quyền và thực hành bát quan trai giới, chắc hẳn việc làm ấy là có quả báo khiến đám đông người hứng thú."

134. Sau khi suy xét chín chắn về cảnh giới khổ đau và sự nghèo khó, tôi đã tự làm cho tâm được hoan hỷ và đã thực hành bát quan trai giới.

135. Tôi đã thực hành bát quan trai giới theo lời dạy của đấng Chánh Đẳng Giác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

136. Tại nơi ấy, có cung điện đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, phía bên trên vươn cao một do-tuần, được kề cận với ngôi nhà mái nhọn quý giá, được trang hoàng với các chỗ nằm ngồi.

137. Một trăm ngàn tiên nữ luôn luôn kề cận tôi. Tôi luôn luôn vượt trội và rực rỡ hơn các vị thiên nhân khác.

138. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi bốn vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi ba đấng Chuyển Luân Vương.

139. Có được màu da vàng chói, tôi luân hồi ở các cảnh giới. Tôi là người cao quý ở tất cả các nơi; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

140. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển bằng xe và kiệu khiêng, tôi cũng đều đạt được tất cả [các] điều ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

141. Khi ấy, ngay cả vật làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng ngọc pha lê, luôn cả vật làm bằng hồng ngọc, tôi đều đạt được tất cả.

142. Các tấm mền làm bằng tơ lụa, bằng sợi len và bông vải, cùng với các tấm vải có giá trị cao, tôi đều đạt được tất cả.

143. Thức ăn, nước uống, vật để nhai, vải vóc và các chỗ nằm ngồi, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

---

[1] *Ekuposathikā* nghĩa là "người nữ có một lần thực hành bát quan trai giới."

144. Hương thơm cao quý, tràng hoa, bột phấn thơm, dầu thoa, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

145. Ngôi nhà mái nhọn, tòa lâu đài, mái che, tòa nhà dài, hang động, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

146. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đầy nửa tháng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

147. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

148. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

149. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

150. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Ekuposathikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Ekuposathikā" là phần thứ nhất.

12. KÝ SỰ VỀ SALALAPUPPHIKĀ (*Salalapupphikāpadānaṃ*)[2]

151. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Sí điểu cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu, vị Trời Của Chư Thiên đang đi kinh hành.

152. Sau khi hái xuống bông hoa salala, tôi đã dâng lên đức Phật tối thượng, [nói rằng:] "Bạch đấng Đại Hùng, thỉnh Ngài ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời."

153. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác Vipassī, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa ấy], trong khi ấy tôi đang chăm chú nhìn.

154. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Tối Thượng Nhân. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, từ nơi ấy tôi đã đi lên ngọn núi.

155. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

156. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

157. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

158. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Salalapupphikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Salalapupphikā" là phần thứ nhì.

---

[2] *Salalapupphikā* nghĩa là "người nữ có bông hoa salala".

13. KÝ SỰ VỀ MODAKADĀYIKĀ (*Modakadāyikāpadānaṃ*)[3]

159. Ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là người nữ tỳ đội nước. Là người vận chuyển nước, tôi đã ra đi sau khi nhận lấy phần [nước] của mình.

160. Ở đường lộ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn có tâm thanh tịnh, định tĩnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng ba cục thịt vò viên.

161. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, tôi đã không đi đến đọa xứ chín mươi mốt kiếp.

162. Sau khi đã làm thành tựu điều ấy, tôi đạt được mọi thứ. Sau khi cúng dường ba cục thịt vò viên, tôi đã đạt đến vị thế không bị lay chuyển.

163. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

164. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

165. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Modakadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ni Modakadāyikā” là phần thứ ba.

14. KÝ SỰ VỀ EKĀSANADĀYIKĀ (*Ekāsanadāyikāpadānaṃ*)[4]

166. Lúc bấy giờ, tôi đã là cô thiếu nữ ở tại thành phố Haṃsavatī. Mẹ và luôn cả cha của tôi, họ đều đã đi làm công việc.

167. Vào lúc mặt trời ở chính ngọ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đang đi dọc theo đường lộ nên tôi đã xếp đặt chỗ ngồi.

168. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi bằng nhiều loại lông cừu, v.v... rồi với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã nói lời nói này:

169. “Mặt đất bị nóng bỏng, bị thiêu đốt, mặt trời đã đứng ở chính ngọ, và các cơn gió ngưng thổi, vậy là lúc ngài hãy nghỉ ở đây.

170. Thưa bậc đại hiền trí, đây là chỗ ngồi đã được sắp xếp dành cho ngài. Vì lòng thương tưởng, xin ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi của con.”

171. Với tâm ý thanh tịnh, vị Sa-môn được rèn luyện chu đáo đã ngồi xuống ở tại nơi ấy. Tôi đã nhận lãnh bình bát của vị ấy và đã dâng cúng không chút sai sót.

172. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

173. Tại nơi ấy, tôi có cung điện đã khéo được xây dựng, đã khéo được

---

[3] *Modakadāyikā* nghĩa là “người nữ dâng cúng thịt vò viên”.

[4] *Ekāsanadāyikā* nghĩa là “người nữ dâng cúng một chỗ ngồi”.

hóa hiện ra với chỗ ngồi, có chiều cao sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

174. Cũng vào khi ấy, tôi có các ghế dài nhiều kiểu làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngọc pha lê, và làm bằng hồng ngọc nữa.

175. Các ghế dài của tôi khéo được trải lót với các tấm nệm bằng len dệt, với nhiều loại tấm trải bằng tơ dệt có đính các viên ngọc, và với các tấm trải viền ren ở một bên.

176. Khi nào tôi ước muốn sự ra đi với mục đích giải trí nô đùa, điều ước nguyện của tôi là tôi ra đi bằng chiếc ghế dài thù thắng của tôi.

177. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của bảy mươi đấng Chuyển Luân Vương.

178. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đã đạt được tài sản lớn lao. Đối với tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

179. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể chư thiên và nhân loại. Tôi không còn biết đến các cõi khác; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

180. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và cả Bà-la-môn nữa. Ở mọi nơi, tôi đều thuộc gia đình thượng lưu; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

181. Tôi không biết đến tâm sân hận và sự bực bội của tâm. Tôi không biết đến việc tàn tạ dung nhan; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

182. Các nữ tỳ hầu hạ tôi, nhiều người bị gù lưng, bị chảy nước dãi. Tôi đã [được ẵm bồng] di chuyển từ hông này đến hông khác; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

183. Luôn luôn có các cô này tắm [cho tôi], các cô kia chăm lo thức ăn, các cô khác làm cho tôi vui thích, các cô nọ thoa dầu thơm [cho tôi]; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

184. Trong lúc tôi sống ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, chiếc ghế dài biết được ý định của tôi hiện diện kề bên.

185. Đây là kiếp sống cuối cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Hiện nay, tôi đã từ bỏ vương quốc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

186. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

187. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

188. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

189. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Vị Tỳ-khưu-ni Ekāsanadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Ekāsanadāyikā" là phần thứ tư.

15. KÝ SỰ VỀ PAÑCADĪPADĀYIKĀ (*Pañcadīpadāyikāpadānaṃ*)[5]

190. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ở thành phố Haṃsavatī. Có sự tầm cầu thiện pháp, tôi [đã] đi từ tu viện này đến tu viện khác.

191. Vào một ngày thuộc hạ huyền, tôi đã nhìn thấy cội cây Bồ-đề tối thượng. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở gốc cây Bồ-đề.

192. Sau khi thiết lập tâm cung kính, tôi đã chắp tay lên ở đầu và bày tỏ lòng hoan hỷ. Ngay khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy:

193. "Nếu đức Phật có đức hạnh vô lượng, không người sánh bằng, xin cội Bồ-đề này hãy thị hiện thần thông, hãy chói sáng cho tôi thấy."

194. Cùng với điều suy nghĩ của tôi, ngay khi ấy cội Bồ-đề đã phát sáng, đã biến thành vàng toàn bộ và đã chiếu sáng tất cả các phương.

195. Tôi đã ngồi xuống tại nơi ấy, ở gốc cây Bồ-đề bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ bảy, tôi đã thực hiện việc cúng dường các ngọn đèn.

196. Sau khi được đặt quanh chỗ ngồi, năm ngọn đèn đã phát sáng. Khi ấy, các ngọn đèn của tôi đã phát sáng cho đến khi mặt trời mọc lên.

197. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

198. Tại nơi ấy, cung điện đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được gọi là "Ngũ Đăng", có chiều cao sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

199. Xung quanh tôi có vô số ngọn đèn chiếu sáng. Cho đến cung điện của chư thiên cũng sáng rực bởi ánh sáng của các ngọn đèn.

200. Sau khi ngồi xuống mặt quay về hướng khác, nếu tôi muốn nhìn thấy ở bên trên, bên dưới và chiều ngang, tôi đều nhìn thấy tất cả bằng mắt.

201. Ngay cả khi tôi mong muốn nhìn thấy những việc tốt đẹp hoặc xấu xa thì không có gì che đậy được việc ấy, dầu ở các cây cối hoặc ở các núi non.

202. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của một trăm đấng Chuyển Luân Vương.

203. Mỗi khi tôi nhập thai bào, dầu là cảnh giới chư thiên hoặc loài người, có một trăm ngàn ngọn đèn chiếu sáng ở xung quanh tôi.

---

[5] *Pañcadīpadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng năm ngọn đèn". Câu chuyện này tương tợ câu chuyện số 9 của *Pañcadīpikā* (người nữ có năm ngọn đèn).

204. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Trong khi đi vào bụng mẹ và trụ lại, mắt của tôi không nhắm lại.

205. Một trăm ngàn ngọn đèn là kết quả của nghiệp phước thiện, chúng chiếu sáng ở nhà bảo sanh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

206. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã gìn giữ tâm ý. Tôi đã chạm đến Niết-bàn là trạng thái mát mẻ, không già, không chết.

207. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi biết được đức hạnh [của tôi], đức Phật Gotama đã cho tôi tu lên bậc trên.

208. Trong lúc sinh sống ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, luôn luôn có ngọn đèn chiếu sáng; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

209. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi được thiện xảo về định, được thành tựu các thắng trí và các pháp toàn hảo; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

210. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn, con là Pañcadīpā có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có các phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

211. Kể từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

212. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

213. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

214. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Vị Tỳ-khưu-ni Pañcadīpadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Pañcadīpadāyikā" là phần thứ năm.

16. KÝ SỰ VỀ SĀLAMĀLIKĀ (*Sālamālikāpadānaṃ*)[6]

215. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Sí điểu cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

216. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã cầm lấy tràng hoa sāla và đã cúng dường đến bậc Tự Chủ.

217. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân xác Kim Sí điểu, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

218. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. Điều ước nguyện trong tâm của tôi là được tái sanh theo ước muốn.

[6] Ký sự này tương tợ Ký sự về Naḷamālikā, số 5, trang 534.

219. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của mười đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi thành tựu kết quả, tôi luân hồi ở nhiều cõi.

220. Điều tốt lành của tôi đã được tìm thấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Hiện nay, tôi là bậc xứng đáng sự cúng dường ở trong giáo pháp của người con trai dòng dõi Sakya [Thích-ca].

221. Hiện nay, với tâm ý đã được thanh tịnh, các ác pháp đã không còn, tất cả các lậu hoặc đã cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

222. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đến đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tràng hoa sāla.

223. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

224. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

225. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Vị Tỳ-khưu-ni Sālamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sālamālikā" là phần thứ sáu.

17. KÝ SỰ VỀ MAHĀPAJĀPATIGOTAMĪ (*Mahāpajāpatigotamī-apadānaṃ*)[7]

226. Một thời, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Điều Phục Nhân trú tại thành Vesāli, khu Đại Lâm, ở ngôi nhà mái nhọn, trong giảng đường xinh xắn.

227. Khi ấy, người dì ruột của đấng Chiến Thắng là Tỳ-khưu-ni Mahāgotamī đã cư ngụ tại tu viện của Tỳ-khưu-ni được xây dựng ở tại nơi ấy, trong thành phố đáng yêu.

228. Khi đang ở nơi thanh vắng cùng với năm trăm vị Tỳ-khưu-ni đã được giải thoát, có điều suy tầm đã khởi đến tâm của vị Ni ấy như vầy:

229. "Ta sẽ không thể chứng kiến sự viên tịch Niết-bàn của đức Phật, hoặc của hai vị Tối thượng Thinh văn, của Rāhula, Ānanda và Nanda.

230. Trước khi có thể buông bỏ thọ hành rồi thành tựu Niết-bàn, ta cần được đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Đại Ẩn Sĩ cho phép."

231. Sự suy tầm của năm trăm vị Tỳ-khưu-ni cũng như thế, chính điều suy tầm này cũng đã khởi đến các vị Ni như là Khemā, v.v...

232. Khi ấy, đã có sự lay động của trái đất, tiếng trống của cõi trời đã vang lên. Các thiên nhân cư ngụ ở Ni viện đã bị dày vò bởi sầu muộn. Tại nơi ấy, trong khi than vãn với niềm bi mẫn họ đã tuôn rơi những giọt nước mắt.

---

[7] *Mahāpajāpatigotamī* nghĩa là "người nữ lãnh tụ vĩ đại thuộc dòng họ Gotama".

233. Cùng với các vị [thiên nhân] ấy, các vị Tỳ-khưu-ni bạn đã đi đến gặp bà Gotamī. Họ đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân và đã nói lời nói này:

234. "Thưa Ni sư, chúng tôi đã tưới nước ở tại nơi ấy rồi đã đi đến nơi thanh vắng. Trái đất có sự vững chãi đã bị lay động, tiếng trống của cõi trời đã được vang lên, và những tiếng than khóc đã được nghe đến. Bà Gotamī, chẳng lẽ có sự việc gì hay sao?"

235. Khi ấy, bà Gotamī đã kể lại mọi việc theo như đã được suy tầm. Các vị Ni ấy cũng đã kể lại mọi việc theo như đã được suy tầm:

236. "Thưa Ni sư, thưa vị có sự hành trì tốt đẹp, nếu Niết-bàn tối thắng thù diệu được bà thích thú thì tất cả chúng tôi cũng sẽ Niết-bàn với sự chấp thuận của đức Phật.

237. Chúng tôi sẽ cùng nhau rời khỏi ngôi nhà và rời khỏi luôn cả sự hiện hữu, chúng tôi sẽ cùng nhau đi đến thành phố Niết-bàn tối thượng."

238. Bà Gotamī đã nói rằng: "Ta sẽ nói gì đây đối với những người đang đi đến Niết-bàn?" Khi ấy, bà Gotamī cùng với tất cả các vị Ni ấy đã rời khỏi chỗ cư ngụ của các Tỳ-khưu-ni.

239. "Xin chư thiên đang ngự tại trú xá hãy thông cảm cho ta. Đây là sự nhìn thấy Ni viện lần cuối cùng của ta.

240. Nơi nào sự già hoặc sự chết, sự gần gũi với những gì không yêu thích, sự xa lìa với những gì yêu thích là không có, thì ta nên đi đến nơi ấy là nơi không bị tạo tác."

241. Nghe được lời nói ấy, những vị Tỳ-khưu-ni của đấng Thiện Thệ có tham ái chưa được xa lìa bị dằn vặt bởi sầu muộn nên đã than vãn rằng: "Than ôi, chúng tôi có phước báu kém cỏi.

242. Trú xứ này của các Tỳ-khưu-ni thiếu vắng các vị ấy [sẽ] trở nên trống không. Các vị Tỳ-khưu-ni của đấng Chiến Thắng [sẽ] không còn được nhìn thấy, ví như các vì sao không còn được nhìn thấy vào ban ngày.

243. Bà Gotamī đi đến Niết-bàn cùng với năm trăm vị tương tợ như sông Gaṅgā cùng với năm trăm dòng sông chảy về biển cả."

244. Sau khi nhìn thấy bà Gotamī đang đi ở trên đường, các nữ cư sĩ thành tín đã đi ra khỏi nhà, rồi đã quỳ xuống ở hai bàn chân [của bà] và đã nói điều này:

245. "Hỡi vị có tài sản vĩ đại, xin người hoan hỷ. Xin chớ lìa bỏ chúng con [trở thành] không người bảo hộ. Xin người chớ quyết định Niết-bàn", họ đã than van ầm ĩ như thế.

246. Nhằm mục đích xóa đi nỗi sầu muộn của họ, bà Gotamī đã nói với giọng nói ngọt ngào rằng: "Này các con, than khóc đã đủ rồi, hôm nay đây là thời điểm vui cười của các con.

247. Khổ đã được ta biết toàn diện, nhân của khổ đã được ta dứt bỏ, sự diệt tận đã được ta tác chứng, và Đạo cũng đã được ta thực hành khéo léo."

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

248. Bậc Đạo Sư đã được ta phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được ta thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

249. Vì mục đích nào ta đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được ta đạt đến.

250. Này các con, đức Phật và Chánh pháp không bị thiếu sót của Ngài vẫn còn tồn tại vào thời điểm Niết-bàn của ta, chớ có khóc than cho ta.

251. Koṇḍañña, Ānanda, Nanda, v.v..., vị Rāhula chiến thắng còn tại tiền, hội chúng là được an lạc, hòa hợp, còn đối với các ngoại đạo thì niềm kiêu hãnh đã bị tiêu tan.

252. Danh tiếng của dòng tộc Okkāka với sự tiêu diệt Ma vương đã được giương cao. Này các con, chẳng phải chính lúc này là thời điểm cho mục đích Niết-bàn của ta hay sao?

253. Điều ước nguyện của ta được nung đúc từ lâu, hôm nay được thành tựu. Này các con, giờ đây là thời điểm của những tiếng trống vui mừng, việc gì với những giọt nước mắt của các con?

254. Nếu có lòng thương mến đối với ta, và nếu có lòng bi mẫn, tất cả các con hãy thể hiện sự tinh tấn kiên cố cho sự tồn tại của Chánh pháp.

255. Khi được ta thỉnh cầu, đấng Toàn Giác đã ban cho sự xuất gia một cách lưỡng lự. Do điều đó, ta đã hoan hỷ như thế nào thì các con hãy thuận theo điều ấy như thế."

256. Sau khi dặn dò như thế, bà Gotamī dẫn đầu các vị Tỳ-khưu-ni đã đi đến đảnh lễ đức Phật, rồi đã nói lời nói này:

257. "Bạch đấng Thiện Thệ, con là mẹ của Ngài. Và bạch đấng Anh Hùng, Ngài là cha của con. Bạch đấng Bảo Hộ, Ngài là người ban cho niềm an lạc trong Chánh pháp. Bạch Ngài Gotama, con đã được sanh ra bởi Ngài.

258. Bạch đấng Thiện Thệ, hình hài và thân xác này của Ngài đã được lớn mạnh là nhờ con. Còn Pháp thân không thể phê phán của con đã được tăng trưởng là nhờ vào Ngài.

259. Nhờ con, Ngài đã được uống nước sữa làm dịu đi sự khao khát trong chốc lát. Nhờ Ngài, con cũng đã được uống chính dòng sữa giáo pháp thanh tịnh vô cùng tận.

260. Bạch đấng Đại Hiền Trí, trong việc dưỡng nuôi chăm sóc của con, Ngài không có nợ nần. Mong sao cho các phụ nữ có lòng mong mỏi con trai có thể đạt được người con trai như thế này.

261. Mẹ của các vị vua như đức Vua Mandhātu, v.v... là ở trong biển cả của hiện hữu. Này con trai, ta đã bị chìm đắm, nhờ Ngài ta đã vượt qua khỏi đại dương của hiện hữu.

262. Đối với hàng phụ nữ, danh xưng 'Hoàng hậu mẹ của đức vua' là dễ dàng đạt được. Còn danh xưng 'Người mẹ của đức Phật' là đạt được vô cùng khó khăn.

263. Và bạch đấng Anh Hùng, nhờ Ngài con đã đạt được điều ước nguyện ấy của con. Với con toàn bộ điều ấy dầu nhỏ bé hay lớn lao đều đã được tròn đủ.

264. Con muốn từ bỏ xác thân này, con muốn viên tịch Niết-bàn. Bạch đấng Anh Hùng, bậc Lãnh Đạo, vị Đoạn Tận Khổ Đau, xin Ngài hãy cho phép con.

265. Xin Ngài hãy duỗi ra [hai] bàn chân mềm dịu như hoa sen được điểm tô bằng những cây căm bánh xe và các ngọn cờ, con sẽ thể hiện sự tôn kính đến Ngài với lòng yêu mến đối với người con trai.

266. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy thể hiện rõ ràng thân thể tợ như khối vàng; sau khi thực hiện việc chiêm ngưỡng thân thể của Ngài, con sẽ đi về chốn an tịnh."

267. Đấng Chiến Thắng đã khiến cho người dì nhìn thấy thân thể được thành tựu ba mươi hai tướng trạng và được điểm tô với những hào quang xinh xắn trông giống như ánh mặt trời non trẻ từ đám mây chiều.

268. Sau đó, bà Gotamī đã đê đầu ở lòng bàn chân được in dấu hình bánh xe, trông tợ như đóa hoa sen nở rộ có ánh sáng của mặt trời buổi bình minh.

269. "Con xin đảnh lễ đấng Mặt Trời Của Nhân Loại, vị tiêu biểu của dòng dõi mặt trời. Đây là lần từ biệt cuối cùng của con, con không gặp Ngài nữa rồi.

270. Bạch đấng Cao Cả Của Thế Gian, hàng nữ nhân gây nên mọi điều xấu xa rồi chết đi. Và bạch đấng Thể Hiện lòng bi mẫn, nếu con có điều sai trái gì xin Ngài tha thứ.

271. Và bạch đấng Nhân Ngưu, con đã liên tục cầu xin sự xuất gia cho hàng phụ nữ, trong việc này nếu con có điều sai trái xin Ngài hãy thứ tha điều ấy.

272. Bạch đấng Đại Hùng, các Tỳ-khưu-ni đã được con dạy dỗ với sự cho phép của Ngài. Bạch đấng Chúa Tể về kham nhẫn, trong trường hợp này nếu có vấn đề huấn luyện kém cỏi, xin Ngài hãy thứ tha điều ấy."

273. [Đức Phật đáp lại rằng:] "Này người có đức hạnh là vật trang điểm, có thể kham nhẫn những điều gọi là không thể kham nhẫn thì còn có việc gì? Ta sẽ nói điều gì hơn nữa đối với bà là người đang tiến đến Niết-bàn?

274. Khi hội chúng Tỳ-khưu của Ta là thanh tịnh không khiếm khuyết đang tiến bước để ra khỏi thế gian này, ví như quầng trăng ra đi vào lúc rạng đông sau khi nhìn thấy sự biến mất dần của các vì thiên thể."

275. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni kia đã hướng vai phải nhiễu quanh đấng Chiến Thắng cao cả, trông giống như các vì sao theo gót mặt trăng di chuyển xung quanh núi Sumeru. Sau đó họ đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân [đức Phật], rồi đứng lên chiêm ngưỡng khuôn mặt [của Ngài].

276. "Mắt chưa có sự thỏa mãn đối với việc nhìn ngắm Ngài, tai chưa có sự thỏa mãn đối với việc được [nghe] Ngài thuyết giảng, chỉ riêng một mình tâm của con đã đạt được sự thỏa mãn ấy nhờ vào hương vị của giáo pháp.

277. Bạch đấng Cao Quý Của Loài Người, trong khi Ngài tuyên thuyết ở

hội chúng, những người nào nhìn thấy khuôn mặt của Ngài là vị đánh đổ sự kiêu căng của những người đối chất, những người ấy là hữu duyên.

278. Bạch đấng có lóng [tay chân] dài, những người nào sẽ khom mình ở bàn chân xinh đẹp có gót chân nhô ra, bạch bậc Thượng Đức, những người ấy cũng là hữu duyên.

279. Bạch đấng Thượng Nhân, những người nào sẽ lắng nghe những lời nói ngọt ngào, vui vẻ, tiêu diệt lỗi lầm và có lợi ích của Ngài, những người ấy cũng là hữu duyên.

280. Bạch đấng Đại Hùng, với sự nhiệt tâm trong việc lễ bái bàn chân [Ngài], con đã vượt qua khu rừng rậm luân hồi nhờ vào lời thiện thuyết của đấng Quang Vinh, con là hữu duyên với Ngài."

281. Sau đó, vị Ni có hạnh kiểm tốt đẹp ấy cũng đã thông báo đến hội chúng Tỳ-khưu. Và sau khi đảnh lễ các vị Rāhula, Ānanda, Nanda, bà đã nói điều này:

282-83. "Mẹ nhờm gớm cái xác thân tợ như chỗ trú của rắn độc, là chỗ ngụ của bệnh tật, bị chồng chất khổ đau, là chốn lai vãng của sự già và sự chết, đầy dẫy nhiễm ô và tội lỗi, bị lệ thuộc vào người khác, không năng động. Vì thế, mẹ muốn Niết-bàn. Này các con trai, hãy thông cảm [cho mẹ]."

284. Vị Nanda và bậc Hiền thiện Rāhula có sầu muộn đã lìa, không còn lậu hoặc, bền vững, không bị lay động, chắc chắn, kiên quyết, đã suy xét về lẽ tự nhiên rằng:

285. "Thật là xấu hổ cho [xác thân] bị tạo tác, chao đảo, không có lõi, tương tợ như cây chuối, giống như trò xảo thuật hay ảo ảnh, ngắn ngủi, không bền vững.

286. Ngay cả bà Gotamī này, đối với đấng Chiến Thắng là người dì, là người nuôi dưỡng đức Phật, rồi cũng đi đến sự tử vong; tất cả pháp hữu vi là vô thường."

287. Và lúc bấy giờ, Ngài Ānanda, vị có lòng thương mến đối với đấng Chiến Thắng, là bậc Hữu học, đã bị dằn vặt vì sầu muộn. Tại đó, trong khi tuôn trào những giọt lệ, vị ấy rên rỉ nỗi tiếc thương:

288. "Hỡi ôi! Bà Gotamī đi đến chốn thanh tịnh. Hiển nhiên, chẳng bao lâu nữa đức Phật cũng đi đến tịch diệt ví như ngọn lửa hết nguồn nhiên liệu."

289. Bà Gotamī đã nói với vị Ānanda đang than vãn ấy như vầy: "Này vị sâu sắc như biển cả về việc nghe [học hỏi]. Này vị nhiệt tâm trong việc hầu cận đức Phật.

290. Này con trai, chớ miệt mài thương tiếc khi thời điểm cười vui đã đến đối với con. Này con trai, nơi nương nhờ của ta là Niết-bàn đã đến.

291. Này con yêu, được cầu khẩn bởi con, [đức Phật] đã cho phép sự xuất gia đến chúng tôi. Này con trai, chớ có phiền muộn, sự nỗ lực của con là có kết quả.

292. Đạo lộ ấy thậm chí không được nhìn thấy bởi các vị ngoại đạo sư trước đây, lại được biết đến bởi những bé gái hiền thiện bảy tuổi.

293. Này vị hộ trì giáo pháp của đức Phật, [giờ là] lần nhìn thấy cuối cùng của con. Này con trai, nơi nào khi đã đi đến là không được nhìn thấy thì ta đi đến nơi ấy."

294. Có lần nọ, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian bị hắt hơi trong khi đang thuyết giảng giáo pháp, khi ấy với lòng thương tưởng tôi đã nói lời mong mỏi rằng:

295. "Bạch đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy sống thọ. Bạch bậc Đại Hiền Trí, xin Ngài hãy tồn tại trọn kiếp. Vì lợi ích của tất cả thế gian, xin Ngài hãy là vị Thiên Thần Bất Lão."

296. Với tôi là người nữ có lời nói như thế về điều ấy, đức Phật ấy đã nói điều này: "Này Gotamī, chư Phật không nên được tôn vinh như thế, giống như cách bà đã tôn vinh."

297. "Bạch đấng Toàn Tri, vậy thì các đấng Như Lai là nên được tôn vinh như thế nào? Chư Phật là không nên được tôn vinh như thế nào? Được hỏi, xin Ngài hãy giảng cho con về điều ấy."

298. "Bà hãy nhìn xem các vị đệ tử là có sự hòa hợp, có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, có sự nỗ lực mạnh mẽ một cách bền bỉ; ấy là sự tôn vinh chư Phật."

299. Từ nơi ấy, sau khi đi về Ni viện, chỉ có một mình tôi đã suy nghiệm rằng: "Đấng Bảo Hộ, vị đi đến tận cùng tam giới, hài lòng về tập thể có sự hòa hợp.

300. Vậy thì ta sẽ Niết-bàn, ta chớ chứng kiến sự băng hoại ấy." Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã diện kiến bậc Đệ Nhất Ẩn Sĩ.

301. Tôi đã thông báo thời điểm viên tịch Niết-bàn của tôi đến bậc Hướng Đạo. Do đó, Ngài đã đồng ý rằng: "Này Gotamī, bà hãy biết lấy thời điểm."

302. "Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

303. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

304. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật."

305. "Này Gotamī, những kẻ ngu có khuynh hướng không chú tâm và trì trệ trong việc lãnh hội giáo pháp, bà hãy thị hiện thần thông vì lợi ích cho sự từ bỏ tà kiến của những kẻ ấy."

306. Khi ấy, với sự cho phép của đức Phật, bà Gotamī đã quỳ xuống [đảnh lễ] đấng Toàn Giác rồi đã bay lên không trung và đã thị hiện nhiều loại thần thông.

307-08. Là một, bà đã trở thành nhiều, và tương tợ như thế là nhiều trở thành một. Bà đã hiện ra, biến mất, đi xuyên qua vách tường, xuyên qua ngọn núi không bị chướng ngại. Bà cũng đã chìm vào trong trái đất. Bà đã đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đất liền.

309. Khi ấy, bà đã di chuyển với thế kiết-già tương tợ như loài chim ở trên không trung. Bằng thân, bà đã thể hiện sự tác động đến tận chỗ ngụ của đấng Phạm thiên.

310. Sau khi đã làm ngọn núi Sineru thành cây cán lọng và đã làm đại địa cầu thành cái lọng che, bà đã xoay ngược lại đến tận gốc rễ. Trong khi cầm [lọng che], bà đã đi kinh hành ở hư không.

311. Và bà đã làm thế gian mù mịt khói đúng vào lúc mọc lên của sáu mặt trời. Bà đã gây rối ren bằng những tràng hoa rực lửa như là thế gian vào lúc hoại kiếp.

312. Về tảng đá khổng lồ Mucalinda, núi Meru, núi Mandāra và núi Daddara, bà đã nắm lấy toàn bộ bằng một nắm tay như là [nắm lấy] những hạt cải.

313. Với đầu ngón tay bà đã che khuất mặt trời cùng với mặt trăng. Bà đã nắm giữ một ngàn mặt trăng và mặt trời như là [nắm giữ] tràng hoa đội đầu.

314. Bà đã nắm giữ nước của bốn bể bằng một bàn tay, đã làm đổ mưa trận mưa lớn có hình dáng của đám mây đen vào lúc tận thế.

315. Bà đã biến hóa thành đấng Chuyển Luân Vương cùng với tùy tùng ở bề mặt của không trung. Bà đã khiến cho nhìn thấy loài Kim Sí điểu, loài voi và loài sư tử đang gầm rống.

316. Chỉ một mình, bà đã biến hóa thành hội chúng Tỳ-khưu-ni vô số kể, sau đó lại làm cho biến mất chỉ còn một mình, rồi đã nói với bậc Hiền Trí rằng:

317. "Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hữu Nhãn, người dì của Ngài là người nữ thực hành theo lời dạy của Ngài và đã đạt được lợi ích cho bản thân, giờ [xin] đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

318. Sau khi thị hiện nhiều thể loại thần thông, vị Ni ấy đã từ bề mặt của không trung đáp xuống đảnh lễ đấng Quang Đăng Của Thế Gian rồi đã ngồi xuống ở một bên.

319. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đây đã được một trăm hai mươi tuổi tính từ lúc sanh. Bạch đấng Anh Hùng, chừng ấy là vừa đủ. Bạch đấng Lãnh Đạo, con sẽ Niết-bàn."

320. Khi ấy, toàn thể hội chúng ấy vô cùng sửng sốt đã chắp tay lên nói rằng: "Thưa Ni sư, làm thế nào bà đã trở thành vị có thần thông và sự nỗ lực không thể sánh bằng?"

321. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

322. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī trong gia đình vị quan cận thần được đầy đủ mọi thứ tiện nghi, sung túc, thịnh vượng, có đại tài sản.

323. Có lần nọ, tôi đã dẫn đầu nhóm nữ tỳ cùng người cha với đoàn tùy tùng đông đảo đi đến đấng Nhân Ngưu ấy.

324. Tợ như vị [Thiên vương] Vāsava đang làm mưa, đấng Chiến Thắng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, rực rỡ với quầng hào quang giống như mặt trời của mùa thu, đang làm đổ xuống cơn mưa pháp.

325. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã lắng nghe [giáo pháp] khéo được thuyết giảng của đấng Lãnh Đạo Nhân Loại ấy trong khi Ngài đang thiết lập vị Tỳ-khưu-ni Mātucchā vào vị thế hàng đầu.

326. Sau khi lắng nghe, tôi đã dâng cúng đại thí và nhiều vật dụng trong bảy ngày đến bậc Tối Thượng Nhân như thế ấy cùng với hội chúng [của Ngài].

327. Tôi đã nằm dài xuống ở bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy. Sau đó, vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ đã nói với đoàn tùy tùng đông đảo rằng:

328. "Người nữ nào đã chăm lo bữa ăn đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng trong bảy ngày, Ta sẽ tán dương người nữ ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

329. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

330. [Người nữ này] sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Gotamī.

331. Người nữ này sẽ là người dì nuôi dưỡng mạng sống của vị Phật ấy và sẽ đạt được vị thế hạng nhất trong số các Tỳ-khưu-ni kỳ cựu."

332. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, tôi đã hộ độ đấng Chiến Thắng bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời, sau đó đã từ trần.

333. Được sanh lên giữa chư thiên thuộc cõi Đạo-lợi có các sự dồi dào về mọi dục lạc, tôi đã vượt trội các vị [trời] khác về mười phương diện:

334. Là các sắc, các thinh, các hương, các vị và các xúc, luôn cả tuổi thọ và sắc đẹp, sự an lạc và luôn cả danh tiếng nữa.

335. Với ưu thế như thế ấy, tôi đã nổi bật và sáng chói. Tôi đã là hoàng hậu yêu dấu của vị Trời Đế-thích ở tại nơi ấy.

336. Trong khi trôi nổi luân hồi, bị dời chuyển dưới tác động của nghiệp, tôi đã được sanh ra ở trong ngôi làng dân nô lệ thuộc lãnh địa của đức vua xứ Kāsi.

337. Khi ấy, có không dưới năm trăm người nô lệ cư ngụ ở nơi ấy. Tại đó, người nào là đứng đầu của tất cả [nhóm người], tôi đã trở thành vợ của người ấy.

338. Năm trăm bậc Tự chủ đã đi vào làng để khất thực. Sau khi nhìn thấy các vị ấy, tôi cùng với tất cả quyến thuộc đã vui mừng.

339. Chúng tôi cùng với những người chồng đã xây dựng năm trăm cốc liêu, đã hộ độ trong bốn tháng, đã dâng cúng ba y và đã trở nên hoan hỷ.

340. Từ nơi ấy chết đi, chúng tôi cùng với những người chồng đã đi đến cõi

trời Đạo-lợi. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, chúng tôi đã được sanh ra ở thành phố Devadaha.

341. Cha của tôi là Añjana thuộc dòng Sakya, mẹ của tôi là [Hoàng hậu] Sulakkhaṇā. Sau đó, tôi đã đi đến nhà [làm vợ] của [đức Vua] Suddhodana ở thành Kapilavatthu.

342. Những người còn lại đã được sanh vào gia tộc Sakya, đã đi đến nhà [làm vợ] của các vị dòng Sakya. Là ưu việt trong số tất cả, tôi đã là người bảo mẫu của đấng Chiến Thắng.

343. Người con trai của tôi sau khi lìa bỏ ra đi đã trở thành đức Phật, bậc Hướng Đạo. Về sau, tôi đã xuất gia cùng với năm trăm vị [công nương].

344-45. Cùng với các công nương dòng Sakya, tôi đã chạm đến sự an lạc của Niết-bàn. Khi ấy, những người nào đã là chồng của chúng tôi trong cuộc sống trước đây, những người cùng thực hiện phước báu, những người đã tạo ra thời điểm trọng đại, được đấng Thiện Thệ thương tưởng những người ấy đã chạm đến phẩm vị A-la-hán.

346. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni kia đã ngự lên bề mặt của không trung. Có đại thần lực, các vị Ni đã chói sáng như là các vì sao đã được quần tụ lại.

347. Các vị Ni đã thị hiện nhiều loại thần thông, tương tợ như những thợ vàng khéo được huấn luyện đã làm ra nhiều mẫu mã trang sức đối với kim loại vàng đã được chế biến.

348. Khi ấy, các vị Ni đã thị hiện các phép lạ đa dạng nhiều loại và đã làm hoan hỷ bậc Hiền Trí, vị Thuyết Giảng hàng đầu, cùng với đồ chúng.

349. Sau khi từ không trung đáp xuống, các vị Ni đã đảnh lễ bậc Ẩn Sĩ tối thượng. Được sự cho phép của đấng Tối Thượng Nhân, các vị Ni đã ngồi xuống đúng theo vị thế [nói rằng]:

350. "Ôi! Bạch đấng Anh Hùng, bà Gotamī là người có lòng từ mẫn đối với tất cả chúng con. Được sống nhờ vào những phước báu của Ngài, chúng con đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

351. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là những con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

352. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

353. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

354. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

355. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

356. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và về phép biện giải được phát hiện và được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

357. Bạch đấng Lãnh Đạo, Ngài đã hành xử đối với chúng con bằng các tâm từ ái. Bạch đấng Đại Hiền Trí, xin Ngài cho phép về việc Niết-bàn đến tất cả [chúng con].”

358. Đấng Chiến Thắng đã nói rằng: “Khi các nàng nói: ‘Chúng con sẽ Niết-bàn’ như thế thì Ta còn nói điều gì nữa. Vậy thì giờ đây, các nàng hãy suy nghĩ về thời điểm của các nàng.”

359. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni ấy đứng đầu là Gotamī, v.v... đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng. Rồi các vị Ni ấy đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và đã ra đi.

360. Bậc Anh Hùng ấy, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian cùng với đại chúng đông đảo đã cùng đi theo người dì cho đến tận cổng.

361. Khi ấy, bà Gotamī đã cúi xuống ở các bàn chân của đấng Quyến Thuộc Thế Gian, là sự đảnh lễ bàn chân lần cuối cùng với tất cả các vị Ni kia.

362. “Đây là lần nhìn thấy đấng Bảo Hộ Thế Gian lần cuối cùng của con. Con sẽ không còn nhìn thấy lại khuôn mặt của Ngài là nguồn phát sanh lên sự bất tử.

363. Và bạch đấng Anh Hùng, [đây] không phải là sự đảnh lễ của con ở bàn chân vô cùng mềm mại của Ngài. Bạch đấng Cao Cả Của Thế Gian, con sẽ sờ nắn [chúng]; hôm nay con đi đến nơi an tịnh.

364. Có gì với sắc tướng này của Ngài khi pháp đã được thấy đúng theo bản thể? Toàn bộ sắc tướng này chỉ là hữu vi, không được thoải mái, là tạm bợ.”

365. Sau khi đi về tu viện Tỳ-khưu-ni của mình cùng với các vị Ni ấy, bà Gotamī đã xếp chân bán già ngồi xuống ở trên chỗ ngồi cao nhất.

366. Khi ấy, các nữ cư sĩ mến chuộng Phật pháp ở tại nơi ấy, sau khi nghe được tin tức về bà ấy, đã đi đến đảnh lễ ở bàn chân [của bà].

367. Bị dằn vặt vì sầu muộn, họ đã đấm vào ngực bằng những bàn tay. Rồi giống như là các dây leo bị chặt đứt gốc rễ, họ đã ngã xuống ở trên đất trong khi nức nở tiếng khóc lóc thảm thương rằng:

368. “Hỡi người ban bố sự nương nhờ, hỡi người bảo hộ, xin người đừng từ bỏ chúng con mà đi đến nơi an tịnh. Toàn thể người nữ chúng con quỳ xuống đê đầu thỉnh cầu [người].”

369. Trong khi xoa đầu của người nữ cư sĩ có sự nỗ lực cao nhất, có tín tâm, có trí tuệ trong số ấy, bà Gotamī đã nói lời nói này:

370. “Này các con, thôi đủ rồi bởi vì thất vọng là sự xoay vần theo mưu kế của Ma vương. Tất cả pháp hữu vi là vô thường, sự chia lìa và sự tử vong là không chừng đổi.”

371. Sau đó, bà ấy đã giã từ những người nữ ấy rồi đã thể nhập thiền tối thượng bậc thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và luôn cả bậc thứ tư.

372. Tương tợ như thế, theo tuần tự bà đã thể nhập [các bậc thiền] không gian xứ, thức xứ, vô sở hữu, phi tưởng.

373. Bà Gotamī đã thể nhập các bậc thiền theo chiều nghịch về lại bậc thiền thứ nhất, rồi từ đó tiến đến bậc thứ tư.

374. Từ đó, bà đã xuất ra và đã Niết-bàn, tợ như ngọn lửa của cây đèn cạn dầu. Đã có sự chuyển động dữ dội của trái đất, sét đã giáng xuống từ bầu trời.

375. Các tiếng trống đã được vang lên, chư thiên đã than vãn, và cơn mưa bông hoa từ bầu trời đã đổ xuống trái đất.

376. Ngọn núi chúa Meru cũng đã rung động tương tợ như người vũ công ở giữa sàn nhảy. Chính vì sầu muộn, biển cả đã có sự gào thét vô cùng thảm thiết.

377. Vào giây phút ấy, chư thiên, các long vương, các a-tu-la và đấng Phạm thiên bị chấn động đã thốt lên rằng: "Các pháp hữu vi quả thật là vô thường, theo như thế ấy vị Ni này đã đi đến sự hoại diệt.

378. Và các vị Ni nào là những người thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư đã tháp tùng vị Ni này, các vị Ni ấy cũng không còn chấp thủ, như là ngọn lửa của cây đèn đã bị lụi tàn."

379. Và đã có sự than vãn rằng: "Chao ôi! Các sự hội tụ có sự chia lìa là điểm kết thúc. Chao ôi! Tất cả pháp hữu vi là vô thường. Chao ôi! Cuộc sống có sự tiêu hoại là điểm kết thúc."

380. Sau đó, chư thiên và đấng Phạm thiên [đã] tiến hành công việc thuận theo pháp thế gian, thích hợp thời điểm, rồi đã đi đến gần vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ.

381. Khi ấy, bậc Đạo Sư đã bảo Ngài Ānanda là vị có sự học ví như biển cả rằng: "Này Ānanda, hãy đi thông báo đến các Tỳ-khưu về việc Niết-bàn của mẹ."

382. Khi ấy, Ngài Ānanda, không còn nét hân hoan,[8] mắt đẫm lệ, đã nói với giọng nói nghẹn ngào rằng: "Hỡi chư Tỳ-khưu, hãy cùng nhau đi đến.

383. Hỡi chư Tỳ-khưu là các đệ tử của đấng Thiện Thệ đang ngụ ở các hướng Đông, Nam, Tây, Bắc, xin hãy lắng nghe lời nói của tôi.

384. Bà Gotamī ấy, người đã ra sức nuôi dưỡng xác thân cuối cùng của đấng Hiền Trí, đã đi đến nơi an tịnh như là vì sao vào lúc ló dạng của mặt trời.

385. Sau khi đã thiết lập danh xưng cho vị Ni đã ngự đến Niết-bàn là 'Người Mẹ của đức Phật', đấng Lãnh Đạo, dầu là bậc Ngũ Nhãn, cũng không nhìn thấy nơi nào là nơi [bà] đã đi đến.

386. Vị nào có niềm tin vào đấng Thiện Thệ, và vị nào yêu quý bậc Đại Hiền Trí, xin vị đệ tử của đấng Thiện Thệ hãy thể hiện sự tôn kính đối với người mẹ của đức Phật."

387. Sau khi nghe được điều ấy, các vị Tỳ-khưu thậm chí từ quốc độ vô cùng xa xôi đã nhanh chóng đi đến, một số vị là nhờ vào năng lực của đức Phật, một số vị là được rành rẽ về các phép thần thông.

---

[8] "*Ānando nir-ānando*" là phép chơi chữ, không thể diễn tả bằng tiếng Việt.

388. Ở trong ngôi nhà mái nhọn cao quý đáng yêu, toàn bộ làm bằng vàng sáng chói, các vị đã cùng nhau sắp đặt chiếc giường nhỏ là nơi bà Gotamī an nghỉ.

389. Bốn vị [trời] hộ trì thế gian ấy đã cùng nhau gánh vác bằng những bả vai. Chư thiên còn lại như là [vua Trời] Sakka, v.v... đã cùng nhau khiêng các ngôi nhà mái nhọn.

390. Toàn bộ đã có đến năm trăm ngôi nhà mái nhọn có màu sắc như ánh mặt trời vào mùa thu đều đã được tạo nên bởi vị Trời Vissakamma.

391. Toàn thể các vị Tỳ-khưu-ni ấy đã được đặt nằm trên những chiếc giường được nâng lên đặt ở vai của chư thiên rồi được tuần tự rước đi.

392. Có mái che đã che phủ toàn bộ bề mặt của không trung. Mặt trăng, mặt trời, cùng các vì sao đã được ghi dấu hiệu bằng vàng.

393. Vô số ngọn cờ đã được dựng lên, các tấm màn hoa đã được trải rộng. Từ trên không trung những đóa hoa sen đã rơi xuống, ở trên mặt đất là bông hoa đã được vun cao.

394. Mặt trăng và mặt trời được nhìn thấy và các vì sao lấp lánh. Và mặt trời dầu đã đi đến chính ngọ nhưng không làm cho nóng bức, tợ như là mặt trăng vậy.

395. Chư thiên đã cúng dường bằng các hương thơm ở cõi trời, những tràng hoa thơm ngát, các khúc nhạc, những điệu vũ và các bản đồng ca.

396. Và các vị long vương, chư thiên và các Phạm thiên tùy theo khả năng, tùy theo sức lực đã cúng dường người mẹ của đức Phật đã Niết-bàn đang được rước đi.

397. Toàn bộ các vị Ni đệ tử của đấng Thiện Thệ đã tịch diệt là được rước đi ở phía trước, bà Gotamī, người đã nuôi dưỡng đức Phật, được kính trọng, đã được rước đi ở phía sau.

398. Chư thiên và nhân loại cùng với các long vương, a-tu-la, Phạm thiên là ở phía trước, đức Phật cùng các vị Thinh văn đi ở phía sau nhằm mục đích tôn vinh người mẹ.

399. Lễ viên tịch Niết-bàn của đức Phật đã là như thế nào chứ không được như thế này, lễ viên tịch Niết-bàn của bà Gotamī đã là vô cùng phi thường.

400. Ở lễ Niết-bàn của đức Phật, đức Phật không hiện diện [chỉ có] các vị Tỳ-khưu. Ở lễ Niết-bàn của bà Gotamī có đức Phật, cũng như có các vị Sāriputta, v.v...

401. Các vị ấy đã thực hiện các giàn hỏa thiêu được làm bằng tất cả các loại vật thơm, được rải rắc các loại bột phấn thơm, rồi đã hỏa thiêu bà ở nơi đó.

402. Các phần còn sót lại đã được đốt cháy toàn bộ, toàn bộ phần còn lại là các hạt xương. Và khi ấy, Ngài Ānanda đã nói lời nói khơi dậy nỗi chấn động:

403. "Bà Gotamī đã đi đến sự yên nghỉ, và thi thể của bà ấy đã được thiêu đốt. Tôi e rằng sự Niết-bàn của đức Phật sẽ là không lâu."

404. Sau đó, được đức Phật khuyên bảo vị Ānanda ấy đã dâng lên đấng Bảo Hộ các Xá-lợi của bà Gotamī đã được đặt vào trong bình bát của bà ấy.

405-06. Sau khi đã nâng lên các Xá-lợi bằng bàn tay, vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ đã nói rằng: "So sánh với thân cây to lớn có lõi đang đứng thẳng, giống cây nào dầu có tầm vóc lớn hơn vẫn bị ngã xuống bởi vì tính chất vô thường, tương tợ như thế, bà Gotamī của hội chúng Tỳ-khưu-ni đã viên tịch Niết-bàn.

407. Ôi! Quả là ngạc nhiên đối với Ta! Ngay cả trong sự Niết-bàn của người mẹ chỉ còn lại phần nhỏ về Xá-lợi, và không có sự sầu muộn hay than vãn.

408. Không có sự sầu khổ ở những người khác. Bà ấy có biển cả luân hồi đã được vượt qua, có sự bực bội đã lìa, được trạng thái mát mẻ, đã Niết-bàn tốt đẹp.

409. Bà đã là vị thông thái có tuệ vĩ đại, và tương tợ như thế ấy, bà là vị có tuệ bao quát, là vị kỳ cựu trong số các Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như thế.

410. Bà Gotamī đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

411. Bà đã biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, đối với bà ấy không còn tái sanh nữa.

412. Bà ấy đã có được trí hoàn toàn thanh tịnh về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải; vì thế không nên sầu muộn.

413. Giống như đối với ngọn lửa cháy sáng hủy hoại luôn cả chiếc búa sắt [nhưng khi] đã được dập tắt theo tuần tự thì nơi đi đến cũng không được biết.

414. Tương tợ như vậy, đối với những người đã được giải thoát đúng đắn, có sự vượt qua dòng lũ ràng buộc của các dục lạc, đã đạt được vị thế bất động thì không còn cảnh giới tái sanh nào để nhận biết nữa.

415. Do đó, các ngươi hãy là hòn đảo của chính bản thân, có hành xứ là các sự thiết lập niệm. Sau khi tu tập bảy chi phần giác ngộ, các ngươi sẽ làm chấm dứt sự khổ đau."

Vị Tỳ-khưu-ni Mahāpajāpatigotamī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Mahāpajāpatigotamī" là phần thứ bảy.

18. KÝ SỰ VỀ KHEMĀ (*Khemāpadānaṃ*)

416. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp, đấng Lãnh Đạo đã hiện khởi.

417. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với nhiều loại châu báu, tôi đã được thừa hưởng lạc thú lớn lao.

418. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, với niềm tịnh tín sanh khởi tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng.

419. Và tôi cũng đã yêu cầu mẹ cha, rồi đã thỉnh mời đấng Hướng Đạo cùng với các vị Thinh văn và đã cung ứng vật thực trong bảy ngày.

420. Và khi bảy ngày đã trôi qua, đấng Điều Phục Nhân đã thiết lập vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có đại trí tuệ vào vị thế tối thắng.

421. Được hoan hỷ sau khi lắng nghe điều ấy, tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Sĩ ấy lần nữa rồi đã nằm dài xuống và đã phát nguyện vị thế ấy.

422. Do đó, đấng Chiến Thắng ấy đã nói với tôi rằng: "Điều phát nguyện của nàng [sẽ] được thành tựu. Sự tôn kính đã được nàng thực hiện ở nơi Ta cùng với hội chúng là có quả báo vô lượng.

423. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

424. Nàng sẽ có tên là Khemā, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, và sẽ đạt được vị thế tối thắng."

425. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

426. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại.

427. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy.

428. Từ nơi ấy chết đi [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và các vị vua cai quản các lãnh thổ.

429. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi trong nhiều kiếp.

430. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

431. Tôi đã đi đến gặp bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Điều Phục Nhân ấy. Sau khi lắng nghe giáo pháp cao quý, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

432. Sau khi thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp của đấng Anh Hùng ấy mười ngàn năm, tôi đã gắn bó vào thiền tập, có sự nghe nhiều [học rộng].

433. Là vị thiện xảo về các biểu hiện của duyên [tùy thuận sanh khởi], có niềm tự tín ở bốn sự thật, là người khôn khéo, là vị thuyết giảng hay, là người thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư.

434. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất, là tiên nữ có danh tiếng. Tại nơi ấy, tôi đã vượt trội những người khác nhờ vào quả báo của việc thực hành Phạm hạnh.

435. Ở bất cứ nơi nào tôi được sanh ra, tôi đều có nhiều của cải, nhiều tài sản, là người có sự sáng suốt, có sắc đẹp, và có luôn cả hội chúng đã được rèn luyện nữa.

436. Do nghiệp ấy có sự gắn bó với giáo pháp của đấng Chiến Thắng, tất cả các sự thành tựu của tôi đều đạt được dễ dàng và là các niềm yêu quý của tâm.

437. Thậm chí ở bất cứ nơi đâu tôi sanh đến, bất cứ người nào là chồng của tôi đều không khinh miệt tôi nhờ vào quả báo tu tập của tôi.

438. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Koṇāgamana, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

439. Khi ấy, tôi là hậu duệ của một gia đình vô cùng giàu có ở tại Bārāṇasī. Dhanañjāni, Sumedhā và tôi nữa là ba người.

440. Là những người cộng sự trong việc bố thí trước đây và là những người tạo lập, chúng tôi đã xác định trú xá là của hội chúng, rồi đã dâng cúng tu viện đến hội chúng.

441. Từ nơi ấy chết đi, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi, đã đạt được tư cách cao tột về danh vọng, và tương tợ y như thế ở giữa loài người.

442. Chính ở vào kiếp này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

443. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

444. Tôi đã là người con gái lớn nhất của vị ấy, được nổi danh là Samaṇī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng cao cả, tôi đã xin xuất gia.

445-46. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

447. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

448. Tôi, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Kuṇḍalā, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

449. Có lần nọ, đấng Mặt Trời Của Nhân Loại ấy thuyết giảng giáo pháp tuyệt vời. Sau khi lắng nghe bài *Kinh Mahānidāna*[9] tôi đã học thuộc lòng bài kinh ấy.

450. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

451. Và trong kiếp cuối cùng hiện nay, tôi là người con gái vui tính, đáng mến, đáng yêu của đức Vua Madda ở tại kinh thành Sāgalā.

452. Cùng với sự việc đã được sanh của tôi là trong kinh thành ấy đã có

[9] Xem *D.* II. 55, *Kinh Đại duyên* (*Mahānidānasuttaṃ*), số 15.

sự thái bình. Vì thế, tên "Khemā" đã được sanh lên cho tôi phát xuất từ công đức [ấy].

453. Khi đạt đến tuổi thanh xuân, tôi được tô điểm bởi sắc đẹp và sự mặn mà, khi ấy người cha đã dâng tôi cho đức Vua Bimbisāra.

454. Tôi đã là người nữ vô cùng yêu quý của vị [vua] ấy. Thích thú trong việc trau chuốt xác thân, tôi đã không tỏ ra rộng lượng đối với những lời nói về sự xấu xa của các sắc thân.

455. Khi ấy, với sáng kiến nhằm giúp đỡ cho tôi, đức Vua Bimbisāra đã ngợi khen về Veḷuvana [Trúc Lâm], và đã bảo các ca sĩ ca hát cho tôi nghe rằng:

456. "Chúng tôi quan niệm rằng: 'Người nào chưa nhìn thấy Veḷuvana đáng yêu, chốn ngụ cư của đấng Thiện Thệ, thì người ấy chưa nhìn thấy [vườn hoa] Nandana [của cõi trời].

457. Người nào đã nhìn thấy Veḷuvana là [vườn hoa] hoan lạc Nandana của nhân loại, người ấy đã nhìn thấy [vườn hoa] Nandana vô cùng hoan lạc của vị Thiên vương.'

458. Chư thiên sau khi rời [vườn hoa] Nandana ngự xuống mặt đất và đã nhìn thấy Veḷuvana đáng yêu thì vô cùng sửng sốt và không còn tiếc nuối nữa.

459. [Veḷuvana] đã được sanh lên do phước báu của đức vua, được làm đẹp nhờ vào phước báu của đức Phật, có ai là người thuật lại một cách trọn vẹn về tổng thể các đức tính tốt đẹp của khu vườn ấy?"

460. Sau khi nghe được sự thành công của khu rừng ấy, đối với tôi là có sự quyến rũ vào tai. Lúc bấy giờ, có lòng mong muốn nhìn thấy khu vườn ấy tôi đã trình lên đức vua.

461. Và khi ấy, vị lãnh chúa ấy đã sốt sắng ra lệnh cho đoàn tùy tùng đông đảo đưa tôi đi để nhìn xem khu vườn ấy [và đã nói với tôi rằng]:

462. "Hỡi nàng là của cải vĩ đại, nàng hãy đi, hãy nhìn xem khu rừng đem lại sự bổ ích cho cặp mắt, là nơi luôn luôn chói sáng với sự vinh quang, được rực rỡ với hào quang của đấng Thiện Thệ."

463. Và vào lúc đấng Hiền Trí đã đi vào kinh thành Giribbaja để khất thực, đúng vào lúc ấy tôi đã đi đến để nhìn thấy khu rừng.

464. Khi ấy, khu rừng cây trải dài ấy[10] được rì rào tiếng vo ve của ong vò vẽ các loại, được phối hợp với tiếng rù rù của loài chim cu, được nhảy múa bởi đám chim công.

465. [Khu rừng cây] có ít tiếng động, không bị phân tán, được điểm tô bằng các đường kinh hành khác nhau, được rải rác với các cụm liêu cốc, được nổi bậc với các hành giả cao quý.

466. Trong khi dạo quanh, tôi đã suy nghĩ rằng: "Mắt ta có được thành

[10] Dịch theo các bản *Pāḷi* của Thái Lan, Miến Điện, PTS: *Tadā taṃ phullapivinaṃ...*

quả.” Cũng tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu trẻ gắn bó [thiền tập] và đã suy gẫm rằng:

467. “Vị này ở vào độ tuổi rất trẻ và được phú cho dáng vóc dễ thương như là mùa xuân lại chịu ở trong khu rừng dẫu cho là đáng yêu như vầy.

468. Ngồi ở gốc cây, đầu cạo, đắp y hai lớp, tham thiền, quả nhiên vị Tỳ-khưu này đã từ bỏ khoái lạc sanh lên từ đối tượng [bên ngoài].

469. Phải chăng con người vô cùng hiền thiện này nên thọ hưởng [ngũ] dục cho thoải mái với cuộc đời tại gia, sau này về già mới nên thực hành giáo pháp?”

470. Sau khi biết được rằng “Suññaka” là hương thất, là chỗ ngụ của đấng Chiến Thắng, tôi đã đi đến gần và đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng tợ như mặt trời đang mọc lên.

471. [Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng] ngồi mỗi một mình một cách an lạc, đang được quạt bởi người nữ quý phái. Sau khi nhìn thấy tôi đã suy gẫm như vầy: “Bậc Nhân Ngưu này không có quê kệch.”

472. Người thiếu nữ ấy có diện mạo [sáng] như vàng, có khuôn mặt và đôi mắt như đóa sen, có môi đỏ, có răng màu hoa nhài, có sự thu hút con tim và ánh mắt.

473. Có đôi tai lấp lánh khuyên vàng, có ngực dạng bầu bầu, có eo thon, có mông đẹp, có đùi thân chuối và có đồ trang sức xinh xắn.

474. Với chiếc áo khoác ngoài lên đôi vai gợi tình, với y phục tinh khiết màu xanh, được sở hữu tính chất phụ nữ với hình dáng [nhìn] không thể nào thỏa mãn.

475. Sau khi nhìn thấy nàng ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy: “Ôi, nàng này tuyệt đẹp, ta chưa từng nhìn thấy trước đây bằng [cặp] mắt này.”

476. Kế đó, bị chế ngự bởi sự già, nàng ấy [trở nên] có dung nhan tàn tạ, khuôn mặt chảy dài, răng sứt mẻ, đầu bạc, miệng có nước dãi, dơ dáy.

477. [Nàng ấy] có tai bị co rút, mắt trắng [đục], bộ ngực xấu xí đong đưa, tất cả các bộ phận cơ thể bị nhăn nheo chảy xệ, thân thể nổi đầy gân.

478. [Nàng ấy] có lưng bị còng, có gậy là bạn, vô cùng nhợt nhạt, gầy còm, trong lúc run rẩy bị té nhào, chốc chốc lại bị hụt hơi.

479. Do đó, tôi đã có sự chấn động, kinh ngạc, lông dựng đứng: “Thật là xấu hổ cho xác thân bất tịnh là nơi mà những kẻ ngu hứng thú!”

480. Lúc bấy giờ, sau khi nhìn thấy [tôi có] tâm bị chấn động, đấng Đại Bi, bậc Thiện Thệ với tâm phấn chấn đã nói lên những lời kệ này:

481. “Này Khemā, hãy nhìn xem thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối đang tiết ra, đang rò rỉ lại được hứng thú đối với những kẻ ngu.

482. Nàng hãy tu tập tâm cho được chuyên nhất khéo tập trung về đề mục bất mỹ, niệm hãy được hướng đến thân, nàng hãy có nhiều sự nhàm chán.

483. Thân này như thế nào thì xác kia như vậy, xác kia như thế nào thì thân này như vậy. Nàng hãy lìa bỏ sự mong muốn về thân ở bên trong lẫn bên ngoài.

484. Và nàng hãy tu tập về vô tướng, hãy dứt bỏ ngã mạn ngủ ngầm. Từ đó, có được sự lãnh hội về ngã mạn nàng sẽ sống thanh tịnh.

485. Những người bị đắm nhiễm ái dục rơi vào dòng chảy, tương tợ như con nhện sa vào mạng lưới được tạo nên bởi chính nó, sau khi cắt đứt luôn cả điều ấy, xuất gia, từ bỏ dục lạc, trở thành những người vô tư lự."

486. Kế đó, sau khi biết được tôi có tâm đã được sẵn sàng, đấng Điều Phục Nhân đã thuyết giảng bài *Kinh Mahānidāna*[11] nhằm hướng dẫn cho tôi.

487. Sau khi lắng nghe bài kinh tuyệt vời ấy, tôi đã tưởng nhớ về quá khứ. Tôi được an tịnh ngay khi đang đứng tại nơi ấy, tôi đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh.

488. Ngay khi ấy, tôi đã cúi xuống ở nơi bàn chân của bậc Đại Hiền Trí nhằm mục đích bày tỏ tội lỗi, và đã nói lời nói này:

489. "Bạch đấng Toàn Tri, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Hành Bi Mẫn, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đã Vượt Qua Luân Hồi, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Ban Cho Sự Bất Tử, con kính lễ Ngài!

490. Con đã lao theo sự nắm bắt tà kiến, bị lầm lạc trong ái dục, nhờ vào Ngài với phương pháp đúng đắn con đã được dẫn dắt, được thỏa thích trong sự rèn luyện.

491. Do việc không nhìn thấy các bậc Đại Hiền Trí như thế ấy, các chúng sanh không có phước phần phải gánh chịu khổ đau lớn lao trong biển cả luân hồi.

492. Vào lúc con đã không nhận ra Ngài là chốn nương nhờ của thế gian, là bậc không dục vọng đã đạt đến tận cùng của sự chết, là sự lợi ích cận kề, con xin bày tỏ lỗi lầm ấy.

493. Bị đắm say xác thân, con đã không đến gần bậc có lợi ích lớn, vị có sự bố thí cao quý, hoài nghi là: 'Không có lợi ích', con xin bày tỏ lỗi lầm ấy."

494. Khi ấy, trong lúc rưới rắc sự bất tử đến tôi, bậc Đại Bi, đấng Chiến Thắng, vị có giọng nói vang ngọt ngào, đã nói rằng: "Này Khemā, hãy đứng lại!"

495. Khi ấy, sau khi đã đê đầu đảnh lễ và đã thực hiện việc nhiễu quanh vị ấy, tôi đã ra đi. Sau khi nhìn thấy đấng quân vương, tôi đã nói lời nói này:

496. "Ôi, vị khuất phục kẻ thù, phương pháp đúng đắn này đã được suy tính bởi bệ hạ. Do ước muốn nhìn thấy khu rừng mà bậc Hiền Trí, vị ban phát Niết-bàn, đã được nhìn thấy.

497. Tâu bệ hạ, nếu ngài vui thích thiếp sẽ xuất gia trong giáo pháp của vị như thế ấy. Nhờ vào lời nói của bậc Hiền Trí, thiếp đã nhàm chán sắc thân."

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

---

[11] Xem *D.* II. 55, *Kinh Đại duyên* (*Mahānidānasuttaṃ*), số 15.

498. Khi ấy, vị lãnh chúa ấy đã chắp tay lên và nói rằng: "Này Hiền thê, trẫm cho phép nàng. Cầu chúc sự xuất gia được thành tựu đến nàng."

499. Và sau khi xuất gia, khi ấy đã được nửa tháng, sau khi nhìn thấy sự sáng lên của ngọn đèn và sự diệt tắt, tôi có tâm bị chấn động.

500. Nhàm chán tất cả các hành, được rành rẽ về biểu hiện của duyên [tùy thuận sanh khởi], sau khi đã vượt qua bốn dòng nước lũ,[12] tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

501. Tôi đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và tôi cũng đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

502. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

503. Trí tuệ hoàn toàn thanh tịnh của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải, là được thành tựu trong giáo pháp của đức Phật.

504. Tôi được thiện xảo về các [pháp] thanh tịnh, tự tin trong vấn đề tranh luận, biết về phương thức của Vi diệu pháp, và đã đạt được năng lực ở giáo pháp.

505. Sau đó, được đức Vua [Pasenadi], chủ quản xứ Kosala hỏi các câu hỏi khôn khéo về vấn đề vật thực, tôi đã giải thích đúng theo bản thể.

506. Sau đó, vị vua ấy đã đi đến gặp đấng Thiện Thệ và đã hỏi lại. Các điều ấy đã được tôi giải thích như thế nào thì đức Phật đã giải thích y như thế ấy.

507. Đấng Chiến Thắng, bậc Tối Thượng Nhân hoan hỷ về đức hạnh ấy đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng là "Vị đứng đầu các vị có đại tuệ" trong số các vị Tỳ-khưu-ni.

508. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

509. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Khemā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Khemā" là phần thứ tám.

19. KÝ SỰ VỀ UPPALAVAṆṆĀ (*Uppalavaṇṇāpadānaṃ*)

511. Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā được đạt đến sự toàn hảo về thần thông, đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã nói lời nói này:

512. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con xin trình rằng con đã vượt qua sự tái sanh luân hồi, đã đạt được vị thế bất động, con đã cạn kiệt tất cả khổ đau.

[12] Tứ bộc: Dục bộc, hữu bộc, kiến bộc, vô minh bộc.

513. Cho đến nhóm người có lòng tịnh tín vào giáo pháp của đấng Chiến Thắng, và con có lỗi lầm đối với những ai, mong rằng họ hãy tha thứ ở trước mặt đấng Chiến Thắng.

514. Bạch đấng Đại Hùng, con xin trình rằng trong khi luân chuyển ở vòng luân hồi, nếu con có điều lầm lỗi xin Ngài tha thứ cho điều sai trái ấy."

515. "Nàng cũng nên phô bày thần thông cho những người hành theo giáo pháp của Ta được thấy. Hôm nay nàng hãy cắt đứt sự hoài nghi cho cả tứ chúng."

516. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ, đấng Quang Minh, con là con gái của Ngài, con đã làm được nhiều công việc khó làm và vô cùng khó làm.

517. Màu da của con chính là màu của hoa sen, tên gọi Uppala là theo tên gọi của hoa sen. Bạch đấng Đại Hùng, con là nữ Thinh văn của Ngài. Bạch đấng Hữu Nhãn, con xin đảnh lễ ở bàn chân [của Ngài].

518. Trong nhiều trăm lần tái sanh, Rāhula và luôn cả con nữa đã được sanh ra trong cùng một dòng tộc do ý muốn tương tợ nhau.

519. Có sự sanh ra cùng nhau trong nhiều lần tái sanh của con. Trong kiếp sống cuối cùng được thành tựu, cả hai lại có dòng tộc khác nhau.

520. Và người con trai tên là Rāhula, người con gái tên gọi Uppala. Bạch đấng Anh Hùng, xin hãy nhìn xem thần thông của con, con sẽ thị hiện năng lực đến bậc Đạo Sư."

521. Vị Ni đã đặt bốn đại dương ở trong lòng bàn tay, tương tợ như vị y sĩ Jīvaka Komārabhacca đã đổ dầu vào bàn tay.

522. Vị Ni đã bứng trái đất lên rồi đặt ở trong lòng bàn tay, tương tợ như người thiếu niên trẻ tuổi đã nhổ lên cọng cỏ muñja nhiều màu sắc.

523. Vị Ni đã đưa bàn tay tợ như vũ trụ che ở đỉnh đầu và đã làm đổ xuống giọt mưa nhiều màu sắc thành nhiều đợt.

524. Vị Ni đã biến mặt đất thành cái cối giã, đã biến hạt cát thành thóc lúa, đã biến ngọn núi Sineru thành cái chày, rồi đã giã nát tương tợ như cô thiếu nữ [giã lúa gạo].

525. "Con là con gái của đức Phật tối thượng có tên gọi là Uppala, đã có được năng lực về các thắng trí, là người thực hành theo lời dạy của Ngài.

526. Bạch đấng Hữu Nhãn, sau khi đã thực hiện và đã phô bày vô số phép biến hóa đến vị Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi công bố tên và dòng họ, con xin đảnh lễ ở bàn chân [của Ngài].

527. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

528. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

529. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế

về phép biện giải là được trong sạch, không bợn nhơ vào quyền năng của bậc Đại Ẩn Sĩ.

530. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều việc làm hướng thượng của con đến các đấng Chiến Thắng cao cả trong quá khứ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp là nhằm mục đích về Ngài.

531. Bạch đấng Hiền Trí, thiện nghiệp nào của con đã được con làm tròn đủ, xin Ngài hãy nhớ lại. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi con là mục đích về Ngài.

532. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi tránh xa những nơi không xứng đáng, trong khi từ bỏ tánh hạnh xấu, mạng sống quý báu đã được từ bỏ là nhằm mục đích về Ngài.

533. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã bố thí mười ngàn *koṭi*, và mạng sống của con đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài."

534. Khi ấy, vô cùng sửng sốt, tất cả đã chắp tay lên ngay ở đầu và đã nói rằng: "Thưa Ni sư, làm thế nào Ni sư có được sự nỗ lực về thần thông không thể sánh bằng?"

535. Trước đây một trăm ngàn kiếp, khi ấy tôi là con gái của Long vương có tên là Vimalā, được công nhận là tốt lành trong số những người con gái.

536. Có vị chúa rồng là loài rồng khổng lồ, được tịnh tín với giáo pháp của đấng Chiến Thắng, nên đã thỉnh mời đấng Đại Quyền Lực Padumuttara cùng với các vị Thinh văn.

537. [Vị ấy đã cho chuẩn bị] mái che làm bằng châu báu, ghế dài làm bằng châu báu, và vật dụng làm bằng châu báu được rắc rải các hạt cát châu báu.

538. Và vị ấy đã cho chuẩn bị đường đi được trang hoàng với các ngọn cờ bằng châu báu. Trong khi được vang lên bởi các nhạc cụ, vị ấy đã đi ra tiếp rước bậc Toàn Giác.

539. Được tháp tùng bởi tứ chúng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở chỗ ngồi cao nhất trong cung điện của vị chúa rồng.

540. Vị Long vương có danh tiếng vĩ đại đã dâng lên thức ăn nước uống vật thực cứng, vật thực mềm có giá trị lớn lao vô cùng quý báu.

541. Sau khi thọ thực, đấng Toàn Giác đã rửa bình bát theo khuôn phép, rồi đã nói lời tùy hỷ đến vị Long vương có đại thần lực.

542. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Tri một cách trọn vẹn, người con gái có danh vọng lớn lao của vị Long vương đã được tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, và tâm đã được gắn liền chặt chẽ với ý.

543. Và sau khi biết được tâm của tôi, bậc Đại Hùng, đấng Lãnh Đạo Padumuttara vào giây phút ấy đã bảo vị Tỳ-khưu-ni thị hiện thần thông.

544. Được tự tin, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã thị hiện nhiều loại thần thông. Được hoan hỷ, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã nói với bậc Đạo Sư điều này:

545. "Bạch đấng Anh Hùng, con cũng đã nhìn xem loại thần thông này nhưng với tâm vui mừng khác. Làm thế nào nàng ấy đã được vô cùng tự tin về thần thông?"

546. "Người con gái có đại thần lực của Ta là chánh thống, được sanh ra từ miệng, là người thực hành theo giáo pháp của Ta, vô cùng tự tin về thần thông."

547. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, khi ấy tôi đã ước nguyện như vầy: "Mong sao cho tôi cũng được vô cùng tự tin về thần thông như thế ấy."

548. Được hoan hỷ, với tâm vui mừng, tôi đã đạt đến ý nghĩ cao quý rằng: "Bạch đấng Lãnh Đạo, mong sao trong tương lai xa vời con sẽ là như thế ấy."

549. Ở chiếc ghế dài làm bằng ngọc ma-ni tại mái che sáng ngời, tôi đã làm hài lòng đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng bằng cơm ăn và nước uống.

550. Tôi đã cúng dường đấng Lãnh Đạo Thế Gian đóa hoa sen xanh cao quý của loài rồng tên là Aruṇa [nguyện rằng]: "Mong sao cho tôi có được màu da như thế này."

551. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

552. Từ nơi ấy chết đi, được sanh vào loài người, tôi đã dâng vật thực được đậy lại bằng những đóa sen xanh đến đấng Tự Chủ.

553. Trước đây chín mươi mốt kiếp đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị có ánh mắt thu hút, là bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp.

554. Khi ấy, là con gái của người triệu phú ở kinh thành Bārāṇasī, tôi đã thỉnh mời đấng Toàn Giác, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.

555. Sau khi dâng cúng đại thí và đã cúng dường những đóa sen xanh đến đấng Hướng Đạo, tôi đã ước nguyện về sự xinh đẹp của làn da chỉ bằng tâm ý.

556. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

557. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

558. Tôi đã là người con gái thứ hai của vị [vua] ấy có tên là Samaṇagutta. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

559-60. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

561. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

562. Tôi, Khemā có trí tuệ, Paṭācārā, Kuṇḍalā, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

563. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

564. Từ nơi ấy chết đi, được sanh vào giữa loài người, trong đại gia tộc, tôi đã dâng đến vị A-la-hán tấm vải màu vàng mịn màng quý giá.

565. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã được sanh vào gia tộc dòng Bà-la-môn ở trong thành Ariṭṭha, là con gái của Tiriṭavaccha, có nét quyến rũ, tên là Ummādantī.

566. Từ nơi ấy chết đi, được sanh ra vào gia đình nọ không được giàu có lắm ở trong quốc độ, khi ấy tôi đã chăm sóc lúa sāli.

567. Sau khi nhìn thấy vị Độc Giác Phật, tôi đã dâng năm trăm hạt cốm được che đậy bởi những đóa hoa sen [và đã ước nguyện] năm trăm người con trai.

568. Sau khi dâng cúng mật ong đến đấng Tự Chủ, tôi đã ước nguyện về những người con trai ấy.[13] Từ nơi ấy chết đi, tôi đã được sanh ra ở trong lòng đóa hoa sen ở trong rừng.

569. Tôi đã trở thành chánh hậu của đức vua xứ Kāsi, được tôn vinh kính trọng. Tôi đã sanh ra năm trăm vị hoàng tử không thiếu [một vị].

570. Khi đạt được tuổi thanh niên, những người con trai ấy trong lúc chơi giỡn cuộc vui ở trong nước đã nhìn thấy đóa hoa sen bị rụng cánh, họ đã trở thành các vị Lãnh Đạo Độc Giác.

571. Không có những người con trai cao quý ấy, tôi đây có sự sầu muộn. Chết đi, tôi đã được sanh ra ở ngôi làng nhỏ tại sườn núi Isigili.

572-73. Khi ấy, tôi đã lớn lên, có con cái. Và tôi đã mang món cháo cho những người con trai và cả người chồng nữa. Trong khi đi tôi đã nhìn thấy tám vị Lãnh Đạo Độc Giác đang đi vào làng để khất thực, và đã tưởng nhớ lại những người con trai. Khi ấy, bầu sữa tôi đã tiết ra ngoài bởi lòng thương yêu những người con trai của tôi.

574. Sau đó, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng món cháo đến các vị ấy. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đạt đến vườn hoa Nandana ở cõi Tam Thập.

575. "Bạch đấng Đại Hùng, con đã trải qua an lạc khổ đau, đã luân hồi cõi này cõi khác, và mạng sống đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài."

576. Như vậy là đã có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã được sanh ra ở thành Sāvatthi.

577. Tôi đã có được sự thành tựu về tất cả các dục lạc ở trong gia đình triệu phú có đại tài sản, được rực rỡ bởi nhiều loại châu báu khác nhau, được an vui, được chu cấp như thế ấy.

---

[13] *Tepi patthesuṃ* = Các vị ấy cũng đã ước nguyện (?), vì thế đã dịch theo tạng Thái Lan: *Patthesiṃ tesu puttesu.*

578. Tôi đã được kính trọng, được tôn vinh, được nể vì, được cung kính như thế ấy, được thành tựu vẻ xinh đẹp của dáng vóc, được trọng vọng ở các gia đình.

579. Và tôi đã được ao ước vô cùng mãnh liệt bởi những người có sắc tướng, giàu có, sang trọng, và được ao ước bởi hàng trăm người con trai nhà triệu phú.

580. Sau khi từ bỏ gia đình, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Không đầy nửa tháng, tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

581. Sau khi đã hóa hiện bằng thần thông thành chiếc xe bốn ngựa, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Quang Vinh.

582. "Hỡi vị Tỳ-khưu-ni, sau khi đi đến tột đỉnh của việc đã được phát triển toàn diện, nàng một mình đứng ở gốc cây sāla. Và này người có phẩm chất về sắc đẹp, nàng không có người thứ nhì, nàng không hãi sợ lũ ngu dốt trong số những kẻ tồi bại hay sao?"[14]

583. "Cho dầu là trăm ngàn kẻ tồi bại như ngươi có đi đến nơi đây, ta cũng không chao động sợi lông, ta cũng không bối rối. Này Ma vương, ngươi chỉ một mình, ta không hãi sợ ngươi."

584. "Hỡi nàng, ta sẽ biến mất hoặc ta sẽ đi vào trong bụng của nàng. Dẫu ta đang đứng ở ngay giữa lông mày, nàng vẫn không nhìn thấy ta."

585. "Các nền tảng của thần thông đã khéo được tu tập ở trong tâm, có được năng lực. Này ông bạn, ta đã được thoát khỏi mọi sự trói buộc, ta không sợ hãi ngươi."

586. "Các dục như là gươm giáo, các uẩn như là cái thớt. Điều ngươi đã gọi là sự thích thú trong các dục, thì giờ đây ta đã có được sự không thích thú [trong các dục] ấy."

587. "Sự vui thích đã được phá hủy ở tất cả các nơi. Khối đống mê mờ đã được phá tan. Này ác nhân, ngươi hãy biết như thế. Này tử thần, người đã bị đánh bại."

588. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo, ở giữa các chúng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng là "Vị đứng đầu trong số các vị Ni có thần thông."

589. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

590. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

591. Trong phút chốc, hàng ngàn người từ các nơi dâng lên y phục, đồ ăn khất thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi.

---

[14] Các câu kệ từ 581-87 được thấy ở *Trưởng lão Ni kệ* (*Therīgāthā*), Chương XI, Mười hai kệ, miêu tả cuộc đối thoại giữa Ma vương và vị Trưởng lão Ni.

592. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

593. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Uppalavaṇṇā" là phần thứ chín.

20. KÝ SỰ VỀ PAṬĀCĀRĀ (*Paṭācārāpadānaṃ*)

595. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

596. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī, trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với vô số loại châu báu, tôi đã được thừa hưởng lạc thú lớn lao.

597. Tôi đã đi đến bậc Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, với niềm tịnh tín sanh khởi tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng.

598. Sau đó, đấng Lãnh Đạo đã tán dương vị Tỳ-khưu-ni có sự tự tin về các điều được phép hoặc không được phép và khiêm tốn như thế ấy, là đứng đầu trong số các vị Ni thông suốt về Luật.

599. Khi ấy, với tâm hoan hỷ, có sự mong muốn về vị thế ấy, tôi đã thỉnh mời đấng Thập Lực, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.

600. Sau khi đã dâng vật thực trong bảy ngày, tôi đã dâng cúng ba y, rồi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã nói lời nói này:

601. "Bạch đấng Anh Hùng, vị Ni đã được Ngài tán dương vào tám ngày trước đây. Bạch đấng Lãnh Đạo, nếu được thành tựu con sẽ trở thành như vị Ni ấy."

602. Khi ấy, bậc Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này cô gái hiền thục, chớ lo ngại, hãy yên tâm. Trong thời vị lai xa xôi, nàng sẽ đạt được điều mong ước ấy.

603. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

604. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Paṭācārā."

605. Khi ấy, tôi đã được hoan hỷ. Với tâm từ mẫn, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng từ đó cho đến hết cuộc đời.

606. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

607. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi, đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

608. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

609. Tôi đã là người con gái thứ ba của vị [vua] ấy, được nổi danh là Bhikkhunī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

610-11. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

612. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

613. Tôi, Uppalavaṇṇā, Khemā, Bhikkhunī hiền thục, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

614. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

615. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi.

616. Và khi đã đạt đến tuổi thanh xuân, tôi đã bị tác động của sự suy tầm. Sau khi gặp người đàn ông quê mùa, tôi đã bỏ đi cùng với người ấy.

617. Tôi đã sanh ra một người con trai, đứa thứ nhì còn ở trong bụng của tôi. Khi ấy, tôi đã ước muốn mãnh liệt rằng: "Ta sẽ gặp lại cha mẹ."

618. Người chồng của tôi đã không bằng lòng. Khi ấy, trong lúc người ấy đi vắng, mỗi một mình tôi đã rời khỏi ngôi nhà để đi đến kinh thành Sāvatthi.

619. Sau đó, người chồng của tôi đã đi đến và đã gặp tôi ở trên đường lộ. Khi ấy, có cơn gió vô cùng khủng khiếp sanh lên do nghiệp của tôi đã ào tới.

620. Và có trận mưa lớn đã xuất hiện vào lúc lâm bồn của tôi. Khi ấy, người chồng đã ra đi vì mục đích [tìm] củi gỗ [để sưởi ấm] và đã bị chết bởi con rắn.

621. Khi ấy, do đau đớn vì đã sanh đẻ không người bảo hộ, tôi đã trở nên khốn khổ. Trong khi đi đến chỗ trú ngụ của gia đình, tôi đã nhìn thấy con sông cạn bị tràn ngập.

622. Sau khi ẵm lấy đứa bé tôi đã lội qua, và còn mỗi một đứa ở bờ bên kia. Tôi đã đặt đứa con trai thơ dại nằm xuống vì việc mang đứa kia sang.

623. Tôi đã quay trở lại. Có con chim ưng đã tha đi đứa nhỏ đang kêu khóc và dòng nước đã cuốn trôi đứa kia; tôi đây đã bị xâm chiếm bởi sầu muộn.

624. Sau khi đi đến thành Sāvatthi, tôi đã nghe rằng những người thân đã

chết. Khi ấy, bị dằn vặt bởi nỗi sầu muộn, bị xâm chiếm bởi nỗi sầu muộn lớn lao, tôi đã nói rằng:

625. "Cả hai người con trai đã lìa đời, chồng của tôi đã bị chết ở trên đường, mẹ cha và người em trai đã được thiêu chung ở một giàn hỏa táng."

626. Khi ấy, trở nên ốm yếu, vàng vọt, không người bảo hộ, tâm ý thê lương, trong lúc đi quanh quẩn đó đây tôi đã nhìn thấy đấng Điều Phục Nhân.

627. Sau đó, bậc Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này con gái, chớ khóc than, hãy bình tâm. Con hãy tìm kiếm lại chính mình. Sao con lại buồn đau một cách vô ích?

628. Không có những người con trai, không có người cha, cũng không có những người thân trong việc bảo vệ. Đối với người đã bị khuất phục bởi sự chết, sự bảo vệ ở những người thân là không có."[15]

629. Sau khi lắng nghe lời nói ấy của bậc Hiền Trí, tôi đã chứng đạt quả vị thứ nhất. Sau khi xuất gia không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

630. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

631. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

632. Sau đó, trong sự hiện diện của đấng Toàn Tri, tôi đã học toàn bộ về Luật cùng tất cả phần chi tiết và đã trình bày đúng theo như thế.

633. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng rằng: "Chỉ mỗi một mình Paṭācārā là đứng đầu trong số các vị Ni thông suốt về Luật."

634. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

635. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

636. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

637. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Paṭācārā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

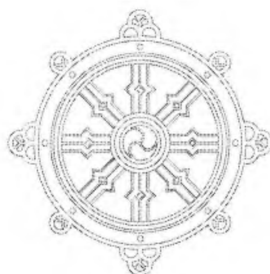
"Ký sự về Trưởng lão Ni Paṭācārā" là phần thứ mười.

[15] *Dh.* v. 288.

Tóm lược của phẩm này

Vị Ni Ekuposathikā, luôn cả vị Ni Salala, rồi vị Ni Modaka, vị Ni Ekāsana, vị Ni Pañcadīpa, vị Ni Sālamālikā, vị Ni Gotamī, vị Ni Khemā, vị Ni Uppalavaṇṇā, Tỳ-khưu-ni Paṭācārā, [tổng cộng] là năm trăm câu kệ ngôn và chín câu nữa cũng được thêm vào đó.

Phẩm Một lần Trai giới là phẩm thứ nhì.



III. PHẨM KUṆḌALAKESĪ (*KUṆḌALAKESĪVAGGO*)

21. KÝ SỰ VỀ KUṆḌALAKESĀ (*Kuṇḍalakesāpadānaṃ*)

639. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp, đấng Lãnh Đạo đã hiện khởi.

640. Khi ấy, tôi đã được sanh ra tại Haṃsavatī trong gia đình triệu phú được rạng rỡ bởi vô số loại châu báu, được đầy đủ với những lạc thú lớn lao.

641. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, có niềm tịnh tín sanh khởi, tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng.

642. Khi ấy, đấng Đại Bi tên Padumuttara đã thiết lập Tỳ-khưu-ni Subhā vào vị thế tối thắng trong số các vị Ni có thắng trí nhạy bén.

643. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã dâng cúng vật thí đến bậc Đại Ẩn Sĩ, rồi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã phát nguyện vị thế ấy.

644. Đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: "Này cô gái hiền thục, điều nào đã được nàng ước nguyện toàn bộ điều ấy sẽ được thành tựu. Hãy được an lạc, hãy được Niết-bàn.

645. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

646. Nàng sẽ là Bhaddā Kuṇḍakesā, nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp."

647. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

648. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại.

649. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy.

650. Từ nơi ấy chết đi, [sanh lên] ở giữa loài người tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua có quyền lực và của các vị vua có lãnh thổ.

651. Tôi đã thọ hưởng sự thành công ở giữa chư thiên và nhân loại, tôi đã được an vui ở trong mọi nơi, tôi đã luân hồi vô số [đại] kiếp.

652. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi

đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

653. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

654. Tôi đã là người con gái thứ tư của vị [vua] ấy được nổi danh là "Bhikkhudāsī". Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

655-56. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

657. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

658. Khemā, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, thêm vào tôi, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

659. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

660. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra tại kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú thịnh vượng. Rồi đến lúc tôi đã ở vào lứa tuổi thanh xuân.

661. Sau khi nhìn thấy kẻ trộm đang bị dẫn đi để xử tử, tôi đã bị luyến ái với gã. Do đó, cha của tôi đã giải cứu gã ấy khỏi cái chết bằng ngàn đồng tiền.

662. Sau khi biết được tâm ý của tôi, cha đã ban gã ấy cho tôi. Tôi đã trở nên thân thiết, vô cùng yêu thương, gắn bó đối với gã ấy.

663. Vì lòng tham đối với các đồ trang sức của tôi, gã nghịch thù ấy có ý định gây tội, đã đưa [tôi] đến ngọn núi có vực thẳm Kẻ Trộm và đã nghĩ đến việc giết chết [tôi].

664. Khi ấy, trong lúc bảo vệ mạng sống của mình, tôi đã cúi lạy, nghiêm chỉnh chắp tay lại với người chồng và đã nói lời nói này:

665. "Thưa tướng công, vàng vòng ngọc trai ngọc bích này có nhiều, xin chàng hãy tự mang đi tất cả. Và hãy thông báo rằng thiếp là 'nô tỳ'".[1]

666. "Này người đẹp, nàng phải chết. Chớ than vãn nhiều quá. Và ta biết chắc rằng không giết thì tài sản không mang đi được."

667. "Kể từ khi thiếp ghi nhớ được bản thân, kể từ khi thiếp đạt được sự hiểu biết, và thiếp biết chắc rằng không ai khác được yêu thương hơn là chàng.

668. Xin chàng hãy đến, thiếp sẽ ôm lấy chàng và sẽ nhiễu quanh chàng. Và giờ đây không còn có sự gần gũi nào giữa thiếp và chàng nữa."

---

[1] Xem Bổn sanh "Nàng Sulasā" (*Sulasājātakaṃ*) số 419, TTPV, tập 32. (ND)

669. Không hẳn trong mọi trường hợp người nam là khôn ngoan. Người nữ có sự cẩn thận nhiều bề cũng là khôn ngoan.

670. Không hẳn trong mọi trường hợp người nam là khôn ngoan. Người nữ cân nhắc điều lợi ích một cách mau chóng cũng là khôn ngoan.

671. Quả nhiên, một cách nhẹ nhàng và mau chóng, tôi đã suy nghĩ mưu kế. Giống như bộ lông [giết chết] con thú, khi ấy tôi đã giết chết gã Sattuka như thế.

672. Và người nào không mau chóng nhận ra điều lợi ích đã bị vuột mất, người có trí kém cỏi ấy sẽ bị giết như là kẻ trộm ở hẻm núi.

673. Và người nào thật mau chóng nhận ra điều lợi ích đã bị vuột mất, [người ấy] thoát khỏi sự quấy rối của kẻ thù, giống như tôi và Sattuka vào lúc ấy vậy.

674. Khi ấy, tôi đã quăng gã Sattuka ấy vào hóc núi, rồi đã đi đến gặp những người [ngoại đạo] mặc vải trắng và đã xuất gia.

675. Và khi ấy, sau khi đã nhổ lên toàn bộ những sợi tóc của tôi bằng nhíp,[2] họ đã cho tôi xuất gia và đã chỉ dạy giáo lý không có gián đoạn.

676-77. Tôi đã học xong [giáo lý] ấy từ họ. Tôi đã ngồi xuống một mình và đã suy xét về [giáo lý] ấy. Có con chó tha bàn tay người đã bị đứt lìa và đã đánh rơi ở cạnh tôi rồi bỏ chạy. Sau khi nhìn thấy cảnh tượng [ấy], tôi đã nhặt lấy bàn tay có đầy dòi bọ ấy.

678. Sau khi từ chỗ ấy đứng dậy, bị chấn động, tôi đã hỏi những người đồng đạo. Họ đã nói rằng: "Những vị Tỳ-khưu dòng Sakya biết rõ ý nghĩa ấy."

679. [Nghĩ rằng:] "Ta sẽ hỏi ý nghĩa ấy", tôi đây đã đi đến các vị Thinh văn của đức Phật. Sau khi đón nhận tôi, các vị ấy đã đi đến bên đức Phật tối thượng.

680. Và đấng Lãnh Đạo ấy đã thuyết pháp cho tôi về: "Uẩn, xứ, giới, đề mục bất mỹ, vô thường, khổ não, vô ngã."

681-82. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh. Sau đó, được hiểu rõ Chánh pháp, tôi đã yêu cầu sự xuất gia và sự tu lên bậc trên. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo ấy đã nói rằng: "Này cô gái hiền thục, hãy đến!" Khi ấy, tôi đã được tu lên bậc trên. Tôi đã nhìn thấy một ít nước.

683. Với sự rửa sạch bàn chân, tôi đã biết được là có sự tiêu hoại với nước. Khi ấy, tôi đã tự suy xét rằng: "Tất cả các hành cũng là tương tợ như thế."

684. Do đó, tâm tôi đã được giải thoát trọn vẹn không còn chấp thủ. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã tuyên bố tôi là đứng đầu trong số các vị Ni có thắng trí nhạy bén.

685. Là người thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

686. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

---

[2] Sau khi đã được nhổ sạch, những sợi tóc mọc lại bị xoắn nên có biệt hiệu là Kuṇḍalakesā (tóc xoắn).

687. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

688. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các điều trói buộc đã được tôi đạt đến.

689. Trí tuệ của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là bao la, trong sạch ở giáo pháp của đức Phật tối thượng.

690. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

691. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

692. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Bhaddā Kuṇḍalakesā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Bhaddā Kuṇḍalakesā" là phần thứ nhất.

22. KÝ SỰ VỀ KISĀGOTAMĪ (*Kisāgotamī-apādānaṃ*)

693. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

694. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở một gia đình nọ trong [thành] Haṃsavatī. Tôi đã đi đến và đã nương nhờ vào bậc Quý Nhân ấy.

695. Và tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào của vị ấy bao gồm bốn sự thật, có phẩm vị tối thắng, đưa đến sự an lạc và tịnh lặng của vòng luân hồi.

696. Và khi ấy, trong khi thiết lập vị Tỳ-khưu-ni mặc y thô vào vị thế tối thắng, đấng Anh Hùng, bậc Tối Thượng Nhân đã khen ngợi.

697. Sau khi đã làm sanh lên niềm phỉ lạc không nhỏ nhoi, sau khi lắng nghe đức hạnh của vị Tỳ-khưu-ni, tôi đã làm công việc phục vụ đến đức Phật tùy theo khả năng, tùy theo sức lực.

698. Tôi đã quỳ xuống ở bậc Hiền Trí Anh Hùng ấy và đã ước nguyện vị thế ấy. Lúc đó, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo đã nói lời tùy hỷ về sự lợi ích của vị thế [ấy] rằng:

699. "Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

700. [Người nữ này] sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Gotamī."

701. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã

chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

702. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

703. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

704. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

705. Tôi đã là người con gái thứ năm của vị [vua] ấy, được nổi danh với tên là Dhammā. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

706-07. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

708. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

709. Khemā, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Kuṇḍalā, tôi, luôn cả Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

710. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

711. Và trong kiếp cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra trong gia đình triệu phú bị lâm cảnh khốn cùng, không tài sản, bị khánh tận, và tôi đã được gả vào gia đình có tài sản.

712. Ngoại trừ người chồng, những người còn lại giễu [tôi] là "Nữ nhân không tài sản." Và đến khi tôi có con trai, khi ấy tôi đã được cảm tình của tất cả.

713. Vào lúc đứa bé trai hiền hậu ấy có cơ thể mềm mại, được nuôi dưỡng trong sung sướng, được yêu quý như chính mạng sống của tôi đã đi đến cõi chết.

714. Bị dằn vặt bởi sầu muộn, có vẻ mặt thê lương, mắt đẫm lệ, miệng khóc than, tôi đã bồng ẵm thi thể đã chết. Trong lúc than vãn, tôi đã đi lang thang.

715. Khi ấy, tự nhận định [sự việc] một mình tôi đã đi đến vị Đệ Nhất Lương Y và đã nói rằng: "Thưa ông, xin ông hãy cho thuốc đem lại sự sống cho con tôi."

716. Đấng Chiến Thắng, bậc rành rẽ về phương thức huấn luyện, đã nói rằng: "Những người chết không được tìm thấy ở tại ngôi nhà nào thì nàng hãy mang lại hạt cải từ nơi [ngôi nhà] ấy."

717. Khi ấy, tôi đã đi ở trong thành Sāvatthi, và đã không đạt được ngôi nhà như thế ấy. Do đó, tôi đã đạt được trí nhớ rằng: "Hạt cải ở đâu, từ nơi đâu?"

718. Sau khi đã quăng bỏ thây chết, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi nhìn thấy tôi từ rất xa, vị có âm giọng ngọt ngào đã nói rằng:

719. "Và người nào đã sống trăm năm không nhìn thấy sự sanh diệt, cuộc sống một ngày là tốt hơn đối với người đang nhìn thấy sự sanh diệt.[3]

720. Không phải là quy luật thuộc về ngôi làng, không phải là quy luật thuộc về phố chợ, quy luật này cũng không phải thuộc về một gia đình mà thuộc về tất cả thế gian luôn cả chư thiên; quy luật ấy chính là tính chất vô thường."

721. Sau khi lắng nghe lời kệ này, tôi đây đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh. Sau đó, được hiểu rõ Chánh pháp, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

722. Trong khi đã được xuất gia như thế, trong khi gắn bó vào giáo pháp của đấng Chiến Thắng, trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

723. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

724. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

725. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

726. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

727. Trí tuệ của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng.

728. Sau khi mang về từ đống rác, từ mộ địa và thậm chí từ đường lộ, từ đó tôi đã thực hiện y hai lớp và đã mặc y thô.

729. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo ở giữa các chúng đã thiết lập [tôi] vào vị thế tối thắng trong việc mặc y thô.

730. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

731. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

732. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Dh.* v. 113.

Tỳ-khưu-ni Kisāgotamī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Kisāgotamī" là phần thứ nhì.

23. KÝ SỰ VỀ DHAMMADINNĀ (*Dhammadinnāpadānaṃ*)

733. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

734. Khi ấy, tôi đã ở trong một gia đình nọ tại thành Haṃsavatī. Tôi đã là người nữ làm thuê cho người khác, cẩn trọng, gìn giữ tánh hạnh.

735. Sujāta, vị Thinh văn hàng đầu của đức Phật Padumuttara, đã rời khỏi trú xá đi khất thực.

736. Là người nữ đội nước, khi ấy trong lúc cầm lấy bầu nước đang đi, tôi đã nhìn thấy vị ấy. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng [vị ấy] món bánh ngọt.

737. Sau khi thọ lãnh, vị ấy đã ngồi xuống ngay tại nơi ấy và đã thọ dụng. Sau đó, tôi đã đưa vị ấy về nhà và đã dâng vật thực đến vị ấy.

738. Do đó, người chủ của tôi hoan hỷ đã nhận làm con dâu của mình. Tôi đã cùng với người mẹ chồng đi đến và đã đảnh lễ bậc Toàn Giác.

739. Khi ấy, Ngài đã tán dương và đã thiết lập vị Tỳ-khưu-ni là vị thuyết giảng giáo pháp vào vị thế tối thắng. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã hoan hỷ.

740. Tôi đã thỉnh mời đức Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, rồi đã dâng cúng đại thí và đã ước nguyện vị thế ấy.

741-42. Sau đó, với giọng có âm điệu đều đều vang vang, đấng Thiện Thệ đã nói với tôi rằng: "Này người thiếu nữ hiền thục là người dâng vật thực, được vui thích trong việc hộ độ Ta cùng với hội chúng, được gắn bó trong việc lắng nghe Chánh pháp, với tâm ý được tăng trưởng về đức hạnh, nàng hãy hoan hỷ, nàng sẽ đạt được kết quả của điều nguyện ước.

743. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

744. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Dhammadinnā."

745. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

746. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

747. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

748. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

749. Tôi đã là người con gái thứ sáu của vị [vua] ấy được nổi danh là Sudhammā. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

Dứt tụng phẩm thứ ba.

750-51. Cha đã không cho phép chúng tôi. Là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng có sự cư ngụ cùng với gia đình, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

752. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

753. Khemā, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Kuṇḍalā, Gotamī, tôi và luôn cả Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

754. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

755. Và vào kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở kinh thành Giribbaja trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự dồi dào về tất cả các dục lạc.

756. Vào lúc đạt đến sắc đẹp và đức hạnh ở vào thời đầu của tuổi thanh xuân, khi ấy tôi đã đi đến gia tộc khác [làm vợ] và đã sống thọ hưởng lạc thú.

757. Sau khi đi đến đấng Nương Nhờ Của Thế Gian và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp, chồng của tôi đã đạt đến quả vị Bất lai, có trí giác ngộ hoàn hảo.

758. Khi ấy, tôi đã thuyết phục vị ấy rồi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

759. Khi ấy, vị nam cư sĩ ấy đã đi đến tôi và đã hỏi về các tuệ thâm sâu và khôn khéo. Tôi đã giảng giải về tất cả các điều ấy.[4]

760. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng: "Ta không nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni nào khác là vị thuyết giảng giáo pháp như là vị Ni này.

761. Này các Tỳ-khưu, Dhammadinnā là vị Ni sáng trí, các ngươi hãy ghi nhớ như thế." Được đấng Lãnh Đạo thương xót, tôi đã trở thành vị Ni trí tuệ như thế.

762. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

763. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

---

[4] Xem thêm *M.* I. 299, *Tiểu kinh Phương quảng* (*Cūlavedallasuttaṃ*), số 44.

764. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

765. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

766. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

767. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

768. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Dhammadinnā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Dhammadinnā" là phần thứ ba.

24. KÝ SỰ VỀ SAKULĀ (*Sakulāpadānaṃ*)

769. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

770. Vì sự tấn hóa, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của tất cả chúng sanh, đấng Siêu Nhân, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã sanh ra ở thế gian gồm cả thiên giới.

771. Đã đạt đến danh vọng cao tột, đấng Chiến Thắng có sự vinh quang, có được sự tán dương ca ngợi. Ngài được tôn vinh, được nổi danh ở tất cả các phương của toàn thể thế gian.

772. Ngài đã vượt lên trên sự hoài nghi, đã vượt qua sự lưỡng lự, đã tròn đủ tâm tư, đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

773. Là người khai mở con đường chưa được khai mở, đấng Tối Thượng Nhân đã nói đến điều chưa được nói đến và đã nhận thức điều chưa được nhận thức.

774. Đấng Nhân Ngưu là vị biết được đạo lộ, là vị rành mạch về đạo lộ, là vị thuyết về đạo lộ. Được thiện xảo về đạo lộ, đấng Đạo Sư là cao quý tối thượng trong số các bậc Điều Ngự (người điều khiển xe).

775. Đấng Đại Bi, bậc Đạo Sư, vị Lãnh Đạo đã thuyết giảng giáo pháp. Ngài tiếp độ những chúng sanh [đang] bị đắm chìm trong đầm lầy ái dục.

776. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī, là niềm hoan hỷ của dòng Sát-đế-lỵ. Và tôi đã có sắc đẹp tuyệt vời, có tài sản, được yêu quý và có sự vẻ vang.

777. Là người con gái vô cùng xinh đẹp của vị Đại vương Ānanda, và cũng là người em gái khác mẹ của vị [Phật] tên Padumuttara.

778. Được tháp tùng bởi các người con gái của đức vua, được trang điểm

với tất cả các đồ trang sức, tôi đã đi đến đấng Đại Hùng và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp.

779. Chính vào khi ấy, bậc Thầy của thế gian ấy ở giữa các chúng đã tán dương vị Tỳ-khưu-ni có thiên nhãn và đã thiết lập vị Ni ấy vào vị thế tối thắng.

780. Sau khi lắng nghe điều ấy, được mừng rỡ tôi đã dâng cúng vật thí đến bậc Đạo Sư. Và sau khi cúng dường đến bậc Toàn Giác, tôi đã ước nguyện về thiên nhãn.

781. Do đó, bậc Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này người thiếu nữ vui vẻ, nàng sẽ đạt được điều đã ước nguyện. Điều đã khéo được mong muốn này là quả báo của các việc dâng cúng đèn và giáo pháp.

782. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

783. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Sakulā."

784. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

785. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

786. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ngoại đạo có hạnh độc hành. Sau khi đi lang thang để khất thực, tôi đã nhận được một số lượng dầu thắp.

787. Sau khi thắp sáng ngọn đèn với số [dầu] đó, với tâm ý trong sạch tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp của đấng Tối Thượng Nhân trọn cả đêm.

788. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

789. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra thì có các ngọn đèn lớn chiếu sáng ở chính tại các nơi ấy khi tôi đi đến.

790. Nếu tôi muốn, tôi [có thể] nhìn thấy ngọn núi sau khi đã vượt lên xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của việc dâng cúng đèn.

791. Tôi có cặp mắt trong ngần và tôi chói sáng với danh vọng, lại còn có đức tin và trí tuệ nữa; điều này là quả báo của việc dâng cúng đèn.

792. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình Bà-la-môn có nhiều tài sản và lúa gạo, được hài lòng, được đức vua tôn trọng.

793. Được thành tựu toàn vẹn về cơ thể, được trang điểm với tất cả các đồ trang sức, đứng ở cửa sổ, tôi [đã nhìn thấy] đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành.

794. Tôi đã nhìn thấy Ngài đang chói sáng với danh vọng, được trọng vọng bởi chư thiên và nhân loại, được hội đủ các tướng mạo phụ, được điểm tô bằng những tướng mạo chính.

795. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã xin xuất gia. Trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

796. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

797. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

798. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

799. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

800. Do đó, đấng Đại Bi, bậc Tối Thượng Nhân đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng "Sakulā là vị Ni đứng đầu trong các vị Ni có thiên nhãn."

801. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

802. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

803. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Sakulā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sakulā" là phần thứ tư.

25. KÝ SỰ VỀ NANDĀ - MỸ NHÂN CỦA XỨ SỞ
(*Nandājanapadakalyāṇī-apadānaṃ*)

804. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

805. Là vị giáo giới, vị làm cho hiểu rõ, vị hành xử đối với tất cả chúng sanh, là thiện xảo trong việc chỉ dạy, đức Phật đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

806. Là bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, Ngài đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

807. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có được năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và không có các ngoại đạo.

808. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai quý tướng.

809. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

810. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī, trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với vô số loại châu báu, được đầy đủ với những lạc thú lớn lao.

811. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp bất tử, có phẩm vị tối thắng, làm rõ về chân lý tuyệt đối.

812. Khi ấy, được tịnh tín, tôi đã thỉnh mời đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng và đã tự tay mình dâng cúng đại thí đến vị ấy.

813. Tôi đã quỳ xuống đê đầu đến bậc Anh Hùng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, tôi đã ước nguyện vị thế tối thắng trong số các Tỳ-khưu-ni có thiền chứng.

814. Khi ấy, bậc Điều Phục Những Ai Chưa Được Điều Phục, đấng Nương Nhờ Của Ba Cõi, vị Chúa Tể, bậc Nhân Báo đã chú nguyện rằng: "Nàng sẽ đạt được điều đã khéo được ước nguyện ấy.

815. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

816. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Nandā."

817. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

818. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

819. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại.

820. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy.

821. Mệnh chung từ nơi ấy [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và các vị vua cai quản các lãnh thổ.

822. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi qua nhiều đại kiếp.

823. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, tôi đã là người con gái hoàn hảo của đức Vua Suddhodana tại thành phố tên là Kapila.

824. Nhìn thấy [tôi] có nét đẹp vô cùng rạng rỡ, gia đình ấy đã trở nên vui vẻ; vì thế tôi có tên là "Nandā" (vui vẻ). Tôi đã được công nhận là xinh đẹp.

825. Và cũng ở trong thành phố đáng yêu ấy, tôi đã được nổi danh là "Mỹ nhân" trong số tất cả các thiếu nữ, ngoại trừ Yasodharā.

826. Người anh trai đầu là đấng Cao Cả của tam giới, cũng vậy, người út là vị A-la-hán. Mỗi một mình tôi là người tại gia, tôi đã bị mẹ quở trách rằng:

827. "Này con, được sanh trong gia tộc dòng Sakya (Thích-ca), con là em gái của đức Phật. Con cũng không còn có Nanda nữa, việc gì con lại ở tại gia?

828. Tuổi trẻ có sự già là nơi cư ngụ, xác thân được xem là bất tịnh, sức khỏe cũng có cơn bệnh là điểm cuối cùng, mạng sống có sự chết là nơi chấm dứt.

829. Sắc thân này của con dầu là xinh đẹp, được yêu dấu như là mặt trăng, quyến rũ, có sự trang điểm của những đồ trang sức tợ như được gắn liền với sự rạng rỡ.

830. [Sắc thân này của con] được gộp chung lại thuần sự tinh túy của thế gian, là sự đem lại chất vị cho những con mắt, là sự sản xuất ra danh thơm của các điều phước thiện, là niềm vui của gia tộc Okkāka.

831. Vào thời gian chẳng bao lâu nữa, sự già sẽ ngự trị. Này cô gái trẻ, hãy từ bỏ gia đình. Này cô gái hoàn hảo, hãy thực hành giáo pháp."

832. Được vui thích với sắc đẹp và tuổi thanh xuân, sau khi nghe lời nói của người mẹ, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình bằng thân chứ không phải bằng tâm.

833. Và với sự cố gắng lớn lao, mẹ [tôi đã] nói để thuyết phục tôi gắn bó vào việc tham thiền, nhưng tôi đã không năng nổ về việc ấy.

834. Do đó, bậc Đại Bi, đấng Chiến Thắng đã nhìn thấy tôi có lòng khao khát về các dục, và đối với tôi ý nghĩa của sự nhàm chán về xác thân là qua lộ trình của mắt.

835. Bằng năng lực tự thân, Ngài đã làm hiện ra người phụ nữ lộng lẫy, đáng nhìn, rất dễ thương, vô cùng xinh đẹp hơn hẳn luôn cả tôi.

836. Sau khi nhìn thấy người nữ có thân thể vô cùng kinh ngạc ấy, tôi đã sửng sốt. Và tôi đã suy nghĩ về sự lợi ích thuộc về nhân gian đối với con mắt rằng: "Có quả báo đến ta."

837. [Tôi đã nói rằng:] "Này em yêu dấu, hãy đến với chị đây. Có cần gì em hãy nói với chị. Hãy nói với chị về gia đình, tên, dòng họ của em nếu em ưng ý."

838. [Cô gái đáp:] "Này chị yêu dấu, không phải là lúc hỏi han. Hãy cho em tựa vào lòng. Tay chân của em như là chìm xuống. Chị hãy ru em ngủ một chốc."

839. Sau đó, nàng có đôi mắt xinh đẹp ấy đã kê đầu vào hông của tôi rồi đã thiếp đi. Có con nhện vô cùng ghê rợn đã rơi xuống ở trán của nàng.

840. Cùng với sự rơi xuống của con nhện ấy, mụn nhọt đã nổi lên. Chúng đã rò rỉ, vỡ ra và toàn thân là mủ và máu.

841. Và khuôn mặt đã bị nứt nẻ, thi thể có mùi hôi thối. Toàn thân bị trương lên, đổi sang màu tím và thối rửa.

842. Với tất cả các chi thể bị run rẩy, chốc chốc lại bị hụt hơi, nàng ấy trong khi cảm nhận sự khổ đau của mình đã than vãn một cách thê lương rằng:

843. "Em bị khổ sở vì nỗi đau đớn, và các cảm thọ được chạm đến, em bị đắm chìm trong nỗi khổ đau lớn lao. Này cô bạn gái, chị hãy là nơi nương nhờ của em".

844. "Vẻ đẹp ở khuôn mặt của cô đâu rồi? Lỗ mũi cao của cô đâu rồi? Làn môi màu đỏ của trái cây bimba tuyệt hảo của cô, khuôn mặt của cô đã đi đâu rồi?

845. Gương mặt tợ như mặt trăng đâu rồi? Chiếc cổ ba ngấn đã đi đâu rồi? Và các lỗ tai run rẩy lung linh của cô đã đi đến tình trạng thay đổi rồi.

846. Bộ ngực có hình dáng đóa hoa sen còn dạng chồi tợ như bầu nước đã trở thành thi thể hôi thối, bị phân rã, có mùi khó chịu.

847. Eo thon, mông đầy đặn bị sưng lên, có sự lở lói và độc hại, trở thành nơi chứa đầy vật không trong sạch; ôi, xác thân là không vĩnh viễn!

848. Toàn bộ nguồn gốc của thân thể là có mùi hôi thối, có sự hãi sợ, như là bãi tha ma kinh hoàng, lại là nơi mà những kẻ ngu hứng thú!"

849. Lúc bấy giờ, sau khi nhìn thấy tôi có tâm bị chấn động, đấng Đại Bi, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, người anh trai của tôi, đã nói lên những lời kệ này:

850. "Này Nandā, hãy nhìn thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối. Em hãy tu tập tâm về đề mục bất mỹ [tử thi] trở thành chuyên nhất, khéo được tập trung.

851. Thân này như thế nào thì xác kia như vậy, xác kia như thế nào thì thân này như vậy, [là vật] có mùi khó chịu hoặc hôi thối lại được hứng thú đối với những kẻ ngu.

852. Trong khi xem xét xác thân này như thế đêm ngày không mệt mỏi, từ đó với niệm với tuệ sau khi đã nhàm chán thì em sẽ nhìn thấy."

853. Do đó, sau khi nghe được các lời kệ khéo thuyết, tôi đã bị vô cùng chấn động. Đứng tại chỗ ấy, trong lúc quán sát tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

854. Ngồi xuống ở bất cứ nơi nào, tôi luôn luôn có mục đích chính là thiền. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

855. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

856. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Nandā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Nandā" là phần thứ năm.

26. KÝ SỰ VỀ SOṆĀ (*Soṇāpadānaṃ*)

858. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

859. Khi ấy, tôi đã được sanh ra trong gia đình triệu phú, được hạnh phúc, được tôn vinh, yêu quý. Tôi đã đi đến bậc Hiền Trí cao quý ấy và đã lắng nghe lời nói ngọt ngào.

860. Đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có sự ra sức tinh tấn. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và tôi đã thể hiện sự thành kính đến bậc Đạo Sư.

861. Khi ấy, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã ước nguyện vị thế ấy. Đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: "Ước nguyện của nàng sẽ được thành tựu.

862. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

863. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Soṇā."

864. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

865. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

866. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi.

867. Và khi đã đạt đến tuổi thanh xuân, tôi đã đi đến nhà người chồng và đã sanh ra mười người con trai, hết thảy đều có vóc dáng hoàn hảo.

868. Và tất cả bọn chúng đều được nuôi dưỡng trong sung sướng, có sự thu hút ánh mắt của mọi người. Ngay cả đối với những kẻ nghịch thù, chúng cũng được ưa thích. Chúng được yêu mến còn hơn cả tôi nữa.

869. Sau đó, với sự không mong muốn của tôi, người chồng ấy của tôi được khích lệ bởi mười người con trai, đã xuất gia trong giáo pháp vị Trời Của Chư Thiên.

870. Khi ấy, còn mỗi một mình tôi đã suy xét rằng: "Đã đủ cho cuộc sống của ta là kẻ bị chồng và những người con trai bỏ rơi, lại già cả và thảm thương.

871. Ta cũng sẽ đi đến nơi nào mà người chồng của ta đã đạt đến." Sau khi suy xét như thế, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

872. Và sau đó, các vị Tỳ-khưu-ni đã để tôi ở lại tu viện của các Tỳ-khưu-ni như thế, rồi đã đi [nghe] giáo giới, [bảo rằng:] "Bà hãy đun nóng nước."

873. Khi ấy, tôi đã đem nước lại đổ vào trong nồi, sau đó đặt ở bếp lửa, rồi đã ngồi xuống. Do đó tâm đã được định tĩnh.

874. Sau khi nhìn thấy các uẩn là vô thường, là khổ não và là vô ngã, tôi đã cắt đứt tất cả các lậu hoặc và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

875. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni đã quay lại và đã hỏi về nước nóng. Sau khi chú nguyện vào bản thể của lửa, tôi đã đun nóng nước một cách mau chóng.

876. Ngạc nhiên, các vị Ni ấy đã trình lại sự việc này đến đấng Chiến Thắng Cao Quý. Sau khi nghe điều ấy, được hoan hỷ, đấng Bảo Hộ đã nói lên lời kệ này:

877. "Và người nào đã sống trăm năm, lười biếng, có sự tinh tấn thấp thỏi, cuộc sống một ngày của người đang ra sức tinh tấn một cách bền bỉ là tốt hơn."[5]

878. Được hài lòng với sự thực hành tốt đẹp của tôi, đấng Đại Hùng, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói tôi là đứng đầu trong số các vị Ni có sự ra sức tinh tấn.

879. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

880. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

881. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Soṇā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Soṇā" là phần thứ sáu.

27. KÝ SỰ VỀ BHADDĀKĀPILĀNĪ (*Bhaddākāpilānī-apadānaṃ*)

882. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

883. Khi ấy, ở tại Haṃsavatī có người triệu phú tên là Videha có rất nhiều châu báu. Tôi đã là vợ của người ấy.

884. Có lần nọ, người ấy cùng nhóm tùy tùng đã đi đến đấng Mặt Trời Của Nhân Loại và đã lắng nghe giáo pháp đưa đến sự diệt tận tất cả khổ đau của đức Phật.

885. Đấng Lãnh Đạo đã ngợi khen vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị thuyết về sự giũ bỏ (pháp Đầu-đà). Sau khi lắng nghe, chồng tôi đã dâng cúng vật thí đến đức Phật như thế ấy trong bảy ngày.

886-87. Chồng tôi, trong khi làm hội chúng vui vẻ đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã ước nguyện vị thế ấy. Chính vào khi ấy, đấng Cao Quý Của Loài Người vì lòng thương tưởng đến người triệu phú, đã nói những lời kệ này: "Này con trai, ngươi sẽ đạt được vị thế đã ước nguyện rồi ngươi hãy Niết-bàn.

888. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

[5] *Dh.* v. 112.

889. Ngươi sẽ trở thành nam Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kassapa."

890. Nghe được điều ấy, chồng tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái chồng tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

891. Vị [Phật] ấy đã làm chói sáng giáo pháp, đã chế phục các ngoại đạo, đã hướng dẫn những ai đáng được hướng dẫn, rồi đã Niết-bàn cùng các vị Thinh văn.

892-93. Khi đấng Cao Cả Của Thế Gian ấy đã Niết-bàn, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đạo Sư, chồng tôi đã tập hợp các bạn bè quyến thuộc, rồi cùng với những người ấy đã cho xây dựng ngôi bảo tháp làm bằng châu báu cao bảy do-tuần, chói sáng như là trăm ánh hào quang, được tỏa rộng ra như là bông hoa sāla chúa.

894. Tại nơi ấy, chồng tôi đã cho thực hiện bảy trăm ngàn chiếc đĩa nhỏ bằng chính bảy loại châu báu, chúng đang chói sáng như là ngọn lửa của cây sậy.

895. Chồng tôi đã cho đổ đầy với dầu thơm rồi đã cho thắp sáng các ngọn đèn tại nơi ấy, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Bi Mẫn của mọi sanh linh.

896. Chồng tôi đã cho thực hiện bảy trăm ngàn chậu đầy đặn, được chứa đầy với thuần các loại châu báu, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

897. Ở giữa của mỗi nhóm tám chậu là những vật giá trị như vàng được chất đống. Chúng sáng rực với màu sắc tợ như ánh mặt trời vào mùa thu.

898. Chiếu sáng ở bốn cửa là các vòm cổng làm bằng châu báu. Chiếu sáng là những tấm ván xinh xắn làm bằng châu báu được dựng đứng.

899. Chói sáng là các lẵng hoa khéo tạo ra được đặt vòng quanh. Chói sáng là các cờ xí bằng châu báu được dựng đứng.

900. Và ngôi bảo tháp làm bằng ngọc quý này khéo được tô màu, khéo được thực hiện, sáng rực với màu sắc tợ như mặt trời vào lúc hoàng hôn.

901. Ngôi bảo tháp có ba bệ thờ. Chồng tôi đã chất đầy một bệ với đá màu vàng, một bệ với đá màu đỏ và một bệ với đá màu đen.

902. Sau khi đã cho thực hiện việc cúng dường đáng yêu như thế ấy đến bậc Thuyết Giảng Cao Quý, chồng tôi đã dâng cúng vật thí đến hội chúng tùy theo năng lực cho đến hết cuộc đời.

903. Sau khi đã cùng với người triệu phú ấy thực hiện toàn bộ những việc phước báu ấy cho đến hết cuộc đời, tôi đã đi đến nhàn cảnh cùng với chính người ấy.

904. Sau khi đã thọ hưởng sự thành công ở bản thể chư thiên rồi nhân loại, tôi đã luân hồi cùng với chính người ấy như là hình bóng với xác thân vậy.

905. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, vị có ánh mắt thu hút, bậc thầy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

906. Khi ấy ở tại Bandhumatī, người này là vị Bà-la-môn được công nhận là tốt lành, dồi dào về việc thâu đạt kiến thức, và đã bị lâm vào cảnh vô cùng khó khăn về tài sản.

907. Cũng vào khi ấy, với tâm ý tương đồng, tôi đã là nữ Bà-la-môn [vợ] của người ấy. Có lần, người Bà-la-môn cao quý ấy đã đi đến bậc Đại Hiền Trí.

908. [Đức Phật] ngồi ở đám người đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi nghe pháp, được hoan hỷ người ấy đã dâng cúng một tấm vải choàng.

909. Quay về lại nhà với một mảnh vải, người ấy đã nói với tôi điều này: "Nàng hãy tùy hỷ việc phước lớn lao, tấm vải choàng đã được dâng đến đức Phật."

910. Khi ấy, được hài lòng xiết bao, tôi đã chắp tay lên nói lời tùy hỷ rằng: "Phu quân à, tấm vải choàng là đã khéo được dâng đến đức Phật tối thượng như thế ấy."

911. Được an vui, trở nên gắn bó, trong khi luân hồi cõi này cõi khác, người ấy đã trở thành đức vua, vị lãnh chúa ở thành phố Bārāṇasī đáng yêu.

912. Khi ấy, tôi trở thành chánh hậu của người ấy, là tối cao trong đám nữ nhân. Tôi đã được cảm tình rất mực của người ấy do sự yêu mến trước đây của chồng.

913. Sau khi nhìn thấy tám vị Lãnh Đạo Độc Giác đang đi quanh để khất thực, người ấy đã trở nên hoan hỷ và đã dâng vật thực vô cùng giá trị.

914. Sau khi thỉnh mời lần nữa, người ấy đã thực hiện mái che bằng châu báu. Lọng che bằng vàng [rộng] trăm cánh tay đã được những người thợ rèn kiến thiết.

915. Sau khi đã hướng dẫn tất cả các Ngài ấy tiến vào các chỗ ngồi bằng vàng, được tịnh tín, người ấy đã tự tay mình dâng cúng vật thí đến các Ngài ấy.

916. Khi ấy, tôi cũng đã dâng cúng vật thí ấy cùng với đức vua xứ Kāsi. Tôi đã được sanh ra ở Bārāṇasī lần nữa, tại ngôi làng nhỏ ngoại thành.

917. [Sanh ra] ở trong gia đình giàu có thịnh vượng, người ấy được an lạc, có em trai. Tôi đã là người vợ vô cùng chung thủy của người anh cả.

918. Sau khi nhìn thấy vị Phật Độc Giác, người em gái của chồng tôi đã dâng phần cơm đến vị ấy, và đã thuật lại khi chồng tôi đi đến.

919. Chồng tôi không hoan hỷ với việc dâng cúng. Do đó, tôi đã lấy lại phần cơm ấy từ bình bát rồi đã trao cho chồng. Chồng tôi đã dâng cúng [phần cơm ấy] một lần nữa đến chính vị Phật ấy.

920. Khi ấy, tôi đã quăng bỏ đi phần cơm ấy và đã độc ác đối với đức Phật. Tôi đã dâng bình bát ấy chứa đầy bùn đến vị Phật như thế ấy.

921. Về vật cho cũng như việc nhận giống như là vật không trong sạch và đóa hoa sen, khi ấy tôi đã nhìn khuôn mặt có tâm bình thản và đã vô cùng chấn động.

922. Sau khi nhận lại bình bát, tôi đã làm sạch bằng chất thơm, rồi với tâm tịnh tín, tôi đã chứa đầy với bơ lỏng và đã dâng lên một cách cung kính.

923. Ở bất cứ nơi đâu tôi được sanh ra, tôi đều có sắc xinh đẹp do sự bố thí và có mùi hôi do lời nói và do thái độ không phải phép đối với đức Phật.

924. Lần khác, khi ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng Kassapa đang được hoàn tất, được hoan hỷ, tôi đã dâng cúng phiến ngói cao quý bằng vàng.

925. Tôi đã tẩm phiến ngói ấy bằng hương thơm sanh lên từ bốn nguồn. Tôi đã được thoát khỏi khuyết điểm về mùi hôi thối và đã được thành tựu tốt đẹp về toàn bộ các phần thân thể.

926. [Chồng tôi] đã cho thực hiện bảy ngàn cái đĩa bằng chính bảy loại châu báu, được chứa đầy bơ lỏng và hàng ngàn tim đèn.

927. Với tâm ý thanh tịnh, sau khi đã đặt [tim đèn] vào và thắp sáng, người ấy đã xếp thành bảy hàng nhằm mục đích cúng dường đến bậc Bảo Hộ Thế Gian.

928. Khi ấy, tôi cũng có phần đóng góp đặc biệt trong việc phước thiện ấy. Người ấy đã được sanh ra ở xứ Kāsi lần nữa, được nổi danh là Sumitta.

929. Tôi đã là vợ của người ấy, được an vui, được gắn bó, được yêu quý. Khi ấy, người ấy cũng đã dâng đến vị Hiền Trí Độc Giác tấm vải choàng bền chắc.

930. Tôi đã hoan hỷ về việc bố thí tối thượng và cũng đã có phần trong việc ấy. Vị ấy cũng đã sanh ra lần nữa trong quốc độ Kāsi thuộc dòng dõi Koliya.

931. Khi ấy, cùng với năm trăm người con trai dòng Koliya, người ấy đã hộ độ năm trăm vị Phật Độc Giác.

932. Và sau khi đã làm hài lòng [chư Phật Độc Giác] trong ba tháng, người ấy đã dâng ba y. Khi ấy, đi theo lộ trình của nghiệp phước thiện, tôi đã là vợ của người ấy.

933. Từ nơi ấy chết đi, người ấy đã trở thành vị vua tên là Nanda có danh tiếng vĩ đại. Tôi cũng đã trở thành chánh hậu của người ấy, có sự thành tựu về tất cả các điều dục lạc.

934. Và khi ấy, người ấy đã trở thành vị lãnh chúa Brahmadatta. Khi ấy, những người con trai của bà Padumavatī đã trở thành các bậc Hiền Trí Độc Giác.

935. Người ấy đã hộ độ năm trăm vị không thiếu vị nào cho đến hết cuộc đời. Chư Phật Độc Giác đã cư ngụ tại vườn hoa của đức vua rồi đã Niết-bàn và người ấy đã cúng dường.

936. Và sau khi cho xây dựng các ngôi bảo tháp, cả hai chúng tôi đã xuất gia. Sau khi tu tập các vô lượng [tâm], chúng tôi đã đi đến cõi Phạm thiên.

937. Từ nơi ấy chết đi, người ấy đã khéo được sanh ra tại Mahātittha [tên] là Pipphalāyana, mẹ là Sumanadevī, cha là người Bà-la-môn dòng tộc Kosiya.

938. Tôi đã là người con gái của vị Bà-la-môn Kapila, mẹ là Sucīmatī, ở tại kinh thành Sāgalā trong xứ sở Madda.

939. Sau khi tạo ra tôi với hình tượng bằng vàng khối, người cha đã gả tôi cho bậc trí Kassapa là người đã kiêng cữ các dục.

940. Lần nọ, con người có lòng bi mẫn ấy đã đi xem xét công việc làm. Sau khi nhìn thấy các sinh vật bị những loài như là quạ, v.v... ăn thịt, người ấy đã bị động tâm.

941. Và tôi ở nhà, sau khi nhìn thấy những cây mè mọc lên trong sự thiêu đốt của ánh nắng mặt trời và loài sâu bọ bị các con quạ ăn thịt, khi ấy tôi đã có sự động tâm.

942. Lúc bấy giờ, con người trí tuệ ấy đã xuất gia. Tôi đã xuất gia theo vị ấy. Tôi đã sống theo hạnh du sĩ ngoại đạo trong năm năm.

943. Đến khi bà Gotamī, người nuôi dưỡng đấng Chiến Thắng đã được xuất gia, khi ấy tôi đã đi theo bà ấy và đã được chỉ dạy bởi đức Phật.

944. Trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Ôi, tính chất bạn hữu tốt lành đối với vị Kassapa vinh quang!

945. Kassapa là con trai, là người thừa tự của đức Phật, khéo được định tĩnh, nhìn thấy được cõi trời và địa ngục, và là vị đã biết được đời sống trước đây.

946. Rồi [vị ấy] đã đạt đến sự diệt tận của sự sanh, là vị hiền trí được hoàn hảo về thắng trí, với ba sự hiểu biết ấy trở thành vị Bà-la-môn có tam minh.

947. Tương tợ như thế ấy, Bhaddā Kāpilānī là vị Ni có tam minh, có sự dứt bỏ tử thần, mang thân mạng cuối cùng sau khi đã chiến thắng Ma vương cùng với đạo quân binh.

948. Sau khi nhìn thấy điều tai hại ở thế gian, cả hai chúng tôi đã xuất gia. Chúng tôi đây có các lậu hoặc đã cạn kiệt, đã được huấn luyện, đã có được trạng thái mát mẻ, đã được Niết-bàn.

949. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

950. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

951. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Bhaddākāpilānī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Bhaddākāpilānī" là phần thứ bảy.

28. KÝ SỰ VỀ YASODHARĀ (*Yasodharāpadānaṃ*)

952. Vào một thuở nọ, đấng Lãnh Đạo Nhân Loại đang ngự tại một sườn núi cao quý ở thành Rājagaha đáng yêu, trù phú.[6]

---

[6] Các câu kệ từ 952-57 không thấy ở tạng Thái Lan và PTS.

953. Khi đang cư ngụ tại trú xứ đáng yêu của các Tỳ-khưu-ni ở trong thành phố ấy, đã có suy nghĩ như vầy khởi đến vị Tỳ-khưu-ni Yasodharā rằng:

954. "Nanda, Rāhula hiền thiện và tương tợ y như thế, [hai] vị tối thượng Thinh văn, Đại vương Suddhodana và bà Pajāpatī Gotamī.

955. Cùng các vị Đại trưởng lão đã đạt thắng trí, và các Trưởng lão Ni có đại thần lực, các vị ấy đã ngự đến nơi an tịnh không còn lậu hoặc, như là tim của cây đèn hết nhiên liệu.

956. Và luôn cả ta nữa cũng sẽ đi đến vị thế an toàn ngay trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian còn hiện tiền." Trong khi xem xét tuổi thọ của mình, vị Ni đã suy nghĩ như thế.

957. Sau khi xem xét thọ hành sẽ đi đến sự hoại diệt trong chính ngày hôm ấy, vị Ni đã cầm lấy bình bát và y rồi đã rời khỏi chốn tịnh cư của mình.

958. Vị Ni có đại thần lực, có đại trí tuệ ấy đã dẫn đầu một trăm ngàn vị Tỳ-khưu-ni đi đến bậc Toàn Giác.

959. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, vị Ni ấy đã ngồi xuống ở một bên và đã nói lời nói này với bậc Đạo Sư là vị có dấu hiệu bánh xe:

960. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã bảy mươi tám tuổi. Giai đoạn cuối cùng của tuổi tác đang tiến đến. Con đã đạt đến ngay ở sườn dốc, con xin thưa rõ.

961. Sự tiêu hoại của con đã chín muồi, mạng sống của con còn chút ít. Rời bỏ Ngài, con sẽ ra đi. Sự nương nhờ của bản thân đã được con thực hiện.

962. Chính ở thời điểm cuối cùng, sự chết chặn đứng tuổi thọ. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay vào ban đêm con sẽ thành tựu Niết-bàn.

963. Bạch đấng Hiền Trí, [Niết-bàn] là nơi không có sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết. Bạch đấng Anh Hùng, nơi nào khi đã đi đến là không còn được nhìn thấy thì con đi đến nơi ấy.

964. Bạch đấng Hiền Trí, cho đến nhóm người của bậc Đạo Sư ngồi chung ở nơi đây, [nếu] nhận biết lỗi lầm [nào của tôi], xin quý vị hãy tha thứ ở trước mặt.

965. Và sau khi đã xoay vần trong vòng luân hồi, nếu có điều sai trái của con đối với Ngài, bạch đấng Đại Hùng, con xin thưa rõ, xin Ngài hãy tha thứ lỗi lầm cho con."

966. Sau khi lắng nghe lời nói của vị Ni ấy, đấng Hiền Trí Vương đã nói điều này: "Ta sẽ nói điều gì hơn về nàng là người đang đi đến Niết-bàn?

967. Và nàng cũng nên thị hiện thần thông cho các vị hành theo giáo pháp của Ta được thấy. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ về giáo pháp cho tất cả các chúng."

968. Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí ấy, vị Tỳ-khưu-ni Yasodharā ấy đã đảnh lễ đấng Hiền Trí Vương ấy và đã nói lời nói này:

969. "Bạch đấng Anh Hùng, con là Yasodharā, ở tại gia là người vợ của Ngài. Được sanh ra trong gia tộc Sakya, con đã duy trì phận sự của người nữ.

970. Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, con là người đứng đầu, là người chủ quản tất cả.

971. Là người có được sắc đẹp, tánh tình và đức hạnh, ở vào tuổi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư thiên cũng như loài người đều quý trọng con.

972. Con đứng đầu một ngàn thiếu nữ ở trong cung của người con trai dòng Sakya. Các cô ấy cùng vui buồn giống nhau tợ như chư thiên ở [vườn hoa] Nandana.

973. Con đã vượt lên trên lãnh vực dục tình, được khẳng định về mặt thể hình, không có người tương đương về sắc đẹp ngoại trừ đấng Lãnh Đạo Thế Gian."

974. Sau khi đã nói như thế, v.v... Yasodharā, với sự cho phép của đức Phật, đã bay lên không trung và đã thị hiện vô số thần thông.

975. [Yasodharā đã thị hiện] cơ thể tương đương với bầu vũ trụ, đầu là [đảo] Kuru ở về phía Bắc, hai cánh là hai hòn đảo, thân mình là đảo Jambu.[7]

976. Và đuôi công là cái hồ ở phía Nam nhưng các cánh chim là các cành lá khác nhau, mặt trăng và mặt trời là mắt, núi Meru là chóp đỉnh.

977. Ngọn núi của bầu vũ trụ là mỏ chim. Trong lúc phe phẩy cây jambu cùng với cội rễ [làm cây quạt], vị Ni đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

978. Tương tợ y như thế, vị Ni đã thị hiện hình dáng con voi, con ngựa, ngọn núi và biển cả, rồi mặt trăng, mặt trời, núi Meru và vóc dáng của vị Trời Sakka.

979. "Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharā đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. Con đã che khuất một ngàn thế giới bằng đóa sen nở rộ."

980. Và sau khi hóa hiện ra vóc dáng của đấng Brahma, vị Ni đã thuyết giảng giáo pháp về Không tánh. "Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharā xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài].

981. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

982. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

983. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

984. Sự gặp gỡ đối với chư Phật là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã được Ngài nhìn thấy rõ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài.

985. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của con. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được con tích lũy là nhằm mục đích về Ngài.

[7] *Jambudīpa*: Bán đảo Ấn Độ.

986. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sống đã được con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài.

987. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích làm vợ [kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi*[8] lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

988. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con vì sự hỗ trợ [kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

989. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích vật thực [cho kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

990. Con đã từ bỏ nhiều ngàn *koṭi* mạng sống. Con từ bỏ mạng sống của con, [nghĩ rằng:] 'Ta sẽ thực hiện sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi.'

991. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con không cất giấu các đồ trang sức được dùng cho cơ thể, nhiều vải vóc các loại, các vật dụng của phụ nữ là nhằm mục đích về Ngài.

992. Con đã dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các làng và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, các ruộng vườn, những người con trai và con gái là đã được dứt bỏ.

993. Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài.

994. Về việc Ngài bảo con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khất', con không nhìn thấy sự bất bình của con trong khi Ngài bố thí vật thí tối thượng.

995. Bạch đấng Đại Hùng và con đã trải qua nhiều khổ đau khác loại không thể đếm được, ở nhiều hình thức trong sự luân hồi là nhằm mục đích về Ngài.

996. Bạch đấng Đại Hiền Trí, đạt được sung sướng con không vui thích và không có tâm bực bội trong những khổ đau, con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích về Ngài.

997. Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác [quá khứ] đã khẳng định về pháp [giải thoát], thì đấng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự giác ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau.

998. Bạch đấng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đấng Bảo Hộ Thế Gian khác.

999. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài. Con là nữ tỳ của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật pháp."

1000. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpaṅkara đã hiện khởi.

1001. Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ.

[8] Một *koṭi* là mười triệu.

1002. Vào thời điểm ấy, người ấy đã là vị Bà-la-môn tên Sumedha và đã sửa soạn con đường của đấng Toàn Tri đang đi đến.

1003. Vào thời điểm ấy, con đã là người thiếu nữ xuất thân Bà-la-môn tên Sumittā. Con đã đi đến cuộc tụ hội.

1004. Con đã cầm tám nắm hoa sen nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đạo Sư. Con đã nhìn thấy vị ẩn sĩ được nổi bật ở giữa đám người.

1005. Sau khi nhìn thấy con người đang ngồi khoác áo vỏ cây vô cùng đáng yêu quyến rũ đang ngồi, khi ấy con đã nghĩ rằng: "Mạng sống của ta là có kết quả."

1006. Khi ấy, con đã nhìn thấy sự nỗ lực ấy của vị ẩn sĩ là có được kết quả. Do nghiệp quá khứ, tâm của con cũng đã tịnh tín vào đấng Toàn Giác.

1007. Con đã có tâm tịnh tín hơn nữa đối với vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng. [Con đã nói rằng:] "Này vị ẩn sĩ, tôi không nhìn thấy vật nào khác nên được dâng cúng, tôi cho ông các đóa hoa.

1008. Này vị ẩn sĩ, hãy là của ông năm nắm, hãy là của tôi ba nắm. Này vị ẩn sĩ, như thế sự thành tựu hãy là bằng nhau đối với mục đích giác ngộ của Ngài."

Dứt tụng phẩm thứ tư.

1009. Sau khi cầm lấy các đóa hoa, vị ẩn sĩ ở giữa đám người đã cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ có danh tiếng vĩ đại đang đi đến nhằm mục đích giác ngộ.

1010. Bậc Đại Hiền Trí Dīpaṅkara, đấng Đại Hùng đã nhìn thấy ở giữa đám người và đã chú nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng rằng:

1011. "Này vị đại ẩn sĩ, [người nữ này] sẽ có tâm tương đương, có nghiệp tương đương, có hành động tương đương, sẽ trở thành người vợ do nghiệp báo đối với mục đích của ngươi.

1012. [Người nữ này] có dáng nhìn xinh đẹp, vô cùng đáng yêu, vui vẻ, có lời nói đáng mến, sẽ trở thành người vợ yêu quý, người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy.

1013. Cũng giống như các người chủ gìn giữ cái rương của cải, người nữ này sẽ hộ trì như thế ấy đối với các thiện pháp.

1014. Trong khi thương tưởng đến ngươi đây, [người nữ này] sẽ làm tròn đủ các pháp toàn hảo, sẽ đạt được quả vị giác ngộ tương tợ như con sư tử phá vỡ cái chuồng."

1015. Ấy là điều đức Phật đã chú nguyện cho con trước đây vô lượng kiếp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, con đã là người có hành động như vậy.

1016. Tại nơi ấy, con đã có tâm tịnh tín đối với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy. Con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được.

1017. Con đã trải qua lạc và khổ ở các cõi trời và ở loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã sanh ra trong gia tộc Sakya.

1018. Con có sắc đẹp, có của cải, có danh vọng và giới hạnh tương tợ như thế. Con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng về các điều lành.

1019. Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hội tụ của các pháp thế gian và tâm bị khổ não là không có, con sống không sợ hãi.[9]

1020. Con đã nhàm chán các sự luân hồi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Sau khi xuất gia cùng với một ngàn người hầu cận, con không có gì.

1021. Sau khi từ bỏ gia đình, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi chưa đạt đến nửa tháng, con đã đạt được bốn sự thật.

1022. Nhiều người, không phải một, đem lại y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi tợ như các làn sóng của biển cả.

1023. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1024. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1025. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1026. Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến trạng thái thanh tịnh, con nhận lãnh mọi sự thành tựu.

1027. Nàng ấy bố thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị đại ẩn sĩ. Họ có sự thành tựu về bạn hữu. Vị thế Niết-bàn là không còn tạo tác.

1028. "Quá khứ, hiện tại và vị lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhãn, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

Tỳ-khưu-ni Yasodharā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Yasodharā" là phần thứ tám.

29. KÝ SỰ VỀ MƯỜI NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI (*Dasabhikkhunīsahassāpadānaṃ*)

1029. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian tên là Dīpaṅkara đã hiện khởi.

1030. Đấng Đại Hùng, bậc Hướng Đạo Dīpaṅkara đã chú nguyện cho Sumedha và Sumittā có trạng thái hạnh phúc và khổ đau tương tợ như nhau.

1031. Trong lúc nhìn thấy [thế gian] cùng với chư thiên và trong lúc đi đó đây ở [thế gian] luôn cả cõi trời, chúng con đã đi đến nơi tụ hội vào dịp tuyên dương của hai người ấy [và đã nói rằng]:

---

[9] Kế tiếp có 20 câu kệ được thấy ở tạng Thái Lan, Miến Điện, PTS, nhưng không thấy ở tạng Sri Lanka. Vì nội dung không có gì đặc sắc nên không thêm vào.

1032. "Trong lần tụ hội ở ngày vị lai, xin ngài hãy là chồng của tất cả chúng tôi. Hết thảy tất cả sẽ là những người vợ vui vẻ, có lời nói đáng yêu của ngài."

1033. Bạch đấng Đại Hiền Trí, tất cả chúng con có bố thí với trì giới, và tham thiền đã khéo được tu tập. Và mọi thứ thuộc về chúng con đã được buông bỏ từ lâu.

1034. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bất cứ điều gì đã được ao ước [như là] hương thơm, vật thoa, tràng hoa, đèn, vật làm bằng châu báu, tất cả đã được buông bỏ.

1035. Bạch đấng Đại Hiền Trí, và luôn cả nghiệp nào khác đã được thực hiện cũng như sự thụ hưởng thuộc về nhân loại, mọi thứ thuộc về chúng con đã được buông bỏ từ lâu rồi.

1036. Trong khi luân hồi nhiều kiếp sống, chúng con đã làm được nhiều phước báu. Chúng con đã thọ hưởng quyền thế và đã luân hồi cõi này cõi khác.

1037. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng ở trong cung của người con trai dòng Sakya, chúng con đã được sanh ra trong nhiều gia tộc khác nhau, là những mỹ nhân có ái dục và sắc đẹp.

1038. Chúng con đã đạt đến danh vọng cùng với lợi lộc tột đỉnh, được tôn vinh, được tất cả tôn trọng, luôn luôn được cung cấp các lợi lộc về cơm ăn nước uống.

1039. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi chưa đạt đến nửa tháng, tất cả chúng con đã đạt được Niết-bàn.

1040. Nhiều người đem lại mọi thứ lợi lộc về cơm ăn nước uống, y phục và chỗ nằm ngồi. Chúng con luôn luôn được tôn kính cúng dường.

1041. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là những con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

1042. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1043. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Mười ngàn vị Tỳ-khưu-ni, đứng đầu là Yasodharā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về mười ngàn vị Tỳ-khưu-ni" là phần thứ chín.

30. KÝ SỰ VỀ MƯỜI TÁM NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI
(*Aṭṭhārasabhikkhunīsahassāpadānaṃ*)

1044. Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni xuất thân dòng Sakya đứng đầu là Yasodharā đã đi đến gặp đấng Toàn Giác.

1045. Tất cả mười tám ngàn vị Ni đều có đại thần lực. Trong khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Hiền Trí, các vị Ni trình rõ đúng theo năng lực rằng:

1046. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết đã được cạn kiệt. Bạch đấng Lãnh Đạo, chúng con đã đi đến vị thế bất tử, an tịnh, không còn lậu hoặc.

1047. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nếu có điều sai trái gì trước đây của tất cả chúng con vì không biết là lỗi lầm, bạch đấng Hướng Đạo, xin Ngài hãy tha thứ cho chúng con."

1048. "Là những người thực hành theo giáo pháp của Ta, các nàng cũng nên thị hiện thần thông. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ đã có cho tất cả các chúng."

1049. "Bạch đấng Đại Hùng, là những vị Ni danh tiếng, vui vẻ, có dáng vóc đáng yêu, bạch đấng Đại Hùng, tất cả đã là vợ của Ngài lúc còn tại gia.

1050. Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, chúng con là những vị đứng đầu, là những người chủ quản tất cả.

1051. Là những người có được sắc đẹp, tánh tình và đức hạnh, ở vào tuổi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư thiên cũng như loài người đều quý trọng [chúng con].

1052. Khi ấy, tất cả mười tám ngàn vị Ni đều xuất thân dòng Sakya, một ngàn vị Ni có danh tiếng là những vị đứng đầu, là những người chủ quản.

1053. Bạch đấng Đại Hiền Trí, [các cô ấy] đã vượt qua dục giới, đã được an trú vào sắc giới. Không có gì tương đương với sắc đẹp của một ngàn cô ấy."

1054. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, các vị Ni đã phô bày thần thông đến bậc Đạo Sư. Các vị Ni cũng đã thị hiện đại thần lực với nhiều hình thức khác loại.

1055. [Các vị Ni đã thị hiện] cơ thể tương đương với bầu vũ trụ, đầu là [đảo] Kuru ở về phía Bắc, hai cánh là hai hòn đảo, thân mình là đảo Jambu.

1056. Và đuôi công là cái hồ ở phía Nam nhưng các lông chim là các cành lá khác nhau, mặt trăng và mặt trời là cặp mắt to, núi Meru là chóp đỉnh.

1057. Ngọn núi của bầu vũ trụ là mỏ chim. Trong lúc phe phẩy cây jambu cùng với cội rễ [làm cây quạt], các vị Ni đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1058. Tương tợ y như thế, các vị Ni đã thị hiện hình dáng con voi, con ngựa, ngọn núi và biển cả, rồi mặt trăng, mặt trời, núi Meru và vóc dáng của vị trời Sakka.

1059. "Bạch vị Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con là các vị Yasodharā xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. Bạch vị Anh Hùng, bạch đấng Lãnh Đạo Của Nhân Loại, chúng con đã được hoàn thành nhờ vào quyền uy của Ngài.

1060. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1061. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1062. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1063. Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự gặp gỡ đối với các đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây đã được chúng con nhìn thấy rõ. Nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài.

1064. Bạch bậc Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của chúng con. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi chúng con là nhằm mục đích về Ngài.

1065. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sống đã được chúng con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài.

1066. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con nhằm mục đích làm vợ [kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Chúng con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

1067. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con vì sự hỗ trợ [kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Chúng con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

1068. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con nhằm mục đích vật thực [cho kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Chúng con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

1069. Chúng con đã từ bỏ nhiều ngàn *koṭi* mạng sống. Chúng con đã từ bỏ các mạng sống, [nghĩ rằng:] 'Chúng ta sẽ thực hiện sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi.'

1070. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con không cất giấu các đồ trang sức được dùng cho phụ nữ, cùng nhiều vải vóc các loại và các vật dụng của phụ nữ là nhằm mục đích về Ngài.

1071. Chúng con đã dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các ngôi làng và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, các ruộng vườn, những người con trai và những người con gái đã được dứt bỏ.

1072. Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu, bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài.

1073. Về việc Ngài bảo chúng con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khất', chúng con không nhìn thấy sự bất bình của chúng con trong khi Ngài bố thí vật thí tối thượng.

1074. Bạch đấng Đại Hùng, chúng con đã trải qua nhiều khổ đau khác loại không thể đếm được, và ở sự luân hồi với nhiều hình thức là nhằm mục đích về Ngài.

1075. Bạch đấng Đại Hiền Trí, đạt được sung sướng chúng con không vui thích và không có tâm bực bội trong những khổ đau, chúng con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích về Ngài.

1076. Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác [quá khứ] đã khẳng định về pháp [giải thoát], thì đấng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự giác ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau.

1077. Bạch đấng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với chúng con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đấng Bảo Hộ Thế Gian khác.

1078. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài. Chúng con là những nữ tỳ của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật pháp."

1079. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpaṅkara đã hiện khởi.

1080. Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ.

1081. Vào thời điểm ấy, người ấy đã là vị Bà-la-môn tên Sumedha, và đã sửa soạn con đường của đấng Toàn Tri đang đi đến.

1082. Vào thời điểm ấy, tất cả chúng con đã có xuất thân là Bà-la-môn. Chúng con đã mang đến cuộc tụ hội những đóa hoa mọc trên đất liền và dưới nước.

1083. Vào lúc ấy, đức Phật Dīpaṅkara, bậc Đại Hùng có danh tiếng vĩ đại ấy đã chú nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng.

1084. Trong khi tuyên dương hành động của vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng ấy, quả đất [đã] lay chuyển, gào thét, rung động cùng với thiên giới.

1085. Các tiên nữ và loài người, luôn cả chúng con cùng với chư thiên đã dâng lên phẩm vật cúng dường khác nhau rồi đã ước nguyện.

1086. Đức Phật tên Jotidīpa [Dīpaṅkara] đã chú nguyện cho các vị ấy rằng: "Những điều đã được ước nguyện vào ngày hôm nay sẽ trở thành hiện thực."

1087. Ấy là điều đức Phật đã chú nguyện cho chúng con trước đây vô lượng kiếp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, chúng con đã là những người hành động như thế.

1088. Tại nơi ấy, chúng con đã có tâm tịnh tín đối với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy. Chúng con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được.

1089. Chúng con đã trải qua an lạc và khổ đau ở các cõi trời và loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, chúng con đã sanh ra trong gia tộc Sakya.

1090. Chúng con có sắc đẹp, có của cải, do đó có danh vọng và giới hạnh. Chúng con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng ở các gia đình.

1091. Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hội tụ của các pháp thế gian và tâm bị khổ não là không có, chúng con sống không sợ hãi.

1092. Khi ấy, điều này đã được đức Thế Tôn nói ra ở trong kinh thành của

đức Vua [Suddhodana]. Và đấng Anh Hùng đã chỉ ra việc hỗ trợ trước đây của các vị Sát-đế-ly:

1093-94. "Người nữ nào là hữu ân, người nữ nào cùng chung vui sướng khổ đau, người nữ nào nói lời hữu ích và người nữ nào có lòng thương tưởng, thời hãy thực hành pháp thiện hạnh, chớ thực hành ác hạnh ấy. Người thực hành giáo pháp thọ hưởng an lạc ở đời này và đời sau."

1095. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đạt đến nửa tháng, chúng con đã chạm đến bốn sự thật.

1096. Nhiều người đem đến cho chúng con y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi tợ như các làn sóng của biển cả.

1097. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

1098. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1100. Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến trạng thái thanh tịnh, chúng con nhận lãnh mọi sự thành tựu.

1101. Những nàng nào bố thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị Đại Ẩn Sĩ là có sự thành tựu về bạn hữu, còn vị thế Niết-bàn là không còn tạo tác.

1102. "Quá khứ, hiện tại và vị lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của chúng con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

1103. "Ta sẽ nói điều gì hơn nữa về các nàng là những người đang tiến đến Niết-bàn? Bởi vì các nàng đã đạt được vị thế bất tử, [là cảnh giới mà] sự tạo tác và điều sai trái đã được tịnh lặng."

Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni, đứng đầu là Yasodharā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni có Yasodharā đứng đầu" là phần thứ mười.

Phẩm Kuṇḍalakesī là phẩm thứ ba.

Tóm lược của phẩm này

Vị Ni Kuṇḍalā, vị Ni Kisāgotamī, luôn cả vị Ni Dhammadinnā, vị Ni Sakulā, vị Ni Nandā cao quý, vị Ni Soṇā, vị Ni Bhaddākāpilānī, vị Ni Yasodharā, mười ngàn Tỳ-khưu-ni và mười tám ngàn vị Ni, [tổng cộng] là bốn trăm bảy mươi sáu câu kệ cả thảy.

IV. PHẨM SÁT-ĐẾ-LỴ
(*KHATTIYĀVAGGO*)

31. KÝ SỰ VỀ CÁC TỲ-KHƯU-NI ĐỨNG ĐẦU LÀ YASAVATĪ
(*Yasavatīpamukhabhikkhunīnaṃ apadānaṃ*)

1104. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con xin trình rằng, tất cả các hữu của chúng con đã được cạn kiệt, mối liên hệ với sự tái sanh của chúng con đã được mở ra, và các lậu hoặc của chúng con không còn.

1105. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bất cứ thiện nghiệp nào trước đây đã được ước nguyện tốt đẹp [và] vật dụng đã được bố thí là nhằm mục đích về Ngài.

1106. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vật dụng đã được bố thí đến các vị Phật, đến các vị Phật Độc Giác, và đến các vị Phật Thinh Văn là nhằm mục đích về Ngài.

1107. Bạch đấng Đại Hiền Trí, hành động cao cả hoặc tầm thường đến các vị Tỳ-khưu đã được ước nguyện tốt đẹp, hành động khởi đầu này đây cho việc [sanh vào] các gia tộc thượng lưu đã được thực hiện.

1108. Sự thành tựu của nghiệp được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, trong khi vượt trội loài người chúng con đã được sanh vào gia tộc Sát-đế-lỵ.

1109. Trong sự sanh ra và trong việc làm đã được thực hiện, và luôn cả trong sự tái sanh cùng với nhau, chúng con đã được sanh ra chung với nhau trong [kiếp sống] cuối cùng, có xuất thân gia tộc Sát-đế-lỵ.

1110. Bạch đấng Đại Hùng, có sắc đẹp, có của cải, được tôn vinh bằng các lợi lộc và sự kính trọng, chúng con ở trong kinh thành như là ở [vườn hoa] Nandana của chư thiên.

1111. Chúng con đã nhàm chán và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong vài ngày, tất cả chúng con đã đạt được Niết-bàn.

1112. Nhiều người đem đến cho chúng con y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi, chúng con luôn luôn được kính trọng tôn vinh.

1113. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

1114. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1115. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật."

Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni công nương dòng Sát-đế-ly đứng đầu là Yasavatī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu là Yasavatī" là phần thứ nhất.

32. KÝ SỰ VỀ CÁC VỊ TỲ-KHƯU-NI THIẾU NỮ BÀ-LA-MÔN (*Brahmaṇakaññābhikkhunīnaṃ apadānaṃ*)

1116. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, tám mươi bốn ngàn vị Ni xuất thân gia tộc Bà-la-môn, có tay chân mềm mại, là thuộc về Ngài trước đây.

1117. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều thiếu nữ đã được sanh ra trong gia tộc thương buôn và nô lệ, là chư thiên, loài rồng và Kim Sí điểu, thuộc bốn châu lục, là thuộc về Ngài trước đây.

1118. Có một số đã được xuất gia, nhiều vị có sự nhìn thấy sự thật. Còn chư thiên, Kim Sí điểu, loài rồng sẽ được giác ngộ trong ngày vị lai.

1119. Sau khi thọ hưởng danh vọng, sau khi đạt đến thành công toàn diện, tất cả đã đạt được niềm tịnh tín ở Ngài, sẽ được giác ngộ trong ngày vị lai.

1120. Bạch đấng Đại Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con là những người con gái của các Bà-la-môn, xuất thân gia tộc Bà-la-môn, chúng con xin đảnh lễ ở bàn chân của Ngài là vị đang xem xét chúng con.

1121. Tất cả các hữu đã được phá hủy, ái dục cội nguồn đã được thủ tiêu, các khuynh hướng ngủ ngầm đã được chặt đứt, các sự tạo tác đem lại phước báu đã được xé tan.

1122. Chúng con có tất cả các hành xứ về định, tương tợ như thế về khả năng thể nhập. Nhờ thiền, chúng con sẽ luôn luôn sống với sự thỏa thích trong giáo pháp.

1123. Lối dẫn đến tái sanh, vô minh, và luôn cả các pháp còn tạo tác đã được quăng bỏ. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài cho phép [chúng con] đi đến vị thế khó nhìn thấy vô cùng."

1124. "Các nàng là nguồn hỗ trợ cho Ta, là người đã có sự thực hành dài lâu. Tất cả các nàng hãy cắt đứt sự hoài nghi của bốn [chúng] rồi hãy đi đến Niết-bàn."

1125. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Hiền Trí và đã thực hiện sự biến hóa thần thông, một số vị Ni thị hiện ánh sáng, còn một số khác thị hiện bóng tối.

1126. Các vị Ni thị hiện mặt trăng, mặt trời và biển cả có cả loài cá. Các vị thị hiện dãy núi Sineru và giống cây san hô [thuộc cõi trời].

1127. Với thần thông, các vị Ni làm cho nhìn thấy cung trời Đạo-lợi, Dạ-ma, Đẩu-suất, các vị trời có uy lực lớn lao ở cõi Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại.

1128. Một số vị Ni làm cho nhìn thấy con đường kinh hành vô cùng giá

trị của đấng Phạm thiên. Và sau khi biến hóa thành hình dáng của đấng Phạm thiên, các vị Ni thuyết giảng giáo pháp về Không tánh.

1129. Sau khi đã thực hiện sự biến hóa khác nhau và đã phô bày thần thông đến bậc Đạo Sư, tất cả đã trình bày năng lực và đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư.

1130. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1131. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1132. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1133. Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự gặp gỡ đối với các đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây đã được chúng con nhìn thấy rõ. Nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài.

1134. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại nghiệp thiện đã được chúng con thực hiện. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi chúng con là nhằm mục đích về Ngài."

1135. Trước đây một trăm ngàn kiếp, có bậc Đại Hiền Trí Padumuttara. Thành phố tên Haṃsavatī là chỗ cư ngụ của gia đình đấng Toàn Giác.

1136. Sông Gaṅgā luôn luôn chảy qua cửa khẩu của thành Haṃsavatī. Bị khuấy rối bởi dòng sông, các vị Tỳ-khưu ấy không có được đường đi.

1137. Các vị ấy không có được đường đi đã hai ngày, ba ngày và luôn cả bảy ngày, sau đó là một tháng, thậm chí bốn tháng đã được tròn đủ.

1138. Khi ấy, bậc ưu tú của loài người đã là viên quan lại tên là Jaṭila. Sau khi nhìn thấy các vị Tỳ-khưu bị ngăn trở, người đã cho xây dựng cây cầu ở sông Gaṅgā.

1139. Khi ấy, người đã cho xây dựng cây cầu ở sông Gaṅgā với một trăm ngàn, và đã cho xây dựng ngôi trú xá của hội chúng ở bờ sông bên này.

1140. Những người đàn bà luôn cả đàn ông cùng các gia đình thượng và hạ lưu, họ đã góp phần bằng nhau cho cây cầu và ngôi trú xá của vị ấy.

1141. Với tâm ý vui mừng, chúng con và những người khác ở thành phố và ở các quốc độ là những người thừa tự các việc làm của vị ấy.

1142. Những người đàn bà, đàn ông, thiếu niên và luôn cả nhiều thiếu nữ, họ đã rải cát cho cây cầu và ngôi trú xá.

1143. Sau khi làm việc quét dọn con đường, họ đã thực hiện các lá phướn, các chum đầy [nước], các cây cờ, nhang thắp, bột phấn, tràng hoa là việc tôn kính đến bậc Đạo Sư.

1144. Sau khi cho thực hiện cây cầu và ngôi trú xá, người đã thỉnh mời đấng Hướng Đạo, rồi đã dâng cúng đại thí, và đã ước nguyện quả vị Toàn giác.

1145. Bậc Đại Hiền Trí, đấng Đại Hùng Padumuttara, bậc giúp cho tất cả các chúng sanh vượt qua đã nói lời tùy hỷ đến vị Jaṭila rằng:

1146. "Khi một trăm ngàn kiếp đã trôi qua sẽ là kiếp Bhadda, [người này] sau khi trải qua kiếp này kiếp khác sẽ đạt đến quả vị Giác ngộ.

1147. Những người đàn ông và đàn bà nào đã thực hiện công việc hỗ trợ bằng tay, trong tương lai dài lâu tất cả sẽ gặp lại nhau."

1148. Do kết quả của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, những người nữ tỳ ấy của Ngài đã được sanh lên cung điện của chư thiên.

1149. Trong khi thọ hưởng sự sung sướng vô lượng thuộc về cõi trời và vô lượng thuộc về nhân loại một thời gian dài, chúng con đã luân hồi cõi này cõi khác.

1150. Trong một trăm ngàn kiếp về trước, sự thành tựu của nghiệp đã được thể hiện tốt đẹp, chúng con được trẻ đẹp ở giữa loài người rồi ở cung trời cao quý.

1151. Chúng con liên tục thọ lãnh trọn vẹn sự thành tựu của nghiệp đã khéo được thể hiện về sắc đẹp, của cải, danh vọng, luôn cả tiếng tăm và sự kính trọng.

1152. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, chúng con đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn, có tay chân mềm mại, ở trong cung của người con trai dòng Sakya.

1153. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, thậm chí trong mọi thời điểm chúng con cũng không nhìn thấy quả đất là không được trang hoàng, chúng con không nhìn thấy đầm lầy và mặt đất là bị ô nhiễm.

1154. Trong khi sống tại gia, chúng con có được sự tôn trọng trong mọi thời điểm. Do năng lực của nghiệp trước đây, người ta luôn luôn đem lại cho chúng con mọi thứ.

1155. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chúng con đã được thoát khỏi đạo lộ luân hồi, có tham ái đã được lìa bỏ.

1156. Từ nơi kia từ nơi nọ, người ta luôn luôn đem lại cho chúng con hàng ngàn y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi."

1157. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

1158. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1159. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tám mươi bốn ngàn vị Tỳ-khưu-ni thiếu nữ Bà-la-môn trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về tám mươi bốn ngàn vị Tỳ-khưu-ni" là phần thứ nhì.

33. KÝ SỰ VỀ UPPALADĀYIKĀ (*Uppaladāyikāpadānaṃ*)[1]

1160. Ở thành phố Aruṇavatī, có vị Sát-đế-ly tên là Aruṇa. Con đã là người vợ của vị vua ấy. Có một lần con đã khiến [người] đưa con đi [du ngoạn].

1161. Khi ấy, con đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, con đã suy nghĩ như vầy: "Dầu đã đạt được vị thế xứng đáng, nhưng không điều lành nào đã được ta thực hiện!

1162. Có lẽ ta sẽ đi đến địa ngục là nơi vô cùng nóng bức, khổ sở, có dáng vẻ rùng rợn, vô cùng khiếp đảm; điều này đối với ta là không có sự hoài nghi [nữa]."

1163. Sau khi suy nghĩ như thế và sau khi đã làm cho tâm được mừng rỡ, con đã đi đến gặp đức vua và đã nói lời nói này:

1164. "Tâu bệ hạ, chúng thiếp là phụ nữ luôn luôn đi theo sau người nam. Tâu vị Sát-đế-ly, xin hãy ban cho thiếp một vị Sa-môn. Thiếp sẽ chăm lo về vật thực."

1165. Khi ấy, đức vua đã ban cho con [một] vị Sa-môn có [các] giác quan đã được tu tập. Sau khi nhận lấy bình bát của vị ấy, con đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng.

1166. Sau khi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng, con đã đậy lại bằng tấm vải lớn trị giá một ngàn và đã dâng lên với tâm ý hớn hở.

1167. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1168. Con đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của một ngàn vị Trời Đế-thích. Con đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của một ngàn đấng Chuyển Luân Vương.

1169. Vương quyền của địa phận là bao la, vô lượng về phương diện tính đếm. Từ đó, quả báo của nghiệp ấy còn có nhiều hình thức đa dạng khác nữa.

1170. Màu da của con chính là màu của hoa sen, con là người nữ đẹp vô cùng, có dáng nhìn xinh xắn, được thành tựu toàn vẹn về cơ thể, được sanh vào nơi quyền quý, có sự lộng lẫy.

1171. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã được sanh ra trong gia tộc Sakya, đứng đầu một ngàn nữ nhân của người con trai của [đức Vua] Suddhodana.

1172. Nhàm chán cuộc sống tại gia, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đến đêm thứ bảy, con đã đạt được bốn sự thật.

1173. Con không thể nào ước lượng được số lượng y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi; điều này là quả báo của món vật thực.

[1] *Uppaladāyikā* có ý nghĩa là "người nữ dâng cúng hoa sen xanh."

1174. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại việc làm tốt đẹp trước đây của con. Bạch đấng Đại Hùng, nhiều thứ đã được con buông bỏ là nhằm mục đích về Ngài.

1175. Kể từ khi con đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, con không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

1176. Con nhận biết hai cảnh giới là bản thể chư thiên và nhân loại, con không biết đến cảnh giới nào khác; điều này là quả báo của món vật thực.

1177. Con được sanh vào gia tộc thượng lưu, có đại sảnh đường, có tài sản lớn lao, con không biết đến gia tộc nào khác; điều này là quả báo của món vật thực.

1178. Sau khi luân hồi cõi này cõi khác, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch con không nhìn thấy điều không vừa ý; [điều này] là quả báo đã được thực hiện với tâm hoan hỷ.

1179. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1180. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1181. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1182. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1183. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1184. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Uppaladāyikā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Uppaladāyikā" là phần thứ ba.

34. KÝ SỰ VỀ SIGĀLAMĀTĀ (*Sigālamātāpadānaṃ*)[2]

1185. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

1186. Khi ấy, con đã được sanh ra tại Haṃsavatī, trong gia đình vị quan cận thần được rạng rỡ với châu báu khác loại, sung túc, thịnh vượng, có đại tài sản.

1187. Sau khi cùng với người cha dẫn đầu đám đông người đi đến và lắng nghe giáo pháp của đức Phật, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

---

[2] *Sigālamātā* nghĩa là "Mẹ của Sigāla".

1188. Sau khi xuất gia, con đã lánh xa nghiệp ác do thân. Sau khi từ bỏ sở hành xấu xa về lời nói, con đã thanh lọc sự nuôi mạng sống.

1189. Con được tịnh tín với đức Phật, có sự tôn sùng giáo pháp và hội chúng. Con được gắn bó với việc lắng nghe Chánh pháp và có lòng khao khát về việc nhìn thấy đức Phật.

1190. Khi ấy, con đã nghe về vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có khuynh hướng về đức tin. Sau khi ước nguyện vị thế ấy, con đã làm tròn đủ Tam học. Do đó, đấng Thiện Thệ với khuynh hướng thuận theo lòng bi mẫn đã nói với con rằng:

1191. "Đức tin của người nào đối với đức Như Lai là không bị lay chuyển, khéo được thiết lập, và giới của người nào là tốt đẹp, tương xứng với bậc Thánh, được ngợi khen.

1192. Người nào có niềm tịnh tín vào hội chúng, có bản thể chính trực và có sự nhận thức, người ta nói về vị ấy là 'kẻ không nghèo', đời sống của vị ấy là không vô ích.

1193. Vì thế, người sáng suốt, trong khi ghi nhớ lời dạy của chư Phật, hãy gắn bó vào đức tin, vào giới, vào niềm tịnh tín và vào việc nhận thức giáo pháp."

1194. Sau khi lắng nghe điều ấy, được hoan hỷ con đã hỏi về điều phát nguyện của con. Khi ấy, đấng Hướng Đạo tối cao, vô lượng, đã chú nguyện rằng:

1195. "Này người thiện nữ, được tịnh tín vào đức Phật, nàng sẽ đạt được điều đã ước nguyện ấy. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka, sẽ xuất hiện ở thế gian.

1196. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là 'Mẹ của Sigālaka'".

1197. Nghe được điều ấy, con đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái con đã phụng sự đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo với các sự hành đạo cho đến hết cuộc đời.

1198. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1199. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra ở kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự tích lũy các châu báu lớn lao.

1200. Người con trai của con tên Sigālaka là thích thú vào con đường sái quấy. Trong khi lao theo việc nắm giữ tà kiến, nó có sự nhiệt thành với việc cúng dường các phương hướng.[3]

1201. Trong khi đi vào thành phố để khất thực, đức Phật, bậc có sự giáo huấn, sau khi nhìn thấy nó đang lễ bái các phương hướng khác nhau, đấng Hướng Đạo đã thiết lập Sigālaka vào đạo lộ.

---

[3] Xem *D.* 31, *Kinh Thi-ca-la-việt* (*Sigālasuttaṃ*).

1202. Trong khi Ngài đang thuyết giảng giáo pháp, âm điệu của Ngài đáng kinh ngạc. Đã có sự lãnh hội giáo pháp của hai *koṭi* người nam và người nữ.[4]

1203. Khi ấy, con đã đi đến đám đông và đã lắng nghe lời thuyết giảng của đức Thiện Thệ. Con đã đạt đến quả vị Nhập lưu và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1204. Có lòng khao khát về việc nhìn thấy đức Phật, sau khi tu tập pháp tùy niệm ấy trong thời gian không bao lâu, con đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1205. Con luôn thường xuyên đi đến nhằm mục đích chiêm ngưỡng đức Phật. Con nhìn không biết chán diện mạo có sự hoan hỷ ở đôi mắt.

1206. Con sống, không biết chán với sắc thân cao quý, được hiện hữu với tất cả các pháp toàn hảo, được phân bố với mọi sự tốt lành, là nơi chứa đựng các điều may mắn.

1207. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập con vào vị thế tối thắng: "Mẹ của Sigālaka là vị có khuynh hướng về đức tin hạng nhất."

1208. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1209. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1210. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1211. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1212. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Sigālamātā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sigālamātā" là phần thứ tư.

35. KÝ SỰ VỀ SUKKĀ (*Sukkāpadānaṃ*)

1214. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị Có Ánh Mắt Thu Hút, là vị Thấy Rõ Tất Cả Các Pháp.

1215. Khi ấy, con đã được sanh ra trong một gia đình nọ tại thành Bandhumatī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của bậc Hiền Trí, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

[4] Hai *koṭi* là 20 triệu.

1216. Là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, tài biện giải cũng như thế, là vị thuyết giảng hay, và cũng là người thực hành theo lời dạy của đấng Chiến Thắng.

1217. Khi ấy, con đã thực hiện việc thuyết pháp có nhiều lợi ích cho dân chúng. Từ nơi ấy chết đi, con đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất, có được danh tiếng.

1218. Trước đây ba mươi mốt kiếp, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi ở thế gian, bậc Chiến Thắng Sikhī cao quý, chói sáng với danh tiếng như là ngọn lửa.

1219. Khi ấy, con cũng đã xuất gia. Là vị rành rẽ về lời dạy của đức Phật, con đã làm rạng rỡ những lời giảng của đấng Chiến Thắng, sau đó cũng đã đi đến cõi Đạo-lợi.

1220. Trước đây ba mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo tên Vessabhū có đại trí tuệ đã hiện khởi. Và cũng vào lúc ấy, con đã được sanh ra tương tợ y như thế.

1221. Sau khi xuất gia, thông thạo giáo pháp, con đã làm rạng rỡ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Sau khi đi đến thành phố chư thiên xinh đẹp, con đã thọ hưởng lạc thú lớn lao.

1222. Trong kiếp Bhadda này, đấng Chiến Thắng Tối Thượng Kakusandha, bậc Nhân Báo đã hiện khởi. Và cũng vào lúc ấy, con đã được sanh ra tương tợ y như thế.

1223. Sau khi xuất gia, con đã làm rạng rỡ quan điểm của bậc Hiền Trí cho đến hết tuổi thọ. Từ nơi ấy chết đi, con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi tợ như đi đến chỗ ngụ của mình.

1224. Chính ở trong kiếp này, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo Koṇāgamana, bậc Nương Nhờ Của Thế Gian, là đấng Tối Thượng Của Tất Cả Chúng Sanh.

1225. Cũng vào khi ấy, sau khi xuất gia trong giáo pháp của bậc như thế ấy, là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, con đã làm rạng rỡ lời dạy của đấng Chiến Thắng.

1226. Chính ở trong kiếp này, đã hiện khởi đấng Tối Thượng Nhân Kassapa, là con mắt của thế gian, không dục vọng, bậc đã đi đến tận cùng của sự chết.

1227. Con cũng đã xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng của loài người ấy, có Chánh pháp đã được học tập, là tự tin trong việc chất vấn.

1228. Có giới tốt đẹp, có sự khiêm tốn và rành rẽ về Tam học (giới, định, tuệ). Con đã nhiều lần thực hiện việc thuyết pháp đem lại điều lợi ích cho đến hết cuộc đời.

1229. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1230. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra tại kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự tích lũy châu báu lớn lao.

1231. Vào lúc ấy, được tháp tùng bởi một ngàn vị Tỳ-khưu, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã đi vào thành Rājagaha, và đã được ca ngợi bởi vị có ngàn mắt (Trời Sakka):

1232. "Là bậc đã chế ngự cùng với các vị đã được chế ngự, là bậc đã giải thoát cùng với các vị đã được giải thoát trước đây là các đạo sĩ tóc bện, đức Thế Tôn có màu da tợ như vàng đã đi vào thành Rājagaha."[5]

1233. Sau khi nhìn thấy oai lực ấy của đức Phật và sau khi lắng nghe sự tích lũy về đức hạnh, con đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật và đã cúng dường Ngài tùy theo năng lực.

1234. Và vào thời điểm khác, trong sự hiện diện của vị Ni Dhammadinnā, con đã rời khỏi gia đình và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1235. Trong khi các sợi tóc đang được cạo, con đã tham thiền về các phiền não. Sau khi xuất gia không bao lâu, con đã học xong toàn bộ giáo pháp.

1236-37. Sau đó, con đã thuyết giảng giáo pháp ở hội chúng đông người. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng, đã có sự lãnh hội giáo pháp của nhiều ngàn người. Sau khi biết được điều đó, có vị dạ-xoa đã vô cùng ngạc nhiên. Vô cùng tịnh tín đối với con, vị dạ-xoa đã đi quanh thành Giribbaja [thông báo rằng]:

1238. "Trời ơi! Những người dân ở Rājagaha đã làm gì như là đã uống [say] mật ong mà không đi đến vị Ni Sukkā đang thuyết giảng về vị thế bất tử?

1239. Và việc ấy là không nên cưỡng lại, việc ấy là có hương vị ngọt ngào. Những người có trí tuệ nghĩ đến 'việc uống' [giáo pháp ấy] tợ như người lữ hành nghĩ đến đám mây [che nắng]."

1240. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1241. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1242. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1243. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1244. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1245. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] Việc này được đề cập ở *Luật Đại phẩm*, Chương 1.

Tỳ-khưu-ni Sukkā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sukkā" là phần thứ năm.

Dứt tụng phẩm thứ năm.

36. KÝ SỰ VỀ RŪPANANDĀ (*Rūpanandāpadānaṃ*)

1246. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị Có Ánh Mắt Thu Hút, là bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp.

1247. Khi ấy, con đã được sanh ra ở Bandhumatī, trong gia tộc lớn, sung túc, thịnh vượng, có sắc đẹp, được yêu quý và xứng đáng sự tôn vinh của dân chúng.

1248. Con đã đi đến đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī. Sau khi lắng nghe giáo pháp, con đã đi đến nương nhờ vào bậc Lãnh Đạo Của Nhân Loại.

1249. Con đã thu thúc trong các giới. Và khi đấng Tối Thượng Nhân Niết-bàn, con đã cúng dường chiếc lọng che bằng vàng ở bên trên ngôi bảo tháp Xá-lợi.

1250. Là người nữ có sự xả bỏ đã được mở ra, có giới hạnh cho đến hết cuộc đời, con đã mệnh chung từ nơi ấy. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1251-52. Khi ấy, con đã hưởng thụ mười điều thừa thải là: Các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, cùng với tuổi thọ, sắc đẹp, sung sướng, danh vọng và quyền uy là tương tợ y như thế. Con đã vượt trội, con đã huy hoàng.

1253. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra ở thành Kapila, là con gái của Khemaka dòng Sakya, được nổi danh với tên là Nandā.

1254. Sắc đẹp tuyệt trần là tên hiệu công nhận về vẻ yêu kiều của con. Khi đạt đến tuổi thanh xuân, con đã được điểm tô với sắc đẹp mặn mà.

1255. Khi ấy, sự tranh chấp giữa các vị dòng Sakya về việc của con đã trở nên vô cùng trầm trọng. Do đó, cha đã khiến [con] xuất gia: "Chớ để dòng Sakya bị hủy hoại."

1256. Sau khi xuất gia, nghe rằng đức Như Lai, bậc Tối Thượng Nhân là người có sự chỉ trích về sắc thân, tự hào về sắc đẹp của mình con đã không đến [gặp Ngài].

1257. E ngại về việc diện kiến đức Phật, con cũng không đi về việc giáo giới. Khi ấy, bằng phương kế, đấng Chiến Thắng đã đưa [con] đến gặp Ngài.

1258. Nhờ vào thần thông, bậc Rành Rẽ Về Đạo Lộ đã thị hiện ra ba người phụ nữ có sắc đẹp tương tợ tiên nữ, còn trẻ tuổi, bị già và bị chết.

1259. Sau khi nhìn thấy ba người nữ ấy, bị vô cùng chấn động, không còn tham ái ở xác thân, con đã ổn định, đã nhàm chán hiện hữu. Khi ấy, bậc Lãnh Đạo đã nói với con rằng:

1260. "Này Nandā, hãy xem xét thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối đang tiết ra, đang rò rỉ lại được hứng thú đối với những kẻ ngu.

1261. Nàng hãy tu tập tâm được chuyên nhất, khéo tập trung về đề mục bất mỹ [tử thi], thân này như thế nào thì xác kia như vậy.

1262. Trong khi quán xét xác thân này như thế, đêm ngày không mệt mỏi, sau đó với tuệ của chính mình nàng hãy nhàm chán rồi an trú."

1263. Trong khi con đây đang sống không xao lãng ở nơi đây một cách đúng đắn, thân xác này đã được nhìn thấy bên trong lẫn bên ngoài đúng theo thực thể.

1264. Khi ấy, con đã nhàm chán về thân và con đã ly tham nội phần. Con không xao lãng, không vướng bận, an tịnh, Niết-bàn.

1265. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1266. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1267. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1268. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1269. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1270. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Rūpanandā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Rūpanandā" là phần thứ sáu.

37. KÝ SỰ VỀ AḌḌHAKĀSĪ (*Aḍḍhakāsī-apadānaṃ*)

1271. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên là Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

1272. Khi ấy, sau khi xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, con đã thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan.

1273-74. Là người có sự tri túc trong vật thực và còn được gắn bó trong việc tỉnh thức nữa, trong khi sống con có thiền tập được gắn bó. Với tâm ác xấu, con đã mắng nhiếc vị Tỳ-khưu-ni có lậu hoặc đã được xa lìa. Và khi ấy, con đã nói rằng: "Đồ kỹ nữ". Do ác nghiệp ấy, con đã bị nung nấu ở địa ngục.

1275. Do phần dư sót của chính nghiệp ấy, con đã bị sanh ra trong gia đình kỹ nữ, đa phần bị phụ thuộc vào người khác cho đến cuộc sống cuối cùng.

1276. Do quả báo của việc thực hành Phạm hạnh, con đã được sanh ra ở xứ Kāsi trong gia đình triệu phú. Con đã có sự thành tựu về sắc đẹp như là cô tiên nữ ở giữa chư thiên.

1277. Sau khi nhìn thấy con là [xinh xắn] đáng nhìn, họ đã sắp xếp con vào thân phận gái điếm ở trong kinh thành Giribbaja vì quả báo về sự mắng nhiếc của con.

1278. Con đây sau khi lắng nghe lời thuyết giảng Chánh pháp của đức Phật tối thượng, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình; con đã đạt được cuộc sống trước đây.

1279. Sau đó, trong khi đi đến gặp đấng Chiến Thắng vì mục đích tu lên bậc trên, con đã nghe rằng các kẻ vô lại đứng chặn ở trên đường, và con đã đạt được sự tu lên bậc trên bằng sứ giả.[6]

1280. Tất cả các nghiệp đã được cạn kiệt, và tương tợ như thế về phước thiện và điều ác xấu. Con đã vượt qua tất cả các sự luân hồi, và thân phận gái điếm đã được quăng bỏ.

1281. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1282. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1283. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1284. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1285. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1286. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Aḍḍhakāsī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Aḍḍhakāsī" là phần thứ bảy.

38. KÝ SỰ VỀ PUṆṆĀ (*Puṇṇāpadānaṃ*)

1287. [Trong giáo pháp] của đức Thế Tôn Vipassī, Sikhī, Vessabhū, Kakusandha, và như thế ấy [trong giáo pháp] của bậc Hiền Trí Koṇāgamana.

[6] Việc này được đề cập ở *Luật Tiểu phẩm*, Chương 10.

1288. Và trong giáo pháp của đức Phật Kassapa, sau khi xuất gia, con đã là vị Tỳ-khưu-ni thành tựu về giới, cẩn trọng, có các giác quan được thu thúc.

1289. Là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, là người vấn hỏi các ý nghĩa của giáo pháp, là người học tập và lắng nghe các pháp, là người phục vụ [bậc Đạo Sư].

1290. Trong khi thuyết giảng ở giữa dân chúng, con đã ở trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Với sự học rộng ấy, hạnh tốt, con đã tự cao.

1291. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra tại kinh thành Sāvatthi trong nhà của Anāthapiṇḍika, [con] của người nữ tỳ lo việc đội nước.

1292. Đi đội nước, con đã nhìn thấy vị Bà-la-môn Sotthiya bị khổ sở vì lạnh ở trong nước. Sau khi nhìn thấy vị ấy, con đã nói điều này:

1293. "Là người nữ đội nước, tôi ở trong sự lạnh lẽo, tôi đã thường xuyên lội xuống nước. Tôi sợ hãi vì nỗi lo về hình phạt của những người chủ, bị khổ sở vì nỗi lo về sự sai trái của lời nói.

1294. Này người Bà-la-môn, ngài sợ hãi điều gì khiến ngài đã thường xuyên lội xuống nước? Với các bộ phận của cơ thể đang run rẩy, ngài tự biết sự lạnh là kinh khủng."

1295. "Này cô Puṇṇikā, quả nhiên trong khi cô biết lại còn chất vấn ta là người đang thực hiện việc tốt và đang cản ngăn điều ác đã làm.

1296. Này cô, người nào dầu già hoặc còn trẻ thực hiện nghiệp ác, do việc tắm gội bằng nước [người ấy] được thoát khỏi nghiệp ác."

1297. Con đã nói cho người đang lội ra [khỏi nước] về đạo lộ hội đủ pháp và ý nghĩa. Và sau khi biết được điều ấy, bị chấn động, người ấy đã xuất gia và đã trở thành vị A-la-hán.

1298. Do việc con đã được sanh ra ở gia đình nô bộc làm tròn đủ một trăm [người] không thiếu hụt, vì việc đó tên của con là Puṇṇā. Những người [chủ] ấy đã cho con trở thành người tự do.

1299. Nhờ vào điều ấy, con đã làm cho người triệu phú được hoan hỷ và con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong thời gian không bao lâu, con đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1300. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1301. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1302. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng.

1303. Do việc tu tập, con trở thành vị Ni có đại trí tuệ; và do việc nghe, con

trở thành vị Ni thông thái. Việc bị sanh ra trong gia tộc hạ tiện do ngã mạn chính là vì nghiệp không bị tiêu hoại.

1304. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1305. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1306. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Puṇṇā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Puṇṇā" là phần thứ tám.

39. KÝ SỰ VỀ AMBAPĀLĪ (*Ambapālī-apadānaṃ*)

1307. Vị có vòng hoa đội đầu được phát ra hào quang là bậc Đại Hiền Trí tên Phussa. Con đã là người em gái của vị ấy. Con đã được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-ly.

1308. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, với tâm tư trong sạch, con đã dâng cúng đại thí và đã ước nguyện sự thành tựu về sắc đẹp.

1309. Trước đây ba mươi mốt kiếp, đã hiện khởi bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Sikhī, bậc Nương Nhờ Của Tam Giới.

1310. Khi ấy, con xuất thân gia tộc Bà-la-môn ở trong thành Aruṇa xinh đẹp. Bị sân hận, con đã cho người nguyền rủa vị Tỳ-khưu-ni có tâm giải thoát rằng:

1311-12. "Cô chính là gái điếm, không có hạnh kiểm, là kẻ làm bại hoại giáo pháp của đấng Chiến Thắng." Con đã cho người mắng nhiếc như thế. Do hành động xấu xa ấy, con đã đi đến địa ngục khắc nghiệt, bị thọ lãnh khổ đau cùng cực. Từ nơi ấy chết đi, con đã được sanh ra giữa loài người, là nữ đạo sĩ khổ hạnh.

1313. Con đã bị buộc làm thân phận gái điếm mười ngàn kiếp sống. Do việc ác ấy con đã không được giải thoát, như là đã thọ dụng chất độc xấu xa vậy.

1314. Con đã rèn luyện Phạm hạnh trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng Kassapa. Do kết quả của nghiệp ấy, con đã được sanh ra ở cõi trời Đạo-lợi.

1315. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã là người được hóa sanh. Con đã được sanh ra ở giữa cành cây xoài, vì thế con là "Ambapālī".

1316. Được tùy tùng với nhiều *koṭi* sanh mạng, con đã xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Con đã đạt đến vị thế bất động, được tồn tại, là chánh thống của đức Phật.

1317. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và sự thanh tịnh về nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1318. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1319. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng.

1320. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1321. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1322. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Ambapālī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Ambapālī" là phần thứ chín.

40. KÝ SỰ VỀ PESALĀ (*Pesalāpadānaṃ*)

1323. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên là Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

1324. Con đã được sanh ra trong gia đình cư sĩ tại kinh thành Sāvatthi. Sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Cao Quý ấy, con đã lắng nghe lời thuyết giảng.

1325. Sau khi đi đến nương tựa vào vị Anh Hùng ấy, con đã thọ trì các giới. Có lần nọ, bậc Đại Hùng ấy ở tại cuộc tụ hội của đám đông dân chúng.

1326. Đấng Nhân Ngưu đã công bố quả vị Chánh đẳng giác của mình: "Về các pháp trước đây chưa từng được nghe, về khổ, v.v...

1327. [Pháp] nhãn, trí, tuệ, minh và ánh sáng đã có cho Ta." Sau khi lắng nghe điều ấy, con đã học và đã vấn hỏi các vị Tỳ-khưu.

1328. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1329. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, được sanh ra trong đại gia đình triệu phú con đã đi đến đức Phật và đã lắng nghe Chánh pháp bao gồm các sự thật.

1330. Sau khi xuất gia chẳng bao lâu, trong khi suy xét về ý nghĩa của các sự thật, con đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1331. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1332. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1333. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng.

1334. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1335. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1336. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Pesalā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Pesalā" là phần thứ mười.

Phẩm Sát-đế-ly là phẩm thứ tư.

Tóm lược của phẩm này

Các vị Ni dòng Sát-đế-ly, luôn cả các vị Ni dòng Bà-la-môn, tương tợ như thế là vị Ni Uppaladāyikā, vị Ni Sigālamātā, vị Ni Sukkā, vị Ni vô cùng xinh đẹp [Rūpanandā], vị Ni Aḍḍhakāsikā, vị Ni Puṇṇā, vị Ni Ambapālī và vị Ni Pesalā ấy là mười. Ở đây, có hai trăm câu kệ ngôn và thêm vào bốn mươi hai câu nữa.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

[Bốn phẩm] Sumedhā, Ekūposathā, Kuṇḍalakesī, Khattiyā được gộp chung lại có một ngàn ba trăm bốn mươi bảy kệ ngôn. Cùng với các câu kệ của phần tóm lược đã được tính đếm bởi các bậc trí là một ngàn ba trăm năm mươi bảy câu kệ cả thảy.

KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NI ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

TẬP APADĀNA ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

PHẬT SỬ
(*BUDDHAVAṂSA*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Chú giải của tập *Buddhavaṃsa* (*Phật sử*) có tên là *Madhuratthavilāsinī* được thực hiện do công của Ngài Buddhadatta vào khoảng cuối thế kỷ V Tây lịch.

Về nội dung, tập *Buddhavaṃsa* trình bày quá trình tu tập và chứng đạt quả vị Toàn giác của đức Phật Gotama (Cồ-đàm), tức là đức Phật Thích-ca đang được chúng ta thờ phượng hiện nay. Duyên khởi của tập này bắt đầu với việc đấng Phạm thiên thỉnh cầu đức Phật Gotama thuyết pháp, qua đó giới thiệu sơ lược về quá trình tế độ chúng sanh của Ngài từ lúc chuyển vận pháp luân cho đến lúc quay trở về thành Kapilavatthu để tế độ đức Vua cha Suddhodana (Tịnh Phạn). Lúc ấy, ở bờ sông Rohiṇī Ngài đã sử dụng thần thông làm hiện ra con đường kinh hành được trang hoàng bằng châu báu ở trên không trung. Cũng vào lúc đó, Ngài Sāriputta đang đứng ở Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu) tại thành Rājagaha (Vương Xá), tuy khoảng cách xa đến hàng trăm cây số nhưng Ngài Sāriputta vẫn có thể chiêm ngưỡng được đức Phật. Kế đó, Ngài Sāriputta cùng năm trăm vị A-la-hán trong đó có các Ngài Moggallāna, Mahākassapa, Anuruddha, Upāli, Puṇṇa đã dùng thần thông bay đến bên đức Phật để hỏi đức Phật về công hạnh nào đã được thực hiện trong quá khứ khiến Ngài có được oai lực cao quý như thế. Bằng trí tuệ hướng về các kiếp sống trước đây, đức Phật đã giảng giải về lịch sử của chư Phật nhằm mục đích đem lại điều lợi ích cho chư thiên và nhân loại.

Trong tập này, tên của 28 vị Phật Toàn Giác thuộc thời quá khứ đã được đề cập đến nhưng chỉ trình bày sử liệu của 25 vị từ đức Phật Dīpaṅkara, là vị đầu tiên đã ban lời chú nguyện cho đức Bồ-tát Sumedha, cho đến đức Phật Gotama tức là Phật Thích-ca thời hiện tại gồm các chi tiết như sau: Thời điểm của vị Phật tính theo kiếp (*kappa*), tên của vị Phật, số lần của sự lãnh hội (*abhisamaya*), số lần của các cuộc hội tụ (*samāgama*), tên của thành phố, cha và mẹ, thời gian sống tại gia, tên của ba tòa lâu đài, số lượng người nữ hầu hạ, tên vợ, tên con trai, bốn điều báo hiệu, phương tiện di chuyển lúc ra đi, thời gian hành khổ hạnh, Phạm thiên thỉnh cầu, địa điểm chuyển vận pháp luân, tên hai vị Tỳ-khưu Thinh văn hàng đầu, tên vị thị giả, tên hai vị Tỳ-khưu-ni Thinh văn hàng đầu, tên cội Bồ-đề, tên hai vị nam thí chủ hộ độ hàng đầu, tên hai vị nữ thí chủ hộ độ hàng đầu, chiều cao của đức Phật, hào quang, tuổi thọ của Ngài, việc tịch diệt Niết-bàn, bảo tháp và Xá-lợi. Về phần bản thân đức Bồ-tát trong thời vị Phật ấy, có các sử liệu về nguồn gốc xuất thân, danh tánh, phẩm hạnh, hành động thù thắng

đã được thực hiện và lời chú nguyện của vị Phật đương thời.

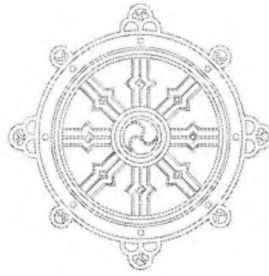
Qua tập này, có một số điểm đáng được lưu ý như sau: Các vị Phật đều hiện khởi ở Jambudīpa (Ấn Độ). Đức Phật Gotama (Thích-ca) của chúng ta có nhiều điểm thua sút so với các vị Phật khác: Tuổi thọ ngắn nhất (80 năm), dài nhất là 100.000 năm của các vị Dīpaṅkara, Koṇḍañña, Anomadassī, Paduma, Padumuttara, Atthadassī, Dhammadassī, Siddhattha, Tissa. Thời gian hành khổ hạnh dài nhất (6 năm), ngắn nhất là 7 ngày của các vị Sobhita, Nārada, Padumuttara, Dhammadassī, Kassapa. Chiều cao, tuổi thọ, thời gian sống tại gia, hào quang phát ra đều thua sút tất cả các vị Phật khác. Về sự ra đi vĩ đại, trong số 25 vị Phật đã được trình bày chi tiết, có sáu vị sử dụng phương tiện voi, sáu vị khác sử dụng phương tiện cỗ xe, năm vị có cả đức Phật Gotama sử dụng phương tiện ngựa, bốn vị sử dụng phương tiện là tòa lâu đài, ba vị sử dụng phương tiện kiệu khiêng, và một vị đi bộ. Về xuất thân, chỉ có ba vị Phật xuất thân dòng Bà-la-môn là Kakusandha, Konāgamana, Kassapa, các vị còn lại đều xuất thân dòng Sát-đế-ly. Các yếu tố khác như là cội cây Bồ-đề, hành động thù thắng, số lần của các cuộc hội tụ, v.v... đều có sự khác biệt. Đặc biệt, chương cuối cùng về việc phân chia Xá-lợi của đức Phật Thích-ca, chắc chắn là đã được thêm vào sau này, đặc biệt có nội dung phong phú hơn nếu so sánh với bài kinh *Mahāparinibbānasutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*) ở *Trường bộ*.

Xét về hình thức, *Buddhavaṃsa* được thực hiện dựa theo lối trường thi (tương tợ như thể *Mahākāvya* của ngôn ngữ Sanskrit) gồm nhiều câu kệ (*gāthā*) hợp thành. Mỗi câu kệ được ghi thành 2 dòng và được chia làm 4 *pāda*; thông thường mỗi câu kệ như vậy là một câu văn hoàn chỉnh về phương diện văn phạm.

Về khía cạnh dịch thuật, cũng có một số điểm cần được nêu lên như sau: Về các thì của động từ, trong nguyên tác có nhiều hành động ở vào thời quá khứ nhưng lại được trình bày ở thì hiện tại và một vài hành động ở vào thời vị lai lại được trình bày ở thì quá khứ. Chúng tôi ghi lại các thì theo sát văn bản nghĩ rằng những điểm này dễ dàng nhận diện qua ngữ cảnh và không làm xáo trộn ý nghĩa. Bản tiếng Việt chúng tôi đã được phiên dịch trực tiếp từ nguyên bản Pāḷi, một số từ dịch đã được dựa theo lời giải thích bản Chú giải Pāḷi là *Madhuratthavilāsinī*. Tuy có tham khảo bản dịch tiếng Anh của cô I. B. Horner và bản dịch tiếng Sinhala ở Tam tạng song ngữ của nước Sri Lanka nhưng lời dịch Việt này được ghi lại theo sự xét đoán của chúng tôi và không thể hiện quan điểm của bản dịch nói trên. Chúng tôi ghi lại lời dịch Việt theo tinh thần "hiểu văn bản như thế nào thì cố gắng ghi lại đúng như thế ấy." Đối với các bản văn cổ, chúng tôi không có tham vọng vươn đến các tiêu chuẩn phiên dịch cao hơn. Các sự sai sót trong phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo và ấn tống tập *Phật sử* này được thành tựu đến tất cả chúng sanh. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,
Đêm rằm tháng Bảy
Ngày 08 tháng 8 năm 2006
Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)



CHƯƠNG
CON ĐƯỜNG KINH HÀNH BẰNG CHÂU BÁU
(*RATANACAṄKAMANAKAṆḌO*)

1. Khi ấy, vị Phạm thiên Sahampati chúa tể của thế gian đã chắp tay thỉnh cầu đức Phật rằng: "Ở đây, có những chúng sanh có bản chất ít bị ô nhiễm,[1] xin Ngài hãy vì lòng bi mẫn thuyết giảng giáo pháp đến hạng chúng sanh này.

2. Ngài là vị đã thành tựu toàn vẹn trí tuệ và đức hạnh (Minh Hạnh Túc) như thế ấy, là đấng Quang Minh có thân mạng cuối cùng, là đức Như Lai không người sánh kịp; lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sanh đã sanh khởi đến Ngài."

3. [Đức Phật đã quán rằng:] "Bởi vì chư thiên và đám người này không biết được đức Phật, đấng Tối Thượng Nhân này là như thế nào, [không biết được] năng lực thần thông và năng lực trí tuệ là như thế nào, [không biết được] Phật lực của đấng Tế Độ Chúng Sanh là như thế nào.

4. Bởi vì chư thiên và đám người này không biết được đức Phật, đấng Tối Thượng Nhân này là như thế này, [không biết được] năng lực thần thông và năng lực trí tuệ là như thế này, [không biết được] Phật lực của đấng Tế Độ Chúng Sanh là như thế này.

5. Như vậy, Ta sẽ thị hiện Phật lực tối thượng. Ta sẽ làm hiện ra con đường kinh hành được trang hoàng bằng châu báu ở trên không trung."[2]

6. Chư thiên thuộc địa cầu, thuộc cõi Tứ Đại Thiên Vương, thuộc cõi Đạo-lợi, thuộc cõi Dạ-ma, thuộc cõi Đẩu-suất, thuộc cõi Hóa Lạc Thiên, thuộc cõi Tha Hóa Tự Tại, luôn cả đoàn tùy tùng của đấng Brahma nữa cũng hoan hỷ và đã tạo nên tiếng hò reo vang dội.

7. Khi ấy, sau khi chứng kiến điều kỳ diệu phi thường, quả địa cầu cùng với các cõi trời đã được chiếu sáng, các khoảng không gian bao la ở giữa các cõi thế giới không còn bị bao trùm, và bóng tối đen dày đặc đã bị tiêu tan.

---

[1] *Apparajakkha* (*appa-raja-akkha*): Ít bị ô nhiễm, dịch sát từ sẽ là "mắt có ít bụi".

[2] Thời điểm đức Phật thuyết giảng *Buddhavaṃsa* (*Phật sử*): Vào mùa an cư mưa thứ nhất, đức Phật ngự ở Vườn Nai, Isipitana (tại Bārāṇasī) và tế độ 5 vị Aññakoṇḍañña (Kiều Trần Như). Sau khi mùa mưa chấm dứt, đức Phật đã đi đến Uruvelā và trong 3 tháng ở tại nơi ấy đã tế độ nhóm 1000 đạo sĩ tóc bện của 3 anh em Kassapa. Sau đó, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha (Vương Xá) và trú ở đây 2 tháng. Như vậy, 5 tháng đã trôi qua và mùa lạnh đã hoàn toàn chấm dứt. Lúc ấy, sứ giả của đức Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) là Kāḷudāyi đã đi đến gặp đức Phật để nhắn lời thỉnh mời. Và trong tháng Phagguna (tháng 2 hoặc 3 dương lịch), đức Phật đã suy nghĩ đến việc trở về thành Kapila. Thời gian di chuyển của đức Phật từ thành Rājagaha đến thành Kapila là 2 tháng. Tại đó, đức Phật đã thị hiện song thông và thuyết giảng bài kinh này (*BvsA*. 3-4).

8. Ánh sáng chói lọi rực rỡ đã hiện ra bên dưới, bên trên, chiều ngang và chiều dọc ở giữa các hạng thiên nhân, càn-thát-bà, nhân loại và quỷ sứ ở cả hai nơi: Ở thế gian này và ở thế giới khác.

9. Được chư thiên và nhân loại cúng dường, bậc Đạo Sư, đấng Tối Thượng Của Chúng Sanh, nhà Lãnh Đạo Không Ai Vượt Trội, vị có đại oai lực, có trăm tướng mạo về phước báu đã thị hiện điều kỳ diệu phi thường.

10. Khi được thỉnh cầu bởi vị Thiên Nhân Cao Quý, bậc Hữu Nhãn ấy, đấng Tối Thượng Nhân, vị Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi quán xét về điều lợi ích đã làm hiện ra con đường kinh hành được hoàn thành khéo léo và được thực hiện bằng tất cả các loại châu báu.

11. Đức Thế Tôn đã thuần thục về ba điều kỳ diệu là: Thần thông, tài thuyết giảng và sự giáo hóa. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã làm hiện ra con đường kinh hành được hoàn thành khéo léo và đã được thực hiện bằng tất cả các loại châu báu.

12. Ở tại mười ngàn thế giới, Ngài đã thị hiện theo tuần tự những con đường kinh hành làm bằng châu báu giống như các cột trụ ở ngọn núi Sineru tối thắng.

13. Sau khi vượt qua mười ngàn thế giới, đấng Chiến Thắng đã tạo ra con đường kinh hành làm toàn bằng vàng ở bên cạnh con đường kinh hành làm bằng châu báu.

14. Cả hai con đường đều tương đương, được lót nền bằng vàng miếng. Các lan can đều toàn bằng vàng đã được thực hiện ở cả hai bên.

15. Được thực hiện bằng các loại châu báu, được rải rắc lớp cát là ngọc mani và ngọc trai, con đường chiếu sáng khắp cả các phương giống như ánh mặt trời đã mọc lên.

16. Trong việc đi kinh hành ấy, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng Sáng Suốt rực rỡ với ba mươi hai tướng trạng cao quý, đã đi kinh hành ở con đường kinh hành.

17. Tất cả chư thiên đã tụ hội lại, rải rắc xuống bông hoa Mạn-đà-la, hoa Sen, hoa San Hô thuộc cõi trời [tán thán] về việc đi kinh hành [của đức Phật].

18. Hội chúng chư thiên thuộc mười ngàn thế giới đã hoan hỷ chiêm ngưỡng đức Phật. Trong lúc kính lễ, họ hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, quỳ mọp người xuống.

19. Chư thiên ở cõi Đạo-lợi, cõi Dạ-ma, luôn cả cõi Đẩu-suất, chư thiên ở cõi Hóa Lạc và chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại chiêm ngưỡng vị Lãnh Đạo Thế Gian với tâm phấn khởi hân hoan.

20. Cùng với chư thiên, các hạng càn-thát-bà, nhân loại, quỷ sứ, các loài rồng, thiên điểu, luôn cả loài Kim Sí điểu,[3] nhìn thấy đấng Tế Độ Chúng Sanh có lòng bi mẫn ấy giống như mặt trăng tròn đã mọc lên ở ngay trên bầu trời.

---

[3] Kim Sí điểu là nghĩa của từ *kinnarā* được thấy ở tạng Thái Lan, Miến Điện, PTS; thay vì *rakkhasā* ở dòng thứ nhì (vì có hai chữ *rakkhasā* được dùng ở câu kệ này).

21. Chư thiên ở các cõi Quang Âm thiên, Biến Tịnh thiên, Quảng Quả thiên và Vô Tưởng thiên với trang phục bằng vải vóc vô cùng tinh khiết thanh bạch đứng chắp tay.

22. Hơn nữa, các vị còn rắc xuống bông hoa Mạn-đà-la năm màu được trộn lẫn với bột phấn gỗ đàn hương và vung vẫy các tấm vải ở trên không trung [ca ngợi rằng]: "Ôi, đấng Chiến Thắng, bậc Có Lòng Bi Mẫn Tế độ Chúng Sanh.

23. Ngài là vị thầy, là ngọn cờ, là biểu hiện, là trụ cột của chúng sanh, là nơi chốn nâng đỡ, là ngọn đèn, [là hòn đảo],[4] là bậc Tối Thượng Của Loài Hai Chân."

24. [Với vẻ] hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, chư thiên có đại thần lực thuộc mười ngàn thế giới vây quanh lại tỏ sự tôn kính.

25. Với tâm tư hớn hở tín thành, các thiên nhân và các tiên nữ cúng dường những bông hoa ngũ sắc đến bậc Nhân Ngưu.

26. [Được] tín thành, có tâm tư hớn hở, hội chúng chư thiên chiêm ngưỡng vị ấy và cúng dường những bông hoa ngũ sắc đến bậc Nhân Ngưu [tán thán rằng]:

27. "Ôi, thật là điều kỳ diệu, phi thường, khiến lông dựng đứng ở trên thế gian! Điều kỳ diệu khiến lông dựng đứng giống như việc này trước đây chưa từng xảy ra!"

28. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ở trên bầu trời, các thiên nhân ấy đã ngồi xuống ở cung điện của chính mỗi một vị và nở nụ cười vang.

29. Các vị ngự ở không trung và ngự ở trên đất liền, các vị ngự ở các ngọn cỏ và đường đi chắp tay lên nghiêng mình kính lễ [với vẻ] hớn hở, mừng rỡ, vui sướng.

30. Ngay cả các loài rồng trường thọ có phước báu và đại thần lực cũng vui sướng lễ bái và cúng dường đến bậc Tối Thượng Nhân.

31. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ở trên bầu trời, các vị xướng lên những bài đồng ca ở khoảng không gian trên bầu trời và trình tấu những chiếc trống da.

32. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ở trên bầu trời, nhiều vị cũng đã biểu diễn các tù và vỏ ốc, có các phèng la nữa, và luôn cả những chiếc trống con ở trên không trung [tán thán rằng]:

33. "Quả nhiên, điều phi thường khiến lông dựng đứng đã sanh khởi đến chúng ta ngày hôm nay. Chúng ta đạt được sự thành tựu lợi ích bền vững. Thời điểm của chúng ta đã đến rồi."

34. Khi nghe rằng: "Đức Phật", niềm phỉ lạc đã tức thời sanh khởi đến các vị ấy. Họ đã đứng yên, chắp tay, thốt lên rằng: "Đức Phật! Đức Phật!"

35. Và ở trên không trung, nhiều hạng chúng sanh chắp tay, thốt lên lời tán thán, ca ngợi, cổ vũ, reo hò.

36. Các vị ca hát, hò hét, tấu nhạc, vỗ tay và nhảy múa. Hơn nữa, các vị còn

[4] *Chú giải* ghi nghĩa của *dīpa* theo cả hai cách: Ngọn đèn và hòn đảo (*BvsA*. 38).

rắc xuống bông hoa ngũ sắc, bông hoa Mạn-đà-la được trộn lẫn với bột phấn gỗ đàn hương [tán dương rằng]:

37. "Hỡi đấng Đại Hùng, giống như dấu hiệu bánh xe ở hai bàn chân của Ngài là được tô điểm với ngọn cờ, lưỡi tầm sét, huy hiệu, hộp bột phấn và gậy móc câu.

38. Không có ai tương đương về dáng vóc, về giới, về định, về tuệ. Ngài tương đương với các bậc không thể sánh bằng về sự giải thoát và về việc chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

39. Sức mạnh tự nhiên trong cơ thể của Ngài là sức mạnh của mười con voi. Không ai sánh bằng Ngài về năng lực thần thông trong việc chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

40. Các vị hãy kính lễ bậc Đại Hiền Triết, đấng Từ Bi, vị Chúa Tể Thế Gian đã được thành tựu tất cả các đức hạnh và đã đạt được toàn bộ các yếu tố như thế ấy.

41. Ngài xứng đáng tất cả các sự tôn kính, ca tụng, đảnh lễ, tán dương, lễ bái và cúng dường.

42. Bạch đấng Đại Hùng, bất cứ những ai nên được đảnh lễ, những ai xứng đáng sự đảnh lễ ở trên thế gian, Ngài là vị đứng đầu tất cả. Người bằng Ngài không có."

43. Vị Sāriputta có đại trí tuệ, thông thạo về định và thiền, chiêm ngưỡng đấng Lãnh Đạo Thế Gian dầu đang đứng ở Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).[5]

44. Vị ấy nhìn thấy đấng Nhân Ngưu trông giống như cây sāla chúa nở hoa đều khắp, tương tợ như mặt trăng ở trên bầu trời, y như là mặt trời lúc chính ngọ.

45. Vị ấy nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Sáng Suốt rực rỡ ánh sáng hào quang trông giống như cây trụ đèn đang cháy rực, tương tợ như mặt trời hừng đông đã ló dạng.

46. Sāriputta đã tức thời tựu hội lại năm trăm vị Tỳ-khưu là những vị có các lậu hoặc đã tận, không còn ô nhiễm, có các phận sự đã được hoàn thành như thế ấy [nói rằng]:

47. "Đức Phật đã làm hiện rõ điều kỳ diệu tên là 'Sự phô bày thế giới'. Chúng ta cũng sẽ đi đến nơi ấy và chúng ta sẽ đảnh lễ đấng Chiến Thắng.

48. Hãy đến, tất cả chúng ta sẽ đi. Chúng ta sẽ hỏi đấng Chiến Thắng. Chúng ta sẽ xua tan mối hoài nghi sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian."

49. Sau khi đáp lại rằng: "Lành thay!", các vị thông thái ấy, có các căn được hộ trì, đã cầm lấy y và bình bát rồi mau chóng đi đến.

50. Cùng với các vị Lậu tận đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, không còn ô nhiễm, bậc Đại Trí tuệ Sāriputta đã đi đến bằng thần thông.

---

[5] Ngài Sāriputta nhìn thấy đức Phật đang thị hiện thần thông ở Sāvatthi (khoảng cách giữa hai địa điểm ước lượng khoảng 650 ki-lô-mét).

51. Được tháp tùng bởi các vị Tỳ-khưu ấy, vị có hội chúng đông Sāriputta đã đi đến bằng thần thông, trông như vị thiên nhân đang chói sáng ở trên không trung.

52. Sau khi ngăn lại tiếng tằng hắng và sự khịt mũi, các vị có đức hạnh đã tiến đến gần bậc Toàn Giác với sự kính cẩn, thận trọng.

53. Sau khi đến gần, các vị nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tự Mình Chứng Ngộ, vị Sáng Suốt, đã ngự lên ở trên không trung trông tợ như mặt trăng ở trên bầu trời.

54. Các vị nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tương tợ như là cây trụ đèn đang cháy rực, như là tia chớp ở trên không trung, như là mặt trời lúc chính ngọ.

55. Toàn bộ năm trăm vị Tỳ-khưu nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian giống như là hồ nước sâu thẳm không bị chao động, như là đóa hoa sen đang nở rộ.

56. Hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, các vị đã chắp tay lên và trong lúc kính lễ các vị quỳ xuống ở dấu hiệu bánh xe [nơi bàn chân] của bậc Đạo Sư.

57. Vị có đại trí tuệ Sāriputta, thiện xảo về định và thiền, được xem như tương đương với loài hoa Koraṇḍa, đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

58. Vị có đại thần lực Moggallāna, vang động như là đám mây đen, được xem như tương đương với đóa sen xanh, là không ai sánh bằng về năng lực thần thông.

59. Còn vị Trưởng lão Mahākassapa tương tợ vàng tinh luyện, được công nhận là vị đứng đầu trong đức hạnh Đầu-đà, được [chư thiên và nhân loại] tán dương, đã được bậc Đạo Sư khen ngợi.

60. Đứng đầu trong số các vị có Thiên nhãn là Anuruddha, có đồ chúng đông đảo, hạng nhất trong hàng quyến thuộc của đức Thế Tôn, đang đứng không xa.

61. Upāli là vị rành rẽ về sự phạm tội, về sự không phạm tội, về việc sám hối tội, được công nhận là vị đứng đầu về Luật, đã được bậc Đạo Sư khen ngợi.

62. Vị ẩn sĩ con trai của bà Mantānī, phân tích ý nghĩa vi tế và bén nhạy, đứng đầu các vị Pháp sư, có đồ chúng, được nổi tiếng với tên là Puṇṇa.[6]

63. Biết được tâm của các vị ấy, đấng Mâu-ni là vị Thiện Xảo Về Sự So Sánh, là đấng Đại Hùng, là vị Dứt Trừ Sự Nghi Hoặc, đã thuyết giảng về đức hạnh của bản thân:

64. "Có bốn điều không thể tính đếm được và không biết được điểm tận cùng của các điều ấy: Tập hợp các chúng sanh, bầu không gian, các cõi thế giới vô biên, trí tuệ vô lượng của chư Phật; những điều này là không thể biết rõ.

65. Có phải sự biến hóa thần thông của Ta là điều kỳ diệu ở thế gian? Còn có nhiều sự việc khác nữa là kỳ diệu, phi thường, khiến lông dựng đứng.

---

[6] Puṇṇa Mantāniputta, con trai nữ Bà-la-môn Mantānī (*BvsA*. 51), là vị đệ nhất về thuyết pháp (xem *M.* I. 145, *Kinh Trạm xe* (*Rathavinītasuttaṃ*), số 24).

66. Vào lúc Ta ở tại cung trời Đẩu-suất, khi ấy Ta có tên là Santusita. Các vị thuộc mười ngàn thế giới đã tụ hội lại chắp tay thỉnh cầu Ta rằng:

67. 'Hỡi bậc Đại Hùng, giờ là thời điểm của Ngài. Hãy sanh vào bụng mẹ. Trong khi giúp cho thế gian luôn cả chư thiên vượt qua, Ngài sẽ giác ngộ đạo lộ bất tử.'

68. Lúc Ta hạ sanh vào bụng [mẹ] sau khi đã mạng chung từ cõi trời Đẩu-suất, khi ấy mười ngàn thế giới và quả đất rúng động.

69. Khi Ta rời khỏi bụng mẹ với sự giác tỉnh, mười ngàn thế giới đã rúng động, thốt lên tiếng: 'Lành thay!'

70. Không gì sánh bằng việc nhập thai của Ta. Từ việc sanh ra, trong việc ra đi cao cả, trong việc tự mình giác ngộ, và trong việc chuyển vận bánh xe Chánh pháp, Ta là vị đứng đầu."

71. [Chư thiên đã thốt lên rằng:] "Ôi, tính chất vĩ đại về đức hạnh của chư Phật là điều kỳ diệu ở trên đời!" Khi ấy, mười ngàn thế giới đã rúng động sáu cách.[7] Và có ánh sáng vĩ đại đã xuất hiện. Là điều phi thường khiến lông dựng đứng!

72. Và vào khoảng thời gian ấy, trong lúc hiện ra cho thế gian luôn cả chư thiên chiêm ngưỡng, đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng đã đi kinh hành bằng thần thông.

73. Ngay trong lúc đang đi kinh hành ở đường kinh hành, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã thuyết giảng. Như thế [đang đi] ở trên con đường kinh hành [có chiều dài] bốn cánh tay, Ngài không quay ngược trở lại [khi đang] ở vào khoảng giữa [con đường].[8]

74. Sāriputta là vị có đại trí tuệ, thiện xảo về định và thiền, đã đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ, hỏi bậc Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

75. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Nhân Ngưu, lời phát nguyện của Ngài là như thế nào? Bạch đấng Sáng Suốt, sự giác ngộ tối thượng đã được Ngài mong mỏi vào thời gian nào?

76. Bố thí, [trì] giới, xuất ly, trí tuệ, tinh tấn là như thế nào? Nhẫn nại, chân thật, quyết định, từ ái, hành xả là như thế nào?

77. Bạch đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sáng Suốt, theo Ngài mười pháp toàn hảo là như thế nào? Thế nào là pháp toàn hảo bậc trên được tròn đủ? Thế nào là pháp toàn hảo bậc tối thượng?"

78. Được vị ấy hỏi, Ngài đã trả lời với giọng nói ngọt ngào [như giọng hót] của loài chim Karavīka [Ca-lăng-tần-già] làm mát mẻ con tim, làm hoan hỷ thế gian luôn cả chư thiên.

---

[7] Sáu cách là: Trái đất ở trong mười ngàn thế giới đã nghiêng từ Đông sang Tây, từ Tây sang Đông, từ Bắc qua Nam, từ Nam qua Bắc, từ trung tâm ra bên ngoài, từ bên ngoài vào trung tâm (*BvsA*. 56).

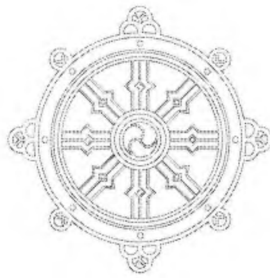
[8] Con đường kinh hành này nối dài từ thế giới ở phía Đông sang đến thế giới ở phía Tây. Và đức Phật đã đi kinh hành từ đầu đường phía bên này sang đến điểm cuối con đường ở phía bên kia chứ không quay ngược trở lại lúc đang đi ở vào khoảng giữa (*BvsA*. 57).

79. Bằng trí tuệ hướng về các kiếp sống trước đây, Ngài đã giảng giải về pháp đã được chư Phật quá khứ là các đấng Chiến Thắng thuyết giảng, về lịch sử đã được truyền thừa theo tuần tự chư Phật, là điều lợi ích cho thế gian luôn cả chư thiên.

80. [Đức Phật đã nói rằng:] "[Lịch sử ấy] là điều làm sanh lên niềm hoan hỷ vui mừng, là sự nhổ lên mũi tên sầu muộn, là việc thành tựu tất cả các sự chứng đạt, các ngươi hãy chú tâm lắng nghe Ta.

81. [Lịch sử ấy] là điều làm tiêu tan các sự đắm say, là sự xua đi các nỗi buồn rầu, là việc hoàn toàn thoát khỏi luân hồi, là đạo lộ tiêu diệt tất cả khổ đau, các ngươi hãy nghiêm trang theo dõi."

Dứt chương "Con đường kinh hành bằng châu báu."



PHẦN NÓI VỀ SUMEDHA
(*SUMEDHAKATHĀ*)

1. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp,[9] có thành phố tên Amara là đáng nhìn, xinh xắn.

2. [Thành phố này] dồi dào thức ăn nước uống và nhộn nhịp với mười loại âm thanh như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng trống, tiếng tù và vỏ ốc, tiếng xe cộ, và còn được giới thiệu về thức ăn nước uống: "Xin hãy nhai, xin hãy uống."

3. Thành phố được đầy đủ về mọi yếu tố và thành tựu tất cả hoạt động về nghề nghiệp, có đầy đủ bảy loại châu báu, đông đảo với đủ hạng người, thịnh vượng tợ như thành phố của chư thiên, là nơi cư ngụ của những người có được thiện nghiệp.

---

[9] Bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp (*kappe ca satasahasse ca caturo ca asaṅkhiye*): Về định nghĩa của từ a-tăng-kỳ (*asaṅkheyya*), đa số các tài liệu giải thích đều cho trích dẫn ở *Aṅguttaranikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*): "Này các Tỳ-kheo, có bốn vô lượng của kiếp (*kappassa asaṅkheyyāni*) này. Thế nào là bốn? 1/- Khi kiếp chuyển thành, này các Tỳ-kheo, thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy, có nhiều trăm ngàn năm như vậy. 2/- Khi kiếp đã chuyển thành và dừng lại, này các Tỳ-kheo, thật không dễ gì ước tính như vậy. 3/- Khi kiếp chuyển hoại, này các Tỳ-kheo, thật không dễ gì ước tính có nhiều năm như vậy... như vậy. 4/- Khi kiếp đã chuyển hoại và dừng lại, này các Tỳ-kheo, thật không dễ gì ước tính... như vậy. Này các Tỳ-kheo, có bốn vô lượng của kiếp này" (*A*. II. 142).

Theo định nghĩa này, *asaṅkheyya* (a-tăngkỳ) là một đơn vị đo thời gian và bốn *asaṅkheyya* (a-tăng-kỳ) thành, trụ, hoại, không sẽ tạo thành một *kappa* (kiếp). Theo ngữ cảnh của *Buddhavaṃsa*, định nghĩa *asaṅkheyya* (a-tăng-kỳ) như trên xem không được thích hợp lắm. Trong ngữ cảnh này, bản thân chúng tôi nghĩ rằng *asaṅkheyya* có thể là con số đếm theo nghĩa đơn thuần của *asaṅkheyya* là một con số rất lớn không thể đếm được. (*Concise Pāli-English Dictionary* của Ngài A. P. Buddhadatta ghi là "không thể đếm được, là con số đếm lớn nhất được ghi với 141 con số không" (tr. 37)). Và lời giải thích chúng tôi tìm thấy không phải ở *BvsA*. mà ở *CpA*. Với lời giải thích của Chú giải sư Dhammapāla: "Ở đây, *asaṅkheyya* là không có khả năng để đếm, không thể tính đếm được, có ý nghĩa là vượt quá sự tính đếm." Ngài Dhammapāla còn giải thích rõ thêm: "Ý nghĩa ở đây là bốn lần không thể đếm được (bốn a-tăng-kỳ) của các đại kiếp cộng thêm một trăm ngàn đại kiếp" (tr. 12). Như vậy, "bốn a-tăng-kỳ cộng thêm một trăm ngàn" là một con số có giá trị vô cùng lớn.

Kiếp (*kappa*) là đơn vị tính thời gian, là đại kiếp (*mahākappa*), không phải kiếp của tuổi thọ (*āyukappa*) (*BvsA*. 65). Như thế, thời gian kéo dài của một kiếp sẽ là bao lâu? Chú giải sư Dhammapāla trích dẫn lời đức Phật giải thích cho các Tỳ-khưu rằng: "Một kiếp (*kappa*) là không thể tính chừng ấy năm, hoặc chừng ấy trăm năm, hoặc chừng ấy ngàn năm, hoặc chừng ấy trăm ngàn năm (*CpA*. 11). Trong *Samyuttanikāya*, đức Phật đã cho ví dụ khi giải thích vấn đề này: "Ví như, này Tỳ-kheo, có một hòn núi đá lớn, một do-tuần bề dài, một do-tuần bề rộng, một do-tuần bề cao, không có khe hở, không có lỗ hổng, một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến, cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ấy một lần với tấm vải kāsi. Này Tỳ-kheo, hòn núi đá lớn ấy được làm như vậy có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp." Hoặc "Ví như, này Tỳ-kheo, có một thành bằng sắt, dài một do-tuần, rộng một do-tuần, cao một do-tuần, chứa đầy hột cải cao như chóp khăn đầu. Một người từ nơi chỗ ấy, sau mỗi trăm năm lấy ra một hột cải. Này Tỳ-kheo, đống hột cải ấy được làm như vậy, có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp" (*S*. II. 181-82). Như vậy, khoảng thời gian kéo dài chỉ riêng của một kiếp thôi cũng đã vượt quá khả năng suy nghĩ của con người.

4. Vị Bà-la-môn tên Sumedha ở thành phố Amaravatī là có được nhiều *koṭi* tiền tích lũy, có dồi dào về tài sản và lúa gạo.

5. Là vị chuyên về phúng tụng, nắm vững chú thuật, thông thạo ba bộ Vệ-đà, đã đạt đến sự toàn hảo về khoa tướng số, về truyền thuyết và về phận sự chánh yếu.

6. Khi ấy, sau khi ngồi xuống ở nơi thanh vắng Ta đã suy nghĩ như vầy: "Sự tái sanh, sự tiêu hoại của xác thân là khổ. Sự mê mờ, sự chết, sự đày đọa của sự già là khổ.

7. Và trong khi luôn có trạng thái sanh, trạng thái già, trạng thái bệnh hoạn, Ta sẽ tầm cầu sự không già, sự không chết, sự an ổn, Niết-bàn.

8. Hay là Ta nên từ bỏ tấm thân hôi thối chất chứa đầy các loại chất phế thải này và trở thành người không vướng bận, không mong cầu?

9. Đạo lộ ấy là có và sẽ xuất hiện. Đạo lộ ấy không thể không có gốc gác. Ta sẽ tầm cầu đạo lộ ấy để hoàn toàn giải thoát khỏi hữu.

10. Cũng giống như khi khổ đau được tìm thấy thì điều gọi là an lạc cũng được tìm thấy, tương tợ như thế khi hữu được tìm thấy thì phi hữu cũng là điều nên được mong mỏi.

11. Cũng giống như khi sự nóng được tìm thấy thì điều khác là sự lạnh cũng được tìm thấy, tương tợ như thế khi ba loại lửa [tham, sân, si] được tìm thấy thì Niết-bàn cũng là điều nên được mong mỏi.

12. Cũng giống như khi điều ác được tìm thấy thì điều thiện cũng được tìm thấy, tương tợ y như thế khi sanh được tìm thấy thì vô sanh cũng là điều nên được mong mỏi.

13. Giống như người bị dính phẩn nhìn thấy hồ nước đầy mà không tìm đến hồ nước ấy thì việc sai trái ấy không phải là của hồ nước.

14. Tương tợ như vậy, khi hồ nước bất tử được tìm thấy cho việc gột rửa bợn nhơ phiền não, người không tìm đến hồ nước ấy thì điều sai trái không phải là của hồ nước bất tử.

15. Giống như người bị vây hãm xung quanh bởi những kẻ đối nghịch, khi con đường thoát ra được tìm thấy, người ấy không tẩu thoát thì việc sai trái ấy không phải là của con đường.

16. Tương tợ như vậy, người bị vây hãm toàn diện bởi phiền não, khi đạo lộ Thánh thiện được tìm thấy, người không chịu tìm đến đạo lộ ấy thì điều sai trái không phải là của đạo lộ Thánh thiện.

17. Cũng giống như người bị bệnh, khi vị thầy thuốc được tìm thấy, người không để cho [vị thầy thuốc] chữa trị căn bệnh ấy thì việc sai trái ấy không phải là của vị thầy thuốc.

18. Tương tợ như vậy, người bị khổ đau, bị hành hạ toàn diện bởi những căn bệnh phiền não [nhưng] không chịu tìm đến vị thầy thì điều sai trái ấy không phải là của vị thầy hướng dẫn.

19. Cũng giống như người sau khi rũ bỏ thây chết ghê tởm vướng ở cổ có thể đạt đến an lạc, sống tự tại, theo ý muốn.

20. Tương tợ y như thế, sau khi từ bỏ tấm thân hôi thối tập hợp đủ loại chất phế thải này, Ta có thể trở thành người không vướng bận, không mong cầu.

21. Giống như những người nam hoặc nữ sau khi thải bỏ phẩn ở nhà tiêu rồi ra đi không vướng bận, không mong cầu.

22. Tương tợ y như thế, sau khi từ bỏ tấm thân được chất chứa đủ loại phế thải này, Ta sẽ ra đi giống như người sau khi đã đi tiêu thì [rời khỏi] nhà xí.

23. Cũng giống như những chủ nhân sau khi quăng bỏ con thuyền cũ kỹ, rã rời, có sự rò rỉ nước thì ra đi không còn vướng bận, không mong cầu.

24. Tương tợ y như thế, sau khi từ bỏ tấm thân có chín khiếu thường xuyên tiết ra chất dơ này, Ta sẽ ra đi giống như những chủ nhân quăng bỏ con thuyền đã bị vỡ tan.

25. Giống như người mang theo hàng hóa đi cùng bọn trộm cướp, sau khi nhận thấy nỗi lo sợ bởi việc cướp giật hàng hóa, liền tách biệt ra đi.

26. Tương tợ y như thế, thân này được ví tương đương với kẻ cướp lớn, Ta sẽ chối bỏ thân này và ra đi, thoát khỏi nỗi sợ hãi về việc bị cướp đoạt thiện pháp."

27. Sau khi suy nghĩ như thế, Ta đã bố thí của cải hàng trăm *koṭi*[10] đến những người có nơi nương tựa lẫn những người không nơi nương tựa rồi đã đi đến Hy-mã-lạp sơn.

28. Ở không xa Hy-mã-lạp sơn, có ngọn núi tên Dhammaka là khu ẩn cư khéo được tạo lập dành cho Ta có ngôi nhà lá khéo được xây dựng.[11]

29. Nơi ấy Ta đã tạo ra đường kinh hành không phạm vào năm điều sai trái.[12] Ta đã đạt được năng lực của thắng trí hội đủ tám đức tính.[13]

30. Ở nơi ấy Ta đã quăng bỏ tấm vải choàng liên quan đến chín điều sai trái.[14] Ta đã mặc y phục vỏ cây có được mười hai đức tính.[15]

---

[10] 1 *koṭi* = 10 triệu, 100 *koṭi* = 1 tỷ, hàng trăm *koṭi* = nhiều tỷ.

[11] Do Thiên tử Vissakamma thực hiện theo lệnh của Chúa trời Sakka (*BvsA*. 75).

[12] Năm điều sai trái của đường kinh hành là: Cứng không bằng phẳng, cây mọc ở bên trong, lợp dày, quá chật hẹp, quá rộng. Đường kinh hành nên dài 60 *ratana*, rộng 1.5 *ratana* (15 mét và 37.5 cm) (*BvsA*. 75-6).

[13] Tám đức tính của thắng trí là: Tâm được định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không bợn nhơ, dứt khỏi tùy phiền não, trạng thái nhu nhuyến thích hợp cho hành động, vững vàng, bất động (*BvsA*. 76).

[14] Chín điều sai trái của việc sử dụng tấm vải choàng là: Có giá trị, trạng thái phụ thuộc vào người khác, mau dơ khi sử dụng và khi bị dơ phải giặt rồi nhuộm màu lại, trạng thái sờn cũ do sử dụng và khi bị sờn cũ phải mạng vá lại, khó đạt được khi tầm cầu, không thích hợp cho vị xuất gia làm ẩn sĩ, được phổ biến đối với các kẻ thù nghịch và phải lo gìn giữ để khỏi bị trộm cắp, là đồ trang sức khi mặc vào, có dục vọng lớn lao khi mặc đi đường (*BvsA*. 76).

[15] Mười hai đức tính của việc mặc y phục vỏ cây là: Có giá trị thấp, không phụ thuộc vào người khác, có thể tự tay làm lấy, khi bị sờn cũ do sử dụng không cần phải may vá, không phải sợ trộm cắp, dễ dàng thực hiện khi có nhu cầu, thích hợp cho vị xuất gia làm ẩn sĩ, không được xem là vật trang sức, có ước muốn nhỏ nhoi về y phục, trạng thái thoải mái lúc sử dụng, vỏ cây đạt được dễ dàng, trạng thái thản nhiên khi y phục vỏ cây bị mất (*BvsA*. 76-7).

31. Ta đã từ bỏ ngôi nhà lá dính líu tám điều sai trái.[16] Ta đi đến ngụ ở gốc cây có được mười đức tính.[17]

32. Ta đã hoàn toàn từ bỏ mễ cốc đã được gieo, đã được trồng. Ta đã thọ dụng trái cây rơi rụng được hội đủ vô số đức tính.

33. Tại nơi ấy Ta đã ra sức nỗ lực trong việc ngồi, đứng, đi kinh hành. Ta đã đạt được năng lực của thắng trí trong thời gian bảy ngày.

34. Như thế, khi Ta đạt được sự thành tựu [năm thắng trí, ngũ thông] và trở nên tự tại trong pháp tu tập [của đạo sĩ] thì đấng Chiến Thắng tên Dīpaṅkara, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đã hiện khởi.

35. Đắm chìm trong sự thỏa thích của thiền, Ta đã không chứng kiến bốn điều báo hiệu về sự nhập thai, đản sanh, giác ngộ và thuyết giảng giáo pháp.

36. [Những người dân] ở khu vực biên địa, sau khi thỉnh mời đức Như Lai, đã dọn sạch sẽ con đường ngự đến của Ngài với tâm trí hớn hở.

37. Vào lúc bấy giờ, sau khi rời khỏi khu ẩn cư của bản thân, Ta khi ấy, vừa đi ở trên không trung vừa chỉnh lại bộ y phục bằng vỏ cây.

38. Nhìn thấy dân chúng tràn ngập niềm phấn khởi, hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, Ta đã từ không trung đáp xuống rồi lập tức hỏi mọi người rằng:

39. "Đông đảo dân chúng được hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, tràn ngập niềm phấn khởi. Đạo lộ, con đường, lối đi, ngõ vào được dọn sạch sẽ cho ai vậy?"

40. Được Ta hỏi, họ đã đáp rằng: "Đức Phật, bậc Tối Thượng Ở Thế Gian, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian tên là Dīpaṅkara đã hiện khởi. Đạo lộ, con đường, lối đi, ngõ vào được dọn sạch sẽ cho vị ấy."

41. Khi nghe rằng: "Đức Phật", pháp hỷ đã sanh khởi đến Ta ngay lập tức. Ta đã bày tỏ tâm hoan hỷ, thốt lên rằng: "Đức Phật! Đức Phật!"

42. Đứng tại nơi ấy, với tâm trí phấn chấn, hớn hở, Ta đã suy nghĩ: "Ta sẽ gieo các nhân lành ở nơi đây [đức Phật]. Đương nhiên chớ để thời khắc trôi đi", [rồi nói rằng]:

43. "Nếu các người dọn sạch sẽ vì đức Phật, xin các người hãy nhường cho tôi một khu vực. Tôi cũng sẽ dọn sạch sẽ con đường, lối đi, ngõ vào."

---

[16] Tám điều sai trái của việc cư ngụ ở ngôi nhà là: Thành tựu do nhiều công sức, việc thường xuyên quan tâm đến, cỏ, lá, đất sét, v.v..., thức giấc vào ban đêm nghĩ rằng: "Chỗ ngụ bị cũ kỹ" khiến tâm không định, cơ thể yếu đuối vì được ngăn cách với thời tiết nóng lạnh, nguyên nhân của việc che giấu điều bị chê trách (vì nghĩ rằng): "Đi vào nhà rồi có thể làm bất cứ điều gì xấu xa", việc gìn giữ của cải (nghĩ rằng): "Cái này là của ta", có người cùng sống chung trong nhà, có nhiều sự chung đụng với các loài rận rệp, bọ chét, thằn lằn, v.v... (*BvsA.* 77).

[17] Mười đức tính của việc ngụ ở cội cây là: Ít bị bận rộn, (nghĩ rằng): "Chỉ việc đi đến rồi cư ngụ", không phạm tội lỗi do dễ dàng đạt được, thường xuyên sanh khởi sự nghĩ tưởng về vô thường khi nhìn sự biến đổi hình thức của lá cây, không bỏn xẻn về chỗ ngụ, không thuận tiện làm việc xấu xa (nghĩ rằng): "Bị xấu hổ trong khi làm điều xấu xa ở nơi ấy", không phải gìn giữ, sống chung với chư thiên, việc từ bỏ mái che, an lạc trong việc thọ dụng, không lo lắng khi đi đến mọi nơi vì việc dễ dàng có được chỗ ngụ ở gốc cây (*BvsA.* 77).

44. Rồi họ đã nhường cho Ta dọn sạch sẽ con đường ở một khu vực. Khi ấy, Ta làm sạch sẽ con đường trong lúc nghĩ tưởng đến "Đức Phật! Đức Phật!"

45. Khi khu vực của Ta còn chưa hoàn tất, bậc Đại Hiền Triết, đấng Chiến Thắng Dīpaṅkara, cùng với bốn trăm ngàn vị Lậu tận, không còn ô nhiễm, có sáu thắng trí (lục thông) như thế ấy đã bước lên con đường.

46. Nhiều người di chuyển từ phía đối diện, họ vỗ kêu những chiếc trống. Chư thiên và nhân loại vui mừng đã thốt lên tiếng: "Lành thay!"

47. Chư thiên ngắm nhìn loài người và loài người cũng nhìn ngắm chư thiên. Cả hai nhóm ấy cũng đã chắp tay lên đi theo sau đức Như Lai.

48. Chư thiên với nhạc khí cõi trời, loài người với nhạc khí của nhân gian, cả hai nhóm ấy vừa trình tấu vừa đi theo sau đức Như Lai.

49. Chư thiên di chuyển trên bầu trời ở trong không gian rải rắc hoa Mạn-đà-la, hoa Sen, hoa San Hô của cõi trời xuống hướng này hướng nọ.

50. Loài người di chuyển ở trên bề mặt trái đất ném các bông hoa Chăm-pa, bông hoa Salala, bông hoa Nīpa, bông hoa Nāga, Punnāga và Ketaka tỏa khắp các phương.

51. Tại nơi ấy, sau khi xõa tóc, Ta đã trải ra bộ y phục vỏ cây và da thú ở trên bãi bùn lầy, rồi Ta đã nằm sấp xuống [nói rằng]:

52. "Xin đức Phật hãy bước lên [người] con. Xin Ngài cùng các đệ tử hãy tiến bước. Xin các vị chớ bước đi ở chỗ ấy trong bùn lầy; [việc này] sẽ đem lại sự lợi ích cho con."

53. Khi đang nằm ở trên mặt đất, tư tưởng như vầy đã khởi đến Ta: "[Nếu] mong muốn, Ta có thể thiêu đốt các phiền não của Ta trong ngày hôm nay.

54. Ta có được gì ở đây khi chứng đắc giáo pháp theo phương thức không được tiếng tăm? Ta nên thành tựu quả vị Toàn tri và trở thành đức Phật ở thế gian có cả chư thiên.

55. Ta có được gì khi là người biết được sức mạnh [của bản thân] lại vượt qua chỉ một mình? Ta nên thành tựu quả vị Toàn tri và giúp cho thế gian luôn cả chư thiên vượt qua.

56. Với hành động hướng thượng này của Ta đã được thực hiện đến bậc Tối Thượng Nhân, Ta sẽ thành tựu quả vị Toàn tri và sẽ giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

57. Sau khi cắt đứt dòng chảy luân hồi và phá hủy ba cõi [tái sanh], Ta sẽ ngự lên con thuyền Chánh pháp và sẽ giúp cho thế gian luôn cả chư thiên vượt qua."

58. Sự phát nguyện được thành tựu nhờ vào sự tổng hợp của tám pháp: Bản thân là loài người, thành tựu nam căn, có chủng tử, nhìn thấy bậc Đạo

Sư, là vị xuất gia, hội đủ đức hạnh, có hành động hướng thượng và lòng ước muốn.[18]

59. Đấng Thông Suốt Thế Gian Dīpaṅkara, vị Thọ Nhận Các Vật Cúng Dường đã đứng kề cận đỉnh đầu của Ta và đã nói lời này:

60. "Các ngươi hãy nhìn người đạo sĩ tóc bện có khổ hạnh cao tột này. Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, [người này] sẽ trở thành vị Phật ở thế gian.

61. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

62. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

63. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

64. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.[19]

65. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

66. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh, sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu.

67. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu.

68. [Hai vị] không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

---

[18] Đây là lời giải bày cụ thể về những điều kiện đầu tiên cần phải có của một vị Bồ-tát để đạt được sự chú nguyện (*vyākaraṇa*) về việc chắc chắn được thành tựu quả vị Phật Toàn Giác trong ngày vị lai: Trước hết, vị Bồ-tát phải có sự phát nguyện ban đầu (*abhinīhāra*), và lời phát nguyện ban đầu chỉ có hiệu quả khi nào vị Bồ-tát hội đủ tám điều kiện: 1) Bản thân là loài người; 2) Là người nam thành tựu nam căn; 3) Có chủng tử (có khả năng chứng đắc quả vị A-la-hán trong kiếp sống ấy); 4) Nhìn thấy bậc Đạo Sư (phải sanh vào lúc vị Phật đang còn tại tiền); 5) Là vị xuất gia (sống đời ẩn sĩ); 6) Hội đủ đức hạnh (chứng đắc về thiền và thần thông); 7) Có hành động hướng thượng (đến vị Phật đương thời); 8) Và có lòng ước muốn theo đuổi thực hành hạnh nguyện (Chương I, câu kệ 58). Vị Bồ-tát cần phải thể hiện hành động hướng thượng (*adhikāra*) đến đức Phật đương thời và được vị Phật ấy chú nguyện (I: 59-69). Kế đến, vị Bồ-tát cần quán xét về bản thân (I: 79-80) và các pháp tu tập cần phải thực hành để đạt đến quả vị Phật cao quý (I: 115-165) là: Trong thời gian dài đăng đẳng kế tiếp, trải qua không biết là bao nhiêu kiếp sống trôi nổi luân hồi, vị Bồ-tát cần phải đạt đến sự toàn hảo về mười pháp (10 pháp Ba-la-mật) là: Bố thí, trì giới, xuất ly, trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, quyết định, từ ái và hành xả. Hơn nữa, mức độ của sự thực hành mười pháp này là vị Bồ-tát phải đạt đến sự toàn hảo tối thượng (*paramatthapāramī*) là sẵn sàng hy sinh mạng sống bản thân để hoàn thành pháp toàn hảo ấy.
Từ câu kệ 60-69 là lời chú nguyện của đức Phật Dīpaṅkara cho Bồ-tát Sumedha. Lời chú nguyện này sẽ được 23 vị Phật kế tiếp lặp lại để chú nguyện cho vị Bồ-tát tiền thân của đức Phật Gotama.

[19] Các vị Phật đã giác ngộ ở tại gốc cây nào, giống cây ấy được gọi là cây Bồ-đề (*bodhirukkha*), nghĩa là cây của sự giác ngộ (Bồ-đề là từ dịch âm của *bodhi* có nghĩa là trí giác ngộ). Như vậy, nên hiểu rằng tên gọi cây Bồ-đề là tên gọi chung, còn mỗi cội cây Bồ-đề của từng vị Phật đều có tên gọi riêng. Ví dụ đức Phật Thích-ca đã chứng ngộ Phật quả ở dưới cội cây có tên là Assattha, đức Phật Dīpaṅkara là cội cây tên Pipphalī, đức Phật Koṇḍañña là cội cây Sāla, v.v...

69. Citta và Haṭṭhāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."[20]

70. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

71. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

72. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

73. Giống như những người băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

74. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

75. Đấng Thông Suốt Thế Gian Dīpaṅkara, vị Thọ Nhận Các Vật Cúng Dường đã công bố về hành động của Ta rồi đã đi nhiễu quanh Ta.[21]

76. Các vị Thích tử hiện diện ở tại nơi ấy đã đi nhiễu quanh [Ta]. Chư thiên, nhân loại và các a-tu-la đã đảnh lễ [Ta] rồi ra đi.

77. Khi vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng hội chúng đã đi khỏi tầm nhìn của Ta, khi ấy Ta đã từ chỗ nằm vươn dậy rồi xếp vào thế kiết-già.

78. Khi ấy, Ta được an lạc với sự an lạc, được vui sướng với sự vui sướng, và trong khi được tràn ngập với pháp hỷ, Ta đã xếp vào tư thế kiết-già.

79. Sau khi ngồi xuống với tư thế kiết-già, khi ấy Ta đã suy nghĩ như vầy: "Được tự tại trong pháp thiền, Ta đã đạt đến sự toàn hảo về thắng trí.

80. Ở trong mười ngàn thế giới, các ẩn sĩ ngang bằng với Ta là không có. Không có vị nào bằng về các phép thần thông. Ta đã đạt được sự an lạc như thế ấy."

81. Với tư thế kiết-già của Ta, cư dân ở mười ngàn thế giới đã phát ra lời nói vang dội rằng: "Chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

82. Trước đây, những điềm báo hiệu nào đã được thể hiện khi các vị Bồ-tát xếp vào tư thế kiết-già cao quý, những điều ấy được thể hiện ngày hôm nay.

83. Sự lạnh lẽo được biến đi và sự nóng nảy được lắng dịu. Những điều ấy được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

84. Mười ngàn thế giới không có tiếng động và không bị chộn rộn. Những điều ấy được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

---

[20] Dịch theo từ sẽ là: "Tuổi thọ của vị Gotama có danh tiếng ấy là 100 năm." Vì tuổi thọ của đức Phật Gotama chỉ là 80 năm nên đã được dịch như trên.

[21] Dịch theo từ sẽ là "rồi đã nâng bàn chân phải lên" thay vì "đã hướng vai phải nhiễu quanh". *Chú giải* đề cập cả hai cách dịch (*BvsA*. 99).

85. Các cơn gió lớn ngừng thổi, các dòng nước ngừng chảy. Những điều ấy được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

86. Các bông hoa mọc ở trên đất và mọc ở trong nước, tất cả lập tức nở hoa. Tất cả những bông hoa ấy cũng được nở ra ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

87. Và nếu là những dây leo hay là những cây cối thì lập tức trở thành trĩu nặng những quả. Tất cả các cây ấy cũng được kết trái ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

88. Ở trên không trung và ở đất liền, các châu báu lập tức rực sáng. Các châu báu ấy cũng rực sáng ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

89. Các loại nhạc cụ của loài người và của cõi trời lập tức tấu nhạc. Cả hai loại nhạc cụ ấy cũng trình tấu ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

90. Những bông hoa các loại đã lập tức rơi xuống từ bầu trời. Chúng cũng được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

91. Đại dương lùi ra xa, mười thế giới rúng động. Cả hai việc ấy cũng ầm ĩ ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

92. Mười ngàn ngọn lửa ở các địa ngục lập tức được dập tắt. Các ngọn lửa ấy cũng được dập tắt ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

93. Mặt trời không bị u ám, tất cả các ngôi sao được nhìn thấy. Các việc ấy cũng được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

94. Dầu không có mưa nhưng nước lập tức được phun lên từ mặt đất. Nước ấy cũng được phun lên từ mặt đất ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

95. Các chòm sao, các vì tinh tú chiếu sáng ở trên vòm trời. Chòm sao Visākhā được liên kết với mặt trăng; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

96. Các loài thú ở hang, các loài thú ở hốc rời khỏi chỗ ngụ của chúng. Chúng cũng chối từ chỗ ngụ ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

97. Không có sự không vui thích ở các chúng sanh, họ lập tức trở nên hớn hở. Tất cả bọn họ cũng hớn hở ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

98. Tật bệnh được giảm thiểu và nạn đói được tiêu trừ. Các điều ấy cũng được thể hiện ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

99. Khi ấy, tham dục trở nên nhỏ nhoi, sân hận si mê được tiêu trừ. Tất cả các điều ấy cũng đã biến mất ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

100. Khi ấy, nỗi sợ hãi không hiện diện. Điều ấy cũng được thể hiện ngày hôm nay. Với hiện tướng ấy, chúng tôi biết được chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

101. Bụi bặm không bốc lên phía bên trên. Điều ấy cũng được thể hiện ngày

hôm nay. Với hiện tướng ấy, chúng tôi biết được chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

102. Mùi khó chịu biến đi. Mùi hương của cõi trời tỏa đến. Hương thơm ấy cũng tỏa ra ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

103. Tất cả chư thiên đều hiện ra ngoại trừ các vị ở cõi vô sắc. Tất cả các vị ấy cũng được nhìn thấy ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

104. Cho đến các nơi gọi là địa ngục, toàn bộ lập tức được nhìn thấy. Tất cả các nơi ấy cũng được nhìn thấy ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

105. Khi ấy, các bức tường thành, các cánh cửa và các tảng đá không còn là các vật chướng ngại. Ngày hôm nay, chúng cũng đều trở thành những khoảng không; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

106. Sự chết và sự tái sanh không xảy ra vào thời khắc ấy. Chúng không được nhìn thấy ngày hôm nay; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật.

107. Hãy nỗ lực tinh tấn một cách bền bỉ. Chớ có quay lui, hãy tiến bước. Chúng tôi cũng biết rõ điều này; chắc chắn Ngài sẽ trở thành đức Phật."

108. Nghe được lời nói của cả hai là của đức Phật và của [chư thiên] mười ngàn thế giới, khi ấy Ta trở nên hớn hở, mừng rỡ, vui sướng và đã suy nghĩ như vầy:

109. "Chư Phật, các đấng Chiến Thắng không có nói hai lời, không có lời nói rồ dại. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị Phật.

110. Giống như cục đất được ném ở khoảng không thì chắc chắn rơi xuống đất, tương tợ y như thế, lời nói của chư Phật là chắc chắn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị Phật.

111. Cũng giống như sự chết của tất cả chúng sanh là chắc chắn và có cơ sở, tương tợ y như thế, lời nói của chư Phật tối thượng là chắc chắn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị Phật.

112. Giống như khi đêm tàn đã đến thì có sự mọc lên của mặt trời là điều chắc chắn, tương tợ y như thế, lời nói của chư Phật tối thượng là chắc chắn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị Phật.

113. Giống như tiếng rống của con sư tử khi rời khỏi chỗ nằm là điều chắc chắn, tương tợ y như thế, lời nói của chư Phật tối thượng là chắc chắn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị Phật.

114. Giống như việc hạ sanh của các sản phụ là điều chắc chắn, tương tợ y như thế, lời nói của chư Phật tối thượng là chắc chắn và có cơ sở. Chư Phật không có sự dối trá, chắc chắn Ta sẽ trở thành vị Phật.

115. Vậy, Ta hãy xem xét các pháp tạo thành quả vị Phật từ nơi này và từ nơi này, ở bên trên [cõi trời], ở bên dưới [cõi nhân loại], và các phương hướng cho đến tận bản thể của các pháp ấy."

116. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ nhất là sự toàn hảo về bố thí (bố thí ba-la-mật), là đạo lộ thênh thang đã được thực hành bởi các vị Đại ẩn sĩ tiền bối.

117. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ nhất này. Ngươi hãy đạt đến sự toàn hảo về bố thí nếu ngươi muốn đạt được quả vị Giác ngộ.

118. Cũng giống như cái chum được chứa đầy đã bị úp ngược lại bởi bất cứ người nào thì tuôn nước ra không còn dư sót, hoàn toàn không giữ lại ở trong đó.

119. Tương tợ y như thế, khi nhìn thấy những người cầu xin dầu hèn, sang, hay trung bình, ngươi hãy cho ra vật thí không chừa lại ví như cái chum đã được úp ngược.

120. Nhưng các pháp tu thành Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ.

121. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ nhì là sự toàn hảo về giới đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

122. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ nhì này. Ngươi hãy đạt đến sự toàn hảo về giới nếu ngươi muốn đạt được giác ngộ.

123. Cũng giống như con bò mộng có cái đuôi bị vướng vào bất cứ vật gì thà chấp nhận cái chết ở tại nơi ấy chứ không làm đứt cái đuôi.

124. Tương tợ y như thế, ngươi hãy làm tròn đủ các giới luật trong bốn lãnh vực,[22] hãy luôn luôn gìn giữ vẹn toàn giới luật giống như là con bò mộng hộ trì cái đuôi vậy.

125. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ.

126. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ ba là sự toàn hảo về xuất ly đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

127. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ ba này. Ngươi hãy đạt đến sự toàn hảo về xuất ly nếu ngươi muốn đạt được quả vị Giác ngộ.

128. Giống như người sống đã lâu ở trong nhà tù, bị hành hạ khổ sở, không khởi lên lòng ái luyến đối với nơi ấy mà tầm cầu chỉ mỗi sự tự do.

129. Tương tợ y như thế, ngươi hãy nhìn tất cả các cõi tái sanh [dục giới, sắc giới, vô sắc giới] như là các nhà tù. Hãy hướng về xuất ly nhắm đến sự hoàn toàn giải thoát khỏi các cõi.

130. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ.

131. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ tư là sự toàn hảo về trí tuệ đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

---

[22] Bốn lãnh vực của giới là: Thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*), thu thúc các giác quan, nuôi mạng thanh tịnh và liên quan đến các vật dụng (*BvsA*. 106).

132. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ tư này. Ngươi hãy đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ nếu ngươi muốn đạt được quả vị Giác ngộ.

133. Cũng giống như vị Tỳ-khưu trong khi đi khất thực không bỏ qua các gia đình dầu hèn, sang, hay trung lưu, và đạt được phương tiện sinh sống như thế ấy.

134. Tương tợ y như thế, trong khi vấn hỏi người có trí tuệ vào mọi thời điểm, ngươi sẽ đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

135. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ.

136. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ năm là sự toàn hảo về tinh tấn đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

137. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ năm này. Ngươi hãy đạt đến sự toàn hảo về tinh tấn nếu ngươi muốn đạt được quả vị Giác ngộ.

138. Cũng giống như con sư tử, vua các loài thú, trong khi ngồi, đứng, đi tới lui, có sự tinh tấn không uể oải và có tâm cảnh giác vào khi ấy.

139. Tương tợ y như thế, ở tại tất cả các cõi tái sanh ngươi hãy nỗ lực sự tinh tấn bền vững, sau khi đạt đến sự toàn hảo về tinh tấn ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

140. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ.

141. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ sáu là sự toàn hảo về nhẫn nại đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

142. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ sáu này. Với tâm trí không chao động ở trong pháp ấy, ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

143. Cũng giống như trái đất chịu đựng tất cả các vật quăng bỏ, cả sạch sẽ lẫn dơ dáy, không tỏ ra bực bội hay thích thú.

144. Tương tợ y như thế, ngươi cũng hãy chấp nhận sự trọng vọng hoặc khinh khi của tất cả, sau khi đạt đến sự toàn hảo về nhẫn nại ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

145. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi quả vị Giác ngộ.

146. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ bảy là sự toàn hảo về chân thật đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

147. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ bảy này. Không có nói hai lời trong pháp này [thì] ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

148. Cũng giống như [ngôi sao] osadhī, có trạng thái cân bằng ở tại thế gian luôn cả các cõi trời, không đi lệch ra ngoài quỹ đạo vào thời điểm trong năm hoặc mùa tiết.

149. Tương tợ y như thế, chớ đi lệch ra khỏi đường lối của các sự thật, sau khi đạt đến sự toàn hảo về chân thật ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

150. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ.

151. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ tám là sự toàn hảo về quyết định đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

152. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ tám này. Sau khi trở nên không còn dao động trong pháp này ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

153. Cũng giống như hòn núi đá bền vững, khéo được kết cấu, đứng yên tại chính vị trí của nó, không rung động vì những cơn gió dữ dội.

154. Tương tợ y như thế, ngươi cũng hãy luôn luôn không chao đảo trong sự quyết định, sau khi đạt được sự toàn hảo về quyết định ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

155. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ.

156. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ chín là sự toàn hảo về từ ái đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

157. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ chín này. Hãy là người không ai sánh bằng về lòng từ ái nếu ngươi muốn đạt được quả vị Giác ngộ.

158. Cũng giống như nước tẩy sạch bụi bặm cáu ghét, và đem lại sự mát mẻ cho những người hiền và những kẻ ác một cách bình đẳng.

159. Tương tợ y như thế, ngươi hãy phát triển tâm từ ái một cách bình đẳng đối với người thân hay kẻ nghịch. Sau khi đạt được sự toàn hảo về từ ái ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

160. Nhưng các pháp tạo thành quả vị Phật sẽ không chỉ có chừng ấy, Ta sẽ xem xét các điều khác nữa cũng là các pháp làm chín muồi sự giác ngộ.

161. Khi ấy, trong lúc xem xét Ta đã nhận ra pháp thứ mười là sự toàn hảo về hành xả đã được các vị Đại ẩn sĩ tiền bối thực hành, gắn bó.

162. Ngươi hãy củng cố và thọ trì cho được pháp thứ mười này. Được cân bằng và trở nên vững chãi, ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

163. Cũng giống như trái đất bình thản đối với vật dơ vật sạch đã được ném xuống, không phạm vào cả hai điều là giận dữ hay ưu đãi ấy.

164. Tương tợ y như thế, ngươi hãy luôn luôn giữ trạng thái cân bằng đối với lạc và khổ, sau khi đạt đến sự toàn hảo về hành xả ngươi sẽ thành tựu quả vị Toàn giác.

165. Các pháp làm chín muồi sự giác ngộ ở thế gian chỉ có chừng ấy, không có pháp nào khác hơn thế nữa. Ngươi hãy thiết lập bền vững trong các pháp ấy.

166. Trong khi Ta đang suy nghiệm các pháp này về bản thể, tính chất và đặc điểm, do oai lực của các pháp quả đất và mười ngàn thế giới đã rúng động.

167. Quả đất lay động gào thét như là máy ép mía bị khuấy rối. Máy ép dầu có bánh xe rung chuyển như thế nào thì trái đất rung động như thế ấy.

168. Cho đến nhóm người ở tại nơi dâng cúng vật thực đến đức Phật, trong lúc run rẩy họ bị choáng váng rồi nằm dài trên mặt đất tại nơi ấy.

169. Hàng ngàn hũ đựng nước và nhiều trăm chiếc lu va chạm lẫn nhau bị vỡ tan, bị nghiền nát ở tại nơi ấy.

170. Với tâm trí lo âu, sợ hãi, hoảng hốt, hồi hộp, bối rối, dân chúng đã tụ hội lại rồi đi đến gặp [đức Phật] Dīpaṅkara [hỏi rằng]:

171. "Điều gì sẽ xảy ra ở thế gian? Là điều tốt hay điều xấu? Toàn bộ thế gian bị khuấy động, xin bậc Hữu Nhãn hãy xua tan điều ấy."

172. Khi ấy, bậc Đại Hiền Triết Dīpaṅkara đã giải thích rõ cho họ rằng: "Hãy yên tâm. Chớ có hoảng hốt về việc động đất này.

173. Người mà hôm nay Ta đã công bố sẽ trở thành vị Phật ở thế gian, người ấy suy nghiệm về pháp đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng thời quá khứ.

174. Trong khi vị ấy đang suy nghiệm về pháp là nền tảng của chư Phật không có thiếu sót, vì thế trái đất này với mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên đã rúng động."

175. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, lập tức tâm [mọi người] được lắng dịu. Tất cả đã đến gần Ta rồi cũng đã đảnh lễ lần nữa.

176. Sau khi đã thọ trì đức hạnh của chư Phật và lập tâm kiên cố, khi ấy Ta đã cúi lạy [đức Phật] Dīpaṅkara và đã từ chỗ ngồi đứng dậy.

177. Với những bông hoa, cả hai hạng chư thiên và nhân loại rải rắc bông hoa của cõi trời và của loài người xuống Sumedha đang từ chỗ ngồi đứng dậy.

178. Và cả hai hạng chư thiên và nhân loại ấy phát biểu lời chúc tốt lành rằng: "Lời phát nguyện của Ngài thật vĩ đại. Mong rằng Ngài sẽ đạt được điều ấy theo như ước muốn.

179. Mong rằng tất cả các điều rủi ro được xa lánh. Mong rằng sầu não, bệnh tật được tiêu trừ. Mong rằng sự nguy hiểm đừng xảy đến cho Ngài. Ngài hãy mau mau đạt đến quả vị Giác ngộ tối thượng.

180. Cũng giống như cây cho hoa nở hoa khi đến mùa, tương tợ y như thế, hỡi đức Phật Anh Hùng, xin Ngài hãy trổ hoa với trí tuệ của vị Phật.

181. Giống như bất cứ những vị nào là Toàn Giác đều đã làm tròn đủ sự toàn hảo của mười pháp, tương tợ y như thế, hỡi đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy làm tròn đủ sự toàn hảo của mười pháp.

182. Giống như bất cứ những vị nào là Toàn Giác đã giác ngộ ở khuôn viên cội Bồ-đề, tương tợ y như thế, hỡi đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy giác ngộ ở cội Bồ-đề của đấng Chiến Thắng.

183. Giống như bất cứ những vị nào là Toàn Giác đã chuyển vận bánh xe

Chánh pháp, tương tợ y như thế, hỡi đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

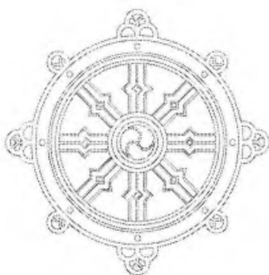
184. Giống như mặt trăng vào ngày rằm là thanh khiết và chiếu sáng, tương tợ y như thế, Ngài đã được vẹn toàn, xin Ngài hãy chiếu sáng mười ngàn thế giới.

185. Giống như mặt trời được thoát khỏi thần Rāhu[23] thì vô cùng rạng rỡ với nguồn năng lượng, tương tợ y như thế sau khi thoát ra khỏi thế gian xin Ngài hãy tỏa sáng với sự vinh quang.

186. Giống như mọi con sông đều chảy xuôi về biển cả, tương tợ như thế các thế gian luôn cả chư thiên xuôi dòng trong sự hiện diện của Ngài."

187. Khi ấy, được họ tán dương và ca ngợi, vị ấy đã thọ trì mười pháp. Và trong khi làm tròn đủ các pháp ấy, vị ấy đã tiến vào khu rừng thẳm.

Dứt phần nói về Sumedha.



[23] Hiện tượng nhật thực được giải thích theo truyền thuyết Ấn Độ là mặt trời bị thần Rāhu nuốt lấy. (ND)

1. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DĪPAṄKARA (*DĪPAṄKARABUDDHAVAṂSO*)

1. Lúc bấy giờ, sau khi đã dâng vật thực đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng [Tỳ-khưu], họ đã đi đến nương nhờ [quy y] bậc Đạo Sư Dīpaṅkara ấy.

2. Đức Như Lai đã an trú người này vào việc đi đến nương nhờ [quy y], người kia vào năm giới, người khác vào mười giới.

3. Ngài ban cho vị này tư cách Sa-môn trong bốn quả vị tối thượng. Ngài ban cho vị kia tuệ phân tích thuộc về các pháp không gì sánh kịp.

4. Đấng Nhân Ngưu ban cho người này tám tầng thiền quý báu, ban tặng cho người kia ba minh, sáu thắng trí (lục thông).

5. Bậc Đại Hiền Triết ấy đã giáo huấn đám đông bằng phương thức ấy. Nhờ vậy, giáo pháp của đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã được phổ biến rộng rãi.

6. Vị có tên Dīpaṅkara, có quai hàm lớn vai rộng, giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua, giúp cho họ hoàn toàn thoát khỏi khổ cảnh.

7. Sau khi nhìn thấy chúng sanh có thể giác ngộ dầu ở cách trăm ngàn do-tuần, bậc Đại Hiền Triết đi đến trong khoảnh khắc và giác ngộ người ấy.

8. Trong sự lãnh hội lần thứ nhất, đức Phật đã giác ngộ một trăm *koṭi* (một tỷ) vị. Trong sự lãnh hội lần thứ nhì, bậc Lãnh Đạo đã giác ngộ chín mươi *koṭi* (chín trăm triệu) vị.

9. Và khi đức Phật thuyết giảng giáo pháp ở tại cung trời, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của chín mươi ngàn *koṭi* (chín trăm tỷ) vị.

10. Bậc Đạo Sư Dīpaṅkara có ba lần tụ hội. Cuộc tụ hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* (một ngàn tỷ, một triệu triệu) vị.

11. Hơn nữa, khi đấng Chiến Thắng sống biệt cư tại đỉnh núi Nārada, một trăm *koṭi* bậc Lậu tận không còn ô nhiễm đã tụ hội lại.

12. Vào thời gian đấng Đại Hùng ngự ở ngọn núi Sudassana, bậc Đại Hiền Triết đã hành lễ *Pavāraṇā*[24] với chín mươi ngàn *koṭi* vị.

13. Vào lúc bấy giờ, Ta là đạo sĩ bện tóc có khổ hạnh cao tột, đi lại ở trên không trung, toàn hảo về năm thắng trí.

---

[24] Lễ *Pavāraṇā* thường được tiến hành vào ngày rằm tháng 9 âm lịch sau khi đã hoàn tất ba tháng an cư mùa mưa. Các vị Tỳ-khưu tụ hội lại và thỉnh cầu hội chúng chỉ dạy về những điều giới luật mà các thành viên của hội chúng đã nhận thấy, nghe được, hoặc có hoài nghi về bản thân vị thỉnh cầu đã vi phạm trong thời gian qua.

14. Đã có sự lãnh hội giáo pháp của mười ngàn, hai mươi ngàn vị. Sự lãnh hội của một hai vị là không kể đến theo cách thức tính toán.

15. Khi ấy, giáo pháp vô cùng thanh tịnh của đức Thế Tôn Dīpaṅkara đã được phát triển, thành công, và phổ biến rộng rãi đến số đông người.

16. Bốn trăm ngàn vị Lục thông có đại thần lực luôn luôn tề tựu xung quanh bậc Thông Suốt Thế Gian Dīpaṅkara.

17. Vào lúc bấy giờ, những ai từ bỏ bản thể nhân loại còn là những bậc Hữu học có tâm trí chưa được thành đạt, những người ấy bị chê trách.

18. Nhờ vào các vị A-la-hán có các lậu hoặc đã tận không còn ô nhiễm như thế ấy, lời tuyên thuyết được khéo léo đơm hoa luôn luôn sáng chói.

19. Thành phố có tên là Rammavatī, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Sudeva, người mẹ của đấng Đạo sư Dīpaṅkara tên là Sumedhā.

20. Đấng Chiến Thắng đã ở giữa gia đình trong mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời gọi tên là Haṃsā, Koñcā và Mayūrā.

21. Có ba trăm ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy [người vợ] tên là Padumā. Con trai tên là Usabhakkhandha.

22. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện voi và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót.

23. Sau khi thực hành hạnh nỗ lực, bậc Hiền Triết đã giác ngộ bằng tâm. Bậc Đại Hiền Triết Dīpaṅkara đã được đấng Phạm thiên thỉnh cầu.

24. Bậc Đại Hùng, đấng Chiến Thắng Oai Lực có bánh xe [Chánh pháp] được chuyển vận tại tu viện Nandā. Ngồi ở gốc cây sirisa, Ngài đã khuất phục hàng ngoại đạo.

25. Sumaṅgala và Tissa đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đạo Sư Dīpaṅkara tên là Sāgata.

26. Nandā và luôn cả Sunandā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Pipphalī".

27. Tapussa và Bhallika đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sirimā và Soṇā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ của bậc Đạo Sư Dīpaṅkara.

28. Cao tám mươi cánh tay,[25] vị Đại Hiền Triết Dīpaṅkara sáng ngời như cây cột đèn, như là cây sāla chúa đã được trổ hoa.

29. Tuổi thọ của vị Đại Ẩn Sĩ ấy là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

30. Ngài đã làm rạng rỡ Chánh pháp và đã giúp cho dân chúng vượt qua. Sau khi rực cháy như là khối lửa, Ngài cùng với các vị Thinh văn đã Niết-bàn.

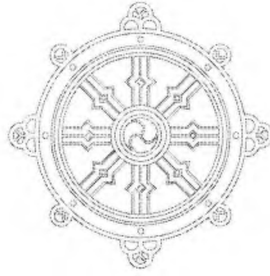
31. Thần thông ấy, danh tiếng ấy và các bánh xe châu báu ấy ở hai bàn chân, tất cả đều hoàn toàn biết mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

---

[25] 80 *hattha* (cánh tay) = 40 mét (1 *hattha* = 0.50 mét). (ND)

32. Đấng Chiến Thắng, bậc Đạo Sư Dīpaṅkara đã Niết-bàn tại tu viện Nandā. Bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy có chiều cao ba mươi sáu do-tuần là ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Dīpaṅkara" là phần thứ nhất.



2. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KOṆḌAÑÑA
(*KOṆḌAÑÑABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Dīpaṅkara, vị Lãnh Đạo tên Koṇḍañña có vinh quang vô tận, danh tiếng vô cùng, không thể đo lường, khó có thể đạt đến.

2. Vị ấy được ví như trái đất về sự kham nhẫn, như biển cả về giới hạnh, như núi Meru về thiền định, như bầu trời về trí tuệ.

3. Vì lợi ích của tất cả chúng sanh, đức Phật luôn luôn giảng giải bài giảng về căn quyền, về lực, về các chi phần đưa đến giác ngộ, về đạo lộ, về chân lý.

4. Trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Koṇḍañña đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

5. Về sau vào lúc khác, trong khi thuyết giảng ở cuộc tụ hội của loài người và chư thiên, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi ngàn *koṭi* vị.

6. Trong khi khuất phục các ngoại đạo, lúc ấy đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp; đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi ngàn *koṭi* vị.

7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Koṇḍañña đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận, không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

8. Cuộc hội tụ thứ nhất gồm có một trăm ngàn *koṭi* vị, thứ nhì gồm có một ngàn *koṭi* vị, thứ ba gồm có chín mươi *koṭi* vị.

9. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-ly tên Vijitāvī. Ta thể hiện quyền thống trị từ đầu này đến đầu kia của biển cả.

10. Ta đã làm hài lòng một trăm ngàn *koṭi* vị Đại ẩn sĩ không còn ô nhiễm cùng với đấng Lãnh Đạo Tối Thắng Của Thế Gian bằng vật thực tuyệt hảo.

11. Đức Phật ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Koṇḍañña cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, [người này] sẽ trở thành vị Phật ở thế gian.

12. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

13. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

14. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

15. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị có danh tiếng vĩ đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

16. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

17. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

18. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

19. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

20. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

21. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

22. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

23. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

24. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

25. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Trong khi làm hoàn mỹ cho chính mục đích ấy,[26] Ta đã dâng lên đấng Chiến Thắng vương quốc rộng lớn. Sau khi từ bỏ vương quốc rộng lớn, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

26. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

27. Trong khi sống không xao lãng trong giáo pháp ấy trong khi ngồi, đứng, đi kinh hành, sau khi làm toàn hảo các thắng trí, Ta đã đi đến thế giới của Phạm thiên.

28. Thành phố có tên là Rammavatī, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Sunanda, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Koṇḍañña tên là Sujātā.

29. Vị ấy đã ở giữa gia đình mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Suci, Suruci và Subha.

30. Có ba trăm ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy [người vợ] tên là Rucidevī. Con trai tên là Vijitasena.

31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện cỗ xe và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót.

---

[26] Là tròn đủ pháp toàn hảo về bố thí nhằm mục đích thành tựu quả vị Phật (*BvsA*. 139).

32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Tối Thượng Nhân, đấng Đại Hùng Koṇḍañña đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở khu rừng lớn của chư thiên.

33. Bhadda và luôn cả Subhadda đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Koṇḍañña tên là Anuruddha.

34. Tissā và Upatissā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của vị Đại Ẩn Sĩ Koṇḍañña là giống cây sāla tốt lành (sāla-kalyāṇika).

35. Soṇa và Upasoṇa đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Nandā và luôn cả Sirimā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

36. Cao tám mươi tám cánh tay (bốn mươi mét), bậc Đại Hiền Triết ấy sáng ngời tợ như mặt trăng,[27] giống như mặt trời lúc chính ngọ.

37. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

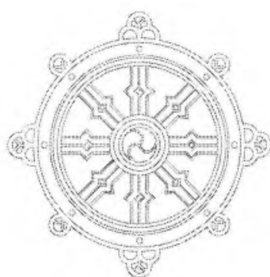
38. Trái đất được điểm tô với những bậc Lậu tận không còn ô nhiễm giống như là bầu trời được tô điểm bởi các vì tinh tú, và vị ấy đã rạng rỡ như thế.

39. Các bậc Long tượng ấy là vô lượng, không bị dao động, khó thể đạt đến. Sau khi thị hiện giống như là tia chớp, các vị có danh tiếng vĩ đại ấy đã Niết-bàn.

40. Thần thông ấy và [thiền] định đã được phát triển toàn diện bằng trí tuệ của đấng Chiến Thắng là vô song, tất cả đều hoàn toàn biết mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

41. Đức Phật Koṇḍañña, bậc Có Niềm Vinh Quang đã Niết-bàn tại tu viện Canda. Ngôi bảo tháp đẹp đẽ [dành cho vị ấy] đã được dựng lên cao bảy do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Koṇḍañña" là phần thứ nhì.



[27] Uḷurāja: Vị vua của các vì tinh tú, tức là mặt trăng. (ND)

3. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT MAṄGALA (*MAṄGALABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Koṇḍañña, vị Lãnh Đạo tên là Maṅgala đã hủy diệt bóng tối ở thế gian và nâng cao ngọn đuốc Chánh pháp.

2. Hào quang của vị ấy là vô song, vượt trội các đấng Chiến Thắng khác, tiêu diệt ánh sáng mặt trăng mặt trời, và rọi sáng mười ngàn thế giới.

3. Đức Phật ấy cũng đã giảng giải về bốn chân lý cao quý tối thượng. Những ai đã uống chất tinh túy của chân lý, những vị ấy xua tan bóng tối mịt mùng.

4. Sau khi đạt đến quả vị Giác ngộ vô song, trong buổi thuyết giảng giáo pháp lần đầu tiên, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất của một trăm ngàn *koṭi* vị.

5. Đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp ở cung điện của vị Chúa trời. Khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ nhì của chín trăm ngàn *koṭi* vị.

6. Khi đức Chuyển Luân Vương Sunanda đi đến gặp đấng Toàn Giác, khi ấy đấng Toàn Giác đã gióng tiếng trống cao quý tối thượng của giáo pháp.

7. Và khi ấy, những người tùy tùng của [đức Vua] Sunanda gồm có chín mươi *koṭi* vị. Tất cả những người ấy không thiếu sót ai đã trở thành Tỳ-khưu theo hình thức gọi đến.[28]

8. Vị Đại Ẩn Sĩ Maṅgala đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất gồm có một trăm ngàn *koṭi* vị.

9. Lần thứ nhì gồm có một ngàn *koṭi* vị. Lần thứ ba gồm có chín mươi *koṭi* vị. Khi ấy, là cuộc hội tụ của các bậc Lậu tận không còn ô nhiễm.

10. Vào lúc bấy giờ, Ta là Bà-la-môn tên Suruci, là vị trì tụng, nắm vững chú thuật, thành thạo ba bộ Vệ-đà.

11. Ta đã đi đến gặp và đã quy y bậc Đạo Sư ấy. Ta đã cúng dường hương thơm và tràng hoa đến hội chúng có bậc Toàn Giác đứng đầu. Sau khi cúng dường hương thơm và tràng hoa, Ta đã làm hài lòng [các vị] với món gavapāna.[29]

12. Vị Phật ấy, đấng Tối Thượng Nhân Maṅgala cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

---

[28] Đức Phật chỉ gọi "*Ehi bhikkhu* nghĩa là: Này Tỳ-khưu hãy đến" thì vị được gọi tự nhiên có tóc được cạo sạch, mặc y mang bình bát, tướng mạo giống như các vị Tỳ-khưu đã tu lâu năm vậy. Nhiều vị sẽ được gọi là "*Etha bhikkhavo* nghĩa là: Này các Tỳ-khưu hãy đến". (ND)

[29] Gavapāna được thực hiện từ bốn thứ mật ong, đường mật, bột và bơ lỏng nấu chung lại, còn được gọi tên là *catumadhurabhojana* nghĩa là món ăn gồm bốn thứ mật (*BvsA*. 149-50).

13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

15. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

16. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

18. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

19. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

20. Citta và Haṭṭhāḷavaka sẽ là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

21. Sau khi nghe được lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

26. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

27. Khi ấy, trong lúc đang tăng trưởng niềm hoan hỷ đối với việc đạt đến quả vị Toàn giác cao quý, Ta đã cúng dường ngôi nhà của Ta đến đức Phật và đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

28. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

29. Trong khi sống không xao lãng trong giáo pháp ấy, sau khi tu tập pháp hành của Phạm thiên và làm toàn hảo các thắng trí, Ta đã đi đến thế giới của Phạm thiên.

30. Thành phố có tên là Uttara, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Uttara, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Maṅgala tên là Uttarā.

31. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Yasavā, Sucimā và Sirimā.

32. Có đầy đủ ba mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy [người vợ] tên là Yasavatī. Con trai tên là Sīvala.

33. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót.

34. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Maṅgala đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở khu rừng Siri cao quý tối thượng.

35. Sudeva và Dhammasena đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Maṅgala tên là Pālita.

36. Sīvalā và Asokā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Cây Nāga".

37. Nanda và luôn cả Visākha đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Anulā và luôn cả Sutanā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

38. Bậc Đại Hiền Triết cao tám mươi tám *ratana*.[30] Từ thân vị ấy phát ra hàng trăm ngàn ánh hào quang.

39. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

40. Cũng giống như sóng ở biển, không thể nào tính đếm chúng được; tương tợ y như thế, các Thinh văn của Ngài không thể nào tính đếm các vị ấy được.

41. Trong khi bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Maṅgala còn hiện tiền, vào khi ấy không có cái chết vẫn còn phiền não ở trong giáo pháp của vị ấy.

42. Sau khi đã nâng đỡ ngọn đuốc Chánh pháp, sau khi đã giúp cho đại chúng vượt qua, sau khi rực cháy như là cây cột khói, vị có danh tiếng lớn lao ấy đã Niết-bàn.

43. Sau khi đã chỉ cho thế gian luôn cả chư thiên thấy được bản chất cơ bản của các hành, [vị ấy] đã phát cháy như là khối lửa, tương tợ như mặt trời đã lặn.

44. Đức Phật Maṅgala đã Niết-bàn tại công viên tên là Vessara. Ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy đã được dựng lên cao ba mươi do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Maṅgala" là phần thứ ba.

[30] 22 mét, 1 *ratana* = 25cm. (ND)

4. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUMANA (*SUMANABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Maṅgala, vị Lãnh Đạo tên Sumana là bậc Tối Thượng Của Tất Cả Chúng Sanh, không ai sánh bằng về tất cả các pháp [giới, định, tuệ].

2. Khi ấy ở thành phố Mekhala, Ngài đã gióng lên tiếng trống bất tử được liên kết với những hồi tù và giáo pháp là lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng gồm chín thể loại.

3. Sau khi chiến thắng các phiền não, đấng Đạo Sư ấy đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng và đã tạo lập thành phố là thành phố Chánh pháp cao quý tối thượng.

4. Vị ấy đã tạo ra con đường lớn không bị cách khoảng, không khúc khuỷu, thẳng tắp, dài và rộng, [ấy là] tứ niệm xứ cao quý tối thượng.

5. Nơi đó, ở tại con đường Ngài đã trưng bày bốn quả vị Sa-môn, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí và tám thiền chứng.

6. Những ai không dể duôi, [tâm] không bị ngăn trở, có được sự hổ thẹn tội lỗi và sự tinh tấn, chính những người ấy đạt được các đức hạnh cao quý này một cách dễ dàng.

7. Như thế bằng phương thức ấy, bậc Đạo Sư trong lúc nâng đỡ đại chúng, đã giác ngộ trước tiên một trăm ngàn *koṭi* vị.

8. Trong thời điểm đấng Đại Hùng đã giáo huấn các đồ chúng ngoại đạo, là lúc thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhì, một trăm ngàn *koṭi* người đã lãnh hội.

9. Vào lúc chư thiên và nhân loại có sự đồng lòng nhất trí đã vấn câu hỏi về sự tịch diệt và luôn cả sự nghi ngờ ở trong tâm nữa.

10. Khi ấy, cũng vào dịp thuyết giảng giáo pháp giải thích rõ ràng về sự tịch diệt, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của chín mươi ngàn *koṭi* vị.

11. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sumana đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

12. Khi đức Thế Tôn đã trải qua [an cư] mùa mưa, vào ngày lễ *Pavāraṇā* đã được công bố, đức Như Lai đã hành lễ *Pavāraṇā* cùng với một trăm ngàn *koṭi* vị.

13. Sau đó vào lúc khác, khi các vị không còn ô nhiễm đã tụ hội ở ngọn núi Kañcana, đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi ngàn *koṭi* vị.

14. Khi Chúa trời Sakka đi đến chiêm ngưỡng đức Phật, đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi ngàn *koṭi* vị.

15. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Long vương tên Atula, có đại thần lực, có sự tích lũy các thiện pháp được dồi dào.

16. Khi ấy, sau khi rời khỏi long cung, Ta đã cùng thân quyến phục vụ đấng Chiến Thắng cùng với hội chúng bằng các nhạc cụ thiên đình của loài rồng.

17. Ta đã làm hài lòng một trăm ngàn *koṭi* vị với thức ăn và nước uống. Sau khi dâng mỗi một vị hai xấp vải, Ta đã quy y vị ấy.

18. Đức Phật ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumana cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

19. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

20. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

21. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

22. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề tối thắng, vị có danh tiếng vĩ đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

23. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

24. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

25. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

26. Citta và Haṭṭhāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

27. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

28. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

29. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

30. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

31. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

32. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

33. Thành phố có tên là Mekhala, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Sudatta, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Sumana tên là Sirimā.

34. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Canda, Sucanda và Vaṭaṃsa.

35. Có sáu mươi ba trăm ngàn [sáu triệu ba trăm ngàn] phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy [người vợ] tên là Vataṃsikā. Con trai tên là Anupama.

36. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện voi và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót.

37. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sumana đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở thành phố Mekhala cao quý tối thượng.

38. Saraṇa và Bhāvitatta đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumana tên là Udena.

39. Soṇā và Upasoṇā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, cũng đã giác ngộ cũng ở cội cây Nāga.

40. Varuṇa và Saraṇa đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Cālā và Upacālā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

41. Vươn lên đến chín mươi cánh tay [bốn mươi lăm mét] về chiều cao, đức Phật ấy tỏa sáng mười ngàn thế giới tợ như kim loại vàng quý giá.

42. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

43. Sau khi đã giúp cho vượt qua những người xứng đáng được vượt qua và đã giác ngộ những người xứng đáng được giác ngộ, đấng Toàn Giác đã Vô dư Niết-bàn ví như mặt trăng [vua của các vì sao] đã lặn.

44. Đức Phật ấy là không gì sánh được, và các vị Tỳ-khưu ấy là các bậc Lậu tận. Sau khi thị hiện ánh sáng vô song, các vị có danh tiếng lớn lao ấy đã Niết-bàn.

45. Trí tuệ vô song ấy và các châu báu không gì so sánh ấy, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

46. Đức Phật Sumana, bậc Có Danh Tiếng đã Niết-bàn tại tu viện Aṅgāra. Ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy đã được dựng lên cao bốn do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Sumana" là phần thứ tư.

5. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT REVATA
(*REVATABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Sumana có vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Revata là vô song, tối thượng, không có tương đương, không gì sánh được.

2. Được thỉnh cầu bởi đấng Phạm thiên, vị ấy cũng đã giảng giải giáo pháp, định nghĩa về [năm] uẩn, [mười tám] giới chưa từng được chuyển vận ở tam giới.

3. Trong sự thuyết giảng giáo pháp của vị ấy, đã có ba lần lãnh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là không thể nói được bằng cách tính đếm.

4. Vào lúc bậc Hiền Triết Revata chỉ dạy đức Vua Arindama, khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của một ngàn *koṭi* vị.

5. Sau khi xuất ra khỏi thiền tịnh bảy ngày, đấng Nhân Ngưu đã chỉ dạy về các quả vị tối thượng cho một trăm *koṭi* chư thiên và nhân loại.

6. Bậc Đại Ẩn Sĩ Revata đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, đã khéo giải thoát như thế ấy.

7. Các vị đi đến vào lần đầu tiên là vượt quá phương thức tính đếm. Cuộc hội tụ thứ nhì gồm có một trăm ngàn *koṭi* vị.

8. Người phụ trợ trong việc chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] của đức Phật là không ai sánh bằng về trí tuệ. Lúc bấy giờ, vị ấy bị bệnh và đã đạt đến tình trạng bấp bênh về mạng sống.

9. Khi ấy, các vị Hiền triết đã đi đến để thăm hỏi bệnh tình của vị ấy; đã có cuộc hội tụ thứ ba của một trăm ngàn *koṭi* vị A-la-hán.

10. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Bà-la-môn tên Atideva. Ta đã đi đến gặp đức Phật Revata. Ta đã quy y vị ấy.

11. Sau khi ca tụng giới, định và đức hạnh tối thắng về tuệ của vị ấy, Ta đã dâng lên thượng y phù hợp với khả năng.

12. Đức Phật ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Revata, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

15. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

16. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

18. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

19. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

20. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

21. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

26. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

27. Cũng vào khi ấy, Ta đã nhớ lại và làm cho tăng trưởng pháp của chư Phật [nghĩ rằng:] "Điều gì Ta đã phát nguyện thì Ta sẽ đem lại điều ấy."[31]

28. Thành phố có tên là Sudhaññavatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Vipula, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Revata tên là Vipulā.

29. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong sáu ngàn năm. Ba tòa lâu đài tuyệt vời đã được trang hoàng Sudassana, Ratanagghi và Āveḷa là đã được phát sanh lên do thiện nghiệp.

30. Có ba mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân (người vợ) tên là Sudassanā. Con trai tên là Varuṇa.

31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện xe và đã ra sức nỗ lực bảy tháng không thiếu sót.

---

[31] Ý nói đến quả vị Phật (*BvsA*. 165).

32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Chiến Thắng, bậc Đại Hùng Revata có oai lực đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại khu vườn Varuṇa.

33. Varuṇa và Brahmadeva đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Maṅgala tên là Sambhava.

34. Bhaddā và luôn cả Subhaddā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Khi ấy, đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, cũng đã giác ngộ ở cội cây Nāga.

35. Paduma và luôn cả Kuñjara đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sirimā và luôn cả Yasavatā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

36. Vươn lên đến tám mươi cánh tay (bốn mươi mét) về chiều cao, đức Phật ấy tỏa sáng khắp cả các phương như là cây cờ hiệu của thần Inda đã được dựng lên.

37. Vòm hào quang tối thắng phát xuất từ cơ thể của vị ấy tỏa ra xung quanh một do-tuần dầu là ban ngày hay ban đêm.

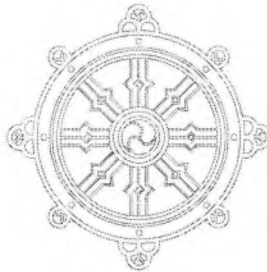
38. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến sáu mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

39. Sau khi thị hiện Phật lực, Ngài đã giảng giải pháp bất tử ở thế gian và đã Niết-bàn không còn chấp thủ tợ như ngọn lửa đã cạn nguồn nhiên liệu.

40. Và thân thể như là châu báu ấy, giáo pháp không gì tương đương ấy, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

41. Đức Phật Revata, bậc Có Danh Tiếng, vị Đại Hiền Triết ấy đã Niết-bàn. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.

"Lịch sử đức Phật Revata" là phần thứ năm.



6. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SOBHITA
(*SOBHITABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Revata, vị Lãnh Đạo tên Sobhita là định tĩnh, có tâm thanh tịnh, không kẻ sánh bằng, không người đối thủ.

2. Ở tại ngôi nhà của mình, đấng Chiến Thắng ấy đã chuyển đổi tâm trí, đã đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn, và đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

3. Từ phía dưới là từ địa ngục Avīci và từ phía trên là từ cõi trời cao nhất, trong cuộc thuyết giảng giáo pháp đã có một tập thể [tụ hội] ở khoảng giữa của hai nơi này.

4. Đấng Toàn Giác đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp ở tại hội chúng ấy. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là không thể nói được bằng cách tính đếm.

5. Về sau vào lúc khác, trong khi thuyết giảng ở cuộc hội tụ của chư thiên, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi ngàn *koṭi* vị.

6. Vào lần khác nữa, có vị vương tử dòng Sát-đế-lỵ tên Jayasena sau khi cho trồng trọt khu vườn đã cống hiến đến đức Phật trong dịp ấy.

7. Trong khi công bố sự hiến dâng của vị ấy, bậc Hữu Nhãn đã thuyết giảng giáo pháp. Khi ấy, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của một ngàn *koṭi* vị.

8. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sobhita đã có ba lần tụ hội gồm có các vị Lậu tận, không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

9. Đức vua tên Uggata ấy dâng cúng vật thí đến đấng Tối Thượng Nhân. Trong lần cúng dường ấy, một trăm *koṭi* vị A-la-hán đã tụ hội lại.

10. Vào lần khác nữa, có nhóm người thuộc đoàn thể dâng cúng vật thí đến đấng Tối Thượng Nhân. Khi ấy, đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi *koṭi* vị.

11. Vào lúc đấng Chiến Thắng giáng trần sau khi đã cư ngụ ở cõi trời, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi *koṭi* vị.

12. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Bà-la-môn tên Sujāta. Khi ấy, Ta đã làm hài lòng đức Phật cùng các vị Thinh văn bằng thức ăn nước uống.

13. Đức Phật ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sobhita, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

14. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

15. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

16. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

17. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

18. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

19. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

20. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

21. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

23. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

24. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

27. Lắng nghe lời nói của vị ấy, Ta trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn. Ta đã thực hiện sự nỗ lực tích cực nhằm theo đuổi chính mục đích ấy.

28. Thành phố có tên là Sudhamma, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Sudhamma, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Sobhita tên là Sudhammā.

29. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Kumuda, Kalīra và Paduma.

30. Có bảy mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Makhilā. Con trai tên là Sīha.

31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng tòa lâu đài[32] và đã thực hành sự nỗ lực bảy ngày. Và khi ấy trong lúc giác ngộ, đức Phật ấy đã giác ngộ ở cội cây Nāga.

---

[32] Tòa lâu đài bay lên không trung đưa vị Bồ-tát đến gần cội cây Bồ-đề để thực hành khổ hạnh và sau đó chứng đắc quả vị Toàn giác (*BvsA*. 166-7).

32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sobhita đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở vườn thượng uyển Sudhamma tuyệt vời.

33. Asama và Sunetta đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Sobhita tên là Anoma. Nakulā và Sujātā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu.

34. Ramma và luôn cả Sudatta đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Nakulā và luôn cả Cittā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

35. Cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi), vị Đại Hiền Triết chiếu sáng tất cả các phương như là mặt trời mọc.

36. Giống như khu rừng lớn nở rộ hoa tỏa hương với các hương thơm khác loại, tương tợ y như thế lời tuyên thuyết của vị ấy tỏa hương với các hương thơm của giới.

37. Cũng giống như biển cả không thể được thỏa mãn bởi sự ngắm nhìn, tương tợ y như thế lời tuyên thuyết của vị ấy không thể được thỏa mãn bởi sự lắng nghe.

38. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

39. Sau khi đã ban lời giáo huấn và nhắc nhở các chúng sanh còn lại,[33] vị ấy cùng với các bậc Thinh văn đã phát cháy giống như ngọn lửa rồi đã Niết-bàn.

40. Đức Phật ấy là vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, và các vị Thinh văn ấy là đã thành tựu các năng lực, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

41. Đức Phật Sobhita, đấng Toàn Giác Cao Quý đã Niết-bàn tại tu viện Sīha. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.

“Lịch sử đức Phật Sobhita” là phần thứ sáu.

---

[33] Nghĩa là chưa đạt đến sự thấu triệt chân lý (*BvsA*. 171).

7. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT ANOMADASSĪ
(*ANOMADASSIBUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Sobhita, đấng Toàn Giác Anomadassī là đấng Tối Thượng Nhân có danh tiếng vô lượng, có oai lực khó mà vượt trội.

2. Sau khi cắt đứt tất cả các sự trói buộc và hủy diệt [nghiệp tái sanh ở] ba cõi, vị ấy đã thuyết giảng cho chư thiên và loài người về đạo lộ đưa đến việc không còn luân hồi.

3. Vị ấy không chao động ví như biển cả, khó có thể đạt đến như là ngọn núi, không có điểm cuối cùng ví như bầu không gian, và đã nở hoa như là cây sāla chúa.

4. Chỉ với sự nhìn thấy đức Phật ấy là chúng sanh khởi lên hoan hỷ. Sau khi lắng nghe lời nói đang diễn giải, họ đạt được bất tử.

5. Khi ấy, sự lãnh hội về giáo pháp của vị ấy là thành công và đạt được số lượng. Hàng trăm *koṭi* [chúng sanh] đã lãnh hội trong cuộc thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhất.

6. Về sau vào lúc khác, trong khi đang đổ xuống những cơn mưa giáo pháp trong cuộc thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhì, tám chục *koṭi* [chúng sanh] đã lãnh hội.

7. Về sau vào lúc khác, khi đang đổ xuống cơn mưa [giáo pháp] và ngay trong lúc đang làm hài lòng chúng sanh, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của bảy mươi tám *koṭi* vị.

8. Và bậc Đại Ẩn Sĩ ấy cũng đã có ba lần tụ hội gồm các vị đã đạt đến năng lực của các thắng trí và đã được đơm hoa trong sự giải thoát.

9. Khi ấy, đã có cuộc tụ hội của tám trăm ngàn vị có sự tham đắm si mê đã được đoạn tận và có tâm thanh tịnh như thế ấy.

10. Lần hội tụ thứ nhì là của bảy trăm ngàn vị không còn ô nhiễm, thoát khỏi bụi trần, có sự an tịnh như thế ấy.

11. Lần hội tụ thứ ba là của sáu trăm ngàn vị đã đạt đến năng lực của các thắng trí, có sự nỗ lực cao, đã chứng Niết-bàn.

12. Vào lúc bấy giờ, Ta là loài dạ-xoa có đại thần lực, là chúa tể cai quản nhiều *koṭi* dạ-xoa.

13. Khi ấy, Ta cũng đã đi đến gặp bậc Đại Ẩn Sĩ, đức Phật cao quý ấy, và đã làm hài lòng đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng hội chúng bằng cơm nước.

14. Khi ấy, bậc Hiền Triết ấy có nhãn quan thanh tịnh, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

15. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

16. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

17. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

18. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

19. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

20. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

21. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

22. Citta và Haṭṭhāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

23. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

24. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

25. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

26. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

27. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

28. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn, đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

29. Thành phố có tên là Candavatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Yasavā, người mẹ của bậc Đạo Sư Anomadassī tên là Yasodharā.

30. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Siri, Upasiri và Sirivaḍḍha.

31. Có hai mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sirimā. Con trai tên là Upavāna.

32. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng kiệu khiêng và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót.

33. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Đại Hiền Triết, đấng Đại Hùng Anomadassī ấy, đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại công viên Sudassana.

34. Nisabha và Anoma đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đạo Sư Anomadassī tên là Varuṇa.

35. Sundarī và Sumanā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Ajjuna".

36. Nandivaḍḍha và Sirivaḍḍha đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Uppalā và luôn cả Padumā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

37. Bậc Đại Hiền Triết cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi). Hào quang của vị ấy phát ra như là ánh mặt trời mọc.

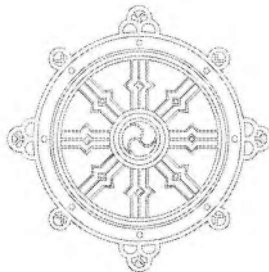
38. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

39. Giáo pháp của đấng Chiến Thắng đã được rạng rỡ, lời tuyên thuyết khéo được đơm hoa nhờ vào các vị A-la-hán đã ly tham ái, không còn ô nhiễm như thế ấy.

40. Bậc Đạo Sư có danh tiếng vô lượng ấy và hai vị [Thinh văn hàng đầu] vô song ấy, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

41. Đấng Chiến Thắng, bậc Đạo Sư Anomadassī đã Niết-bàn tại tu viện Dhamma. Ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy có chiều cao hai mươi lăm [do-tuần] ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Anomadassī" là phần thứ bảy.



8. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMA
(*PADUMABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Anomadassī, đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Nhân tên Paduma là không kẻ sánh bằng, không người đối thủ.

2. Giới của vị ấy là không ai sánh bằng, định là không có giới hạn, trí tuệ cao quý là không thể tính đếm, và giải thoát là không có tương đương.

3. Cũng vào lúc chuyển vận bánh xe Chánh pháp của vị có oai lực vô song ấy, đã có ba cuộc lãnh hội là sự xua đuổi đi bóng đêm mù mịt.

4. Ở sự lãnh hội lần thứ nhất, đức Phật đã giác ngộ một trăm *koṭi* vị. Ở sự lãnh hội lần thứ nhì, bậc Thông Minh đã giác ngộ chín mươi *koṭi* vị.

5. Và vào lúc đức Phật Paduma giáo huấn người con trai của mình, khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám chục *koṭi* vị.

6. Bậc Đại Ẩn Sĩ Paduma đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

7. Vào dịp tiến hành lễ *Kaṭhina*, khi y Kaṭhina được phát sanh, các vị Tỳ-khưu đã may y để giao cho vị Tướng quân Chánh pháp.

8. Khi ấy, ba trăm ngàn vị đã tụ hội lại. Các vị Tỳ-khưu ấy là không còn ô nhiễm, có sáu thắng trí, có đại thần lực, không bị khuất phục.

9. Cũng vào dịp khác, đấng Nhân Ngưu ấy đã vào [an cư] mùa mưa ở trong rừng. Khi ấy, đã có cuộc hội tụ của hai trăm ngàn vị.

10. Vào lúc bấy giờ, Ta là con sư tử chúa tể của các loài thú. Ta đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng đang thực hành hạnh độc cư ở trong rừng.

11. Ta đã đê đầu đảnh lễ ở chân [của đức Phật] rồi đã đi nhiễu quanh vị ấy, sau đó đã rống lên ba lần rồi đã phục vụ đấng Chiến Thắng bảy ngày.

12. Sau khi xuất khỏi bảy ngày nhập thiền cao quý, đức Như Lai dụng tâm suy xét rồi đã triệu tập một *koṭi* (mười triệu) vị Tỳ-khưu.

13. Khi ấy, ở giữa các vị [Tỳ-khưu] ấy, đấng Đại Hùng ấy cũng đã chú nguyện rằng: “Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

14. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

15. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

16. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

17. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề tối thắng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

18. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

19. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

20. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

21. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

23. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

24. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

27. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

28. Thành phố có tên là Campaka, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Asama, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Paduma tên là Asamā.

29. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Uttara, Vasu và Yasuttara.

30. Và có ba mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Uttarā. Con trai tên là Ramma.

31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện xe và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót.

32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Paduma đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại công viên Dhanañja tuyệt vời.

33. Sāla và Upasāla đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Paduma tên là Varuṇa.

34. Rādhā và luôn cả Surādhā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Soṇa vĩ đại".

35. Bhiyya và luôn cả Asama đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Rucī và Nandirāmā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

36. Vị Đại Hiền Triết ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi). Hào quang không gì sánh bằng của vị ấy chiếu sáng tất cả các phương.

37. Ánh sánh của mặt trăng, ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của châu báu và ngọc ma-ni đắt giá, tất cả các loại ánh sáng ấy đều bị tiêu tan khi sánh cùng hào quang tối thượng của đấng Chiến Thắng.

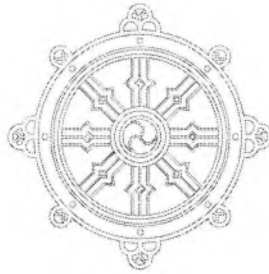
38. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

39. Sau khi đã giác ngộ những chúng sanh có tâm trí đã được chín muồi không thiếu sót [người nào], sau khi chỉ dạy những người còn lại vị ấy cùng các vị Thinh văn đã Niết-bàn.

40. Ví như con rắn bỏ đi lớp da già cỗi, ví như cây cối rũ bỏ lá úa tàn, vị ấy sau khi buông bỏ các hành đã Niết-bàn tương tợ như ngọn lửa đã được dập tắt.

41. Bậc Đạo Sư Paduma, đấng Chiến Thắng Cao Quý đã Niết-bàn tại tu viện Dhamma. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.

"Lịch sử đức Phật Paduma" là phần thứ tám.



9. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT NĀRADA
(*NĀRADABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Paduma, có đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Nhân tên Nārada là không kẻ sánh bằng, không người đối thủ.

2. Đức Phật ấy, người con trai trưởng yêu quý của vị Chuyển Luân Vương, có sự trang sức với vòng hoa bằng ngọc trai đã đi [bộ] đến công viên.

3. Ở tại nơi ấy có cội cây lẫy lừng danh tiếng, tuyệt đẹp, to lớn, thanh khiết. Sau khi đi đến nơi ấy, vị ấy đã ngồi xuống ở dưới cội cây soṇa vĩ đại.

4. Ở tại nơi ấy, trí tuệ cao quý, vô biên, [sắc bén] tợ kim cương đã được sanh khởi. Nhờ đó, vị ấy đã khảo sát các hành theo lối ngửa lên và theo lối úp xuống.

5. Ở tại nơi ấy, vị ấy đã xua đi tất cả phiền não không còn dư sót, đã đạt đến quả vị hoàn toàn giác ngộ và mười bốn trí tuệ của vị Phật.[34]

6. Sau khi đạt đến quả vị Toàn giác, vị ấy đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* (một ngàn tỷ, một triệu triệu) vị.

7. Trong lúc huấn luyện Long vương Mahādoṇa, bậc Đại Hiền Triết đã thể hiện điều kỳ diệu ấy [song thông] cho thế gian luôn cả chư thiên nhìn thấy.

8. Lúc bấy giờ, trong lần giảng giải giáo pháp ấy cho chư thiên và nhân loại, chín chục ngàn *koṭi* (chín trăm tỷ) vị đã vượt qua tất cả các mối nghi hoặc.

9. Vào thời điểm đấng Đại Hùng giáo giới người con trai của mình, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám chục ngàn *koṭi* (tám trăm tỷ) vị.

10. Bậc Đại Ẩn Sĩ Nārada đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

11. Vào lúc đức Phật giảng giải về đức hạnh của chư Phật có cả phần duyên khởi, khi ấy chín chục ngàn *koṭi* vị không còn ô nhiễm đã tụ hội lại.

12. Vào lúc con rồng Verocana dâng cúng vật thí đến bậc Đạo Sư, khi ấy tám mươi trăm ngàn (tám triệu) người con trai của đấng Chiến Thắng đã tụ hội lại.

13. Vào lúc bấy giờ, Ta là đạo sĩ tóc bện, có khổ hạnh cao tột, đi lại ở trên không trung, toàn hảo về năm thắng trí.

---

[34] Mười bốn trí tuệ của vị Phật gồm có 8 trí về Đạo Quả và 6 trí không phổ thông đến các Thinh văn là: Trí biết được khuynh hướng ngũ ngầm của chúng sanh (*āsayānusayañāṇaṃ*), trí biết được năng lực của người khác (*indriyaparopariyañāṇaṃ*), trí thị hiện song thông (*yamakapāṭihāriyañāṇaṃ*), trí thể nhập đại bi (*mahākaruṇā-samāpattiñāṇaṃ*), trí toàn tri (*sabbaññutaññāṇaṃ*), trí không chướng ngại (*anāvaraṇañāṇaṃ*) (*BvsA.* 185).

14. Khi ấy, sau khi làm hài lòng vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng cùng với hội chúng và đoàn tháp tùng bằng cơm nước, Ta đã cúng dường gỗ đàn hương.

15. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Nārada ấy cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong vô lượng kiếp tính từ thời điểm này, [người này] sẽ trở thành vị Phật ở thế gian.

16. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

17. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

18. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

19. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

20. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

21. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

22. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

23. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

24. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

25. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

26. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

27. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

28. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

29. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã khiến tâm được mừng rỡ bội phần. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

30. Thành phố có tên là Dhaññavatī, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Sudeva, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Nārada tên là Anomā.

31. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Jita, Vijita và Vijitābhirāma.

32. Có bốn mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Vijitasenā. Con trai tên là Nanduttara.

33. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, vị Lãnh Đạo Thế Gian đã ra đi bằng sự đi bộ (sự đi bằng bàn chân) và đã thực hành hạnh nỗ lực bảy ngày.

34. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Nārada đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở công viên Dhanañjaya tuyệt vời.

35. Bhaddasāla và Jitamitta đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Nārada tên là Vāseṭṭha.

36. Uttarā và luôn cả Phaggunī đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Soṇa vĩ đại".

37. Uggarinda và Vasabha sẽ là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Indīvarī và Undī sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

38. Cao tám mươi tám *ratana* (hai mươi hai mét), bậc Đại Hiền Triết ấy chiếu sáng mười ngàn thế giới tương tợ như cột trụ bằng vàng có gắn tràng hoa.

39. Khi ấy, thân thể có ánh sáng hào quang của vị ấy chiếu ra các phương liên tục ngày đêm và tỏa sáng [xung quanh] một do-tuần.

40. Vào lúc bấy giờ, được tràn ngập bởi hào quang của đức Phật, những người ở xung quanh một do-tuần không ai thắp sáng các ngọn đèn đuốc.

41. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

42. Giống như bầu trời được trang điểm và chói sáng bởi các vì sao, tương tợ như thế ấy giáo pháp của vị ấy rạng rỡ nhờ vào các vị A-la-hán.

43. Sau khi đã thiết lập vững chắc cây cầu Chánh pháp để giúp vượt qua dòng chảy luân hồi đối với số người còn lại đã đạt được [đạo quả Hữu học], đấng Nhân Ngưu ấy đã Niết-bàn.

44. Đức Phật ấy là vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, và các bậc Lậu tận ấy là có oai lực vô song, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

45. Đấng Chiến Thắng Hàng Đầu Nārada đã Niết-bàn tại thành phố Sudassana. Ngôi bảo tháp cao quý của đấng Chiến Thắng đã được dựng lên cao bốn do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Nārada" là phần thứ chín.

10. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMUTTARA (*PADUMUTTARABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Nārada, có đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Nhân tên Padumuttara là không bị chao động, tương tợ như biển cả.

2. Và đức Phật đã sanh lên vào kiếp Maṇḍa ấy.[35] Chúng sanh đã sanh lên trong kiếp ấy là vô cùng tốt lành.[36]

3. Trong khi đức Thế Tôn Padumuttara thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhất, đã có sự lãnh hội giáo pháp của một trăm ngàn *koṭi* vị.

4. Về sau vào lúc khác nữa, trong lúc đổ xuống cơn mưa [pháp] khiến cho các hạng chúng sanh được hài lòng, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của ba mươi bảy trăm ngàn *koṭi* (ba triệu bảy trăm ngàn) vị.

5. Vào thời điểm đấng Đại Hùng đi đến gặp [người cha là] Ānanda, Ngài đã đi đến trong sự hiện diện của người cha và đã gióng lên tiếng trống bất tử.

6. Khi tiếng trống bất tử đã được gióng lên và trong khi cơn mưa Pháp bảo đang rơi xuống, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của năm mươi trăm ngàn *koṭi* (năm triệu) vị.

7. Đức Phật là vị giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, là vị thiện xảo về thuyết giảng; Ngài đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

8. Bậc Đạo Sư Padumuttara đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

9. Khi đức Phật, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, cư ngụ ở tại ngọn núi Vebhāra, đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi ngàn *koṭi* vị.

10. Hơn nữa, trong khi ra đi du hành từ các làng mạc, thị trấn và quốc độ, đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi ngàn *koṭi* vị.

---

[35] Đức Phật Padumuttara sanh vào *sārakappa* (kiếp chỉ có 1 vị Phật), nhưng có tánh chất như là *maṇḍakappa* (kiếp có 2 vị Phật) vì thành tựu nhiều đức hạnh; do đó được gọi là *maṇḍakappa*, (*BvsA*. 191). Sự phân loại của *kappa* (kiếp): Có hai loại *kappa* (kiếp):

1/ *Suñña-kappa* (kiếp trống không) tức là kiếp không có đức Phật Toàn Giác, đức Phật Độc Giác, hoặc vị Chuyển Luân Vương xuất hiện, nghĩa là kiếp không có những nhân vật có đức hạnh sanh lên.

2/ Và *a-suñña-kappa* (kiếp không trống không) là có năm hạng: *Sārakappa* (có 1 vị Phật Toàn Giác xuất hiện), *maṇḍa-kappa* (có 2 ...), *vara-kappa* (có 3 ...), *sāramaṇḍa-kappa* (có 4 ...) và *bhadda-kappa* (có 5 vị Phật Toàn Giác xuất hiện); nhiều vị Phật hơn nữa trong một kiếp là không có.

[36] *Chú giải* ghi như sau: *Ussannakusalāti upacitapuññā*: "Vô cùng tốt lành", nghĩa là "đã tích lũy được nhiều phước báu" (*BvsA*. 191).

11. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị lãnh chúa tên Jaṭila. Ta đã cúng dường vải cùng với bữa ăn đến hội chúng [Tỳ-khưu] có bậc Toàn Giác đứng đầu.

12. Đức Phật ấy, ngồi giữa hội chúng, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong một trăm ngàn kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

15. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

16. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

18. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

19. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

20. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

21. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

26. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng. Ta đã thực hiện sự nỗ lực vô cùng bền bỉ để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

27. Khi ấy, tất cả các người ngoại đạo bị ruồng bỏ trở nên hốt hoảng, có tâm trí chán nản. Đối với bọn họ, không còn có người nào phục vụ. Mọi người xua đuổi họ ra khỏi quốc độ.

28. Tất cả đã tụ hội lại tại nơi ấy và đã đi đến gặp đức Phật [nói rằng]:

"Bạch đấng Đại Hùng, Ngài là vị lãnh đạo. Hỡi bậc Hữu Nhãn, Ngài hãy là chốn nương nhờ."

29. Bậc Có Lòng Thương Xót, đấng Bi Mẫn, vị Tầm Cầu Lợi Ích Cho Tất Cả Chúng Sanh đã an trú vào năm giới cấm cho tất cả những người ngoại đạo đã đi đến [với Ngài].

30. Như thế, giáo pháp đã không bị pha trộn, không còn các ngoại đạo, và được tô điểm bởi các vị A-la-hán ở vào trạng thái thu thúc như thế ấy.

31. Thành phố có tên là Haṃsavatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Ānanda, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Padumuttama tên là Sujātā.

32. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Naravāhana, Yasa và Yasavatti.

33. Có bốn mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Vasuladattā. Con trai tên là Uttara.

34. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng tòa lâu đài và đã thực hành hạnh nỗ lực bảy ngày.

35. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Hướng Đạo, đấng Đại Hùng Padumuttara đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở công viên tuyệt vời Mithila.

36. Devala và Sujāta đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đạo Sư Padumuttara tên là Sumana.

37. Amitā và luôn cả Asamā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Salala".

38. Vitiṇṇa và luôn cả Tissa đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Haṭṭhā và luôn cả Vicittā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

39. Đạt đến năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) về chiều cao, đấng Đại Hiền Triết với ba mươi hai tướng trạng cao quý tương tợ như cột trụ bằng vàng có gắn tràng hoa.

40. Các tường thành, cửa lớn, vách đất, cây cối, mỏm đá ở xung quanh mười hai do-tuần không có che khuất vị ấy.

41. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

42. Sau khi đã giúp cho nhiều người vượt qua, sau khi đã cắt đứt tất cả các điều nghi hoặc, vị ấy đã rực cháy như là khối lửa rồi đã Niết-bàn cùng với các vị Thinh văn.

43. Đức Phật, đấng Chiến Thắng Padumuttara đã Niết-bàn tại tu viện Nandā. Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vị ấy có chiều cao mười hai do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Padumuttara" là phần thứ mười.

11. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUMEDHA (*SUMEDHABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Padumuttara, có bậc Lãnh Đạo tên Sumedha là đấng Hiền Triết Tối Thượng Của Toàn Thể Thế Giới có oai lực nổi bật, khó có thể đạt đến.

2. Có cặp mắt an tịnh, khuôn mặt đầy đặn, [thân hình] cao lớn, ngay thẳng, hùng dũng, là người tầm cầu lợi ích cho tất cả chúng sanh, [vị ấy] đã giúp cho nhiều người thoát khỏi sự trói buộc.

3. Khi đã thành tựu toàn vẹn quả vị Giác ngộ tối thượng, đức Phật đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp ở tại thành phố Sudassana.

4. Trong việc thuyết giảng giáo pháp của vị ấy, đã có ba sự lãnh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

5. Hơn nữa vào lần khác, đấng Chiến Thắng ấy đã thuần phục dạ-xoa Kumbhakaṇṇa. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi ngàn *koṭi* (chín trăm tỷ) vị.

6. Hơn nữa vào lần khác, bậc Có Danh Tiếng Vô Hạn đã giảng giải về bốn chân lý. Đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám mươi ngàn *koṭi* (tám trăm tỷ) vị.

7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm có tâm thanh tịnh như thế ấy.

8. Vào lúc đấng Chiến Thắng ngự đến thành phố Sudassana, khi ấy một trăm *koṭi* (một tỷ) vị Tỳ-khưu là các bậc Lậu tận đã tụ hội lại.

9. Hơn nữa vào lần khác, lúc tiến hành lễ [dâng y] Kaṭhina cho các vị Tỳ-khưu ở tại Devakūṭa, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi *koṭi* vị.

10. Hơn nữa vào lần khác, lúc đấng Thập Lực đi du hành, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi *koṭi* vị.

11. Vào lúc bấy giờ, Ta là người thanh niên Bà-la-môn tên Uttara. Tài sản đã được tích lũy trong nhà của Ta là tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu).

12. Sau khi đã cúng dường toàn bộ tất cả đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng [Tỳ-khưu], Ta đã đi đến nương nhờ vị ấy và đã hứng thú với việc xuất gia.

13. Trong khi thể hiện sự tùy hỷ [phước báu], đức Phật ấy cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong ba mươi ngàn kiếp, người này sẽ trở thành vị Phật.

14. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

15. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

16. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

17. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

18. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

19. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

20. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

21. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

23. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

24. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

27. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

28. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

29. Trong khi sống không xao lãng trong giáo pháp ấy vào lúc ngồi, đứng, đi kinh hành, sau khi làm toàn hảo các thắng trí, Ta đã đi đến thế giới của Phạm thiên.

30. Thành phố có tên là Sudassana, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sudatta, người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha tên là Sudattā.

31. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Sucandanaka, Koñca và Sirivaḍḍha.

32. Có ba lần mười sáu ngàn (bốn mươi tám ngàn) phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sumanā. Con trai tên là Punabbasumitta.

33. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện voi và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót.

34. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sumedha đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại công viên Sudassana tuyệt vời.

35. Saraṇa và Sabbakāma đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha tên là Sāgara.

36. Rāmā và luôn cả Surāmā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Cây Nīpa vĩ đại".

37. Uruvela và luôn cả Yasava đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Yasodharā và Sirimā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

38. Cao tám mươi tám *ratana* (hai mươi hai mét), bậc Đại Hiền Triết chiếu sáng tất cả các phương tợ như mặt trăng ở giữa tập thể các vì sao.

39. Giống như viên ngọc ma-ni của vị Chuyển Luân Vương chiếu sáng một do-tuần, tương tợ y như thế, ngọc quý của vị ấy tỏa sáng một do-tuần ở xung quanh.[37]

40. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

41. [Giáo pháp] này đã được hưng thịnh nhờ vào các vị A-la-hán tốt lành, đã thành tựu tam minh, sáu thắng trí và năng lực như thế ấy.

42. Tất cả các vị ấy đều có danh tiếng vô hạn, đã được giải thoát, không còn tái sanh. Sau khi thị hiện ánh sáng của trí tuệ, tất cả các vị có danh tiếng lớn lao ấy đã Niết-bàn.

43. Đức Phật, đấng Chiến Thắng Cao Quý Sumedha đã Niết-bàn tại tu viện Medha. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.

"Lịch sử đức Phật Sumedha" là phần thứ mười một.

---

[37] Nghĩa là hào quang từ cơ thể của vị ấy tỏa sáng khoảng không gian ở xung quanh có bán kính là một do-tuần (*BvsA*. 201-02).

12. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUJĀTA (*SUJĀTABUDDHAVAṂSO*)

1. Cũng chính trong kiếp Maṇḍa ấy,[38] có vị Lãnh Đạo tên Sujāta là có hàm sư tử, vai rộng, không thể đo lường, khó có thể đạt đến.

2. Không bợn nhơ và tinh khiết như mặt trăng, huy hoàng như mặt trời, luôn chói sáng với sự vinh quang, đấng Toàn Giác rạng rỡ như thế ấy.

3. Sau khi thành tựu toàn vẹn quả vị Giác ngộ tối thượng, đấng Toàn Giác đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp ở tại thành phố Sumaṅgala.

4. Trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sujāta thuyết giảng giáo pháp cao quý vào dịp thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhất, tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu) vị đã lãnh hội.

5. Khi vị có danh tiếng vô lượng Sujāta vào [an cư] mùa mưa ở cõi trời, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của ba mươi bảy trăm ngàn (ba triệu bảy trăm ngàn) [vị].

6. Vào lúc [đức Phật] Sujāta, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, đi đến gặp người cha, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của sáu mươi trăm ngàn (sáu triệu) [vị].

7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sujāta đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

8. Trong số các vị đã đạt đến năng lực của các thắng trí, không còn tái sanh vào cõi này cõi khác, các vị ấy [với số lượng] sáu trăm ngàn đã tụ hội lại là lần thứ nhất.

9. Vào lần khác nữa, trong cuộc tụ hội vào dịp đấng Chiến Thắng từ cõi trời hạ thế, đã có cuộc hội tụ lần thứ nhì của năm chục trăm ngàn (năm triệu) vị.

10. Vị Thinh văn hàng đầu của vị ấy, khi đi đến gặp đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác, đã đi đến với bốn trăm ngàn vị [là lần thứ ba].

11. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị lãnh chúa ở bốn hòn đảo, là vị Chuyển Luân Vương có năng lực lớn lao, di chuyển ở trên không trung.

12. Sau khi chứng kiến điều kỳ diệu ở thế gian, [là việc] phi thường, khiến lông dựng đứng, Ta đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sujāta ấy.

13. Sau khi đã dâng lên vương quốc rộng lớn gồm bốn hòn đảo và bảy vật báu tối thắng đến đức Phật, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

---

[38] Kiếp Maṇḍa (*maṇḍakappa*) là kiếp có 2 vị Phật xuất hiện. Trường hợp này là đức Phật Sumedha và đức Phật Sujāta (*BvsA*. 202).

14. Những người hộ tự ở trong xứ sở, sau khi gom góp phẩm vật đã đem lại đồ dùng thiết yếu, vật trải nằm lót ngồi, dâng lên hội chúng Tỳ-khưu.

15. Khi ấy, vị Chúa Tể Trong Mười Ngàn Thế Giới cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong ba mươi ngàn kiếp, người này sẽ trở thành vị Phật.

16. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

17. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

18. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

19. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

20. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

21. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

22. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

23. Citta và Hatthālavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

24. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

25. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

26. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

27. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

28. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

29. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã sanh khởi niềm hoan hỷ bội phần. Ta đã quyết định sự thực hành tột bực để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

30. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

31. Trong khi sống không xao lãng trong giáo pháp ấy, sau khi tu tập thiền

Phạm thiên và đạt đến sự toàn hảo trong các thắng trí, Ta đã đi đến thế giới của Phạm thiên.

32. Thành phố có tên là Sumaṅgala, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Uggata, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Sujāta tên là Pabhāvatī.

33. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Sirī, Upasirī và Nandā.

34. Có hai mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sirinandā. Con trai tên là Upasena.

35. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã ra sức nỗ lực chín tháng không thiếu sót.

36. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sujāta đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở công viên tuyệt vời Sumaṅgala.

37. Sudassana và Sudeva đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Sujāta tên là Nārada.

38. Nāgā và Nāgasamālā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là Mahāvelu [cây tre vĩ đại].

39. Và cây tre ấy có thân đặc, không có bọng, rậm lá, là loại cây thẳng đuột, to lớn, đáng nhìn, xinh xắn.

40. Giống cây ấy có một thân, khi đã phát triển thì được phân thành các nhánh từ thân ấy như là chùm lông đuôi của chim công được buộc chặt lại; giống cây ấy xinh đẹp như thế.

41. Không có các gai ở cây ấy và cũng không có lỗ bọng lớn, cành cây xòe rộng, không thưa thớt, bóng râm dày đặc, xinh xắn.

42. Sudatta và luôn cả Citta đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Subhaddā và luôn cả Padumā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

43. Với chiều cao năm mươi *ratana* (mười hai mét rưỡi), đấng Chiến Thắng ấy đạt đến sự cao quý về mọi mặt và thành tựu tất cả các đức hạnh.

44. Tương đương với các loại hào quang không thể sánh bằng, hào quang của vị ấy tỏa sáng xung quanh. Vị ấy là vô lượng, vô song, với các sự so sánh đối chiếu không có người tương tợ.

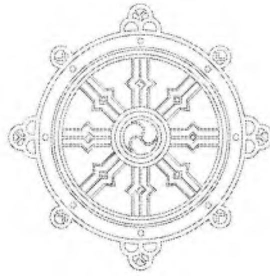
45. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

46. Cũng giống như các làn sóng ở biển cả, giống như các vì sao ở bầu trời, tương tợ như thế, lúc bấy giờ lời tuyên thuyết [của đức Phật ấy] được tô điểm nhờ vào các vị A-la-hán.

47. Đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, và các đức hạnh vô song ấy, tất cả đều hoàn toàn biết mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

48. Đức Phật, đấng Chiến Thắng Cao Quý Sujāta đã Niết-bàn tại tu viện Sīla. Ngôi bảo tháp được dựng lên cao ba *gāvuta* (tương đương mười hai ki-lô-mét) dành cho bậc Đạo Sư ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Sujāta" là phần thứ mười hai.



13. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PIYADASSĪ (*PIYADASSIBUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Sujāta, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Piyadassī là vị tự mình chứng ngộ, khó có thể đạt đến, tương đương với các vị không thể sánh bằng, có danh tiếng vĩ đại.

2. Có danh tiếng vô hạn, đức Phật ấy cũng chiếu sáng tợ như mặt trời. Sau khi hủy diệt tất cả bóng tối, Ngài đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

3. Đối với vị có oai lực vô song ấy, cũng đã có ba sự lãnh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

4. Thiên vương Sudassana đã thuận theo tà kiến. Trong khi xua tan tà kiến của vị ấy, bậc Đạo Sư đã thuyết giảng Chánh pháp.

5. Cuộc tụ hội của các hạng chúng sanh là vô song. Khi ấy, đám đông đã tụ hội lại. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi ngàn *koṭi* vị.

6. Vào lúc bậc Điều Khiển Nhân Loại huấn luyện con voi Doṇamukha, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám mươi ngàn *koṭi* vị.

7. Vị Piyadassī ấy cũng đã có ba lần tụ hội. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

8. Sau đó vào lúc khác, chín mươi *koṭi* vị Hiền triết đã hội họp chung lại với nhau. Ở cuộc hội tụ thứ ba, đã có tám mươi *koṭi* vị.

9. Vào lúc bấy giờ, Ta là người thanh niên Bà-la-môn tên Kassapa, là vị trì tụng, nắm vững chú thuật, thành thạo ba bộ Vệ-đà.

10. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị [Phật] ấy, Ta đã sanh khởi niềm tin. Với một trăm ngàn *koṭi* [đồng tiền] Ta đã tạo lập tu viện cho hội chúng.

11. Sau khi dâng cúng tu viện đến vị ấy, Ta trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn, đã tạo lập sự vững chãi trong việc nương nhờ và đã thọ trì năm giới.

12. Đức Phật ấy, ngồi giữa hội chúng, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong mười tám trăm (một ngàn tám trăm) kiếp, người này sẽ trở thành vị Phật.

13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

15. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

16. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

18. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

19. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

20. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

21. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

26. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

27. Thành phố có tên là Sudhañña, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sudatta, người mẹ của đấng Đạo Sư Piyadassī tên là Sucandā.

28. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Sunimmala, Vimala và Giribrahā.

29. Có ba mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Vimalā. Con trai là Kañcanāvela.

30. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng phương tiện xe và đã thực hành sự nỗ lực sáu tháng.

31. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Đại Hiền Triết, đấng Đại Hùng Piyadassī đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] tại công viên Usabha xinh đẹp.

32. Pālita và Sabbadassī đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của đấng Đạo Sư Piyadassī tên là Sobhita.

33. Sujātā và Dhammadinnā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Kakudha".

34. Sandhaka và Dhammaka đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Visākhā và Dhammadinnā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

35. Có danh tiếng vô hạn, với ba mươi hai tướng trạng cao quý, và chiều cao tám mươi cánh tay,[39] đức Phật ấy được nhìn thấy như là cây sāla chúa.

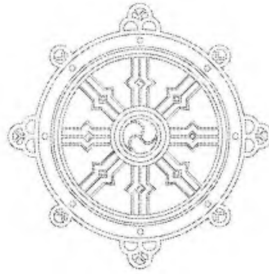
36. Không có ánh sáng của ngọn lửa, của mặt trăng hay mặt trời, tương tợ như hào quang của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng ấy.

37. Tuổi thọ của vị ấy cũng dài như là [tuổi thọ] của các hàng thiên nhân. Bậc Hữu Nhãn đã tồn tại ở thế gian chín mươi ngàn năm.

38. Đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, luôn cả các đức hạnh vô song ấy, tất cả đều hoàn toàn biết mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

39. Đấng Hiền Triết Cao Quý Piyadassī ấy đã Niết-bàn tại tu viện Assattha. Ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy đã được dựng lên cao ba do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Piyadassī" là phần thứ mười ba.



[39] 80 x 0.5 = 40 m.

14. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT ATTHADASSĪ (*ATTHADASSIBUDDHAVAṂSO*)

1. Cũng chính trong kiếp Maṇḍa ấy,[40] bậc Nhân Ngưu Atthadassī sau khi hủy diệt bóng đêm mịt mù đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

2. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị ấy đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp và đã làm hài lòng thế gian mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên bằng sự bất tử.

3. Đối với đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy, cũng đã có ba sự lãnh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

4. Vào lúc đức Phật Atthadassī đi du hành ở cõi trời, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

5. Vào dịp khác nữa, khi đức Phật thuyết giảng trong sự hiện diện của người cha, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

6. Và bậc Đại Ẩn Sĩ ấy đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

7. Cuộc hội tụ thứ nhất là của chín mươi tám ngàn *koṭi* vị. Cuộc hội tụ thứ nhì là của tám mươi ngàn *koṭi* vị.

8. Cuộc hội tụ thứ ba là của bảy mươi tám ngàn *koṭi* (bảy trăm tám mươi tỷ) vị Đại Ẩn sĩ đã hoàn toàn giải thoát khỏi chấp thủ, không còn ô nhiễm.

9. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột tên là Susima, được xem là hạng nhất ở trên trái đất.

10. Sau khi mang từ thế giới chư thiên bông hoa Mạn-đà-la, hoa Sen, hoa San Hô của cõi trời, Ta đã cúng dường đến đấng Toàn Giác.

11. Đức Phật ấy, bậc Đại Hiền Triết Atthadassī, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong mười tám trăm (một ngàn tám trăm) kiếp, người này sẽ trở thành vị Phật.

12. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

13. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

---

[40] *Maṇḍakappa* là kiếp có 2 vị Phật xuất hiện. Kiếp này có đến 3 vị Phật xuất hiện là Piyadassī, Atthadassī và Dhammadassī lẽ ra phải gọi là *varakappa*; điều này đã được đề cập ở phần *Chú giải* Lịch sử đức Phật Padumuttara (*BvsA*. 216).

14. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

15. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

16. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

17. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

18. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

19. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

20. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

21. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

22. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

23. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

24. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

25. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn, đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

26. Thành phố có tên là Sobhaṇa, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Sāgara, người mẹ của bậc Đạo Sư Atthadassī tên là Sudassanā.

27. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Amaragiri, Suragiri và Girivāhana.

28. Có ba mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Visākhā. Con trai tên là Sela.

29. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã ra sức nỗ lực trong tám tháng không thiếu sót.

30. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị có danh tiếng lớn lao, đấng Đại Hùng, bậc Nhân Ngưu Atthadassī đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở công viên Anoma.

31. Santa và Upasanta đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đạo Sư Atthadassī tên là Abhaya.

32. Dhammā và luôn cả Sudhammā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Campaka".

33. Nakula và luôn cả Nisabha đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Makilā và Sunandā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

34. Cao tám mươi *ratana* (hai mươi mét), được vẹn toàn như là mặt trăng [chúa của các vì sao], đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, sáng chói như là cây sāla chúa.

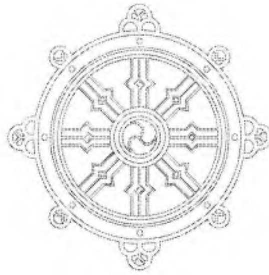
35. Hàng trăm *koṭi* hào quang tự nhiên của vị ấy luôn luôn tỏa rộng một do-tuần ở khắp mười phương, bên trên và bên dưới.

36. Đức Phật ấy, bậc Nhân Ngưu, đấng Hiền Triết Tối Thượng Của Tất Cả Chúng Sanh, bậc Hữu Nhãn cũng đã tồn tại ở thế gian một trăm ngàn năm.

37. Sau khi thị hiện hào quang vô song và đã chiếu sáng thế gian luôn cả chư thiên, vị ấy cũng đạt đến hiện trạng vô thường tương tợ như ngọn lửa cạn nguồn nhiên liệu.

38. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Atthadassī đã Niết-bàn tại tu viện Anoma. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.

"Lịch sử đức Phật Atthadassī" là phần thứ mười bốn.



15. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DHAMMADASSĪ (*DHAMMADASSIBUDDHAVAṂSO*)

1. Cũng chính trong kiếp Maṇḍa ấy, vị có danh tiếng lớn lao Dhammadassī đã xua tan bóng đêm tăm tối và chiếu sáng thế gian luôn cả các cõi trời.

2. Cũng trong việc chuyển vận bánh xe Chánh pháp của vị có oai lực vô song ấy, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

3. Vào lúc đức Phật Dhammadassī hướng dẫn vị ẩn sĩ Sañjaya, khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi *koṭi* vị.

4. Vào lúc [Chúa trời] Sakka cùng với tùy tùng đi đến gặp bậc Hướng Đạo, khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám mươi *koṭi* vị.

5. Đấng Thiên Nhân của chư thiên ấy cũng đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

6. Lúc đức Phật Dhammadassī vào [an cư] mùa mưa ở Saraṇa, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ nhất của một ngàn *koṭi* vị.

7. Vào lần khác nữa, lúc đức Phật từ cõi trời đi đến cõi nhân loại, khi ấy cũng đã có cuộc hội tụ thứ nhì của một trăm *koṭi* vị.

8. Vào lần khác nữa, lúc đức Phật giảng giải về các đức hạnh là các pháp Đầu-đà, khi ấy đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi *koṭi* vị.

9. Vào lúc bấy giờ, Ta là [Chúa trời] Sakka, [có danh hiệu là] Purindada. Ta đã cúng dường hương thơm của cõi trời, tràng hoa, nhạc cụ [đến đức Phật].

10. Lúc bấy giờ, đức Phật ấy ngồi ở giữa chư thiên cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong mười tám trăm (một ngàn tám trăm) kiếp, người này sẽ trở thành vị Phật.

11. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

12. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

13. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

14. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

15. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

16. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

17. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

18. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

19. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

20. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

21. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

22. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

23. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

24. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã thực hiện sự nỗ lực tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

25. Thành phố có tên là Saraṇa, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Saraṇa, người mẹ của bậc Đạo Sư Dhammadassī tên là Sunandā.

26. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình tám ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Araja, Viraja và Sudassana.

27. Có bốn mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Vicitolī. Con trai tên là Puññavaḍḍhana.

28. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng tòa lâu đài và đã thực hành hạnh nỗ lực bảy ngày.

29. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Nhân Ngưu, đấng Đại Hùng, vị Tối Thượng Nhân Dhammadassī đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở Migadāya (Vườn Nai).

30. Paduma và Phussadeva đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đạo Sư Dhammadassī tên là Sunetta.

31. Khemā và Saccanāmā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Bimbijāla".

32. Subhadda và luôn cả Kaṭissaha sẽ là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sāliyā và Valiyā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

33. Cao tám mươi cánh tay (bốn mươi mét), đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, nổi bật trong mười ngàn thế giới nhờ vào oai lực.

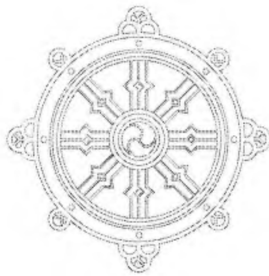
34. Tợ như cây sāla chúa nở rộ bông, giống như tia sét ở trên bầu trời, như là mặt trời lúc chính ngọ, khi ấy vị ấy đã chiếu sáng như thế.

35. Mạng sống (tuổi thọ) của vị có oai lực vô song ấy cũng tương tợ [như loài người], bậc Hữu Nhãn đã tồn tại ở thế gian một trăm ngàn năm.

36. Sau khi đã thị hiện hào quang và làm cho giáo pháp không còn ô nhiễm, vị ấy cùng với các Thinh văn đã Niết-bàn tương tợ như mặt trăng đã lặn ở trên bầu trời.

37. Đấng Đại Hùng Dhammadassī đã Niết-bàn tại tu viện Kesa. Ngôi bảo tháp cao quý được dựng lên cao ba do-tuần dành cho chính vị ấy ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Dhammadassī" là phần thứ mười lăm.



16. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIDDHATTHA (*SIDDHATTHABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Dhammadassī, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã tiêu diệt tất cả tăm tối như là mặt trời đã mọc lên ở không trung.

2. Sau khi đạt được quả vị Toàn giác, vị ấy cũng đã làm cơn mưa với đám mây Chánh pháp giúp cho thế gian luôn cả chư thiên vượt qua, và tế độ thế gian luôn cả chư thiên chứng ngộ Niết-bàn.

3. Đối với vị có oai lực vô song ấy, cũng đã có ba sự lãnh hội. Sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

4. Cũng vào dịp khác nữa, vào lúc Ngài gióng lên tiếng trống ở Bhīmaratha (quốc độ của sự kinh hoàng), khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi *koṭi* vị.

5. Vào lúc đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân ấy, thuyết giảng giáo pháp ở Vebhāra, khi ấy đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của chín mươi *koṭi* vị.

6. Và bậc Tối Thượng Của Loài Người ấy cũng đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

7. Đây là ba số liệu về việc hội tụ của các vị không còn ô nhiễm: Của một trăm *koṭi* vị, của chín mươi [*koṭi*] vị và của tám mươi *koṭi* vị.

8. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị đạo sĩ khổ hạnh tên Maṅgala có oai lực cao tột, khó có ai vượt trội, đã thành tựu thiền định và năng lực của các thắng trí.

9. Sau khi mang lại trái cây từ cây Jambu,[41] Ta đã dâng đến [đức Phật] Siddhattha. Sau khi nhận lãnh, bậc Toàn Giác đã nói lên lời này:

10. "Các ngươi hãy nhìn vị đạo sĩ khổ hạnh tóc bện có khổ hạnh cao tột này. Trong chín mươi bốn kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

11. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

12. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

13. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

14. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

---

[41] Trái *Jambu* là trái mận đỏ, đào đỏ. (ND)

15. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

16. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

17. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

18. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

19. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

20. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

21. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

22. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

23. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

24. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

25. Thành phố có tên là Vebhāra, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Udena, người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha tên là Suphassā.

26. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong mười ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Kokā, Suppalā và Kokanadā.

27. Có ba lần mười sáu ngàn (bốn mươi tám ngàn) phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sumanā. Con trai tên là Anupama.

28. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện kiệu khiêng và đã ra sức nỗ lực mười tháng không thiếu sót.

29. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại Migadāya (Vườn Nai).

30. Sambala và Sumitta đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha tên là Revata.

31. Sīvalā và Surāmā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Kaṇikāra".

32. Suppiya và Samudda đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Rammā và luôn cả Surammā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

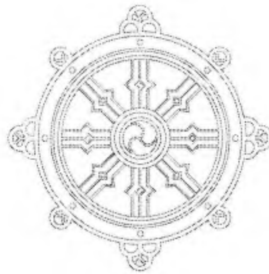
33. Vươn lên bầu trời [chiều cao] sáu mươi *ratana* (mười lăm mét), đức Phật ấy chiếu sáng mười ngàn thế giới tương tợ như cột trụ bằng vàng có gắn tràng hoa.

34. Đức Phật ấy, vị tương đương với các bậc không thể sánh bằng, là bậc Vô Song, không người đối địch. Bậc Hữu Nhãn cũng đã tồn tại ở thế gian một trăm ngàn năm.

35. Sau khi thị hiện hào quang tuyệt vời và giúp cho các môn đồ đơm hoa kết trái. Sau khi đã được rạng rỡ với sự chứng ngộ, vị ấy cùng với các Thinh văn đã Niết-bàn.

36. Đức Phật Siddhattha, đấng Hiền Triết Cao Quý đã Niết-bàn tại tu viện Anoma. Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vị ấy đã được dựng lên cao bốn do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Siddhattha" là phần thứ mười sáu.



17. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT TISSA
(*TISSABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Siddhattha, bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Tissa là không ai sánh bằng, không người đối địch, có oai lực vô biên, có danh vọng vô lượng.

2. Sau khi đã xua tan bóng đen tăm tối và chiếu sáng thế gian luôn cả các cõi trời, vị Có Lòng Thương Xót, đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi ở thế gian.

3. Cũng có thần thông vô song, giới và định vô song, sau khi đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện, vị ấy đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

4. Đức Phật ấy đã công bố lời diễn thuyết thanh tịnh ở trong mười ngàn thế giới. Hàng trăm *koṭi* vị đã lãnh hội trong cuộc thuyết giảng giáo pháp lần thứ nhất.

5. Lần thứ nhì là của chín mươi ngàn *koṭi* vị. Lần thứ ba là của sáu mươi ngàn *koṭi* vị. Khi ấy, Ngài đã giúp cho nhân loại và chư thiên đã tề tựu lại được giải thoát khỏi các sự trói buộc.

6. Bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Tissa cũng đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

7. Đã có cuộc hội tụ thứ nhất của một trăm ngàn bậc Lậu tận. Đã có cuộc hội tụ thứ nhì của chín mươi trăm ngàn (chín triệu) vị.

8. Đã có cuộc hội tụ thứ ba của tám mươi trăm ngàn (tám triệu) bậc Lậu tận, không còn ô nhiễm, đã nở hoa trong sự giải thoát.

9. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-ly tên Sujāta. Sau khi buông bỏ tài sản lớn lao, Ta đã xuất gia làm ẩn sĩ.

10. Khi Ta đã xuất gia, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã xuất hiện. Sau khi nghe được tiếng nói rằng: "Đức Phật!" Khi ấy phỉ lạc đã phát khởi ở Ta.

11. Sau khi nắm lấy hoa Mạn-đà-la, hoa Sen, hoa San Hô của cõi trời bằng cả hai tay, Ta đã vội vã đi đến.

12. Ta đã cầm lấy bông hoa ấy và đặt lên đỉnh đầu của đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Tissa đang được vây quanh bởi bốn thành phần.[42]

13. Khi ấy, ngồi giữa mọi người đức Phật ấy cũng đã chú nguyện cho Ta

[42] Bốn thành phần là Sát-đế-ly, Bà-la-môn, gia chủ và Sa-môn (*BvsA*. 236).

rằng: "Trong chín mươi hai kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

14. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

15. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

16. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

17. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

18. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

19. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

20. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

21. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

23. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

24. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

27. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

28. Thành phố có tên là Khemaka, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Janasandha, người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Tissa tên là Padumā.

29. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình bảy ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Guhā, Selanāri, Nisabhā.

30. Có đầy đủ ba mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Subhaddā. Con trai tên là Ānanda.

31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót.

32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Tissa, đấng Đại Hùng đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở khu rừng tuyệt vời Yasavatī.

33. Brahmadeva và Udaya đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Tissa tên là Samaṅga.

34. Phussā và luôn cả Sudattā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Asana".

35. Sambala và luôn cả Sirī sẽ là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Kisāgotamī và Upasenā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

36. Cao sáu mươi *ratana* (mười lăm mét), đức Phật, đấng Chiến Thắng ấy không có vị tương đương, không có ai sánh bằng, được nhìn thấy như là núi Hy-mã-lạp.

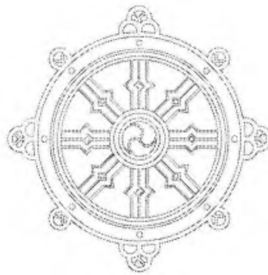
37. Tuổi thọ của vị có oai lực vô song ấy là tối thắng.[43] Bậc Hữu Nhãn đã tồn tại ở thế gian một trăm ngàn năm.

38. Sau khi đã thọ hưởng danh vọng lớn lao, tối thượng, cao quý, nhất hạng, vị ấy đã rực cháy như là khối lửa rồi đã Niết-bàn cùng với các vị Thinh văn.

39. Tương tợ như đám mây [biến mất] bởi làn gió, như là làn sương [biến mất] bởi mặt trời, như là bóng tối [biến mất] bởi ngọn đèn, vị ấy cùng với các Thinh văn đã Niết-bàn.

40. Đức Phật, đấng Chiến Thắng Cao Quý Tissa đã Niết-bàn tại tu viện Nanda. Ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy đã được dựng lên cao ba do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Tissa" là phần thứ mười bảy.



[43] Tuổi thọ là 100.000 năm, không quá dài và không quá ngắn (*BvsA*. 231).

18. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PHUSSA (*PHUSSABUDDHAVAṂSO*)

1. Cũng chính trong kiếp Maṇḍa ấy, đã có bậc Đạo Sư Phussa là đấng Vô Thượng, không có vị tương tợ, không có ai sánh bằng, là bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian.

2. Sau khi đã hủy diệt tất cả bóng tối và tháo gỡ mạng lưới khổng lồ, trong lúc làm hài lòng thế gian luôn cả chư thiên, vị ấy cũng đã đổ cơn mưa bằng nước bất tử.

3. Trong khi [đức Phật] Phussa đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp ở lễ hội tinh tú, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

4. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi trăm ngàn *koṭi* (chín triệu) vị. Đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám mươi trăm ngàn (tám triệu) vị.

5. Và bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa cũng đã có ba lần tụ hội gồm các bậc Lậu tận không còn ô nhiễm có tâm thanh tịnh như thế ấy.

6. Đã có cuộc hội tụ thứ nhất của sáu mươi trăm ngàn (sáu triệu) [vị]. Đã có cuộc hội tụ thứ nhì của năm mươi trăm ngàn (năm triệu) [vị].

7. Đã có cuộc hội tụ thứ ba của bốn mươi trăm ngàn (bốn triệu) vị đã được giải thoát, không còn chấp thủ, có sự tái sanh đã được đoạn tận.

8. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-ly tên Vijitāvi. Sau khi buông bỏ vương quốc rộng lớn, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

9. Bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Phussa ấy cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong chín mươi hai kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

10. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

11. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

12. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

13. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

14. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

15. Kolita và Upatissa sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng ấy.

16. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

17. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

18. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

19. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

20. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

21. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

22. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

23. Nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

24. Sau khi học tập toàn bộ Kinh và luôn cả Luật tức là giáo pháp của bậc Đạo Sư gồm chín thể loại, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

25. Trong khi sống không xao lãng trong giáo pháp ấy, sau khi tu tập thiền Phạm thiên và làm toàn hảo các thắng trí, Ta đã đi đến thế giới của Phạm thiên.

26. Thành phố có tên là Kāsika, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Jayasena, và người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Phussa tên là Sirimā.

27. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình chín ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Garuḷapakkha, Haṃsa và Suvaṇṇabhārā.

28. Có ba mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Kisāgotamī. Con trai tên là Anupama.

29. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng phương tiện voi và đã thực hành hạnh nỗ lực sáu tháng.

30. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, bậc Lãnh Đạo Hàng Đầu Của Thế Gian Phussa, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở Migadāya (Vườn Nai).

31. Surakkhita và Dhammasena đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa tên là Sabhiya.

32. Cālā và Upacālā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Āmaṇḍa".

33. Dhanañcaya và Visākha đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Padumā và luôn cả Nāgā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

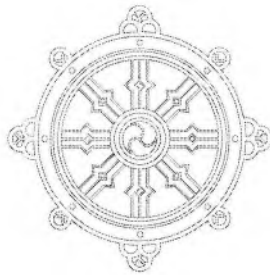
34. Đạt đến chiều cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi), được vẹn toàn như là mặt trăng [chúa của các vì sao], bậc Hiền Triết ấy cũng chiếu sáng tương tợ mặt trời.

35. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến chín mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

36. Sau khi đã giáo giới nhiều chúng sanh và đã giúp cho nhiều người vượt qua, bậc Đạo Sư có danh tiếng vô song ấy cùng với các vị Thinh văn đã Niết-bàn.

37. Đấng Chiến Thắng Cao Quý, bậc Đạo Sư Phussa đã Niết-bàn tại tu viện Sena; đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.

"Lịch sử đức Phật Phussa" là phần thứ mười tám.



19. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VIPASSĪ
(*VIPASSIBUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Phussa, bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân, vị Hữu Nhãn tên Vipassī đã sanh lên ở thế gian.

2. Sau khi làm vỡ tung toàn bộ vô minh và đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng, Ngài đã đi đến thành phố Bandhumatī để chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

3. Bậc Lãnh Đạo đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp và đã giác ngộ cả hai người.[44] Đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là không thể nói được bằng cách tính đếm.

4. Vào lần khác nữa, bậc có danh tiếng vô hạn đã giảng giải về chân lý ở tại nơi ấy. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của tám mươi bốn ngàn vị.

5. Tám mươi bốn ngàn người đã xuất gia theo đấng Toàn Giác. Khi những người ấy đi đến tu viện, bậc Hữu Nhãn đã thuyết giảng giáo pháp đến họ.

6. Sau khi lắng nghe và an trú vào [đức Phật] đang thuyết giảng theo nhiều phương thức, các vị ấy cũng đã đạt đến giáo pháp cao quý; [đây] là sự lãnh hội lần thứ ba.

7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

8. Cuộc hội tụ thứ nhất là của sáu mươi tám trăm ngàn (sáu triệu tám trăm ngàn) vị. Cuộc hội tụ thứ nhì là của một trăm ngàn vị Tỳ-khưu.

9. Cuộc hội tụ thứ ba là của tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu. Tại nơi ấy, ở giữa tập thể Tỳ-khưu, đấng Toàn Giác đã chói sáng.

10. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Long vương tên Atula có đại thần lực, có phước báu, có luồng hào quang.

11. Khi ấy, trong lúc đang vây quanh [đức Phật] với vô số *koṭi* con rồng và đang trình tấu bằng các nhạc cụ của cõi trời, Ta đã đi đến gặp đấng Tối Cao Của Thế Gian.

12. Sau khi đi đến gặp đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, Ta đã thỉnh cầu rồi đã dâng lên đấng Pháp Vương chiếc ghế bằng vàng được cẩn ngọc ma-ni, ngọc trai, châu báu, và được trang điểm với tất cả các đồ trang sức.

13. Đức Phật ấy, ngồi giữa hội chúng, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong chín mươi mốt kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

---

[44] Là hoàng tử Khaṇḍa người em trai cùng cha khác mẹ và Tissa con trai của viên quan tế tự. Hai người này đã trở thành 2 vị Thinh văn hàng đầu của vị Phật này (*BvsA*. 237).

14. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

15. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

16. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

17. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

18. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

19. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

20. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

21. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

22. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

23. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

24. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

25. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

26. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

27. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

28. Thành phố có tên là Bandhumatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Bandhumā, người mẹ của vị Đại Ẩn Sĩ Vipassī tên là Bandhumatī.

29. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong tám ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Nanda, Sunanda và Sirimā.

30. Có bốn mươi ba ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sutanā. Con trai là Samavattakkhandha.

31. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng

phương tiện xe. Bậc Tối Thượng Nhân đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót.

32. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Vipassī đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở Migadāya (Vườn Nai).

33. Khaṇḍa và vị tên Tissa đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī tên là Asoka.

34. Candā và Candamittā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là Pāṭalī.

35. Punabbasumitta và Nāga đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sirimā và luôn cả Uttarā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

36. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī có chiều cao tám mươi cánh tay (bốn mươi mét). Hào quang của vị ấy tỏa sáng bảy do-tuần ở xung quanh.

37. Tuổi thọ được biết là kéo dài đến tám mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

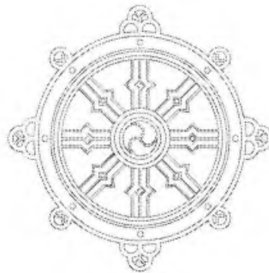
38. Vị ấy đã giải thoát sự trói buộc cho nhiều chư thiên và nhân loại. Ngài đã chỉ ra đạo lộ và không phải đạo lộ cho các phàm nhân còn lại.

39. Sau khi đã thị hiện ánh sáng và giảng giải về trạng thái bất tử, vị ấy đã rực cháy như là khối lửa rồi đã Niết-bàn cùng với các vị Thinh văn.

40. Thần thông cao quý, phước báu cao quý, và [các] tướng trạng đã được đơm hoa, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

41. Đức Phật, bậc Chiến Thắng Cao Quý Vipassī đã Niết-bàn tại tu viện Sumitta. Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vị ấy đã được dựng lên cao bảy do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Vipassī" là phần thứ mười chín.



20. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIKHĪ
(*SIKHĪBUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Vipassī, có bậc Toàn Giác, vị Tối Thượng Nhân, đấng Chiến Thắng tên gọi Sikhī là bậc không ai sánh bằng, không người đối thủ.

2. Sau khi trừ diệt binh đội của Ma vương và đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng, vị ấy đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp vì lòng thương xót chúng sanh.

3. Trong khi bậc Hiền Triết Hàng Đầu Sikhī đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của một trăm ngàn *koṭi* vị.

4. Cũng vào lúc khác, trong khi đấng Tối Thượng Nhân, bậc Đứng Đầu Hội Chúng đang thuyết giảng giáo pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của chín mươi ngàn *koṭi* vị.

5. Trong khi thị hiện song thông đến loài người luôn cả chư thiên, đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của tám mươi ngàn *koṭi* vị.

6. Bậc Đại Ẩn Sĩ Sikhī đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm có tâm thanh tịnh như thế ấy.

7. Cuộc hội tụ thứ nhất là của một trăm ngàn vị Tỳ-khưu. Cuộc hội tụ thứ nhì là của tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu.

8. Cuộc hội tụ thứ ba của bảy mươi ngàn vị Tỳ-khưu là không bị lấm nhơ, tương tợ như đóa hoa sen không bị vấy bùn dầu sanh trưởng ở trong nước.

9. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-lỵ tên Arindama. Ta đã thỏa mãn hội chúng [Tỳ-khưu] có đấng Toàn Giác đứng đầu với cơm ăn, nước uống.

10. Sau khi cúng dường nhiều vải vóc quý giá không dưới mười triệu tấm vải, Ta đã dâng đến đấng Toàn Giác con voi đã được trang hoàng làm phương tiện di chuyển.

11. Ta đã tạo lập ra phương tiện di chuyển là voi và đã được biết rằng là điều được phép. Ta đã làm tròn đủ tâm ý đã được phát nguyện trường kỳ và bền vững của Ta.

12. Đức Phật ấy, đấng Lãnh Đạo Cao Quý Của Thế Gian, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong ba mươi mốt kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā [Ni-liên-thiền].

15. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

16. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

18. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

19. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

20. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

21. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

26. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

27. Thành phố có tên là Aruṇavatī, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Aruṇavā, người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Sikhī tên là Pabhāvatī.

28. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong bảy ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Sucanda, Giri và Vasabha.

29. Có hai mươi bốn ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sabbakāmā. Con trai tên là Atula.

30. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng phương tiện voi và đã thực hành hạnh nỗ lực tám tháng.

31. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Cao Quý Của Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Sikhī đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại Migācire (Vườn Nai).

32. Abhibhū và Sambhava đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại ẩn sĩ Sikhī tên là Khemaṅkara.

33. Makhilā và Padumā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Puṇḍarīka".[45]

34. Sirivaḍḍha và Nanda đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Cittā và luôn cả Suguttā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

35. Đức Phật ấy có chiều cao bảy mươi cánh tay (ba mươi lăm mét), với ba mươi hai tướng trạng cao quý tương tợ như cột trụ bằng vàng có gắn tràng hoa.

36. Ánh sáng hào quang từ cơ thể của vị ấy phát ra khắp các phương ngày và đêm không gián đoạn. Hào quang ấy [có độ dài] là ba do-tuần.

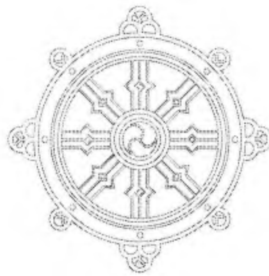
37. Tuổi thọ của bậc Đại Ẩn Sĩ ấy là bảy mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

38. Sau khi đổ cơn mưa đám mây Chánh pháp và làm cho chúng sanh luôn cả chư thiên được thấm nhuần, vị ấy sau khi đạt đến bản thể an tịnh đã Niết-bàn cùng với các vị Thinh văn.

39. Ba mươi hai tướng trạng cao quý đã đạt được cùng với các tướng phụ, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

40. Đức Phật Sikhī, đấng Hiền Triết Cao Quý đã Niết-bàn tại tu viện Dussa. Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vị ấy đã được dựng lên cao ba do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Sikhī" là phần thứ hai mươi.



[45] *Puṇḍarīka* là cây xoài trắng (*setambarukkha*) (*BvsA*. 247).

21. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VESSABHŪ (*VESSABHŪBUDDHAVAṂSO*)

1. Cũng chính trong kiếp Maṇḍa ấy, đấng Lãnh Đạo tên Vessabhū ấy, bậc không ai sánh bằng, không người đối thủ, đã hiện khởi ở thế gian.

2. Khi ấy, biết rằng ngọn lửa ái dục đang thiêu đốt thế gian này là căn cứ địa của các ái, vị ấy sau khi cắt đứt sự trói buộc đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng, ví như con long tượng [được tự do] sau khi đã giật đứt xích xiềng.[46]

3. Trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vessabhū đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp; đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của tám mươi ngàn *koṭi* (tám trăm tỷ) vị.

4. Trong khi đấng Hàng Đầu Thế Gian, bậc Nhân Ngưu ra đi du hành trong xứ sở, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của bảy mươi ngàn *koṭi* (bảy trăm tỷ) vị.

5. Trong khi xua tan tà kiến nghiêm trọng, vị ấy thể hiện thần thông. Nhân loại và chư thiên trong mười ngàn thế giới tính luôn các cõi trời đã hội tụ lại.

6. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu vĩ đại, phi thường, khiến lông dựng đứng, sáu mươi *koṭi* (sáu trăm triệu) chư thiên và luôn cả loài người đã được giác ngộ.

7. Bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū đã có ba lần tụ hội gồm các vị Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

8. Đã có cuộc hội tụ thứ nhất của tám mươi ngàn *koṭi* vị Tỳ-khưu. Đã có cuộc hội tụ thứ nhì của bảy mươi ngàn vị Tỳ-khưu.

9. Đã có cuộc hội tụ thứ ba của sáu chục ngàn vị Tỳ-khưu chính thức của bậc Đại Ẩn Sĩ là các vị đã qua khỏi các sự hãi sợ như sự già, v.v...

10. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-lỵ tên Sudassana. Sau khi thỉnh mời bậc Đại Hùng và đã dâng cúng vật thí vô cùng xứng đáng, Ta đã cúng dường đấng Chiến Thắng cùng với hội chúng [Tỳ-khưu] cơm nước và y phục.

11. Bánh xe tối thắng của đức Phật không gì sánh bằng ấy đã được chuyển vận. Sau khi lắng nghe giáo pháp tuyệt vời, Ta đã thích thú sự xuất gia.

12. Sau khi đã tiến hành cuộc đại thí không ngơi nghỉ đêm ngày, Ta đã tiến hành sự xuất gia hội đủ các ưu điểm trong sự chứng minh của đấng Chiến Thắng.

13. Được thành tựu sở hành và đức hạnh, nghiêm túc trong các phận sự và

---

[46] Dịch theo lời giải thích của *Chú giải* (*BvsA*. 249).

giới hạnh, trong lúc tầm cầu quả vị Toàn tri, Ta được thỏa thích trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

14. Sau khi đã đạt được niềm tin và sự hoan hỷ, Ta đảnh lễ đức Phật, bậc Đạo Sư. Niềm hoan hỷ được sanh lên đến Ta có nguyên nhân chính là quả vị giác ngộ.

15. Biết được tâm ý [của Ta] không còn thối chuyển, đấng Toàn Giác đã nói lên điều này: "Trong ba mươi mốt kiếp tính từ thời điểm này, người này sẽ trở thành vị Phật.

16. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

17. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

18. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

19. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

20. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

21. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

22. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

23. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

24. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

25. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

26. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

27. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

28. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

29. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

30. Thành phố có tên là Anupama, vị vua dòng Sát-đế-lỵ tên là Suppatita, người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū tên là Yasavatī.

31. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong sáu ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Ruci, Suruci và Rativaḍḍhana.

32. Có không dưới ba mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sucittā. Con trai tên là Suppabuddha.

33. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng kiệu khiêng và đã thực hành hạnh nỗ lực sáu tháng.

34. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Vessabhū đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] cũng ở tại Aruṇa.

35. Soṇa và luôn cả Uttara đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại ẩn sĩ Vessabhū tên là Upasanta.

36. Dāmā và luôn cả Samālā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Sāla".

37. Sotthika và luôn cả Ramma đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Gotamī và Sirimā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

38. Có chiều cao sáu mươi *ratana* tương đương với cây cột bằng vàng. Hào quang phát ra từ cơ thể giống như là ngọn lửa ở trên ngọn núi vào ban đêm.

39. Tuổi thọ của vị ấy được biết là đến sáu mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

40. Sau khi đã hoằng khai giáo pháp, đã phân hạng dân chúng và đã thiết lập con thuyền Chánh pháp, vị ấy cùng với các Thinh văn đã Niết-bàn.

41. Tất cả những người [đức Phật và các vị Thinh văn], cách sinh hoạt, lề lối oai nghi đáng được chiêm ngưỡng, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

42. Đấng Chiến Thắng Cao Quý, bậc Đạo Sư Vessabhū đã Niết-bàn tại tu viện Khema. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.

"Lịch sử đức Phật Vessabhū" là phần thứ hai mươi mốt.

22. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KAKUSANDHA (*KAKUSANDHABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Vessabhū, có bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân tên Kakusandha là vị không thể đo lường, khó có thể đạt đến.

2. Sau khi làm tiêu hoại tất cả các sự tái sanh, vị ấy đã đạt đến sự toàn hảo trong các hạnh, đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng, tương tợ như con sư tử [đã được tự do] sau khi bẻ gãy chiếc lồng giam giữ.

3. Trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Kakusandha đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của bốn mươi ngàn *koṭi* [bốn trăm tỷ] vị.

4. Sau khi đã hóa hiện song thông ở không trung trên bầu trời, vị ấy đã giác ngộ ba mươi ngàn *koṭi* [ba trăm tỷ] chư thiên và nhân loại.

5. Sự lãnh hội giáo pháp của vị ấy trong lần giảng giải về bốn chân lý cho dạ-xoa Naradeva là không thể đếm được theo cách thức tính toán.

6. Đức Thế Tôn Kakusandha đã có một lần tụ hội gồm các bậc Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

7. Khi ấy, đã có cuộc hội tụ của bốn mươi ngàn vị đã đạt đến nền tảng của việc huấn luyện nhờ vào sự diệt tận các nhóm kẻ thù là lậu hoặc.

8. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-ly tên Khema. Ta đã dâng lên vật thí không nhỏ đến đức Như Lai và những người con trai của đấng Chiến Thắng.

9. Sau khi cúng dường bình bát, y phục, thuốc bôi, mật mía, Ta đã chuẩn bị tất cả mọi thứ này nọ vô cùng quý giá đã được mong mỏi.

10. Đấng Hiền Triết, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Kakusandha ấy, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong kiếp Bhadda này,[47] người này sẽ trở thành vị Phật."

11. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

12. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā [Ni-liên-thiền].

13. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

---

[47] Kiếp *Bhadda* (*bhaddakappa*) có 5 vị Phật sanh lên. Chúng ta đang ở vào kiếp *Bhadda* gồm có 4 vị Phật đã sanh lên là Kakusandha, Koṇāgamana, Kassapa, Gotama (Phật Thích-ca). Vị Phật sẽ sanh lên trong thời vị lai là Metteyya (*BvsA*. 252).

14. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

15. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

16. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

17. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

18. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

19. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

20. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

21. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

22. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

23. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

24. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

25. Thành phố có tên là Khemavatī. Khi ấy, Ta có tên là Khema. Trong khi tầm cầu quả vị Toàn tri, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

26. Và vị Bà-la-môn Aggidatta ấy đã là người cha của đức Phật. Người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Kakusandha tên là Visākhā.

27. Cư trú tại nơi ấy ở trong thành Khemā, gia tộc vĩ đại của đấng Toàn Giác là dòng dõi cao quý hạng nhất trong loài người, có danh tiếng vĩ đại.

28. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong bốn ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Ruci, Suruci và Rativaddhana.

29. Có đầy đủ ba mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Virocamānā. Con trai tên là Uttara.

30. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, đấng Chiến Thắng đã ra đi bằng phương tiện xe và đã ra sức nỗ lực tám tháng không thiếu sót.

31. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại

Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Kakusandha đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại Migadāya (Vườn Nai).

32. Vidhura và Sañjīva đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Kakusandha tên là Buddhija.

33. Sāmā và Campā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là "Sirasa".

34. Accuta và Sumana đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Nandā và luôn cả Sunandā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

35. Bậc Đại Hiền Triết cao bốn mươi *ratana* (mười mét), hào quang màu hoàng kim phát ra mười do-tuần ở chung quanh.

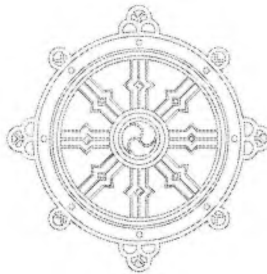
36. Tuổi thọ của bậc Đại Ẩn Sĩ ấy là bốn mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

37. Sau khi đã phô bày gian hàng giáo pháp đến những người nam nữ luôn cả chư thiên, sau khi rống lên như là tiếng rống của loài sư tử, vị ấy đã Niết-bàn cùng với các Thinh văn.

38. [Đức Phật] đã thành tựu tám chi phần về lời nói,[48] những phẩm chất không bao giờ khiếm khuyết, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

39. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Kakusandha đã Niết-bàn tại tu viện Khemā. Ngôi bảo tháp cao quý dành cho vị ấy đã vươn lên bầu trời một *gāvuta* ở ngay tại nơi ấy.

"Lịch sử đức Phật Kakusandha" là phần thứ hai mươi hai.



[48] Tám chi phần về lời nói là: Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động (*D.* II. 201, *Kinh* Xà-*ni-sa* (*Janavasabhasuttaṃ*), số 18).

23. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KOṆĀGAMANA (*KOṆĀGAMANABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Kakusandha, có đấng Toàn Giác, bậc Tối Thượng Nhân, đấng Chiến Thắng, vị Đứng Đầu Thế Gian, bậc Nhân Ngưu tên là Koṇāgamana.

2. Sau khi làm tròn đủ mười pháp, vị ấy đã vượt qua bãi sa mạc [luân hồi]. Sau khi tẩy rửa mọi điều nhơ bẩn, vị ấy đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

3. Trong khi vị Lãnh Đạo Koṇāgamana đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của ba mươi ngàn *koṭi* (ba trăm tỷ) vị.

4. Và trong khi thể hiện thần thông trừ diệt các học thuyết khác, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của hai mươi ngàn *koṭi* (hai trăm tỷ) vị.

5. Kế đến, sau khi thể hiện sự biến hóa [thần thông], đấng Chiến Thắng đã đi đến thành phố của chư thiên. Tại nơi ấy, bậc Toàn Giác đã ngự trên tảng đá là ngai vàng của vị Chúa trời Sakka.

6. Bậc Hiền Triết ấy an cư mùa mưa [ở cõi trời], trong khi thuyết giảng bảy bộ sách [Vi diệu pháp], đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của mười ngàn *koṭi* (một trăm tỷ) vị.

7. Vị Thiên Nhân ấy của chư thiên đã có chỉ một lần hội tụ gồm các bậc Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

8. Khi ấy, đã có cuộc hội tụ của ba mươi ngàn vị Tỳ-khưu đã vượt qua khỏi dòng nước lũ và đã làm tiêu tán sự tử vong.

9. Vào lúc bấy giờ, Ta là vị Sát-đế-lỵ tên Pabbata hội đủ các thân hữu và quan viên, có binh lực và xe cộ không phải là ít.

10. Sau khi đã đi đến diện kiến đấng Toàn Giác và lắng nghe giáo pháp tối thượng, Ta đã thỉnh mời hội chúng cùng với đấng Chiến Thắng và đã dâng cúng vật thí theo như ước muốn.

11. Ta đã cúng dường bậc Đạo Sư và các vị Thinh văn vải xứ Pattuṇṇa, vải Trung Quốc, tơ lụa xứ Kāsi, cùng với mền len và luôn cả đôi dép bằng vàng nữa.

12. Bậc Hiền Triết ấy ngồi giữa hội chúng, cũng đã chú nguyện cho Ta rằng: "Trong kiếp Bhadda này, người này sẽ trở thành vị Phật.

13. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

14. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

15. Ở tại bờ sông Nerañjarā, đấng Chiến Thắng ấy thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

16. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ được giác ngộ ở tại cội cây Assattha.

17. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

18. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

19. Khemā và Uppalavaṇṇā không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

20. Citta và Haṭṭhāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

21. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

22. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

23. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

24. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

25. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

26. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

27. Trong khi tầm cầu quả vị Toàn tri, Ta đã cúng dường vật thí đến đấng Tối Thượng Nhân. Sau khi từ bỏ vương quốc rộng lớn, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

28. Thành phố có tên là Sobhavatī, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Sobha. Tại nơi ấy, gia tộc vĩ đại của đấng Toàn Giác cư ngụ ở trong thành phố.

29. Và vị Bà-la-môn Yaññadatta ấy đã là người cha của đức Phật. Người mẹ của bậc Đạo Sư Koṇāgamana tên là Uttarā.

30. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình trong ba ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Tusita, Santusita và Santuṭṭha.

31. Có không dưới mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Rucigattā. Con trai tên là Satthavāha.

32. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng phương tiện voi và đã thực hành hạnh nỗ lực sáu tháng.

33. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân tên Koṇāgamana đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại Migadāya (Vườn Nai).

34. Bhiyyasa và Uttara đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc có danh tiếng Koṇāgamana tên là Sotthija.

35. Samuddā và Uttarā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Udumbara".

36. Ugga và Somadeva đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Sīvalā và luôn cả Sāmā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

37. Đức Phật ấy đạt đến chiều cao ba mươi cánh tay (mười lăm mét). Tương tợ như chiếc vòng vàng ở trong lò lửa của thợ rèn, vị ấy đã rực rỡ với các hào quang như thế ấy.

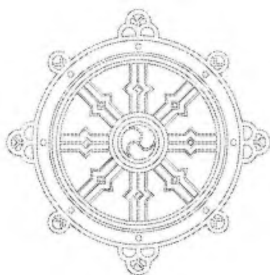
38. Tuổi thọ được biết là đến ba chục ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

39. Sau khi giương cao ngôi bảo tháp Chánh pháp được tô điểm với những biểu ngữ về Chánh pháp, vị ấy đã kết thành chùm hoa Chánh pháp rồi đã Niết-bàn cùng với các Thinh văn.

40. Môn đồ của vị ấy có thần lực vĩ đại, có sự giảng giải giáo pháp huy hoàng, tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

41. Đấng Toàn Giác Koṇāgamana đã Niết-bàn tại tu viện Pabbata. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.

"Lịch sử đức Phật Koṇāgamana" là phần thứ hai mươi ba.



24. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KASSAPA (*KASSAPABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau [đức Phật] Koṇāgamana, có bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân tên Kassapa là vị Pháp Vương tỏa sáng hào quang.

2. Vị ấy sau khi biếu tặng vật thí là tài sản gia đình đã được xả bỏ và nhiều cơm ăn nước uống đến những người ăn xin và làm tròn đủ tâm ý, vị ấy đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng, ví như con bò mộng đã [được tự do sau khi] phá vỡ chuồng trại.

3. Trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Kassapa đang chuyển vận bánh xe Chánh pháp, đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của hai mươi ngàn *koṭi* (hai trăm tỷ) vị.

4. Vào lúc đức Phật đi du hành ở thế gian trong bốn tháng, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là của mười ngàn *koṭi* (một trăm tỷ) vị.

5. Sau khi đã thể hiện sự biến hóa song thông, vị ấy đã giảng giải về bản thể của trí tuệ; đã có sự lãnh hội lần thứ ba là của năm ngàn *koṭi* (năm mươi tỷ) vị.

6. Ở tại thành phố của chư thiên Sudhammā xinh xắn, đấng Chiến Thắng đã giảng giải giáo pháp ở tại nơi ấy và đã giác ngộ ba ngàn *koṭi* (ba mươi tỷ) chư thiên.

7. Trong lần thuyết giảng giáo pháp khác cho dạ-xoa Naradeva, sự lãnh hội của những người ấy là không thể đếm được theo cách thức tính toán.

8. Vị Thiên Nhân ấy của chư thiên đã có chỉ một lần hội tụ gồm các bậc Lậu tận không còn ô nhiễm, có tâm thanh tịnh như thế ấy.

9. Khi ấy, đã có cuộc hội tụ của hai mươi ngàn vị Tỳ-khưu là những vị đã vượt qua tham ái bằng sự hổ thẹn [tội lỗi] và giới hạnh như thế ấy.

10. Vào lúc bấy giờ, Ta là thanh niên Bà-la-môn nổi tiếng với tên Jotipāla, là người trì tụng, nắm vững chú thuật, thành thạo ba bộ Vệ-đà.

11. Ta đã đạt đến sự toàn hảo về khoa tướng mạo, về truyền thuyết và về các phận sự chánh yếu, là vị rành rẽ về trời đất, có trí tuệ đã được hoàn tất, thuần thục.

12. Vị hộ độ của đức Thế Tôn Kassapa tên Ghaṭikāra (thợ làm đồ gốm) là người có sự tôn kính, có sự vâng lời, đã đạt Niết-bàn trong quả vị thứ ba (Bất lai).

13. Ghaṭikāra đã đưa Ta đi đến gặp đấng Chiến Thắng Kassapa. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, Ta đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

14. Sau khi đã khởi sự tinh cần và là người thông thạo trong các phận sự lớn nhỏ, Ta không bỏ sót bất cứ điều gì và làm tròn đủ giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

15. Cho đến những gì đã được đức Phật nói lên tức là giáo pháp của đấng Chiến Thắng gồm chín thể loại; sau khi học tập toàn bộ, Ta đã làm rạng rỡ giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

16. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ở nơi Ta, đức Phật ấy cũng đã chú nguyện rằng: "Trong kiếp Bhadda này, người này sẽ trở thành vị Phật.

17. Sau khi rời khỏi [thành phố] xinh đẹp tên là Kapila, đức Như Lai ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được [khổ hạnh].

18. Sau khi ngồi xuống ở cội cây của những người chăn dê, đức Như Lai nhận lấy món cơm sữa ở tại nơi ấy rồi đi đến Nerañjarā (Ni-liên-thiền).

19. Ở tại bờ sông Nerañjarā, [đức Như Lai] thọ thực món cơm sữa rồi đi đến cội cây Bồ-đề bằng đạo lộ cao quý đã được dọn sẵn.

20. Kế đó, sau khi nhiễu quanh khuôn viên của cội Bồ-đề, bậc Vô Thượng Nhân, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại sẽ ngồi xuống vào tư thế kiết-già và sẽ được giác ngộ ở chỗ ngồi giác ngộ tối thắng trong vị thế bất bại.

21. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

22. Kolita và Upatissa không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

23. Khemā và Uppalavaṇṇā không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm an tịnh và định tĩnh sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi tên là 'Assattha'.

24. Citta và Hatthāḷavaka sẽ là [hai] nam thí chủ hộ độ hàng đầu. Uttarā và Nandamātā sẽ là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu. Tuổi thọ [vào thời] của vị Gotama có danh tiếng ấy là một trăm năm."

25. Sau khi nghe được lời nói này của vị Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại vui mừng [nghĩ rằng]: "Vị này là chủng tử mầm mống của chư Phật."

26. Họ thốt lên những tiếng reo hò, vỗ tay và nở nụ cười. Mười ngàn thế giới luôn cả chư thiên chắp tay cúi lạy [nói rằng]:

27. "Nếu chúng tôi thất bại với lời giáo huấn của đấng Lãnh Đạo Thế Gian này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời.

28. Giống như những người đang băng ngang dòng sông không đạt được bến bờ đối diện, họ vượt qua dòng sông rộng lớn sau khi đạt được bến bờ ở bên dưới.

29. Tương tợ y như thế, nếu tất cả chúng tôi lỡ dịp với đấng Chiến Thắng này thì chúng tôi sẽ đối diện vị kia trong tương lai xa vời."

30. Sau khi nghe được lời nói của vị ấy, Ta đã tăng thêm niềm tín tâm. Ta đã quyết định sự thực hành tối thắng để làm tròn đủ sự toàn hảo về mười pháp.

31. Như thế, sau khi đã trôi nổi [luân hồi] và trong khi tránh xa điều sai trái, Ta có điều khó thực hành được đã được thực hành, và nguyên nhân chính là vì quả vị Giác ngộ của Ta.

32. Thành phố có tên là Bārāṇasī, vị vua dòng Sát-đế-ly tên là Kikī. Tại nơi ấy, gia tộc vĩ đại của đấng Toàn Giác cư ngụ ở trong thành phố.

33. Và vị Bà-la-môn Brahmadatta ấy đã là người cha của đức Phật. Người mẹ của bậc Đại Ẩn Sĩ Kassapa tên là Dhanavatī.

34. Vị ấy đã sống ở giữa gia đình hai ngàn năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Haṃsa, Yasa và Sirinanda.

35. Có ba lần mười sáu ngàn (bốn mươi tám ngàn) phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Sunandā. Con trai tên là Vijitasena.

36. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, bậc Tối Thượng Nhân đã ra đi bằng tòa lâu đài và đã thực hành hạnh nỗ lực bảy ngày.

37. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, vị Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng, bậc Tối Thượng Nhân Kassapa đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] ở tại Migadāya (Vườn Nai).

38. Tissa và Bhāradvāja đã là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả của bậc Đại Ẩn Sĩ Kassapa tên là Sabbamitta.

39. Anulā và Uruvelā đã là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn ấy được gọi là "Nigrodha".

40. Sumaṅgala và Ghaṭīkāra đã là [hai] thí chủ hộ độ hàng đầu. Vijitasenā và Bhaddā đã là [hai] nữ thí chủ hộ độ hàng đầu.

41. Đạt đến chiều cao hai mươi *ratana* (năm mét), đức Phật ấy tương tợ như lằn tia chớp ở trên bầu trời, như là mặt trăng được tròn đầy bởi quầng ánh sáng.

42. Tuổi thọ của bậc Đại Ẩn Sĩ ấy là hai mươi ngàn năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

43. Sau khi đã tạo ra hồ nước Chánh pháp, đã ban hành dầu thơm giới [đức], đã mặc vào tấm vải Chánh pháp, đã phân phối tràng hoa Chánh pháp.[49]

44. Sau khi đã thiết lập cho đại chúng tấm gương giáo pháp không tỳ vết, [vị ấy đã nói rằng]: "Những ai mong mỏi Niết-bàn, hãy nhìn vào vật trang sức của Ta."

45. Sau khi đã ban cho tấm áo giáp là giới, có tấm da chắn bảo vệ là thiền phủ lên, sau khi đã trùm lên tấm da giáo pháp [là niệm và tỉnh giác], sau khi đã ban cho tấm chiến bào tối thắng [là Tứ chánh cần].

46. Sau khi đã ban cho tấm mộc che là niệm, cây thương là trí tuệ sắc bén,

[49] Hồ nước ví như pháp học, dầu thơm là Tứ thanh tịnh giới, tấm vải là hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, tràng hoa là 37 pháp đưa đến giác ngộ (*BvsA.* 269).

sau khi đã ban cho cây gươm cao quý là giáo pháp và giới nhằm mục đích trừ diệt sự gắn liền [với các phiền não].

47. Sau khi đã ban cho vật tô điểm là ba minh, vòng nguyệt quế là bốn quả vị, sau khi đã ban cho vật trang sức là sáu thắng trí và tràng hoa giáo pháp [là chín pháp siêu thế].

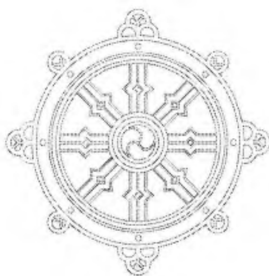
48. Sau khi đã ban cho chiếc lọng trắng Diệu pháp ngăn chặn các điều sai trái, sau khi làm hiện ra bông hoa vô úy, vị ấy đã Niết-bàn cùng với các Thinh văn.

49. Chính vị này là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác không thể đo lường, khó có thể đạt đến. Đây chính là Pháp bảo đã khéo được thuyết giảng, hãy đến và thấy.

50. Đây chính là Tăng bảo đã thực hành đúng đắn và vô thượng; tất cả đều hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

51. Bậc Đạo Sư, đấng Chiến Thắng Cao Quý Mahākassapa đã Niết-bàn tại tu viện Setavyā. Ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng dành cho vị ấy đã được dựng lên có chiều cao một do-tuần ở ngay tại nơi ấy.

“Lịch sử đức Phật Kassapa” là phần thứ hai mươi bốn.



25. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT GOTAMA
(*GOTAMABUDDHAVAṂSO*)

1. Sau khi ra sức nỗ lực, Ta đã đạt được quả vị Toàn giác tối thượng trở thành đấng Toàn Giác Gotama trong thời hiện tại và là sự vinh hiển của dòng họ Sākya (Thích-ca).

2. Được đấng Phạm thiên thỉnh cầu, Ta đã chuyển vận bánh xe Chánh pháp. Đã có sự lãnh hội lần thứ nhất là của mười tám *koṭi* (một trăm tám chục triệu) vị.

3. Sau đó vào dịp khác, trong khi đang thuyết giảng ở cuộc tụ hội của loài người và chư thiên, đã có sự lãnh hội lần thứ nhì là không thể nói được bằng cách tính đếm.

4. Trong thời hiện tại, Ta đã giáo giới người con trai của Ta ngay ở nơi đây; đã có sự lãnh hội lần thứ ba là không thể nói được bằng cách tính đếm.

5. Ta đã có một lần tụ hội gồm các vị Thinh văn đại ẩn sĩ. Đã có cuộc hội tụ của một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

6. Sáng chói không ô nhiễm ở giữa hội chúng Tỳ-khưu, Ta đã ban phát tất cả các điều đã được mong mỏi,[50] tương tợ như ngọc ma-ni ban cho mọi điều ước muốn.

7. Vì lòng thương tưởng chúng sanh, Ta đã giảng giải bốn chân lý đến những người tầm cầu sự dứt bỏ lòng mong muốn tái sanh và đang ước ao [Thánh] quả.

8. Đã có sự lãnh hội giáo pháp của mười ngàn, hai mươi ngàn. Sự lãnh hội của một hoặc hai người là không thể đếm được theo cách thức tính toán.

9. Ở đây, giáo lý của Ta, của đấng Hiền Triết dòng Sākya, là khéo được thanh lọc, phổ biến đến nhiều người, có kết quả, phong phú, đã được nở rộ bông hoa.

10. Hàng trăm vị Tỳ-khưu, không còn lậu hoặc, tham ái đã lìa, có tâm thanh tịnh, định tĩnh; tất cả luôn quây quần xung quanh Ta.

11. Giờ đây trong thời hiện tại, những vị nào buông bỏ sự tái sanh trong cõi người [nhưng] tâm ý chưa đạt,[51] [còn] là các bậc Hữu học, những vị Tỳ-khưu ấy bị bậc trí chê trách.

12. Những người ca ngợi đạo lộ của các bậc Thánh nhân, luôn luôn thỏa

[50] Nghĩa là sự an lạc các loại thuộc về thế gian và siêu thế (*BvsA*. 293).

[51] Chưa đạt được quả vị A-la-hán (*BvsA*. 293).

thích trong giáo pháp, có niệm, là những người sẽ được giác ngộ dầu còn bị xuôi dòng chảy luân hồi.

13. Thành phố của Ta là Kapilavatthu, người cha là đức Vua Suddhodana, người mẹ sanh ra Ta gọi là "Hoàng hậu Māyā".

14. Ta đã sống đời sống gia đình trong hai mươi chín năm. Có ba tòa lâu đài tuyệt vời là Ramma, Suramma, Subhaka.

15. Có bốn mươi ngàn phụ nữ được trang điểm. Nữ nhân ấy (người vợ) tên là Bhaddakaccānā. Con trai tên là Rāhula.

16. Sau khi nhìn thấy bốn điều báo hiệu, Ta đã ra đi bằng phương tiện ngựa và đã thực hành hạnh nỗ lực trong sáu năm là việc khó thực hành được.

17. Ta là bậc Toàn Giác Gotama, đấng Chiến Thắng đã chuyển vận bánh xe [Chánh pháp] tại Isipatana, thành Bārāṇasī và là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh.

18. Hai vị Tỳ-khưu Kolita và Upatissa là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda luôn hiện diện bên cạnh Ta.

19. Tỳ-khưu-ni Khemā và Uppalavaṇṇā là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Citta và Hatthāḷavaka là [hai] nam cư sĩ thí chủ hộ độ hàng đầu.

20. Nandamātā và Uttarā là [hai] nữ cư sĩ thí chủ hộ độ hàng đầu. Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng ở cội cây Assattha.

21. Ánh sáng hào quang của Ta luôn luôn vươn cao mười sáu cánh tay (tám mét). Vào thời hiện tại của Ta lúc bấy giờ, tuổi thọ được biết là ít ỏi [chỉ] một trăm năm. Trong khi tồn tại đến chừng ấy, Ta đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

22. Sau khi thiết lập ngọn đuốc Chánh pháp và sự giác ngộ cho chúng sanh sau này, cũng chẳng bao lâu nữa Ta cùng với hội chúng Thinh văn sẽ viên tịch Niết-bàn ở ngay tại nơi này, như là ngọn lửa cạn nguồn nhiên liệu.

23. Các oai lực vô song ấy,[52] mười lực và các thần thông này, và đây là cơ thể chứa đựng các đức hạnh được tô điểm với ba hai tướng trạng cao quý.

24. Sau khi chiếu sáng khắp mười phương tợ như mặt trời với các hào quang sáu loại, tất cả sẽ hoàn toàn biến mất; phải chăng tất cả các hành là trống không?

"Lịch sử đức Phật Gotama" là phần thứ hai mươi lăm.

[52] Ám chỉ 2 vị Thinh văn hàng đầu là Sāriputta và Moggallāna (Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên) (*BvsA*. 295).

26. CHƯƠNG TỔNG HỢP VỀ CHƯ PHẬT (*BUDDHAPAKIṆṆAKAKAṆḌO*)[53]

1. Vô lượng kiếp trước đây, đã có bốn bậc Hướng Đạo là Taṇhaṅkara, Medhaṅkara, cùng với Saraṇaṅkara và đấng Toàn Giác Dīpaṅkara. Các đấng Chiến Thắng ấy là thuộc về chung một kiếp.

2. Sau [đức Phật] Dīpaṅkara, có bậc Lãnh Đạo tên là Koṇḍañña. Chỉ một mình trong một kiếp, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

3. [Số lượng] các kiếp ở vào khoảng giữa của hai vị này, [tức là] đức Thế Tôn Dīpaṅkara và đấng Đạo Sư Koṇḍañña, là không thể đếm được theo cách thức tính toán.

4. Sau [đức Phật] Koṇḍañña, có bậc Lãnh Đạo tên là Maṅgala. [Số lượng] các kiếp ở vào khoảng giữa của hai vị này cũng là không thể đếm được theo cách thức tính toán.

5. Maṅgala, Sumana, Revata và bậc Hiền Triết Sobhita, các đức Phật, các bậc Hữu Nhãn, các đấng Quang Minh ấy cũng ở vào một kiếp.

6. Sau [đức Phật] Sobhita là vị Anomadassī có danh tiếng vĩ đại. [Số lượng] các kiếp ở vào khoảng giữa của hai vị ấy cũng là không thể đếm được theo cách thức tính toán.

7. Anomadassī, Paduma, luôn cả bậc Lãnh Đạo Nārada, các đức Phật, các đấng Chấm Dứt Bóng Đêm, các bậc Hiền Triết ấy cũng ở vào một kiếp.

8. Sau [đức Phật] Nārada, có bậc Lãnh Đạo tên là Padumuttara. Được sanh lên [riêng biệt] trong một kiếp, vị ấy đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

9. [Số lượng] các kiếp ở vào khoảng giữa của hai vị ấy, [tức là] đức Thế Tôn

---

[53] Thứ tự của 28 vị Phật sắp xếp theo các *kappa* (kiếp) được trình bày như sau:
Sāramaṇḍa-kappa: Có bốn vị Phật là Taṇhaṅkara, Medhaṅkara, Sara-ṇaṅkara và Dīpaṅkara.
Sāra-kappa: Một vị Phật là Koṇḍañña.
Sāramaṇḍa-kappa: Bốn vị Phật là Maṅgala, Sumana, Revata, Sobhita.
Vara-kappa: Ba vị Phật là Anomadassī, Paduma, Nārada.
Sāra-kappa: Một vị Phật là Padumuttara.
Maṇḍa-kappa: Hai vị Phật là Sumedha, Sujāta.
Vara-kappa: Ba vị Phật là Piyadassī, Atthadassī, Dhammadassī.
Sāra-kappa: Một vị Phật là Siddhattha.
Maṇḍa-kappa: Hai vị Phật là Tissa, Phussa.
Sāra-kappa: Một vị Phật là Vipassī.
Maṇḍa-kappa: Hai vị Phật là Sikhī, Vessabhū.
Bhadda-kappa: Năm vị Phật là Kakusandha, Koṇāgamana, Kassapa, Gotama và đức Phật Metteyya vào thời vị lai.

Nārada và đấng Đạo Sư Padumuttara, cũng là không thể đếm được theo cách thức tính toán.

10. Một trăm ngàn kiếp [trước đây] đã có một bậc Đại Hiền Triết, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, là vị thọ lãnh các vật cúng dường.

11. Ba mươi ngàn kiếp sau [đức Phật] Padumuttara, đã có hai bậc Hướng Đạo là Sumedha và Sujāta.

12. Mười tám trăm (một ngàn tám trăm) kiếp [trước đây], vào sau [thời đức Phật] Sujāta, đã có ba bậc Hướng Đạo là các bậc Lãnh Đạo Piyadassī, Atthadassī và Dhammadassī; [các vị ấy] là các bậc Toàn Giác, là các đấng Tối Thượng Nhân.

13. Chín mươi bốn kiếp trước đây, đã có một bậc Đại Hiền Triết. Vị ấy là đấng Hiểu Biết Thế Gian Siddhattha, sâu sắc và vô thượng.

14. Chín mươi hai kiếp trước đây, đã có hai bậc Hướng Đạo. Tissa và đấng Toàn Giác Phusssa là không kẻ sánh bằng, không người đối thủ.

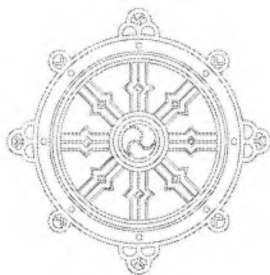
15. Chín mươi mốt kiếp trước đây, [đã có] đấng Lãnh Đạo tên là Vipassī. Đức Phật ấy cũng là đấng Bi Mẫn đã giải thoát chúng sanh khỏi sự trói buộc.

16. Ba mươi mốt kiếp trước đây, đã có hai bậc Hướng Đạo. Sikhī và luôn cả Vessabhū là không kẻ sánh bằng, không người đối thủ.

17. Trong kiếp Bhadda này đã có ba bậc Hướng Đạo là Kakusandha, Koṇāgamana và luôn cả vị Lãnh Đạo Kassapa. Hiện nay, Ta là đấng Toàn Giác và cũng sẽ có vị Metteyya nữa.

18. Cả năm vị Phật này là các bậc thông thái và là những vị có lòng thương xót thế gian. Sau khi chỉ ra đạo lộ ấy của các đấng Pháp Vương này cho vô số *koṭi* người khác, các vị ấy đã Niết-bàn cùng với các vị Thinh văn.

Dứt chương Tổng hợp về chư Phật.



Giảng giải về việc phân chia Xá-lợi

1. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Gotama vĩ đại đã Niết-bàn tại Kusinārā. Đã có sự phân tán Xá-lợi từ xứ sở ấy đến khắp các nơi.

2. Một phần thuộc về [đức Vua] Ajātasattu. Một phần ở thành Vesālī. Một phần ở thành Kapilavatthu. Và một phần dành cho người dân ở Allakappa.

3. Và một phần ở Rāmagāma. Và một phần dành cho người dân ở Veṭṭhadīpa. Một phần dành cho người dân Malla ở Pāvā. Và một phần dành cho người dân ở Kusinārā.

4. Bà-la-môn tên Doṇa đã xây dựng ngôi bảo tháp cho bình đựng [Xá-lợi]. Những người Moriya với tâm tư hớn hở đã xây dựng ngôi bảo tháp thờ tro.

5. Chính vào thời ấy, có tám ngôi bảo tháp [thờ] Xá-lợi, ngôi bảo tháp của bình đựng [Xá-lợi] là thứ chín, ngôi bảo tháp thờ tro là thứ mười đã được thiết lập.

6. Một chiếc răng nanh ở thành phố của cõi trời Ba Mươi, một ở Long Cung, một ở lãnh địa Gandhāra, một thuộc về đức vua xứ Kaliṅga.[54]

7. Chư thiên theo tuần tự của mỗi một thế giới đã mang đi bốn mươi chiếc răng bằng nhau và toàn bộ tóc lông.

8. Bình bát, cây gậy và y của đức Thế Tôn là ở Madhurā. Y nội là ở Kusaghara. Tấm trải nằm là ở [thành] Kapila.

9. Bình đựng nước, dây thắt lưng là ở thành Pāṭaliputta. Vải lọc nước là ở Campā. Và sợi lông giữa hai lông mày là ở Kosala.

10. Y ca-sa là ở cõi Phạm thiên.[55] Vải che đầu là ở thành phố của cõi trời Ba Mươi. Dấu chân ở Pāsāṇaka là nhất hạng và cũng là dấu chân không bị hư hoại. Khi ấy, tấm lót ngồi, tấm trải nằm là ở vương quốc Avantipura.

---

[54] Như vậy là 4 chiếc răng nanh, 2 ở hàm trên, 2 ở hàm dưới. (ND)

[55] Các câu kệ này được thấy ở các sách của Maramma, không có ở các sách của Sīhaḷa.

a. Phần xương sọ, toàn thể [bốn] cái răng và luôn cả [hai] xương vai là các phần Xá-lợi; bảy phần này không bị vỡ, các Xá-lợi còn lại chỉ là các mảnh vỡ.

b. Các viên cỡ lớn có kích thước hạt đậu, các viên cỡ trung bình là các hạt gạo bị bể, các viên cỡ nhỏ có kích thước hạt cải. Và các Xá-lợi có nhiều màu sắc khác nhau.

c. Các viên cỡ lớn có màu vàng, các viên cỡ trung bình có màu ngọc trai và các viên cỡ nhỏ có màu chồi non; khối lượng là mười sáu *doṇa*.

d. Các viên cỡ lớn là năm *nāli* và các viên cỡ trung bình là năm *nāli*, còn các viên cỡ nhỏ là sáu *nāli*; tất cả đây cũng là các Xá-lợi.

e. Xá-lợi xương sọ là ở đảo Sīhaḷa, xương vai bên trái là ở cõi Phạm thiên, và xương vai bên phải là ở xứ Sīhaḷa; tất cả các Xá-lợi này cũng còn tồn tại.

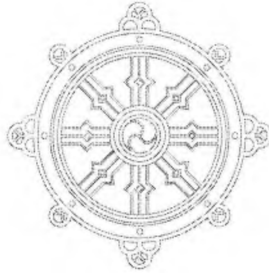
11. Và cái bật lửa là ở Mithilā. Đồ lọc nước là ở Videha. Khi ấy, dao cạo và luôn cả hộp đựng kim là ở thành phố Indapatta.

12. Khi ấy, dân chúng ở vùng ven của xứ sở đã bảo quản các vật dụng thiết yếu còn lại đã được sử dụng bởi bậc Hiền Triết.

13. Khi ấy, tài liệu cổ [porāṇikaṃ] đã nói rằng: "Vì lòng thương tưởng chúng sanh, đã có sự phân tán Xá-lợi của bậc Đại Ẩn Sĩ Gotama."

Dứt phần giảng giải về việc phân chia Xá-lợi.

PHẬT SỬ ĐƯỢC CHẤM DỨT.



HẠNH TẠNG
(*CARIYĀPIṬAKA*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Chú giải của tập *Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*) có tên là *Paramatthadīpanī* do công của Ngài Dhammapāla. Tập *Chú giải* đã được thực hiện vào khoảng cuối thế kỷ V Tây lịch.

Tập *Cariyāpiṭaka* có tựa đề nêu bật được nội dung chứa đựng ở bên trong. Cụ thể tập này trình bày về 35 câu chuyện các tiền thân của đức Bồ-tát đã chuyên tâm thực hành các đức hạnh để đạt đến sự toàn hảo (*pāramitā*) của các đức hạnh ấy trong thời gian bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nhằm làm chín muồi quả vị Giác ngộ. Nói về mười sự toàn hảo này, các dịch giả tiền bối đã dịch là mười pháp ba-la-mật hay thập độ. Điều đáng ngạc nhiên trong tập này là chỉ có bảy sự toàn hảo được đề cập đến thay vì mười, và số lượng các câu chuyện cho mỗi đức hạnh lại không thống nhất, không rõ do bị thất thoát trong việc truyền thừa hay là việc thực hiện tập này chưa được hoàn tất. Sở dĩ chúng tôi có nhận xét như vậy vì tập này được chia làm ba chương: Chương I nói về **bố thí** có 10 chuyện, chương II nói về **trì giới** có 10 chuyện, và chương III bao gồm 15 chuyện còn lại, **xuất ly** 5 chuyện, **quyết định** 1 chuyện, **chân thật** 6 chuyện, **từ ái** 2 chuyện và **hành xả** 1 chuyện. Muốn tìm hiểu rõ hơn về điểm này, chúng ta có thể tham khảo chương *Pakiṇṇakakathā* thuộc *Chú giải của tập Cariyāpiṭaka* này, vì có giảng đầy đủ về mười đức hạnh đồng thời có đầy đủ những chi tiết liên quan đến vị mong mỏi việc thực hành hạnh nguyện Bồ-tát (*CpA*. 276-332).

Xét về hình thức, tập *Cariyāpiṭaka* được thực hiện dựa theo lối trường thi (tương tợ như thể *Mahākāvya* của ngôn ngữ Sanskrit) gồm nhiều câu kệ (*gāthā*) hợp thành. Mỗi câu kệ được ghi thành 2 dòng và được chia làm 4 *pāda*; thông thường mỗi câu kệ như vậy là một câu văn hoàn chỉnh về phương diện văn phạm.

Về khía cạnh dịch thuật, cũng có một số điểm cần được nêu lên như sau: Về các thì của động từ, trong nguyên tác có nhiều hành động ở vào thời quá khứ nhưng lại được trình bày ở thì hiện tại và một vài hành động ở vào thời vị lai lại được trình bày ở thì quá khứ. Chúng tôi ghi lại các thì theo sát văn bản nghĩ rằng những điểm này dễ dàng nhận diện qua ngữ cảnh và không làm xáo trộn ý nghĩa. Bản tiếng Việt chúng tôi đã được phiên dịch trực tiếp từ nguyên bản Pāḷi. Một số từ dịch đã được dựa theo lời giải thích ở bản Chú giải Pāḷi là *Paramatthadīpanī*. Tuy có tham khảo bản dịch tiếng Anh của cô I. B. Horner và

bản dịch tiếng Sinhala ở Tam tạng song ngữ của nước Sri Lanka nhưng lời dịch Việt này được ghi lại theo sự xét đoán của chúng tôi và không thể hiện quan điểm của bản dịch nói trên. Chúng tôi ghi lại lời dịch Việt theo tinh thần "hiểu văn bản như thế nào thì cố gắng ghi lại đúng như thế ấy". Đối với các bản văn cổ, chúng tôi không có tham vọng vươn đến các tiêu chuẩn phiên dịch cao hơn. Các sự sai sót trong phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém.

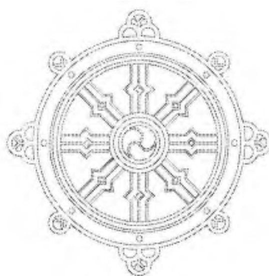
Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo và ấn tống tập này được thành tựu đến tất cả chúng sanh. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Đêm rằm tháng Bảy

Ngày 08 tháng 8 năm 2006

Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)



I. SỰ TOÀN HẢO VỀ BỐ THÍ
(*DĀNAPĀRAMITĀ*)

1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AKITTI (*Akitticariyaṃ*)[1]

1. Các hạnh nào được thực hành trong khoảng thời gian này,[2] [tức là] bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, tất cả các hạnh ấy là điều kiện làm cho chín muồi quả vị giác ngộ.

2. Trừ ra các hạnh đã được thực hành trong kiếp quá khứ thuộc đời này hoặc đời khác, Ta sẽ nói đến hạnh đã được thực hiện trong kiếp này, ngươi hãy lắng nghe.[3]

3. Lúc bấy giờ, Ta là vị đạo sĩ khổ hạnh tên Akitti. Ta đã đi sâu vào và cư ngụ ở khu rừng rậm, hoang vắng, là lâm viên có nhiều cây.

4. Khi ấy, Chúa của chư thiên Sakka[4] bị nóng bức[5] bởi năng lực khổ hạnh của Ta nên đã đi đến gần Ta để xin vật thực trong dáng vóc vị Bà-la-môn.

5. Nhìn thấy [vị ấy] đứng ở cánh cửa [căn chòi lá] của Ta, Ta đã bày ra chỉ có một tô lá cây đã được gió gom lại, không có dầu và cũng không có muối.[6]

6. Sau khi bố thí lá cây đến vị này, Ta đã lật úp cái tô lại, từ bỏ việc tìm kiếm [thức ăn] một lần nữa và đã đi vào căn chòi lá.

7. Lần thứ nhì, rồi lần thứ ba, vị ấy cũng đã đi đến gặp Ta. Không dao động, không dính mắc, Ta đã bố thí như hai lần trước.

8. [Nhưng] không vì nguyên nhân ấy mà thân thể của Ta trở nên tiều tụy, Ta đã trải qua ngày hôm ấy với niềm phỉ lạc và hứng thú.

9. Nếu như Ta có được một vị xứng đáng để cúng dường thì Ta có thể dâng cúng vật thí tối thượng luôn cả một tháng, hai tháng mà không dao động, không lưỡng lự.

10. Trong khi bố thí phẩm vật cho vị ấy, Ta đã không mong cầu danh và lợi. Ta đã thực hiện những hành động ấy trong khi ước mong phẩm vị Toàn tri.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Akitti" là phần thứ nhất.

---

[1] *Bổn sanh* "Ẩn sĩ Akitti" (*Akittijātakaṃ*), số 480, *TTPV*, tập 32. (ND)

[2] *Ettha caritanti cariyā*: Ở đây, điều đã được thực hành là hạnh (*CpA*. 17).

[3] Đức Phật đang giảng giải cho Ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) (*CpA*. 20).

[4] Tidivādhibhū là Chúa cõi trời Tidivā, tức là cõi Tāvatiṃsa (Đạo-lợi) (*CpA*. 24).

[5] Bị oi bức do hơi nóng phát ra ở tảng đá ngồi có phủ gấm vàng của vị ấy (*CpA*. 24).

[6] Mô tả tính chất bố thí bất cứ vật gì thuộc về bản thân không phân biệt (*CpA*. 24). Như vậy, lúc này, đức Bồ-tát chỉ sử dụng lá cây ở trong rừng để làm thức ăn.

2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAṄKHA (*Saṅkhacariyaṃ*)[7]

11. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị Bà-la-môn tên gọi Saṅkha. Có ý định băng qua đại dương, Ta đã đi đến bến tàu.

12. Tại nơi ấy, Ta đã nhìn thấy ở phía bên kia đường một vị Phật Độc Giác, là bậc không bị kẻ khác hàng phục, đang đi ở con đường xa vắng, trên mặt đất gồ ghề, nóng bỏng.

13. Sau khi nhìn thấy vị ấy ở phía bên kia đường, Ta đã suy xét về sự việc này: "Đây là phước điền đã được thành tựu đến cho người mong cầu phước báu."

14. Cũng giống như người nông phu nhìn thấy thửa ruộng có triển vọng thu hoạch lớn, người ấy không gieo hạt giống ở nơi ấy [nghĩa là] người ấy không có nhu cầu về thóc lúa.

15. Tương tợ như thế, là người có mong cầu về phước báu, sau khi nhìn thấy phước điền cao quý tối thượng, nếu Ta không thể hiện hành động ở phước điền ấy thì Ta không phải là người mong cầu về phước báu.

16. Giống như vị quan đại thần mong muốn có uy quyền đối với những người trong cung mà không ban cho những người ấy tài sản và thóc gạo thì sẽ bị suy giảm về uy quyền.

17. Tương tợ như thế, là người có mong cầu về phước báu, sau khi nhìn thấy bậc cao thượng xứng đáng để cúng dường, nếu Ta không dâng cúng vật thí đến vị ấy thì Ta sẽ bị suy giảm về phước báu.

18. Sau khi suy nghĩ như thế, Ta đã cởi ra đôi dép, rồi đảnh lễ ở hai bàn chân của vị ấy và đã cúng dường dù và dép.

19. Mặc dầu Ta có cơ thể mảnh mai và được nuôi dưỡng cẩn thận gấp trăm lần so với vị ấy, tuy nhiên trong khi làm tròn đủ hạnh bố thí, Ta cũng đã cúng dường đến vị ấy như thế.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Saṅkha" là phần thứ nhì.

3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KURUDHAMMA (*Kurudhammacariyaṃ*)[8]

20. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị vua tên Dhanañjaya ở tại kinh thành Indapattha và được thuần thục về mười thiện nghiệp.

21. Những người Bà-la-môn từ lãnh thổ vương quốc Kaliṅga đã đi đến gặp Ta. Họ đã cầu xin Ta con long tượng được xem là biểu hiện của sự thịnh vượng và may mắn.

22. [Họ đã nói rằng:] "Xứ sở chúng tôi không có mưa, thức ăn hiếm hoi, đói kém trầm trọng. Xin Ngài hãy ban cho con hắc long tượng cao quý có tên là Añjana."

---

[7] *Bổn sanh* "Bà-la-môn Saṅkha" (*Saṅkhajātakaṃ*), số 442, *TTPV*, tập 32. (ND)

[8] *Bổn sanh* "Tập quán xứ Kuru" (*Kurudhammajātakaṃ*), số 276, *TTPV*, tập 32. (ND)

23. [Ta nghĩ rằng:] "Đối với Ta, khi có được người cầu xin thì sự từ chối là điều không đúng đắn. Sự thọ trì của Ta chớ có bị đổ vỡ. Ta sẽ bố thí con voi vĩ đại."

24. Sau khi nắm lấy con voi ở chiếc ngà và rưới nước từ chiếc bình làm bằng ngọc quý lên bàn tay, Ta đã cho con voi đến các vị Bà-la-môn.

25. Khi con voi ấy đã được cho đi, các quan đại thần đã nói điều này: "Sao Ngài lại cho con voi quý báu của Ngài đến những kẻ cầu xin?

26. Con voi là tối ưu trong việc chiến thắng ở trận tiền, được thành tựu sự thịnh vượng và may mắn. Khi con voi ấy đã được cho đi thì cái gì sẽ vận hành vương quốc của Ngài?"

27. Ta có thể bố thí luôn cả toàn bộ vương quốc của Ta. Ta có thể bố thí cả thân mạng của mình. Đối với Ta, quả vị Toàn tri là yêu quý; vì thế Ta đã bố thí con long tượng.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Kurudhamma" là phần thứ ba.

4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀSUDASSANA (*Mahāsudassanacariyaṃ*)[9]

28. Khi ở thành phố Kusāvatī, Ta đã là vị Lãnh Chúa, đấng Chuyển Luân Vương có quyền lực lớn lao tên Mahāsudassana.

29. Tại thành phố ấy, Ta đã cho thông báo ba lần trong ngày ở khắp các nơi rằng: "Ai muốn [hoặc] mong mỏi vật gì? Của cải gì nên được ban phát? [Ban phát] đến ai?

30. Ai đói? Ai khát? Ai [cần] vòng hoa? Ai [cần] dầu thoa? Có các loại vải vóc đủ màu, ai trần truồng thì sẽ mặc vào?

31. Ai đi đường cần đến dù? Ai [cần đến] giày dép mềm mại, đẹp đẽ?" Ta đã cho thông báo sáng chiều ở khắp các nơi như thế.

32. Của cải ấy đã được chuẩn bị cho những người cầu xin không phải chỉ ở mười địa điểm, hoặc ở một trăm địa điểm, mà ở hàng trăm địa điểm.

33. Nếu có người nghèo khổ đi đến cho dù ban ngày hoặc ban đêm, họ đều được nhận lãnh tài sản theo như ý thích rồi ra đi với hai tay tràn đầy của cải.

34. Ta đã bố thí những phẩm vật lớn lao có hình thức như thế cho đến trọn đời. Ta cho ra của cải không phải là vì không thích ý, cũng không phải là vì Ta không có chỗ để cất giữ.

35. Cũng giống như người bị bệnh, sau khi làm hài lòng vị thầy thuốc với vàng bạc cho việc chữa lành căn bệnh, thì [sẽ] được hoàn toàn thoát khỏi căn bệnh.

36. Tương tợ y như thế, khi biết được [điều ấy], để làm viên mãn [pháp bố

---

[9] *D.* II. 170, *Kinh Đại Thiện Kiến Vương* (*Mahāsudassanasuttaṃ*), số 17; *Bổn sanh* "Vua Mahāsudassana" (*Mahāsudassanajātakaṃ*), số 95, *TTPV*, tập 32. (ND)

thí] không bị thiếu sót và làm cho đầy đủ tâm ý còn khiếm khuyết, Ta đã ban phát vật thí cho những người cầu xin, không luyến tiếc, không mong mỏi sự đền đáp nhằm thành tựu quả vị Toàn giác.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Mahāsudassana" là phần thứ tư.

5. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀGOVINDA (*Mahāgovindacariyaṃ*)[10]

37. Vào một thời điểm khác nữa, khi là Bà-la-môn Mahāgovinda, Ta đã là viên quan tế tự của bảy vị vua và được các đấng quân vương cung phụng.

38. Khi ấy, phẩm vật ở trong bảy vương quốc đã là của Ta. Với phẩm vật ấy Ta đã ban phát cuộc đại thí, tợ như biển cả không bị xáo động.

39. Không phải là của cải và lúa gạo là không được vừa ý đối với Ta và cũng không phải là ở nơi Ta không có sự tích trữ. Quả vị giác ngộ đối với Ta rất là cao quý, do đó Ta bố thí tài sản quý giá.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Mahāgovinda" là phần thứ năm.

6. HẠNH CỦA ĐỨC VUA NIMI (*Nimirājacariyaṃ*)[11]

40. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị đại vương tên Nimi, là bậc trí tuệ và là người tầm cầu thiện pháp ở tại kinh thành Mithilā.

41. Khi ấy, Ta đã cho thực hiện bốn sảnh đường, [mỗi sảnh đường] có bốn cổng ra vào [ở bốn hướng chính]. Ở tại nơi ấy, Ta đã cho tiến hành việc bố thí đến các thú vật, chim chóc, loài người, v.v...

42. Ta đã thực hiện không ngừng nghỉ (ngày đêm không gián đoạn đến lúc dứt tuổi thọ)[12] và đã cho tiến hành cuộc đại thí [gồm có] y phục, giường ghế, cơm ăn, nước uống và thực phẩm [các loại].

43. Cũng giống như người đầy tớ, vì lý do lương bổng, tiếp cận chủ nhân và suy tầm cách làm hài lòng bằng thân, khẩu, ý (bằng hành động, lời nói và tư tưởng).

44. Tương tợ y như thế, trong tất cả mọi kiếp sống Ta cũng sẽ tầm cầu việc làm sanh khởi sự giác ngộ. Sau khi làm thỏa mãn các chúng sanh với vật bố thí, Ta mong cầu quả vị giác ngộ tối thượng.

"Hạnh của đức Vua Nimi" là phần thứ sáu.

7. HẠNH CỦA HOÀNG TỬ CANDA (*Candakumāracariyaṃ*)[13]

45. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị hoàng tử tên Canda, con trai của Ekarāja, ở tại thành phố Pupphavatī.

---

[10] So sánh với *D.* II. 220, *Kinh Đại Điển Tôn* (*Mahāgovindasuttaṃ*), số 19.

[11] *Bổn sanh* "Đức Vua Nimi" (*Nimijātakaṃ*), số 541, *TTPV*, tập 34. (ND)

[12] *CpA.* 54.

[13] *Bổn sanh* "Quan Tế tự Khaṇḍahāla" (*Khaṇḍahālajātakaṃ*), số 542, *TTPV*, tập 34. (ND)

46. Khi ấy, Ta đã được thoát khỏi cuộc tế thần và đã rời khỏi khu vực cuộc lễ tế. Sau khi đã tạo nên niềm xúc động, Ta đã tiến hành cuộc đại thí.

47. [Khi] không được bố thí đến những người xứng đáng sự bố thí, Ta không uống, không ăn, cũng không thọ dụng vật thực, thậm chí đến năm sáu đêm.

48. Cũng giống như người thương buôn sau khi đã tích trữ hàng hóa thì sẽ đem hàng hóa ấy đến nơi nào có nhiều lợi nhuận.

49. Tương tợ y như thế, ngay cả việc bố thí đến người khác vật đã được thọ dụng bởi bản thân cũng có quả báo lớn; vì thế nên bố thí đến tha nhân, sẽ có được [kết quả] gấp trăm lần.

50. Biết được năng lực của chân lý ấy, Ta đã ban phát vật bố thí kiếp này đến kiếp khác. Ta không suy giảm việc bố thí nhằm thành tựu quả vị Toàn giác.

"Hạnh của Hoàng tử Canda" là phần thứ bảy.

8. HẠNH CỦA ĐỨC VUA SIVI (*Sivirājacariyaṃ*)[14]

51. Ở tại thành phố có tên gọi là Ariṭṭha, Ta đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sivi. Vào lúc ngồi ở tòa lâu đài quý báu, Ta đã suy nghĩ như vầy:

52. "Không có bất cứ vật thí nào thuộc về nhân loại mà Ta chưa từng bố thí. Thậm chí người nào yêu cầu Ta về con mắt thì Ta cũng có thể bố thí, không bị dao động."

53. Biết được tâm tư của Ta, vị Chúa trời Sakka ngồi ở giữa tập thể chư thiên đã nói lên lời này:

54. "Đức Vua Sivi có đại oai lực trong khi ngồi ở tòa lâu đài quý báu suy nghĩ về vật bố thí đủ các loại, vị ấy không nhìn thấy vật chưa từng được bố thí.

55. Điều này là đúng hay không đúng sự thật? Vậy hãy để Ta thử thách vị ấy. Các người hãy chờ một chốc lát đến khi Ta biết được tâm ý ấy."

56. Sau khi biến thành dáng vóc người mù lòa, đang run rẩy, có đầu tóc bạc phơ, cơ thể nhăn nheo, già yếu, bệnh hoạn, [Chúa trời Sakka] đã đi đến gặp đức vua.

57. Khi ấy, ông ta đã giơ cánh tay trái và cánh tay phải lên chắp lại ở đầu, rồi đã nói lời này:

58. "Tâu Đại vương, tôi cầu xin ngài. Ôi, vị làm tiến triển vương quốc về phương diện đạo đức, danh tiếng của ngài về sự hoan hỷ trong bố thí đã vang khắp chốn nhân thiên.

59. Cả hai con mắt dẫn đường của tôi bị mù lòa, hư hỏng. Hãy bố thí cho tôi một con mắt, ngài cũng hãy còn sống với một con mắt vậy."

60. Nghe được lời nói của người ấy, Ta đã mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn. Tràn ngập niềm phấn khởi, Ta đã chắp tay lại rồi đã nói lời này:

---

[14] *Bổn sanh* "Đức Vua Sivi" (*Sivijātakaṃ*), số 499, *TTPV*, tập 33. (ND)

61. "Lúc này đây, sau khi suy nghĩ trẫm đã rời tòa lâu đài đi đến nơi đây. Còn ngươi, sau khi biết được tâm của trẫm đã đi đến để cầu xin con mắt.

62. Ôi, ý định của Ta đã được thành tựu, điều ước mong đã được vẹn toàn! Hôm nay, Ta sẽ ban cho người hành khất tặng vật cao quý chưa từng được bố thí trước đây.

63. Này Sīvaka,[15] hãy lại gần. Hãy mạnh dạn lên, đừng chần chờ, chớ có run rẩy. Hãy móc ra cả hai con mắt và trao cho người cầu thỉnh."

64. Sau đó, bị Ta thúc giục, vị Sīvaka ấy là người thi hành mệnh lệnh đã lấy ra [hai con mắt] giống như nạo cơm dừa, rồi đã trao cho người hành khất.

65. Trong khi chuẩn bị bố thí, khi đang bố thí, khi tặng vật đã được Ta bố thí, tâm không có thay đổi với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ.

66. Hai con mắt không có bị Ta ghét bỏ, bản thân không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã bố thí con mắt.

"Hạnh của đức Vua Sivi" là phần thứ tám.

9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] VESSANTARA (*Vessantaracariyaṃ*)[16]

67. Người mẹ ruột của Ta là nữ nhân dòng Sát-đế-lỵ tên Phusatī. Bà ấy là hoàng hậu yêu quý của [Chúa trời] Sakka vào những kiếp sống trước.[17]

68. Nhìn thấy sự dứt tuổi thọ của bà ấy, vị Chúa trời đã nói điều này: "Này Quý phi, trẫm ban cho khanh mười điều ân huệ, hãy chọn lựa theo như ý thích."

69. Và khi được nói như vậy, bà Hoàng hậu ấy đã đáp lại [Chúa trời] Sakka điều này: "Thiếp có lỗi lầm gì vậy? Phải chăng thiếp bị ngài ghét bỏ khiến ngài lưu đày thiếp khỏi chốn bồng lai như là ngọn gió thổi trốc gốc cây vậy?"

70. Và khi được nói như vậy, vị [Chúa trời] Sakka ấy đã đáp lại bà ta điều này: "Chẳng phải khanh đã làm điều sai trái và cũng chẳng phải là ta không yêu quý khanh.

71. Sở dĩ như thế ấy chính là vì tuổi thọ của khanh, thời điểm tử vong sắp đến. Hãy tiếp nhận mười điều ân huệ quý báu tối cao đã được trẫm ban thưởng."

72. Với mười điều ân huệ được [Chúa trời] Sakka ban thưởng, bà Phusatī ấy, hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, đã lựa chọn mười điều ân huệ sau khi đã tính gộp luôn cả Ta [vào các điều ân huệ ấy].

73. Mệnh chung từ nơi đó, bà Phusatī ấy đã sanh vào dòng dõi Sát-đế-lỵ ở thành phố Jetuttara và đã kết hôn với Sañjaya.

74. Khi ấy, Ta đã hạ sanh vào lòng bà Phusatī, người mẹ yêu quý. Do nhờ oai lực của Ta, người mẹ của Ta đã luôn luôn hứng thú trong việc bố thí.

75. Bà bố thí cho những người không có tài sản, người không có của cải,

---

[15] Sīvaka là tên vị ngự y của đức Vua Sivi (*CpA*. 66).

[16] *Bổn sanh* "Vessantara vĩ đại" (*Mahāvessantarajātakaṃ*), số 547, *TTPV*, tập 34. (ND)

[17] *Chú giải* ghi rằng: Vào kiếp sống quá khứ liền trước đó (*CpA*. 74).

người bệnh hoạn, người già cả, người ăn xin, người đi đường, các vị Sa-môn, các Bà-la-môn và những người bị khánh tận.

76. Sau khi mang thai Ta được mười tháng, bà Phusatī trong lúc đang đi quanh thành phố đã sanh Ta ở giữa đường phố của những người thương buôn.

77. Tên của Ta không liên quan đến họ mẹ, cũng không xuất phát từ họ cha. Ta đã được sanh ra ở đường phố của những người thương buôn, vì thế Ta đã là Vessantara.

78. Đến khi Ta đã trở thành đứa bé trai được tám tuổi tính từ lúc sanh, khi ấy Ta đã ngồi ở tòa lâu đài và đã suy nghĩ về việc bố thí tặng vật.

79. Ta có thể bố thí tim, mắt, luôn cả thịt và máu của mình. Ta đã thông báo là Ta có thể bố thí xác thân của mình nếu có người van xin.

80. Trong khi Ta đang suy xét về bản tánh không dao động không hẹp hòi, tại nơi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru đã rúng động.

81. Mỗi nửa tháng, vào ngày mười lăm và ngày cuối tháng là ngày trai giới, Ta đã cưỡi lên con voi Paccaya và đã đi đến để bố thí tặng phẩm.

82. Những người Bà-la-môn từ lãnh thổ vương quốc Kaliṅga đã đi đến gặp Ta. Họ đã cầu xin Ta con long tượng được xem là biểu hiện của sự thịnh vượng và may mắn:

83. "Xứ sở chúng tôi không có mưa, thức ăn hiếm hoi, đói kém trầm trọng. Xin ngài hãy ban cho con long tượng cao quý, toàn màu trắng, tối thắng của loài voi."

84. Ta bố thí điều mà những người Bà-la-môn yêu cầu Ta; Ta không rung động. Ta không thu giấu vật đang sở hữu. Tâm ý của Ta hoan hỷ trong việc bố thí.

85. [Nghĩ rằng:] "Đối với Ta, khi có được người cầu xin thì sự từ chối là điều không đúng đắn. Sự thọ trì của Ta chớ có bị đổ vỡ. Ta sẽ bố thí con voi vĩ đại."

86. Sau khi nắm lấy con voi ở chiếc ngà và rưới nước từ chiếc bình làm bằng ngọc quý lên bàn tay, Ta đã cho con voi đến các vị Bà-la-môn.

87. Lại một lần nữa, trong khi Ta đang bố thí con voi tối thắng toàn màu trắng, khi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động.

88. Do việc bố thí con voi ấy, những người dân xứ Sivi giận dữ đã tụ họp lại và đã trục xuất [Ta] ra khỏi vương quốc của Ta, [nói rằng:] "Hãy cho ông ta đi đến ngọn núi Vaṅka."

89. Trong khi bọn họ xua đuổi, Ta đã yêu cầu một ân huệ để tiến hành cuộc đại thí, không dao động, không hẹp hòi.

90. Khi được yêu cầu, tất cả những người dân xứ Sivi đã ban cho Ta một ân huệ. Sau khi cho vỗ kêu hai chiếc trống lớn, Ta đã trao tặng món quà vĩ đại.

91. Lúc bấy giờ, tại nơi ấy có âm thanh ầm ĩ, ồn ào, ghê rợn vang lên. Bởi sự bố thí [này], họ đã lôi kéo Ta đi; một lần nữa Ta đã trao tặng món quà vĩ đại.

92. Sau khi đã bố thí voi, ngựa, xe cộ, tôi trai, tớ gái, trâu bò, của cải và đã ban phát cuộc đại thí, vào khi ấy Ta đã rời khỏi thành phố.

93. Sau khi rời khỏi thành phố, Ta đã quay người lại quan sát, khi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động.

94. Sau khi bố thí cỗ xe bốn ngựa kéo, Ta đứng ở ngã tư đường, chỉ một mình không người hầu cận, và Ta đã nói với Hoàng hậu Maddī điều này:

95. "Này Maddī, nàng hãy ẵm Kaṇhā[jinā], con bé nhẹ và là em gái. Ta sẽ ẵm Jāli bởi vì nó nặng và là anh trai."

96. Maddī đã ôm lấy Kaṇhājinā như thể ôm lấy đóa sen xanh hoặc đóa sen trắng. Ta đã ôm lấy vị Sát-đế-lỵ Jāli như thể ôm lấy bầu đựng nước bằng vàng.

97. Bốn người Sát-đế-lỵ, dòng dõi quý tộc, có vóc dáng mảnh mai, tiến bước trên mặt đất lúc gồ ghề lúc bằng phẳng đi về hướng ngọn núi Vaṅka.

98. Chúng tôi đã hỏi những người đi cùng đường hoặc theo hướng ngược lại về lộ trình: "Ngọn núi Vaṅka ở nơi nào?"

99. Nhìn thấy chúng tôi ở nơi ấy, họ đã thốt lên lời thương xót. Họ bày tỏ nỗi đau xót [nói rằng]: "Ngọn núi Vaṅka ở xa lắm."

100. Nếu hai đứa trẻ nhìn thấy những cây có trái ở trong khu rừng, hai đứa trẻ bật khóc vì nguyên nhân của những trái cây ấy.

101. Trông thấy hai đứa trẻ khóc lóc, những cội cây cao lớn xum xuê tự động khom mình xuống đến gần hai đứa trẻ.

102. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu phi thường khiến lông tóc rởn ốc này, [Hoàng hậu] Maddī, với sự rạng rỡ ở toàn thân, đã thốt lên lời tán thán [rằng]:

103. "Quả thật là điều kỳ diệu phi thường ở thế gian khiến lông tóc rởn ốc. Những cội cây đã tự động khom mình xuống bởi vì oai lực của Vessantara."[18]

104. Vì lòng thương xót hai đứa trẻ, các hàng dạ-xoa đã thâu ngắn đường đi; chỉ nội trong ngày khởi hành họ đã đi đến vương quốc Ceta.

105. Lúc bấy giờ, có sáu mươi ngàn vị vua cư ngụ ở Mātulā.[19] Tất cả đã chắp tay lên, than khóc và đã đi đến gần.

106. Ở tại nơi ấy, sau khi trao đổi trò chuyện cùng với các vị vương tử xứ Ceta ấy, rồi từ đó bốn người đã đi đến ngọn núi Vaṅka.

107. Chúa trời đã triệu tập vị Vissakamma có đại thần lực [ra lệnh rằng]: "Khanh hãy khéo biến hóa ra một khu ẩn cư được xây dựng tốt đẹp có gian nhà lá xinh xắn."

108. Nghe theo lời của [Chúa trời] Sakka, vị Vissakamma có đại thần lực đã khéo biến hóa ra một khu ẩn cư được xây dựng tốt đẹp có gian nhà lá xinh xắn.

---

[18] Do nhờ năng lực phước báu của Vessantara (*CpA*. 87).

[19] Mātulā là tên của một thành phố thuộc vương quốc Ceta (*CpA*. 87).

109. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng có ít tiếng động không có xáo trộn, bốn người chúng tôi đã sống ở tại nơi ấy, phía bên trong ngọn núi.

110. Khi ấy, Ta và Hoàng hậu Maddī cùng với hai con là Jāli và Kaṇhājinā đã sống ở khu ẩn cư giúp nhau xóa tan nỗi niềm sầu muộn.

111. Trong khi chăm nom hai đứa trẻ, Ta không có đơn độc ở khu ẩn cư. Nàng Maddī mang về trái cây; nàng ấy nuôi dưỡng ba người.

112. Khi Ta đang sống ở trong khu rừng, có người khách đi đường đã đến gặp Ta và đã cầu xin cả hai người con của Ta là Jāli và Kaṇhājinā.

113. Khi trông thấy người cầu xin đi đến gần, sự mừng rỡ đã sanh khởi ở Ta. Khi ấy, Ta đã dắt cả hai người con và đã trao tặng cho vị Bà-la-môn.

114. Khi Ta dứt bỏ hai người con của chính bản thân cho vị Bà-la-môn Jūjaka, khi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động.

115. Hơn thế nữa, [Chúa trời] Sakka, sau khi ngự xuống với dáng vóc vị Bà-la-môn, đã cầu xin Ta Hoàng hậu Maddī là người vợ có giới hạnh và chung thủy.

116. Sau khi nắm lấy nàng Maddī ở cánh tay và làm đầy hai bàn tay bụm lại với nước, Ta đã ban bố nàng Maddī cho vị ấy với tâm ý và tư duy hoan hỷ.

117. Khi nàng Maddī đang được bố thí, chư thiên ở cõi trời đã mừng rỡ. Khi ấy, trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động.

118. Trong khi dứt bỏ [người con trai] Jāli, người con gái Kaṇhājinā, và Hoàng hậu Maddī, người vợ chung thủy, Ta đã không phải nghĩ ngợi với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ.

119. Cả hai người con không có bị Ta ghét bỏ, Hoàng hậu Maddī không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã bố thí những người thân yêu.

120. Vào một dịp khác nữa, khi hội ngộ cùng cha mẹ ở tại khu rừng bao la, trong khi bọn họ đang than khóc bi thảm nói về nỗi niềm hạnh phúc và khổ đau.

121. Do sự tôn kính, Ta đã đến gặp song thân với sự hổ thẹn và ái ngại. Khi ấy, trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động.

122. Vào một dịp khác nữa, Ta cùng với thân quyến đã lìa khỏi khu rừng bao la và đi vào thành phố tráng lệ là kinh thành Jetuttara.

123. Khi ấy, bảy loại châu báu đã đổ xuống cơn mưa, có đám mây lớn đã đổ tuôn mưa. Lúc bấy giờ, trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động.

124. Ngay cả trái đất vô tư này không nhận thức được nỗi niềm hạnh phúc và khổ đau, nó cũng đã rung chuyển bảy lần bởi vì năng lực bố thí của Ta.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Vessantara" là phần thứ chín.

10. HẠNH CỦA CON THỎ HIỀN TRÍ (*Sasapaṇḍitacariyaṃ*)

125. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là con thỏ lang thang ở trong

rừng, có thức ăn là cỏ, lá cây, rau cải và quả củ. Ta lánh xa việc hãm hại các kẻ khác.

126. Lúc bấy giờ, có một con khỉ, một con chó rừng, một con rái cá nhỏ, và Ta sống trong cùng một khu vực, gặp gỡ nhau sáng chiều.

127. Ta giảng dạy cho chúng về các hành động lành dữ: "Các ngươi hãy xa lìa các điều ác, các ngươi hãy gắn bó với các việc thiện."

128. Sau khi nhìn thấy mặt trăng đã tròn vào ngày trai giới, tại nơi ấy Ta đã chỉ bảo chúng rằng: "Hôm nay là ngày trai giới."

129. Các ngươi hãy chuẩn bị những tặng phẩm để bố thí đến bậc xứng đáng được dâng cúng. Sau khi đã bố thí tặng phẩm đến bậc xứng đáng được dâng cúng, các ngươi hãy thực hành ngày trai giới."

130. Chúng đã nói với Ta rằng: "Sādhu, lành thay!" Rồi tùy theo khả năng, tùy theo sức lực, sau khi chuẩn bị các tặng phẩm chúng đã đi tìm bậc xứng đáng được dâng cúng.

131. Ta đã ngồi xuống và suy nghĩ về tặng phẩm thích hợp với bậc xứng đáng được dâng cúng: "Nếu Ta đạt được một bậc xứng đáng được dâng cúng thì tặng phẩm của Ta sẽ là gì?

132. Ta không có mè, đậu xanh, đậu tây, gạo hay bơ. Ta sống bằng cỏ nhưng bố thí cỏ là không thể được."

133. Nếu có người là bậc xứng đáng được dâng cúng đi đến nơi Ta để khất thực, Ta sẽ cúng dường bản thân của mình; người ấy sẽ không [phải] ra đi mà không có gì.

134. Biết được ý định của Ta, [Chúa trời] Sakka với dáng vóc của vị Bà-la-môn đã đi đến chỗ ngụ của Ta nhằm việc xác định việc bố thí của Ta.

135. Khi nhìn thấy vị ấy, Ta đã hớn hở nói lên điều này: "Quả thật là tốt đẹp về việc ông đã đi đến chỗ tôi vì nguyên nhân thực phẩm.

136. Hôm nay, tôi sẽ biếu ông tặng phẩm cao quý chưa từng được bố thí trước đây. Ông là con người thành tựu giới đức nên việc hãm hại kẻ khác là không thích hợp đối với ông.

137. Ông hãy đi đến và đốt lên ngọn lửa. Hãy đem lại nhiều cây củi. Tôi sẽ nướng chín bản thân. Ông sẽ thọ thực vật đã được nấu chín."

138. Vị ấy, với tâm ý mừng rỡ [nói rằng]: "Sādhu, lành thay!", rồi đã đem lại nhiều cây củi đốt lên đống lửa lớn và đã tạo nên một cụm than hồng.

139. Vị ấy đã đốt lên ngọn lửa ở tại nơi ấy và ngọn lửa ấy đã mau chóng trở nên mãnh liệt như thế. Sau khi rủ sạch các chi thể bị lấm bụi,[20] Ta đã tiến vào một bên [đống lửa].

---

[20] Nếu có các chúng sanh ở trong bộ lông thì "chớ để chúng bị chết", [nghĩ thế] ta đã rúng rẩy các phần thân thể đang bị lấm bụi của ta 3 lần (*CpA.* 106)

140. Khi đống cây củi to lớn đã phát cháy bùng lên mạnh mẽ, Ta đã nhảy lên và rơi vào ở chính giữa ngọn lửa.

141. Giống như bất cứ ai đã đi vào trong làn nước mát lạnh thì được dịu đi nỗi bực bội và cơn phiền muộn [của mình] đồng thời làm sanh khởi[21] sự hứng thú và phỉ lạc.

142. Tương tợ y như thế, khi Ta đi vào ngọn lửa đang cháy rực, tất cả nỗi bực bội đã được dịu đi, tợ như [đi vào] làn nước mát lạnh vậy.

143. Ta đã bố thí đến vị Bà-la-môn hết thảy toàn bộ thân thể gồm có lớp da ngoài, da trong, thịt, gân, xương và cơ tim.

"Hạnh của con thỏ hiền trí" là phần thứ mười.

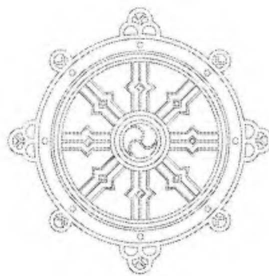
144. Bà-la-môn Akitti, Saṅkha, Dhañanjaya vua xứ Kuru, đức Vua Mahāsudassana, Bà-la-môn Mahāgovinda.

145. Nimi, Hoàng tử Canda, Sivi, Vessantara và con thỏ chính là Ta vào lúc bấy giờ, và là người đã bố thí những tặng phẩm cao quý.

146. Những hạnh này là những phần cơ bản của sự bố thí. Những hạnh này là các sự toàn hảo của sự bố thí. Sau khi bố thí mạng sống đến người cầu xin, Ta đã làm đầy đủ sự toàn hảo [về bố thí] này.

147. Sau khi nhìn thấy người đi đến gần để khất thực, Ta đã xả bỏ bản thân mình. Không có ai bằng Ta về sự bố thí; đây là sự toàn hảo về bố thí của Ta.

Dứt phần sự toàn hảo về bố thí.



[21] *Deti* được giải thích là *uppādeti* (làm sanh khởi) (*CpA*. 107).

II. SỰ TOÀN HẢO VỀ GIỚI (*SĪLAPĀRAMITĀ*)

1. HẠNH CỦA VỊ NUÔI DƯỠNG MẸ (*Mātuposakacariyaṃ*)

148. Vào lúc Ta là con voi nuôi dưỡng voi mẹ ở trong rừng rậm. Lúc bấy giờ, ở trên trái đất không có người tương đương với Ta về giới đức.

149. Có người đi rừng, sau khi nhìn thấy Ta ở khu rừng rậm, đã thông báo với đức vua rằng: "Tâu Đại vương, có con voi được xứng đáng với ngài đang sống ở trong rừng.

150. Không cần phải gây thương tích cho nó, cũng không cần đến cọc trói và hầm hố. Khi được nắm ở vòi của chính nó, tự thân nó sẽ đi đến chỗ này."

151. Nghe được lời nói ấy của ông ta, ngay cả đức vua cũng có tâm trí hớn hở và đã phái đi người thuần hóa voi, là bậc thầy kinh nghiệm, đã được huấn luyện rành rẽ.

152. Sau khi đi đến, người thuần hóa voi ấy đã nhìn thấy [Ta], ở trong hồ sen, đang nhổ lên rễ và ngó sen nhằm mục đích nuôi dưỡng mẹ.

153. Biết được giới đức của Ta, người này đã xác định các đặc điểm và đã nói rằng: "Này con trai, hãy đi đến", rồi đã nắm chặt cái vòi của Ta.

154. Khi ấy, sức mạnh tự nhiên đồng hành với cơ thể của Ta là tương đương với sức mạnh của một ngàn con voi ngày hôm nay.

155. Nếu Ta nổi cơn giận dữ với những người đã đi đến để bắt Ta, Ta có thừa khả năng đối với bọn họ, thậm chí luôn cả vương quốc của những người ấy nữa.

156. Hơn nữa, vì gìn giữ giới để làm viên mãn sự toàn hảo về giới, Ta không làm thay đổi tâm ý trong khi họ xô đẩy Ta vào cây cọc trói.

157. Nếu bọn họ có làm tổn thương Ta bằng những cái rìu và những cây thương, Ta cũng chẳng nổi cơn giận dữ đối với bọn họ vì Ta có nỗi lo sợ bị đứt giới.

"Hạnh của vị nuôi dưỡng mẹ" là phần thứ nhất.

2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHŪRIDATTA (*Bhūridattacariyaṃ*)[22]

158. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Bhūridatta có đại thần lực. Ta đã đi đến cõi trời cùng với vị Đại vương Virūpakkha.[23]

---

[22] *Bổn sanh* "Long vương Bhūridatta" (*Bhūridattajātakaṃ*), số 543, *TTPV*, tập 34. (ND)

[23] Cõi trời này là cõi trời Tāvatiṃsa (Đạo-lợi) và Virūpakkha là một vị thủ lãnh của loài rồng rắn (*nāgādhipati*) (*CpA*. 117).

159. Sau khi nhìn thấy chư thiên ở tại nơi ấy được thọ hưởng an lạc trọn vẹn, Ta đã thọ trì giới cấm nhằm mục đích đi đến cõi trời ấy.[24]

160. Sau khi làm phận sự đối với cơ thể[25] và thọ dụng chỉ đủ để nuôi sống, Ta đã quyết định về bốn chi phần [của cơ thể][26] rồi đã nằm ở trên đỉnh của gò mối.

161. Đối với người nào có việc cần dùng đến da ngoài, da trong, thịt, các sợi gân, hoặc các khúc xương [ở cơ thể Ta], chính vì là vật đã được bố thí nên hãy để người ấy mang đi.

162. Khi Ta đang nằm, kẻ vô ơn Ālambana[27] đã nắm lấy Ta ném vào trong giỏ rồi đã bắt Ta làm trò vui ở nơi này nơi khác.

163. Ngay cả trong khi ông ấy ném [Ta] vào giỏ, thậm chí trong khi ông ấy dùng bàn tay đè bẹp [Ta] xuống, Ta không giận dữ đối với Ālambana vì Ta có nỗi lo sợ bị đứt giới.

164. Sự xả bỏ sanh mạng bản thân của Ta là nhẹ hơn cọng cỏ. Sự phá giới đối với Ta tương tợ như việc đảo ngược trái đất.

165. Liên tục một trăm kiếp sống, Ta có thể xả bỏ mạng sống của Ta chứ không thể nào làm đứt giới cho dù là vì nguyên nhân [làm vua cai trị] bốn châu lục.

166. Hơn nữa, vì gìn giữ giới để làm viên mãn sự toàn hảo về giới, Ta không làm thay đổi tâm ý trong khi [Ālambana] ném [Ta] vào trong giỏ.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Bhūridatta" là phần thứ nhì.

3. HẠNH CỦA CON RỒNG CAMPEYYA (*Campeyyanāgacariyaṃ*)[28]

167. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Campeyyaka có đại thần lực. Vào thời ấy, Ta cũng đã là người nghiêm túc, hành trì giới cấm.[29]

168. Cũng vào khi ấy, trong khi Ta là người hành pháp đang thực hành ngày trai giới, một người luyện rắn đã tóm bắt lấy Ta rồi đã bắt Ta làm trò vui ở cổng hoàng cung.

169. Gã ấy nghĩ về màu nào, xanh, vàng, hoặc đỏ, còn Ta, trong khi biến đổi theo ý nghĩ của gã ấy, trở thành [có màu sắc] giống như đã được suy nghĩ [bởi người ấy].

170. Ta có thể biến đất thành nước và cũng có thể biến nước thành đất.

---

[24] Đi đến bằng phương thức tái sanh (*uppattivasena*) (*CpA*. 117).

[25] Là thực hiện việc chăm sóc cơ thể như rửa mặt, v.v... (*CpA*. 117).

[26] Bốn chi phần của cơ thể là da (ngoài và trong), thịt, gân, xương (*CpA*. 117), như sẽ được đề cập đến ở câu kế.

[27] Câu chuyện được ghi lại ở *CpA*. 118-22.

[28] *Bổn sanh* "Rồng chúa Campeyya" (*Campeyyajātakaṃ*), số 506, *TTPV*, tập 33. (ND)

[29] *Dhammiko* (người nghiêm túc) được giải thích là *dhammacārī* (người hành pháp) (*CpA*. 126). Kế đó, *dhammacārī* được giải thích là "người thực hành thập thiện nghiệp đạo như bố thí, trì giới, v.v... và không thực hành điều sai trái dầu là nhỏ nhen" (*CpA*. 129-30).

Nếu Ta nổi giận đối với gã ấy, Ta có thể biến [gã ấy] trở thành tro bụi trong một sát-na.[30]

171. Nếu như Ta thể hiện năng lực của tâm, Ta sẽ từ bỏ giới; [và] mục đích tối thượng không được thành tựu đến người từ bỏ giới.

172. Dầu sao đi nữa, hãy để thân xác này bị tan vỡ, hãy để nó bị phân tán ở ngay đây; trong khi bị tan tác giống như bụi phấn, Ta cũng không thể nào làm đứt giới.

"Hạnh của con rồng Campeyya" là phần thứ ba.

4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] CULLABODHI (*Cullabodhicariyaṃ*)[31]

173. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Cullabodhi, là người có giới hạnh. Nhìn thấy hiện hữu là nguy hiểm, Ta đã ra đi theo hạnh xuất ly.

174. Ta có người vợ dòng dõi Bà-la-môn có nước da như vàng ròng. Cô ta cũng không mong muốn luân hồi nên đã ra đi theo hạnh xuất ly.

175. Không dính mắc, thân quyến đã lìa, không mong muốn về gia đình, [hay] về đồ chúng, chúng tôi du hành qua làng mạc phố chợ và đã đi đến Bārāṇasī.

176. Ở tại nơi ấy, chúng tôi đã sống khôn khéo, không cấu kết gia đình, bè đảng. Cả hai đã sống trong khu vườn của đức vua, không bị quấy rầy, ít có tiếng động.

177. Đức vua đã đi đến ngoạn cảnh khu vườn và đã nhìn thấy người nữ Bà-la-môn. Ngài đã đi đến gặp Ta và hỏi rằng: "Nàng ấy là vợ của khanh hay của ai?"

178. Được nói như vậy, Ta đã nói với đức vua lời này: "Nàng ấy không phải là vợ của thần, nàng là người đồng đạo, cùng chung giáo lý."

179. Bị ái luyến và khát khao nàng ấy, đức vua đã ra lệnh các thuộc hạ bắt giữ rồi dùng sức mạnh để ép buộc đưa nàng vào nội cung.

180. Nàng là người vợ của Ta theo nghi thức chạm vào bát nước, đồng thời xuất gia cùng chung giáo lý. Trong khi nàng bị lôi kéo đưa đi, sự giận dữ đã khởi lên ở Ta.

181. Cùng lúc khi cơn giận đã được phát khởi, Ta đã nhớ lại giới cấm. Ngay tại nơi ấy, Ta đã nén lại cơn giận và đã không cho bộc phát lên.

182. Nếu như có ai dùng con dao bén đâm chém người nữ Bà-la-môn ấy, Ta cũng không thể nào làm đứt giới với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ.

183. Người nữ Bà-la-môn ấy không có bị Ta ghét bỏ, cũng không phải là

---

[30] Người luyện rắn này hành hạ ta vô cùng tàn bạo và không biết thần lực của ta. Khi nổi cơn giận dữ, ta đã nghĩ rằng: "Vậy thì ta sẽ phô bày thần lực của ta đối với gã này." Cho dầu chỉ là một sự suy xét, nhưng nếu như ta thể hiện năng lực của tâm thì gã ấy đã bị phân tán tương tợ như một nắm bụi phấn (*CpA.* 130).

[31] *Bổn sanh* "Tiểu Giác ngộ" (*Cullabodhijātakaṃ*), số 443, *TTPV*, tập 32. (ND)

sức mạnh của Ta không có. Đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta sẽ gìn giữ giới hạnh.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Cullabodhi" là phần thứ tư.

5. HẠNH CỦA CON TRÂU CHÚA (*Mahisarājacariyaṃ*)[32]

184. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là con trâu lang thang ở trong khu rừng rậm, có thân thể phát triển, khỏe mạnh, to lớn, trông thấy phải sợ hãi.

185. Nơi ấy, trong hang động, ở sườn núi dốc, dưới cội cây, [gần] nơi hồ nước, có [các] khu vực rải rác đó đây dành cho loài trâu.

186. Trong khi đi lang thang ở khu rừng rậm, Ta đã nhìn thấy một nơi thuận tiện. Ta đã đi đến nơi ấy, đứng lại, rồi nằm xuống.

187. Rồi có con khỉ đê tiện, thô lỗ, nhanh nhảu đã đi đến nơi ấy và tiểu tiện, đại tiện ở trên lưng, trên trán và lông mày của Ta.

188. Một lần trong ngày, rồi lần thứ hai, lần thứ ba và thậm chí đến lần thứ tư, nó làm Ta bị nhơ bẩn vào mọi lúc; vì điều ấy, Ta trở nên bực bội.

189. Nhìn thấy sự bực bội của Ta, có con dạ-xoa đã nói với Ta điều này: "Ngươi hãy giết chết cái loài tồi tệ đê tiện ấy bằng các sừng và các móng chân."

190. Được con dạ-xoa nói như vậy, khi ấy Ta đã nói với con dạ-xoa ấy điều này: "Sao ngươi lại bôi nhọ Ta với cái thây ma đê tiện và thô lỗ?

191. Nếu Ta nổi giận với nó, vì điều đó Ta sẽ trở nên tồi tệ hơn, giới của Ta có thể bị đứt và người trí có thể khiển trách Ta.

192. Vả lại, sống mà hổ thẹn thì chết với sự trong sạch là cao quý. Cho dù nguyên nhân là mạng sống, không thể nào Ta lại gây ra sự tổn hại cho kẻ khác?

193. Trong khi suy nghĩ về những người khác là giống như Ta, con khỉ này cũng sẽ hành động như thế. Chính họ sẽ giết chết nó tại nơi ấy, còn Ta thì sẽ có được sự giải thoát này.[33]

194. Trong khi nhẫn nhịn sự khinh miệt ở những người kém cỏi, trung bình hoặc cao quý, như thế bậc thiện trí đạt được theo như điều đã được mong mỏi bởi tâm ý.[34]

"Hạnh của con trâu chúa" là phần thứ năm.

6. HẠNH CỦA CON NAI CHÚA RURU (*Rurumigarājacariyaṃ*)[35]

195. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vua của loài nai, có tên là Ruru, có màu lông tợ như vàng nung đỏ, đang chú tâm vào giới hạnh tối cao.

---

[32] *Bổn sanh* "Con trâu" (*Mahisajātakaṃ*), số 278, *TTPV*, tập 32. (ND)

[33] Là sự giải thoát khỏi khổ đau và sự giết hại sanh mạng (*CpA*. 143).

[34] Là đạt được trí Toàn giác theo như ước muốn.

[35] *Bổn sanh* "Nai chúa " (*Rurumigajātakaṃ*), số 482, *TTPV*, tập 32. (ND)

196. Ta đã đi đến trú ngụ tại nơi ấy, ở một khu đất xinh xắn, đáng yêu, thanh vắng, không có loài người, bên bờ sông Gaṅgā[36] thích ý.

197. Khi ấy, ở thượng nguồn sông Gaṅgā, có người đàn ông bị bức bách bởi những chủ nợ nên đã gieo mình xuống dòng sông Gaṅgā [nghĩ rằng]: “Ta hoặc là sống hay là chết.”

198. Trong khi bị cuốn trôi ở dòng nước lớn và kêu la thảm thiết ngày đêm, người ấy trôi ra giữa dòng sông Gaṅgā.

199. Nghe được tiếng kêu la thảm thiết của người ấy đang than khóc, Ta đã đứng ở bờ sông Gaṅgā hỏi rằng: “Ông là người nào?”

200. Và khi được Ta hỏi, người ấy đã giải thích hành động của mình: “Sợ hãi những người chủ nợ, bị hoảng hốt, tôi đã lao mình xuống dòng sông lớn.”

201. Khởi tâm thương xót người ấy, Ta đã buông bỏ mạng sống của mình, lao vào [dòng nước], và đã vớt người ấy lên trong bóng tối của ban đêm.

202. Nhận biết được thời điểm đã được hồi phục, Ta đã nói với người ấy điều này: “Ta yêu cầu ngươi một ân huệ là ngươi chớ có nói về Ta đối với bất cứ người nào.”

203. Sau khi đi đến thành phố, người ấy vì nguyên nhân của cải đã nói ra khi được hỏi, rồi đã đưa đức vua đi đến vùng phụ cận của Ta.

204. Toàn bộ sự việc đến đâu đã được Ta tường thuật cho đức vua. Nghe được lời kể lại, đức vua đã hướng mũi tên vào người ấy [nói rằng]: “Trẫm sẽ giết chết kẻ đê tiện phản bội bạn bè ngay tại chỗ này.”

205. Trong khi bảo vệ cho người ấy, Ta đã hoán đổi [người ấy] bằng bản thân của Ta, [nói rằng:] “Tâu Đại vương, hãy để cho người ấy sống! Thần sẽ là người tạo ra lạc thú cho ngài.”

206. Ta đã bảo vệ giới của Ta. Ta đã không bảo tồn mạng sống của mình. Bởi vì, vào lúc ấy Ta đã là người có giới hạnh với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ.

“Hạnh của con nai chúa Ruru” là phần thứ sáu.

7. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MĀTAṄGA (*Mātaṅgacariyaṃ*)[37]

207. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đạo sĩ tóc bện nghiêm trì khổ hạnh, có giới đức, định tâm bền vững, tên là Mātaṅga.

208. Ta và một vị Bà-la-môn, cả hai sống ở bên bờ sông Gaṅgā. Ta sống ở thượng nguồn, còn vị Bà-la-môn sống ở hạ nguồn.

209. Trong khi đi lang thang dọc theo bờ sông, vị Bà-la-môn đã nhìn thấy khu ẩn cư của Ta ở thượng nguồn. Tại nơi ấy, sau khi mắng nhiếc Ta, vị ấy đã nguyền rủa về sự vỡ tan cái đầu [của Ta].

---

[36] Tên con sông này được ghi lại theo âm là Hằng Hà. (ND)

[37] *Bổn sanh* “Ẩn sĩ Mātaṅga” (*Mātaṅgajātakaṃ*), số 97, *TTPV*, tập 33. (ND)

210. Nếu Ta nổi cơn giận dữ đối với vị này, nếu Ta không gìn giữ giới, thì sau khi nhìn vào vị ấy Ta có thể làm cho trở thành như là tro bụi.

211. Lúc bấy giờ, điều mà vị ấy nguyền rủa Ta trong lúc bị bực tức và có tâm ý xấu xa lại được áp dụng ở trên cái đầu của chính vị ấy. Ta đã giúp cho vị ấy được thoát khỏi [việc bị bể đầu thành bảy mảnh] bằng thủ thuật.[38]

212. Ta đã bảo vệ giới của Ta. Ta đã không bảo tồn mạng sống của mình. Bởi vì, vào lúc ấy Ta đã là người có giới hạnh với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Mātaṅga" là phần thứ bảy.

8. HẠNH CỦA THIÊN TỬ DHAMMA (*Dhammadevaputtacariyaṃ*)[39]

213. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đại dạ-xoa tên là Dhamma, có tùy tùng đông đảo, có đại thần lực, có lòng bi mẫn đối với tất cả thế gian.

214. Trong lúc khuyến khích dân chúng hành trì thập thiện nghiệp đạo, Ta cùng với bạn bè và những người hầu cận đi đến các thôn làng phố chợ.

215. Có con dạ-xoa độc ác, bỏn xẻn, trong lúc giảng giải về thập ác, nó với bạn bè và những người hầu cận cũng đi khắp trái đất này.

216. Là những người nói về Chánh pháp và tà pháp, cả hai chúng tôi là đối thủ. Trong khi va chạm càng xe với càng xe ở lối đi ngược chiều, cả hai đối mặt nhau.

217. Cuộc xung đột giữa thiện và ác đã xảy ra một cách ghê rợn, và trận chiến đấu lớn lao vì việc rời khỏi đường lộ là sắp sửa xảy ra.

218. Nếu như Ta nổi cơn giận dữ đối với gã ấy, nếu như Ta phá vỡ đức tính khổ hạnh, Ta có thể làm cho gã ấy và đoàn tùy tùng trở thành tro bụi.

219. Tuy nhiên, nhằm mục đích gìn giữ giới hạnh, Ta đã làm nguội lạnh tâm ý. Sau khi cùng với đám người bước xuống, Ta đã nhường đường cho kẻ ác.

220. Cùng lúc Ta đang rời khỏi đường lộ sau khi đã làm nguội lạnh tâm ý, trái đất ngay lập tức đã tạo ra khe nứt dành cho con dạ-xoa ác xấu.

"Hạnh của thiên tử Dhamma" là phần thứ tám.

9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] ALĪNASATTA (*Alīnasattacariyaṃ*)[40]

221. Ở trong kinh thành Kampillā, thành phố tráng lệ thuộc vương quốc Pancāla, có đức vua tên Jayaddisa đã được thành tựu giới đức.

222. Là Alīnasatta, người con trai của đức vua ấy, Ta được học tập, có giới hạnh tốt, có đức độ, luôn luôn quan tâm đến người hầu cận.

---

[38] Đức Bồ-tát đã bảo dùng cục đất sét đặt ở trên đầu của vị Bà-la-môn rồi cho vị ấy lội xuống và đứng ở trong nước. Khi mặt trời mọc lên thì vị Bà-la-môn hụp xuống, đầu chìm ở trong nước. Còn cục đất sét (thay thế cái đầu) ở trên mặt nước đã bị mặt trời làm vỡ tan thành bảy mảnh (*CpA*. 159).

[39] *Bổn sanh* "Thiên tử Dhamma" (*Dhammajātakaṃ*), số 457, *TTPV*, tập 32. (ND)

[40] *Bổn sanh* "Vua Jayaddisa" (*Jayaddisajātakaṃ*), số 513, *TTPV*, tập 33. (ND)

223. Cha Ta đã đi săn thú rừng và đã đến gần bên Porisāda [kẻ ăn thịt người]. Gã ấy đã bắt giữ cha Ta, [nói rằng:] "Ngươi là thức ăn của ta, chớ có vùng vẫy."

224. Sau khi được nghe lời nói ấy của gã, đức vua đã trở nên hoảng hốt, run rẩy vì sợ hãi, cứng đờ chân cẳng khi trông thấy kẻ ăn thịt người.

225. [Đức vua đã nói rằng:] "Hãy giữ lấy con thú rừng, rồi trả tự do cho ta", và đã hứa hẹn việc sẽ quay trở lại. Sau khi giao lại tài sản cho vị [quan đại thần] Bà-la-môn, cha [Ta] đã nhắn nhủ Ta rằng:

226. "Này con, hãy cai quản vương quốc. Chớ bỏ bê thành phố này. Cha đã hứa với kẻ ăn thịt người về việc sẽ quay trở lại của cha."

227. Sau khi cúi lạy mẹ cha và buông bỏ bản thân, Ta đã đặt cung kiếm xuống rồi đã đi đến gặp kẻ ăn thịt người.

228. Có lẽ gã ấy sẽ sợ hãi người đi đến có vũ khí trong tay. Khi Ta đã gây nên nỗi lo sợ, vì điều ấy giới sẽ bị hư hỏng.

229. Vì Ta có nỗi lo sợ về việc đứt giới, Ta đã không nói điều gây khó chịu đối với gã ấy. Là người nói điều lợi ích, có tâm từ ái, Ta đã nói điều này:

230. "Hãy đốt lên ngọn lửa lớn, tôi sẽ lao từ trên cây xuống. Này ông chú, ông hãy biết lúc đã được chín tới, rồi ông hãy thọ thực."

231. Như thế với việc thực hành giới là nguyên nhân, Ta đã không bảo tồn mạng sống của Ta. Và Ta đã khiến cho gã [ăn thịt người] ấy luôn luôn xa lánh việc giết hại sanh mạng.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Alīnasatta" là phần thứ chín.

10. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAṄKHAPĀLA (*Saṅkhapālacariyaṃ*)[41]

232. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Saṅkhapāla, chúa tể của loài rồng, có đại thần lực, có răng nanh[42] là vũ khí, có nọc độc ghê gớm và có hai lưỡi.

233. Ở tại ngã tư của con đường lớn có sự tụ hội của nhiều hạng người, sau khi quyết định về bốn chi phần [của cơ thể], Ta đã thiết lập chỗ cư ngụ ở tại nơi ấy.

234. Đối với người nào có việc cần dùng đến da ngoài, da trong, thịt, các sợi gân, hoặc các khúc xương [ở cơ thể Ta], chính vì là vật đã được bố thí nên hãy để người ấy mang đi.

235. Có những gã vô lại thô lỗ, hung dữ, bất nhân, đã nhìn thấy và đã tiến đến gần Ta ở tại nơi ấy, các bàn tay có nắm gậy gộc.

236. Sau khi chọc thủng ở lỗ mũi, ở đuôi và ở xương sống lưng, những gã vô lại đã đặt Ta lên cáng rồi lôi đi.

---

[41] *Bổn sanh* "Long vương Saṅkhapāla" (*Saṅkhapālajātakaṃ*), số 524, *TTPV*, tập 33. (ND)

[42] Có 4 răng nanh, 2 trên 2 dưới (*CpA*. 175).

237. Và ở nơi ấy, với luồng gió từ lỗ mũi Ta, trong khi mong muốn Ta có thể thiêu đốt trái đất có biển bao bọc, có rừng, có núi.

238. Mặc dù đang bị đâm thọc bởi những cọc nhọn, mặc dầu đang bị chặt chém bởi những con dao, Ta cũng không tức giận những gã vô lại; đây là sự toàn hảo về giới của Ta.

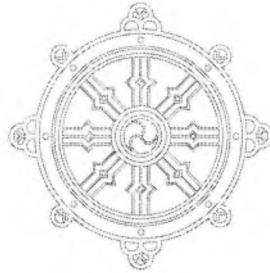
"Hạnh của [đức Bồ-tát] Saṅkhapāla" là phần thứ mười.

239. Con long tượng, Bhūridatta, [con rồng] Campeyya, [Culla]bodhi, con trâu [chúa], [con nai chúa] Ruru, [đạo sĩ tóc bện] Mātaṅga, [thiên tử] Dhamma, [đức Vua] Jayaddisa và người con trai.

240. Tất cả [chín] hạnh này đều có năng lực của giới, là những phần thiết yếu, là những yếu tố góp phần [vào sự toàn hảo về giới]; [tuy nhiên], Ta còn bảo tồn mạng sống rồi mới gìn giữ các giới.

241. [Trái lại], mạng sống của Ta khi là Saṅkhapāla luôn luôn được ban phát đến bất cứ người nào; do đó, điều ấy là sự toàn hảo về giới.

Dứt phần sự toàn hảo về giới.



III. SỰ TOÀN HẢO VỀ XUẤT LY (*NEKKHAMMAPĀRAMITĀ*)

1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] YUDHAÑJAYA (*Yudhañjayacariyaṃ*)[43]

242. Khi Ta là Hoàng tử Yudhañjaya có danh tiếng vô lượng, Ta đã động tâm sau khi nhìn thấy giọt sương mai bị tiêu tan dưới ánh nắng mặt trời.[44]

243. Sau khi trầm tư về chính điều ấy, Ta đã làm cho nỗi động tâm tăng trưởng. Ta đã cúi lạy mẹ cha và xin phép xuất gia.

244. Họ cùng với các thị dân và các cư dân của xứ sở, hai tay chắp lại, thỉnh cầu Ta rằng: "Này con, ngay ngày hôm nay con hãy cai quản lãnh địa rộng lớn, tiến triển và thịnh vượng."

245. Trong khi họ, có cả đức vua, có cả phi tần, có thị dân, có cư dân của xứ sở, đang khóc lóc thảm thương, bởi vì Ta đã xuất gia, không lưu luyến.

246. Trong khi từ bỏ toàn bộ trái đất, vương quốc, quyến thuộc, người hầu và danh vọng, Ta đã không suy nghĩ [đến điều gì khác] với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ.

247. Mẹ cha không có bị Ta ghét bỏ, danh vọng lớn lao cũng không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã từ bỏ vương quốc.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Yudhañjaya" là phần thứ nhất.

2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SOMANASSA (*Somanassacariyaṃ*)[45]

248. Vào một thời điểm khác nữa, khi ở tại kinh thành Indapatta, Ta là người con trai được mong mỏi, được yêu quý, được nổi tiếng [với tên] là Somanassa.

249. Ta là người có giới, được thành tựu đức hạnh, có lối ứng xử lịch thiệp, có sự tôn kính bậc trưởng thượng, có sự khiêm tốn và rành rẽ về các cách tiếp độ.

250. Có gã đạo sĩ giả trá được đức vua ấy yêu mến. Ông ta trồng trọt rau quả hoa màu rồi sinh sống.

251. Nhận biết ông là giả trá ví như đống trấu không có hạt gạo, ví như thân cây có lỗ bọng lớn ở bên trong, ví như cây chuối không có lõi cứng.

252. Không có pháp của các bậc thiện trí ở người này. Vì lý do nuôi dưỡng

---

[43] *Bổn sanh* "Thái tử Yudhañjaya" (*Yudhañjayajātakaṃ*), số 460, *TTPV*, tập 32. (ND)

[44] Do tác động của sự tưởng đến vô thường (*CpA.* 183).

[45] *Bổn sanh* "Hoàng tử Somanassa" (*Somanassajātakaṃ*), số 505, *TTPV*, tập 33. (ND)

mạng sống, người này đã xa rời Sa-môn hạnh, đã từ bỏ pháp trong sạch là sự khiêm tốn.

253. Vùng biên giới đã bị khuấy động bởi những kẻ lâm tặc thuộc các xứ lân bang. Khi ra đi để dẹp yên việc ấy, cha [Ta] đã dạy bảo Ta rằng:

254. "Này con yêu dấu, con chớ có lơ là với vị đạo sĩ tóc bện nghiêm trì khổ hạnh. Hãy thi hành điều [vị ấy] ước muốn bởi vì vị ấy là người ban bố [cho chúng ta] mọi điều lạc thú."

255. Ta đã đi đến phục vụ vị ấy và đã nói lời này: "Này gia chủ, ông có được an vui không?" hoặc: "Vật gì cần được mang lại cho ông?"

256. Vì thế, kẻ giả trá, chất chứa ngã mạn ấy đã giận dữ [nói rằng]: "Hôm nay, ta sẽ làm cho ngươi hoặc là bị giết chết, hoặc là bị trục xuất ra khỏi vương quốc."

257. Sau khi bình định khu vực biên giới, đức vua đã nói với kẻ giả trá [ấy] rằng: "Thưa ngài, ngài có được thoải mái, có được sự tôn kính không?" Gã xấu xa đã nói với đức vua rằng: "Hoàng tử cần phải bị trừng trị như thế."

258. Sau khi nghe được lời nói ấy của kẻ ấy, vị chúa tể của trái đất đã ra lệnh rằng: "Hãy chém đầu ngay tại chỗ, rồi phân [thây] thành bốn mảnh và cho trưng bày ở khắp các ngã đường; đó là phần số dành cho kẻ miệt thị vị đạo sĩ tóc bện."

259. Tại nơi ấy,[46] những người hành quyết độc ác, hung dữ, bất nhân đã lôi kéo Ta đang ngồi ở lòng mẹ rồi dẫn đi.[47]

260. Ta đã nói với họ như vầy: "Hãy cấp tốc đưa Ta đã bị trói bằng gông xiềng chắc chắn đến trình diện đức vua, Ta có các việc cần làm cho đức vua."

261. Bọn họ đã đưa Ta đến gặp vị vua ác xấu là người thân cận với kẻ ác xấu. Sau khi tiếp kiến, Ta đã làm cho đức vua hiểu rõ và Ta đã tạo được uy thế cho Ta.

262. Đức vua đã yêu cầu thứ lỗi về việc ấy và đã trao vương quốc rộng lớn lại cho Ta. Ta đây, sau khi phá tan sự mê muội, đã xuất gia theo hạnh không nhà.

263. Vương quốc rộng lớn không có bị Ta ghét bỏ, sự hưởng thụ các dục không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã từ bỏ vương quốc.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Somanassa" là phần thứ nhì.

3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AYOGHARA (*Ayogharacariyaṃ*)[48]

264. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là người con trai của đức Vua Kāsi, Ta đã lớn lên trong căn nhà bằng sắt[49] và đã được gọi với tên là Ayoghara.

---

[46] *Tattha*, được giải thích là: "Với sự ra lệnh của đức vua..." (*CpA*. 191).

[47] Lúc ấy, đức Bồ-tát được bảy tuổi (*CpA*. 189).

[48] *Bổn sanh* "Tòa nhà sắt" (*Ayogharajātakaṃ*), số 510, *TTPV*, tập 33. (ND)

[49] Đức Bồ-tát đã được nuôi lớn lên trong ngôi nhà lớn hoàn toàn bằng sắt được xây dựng theo hình thức gian nhà hình tứ giác nhằm mục đích ngăn ngừa các tai họa do phi nhân. Hai người anh trai của đức Bồ-tát đã bị con nữ dạ-xoa ăn thịt lúc mới sanh ra (*CpA*. 195-6).

265. [Vua cha đã phán rằng:] "Này con, mạng sống của con được tiếp nhận một cách khó khăn, được nuôi dưỡng ở nơi bực bội. Ngay chính ngày hôm nay, con hãy cai quản toàn thể trái đất này.

266. Cùng với cư dân trong xứ sở, luôn cả phố chợ và loài người nữa." Sau khi đảnh lễ vị Sát-đế-lỵ, Ta đã chắp tay lên và đã nói lời này:

267. "Bất cứ chúng sanh nào ở trên trái đất, dầu kém cỏi, cao quý hoặc trung bình, lớn lên trong nhà của chính họ cùng với các thân quyến không cần sự bảo vệ."

268. [Rồi Ta đã suy nghĩ rằng:] "Sự nuôi dưỡng này của Ta ở trong nơi bực bội là hy hữu ở trên thế gian. Ta đã được lớn lên trong căn nhà bằng sắt thiếu hẳn ánh sáng mặt trăng và mặt trời.

269. Có được tấm thân hôi thối này sau khi rời khỏi bụng mẹ, từ đó Ta lại bị ném vào căn nhà sắt khổ sở và kinh hãi hơn một lần nữa.

270. Nếu sau khi đã đạt đến khổ đau vô cùng ghê rợn như thế ấy, nếu Ta còn thích thú trong vương quyền thì Ta là kẻ tồi tệ nhất trong số những kẻ ác xấu.

271. Ta nhàm chán xác thân, Ta không mong muốn vương quyền, Ta sẽ tầm cầu sự tịch diệt Niết-bàn là nơi tử thần không thể đày đọa."

272. Trong lúc đó đám đông đang kêu gào, Ta đã suy nghĩ như vậy và đã đi vào khu rừng rậm, giống như con voi đã giật đứt xiềng xích.

273. Mẹ cha không có bị Ta ghét bỏ, danh vọng lớn lao cũng không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã từ bỏ vương quốc.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Ayoghara" là phần thứ ba.

4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHISA (*Bhisacariyaṃ*)[50]

274. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta ở tại kinh thành của xứ Kāsi, [Ta có] một người em gái và bảy người em trai được sanh ra trong gia đình quý phái [dòng Bà-la-môn].

275. Trong số những người này, Ta đã được sanh ra trước tiên, đạt được pháp trong sạch là sự khiêm tốn. Sau khi nhận thấy sự hiện hữu là nguy hại, Ta đã thỏa thích trong việc xuất gia.

276. Các thân hữu, được mẹ và cha nhắn đến, đồng tâm mời mọc [Ta] bằng các dục lạc: "Bạn hãy duy trì dòng dõi gia tộc."

277. Lời nào của những người ấy được nói ra về việc đem lại lạc thú trong cuộc sống gia đình, điều ấy đối với Ta được xem tương tợ như lưỡi cày đã được nung đỏ, thô thiển.

278. Khi ấy, họ đã hỏi Ta, kẻ từ khước [cuộc sống gia đình], về nguyện vọng của Ta: "Này bạn, nếu bạn không hưởng thụ các dục thì bạn mong muốn điều gì?"

---

[50] *Bổn sanh* "Các củ sen" (*Bhisajātakaṃ*), số 488, *TTPV*, tập 32. (ND)

279. Là người mong muốn điều tốt đẹp, Ta đã nói với họ, những người đang tầm cầu lợi ích [cho Ta] rằng: "Tôi không mong muốn trạng thái người tại gia, tôi thỏa thích trong sự xuất ly."

280. Sau khi lắng nghe lời nói của Ta, họ đã thuật lại cho cha mẹ [Ta]. Mẹ cha Ta đã nói như vầy: "Này quý vị, tất cả chúng tôi cũng xuất gia."

281. Cả hai mẹ cha của Ta, người em gái và bảy em trai đã buông bỏ của cải vô số rồi đi vào trong khu rừng lớn.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Bhisa" là phần thứ tư.

5. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ SOṆA (*Soṇapaṇḍitacariyaṃ*)[51]

282. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta sống ở thành phố Brahmavaḍḍhana, tại nơi ấy Ta đã được sinh ra trong gia đình cao quý, ưu tú, vô cùng giàu có.

283. Khi ấy, Ta cũng đã nhận thấy thế gian là bị mù quáng, bị bao phủ bởi bóng tối. Tâm [Ta] chối từ sự hiện hữu như thể bị châm chích thô bạo bởi cây gậy nhọn.

284. Sau khi nhận thấy sự xấu xa dưới nhiều hình thức khác nhau, Ta đã suy nghĩ như vầy: "Lúc nào Ta sẽ lìa bỏ gia đình, Ta sẽ đi vào rừng?"

285. Cũng vào khi ấy, các thân quyến đã mời mọc Ta với các sự thọ hưởng về dục lạc, Ta cũng đã nói cho những người ấy về ước muốn [của Ta] rằng: "Xin các vị chớ có mời mọc Ta bằng những thứ ấy."

286. Em trai của Ta tên là Nanda là bậc trí tuệ. Vị ấy, trong khi học tập theo Ta, cũng đã thích thú với việc xuất gia.

287. Khi ấy, Ta Soṇa và Nanda cùng với cả hai cha mẹ của Ta cũng đã buông bỏ của cải vô số rồi đi vào trong khu rừng lớn.

"Hạnh của vị Hiền trí Soṇa" là phần thứ năm.

Dứt phần sự toàn hảo về xuất ly.

---

[51] *Bổn sanh* "Soṇa và Nanda" (*Soṇanandajātakaṃ*), số 532, *TTPV*, tập 33. (ND)

IV. SỰ TOÀN HẢO VỀ QUYẾT ĐỊNH (*ADHIṬṬHĀNAPĀRAMITĀ*)

6. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ TEMIYA (*Temiyapaṇḍitacariyaṃ*)[52]

288. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là người con trai của đức vua xứ Kāsi có tên là Mūgapakkha, nhưng mọi người gọi Ta là Temiya.[53]

289. Khi ấy, mười sáu ngàn phi tần [của đức vua] không có được một người con trai [luôn cả con gái]. Sau nhiều ngày đêm, chỉ mỗi một mình Ta đã được sanh ra.

290. [Vua] cha đã nuôi dưỡng Ta, người con trai yêu quý, đạt được một cách khó nhọc, đã được sanh ra vẹn toàn, có thân tâm sáng lạng, ở trên chiếc giường đã được che chiếc lọng màu trắng.

291. Khi ấy, trong lúc đang ngủ trên chiếc giường cao quý, Ta đã thức giấc và nhìn thấy chiếc lọng nhạt màu, nghĩa là Ta sẽ bị đi địa ngục.

292. Có nỗi sợ hãi ghê gớm đã khởi lên ở Ta khi được nhìn thấy chiếc lọng. Ta đã đi đến quyết định: "Ta sẽ được thoát khỏi điều này[54] bằng cách nào?"[55]

293. Có vị tiên nữ trước đây cùng huyết thống với Ta[56] có lòng mong muốn điều tốt đẹp cho Ta, sau khi nhìn thấy bản thân Ta bị đau khổ, đã căn dặn về ba thái độ:

294. "Chớ ra vẻ khôn ngoan, hãy là kẻ ngu si đối với tất cả chúng sanh, hãy làm cho mọi người khinh khi; như thế sẽ có sự tốt đẹp cho con."

295. Khi được nói như vậy, Ta đã nói với bà ấy lời này: "Bà tiên ơi, con sẽ thực hành theo lời mà bà đã chỉ bảo. Mẹ ơi, mẹ đã có lòng mong muốn điều tốt đẹp cho con. Bà tiên ơi, bà đã có mong muốn điều lợi ích cho con."

296. Sau khi nghe được lời nói của bà ấy, Ta đã thọ nhận như là đã đến được đất liền ở giữa biển khơi. Mừng rỡ, với tâm ý phấn chấn, Ta đã quyết định ba điều:

297. Ta đã là người câm; điếc; què quặt, việc đi lại đã được từ bỏ. Ta đã quyết định các điều này và đã sống mười sáu năm.

---

[52] *Bổn sanh* "Hoàng tử què câm" (*Mūgapakkhajātakaṃ*), số 538, *TTPV*, tập 34. (ND)

[53] Vào ngày đức Bồ-tát được sanh ra, trời đã đổ cơn mưa xuống toàn thể vương quốc Kāsi, nên được gọi là Temiya (được ẩm ướt) (*CpA*. 216-17).

[54] Là thoát khỏi vương quốc xui xẻo này (*CpA*. 218).

[55] Dịch theo *kathāhaṃ imaṃ muñcissaṃ* thay vì *kadāhaṃ*...? (Khi nào Ta sẽ...?) (ND)

[56] Vị này ngự ở trên chiếc lọng ấy và là người mẹ ruột trong một kiếp sống trước đây (*CpA*. 218).

298. Do đó, họ đã xoa bóp tay chân, lưỡi và tai của Ta. Sau khi nhận thấy không có sự khiếm khuyết ở Ta, họ đã chê bai là: "Kẻ bất hạnh."

299. Sau đó, tất cả dân chúng trong xứ sở, các tướng lãnh quân đội, các viên quan tế tự, tất cả đã nhất trí bằng lòng việc truất phế.

300. Sau khi nghe ý kiến của những người ấy, Ta đây đã trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn. Sự khổ hạnh đã được thể hiện [bởi Ta] vì mục đích nào thì mục đích ấy của Ta đã được thành công.

301. Sau khi đã tắm rửa, xức dầu, đội lên vương miện, làm lễ rưới nước [cho Ta], rồi với chiếc lọng che họ đã tiến hành việc đi nhiễu vòng quanh thành phố.

302. Sau khi đã duy trì chiếc lọng trong bảy ngày, đến lúc vầng sáng của mặt trời hiện ra, người đánh xe đã đưa Ta ra khỏi [thành phố] bằng chiếc xe ngựa rồi đi về phía khu rừng.

303. Sau khi dừng chiếc xe ở một khoảng trống, người đánh xe đã buộc ngựa để được rảnh tay rồi đã đào cái hố để chôn Ta ở trong lòng đất.

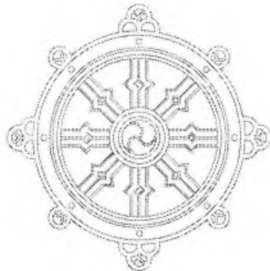
304. Trong khi nhiều nguyên nhân đủ các loại đang đe dọa điều quyết tâm đã được khẳng định, Ta đã không làm đổ vỡ việc tuân thủ đã được quyết định với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ.

305. Mẹ cha không có bị Ta ghét bỏ, bản thân cũng không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã quyết định việc tuân thủ.

306. Sau khi quyết định các điều này, Ta đã sống trong mười sáu năm. Không có ai bằng [Ta] về sự quyết định, điều này là sự toàn hảo về quyết định của Ta.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Temiya" là phần thứ sáu.

Dứt phần sự toàn hảo về quyết định.



V. SỰ TOÀN HẢO VỀ CHÂN THẬT (*SACCAPĀRAMITĀ*)

7. HẠNH CỦA CON KHỈ CHÚA (*Kapirājacariyaṃ*)[57]

307. Vào lúc Ta là con khỉ sống trong hang ở bờ sông, Ta đã bị đe dọa bởi con cá sấu nên không đạt được việc ra đi.

308. Tại địa điểm Ta thường đứng ở bờ bên này rồi nhảy qua bờ bên kia, tại chỗ ấy có con cá sấu là kẻ thù, là kẻ sát thủ, có dáng vóc hung tợn.

309. Con cá sấu đã thông báo với Ta rằng: "Cứ việc đi đến." Ta đã nói với nó rằng: "Tôi đang đi đến", rồi đã bước lên đầu của nó và đã đứng vững bờ bên kia.

310. Điều đã được nói với con cá sấu không phải là không đúng sự thật [vì] Ta đã hành động đúng theo lời nói. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta.

"Hạnh của con khỉ chúa" là phần thứ bảy.

8. HẠNH CỦA ĐẠO SĨ SACCA (*Saccatāpasacariyaṃ*)

311. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đạo sĩ khổ hạnh tên gọi Sacca. Ta đã hộ trì thế gian bằng sự chân thật; Ta đã làm cho mọi người hợp nhất.

"Hạnh của đạo sĩ Sacca" là phần thứ tám.

9. HẠNH CỦA CHIM CÚT CON (*Vaṭṭapotakacariyaṃ*)[58]

312. Vào một thời điểm khác nữa, khi ở tại Magadha, Ta là con chim cút con, cánh chưa được mọc, còn non nớt, [như] là miếng thịt ở trong tổ.

313. [Chim] mẹ tha [mồi] lại trong mỏ và nuôi dưỡng Ta. Ta sống còn do sự tiếp xúc với chim mẹ; Ta không có sức mạnh ở thân.

314. Trong năm vào mùa nóng, có nạn cháy rừng bộc phát. Ngọn lửa cuộn khói đen tiến về hướng chúng tôi.

315. Ngọn lửa lớn lao trong lúc gào thét đã tạo ra luồng khói này cuộn khói nọ. Trong khi lần lượt làm phát cháy, ngọn lửa đã tiến đến gần Ta.

316. Lo sợ vì sự ồ ạt của ngọn lửa, mẹ cha của Ta trở nên kinh hãi, hoảng hốt, đã bỏ rơi Ta lại ở trong tổ và đã giải thoát cho bản thân.

---

[57] *Bổn sanh* "Khỉ chúa" (*Vānarindajātakaṃ*), số 57, *TTPV*, tập 32. (ND)

[58] *Bổn sanh* "Chim cút con" (*Vaṭṭakajātakaṃ*), số 35, *TTPV*, tập 32. (ND)

317. Ta đã ra sức hai chân, hai cánh; Ta không có sức mạnh ở thân. Ta đây không đi được. Khi đó, tại nơi ấy, Ta đã suy nghĩ như vầy:

318. "Bị kinh hãi, hoảng hốt, run sợ, Ta có thể chạy đến gần cha mẹ, nhưng họ đã bỏ rơi Ta và tẩu thoát. Ta nên hành động như thế nào ngày hôm nay?

319. Đức hạnh của giới, sự chân thật, sự trong sạch, lòng bi mẫn hiện hữu ở trên đời; với sự chân thật ấy, Ta có thể hiện hành động chân thật tối thắng."

320. Ta đã hướng về sức mạnh của giáo pháp, tưởng nhớ đến các đấng Chiến Thắng[59] trước đây, và nương tựa vào sức mạnh của sự chân thật, Ta đã thể hiện hành động chân thật rằng:

321. "Có cánh không thể bay, có chân không thể đi. Mẹ cha đã lìa khỏi, lửa ơi hãy lui đi."

322. Với sự chân thật đã được thực hiện bởi Ta, ngọn lửa cháy rực to lớn đã lùi trở lại mười sáu *karīsa*,[60] giống như ngọn lửa đã gặp phải nước. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta.

"Hạnh của chim cút con" là phần thứ chín.

10. HẠNH CỦA VUA CÁ (*Maccharājacariyaṃ*)[61]

323. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vua của loài cá ở trong cái hồ rộng lớn. Và nước ở trong hồ bị khô cạn vào mùa nắng, dưới sự đốt cháy của ánh mặt trời.

324. Do đó, các con quạ, các con diều hâu, các con cò, các con chim ưng và chim ó đã đáp xuống, ăn các con cá ban ngày lẫn ban đêm.[62]

325. Tại nơi ấy, cùng với các thân quyến Ta đã bị áp bức, và Ta đã suy nghĩ như vầy: "Vậy thì bằng cách nào để Ta có thể giải thoát cho thân quyến khỏi khổ đau?"

326. Sau khi xem xét ý nghĩa của các pháp, Ta đã nhận ra sự chân thật là nơi nương tựa. Căn cứ vào sự chân thật, Ta đã cởi bỏ thảm họa bị diệt chủng ấy cho các thân quyến.

327. Sau khi hồi tưởng về thiện pháp, Ta đã suy nghiệm về chân lý tuyệt đối. Ta đã thể hiện hành động chân thật là pháp bền vững và thường còn ở thế gian rằng:

328. "Kể từ lúc Ta nhớ được về bản thân, kể từ khi Ta đạt đến sự hiểu biết, Ta không biết đến việc đã cố ý hãm hại dầu chỉ một sanh mạng.[63] Do lời nói chân thật này, xin Thần mây[64] hãy đổ mưa xuống.

---

[59] *Jina* (đấng Chiến Thắng) cũng là danh hiệu tôn kính chỉ cho đức Phật.

[60] Karīsa là đơn vị đo diện tích.

[61] *Bổn sanh* "Con cá" (*Macchajātakaṃ*), số 75, *TTPV*, tập 32. (ND)

[62] Lúc này, hồ đã bị cạn nước, các con cá nằm trong các bãi bùn rải rác đó đây (*CpA*. 237).

[63] Dịch theo câu văn Pāḷi ở phần cước chú. (ND)

[64] Dịch theo *Chú giải*: ... *pajjuno megho abhivassatu* (*CpA*. 238).

329. Hỡi Thần mây, hãy vang lên tiếng sấm, hãy làm tiêu tan kho lương dự trữ của loài quạ,[65] hãy vây hãm loài quạ bằng sự buồn rầu, hãy giải thoát loài cá khỏi nỗi phiền muộn."

330. Đồng lúc với sự chân thật cao quý được thể hiện, Thần mây đã gầm lên tiếng sấm và trong giây lát đã đổ mưa xuống, làm tràn ngập vùng đất liền và trũng thấp.

331. Sau khi thể hiện sự tinh tấn tột đỉnh là pháp chân thật cao quý có hình thức như thế, [có sự] tin cậy vào năng lực và uy quyền của sự chân thật, Ta đã làm cho đám mây lớn đổ mưa xuống. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta.

"Hạnh của vua cá" là phần thứ mười.

11. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KAṆHADĪPĀYANA (*Kaṇhadīpāyanacariyaṃ*)[66]

332. Vào một thời điểm khác nữa, khi là vị ẩn sĩ Kaṇhadīpāyana, Ta đã sống không được hoan hỷ hơn năm mươi năm.

333. Không ai biết tâm ý không hoan hỷ này của Ta. Ta đã không nói ra với ai cả và sự không hoan hỷ diễn tiến ở trong tâm ý của Ta.

334. Bà-la-môn Maṇḍabya, bạn của Ta, là một vị đại ẩn sĩ đã bị thọ lãnh [hành phạt] cắm cọc nhọn do trả quả của nghiệp quá khứ.[67]

335. Ta đã chăm sóc và đã phục hồi sức khỏe cho vị ấy. Sau khi cáo từ, Ta đã trở về lại chốn ẩn cư của mình.

336. Người bạn Bà-la-môn của Ta đã đưa vợ và đứa con trai nhỏ đến. Ba người cùng đi và đã đi đến với tư thế của những người khách.

337. Trong lúc Ta đang ngồi tại chốn ẩn cư của mình chuyện trò với những người ấy, đứa bé trai đã ném trái banh và làm cho con rắn có nọc độc giận dữ.

338. Sau đó, trong lúc dõi theo lộ trình di chuyển của trái banh, đứa bé trai ấy đã chạm bàn tay vào đầu của con rắn độc.

339. Do sự đụng chạm của đứa bé, con rắn đã trở nên giận dữ. Ỷ lại vào sức mạnh của nọc độc, bị bực bội với sự bực bội cùng tột, con rắn ngay lập tức đã cắn đứa bé.

340. Khi bị cắn bởi con rắn độc, đứa bé đã ngã xuống ở trên nền đất. Vì điều ấy, Ta đã trở nên đau buồn; nỗi buồn đau ấy đã tác động đến Ta.

341. Sau khi an ủi họ [là những người] đang bị đau khổ, đang bị mũi tên sầu muộn, Ta đã thể hiện hành động chân thật tột đỉnh cao quý tối thượng lần đầu tiên rằng:

---

[65] Kho lương dự trữ ám chỉ đến các con cá đang vướng trong bùn. Nếu trời đổ mưa làm đầy nước trong hồ thì kho lương dự trữ của loài quạ sẽ bị tiêu tan (*CpA*. 238-39).

[66] *Bổn sanh* "Ẩn sĩ Kaṇhadīpāyana" (*Kaṇhadīpāyanajātakaṃ*), số 444, *TTPV*, tập 32. (ND)

[67] Trong thời quá khứ, tiền thân vị này đã dùng một mảnh gỗ mun đâm xuyên qua con ruồi (*CpA*. 243).

342. "Là người mong mỏi phước thiện, Ta đã thực hành Phạm hạnh với tâm tín thành chỉ được bảy ngày. Từ đó về sau, Phạm hạnh của Ta là năm mươi năm và thêm nữa.

343. Ta thực hành [Phạm hạnh] không có nhiệt tình, chỉ qua ngày. Do lời nói chân thật này, hãy có được sự tốt lành, chất độc hãy được tiêu trừ và Yaññadatta[68] hãy sống."

344. Với sự chân thật của Ta đã được thể hiện, đứa bé Bà-la-môn bị run rẩy bởi sức mạnh của nọc độc đã được tỉnh lại, đã đứng lên, không tật bệnh. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Kaṇhadīpāyana" là phần thứ mười một.

12. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUTASOMA (*Sutasomacariyaṃ*)[69]

345. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đức Vua Sutasoma. Bị bắt giữ bởi Porisāda [kẻ ăn thịt người], Ta đã nhớ lại lời hứa với vị Bà-la-môn.

346. Sau khi xỏ dây ở lòng bàn tay của một trăm vị Sát-đế-lỵ rồi [treo lên] phơi khô họ, kẻ ấy đã đưa Ta đi nhằm mục đích tế thần.

347. Kẻ ăn thịt người đã hỏi Ta rằng: "Có phải ngài mong muốn việc cởi trói? Ta sẽ làm theo ý thích của ngài nếu ngài còn quay trở lại."

348. Vào lúc ấy, sau khi đã hứa hẹn đối với câu hỏi của kẻ [ăn thịt người] ấy về việc trở lại của Ta, Ta đã đi đến thành phố tráng lệ và đã chối từ vương quốc.

349. Sau khi tưởng nhớ đến Chánh pháp đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng thời quá khứ, Ta đã trao lại tài sản cho vị Bà-la-môn và đã đi đến gặp kẻ ăn thịt người.

350. Trong trường hợp ấy, không có sự phân vân ở Ta về việc kẻ ấy sẽ giết hay không [giết]. Trong khi bảo vệ lời nói chân thật, Ta đã đi đến để buông bỏ mạng sống. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Sutasoma" là phần thứ mười hai.

Dứt phần sự toàn hảo về chân thật.

---

[68] Tên của đứa bé trai (*CpA*. 245).

[69] *Bổn sanh* "Đại Sutasoma" (*Mahāsutasomajātakaṃ*), số 537, *TTPV*, tập 33. (ND)

VI. SỰ TOÀN HẢO VỀ TỪ ÁI
(*METTĀ PĀRAMITĀ*)

13. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUVAṆṆASĀMA (*Suvaṇṇasāmacariyaṃ*)[70]

351. Vào lúc Ta là Sāma ở trong khu rừng đã được [Chúa trời] Sakka hóa hiện ra. Ở trong khu rừng lớn, Ta đã rải tâm từ ái đến các loài sư tử và cọp.

352. Ta đã sống ở trong khu rừng, được quây quần xung quanh bởi các loài sư tử, cọp, beo, gấu, trâu rừng, nai đốm và heo rừng.

353. Không loài thú nào e ngại Ta, Ta cũng không sợ hãi loài thú nào. Lúc bấy giờ, được duy trì nhờ vào năng lực từ ái, Ta hứng thú ở trong khu rừng lớn.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Suvaṇṇasāma" là phần thứ mười ba.

14. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] EKARĀJA (*Ekarājacariyaṃ*)[71]

354. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta được nổi tiếng [với tên] là Ekarāja. Ta đã phát nguyện về giới hạnh tối cao và đã cai quản trái đất to lớn.[72]

355. Ta đã thực hành về thập thiện nghiệp đạo không thiếu sót. Ta đã thâu phục đám đông dân chúng bằng bốn phép tiếp độ.

356. Trong lúc Ta đang tinh tấn như thế vì lợi ích ở đời này và thế giới khác, Dabbasena[73] đã tiến đến chiếm cứ thành phố của Ta.

357. Sau khi thực hiện việc thâu tóm tất cả gồm có nhân sự của đức vua, các thị dân, cùng với quân đội và các cư dân của xứ sở, [vị ấy] đã chôn Ta ở trong cái hố.

358. [Vị ấy] đã chiếm đoạt quần thần, vương quốc thịnh vượng và hậu cung của Ta. Ta đã nhìn thấy chính đứa con trai yêu dấu đang bị bắt đi. Không có ai bằng [Ta] về từ ái, điều này là sự toàn hảo về từ ái của Ta.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Ekarāja" là phần thứ mười bốn.

Dứt phần sự toàn hảo về từ ái.

---

[70] *Bổn sanh* "Sāma" (*Sāmajātakaṃ*), số 540, *TTPV*, tập 34. (ND)

[71] *Bổn sanh* "Vua Ekarāja" (*Ekarājajātakaṃ*), số 303, *TTPV*, tập 32. (ND)

[72] Đã cai quản vùng đất rộng lớn ở vương quốc Kāsi 300 do-tuần (*CpA*. 264).

[73] Dabbasena là đức vua xứ Kosala (*CpA*. 264).

VII. SỰ TOÀN HẢO VỀ HÀNH XẢ
(*UPEKKHĀPĀRAMITĀ*)

15. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀLOMAHAṂSA (*Mahālomahaṃsacariyaṃ*)[74]

359. Ta nằm ở trong bãi tha ma tựa vào bộ xương người chết. Đám trẻ con nhà quê đã đi đến và đã phô diễn hình thức [khuấy rối] không phải là ít.

360. Các đứa khác mừng rỡ, với tâm trí phấn chấn, mang lại các quà tặng là hương thơm, vòng hoa và vô số thực phẩm các loại.

361. Ta đều bình đẳng đối với tất cả những ai gây ra khổ đau cho Ta cũng như những ai đem lại cho Ta an lạc; thương và giận đều không được biết đến.

362. Là thăng bằng giữa an lạc và khổ đau, giữa các danh thơm và những tiếng xấu, Ta đều bình đẳng trong mọi trường hợp; điều này là sự toàn hảo về hành xả của Ta.

"Hạnh của [đức Bồ-tát] Mahālomahaṃsa" là phần thứ mười lăm.

Dứt phần sự toàn hảo về hành xả.

BÀI KỆ TÓM TẮT

363. Chuyện Yudhañjaya, chuyện Somanassa, chuyện Ayoghara [ngôi nhà sắt], chuyện Bhisa, chuyện Soṇa và Nanda, chuyện Mūgapakkha [Temiya], chuyện con khỉ chúa và chuyện vị [đạo sĩ] tên Sacca.

364. Chuyện chim cút con, chuyện vua cá, chuyện ẩn sĩ Kaṇhadīpāyana, lại nữa Ta đã là Sutasoma, Sāma, và Ekarājā, và đã có sự toàn hảo về hành xả; như thế đã được thuyết giảng bởi vị Đại Ẩn Sĩ.

365. Sau khi kinh nghiệm khổ đau dưới nhiều hình thức và thành công với nhiều thể loại ở lần tái sanh này đến lần tái sanh khác như thế, Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

366. Sau khi bố thí những gì cần được bố thí, sau khi làm viên mãn giới hạnh không thiếu sót, sau khi đạt đến sự toàn hảo về xuất ly, Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

367. Sau khi đã vấn hỏi các bậc hiền trí, sau khi đã thể hiện sự tinh tấn tối thượng, sau khi đã đạt đến sự toàn hảo về nhẫn nại, Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

---

[74] Có thể liên quan đến *Bổn sanh* "Rởn lông" (*Lomahaṃsajātakaṃ*), số 94, *TTPV*, tập 32. (ND)

368. Sau khi đã thực hành sự quyết định vững chắc, sau khi đã hộ trì lời nói chân thật, sau khi đã đạt đến sự toàn hảo về từ ái, Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

369. Đối với lợi lộc và không lợi lộc, đối với danh thơm và tiếng xấu, đối với sự kính trọng và chê bai, sau khi đã là bình đẳng trong mọi trường hợp, Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

370. Sau khi thấy được sự biếng nhác là nguy hiểm và việc khởi sự tinh tấn là an toàn, hãy nỗ lực tinh tấn; đây là lời giáo huấn của chư Phật.

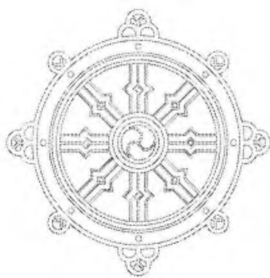
371. Sau khi thấy được sự tranh cãi là nguy hiểm và sự không tranh cãi là an toàn, hãy hợp nhất, thân thiện; đây là lời giáo huấn của chư Phật.

372. Sau khi thấy được sự dể duôi là nguy hiểm và sự không dể duôi là an toàn, hãy tu tập đạo lộ tám chi phần; đây là lời giáo huấn của chư Phật.[75]

Phẩm Yudhañjaya là thứ ba.

Ở đây, trong khi trình bày về phẩm hạnh quá khứ của bản thân, đức Thế Tôn đã thuyết giảng về bản thể của giáo pháp có tên là Buddhāpadāniyaṃ.[76]

HẠNH TẠNG ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.



[75] Câu kệ 372 không có ở tạng Tích Lan, nhưng được thấy ở tạng Thái Lan, Miến Điện, PTS:
Pamādaṃ bhayato disvā, appamādañca khemato
bhāvethaṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ esā buddhānusāsanī.

[76] *Buddhāpadāniyaṃ* là đề tài được thuyết giảng, là đề tài được trình bày có liên quan đến công hạnh khó làm thuộc thời xa xưa, nghĩa là việc làm quá khứ của chư Phật (*CpA*. 335).

MILINDA VẤN ĐẠO
(*MILINDAPAÑHA*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Milindapañhapāḷi là một tác phẩm có giá trị trong nền văn học Phật giáo *Theravāda.* Milinda là tên của một vị vua, còn từ *pañha* có nghĩa là "câu hỏi". Như vậy, tựa đề *Milindapañha* được dịch sát nghĩa sang tiếng Việt sẽ là "*Những câu hỏi của Milinda*"; chúng tôi chọn tựa đề tiếng Việt cho tác phẩm *Milindapañhapāḷi* là "*Milinda vấn đạo.*"

Tập kinh *Milindapañhapāḷi* thuật lại cuộc đối thoại giữa đức Vua Milinda và vị Tỳ-khưu Nāgasena. Tập kinh này giải thích về một số điểm khúc mắc trong giáo pháp và còn là một tài liệu có giá trị về khía cạnh ngôn ngữ. Tuy nhiên, danh tánh của tác giả cũng như thời điểm thực hiện không thể xác định được, có tài liệu phỏng định rằng tác phẩm này đã xuất hiện vào khoảng thế kỷ I Tây lịch. Một cách xác định khác là căn cứ vào việc văn bản này có đề cập đến tu viện Asoka ở thành phố Pātaliputta để đưa đến kết luận rằng việc thực hiện tác phẩm này đã được tiến hành sau thời kỳ đức Vua Asoka, nghĩa là sau thế kỷ III TTL. Thêm vào đó, một điểm mốc khác được xác định chắc chắn là văn bản này đã được thực hiện trước thế kỷ V Tây lịch, là thời điểm vị Chú giải sư Buddhaghosa thực hiện các bộ *Aṭṭhakathā* (*Chú giải*), bởi vì các *Chú giải* ấy đã có đề cập đến văn bản *Milindapañhapāḷi.*

Căn cứ vào dòng chữ cuối của bản kinh, được biết rằng vị Đại Trưởng lão tên Doni sống ở thành phố Doni thuộc xứ Lankā đã nghe và viết lại thành sách đúng theo sự sắp xếp của nó. Có sự nhận định rằng tập kinh này tuy đã được ghi lại ở xứ Tích Lan nhưng vẫn có xuất xứ từ Ấn Độ, bởi vì các địa danh được đề cập trong văn bản này hoàn toàn là các địa danh ở Ấn Độ, và không có địa điểm nào của Tích Lan được nói đến. Tuy nhiên, cũng không thể truy nguyên được nguồn gốc là bằng cách nào và vào lúc nào tập kinh này đã được truyền đến hòn đảo Tích Lan. Một điểm khác nữa đáng được lưu ý là bản dịch tiếng Trung Quốc tên *Nāgasenabhikṣusūtra,* có thời điểm thực hiện được biết vào khoảng thế kỷ IV, đã được tìm thấy. Bản dịch này ngắn gọn hơn và có một vài điểm khác biệt so với văn bản Pāḷi, điều ấy đưa đến giả thuyết cho rằng văn bản đầu tiên của *Milindapañha* đã được thực hiện chỉ có bấy nhiêu, sau đó được truyền sang Trung Quốc rồi được dịch sang tiếng bản xứ, còn văn bản Pāḷi tồn tại ở Ấn Độ đã được tiếp tục phát triển thêm trong khoảng thời gian về sau để có được văn bản như ngày hôm nay; để khẳng định điều này, cần phải có thêm nhiều chứng cớ khác nữa. Ngoài ra, còn có tác phẩm *Milindaṭīkā* (*Sớ giải Milinda*)

đã được thực hiện ở Tích Lan bởi vị Trưởng lão Mahātipiṭaka Cūḷābhayathero, nghĩa là vị Trưởng lão tên Cūḷābhaya có danh hiệu là Mahātipiṭaka (Đại Tam tạng). *Sớ giải* này đã giải thích một số điểm khó hiểu ở trong văn bản chính và có tên gọi là *Madhuratthappakāsinī.*

Tập kinh này đã được dịch sang tiếng Việt từ tài liệu có nguồn gốc tiếng Hán, và gần đây từ những tài liệu tiếng Anh, nhưng những văn bản này rất ngắn gọn. Đặc biệt có bản dịch của Hòa thượng Giới Nghiêm với tựa đề "*Mi-tiên vấn đáp*" là đầy đủ nhất, tuy nhiên chúng tôi thiển nghĩ rằng Hòa thượng đã chọn lối dịch giảng, thay vì bám sát nguyên bản. Bản dịch này đã được Thượng tọa Giới Đức hiệu đính lại cũng theo tinh thần trên. Nếu muốn tham khảo thêm tài liệu tiếng Anh thì nên xem bản dịch đầy đủ của của Giáo sư I. B. Horner đã được Hội Pali Text Society in vào năm 1969 gồm có hai tập.

Về nội dung, tập kinh *Milindapañhapāḷi* (*Milinda vấn đạo*) ghi lại những câu hỏi của đức Vua Milinda về giáo pháp của đức Phật Gotama và các câu trả lời của vị Tỳ-khưu Nāgasena. Theo văn bản, đức Vua tên Milinda ở thành Sāgala, thuộc xứ Jambudīpa (Ấn Độ) là người thông minh, có ý cầu học, đã thường tìm đến các nhà triết học, các giáo chủ đương thời để học hỏi. Tuy nhiên, những câu trả lời của các vị này đã không làm cho đức Vua được thỏa mãn. Các vị A-la-hán trong Phật giáo cũng không ngoại lệ, và kết quả là các vị Tỳ-khưu, dầu là bậc Thánh hoặc còn là phàm nhân, đều phải ẩn cư để khỏi phải đối diện với những câu hỏi hóc búa của vị vua này. Cuối cùng, vị thiên tử Mahāsena đang cư ngụ ở cung điện Ketumati đã được thỉnh cầu hạ sanh vào thế giới loài người để làm công việc tế độ đức Vua Milinda. Vị thiên tử đồng ý và đã được sanh ra trong gia đình người Bà-la-môn tên Sonuttara, sau đó lớn lên là đứa bé trai Nāgasena. Vào lúc bảy tuổi, được cha thuê thầy dạy học, và đứa bé đã học được rành rẽ ba bộ Vệ-đà chỉ sau một lần nghe qua. Sau đó, đứa bé đã được Đại đức Rohana tế độ và cho xuất gia làm Sa-di, cho học tạng Vi diệu pháp. Và vị Sa-di Nāgasena chỉ với một lần đọc đã thông thạo tất cả tạng Vi diệu pháp ấy. Vào năm hai mươi tuổi, Nāgasena đã được thọ giới trở thành vị Tỳ-khưu và được thầy tế độ gởi đến tu viện Vattaniya để học với Ngài Assagutta. Tại đây, Đại đức Nāgasena đã thành tựu Thánh quả Nhập lưu. Rồi sau đó, Đại đức Nāgasena đã được gởi đến tu viện Asoka ở Pātaliputta để học với Ngài Dhammarakkhita. Sau đó, trong sự chứng minh của Ngài Dhammarakkhita, Đại đức Nāgasena đã học Tam tạng, lời dạy của đức Phật, về phần văn tự chỉ với một lần đọc trong ba tháng, rồi thêm ba tháng nữa chú tâm về phần ý nghĩa. Sau đó, nhờ vào sự sách tấn của Ngài Dhammarakkhita, Đại đức Nāgasena đã đạt được phẩm vị A-la-hán cùng với các tuệ phân tích ngay trong đêm ấy. Sau đó, nhận lời thỉnh mời của các vị A-la-hán ở cao nguyên Rakkhita núi Hy-mã-lạp, Đại đức Nāgasena đã rời tu viện Asoka đi đến nơi ấy bằng thần thông và đã nhận lời việc đối đáp với đức Vua Milinda. Các câu hỏi của đức Vua Milinda đề cập đến nhiều lãnh

vực của Phật giáo, và các câu trả lời thông minh của vị Tỳ-khưu Nāgasena giúp cho người đọc có thể hiểu thêm về lời dạy của đức Phật.

Về hình thức sắp xếp, phần *Nigamanaṃ* (*Đoạn kết*) ở cuối tập kinh có ghi như sau: "Các câu hỏi của đức Vua Milinda được truyền đạt ở trong tập sách này gồm có 262 câu hỏi, được chia thành 22 phẩm, thuộc về 6 chương, như vậy là đầy đủ. Tuy nhiên còn có 42 câu hỏi chưa được truyền đạt. Tổng cộng tất cả các câu hỏi đã được truyền đạt và chưa được truyền đạt là 304 câu hỏi. Hết thảy tất cả được gọi tên là: "*Các câu hỏi của đức Vua Milinda.*" Ở đây, 6 chương đã được nêu ra là: *Sự liên hệ trong quá khứ*, *Câu hỏi của đức Vua Milinda*, *Câu hỏi về hành tướng*, *Câu hỏi đối chọi*, *Câu hỏi (giảng bằng sự) suy luận, Câu hỏi giảng về các ví dụ*; còn các con số 22 phẩm (*vagga*) và 304 câu hỏi vẫn là điều đang làm phân vân các nhà nghiên cứu. Về 42 câu hỏi chưa được truyền đạt, phần *Mātikā* (*Các tiêu đề*) ở chương *Opammakathāpañhā* (*Câu hỏi giảng về các ví dụ*) giới thiệu 105 ví dụ, nhưng chỉ có 67 ví dụ được trình bày dưới dạng câu hỏi, và các câu hỏi chưa được trình bày là 38 chứ không phải 42.

Nói tóm lại, đây là một sự kiện có thật đã xảy ra ở tu viện Sankheyya, thuộc kinh đô Sagala của nước Bactria. Các công trình nghiên cứu đã xác định rằng đức Vua Milinda chính là vị vua người gốc Hy Lạp (Greek) tên Menander đã cai trị xứ Bactria ở vùng Tây Bắc của Ấn Độ (India) vào khoảng thế kỷ II Tây lịch. Còn lai lịch của vị Tỳ-khưu Nāgasena không tìm ra được, có thể vì các sử liệu chỉ tập trung ghi lại các sinh hoạt của triều đại vua chúa.

Có hai điểm lưu ý cần được nêu lên ở đây là việc đức Vua Milinda đã từng đi đến tham vấn sáu vị Giáo chủ ngoại đạo Pūraṇa Kassapa, Makkhalī Gosāla, Nigaṇṭha Nātaputta, Sañjaya Bellaṭṭhiputta, Ajita Kesakambalī, Kakudha Kaccāyana. Điều này xét ra không được hợp lý vì những vị Giáo chủ này sống cùng thời với đức Phật. Như vậy, nếu các giáo phái này còn tồn tại đến thời kỳ của đức Vua Milinda thì cũng chỉ có thể là các hậu duệ của sáu vị này. Điều khác nữa là có nhiều trích dẫn của Tỳ-khưu Nāgasena cho biết là lời dạy của đức Phật nhưng không thể tìm ra được ở Tam tạng Pāḷi đang sử dụng hiện nay; do đó chúng tôi chỉ ghi lại những phần trích dẫn mà chúng tôi có thể kiểm tra được dựa vào kết quả nghiên cứu của cố Giáo sư I. B. Horner qua bản dịch tiếng Anh *Milinda's Questions*, 2 tập của người.

Về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, chúng tôi đã ghi nghĩa Việt của các câu kệ ngôn bằng văn xuôi nhằm diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của văn bản gốc, và được trình bày bằng dạng *chữ nghiêng* để làm nổi bật sự khác biệt. Về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mấu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu Pāḷi thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này, đồng thời tạo sự thuận tiện cho công việc hiệu đính trong tương lai. Việc làm này của chúng tôi

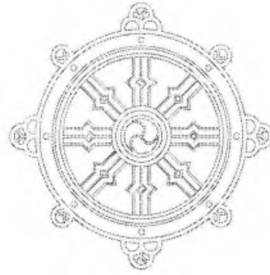
không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu cổ ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Ngày 12 tháng 6 năm 2011

Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)



PHẦN NGOẠI THUYẾT
(*BĀHIRAKATHĀ*)

1. "*Vị vua ấy tên là Milinda ở kinh thành Sāgala đã đi đến gặp Nāgasena, ví như dòng sông Gaṅgā đi đến với biển cả.*

Sau khi đi đến gần vị có sự thuyết giảng tài hoa, vị đang cầm ngọn đuốc xua tan bóng tối, đức Vua đã hỏi những câu hỏi khôn khéo, đa dạng, đưa đến sự xác quyết hay phủ nhận.

Các câu hỏi và luôn cả các câu trả lời được gắn liền với ý nghĩa thâm sâu. Chúng đi vào trái tim, làm thoải mái lỗ tai, là phi thường, khiến nổi da gà.

Được thâm nhập vào Vi diệu pháp và Luật, được tồn tại ở mạng lưới của Kinh, các lời giảng giải của Ngài Nāgasena là đa dạng với các ví dụ và các cách suy luận.

Xin quý vị hãy gom trí tuệ vào đây, hãy làm tâm ý được vui vẻ, và hãy lắng nghe những câu hỏi khôn khéo khơi dậy những chỗ có sự nghi ngờ."

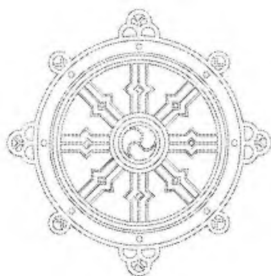
*****

Việc ấy được nghe như thế này: Có thành phố tên Sāgala, trung tâm thương mãi của những người xứ Yonaka, được lộng lẫy với sông và núi, có lãnh thổ và địa thế đáng yêu; được vẹn toàn với các khu vườn, công viên, rừng cây, hồ nước, đầm sen; đáng được say mê với những con sông, núi non, rừng thẳm; được tạo nên bởi những người có học thức; có các kẻ chống đối và thù nghịch đã bị tiêu diệt, không còn bị chướng ngại; tháp canh và cổng thành có nhiều loại, đa dạng, vững chắc; có vô số mái vòm và vọng gác cao sang; nội thành được bao quanh với hào sâu và thành lũy màu trắng; đường lộ, đường băng ngang, ngã tư, bồn binh khéo được bố trí; bên trong cửa tiệm đầy ắp vô số loại hàng hóa quý giá khéo được trưng bày; được rạng rỡ với hàng trăm phước xá các loại; được điểm tô với hàng trăm ngàn ngôi nhà sang trọng tương tợ như đỉnh núi Tuyết; được đông đúc với những voi, ngựa, xe cộ và người bộ hành; được qua lại với những đám người nam nữ xinh đẹp, có dân chúng chen chúc, có thường dân, Sát-đế-ly, Bà-la-môn, thương nhân và nô lệ; được gắn liền với sự giao hảo của nhiều hạng Sa-môn và Bà-la-môn; được tới lui bởi nhiều hạng người thông thái, nam nhân và anh hùng; có đủ các hạng cửa hàng vải vóc của các xứ Kāsi, Koṭumbara, v.v...; được tỏa ngát các hương thơm từ nhiều cửa hiệu bông hoa xinh đẹp, các loại khéo được bày biện; được tràn trề với nhiều loại

châu ngọc quyến rũ; được lai vãng bởi đám thương buôn lịch lãm ở các cửa tiệm được trưng bày khéo léo hướng ra các phương; được tràn đầy với các đồng tiền kahāpana, bạc, vàng, tiền kaṃsa và đá quý, là nơi chốn của tài sản lưu trữ đang lấp lánh; có bắp, lúa, của cải và vật sở hữu dự phòng dồi dào; có phòng chứa và kho hàng đầy ắp; có nhiều cơm nước; có vô số các loại vật thực cứng, mềm, đáng nếm, đáng uống, đáng thưởng thức, tương tợ như ở Uttarakuru; có vụ thu hoạch sung mãn như ở Ālakamandā, thành phố của chư thiên.

2. Nên dừng ở đây và nói đến nghiệp quá khứ của hai người họ. Và trong khi thuyết giảng, nên phân chia và thuyết giảng thành sáu phần, tức là: *Sự liên hệ trong quá khứ*, *Câu hỏi của đức Vua Milinda*, *Câu hỏi về hành tướng*, *Câu hỏi đối chọi*, *Câu hỏi (giảng bằng sự) suy luận*, *Câu hỏi giảng về các ví dụ.*

Ở đây, *Câu hỏi của đức Vua Milinda* gồm hai phần là *Câu hỏi về hành tướng* và *Câu hỏi cắt đứt sự phân vân*; *Câu hỏi đối chọi* cũng gồm có hai phần là *Đại phẩm* và *Câu hỏi giảng về vị hành giả. Sự liên hệ trong quá khứ* là nghiệp quá khứ của hai người ấy.



SỰ LIÊN HỆ TRONG QUÁ KHỨ
(*PUBBAYOGO*)

1. Nghe nói ở thời quá khứ, trong khi giáo pháp của đức Thế Tôn Kassapa đang vận hành, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo cư ngụ tại một trú xứ cạnh dòng sông. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu được thành tựu về phận sự và giới hạnh, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm, cầm lấy cây chổi dài cán, trong lúc suy tưởng về ân đức Phật, các vị quét sân và gom rác thành đống. Khi ấy, có một vị Tỳ-khưu đã nói với một vị Sa-di rằng: "Này Sa-di, hãy đến! Hãy đổ bỏ rác này!" Vị ấy vẫn bước đi như là không nghe. Trong khi được gọi đến lần thứ nhì, rồi đến lần thứ ba, vị ấy vẫn bước đi như là không nghe. Do đó, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Sa-di này khó dạy", rồi nổi giận và đã ban cho cú đánh bằng cái cán chổi. Do đó, vị [Sa-di] ấy vừa khóc lóc vì sợ hãi vừa đổ bỏ rác, đã lập nên lời phát nguyện thứ nhất rằng: "Do nghiệp phước thiện của việc đổ bỏ rác này, cho đến khi tôi đạt được Niết-bàn, trong khoảng thời gian ấy, tại mỗi nơi được lần lượt sanh ra, mong rằng tôi có đại quyền lực, có đại oai lực như là mặt trời lúc giữa trưa." Sau khi đổ bỏ rác, vị ấy đã đi đến bến sông để tắm. Sau khi nhìn thấy làn sóng của dòng sông đang rì rào, vị ấy cũng đã lập nên lời phát nguyện thứ nhì rằng: "Do nghiệp phước thiện của việc đổ bỏ rác này, cho đến khi tôi đạt được Niết-bàn, trong khoảng thời gian ấy, tại mỗi nơi được lần lượt sanh ra, mong rằng tôi có tài ứng đối được sanh lên đúng trường hợp, có tài ứng đối không bị ngập ngừng như là làn sóng này vậy."

Vị Tỳ-khưu ấy, sau khi cất cây chổi ở phòng để chổi, cũng đang đi đến bến sông để tắm. Sau khi nghe được lời phát nguyện của vị Sa-di, vị ấy đã suy nghĩ rằng: "Cũng vì bị tác động bởi ta nên người này phát nguyện như thế. Có phải là sẽ không ảnh hưởng đến ta?", và đã lập nên lời phát nguyện rằng: "Cho đến khi tôi đạt được Niết-bàn, trong khoảng thời gian ấy, tại mỗi nơi được lần lượt sanh ra, mong rằng tôi có tài ứng đối không bị ngập ngừng như là làn sóng ở sông này vậy. Mong rằng tôi có khả năng để gỡ rối, để tháo gỡ mọi sự ứng đối về câu hỏi được hỏi đi hỏi lại bởi người này."

Cả hai người ấy, trong khi luân hồi giữa chư thiên và loài người, đã trải qua một khoảng thời gian giữa hai vị Phật. Và vị Trưởng lão Moggaliputtatissa đã được đức Phật của chúng ta nhìn thấy như thế nào thì hai người này cũng đã được nhìn thấy như thế: "Khi năm trăm năm đã trôi qua kể từ khi sự viên tịch Niết-bàn của Ta, những người này sẽ tái sanh." Và đã được xác định rằng: "Pháp và Luật nào đã được thực hiện một cách vi tế và đã được thuyết giảng

bởi Ta, hai người này sẽ làm cho Pháp và Luật ấy được tháo gỡ, được rõ ràng bằng phương thức hỏi đáp và sự đúng đắn về ví dụ so sánh, rồi sẽ hệ thống lại."

2. Trong hai người ấy, vị Sa-di đã trở thành đức vua tên Milinda ở thành Sāgala thuộc xứ Jambudīpa (Ấn Độ), là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, có năng lực trọng thời quá khứ, hiện tại và vị lai, là người hành động có suy xét trong lúc thực hiện mọi công việc rèn luyện và phô diễn. Và vị này có nhiều học thuật đã được học như là: Sự hiểu biết do lắng nghe, sách dạy về âm thanh, tính toán, ứng dụng, học thuật về hướng dẫn và phân biệt, thiên văn, âm nhạc, y khoa, bốn bộ Vệ-đà, cổ thư, sử học, chiêm tinh học, ảo thuật, chú thuật, lý luận, chiến đấu, âm luật, hải dương học và Phật ngôn là mười chín. Đức Vua là nhà tranh luận khó sánh bằng, khó khuất phục, được xem là hàng đầu trong số đông các vị giáo chủ. Trong toàn cõi xứ Jambudīpa, không có ai sánh bằng đức Vua Milinda về sức mạnh, nhanh nhẹn, dũng cảm và trí tuệ. Đức Vua là người giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, vô số binh lực và xe cộ.

3. Vào một ngày nọ, đức Vua Milinda rời khỏi thành với ước muốn xem xét nơi đóng quân và dàn binh của bốn binh chủng gồm vô số binh lực và xe cộ. Sau khi cho kiểm điểm quân đội ở ngoại thành, đức Vua ấy vốn là người mở đầu câu chuyện và hứng thú việc khơi mào cuộc mạn đàm với các triết gia và các nhà ngụy biện, đã nhìn mặt trời rồi nói với các quan đại thần rằng:

– Ngày hãy còn dài, chúng ta sẽ làm gì nếu đi vào thành ngay bây giờ? Có vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào là người sáng trí, có hội chúng, có đồ chúng, là giáo thọ sư của tập thể, tự xưng là A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc?

Khi được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka[1] đã nói với đức Vua rằng:

– Tâu Đại vương, có sáu vị thầy là Pūraṇa Kassapa, Makkhalī Gosāla, Nigaṇṭha Nātaputta, Sañjaya Bellaṭṭhiputta, Ajita Kesakambalī, Kakudha Kaccāyana.[2] Các vị ấy có hội chúng, có đồ chúng, là giáo thọ sư của tập thể, được biết tiếng, có danh vọng, là các giáo chủ, được nhiều người đánh giá cao. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy đi đến, hãy hỏi họ câu hỏi, hãy giải tỏa điều nghi hoặc.

4. Khi ấy, được tháp tùng bởi năm trăm người xứ Yonaka, đức Vua Milinda đã bước lên cỗ xe ngựa cao quý, loại phương tiện di chuyển tuyệt hảo, đi đến gặp Pūraṇa Kassapa; sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Pūraṇa Kassapa, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã hỏi Pūraṇa Kassapa điều này:

– Thưa thầy Kassapa, ai bảo hộ thế gian?

– Tâu Đại vương, trái đất bảo hộ thế gian.

– Thưa thầy Kassapa, nếu trái đất bảo hộ thế gian, thế thì vì sao chúng sanh

[1] Nhiều học giả xác định Yonaka là một vùng thuộc nước Greece (Hy Lạp).

[2] Sáu vị này đồng thời với đức Phật Gotama, nhiều học giả đã lưu ý và luận về điểm này.

đi đến địa ngục Vô Gián lại đi ngang qua trái đất trước rồi mới đi đến địa ngục Vô Gián?

Được hỏi như vậy, Pūraṇa không những đã không thể nuốt trôi mà cũng không thể ói ra được, chỉ ngồi ủ rũ, im lặng, trầm ngâm.

5. Sau đó, đức Vua Milinda đã hỏi với Makkhalī Gosāla điều này:

– Thưa thầy Gosāla, có các nghiệp thiện và bất thiện không? Có quả thành tựu của các nghiệp đã được làm tốt và đã được làm xấu không?

– Tâu Đại vương, không có các nghiệp thiện và bất thiện, không có quả thành tựu của các nghiệp đã được làm tốt và đã được làm xấu. Tâu Đại vương, những người nào ở đời này dòng dõi Sát-đế-ly, những người ấy đi đến đời sau cũng sẽ là dòng dõi Sát-đế-ly. Những người nào dòng dõi Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hốt rác; những người ấy đi đến đời sau cũng sẽ là dòng dõi Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hốt rác; thì có điều gì là bởi các nghiệp thiện và bất thiện?

– Thưa thầy Gosāla, nếu những người ở đời này là dòng dõi Sát-đế-ly, Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hốt rác; những người ấy đi đến đời sau cũng sẽ là dòng dõi Sát-đế-ly, Bà-la-môn, thương buôn, nông phu, hạ tiện, hốt rác; không có điều gì được tạo nên bởi các nghiệp thiện và bất thiện. Thưa thầy Gosāla, như thế thì những người nào ở đời này bị chặt tay thì đi đến đời sau cũng sẽ bị chặt tay, những người nào bị chặt chân thì cũng sẽ bị chặt chân, những người nào bị xẻo tai thì cũng sẽ bị xẻo tai phải không ạ?

Được nói như vậy, Gosāla đã im lặng. Khi ấy, đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: "Xứ Jambudīpa quả thật trống trơn! Xứ Jambudīpa quả thật vô nghĩa! Không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc?"

6. Sau đó, đức Vua Milinda đã nói với các quan đại thần rằng:

– Đêm trăng trong quả thật đáng yêu! Phải chăng hôm nay chúng ta nên đi đến gặp vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn để hỏi câu hỏi? Vị nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc?

Được nói như vậy, các quan đại thần đã im lặng, đứng yên, ngước nhìn khuôn mặt của đức Vua.

7. Vào lúc bấy giờ, thành Sāgala đã vắng bóng các Sa-môn, Bà-la-môn, gia chủ sáng trí trong mười hai năm. Nghe tin "các vị Sa-môn, Bà-la-môn, gia chủ sáng trí trú ngụ" ở nơi nào, đức Vua đi đến nơi ấy và hỏi các vị ấy câu hỏi. Không có khả năng để làm hài lòng đức Vua với câu trả lời cho câu hỏi, tất cả các vị ấy ra đi đến nơi này hoặc nơi khác. Những người nào không ra đi đến phương trời khác, tất cả bọn họ ở lại, giữ thái độ im lặng. Còn các vị Tỳ-khưu, phần đông đi đến dãy Hy-mã-lạp sơn. Vào lúc bấy giờ, có một trăm *koṭi* (một tỷ) vị A-la-hán cư ngụ tại cao nguyên Rakkhita, núi Hy-mã-lạp.

8. Lúc đó, Đại đức Assagutta với thiên nhĩ giới đã nghe được lời nói của đức Vua Milinda. Ngài đã cho triệu tập hội chúng Tỳ-khưu tại đỉnh núi Yugandhara và đã hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Sư đệ, có vị Tỳ-khưu nào có năng lực để chuyện trò với đức Vua Milinda để giải tỏa điều nghi hoặc?

Được hỏi như vậy, một trăm *koṭi* vị A-la-hán đã im lặng. Các vị đã im lặng khi được hỏi đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với hội chúng Tỳ-khưu điều này:

– Này các Sư đệ, ở cõi trời Đạo-lợi, về phía Đông của lâu đài Vejayanta, có cung điện tên là Ketumatī. Nơi ấy có vị thiên tử tên Mahāsena cư ngụ. Vị ấy có năng lực để chuyện trò với đức Vua Milinda để giải tỏa điều nghi hoặc.

Khi ấy, một trăm *koṭi* vị A-la-hán đã biến mất ở ngọn núi Yugandhara và hiện ra ở cõi trời Đạo-lợi. Thiên chủ Sakka đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy từ đàng xa đang tiến đến, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Assagutta rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Thiên chủ Sakka đã nói với Đại đức Assagutta điều này:

– Bạch Ngài, đại chúng Tỳ-khưu đã ngự đến. Tôi là người của tu viện của hội chúng. Có nhu cầu về điều gì? Có việc gì tôi cần phải làm?

Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với Thiên chủ Sakka điều này:

– Tâu Đại vương, vị vua này tên Milinda tại thành Sāgala, xứ Jambudīpa, là nhà tranh luận khó sánh bằng, khó khuất phục, được xem là hàng đầu trong số đông các vị giáo chủ. Ông ta đi đến gặp hội chúng Tỳ-khưu hỏi câu hỏi theo học thuyết về tà kiến và đã gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu.

Khi ấy, Thiên chủ Sakka đã nói với Đại đức Assagutta điều này:

– Bạch Ngài, vị Vua Milinda này đã chết đi từ nơi này rồi tái sanh vào loài người. Bạch Ngài, có vị thiên tử này tên là Mahāsena cư ngụ ở cung điện Ketumatī. Vị ấy có năng lực để chuyện trò với đức Vua Milinda để giải tỏa điều nghi hoặc. Chúng ta sẽ thỉnh cầu vị thiên tử ấy về việc tái sanh vào thế giới loài người.

9. Khi ấy, Thiên chủ Sakka đã dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi vào cung điện Ketumatī, ôm chầm lấy thiên tử Mahāsena rồi đã nói điều này:

– Này thiên tử, hội chúng Tỳ-khưu thỉnh cầu thiên tử về việc tái sanh vào thế giới loài người.

– Bạch Ngài, tôi không có mục đích gì ở thế giới loài người. Thế giới loài người là căng thẳng bởi nhiều công việc. Bạch Ngài, tôi sẽ là người lần lượt chứng đạt cao hơn rồi sẽ Niết-bàn ngay tại đây, nơi thiên giới.

Trong khi Thiên chủ Sakka thỉnh cầu đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba, thiên tử Mahāsena cũng đã nói như vầy:

– Bạch Ngài, tôi không có mục đích gì ở thế giới loài người. Thế giới loài

người là căng thẳng bởi nhiều công việc. Bạch Ngài, tôi sẽ là người lần lượt chứng đạt cao hơn rồi sẽ Niết-bàn ngay tại đây, nơi thiên giới.

10. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với thiên tử Mahāsena điều này:

– Thưa thiên tử, trong lúc xem xét thế gian này gồm cả chư thiên, chúng tôi nhận thấy rằng không ai khác ngoại trừ Ngài có được khả năng đập đổ luận thuyết của đức Vua Milinda để nâng đỡ giáo pháp. Thưa thiên tử, hội chúng Tỳ-khưu thỉnh cầu Ngài. Lành thay, bậc Thiện nhân! Xin Ngài hãy hạ sanh vào thế giới loài người, xin Ngài hãy nâng đỡ và ban bố giáo pháp của đấng Thập Lực.

Được nói như vậy, thiên tử Mahāsena [nghĩ rằng]: "Nghe nói ta sẽ có khả năng để đập đổ luận thuyết của đức Vua Milinda để nâng đỡ giáo pháp" đã trở nên mừng rỡ, phấn chấn, rất là phấn khởi và đã bày tỏ sự chấp thuận:

– Bạch Đại đức, thật tốt đẹp thay! Tôi sẽ tái sanh vào thế giới loài người.

11. Sau đó, khi đã hoàn thành công việc cần làm ở thiên giới, các vị Tỳ-khưu ấy đã biến mất giữa chư thiên ở cõi trời Đạo-lợi và hiện ra ở cao nguyên Rakkhita, núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với hội chúng Tỳ-khưu điều này:

– Này các Sư đệ, trong hội chúng Tỳ-khưu có vị Tỳ-khưu nào đã không đi đến cuộc hội họp?

Được hỏi như vậy, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với Đại đức Assagutta điều này:

– Bạch Ngài, có Đại đức Rohaṇa cách đây bảy ngày đã đi vào núi Hy-mã-lạp và nhập thiền diệt, xin Ngài hãy phái sứ giả đi đến gặp vị ấy.

Đúng vào giây phút ấy, Đại đức Rohaṇa cũng vừa xuất khỏi thiền diệt [biết rằng]: "Hội chúng chờ đợi ta" nên đã biến mất ở núi Hy-mã-lạp và hiện ra ở cao nguyên Rakkhita, phía trước một trăm *koṭi* vị A-la-hán. Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Rohaṇa điều này:

– Này Sư đệ Rohaṇa, trong khi lời dạy của đức Phật đang suy tàn, không lẽ đệ không nhận thấy các việc cần phải làm của hội chúng?

– Bạch Ngài, tôi đã thiếu sự quan tâm.

– Này Sư đệ Rohaṇa, chính vì điều ấy đệ hãy thực hành hình phạt.

– Bạch Ngài, tôi sẽ làm gì?

– Này Sư đệ Rohaṇa, ở sườn núi Hy-mã-lạp có ngôi làng Bà-la-môn tên là Kajaṅgalā. Người Bà-la-môn tên Sonuttara cư ngụ tại nơi đó. Người con trai của ông sẽ được sanh ra; đứa bé trai tên là Nāgasena. Này Sư đệ Rohaṇa, chính vì điều ấy, đệ hãy đi vào khất thực ở gia đình ấy trong thời gian bảy năm mười tháng. Sau khi đi vào khất thực, đệ hãy tiếp độ đứa bé trai Nāgasena rồi cho xuất gia. Và khi đứa bé trai đã xuất gia thì đệ sẽ được thoát khỏi hình phạt.

Vị ấy đã nói như vậy.

12. Đại đức Rohaṇa cũng đã chấp thuận rằng:

– Lành thay!

Còn về thiên tử Mahāsena sau khi từ thiên giới chết đi đã chấp nhận sự tiếp nối (tái sanh) trong bụng người vợ của Bà-la-môn Sonuttara. Có ba điều kỳ diệu phi thường đã xuất hiện cùng lúc với việc chấp nhận sự tiếp nối (tái sanh): Các vật dụng chiến đấu đã phát lên ngọn lửa, trái cây đầu mùa chín tới, có đám mây lớn đã đổ mưa.

Về phần Đại đức Rohaṇa, kể từ việc chấp nhận sự tiếp nối (tái sanh) của vị thiên tử, trong khi đi vào khất thực ở gia đình ấy trong thời gian bảy năm mười tháng, đã không nhận được một muỗng cơm, hay là một vá canh, hoặc là sự đảnh lễ, sự chắp tay, hay là hành động thích hợp, dầu là một ngày. Khi ấy, Đại đức đã nhận được chỉ là sự chửi rủa, chỉ là sự mắng nhiếc. Dầu là chút ít lời nói: "Này ông, ông hãy đi đi",[3] cũng đã không có người nói. Tuy nhiên, khi đã đến hạn kỳ bảy năm mười tháng, vào một ngày nọ, Đại đức đã nhận được chút ít lời nói: "Này ông, ông hãy đi đi." Đúng vào ngày hôm ấy, cũng chính người Bà-la-môn, trong khi đi trở về do công việc bên ngoài, đã gặp vị Trưởng lão ở lối ngược chiều và đã nói rằng:

– Này ông xuất gia, ông đã đi đến nhà của chúng tôi chưa?

– Này ông Bà-la-môn, đúng vậy. Tôi đã đi đến.

– Vậy có phải ông đã nhận được cái gì đó?

– Này ông Bà-la-môn, đúng vậy. Tôi đã nhận được.

13. Người Bà-la-môn với tâm ý hoan hỷ[4] đã đi về nhà và hỏi rằng:

– Mấy người đã cho vị xuất gia ấy vật gì đó phải không?

– Chúng tôi đã không cho bất cứ vật gì.

Vào ngày kế, người Bà-la-môn đã ngồi ngay tại cửa nhà [nghĩ rằng]: "Hôm nay, ta sẽ bắt bẻ vị xuất gia về việc nói dối." Vào ngày kế, vị Trưởng lão đã đến tại cửa nhà của người Bà-la-môn. Sau khi nhìn thấy vị Trưởng lão, người Bà-la-môn đã nói như vầy:

– Hôm qua, ông đã không nhận được bất cứ vật gì ở nhà chúng tôi mà lại nói là "đã nhận được." Chẳng lẽ nói dối là thích đáng đối với các ông hay sao?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Này ông Bà-la-môn, trong bảy năm mười tháng, chúng tôi đã không nhận được ở nhà của ông dầu là chút ít lời nói: "Này ông, ông hãy đi đi", còn hôm qua tôi đã nhận được chút ít lời nói: "Này ông, ông hãy đi đi." Vì có liên quan đến chút ít lời nói nhã nhặn này mà tôi đã nói như thế.

Người Bà-la-môn đã suy nghĩ rằng: "Những người này sau khi nhận được dầu là chút ít lời nói nhã nhặn mà lại ca tụng ở giữa mọi người là: 'Chúng tôi đã nhận được', vậy thì sau khi nhận được bất cứ loại vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào khác, vì lẽ gì mà họ lại không ca tụng?" Sau khi phát khởi niềm

---

[3] Sự xưng hô ở đây và các câu đối thoại bên dưới đều dùng ngôi thứ nhất và thứ hai số nhiều.

[4] Văn bản của Miến Điện và của Pali Text Society đã ghi là không hoan hỷ (*anattamano*).

tin, ông ta đã bảo bố thí một muỗng cơm và thức ăn phù hợp từ bữa cơm được chuẩn bị sẵn cho việc sử dụng của bản thân, rồi đã nói rằng:

– Ngài sẽ nhận được vật thực này vào mọi lúc.

Kể từ ngày kế, sau khi nhìn thấy sự trầm tĩnh của vị Trưởng lão trong khi đi đến, người Bà-la-môn càng phát khởi niềm tin nhiều hơn nữa và đã thỉnh cầu vị Trưởng lão việc thọ thực bữa ăn tại nhà của mình một cách thường xuyên. Vị Trưởng lão đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Mỗi một ngày, sau khi làm phận sự về thọ thực, trước khi từ giã, vị Trưởng lão đều thuyết giảng chút ít Phật ngôn rồi mới ra đi.

14. Quả nhiên, đến hạn kỳ mười tháng, người nữ Bà-la-môn ấy cũng đã sanh ra người con trai. Tên của đứa bé đã là "Nāgasena". Đứa bé từ từ lớn lên và đã sanh được bảy năm. Khi ấy, người cha của Nāgasena đã nói với đứa bé trai Nāgasena điều này:

– Này Nāgasena thương, con cần phải học các môn học ở gia tộc Bà-la-môn này.

– Cha yêu quý, những điều gì gọi là các môn học ở gia tộc Bà-la-môn này?

– Này Nāgasena thương, ba bộ Vệ-đà gọi là các môn học. Các học thuật còn lại gọi là học thuật.

– Cha yêu quý, như thế thì con sẽ học.

15. Sau đó, người Bà-la-môn Sonuttara đã trao một ngàn đồng là phần lương của vị thầy cho người thầy giáo Bà-la-môn, rồi cho sắp xếp cái giường nhỏ ở một bên tại một căn phòng bên trong tòa nhà dài, rồi đã nói với người thầy giáo Bà-la-môn điều này:

– Thưa vị Bà-la-môn, thầy hãy cho đứa bé trai này đọc tụng các chú thuật.

– Này bé trai thương, như thế thì con hãy học các chú thuật.

Rồi người thầy giáo Bà-la-môn đọc tụng. Đối với đứa bé trai Nāgasena, chỉ với một lần đọc thì ba bộ Vệ-đà đã được đi vào tâm, đạt được giọng, khéo được nắm bắt, khéo được xác định, khéo được tác ý. Chỉ cần một lần, kiến thức về ba bộ Vệ-đà cùng các từ vựng và nghi thức, luôn cả âm từ với sự phân tích và truyền thống là thứ năm, đã sanh khởi đến đứa bé. Nó đã biết về cú pháp, về văn phạm, và đã không thiếu về phần triết học và các tướng trạng của bậc Đại nhân.

16. Khi ấy, đứa bé trai Nāgasena đã nói với người cha điều này:

– Cha yêu quý, ở gia tộc Bà-la-môn này còn có các môn cần phải học nào thù thắng hơn thế này hay là chỉ chừng này thôi?

– Này Nāgasena thương, ở gia tộc Bà-la-môn này không còn có các môn cần phải học nào thù thắng hơn thế này. Chỉ chừng này là cần phải học thôi.

Sau đó, khi đã trả lời cuộc kiểm tra của thầy giáo, đứa bé trai Nāgasena đã từ tòa nhà dài bước xuống, tâm tự khiển trách về cuộc sống trong thời gian qua, rồi đã đi đến nơi thanh vắng trầm tư. Trong khi xem xét phần đầu, phần giữa và

phần cuối đối với học thuật của mình, nó đã không nhìn thấy cốt lõi, dầu là chút ít, ở phần đầu, phần giữa hay phần cuối. [Nghĩ rằng:] "Các bộ Vệ-đà này quả là rỗng không! Các bộ Vệ-đà này quả thật vô nghĩa, không có cốt lõi, thiếu đi cốt lõi!", nó đã trở nên ân hận, không hoan hỷ.

17. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Rohaṇa ngồi tại trú xứ Vattaniya đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đứa bé trai Nāgasena, nên đã quấn y, trùm y, rồi cầm lấy bình bát và y biến mất ở trú xứ Vattaniya, rồi hiện ra ở phía trước ngôi làng Bà-la-môn Kajaṅgalā. Đứa bé trai Nāgasena đứng ở cánh cổng ra vào căn nhà của mình, đã nhìn thấy Đại đức Rohaṇa từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã hoan hỷ, phấn khởi, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc [nghĩ rằng]: "Có lẽ vị xuất gia này có thể biết được cái gì đó là cốt lõi" nên đã đi đến gần Đại đức Rohaṇa, sau khi đến gần đã nói với Đại đức Rohaṇa điều này:

– Thưa ông, ông là ai mà cạo đầu mặc y ca-sa như vầy?

– Này cậu bé, ta được gọi là bậc xuất gia.

– Thưa ông, với việc gì mà ông được gọi là bậc xuất gia?

– Là bậc xuất gia để loại bỏ các điều ô nhiễm xấu xa. Này cậu bé, với điều ấy mà ta được gọi là bậc xuất gia.

18. – Thưa ông, vì lý do gì mà tóc của ông không giống như [tóc] của những người khác?

– Này cậu bé, sau khi nhìn thấy mười sáu điều vướng bận này, ta đã cạo bỏ râu tóc trở thành bậc xuất gia. Mười sáu điều gì? Sự vướng bận về trang điểm; sự vướng bận về trau chuốt; sự vướng bận về xức dầu; sự vướng bận về gội rửa; sự vướng bận về tràng hoa; sự vướng bận về chất thơm; sự vướng bận về thuốc bôi; sự vướng bận về thuốc harīṭaka; sự vướng bận về thuốc āmalaka; sự vướng bận về nhuộm tóc; sự vướng bận về buộc tóc; sự vướng bận về chải tóc; sự vướng bận về thợ hớt tóc; sự vướng bận về gỡ tóc rối; sự vướng bận về chấy rận; khi các sợi tóc bị rụng, nhiều người buồn rầu, than vãn, rên rỉ, đấm ngực khóc lóc, rơi vào mê muội. Này cậu bé, bị rối rắm trong mười sáu điều vướng bận này, loài người xao lãng tất cả các học thuật vô cùng tinh tế.

19. – Thưa ông, vì lý do gì mà ngay cả các vải quàng của ông cũng không giống như [các vải quàng] của những người khác?

– Này cậu bé, các vải quàng xinh đẹp được nương tựa vào lòng ham muốn, là các biểu hiện của hàng tại gia. Những lo sợ nào đó được sanh lên từ vải vóc, những điều ấy không có ở việc mặc vải ca-sa. Vì điều ấy mà ngay cả các vải quàng của ta cũng không giống như [các vải quàng] của những người khác.

– Thưa ông, ông có biết cái gọi là các học thuật?

– Này cậu bé, có chứ. Ta biết các học thuật. Chú thuật hạng nhất ở thế gian, ta cũng biết.

– Thưa ông, có thể nào ban điều ấy cho tôi không?

– Này cậu bé, được chứ. Có thể.

– Như thế thì ông hãy ban cho tôi đi.[5]

– Này cậu bé, không phải lúc. Chúng ta hãy đi khất thực ở xóm nhà.

20. Khi ấy, đứa bé trai Nāgasena đã cầm lấy bình bát từ tay của Đại đức Rohaṇa rồi hướng dẫn đi vào nhà, sau đó đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Rohaṇa với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi Đại đức Rohaṇa đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, cậu bé đã nói điều này:

– Thưa ông, bây giờ ông hãy ban chú thuật cho tôi đi.

– Này cậu bé, khi nào con không còn sự vướng bận, và thuyết phục được mẹ cha cho phép, rồi khoác vào hình tướng xuất gia mà ta đã đạt được, đến khi ấy ta sẽ ban cho.

Vị Trưởng lão đã đáp lại.

Sau đó, đứa bé trai Nāgasena đã đi đến gặp mẹ cha và nói rằng:

– Thưa mẹ cha, vị xuất gia này nói rằng: "Ta biết chú thuật hạng nhất ở thế gian." Nhưng ông không ban cho kẻ không xuất gia trong sự chứng minh của mình. Con sẽ xuất gia trong sự chứng minh của vị này và sẽ học chú thuật ấy.

21. Khi ấy, mẹ cha của đứa bé nghĩ rằng: "Hãy để cho con trai của chúng ta cũng xuất gia rồi học chú thuật. Học xong rồi thì quay trở về", và đã cho phép rằng:

– Này con, hãy học đi!

Sau đó, Đại đức Rohaṇa đã dẫn đứa bé trai Nāgasena đi đến trú xứ Vattaniya, rồi Vijambhavatthu, sau khi đi đến trú xứ Vijambhavatthu đã ngụ lại một đêm rồi đi đến cao nguyên Rakkhita, sau khi đi đến đã cho đứa bé trai Nāgasena xuất gia giữa một trăm *koṭi* vị A-la-hán. Và khi đã được xuất gia, Nāgasena đã nói với Đại đức Rohaṇa điều này:

– Bạch Ngài, hình tướng của Ngài, con đã đạt được. Bây giờ xin Ngài hãy ban chú thuật cho con.

Khi ấy, Đại đức Rohaṇa đã suy nghĩ rằng: "Ta nên hướng dẫn Nāgasena cái gì trước, Kinh hay Vi diệu pháp?", rồi đã hướng dẫn Vi diệu pháp trước [nghĩ rằng]: "Nāgasena này quả là sáng trí, có thể học Vi diệu pháp một cách thoải mái."

Và Đại đức Nāgasena chỉ với một lần đọc đã rành rẽ tất cả tạng Vi diệu pháp ấy [tức là]: Bộ *Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*) gồm có nhóm ba, nhóm hai như là "các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ký"; bộ *Vibhaṅga* (*Phân tích*) gồm có mười tám chương phân tích, khởi đầu là chương Phân tích về uẩn; bộ *Dhātukathā* (*Chất ngữ*) được phân loại thành mười bốn phần, khởi đầu là phần "yếu hiệp bất yếu hiệp"; bộ *Puggalapaññatti* (*Nhân chế định*) được phân loại thành sáu phần, khởi đầu là phần "uẩn chế định, xứ chế định"; bộ *Kathāvatthu* (*Ngữ tông*) được phân loại sau khi đã tổng hợp một ngàn bài giảng "năm trăm

[5] Cậu bé xưng hô với Đại đức Rohaṇa bằng ngôi thứ hai số ít, trong khi ở phần trước người cha xưng hô bằng ngôi thứ hai số nhiều. (ND)

bài giảng về học thuyết của phái mình, năm trăm bài giảng về học thuyết của phái khác"; bộ *Yamaka* (*Song đối*) được phân loại thành mười phần, khởi đầu là phần "căn song, uẩn song"; bộ *Paṭṭhāna* (*Vị trí*) được phân loại thành hai mươi bốn phần, khởi đầu là phần "nhân duyên, cảnh duyên."

Đại đức Nāgasena đã nói rằng:

– Bạch Ngài, xin hãy dừng lại, chớ giảng thêm nữa. Con sẽ đọc chỉ với chừng này.

Sau đó, Đại đức Nāgasena đã đi đến gặp một trăm *koṭi* vị A-la-hán, sau khi đi đến đã nói với một trăm *koṭi* vị A-la-hán điều này:

– Bạch các Ngài, sau khi xếp vào trong ba câu này là "các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ký", con sẽ giảng chi tiết toàn bộ tạng Vi diệu pháp.

– Nāgasena, lành thay! Con hãy giảng!

22. Khi ấy, Đại đức Nāgasena đã giảng chi tiết bảy bộ sách trong bảy tháng. Quả đất đã gầm lên. Chư thiên đã ban lời tán thưởng: "Lành thay!" Các Phạm thiên đã vỗ tay. Các bột trầm hương của cõi trời và các bông hoa Mạn-đà-la của cõi trời đã đổ mưa.

Sau đó, khi Đại đức Nāgasena được tròn đủ hai mươi tuổi, một trăm *koṭi* vị A-la-hán đã cho tu lên bậc trên ở cao nguyên Rakkhita. Và khi đã được tu lên bậc trên, Đại đức Nāgasena vào cuối đêm ấy lúc rạng đông, đã quấn y, trùm y rồi cầm bình bát và y, trong khi cùng với thầy tế độ đi vào làng để khất thực, đã sanh khởi ý nghĩ suy tầm như vầy: "Thầy tế độ của ta quả là rỗng không! Thầy tế độ của ta quả là ngu dốt! Ông đã bỏ qua phần còn lại về lời dạy của đức Phật và đã hướng dẫn ta Vi diệu pháp trước."

23. Khi ấy, Đại đức Rohaṇa sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Nāgasena, đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Này Nāgasena, con đã suy tầm về ý nghĩ suy tầm không thích đáng. Này Nāgasena, hơn nữa điều này quả là không thích đáng đối với con.

Khi ấy, Đại đức Nāgasena đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Thầy tế độ của ta biết được ý nghĩ suy tầm bằng tâm. Thầy tế độ của ta quả là sáng trí. Hay là ta nên xin Ngài thứ lỗi?"

Khi ấy, Đại đức Nāgasena đã nói với Đại đức Rohaṇa điều này:

– Bạch Ngài, xin Ngài thứ lỗi cho con. Con sẽ không suy tầm như thế nữa.

Khi ấy, Đại đức Rohaṇa đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Này Nāgasena, chỉ với chừng ấy thì ta không thứ lỗi cho con đâu. Này Nāgasena, có thành phố tên là Sāgala. Tại nơi ấy, có đức vua tên Milinda cai trị vương quốc. Ông ta hỏi câu hỏi theo học thuyết về tà kiến và đã gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu. Nếu con đi đến nơi đó, cải hóa và tạo niềm tin cho đức Vua ấy; được vậy thì ta sẽ thứ lỗi cho con.

24. Đại đức Nāgasena đã nói rằng: "Bạch Ngài, xin hãy để yên một đức Vua

Milinda. Bạch Ngài, nếu tất cả các đức vua ở toàn cõi Jambudīpa đi đến để hỏi con câu hỏi, con sẽ trả lời và vạch rõ mọi điều ấy. Bạch Ngài, xin Ngài thứ lỗi cho con"; khi được trả lời: "Ta không thứ lỗi", thì đã nói rằng: "Bạch Ngài, như thế thì ba tháng này con sẽ sống nương nhờ vào vị nào?"

– Này Nāgasena, Đại đức Assagutta này cư ngụ tại trú xứ Vattaniya. Này Nāgasena, con hãy đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đi đến hãy đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của Đại đức Assagutta với lời thăm hỏi của ta. Và con hãy nói với vị ấy như vầy: "Bạch Ngài, thầy tế độ của con xin đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của Ngài, và hỏi thăm về sự ít bệnh, ít đau, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái [của Ngài]. Thầy tế độ của con đã gởi con đến sống hầu cận Ngài trong ba tháng."

25. Và khi được hỏi: "Thầy tế độ của con là vị nào", thì con nên đáp rằng: "Bạch Ngài, gọi là Đại đức Rohaṇa." Khi được hỏi: "Ta đây tên gì?", thì con nên đáp rằng: "Bạch Ngài, thầy tế độ của con biết tên của Ngài."

– Bạch Ngài, xin vâng.

Và Đại đức Nāgasena, sau khi đảnh lễ Đại đức Rohaṇa, đã hướng vai phải nhiễu quanh, rồi cầm lấy bình bát và y, trong khi tuần tự du hành đã đi đến trú xứ Vattaniya nơi Đại đức Assagutta, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Assagutta rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Đại đức Nāgasena đã nói với Đại đức Assagutta điều này:

– Bạch Ngài, thầy tế độ của con xin đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của Ngài. Và người dặn dò như vầy. Người hỏi thăm về sự ít bệnh, ít đau, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái [của Ngài]. Bạch Ngài, thầy tế độ của con đã gởi con đến sống hầu cận Ngài trong ba tháng.

Khi ấy, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Nāgasena điều này: "Con tên gì?" "Bạch Ngài, con tên Nāgasena." "Thầy tế độ của con tên gì?" "Bạch Ngài, thầy tế độ của con gọi là Đại đức Rohaṇa." "Ta đây tên gì?" "Bạch Ngài, thầy tế độ của con biết tên của Ngài." "Này Nāgasena, tốt lắm! Hãy đem cất bình bát và y." "Bạch Ngài, lành thay!", rồi đã đem cất bình bát và y, rồi vào ngày kế tiếp, đã quét phòng, đã đem lại nước rửa mặt và tăm xỉa răng. Vị Trưởng lão đã quét lại chỗ đã được quét, đã đổ đi nước ấy rồi đem lại nước khác, và đã dời đi gỗ chà răng ấy rồi lấy gỗ chà răng khác. Ngài đã không trao đổi chuyện trò. Sau khi đã làm như vậy bảy ngày, vào ngày thứ bảy Ngài đã hỏi lần nữa. Khi được Đại đức Nāgasena trả lời y như thế, Ngài đã cho phép việc cư trú mùa mưa.

26. Vào lúc bấy giờ, có một đại tín nữ đã hộ trì Đại đức Assagutta thời gian ba mươi năm. Khi ấy, vào cuối thời điểm ba tháng, đại tín nữ ấy đã đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đến đã nói với Đại đức Assagutta điều này:

– Bạch Sư, có vị Tỳ-khưu nào khác hầu cận Sư không?

– Này đại tín nữ, có vị Tỳ-khưu tên Nāgasena hầu cận chúng tôi.

– Bạch Sư Assagutta, như thế thì xin Sư cùng với vị Nāgasena hãy nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai.

Đại đức Assagutta đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, vào cuối đêm ấy lúc rạng đông, Đại đức Assagutta đã quấn y, trùm y rồi cầm bình bát và y, cùng với Đại đức Nāgasena là vị Sa-môn hầu cận, đã đi đến tư gia của người đại tín nữ, sau khi đi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được xếp đặt.

Khi ấy, người đại tín nữ ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Assagutta và Đại đức Nāgasena với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Sau đó, khi Đại đức Nāgasena đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Nāgasena điều này: "Này Nāgasena, con hãy nói lời tùy hỷ cho người đại tín nữ", nói xong điều ấy đã rời chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

27. Sau đó, người đại tín nữ ấy đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Bạch Sư Nāgasena, tôi đã lớn tuổi. Hãy nói lời tùy hỷ cho tôi với bài giảng pháp thâm thúy.

Khi ấy, Đại đức Nāgasena đã nói lời tùy hỷ cho người đại tín nữ ấy với bài giảng Vi diệu pháp thâm thúy, vượt trên thế gian, liên quan đến Không tánh. Khi ấy, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến người đại tín nữ ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Còn Đại đức Nāgasena, sau khi nói lời tùy hỷ cho người đại tín nữ ấy, trong khi quán xét lại pháp do mình thuyết giảng, đã khởi sự việc minh sát, và trong khi đang ngồi ngay tại chỗ ngồi ấy, đã thành tựu quả Nhập lưu. Khi ấy, Đại đức Assagutta ngồi ở ngôi nhà tròn, sau khi biết được việc đạt thành pháp nhãn của cả hai người, đã thốt lời tán thưởng rằng: "Lành thay, lành thay! Này Nāgasena, với một phát bắn mũi tên mà hai thân thể to lớn đã bị vỡ tung." Và nhiều ngàn chư thiên đã thốt lời tán thưởng: "Lành thay!"

28. Sau đó, Đại đức Nāgasena đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp Đại đức Assagutta, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Assagutta rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Nāgasena đã ngồi xuống một bên, Đại đức Assagutta đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Này Nāgasena, con hãy đi đến Pāṭaliputta. Ở thành phố Pāṭaliputta, tại tu viện Asoka, có Đại đức Dhammarakkhita cư ngụ. Con hãy học lời dạy của đức Phật trong sự chứng minh của vị ấy.

– Bạch Ngài, từ đây đến thành phố Pāṭaliputta là bao xa?

– Này Nāgasena, một trăm do-tuần.

– Bạch Ngài, đường đi quả là xa. Trên đường đi, vật thực khó kiếm. Con sẽ đi thế nào?

– Này Nāgasena, con hãy đi. Trên đường đi, con sẽ nhận được đồ ăn khất thực gồm có cơm gạo ngon không có hạt đen, nhiều canh, nhiều thức ăn.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Sau khi đảnh lễ Đại đức Assagutta và hướng vai phải nhiễu quanh, Đại đức Nāgasena đã cầm lấy bình bát và y, rồi ra đi du hành về phía Pāṭaliputta.

Vào lúc bấy giờ, nhà triệu phú người Pāṭaliputta cùng với năm trăm cỗ xe đang di chuyển ở con đường dẫn đến Pāṭaliputta. Nhà triệu phú người Pāṭaliputta đã nhìn thấy Đại đức Nāgasena từ đàng xa đang tiến đến, sau khi nhìn thấy đã quay năm trăm cỗ xe trở lại và tiến đến gần Đại đức Nāgasena, sau khi đến gần đã đảnh lễ Đại đức Nāgasena rồi nói rằng:

– Bạch Sư, Sư đi đâu?

– Này gia chủ, Pāṭaliputta.

– Tốt quá, thưa Sư! Chúng tôi cũng đi Pāṭaliputta. Sư hãy thoải mái đi cùng chúng tôi.

Sau đó, nhà triệu phú người Pāṭaliputta có được niềm tin vào bốn oai nghi của Đại đức Nāgasena nên đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Nāgasena với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi Đại đức Nāgasena đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, ông ta đã cầm lấy một chiếc ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà triệu phú người Pāṭaliputta đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Bạch Sư, Sư tên gì?

– Này gia chủ, tôi tên Nāgasena.

– Bạch Sư, vậy Sư có biết lời dạy của đức Phật không?

– Này gia chủ, tôi có biết các câu về Vi diệu pháp.

– Bạch Sư, thật là lợi ích cho chúng ta! Bạch Sư, thật khéo đạt được cho chúng ta! Bạch Sư, con cũng thích Vi diệu pháp, Sư cũng chuyên về Vi diệu pháp. Bạch Sư, thỉnh Sư nói về các câu Vi diệu pháp.

29. Khi ấy, Đại đức Nāgasena đã thuyết giảng Vi diệu pháp cho nhà triệu phú người Pāṭaliputta. Ngay trong khi đang lần lượt thuyết giảng, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhà triệu phú người Pāṭaliputta: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Sau đó, nhà triệu phú người Pāṭaliputta đã cho năm trăm cỗ xe đi trước, còn bản thân đi phía sau. Ông ta đã dừng lại ở đường rẽ hai, không xa thành Pāṭaliputta, rồi nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Bạch Sư Nāgasena, đường này dẫn đến tu viện Asoka. Bạch Sư, còn đây là tấm mền len quý báu của tôi, bề dài mười sáu cánh tay, bề rộng tám cánh tay. Bạch Sư, vì lòng thương tưởng xin Sư hãy thọ nhận tấm mền len quý báu này.

Đại đức Nāgasena vì lòng thương tưởng đã thọ nhận tấm mền len quý báu ấy. Khi ấy, nhà triệu phú người Pāṭaliputta được hoan hỷ, phấn khởi, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc, đã đảnh lễ Đại đức Nāgasena, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

30. Sau đó, Đại đức Nāgasena đã đi đến tu viện Asoka gặp Đại đức Dhammarakkhita, sau khi đi đến đã đảnh lễ Đại đức Dhammarakkhita, và nói về lý do đi đến của mình. Sau đó, trong sự chứng minh của Đại đức Dhammarakkhita, Đại đức Nāgasena đã học Tam tạng, lời dạy của đức Phật, về phần văn tự chỉ với một lần đọc trong ba tháng, rồi thêm ba tháng nữa chú

tâm về phần ý nghĩa. Khi ấy, Đại đức Dhammarakkhita đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Này Nāgasena, cũng giống như người chăn bò bảo vệ con bò, còn những kẻ khác thưởng thức hương vị (sản phẩm) của bò. Này Nāgasena, tương tợ y như thế, mặc dù đang thuộc lòng Tam tạng, lời dạy của đức Phật, con không hưởng được phần của bản thể Sa-môn.

– Bạch Ngài, hãy là vậy. Với chừng này là đủ rồi.

Rồi ngay trong ngày ấy, đêm ấy, Đại đức Nāgasena đã đạt được phẩm vị A-la-hán cùng với các tuệ phân tích. Cùng với việc thâm nhập chân lý của Đại đức Nāgasena, tất cả chư thiên đã ban lời tán thưởng: "Lành thay!" Trái đất đã gầm lên. Các Phạm thiên đã vỗ tay. Các bột trầm hương của cõi trời và các bông hoa Mạn-đà-la của cõi trời đã đổ mưa.

31. Vào lúc bấy giờ, một trăm *koṭi* vị A-la-hán đã tụ hội tại cao nguyên Rakkhita núi Hy-mã-lạp, và đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Nāgasena [nói rằng]:

– Nāgasena hãy đến. Chúng tôi có ý muốn gặp Nāgasena.

Khi ấy, sau khi nghe được lời nói của người sứ giả, Đại đức Nāgasena đã biến mất ở tu viện Asoka và đã hiện ra ở cao nguyên Rakkhita núi Hy-mã-lạp, phía trước một trăm *koṭi* vị A-la-hán. Khi ấy, một trăm *koṭi* vị A-la-hán đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Này Nāgasena, đức Vua Milinda này gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu với việc hỏi câu hỏi theo học thuyết về tà kiến. Này Nāgasena, thật tốt đẹp thay! Con hãy đi và cải hóa Milinda.

– Bạch các Ngài, xin hãy để yên một đức Vua Milinda. Bạch các Ngài, nếu tất cả các đức vua ở toàn cõi Jambudīpa đi đến để hỏi con câu hỏi, con sẽ trả lời và vạch rõ mọi điều ấy. Bạch các Ngài, các Ngài hãy đi đến thành phố Sāgala, không phải lo sợ.

32. Sau đó, các vị Tỳ-khưu Trưởng lão đã làm cho thành phố Sāgala trở thành quầng ánh sáng màu y ca-sa với sự di chuyển ngược xuôi của các vị ẩn sĩ. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Āyupāla trú ngụ tại tự viện Saṅkheyya.

Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với các quan đại thần rằng:

– Đêm trăng trong quả thật đáng yêu! Phải chăng hôm nay chúng ta nên đi đến gặp vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn để hỏi câu hỏi? Vị nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc?

Được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka đã nói với đức Vua rằng:

– Tâu Đại vương, có vị Trưởng lão tên Āyupāla thông Tam tạng, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa. Hiện nay, vị ấy trú ngụ tại tự viện Saṅkheyya. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy đi đến Đại đức Āyupāla và hỏi câu hỏi.

– Này các khanh, như thế thì các khanh hãy thông báo đến Ngài Đại đức.

Sau đó, một nhà tiên tri đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Āyupāla [nói rằng]:

– Thưa Ngài, đức Vua Milinda có ý muốn gặp Đại đức Āyupāla.

Đại đức Āyupāla cũng đã nói như vầy:

– Như thế thì Ngài hãy đến.

33. Sau đó, được tháp tùng bởi năm trăm người xứ Yonaka, đức Vua Milinda đã bước lên cỗ xe ngựa cao quý đi đến tự viện Saṅkheyya gặp Đại đức Āyupāla, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Đại đức Āyupāla, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Āyupāla điều này:

– Bạch Ngài Āyupāla, sự xuất gia của Ngài là với mục đích gì? Và mục đích tột cùng của Ngài là gì?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, sự xuất gia có mục đích thực hành giáo pháp và thực hành sự bình lặng.

– Bạch Ngài, có người tại gia nào cũng có sự thực hành giáo pháp [và sự thực hành pháp bình lặng]?

– Tâu Đại vương, có chứ. Cũng có người tại gia có sự thực hành giáo pháp và có sự thực hành pháp bình lặng. Tâu Đại vương, trong khi đức Thế Tôn chuyển vận bánh xe pháp ở thành Bārāṇasī, Isipatana, nơi Vườn Nai, đã có sự lãnh hội giáo pháp của mười tám *koṭi* vị Phạm thiên. Còn sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên thì vượt qua cách thức tính đếm. Tất cả những vị ấy đều là người tại gia, không phải bậc xuất gia.

Tâu Đại vương, và hơn nữa, trong khi bài *Kinh Mahāsamaya* đang được thuyết giảng, trong khi bài *Kinh Mahāmaṅgala* đang được thuyết giảng, trong khi bài *Kinh Samacittapariyāya* đang được thuyết giảng, trong khi bài *Kinh Rāhulovāda* đang được thuyết giảng, trong khi bài *Kinh Parābhava* đang được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn, đã có sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên vượt lên trên cách thức tính đếm. Tất cả những vị ấy đều là người tại gia, không phải bậc xuất gia.[6]

34. Đức Vua Milinda đã nói rằng:

– Bạch Ngài Āyupāla, như thế thì sự xuất gia của Ngài là vô nghĩa; do kết

---

[6] Chú thích về các bài kinh đã được trích dẫn:
- *D.* II. 253, (20) *Mahāsamayasuttaṃ* (*Kinh Đại hội*).
- *Mahāmaṅgalasutta* được tìm thấy ở hai nơi là *Tiểu tụng*, phần V (*Kh.* 3) và *Kinh tập*, chương II, bài kinh số 4 (*Sn.* 46).
- *Samacittapariyāyasutta*, xem *Tăng chi bộ*, phẩm *Tâm thăng bằng* (*Samacittavagga*), phần *Hai pháp* (*A.* I. 62).
- *Rāhulovādasutta*, xem *Trung bộ*, có 3 bài kinh mang tựa *Rāhulovāda* là *M.* 61, *Ambalaṭṭhikarāhulovādasuttaṃ* (*Kinh Giáo giới La-hầu-la ở rừng Am-bà-la*); *M.* 62, *Mahārāhulovādasuttaṃ* (*Đại kinh Giáo giới La-hầu-la*); *M.* 147, *Cūḷarāhulovādasuttaṃ* (*Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la*).
- *Parābhavasutta*: Có 2 bài kinh mang cùng tên *Parābhavasuttaṃ* ở *Tăng chi bộ*, phẩm III. *Vajjī* (*Vajjisattakavagga*), phần *Bảy pháp*, *Kinh Thối đọa* (*Parābhavasutta*) (*A.* IV. 26) và ở *Kinh tập*, chương I, bài kinh số 6 (*Sn.* 18).

quả của nghiệp ác đã làm trong quá khứ mà các Sa-môn Thích tử xuất gia và gìn giữ các pháp từ khước.[7] Bạch Ngài Āyupāla, những vị Tỳ-khưu [hành pháp] một chỗ ngồi [khi thọ thực], có lẽ trong quá khứ họ là những kẻ đạo tặc đoạt lấy tài sản của những người khác; sau khi cướp đoạt các tài sản của những người khác, mà ngày nay do kết quả của nghiệp ấy, họ trở thành các vị [hành pháp] một chỗ ngồi [khi thọ thực], không chấp nhận thọ thực lúc này lúc khác, nhiều chỗ ngồi. Đối với những vị ấy thì chẳng có giới hạnh, chẳng có khổ hạnh, chẳng có Phạm hạnh. Bạch Ngài Āyupāla, những vị Tỳ-khưu [hành pháp] ngụ ở ngoài trời, có lẽ trong quá khứ họ là những kẻ đạo tặc tàn phá xóm làng; sau khi tiêu hủy các căn nhà của những người khác, mà ngày nay do kết quả của nghiệp ấy, họ trở thành các vị [hành pháp] ngụ ở ngoài trời, không chấp nhận thọ dụng các chỗ trú ngụ. Đối với những vị ấy thì chẳng có giới hạnh, chẳng có khổ hạnh, chẳng có Phạm hạnh. Bạch Ngài Āyupāla, những vị Tỳ-khưu [hành pháp] về oai nghi ngồi (không nằm), có lẽ trong quá khứ họ là những kẻ đạo tặc cướp đường; sau khi bắt giữ các khách đi đường, trói lại, rồi bắt họ ngồi xuống, mà ngày nay do kết quả của nghiệp ấy, họ trở thành các vị [hành pháp] về oai nghi ngồi (không nằm), không chấp nhận được phép nằm. Đối với những vị ấy thì chẳng có giới hạnh, chẳng có khổ hạnh, chẳng có Phạm hạnh.

35. Được nói như vậy, Đại đức Āyupāla đã im lặng, không đáp lại điều gì. Khi ấy, năm trăm người xứ Yonaka đã nói với đức Vua Milinda điều này:

– Tâu Đại vương, vị Trưởng lão là bậc sáng trí, tuy nhiên Ngài không tự tin nên không đáp lại điều gì.

Sau đó, khi nhìn thấy Đại đức Āyupāla có thái độ im lặng, đức Vua Milinda đã vỗ tay, reo lên, rồi nói với những người xứ Yonaka điều này:

– Xứ Jambudīpa quả thật trống trơn! Xứ Jambudīpa quả thật vô nghĩa! Không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc?

36. Sau đó, đức Vua Milinda, trong khi quan sát toàn thể hội chúng ấy, đã nhìn thấy những người Yonaka không bị sợ hãi, không có trạng thái bối rối, nên đã khởi ý điều này: "Ta nghĩ rằng chắc chắn là có vị Tỳ-khưu sáng trí nào khác có khả năng để chuyện trò với ta để giải tỏa điều nghi hoặc nên những người xứ Yonaka này không có trạng thái bối rối." Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với những người xứ Yonaka điều này:

– Này các khanh, có vị Tỳ-khưu sáng trí nào khác có khả năng để chuyện trò với trẫm để giải tỏa điều nghi hoặc?

37. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Nāgasena được vây quanh bởi tập thể Sa-môn, là vị có hội chúng, có đồ chúng, là giáo thọ sư của tập thể, được biết tiếng, có danh vọng, được nhiều người đánh giá cao, là vị sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khôn khéo, hiểu biết, rành mạch, nghiêm chỉnh, tự tin, nghe nhiều, thông

[7] Đã được dịch âm là thu đông, đầu-đà (*dhutaṅga*).

Tam tạng, hiểu biết sâu sắc, trí đã được khai mở, kinh điển được truyền thừa, tuệ phân tích đã được khai mở, rành rẽ pháp học về lời dạy của bậc Đạo sư gồm chín thể loại, đã đạt đến sự toàn hảo, thiện xảo trong việc thâm nhập lời thuyết giảng về ý nghĩa của giáo pháp trong lời dạy của đấng Chiến Thắng, có tài ứng đối linh hoạt không bị ngập ngừng, có sự thuyết giảng phong phú, có sự phát biểu khéo léo, là vị khó sánh bằng, khó khuất phục, khó trội hơn, khó chèn, khó ép, không lao chao ví như biển cả, không dao động ví như núi chúa, dứt bỏ dục vọng, xua đi tăm tối, phát ra ánh sáng, là diễn giả hùng hồn, gây xáo trộn tập thể của các vị có đồ chúng khác, khuất phục các giáo chủ tà giáo khác, đối với các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni, các cận sự nam, các cận sự nữ, các vua chúa, các quan đại thần của đức vua thì được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, nhận được các vật dụng về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh, đã đạt được đỉnh cao về lợi lộc và đỉnh cao về danh vọng, đang trình bày sự quý báu về lời dạy của đấng Chiến Thắng gồm chín thể loại đến những bậc hiểu biết lớn tuổi đang tập trung lắng nghe, đang chỉ ra con đường giáo pháp, đang nắm giữ ngọn đèn giáo pháp, đang nâng lên tòa lâu đài giáo pháp, đang hy sinh cống hiến cho giáo pháp, đang nâng đỡ biểu hiện của giáo pháp, đang nâng lên ngọn cờ giáo pháp, đang làm vang lên tiếng tù và của giáo pháp, đang vỗ trống giáo pháp, đang rống tiếng rống sư tử, đang gầm tiếng gầm của vị trời Inda (tiếng sấm), đang làm hài lòng toàn bộ thế gian với việc đã thốt lên giọng nói ngọt ngào, với việc đã trùm lên mạng lưới tia sét của trí tuệ, với việc đã mang nặng dòng nước thương yêu, với trận mưa lớn về sự bất tử của giáo pháp, trong khi tuần tự du hành qua làng mạc thị trấn kinh thành, đã ngự đến thành phố Sāgala. Ở nơi ấy, Đại đức Nāgasena ngụ tại tự viện Saṅkheyya cùng với tám chục ngàn vị Tỳ-khưu. Vì thế, đã có lời rằng:

"*Là vị nghe nhiều, có sự thuyết giảng phong phú, khôn khéo, tự tin, thiện xảo về thời điểm, có tài ứng đối và thông thái.*

Và các Tỳ-khưu thông Tam tạng, cùng với các vị thông năm bộ kinh và luôn cả các vị thông bốn bộ kinh, các vị ấy tôn vinh Nāgasena.

Nāgasena là vị có tuệ thâm sâu, thông minh, biết được đạo và không phải là đạo, đã đạt đến mục đích tối thượng, có sự tự tin.

Được các vị Tỳ-khưu khôn khéo, có lời nói chân thật ấy tháp tùng, trong khi du hành qua làng mạc thị trấn, đã đi đến Sāgala.

Từ đó, Nāgasena đã ngụ tại tự viện Saṅkheyya. Giống như con sư tử ở ngọn núi, vị ấy thuyết giảng cho nhiều người."

38. Khi ấy, vị Devamantiya đã nói với đức Vua Milinda điều này:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy chờ đợi! Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy chờ đợi! Tâu Đại vương, có vị Trưởng lão tên Nāgasena là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, nghiêm chỉnh, tự tin, nghe nhiều, có sự thuyết giảng phong phú, có tài ứng đối khôn khéo, đã đạt đến sự toàn hảo trong các tuệ

phân tích về ý nghĩa, về các pháp, về ngôn từ và về phép biện giải. Hiện nay, vị ấy ngụ tại tự viện Saṅkheyya. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy đi đến, hãy hỏi Đại đức Nāgasena câu hỏi. Vị ấy có khả năng để chuyện trò với Đại vương để giải tỏa điều nghi hoặc.

39. Khi ấy, đức Vua Milinda, chợt nghe đến tên "Nāgasena", đã có sự sợ hãi, đã có sự khiếp đảm, đã có nổi da gà. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Devamantiya điều này:

– Này khanh, có phải Ngài Tỳ-khưu Nāgasena có khả năng để chuyện trò với trẫm?

– Tâu Đại vương, vị ấy có khả năng để chuyện trò với cả vị trời Inda, Yama, Varuṇa, Kuvera, Pajāpati, Suyāma, các vị hộ trì cõi trời Đẩu-suất, luôn cả Đại Phạm thiên là bậc cha ông thì có gì với loài người?

40. Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Devamantiya điều này:

– Này Devamantiya, như thế thì khanh hãy phái sứ giả đi đến gặp Ngài Đại đức.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi Devamantiya đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Nāgasena [nói rằng]:

– Bạch Ngài, đức Vua Milinda có ý muốn gặp Đại đức Nāgasena.

Đại đức Nāgasena cũng đã nói rằng:

– Như thế thì vị ấy hãy đến.

41. Sau đó, được tháp tùng bởi năm trăm người xứ Yonaka, đức Vua Milinda đã bước lên cỗ xe ngựa cao quý cùng với đội quân binh đi đến tự viện Saṅkheyya gặp Đại đức Nāgasena. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Nāgasena đang ngồi ở ngôi nhà tròn cùng với tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu. Đức Vua Milinda đã nhìn thấy hội chúng của Đại đức Nāgasena từ đàng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với Devamantiya điều này:

– Này Devamantiya, hội chúng đông đảo này là của ai vậy?

– Tâu Đại vương, là hội chúng của Đại đức Nāgasena.

Lúc đó, sau khi nhìn thấy hội chúng của Đại đức Nāgasena từ đàng xa, đức Vua Milinda đã có sự khiếp đảm, đã có nổi da gà. Khi ấy, đức Vua Milinda, tợ như con voi bị bao vây bởi những con tê giác, tợ như con rồng bị bao vây bởi những con Kim Sí điểu, tợ như con chó rừng bị bao vây bởi những con trăn, tợ như con gấu bị bao vây bởi những con trâu rừng, tợ như con ếch bị đuổi theo bởi con rắn, tợ như con nai bị đuổi theo bởi con báo, tợ như con rắn bị chạm trán người bắt rắn, tợ như con chuột bị chạm trán con mèo, tợ như con yêu tinh bị chạm trán thầy trừ tà, tợ như mặt trăng đi vào miệng của Rāhu (bị nguyệt thực), tợ như con rắn bị sa vào giỏ, tợ như con chim bị rơi vào lồng, tợ như con cá bị dính vào lưới, tợ như con người bị đi lạc vào rừng có thú dữ, tợ như loài dạ-xoa phạm lỗi đối với Thiên vương Vessavaṇa, tợ như vị thiên tử có tuổi thọ

bị cạn kiệt, trở nên sợ hãi, kinh hoàng, dáo dác, rúng động, lông dựng đứng lên, thất thần, lo âu, tâm bị tán loạn, nhụt ý, sau khi lấy lại sự can đảm [nghĩ rằng]: "Chớ để người này xem thường ta", đức vua đã nói với Devamantiya điều này:

– Này Devamantiya, khanh chớ giới thiệu Đại đức Nāgasena cho trẫm, trẫm sẽ nhận biết Nāgasena dầu chưa được nói ra.

– Tâu Đại vương, lành thay! Xin Đại vương hãy tự nhận biết.

42. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Nāgasena ở nơi hội chúng Tỳ-khưu của Ngài gồm bốn mươi ngàn vị Tỳ-khưu kém thâm niên ở phía trước và bốn mươi ngàn vị Tỳ-khưu thâm niên hơn ở phía sau. Khi ấy, trong khi quan sát toàn thể hội chúng Tỳ-khưu ấy từ phía trước, từ phía sau và ở chính giữa, đức Vua Milinda đã nhìn thấy từ ở đàng xa Đại đức Nāgasena đang ngồi ở giữa hội chúng Tỳ-khưu tợ như sư tử có bờm, không chút sợ hãi khiếp đảm, không bị nổi da gà, không sợ hãi thẹn thùng; sau khi nhìn thấy, đã nhận ra nhờ vào sự biểu hiện: "Người này đây chính là Nāgasena." Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Devamantiya điều này:

– Này Devamantiya, có phải vị ấy chính là Đại đức Nāgasena?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Vị ấy chính là Đại đức Nāgasena. Tâu Đại vương, thật là tốt đẹp! Đại vương đã nhận ra vị Nāgasena.

Vì thế, đức Vua đã trở nên hớn hở:

– Dầu không được nói, trẫm đã nhận ra được Nāgasena.

Lúc đó, sau khi đã nhìn thấy Đại đức Nāgasena, đức Vua Milinda đã có sự sợ hãi, đã có sự khiếp đảm, đã có nổi da gà. Vì thế, có lời nói rằng:

"*Sau khi nhìn thấy Nāgasena được thành tựu tánh hạnh, đang khéo được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, đức Vua đã nói lời nói này:*

'*Ta đã gặp nhiều nhà thuyết giáo, đã tham dự nhiều cuộc bàn luận, ta đã không có sự sợ hãi như thế này, như là sự run sợ của ta ngày hôm nay.*

Sự thất bại chắc chắn sẽ xảy ra cho ta ngày hôm nay, khi tâm không được tập trung như vầy, và chính phần thắng sẽ là của Nāgasena.'"

Dứt phần Ngoại thuyết.

I. ĐẠI PHẨM
(*MAHĀVAGGO*)

1. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đi đến gặp Đại đức Nāgasena, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Đại đức Nāgasena, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã ngồi xuống một bên. Đại đức Nāgasena cũng đã tỏ bày vẻ thân thiện, chính vì thế đã làm hài lòng tâm ý của đức Vua Milinda.

Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Ngài Đại đức được nhận biết bằng cách nào? Thưa Ngài, Ngài tên gì?

– Tâu Đại vương, tôi được nhận biết là "Nāgasena". Tâu Đại vương, các vị đồng Phạm hạnh gọi tôi là "Nāgasena". Hơn nữa, mẹ cha đặt tên là "Nāgasena", hoặc là "Sūrasena", hoặc là "Vīrasena", hoặc là "Sīhasena". Tâu Đại vương, vả lại "Nāgasena" cũng chỉ là từ phân biệt, là tên thừa nhận, là tên quy định, là tên gọi thông thường, bởi vì không người nào được tìm thấy ở đây.

Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với như vầy:

– Xin quý vị năm trăm người xứ Yonaka và tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu hãy lắng nghe trẫm. Vị Nāgasena này đã nói như vầy: "Bởi vì không người nào được tìm thấy ở đây." Vậy có hợp lý để chấp nhận điều ấy không?

Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu không người nào được tìm thấy, vậy thì ai bố thí y phục vật thực chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh cho Ngài? Ai thọ dụng vật ấy? Ai trì giới? Ai gắn bó với sự tu tập? Ai chứng ngộ Đạo, Quả và Niết-bàn? Ai sát hại mạng sống? Ai lấy vật không được cho? Ai tà hạnh trong các dục? Ai nói dối? Ai uống chất lên men? Ai gây nên năm nghiệp vô gián? Như thế thì không có thiện, không có bất thiện, không có người làm hoặc người sai bảo làm đối với các nghiệp thiện và bất thiện. Không có sự thành tựu quả đối với các nghiệp đã được làm tốt hoặc đã được làm xấu. Thưa Ngài Nāgasena, nếu có người giết chết Ngài thì người ấy cũng không có tội giết hại mạng sống. Thưa Ngài Nāgasena, Ngài cũng không có thầy dạy học, không có thầy tế độ, không có sự tu lên bậc trên, điều Ngài nói rằng: "Tâu Đại vương, các vị đồng Phạm hạnh gọi tôi là Nāgasena", vậy ở đây cái gì là Nāgasena? Thưa Ngài, có phải các sợi tóc là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Có phải các sợi lông là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Có phải các móng (tay chân)… (nt)… các răng, da, thịt, gân, xương, tủy xương, thận, tim, gan, cơ hoành, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, thực phẩm chưa tiêu, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mỡ (huyết tương), nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, bộ não ở đầu là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Thưa Ngài, có phải sắc là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Có phải thọ là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Có phải tưởng là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Có phải các hành là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Có phải thức là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Thưa Ngài, vậy thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Thưa Ngài, vậy thì trừ ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Nāgasena?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Thưa Ngài, trong khi lần lượt hỏi về điều ấy mà trẫm vẫn không thấy ra được Nāgasena. Thưa Ngài, chẳng lẽ âm thanh lại là Nāgasena? Vậy thì ở đây, người nào là Nāgasena? Thưa Ngài, Ngài nói không có Nāgasena là điều không thật, là lời dối trá.

Khi ấy, Đại đức Nāgasena đã nói với đức Vua Milinda điều này:

– Tâu Đại vương, Đại vương quả là có sự thanh lịch của dòng dõi Sát-đế-ly, có sự thanh lịch tột bực. Tâu Đại vương, đối với Bệ hạ đây trong lúc dẫm đạp lên các miếng chai, đá, cát sần sùi ở lớp cát nóng của mặt đất hừng hực và đi bộ vào lúc giữa trưa, hẳn nhiên các bàn chân đau nhức, thân mệt nhọc, tâm bị lui sụt, thân thức gắn liền với khổ sanh khởi. Vậy thì Bệ hạ đi đến bằng chân, hay bằng xe cộ?

– Thưa Ngài, trẫm không đi đến bằng chân, trẫm đi đến bằng cỗ xe.

– Tâu Đại vương, nếu Bệ hạ đi đến bằng cỗ xe, xin Bệ hạ hãy chỉ cỗ xe cho tôi. Tâu Đại vương, có phải cái gọng là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Có phải cái trục là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Có phải các bánh xe là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Có phải thùng xe là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Có phải thanh chống là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Có phải cái ách là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Có phải dây cương là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Có phải gậy thúc là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Tâu Đại vương, vậy có phải gọng, trục, bánh xe, thùng xe, thanh chống, ách, dây cương, gậy thúc là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Tâu Đại vương, vậy thì trừ ra gọng, trục, bánh xe, thùng xe, thanh chống, ách, dây cương, gậy thúc là cỗ xe?

– Thưa Ngài, không phải.

– Tâu Đại vương, trong khi lần lượt hỏi về điều ấy mà tôi vẫn không thấy ra được cỗ xe. Tâu Đại vương, chẳng lẽ âm thanh lại là cỗ xe? Vậy thì ở đây cái gì là cỗ xe? Tâu Đại vương, Đại vương nói không có cỗ xe là điều không thật, là lời dối trá. Tâu Đại vương, Đại vương là vị vua tối cao của toàn cõi xứ Jambudīpa, tại sao Đại vương lại sợ hãi và nói lời dối trá? Xin quý vị năm trăm người xứ Yonaka và tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu hãy lắng nghe tôi. Đức Vua Milinda này đã nói như vầy: "Trẫm đi đến bằng cỗ xe." Trong khi được nói rằng: "Tâu Đại vương, nếu Bệ hạ đi đến bằng cỗ xe, xin Bệ hạ hãy chỉ cỗ xe cho tôi" thì không trình ra được cỗ xe. Vậy có hợp lý để chấp nhận điều ấy không?

Khi được nói như vậy, năm trăm người xứ Yonaka đã tán thưởng Đại đức Nāgasena bằng tiếng: "Lành thay!", rồi đã nói với đức Vua Milinda điều này: "Tâu Đại vương, lúc này trong khi Đại vương có khả năng, xin Đại vương hãy nói."

Khi ấy, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm không nói lời dối trá. Do cái gọng, do cái trục, do các bánh xe, do thùng xe, do thanh chống mà có được từ phân biệt, tên thừa nhận, tên quy định, tên gọi thông thường là "cỗ xe".

– Tâu Đại vương, thật tốt đẹp thay, Đại vương nhận ra được cỗ xe. Tâu Đại vương, cũng tương tợ y như thế đối với tôi, do các sợi tóc, do các sợi lông,… (nt)… do bộ não, do sắc, do thọ, do tưởng, do các hành, do thức mà có được từ phân biệt, tên thừa nhận, tên quy định, tên thông thường là "Nāgasena". Tuy nhiên, theo ý nghĩa rốt ráo thì không người nào được tìm thấy ở đây. Tâu Đại

vương, điều này cũng đã được Tỳ-khưu-ni Vajirā nói lên trong sự hiện diện của đức Thế Tôn rằng:

"Giống y như việc ráp chung lại các bộ phận thì có tiếng gọi là 'cỗ xe', tương tợ như vậy khi các uẩn hiện diện thì có sự công nhận là 'con người'."

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày. Nếu đức Phật còn tại tiền thì Ngài cũng tán thưởng bằng tiếng: "Lành thay!" Này Nāgasena, thật tốt đẹp thay, thật tốt đẹp thay! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài được bao nhiêu năm tu?

– Tâu Đại vương, tôi được bảy năm tu.

– Thưa Ngài, bảy đó là gì? Ngài là bảy hay sự tính đếm là bảy?

Vào lúc bấy giờ, đức Vua Milinda đã được chưng diện với mọi thứ trang sức, đã được trang điểm và phục sức, có bóng (chiếu xuống) được nhìn thấy ở mặt đất, có bóng (chiếu xuống) được nhìn thấy ở chậu nước nữa. Khi ấy, Đại đức Nāgasena đã nói với đức Vua Milinda điều này:

– Tâu Đại vương, cái bóng này của Đại vương được nhìn thấy ở mặt đất và ở chậu nước. Tâu Đại vương, thế thì Đại vương [đây] là đức vua hay cái bóng là đức vua?

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm [đây] là đức vua, cái bóng này không phải là đức vua. Tuy nhiên, nương vào trẫm [đây] mà có được cái bóng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc tính đếm các năm tu là bảy, tôi [đây] không phải là bảy. Tuy nhiên, nương vào tôi [đây] mà có được con số bảy. Tâu Đại vương, Đại vương hãy hiểu như ví dụ về cái bóng.

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Các sự ứng đối câu hỏi rất tuyệt vời đã được trình bày.

3. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài sẽ trò chuyện với trẫm phải không?

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương trò chuyện theo lối nói của bậc trí thì tôi sẽ trò chuyện. Tuy nhiên, nếu Đại vương trò chuyện theo lối nói của vị vua thì tôi sẽ không trò chuyện.

– Thưa Ngài Nāgasena, các bậc trí trò chuyện như thế nào?

– Tâu Đại vương, trong cuộc trò chuyện của các bậc trí thì việc gây rối cũng được làm, việc tháo gỡ cũng được làm, việc phê bình cũng được làm, việc công kích cũng được làm, nói khác đi cũng được làm, nói trái ngược cũng được làm, và không vì thế mà các bậc trí bực bội. Tâu Đại vương, các bậc trí trò chuyện là như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, thế còn các vị vua trò chuyện như thế nào?

– Tâu Đại vương, trong cuộc trò chuyện các vị vua thông báo một sự việc.

Ai không ưng thuận sự việc ấy, các vị vua ra lệnh hình phạt người ấy: "Các khanh hãy ban hình phạt cho kẻ này." Tâu Đại vương, các vị vua trò chuyện là như vậy.

– Thưa Ngài, trẫm sẽ trò chuyện theo lối nói của bậc trí, không theo lối nói của vị vua. Xin Ngài Đại đức hãy yên tâm trò chuyện. Ngài trò chuyện với Tỳ-khưu, với Sa-di, với nam cư sĩ, hoặc với người hộ tự như thế nào, xin Ngài Đại đức hãy yên tâm trò chuyện như thế, chớ lo sợ.

– Tâu Đại vương, thật tốt lắm.

Vị Trưởng lão đã tán thành.

Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm sẽ hỏi.

– Tâu Đại vương, xin hãy hỏi.

– Thưa Ngài, Ngài đã được trẫm hỏi rồi.

– Tâu Đại vương, đã được trả lời rồi.

– Thưa Ngài, vậy chớ điều gì đã được Ngài trả lời?

– Tâu Đại vương, vậy chớ điều gì đã được Đại vương hỏi?

4. Khi ấy, đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: "Vị Tỳ-khưu này quả là sáng trí, có năng lực để trò chuyện với ta, và ta có nhiều sự việc cần phải hỏi. Cho đến khi các sự việc ấy còn chưa được hỏi xong thì mặt trời sẽ lặn, có lẽ ta nên trò chuyện vào ngày mai ở nội cung."

Khi ấy, đức vua đã nói với Devamantiya điều này: "Này Devamantiya, như vậy thì khanh có thể thông báo cho Ngài Đại đức rằng: 'Ngày mai sẽ có cuộc trò chuyện với đức vua ở nội cung.'" Nói xong điều này, đức Vua Milinda đã rời chỗ ngồi đứng dậy, chào hỏi Nāgasena, leo lên ngựa, rồi ra đi trong khi còn đang lẩm nhẩm "Nāgasena, Nāgasena".

Sau đó, Devamantiya đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Thưa Ngài, đức Vua Milinda đã nói như vầy: "Ngày mai sẽ có cuộc trò chuyện ở nội cung."

– Thật tốt lắm.

Vị Trưởng lão đã tán thành.

Sau đó, vào cuối đêm ấy, Devamantiya, Anantakāya, Maṅkura và Sabbadinna đã đi đến gặp đức Vua Milinda, sau khi đến đã nói với đức Vua Milinda điều này:

– Tâu Đại vương, có phải Ngài Đại đức Nāgasena sẽ đến?

– Đúng vậy, hãy để Ngài đến.

– Hãy để Ngài đến cùng với bao nhiêu vị Tỳ-khưu?

– Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vị Tỳ-khưu.

Khi ấy, Sabbadinna đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, hãy để Ngài đến cùng với mười vị Tỳ-khưu.

Đến lần thứ nhì, đức Vua Milinda đã nói rằng:

– Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vị Tỳ-khưu.

Đến lần thứ nhì, Sabbadinna đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, hãy để Ngài đến cùng với mười vị Tỳ-khưu.

Đến lần thứ ba, đức Vua Milinda đã nói rằng:

– Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vị Tỳ-khưu.

Đến lần thứ ba, Sabbadinna đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, hãy để Ngài đến cùng với mười vị Tỳ-khưu.

– Tất cả việc tôn vinh này đã được chuẩn bị nên trẫm nói rằng: "Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vị Tỳ-khưu." Này các khanh, Sabbadinna này lại nói khác đi. Chẳng lẽ chúng ta không có khả năng để dâng cơm đến các Tỳ-khưu?

Khi được nói như vậy, Sabbadinna đã xấu hổ. Sau đó, Devamantiya, Anantakāya và Maṅkura đã đi đến gặp Đại đức Nāgasena, sau khi đến đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Thưa Ngài, đức Vua Milinda đã nói như vầy: "Ngài muốn bao nhiêu vị Tỳ-khưu thì hãy để Ngài đến cùng với bấy nhiêu vị Tỳ-khưu."

Sau đó, Đại đức Nāgasena vào buổi sáng sớm đã mặc y, cầm lấy bình bát và y rồi cùng với tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu đã đi vào thành Sāgala. Lúc ấy, Anantakāya khi đang đi gần Đại đức Nāgasena đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà tôi gọi là "Nāgasena", ở đây cái gì là Nāgasena?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Ngươi suy nghĩ xem "ở đây ai là Nāgasena?"

– Thưa Ngài, sự sống, tức là gió ở bên trong, đi vào rồi đi ra, tôi nghĩ rằng "cái ấy là Nāgasena."

– Vậy nếu gió ấy đi ra rồi không đi vào, hoặc đi vào rồi không đi ra, thì người ấy còn sống không?

– Thưa Ngài, không.

– Những người thổi tù và vỏ ốc, khi thổi tù và vỏ ốc thì gió của họ có đi vào lại không?

– Thưa Ngài, không.

– Những người thổi sáo, khi thổi sáo thì gió của họ có đi vào lại không?

– Thưa Ngài, không.

– Những người thổi tù và sừng trâu, khi thổi tù và sừng trâu thì gió của họ có đi vào lại không?

– Thưa Ngài, không.

– Thế thì tại sao họ lại không chết đi?

– Thưa Ngài, tôi không có khả năng để trò chuyện với nhà diễn thuyết như Ngài. Thưa Ngài, lành thay xin Ngài nói về ý nghĩa.

– Cái ấy không phải là sự sống. Hơi thở vào hơi thở ra, những cái này gọi là thân hành.

Vị Trưởng lão đã thuyết giảng về Vi diệu pháp, rồi Anantakāya đã tuyên bố mình trở thành người cận sự nam.

5. Sau đó, Đại đức Nāgasena đã đi đến nơi trú ngụ của đức Vua Milinda, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Khi ấy, đức Vua Milinda đã tự tay làm hài lòng, toại ý Đại đức Nāgasena và hội chúng với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi đã dâng mỗi một vị Tỳ-khưu mỗi một xấp vải đôi, đã dâng Đại đức Nāgasena với ba y, rồi đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài hãy ngồi lại đây cùng với mười vị Tỳ-khưu, hãy cho các vị còn lại đi về.

Sau đó, biết được Đại đức Nāgasena đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đức Vua Milinda đã cầm lấy một chiếc ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Thưa Ngài Nāgasena, cuộc trao đổi trò chuyện là về điều gì?

– Tâu Đại vương, chúng ta là những người có sự mong cầu về mục đích, vậy hãy là cuộc trao đổi trò chuyện thuần về mục đích.

Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, sự xuất gia của Ngài là với mục đích gì? Và mục đích tối hậu của Ngài là gì?**

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, làm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Tâu Đại vương, sự xuất gia của chúng tôi là với mục đích ấy. Còn mục đích tối hậu của chúng tôi là Niết-bàn không còn chấp thủ.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải tất cả đều xuất gia với mục đích này?

– Tâu Đại vương, không hẳn. Một số xuất gia với mục đích này. Một số xuất gia vì sợ hãi đức vua. Một số xuất gia vì sợ hãi kẻ đạo tặc. Một số xuất gia vì bị hành hạ bởi nợ nần. Một số xuất gia vì mục đích nuôi mạng. Những người nào xuất gia chân chánh, những người ấy xuất gia với mục đích này.

– Thưa Ngài, có phải Ngài đã xuất gia với mục đích này?

– Tâu Đại vương, tôi đã xuất gia khi còn là một cậu bé. Tôi không biết là

"tôi xuất gia với mục đích này." Tuy nhiên, tôi đã khởi ý như vầy: "Các vị Sa-môn Thích tử này là các bậc trí. Các vị sẽ cho ta học tập." Tôi đây đã được học tập với họ, tôi biết và nhận thức rằng: "Sự xuất gia là với mục đích này."

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

6. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, có người nào chết mà không tái sanh?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, có người tái sanh, có người không tái sanh.

– Người nào tái sanh? Người nào không tái sanh?

– Tâu Đại vương, người còn phiền não tái sanh. Người không còn phiền não không tái sanh.

– Thưa Ngài, có phải Ngài sẽ tái sanh?

– Tâu Đại vương, nếu tôi còn chấp thủ, tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ, tôi sẽ không tái sanh.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

7. Đức Vua đã nói rằng:

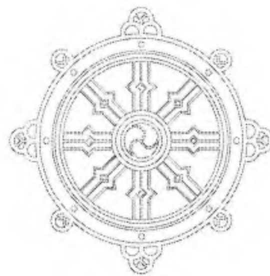
– Thưa Ngài Nāgasena, người nào không tái sanh, chẳng lẽ người ấy không tái sanh do tác ý đúng đường lối?

– Tâu Đại vương, do tác ý đúng đường lối, do tuệ và do các thiện pháp khác.

– Thưa Ngài, chẳng lẽ tác ý đúng đường lối chính là tuệ?

– Tâu Đại vương, không phải. Tác ý đúng đường lối là cái khác, tuệ là cái khác. Tâu Đại vương, đối với hai pháp này, thì các loài dê, cừu, bò, trâu, lạc đà, lừa có sự tác ý, tuy nhiên chúng không có tuệ.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.



CÁC CÂU HỎI VỀ TƯỚNG TRẠNG
(*LAKKHAṆAPAÑHĀ*)

8. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài, tác ý có gì là tướng trạng, tuệ có gì là tướng trạng?**

– Tâu Đại vương, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng, tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng.

– Thưa Ngài, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng nghĩa là thế nào? Tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng nghĩa là thế nào? Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương có biết về những người gặt lúa không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm có biết.

– Tâu Đại vương, những người gặt lúa cắt cây lúa như thế nào?

– Thưa Ngài, họ nắm bó lúa bằng tay trái, cầm cái liềm bằng tay phải, rồi cắt bằng cái liềm.

– Tâu Đại vương, giống như người gặt lúa nắm lấy bó lúa bằng tay trái, cầm cái liềm bằng tay phải, rồi cắt bằng cái liềm, tương tợ y như thế, hành giả nắm lấy ý bằng sự tác ý rồi cắt đứt các phiền não bằng tuệ. Tâu Đại vương, tác ý có sự cân nhắc là tướng trạng nghĩa là như vậy, tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng nghĩa là như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

9. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài đã nói là "các thiện pháp khác", các thiện pháp ấy là những gì?

– Tâu Đại vương, là giới, tín, tấn, niệm, định, những cái này là các thiện pháp ấy.

– **Thưa Ngài, giới có gì là tướng trạng?**

– Tâu Đại vương, giới có sự đặt nền tảng là tướng trạng. Giới là nền tảng của tất cả các thiện pháp, của các sự thể nhập các quyền, các lực, các chi phần đưa đến giác ngộ, các đạo, các sự thiết lập niệm, các chánh tinh tấn, các nền tảng của thần thông, các thiền, các sự giải thoát, các tầng định. Tâu Đại vương, đối với người đã đặt nền tảng ở giới thì tất cả các thiện pháp không bị suy giảm.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như các loại hạt giống và các loài thảo mộc nào đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, tất cả các loại hạt giống và các loài thảo mộc ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh như thế này đều

nương tựa vào đất, đều đặt nền tảng ở đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như các công việc nặng nhọc[1] nào được thực hiện, tất cả các công việc nặng nhọc được thực hiện như thế này đều nương tựa vào đất, đều đặt nền tảng ở đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như nhà kiến trúc đô thị có ý định xây dựng thành phố thì trước tiên cho làm sạch sẽ khu vực thành phố, cho dời đi gốc cây và các gai góc, cho làm bằng phẳng, sau đó phân chia khu vực của các con đường, các lô đất vuông, các giao lộ, v.v... rồi mới xây dựng thành phố. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như diễn viên nhào lộn có ý định biểu diễn nghề nghiệp thì cho người đào đất, cho dời đi sạn sỏi mảnh sành, cho làm bằng phẳng, rồi biểu diễn nghề nghiệp ở mặt đất mềm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hành giả tu tập năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền đều nương tựa vào giới, đều đặt nền tảng ở giới. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

Sau khi đặt nền tảng ở giới, người có trí tu tập tâm và tuệ. Vị Tỳ-khưu tinh cần, chín chắn, vị ấy có thể gỡ ra mối rối này. Đây là nền tảng ví như trái đất đối với các sinh mạng, và đây là gốc của sự phát triển các điều tốt đẹp, và đây là phần đầu ở lời dạy của tất cả các đấng Chiến Thắng, chính là giới uẩn thuộc về Giới bổn (Pātimokkha) cao quý.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

10. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, tín có gì là tướng trạng?**

– Tâu Đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng và có sự tiến vào là tướng trạng.

– Thưa Ngài, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là thế nào?

– Tâu Đại vương, tín trong khi được sanh lên thì loại trừ các pháp che lấp, làm cho tâm thoát khỏi các pháp che lấp, không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục. Tâu Đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là như vậy.

– Xin Ngài cho ví dụ.

---

[1] *Balakaraṇīyyā*, dịch sát nghĩa sẽ là “cần phải làm bằng sức mạnh.”

– Tâu Đại vương, giống như đức Chuyển Luân Vương di chuyển đường xa cùng với đạo quân gồm bốn binh chủng vượt qua vũng nước nhỏ; vũng nước nhỏ ấy bởi các con voi, bởi các con ngựa, bởi các cỗ xe và bởi các bộ binh, bị khuấy động, bị vẩn đục, bị quậy lên, trở thành bùn lầy. Và khi đã vượt qua, đức Chuyển Luân Vương ra lệnh cho mọi người rằng: "Này các khanh, hãy mang nước lại, trẫm sẽ uống nước." Và đức vua có viên ngọc ma-ni lọc nước. "Tâu Bệ hạ, xin tuân lệnh." Những người ấy vâng lệnh đức Chuyển Luân Vương và thả viên ngọc ma-ni lọc nước ấy vào trong nước. Ngay khi viên ngọc ấy được thả vào trong nước thì số lượng rong rêu biến mất và bùn lắng xuống, nước trở nên không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục, sau đó họ đã dâng nước uống đến đức Chuyển Luân Vương: "Tâu Bệ hạ, xin Bệ hạ hãy uống nước."

Tâu Đại vương, nước là như thế nào thì tâm nên được xem xét như vậy. Những người ấy là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Số lượng rong rêu và bùn là như thế nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Viên ngọc ma-ni lọc nước là như thế nào thì tín nên được xem xét như vậy. Giống như khi viên ngọc ma-ni lọc nước được thả vào trong nước thì số lượng rong rêu biến mất và bùn lắng xuống, nước trở nên không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tín trong khi được sanh lên thì loại trừ các pháp che lấp, làm cho tâm thoát khỏi các pháp che lấp, không bị bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục. Tâu Đại vương, tín có sự thanh lọc là tướng trạng nghĩa là như vậy.

11. – Thưa Ngài, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là thế nào?

– Tâu Đại vương, giống như sau khi nhìn thấy tâm của những người khác đã được giải thoát, vị hành giả tiến vào quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc phẩm vị A-la-hán, thực hành việc tu luyện để đạt đến pháp chưa được đạt đến, để chứng đạt pháp chưa được chứng đạt, để chứng đắc pháp chưa được chứng đắc. Tâu Đại vương, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là như vậy.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như đám mây lớn ở phía trên núi đổ mưa xuống, nước mưa ấy trong khi di chuyển xuống chỗ thấp, sau khi làm đầy các rãnh, các khe, các suối của ngọn núi, thì có thể làm đầy con sông; con sông trôi chảy ngập tràn hai con đê. Rồi có đám đông người đi đến, trong khi không biết mức độ cạn hay sâu của con sông, sợ hãi, ngần ngại, đứng ở bờ sông. Rồi một người nam đi đến, trong khi nhận biết thể lực và sức mạnh của mình đã buộc chặt chiếc khố rồi tiến vào và vượt qua. Sau khi nhìn thấy người ấy đã vượt qua được, đám đông người cũng vượt qua.

Tâu Đại vương, giống như sau khi nhìn thấy tâm của những người khác đã được giải thoát, vị hành giả tiến vào quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc phẩm vị A-la-hán, thực hành việc tu luyện để đạt đến pháp chưa được đạt đến, để chứng đạt pháp chưa được chứng đạt, để chứng đắc pháp chưa

được chứng đắc. Tâu Đại vương, tín có sự tiến vào là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở *Tương ưng bộ* quý báu:

Vượt qua cơn lũ nhờ vào tín, vượt qua biển cả nhờ vào sự không xao lãng, vượt lên khổ đau nhờ vào sự tinh tấn, được hoàn toàn trong sạch nhờ vào tuệ.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

12. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, tấn có gì là tướng trạng?**

– Tâu Đại vương, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả các thiện pháp không bị suy giảm.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như khi ngôi nhà đang sụp đổ, người đàn ông nâng đỡ bằng thanh gỗ khác. Trong khi được nâng đỡ như vậy, ngôi nhà ấy không thể bị sụp đổ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả các thiện pháp không bị suy giảm.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như đội binh lớn có thể đánh tan đội binh nhỏ, vì thế có người báo cho đức vua, đức vua cho đội binh khác tiếp ứng, tiếp viện đội binh nhỏ, với đội binh tiếp viện ấy đội binh nhỏ có thể đánh tan đội binh lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tấn có sự nâng đỡ là tướng trạng. Được nâng đỡ bởi tấn, tất cả các thiện pháp không bị suy giảm. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "*Này các Tỳ-khưu, có sự tinh tấn, vị Thánh đệ tử từ bỏ pháp bất thiện, tu tập pháp thiện, từ bỏ pháp bị chê trách, tu tập pháp không bị chê trách, gìn giữ bản thân trong sạch.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

13. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, niệm có gì là tướng trạng?**

– Tâu Đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng, có sự nắm lấy là tướng trạng?

– Thưa Ngài, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng, nghĩa là thế nào?

– Tâu Đại vương, niệm trong khi được sanh lên thì không lơ đễnh các pháp có sự xen lẫn là thiện, bất thiện, có tội, không có tội, hạ liệt, cao quý, đen, trắng rằng: "Đây là bốn sự thiết lập niệm, đây là bốn chánh cần, đây là bốn nền tảng của thần thông, đây là năm quyền, đây là năm lực, đây là bảy chi phần đưa đến giác ngộ, đây là Thánh đạo tám chi phần, đây là chỉ tịnh, đây là minh sát, đây là minh, đây là giải thoát." Nhờ đó, hành giả thực hành các pháp nên thực hành, không thực hành các pháp không nên thực hành, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Tâu Đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng nghĩa là như vậy.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như viên quan giữ kho của đức Chuyển Luân Vương sáng chiều nhắc nhở cho đức Chuyển Luân Vương về sự vinh quang rằng: "Tâu Bệ hạ, Bệ hạ có chừng này voi, chừng này ngựa, chừng này cỗ xe, chừng này bộ binh, chừng này vàng khối, chừng này vàng ròng, chừng này tài sản, xin Bệ hạ hãy ghi nhớ điều ấy" và không lơ đễnh về tài sản của đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, niệm trong khi được sanh lên thì không lơ đễnh các pháp có sự xen lẫn là thiện, bất thiện, có tội, không có tội, hạ liệt, cao quý, đen, trắng rằng: "Đây là bốn sự thiết lập niệm, đây là bốn chánh cần, đây là bốn nền tảng của thần thông, đây là năm quyền, đây là năm lực, đây là bảy chi phần đưa đến giác ngộ, đây là Thánh đạo tám chi phần, đây là chỉ tịnh, đây là minh sát, đây là minh, đây là giải thoát." Nhờ đó, hành giả thực hành các pháp nên thực hành, không thực hành các pháp không nên thực hành, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận. Tâu Đại vương, niệm có sự không lơ đễnh là tướng trạng nghĩa là như vậy.

– Thưa Ngài, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là thế nào?

– Tâu Đại vương, niệm trong khi được sanh lên thì xem xét các hành vi của các pháp có lợi ích và không có lợi ích rằng: "Các pháp này có lợi ích, các pháp này không có lợi ích. Các pháp này hữu dụng, các pháp này không hữu dụng." Nhờ đó, hành giả bỏ đi các pháp không có lợi ích, nắm lấy các pháp có lợi ích, bỏ đi các pháp không hữu dụng, nắm lấy các pháp hữu dụng. Tâu Đại vương, nắm lấy quả là như vậy. Tâu Đại vương, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là như vậy.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như vị tướng quân báu của đức Chuyển Luân Vương biết được điều lợi ích và không lợi ích cho đức vua rằng: "Đối với đức vua, các điều này có lợi ích, các điều này không có lợi ích, các điều này hữu dụng, các điều này không hữu dụng", nhờ đó bỏ đi các điều không có lợi ích, nắm lấy các điều có lợi ích, bỏ đi các điều không hữu dụng, nắm lấy các điều hữu dụng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, niệm trong khi được sanh lên thì xem xét các hành vi của các pháp có lợi ích và không có lợi ích rằng: "Các pháp này có lợi ích, các pháp này không có lợi ích. Các pháp này hữu dụng, các pháp này không hữu dụng." Nhờ đó, hành giả bỏ đi các pháp không có lợi ích, nắm lấy các pháp có lợi ích, bỏ đi các pháp không hữu dụng, nắm lấy các pháp hữu dụng. Tâu Đại vương, niệm có sự nắm lấy là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "*Này các Tỳ-khưu, Ta nói rằng niệm quả là có lợi ích về mọi mặt.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

14. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, định có gì là tướng trạng?

– Tâu Đại vương, định có sự dẫn đầu là tướng trạng. Tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiến tới.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như tất cả các cây đà của ngôi nhà mái nhọn có chóp nhọn là nơi đi đến, có chóp nhọn là nơi quy về, có chóp nhọn là nơi hội tụ. Chóp nhọn được gọi là đỉnh của chúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiến tới.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như một vị vua lao vào cuộc chiến đấu cùng với đạo quân gồm có bốn binh chủng, và toàn thể đạo quân gồm các con voi, các con ngựa, các cỗ xe và bộ binh có đức vua là vị dẫn đầu, có đức vua là nơi quy về, có đức vua là nơi hướng đến, có đức vua là nơi tiến tới, chúng di chuyển xung quanh đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các thiện pháp đều có định là pháp dẫn đầu, có định là nơi quy về, có định là nơi hướng đến, có định là nơi tiến tới. Tâu Đại vương, định có sự dẫn đầu là tướng trạng nghĩa là như vậy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "*Này các Tỳ-khưu, hãy tu tập về định. Vị đã định, nhận biết như thật.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

15. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, tuệ có gì là tướng trạng**?

– Tâu Đại vương, quả là đã được tôi nói đến trước đây: "Tuệ có sự cắt đứt là tướng trạng." Và tuệ còn có sự soi sáng là tướng trạng.

– Thưa Ngài, tuệ có sự soi sáng là tướng trạng nghĩa là thế nào?

– Tâu Đại vương, tuệ trong khi được sanh lên thì xua tan bóng tối vô minh, tạo ra ánh sáng ngời của minh, phô bày ánh sáng của trí, làm cho các chân lý cao thượng được hiển hiện. Nhờ đó, hành giả nhìn thấy với tuệ chân chánh rằng: "Là vô thường", hoặc "là khổ não", hoặc "là vô ngã".

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người đàn ông đem cây đèn vào trong ngôi nhà tối tăm. Cây đèn khi đã được đem vào thì xua tan bóng tối, tạo ra ánh sáng ngời, phô bày ánh sáng, làm cho các vật thể được hiển hiện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ trong khi được sanh lên thì xua tan bóng tối vô minh, tạo ra ánh sáng ngời của minh, phô bày ánh sáng của trí, làm cho các chân lý cao thượng được hiển hiện. Nhờ đó, hành giả nhìn thấy với tuệ chân chánh rằng: "Là vô thường", hoặc "là khổ não", hoặc "là vô ngã". Tâu Đại vương, tuệ có sự soi sáng là tướng trạng nghĩa là như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

16. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, các pháp này là khác biệt, nhưng có phải chúng đạt tới cùng một mục đích?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não.

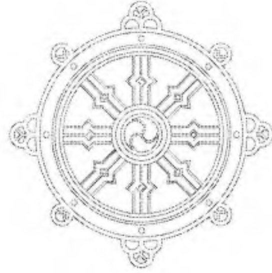
– Thưa Ngài, các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não nghĩa là thế nào? Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như các đạo quân là khác nhau: Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe và bộ binh, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là chiến thắng đạo quân đối địch ở chiến trường. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các pháp này là khác biệt, nhưng chúng đạt tới cùng một mục đích là diệt trừ các phiền não.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

Đại phẩm là phần thứ nhất.

(Trong phẩm này có mười sáu câu hỏi)



II. PHẨM HÀNH TRÌNH
(*ADDHĀNAVAGGO*)

1. Đức Vua Milinda đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, người đi tái sanh thì cũng chính là người ấy hay là người khác?**

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Không phải là người ấy mà cũng không phải là người khác.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Khi Đại vương còn nhỏ, trẻ thơ, bé bỏng, nằm ngửa; có phải chính đứa bé ấy là Đại vương hiện nay đã được trưởng thành?

– Thưa Ngài, không phải. Đứa nhỏ, trẻ thơ, bé bỏng, nằm ngửa ấy là khác; trẫm hiện nay trưởng thành là khác.

– Tâu Đại vương, trong khi là như vậy thì cũng sẽ không có người gọi là "mẹ", cũng sẽ không có người gọi là "cha", cũng sẽ không có người gọi là "thầy", cũng sẽ không có người gọi là "nghệ nhân", cũng sẽ không có người gọi là "bậc giới đức", cũng sẽ không có người gọi là "bậc trí". Tâu Đại vương, phải chăng người mẹ của bào thai mới tượng là khác, người mẹ của bào thai thời kỳ thứ hai là khác, người mẹ của bào thai thời kỳ thứ ba là khác, người mẹ của bào thai thời kỳ thứ tư là khác, người mẹ của người con lúc bé là khác, người mẹ của người con trưởng thành là khác, người học nghề là người khác, người thạo nghề là người khác, người làm việc ác là người khác, người có tay chân bị chặt là người khác?

– Thưa Ngài, không phải. Thưa Ngài, nếu được nói như vậy thì Ngài có thể đáp lại điều gì?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, chính tôi đã là đứa nhỏ, trẻ thơ, bé bỏng, nằm ngửa; chính tôi hiện nay đã được trưởng thành, tất cả các sự việc ấy được tổng hợp chung lại nương vào chính thân xác này.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như một người nào đó thắp sáng ngọn đèn, có phải ngọn đèn có thể chiếu sáng trọn đêm?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Nó có thể chiếu sáng trọn đêm.

– Tâu Đại vương, vậy có phải ngọn lửa ở canh đầu là ngọn lửa ở canh giữa?

– Thưa Ngài, không phải.

– Tâu Đại vương, vậy có phải cây đèn ấy ở canh đầu là khác, cây đèn ở canh giữa là khác, cây đèn ở canh cuối là khác?

– Thưa Ngài, không phải. Nó được chiếu sáng trọn đêm nương vào chính cây đèn ấy.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự diễn tiến của pháp được liên kết lại. Sanh lên là cái khác, hoại diệt là cái khác, được liên kết như là không trước không sau. Vì thế, không phải là người ấy, mà cũng không phải là người khác, tâm thức trước đi đến sự kết hợp với tâm thức sau.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như sữa tươi được vắt ra sau một thời gian thì trở thành sữa chua, từ sữa chua trở thành sữa đông, từ sữa đông trở thành sữa trong. Tâu Đại vương, vậy thì người nào nói như vầy: "Vật nào là sữa tươi chính vật ấy là sữa chua, chính vật ấy là sữa đông, chính vật ấy là sữa trong"; tâu Đại vương, trong khi nói như thế có phải là người ấy nói đúng?

– Thưa Ngài, không đúng. Vật được tạo thành là nương vào chính sữa tươi ấy.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự diễn tiến của pháp được liên kết lại. Sanh lên là cái khác, hoại diệt là cái khác, được liên kết như là không trước không sau. Vì thế, không phải là người ấy, mà cũng không phải là người khác, tâm thức trước đi đến sự kết hợp với tâm thức sau.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

2. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, người nào không tái sanh, có phải người ấy biết rằng: "Ta sẽ không tái sanh"?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Người nào không tái sanh, người ấy biết rằng: "Ta sẽ không tái sanh."

– Thưa Ngài, làm sao biết?

– Tâu Đại vương, nhân nào duyên nào đưa đến việc tái sanh, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy biết rằng: "Ta sẽ không tái sanh."

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nông dân gia chủ, sau khi cày đất và gieo hạt, có thể làm đầy kho lúa; người ấy vào lúc khác không cày đất không gieo hạt, rồi thọ dụng thóc lúa đã được tích trữ hoặc phân phát hoặc sử dụng tùy duyên, tâu Đại vương, có phải người nông dân gia chủ ấy biết rằng: "Ta sẽ không làm đầy kho lúa"?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể biết được.

– Làm sao biết được?

– Nhân nào duyên nào đưa đến việc làm đầy kho lúa, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy biết rằng: "Ta sẽ không làm đầy kho lúa của ta."

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhân nào duyên nào đưa đến việc tái sanh, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy biết rằng: "Ta sẽ không tái sanh."

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

3. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, trí sanh lên cho người nào thì tuệ sanh lên cho người ấy phải không?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Trí sanh lên cho người nào thì tuệ sanh lên cho người ấy.

– Thưa Ngài, có phải cái nào là trí thì chính cái ấy là tuệ?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Cái nào là trí thì chính cái ấy là tuệ.

– Thưa Ngài, chính trí ấy chính tuệ ấy được sanh lên cho người nào, có phải người ấy còn mê mờ, hay không còn mê mờ?

– Tâu Đại vương, còn mê mờ về lãnh vực nào đó, không còn mê mờ về lãnh vực nào đó.

– Thưa Ngài, còn mê mờ về lãnh vực gì, không còn mê mờ về lãnh vực gì?

– Tâu Đại vương, còn mê mờ về những lãnh vực nghề nghiệp chưa được biết trước đây, hoặc về những địa phương chưa được đi đến trước đây, hoặc về những tên gọi và điều quy định chưa được nghe trước đây.

– Không còn mê mờ về lãnh vực gì?

– Tâu Đại vương, điều nào đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thường" hoặc là "khổ não" hoặc là "vô ngã" thì không còn mê mờ về lãnh vực ấy.

– Thưa Ngài, vậy thì sự si mê của người này đi đâu?

– Tâu Đại vương, vào lúc trí được sanh lên thì si mê diệt mất ngay tại chỗ ấy.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó mang cây đèn vào căn nhà tối tăm, do đó bóng tối diệt mất, ánh sáng hiện ra; tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vào lúc trí được sanh lên thì si mê diệt mất ngay tại chỗ ấy.

– Thưa Ngài, vậy thì tuệ đi đâu?

– Tâu Đại vương, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy. Tuy nhiên, điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thường" hoặc là "khổ não" hoặc là "vô ngã" thì không diệt mất.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài đã nói là: "Tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy", và "điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là 'vô thường' hoặc là 'khổ não' hoặc là 'vô ngã' thì không diệt mất", xin Ngài cho ví dụ về điều ấy.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó có ý định gởi đi bức thơ vào ban đêm, có thể cho gọi người thơ ký đến, bảo đem lại cây đèn rồi bảo viết bức thơ. Khi bức thơ đã được viết xong thì có thể cho làm tắt cây đèn, mặc dầu cây đèn đã được làm tắt, bức thơ vẫn không biến mất; tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thường" hoặc là "khổ não" hoặc là "vô ngã" thì không diệt mất.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như các xứ sở ở phương Đông, người ta để năm chum nước dọc theo từng nhà một để dập tắt hỏa hoạn. Khi căn nhà bị bốc cháy thì ném năm chum nước ấy ở phía bên trên căn nhà, do đó ngọn lửa được dập tắt. Tâu Đại vương, có phải những người ấy sẽ khởi ý rằng: "Chúng ta sẽ làm công việc dập tắt lửa với năm chum nước ấy lần nữa?"

– Thưa Ngài, không phải. Đã xong rồi với năm chum nước ấy, còn việc gì với năm chum nước ấy?

– Tâu Đại vương, năm chum nước là như thế nào thì ngũ quyền gồm có tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền nên được xem xét như vậy. Những người ấy là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Ngọn lửa là như thế nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Ngọn lửa được dập tắt bởi năm chum nước như thế nào thì các phiền não được dập tắt bởi năm quyền là như vậy. Các phiền não đã được dập tắt thì không xuất hiện lại nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thường" hoặc là "khổ não" hoặc là "vô ngã" thì không diệt mất.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc lấy năm loại thuốc rễ cây đi đến gặp người bệnh. Sau khi nghiền nát năm loại thuốc rễ cây ấy rồi cho người bệnh uống để loại trừ các sự khó chịu nhờ vào năm loại thuốc rễ cây ấy. Tâu Đại vương, có phải người thầy thuốc ấy sẽ khởi ý rằng: "Ta sẽ làm công việc chữa trị với năm loại thuốc rễ cây ấy lần nữa?"

– Thưa Ngài, không phải. Đã xong rồi với các loại thuốc rễ cây ấy, còn việc gì với các loại thuốc rễ cây ấy?

– Tâu Đại vương, năm loại thuốc rễ cây là như thế nào thì ngũ quyền gồm có tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền nên được xem xét như vậy. Người thầy thuốc là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Căn bệnh là như thế nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Người bị bệnh là như thế nào thì phàm nhân nên được xem xét như vậy. Khi sự khó chịu của căn bệnh được loại trừ nhờ vào năm loại thuốc rễ cây rồi người bệnh được hết bệnh như thế nào thì các phiền não được loại trừ nhờ vào năm quyền là như vậy, và các phiền não đã được loại trừ thì không xuất hiện lại nữa.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thường" hoặc là "khổ não" hoặc là "vô ngã" thì không diệt mất.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người chiến sĩ tham gia chiến trận cầm lấy năm mũi tên lao vào chiến trận để đánh bại đội quân địch, vị ấy có thể phóng năm mũi tên ấy ở chiến trận và nhờ chúng đội quân địch bị phá tan; tâu Đại vương, có phải người chiến sĩ tham gia chiến trận ấy sẽ khởi ý rằng: "Ta sẽ làm công việc bắn tên với năm mũi tên ấy lần nữa?"

– Thưa Ngài, không phải. Đã xong rồi với năm mũi tên ấy, còn việc gì với năm mũi tên ấy?

– Tâu Đại vương, năm mũi tên là như thế nào thì ngũ quyền gồm có tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền nên được xem xét như vậy. Người chiến sĩ tham gia chiến trận là như thế nào thì hành giả nên được xem xét như vậy. Đội quân địch là như thế nào thì các phiền não nên được xem xét như vậy. Đội quân địch bị phá tan bởi năm mũi tên như thế nào thì các phiền não bị phá tan bởi năm quyền là như vậy, và các phiền não đã bị phá tan thì không xuất hiện lại nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tuệ sau khi làm xong phận sự của nó thì diệt mất ngay tại chỗ ấy, và điều đã được xử lý bởi tuệ ấy tức là "vô thường" hoặc là "khổ não" hoặc là "vô ngã" thì không diệt mất.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

4. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, người nào không tái sanh, người ấy còn nhận biết thọ khổ nào đó phải không?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Còn nhận biết thọ nào đó, không nhận biết thọ nào đó.

– Nhận biết thọ gì, không nhận biết thọ gì?

– Tâu Đại vương, nhận biết thọ thuộc về thân, không nhận biết thọ thuộc về tâm.

– Thưa Ngài, nhận biết thọ thuộc về thân là thế nào, nhận biết thọ thuộc về tâm là thế nào?

– Nhân nào duyên nào đưa đến việc sanh lên thọ khổ thuộc về thân, do sự chưa chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy nhận biết thọ khổ thuộc về thân. Nhân nào duyên nào đưa đến việc sanh lên thọ khổ thuộc về tâm, do sự chấm dứt của nhân ấy duyên ấy nên người ấy không nhận biết thọ khổ thuộc về tâm. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "*Người ấy nhận biết một thọ, thuộc về thân không thuộc về tâm.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, người ấy nhận biết thọ khổ thuộc về thân, tại sao người ấy không viên tịch Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, đối với A-la-hán không có sự bám víu hay sự ghét bỏ. Và các vị A-la-hán không hủy diệt điều chưa chín tới. Các bậc trí chờ đợi sự chín muồi. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, nói đến:

"*Tôi không vui thích sự chết, tôi không vui thích sự sống, và tôi trông chờ thời điểm; giống như người làm công trông chờ tiền lương.*

Tôi không vui thích sự chết, tôi không vui thích sự sống, và tôi trông chờ thời điểm, tỉnh giác, có niệm."

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

5. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, các thọ lạc là thiện hay là bất thiện, hay là không xác định?**

– Tâu Đại vương, có thể là thiện, có thể là bất thiện, có thể là không xác định.

– Thưa Ngài, nếu là thiện thì không khổ, nếu là khổ thì không phải là thiện, "vừa là thiện vừa là khổ" không xảy ra.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Trường hợp đặt xuống khối sắt được nung đỏ ở bàn tay của người đàn ông, ở bàn tay thứ nhì đặt xuống cục tuyết lạnh, tâu Đại vương, phải chăng cả hai vật ấy đều có thể gây bỏng?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Cả hai vật ấy đều có thể gây bỏng.

– Tâu Đại vương, có phải cả hai vật ấy đều nóng?

– Thưa Ngài, không phải.

– Tâu Đại vương, có phải cả hai vật ấy đều lạnh?

– Thưa Ngài, không phải.

– Đại vương hãy nhận biết lời bắt bẻ. Nếu vật được nung đỏ gây bỏng, tuy nhiên không phải cả hai vật ấy đều là nóng, vì thế không xảy ra. Nếu vật lạnh gây bỏng, tuy nhiên không phải cả hai vật ấy đều là lạnh, vì thế không xảy ra. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao cả hai vật ấy đều gây bỏng? Không phải cả hai vật ấy đều là nóng, không phải cả hai vật ấy đều là lạnh, mà là một nóng, một lạnh. Vậy mà cả hai vật ấy đều gây bỏng, vì thế không xảy ra.

– Thưa Ngài, trẫm không có khả năng để trò chuyện với nhà diễn thuyết như Ngài. Thưa Ngài, lành thay xin Ngài nói về ý nghĩa.

Do đó, vị Trưởng lão đã giúp cho đức Vua Milinda hiểu được bằng sự thuyết giảng liên quan đến Vi diệu pháp: "Tâu Đại vương, đây là sáu hỷ tâm liên quan thế tục, sáu hỷ tâm liên quan xuất ly, sáu sân tâm liên quan thế tục, sáu sân tâm liên quan xuất ly, sáu xả tâm liên quan thế tục, sáu xả tâm liên quan xuất ly; đây là sáu nhóm sáu. Hơn nữa, ba mươi sáu thọ thuộc quá khứ, ba mươi sáu thọ thuộc vị lai, ba mươi sáu thọ thuộc hiện tại, sau khi gom lại đặt chung lại với nhau thì có một trăm lẻ tám thọ.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

6. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, ai đi tái sanh?**

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, danh sắc đi tái sanh.

– Có phải chính danh sắc này đi tái sanh?

– Tâu Đại vương, không phải chính danh sắc này đi tái sanh. Tâu Đại vương, tuy nhiên con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi tái sanh.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu không phải chính danh sắc này đi tái sanh, không lẽ người ấy sẽ được thoát khỏi các nghiệp ác?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Nếu không đi tái sanh thì có thể thoát khỏi các nghiệp ác. Tâu Đại vương, và chính vì đi tái sanh mà không được thoát khỏi các nghiệp ác.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó lấy trộm trái xoài của người nào khác, người chủ trái xoài bắt lấy chính người ấy rồi đem trình diện đức vua: "Tâu Bệ hạ, các trái xoài của thần bị người này lấy trộm." Người ấy nói như vầy: "Tâu Bệ hạ, thần không lấy trộm các trái xoài của người này. Các trái xoài đã được người này trồng là các trái khác, các trái xoài đã bị thần lấy trộm là các trái khác. Thần không đáng bị hình phạt." Tâu Đại vương, phải chăng người ấy đáng bị hành phạt?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Đáng bị hành phạt.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, cho dầu người ấy có thể nói như thế, người ấy có thể chối bỏ trái xoài trước, vẫn đáng bị hành phạt với trái xoài sau.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi tái sanh, do đó không được thoát khỏi các nghiệp ác.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó lấy trộm lúa sāli… (nt)… lấy trộm mía của người nào khác… (nt)… Tâu Đại vương, giống như người nào đó vào mùa đông đốt ngọn lửa, sau khi sưởi ấm đã không dập tắt rồi ra đi. Sau đó, ngọn lửa ấy đốt cháy ruộng lúa của người khác. Người chủ ruộng bắt lấy chính người ấy rồi đem trình diện đức vua: "Tâu Bệ hạ, ruộng của thần bị người này đốt cháy." Người ấy nói như vầy: "Tâu Bệ hạ, thần không đốt cháy ruộng của người này. Ngọn lửa thần quên dập tắt ấy là khác, ngọn lửa đốt cháy ruộng của người này là khác. Thần không đáng bị hình phạt." Tâu Đại vương, phải chăng người ấy đáng bị hành phạt?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Đáng bị hành phạt.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, cho dầu người ấy có thể nói như thế, người ấy có thể chối bỏ ngọn lửa trước, vẫn đáng bị hành phạt với ngọn lửa sau.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi tái sanh, do đó không được thoát khỏi các nghiệp ác.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó cầm lấy cây đèn rồi leo lên căn gác và sử dụng nó. Cây đèn trong khi được đốt cháy có thể đốt cháy cỏ, cỏ trong khi được đốt cháy có thể đốt cháy căn nhà, căn nhà trong khi được đốt cháy có thể đốt cháy ngôi làng, dân làng bắt lấy chính người ấy rồi nói như vầy: "Này ông, tại sao ông đốt cháy ngôi làng?" Người ấy nói như vầy: "Này các ông, tôi không đốt cháy ngôi làng. Ngọn lửa của cây đèn mà tôi đã sử dụng ánh sáng là khác, ngọn lửa đã đốt cháy ngôi làng là khác." Trong khi tranh cãi, họ đã đi đến gặp Bệ hạ. Tâu Đại vương, Đại vương có thể chấp nhận lời giải thích của ai?

– Thưa Ngài, của dân làng.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, cho dầu người ấy có thể nói như thế, tuy nhiên ngọn lửa ấy đã phát khởi chính từ đó.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cho dầu danh sắc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sanh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính từ đó, vì thế không được thoát khỏi các nghiệp ác.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó hỏi cưới cô con gái còn nhỏ, sau khi dâng vật đính hôn rồi ra đi. Cô gái ấy sau này trưởng thành đến tuổi thành hôn. Sau đó có người đàn ông khác dâng vật đính hôn rồi cử hành đám cưới. Người kia trở lại và nói như vầy: "Này ông, vì sao ông dẫn đi người vợ của tôi?" Người ấy nói như vầy: "Này ông, tôi không dẫn đi người vợ của ông. Cô con gái còn nhỏ trẻ tuổi đã được ông hỏi cưới và dâng vật đính hôn là cô khác, cô con gái trưởng thành đến tuổi thành hôn được tôi hỏi cưới và dâng vật đính hôn là cô khác." Trong khi tranh cãi, họ đã đi đến gặp Bệ hạ. Tâu Đại vương, Đại vương có thể chấp nhận lời giải thích của ai?

– Thưa Ngài, của người trước.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, cho dầu người ấy có thể nói như thế, tuy nhiên cô gái ấy trưởng thành phát khởi chính từ đó.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cho dầu danh sắc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sanh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính từ đó, vì thế không được thoát khỏi các nghiệp ác.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó mua lọ sữa tươi từ tay của người chăn bò, sau khi để lại ở tay của chính người ấy rồi ra đi [nói rằng]: "Ngày mai, tôi sẽ nhận lấy rồi khởi hành." Ngày hôm sau, sữa tươi ấy có thể trở thành sữa chua. Người kia đi đến và nói như vầy: "Hãy trao cho tôi lọ sữa tươi." Người chăn bò trao sữa chua. Người kia nói như vầy: "Tôi không mua sữa chua từ tay của ông. Hãy trao cho tôi lọ sữa tươi." Người ấy nói như vầy: "Bộ ông không biết sữa tươi của ông đã trở thành sữa chua?" Trong khi tranh cãi, họ đã đi đến gặp Bệ hạ. Tâu Đại vương, Đại vương có thể chấp nhận lời giải thích của ai?

– Thưa Ngài, của người chăn bò.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, cho dầu người ấy có thể nói như thế, tuy nhiên sữa chua ấy phát khởi chính từ đó.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cho dầu danh sắc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sanh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính từ đó. Vì thế không được hoàn toàn thoát khỏi các nghiệp ác.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

7. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải Ngài sẽ đi tái sanh?**

– Tâu Đại vương, thôi đi. Điều gì với việc hỏi điều ấy? Không phải tôi đã nói trước đây là: "Tâu Đại vương, nếu tôi còn chấp thủ tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ thì tôi sẽ không đi tái sanh?"

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó làm việc phục vụ cao quý đến đức vua, đức vua hoan hỷ ban cho phần thưởng. Với phần thưởng ấy, người ấy đạt được, có được, hưởng được năm phần dục lạc. Nếu người ấy tuyên bố với mọi người rằng: "Đức vua không đền đáp cho tôi." Tâu Đại vương, phải chăng người ấy có sự hành xử đúng đắn?

– Thưa Ngài, không phải.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, điều gì cho Đại vương với việc hỏi điều này? Không phải tôi đã nói trước đây là: "Tâu Đại vương, nếu tôi còn chấp thủ tôi sẽ tái sanh. Nếu tôi không còn chấp thủ thì tôi sẽ không đi tái sanh?"

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

8. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài đã nói là "danh sắc", ở nơi ấy cái gì là danh, cái gì là sắc?**

– Tâu Đại vương, ở nơi ấy cái nào thô thiển cái ấy là sắc. Ở nơi ấy những pháp nào vi tế, là tâm và sở hữu tâm, cái ấy là danh.

– Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì không chỉ riêng danh đi tái sanh, hoặc không chỉ riêng sắc [đi tái sanh]?

– Tâu Đại vương, các pháp này nương tựa lẫn nhau, sanh lên chung với nhau.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như không có mầm trứng ở con gà mái thì cũng không có quả trứng. Và trong trường hợp ấy, cái nào là mầm trứng và cái nào là quả trứng, cả hai vật này nương tựa lẫn nhau, chúng có sự sanh lên chung với nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở nơi ấy nếu không có danh thì cũng không có sắc. Ở nơi ấy cái nào là danh, cái nào là sắc, cả hai cái này cũng nương tựa lẫn nhau, chúng có sự sanh lên chung với nhau. Như vậy, hành trình[2] diệu vợi này được tạo nên.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

9. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài đã nói là "hành trình diệu vợi", hành trình này gọi là gì?

– Tâu Đại vương, quá khứ là hành trình, vị lai là hành trình, hiện tại là hành trình.

– Thưa Ngài, phải chăng hành trình là hiện hữu?

– Tâu Đại vương, cũng có loại hành trình là hiện hữu, cũng có loại hành trình là không hiện hữu.

– Thưa Ngài, loại nào là hiện hữu, loại nào là không hiện hữu?

– Tâu Đại vương, các hành quá khứ đã qua khỏi, bị hoại diệt, bị biến đổi, loại hành trình ấy không hiện hữu. Các pháp tạo quả và các pháp có nhân tạo quả, chúng ban cho sự đi tái sanh ở nơi khác, loại hành trình ấy là hiện hữu. Các chúng sanh chết đi rồi sanh lên ở nơi khác, loại hành trình ấy là hiện hữu. Các chúng sanh chết đi rồi không sanh lên ở nơi khác, loại hành trình ấy là không hiện hữu. Và các chúng sanh nào viên tịch Niết-bàn, loại hành trình ấy là không hiện hữu, là sự viên tịch Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

Phẩm Hành trình là thứ nhì.

(Trong phẩm này có chín câu hỏi)

[2] Về hai từ *addhā* và *addhāna,* HT. Giới Nghiêm dịch là 'thời gian', bản dịch tiếng Anh của I. B. Horner cũng ghi là '*time*', còn Bhikkhu Pesala sử dụng cả hai nghĩa '*time*' và '*journey*' ở bản dịch của mình.

III. PHẨM SỞ HỮU TỨ
(*VICĀRAVAGGO*)

1. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, cái gì là cội nguồn của hành trình quá khứ? Cái gì là cội nguồn của hành trình vị lai? Cái gì là cội nguồn của hành trình hiện tại?

– Tâu Đại vương, vô minh là cội nguồn của hành trình quá khứ, của hành trình vị lai và của hành trình hiện tại. Do duyên vô minh, các hành [sanh khởi]. Do duyên các hành, thức [sanh khởi]. Do duyên thức, danh sắc [sanh khởi]. Do duyên danh sắc, sáu xứ [sanh khởi]. Do duyên sáu xứ, xúc [sanh khởi]. Do duyên xúc, thọ [sanh khởi]. Do duyên thọ, ái [sanh khởi]. Do duyên ái, thủ [sanh khởi]. Do duyên thủ, hữu [sanh khởi]. Do duyên hữu, sanh [sanh khởi]. Do duyên sanh, lão-tử-sầu-bi-khổ-ưu-não sanh khởi. Như thế, điểm mốc đầu tiên của toàn bộ hành trình khổ uẩn này không được nhận biết.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

2. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài đã nói là "điểm mốc đầu tiên không được nhận biết", xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như một người đặt xuống hạt giống nhỏ ở đất, từ đó mầm cây mọc lên, dần dần đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, rồi cho trái. Cũng từ đó, sau khi lấy hạt giống rồi lại gieo trồng, cũng từ đó mầm cây mọc lên, dần dần đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, rồi cho trái. Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiến trình này?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí điểm mốc đầu tiên của hành trình này không được nhận biết.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như "từ con gà mái có quả trứng, từ quả trứng có con gà mái, từ con gà mái có quả trứng." Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiến trình này?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí điểm mốc đầu tiên của hành trình này không được nhận biết.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

Vị Trưởng lão đã vạch vòng tròn ở mặt đất rồi nói với đức Vua Milinda điều này:

– Tâu Đại vương, có điểm chấm dứt của vòng tròn này chăng?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vòng quay này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Tùy thuận vào mắt và các cảnh sắc mà nhãn thức sanh lên. Sự hội tụ của ba điều này là xúc, do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có nghiệp, từ nghiệp mắt lại được sanh ra." Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiến trình này?

– Thưa Ngài, không có.

– "Tùy thuận vào tai và các cảnh thinh… (nt)… Tùy thuận vào ý và các cảnh pháp mà ý thức sanh lên. Sự hội tụ của ba điều này là xúc, do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có nghiệp, từ nghiệp ý lại được sanh ra." Như vậy, phải chăng có điểm chấm dứt của tiến trình này?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí điểm mốc đầu tiên của hành trình này không được nhận biết.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

3. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài đã nói là "điểm mốc đầu tiên không được nhận biết", và điểm mốc đầu tiên ấy là cái nào?**

– Tâu Đại vương, cái nào là hành trình quá khứ, cái ấy là điểm mốc đầu tiên.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài đã nói là "điểm mốc đầu tiên không được nhận biết", thưa Ngài, phải chăng hết thảy tất cả điểm mốc đầu tiên đều không được nhận biết?

– Tâu Đại vương, có điểm mốc được nhận biết, có điểm mốc không được nhận biết.

– Thưa Ngài, điểm mốc nào được nhận biết, điểm mốc nào không được nhận biết?

– Tâu Đại vương, từ đây trở về trước, với mọi hình thức, bằng mọi cách, vô minh đã không hiện hữu, điểm mốc đầu tiên ấy không được nhận biết. Còn [hành trình] nào từ không hiện hữu rồi được hình thành, sau khi hiện hữu rồi phân tán, thì điểm mốc đầu tiên ấy được nhận biết.

– Thưa Ngài Nāgasena, hành trình nào từ không hiện hữu rồi được hình thành, sau khi hiện hữu rồi phân tán, chẳng lẽ nó được cắt ở hai đầu thì biến mất?

– Tâu Đại vương, nếu [hành trình] được cắt ở hai đầu thì biến mất, có phải [điểm mốc] được cắt ở hai đầu thì có thể tăng trưởng?

Đúng vậy, nó cũng có thể tăng trưởng.

– Thưa Ngài, trẫm không hỏi điều này, phải chăng có thể tăng trưởng từ điểm mốc?

– Đúng vậy, có thể tăng trưởng.

– Xin Ngài cho ví dụ.

Vị Trưởng lão đã làm ví dụ về cái cây cho đức vua [rồi kết luận]:

– Và các uẩn là các mầm mống của toàn bộ khổ uẩn.[3]

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

4. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng có các pháp hữu vi nào đó được sanh lên?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Có các pháp hữu vi được sanh lên.

– Thưa Ngài, chúng là những cái nào?

– Tâu Đại vương, khi có mắt và các cảnh sắc thì có nhãn thức; khi có nhãn thức thì có nhãn xúc; khi có nhãn xúc thì có thọ; khi có thọ thì có ái; khi có ái thì có thủ; khi có thủ thì có hữu; khi có hữu thì có sanh; từ sự sanh, lão-tử-sầu-bi-khổ-ưu-não sanh khởi. Như thế là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này. Tâu Đại vương, khi không có mắt và không có các cảnh sắc thì không có nhãn thức; khi không có nhãn thức thì không có nhãn xúc; khi không có nhãn xúc thì không có thọ; khi không có thọ thì không có ái; khi không có ái thì không có thủ; khi không có thủ thì không có hữu; khi không có hữu thì không có sanh; khi không có sanh thì không có lão-tử-sầu-bi-khổ-ưu-não. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

5. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra?**

– Tâu Đại vương, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả. Tâu Đại vương, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng cái nhà này, nơi mà Đại vương đang ngồi, là chưa từng hiện hữu mà được sanh ra?

– Thưa Ngài, không có cái gì ở đây là chưa từng hiện hữu mà đã được sanh ra, chính vật từng hiện hữu là đã được sanh ra. Thưa Ngài, những cây gỗ này quả đã có ở trong rừng. Và đất sét này đã có ở trong đất. Và do sự ra sức đúng đắn của những người đàn bà và đàn ông mà cái nhà này đã được hình thành như vầy.

---

[3] Không nắm được ý nghĩa của phần câu hỏi này. (ND)

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như các hạt giống và loài thảo mộc nào đó được đặt ở đất dần dần đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh, rồi cho trái; các cây ấy không phải là chưa từng hiện hữu mà đã được sanh ra, chính các cây ấy từng hiện hữu mà đã được sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người thợ gốm lấy lên đất sét từ đất rồi làm ra nhiều loại thau chậu, các thau chậu ấy không phải là chưa từng hiện hữu mà đã được sanh ra, chính các vật ấy từng hiện hữu mà đã được sanh ra. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như đối với cây đàn vīṇā, nếu không có khung đàn, nếu không có da bọc, nếu không có bầu đàn, nếu không có cần đàn, nếu không có cổ đàn, nếu không có dây đàn, nếu không có phím đàn, và nếu không có sự ra sức đúng đắn của con người thì âm thanh có thể phát ra không?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, trong trường hợp đối với cây đàn vīṇā, nếu có khung đàn, nếu có da bọc, nếu có bầu đàn, nếu có cần đàn, nếu có cổ đàn, nếu có dây đàn, nếu có phím đàn, và nếu có sự ra sức đúng đắn của con người thì âm thanh có thể phát ra không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể phát ra.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như nếu không có vật tạo lửa, nếu không có trục xoay, nếu không có dây kéo, nếu không có thanh gỗ ở trên, nếu không có giẻ bùi nhùi, và nếu không có sự ra sức đúng đắn của con người thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, trong trường hợp nếu có vật tạo lửa, nếu có trục xoay, nếu có dây kéo, nếu có thanh gỗ ở trên, nếu có giẻ bùi nhùi, và nếu có sự ra sức đúng đắn của con người thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể sanh ra.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như nếu không có ngọc ma-ni, nếu không có tia nắng, nếu không có phân bò thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, trong trường hợp nếu có ngọc ma-ni, nếu có tia nắng, nếu có phân bò thì ngọn lửa ấy có thể sanh ra không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể sanh ra.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như nếu không có tấm gương, nếu không có ánh sáng, nếu không có khuôn mặt thì hình người có thể sanh ra không?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, trong trường hợp nếu có tấm gương, nếu có ánh sáng, nếu có khuôn mặt thì hình người có thể sanh ra không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể sanh ra.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có các pháp hữu vi nào đó chưa từng hiện hữu mà được sanh ra cả, chính các pháp hữu vi từng hiện hữu mà được sanh ra.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

6. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải sự hiểu biết có thể đạt được?**

– Tâu Đại vương, sự hiểu biết ấy là cái gì?

– Thưa Ngài, sự sống bên trong nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi mùi bằng mũi, nếm vị bằng lưỡi, chạm cảnh xúc bằng thân, nhận thức cảnh pháp bằng ý, giống như chúng ta ngồi ở đây, trong tòa lâu đài, muốn nhìn bằng cửa sổ nào thì có thể nhìn bằng cửa sổ ấy, chúng ta có thể nhìn bằng cửa sổ hướng Đông, chúng ta cũng có thể nhìn bằng cửa sổ hướng Tây, chúng ta cũng có thể nhìn bằng cửa sổ hướng Bắc, chúng ta cũng có thể nhìn bằng cửa sổ hướng Nam. Bạch Ngài, tương tợ y như thế, sự sống bên trong này muốn nhìn bằng cửa lớn nào thì nhìn bằng cửa lớn ấy.

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, tôi sẽ nói về năm cửa lớn (ngũ môn, năm giác quan). Đại

vương hãy lắng nghe điều ấy, Đại vương hãy khéo chú ý. Nếu sự sống bên trong nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, giống như chúng ta ngồi ở đây, trong tòa lâu đài, muốn nhìn bằng cửa sổ nào thì có thể nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ ấy, chúng ta có thể nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Đông, chúng ta cũng có thể nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Tây, chúng ta cũng có thể nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Bắc, chúng ta cũng có thể nhìn cảnh sắc bằng cửa sổ hướng Nam. Như vậy, với sự sống bên trong này, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng mắt, phải chăng cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng tai, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng mũi, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng lưỡi, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng thân, cảnh sắc có thể được nhìn thấy bằng ý; phải chăng âm thanh có thể được nghe bằng mắt, âm thanh có thể được nghe bằng mũi, âm thanh có thể được nghe bằng lưỡi, âm thanh có thể được nghe bằng thân, âm thanh có thể được nghe bằng ý; phải chăng mùi có thể được ngửi bằng mắt, mùi có thể được ngửi bằng tai, mùi có thể được ngửi bằng lưỡi, mùi có thể được ngửi bằng thân, mùi có thể được ngửi bằng ý; phải chăng vị có thể được nếm bằng mắt, vị có thể được nếm bằng tai, vị có thể được nếm bằng mũi, vị có thể được nếm bằng thân, vị có thể được nếm bằng ý; phải chăng cảnh xúc có thể được chạm bằng mắt, cảnh xúc có thể được chạm bằng tai, cảnh xúc có thể được chạm bằng mũi, cảnh xúc có thể được chạm bằng lưỡi, cảnh xúc có thể được chạm bằng ý; phải chăng cảnh pháp có thể được nhận biết bằng mắt, cảnh pháp có thể được nhận biết bằng tai, cảnh pháp có thể được nhận biết bằng mũi, cảnh pháp có thể được nhận biết bằng lưỡi, cảnh pháp có thể được nhận biết bằng thân?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên kết điều sau với điều trước, hoặc điều trước với điều sau. Tâu Đại vương, hoặc là giống như chúng ta ngồi ở đây, trong tòa lâu đài, nhìn thấy rõ rệt hơn cảnh sắc ở bên ngoài trước mặt qua không gian bao la khi hệ thống các cửa sổ này được mở rộng, như vậy sự sống bên trong này có thể nhìn thấy cảnh sắc rõ rệt hơn cảnh sắc ở bên ngoài trước mặt qua không gian bao la khi các nhãn môn này được mở rộng. Phải chăng có thể nghe âm thanh, có thể ngửi mùi, có thể nếm vị, có thể chạm rõ rệt hơn cảnh xúc ở bên ngoài trước mặt qua không gian bao la khi các tai được mở rộng, khi mũi được mở rộng, khi lưỡi được mở rộng, khi thân được mở rộng?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên kết điều sau với điều trước, hoặc điều trước với điều sau. Tâu Đại vương, hoặc là giống như vị Dinna này đi ra bên ngoài rồi đứng ở cổng bên ngoài cửa lớn, tâu Đại vương, phải chăng Đại vương biết vị Dinna này đã đi ra bên ngoài rồi đứng ở cổng bên ngoài cửa lớn?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm biết.

– Tâu Đại vương, hoặc là giống như vị Dinna này đi vào bên trong rồi đứng phía trước Đại vương, tâu Đại vương, phải chăng Đại vương biết vị Dinna này đã đi vào bên trong rồi đứng phía trước Đại vương?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm biết.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi vị nếm được đặt ở lưỡi, phải chăng sự sống bên trong này có thể biết được vị chua, hoặc vị mặn, hoặc vị đắng, hoặc vị cay, hoặc vị chát, hoặc vị ngọt?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể biết.

– Khi các vị nếm ấy đã đi vào bên trong [cổ họng], phải chăng có thể biết được vị chua, hoặc vị mặn, hoặc vị đắng, hoặc vị cay, hoặc vị chát, hoặc vị ngọt?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên kết điều sau với điều trước, hoặc điều trước với điều sau. Tâu Đại vương, ví như người nào đó bảo mang lại một trăm hũ mật ong, bảo đổ đầy máng mật ong, rồi bít kín miệng của một người đàn ông và đặt vào ở máng mật ong. Tâu Đại vương, người đàn ông ấy có thể biết được có mật ong hay không có?

– Thưa Ngài, không thể.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, bởi vì mật ong đã không đi vào miệng của người ấy.

– Tâu Đại vương, quả là Đại vương không liên kết điều sau với điều trước, hoặc điều trước với điều sau.

– Thưa Ngài, trẫm không có khả năng để trò chuyện với nhà diễn thuyết như Ngài. Thưa Ngài, lành thay, xin Ngài nói về ý nghĩa.

Vị Trưởng lão đã giúp cho đức Vua Milinda hiểu được bằng sự thuyết giảng liên quan đến Vi diệu pháp:

– Tâu Đại vương, trong trường hợp này, tùy thuận vào mắt và các cảnh sắc mà nhãn thức sanh lên, như vậy các pháp này sanh lên do duyên. Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý là đồng sanh với nó. Bởi vì ở đây sự hiểu biết có thể đạt được là không đúng. Tùy thuận vào tai và các cảnh thinh… (nt)... Tùy thuận vào ý và các cảnh pháp mà ý thức sanh lên. Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý là đồng sanh với nó, như vậy các pháp này sanh lên do duyên. Bởi vì ở đây sự hiểu biết có thể đạt được là không đúng.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

7. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải nhãn thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau, hay là ý thức sanh lên trước nhãn thức sanh lên sau?

– Tâu Đại vương, nhãn thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải nhãn thức ra lệnh cho ý thức rằng: “Tôi

sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy", hay là ý thức ra lệnh cho nhãn thức rằng: "Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy"?

– Tâu Đại vương, không đúng. Chúng không có sự chuyện trò với nhau.

– Thưa Ngài Nāgasena, nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy nghĩa là thế nào?

– Tâu Đại vương, là tính chất xuôi chiều, tính chất cửa lớn, tính chất tập quán và tính chất thực hành.

– Thưa Ngài Nāgasena, thế nào là tính chất xuôi chiều khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này, trong khi trời đang mưa, nước di chuyển theo lối nào?

– Thưa Ngài, lối nào là lối đi xuống thì đi theo lối đó.

– Rồi vào lúc sau đó trời vẫn mưa thì nước ấy di chuyển theo lối nào?

– Thưa Ngài, nước lúc trước đã di chuyển theo lối nào thì nó cũng di chuyển theo lối đó.

– Tâu Đại vương, phải chăng nước lúc trước ra lệnh cho nước lúc sau rằng: "Tôi di chuyển theo lối nào thì anh cũng di chuyển theo lối ấy", hay là nước lúc sau ra lệnh cho nước lúc trước rằng: "Anh sẽ di chuyển theo lối nào thì tôi cũng sẽ di chuyển theo lối ấy"?

– Tâu Đại vương, không đúng. Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng di chuyển theo tính chất xuôi chiều.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất xuôi chiều khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rằng: "Tôi sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy." Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: "Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy." Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất xuôi chiều.

– Thưa Ngài Nāgasena, thế nào là tính chất cửa lớn khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này, thành ở biên địa của đức vua có tường vững chắc, cổng chào và một cửa lớn, do đó một người đàn ông có ý định đi ra thì có thể đi ra theo lối nào?

– Thưa Ngài, có thể đi ra theo lối cửa lớn.

– Rồi một người đàn ông khác ý định đi ra thì có thể đi ra theo lối nào?

– Thưa Ngài, người đàn ông trước đã đi ra theo lối nào thì người ấy cũng đi ra theo lối đó.

– Tâu Đại vương, phải chăng người đàn ông trước ra lệnh cho người đàn ông sau rằng: "Tôi đi theo lối nào thì anh cũng đi theo lối ấy", hay là người đàn ông sau ra lệnh cho người đàn ông trước rằng: "Anh sẽ đi theo lối nào thì tôi cũng sẽ đi theo lối ấy"?

– Thưa Ngài, không đúng. Họ không có sự chuyện trò với nhau. Họ đi theo tính chất cửa lớn.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất cửa lớn khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Và nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rằng: "Tôi sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy." Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: "Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy." Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất cửa lớn.

– Thưa Ngài Nāgasena, thế nào là tính chất tập quán khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này, một xe tải hàng đi đầu, vậy xe tải hàng thứ nhì có thể đi theo lối nào?

– Thưa Ngài, xe tải hàng trước đã đi lối nào thì nó cũng đi theo lối đó.

– Tâu Đại vương, phải chăng xe tải hàng trước ra lệnh cho xe tải hàng sau rằng: "Tôi đi theo lối nào thì anh cũng đi theo lối ấy", hay là xe tải hàng sau ra lệnh cho xe tải hàng trước rằng: "Anh sẽ đi theo lối nào thì tôi cũng sẽ đi theo lối ấy"?

– Thưa Ngài, không đúng. Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng đi theo tính chất tập quán.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất tập quán khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Và nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rằng: "Tôi sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy. Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: "Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy." Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất tập quán.

– Thưa Ngài Nāgasena, thế nào là tính chất thực hành khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như sự vụng về của người thợ mới trong các lãnh vực của nghề nghiệp về đo, đếm, tính, viết; rồi thời gian sau đó, với tính chất thực hành của sự làm việc cẩn thận khiến không còn vụng về. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tính chất thực hành khiến nhãn thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy. Và nhãn thức không ra lệnh cho ý thức rằng: "Tôi sanh lên ở nơi nào thì anh cũng sanh lên ở nơi ấy." Ý thức cũng không ra lệnh cho nhãn thức rằng: "Anh sẽ sanh lên ở nơi nào thì tôi cũng sẽ sanh lên ở nơi ấy." Và chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất thực hành.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải nhĩ thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy? ... (nt)... tỷ thức sanh lên ở nơi nào... (nt)... thiệt thức sanh lên ở nơi nào... (nt)... thân thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Thân thức sanh lên ở nơi nào thì ý thức cũng sanh lên ở nơi ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải thân thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau? Hay là ý thức sanh lên trước thân thức sanh lên sau?

– Tâu Đại vương, thân thức sanh lên trước ý thức sanh lên sau.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải… (nt)… Chúng không có sự chuyện trò với nhau. Chúng sanh lên theo tính chất thực hành.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

8. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải ý thức sanh lên ở nơi nào thì xúc, thọ cũng sanh lên ở nơi ấy?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Ý thức sanh lên ở nơi nào thì xúc cũng sanh lên ở nơi ấy, thọ cũng sanh lên ở nơi ấy, tưởng cũng sanh lên ở nơi ấy, tư cũng sanh lên ở nơi ấy, tầm cũng sanh lên ở nơi ấy, tứ cũng sanh lên ở nơi ấy, tất cả các pháp có thọ đứng đầu cũng sanh lên ở nơi ấy.

– **Thưa Ngài Nagasena, xúc có cái gì là hành tướng?**

– Tâu Đại vương, xúc có sự chạm vào là hành tướng.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như hai con cừu húc nhau. Trong hai con cừu ấy, một con cừu được xem như là mắt, con cừu thứ hai được xem như là cảnh sắc. Sự va chạm nhau của chúng được xem như là xúc.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như hai bàn tay được vỗ vào nhau. Trong hai bàn tay ấy, một bàn tay được xem như là mắt, bàn tay thứ hai được xem như là cảnh sắc. Sự va chạm nhau của chúng được xem như là xúc.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như hai chập chõa được vỗ vào nhau. Trong hai chập chõa ấy, một chập chõa được xem như là mắt, chập chõa thứ hai được xem như là cảnh sắc. Sự va chạm nhau của chúng được xem như là xúc.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

9. – Thưa Ngài Nāgasena, thọ có cái gì là hành tướng?

– Tâu Đại vương, thọ có sự cảm nhận là hành tướng và sự kinh nghiệm là hành tướng.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó làm việc phục vụ cao quý đến đức vua, đức vua hoan hỷ ban phần thưởng cho người ấy. Với phần thưởng ấy, người ấy đạt được, có được, hưởng được năm phần dục lạc. Người ấy khởi ý như sau: "Trước đây, quả là ta đã làm việc phục vụ cao quý đến đức vua, đức

vua hoan hỷ đã ban phần thưởng cho ta đây. Do nhân ấy ta đây nhận biết thọ này có hình thức như vầy."

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó đã làm việc thiện, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời. Tại đó, người ấy đạt được, có được, hưởng được năm phần dục lạc thiên đường. Người ấy khởi ý như sau: "Trước đây, quả là ta đã làm việc thiện. Do nhân ấy, ta đây nhận biết thọ này có hình thức như vầy." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thọ có sự cảm nhận là hành tướng và sự kinh nghiệm là hành tướng.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

10. – Thưa Ngài Nāgasena, tưởng có cái gì là hành tướng?

– Tâu Đại vương, tưởng có sự tự nhận biết là hành tướng. Tự nhận biết điều gì? Tự nhận biết màu xanh, tự nhận biết màu vàng, tự nhận biết màu đỏ, tự nhận biết màu trắng, tự nhận biết màu tím. Tâu Đại vương, tưởng có sự tự nhận biết là hành tướng nghĩa là như vậy.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như viên quan giữ kho của đức vua sau khi đi vào nhà kho nhìn thấy và tự nhận biết các vật thể, các của cải thuộc về đức vua là có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, tím. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tưởng có sự tự nhận biết là hành tướng.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

11. – Thưa Ngài Nāgasena, tư có cái gì là hành tướng?

– Tâu Đại vương, tư có sự quyết định là hành tướng và có sự tạo tác là hành tướng.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó tạo ra thuốc độc rồi tự mình uống và cho các người khác uống. Bản thân người ấy bị khổ sở, những người khác cũng bị khổ sở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở đây có một người nào đó suy nghĩ với sự quyết định về điều bất thiện, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Luôn cả những người học tập theo người ấy, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, cũng bị sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó tạo ra một hỗn hợp bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía rồi tự mình uống và cho các người khác uống. Bản thân người ấy được khoái lạc, những người khác cũng được khoái lạc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở đây có một người nào đó suy nghĩ với sự quyết định về điều thiện, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời. Luôn cả những người học tập theo người ấy, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, cũng được sanh vào chốn an vui, cõi trời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tư có sự quyết định là hành tướng và có sự tạo tác là hành tướng.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

12. – Thưa Ngài Nāgasena, thức có cái gì là hành tướng?

– Tâu Đại vương, thức có sự nhận biết là hành tướng.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người giữ thành, ngồi ở ngã tư giữa thành phố, có thể nhìn thấy người đang đi đến từ hướng Đông, có thể nhìn thấy người đang đi đến từ hướng Nam, có thể nhìn thấy người đang đi đến từ hướng Tây, có thể nhìn thấy người đang đi đến từ hướng Bắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, con người nhìn thấy cảnh sắc bằng con mắt và nhận biết sắc ấy bằng thức, nghe âm thanh bằng tai và nhận biết thinh ấy bằng thức, ngửi mùi bằng mũi và nhận biết hương ấy bằng thức, nếm vị bằng lưỡi và nhận biết vị ấy bằng thức, chạm cảnh xúc bằng thân và nhận biết xúc ấy bằng thức, nhận thức cảnh pháp bằng ý và nhận biết pháp ấy bằng thức. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thức có sự nhận biết là hành tướng.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

13. – Thưa Ngài Nāgasena, tầm có cái gì là hành tướng?

– Tâu Đại vương, tầm có sự áp vào là hành tướng.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người thợ mộc áp thanh gỗ đã khéo được chuẩn bị trước vào chỗ ráp nối. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tầm có sự áp vào là hành tướng.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

14. – Thưa Ngài Nāgasena, tứ có cái gì là hành tướng?

– Tâu Đại vương, tứ có sự áp sát là hành tướng.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như cái cồng được vỗ vào sau đó vang lên và dội lại. Tâu Đại vương, sự vỗ vào là như thế nào thì tầm nên được xem như vậy, sự dội lại là như thế nào thì tứ nên được xem như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

Phẩm Sở hữu tứ là thứ ba.

(Trong phẩm này có mười bốn câu hỏi)

IV. PHẨM NIẾT-BÀN
(*NIBBĀNAVAGGO*)

1. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, đối với các pháp được gom chung thành một bản thể này, có thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: "Cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tầm, cái này là tứ"?**

– Tâu Đại vương, đối với các pháp được gom chung thành một bản thể này, không thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: "Cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tầm, cái này là tứ."

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người đầu bếp của đức vua thực hiện món súp hoặc nước chấm, người ấy nêm sữa, nêm muối, nêm gừng, nêm thìa là, nêm tiêu, nêm các gia vị khác vào trong món đó; đức vua nói với người ấy như vầy: "Hãy đem cho trẫm nước chấm vị sữa, hãy đem cho trẫm nước chấm vị muối, hãy đem cho trẫm nước chấm vị gừng, hãy đem cho trẫm nước chấm vị thìa là, hãy đem cho trẫm nước chấm vị tiêu, hãy đem cho trẫm nước chấm đã được nêm tất cả các thứ." Tâu Đại vương, đối với các vị nếm được gom chung thành một bản thể ấy, có thể nào lần lượt tách rời và mang lại nước chấm có vị chua, hoặc có vị mặn, hoặc có vị đắng, hoặc có vị cay, hoặc có vị chát, hoặc có vị ngọt không?

– Thưa Ngài, đối với các vị nếm được gom chung thành một bản thể ấy, không thể nào lần lượt tách rời và mang lại nước chấm có vị chua, hoặc có vị mặn, hoặc có vị đắng, hoặc có vị cay, hoặc có vị chát, hoặc có vị ngọt được, mặc dầu chúng hiện diện với đặc điểm riêng của từng vị một.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các pháp được gom chung thành một bản thể này không thể nào lần lượt tách rời và chỉ ra sự khác biệt của chúng: "Cái này là xúc, cái này là thọ, cái này là tưởng, cái này là tư, cái này là thức, cái này là tầm, cái này là tứ", mặc dầu chúng hiện diện với đặc điểm riêng của từng pháp một.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

2. Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– **Tâu Đại vương, muối có thể được nhận biết bằng mắt không?**

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể được nhận biết bằng mắt.

– Tâu Đại vương, có đúng là Đại vương biết một cách chắc chắn?

– Thưa Ngài, phải chăng có thể được nhận biết bằng lưỡi?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể được nhận biết bằng lưỡi.

– Thưa Ngài, phải chăng nhận biết tất cả các loại muối bằng lưỡi?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Nhận biết tất cả các loại muối bằng lưỡi.

– Thưa Ngài, nếu nhận biết tất cả các loại muối bằng lưỡi, tại sao những con bò mang muối lại bằng các xe kéo? Không lẽ có thể mang lại chỉ riêng muối thôi?

– Tâu Đại vương, không thể mang lại chỉ riêng muối thôi. Các vật được gom chung thành một bản thể này có bản chất khác biệt về lãnh vực, và muối có tính chất nặng nề.

– Tâu Đại vương, phải chăng có thể cân muối bằng cân?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể.

– Tâu Đại vương, không có thể cân muối bằng cân. Tính chất nặng nề [của muối] được cân bằng cân.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

3. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải năm xứ[4] được sanh lên do các việc làm khác nhau, hay là do một việc làm?**

– Tâu Đại vương, chúng được sanh lên do các việc làm khác nhau, không phải do một việc làm.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Năm loại hạt giống gieo ở một cánh đồng, đối với các loại hạt giống khác nhau phải chăng các quả khác nhau được sanh lên?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Chúng được sanh lên.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, năm xứ được sanh lên do các việc làm khác nhau, không phải do một việc làm.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

4. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà toàn thể loài người là không giống nhau,** những kẻ này yểu thọ, các kẻ khác trường thọ; những kẻ này nhiều bệnh, các kẻ khác ít bệnh; những kẻ này có sắc xấu, các kẻ khác có sắc tốt; những kẻ này có ít quyền lực, các kẻ khác có nhiều quyền lực; những kẻ này có ít của cải, các kẻ khác có nhiều của cải; những kẻ này có gia tộc hạ tiện, các kẻ khác có gia tộc thượng lưu; những kẻ này có tuệ tồi, các kẻ khác có tuệ?

[4] Năm xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ và thân xứ. (ND)

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, vì sao tất cả các cây cối là không giống nhau, những cây này là chua, các cây khác là mặn, những cây này là đắng, các cây khác là cay, những cây này là chát, các cây khác là ngọt?

– Thưa Ngài, trẫm nghĩ là vì việc làm khác nhau của hạt giống.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vì việc làm khác nhau của các nghiệp mà toàn thể loài người là không giống nhau, những kẻ này yểu thọ, các kẻ khác trường thọ; những kẻ này nhiều bệnh, các kẻ khác ít bệnh; những kẻ này có sắc xấu, các kẻ khác có sắc tốt; những kẻ này có ít quyền lực, các kẻ khác có nhiều quyền lực; những kẻ này có ít của cải, các kẻ khác có nhiều của cải; những kẻ này có gia tộc hạ tiện, các kẻ khác có gia tộc thượng lưu; những kẻ này có tuệ tồi, các kẻ khác có tuệ. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "*Này người thanh niên, chúng sanh là các chủ nhân của nghiệp, là những kẻ thừa tự của nghiệp, có nghiệp là căn nguyên, có nghiệp là thân quyến, có nghiệp là nơi nương tựa, nghiệp phân loại các chúng sanh tức là theo tính chất hạ liệt hay cao quý.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

5. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Làm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Tâu Đại vương, sự xuất gia của chúng tôi là với mục đích ấy." Có lợi ích gì với việc đã tinh tấn trước đây? Chẳng phải là nên tinh tấn trong thời hiện tại hay sao?**

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Đại vương bị khát thì khi ấy Đại vương mới bảo đào giếng nước, mới bảo đào hồ nước [nghĩ rằng]: "Ta sẽ uống nước"?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Đại vương thèm ăn thì khi ấy Đại vương mới bảo cày ruộng, mới bảo trồng lúa sāli, mới bảo đem thóc lại [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng bữa ăn"?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Đại vương lâm trận thì khi ấy Đại vương mới bảo đào hào, mới bảo đắp lũy, mới bảo xây cổng thành, mới bảo làm vọng gác, mới bảo đem lại thóc; khi ấy Đại vương mới rèn luyện về voi, mới rèn luyện về ngựa, mới rèn luyện về xe, mới rèn luyện về cung, mới rèn luyện về gươm?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự tinh tấn trong thời hiện tại thì chưa làm được việc, sự tinh tấn trước đây thì đã làm được việc. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"*Người biết việc nào lợi ích cho mình thì nên làm việc ấy trước. Không có ý nghĩ như kẻ đánh xe bò, bậc thông minh sáng trí nên cố gắng.*

Giống như kẻ đánh xe bò từ bỏ con đường lớn bằng phẳng đi vào con đường gồ ghề, bị gãy trục xe rồi bực bội.

Như vậy, sau khi xa lìa Chánh pháp, xu hướng theo phi pháp, kẻ ngu bị rơi vào miệng thần chết, sầu muộn như kẻ bị gãy trục xe vậy."

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

6. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Lửa địa ngục nóng dữ dội hơn lửa bình thường. Một hòn đá nhỏ bé được ném vào trong lửa bình thường, trong khi bị đốt cháy trọn ngày vẫn không bị tiêu hoại, còn tảng đá thậm chí lớn bằng ngôi nhà mái nhọn được ném vào trong lửa địa ngục liền bị tiêu hoại trong giây lát." Trẫm không tin lời nói này. Hơn nữa, Ngài còn nói như vầy: "Chúng sanh nào sanh ra ở nơi ấy, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bị tiêu hoại", trẫm cũng không tin lời nói này.

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Các loài như cá đao cái, cá sấu cái, rùa cái, công mái, bồ câu mái, phải chăng chúng ăn các hòn đá và các hạt cát cứng rắn?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng ăn.

– Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của chúng thì bị tiêu hoại?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại.

– Vậy còn bào thai ở trong bụng của các loài thú cái ấy cũng bị tiêu hoại?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm vẫn không bị tiêu hoại; họ sanh ra ngay tại nơi ấy, lớn lên ngay tại nơi ấy, chết đi ngay tại nơi ấy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "*Cho đến khi nào nghiệp ác ấy còn chưa được diệt tận thì chúng sanh địa ngục ấy vẫn không chết.*"

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Các loài như sư tử cái, cọp cái, beo cái, chó cái, phải chăng chúng cũng ăn các khúc xương và các miếng thịt cứng rắn?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng ăn.

– Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của chúng thì bị tiêu hoại?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại.

– Vậy còn bào thai ở trong bụng của các loài thú cái ấy cũng bị tiêu hoại?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn năm, vẫn không bị tiêu hoại.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Các phụ nữ như các cô mảnh mai xứ Yona, các cô mảnh mai dòng Sát-đế-ly, các cô mảnh mai dòng Bà-la-môn, các cô gia chủ mảnh mai, phải chăng họ cũng ăn các vật nhai và các miếng thịt cứng rắn?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Họ ăn.

– Vậy có phải các thứ này khi đã đi vào bên trong bao tử ở bụng của họ thì bị tiêu hoại?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Chúng bị tiêu hoại.

– Vậy còn bào thai ở trong bụng của những phụ nữ ấy cũng bị tiêu hoại?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, trẫm nghĩ do tác động của nghiệp khiến chúng không bị tiêu hoại.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tác động của nghiệp khiến chúng sanh ở địa ngục, trong khi bị nung nấu ở địa ngục thậm chí trong nhiều ngàn

năm, vẫn không bị tiêu hoại; họ sanh ra ngay tại nơi ấy, lớn lên ngay tại nơi ấy, chết đi ngay tại nơi ấy. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "*Cho đến khi nào nghiệp ác ấy còn chưa được diệt tận thì chúng sanh địa ngục ấy vẫn không chết.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

7. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Đại địa cầu này được tồn tại ở nước, nước được tồn tại ở gió, gió được tồn tại ở hư không." Trẫm cũng không tin lời nói này.

Vị Trưởng lão đã lấy nước bằng bình đựng nước rồi giúp cho đức Vua Milinda hiểu được rằng:

– Tâu Đại vương, nước này được nâng đỡ bởi gió như thế nào thì nước kia cũng được nâng đỡ bởi gió như thế ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

8. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải sự diệt tận là Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Sự diệt tận là Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, sự diệt tận là Niết-bàn nghĩa là thế nào?

– Tâu Đại vương, quả là tất cả những kẻ phàm phu ngu dốt thích thú tán thưởng, bám víu vào các nội và ngoại xứ. Chúng thả trôi theo dòng chảy ấy, không hoàn toàn thoát khỏi sự sanh, sự già, sự chết, các sự sầu-bi-khổ-ưu-não, tôi nói rằng chúng không hoàn toàn thoát khỏi khổ. Tâu Đại vương, còn vị Thánh đệ tử có sự học hỏi, không thích thú không tán thưởng, không bám víu vào các nội và ngoại xứ. Trong khi vị ấy không thích thú không tán thưởng, không bám víu vào các nội và ngoại xứ, ái bị diệt tận; do sự diệt tận của ái có sự diệt tận của thủ; do sự diệt tận của thủ có sự diệt tận của hữu; do sự diệt tận của hữu có sự diệt tận của sanh; do sự diệt tận của sanh, già-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não bị diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này. Tâu Đại vương, sự diệt tận là Niết-bàn nghĩa là như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

9. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải tất cả đều đạt được Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, không phải tất cả đều đạt được Niết-bàn. Tâu Đại vương, người nào thực hành chân chánh biết rõ các pháp cần được biết rõ, biết toàn diện các pháp cần được biết toàn diện, dứt bỏ các pháp cần được dứt bỏ, tu tập các pháp cần được tu tập, chứng ngộ các pháp cần được chứng ngộ, người ấy đạt được Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

10. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, người nào chưa đạt được Niết-bàn, có phải người ấy biết được Niết-bàn là an lạc?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Người nào chưa đạt được Niết-bàn, người ấy vẫn biết được Niết-bàn là an lạc.

– Thưa Ngài Nāgasena, trong khi không đạt được Niết-bàn làm thế nào lại biết được Niết-bàn là an lạc?

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Đối với những người có tay chân không bị chặt đứt, tâu Đại vương, có phải họ có thể biết được sự chặt đứt tay chân là đau đớn.

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Làm thế nào họ có thể biết được?

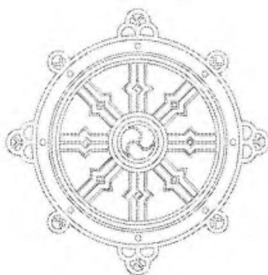
– Thưa Ngài, sau khi lắng nghe tiếng rên rỉ của những người khác có tay chân bị chặt đứt, họ biết được sự chặt đứt tay chân là đau đớn.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sau khi lắng nghe những người đã thấy được Niết-bàn mà biết được Niết-bàn là an lạc.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

Phẩm Niết-bàn là thứ tư.

(Trong phẩm này có mười câu hỏi)



V. PHẨM ĐỨC PHẬT
(*BUDDHAVAGGO*)

1. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Phật đã được Ngài nhìn thấy?**

– Tâu Đại vương, không.

– Vậy có phải đức Phật đã được các vị thầy của Ngài nhìn thấy?

– Tâu Đại vương, không.

– Thưa Ngài Nāgasena, như vậy thì không có đức Phật.

– Tâu Đại vương, vậy sông Ūhā ở núi Hy-mã-lạp có được Ngài nhìn thấy không?

– Thưa Ngài, không.

– Vậy có phải sông Ūhā đã được cha của Ngài nhìn thấy?

– Tâu Ngài, không.

– Tâu Đại vương, như vậy thì không có sông Ūhā.

– Thưa Ngài, có mà. Mặc dầu sông Ūhā không được trẫm nhìn thấy, sông Ūhā cũng không được cha của trẫm nhìn thấy, nhưng mà có sông Ūhā.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mặc dầu đức Thế Tôn không được tôi nhìn thấy, đức Thế Tôn cũng không được các vị thầy của tôi nhìn thấy, nhưng mà có đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

2. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Phật là vô thượng?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Phật là vô thượng.

– Thưa Ngài Nāgasena, làm thế nào Ngài biết được "Đức Phật là vô thượng" khi chưa từng được thấy trước đây?

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Với những người mà biển cả chưa từng được thấy, tâu Đại vương, có phải những người ấy có thể biết được biển, nơi mà năm con sông lớn này, tức là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī thường xuyên, liên tục đổ vào, là rộng lớn, sâu thẳm, không thể đo đạc, khó thăm dò, luôn cả sự thiếu hụt hay tràn đầy của nó cũng không được nhận ra?

– Thưa Ngài, họ có thể biết được.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sau khi nhìn thấy các vị Thinh văn vĩ đại viên tịch Niết-bàn, tôi biết được "Đức Thế Tôn là vô thượng."

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

3. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có thể biết được "Đức Phật là vô thượng"?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể biết được "Đức Phật là vô thượng."

– Thưa Ngài Nāgasena, làm thế nào có thể biết được "'Đức Phật là vô thượng"?

– Tâu Đại vương, vào thời trước đây đã có vị thầy về văn tự tên là Trưởng lão Tissa. Vị ấy từ trần đã trải qua nhiều năm, vì sao mà vị ấy vẫn được biết đến?

– Thưa Ngài, nhờ vào văn tự.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thấy Pháp người ấy thấy đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, bởi vì Pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

4. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải Pháp đã được Ngài nhìn thấy?**

– Tâu Đại vương, các vị đệ tử cần phải thực hành theo sự hướng dẫn của đức Phật, theo điều quy định bởi đức Phật, cho đến trọn đời.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

5. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải tái sanh không phải là chuyển sang?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Tái sanh không phải là chuyển sang.

– Thưa Ngài Nāgasena, tái sanh không phải là chuyển sang nghĩa là thế nào? Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó thắp sáng cây đèn từ cây đèn [khác], tâu Đại vương, phải chăng cây đèn ấy được chuyển sang từ cây đèn [kia]?

– Thưa Ngài, không phải.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tái sanh không phải là chuyển sang.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, có phải Ngài biết rõ là trong lúc còn niên thiếu đã có câu thơ nào đó được học ở người thầy dạy về thơ?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, phải chăng câu thơ đó được chuyển sang từ người thầy?

– Thưa Ngài, không phải.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tái sanh không phải là chuyển sang.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

6. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải sự hiểu biết có thể đạt được?**

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, theo ý nghĩa tuyệt đối sự hiểu biết không thể đạt được.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

7. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải có chúng sanh nào từ thân này chuyển sang thân khác?**

– Tâu Đại vương, không phải.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu không có việc từ thân này được chuyển sang thân khác, không lẽ sẽ được thoát khỏi các nghiệp ác?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Nếu không tái sanh thì sẽ được thoát khỏi các nghiệp ác. Tâu Đại vương, chính vì tái sanh mà không được hoàn toàn thoát khỏi các nghiệp ác.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó lấy trộm trái xoài của người khác, có phải người ấy đáng bị hành phạt?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Người ấy đáng bị hành phạt.

– Tâu Đại vương, quả là người ấy đã không lấy trộm các trái xoài đã được trồng bởi người kia, tại sao lại đáng bị hành phạt?

– Thưa Ngài, những trái xoài ấy được sanh lên có điều kiện. Do đó, người ấy đáng bị hành phạt.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người tạo nghiệp tốt đẹp hoặc không tốt đẹp với danh sắc này, do nghiệp ấy danh sắc khác tái sanh, vì thế mà không được hoàn toàn thoát khỏi các nghiệp ác.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

8. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, nghiệp thiện hoặc bất thiện được tạo ra bởi danh sắc này, vậy các nghiệp ấy trú ở đâu?**

– Tâu Đại vương, các nghiệp ấy theo sau tợ như bóng có sự không xa lìa [hình] vậy.

– Thưa Ngài, có thể nào chỉ cho thấy các nghiệp ấy là: "Các nghiệp ấy trú ở chỗ này" không?

– Tâu Đại vương, không thể nào chỉ cho thấy các nghiệp ấy là: "Các nghiệp ấy trú ở chỗ này hay ở chỗ này."

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Những cây nào có các trái chưa trổ, có thể nào chỉ cho thấy các trái của chúng là: "Các trái ấy trú ở chỗ này hay ở chỗ này" không?

– Thưa Ngài, không.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi sự diễn tiến còn chưa bị cắt đứt thì không thể nào chỉ cho thấy các nghiệp ấy là: "Các nghiệp ấy trú ở chỗ này hay ở chỗ này."

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

9. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải người nào tái sanh thì người ấy biết được rằng: "Ta sẽ tái sanh"?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Người nào tái sanh thì người ấy biết được rằng: "Ta sẽ tái sanh."

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nông dân gia chủ sau khi gieo xuống các hạt giống ở đất, trong khi trời mưa điều hòa thì biết được rằng: "Thóc lúa sẽ được tạo ra."

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể biết được.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào tái sanh thì người ấy biết được rằng: "Ta sẽ tái sanh."

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

10. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải là có đức Phật?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Có đức Phật.

– Thưa Ngài, có thể nào chỉ cho thấy đức Phật là "chỗ này hay chỗ này" không?

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Không thể nào chỉ cho thấy đức Thế Tôn là "chỗ này hay chỗ này."

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Ngọn lửa của đống lửa lớn đang cháy đã bị diệt tắt, có thể nào chỉ cho thấy ngọn lửa ấy là "chỗ này hay chỗ này" không?

– Thưa Ngài, không. Ngọn lửa ấy đã tắt, đã đi đến trạng thái không còn được nhận biết.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Đức Thế Tôn đã diệt tắt, không thể nào chỉ cho thấy là "chỗ này hay chỗ này." Tâu Đại vương, tuy nhiên có thể chỉ cho thấy đức Thế Tôn bởi tổng thể các Pháp. Tâu Đại vương, bởi vì Pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

Phẩm Đức Phật là thứ năm.

VI. PHẨM TRÍ NHỚ
(*SATIVAGGO*)

1. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải thân thể đối với các bậc xuất gia là đáng yêu?**

– Tâu Đại vương, thân thể đối với các bậc xuất gia là không đáng yêu.

– Thưa Ngài, vậy tại sao Ngài lại nâng niu, quyến luyến?

– Tâu Đại vương, khi Đại vương tham gia chiến trận, có phải đôi khi vào lúc nào đó Đại vương có bị tên bắn?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, vậy có phải vết thương ấy được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó bằng miếng vải mềm?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Nó được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó bằng miếng vải mềm.

– Tâu Đại vương, phải chăng vết thương là đáng yêu đối với Đại vương nên được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó bằng miếng vải mềm?

– Thưa Ngài, vết thương quả là không đáng yêu đối với trẫm. Tuy nhiên, nhằm mục đích làm lành da thịt nên nó được bôi cao, được thoa dầu và được băng bó bằng miếng vải mềm.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thân thể đối với các bậc xuất gia là không đáng yêu, và các bậc xuất gia chăm nom thân thể mà không bị bám víu nhằm nâng đỡ việc thực hành Phạm hạnh. Tâu Đại vương, thân thể ví như vết thương đã được đức Thế Tôn đề cập đến. Vì thế, các bậc xuất gia chăm nom thân thể như là [chăm sóc] vết thương mà không bị bám víu. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"*Được bao bọc bởi lớp da ẩm ướt, vết thương lớn có chín cửa* (*cửu khiếu*) *rỉ ra xung quanh những mùi hôi thối, không trong sạch.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

2. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Phật là vị biết tất cả, thấy tất cả?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là vị biết tất cả, thấy tất cả.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì tại sao đức Thế Tôn đã quy định điều học cho các đệ tử theo từng điều một?

– Tâu Đại vương, có người thầy thuốc nào của Ngài biết được toàn bộ dược phẩm ở trái đất này không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có.

– Tâu Đại vương, phải chăng người thầy thuốc ấy cho người bệnh uống thuốc khi thời điểm đã đến, hay là khi thời điểm chưa đến?

– Thưa Ngài, vị ấy cho người bệnh uống thuốc khi thời điểm đã đến, không phải khi thời điểm chưa đến.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn là vị biết tất cả, thấy tất cả; Ngài không quy định điều học cho các đệ tử khi không phải là thời điểm. Khi thời điểm đã đến, Ngài mới quy định điều học cho các đệ tử, cho đến trọn đời không nên vượt qua.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

3. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Phật hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay.

– Thưa Ngài, có phải cha mẹ của đức Phật cũng hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Thưa Ngài Nāgasena, trong khi là như vậy thì không thể nào đức Phật sanh lên được hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay. Hơn nữa, con trai là giống mẹ hay bà con bên mẹ, hoặc con trai là giống cha hay bà con bên cha.

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, có loại hoa sen nào có trăm cánh không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có.

– Vậy xuất xứ của nó là từ đâu?

– Nó sanh ra ở trong bùn, sống ở trong nước.

– Tâu Đại vương, phải chăng hoa sen có sắc, hoặc có mùi, hoặc có vị tương tợ như bùn?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Vậy thì phải chăng hoa sen có sắc, hoặc có mùi, hoặc có vị tương tợ như nước?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn hội đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và được phân biệt với tám mươi tướng phụ, có sắc vàng, có làn da như là vàng, có hào quang một sải tay.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

4. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Phật là người hành Phạm hạnh?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là người hành Phạm hạnh.

– Thưa Ngài Nāgasena, chính vì điều ấy có phải đức Phật là học trò của Phạm thiên?

– Tâu Đại vương, Đại vương có con voi đầu đàn không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có.

– Tâu Đại vương, phải chăng con voi ấy đôi khi vào lúc nào đó rống tiếng rống như là của loài cò?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Nó có rống.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy có phải con voi ấy là học trò của những con cò?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, có phải Phạm thiên có tánh giác?

– Thưa Ngài, có tánh giác.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy Phạm thiên là học trò của đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

5. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có phải việc tu lên bậc trên là tốt?**

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Việc tu lên bậc trên là tốt.

– Thưa Ngài, vậy đối với đức Phật có việc tu lên bậc trên, hay là không có?

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã tu lên bậc trên ở cội cây Bồ-đề với trí biết tất cả. Đối với đức Thế Tôn không có việc tu lên bậc trên được ban cho bởi những người khác. Tâu Đại vương, giống như việc đức Thế Tôn quy định điều học cho các đệ tử, cho đến trọn đời không nên vượt qua.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

6. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, người khóc vì việc qua đời của mẹ và người khóc vì sự yêu mến pháp, trong hai người đang khóc ấy nước mắt của ai là liều thuốc, nước mắt của ai không phải là liều thuốc?**

– Tâu Đại vương, nước mắt của một người là nóng nảy do tham sân si, có vấy bụi, của một người là mát mẻ do hỷ và thiện tâm, không có vấy bụi. Tâu

Đại vương, cái nào mát mẻ cái ấy là liều thuốc, cái nào nóng nảy cái ấy không phải là liều thuốc.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

7. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, cái gì là sự khác biệt ở người có tham ái và ở người đã lìa tham ái?**

– Tâu Đại vương, một người là bị dính mắc, một người không bị dính mắc.

– Thưa Ngài, điều gì gọi là dính mắc và không dính mắc?

– Tâu Đại vương, một người có mong cầu, một người không có mong cầu.

– Thưa Ngài, trẫm thấy như vầy: Người có tham ái và người đã lìa tham ái, cả hai hạng này đều ưa thích vật thực loại cứng, loại mềm tốt đẹp và không ưa thích bất cứ loại nào xấu.

– Tâu Đại vương, người chưa lìa tham ái thọ dụng vật thực có sự nhận biết về mùi vị, có sự nhận biết về tham ái ở mùi vị, còn người đã lìa tham ái thọ dụng vật thực có sự nhận biết về mùi vị, nhưng sự nhận biết về tham ái ở mùi vị là không có.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

8. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, tuệ trú ở nơi nào?**

– Tâu Đại vương, không ở nơi nào cả.

– Thưa Ngài Nāgasena, như vậy thì không có tuệ.

– Tâu Đại vương, gió trú ở nơi nào?

– Thưa Ngài, không ở nơi nào cả.

– Tâu Đại vương, như vậy thì không có gió.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

9. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài đã nói là "luân hồi", luân hồi ấy là gì?**

– Tâu Đại vương, người sanh ra ở nơi đây, chết ngay tại nơi đây; chết tại nơi đây, sanh lên ở nơi khác; sanh ra ở nơi kia, chết ngay tại nơi kia; chết tại nơi kia, sanh lên ở nơi khác. Tâu Đại vương, luân hồi là như vậy.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó sau khi ăn trái xoài chín rồi ươm trồng cái hột, từ đó cây xoài nảy mầm, lớn lên, rồi cho các trái. Rồi người ấy sau khi ăn trái xoài chín cũng từ đó rồi ươm trồng cái hột, cũng từ đó cây xoài nảy mầm, lớn lên, rồi cho các trái. Như vậy, điểm tận cùng của các cây này không được biết đến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người sanh ra ở nơi đây, chết ngay tại nơi đây; chết tại nơi đây, sanh lên ở nơi khác; sanh ra ở nơi

kia, chết ngay tại nơi kia; chết tại nơi kia, sanh lên ở nơi khác. Tâu Đại vương, luân hồi là như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

10. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, nhờ vào cái gì mà hồi tưởng lại việc đã làm từ lâu trong quá khứ?**

– Tâu Đại vương, nhờ vào trí nhớ.

– Thưa Ngài Nāgasena, thế chẳng phải hồi tưởng lại là bằng tâm, không phải bằng trí nhớ?

– Tâu Đại vương, Đại vương có nhận biết được rằng sau khi làm một việc cần làm nào đó rồi quên lửng không?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, phải chăng vào thời điểm ấy Ngài là không có tâm?

– Thưa Ngài, không đúng. Vào thời điểm ấy trẫm đã không có trí nhớ.

– Tâu Đại vương, vậy tại sao Ngài đã nói như vầy: "Hồi tưởng lại là bằng tâm, không phải bằng trí nhớ"?

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

11. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, toàn bộ trí nhớ được sanh lên là thuộc về chủ quan hay trí nhớ là thuộc về khách quan?**

– Tâu Đại vương, trí nhớ được sanh lên vừa thuộc về chủ quan, trí nhớ vừa thuộc về khách quan.

– Thưa Ngài Nāgasena, chính vì như thế phải chăng toàn bộ trí nhớ là thuộc về chủ quan, không có trí nhớ thuộc về khách quan?

– Tâu Đại vương, nếu không có trí nhớ thuộc về khách quan thì những người thợ học nghề không có cái gì cần phải làm đối với các lãnh vực về nghề nghiệp, đối với các lãnh vực về học tập, hoặc đối với các tư liệu về kiến thức; không có nhu cầu về các thầy dạy học. Tâu Đại vương, bởi vì có trí nhớ thuộc về khách quan mà có việc cần phải làm đối với các lãnh vực về nghề nghiệp, đối với các lãnh vực về học tập, hoặc đối với các tư liệu về kiến thức; và có nhu cầu về các thầy dạy học.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

Phẩm Trí nhớ là thứ sáu.

(Trong phẩm này có mười một câu hỏi)

VII. PHẨM XÁC ĐỊNH CÁC PHÁP VÔ SẮC
(*ARŪPADHAMMAVAVATTHĀNAVAGGO*)

1. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, trí nhớ sanh lên với bao nhiêu hình thức?**

– Tâu Đại vương, trí nhớ sanh lên với mười sáu hình thức.[5] Với mười sáu hình thức gì?

Tâu Đại vương, trí nhớ sanh lên do điều kiện chủ quan;

Trí nhớ sanh lên do điều kiện khách quan;

Trí nhớ sanh lên do nhận thức sự kiện trọng đại;

Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều tốt đẹp;

Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều không tốt đẹp;

Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu tương tợ;

Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu khác biệt;

Trí nhớ sanh lên do hiểu rõ lời nói;

Trí nhớ sanh lên do đặc điểm;

Trí nhớ sanh lên do sự nhớ lại;

Trí nhớ sanh lên do việc viết chữ;

Trí nhớ sanh lên do việc tính toán;

Trí nhớ sanh lên do việc thuộc lòng;

Trí nhớ sanh lên do việc tu tập;

Trí nhớ sanh lên do gắn bó với sách vở;

Trí nhớ sanh lên do việc tiếp cận;

Trí nhớ sanh lên do kinh nghiệm.

– Trí nhớ sanh lên do điều kiện chủ quan nghĩa là thế nào?

– Tâu Đại vương, giống như trường hợp Đại đức Ānanda và nữ cư sĩ Khujjuttarā, hoặc bất cứ những người nào khác có được năng lực về đời sống [quá khứ] nhớ lại đời sống [quá khứ]. Trí nhớ sanh lên do điều kiện chủ quan nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do điều kiện khách quan nghĩa là thế nào? Người nào có bản tính hay quên, và những người khác thúc giục người ấy với mục đích nhắc nhở. Trí nhớ sanh lên do điều kiện khách quan nghĩa là như vậy.

---

[5] Tuy ghi là 16 nhưng đếm thì có đến 17 loại. Tạng Miến Điện ghi 17. (ND)

Trí nhớ sanh lên do nhận thức các sự kiện trọng đại nghĩa là thế nào? Khi được tấn phong vương quyền hoặc khi đạt được quả vị Nhập lưu. Trí nhớ sanh lên do nhận thức các sự kiện trọng đại nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều tốt đẹp nghĩa là thế nào? Vị được hạnh phúc về điều nào đó rồi nhớ lại rằng: "Ta được hạnh phúc như vầy." Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều tốt đẹp nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều không tốt đẹp nghĩa là thế nào? Vị bị đau khổ về điều nào đó rồi nhớ lại rằng: "Ta bị đau khổ như vầy." Trí nhớ sanh lên do nhận thức điều không tốt đẹp nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu tương tợ nghĩa là thế nào? Sau khi nhìn thấy người tương tợ thì nhớ lại người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh em trai, hoặc chị em gái; sau khi nhìn thấy con lạc đà, hoặc con bò, hoặc con lừa thì nhớ lại con lạc đà, hoặc con bò, hoặc con lừa khác tương tợ như thế. Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu tương tợ nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu khác biệt nghĩa là thế nào? Vị nhớ lại rằng: "Người kia có như vầy: Sắc thế này, thinh thế này, hương thế này, vị thế này, xúc thế này." Trí nhớ sanh lên do dấu hiệu khác biệt nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do hiểu rõ lời nói nghĩa là thế nào? Người nào có bản tính hay quên, những người khác nhắc nhở người ấy, nhờ thế người ấy nhớ lại. Trí nhớ sanh lên do hiểu rõ lời nói nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do đặc điểm nghĩa là thế nào? Nhận ra nhờ vào dấu sắt nung của những con bò kéo là nhận ra do đặc điểm. Trí nhớ sanh lên do đặc điểm nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do sự nhớ lại nghĩa là thế nào? Người nào có bản tính hay quên, những người khác liên tục nhắc nhở người ấy rằng: "Ngươi hãy nhớ lại, ngươi hãy nhớ lại." Trí nhớ sanh lên do sự nhớ lại nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do việc viết chữ nghĩa là thế nào? Do đã được học tập về chữ viết nên nhận biết được rằng: "Nên thực hiện chữ cái này liền với chữ cái này." Trí nhớ sanh lên do việc viết chữ nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do việc tính toán nghĩa là thế nào? Những người kế toán, do đã được học tập về việc tính toán nên tính toán nhiều. Trí nhớ sanh lên do việc tính toán nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do việc thuộc lòng nghĩa là thế nào? Những người chuyên học thuộc lòng, do đã được học tập về việc thuộc lòng nên thuộc lòng được nhiều. Trí nhớ sanh lên do việc thuộc lòng nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do việc tu tập nghĩa là thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khưu nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: "*Ở nơi ấy, ta đã có tên*

như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, có sự nhận biết lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này." Như thế, vị ấy nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét đại cương và cá biệt. Trí nhớ sanh lên do việc tu tập nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do gắn bó với sách vở nghĩa là thế nào? Các vị vua trong khi tưởng nhớ về điều giáo huấn [rồi ra lệnh]: "Hãy mang lại một cuốn sách", và tưởng nhớ lại nhờ cuốn sách ấy. Trí nhớ sanh lên do gắn bó với sách vở nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do việc tiếp cận nghĩa là thế nào? Sau khi nhìn thấy hàng hóa được đặt xuống gần bên thì nhớ lại. Trí nhớ sanh lên do việc tiếp cận nghĩa là như vậy.

Trí nhớ sanh lên do kinh nghiệm nghĩa là thế nào? Vị nhớ lại cảnh sắc do đã thấy, nhớ lại cảnh thinh do đã nghe, nhớ lại hương do đã ngửi, nhớ lại vị do đã nếm, nhớ lại xúc do đã chạm, nhớ lại pháp do đã nhận thức. Trí nhớ sanh lên do kinh nghiệm nghĩa là như vậy.

Tâu Đại vương, trí nhớ sanh lên với mười sáu hình thức này.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

2. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói như vầy: "Người nào làm việc bất thiện trong một trăm năm, và vào lúc chết đạt được một niệm tưởng đến đức Phật thì người ấy có thể sanh ở giữa chư thiên." Trẫm không tin lời nói này. Hơn nữa, Ngài còn nói như vầy: "Có thể đọa vào địa ngục do một lần giết hại mạng sống." Trẫm cũng không tin lời nói này.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Không có chiếc thuyền, hòn đá dầu là nhỏ có thể nổi ở nước không?

– Thưa Ngài, không.

– Tâu Đại vương, phải chăng một trăm xe đá được chất lên thuyền thì có thể nổi ở nước?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể nổi.

– Tâu Đại vương, chiếc thuyền là như thế nào thì các nghiệp thiện nên được xem xét như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

3. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc quá khứ?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Vậy có phải Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc vị lai?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Vậy có phải Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc hiện tại?

– Tâu Đại vương, không phải.

– Nếu Ngài không tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc quá khứ, không tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc vị lai, không tinh tấn nhằm loại bỏ khổ thuộc hiện tại, vậy Ngài tinh tấn nhằm mục đích gì?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, làm cách nào để cho khổ này diệt và khổ khác không thể sanh lên? Chúng tôi tinh tấn nhằm mục đích này.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy [bây giờ] có khổ thuộc vị lai không?

– Tâu Đại vương, không có.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài quả là quá sáng trí khi Ngài tinh tấn nhằm loại bỏ các khổ không hiện hữu!

– Tâu Đại vương, vậy có những vị vua đối nghịch, những kẻ thù đối nghịch, những bạn bè đối nghịch chống đối lại Ngài không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có.

– Tâu Đại vương, phải chăng khi ấy Ngài mới bảo đào hào, mới bảo đắp lũy, mới bảo xây cổng thành, mới bảo làm vọng gác, mới bảo đem lại thóc?

– Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước.

– Tâu Đại vương, phải chăng khi ấy Ngài mới rèn luyện về voi, mới rèn luyện về ngựa, mới rèn luyện về xe, mới rèn luyện về cung, mới rèn luyện về gươm?

– Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước.

– Nhằm mục đích gì?

– Thưa Ngài, nhằm mục đích ngăn chặn các nỗi lo sợ thuộc vị lai.

– Tâu Đại vương, phải chăng [bây giờ] có nỗi lo sợ thuộc vị lai?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, Đại vương quả là quá sáng trí khi Ngài chuẩn bị nhằm mục đích ngăn chặn các nỗi lo sợ thuộc vị lai!

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Ngài bị khát thì khi ấy Ngài mới bảo đào giếng nước, mới bảo đào ao nước, mới bảo đào hồ nước [nghĩ rằng]: "Ta sẽ uống nước"?

– Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước.

– Nhằm mục đích gì?

– Thưa Ngài, được chuẩn bị nhằm mục đích ngăn chặn các sự khát nước còn chưa đến.

– Tâu Đại vương, phải chăng [bây giờ] có sự khát nước ở vị lai?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, Đại vương quả là quá sáng trí khi Ngài chuẩn bị việc ấy nhằm mục đích ngăn chặn các sự khát nước ở vị lai!

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Phải chăng khi nào Ngài thèm ăn thì khi ấy Ngài mới bảo cày ruộng, mới bảo trồng lúa sāli [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng bữa ăn"?

– Thưa Ngài, không đúng. Việc ấy là được chuẩn bị trước.

– Nhằm mục đích gì?

– Thưa Ngài, được chuẩn bị nhằm mục đích ngăn chặn các sự thèm ăn ở vị lai.

– Tâu Đại vương, phải chăng [bây giờ] có sự thèm ăn ở vị lai?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, Đại vương quả là quá sáng trí khi Ngài chuẩn bị việc ấy nhằm mục đích ngăn chặn các sự thèm ăn không hiện hữu ở vị lai!

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

4. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, cõi Phạm thiên cách đây bao xa?**

– Tâu Đại vương, cõi Phạm thiên cách đây xa lắm. Tảng đá kích thước bằng ngôi nhà mái nhọn bị rơi từ nơi ấy, trong khi rơi xuống ngày đêm bốn mươi tám ngàn do-tuần thì bốn tháng mới có thể đến được trái đất.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói như vầy: "Cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu có thần thông đã đạt đến năng lực của tâm, biến mất ở Jambudīpa có thể hiện ra ở cõi Phạm thiên." Trẫm không tin lời nói này. Như vậy, vị ấy sẽ di chuyển cực kỳ nhanh đến cả nhiều trăm do-tuần?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, sanh quán của Ngài ở đâu?

– Thưa Ngài, có hòn đảo tên là Alasandā. Trẫm sanh ra tại nơi ấy.

– Tâu Đại vương, Alasandā cách đây bao xa?

– Thưa Ngài, khoảng cách hai trăm do-tuần.

– Tâu Đại vương, phải chăng Ngài biết rõ là Ngài đã làm một việc cần làm nào đó ở tại nơi ấy và Ngài vẫn còn nhớ?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm nhớ.

– Tâu Đại vương, quả là Ngài đã di chuyển khoảng cách hai trăm do-tuần một cách nhẹ nhàng.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

5. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, người từ trần ở đây rồi sanh vào cõi Phạm thiên, và người từ trần ở đây rồi sanh vào xứ Kasmīra, ai là lâu hơn, ai là mau hơn?**

– Tâu Đại vương, bằng nhau.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, thành phố quê hương của Ngài ở đâu?

– Thưa Ngài, có ngôi làng tên là Kalasi. Trẫm sanh ra tại nơi ấy.

– Tâu Đại vương, ngôi làng Kalasi cách đây bao xa?

– Thưa Ngài, khoảng cách hai trăm do-tuần.

– Tâu Đại vương, Kasmīra cách đây bao xa?

– Thưa Ngài, mười hai do-tuần.

– Tâu Đại vương, Đại vương hãy nghĩ đến ngôi làng Kalasi đi?

– Thưa Ngài, đã nghĩ đến rồi.

– Tâu Đại vương, Đại vương hãy nghĩ đến Kasmīra đi?

– Thưa Ngài, đã nghĩ đến rồi.

– Tâu Đại vương, cái nào đã được suy nghĩ lâu, cái nào mau hơn?

– Thưa Ngài, bằng nhau.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người từ trần ở đây rồi sanh vào cõi Phạm thiên, và người từ trần ở đây rồi sanh vào xứ Kasmīra, họ sanh lên đều bằng nhau.

– Xin Ngài cho thêm ví dụ.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Hai con chim bay ở không trung, một con trong số đó đậu xuống ở cây cao, một con đậu ở cây thấp. Khi chúng đồng thời đáp xuống, bóng của con nào thành lập ở mặt đất trước, bóng của con nào thành lập ở mặt đất lâu hơn?

– Thưa Ngài, bằng nhau.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người từ trần ở đây rồi sanh vào cõi Phạm thiên, và người từ trần ở đây rồi sanh vào xứ Kasmīra, họ sanh lên đều bằng nhau.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

6. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, có bao nhiêu giác chi [chi phần đưa đến giác ngộ]?**

– Tâu Đại vương, có bảy giác chi.

– Thưa Ngài, được giác ngộ bằng bao nhiêu giác chi?

– Tâu Đại vương, được giác ngộ bằng một giác chi là bằng trạch pháp giác chi.

– Thưa Ngài, vậy thì tại sao lại được nói là "bảy giác chi"?

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Cây gươm đã được tra vào vỏ, không được nắm bằng tay, có thể cắt được vật cần phải cắt?

– Thưa Ngài, không thể.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thiếu đi trạch pháp giác chi thì không được giác ngộ bằng sáu chi phần [còn lại].

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

7. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, phước và tội cái nào nhiều hơn?**

– Tâu Đại vương, phước thì nhiều hơn, tội thì ít.

– Vì lý do gì?

– Tâu Đại vương, trong khi làm tội thì có sự ân hận rằng: "Nghiệp ác được ta làm", do đó ác không tăng trưởng. Tâu Đại vương, trong khi làm phước thì không có sự ân hận. Đối với người không có sự ân hận, hân hoan sanh khởi; đối với người được hân hoan, hỷ sanh khởi; đối với người có tâm hỷ, thân khinh an; thân được khinh an thì cảm giác sự an lạc; có sự an lạc, tâm được định tĩnh; đã được định tĩnh thì nhận biết đúng theo thực thể. Vì lý do ấy, phước tăng trưởng. Tâu Đại vương, người có chân tay bị chặt đứt sau khi dâng lên đức Thế Tôn một bó hoa sen thì sẽ không rơi vào đọa xứ chín mươi mốt kiếp. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này mà tôi nói rằng: "Phước thì nhiều hơn, tội thì ít."

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

8. Đức Vua đã nói rằng:

– **Thưa Ngài Nāgasena, người làm nghiệp ác mà biết và người làm nghiệp ác mà không biết, người nào có tội nhiều hơn?**

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, người nào làm nghiệp ác mà không biết, người ấy có tội nhiều hơn.

– Thưa Ngài Nāgasena, chính vì điều ấy hoàng tử nào hoặc quan đại thần nào của chúng tôi làm nghiệp ác mà không biết, có phải chúng tôi phạt người ấy gấp đôi?

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Một người cầm lấy cục sắt được nung nóng, đốt nóng, cháy rực, có ngọn lửa mà không biết, một người cầm lấy mà biết, người nào bị phỏng với mức độ trầm trọng hơn?

– Thưa Ngài, người nào cầm lấy mà không biết, người ấy bị phỏng với mức độ trầm trọng hơn.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào làm nghiệp ác mà không biết, người ấy có tội nhiều hơn.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

9. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, có người nào có thể đi đến xứ Uttarakuru, hoặc cõi Phạm thiên, hoặc hòn đảo khác bằng cách phân thân này không?

– Tâu Đại vương, có người có thể đi đến xứ Uttarakuru, hoặc cõi Phạm thiên, hoặc hòn đảo khác bằng thân tứ đại này.

– Thưa Ngài Nāgasena, làm thế nào có thể đi đến xứ Uttarakuru, hoặc cõi Phạm thiên, hoặc hòn đảo khác bằng thân tứ đại này?

– Tâu Đại vương, chắc Ngài biết rõ là đã nhảy lên khỏi trái đất này một gang tay hoặc một *ratana*?[6]

– Thưa Ngài, trẫm biết rõ. Thưa Ngài Nāgasena, trẫm nhảy lên đến tám *ratana*.

– Tâu Đại vương, làm thế nào Ngài nhảy lên đến tám *ratana*?

– Thưa Ngài, chính vì trẫm lập tâm rằng: "Ta sẽ rơi xuống ở chỗ này." Với sự lập tâm ấy, thân thể của trẫm trở thành nhẹ.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu có thần thông đã đạt đến năng lực của tâm, sau khi đặt thân vào tâm rồi di chuyển ở không trung bằng năng lực của tâm.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

10. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói như vầy: "Có những khúc xương dài một trăm do-tuần." Cho đến ngay cả cây cối còn không cao một trăm do-tuần, do đâu mà sẽ có được những khúc xương dài một trăm do-tuần?

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Có phải Ngài đã được nghe là ở đại dương có loài cá dài năm trăm do-tuần?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nghe.

– Tâu Đại vương, không phải những khúc xương của con cá dài năm trăm do-tuần sẽ là có chiều dài năm trăm do-tuần?

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

11. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói như vầy: "Có thể ngưng các hơi thở ra hơi thở vào?"

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể ngưng các hơi thở ra hơi thở vào.

– Thưa Ngài Nāgasena, làm thế nào có thể ngưng các hơi thở ra hơi thở vào?

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Đại vương đã được nghe trước đây người nào đang ngáy không?

---

[6] *Ratana* = 0.25m, đơn vị đo chiều dài. (ND)

– Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nghe trước đây.

– Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ấy có thể ngưng lại khi cơ thể được khom vào?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có thể ngưng lại.

– Tâu Đại vương, bởi vì âm thanh ấy có thể ngưng lại khi cơ thể được khom vào là đối với người có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có định chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập. Trái lại, đối với người có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có định đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập, đã chứng đạt tứ thiền, phải chăng hơi thở ra hơi thở vào của người này sẽ không được ngưng lại?

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

12. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, điều được gọi là "biển, biển". Vì lý do gì nước được gọi là "biển"?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, nước chừng nào thì muối chừng ấy, muối chừng nào thì nước chừng ấy; vì thế được gọi là "biển".

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

13. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà biển có một vị là vị của muối?

– Tâu Đại vương, điều đã được tồn tại từ lâu là đối với nước thì biển có một vị là vị của muối.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

14. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, có thể cắt vật hoàn toàn vi tế không?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Có thể cắt vật hoàn toàn vi tế.

– Thưa Ngài, vậy cái gì là hoàn toàn vi tế?

– Tâu Đại vương, pháp là hoàn toàn vi tế. Tâu Đại vương, không phải tất cả các pháp đều là vi tế. Tâu Đại vương, "vi tế" hay "thô cứng", điều này là sự diễn tả đối với các pháp. Bất cứ vật gì có thể cắt được thì cắt toàn thể vật ấy bằng tuệ. Không có việc cắt bằng tuệ lần thứ nhì.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

15. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, "thức" hay "tuệ" hay "mạng sống ở chúng sanh", các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi?

– Tâu Đại vương, thức có sự nhận thức là tướng trạng, tuệ có sự biết rõ là tướng trạng, mạng sống ở chúng sanh là không có.

– Nếu mạng sống không có, vậy thì ai nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi hương bằng mũi, nếm vị bằng lưỡi, chạm cảnh xúc bằng thân, nhận thức cảnh pháp bằng ý?

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Nếu mạng sống nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi hương bằng mũi, nếm vị bằng lưỡi, chạm cảnh xúc bằng thân, nhận thức cảnh pháp bằng ý; phải chăng mạng sống ấy, khi các mắt bị hoại, vẫn có thể nhìn thấy cảnh sắc rõ hơn ở bên ngoài trước mặt qua bầu không gian lớn hơn? Có phải khi các tai bị hoại, khi mũi bị hoại, khi lưỡi bị hoại, khi thân bị hoại, vẫn có thể nghe âm thanh, có thể ngửi mùi, có thể nếm vị, có thể chạm cảnh xúc rõ hơn qua bầu không gian lớn hơn?

– Thưa Ngài, không phải.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy mạng sống ở chúng sanh là không có.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài thật khôn khéo.

16. Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– **Tâu Đại vương, có phải hành động khó khăn đã được đức Thế Tôn thực hiện?**

– Thưa Ngài, hành động khó khăn đã được đức Thế Tôn thực hiện là gì?

– Tâu Đại vương, hành động khó khăn đã được đức Thế Tôn thực hiện là việc xác định đối với các pháp không có hình tướng là tâm và sở hữu tâm đang diễn tiến ở một đối tượng đã được nói ra: "Đây là xúc, đây là thọ, đây là tưởng, đây là tư, đây là tâm."

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như người nào đó đi vào biển cả bằng thuyền, lấy nước bằng bụm tay, rồi nếm bằng lưỡi. Tâu Đại vương, phải chăng người ấy có thể biết được rằng: "Đây là nước của sông Gaṅgā, đây là nước của sông Yamunā, đây là nước của sông Aciravatī, đây là nước của sông Sarabhū, đây là nước của sông Mahī"?

– Thưa Ngài, là việc khó khăn để biết được.

– Tâu Đại vương, việc đã được đức Thế Tôn thực hiện còn khó hơn việc đó nữa là việc xác định các pháp không có hình tướng là tâm và sở hữu tâm đang diễn tiến ở một đối tượng đã được nói ra: "Đây là xúc, đây là thọ, đây là tưởng, đây là tư, đây là tâm."

Đức Vua đã vô cùng hoan hỷ:

– Thưa Ngài, thật quý hóa thay!

Phẩm Xác định các pháp vô sắc là thứ bảy.

(Trong phẩm này có mười sáu câu hỏi)

VIỆC HỎI VÀ TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI CỦA MILINDA
(*MILINDAPAÑHAPUCCHĀVISAJJANĀ*)

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– **Tâu Đại vương, Đại vương có biết bây giờ là giờ nào không?**

– Thưa Ngài, đúng vậy. Trẫm biết. Lúc này canh một đã qua. Đang là canh giữa. Các ngọn đuốc được thắp sáng. Bốn ngọn cờ đã được truyền lệnh [kéo lên]. Các vật dụng của hoàng gia từ nhà kho sẽ đến.

Những người Yonaka đã nói như vầy:

"Tâu Đại vương, Đại vương thì khôn ngoan, còn vị Tỳ-khưu là sáng trí."

"Này các khanh, đúng vậy. Vị Trưởng lão là bậc sáng trí. Người như vầy có thể là thầy dạy học, và người học trò như trẫm không bao lâu nữa có thể trở thành bậc sáng trí, có thể hiểu được giáo pháp."

Được hoan hỷ với lời giải thích các câu hỏi của vị ấy, đức Vua đã choàng lên vị Trưởng lão Nāgasena tấm mền len trị giá một trăm ngàn rồi nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, kể từ hôm nay, trẫm sẽ cho chuẩn bị một trăm lẻ tám phần ăn dâng Ngài. Và bất cứ vật gì đúng phép có ở nội thành, trẫm thỉnh cầu Ngài về vật ấy.

– Tâu Đại vương, tôi vừa đủ sống.

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm biết Ngài [vừa đủ] sống. Tuy nhiên, xin Ngài hãy bảo vệ bản thân và xin Ngài hãy bảo vệ trẫm. Ngài hãy bảo vệ bản thân nghĩa là thế nào? Lời phát biểu của những người khác có thể xảy đến là: "Nāgasena đã tạo niềm tin cho đức Vua Milinda, nhưng đã không nhận được vật gì"; Ngài hãy bảo vệ bản thân nghĩa là như vậy. Ngài hãy bảo vệ trẫm nghĩa là thế nào? Lời phát biểu của những người khác có thể xảy đến là: "Đức Vua Milinda đã được tịnh tín mà không bày tỏ biểu hiện đã được tịnh tín"; Ngài hãy bảo vệ trẫm nghĩa là như vậy.

– Tâu Đại vương, hãy là như vậy.

– Thưa Ngài, cũng giống như con sư tử, chúa của loài thú, bị ném vào trong cái chuồng bằng vàng, nhưng khuôn mặt chỉ hướng ra ngoài, thưa Ngài, tương tợ y như thế, trẫm dầu sống ở gian nhà nào đó, tuy vẫn tồn tại nhưng khuôn mặt chỉ hướng ra ngoài. Thưa Ngài, nếu trẫm có thể rời nhà xuất gia sống không nhà, trẫm không thể sống thọ vì trẫm có nhiều kẻ thù.

Khi ấy, Đại đức Nāgasena, sau khi trả lời câu hỏi của đức Vua Milinda, đã

từ chỗ ngồi đứng dậy đi về tu viện của hội chúng. Và khi Đại đức Nāgasena ra đi không bao lâu, đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: "Điều gì đã được ta hỏi, điều gì đã được Ngài Đại đức trả lời?" Khi ấy đức Vua Milinda đã khởi ý điều này: "Tất cả đã được ta hỏi đúng đắn, tất cả đã được Ngài Đại đức trả lời đúng đắn." Khi đi về lại tu viện của hội chúng, Đại đức Nāgasena cũng đã khởi ý điều này: "Điều gì đã được đức Vua Milinda hỏi, điều gì đã được ta trả lời?" Khi ấy Đại đức Nāgasena đã khởi ý điều này: "Tất cả đã được đức Vua Milinda hỏi đúng đắn, tất cả đã được ta trả lời đúng đắn."

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Đại đức Nāgasena vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ ngụ của đức Vua Milinda, sau khi đến đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đảnh lễ Đại đức Nāgasena rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

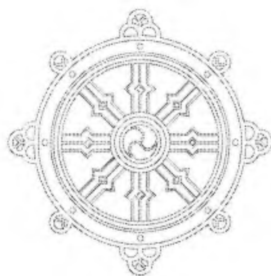
– Mong rằng Ngài Đại đức chớ khởi ý như vầy: "Chính vì Nāgasena đã được ta hỏi câu hỏi rồi do tâm hoan hỷ đã không ngủ trọn đêm qua." Xin Ngài đừng nhận thấy như vậy. Thưa Ngài, trọn đêm qua trẫm đây đã khởi ý điều này: "Điều gì đã được ta hỏi, điều gì đã được Ngài Đại đức trả lời?" Tất cả đã được ta hỏi đúng đắn, tất cả đã được Ngài Đại đức trả lời đúng đắn.

Vị Trưởng lão cũng đã nói như vầy:

– Mong rằng Đại vương chớ khởi ý như vầy: "Chính vì đức Vua Milinda đã được ta trả lời câu hỏi, rồi do tâm hoan hỷ đã thức trọn đêm qua." Xin Đại vương đừng nhận thấy như vậy. Tâu Đại vương, trọn đêm qua tôi đây đã khởi ý điều này: "Điều gì đã được đức Vua Milinda hỏi, điều gì đã được ta trả lời?" Tất cả đã được đức Vua Milinda hỏi đúng đắn, tất cả đã được ta trả lời đúng đắn.

Như thế, hai bậc đại long tượng ấy đã cùng tùy hỷ về việc đã khéo ăn nói với nhau.

"Việc hỏi và trả lời các câu hỏi của Milinda" được đầy đủ.



PHẦN MỞ ĐẦU CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI
(*MEṆḌAKAPAÑHĀRAMBHO*)

"Là người hiểu biết về tranh luận, biết cách biện luận, rất thông minh, sắc sảo, Milinda đã đến gặp Nāgasena nhằm phân tích về trí tuệ.

Trong khi sống dưới bóng che của vị ấy, trong khi hỏi đi hỏi lại, sau khi trí thông minh đã được mở ra, đức Vua cũng đã trở thành vị thông hiểu Tam tạng.

Sau khi đã đi đến nơi thanh vắng, trong khi suy gẫm về chín thể loại trọn đêm, đức Vua đã nhận thấy những câu hỏi khó tháo gỡ, có sự bắt bẻ.

Trong giáo pháp của đấng Pháp Vương, có lời nói có tính giảng giải, có lời nói về sự liên hệ, có lời nói về bản chất.

Do không hiểu được ý nghĩa của chúng, về những vấn đề đối chọi trong lời dạy của đấng Chiến Thắng vào thời vị lai xa xôi, sẽ có sự tranh cãi về chúng.

Vậy thì sau khi đã có niềm tin vào vị thuyết giảng, ta sẽ khiến cho các vấn đề đối chọi được chia chẻ. Trong ngày vị lai, người ta sẽ giải thích theo đường lối đã được giải thích của vị ấy."

1. Sau đó, lúc đêm đã tỏ bình minh đã rạng, đức Vua Milinda đã gội đầu, chắp tay lên ở trán, tưởng niệm đến chư Phật Toàn Giác quá khứ vị lai và hiện tại, đã thọ trì tám phận sự hành trì rằng: "Từ hôm nay cho đến bảy ngày sắp tới của trẫm, trẫm sẽ thọ trì tám đức tính, sẽ thực hành pháp đạo sĩ. Trong khi có pháp đạo sĩ đã được hoàn thành, trẫm đây sẽ làm cho vị thầy dạy học được hài lòng và sẽ hỏi các câu hỏi có tính chất đối chọi."

Sau đó, đức Vua Milinda đã bỏ đi cặp vải thường nhật, đã cởi ra các đồ trang sức, rồi mặc vào tấm vải ca-sa, buộc búi tóc của người tu ở trên đầu, đạt đến trạng thái của vị hiền sĩ, và thọ trì tám đức hạnh là: "Bảy ngày này, trẫm không chỉ bảo công việc triều chính; không sanh khởi tâm liên hệ đến ái luyến; không sanh khởi tâm liên hệ với sân hận; không sanh khởi tâm liên hệ đến si mê; có lối cư xử nhã nhặn với kẻ nô bộc, người làm, người hầu hạ; hộ trì thân khẩu; hộ trì toàn diện luôn cả sáu xứ; hướng tâm vào việc tu tập từ ái."

Rồi đức Vua đã thọ trì tám đức hạnh này, đã thiết lập tâm ý vào chính tám đức hạnh ấy, đã không đi ra bên ngoài và đã trải qua bảy ngày. Vào ngày thứ tám, khi đêm đã tỏ rạng, sau khi dùng điểm tâm rất sớm, đức Vua Milinda, với mắt nhìn xuống, với lời nói cân nhắc, với bốn oai nghi khéo được ổn định, với tâm không tán loạn, mừng rỡ, phấn chấn, tịnh tín, đã đi đến gặp Trưởng lão Nāgasena, sau khi đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của vị Trưởng lão rồi đứng ở một bên và nói điều này:

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm có vấn đề cần thảo luận với Ngài, không muốn có người thứ ba nào khác ở nơi ấy, là ở chỗ trống vắng, ở khu rừng tách biệt đạt được tám điều kiện thích hợp cho các vị Sa-môn, tại đó câu hỏi ấy sẽ được hỏi, tại đó trẫm sẽ không giữ bí mật, sẽ không giấu giếm, trẫm xứng đáng để nghe điều được giấu kín khi sự thảo luận tốt đẹp đã đạt đến. Vấn đề ấy nên được xem xét thậm chí bằng ví dụ. Giống như là điều gì? Thưa Ngài Nāgasena, giống như trái đất vĩ đại là xứng đáng cho việc cất giấu khi việc cất giấu xảy đến, thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, trẫm xứng đáng để nghe điều được giấu kín khi sự thảo luận tốt đẹp đã đạt đến.

2. Sau đó, đức Vua đã đi vào khu rừng rậm tách biệt cùng với vị thầy và nói điều này:

– **Thưa Ngài Nāgasena, ở đây người có ý định thảo luận có tám nơi cần xa lánh.** Người có sự hiểu biết không thảo luận ở những nơi ấy. Vấn đề dầu đã được thảo luận sẽ bị đổ vỡ, không thành tựu. Là tám nơi nào?

Nơi không bằng phẳng nên được xa lánh, có sự lo sợ nên được xa lánh, nơi có gió mạnh nên được xa lánh, nơi được che kín nên được xa lánh, nơi của chư thiên nên được xa lánh, đường lộ nên được xa lánh, chỗ qua lại nên được xa lánh, bến nước nên được xa lánh. Tám nơi này nên được xa lánh.

3. Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Có điều sai trái gì ở nơi không bằng phẳng, có sự lo sợ, có gió mạnh, được che kín, ở nơi của chư thiên, ở đường lộ, ở chỗ qua lại, ở bến nước?

– Thưa Ngài Nāgasena, vấn đề được thảo luận ở nơi không bằng phẳng sẽ tản mạn, tiêu tan, nhỏ giọt, không thành tựu.

Ở nơi có sự lo sợ thì tâm ý bị khuấy động. Khi bị khuấy động thì không theo dõi vấn đề một cách đúng đắn.

Ở nơi có gió mạnh thì âm thanh không rõ.

Ở nơi được che kín thì nhiều người đứng nghe lén.

Ở nơi của chư thiên thì vấn đề được thảo luận trở thành nghiêm trọng.

Ở đường lộ thì vấn đề được thảo luận trở thành vô bổ.

Ở chỗ qua lại thì trở nên thất thường.

Ở bến nước thì trở nên lộ liễu.

Vậy ở đây là:

Nơi không bằng phẳng, có sự lo sợ, có gió mạnh, được che kín, được chư thiên ngự, đường lộ, chỗ qua lại, bến nước, tám nơi này nên được xa lánh.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, có tám hạng người này, trong khi thảo luận, họ làm hỏng vấn đề được thảo luận. Là tám hạng nào? Hạng có tánh ái luyến, hạng có tánh sân, hạng có tánh si, hạng có tánh ngã mạn, hạng tham lam, hạng lười biếng, hạng suy nghĩ một chiều, hạng ngu dốt. Tám hạng người này làm hỏng vấn đề được thảo luận.

5. Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Những người ấy có sự sai trái gì?

– Thưa Ngài Nāgasena, hạng có tánh ái luyến làm hỏng vấn đề được thảo luận do tác động của sự ái luyến. Hạng có tánh sân làm hỏng vấn đề được thảo luận do tác động của sân. Hạng có tánh si làm hỏng vấn đề được thảo luận do tác động của si. Hạng có tánh ngã mạn làm hỏng vấn đề được thảo luận do tác động của ngã mạn. Hạng tham lam làm hỏng vấn đề được thảo luận do tác động của tham. Hạng lười biếng làm hỏng vấn đề được thảo luận do sự lười biếng. Hạng suy nghĩ một chiều làm hỏng vấn đề được thảo luận do sự suy nghĩ một chiều. Hạng ngu dốt làm hỏng vấn đề được thảo luận do sự ngu dốt.

Vậy ở đây là:

Hạng bị ái luyến, sân hận, si mê, ngã mạn, tham lam, lười biếng là tương tợ, có suy nghĩ một chiều và ngu dốt. Các hạng người này làm hư hỏng vấn đề.

6. – Thưa Ngài Nāgasena, chín hạng người này bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận. Là chín hạng nào? Hạng có tánh ái luyến, hạng có tánh sân, hạng có tánh si, hạng hèn nhát, hạng nặng về vật chất, phụ nữ, hạng nghiện ngập, hạng vô căn, trẻ con.

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Những người ấy có sự sai trái gì?

– Thưa Ngài Nāgasena, hạng có tánh ái luyến bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sự ái luyến.

Hạng sân hận bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sân.

Hạng si mê bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của si.

Hạng hèn nhát bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tác động của sự sợ hãi.

Hạng nặng về vật chất bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận vì lý do vật chất.

Phụ nữ bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh hay thay đổi.

Hạng nghiện ngập bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh thèm rượu.

Hạng vô căn bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh không kiên quyết.

Trẻ con bộc lộ, không gìn giữ điều bí mật đã được thảo luận do tánh lao chao.

Vậy ở đây là:

Hạng bị ái luyến, sân hận, si mê, hèn nhát, xem trọng vật chất, phụ nữ, kẻ nghiện ngập, vô căn và thứ chín là trẻ con.

Chín hạng người này ở trên đời là hay thay đổi, bị dao động, chao đảo, vì những người này điều bí mật đã được thảo luận mau chóng trở thành phổ biến.

8.[1] **– Thưa Ngài Nāgasena, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi do tám lý do. Do tám lý do gì?**

Do sự tiến triển của tuổi tác, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự tiến triển của danh tiếng, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do học hỏi, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự sống gần gũi với vị lãnh đạo tinh thần, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự chú tâm đúng đắn, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự bàn luận, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sự phục vụ với lòng thương, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Do sống ở xứ sở thích hợp, tánh giác tiến triển đi đến chín muồi.

Vậy ở đây là:

Do tuổi tác, danh tiếng, học hỏi, do sống với vị lãnh đạo tinh thần, [chú tâm] đúng đắn, do bàn luận, do sự phục vụ với lòng thương và do sống ở xứ sở thích hợp.

Tám sự việc này làm cho tánh giác được rõ ràng. Những người nào có các điều này được hiện hữu thì tánh giác của họ được đánh thức.

9. – Thưa Ngài Nāgasena, phần lãnh thổ này được xa lánh tám điều sai trái đối với các nhà tư tưởng. Và trẫm ở thế gian là người bạn tối thắng của các nhà tư tưởng, trẫm có sự gìn giữ điều được bí mật. Trẫm sẽ gìn giữ điều được bí mật cho đến khi nào trẫm còn sống. Và tánh giác của trẫm đã đạt đến sự tiến triển nhờ vào tám lý do. Hiện nay người học trò thực hành đúng đắn như trẫm là khó kiếm được. Các vị thầy có hai mươi lăm đức tính của vị thầy đối với người học trò. Vị thầy nên thực hành đúng đắn các đức tính ấy. Là hai mươi lăm đức tính nào?

Thưa Ngài, ở đây đối với người học trò, vị thầy nên thiết lập sự hộ trì một cách thường xuyên liên tục;

Nên biết sự thân cận hay không thân cận;

Nên biết tình trạng xao lãng hay không xao lãng;

Nên biết về trường hợp cho phép nằm;

Nên biết về sự bệnh hoạn;

Nên biết vật thực đã được nhận hay chưa được nhận;

Nên biết về cá tánh;

Nên phân phát vật đã có ở bình bát;

Nên an ủi rằng: "Chớ lo sợ, điều tốt lành sẽ đến cho con";

[1] Nguyên bản Pāḷi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 7. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

Nên biết về sự tiếp xúc: "Nó tiếp xúc với nhân vật này";

Nên biết về sự tiếp xúc ở trong làng;

Nên biết về sự tiếp xúc ở trong chỗ cư ngụ;

Không nên cười đùa giỡn hớt với người ấy;

Sau khi nhìn thấy yếu điểm nên nhẫn nại;

Nên là người có hành động thận trọng;

Nên là người có hành động không nhỏ mọn;

Nên là người có hành động không khuất lấp;

Nên là người có hành động không thừa thãi;

Nên thiết lập tâm của người đào tạo rằng: "Ta đào tạo người này về các ngành nghề";

Nên thiết lập tâm về sự tiến triển: "Làm thế nào để người này không thể bị suy giảm?"

Nên thiết lập tâm: "Ta đào tạo người này trở nên mạnh mẽ với sự mạnh mẽ của việc học tập";

Nên thiết lập tâm từ;

Không nên bỏ rơi trong các trường hợp bất hạnh;

Không nên xao lãng việc cần làm;

Nên sách tấn bằng pháp khi [học trò] bị lỗi lầm.

Thưa Ngài, đây là hai mươi lăm đức tính của vị thầy được dành cho vị thầy. Xin Ngài hãy thực hành đúng đắn đối với trẫm bằng các đức tính này. Thưa Ngài, có điều hoài nghi đã sanh khởi đến trẫm: Có những câu hỏi đối chọi đã được thuyết giảng bởi đấng Chiến Thắng. Vào thời vị lai xa xôi, sẽ nảy sanh sự tranh cãi về chúng, và vào thời vị lai xa xôi, các bậc Giác ngộ như Ngài sẽ khó đạt được. Xin Ngài hãy cho ý kiến về những câu hỏi ấy của trẫm vì sự bắt bẻ của các học thuyết khác.

Vị Trưởng lão đã chấp thuận rằng: "Tốt lắm", rồi đã làm sáng tỏ về mười đức tính cư sĩ dành cho người cư sĩ.

– **Tâu Đại vương, mười đức tính cư sĩ này là dành cho người cư sĩ**. Là mười đức tính gì?

Tâu Đại vương, ở đây người cư sĩ cùng vui cùng khổ với hội chúng;

Có pháp là chủ;

Yêu thích việc san sẻ tùy theo khả năng;

Sau khi nhìn thấy sự suy đồi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng thì nỗ lực cho sự phát triển;

Là người có chánh kiến, xa rời lễ hội náo nhiệt, không tuyên bố theo giáo chủ khác thậm chí vì nguyên nhân mạng sống;

Thân và khẩu của người này được gìn giữ;

Có sự vui thích trong sự hợp nhất, ưa thích sự hợp nhất, là người không ganh tỵ, và không thực hành giáo pháp theo cách dối trá;

Đã đi đến nương nhờ vào đức Phật;

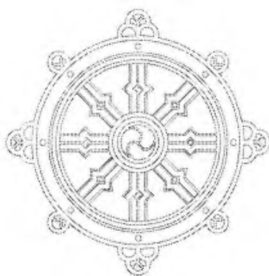
Đã đi đến nương nhờ vào giáo pháp;

Đã đi đến nương nhờ vào hội chúng;

Tâu Đại vương, mười đức tính cư sĩ này là dành cho người cư sĩ.

Tất cả mười đức tính ấy được tìm thấy ở Đại vương. Điều ấy được gắn bó, được đạt đến, là thích đáng, là phù hợp đối với Đại vương, là việc sau khi nhìn thấy sự suy đồi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng thì Đại vương mong muốn sự phát triển. Tôi cho phép Đại vương. Đại vương hãy hỏi tôi một cách thoải mái.

Dứt Lời giảng về phần mở đầu các câu hỏi đối chọi.



CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI
(*MEṆḌAKAPAÑHĀ*)

I. PHẨM NĂNG LỰC CỦA THẦN THÔNG
(*IDDHIBALAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ VIỆC KHÔNG THỌ NHẬN CÚNG DƯỜNG
(*Pūjā-appaṭiggahanapañho*)

1. Khi ấy, đức Vua Milinda, với sự đã được cho phép, đã cúi xuống ở hai bàn chân của vị thầy, rồi đã chắp tay lên ở đầu và nói điều này:

– **Thưa Ngài Nāgasena, các giáo chủ tà giáo này nói như vầy: "Nếu đức Phật ưng thuận sự cúng dường thì đức Phật chưa đạt Niết-bàn, còn bị gắn bó với đời, còn ở trong đời, còn chung chạ với đời. Vì thế, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là vô ích, không có quả báo. Nếu đã đạt Niết-bàn thì Ngài không còn gắn bó với đời, đã tách rời khỏi tất cả các hữu, sự cúng dường đến Ngài không phát sanh nữa. Người đã đạt Niết-bàn, không ưng thuận điều gì. Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo."** Câu hỏi này có cả hai khía cạnh. Lãnh vực này không dành cho những kẻ có tâm trí chưa đạt, lãnh vực này chỉ dành cho những bậc vĩ đại. Xin Ngài hãy phá vỡ mạng lưới tà kiến này. Xin Ngài hãy xác định về điều chắc thật. Câu hỏi này được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy ban cho sự nhận thức đến những người con của đấng Chiến Thắng trong ngày vị lai để phản bác lại các học thuyết khác.

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt Niết-bàn, và đức Thế Tôn không ưng thuận sự cúng dường. Ngay tại cội cây Bồ-đề, sự ưng thuận của đức Như Lai đã được dứt bỏ, vậy thì còn điều gì nữa đối với vị đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót? Tâu Đại vương, điều này cũng đã được vị trưởng lão Tướng quân Chánh pháp Sāriputta nói đến:

Các bậc tương đương với đấng Vô Song, trong khi được cúng dường bởi chư thiên và nhân loại, các vị ấy không ưng thuận sự tôn vinh; điều ấy là lẽ tự nhiên của chư Phật.

2. Đức Vua đã nói rằng:

– Thưa Ngài Nāgasena, con nói lời ca ngợi cha, cha nói lời khen ngợi con, điều này không phải là lý do để phản bác lại các học thuyết khác. Điều này gọi

là lời tuyên bố về niềm tin. Vậy xin Ngài hãy nói rõ ràng cho trẫm lý do về trường hợp ấy nhằm thiết lập học thuyết của mình và nhằm việc tháo tung mạng lưới tà kiến.

Vị Trưởng lão đã nói rằng:

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt Niết-bàn, và đức Thế Tôn không ưng thuận sự cúng dường. Chư thiên và nhân loại, trong khi thực hiện nền đất cho báu vật Xá-lợi của đức Như Lai dẫu cho Ngài không ưng thuận và trong khi đeo đuổi pháp hành đúng đắn với đề mục là báu vật trí tuệ của đức Như Lai, vẫn đạt được ba sự thành tựu.[1] Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn bốc cháy rồi tắt ngấm, tâu Đại vương phải chăng khối lửa ấy cũng ưng thuận việc bám víu vào cỏ và củi?

– Thưa Ngài, ngay cả trong khi đang cháy, khối lửa lớn ấy cũng không ưng thuận việc bám víu vào cỏ và củi, vậy thì việc gì lại ưng thuận khi đã tắt ngấm, được yên lặng, không còn tâm thức?

– Tâu Đại vương, phải chăng khi khối lửa lớn ấy đã ngừng nghỉ, được yên lặng, thì không còn ngọn lửa ở thế gian?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, củi là nền tảng, là sự bám víu của ngọn lửa. Thưa Ngài, bất cứ những người nào có ước muốn về lửa, những người ấy xoay tròn nhánh củi bằng thể lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân; do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh ngọn lửa, rồi với ngọn lửa ấy làm các công việc được làm bởi ngọn lửa.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy, lời nói của các giáo chủ tà giáo: "Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo" là sai trái. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã bốc cháy, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn đã bốc cháy với vẻ rực rỡ của vị Phật trong mười ngàn thế giới. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn bốc cháy rồi tắt ngấm, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn sau khi bốc cháy với vẻ rực rỡ của vị Phật trong mười ngàn thế giới rồi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã tắt ngấm thì không còn ưng thuận việc bám víu vào cỏ và củi, tương tợ y như thế, sự ưng thuận của đấng Phúc Lợi Thế Gian là đã được dứt bỏ, được yên lặng. Tâu Đại vương, giống như khi khối lửa đã tắt ngấm, không còn bám víu, những người xoay tròn nhánh củi bằng thể lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân; do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh ngọn lửa, rồi với ngọn lửa ấy làm các công việc được làm bởi ngọn lửa, tương tợ y như thế, chư thiên và nhân loại sau khi thực hiện nền đất cho báu vật Xá-lợi của đức Như Lai dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, và trong khi đeo đuổi pháp hành đúng đắn với đề mục là báu vật trí tuệ của đức Như Lai, vẫn đạt được ba sự thành tựu. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

---

[1] Ba sự thành tựu là thành tựu cõi trời, thành tựu cõi người và thành tựu Niết-bàn. (ND)

3. – Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn thổi qua rồi ngừng nghỉ, tâu Đại vương phải chăng cơn gió đã ngừng nghỉ ấy cũng ưng thuận việc sanh lên lần nữa?

– Thưa Ngài, cơn gió đã ngừng nghỉ hẳn, không có tư tưởng hoặc tác ý cho việc sanh lên lần nữa. Vì lý do gì? Bản chất của gió ấy là không có suy tư.

– Tâu Đại vương, phải chăng có việc nhận biết về "cơn gió" khi cơn gió ấy đã ngừng nghỉ?

– Thưa Ngài, không có. Cành lá thốt nốt và cây quạt là điều kiện để tạo ra cơn gió. Những người nào bị bực bội bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng, những người ấy bằng thể lực, sức mạnh và sự nỗ lực của bản thân, do việc làm của mỗi cá nhân thì làm phát sanh lên cơn gió với cành lá thốt nốt hoặc với cây quạt rồi làm dập tắt sự nóng nực, làm dịu đi sự đốt nóng.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy, lời nói của các giáo chủ tà giáo: "Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo" là sai trái. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn đã thổi qua, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn đã thổi đến cơn gió mát mẻ, ngọt ngào, êm dịu và từ ái ở mười ngàn thế giới. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn thổi qua rồi ngừng nghỉ, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn sau khi thổi đến cơn gió mát mẻ, ngọt ngào, êm dịu và từ ái rồi đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn, không còn dư sót. Tâu Đại vương, giống như cơn gió lớn đã ngừng nghỉ thì không còn ưng thuận việc sanh lên lần nữa, tương tợ y như thế, sự ưng thuận của đấng Phúc Lợi Thế Gian là đã được dứt bỏ, được yên lặng.

Tâu Đại vương, giống như những người ấy bị bực bội bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng; tương tợ y như thế, chư thiên và nhân loại bị hành hạ bởi sức nóng bởi sự đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại [tham, sân, si]. Giống như cành lá thốt nốt và cây quạt là điều kiện để tạo ra cơn gió, tương tợ y như thế, Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai là điều kiện cho việc đạt được ba sự thành tựu. Giống như những người bị bực bội bởi sức nóng, bị hành hạ bởi sự đốt nóng thì làm phát sanh lên cơn gió với cành lá thốt nốt hoặc với cây quạt rồi làm tắt ngấm sự nóng nực, làm dịu đi sự đốt nóng; tương tợ y như thế, chư thiên và nhân loại sau khi cúng dường Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, sau khi làm phát sanh pháp thiện, với pháp thiện ấy làm tắt ngấm, làm dịu sự nóng nực và sự đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

4. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa để phản bác lại các học thuyết khác. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông sau khi vỗ vào cái

trống thì tạo ra âm thanh; âm thanh nào của cái trống đã được tạo ra bởi người đàn ông thì âm thanh ấy sẽ biến mất. Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ấy cũng ưng thuận việc tạo ra lần nữa?

– Thưa Ngài, không đúng. Âm thanh ấy đã biến mất, nó không có tư tưởng hoặc tác ý cho việc sanh lên lần nữa. Khi âm thanh của cái trống đã được tạo ra một lần rồi biến mất, âm thanh của cái trống ấy được chấm dứt. Thưa Ngài, tuy nhiên cái trống là điều kiện cho việc tạo ra âm thanh. Và người đàn ông khi có điều kiện vỗ vào cái trống bằng sự nỗ lực của chính mình thì tạo ra âm thanh.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn, sau khi xác lập báu vật Xá-lợi, cùng với Pháp, Luật, và lời giáo huấn đã được phát triển toàn vẹn nhờ vào giới, định, tuệ, giải thoát, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát chính là bậc Đạo Sư, rồi đã tự mình viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Và không phải khi đức Thế Tôn đã viên tịch Niết-bàn thì việc đạt được các sự thành tựu là bị gián đoạn. Các chúng sanh bị hành hạ bởi khổ đau ở sự hiện hữu, sau khi sử dụng báu vật Xá-lợi, Pháp, Luật và lời giáo huấn làm điều kiện, rồi có ước muốn về sự thành tựu thì đạt được các sự thành tựu. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã nhìn thấy, đã thuyết giảng, đã nói lên, đã phát biểu về điều ấy cho thời vị lai xa xôi rằng: "*Này Ānanda, nếu các ngươi khởi ý như vầy: 'Có lời dạy của đấng Đạo sư trong quá khứ, còn [hiện nay] chúng ta không có bậc Đạo sư. Này Ānanda, điều này không nên được nhận thức như thế. Này Ānanda, Pháp và Luật nào đã được thuyết giảng, đã được quy định bởi Ta, Pháp và Luật ấy, sau khi Ta tịch diệt, là bậc Đạo sư của các ngươi.*'" Về lời nói ấy của các giáo chủ tà giáo ấy rằng: "Đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là vô ích, không có quả báo" là sai trái, không là sự thật, lìa sự chân thật, không đúng, là mâu thuẫn, là sai lệch, tạo sự khổ đau, có kết quả khổ đau, dẫn đến địa ngục.

5. – Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng đại địa cầu này ưng thuận rằng: "Tất cả hạt giống hãy mọc lên ở nơi ta"?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao các hạt giống ấy, trong khi đại địa cầu không ưng thuận, lại mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả?

– Thưa Ngài, mặc dầu không ưng thuận đại địa cầu vẫn là nền tảng và tạo điều kiện cho sự phát triển của các hạt giống ấy. Các hạt giống ấy nương vào nền tảng ấy, nhờ vào điều kiện ấy mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy các giáo chủ tà giáo đã bị hư hoại, bị thất bại, bị mâu thuẫn ở lời nói của họ nếu họ nói rằng: "Hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là vô ích, không có quả báo." Tâu Đại vương, đại địa cầu như thế nào thì đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri như thế ấy. Tâu Đại vương, đại địa cầu không ưng thuận bất cứ điều gì như thế nào thì đức Như Lai không ưng thuận bất cứ điều gì như thế ấy. Tâu Đại vương, các hạt giống ấy nương vào trái đất mọc lên, tạo lập chùm rễ vững chãi, có thân cây, lõi cây và cành cây tỏa rộng xung quanh, có mang hoa và quả như thế nào, thì chư thiên và nhân loại nương vào Xá-lợi và báu vật trí tuệ của đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, rồi tạo lập nền tảng vững chãi về pháp thiện, có thân cây là định, lõi cây là pháp và cành cây là giới tỏa rộng xung quanh, có mang hoa là sự giải thoát và quả là bản thể Sa-môn như thế ấy. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

6. – Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng các con lạc đà, các con bò, các con lừa, các con dê, các con thú, các con người này ưng thuận sự hiện hữu của các dòng họ giun sán ở trong bụng?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao trong khi chúng không ưng thuận mà các con giun sán ấy lại hiện hữu và vô số con cháu lại đạt được sự phát triển ở trong bụng của chúng?

– Thưa Ngài, do năng lực của nghiệp ác mà các con giun sán ấy hiện hữu và vô số con cháu đạt được sự phát triển ở trong bụng của các chúng sanh ấy mặc dầu chúng không ưng thuận.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do năng lực của Xá-lợi và báu vật trí tuệ, dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai là không vô ích, có quả báo.

7. – Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, phải chăng các con người này ưng thuận rằng: "Chín mươi tám loại bệnh này hãy sanh lên ở thân thể"?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao các loại bệnh ấy lại giáng xuống thân thể của những người không ưng thuận?

– Thưa Ngài, do ác hạnh đã làm ở thời quá khứ.

– Tâu Đại vương, nếu điều bất thiện đã làm ở thời quá khứ có thể được cảm thọ ở đây, tâu Đại vương, chính vì điều ấy nghiệp thiện hoặc bất thiện đã làm

ở thời quá khứ cũng như đã làm ở đây là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

8. – Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương có được nghe trước đây rằng dạ-xoa tên Nandaka sau khi công kích vị Trưởng lão Sāriputta đã bị rơi vào trong trái đất?

– Thưa Ngài, đúng vậy, có được nghe. Điều ấy là rõ rệt ở thế gian.

– Tâu Đại vương, phải chăng Trưởng lão Sāriputta đã ưng thuận việc nuốt vào của trái đất đối với dạ-xoa Nandaka?

– Thưa Ngài, ngay cả khi thế gian có cả chư thiên đang bị vỡ ra, ngay cả khi mặt trăng và mặt trời đang bị rơi xuống ở mặt đất, ngay cả khi núi chúa Sineru đang bị vỡ tung tóe, Trưởng lão Sāriputta cũng không ưng thuận sự khổ đau của người khác. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Do nhân nào mà Trưởng lão Sāriputta có thể nổi giận hoặc sân hận, nhân ấy đối với Trưởng lão Sāriputta đã được nhổ bỏ, đã được trừ tuyệt. Thưa Ngài, do tính chất đã được nhổ bỏ của nhân mà Trưởng lão Sāriputta không thể nào giận dữ dầu có liên quan đến việc bị tước đoạt mạng sống.

– Tâu Đại vương, nếu Trưởng lão Sāriputta đã không ưng thuận việc nuốt vào của trái đất đối với dạ-xoa Nandaka, vậy thì tại sao dạ-xoa Nandaka lại rơi vào trong trái đất?

– Thưa Ngài, do năng lực của nghiệp bất thiện.

– Tâu Đại vương, nếu do năng lực của nghiệp bất thiện mà dạ-xoa Nandaka rơi vào trong trái đất thì sự xúc phạm đã làm đến người dầu là không ưng thuận cũng là không vô ích, có quả báo. Tâu Đại vương, chính vì điều ấy do năng lực của nghiệp thiện, "hành động hướng thượng được làm đến người không ưng thuận là không vô ích, có quả báo."

Tâu Đại vương, cũng vì lý do này dẫu cho đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, hành động hướng thượng được làm đến Ngài là không vô ích, có quả báo.

9. Tâu Đại vương, vào thời bấy giờ những người đã rơi vào trong trái đất là bao nhiêu? Đại vương có được nghe về trường hợp ấy không?

– Thưa Ngài, đúng vậy, có được nghe.

– Tâu Đại vương, vậy xin Đại vương hãy cho nghe với.

– Thưa Ngài, là "thiếu nữ Ciñcā, Suppabuddha dòng Sakya, Trưởng lão Devadatta, dạ-xoa Nandaka và thanh niên Nanda." Thưa Ngài, điều này trẫm đã được nghe, năm người này đã rơi vào trong trái đất.

– Tâu Đại vương, những người ấy đã xúc phạm đến ai?

– Thưa Ngài, đến đức Thế Tôn và các vị Thinh văn.

– Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn hay các vị Thinh văn đã ưng thuận việc hút vào của trái đất đối với những người này?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy hành động hướng thượng được làm đến đức Như Lai, dẫu cho Ngài đã viên tịch Niết-bàn, không còn ưng thuận, là không vô ích, có quả báo.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi thâm sâu đã khéo được giảng giải, đã được làm rõ, điều bí mật đã được phơi bày, nút thắt đã được mở ra, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị hư hoại, quan điểm xấu đã bị đổ vỡ, các giáo chủ tà giáo đã không còn hào quang phát sanh, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng.

"Câu hỏi về việc không thọ nhận cúng dường" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC THẾ TÔN (*Bhagavato sabbaññutāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Phật là đấng Toàn Tri?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là đấng Toàn Tri. Tuy nhiên đối với đức Thế Tôn, sự biết và thấy không hiện diện một cách thường xuyên, liên tục. Trí toàn tri của đức Thế Tôn gắn liền vào sự hướng tâm. Sau khi hướng tâm thì Ngài biết theo như ý muốn.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì đức Phật là không toàn tri, nếu trí toàn tri của Ngài là do sự suy tầm.

– Tâu Đại vương, có một trăm xe lúa, mỗi xe là bảy tạ rưỡi và hai giạ lúa.[2] Chừng ấy trăm ngàn hạt lúa có thể được xác định, có thể đạt đến kết quả cuối cùng bởi tâm được vận hành trong khoảng thời gian một khảy móng tay. Ở đây, có bảy loại tâm này vận hành: Tâu Đại vương, những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất chưa được tu tập của tâm.

Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre được tỏa ra, rậm rạp, lan rộng, bị kết chùm chưa được gỡ ra, bị rối rắm với những cụm cành lá, trong khi được lôi kéo thì sự chuyển động là trì trệ, chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra của các cành. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm

[2] Ammaṇaṃ và tumba: Là hai đơn vị đo lường, được phỏng dịch là tạ (100 kg) và giạ (40 lít) vì không tìm được ý nghĩa chính xác. (ND)

chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra bởi các phiền não. Đây là loại tâm thứ nhất.

2. Ở đây, có loại tâm thứ nhì này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Nhập lưu có các cõi khổ đã được đóng lại, đã đạt được chánh kiến, đã nhận thức được giáo pháp của bậc Đạo Sư, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp,[3] sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên.

Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở ba lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến ba lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là bậc Nhập lưu có các cõi khổ đã được đóng lại, đã đạt được chánh kiến, đã nhận thức được giáo pháp của bậc Đạo Sư, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thứ nhì.

3. Ở đây, có loại tâm thứ ba này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Nhất lai có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp,[4] sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở năm lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến năm lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là bậc Nhất lai có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp. Đây là loại tâm thứ ba.

4. Ở đây, có loại tâm thứ tư này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc Bất lai có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ, tâm

---

[3] Ba trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. (ND)

[4] Năm trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục và sân hận. (ND)

ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp,[5] sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở mười lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến mười lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là bậc Bất lai có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thứ tư.

5. Ở đây, có loại tâm thứ năm này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là bậc A-la-hán có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thinh văn, tâm của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thinh văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Độc Giác. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thinh văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Tâu Đại vương, giống như đối với cành tre đã được tỉa sạch các mắt ở tất cả các lóng, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng, không bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tỉa sạch ở tất cả các lóng, vì tính chất không còn bám víu của thân cây tre. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là bậc A-la-hán có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của bản thân đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thinh văn, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thinh văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Độc Giác. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thinh văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Đây là loại tâm thứ năm.

[5] Mười trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục, sân hận, ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh. (ND)

6. Ở đây, có loại tâm thứ sáu này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là Phật Độc Giác, bậc Tự Chủ, không thầy, độc hành tợ như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bợn nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Toàn Tri. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toàn Tri.

Tâu Đại vương, giống như người nam có thể băng qua con sông nhỏ thuộc phạm vi của mình vào ban đêm lẫn ban ngày, theo như ước muốn, không bị hãi sợ, nhưng sau đó khi nhìn thấy đại dương sâu thẳm, mênh mông, không thể ước lượng, không có bờ bên kia, có thể hãi sợ, có thể ngần ngại, không dám vượt qua. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được quen thuộc ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại của đại dương. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là Phật Độc Giác, bậc Tự Chủ, không thầy, độc hành tợ như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bợn nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Toàn Tri. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toàn Tri. Đây là loại tâm thứ sáu.

7. Ở đây, có loại tâm thứ bảy này đạt được sự xếp loại. Tâu Đại vương, những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc Nắm Giữ Mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, là đấng Chiến Thắng Vô Biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Tâu Đại vương, phải chăng có sự vụng về hoặc sự vướng víu của mũi tên khéo được làm sạch sẽ, không bợn nhơ, không có mắc mứu, có thân mềm mại, không bị uốn, không bị cong, không bị quẹo, được đặt lên cây cung vững chãi, được bắn ra bởi người có sức mạnh vào tấm vải gai mềm, lớp gòn mềm, tấm len mềm?

– Thưa Ngài, không có.

– Vì lý do gì?

– Vì tính chất mềm mại của những tấm vải, vì tính chất được làm sạch sẽ của mũi tên và tính chất mạnh mẽ của phát bắn ra.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc Nắm Giữ Mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, là đấng Chiến Thắng Vô Biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Đây là loại tâm thứ bảy.

8. Tâu Đại vương, ở đây tâm này của chư Phật Toàn Tri vượt trội sự tính đếm của luôn cả sáu loại tâm, được trong sạch và nhẹ nhàng với đức tính vô số kể. Và tâu Đại vương, bởi vì tâm của đức Thế Tôn được trong sạch và nhẹ nhàng nên đức Thế Tôn mới phô diễn song thông. Tâu Đại vương, về song thông nên được biết rằng: "Tâm của chư Phật Thế Tôn có sự chuyển dịch nhẹ nhàng như thế."

Trong trường hợp ấy, không thể nào nói hơn nữa về lý do. Tâu Đại vương, những loại thần thông có liên quan đến tâm của chư Phật Toàn Tri ấy đều không thể áp đặt phép đếm, phép tính, sự chia chẻ và luôn cả sự tách phần. Tâu Đại vương, trí toàn tri của đức Thế Tôn được gắn liền vào sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tâu Đại vương, giống như người nam có thể đặt xuống ở bàn tay thứ nhì bất cứ vật gì đã được đặt xuống ở bàn tay [thứ nhất], có thể phát ra lời nói bằng miệng đã được mở ra, có thể nuốt vào thức ăn đã đưa vào miệng, có thể mở mắt ra rồi nhắm lại, hoặc có thể nhắm mắt lại rồi mở ra, có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, việc ấy còn chậm hơn, tâu Đại vương, trí toàn tri của đức Thế Tôn là nhẹ nhàng hơn, sự hướng tâm là nhẹ nhàng hơn. Sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Dầu cho không có sự hướng tâm, chư Phật Thế Tôn ấy vẫn không gọi là không có toàn tri.

9. – Thưa Ngài Nāgasena, sự hướng tâm là được thực hiện do sự suy tầm, vậy thì Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu trường hợp ấy bằng lý lẽ.

– Tâu Đại vương, giống như người giàu thì có nhiều tài sản, có nhiều của cải, có dồi dào vàng bạc và vật sở hữu dự phòng, có dồi dào tài sản và ngũ cốc là gạo thơm, thóc, lúa mạch, gạo xay, mè, đậu mugga, đậu māsa, các loại hạt chưa chế biến hoặc các loại khác nữa, bơ lỏng, dầu ăn, bơ đặc, sữa tươi, sữa đông, mật ong, mật đường và đường mía được chứa ở bình, chum, lu, hũ, chậu và có người khách là người xứng đáng để mời ăn và có sự mong mỏi về bữa ăn, đi đến với người ấy, nhưng tại nhà của người ấy thức ăn nấu chín là đã hết sạch thì có thể đem gạo từ chum lại rồi nấu chín. Tâu Đại vương, phải chăng do sự việc thiếu hụt thức ăn trong chốc lát mà người ấy trở thành người không có tài sản và nghèo khó?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, ngay cả ở nhà của đức Chuyển Luân Vương cũng có sự thiếu hụt thức ăn vào lúc không đúng thời điểm, thì có điều gì đối với gia chủ.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, là trí toàn tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn.

10. Tâu Đại vương, hơn nữa giống như cây cối thì có thể kết trái, bị oằn xuống, bị uốn cong, bị mang nặng trĩu bởi những chùm trái và không có trái nào bị rơi rụng ở tại nơi ấy. Tâu Đại vương, phải chăng do sự việc không có trái cây rơi rụng trong chốc lát mà cây ấy trở thành không có trái cây?

– Thưa Ngài, không đúng. Những trái cây ấy được gắn liền với sự rơi rụng. Khi được rơi rụng thì đạt được theo như ý muốn.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, là trí toàn tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải sau khi hướng tâm thì đức Phật biết theo như ý muốn?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tâu Đại vương, giống như đức Chuyển Luân Vương khi nào nhớ đến bánh xe báu [khởi ý rằng]: "Bánh xe báu, hãy đến với ta", trong khi nhớ đi nhớ lại thì bánh xe báu hiện đến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muốn.

– Thưa Ngài Nāgasena, lý do là vững chãi. Đức Phật là đấng Toàn Tri. Chúng tôi chấp nhận đức Phật là đấng Toàn Tri.

"Câu hỏi về bản thể toàn tri của đức Thế Tôn" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ SỰ XUẤT GIA CỦA DEVADATTA (*Devadattapabbajjāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, do vị nào mà Devadatta đã được xuất gia?

– Tâu Đại vương, sáu vương tử dòng Sát-đế-ly này là Bhaddiya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, Devadatta và người thợ cạo Upāli là thứ bảy. Khi bậc Đạo Sư đã đắc thành Chánh Đẳng Giác, trong việc đem lại nỗi vui mừng cho dòng họ Sakya những vị ấy đã ra đi xuất gia theo đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã cho những vị ấy xuất gia.

– Thưa Ngài, không phải Devadatta sau khi xuất gia đã chia rẽ hội chúng?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Devadatta sau khi xuất gia đã chia rẽ hội chúng. Không phải người tại gia chia rẽ hội chúng, không phải Tỳ-khưu-ni, không phải vị Ni tu tập sự, không phải vị Sa-di, không phải vị Sa-di-ni chia rẽ hội chúng. Vị Tỳ-khưu bình thường, cùng chung sự đồng cộng trú, đứng cùng chung ranh giới, chia rẽ hội chúng.

2. – Thưa Ngài, người là kẻ chia rẽ hội chúng phạm vào nghiệp gì?

– Tâu Đại vương, phạm vào nghiệp liên quan đến việc chịu đựng một kiếp.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy có phải đức Phật biết rằng: "Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiếp"?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đức Như Lai biết rằng: "Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiếp."

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Phật biết rằng: "Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục

một kiếp", thưa Ngài Nāgasena, như thế thì lời nói rằng: "Đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Thương Xót, vị Tầm Cầu Lợi Ích, sau khi xua đi điều bất lợi thì đem đến điều lợi ích cho tất cả chúng sanh" là sai trái. Nếu Ngài không biết điều ấy rồi đã cho xuất gia, như thế thì đức Phật là không toàn tri. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài, xin Ngài hãy tháo gỡ múi rối to lớn này, hãy đánh đổ học thuyết của những kẻ khác. Trong ngày vị lai xa xăm, những vị Tỳ-khưu có sự giác ngộ tương đương Ngài sẽ khó đạt được. Trong trường hợp này, xin Ngài hãy bày tỏ năng lực của Ngài.

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn là bậc Đại Bi và là đấng Toàn Tri. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn, trong lúc xem xét cảnh giới tái sanh của Devadatta với lòng bi mẫn và trí toàn tri, đã nhìn thấy Devadatta sau khi tích lũy nghiệp đưa đến trôi nổi luân hồi từ địa ngục đến địa ngục, từ đọa xứ đến đọa xứ trong nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp. Đức Thế Tôn, sau khi biết được điều ấy bằng trí toàn tri rằng: "Nghiệp đã được làm không có giới hạn của người này, nếu được xuất gia trong giáo pháp của Ta, sẽ trở thành có giới hạn. Khổ liên quan đến việc trước sẽ trở thành có giới hạn. Còn không được xuất gia thì kẻ rồ dại này sẽ tích lũy nghiệp kéo dài trọn kiếp", vì lòng bi mẫn Ngài đã cho Devadatta xuất gia.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì đức Phật gây tổn thương rồi thoa dầu, làm rơi xuống vực thẳm rồi đưa tay [kéo lên], làm cho chết rồi tìm kiếm mạng sống, là việc Ngài ban cho sự khổ đau trước rồi đem lại sự an lạc sau.

– Tâu Đại vương, đức Như Lai dẫu có gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, dẫu có làm rơi xuống cũng vì lợi ích cho chúng sanh, dẫu có làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, đức Như Lai gây tổn thương rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, giống như mẹ cha gây tổn thương, làm rơi xuống, rồi đem lại lợi ích cho những người con, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu Đại vương, đức Như Lai gây tổn thương rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Với bất cứ cách thức nào có sự tăng trưởng các đức hạnh cho chúng sanh thì Ngài đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh bằng cách thức ấy. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai không cho Devadatta xuất gia thì Devadatta trong khi là người tại gia sẽ làm nhiều nghiệp ác dẫn đến địa ngục, trong khi trôi nổi từ địa ngục đến địa ngục, từ đọa xứ đến đọa xứ trong nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp sẽ cảm thọ nhiều khổ đau. Đức Thế Tôn, trong khi biết được điều ấy, vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia [nghĩ rằng]: "Đối với người đã được xuất gia trong giáo pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn." Vì lòng bi mẫn mà Ngài đã làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng.

Tâu Đại vương, hơn nữa giống như người đàn ông có năng lực, nhờ vào năng lực về tài sản, tiếng tăm, danh vọng và sự thân thiết, sau khi nhìn thấy bà

con hoặc bạn bè của mình đang chịu hình phạt nặng nề của đức vua, liền làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng của người ấy nhờ vào điều kiện có nhiều sự thân thiết và khả năng của bản thân; tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, đức Thế Tôn sau khi cho Devadatta, là người sẽ bị cảm thọ khổ đau nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp, xuất gia đã làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng nhờ vào điều kiện về năng lực và khả năng của giới, định, tuệ và giải thoát.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc phẫu thuật thiện xảo nhờ vào năng lực của phương thuốc mạnh làm vơi nhẹ căn bệnh trầm trọng; tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, đức Thế Tôn là vị có năng lực về lòng bi mẫn, với sự hiểu biết về tu tập, sau khi cho Devadatta, là người sẽ bị cảm thọ khổ đau nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp, xuất gia đã làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng nhờ vào năng lực của phương thuốc cứng rắn của giáo pháp. Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn ấy, trong khi làm cho Devadatta đáng lẽ bị nhiều cảm thọ [khổ] chỉ còn ít cảm thọ [khổ], lại tạo ra điều vô phước nào đó?

– Thưa Ngài, không tạo ra điều vô phước nào, dầu chỉ là một lượng thời gian ngắn ngủi như việc vắt sữa ở vú bò.

– Tâu Đại vương, Đại vương hãy chấp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia.

Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giống như những người bắt được kẻ trộm phạm tội thì trình lên đức vua rằng: "Tâu Bệ hạ, kẻ trộm phạm tội này là thuộc về Bệ hạ. Đối với kẻ này, xin Bệ hạ hãy ra lệnh hành phạt mà Bệ hạ muốn." Đức vua có thể nói về kẻ ấy như vầy: "Này các khanh, như thế thì hãy đưa kẻ trộm này ra ngoại thành rồi chém đầu ở bãi hành quyết."

"Tâu Bệ hạ, xin vâng." Vâng lệnh đức vua, những người ấy đã đưa kẻ ấy ra ngoại thành rồi dẫn đến bãi hành quyết. Một người đàn ông nào đó, là người đã đạt được ân huệ từ đức vua, đã đạt được danh tiếng, tài sản, của cải, có lời nói được chấp nhận, có năng lực, có hành động theo ý thích, nhìn thấy kẻ ấy. Người ấy, khởi tâm bi mẫn đến kẻ trộm ấy, nên đã nói với những người ấy như vầy: "Này các ông, thôi đi. Các ông được gì với việc chặt đầu của người này? Này các ông, chính vì điều ấy các ông hãy chặt tay hoặc bàn chân của người này và hãy duy trì mạng sống cho gã. Ta sẽ trình tấu đến đức vua lý do của việc này." Những người ấy, do lời nói của người có năng lực ấy, có thể chặt tay hoặc bàn chân của kẻ trộm ấy và duy trì mạng sống cho gã. Tâu Đại vương, phải chăng người đàn ông ấy, với hành động như vậy, là có thể hiện trách nhiệm đối với kẻ trộm ấy?

– Thưa Ngài, người đàn ông ấy là người ban cho mạng sống đến kẻ trộm. Khi mạng sống đã được ban đến gã thì có điều gì gọi là đã không được làm cho kẻ ấy?

– Tuy nhiên, về cảm thọ trong việc chặt tay chân của kẻ ấy, không lẽ người ấy không tạo ra điều vô phước nào trong cái cảm thọ ấy?

– Thưa Ngài, kẻ trộm ấy cảm nhận cảm thọ khổ đau do việc đã làm của mình. Còn người đàn ông, là người ban cho mạng sống, không tạo ra điều vô phước nào cả.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia [nghĩ rằng]: "Đối với người đã được xuất gia trong giáo pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn." Tâu Đại vương, và khổ đau của Devadatta trở thành có giới hạn. Tâu Đại vương, Devadatta vào thời điểm chết, đã đi đến việc nương nhờ khi còn sống [nói rằng]:

"*Với những khúc xương này, với các sanh mạng, tôi đi đến nương nhờ đức Phật, nhân vật cao cả ấy, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, đấng Điều Ngự Trượng Phu, bậc Nhìn Thấy Toàn Diện, có đặc điểm của trăm phước báu.*"

Tâu Đại vương, trong kiếp [trái đất] gồm sáu giai đoạn, thì Devadatta đã chia rẽ hội chúng khi giai đoạn thứ nhất đã trôi qua, sau khi bị nung nấu trong năm giai đoạn còn lại rồi từ đó sẽ được giải thoát, và sẽ trở thành vị Độc Giác Phật tên Aṭṭhissara. Tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn, với hành động như vậy, là có thể hiện trách nhiệm đối với Devadatta?

– Thưa Ngài Nāgasena, đối với Devadatta, đức Như Lai là vị ban bố tất cả, là việc đức Như Lai sẽ khiến cho Devadatta đạt được quả vị Độc Giác Phật. Còn có điều gì đã không được làm bởi đức Như Lai đến Devadatta?

– Tâu Đại vương, vả lại việc Devadatta sau khi chia rẽ hội chúng rồi cảm thọ khổ đau ở địa ngục, tâu Đại vương, phải chăng đức Thế Tôn do nhân ấy có thể tạo ra điều vô phước nào đó?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, Devadatta bị nung nấu ở địa ngục một kiếp do việc đã làm bởi bản thân. Bậc Đạo Sư là người đã làm cho khổ đau trở thành có giới hạn, không tạo ra điều vô phước nào.

– Tâu Đại vương, Đại vương hãy chấp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia.

Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật thiện xảo, trong khi làm êm dịu vết thương bị tác động dữ dội bởi gió, mật, đàm đã tụ hội lại, bởi sự thay đổi của thời tiết, bởi sự chăm nom không đều đặn, bị xông lên mùi hôi thối của tử thi ô uế, có mũi nhọn bên trong tạo thành lỗ hổng, bị ngập đầy máu ứ, đành phải bôi miệng của vết thương bằng loại thuốc sần sùi, xót xa, nhức nhối, đau đớn. Sau khi làm chín muồi [vết thương] bằng cách thức làm cho chín muồi, rồi mổ vết thương đã được đạt đến trạng thái mềm mỏng bằng dao, sau đó đốt nóng bằng cái thanh dẹp, rồi cho chất kiềm và muối vào vết thương ở chỗ đã được đốt nóng, sau đó bôi thuốc để làm lành vết thương nhằm đạt đến trạng thái tốt lành cho người bị bệnh. Tâu Đại vương, phải chăng người thầy thuốc phẫu thuật ấy có tâm không tốt nên mới bôi thuốc, mổ ra bằng dao, đốt nóng với cái thanh dẹp, rồi cho chất sát trùng vào vết thương?

– Thưa Ngài, không đúng. Người thầy thuốc có tâm tốt, có lòng mong mỏi điều tốt lành, nên mới làm những hành động ấy.

– Vậy thì các cảm thọ khổ đau nào đã sanh lên do hành động việc làm và thuốc men đối với người ấy, do nhân ấy người thầy thuốc phẫu thuật ấy có tạo ra điều vô phước nào không?

– Thưa Ngài, người thầy thuốc phẫu thuật có tâm tốt, có lòng mong mỏi điều tốt lành, nên mới làm những hành động ấy. Làm sao người ấy, do nhân ấy, lại có thể tạo ra điều vô phước? Thưa Ngài, người thầy thuốc phẫu thuật ấy là người sanh về cõi trời.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi khổ đau. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu Đại vương, giống như một người nam bị đâm bởi cây gai, rồi một người nam khác có tâm tốt, có lòng mong mỏi điều tốt lành, mới cắt xung quanh [vết thương] bằng cây gai nhọn hoặc bằng mũi dao, rồi lấy cây gai ấy ra nhờ vào lượng máu đang bị phun ra, tâu Đại vương, phải chăng người nam ấy có tâm không tốt nên mới lấy cây gai ấy ra?

– Thưa Ngài, không đúng. Người nam ấy có tâm tốt, có lòng mong mỏi điều tốt lành, nên mới lấy cây gai ấy ra. Thưa Ngài, nếu người nam ấy không lấy cây gai ấy ra, do điều ấy người kia có thể gánh chịu sự chết hoặc khổ đau gần như chết.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi sự khổ đau. Tâu Đại vương, nếu đức Thế Tôn không cho Devadatta xuất gia thì Devadatta có thể bị nung nấu ở địa ngục liên tiếp nhiều đời sống thậm chí trong trăm ngàn *koṭi* kiếp.

– Thưa Ngài Nāgasena, đức Như Lai đã đưa Devadatta, kẻ có sự bị cuốn trôi theo dòng nước, vào đạo lộ; đã ban cho Devadatta, kẻ đã bị rơi vào vực thẳm, chỗ đứng; đã đưa Devadatta, kẻ bước đi ở chỗ gập ghềnh, đến nơi bằng phẳng. Thưa Ngài Nāgasena, không thể nhìn nhận những nhân tố này và những lý do này bởi người nào khác ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy.

"Câu hỏi về sự xuất gia của Devadatta" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ HIỆN TƯỢNG DAO ĐỘNG DỮ DỘI CỦA TRÁI ĐẤT (*Mahābhūmicālapātubhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, có tám nhân tám duyên này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất." Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đổi, không có nhân thứ chín nào khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất**. Thưa Ngài Nāgasena, nếu có nhân thứ chín khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, đức Thế Tôn cũng sẽ nói đến nhân ấy. Và thưa Ngài Nāgasena, bởi vì không có nhân thứ

chín nào khác đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, vì thế đã không được đức Thế Tôn đề cập đến. Và có nhân thứ chín này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất được thấy là đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara. Thưa Ngài Nāgasena, nếu chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất, như thế thì lời nói "đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara" là sai trái. Nếu đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, như thế thì lời nói 'chỉ có tám nhân tám duyên đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất' cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vi tế, khó tháo gỡ, gây tăm tối và sâu xa. Nó được dành cho Ngài. Điều này không thể trả lời bởi người nào khác có trí tuệ nhỏ nhoi, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy.

– Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "*Này các Tỳ-khưu, có tám nhân tám duyên này đưa đến hiện tượng dao động dữ dội của trái đất.*" Còn đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, tuy nhiên điều ấy là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Vì thế không được tính vào tám nhân.

2. Tâu Đại vương, giống như ở thế gian chỉ có ba loại mưa được tính là "[mưa] thuộc mùa mưa, [mưa] thuộc mùa lạnh và cơn mưa rào." Nếu có cơn mưa khác không thuộc vào ba loại này mà đổ mưa, thì cơn mưa ấy không được tính vào các loại mưa đã được công nhận và chỉ được xem là "cơn mưa sái mùa". Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như năm trăm con sông chảy ra từ núi Hy-mã-lạp. Tâu Đại vương, trong số năm trăm con sông ấy, chỉ có mười con sông được tính vào việc tính đếm các con sông, tức là: Sông Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, Sindhu, Sarassatī, Vetravatī, Vitatthā, Candabhāgā. Các con sông còn lại không được tính vào việc tính đếm các con sông. Vì lý do gì? Các con sông ấy không có nước thường xuyên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân.

4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như các quan đại thần của đức vua thì cả trăm người, hai trăm người. Trong số những người ấy chỉ có sáu là được tính vào việc tính đếm các quan đại thần, tức là: Tướng quân, quan tế tự, quan xử án, quan thủ khố, quan giữ lọng, quan giữ gươm. Chỉ những người này được tính vào việc tính đếm các quan đại thần. Vì lý do gì? Vì trạng thái gắn bó với các phẩm chất của đức vua. Còn tất cả những người còn lại không được tính đếm mà chỉ được xem là "quan đại thần". Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc

đại địa cầu đã rúng động bảy lần vào lúc cuộc đại thí đang được trao ra bởi đức Vua Vessantara, điều này là bất thường, đôi lúc có xảy ra, được loại ra khỏi tám nhân. Việc ấy không được tính vào tám nhân.

Tâu Đại vương, phải chăng có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hướng thượng đã làm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe là trong thời hiện tại nghiệp của những việc làm hướng thượng đã làm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng là có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những việc này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại. Những người ấy là bảy người.

– Tâu Đại vương, là ai và ai vậy?

– Thưa Ngài, là "người làm tràng hoa Sumana, Bà-la-môn Ekasāṭaka, người làm công Puṇṇā, Hoàng hậu Mallikā, Hoàng hậu Gopālamātā, cận sự nữ Suppiyā và nữ tỳ Puṇṇā." Bảy người này có cảm thọ lạc trong hiện tại, và danh tiếng của những người này vang lên ở giữa chư thiên và nhân loại.

– Vậy có được nghe những người khác trong thời quá khứ đã đi đến cung trời Đạo-lợi bằng chính thân thể và vóc dáng ấy của con người?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe.

– Tâu Đại vương, là ai và ai vậy?

– Là "vị càn-thát-bà Guttila, đức Vua Sādhīna, đức Vua Nimī và đức Vua Mandhātā." Bốn người này được nghe là đã đi đến cung trời Đạo-lợi bằng thân thể và vóc dáng của con người. Được nghe rằng việc đã làm tốt hoặc đã làm xấu đã được làm lâu lắm rồi.

– Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây vào thời quá khứ xa xăm hoặc trong thời hiện tại xa xăm, đại địa cầu đã rúng động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vầy đang được trao ra?

6.[6] – Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, tôi đã có sự truyền thừa, sự thành tựu, sự thuộc lòng kinh điển, sự lắng nghe, sự học tập, năng lực, sự mong mỏi lắng nghe, sự vấn hỏi, sự hầu hạ các vị thầy, tuy nhiên tôi cũng chưa từng được nghe trước đây đại địa cầu đã rúng động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vầy đang được trao ra, ngoại trừ việc bố thí cao quý của vị vua kiệt xuất Vessantara. Tâu Đại vương, vào khoảng giữa của hai vị Phật là "đức Thế Tôn Kassapa và đức Thế Tôn Sakyamuni", nhiều *koṭi* năm vượt quá cách thức tính đếm đã trôi qua, ngay cả trong khoảng thời gian đó tôi cũng không có nghe là "đại địa cầu đã rúng động một lần hoặc hai lần hoặc ba lần khi vật thí của người tên như vầy đang được trao ra."

---

[6] Nguyên bản Pāḷi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 5. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

Tâu Đại vương, đại địa cầu không rúng động với sự tinh tấn chừng ấy, với sự nỗ lực chừng ấy. Tâu Đại vương, bị chồng chất gánh nặng về đức hạnh, bị chồng chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rúng động, chuyển động.

7. Tâu Đại vương, giống như khi chiếc xe tải bị chồng chất vật nặng quá tải thì các ổ trục và các vành bánh xe bung ra, trục xe bị gãy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bị chồng chất toàn bộ gánh nặng về sự trong sạch, hành động và đức hạnh, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rúng động, chuyển động.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như bầu trời bị bao phủ bởi sự chuyển động của gió và nước, bị chồng chất bởi gánh nặng về lượng nước dồi dào, do trạng thái bị đưa đẩy bởi cơn gió mạnh nên gầm rú, gào thét, rống lên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bị chồng chất gánh nặng lớn lao và dồi dào về năng lực bố thí của đức Vua Vessantara, trong khi không thể nâng đỡ, đại địa cầu lay động, rúng động, chuyển động.

8. Tâu Đại vương, bởi vì tâm của đức Vua Vessantara không vận hành do tác động của tham, không vận hành do tác động của sân, không vận hành do tác động của si, không vận hành do tác động của ngã mạn, không vận hành do tác động của tà kiến, không vận hành do tác động của phiền não, không vận hành do tác động của suy tầm, không vận hành do tác động của ganh ghét. Khi ấy, nó vận hành phần nhiều do tác động của sự bố thí: "Làm cách nào những người ăn xin chưa đi đến có thể đến gần ta, và những người ăn xin đã đi đến có thể nhận lãnh theo như ý muốn và có thể được hài lòng?" Sự bố thí là chủ tể, là tâm ý đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục.

9. Tâu Đại vương, tâm ý của đức Vua Vessantara đã được khẳng định một cách thường xuyên, liên tục trong mười trường hợp: Ở sự huấn luyện, ở sự bình lặng, ở sự nhẫn nại, ở sự phòng hộ, ở sự thu thúc, ở sự đè nén, ở sự không giận dữ, ở sự không hãm hại, ở sự chân thật, ở sự trong sạch.

Tâu Đại vương, đối với đức Vua Vessantara thì sự tầm cầu về dục đã được dứt bỏ, sự tầm cầu về hữu đã được yên lặng, chỉ riêng sự tầm cầu về Phạm hạnh là được đạt đến một cách sốt sắng.

Tâu Đại vương, đối với đức Vua Vessantara thì sự bảo vệ bản thân đã được dứt bỏ, sự bảo vệ người khác đã được đạt đến một cách sốt sắng: "Làm cách nào những chúng sanh này có thể hợp nhất, không tật bệnh, có tài sản, có tuổi thọ dài lâu?" tâm ý vận hành phần nhiều là như thế.

Tâu Đại vương, và trong khi bố thí vật thí ấy, đức Vua Vessantara không bố thí vì nhân đạt đến tái sanh, không bố thí vì nhân tài sản, không bố thí vì nhân vật biếu lại, không bố thí vì nhân thu phục, không bố thí vì nhân tuổi thọ, không bố thí vì nhân sắc đẹp, không bố thí vì nhân hạnh phúc, không bố thí vì nhân sức mạnh, không bố thí vì nhân danh vọng, không bố thí vì nhân con trai,

không bố thí vì nhân con gái. Khi ấy đức vua đã bố thí vật thí cao quý, không thể đo lường, bao la, vô thượng có hình thức như thế ấy vì lý do của trí toàn tri, vì lý do của báu vật là trí toàn tri. Và khi đã đạt được bản thể toàn tri, đức vua đã nói lên lời kệ này:

"Chỉ vì lý do là sự giác ngộ, ta đã không nghĩ suy trong khi buông bỏ Jāli, con gái Kaṇhājinā và Hoàng hậu Maddī chung thủy."

10. Tâu Đại vương, đức Vua Vessantara chiến thắng giận dữ bằng không giận dữ, chiến thắng sự xấu xa bằng sự tốt đẹp, chiến thắng keo kiệt bằng bố thí, chiến thắng giả dối bằng chân thật, chiến thắng tất cả bất thiện bằng thiện. Trong khi vị ấy, là người đã tiến bước theo giáo pháp, hướng về giáo pháp, đang bố thí như vậy, do tính chất bao la của sự tinh tấn và năng lực của việc hoàn thành sự bố thí, có những cơn gió lớn xao động ở phía bên dưới. Chúng thổi qua một cách hoàn toàn rối loạn, chầm chậm từng cơn từng cơn một; chúng sà xuống, bốc lên, xoáy tròn; các cây bị trụi lá đổ xuống, những đám mây dày đặc di chuyển ở bầu trời, những cơn gió tích lũy đầy bụi trở nên dữ dội, bầu trời bị hạ thấp, các cơn gió thổi cuốn đi ào ạt, âm thanh vô cùng ghê rợn phát ra; khi những cơn gió ấy giận dữ thì nước dao động tăng dần, khi nước bị dao động thì các con cá và rùa bị quấy nhiễu, các đợt sóng từng đôi từng đôi sanh lên, các chúng sanh là loài thủy tộc run sợ, sóng nước gợn tròn từng cặp, tiếng rì rào của sóng phát khởi, bong bóng nước ghê rợn nổi lên, những mảng bọt nước hiện hữu; đại dương nổi dậy, nước chạy khắp tám phương, các dòng nước trôi chảy từ miệng của các dòng nước xuôi ngược. Các loài a-tu-la, kim sí điểu, rồng, dạ-xoa bị hoảng hốt: "Có thật không, bằng cách nào mà biển cả xoay ngược lại?" rồi tìm kiếm lối ra đi với tâm hãi sợ; khi bầu nước bị quấy nhiễu, bị khuấy rối, đại địa cầu cùng với núi non luôn cả biển cả rúng động, chóp đá của đỉnh núi Sineru nghiêng ngả trong khi bị xoáy tròn, các loài rắn, chồn, mèo, chó rừng, heo rừng, nai, chim chóc bị hết hồn, các dạ-xoa ít quyền lực khóc lóc, các dạ-xoa nhiều quyền lực cười đùa trong khi đại địa cầu rung động.

11. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy ở bên dưới cái chảo to lớn vĩ đại được chứa đầy nước, có gạo lổn nhổn, được đặt ở lò lửa, trước tiên [ngọn lửa] đốt nóng cái chảo, khi cái chảo đã được đốt nóng, nó đun nóng nước; khi nước đã được đốt nóng, nó đun nóng gạo; gạo đã được đốt nóng nổi lên, chìm xuống, làm sanh ra bong bóng nước, rồi những mảng bọt nước trồi lên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Vua Vessantara đã từ bỏ vật khó từ bỏ ở thế gian. Khi vị ấy đang từ bỏ vật khó từ bỏ ấy, do sự hoàn thành từ bản chất của việc bố thí, những cơn gió lớn ở phía bên dưới, trong khi không thể nâng đỡ, đã bị khuấy động. Khi những cơn gió lớn bị khuấy động, nước đã rung động. Khi nước bị rung động, đại địa cầu đã rung động.

Như thế vào khi ấy "những cơn gió lớn, nước và quả địa cầu", ba thứ này đã trở thành như là có chung một tâm ý. Do việc hoàn thành của sự bố thí vĩ đại, do năng lực và sự tinh tấn bao la, không có người nào khác có oai lực bố thí như thế này như là oai lực bố thí vĩ đại của đức Vua Vessantara.

12. Tâu Đại vương, giống như các viên ngọc ma-ni nhiều loại được tìm thấy ở trái đất, như là: Ngọc xa-phia, ngọc lục, ngọc như ý, ngọc bích, ngọc hoa lanh, ngọc hoa keo, ngọc thu hồn, ngọc nhật lệ, ngọc nguyệt lệ, kim cương, ngọc lân tinh, hoàng ngọc, hồng ngọc, ngọc mắt mèo, thì viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân vượt trội tất cả các viên ngọc này nên được gọi là nhất hạng. Tâu Đại vương, viên ngọc ma-ni của đức Chuyển Luân chiếu sáng một do-tuần ở chung quanh, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bất cứ sự bố thí nào được tìm thấy ở trái đất, dầu là sự bố thí tối thượng không thể sánh bằng, sự bố thí vĩ đại của đức Vua Vessantara vượt trội tất cả các sự bố thí ấy nên được gọi là nhất hạng. Tâu Đại vương, khi sự bố thí vĩ đại của đức Vua Vessantara đang được trao ra thì đại địa cầu đã bị rung động bảy lần.

– Thưa Ngài Nāgasena, là sự kỳ diệu của chư Phật! Thưa Ngài Nāgasena, là sự phi thường của chư Phật! Là việc đức Thế Tôn, trong khi còn là Bồ-tát, với sự nhẫn nại như vậy, với tâm như vậy, với quyết định như vậy, với chủ tâm như vậy, so với thế gian không người sánh bằng. Thưa Ngài Nāgasena, sự nỗ lực của các đức Bồ-tát đã được phô bày. Và các pháp toàn hảo của các đấng Chiến Thắng được chiếu sáng còn nhiều hơn thậm chí trong khi các Ngài đang thực hành đức hạnh, cho đến bản thể tối thượng của đức Như Lai là được hiển hiện ở thế gian có cả chư thiên. Thưa Ngài Nāgasena, thật tốt đẹp thay giáo pháp của đấng Chiến Thắng đã được tán dương, các pháp toàn hảo của đấng Chiến Thắng đã được tỏa sáng, nút thắt ở học thuyết của các giáo chủ tà giáo đã được cắt đứt, bầu nước về học thuyết của những kẻ khác đã được đập bể, câu hỏi thâm sâu đã được làm rõ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, sự giải quyết của các vị con trai của đấng Chiến Thắng đã được tiếp thu đúng đắn. Hỡi vị cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng, xin Ngài hãy chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về hiện tượng dao động dữ dội của trái đất" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ SỰ BỐ THÍ MẮT CỦA ĐỨC VUA SIVI
(*Siviraññо cakkhudānapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài đã nói như vầy: "Các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin, khi đức vua đã bị mù thì các thiên nhãn đã được tạo ra lại."[7] Lời nói này cũng có sự sái quấy, có sự bắt bẻ, có khuyết điểm. Điều đã được nói ở trong kinh là: "Khi nhân đã bị lấy đi, khi không có nhân, khi không có nền tảng, thì không có sự tạo ra thiên nhãn." Thưa Ngài Nāgasena, nếu các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin, như thế thì lời nói rằng: "Các thiên nhãn đã được tạo ra lại" là sai trái. Nếu các thiên nhãn đã được tạo ra, như thế thì lời nói rằng: "Các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị thắt lại còn hơn nút thắt, bị xoắn lại còn hơn vật xoắn, bị rối rắm

[7] *Bổn sanh* "Đức Vua Sivi" (*Sivijātakaṃ*), số 499, *TTPV*, tập 33. (ND)

còn hơn bụi rậm, nó được dành cho Ngài. Ở đây, xin Ngài hãy khởi lên ước muốn về việc giải quyết vì sự bắt bẻ của các học thuyết khác.

2. – Tâu Đại vương, các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin. Đại vương chớ khởi lên sự phân vân về trường hợp ấy. Và các thiên nhãn đã được tạo ra lại. Đại vương cũng chớ nảy sanh sự phân vân về trường hợp ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng khi nhân đã bị lấy đi, khi không có nhân, khi không có nền tảng thì thiên nhãn cũng được tạo ra?

– Tâu Đại vương, không đúng.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy thiên nhãn lại được tạo ra khi nhân đã bị lấy đi, khi không có nhân, khi không có nền tảng? Vậy Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ.

3. – Tâu Đại vương, có chăng ở thế gian cái gọi là sự chân thật mà những người có lời nói chân thật về điều ấy tạo ra sự phát nguyện chân thật?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái gọi là sự chân thật ở thế gian. Thưa Ngài Nāgasena, những người nói lời chân thật với sự chân thật tạo ra sự phát nguyện chân thật khiến cho trời đổ mưa, khiến cho lửa bị dập tắt,[8] làm tiêu tan chất độc, và còn tạo ra việc có thể làm các loại khác nữa.

– Tâu Đại vương, như thế thì nó liên quan, nó phù hợp với việc các thiên nhãn đã được tạo ra cho đức Vua Sivi là nhờ vào năng lực của sự chân thật. Tâu Đại vương, nhờ vào năng lực của sự chân thật mà thiên nhãn đã được tạo ra khi không có nền tảng. Ở đây, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn. Tâu Đại vương, giống như những vị đạo sĩ nào đó cầu khấn lời chân thật rằng: "Xin cho cơn mưa lớn hãy đổ xuống", cùng với việc đã cầu khấn lời chân thật của những người ấy, cơn mưa lớn đổ xuống. Tâu Đại vương, phải chăng có nhân của cơn mưa đã hội tụ lại ở khoảng không mà với nhân ấy cơn mưa lớn đổ xuống?

– Thưa Ngài, không đúng. Trong trường hợp ấy, chính sự chân thật là nhân cho việc đổ xuống của cơn mưa lớn.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ấy không có nhân bình thường. Trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn.

4. – Tâu Đại vương, hoặc là giống như việc những vị đạo sĩ nào đó cầu khấn lời chân thật rằng: "Xin cho khối lửa lớn đã bộc phát hãy quay trở lại"; cùng với việc đã cầu khấn lời chân thật của những người ấy, khối lửa lớn đã bộc phát tức thời quay trở lại. Tâu Đại vương, phải chăng ở khối lửa lớn đã bộc phát ấy có nhân đã được hội tụ lại, mà do nhân ấy khối lửa lớn đã bộc phát tức thời quay trở lại?

– Thưa Ngài, không đúng. Chính sự chân thật là nền tảng cho việc tức thời quay trở lại của khối lửa lớn đã bốc phát ấy.

---

[8] *Bổn sanh* "Chim cút con" (*Vaṭṭakajātakaṃ*), số 35, *TTPV*, tập 32. (ND)

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ấy không có nhân bình thường. Trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn.

5. – Tâu Đại vương, hoặc là giống như việc những vị đạo sĩ nào đó cầu khấn lời chân thật rằng: "Xin cho chất độc dữ dội trở thành thuốc chữa bệnh." Tâu Đại vương, phải chăng ở chất độc dữ dội có nền tảng đã hội tụ lại, mà với nền tảng ấy chất độc dữ dội trở thành thuốc chữa bệnh?

– Thưa Ngài, không đúng. Trong trường hợp ấy, chính sự chân thật là nguyên nhân cho việc tức thời tiêu diệt chất độc dữ dội.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong trường hợp này, chính sự chân thật là nền tảng cho việc tạo ra thiên nhãn, không phải nhân bình thường.

– Tâu Đại vương, không có nền tảng nào khác cho việc thâm nhập bốn chân lý cao thượng. Bốn chân lý cao thượng được thâm nhập sau khi đã đặt nền tảng ở sự chân thật. Tâu Đại vương, có đức Vua Cīna ở khu vực Cīna. Đức vua có ước muốn tiến hành việc cúng tế ở đại dương nên đã thực hiện sự phát nguyện chân thật vào mỗi bốn tháng, rồi cùng với chiếc xe tiến vào trong đại dương một do-tuần. Khối lượng nước vĩ đại đi thụt lùi ở phía trước đầu chiếc xe của đức vua, đến khi đức vua đã vượt qua thì bao trùm lại. Tâu Đại vương, phải chăng thế gian có cả chư thiên và nhân loại, với năng lực của cơ thể bình thường, có thể khiến cho đại dương ấy đi thụt lùi?

– Thưa Ngài, thế gian có cả chư thiên và nhân loại, với năng lực của cơ thể bình thường, cũng không thể khiến cho nước ở hồ nước vô cùng nhỏ đi thụt lùi, thì làm gì được đối với nước ở đại dương?

6. – Tâu Đại vương, cũng vì lý do này mà năng lực của sự chân thật được biết đến như vầy: "Không có nơi nào mà sự chân thật không thể đạt đến."

Tâu Đại vương, đức vua công chính Asoka ở thành phố Pāṭaliputta được tùy tùng bởi các thị dân, dân chúng, các viên chức, nhân công, binh lính và các quan đại thần, sau khi nhìn thấy sông Gaṅgā tràn đầy nước mới, ngập bờ, trải rộng có bề dài năm trăm do-tuần, bề ngang một do-tuần, đang trôi chảy, nên đã nói với các quan viên rằng: "Này các khanh, có ai có khả năng làm cho sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng không?" Các quan viên đã nói rằng: "Tâu Bệ hạ, là việc khó làm." Có cô kỹ nữ tên Bindumatī đứng ở ngay tại bờ sông Gaṅgā ấy đã nghe rằng: "Nghe nói đức vua đã nói như vầy: Có thể làm cho sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng không?" Cô ấy đã nói như vầy: "Chính thiếp là người kỹ nữ ở thành phố lớn Pāṭaliputta, có cuộc sống nhờ vào sắc đẹp, là cách sinh nhai tồi tệ nhất. Mong rằng đức vua hãy chứng kiến sự phát nguyện chân thật của thiếp." Rồi cô ấy đã thực hiện sự phát nguyện chân thật. Vào giây phút của sự phát nguyện chân thật của cô ấy, con sông Gaṅgā vĩ đại ấy, trong lúc gầm lên tiếng rì rào, đã chảy ngược dòng cho đám đông người chứng kiến. Khi ấy, nghe được tiếng ầm ĩ tạo ra bởi tốc độ của sóng nước bị xoáy tròn, đức vua đã có sự ngạc nhiên được sanh lên do điều kỳ diệu phi thường, nên đã nói với các quan viên rằng: "Này các khanh, do người nào mà con sông Gaṅgā vĩ đại này

chảy ngược dòng?" Tâu Đại vương, cô kỹ nữ Bindumatī sau khi nghe lời nói của Đại vương đã thực hiện sự phát nguyện chân thật. Do sự phát nguyện chân thật của cô ấy mà con sông Gaṅgā chảy về phía thượng nguồn.

Khi ấy, có tâm bị chấn động, đức vua đã đích thân đi đến vô cùng vội vã và đã hỏi cô kỹ nữ ấy rằng: "Này cô gái, nghe nói do sự phát nguyện chân thật của cô mà con sông Gaṅgā này chảy ngược dòng, có đúng không vậy?" "Tâu Bệ hạ, đúng vậy." Đức vua đã nói rằng: "Cô có năng lực gì về việc ấy? Ai mà tin lời nói của cô, nếu không bị điên khùng? Do năng lực gì mà cô đã làm cho con sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng?" Cô ấy đã nói rằng: "Tâu Đại vương, do năng lực của sự chân thật mà thiếp đã làm cho con sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng." Đức vua đã nói rằng: "Năng lực của sự chân thật gì có ở nơi cô, khi cô là kẻ trộm, hạng người vô lại, không trong sạch, lường gạt, độc ác, bóc lột những kẻ mê muội?" "Tâu Đại vương, sự thật thì thiếp là người như thế ấy. Tâu Đại vương, nếu năng lực của sự chân thật có ở nơi thiếp, thì với điều ấy, trong khi mong muốn, thiếp cũng có thể xoay chuyển thế gian có cả chư thiên." Đức vua đã nói rằng: "Vậy thì sự phát nguyện chân thật ấy là điều gì?" "Vậy thì xin Đại vương hãy lắng nghe thiếp. Tâu Đại vương, người nào dầu là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hoặc thương buôn, hay nô lệ, hoặc là bất cứ ai ban cho thiếp của cải, thì thiếp phục vụ những người ấy đều bình đẳng. Là 'Sát-đế-ly' không có gì đặc biệt. Là 'nô lệ' không có gì khinh chê. Thiếp hầu hạ người có của cải, thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Bệ hạ, điều ấy là sự phát nguyện chân thật của thiếp, nhờ nó mà thiếp đã làm cho con sông Gaṅgā vĩ đại này chảy ngược dòng."

Tâu Đại vương, những người đứng vững ở sự chân thật cũng như thế, không có bất cứ ý nghĩa nào mà họ không biết. Tâu Đại vương, các con mắt đã được đức Vua Sivi bố thí đến kẻ cầu xin và các thiên nhãn đã được tạo ra lại. Và điều ấy là do sự phát nguyện chân thật. Điều đã được nói ở trong kinh là: "*Khi nhục nhãn đã bị hư hoại, khi không có nhân, khi không có nền tảng, thì không có sự tạo ra của thiên nhãn*", điều ấy được nói liên quan đến con mắt có vật liệu là sự tu tập. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, sự bắt bẻ đã khéo được giải thích, các học thuyết khác đã khéo được nghiền nát. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự bố thí mắt của đức Vua Sivi" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ SỰ NHẬP VÀO BÀO THAI (*Gabbhāvakkantipañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. Ở đây, người mẹ và người cha kết hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt và chúng sanh đi đầu thai đã sẵn sàng. Này các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố này."** Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời

nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đổi, đây là lời nói xứng đáng, đã được nói [bởi đức Thế Tôn] sau khi ngồi xuống ở giữa chư thiên và nhân loại. Và việc nhập vào bào thai này được hội tụ bởi hai yếu tố đã được nhìn thấy: "Vào thời kỳ kinh nguyệt của nữ đạo sĩ Pārikā, lỗ rún của nàng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của đạo sĩ Dukūla, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà đứa bé trai Sāma được sanh ra.[9] Vào thời kỳ kinh nguyệt của cô gái Bà-la-môn, lỗ rún của nàng cũng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của vị ẩn sĩ Mātaṅga, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya được sanh ra."[10]

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Này các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố", như thế thì lời nói rằng: "Bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún" là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún", như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố" là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng sâu xa, vô cùng khôn khéo, là lãnh vực dành cho những bậc có sự giác ngộ. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy chặt đứt sự phân vân. Xin Ngài hãy nắm giữ ngọn đèn cao quý của trí tuệ.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. Ở đây, người mẹ và người cha kết hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt và chúng sanh đi đầu thai đã sẵn sàng. Sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố như vậy." Và có điều đã được nói là: "Bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún."

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì câu hỏi khéo được giải quyết bằng lý lẽ nào, xin Ngài giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ ấy.

3. – Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây là thanh niên Saṃkicca, đạo sĩ Isisiṅga[11] và Trưởng lão Kumārakassapa, những người ấy được sanh ra do việc này?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có được nghe. Việc sanh ra của những người ấy được loan truyền. Hai con nai cái, nhằm vào thời kinh nguyệt, đã đi đến chỗ tiểu tiện của hai vị đạo sĩ rồi uống nước tiểu có lẫn tinh dịch của họ, do tinh dịch ở nước tiểu ấy mà thanh niên Saṃkicca và đạo sĩ Isisiṅga được sanh ra. Trưởng lão Udāyi đã đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, trong lúc suy tưởng đến chỗ kín của vị Tỳ-khưu-ni với tâm ái luyến, đã bị xuất ra tinh dịch ở y ca-sa. Khi ấy, Trưởng lão Udāyi đã bảo vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này: "Này Sư tỷ, hãy đi và đem lại nước. Tôi sẽ giặt y nội." "Thưa Ngài, hãy đưa đây. Chính tôi sẽ giặt." Sau

[9] *Bổn sanh* "Sāma" (*Sāmajātakaṃ*), số 540, *TTPV*, tập 34. (ND)
[10] *Bổn sanh* "Ẩn sĩ Mātaṅga" (*Mātaṅgajātakaṃ*), số 497, *TTPV*, tập 33. (ND)
[11] *Bổn sanh* "Tiên nữ Alambusā" (*Alambusājātakaṃ*), số 523, *TTPV*, tập 33. (ND)

đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy, đang ở vào thời kinh nguyệt, đã dùng miệng nuốt vào một phần tinh dịch ấy, còn một phần đã đưa vào chỗ kín.[12] Do việc ấy, Trưởng lão Kumārakassapa đã được sanh ra. Và người ta đã nói về điều ấy như vậy.

– Tâu Đại vương, vậy Ngài có tin vào lời nói ấy không?

– Thưa Ngài, có chứ. Chúng tôi chấp nhận lý do trong trường hợp ấy là vững chãi, vì lý do ấy chúng tôi tin rằng: "Họ đã được sanh ra bởi lý do ấy."

– Tâu Đại vương, ở đây điều gì là lý do?

– Thưa Ngài, phải chăng khi hạt giống được gieo vào mảnh đất ẩm đã được chuẩn bị kỹ lưỡng thì sẽ nhanh chóng nẩy mầm?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu-ni ấy khi đang có kinh nguyệt, khi noãn sào đã được thành lập, khi máu kinh có sức chảy đã ngưng lại, khi điều kiện đã được xác định, cô ấy đã nhận lấy tinh dịch ấy rồi đưa vào ở chỗ noãn sào ấy. Vì thế, bào thai đã thành tựu cho cô ấy. Chúng tôi ghi nhận lý do như vậy đối với việc sanh ra của những người ấy.

– Tâu Đại vương, điều ấy là như vậy. Theo đó, tôi chấp nhận là do sự xâm nhập vào tử cung mà bào thai được hình thành. Tâu Đại vương, phải chăng Ngài chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của Trưởng lão Kumārakassapa?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, lành thay! Đại vương đã đi theo đường lối của tôi. Mặc dầu chỉ theo một cách thức trong khi nói về việc nhập vào bào thai, Đại vương cũng sẽ đi theo sự thuyết phục của tôi. Giờ đến hai con nai cái đã đạt được bào thai sau khi uống nước tiểu, đối với chúng thì Đại vương có tin về sự nhập vào bào thai không?

– Thưa Ngài, có chứ. Bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa Ngài Nāgasena, giống như bất cứ cái gì gọi là dòng nước chảy, tất cả đều chảy xuôi về đại dương, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả đều trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Vì lý do ấy, trẫm tin về sự nhập vào bào thai cũng do vật đã được đưa vào miệng.

– Tâu Đại vương, lành thay! Đại vương đã đi theo đường lối của tôi một cách vững chắc hơn. Cũng do việc uống vào miệng mà có sự hội tụ của hai trường hợp. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của Saṃkicca, của đạo sĩ Isisiṅga và của Trưởng lão Kumārakassapa?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được hội tụ thì trôi xuống.

[12] Điều *Nissagiya Pācittiya* thứ 4, *TTPV*, tập 02, trang 518.

5.[13] – Tâu Đại vương, bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya đều có chung một tính chất, được xếp vào ba sự hội tụ theo trường hợp đầu tiên. Tôi sẽ nói về lý do của trường hợp này. Tâu Đại vương, đạo sĩ Dukūla và nữ đạo sĩ Pārikā, cả hai người ấy đã có sự cư ngụ ở trong rừng, có khuynh hướng viễn ly, là những người theo đuổi mục đích tối thượng, do quyền năng của sự khổ hạnh họ đã hâm nóng cho đến thế giới Phạm thiên. Khi ấy, Thiên chủ Sakka ngày đêm đi đến phục vụ cho họ. Trong khi quan tâm đến họ bằng tâm từ được thể hiện với sự kính trọng, Thiên chủ Sakka đã nhìn thấy sự hư hoại thị giác của cả hai người họ vào thời vị lai xa xăm, sau khi nhìn thấy đã nói với họ rằng: "Này hai vị, hãy thực hiện cho trẫm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vị." "Này Kosiya, thôi đi! Chớ có lời nói như vậy." Họ đã không chấp nhận lời nói ấy của vị ấy. Là người có lòng bi mẫn, có sự mong mỏi điều lợi ích, Thiên chủ Sakka đã nói với họ như thế đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba rằng: "Này hai vị, hãy thực hiện cho trẫm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vị." Đến lần thứ ba, họ đã nói rằng: "Này Kosiya, thôi đi! Ngài chớ ràng buộc chúng tôi vào việc không có lợi ích. Thân này sẽ không tan rã cho đến khi nào? Thân này có sự tan rã là pháp tự nhiên, hãy để nó tan rã. Cho dầu trái đất đang bị tan rã, cho dầu đỉnh núi đang rơi xuống, cho dầu bầu trời đang bị nứt ra, cho dầu mặt trăng mặt trời đang sụp xuống, chúng tôi cũng không bao giờ hòa nhập với các pháp thế tục. Ngài chớ đến gần đối mặt với chúng tôi. Chúng tôi nghĩ Ngài là hạng làm điều không có lợi ích; điều ấy là sự tin chắc khi Ngài đi đến gần."

Do đó, trong khi không đạt được tâm ý của họ, Thiên chủ Sakka đã thể hiện sự kính trọng, chắp tay lên, thỉnh cầu lần nữa: "Nếu hai vị không nỗ lực để thực hiện lời nói của trẫm, vậy thì lúc nào nữ đạo sĩ là đến thời kỳ có kinh nguyệt, khi ấy thưa đạo sĩ, ông có thể chạm vào lỗ rún bằng ngón tay cái bên phải, do việc ấy nàng ấy sẽ mang thai. Chính điều ấy là sự đã được hội tụ của việc nhập vào bào thai." "Này Kosiya, tôi có thể thực hiện điều ấy. Chỉ chừng ấy thì sự khổ hạnh của chúng tôi sẽ không bị đổ vỡ. Hãy là như thế." Họ đã chấp nhận.

Hơn nữa, vào thời điểm ấy, ở cõi trời có vị thiên tử có thiện căn dồi dào, có tuổi thọ đã cạn kiệt, đã đạt đến sự chấm dứt tuổi thọ, có khả năng hạ sanh theo như ước muốn, thậm chí vào gia tộc của đức Chuyển Luân. Khi ấy, Thiên chủ Sakka đã đi đến gặp vị thiên tử ấy và nói như vầy: "Thưa Ngài, hãy đến, là ngày vô cùng rạng rỡ cho Ngài. Việc thành công có ý nghĩa đã đến, là việc trẫm đã đi đến phục vụ cho Ngài, Ngài sẽ có chốn cư ngụ ở nơi đáng yêu, sẽ có sự tái sanh ở gia tộc thích hợp, sẽ có sự được nuôi dưỡng bởi cha mẹ tốt lành, hãy đến, hãy làm theo lời nói của trẫm." Rồi đã chắp tay ở đỉnh đầu thỉnh cầu đến lần thứ nhì, thỉnh cầu đến lần thứ ba. Do đó, vị thiên tử ấy đã nói như vầy: "Thưa Ngài, gia tộc nào mà Ngài liên tục ca tụng lặp đi lặp lại?" "Là đạo sĩ Dukūla và nữ

[13] Nguyên bản Pāḷi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 4. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

đạo sĩ Pārikā.” Lắng nghe lời nói của vị ấy, vị thiên tử đã hoan hỷ chấp nhận: “Thưa Ngài, tốt lắm! Vậy hãy theo ước muốn của Ngài. Thưa Ngài, tôi đang mong ước có thể sanh ra ở chủng loại đã được mong mỏi. Vậy tôi được sanh ra ở chủng loại nào: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hay hóa sanh?” “Thưa Ngài, Ngài được sanh ra theo lối thai sanh.”

6. Khi ấy, Thiên chủ Sakka, sau khi tính đếm ngày thọ sanh, đã thông báo cho đạo sĩ Dukūla rằng: “Vào ngày ấy, nữ đạo sĩ sẽ đến thời kỳ có kinh nguyệt, thưa ngài, khi ấy ngài nên chạm vào lỗ rún bằng ngón tay cái bên phải.” Tâu Đại vương, vào ngày ấy nữ đạo sĩ đã đến thời kỳ có kinh nguyệt, và vị thiên tử đã đi đến, đã hiện diện ở nơi ấy. Và vị đạo sĩ đã chạm vào lỗ rún của vị nữ đạo sĩ bằng ngón tay cái bên phải. Như thế, các việc ấy đã là ba sự hội tụ. Do việc chạm vào lỗ rún, ái luyến đã sanh khởi ở người nữ đạo sĩ. Hơn nữa, ái luyến ấy của cô ta là do việc chạm vào lỗ rún. Xin Đại vương chớ nghĩ rằng việc chạm vào lỗ rún ấy chính là sự hư hỏng. Cười giỡn cũng là sự hội tụ. Ngợi khen cũng là sự hội tụ. Chú tâm cũng là sự hội tụ. Do sự sanh khởi của ái luyến đã được tạo ra trước đó, do sự chạm vào mà sự hội tụ được sanh lên. Do sự hội tụ mà có sự nhập thai.

7. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy xua đi sự lạnh cho người đã đến gần mặc dầu không có sự chạm vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh là do bốn tác động: Do tác động của nghiệp, do tác động của nguồn gốc, do tác động của chủng loại, do tác động của sự thỉnh cầu. Hơn nữa, tất cả chúng sanh này có sự tạo thành do nghiệp, có sự sanh lên do nghiệp.

Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, các chúng sanh có thiện căn dồi dào sanh lên theo như ước muốn ở gia tộc Sát-đế-lỵ giàu có, hoặc ở gia tộc Bà-la-môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia giàu có, hoặc ở giữa chư thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguồn gốc thai sanh, hoặc từ nguồn gốc thấp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Tâu Đại vương, giống như người nam có tài sản lớn, có của cải lớn, có dồi dào vàng bạc, dồi dào vật sở hữu dự phòng, có dồi dào tài sản và ngũ cốc, có dồi dào thân quyến và phe nhóm, sau khi cho ra tài sản đến hai ba lần rồi mua theo như ước muốn bất cứ vật gì được mong mỏi bởi tâm, hoặc là tớ gái, hay tớ trai, hoặc là ruộng, vườn, làng mạc, thị trấn, hay là xứ sở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các chúng sanh có thiện căn dồi dào sanh lên theo như ước muốn ở gia tộc Sát-đế-lỵ giàu có, hoặc ở gia tộc Bà-la-môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia giàu có, hoặc ở giữa chư thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguồn gốc thai sanh, hoặc từ nguồn gốc thấp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là như vậy.

8. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, đối với giống gà mái thì có sự nhập vào bào thai do cơn gió, đối với loài hạc thì có sự nhập vào bào thai do cơn mưa. Thậm chí toàn bộ chư thiên không nằm trong bào thai cũng là chúng sanh. Đối với các hạng ấy thì có sự nhập vào bào thai bằng nhiều cách thức khác nhau. Tâu Đại vương, giống như những con người đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau, một số trùm kín phía trước, một số trùm kín phía sau, một số thì lõa thể, một số thì cạo đầu mang vải màu trắng, một số thì buộc tràng hoa, một số thì cạo đầu mặc y ca-sa, một số thì mặc y ca-sa cột búi tóc, một số thì bện tóc mang y bằng vỏ cây, một số thì mặc da thú, một số quấn các sợi dây. Tất cả những con người này đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chúng sanh chính là tất cả các hạng ấy. Đối với các hạng ấy thì có sự nhập vào bào thai bằng nhiều cách thức khác nhau. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là như vậy.

9. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, chủng loại nghĩa là có bốn chủng loại: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh. Ở đây nếu chúng sanh đi đầu thai từ bất cứ nơi đâu đi đến rồi sanh lên ở chủng loại noãn sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng noãn sanh. … (nt)… ở chủng loại thai sanh… (nt)… ở chủng loại thấp sanh… (nt)… sanh lên ở chủng loại hóa sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng hóa sanh. Các chúng sanh như thế ấy hiện hữu trong các chủng loại ấy. Tâu Đại vương, giống như các con thú hay loài có cánh nào đó đi đến núi Hy-mã-lạp hoặc núi Sineru, tất cả bọn chúng lìa bỏ màu sắc của mình và trở thành màu sắc vàng chói. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chúng sanh đi đầu thai nào đó từ bất cứ nơi đâu đi đến rồi nhập vào nguồn gốc noãn sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng noãn sanh. … (nt)… nhập vào nguồn gốc thai sanh… (nt)… thấp sanh… (nt)… hóa sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là như vậy.

10. Tâu Đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của của sự thỉnh cầu nghĩa là thế nào? Tâu Đại vương, ở đây có gia tộc không có con trai, có nhiều của cải thừa tự, có đức tin, tịnh tín, có giới hạnh, có tư cách tốt đẹp, sống theo hạnh khắc khổ, và có vị thiên tử có thiện căn dồi dào và đến thời tử vong. Khi ấy, Thiên chủ Sakka vì lòng thương tưởng đến gia tộc ấy đã thỉnh cầu vị thiên tử ấy rằng: "Thưa Ngài, xin Ngài hãy ngự đến tử cung của người vợ chánh ở gia tộc kia." Do nguyên nhân thỉnh cầu của vị ấy, vị thiên tử ngự đến gia tộc ấy. Tâu Đại vương, giống như những người có lòng mong mỏi phước báu sau khi thỉnh cầu vị Sa-môn xứng đáng được phát tâm, thì đi về nhà [nghĩ rằng]: "Vị này sau khi đến sẽ là nguồn an lạc cho toàn bộ gia tộc." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Thiên chủ Sakka sau khi thỉnh cầu vị thiên tử ấy thì đi đến gia tộc ấy. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của sự thỉnh cầu nghĩa là như vậy.

11. Tâu Đại vương, cậu bé trai Sāma được Thiên chủ Sakka thỉnh cầu đã nhập bào tử cung của nữ đạo sĩ Pārikā. Mẹ và cha là người có giới hạnh, có tư cách tốt đẹp. Người thỉnh cầu là Sakka. Cậu bé trai Sāma được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tâu Đại vương, ở đây có người nam rành rẽ cách thức gieo hạt giống ở thửa ruộng ẩm được cày kỹ lưỡng. Trong khi hạt giống ấy đang được ngăn ngừa tai họa, phải chăng có thể có tai họa nào đó cho sự phát triển của nó?

– Thưa Ngài, không thể. Hạt giống không bị hãm hại thì có thể tăng trưởng nhanh chóng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cậu bé trai Sāma được thoát khỏi các tai họa đã khởi lên, đã được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây có xứ sở rộng lớn, giàu có, thịnh vượng, có dân cư, đã bị tiêu diệt hoàn toàn bởi tâm khởi sân của các vị ẩn sĩ?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Điều được nghe là ở trái đất khu rừng Daṇḍaka, khu rừng Mejjha, khu rừng Kāliṅga, khu rừng Mātaṅga, tất cả các khu rừng ấy đã trở thành không còn là rừng, có trạng thái không phải là rừng, và toàn bộ các xứ sở này cũng đã đi đến hoại diệt bởi tâm khởi sân của các vị ẩn sĩ.

– Tâu Đại vương, nếu các xứ sở vô cùng giàu có bị tiêu diệt bởi tâm khởi sân của những vị ấy, phải chăng có sự an lạc nào đó có thể sanh lên bởi sự hoan hỷ ở tâm của các vị ấy?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy cậu bé trai Sāma đã được sanh ra do sự hoan hỷ ở tâm của ba hạng có năng lực là: Được tạo ra bởi hai vị ẩn sĩ, được tạo ra bởi vị thiên nhân, được tạo ra do phước báu.

– Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế. Tâu Đại vương, được thỉnh cầu bởi Thiên chủ Sakka, ba vị thiên tử này đã sanh lên ở gia tộc. Ba vị nào? Cậu bé trai Sāma, [vương tử] Mahapanāda,[14] và đức Vua Kusa.[15] Cả ba người này đều là các đức Bồ-tát.

– Thưa Ngài Nāgasena, sự nhập vào bào thai đã khéo được giải thích. Lý do đã được giảng giải rõ ràng. Ánh sáng đã được tạo ra ở nơi tăm tối. Cục rối đã được tháo gỡ. Học thuyết của những kẻ khác không còn chói sáng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự nhập vào bào thai" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ SỰ BIẾN MẤT CỦA CHÁNH PHÁP (*Saddhammantaradhānapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

---

[14] *Bổn sanh* "Đức Vua Suruci" (*Surucijātakaṃ*), số 489, *TTPV*, tập 32. (ND)

[15] *Bổn sanh* "Đức Vua Kusa" (*Kusajātakaṃ*), số 531, *TTPV*, tập 33. (ND)

"Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm." Và thêm nữa, vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, được hỏi bởi du sĩ ngoại đạo Subhadda, đức Thế Tôn đã nói rằng: **"Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán." Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đổi. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: "Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm", như thế thì lời nói rằng: "Thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán" là sai trái. Nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: "Thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán", như thế thì lời nói rằng: "Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm" cũng là sai trái.** Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị rối rắm còn hơn bụi rậm, mạnh mẽ hơn người lực sĩ, bị thắt lại còn hơn nút thắt, nó được dành cho Ngài. Ở đây, xin Ngài hãy phô bày sự triển khai về năng lực trí tuệ của Ngài như là con kình ngư di chuyển ở giữa biển khơi.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm." Và vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, có lời đã được nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằng: "Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán." Tâu Đại vương, hơn nữa lời nói ấy của đức Thế Tôn là có ý nghĩa khác nhau và có văn tự khác nhau. Điều này là giới hạn của giáo pháp, điều kia là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Cả hai điều ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu Đại vương, giống như bầu không gian là cách biệt xa vời với trái đất, địa ngục là cách biệt xa vời với cõi trời, thiện là cách biệt xa vời với bất thiện, lạc là cách biệt xa vời với khổ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cả hai điều ấy là cách biệt xa vời với nhau. Tâu Đại vương, tuy nhiên chớ làm cho câu hỏi của Đại vương là vô bổ. Tôi sẽ so sánh và giảng giải cho Đại vương về phần cốt yếu. Điều mà đức Thế Tôn đã nói rằng: "*Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm*", trong khi làm sáng tỏ sự hoại diệt ấy Ngài đã xác định phần còn lại rằng: "*Này Ānanda, Chánh pháp có thể tồn tại một ngàn năm nếu các Tỳ-khưu-ni không xuất gia. Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.*" Tâu Đại vương, đức Thế Tôn trong khi nói như vậy phải chăng Ngài nói về sự biến mất của Chánh pháp hay là Ngài bác bỏ về sự lãnh hội?

– Thưa Ngài, không phải vậy.

– Tâu Đại vương, trong khi công bố về việc bị tiêu hoại, trong khi làm sáng tỏ, Ngài đã xác định phần còn lại. Tâu Đại vương, giống như người bị phá sản, sau khi nắm chắc phần còn lại, có thể làm sáng tỏ đối với dân chúng rằng: "Phần hàng hóa của tôi bị mất mát là chừng này, đây là phần còn lại." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn, trong khi làm sáng tỏ việc bị tiêu hoại, đã thuyết giảng cho chư thiên và nhân loại rằng: "*Này Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.*"

Tâu Đại vương, tuy nhiên điều đã được nói bởi đức Thế Tôn rằng: "*Này*

Ānanda, giờ đây Chánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm"; điều ấy là giới hạn của giáo pháp. Còn điều mà vào thời điểm viên tịch Niết-bàn, trong lúc công bố cho các vị Sa-môn, Ngài đã nói cho du sĩ ngoại đạo Subhadda rằng: "*Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán*"; điều ấy là sự làm sáng tỏ về việc thực hành. Hơn nữa, Đại vương đã khiến cho sự giới hạn và sự làm sáng tỏ trở thành có chung điều cốt yếu. Nếu Đại vương có sự mong muốn, tôi sẽ thuyết giảng. Xin Đại vương hãy chăm chú lắng nghe, hãy chú ý với tâm không bị xao lãng. Tâu Đại vương, ở đây có hồ nước tràn đầy nước mới, trong khi sẽ tràn bờ thì đã được giới hạn lại, đã được làm con đê bao quanh, khi nước ở chính cái hồ ấy chưa bị tháo cạn, có đám mây lớn ở phía trên tuần tự đổ mưa liên tục. Tâu Đại vương, phải chăng nước ở hồ nước ấy có thể đi đến sự cạn kiệt, đi đến sự tháo cạn?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì sự liên tục của cơn mưa.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cái hồ nước Chánh pháp cao quý trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng được tràn đầy nước mới không ô nhiễm là tánh hạnh, giới đức, phận sự và sự thực hành, là vượt lên trên, vượt qua khỏi cảnh giới tột cùng của hiện hữu và tồn tại. Nếu những người con trai của đức Phật trong giáo pháp này có thể liên lục, có thể đổ xuống tuần tự cơn mưa từ đám mây tánh hạnh, giới đức, phận sự và sự thực hành, như thế hồ nước Chánh pháp cao quý trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: "*Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán.*"

3. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây trong khi đống lửa lớn đang rực cháy, người ta tuần tự đem lại các thứ cỏ, củi, phân bò khô. Tâu Đại vương, phải chăng khối lửa ấy có thể nguội tắt?

– Thưa Ngài, không đúng. Khối lửa ấy có thể rực cháy hơn nữa, có thể tỏa sáng còn nhiều hơn nữa.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng rực cháy, tỏa sáng ở mười ngàn thế giới với tánh hạnh, giới đức, phận sự và sự thực hành.

Tâu Đại vương, nếu những người con trai của đức Phật được hội đủ năm chi phần của sự nỗ lực, thường xuyên không bị xao lãng, có thể nỗ lực còn hơn thế nữa, có thể học tập với lòng ước muốn đã được sanh khởi về tam học, có thể làm đầy đủ một cách trọn vẹn về sự thực hành và sự kiêng cữ về giới, như thế giáo pháp cao quý này của đấng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài còn hơn thế nữa, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán. Liên quan đến ý nghĩa này là điều đã được đức Thế Tôn nói đến rằng: "*Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán.*"

4. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây họ có thể đánh bóng tuần tự tấm gương trơn láng, bằng phẳng, khéo được đánh bóng, có ánh sáng, hoàn toàn trong sáng, bằng bột phấn đỏ trơn và mịn. Tâu Đại vương, phải chăng vết bẩn, bùn, bụi bặm có thể hiện lên ở tấm gương ấy?

– Thưa Ngài, không đúng. Ngược lại, nó còn trở nên trong sáng hơn nữa.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng tự nhiên vốn không có vết nhơ, đã xa lìa hẳn vết nhơ và bụi bặm phiền não. Nếu những người con trai của đức Phật có thể nhẫn nại thực hành giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng với tánh hạnh, giới đức, phận sự, sự thực hành, sự giảm thiểu và hạnh từ khước, như thế giáo pháp cao quý này của đấng Chiến Thắng có thể tồn tại thời gian lâu dài, và thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán; điều đã được đức Thế Tôn nói rằng: "*Này Subhadda, nếu các Tỳ-khưu này sống chân chánh, thế gian sẽ không thiếu vắng các vị A-la-hán*" là có liên quan đến ý nghĩa này. Tâu Đại vương, giáo pháp của bậc Đạo sư có căn bản là sự thực hành, có cốt lõi là sự thực hành, còn tồn tại khi nào sự thực hành chưa bị biến mất.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều Ngài nói là: "*Sự biến mất của Chánh pháp*", sự biến mất của Chánh pháp ấy là gì?

– Tâu Đại vương, đây là ba sự biến mất của giáo pháp. Ba điều gì? Sự biến mất của việc chứng đắc, sự biến mất của việc thực hành, sự biến mất của tướng mạo. Tâu Đại vương, khi việc chứng đắc bị biến mất, thì ngay cả đối với những người thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Khi việc thực hành bị biến mất, thì điều học và sự quy định bị biến mất, chỉ còn tướng mạo tồn tại. Khi tướng mạo bị biến mất, thì có sự đứt đoạn của truyền thống. Tâu Đại vương, đây là ba sự biến mất của giáo pháp.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi thâm sâu đã khéo được giảng giải, đã được làm rõ, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị hư hoại, đã bị đổ vỡ, đã được làm cho không còn hào quang, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý nhất trong số các vị có đồ chúng.

"Câu hỏi về sự biến mất của Chánh pháp" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC CẮT ĐỨT PHÁP BẤT THIỆN (*Akusalacchedanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, hay là đã đạt đến bản thể toàn tri khi pháp bất thiện còn dư sót.

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện. Không có pháp bất thiện còn dư sót ở đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài, phải chăng các thọ khổ trước đây đã khởi lên ở cơ thể của đức Như Lai?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Ở Rājagaha, bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miểng đá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi, khi cơ thể bị tiết ra chất dơ Jīvaka đã cho sử dụng liều thuốc xổ, khi cơn bệnh gió phát khởi vị Trưởng lão thị giả đã tìm kiếm nước nóng.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, như thế thì lời nói rằng: "Bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miểng đá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi" là sai trái. Nếu bàn chân của đức Như Lai đã bị cắt đứt bởi miểng đá, cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi, như thế thì lời nói: "Đức Như Lai đã đạt đến bản thể toàn tri sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện" cũng là sai trái. Thưa Ngài, không có cảm thọ tách rời khỏi nghiệp, tất cả cảm thọ ấy có gốc rễ ở nghiệp, được cảm nhận chỉ do nghiệp. Câu hỏi này có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

3. – Tâu Đại vương, không hẳn tất cả cảm thọ ấy có gốc rễ ở nghiệp. Tâu Đại vương, các cảm thọ sanh lên do tám lý do, do các lý do ấy chúng sanh phàm phu cảm nhận các thọ. Do tám lý do nào? Tâu Đại vương, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là gió; tâu Đại vương… (nt)… có nguồn sanh khởi là mật; tâu Đại vương… (nt)… có nguồn sanh khởi là đàm; tâu Đại vương… (nt)… có liên quan đến sự tụ hội [của gió, mật, đàm]; tâu Đại vương… (nt)… do sự thay đổi của mùa tiết; tâu Đại vương… (nt)… do sự sinh hoạt không đều đặn; tâu Đại vương… (nt)… có liên quan đến việc ra sức; tâu Đại vương một số cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Tâu Đại vương, do tám lý do này chúng sanh phàm phu cảm nhận các thọ. Ở đây, những chúng sanh nào nói rằng: "Nghiệp đày đọa các chúng sanh", những người ấy phủ nhận lý do. Lời nói ấy của những người ấy là sai trái.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, việc có liên quan đến gió, việc có liên quan đến mật, việc có liên quan đến đàm, việc có liên quan đến sự tụ hội [của gió, mật, đàm], việc do sự thay đổi của mùa tiết, việc do sự sinh hoạt không đều đặn, việc có liên quan đến việc ra sức, tất cả các việc ấy có nguồn sanh khởi cũng ở nghiệp, tất cả các việc ấy tạo thành cũng do nghiệp.

– Tâu Đại vương, nếu tất cả các bệnh tật ấy có nguồn sanh khởi chỉ là nghiệp, thì chúng không có các đặc điểm để phân loại. Tâu Đại vương, gió trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo mười cách: Do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do ăn quá độ, do đứng, do tinh tấn, do chạy, do việc ra sức, do quả thành tựu của nghiệp. Trong số đó, có chín cách sanh lên không ở quá khứ, không ở vị lai, mà ở bản thể hiện tại. Vì thế, không nên nói rằng: "Tất cả các thọ có sự tạo thành do nghiệp."

Tâu Đại vương, mật trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo ba cách: Do lạnh, do nóng, do vật thực không đều. Tâu Đại vương, đàm trong khi bị rối loạn thì bị rối loạn theo ba cách: Do lạnh, do nóng, do thức ăn thức uống. Tâu Đại vương, cái nào là gió, cái nào là mật, cái nào là đàm, sau khi bị rối loạn do các sự rối loạn bởi chúng, sau khi có sự trộn lẫn thì kéo theo thọ của từng cái một.

Tâu Đại vương, thọ do sự thay đổi của mùa tiết sanh lên do sự thay đổi của mùa tiết, thọ do sự sinh hoạt không đều đặn sanh lên do sự sinh hoạt không đều đặn. Tâu Đại vương, thọ có liên quan đến việc ra sức thì có cái do hành động, có cái do quả thành tựu của nghiệp. Thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp sanh lên do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, như thế do quả thành tựu của nghiệp thì ít, phần còn lại thì nhiều hơn. Ở đây, những kẻ ngu vượt quá [khi cho rằng]: "Tất cả đều do quả thành tựu của nghiệp"; thiếu đi trí tuệ của đức Phật không thể thực hiện việc xác định đối với nghiệp ấy.

Tâu Đại vương, hơn nữa việc bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá, cảm thọ ấy không có nguồn sanh khởi là gió, không có nguồn sanh khởi là mật, không có nguồn sanh khởi là đàm, không có liên quan đến sự tụ hội [của gió, mật, đàm], không do sự thay đổi của mùa tiết, không do sự sinh hoạt không đều đặn, không do quả thành tựu của nghiệp, chỉ có liên quan đến việc ra sức. Tâu Đại vương, bởi vì Devadatta đã buộc oan trái với đức Như Lai nhiều trăm ngàn kiếp sống. Do sự oan trái ấy, kẻ ấy đã cầm lấy hòn đá to nặng rồi buông ra [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho rơi ở đỉnh đầu." Khi ấy, có hai tảng đá khác đã tiến đến hứng chịu hòn đá ấy khi còn chưa chạm vào đức Như Lai. Do sự va chạm của chúng, có miếng đá bị bể đã rơi vào bàn chân của đức Thế Tôn và làm chảy máu. Tâu Đại vương, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy.

Tâu Đại vương, giống như hạt giống không nẩy mầm hoặc là do tính chất tồi tệ của thửa ruộng, hoặc là do tính chất tồi tệ của hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như vật thực trở nên lổn cổn hoặc là do tính chất tồi tệ của bao tử, hoặc là do tính chất tồi tệ của thức ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, thọ ấy nảy sanh đến đức Thế Tôn hoặc là do quả thành tựu của nghiệp hoặc là do hành động; không có thọ khác ở trên việc ấy.

Tâu Đại vương, hơn nữa đối với đức Thế Tôn không có thọ do quả thành tựu của nghiệp, không có thọ do sự sinh hoạt không đều đặn. Đối với đức Thế Tôn, thọ sanh lên do các nguồn sanh khởi còn lại. Hơn nữa, không thể đoạt lấy mạng sống đức Thế Tôn bởi thọ ấy. Tâu Đại vương, các thọ được ưa thích hay không được ưa thích, tốt hay xấu, rơi xuống ở thân tứ đại này. Tâu Đại vương, ở đây cục đất được ném lên không trung thì rơi xuống đại địa cầu. Tâu Đại vương, phải chăng cục đất ấy rơi xuống đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây?

5. – Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, không có nhân ấy ở đại địa cầu, mà do nhân ấy đại địa cầu nhận chịu quả thành tựu thiện hay bất thiện. Thưa Ngài, cục đất ấy rơi xuống đại địa cầu do nhân hiện tại không có liên quan đến nghiệp.

– Tâu Đại vương, đại địa cầu là như thế nào thì đức Như Lai nên được xem xét như vậy. Giống như cục đất rơi xuống đại địa cầu không do nghiệp đã làm trước đây, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai miếng đá ấy đã rơi xuống ở bàn chân không do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, vả lại ở đây con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu, tâu Đại vương, phải chăng con người cắt xẻ và đào xới đại địa cầu do nghiệp đã làm trước đây?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế ấy, miếng đá nào đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thế Tôn miếng đá ấy đã rơi xuống ở bàn chân của đức Thế Tôn không do nghiệp đã làm trước đây. Tâu Đại vương, còn cơn bệnh xuất huyết đã phát khởi đến đức Thế Tôn, cơn bệnh ấy đã phát khởi không do nghiệp đã làm trước đây, nó đã phát khởi có liên quan đến chính sự tụ hội [của gió, mật, đàm]. Tâu Đại vương, mọi cơn bệnh thuộc về thân đã phát khởi ở đức Thế Tôn, chúng đã không sanh ra do nghiệp, mà đã được sanh ra từ nguồn sanh khởi nào đó trong số sáu nguồn sanh khởi. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, nói đến ở lời giải thích cho Moliyasīvaka ở đoạn *Varalañchaka* (*Dấu ấn cao quý*) thuộc *Saṃyuttanikāya* (*Tương ưng bộ*) rằng:

"Này Sīvaka, ở đây, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, tự bản thân nên biết về điều này là một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, ngay cả đối với thế gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rằng một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là mật. Này Sīvaka, về điều này những Sa-môn, Bà-la-môn nào có học thuyết như vầy, có quan điểm như vầy: 'Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, tất cả điều ấy có nhân là việc đã làm trong quá khứ', họ vượt quá điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điều đã được chấp nhận là sự thật ở thế gian. Vì thế, Ta nói rằng: 'Điều sai trái thuộc về các Sa-môn, Bà-la-môn ấy.' Này Sīvaka, ở đây, một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là đàm. Này Sīvaka... (nt)... có nguồn sanh khởi là gió. Này Sīvaka... (nt)... có nguồn sanh khởi là sự tụ hội [của gió, mật, đàm]. Này Sīvaka... (nt)... do sự thay đổi của mùa tiết. Này Sīvaka... (nt)... do sự sinh hoạt không đều đặn. Này Sīvaka... (nt)... có liên quan đến việc ra sức. Này Sīvaka một số cảm thọ sanh lên do quả thành tựu của nghiệp. Này Sīvaka tự bản thân nên biết về điều này là một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là quả thành tựu của nghiệp. Này Sīvaka, ngay cả đối với thế gian điều này cũng được chấp nhận là sự thật rằng một số cảm thọ sanh lên có nguồn sanh khởi là quả thành tựu của nghiệp. Này Sīvaka, về điều này những Sa-môn, Bà-la-môn nào có học thuyết như vầy, có quan điểm như vầy: 'Bất cứ điều gì mà người nam này cảm giác được, là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, tất cả điều ấy có nhân là việc đã làm trong quá khứ', họ vượt quá điều đã được tự mình biết, họ vượt quá điều đã được chấp nhận là sự thật ở thế gian. Vì thế, Ta nói rằng: 'Điều sai trái thuộc về các Sa-môn, Bà-la-môn ấy.'"

Tâu Đại vương, như thế không hẳn tất cả các thọ sanh ra do quả thành tựu của nghiệp. Tâu Đại vương, sau khi thiêu đốt tất cả pháp bất thiện, đức Thế Tôn đã đạt đến bản thể toàn tri, xin Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự cắt đứt pháp bất thiện" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG VIỆC GÌ CẦN PHẢI LÀM THÊM NỮA (*Uttarikaraṇīyābhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài đã nói rằng: **"Bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại gốc cây Bồ-đề. Đối với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm."** Và ba tháng thiền tịnh này được ghi nhận. Thưa Ngài Nāgasena, nếu bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại gốc cây Bồ-đề. Đối với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm, như thế thì lời nói 'ba tháng thiền tịnh' là sai trái. Nếu có ba tháng thiền tịnh, như thế thì lời nói 'bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại gốc cây Bồ-đề' cũng là sai trái. Không có thiền tịnh đối với người có việc cần phải làm đã được làm xong, thiền tịnh là chỉ riêng đối với người có việc cần phải làm. Giống như chỉ riêng đối với người bị bệnh thì có việc cần phải làm với thuốc men, còn đối với người không bị bệnh thì có việc gì với thuốc men? Chỉ riêng đối với người đói thì có việc cần phải làm với thức ăn, còn đối với người không đói thì có việc gì với thức ăn? Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, không có thiền tịnh đối với người có việc cần phải làm đã được làm xong, thiền tịnh là chỉ riêng đối với người có việc cần phải làm. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh. Nó được dành cho Ngài, nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, bất cứ việc gì cần phải làm đối với đức Như Lai, tất cả các việc ấy đã được hoàn tất ở ngay tại gốc cây Bồ-đề. Đối với đức Như Lai, không có việc gì cần phải làm thêm nữa, hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm, và đức Như Lai có thiền tịnh ba tháng. Tâu Đại vương, thiền tịnh quả là có nhiều công đức. Tất cả các đức Như Lai đều thiền tịnh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh. Tâu Đại vương, giống như người nam đã nhận được ân huệ, đã đạt được của cải nhờ vào sự thân cận đức vua. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, gã liên tục đi đến phục vụ đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các đức Như Lai đều thiền tịnh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị nhiễm bệnh, khổ sở, có bệnh trầm trọng, sau khi đến gặp người thầy thuốc thì thành tựu sự an vui.

Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, gã thường xuyên đi đến gặp người thầy thuốc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tất cả các đức Như Lai đều thiền tịnh rồi mới đạt đến bản thể toàn tri. Trong khi nhớ lại đức tính đã được thực hiện tốt đẹp ấy, các Ngài tiến hành thiền tịnh.

3. Tâu Đại vương, hơn nữa đây là hai mươi tám đức tính của thiền tịnh. Trong khi thấy rõ những đức tính này, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh. Hai mươi tám đức tính gì? Tâu Đại vương, ở đây thiền tịnh hộ trì bản thân người đang thiền tịnh, làm tăng trưởng tuổi thọ, ban cho sức mạnh, lấp lại tội lỗi, loại trừ điều tai tiếng, đem lại danh tiếng, xua đi sự không hứng thú, cung cấp sự hứng thú, loại trừ sự sợ hãi, làm sanh lên sự tự tin, loại trừ sự lười biếng, tạo ra sự tinh tấn, loại trừ sự tham đắm, loại trừ sự sân hận, loại trừ sự si mê, tiêu diệt sự ngã mạn, phá vỡ sự suy tư, làm cho tâm chuyên nhất, làm cho tâm được trong sáng, sanh ra sự tươi vui, tạo sự kính trọng, làm cho đạt được sự lợi ích, tạo sự cung kính, khiến cho thành tựu hỷ, tạo sự hân hoan, làm cho thấy được bản thể của các sự tạo tác, diệt trừ sự nối liền với việc tái sanh, ban cho toàn bộ Sa-môn hạnh. Tâu Đại vương, đây là hai mươi tám đức tính của thiền tịnh. Trong khi thấy rõ những đức tính này, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh.

Tâu Đại vương, hơn nữa với ý muốn tận hưởng sự an tịnh, an lạc, sự hứng thú trong việc chứng đạt, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh với ý định dứt khoát. Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì bốn lý do. Vì bốn lý do gì? Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì tính chất an lạc của việc cư trú, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh nhằm sự gia tăng đức hạnh của việc không phạm lỗi lầm, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì đường lối trọn vẹn của bậc Thánh, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì đã được tán dương, khen ngợi, ca tụng của tất cả chư Phật. Tâu Đại vương, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì bốn lý do này. Tâu Đại vương, như thế các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh không phải vì có việc gì cần phải làm, không phải vì sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Quả vậy, các đức Như Lai tiến hành thiền tịnh vì thấy được tính chất đặc biệt về đức tính [của thiền tịnh].

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về tính chất không việc gì cần phải làm thêm nữa” là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ SỰ NHẬN THỨC ĐỐI VỚI NĂNG LỰC CỦA THẦN THÔNG (*Iddhibaladassanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp. Này Ānanda, Như Lai trong khi mong muốn có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Từ nay cho đến hết ba tháng, Như Lai sẽ viên tịch Niết-bàn.”** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói

bởi đức Thế Tôn là: “**Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,**... (nt)... **có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp**”, như thế thì giới hạn ba tháng là sai trái. Nếu việc giới hạn ba tháng là sự thật, như thế thì lời nói rằng: “**Có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp**” là sai trái. Đối với các đức Như Lai, không có việc đã phát biểu về điều không có cơ sở. Chư Phật, Thế Tôn có lời nói không rồ dại, có lời nói chân thật, có lời nói không hai nghĩa. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, thâm sâu, vô cùng khôn khéo, khó phân giải. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy phá vỡ mạng lưới tà kiến này. Xin Ngài hãy xác định về điều chắc thật. Xin Ngài hãy đánh đổ học thuyết của những kẻ khác.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,**... (nt)... **có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp.”** Và giới hạn ba tháng đã được nói đến. Và hơn nữa, kiếp ấy được gọi là kiếp của tuổi thọ. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không phải là đang tán dương năng lực của bản thân mà đã nói như vậy. Tuy nhiên, tâu Đại vương, đức Thế Tôn trong khi đang tán dương năng lực của thần thông mà đã nói như vậy: **“Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập,**... (nt)... **có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp.”** Tâu Đại vương, giống như con ngựa thuần chủng của đức vua có sự di chuyển nhanh với tốc độ của gió. Đức vua trong khi tán dương năng lực về tốc độ của con ngựa có thể nói ở giữa dân chúng gồm có thị dân, dân chúng, nhân công, binh lính, Bà-la-môn, gia chủ, và các quan đại thần như vầy: “Này các khanh, con ngựa quý giá này của trẫm trong khi mong muốn có thể đi dọc theo trái đất được bao quanh bởi nước của biển cả rồi đi về đây trong giây lát.” Dầu không phô bày sự di chuyển nhanh chóng cho hội chúng ấy, nhưng sự nhanh chóng ấy của nó được biết đến, và nó có khả năng đi dọc theo trái đất được bao quanh bởi nước của biển cả trong giây lát.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn không phải là đang tán dương năng lực của bản thân mà đã nói như vậy. Tuy nhiên, điều ấy đã được nói [bởi đức Thế Tôn] sau khi ngồi xuống ở giữa các vị A-la-hán có ba minh, sáu thắng trí, không ô nhiễm, có các lậu hoặc đã cạn kiệt, cùng với chư thiên và nhân loại rằng: “*Này Ānanda, bốn nền tảng về thần thông của Như Lai đã được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp. Này Ānanda, Như Lai trong khi mong muốn có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp*.” Tâu Đại vương, và năng lực thần thông ấy của đức Thế Tôn được biết đến, và đức Thế Tôn có khả năng tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp nhờ vào năng lực thần thông. Nhưng đức Thế Tôn không phô bày năng lực thần thông cho hội chúng ấy. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không có mong muốn đối với tất cả các hữu, và đối với đức Thế Tôn tất cả các hữu là bị chê trách. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “*Này các Tỳ-khưu, cũng như phân bò dầu chỉ chút ít cũng có mùi thối, này các Tỳ-khưu, tương tợ y như*

thế, Ta không ca ngợi về sự hiện hữu dầu chỉ chút ít, thậm chí chỉ là thời gian của một khảy móng tay." Tâu Đại vương, sau khi xem tất cả các hữu, các cảnh giới, và các nguồn đưa đến tái sanh là tương đương với phân bò, phải chăng đức Thế Tôn còn thể hiện sự ước muốn và tham đắm ở các hữu thông qua năng lực của thần thông?

– Thưa Ngài, không đúng.

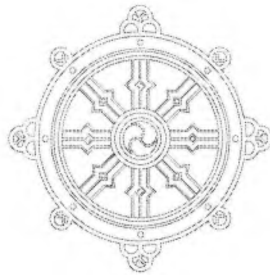
– Tâu Đại vương, chính vì điều ấy trong khi tán dương năng lực của thần thông đức Thế Tôn đã gầm lên tiếng rống sư tử của bậc Giác Ngộ có hình thức như thế.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự nhận thức đối với năng lực của thần thông" là thứ mười.

Phẩm Năng lực của thần thông là phẩm thứ nhất.

(Ở phẩm này có mười câu hỏi)



II. PHẨM KHÔNG BỊ CHIA RẼ
(*ABHEJJAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ CÁC ĐIỀU NHỎ NHẶT VÀ TIỂU TIẾT (*Khuddānukhuddakapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí."** Và còn nữa, ở sự quy định về Luật, Ngài đã nói như vầy: **"Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết."** Thưa Ngài Nāgasena, về việc đức Thế Tôn bảo hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết sau khi Ngài đã tịch diệt, phải chăng các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết đã được quy định sai, hay là đã được quy định khi không có sự việc [xảy ra], sau khi đã không nhận biết? Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **"Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí"**, như thế thì lời nói rằng: **"Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết"** là sai trái. Nếu ở sự quy định về Luật, đức Như Lai đã nói như vầy: **"Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết"**, như thế thì lời nói: **"Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí"** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, tinh vi, tế nhị, vô cùng khôn khéo, vô cùng sâu xa, khó phân giải. Nó được dành cho Ngài. Ở đây, xin Ngài hãy thể hiện sự triển khai về năng lực trí tuệ của Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết giảng giáo pháp sau khi đã hiểu biết tận tường, không phải không do thắng trí."** Và ở sự quy định về Luật, Ngài đã nói như vầy: **"Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết."** Tâu Đại vương, đức Như Lai đã nói điều ấy trong khi thử thách các vị Tỳ-khưu rằng: "Sau khi Ta tịch diệt, các đệ tử của Ta, trong khi hết bị ràng buộc với Ta, thì sẽ loại bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết, hay là sẽ gắn bó?" Tâu Đại vương, giống như đức Chuyển Luân Vương có thể nói với các con trai như vầy: "Này các con, lãnh thổ rộng lớn này được bao bọc bởi đại dương ở tất cả các phương. Này các con, để duy trì chừng ấy [lãnh thổ] bằng binh lực là việc làm khó khăn. Này các con, sau khi

ta băng hà các con hãy buông bỏ các khu vực biên địa.” Tâu Đại vương, phải chăng sau khi vua cha băng hà, các hoàng tử có thể buông lơi tất cả các khu vực biên địa ấy là phần lãnh thổ đã nắm trong tay?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, các vị vua còn ham muốn nhiều hơn. Các hoàng tử vì lòng tham đối với vương quốc có thể tóm thâu lãnh thổ hai lần ba lần hơn thế nữa, làm sao họ có thể buông lơi phần lãnh thổ đã nắm trong tay?

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trong khi thử thách các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: “Này Ānanda, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng trong khi mong muốn hãy hủy bỏ các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết.”

Tâu Đại vương, nhằm giải thoát hoàn toàn khổ đau, những người con trai của đức Phật với lòng tham muốn về giáo pháp có thể gìn giữ còn nhiều hơn một trăm năm mươi điều học, làm sao các vị lại buông lơi điều học đã được quy định theo truyền thống?

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà đức Thế Tôn đã nói về “các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết”, ở đây đám người này là mê muội, bị sanh khởi nỗi phân vân, bị tác động, bị khởi lên sự nghi ngờ. Các điều học nhỏ nhặt ấy là các điều nào? Các điều học tiểu tiết là các điều nào?

– Tâu Đại vương, điều học nhỏ nhặt là tội *dukkaṭa* (đã làm sai trái). Điều học tiểu tiết là tội *dubbhāsita* (đã nói sai trái). Hai loại này là các điều học nhỏ nhặt và tiểu tiết. Tâu Đại vương, các vị Đại trưởng lão trước đây đã nêu lên sự phân vân về điều này. Do đức Thế Tôn mà câu hỏi này đã được nêu ra; nó cũng đã gây ra sự không đồng nhất trong cuộc thảo luận về việc duy trì giáo pháp bởi các vị ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều bí ẩn của đấng Chiến Thắng bị bỏ quên bấy lâu, vào lúc này hôm nay đã được mở ra, đã được làm rõ ràng ở thế gian.

“Câu hỏi về các điều nhỏ nhặt và tiểu tiết” là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ CÂU TRẢ LỜI NÊN ĐƯỢC ĐÌNH CHỈ

(Ṭhapanīyabyākaraṇapañho)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai.” Và thêm nữa khi được Trưởng lão Māluṅkyaputta hỏi câu hỏi, Ngài đã không trả lời. Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi này có hai đầu mối và sẽ được nương vào một đầu mối: Hoặc là do sự không biết hoặc là do việc che giấu.** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **“Này Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai”**, như thế thì do không biết mà đã không trả lời cho Trưởng lão Māluṅkyaputta. Nếu trong khi biết mà đã không trả lời, như thế thì có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này Ānanda, không có bàn tay nắm lại của vị thầy ở các giáo lý của đức Như Lai"**, và câu hỏi được hỏi bởi Trưởng lão Māluṅkyaputta đã không được trả lời. Nhưng điều ấy không phải do sự không biết, không phải do việc che giấu. Tâu Đại vương, đây là bốn cách trả lời câu hỏi. Bốn cách nào? "Câu hỏi nên được trả lời dứt khoát, câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích, câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại, câu hỏi nên được đình chỉ."

Tâu Đại vương, câu hỏi **nên được trả lời dứt khoát** là câu hỏi nào? "Có phải sắc là vô thường" là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. "Có phải thọ là vô thường", "có phải tưởng là vô thường", "có phải các hành là vô thường", "có phải thức là vô thường" là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát. Đây là câu hỏi nên được trả lời dứt khoát.

Câu hỏi **nên được trả lời sau khi phân tích** là câu hỏi nào? "Chẳng lẽ sắc là vô thường" là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. "Chẳng lẽ thọ là vô thường", "chẳng lẽ tưởng là vô thường", "chẳng lẽ các hành là vô thường", "chẳng lẽ thức là vô thường" là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích. Đây là câu hỏi nên được trả lời sau khi phân tích.

Câu hỏi **nên được trả lời bằng sự hỏi lại** là câu hỏi nào? "Phải chăng nhận thức mọi thứ bằng con mắt?" Đây là câu hỏi nên được trả lời bằng sự hỏi lại.

Câu hỏi **nên được đình chỉ** là câu hỏi nào? "Thế giới là thường còn" là câu hỏi nên được đình chỉ. "Thế giới là không thường còn", "thế giới là có giới hạn", "thế giới là không có giới hạn", "thế giới là có giới hạn và không có giới hạn", "thế giới không phải là có giới hạn và cũng không phải là không có giới hạn", "mạng sống là vật ấy thân thể là vật ấy", "mạng sống là vật khác thân thể là vật khác", "có phải đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết", "có phải đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết", "có phải đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết", "có phải đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết" là câu hỏi nên được đình chỉ. Đây là câu hỏi nên được đình chỉ.

Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đã không trả lời câu hỏi nên được đình chỉ ấy của Trưởng lão Māluṅkyaputta. Vậy thì vì lý do gì mà câu hỏi ấy là nên được đình chỉ? Không có nguyên nhân hay là lý do cho việc làm sáng tỏ nó, do đó câu hỏi ấy là nên được đình chỉ. Đối với chư Phật Thế Tôn, không có việc thốt lên lời nói không có lý do, không có nguyên nhân.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc trả lời nên được đình chỉ" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ VIỆC SỢ HÃI HAY KHÔNG SỢ HÃI SỰ CHẾT (*Maccubhāyanābhāyanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết." Và thêm nữa Ngài đã nói rằng: **"Vị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi."** Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng vị A-la-hán không run sợ đối với mọi sự sợ hãi về hình phạt? Hay là các chúng sanh địa ngục bị đốt cháy, bị đun sôi, bị đốt nóng, bị đun nóng ở địa ngục, trong khi đang chết từ đại địa ngục có màng lưới lửa cháy rực ấy, mới sợ hãi sự chết? Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **"Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết"**, như thế thì lời nói rằng **"Vị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi"** là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **"Vị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi"**, như thế thì lời nói rằng: **"Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết"** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

– Tâu Đại vương, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn: **"Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết"** là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiền não, có tà kiến về bản ngã quá lố, có tính khí thăng trầm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: **"Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết"** là liên quan đến những người ấy. Tâu Đại vương, đối với vị A-la-hán, tất cả cảnh giới tái sanh đã bị chặt đứt, nguồn sản xuất đã bị tiêu hoại, sự nối liền với việc tái sanh đã bị hủy diệt, khung sườn đã bị phá vỡ, tất cả các điều kiện của hữu đã bị tiêu hủy, tất cả các hành đã bị trừ tuyệt, thiện và bất thiện đã bị thủ tiêu, vô minh đã bị tiêu tan, thức không còn chủng tử đã được tạo lập, tất cả phiền não đã được đốt cháy, các pháp thế gian đã được vượt lên; vì thế vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi. Tâu Đại vương, ở đây bốn vị quan đại thần của đức vua là trung thành, đã đạt danh tiếng, được tin cậy, được phong tước vị có quyền hành lớn lao. Rồi vào lúc có sự việc cần làm nào đó sanh khởi, đức vua ra lệnh đến tất cả dân chúng ở trong lãnh địa của mình rằng: "Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm. Các khanh, bốn quan đại thần, hãy hoàn thành sự việc cần làm ấy." Tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ do nỗi sợ hãi về thuế có thể sanh khởi cho bốn vị quan đại thần ấy?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, bốn người ấy đã được đức vua phong tước vị tối cao. Không có thuế má đối với họ. Họ vượt qua khỏi các loại thuế má. Điều đã được đức vua ra lệnh: "Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm" là liên quan đến những người còn lại.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiền não, có tà kiến về bản ngã quá lố, có tính khí

thăng trầm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: **“Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết”** là liên quan đến những người ấy. Do đó, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi.

– Thưa Ngài Nāgasena, lời nói ấy không bao gồm phần còn lại, lời nói “tất cả” ấy là trừ ra phần còn lại. Về việc ấy, xin Ngài hãy nói cho trẫm thêm về lý do để xác định lời nói ấy.

– Tâu Đại vương, ở đây người trưởng làng ở ngôi làng có thể ra lệnh cho viên mõ làng rằng: “Này ông mõ làng, hết thảy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau chóng tụ tập lại trước mặt tôi.” Người ấy, sau khi chấp nhận: “Tốt lắm, thưa trưởng làng”, đã đứng ở giữa làng thông báo ba lần rằng: “Hết thảy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau mau tụ tập lại trước mặt trưởng làng.” Sau đó, do lời nói của viên mõ làng, các dân làng đã cấp tốc tụ tập lại rồi báo cho ông trưởng làng rằng: “Thưa trưởng làng, tất cả dân làng đã tụ tập lại. Ngài có việc gì cần làm, xin hãy tiến hành điều ấy.”

Tâu Đại vương, người trưởng làng ấy, trong khi bảo những người chủ chốt tụ tập lại, thì ra lệnh cho tất cả dân làng như thế, và những người (dân làng) ấy dầu được ra lệnh nhưng không phải tất cả đều tụ tập lại, chỉ có những người chủ chốt tụ tập lại. Và người trưởng làng chấp nhận như thế: “Chỉ bấy nhiêu là dân làng của tôi.” Những người khác đã không đến là nhiều hơn: Đàn bà, đàn ông, tớ gái, tôi nam, người làm thuê, nhân công, khách lữ hành, người bệnh, bò, trâu, dê, cừu, chó; tất cả những ai không đến đều không tính. Điều đã được ra lệnh: “Tất cả hãy tụ tập lại” chỉ liên quan đến những người chủ chốt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có phiền não, có tà kiến về bản ngã quá lố, có tính khí thăng trầm theo lạc và khổ, thì điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: “*Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết*” là liên quan đến những người ấy. Do đó, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi.

Tâu Đại vương, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa không thiếu sót, có lời nói không thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói không thiếu sót với ý nghĩa không thiếu sót. Ý nghĩa nên được tiếp thu theo từng trường hợp một.

Tâu Đại vương, ý nghĩa nên được tiếp thu theo năm cách: Theo đoạn văn trích dẫn, theo nghĩa chính yếu, theo truyền thống của vị thầy, theo ý định, theo tính chất vượt trên lý do. Chính ở đây, “**đoạn văn trích dẫn**” là đoạn kinh thích hợp, “**nghĩa chính yếu**” là phù hợp với kinh, “**truyền thống của vị thầy**” là học thuyết của vị thầy, “**ý định**” là quan niệm của bản thân, “**tính chất vượt trên lý do**” là lý do đã được tổng hợp từ bốn cách này. Tâu Đại vương, ý nghĩa nên được tiếp thu theo năm lý do này. Câu hỏi ấy nên được giải quyết một cách khéo léo đúng y như thế.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, hãy là như vậy, trẫm chấp nhận điều ấy. Xem như các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này, và các chúng sanh còn lại run sợ. Trái lại, các chúng sanh địa ngục ở nơi địa ngục, trong khi cảm nhận các thọ khổ sắc bén, nhức nhối, với tất cả các phần thân thể và tứ chi bị thiêu đốt, bị đốt cháy, với miệng khóc lóc, rên rỉ thảm thương, than vãn, van xin, bị nhận lãnh các nỗi khổ đau sắc bén không thể chịu đựng, không có sự bảo vệ, không nơi nương nhờ, ở tình trạng không có chốn nương nhờ, không ít sầu bệnh, có cảnh giới tái sanh tận sau cùng, chốn đến kế tiếp toàn là sầu muộn, có sự đốt cháy và chói sáng nóng bức, mãnh liệt, dữ tợn và thô tháo, có các âm thanh ồn ào của tiếng gào thét gây ra sự khiếp đảm và sợ hãi, bị bao vây bởi màng lưới lửa sáu màu kết lại với nhau, với cường độ của ngọn lửa tỏa nóng đến một trăm do-tuần ở xung quanh, trong khi nói đến đại địa ngục cùng cực, nóng bức, có phải họ sợ hãi sự chết?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, chẳng lẽ địa ngục là phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau? Hơn nữa, tại sao các chúng sanh địa ngục phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau lại sợ hãi sự chết trong khi lìa khỏi địa ngục? Ở địa ngục có cái gì mà họ thích thú?

– Tâu Đại vương, không phải các chúng sanh địa ngục ấy thích thú nơi địa ngục, chúng quả có mong muốn được giải thoát khỏi địa ngục. Tâu Đại vương, điều ấy là oai lực của sự chết, vì điều ấy mà sự run sợ sanh khởi ở các chúng sanh ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm không tin điều ấy là việc sự run sợ sự chết sanh khởi ở những người có mong muốn được giải thoát. Thưa Ngài Nāgasena, việc những người ấy đạt được điều đã mong mỏi; sự kiện ấy nực cười. Xin Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ.

3. – Tâu Đại vương, cái "sự chết" này là cơ sở đem lại sự run sợ cho những người chưa nhìn thấy sự thật; hạng người này run sợ và bị kích động về việc này. Tâu Đại vương, và người nào sợ hãi rắn mãng xà, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi rắn mãng xà. Và người nào sợ hãi voi,... (nt)... sợ hãi sư tử, hổ, báo, gấu, chó sói, trâu rừng, bò mộng, lửa, nước, chông, gai. Và người nào sợ hãi gươm đao, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi gươm đao. Tâu Đại vương, việc chúng sanh còn phiền não run sợ, sợ hãi sự chết, điều ấy là quyền lực của thực chất và bản thể của sự chết. Tâu Đại vương, mặc dầu có mong muốn được giải thoát chúng sanh địa ngục cũng run sợ sự chết.

Tâu Đại vương, ở đây có bệnh mỡ đóng cục sanh khởi ở thân thể của người đàn ông. Người ấy bị khổ sở vì căn bệnh ấy, có ước muốn được thoát khỏi hẳn cơn nguy kịch, nên cho mời người thầy thuốc phẫu thuật. Người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi chấp nhận người ấy, sẽ đem lại dụng cụ để lấy đi căn bệnh ấy của người ấy, sẽ mài bén con dao mổ, sẽ đặt thanh dẹp cho việc đốt nóng

ở ngọn lửa, sẽ cho nghiền nát chất kiềm và muối ở đá nghiền, tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ có thể sanh khởi ở người bệnh ấy do việc mổ xẻ bằng con dao bén, do việc đốt nóng bằng hai thanh dẹp, do việc đắp vào chất kiềm và muối?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

4. – Tâu Đại vương, như thế người bệnh ấy, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi căn bệnh, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về cảm thọ sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các chúng sanh địa ngục mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết sanh khởi. Tâu Đại vương, ở đây có người là kẻ phạm tội đối với chủ nhân bị bắt, bị tống vào phòng giam với sự trói lại bằng sợi xích, có ước muốn được tự do. Chủ nhân ấy, có ý muốn trả tự do, bảo đưa người ấy đến, tâu Đại vương, phải chăng sự run sợ do việc nhìn thấy chủ nhân sẽ sanh khởi ở người ấy, là kẻ phạm tội đối với chủ nhân, trong khi biết rằng: "Ta đã làm quấy"?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, như thế người ấy, là kẻ phạm tội đối với chủ nhân, mặc dầu có ước muốn được tự do, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi chủ nhân sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các người ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sẽ sanh khởi ở nơi họ.

– Thưa Ngài, xin hãy nói thêm về lý do khác nữa, nhờ vào lý do ấy trẫm có thể xác định niềm tin.

5. – Tâu Đại vương, ở đây có người nam bị cắn bởi rắn độc có nọc độc ở nanh. Do tác động của nọc độc ấy, người ấy ngã xuống, té lên, lăn qua, lăn lại. Khi ấy, có một người nam khác với câu bùa chú có năng lực đem lại con rắn độc có nọc độc ở nanh ấy, rồi cho hút ngược trở lại nọc độc ở nanh ấy, tâu Đại vương, đối với người nam bị nhiễm nọc độc ấy, khi con rắn có nọc độc ở nanh ấy đang tiến đến gần với nguyên nhân tốt lành, phải chăng nỗi run sợ có thể sanh khởi ở người ấy?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, ở hình thức tương tợ như thế, trong khi con rắn đang tiến đến gần, mặc dầu với nguyên nhân tốt lành, nỗi run sợ cũng sanh khởi ở người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế đối với các chúng sanh ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sanh khởi nơi họ. Tâu Đại vương, đối với tất cả chúng sanh, sự chết là điều không được mong muốn. Do đó, các chúng sanh ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng sợ hãi về sự chết.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc sợ hãi hay không sợ hãi sự chết" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ SỰ THOÁT KHỎI CÁI BẪY CỦA THẦN CHẾT (*Maccupāsāmuttikapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Không phải ở bầu trời, không phải ở giữa biển khơi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi mà tử thần không thể áp đảo người đứng ở nơi ấy, vì khu vực ấy ở trên trái đất không được tìm thấy."**

Và thêm nữa, các chú thuật hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra như là: ***Ratanasutta, Khandhaparitta, Moraparitta, Dhajaggaparitta, Āṭānāṭiyaparitta, Aṅgulimālaparitta***. Thưa Ngài Nāgasena, nếu cho dầu đi đến không trung, cho dầu đi đến giữa biển khơi, cho dầu đi đến tòa lâu đài, chòi, hang, động, sườn núi, hốc kẹt, khe núi, bên trong tảng đá mà cũng không được thoát khỏi gông cùm của thần chết, như thế thì công việc chú thuật hộ trì là sai trái. Nếu do công việc chú thuật hộ trì mà có sự thoát khỏi gông cùm của thần chết, như thế thì lời nói rằng: **"Không phải ở bầu trời,**... (nt)... **không được tìm thấy"** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, bị thắt lại còn hơn nút thắt, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"*Không phải ở bầu trời, không phải ở giữa biển khơi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi mà tử thần không thể áp đảo người đứng ở nơi ấy, vì khu vực ấy ở trên trái đất không được tìm thấy.*"

Và các bài kinh hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra. Tuy nhiên, điều ấy là dành cho người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, sự ngăn cản của nghiệp đã được trừ khử, tâu Đại vương, nhưng không có việc áp dụng hay sự nỗ lực để duy trì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt. Tâu Đại vương, giống như đối với cây đã chết, khô héo, ráo nhựa, hết tươi tắn, sức sống đã bị ngưng lại, sự tạo tác của tuổi thọ đã qua, trong khi rưới nước dầu là một ngàn chậu cũng không thể trở nên tươi tắn hoặc có trạng thái đâm chồi mọc lá xanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có việc áp dụng hay sự nỗ lực để duy trì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt bằng thuốc men và việc làm chú thuật hộ trì. Tâu Đại vương, những thuốc men chữa bệnh ở trên trái đất thì cũng không làm được phận sự gì đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì bảo vệ, gìn giữ người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, sự ngăn cản của nghiệp đã được trừ khử. Vì sự lợi ích ấy mà các chú thuật hộ trì đã được đức Thế Tôn chỉ ra.

Tâu Đại vương, giống như người nông dân có thể ngăn cản việc dẫn nước vào khi lúa đã chín đều, cọng lúa đã khô. Trái lại, khi cây lúa còn non, tương tợ như đám mây, đã đạt đến lúc trưởng thành, thì nó phát triển nhờ vào sự cung cấp nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế đối với người có tuổi thọ đã cạn kiệt, các việc áp dụng thuốc men và chú thuật hộ trì bị đình chỉ, bị chối bỏ. Trái lại, những người có tuổi thọ vẫn còn, đã đạt đến tuổi trưởng thành, vì lợi ích cho

những người ấy chú thuật hộ trì và thuốc men được đề cập đến. Những người ấy lớn mạnh nhờ vào chú thuật hộ trì và thuốc men.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, nếu người có tuổi thọ đã cạn kiệt thì chết, người có tuổi thọ vẫn còn thì sống, như thế thì chú thuật hộ trì và thuốc men là không có lợi ích.

– Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nhìn thấy trước đây một loại bệnh nào đó được đẩy lùi bởi các loại thuốc men?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Đã được nhìn thấy hàng trăm.

– Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: "Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lợi ích" là sai trái.

– Thưa Ngài Nāgasena, các sự nỗ lực của các thầy thuốc gồm có thuốc men, thức uống, cao bôi được nhìn thấy, nhờ sự nỗ lực ấy của các thầy thuốc mà căn bệnh được đẩy lùi.

– Tâu Đại vương, trong khi những người đang tụng đọc các chú thuật hộ trì thì tiếng của họ được nghe, lưỡi bị khô, tim đập mạnh, cổ họng bị khan tiếng. Nhờ vào sự vận hành ấy của các chú thuật hộ trì mà tất cả các bệnh tật được tiêu trừ, tất cả các sự rủi ro qua đi. Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã được nhìn thấy trước đây người nào đó bị rắn cắn đang tẩy trừ nọc độc, đang làm tiêu tan nọc độc, đang rửa sạch bên trên bên dưới nhờ vào câu chú thuật?

4. – Thưa Ngài, đúng vậy. Thậm chí vào lúc này hôm nay điều ấy vẫn tồn tại ở thế gian.

– Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: "Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lợi ích" là sai trái. Tâu Đại vương, bởi vì người có chú thuật hộ trì đã được thực hiện thì con rắn, có ý định cắn, vẫn không cắn và ngậm lại cái miệng đã há ra. Thậm chí cây côn của các kẻ trộm dầu đã được nâng lên cũng không có tác dụng; chúng buông rơi cây côn và thể hiện sự trìu mến. Ngay cả con long tượng bị lên cơn giận dữ đang lao đến cũng dịu lại. Khối lửa lớn đã phát cháy đang tiến gần cũng bị tắt ngấm. Thậm chí chất độc dữ tợn đã được ăn vào tự biến thành thuốc giải độc hoặc là phát tán theo dạng thức ăn. Những kẻ giết người có ý định giết chết sau khi đến gần thì trở nên trạng thái của người nô lệ. Ngay cả bẫy sập đã được bước lên cũng không hoạt động. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương đã được nghe trước đây về con chim công có chú thuật hộ trì đã được thực hiện khiến người thợ săn trong bảy trăm năm đã không thể dụ đến gần bẫy sập. Khi chú thuật hộ trì không được thực hiện thì chính vào ngày ấy người thợ săn đã dụ được nó vào bẫy sập.

– Thưa Ngài, có được nghe. Tiếng đồn ấy đã được loan truyền ở thế gian có cả chư thiên.

5. – Tâu Đại vương, như thế thì lời nói rằng: "Việc áp dụng chú thuật hộ trì và thuốc men không có lợi ích" là sai trái. Tâu Đại vương, hơn nữa Đại vương đã được nghe trước đây về người khổng lồ, trong khi gìn giữ người vợ, liền cho

vào vỏ bọc, nuốt vào và mang theo ở trong bụng. Khi ấy, có người thầy pháp đã đi vào miệng của người khổng lồ ấy và vui thú với người vợ. Đến khi người khổng lồ ấy biết được thì ói ra cái bọc rồi mở nó ra. Khi cái bọc được mở ra thì người thầy pháp đã thoát thân theo như ý muốn.

– Thưa Ngài, có được nghe. Tiếng đồn ấy cũng đã được loan truyền ở thế gian có cả chư thiên.

– Tâu Đại vương, không lẽ người thầy pháp ấy được thoát khỏi sự bắt giữ nhờ vào năng lực của chú thuật hộ trì?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, như thế thì có năng lực của chú thuật hộ trì.

6. Tâu Đại vương, hơn nữa phải chăng Đại vương đã được nghe trước đây về một người thầy pháp khác gian díu với hoàng hậu ở nội cung của đức vua xứ Bārāṇasī, trong khi đang bị bắt giữ thì trong phút chốc đã trở nên không còn nhìn thấy nhờ vào năng lực của chú thuật?

– Thưa Ngài, có được nghe.

– Tâu Đại vương, không lẽ người thầy pháp ấy được thoát khỏi sự bắt giữ nhờ vào năng lực của chú thuật hộ trì?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, như thế thì có năng lực của chú thuật hộ trì.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải chú thuật hộ trì bảo vệ cho tất cả?

– Tâu Đại vương, bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì chú thuật hộ trì là không có lợi ích cho tất cả.

– Tâu Đại vương, phải chăng vật thực bảo vệ mạng sống cho tất cả?

– Thưa Ngài, bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, khi một số người ăn vào quá nhiều chính vật thực ấy thì bị chết vì bệnh ói mửa.

– Tâu Đại vương, như thế thì vật thực không bảo vệ mạng sống cho tất cả.

– Thưa Ngài Nāgasena, vật thực tước đoạt mạng sống vì hai lý do: Do đã ăn quá nhiều hoặc do năng lực yếu kém của lửa [tiêu hóa]. Thưa Ngài Nāgasena, vật thực là vật ban cho tuổi thọ, do việc sử dụng sai trái mà tước đoạt mạng sống.

7. – Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chú thuật hộ trì bảo vệ một số người, không bảo vệ một số người. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì không bảo vệ vì ba lý do: Do sự ngăn cản của nghiệp, do sự ngăn cản của phiền não, do sự không có niềm tin. Tâu Đại vương, chú thuật hộ trì là sự bảo tồn chúng sanh, nhưng buông bỏ sự bảo vệ do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như người mẹ nuôi dưỡng đứa con đã nhập thai, rồi sanh ra với sự chăm sóc tốt đẹp. Sau khi

sanh ra, còn tẩy uế vật dơ, chất bẩn và nước nhầy, rồi thoa hương thơm quý giá hạng nhất. Vào thời gian sau, khi những người con trai của những kẻ khác đang mắng chửi hoặc đánh [nó], nó đánh lại chúng. Những người ấy nổi giận với nó rồi lôi đến nơi tập thể, và nắm lấy nó đưa đến các vị chủ quản. Nếu người con trai của bà ấy là phạm tội, vượt qua luật lệ, thì đám người [ấy], trong khi lôi kéo nó đến các vị chủ quản, quất roi, đánh đập nó bằng gậy gộc, dùi cui, đầu gối, nắm tay. Tâu Đại vương, đối với việc lôi đi, kéo lê, bắt giữ để thực hiện việc đưa đến gặp các vị chủ quản, phải chăng người mẹ của nó gánh chịu?

8. – Thưa Ngài, không đúng.

– Vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì sự phạm tội của bản thân [người con trai].

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự bảo vệ các chúng sanh trở nên vô hiệu vì sự phạm tội của bản thân.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được giải quyết, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, mạng lưới tà kiến đã bị tháo rời, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng.

"Câu hỏi về sự thoát khỏi cái bẫy của thần chết" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ SỰ CHƯỚNG NGẠI TRONG VIỆC THỌ NHẬN CỦA ĐỨC THẾ TÔN (*Bhagavato lābhantarāyapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Đức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh." Và thêm nữa, **"Đức Thế Tôn sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế."**

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh, như thế thì lời nói rằng: "Đức Thế Tôn sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā, đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế" là sai trái. Nếu đức Thế Tôn sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā, đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế, như thế thì lời nói rằng: "Đức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng quan trọng, khó tháo gỡ, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, đức Thế Tôn có được sự thọ nhận về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ nằm ngồi và thuốc chữa bệnh. Ngài sau khi đi vào khất thực ở ngôi làng Bà-la-môn Pañcasālā đã không nhận được bất cứ vật gì, rồi đã

trở ra với bình bát đã được rửa sạch như thế. Tuy nhiên, việc làm ấy có lý do là bởi Ma vương ác độc.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì thiện pháp của đức Thế Tôn, được tạo lập theo cách thức tính toán bằng kiếp sống đã trải qua, đã được hoàn tất như thế nào? Sự triển khai về tốc độ và năng lực của thiện pháp ấy đã bị Ma vương ác độc, kẻ mới xuất hiện vào lúc này, đóng lại như thế nào? Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì trong việc này sự chỉ trích tiếp cận dựa trên hai cơ sở: Bất thiện pháp có sức mạnh hơn cả thiện pháp, năng lực của Ma vương có sức mạnh hơn cả năng lực của đức Phật. Vì lý do gì mà cây cối lại có ngọn mang nặng hơn cả rễ? Và điều ác lại có sức mạnh hơn cả đức hạnh đã được tích tụ?

3. – Tâu Đại vương, đương nhiên chỉ với chừng ấy thì không thể nói là bất thiện pháp có sức mạnh hơn cả thiện pháp, năng lực của Ma vương có sức mạnh hơn cả năng lực của đức Phật. Vậy thì lý do ở trường hợp này là được mong mỏi. Tâu Đại vương, giống như có người đàn ông đem mật ong, hoặc bánh mật ong, hoặc tặng phẩm dâng lên đức Chuyển Luân Vương, người gác cổng của đức vua nói với người ấy như vầy: "Này ông, nay không phải là thời điểm để diện kiến đức vua. Này ông, như thế thì ông hãy cầm lấy tặng phẩm của ông và mau mau đi trở lui. Chớ để đức vua giáng hình phạt đến ông." Do đó, người đàn ông ấy bị run rẩy, bị chấn động do nỗi sợ hãi về hình phạt, liền cầm lấy tặng phẩm ấy và mau mau đi trở lui. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với từng ấy sự việc không đúng thời điểm của tặng phẩm mà gọi là đức Chuyển Luân ấy có năng lực kém hơn người gác cổng, hay là đức Chuyển Luân còn có thể nhận bất cứ tặng phẩm nào khác nữa?

4. – Thưa Ngài, không đúng. Do bản chất ganh ghét mà người gác cổng ấy ngăn chặn tặng phẩm. Tuy nhiên tặng phẩm của đức vua, thậm chí có phẩm chất cả trăm ngàn lần, đi đến bằng cánh cửa khác.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do bản chất ganh ghét mà Ma vương ác độc đã nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Trái lại, hàng trăm ngàn thiên nhân mang theo thuốc bất tử, là dưỡng chất của cõi trời, đến gần lễ bái đức Thế Tôn rồi đứng chắp tay [thưa rằng]: "Chúng tôi sẽ đặt dưỡng chất vào cơ thể của đức Thế Tôn."

– Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Đối với đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân ở thế gian, bốn món vật dụng là dễ dàng nhận được, chừng ấy thức ăn được thọ nhận theo như ước muốn. Được thỉnh cầu bởi chư thiên và nhân loại mà đức Thế Tôn thọ dụng bốn món vật dụng. Tuy nhiên, ý định của Ma vương có sự thành tựu liền tức thời, là việc Ma vương đã tạo ra sự chướng ngại về vật thực đến đức Thế Tôn. Thưa Ngài, trong việc này nỗi hoài nghi của trẫm không được cắt đứt. Trẫm bị sanh khởi nỗi phân vân, bị rơi vào sự nghi ngờ. Về việc ấy, tâm ý của trẫm không chấp nhận việc Ma vương, là thây ma, hèn hạ, nhỏ nhoi, độc ác, không cao thượng, tội lỗi, đã tạo ra sự chướng ngại trong việc thọ nhận của đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhân vật cao quý tối

cao ở thế gian có cả chư thiên, cội nguồn của những phước báu cao quý về thiện pháp, không ai sánh bằng, không kẻ tương đương, không người tương xứng.

5. – Tâu Đại vương, quả là có bốn sự chướng ngại: Chướng ngại do chưa được nhìn thấy, chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng. Ở đây, **chướng ngại do chưa được nhìn thấy** nghĩa là khi vật được làm xong còn chưa chỉ định [người nhận] do việc chưa nhìn thấy thì có người nào đó tạo ra sự chướng ngại rằng: 'Có điều gì với việc cho đến người khác?' Đây gọi là chướng ngại do chưa được nhìn thấy. **Chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận]** là thế nào? Ở đây, vật thực là được chuẩn bị dành cho, được chỉ định cho một cá nhân, rồi có người nào đó tạo ra sự chướng ngại cho người ấy. Đây gọi là chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận]. **Chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong** là thế nào? Ở đây, bất cứ vật gì đã được chuẩn bị xong còn chưa được thọ nhận. Tại nơi ấy, có người nào đó tạo ra sự chướng ngại. Đây gọi là chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong. **Chướng ngại về sự thọ dụng** là thế nào? Ở đây là bất kỳ sự thọ dụng nào, tại nơi ấy có người nào đó tạo ra sự chướng ngại. Đây gọi là chướng ngại về sự thọ dụng. Tâu Đại vương, đây là bốn sự chướng ngại.

Hơn nữa, việc Ma vương ác độc đã nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā là vật thọ dụng còn chưa thuộc về đức Thế Tôn, chưa được đem đến gần, chưa được chỉ định [người nhận], và Ngài còn chưa đi đến, chưa ngự đến; chướng ngại đã được tạo ra đối với Ngài là do việc chưa được nhìn thấy. Hơn nữa, việc ấy không phải chỉ riêng một mình đức Thế Tôn. Vào thời điểm ấy, thậm chí tất cả những người đã rời khỏi, đã đi đến vào ngày hôm ấy cũng đã không nhận được vật thực. Tâu Đại vương, tôi không nhìn thấy người nào ở thế gian, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, có thể tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn ấy được. Nếu có kẻ nào đó do ganh ghét rồi tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng [đối với đức Thế Tôn] thì sẽ khiến cho đầu của kẻ ấy vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh.

6. Tâu Đại vương, đây là bốn đức tính không thể bị che lấp bởi bất cứ người nào của đức Như Lai. Bốn đức tính gì? Tâu Đại vương, lợi lộc đã được chỉ định dành cho đức Thế Tôn, đã được chuẩn bị xong, thì không người nào có thể tạo ra chướng ngại cho Ngài. Tâu Đại vương, ánh sáng hào quang của đức Thế Tôn là di chuyển dọc theo thân, không người nào có thể tạo ra chướng ngại. Tâu Đại vương, bản thể toàn tri là vật báu trí tuệ của đức Thế Tôn, không người nào có thể tạo ra chướng ngại cho Ngài. Tâu Đại vương, không người nào có thể tạo ra chướng ngại đến mạng sống của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, đây là bốn đức tính không thể bị che lấp bởi bất cứ người nào của đức Như Lai. Tâu Đại vương, tất cả các đức tính này chỉ có một phẩm chất, không bị bệnh, không bị chuyển

dịch, không có sự sánh kịp bởi những người khác, là những sự việc không bị đụng chạm. Tâu Đại vương, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, giống như ở các vùng biên địa không bằng phẳng của đức vua, nhờ vào việc không nhìn thấy, các kẻ cướp đã ẩn nấp rồi làm hư hỏng con đường. Tuy nhiên, nếu đức vua nhìn thấy các kẻ cướp ấy, phải chăng những kẻ cướp ấy có thể đạt được sự bình yên?

– Thưa Ngài, không đúng. Đức vua có thể ra lệnh phanh thây bằng búa thành trăm mảnh hay ngàn mảnh.

7. – Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn bà có chồng nhờ vào việc không nhìn thấy, ẩn núp rồi gần gũi người đàn ông khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, nếu người đàn bà gần gũi người đàn ông khác trước mặt chồng, phải chăng người đàn bà ấy có thể đạt được sự bình yên?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người chồng có thể giết chết, hành hạ, giam cầm cô ấy, hoặc đem đi làm nô lệ.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào việc không nhìn thấy, Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Tâu Đại vương, nếu Ma vương ác độc tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn thì có thể khiến cho đầu của Ma vương bị vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ma vương ác độc đã làm điều ấy tương tợ như kẻ cướp. Ma vương ác độc đã ẩn núp rồi nhập hồn vào gia chủ Bà-la-môn ở Pañcasālā. Thưa Ngài, nếu Ma vương ác độc tạo ra chướng ngại khi đã chỉ định [người nhận], chướng ngại khi đã được chuẩn bị xong, chướng ngại về sự thọ dụng đối với đức Thế Tôn thì có thể khiến cho đầu của Ma vương bị vỡ ra thành trăm mảnh hoặc ngàn mảnh, hoặc thân thể của Ma vương có thể tan tác như là nắm trấu.

Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự chướng ngại trong việc thọ nhận của đức Thế Tôn” là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ NHIỀU TỘI Ở HÀNH ĐỘNG ÁC CỦA NGƯỜI KHÔNG BIẾT (*Ajānantassa pāpakaraṇe bahu-apuññapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: “Người nào giết hại mạng sống trong khi không biết, người ấy tạo ra tội trầm trọng hơn.” Và thêm

nữa, ở phần quy định về Luật, đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Người không biết thì không vi phạm tội." Thưa Ngài Nāgasena, nếu người giết hại mạng sống trong khi không biết thì tạo ra tội trầm trọng hơn, như thế thì lời nói rằng: "Người không biết thì không vi phạm tội" là sai trái. Nếu người không biết thì không vi phạm tội, như thế thì lời nói rằng: "Người giết hại mạng sống trong khi không biết thì tạo ra tội trầm trọng hơn" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, khó vượt trội, khó vượt qua, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "*Người nào giết hại mạng sống trong khi không biết, người ấy tạo ra tội trầm trọng hơn.*" Và thêm nữa, ở phần quy định về Luật, đức Thế Tôn đã nói như vầy: "*Người không biết thì không vi phạm tội.*" Tuy nhiên, trường hợp ấy có sự khác biệt về ý nghĩa. Sự khác biệt về ý nghĩa ở đây là thế nào? Tâu Đại vương, có loại tội vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vi phạm không có sự nhận thức. Tâu Đại vương, điều đã được đức Thế Tôn nói rằng: **"Người không biết thì không vi phạm tội"** có liên quan đến loại tội ấy, là loại tội vi phạm có sự nhận thức.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc có nhiều tội ở hành động ác của người không biết" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ VIỆC QUẢN TRỊ HỘI CHÚNG TỲ-KHƯU (*Bhikkhusaṅghapariharaṇapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: "Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu"** hoặc là: **"Hội chúng Tỳ-khưu là thuộc sự chỉ đạo của Ta."** Và thêm nữa, trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vầy: **"Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm."** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: "Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu"** hoặc là: **"Hội chúng Tỳ-khưu là thuộc sự chỉ đạo của Ta"**, như thế thì trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài nói rằng: **"Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm"**, lời nói ấy là sai trái.

Nếu trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vầy: **"Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm"**, như thế thì lời nói rằng: **Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: "Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu"** hoặc là: **"Hội chúng Tỳ-khưu là thuộc sự chỉ đạo của Ta"** là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **Này Ānanda, Như Lai không khởi ý như vầy: "Ta sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu"** hoặc là: **"Hội chúng Tỳ-khưu là thuộc sự chỉ đạo của Ta."** Và trong khi làm sáng tỏ đức hạnh về bản thể của đức Thế Tôn Metteyya, Ngài đã nói như vầy: **"Vị ấy sẽ quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều ngàn năm, cũng giống như Ta hiện nay quản trị hội chúng Tỳ-khưu nhiều trăm năm."** Tâu Đại vương, ở câu hỏi này, một ý nghĩa có sự thiếu sót, một ý nghĩa không có sự thiếu sót. Tâu Đại vương, đức Như Lai không phụ thuộc vào tập thể, trái lại tập thể phụ thuộc vào đức Như Lai. Tâu Đại vương, điều này là quan niệm chung: "Tôi", "của tôi", điều này không phải là ý nghĩa tuyệt đối. Tâu Đại vương, đối với đức Như Lai việc được lìa xa là điều ưa thích, việc được lìa xa là điều yêu mến. Đối với đức Như Lai không có sự nắm giữ như là "của tôi". Tuy nhiên, do sự bám víu mà có sự nương nhờ. Tâu Đại vương, giống như địa cầu đất là nơi nâng đỡ cho các chúng sanh có sự cư ngụ ở mặt đất. Và các chúng sanh này cư ngụ ở địa cầu. Nhưng đại địa cầu không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về tôi." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai là nơi nâng đỡ cho tất cả chúng sanh và ban cho chỗ ẩn náu. Và các chúng sanh này có đức Như Lai là chốn nâng đỡ. Nhưng đức Như Lai không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về tôi."

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây to lớn khổng lồ trong khi đổ mưa thì ban cho sự tăng trưởng của cỏ, cây, thú vật, loài người, rồi duy trì sự tiếp nối. Và tất cả các chúng sanh này có sự sinh tồn nhờ vào mưa, nhưng đám mây lớn không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về tôi." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai làm sanh ra và duy trì các pháp thiện đối với tất cả các chúng sanh, và tất cả các chúng sanh này có sự sinh tồn nhờ có đấng Đạo Sư, nhưng đức Như Lai không có điều mong mỏi ở những người ấy rằng: "Họ thuộc về tôi." Điều ấy có nguyên nhân là gì? Sự dứt bỏ đối với tà kiến về bản thân [tùy ngã kiến].

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ bằng nhiều cách thức với nhiều lý lẽ, điều thâm sâu đã được làm rõ, nút thắt đã được mở ra, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị đổ vỡ, (pháp) nhãn đã được sanh khởi cho những người con trai của đấng Chiến Thắng.

"Câu hỏi về việc quản trị hội chúng Tỳ-khưu" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỘI CHÚNG KHÔNG BỊ CHIA RẼ (*Abhejjaparisatāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ." Và còn có nói rằng: "Năm trăm Tỳ-khưu đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta." Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ, như thế thì lời nói rằng: "Năm trăm Tỳ-khưu đã bị chia

rẽ cùng một lúc bởi Devadatta" là sai trái. Nếu năm trăm Tỳ-khưu đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta, như thế thì lời nói rằng: "Đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ" là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài, là thâm sâu, khó tháo gỡ, bị thắt lại còn hơn nút thắt. Ở đây, nhóm người này là bị ngăn cản, bị bưng bít, bị che đậy, bị bao trùm. Xin Ngài hãy phô bày năng lực trí tuệ của Ngài về các lời nói của những người khác.

2. – Tâu Đại vương, đức Như Lai có hội chúng không bị chia rẽ. Và năm trăm Tỳ-khưu đã bị chia rẽ cùng một lúc bởi Devadatta. Tuy nhiên, việc ấy là do năng lực của người chia rẽ. Khi người chia rẽ đang hiện hữu, tâu Đại vương, không có việc không bị chia rẽ. Khi có người chia rẽ, mẹ cũng bị chia rẽ với con, con cũng bị chia rẽ với mẹ, cha cũng bị chia rẽ với con, con cũng bị chia rẽ với cha, anh em trai cũng bị chia rẽ với chị em gái, chị em gái cũng bị chia rẽ với anh em trai, bạn bè cũng bị chia rẽ với bạn bè, thậm chí con thuyền được kết hợp bởi nhiều thanh gỗ cũng bị chia rẽ bởi tốc độ và sự đập vỗ của sóng nước, cây cối có trái đầy đủ chất mật ngọt bị va chạm với sức mạnh và tốc độ của gió cũng bị chia rẽ, vàng có phẩm chất tự nhiên cũng bị chia rẽ bởi đồng.

3. Tâu Đại vương, vả lại việc này không phải là ý định của những người hiểu biết, không phải là khuynh hướng của chư Phật, điều này không phải là ước muốn của các bậc sáng suốt, là việc "Đức Như Lai có hội chúng bị chia rẽ." Hơn nữa, ở đây còn có lý do, mà với lý do ấy đức Như Lai được gọi là "có hội chúng không bị chia rẽ." Lý do ở đây là thế nào? Tâu Đại vương, 'hội chúng bị chia rẽ' do sự không bố thí đã làm, hoặc do lời nói không trìu mến, hoặc do việc thực hành điều không lợi ích, hoặc do tính cách không bình đẳng của đức Như Lai trong lúc Ngài đang thực hành đức hạnh về bất cứ việc nào ở bất cứ nơi đâu là điều chưa từng được nghe trước đây. Bởi lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "có hội chúng không bị chia rẽ." Tâu Đại vương, Đại vương cũng nên biết điều này: Trong lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại, có bài kinh được truyền thừa nào gọi là với lý do này, [nghĩa là] với việc đã làm của Bồ-tát, mà hội chúng của đức Như Lai bị chia rẽ?

– Thưa Ngài, không có. Điều ấy không được thấy, cũng không được nghe ở thế gian. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc hội chúng không bị chia rẽ" là thứ tám.

Phẩm Không bị chia rẽ là phẩm thứ nhì.

(Ở phẩm này có tám câu hỏi)

III. PHẨM ĐÃ BỊ ĐUỔI ĐI
(*PAṆĀMITAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ GIÁO PHÁP TỐI THƯỢNG (*Seṭṭhadhammapañho*)

1. –Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này Vāseṭṭha, chính giáo pháp là tối thượng ở đời này ngay trong thời hiện tại và thời vị lai."** Và thêm nữa, **"người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân."** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: **"Này Vāseṭṭha, chính giáo pháp là tối thượng ở đời này ngay trong thời hiện tại và thời vị lai",** như thế thì lời nói rằng: "Người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân" là sai trái. Nếu người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân, như thế thì lời nói rằng: **"Này Vāseṭṭha, chính giáo pháp là tối thượng ở đời này ngay trong thời hiện tại và thời vị lai"** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này Vāseṭṭha, chính giáo pháp là tối thượng ở đời này ngay trong thời hiện tại và thời vị lai",** và **"người cư sĩ tại gia là bậc Nhập lưu, có các đọa xứ đã được đóng lại, đã đạt chánh kiến, đã hiểu giáo pháp, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu hoặc Sa-di phàm nhân."** Hơn nữa, ở trường hợp này là có lý do. Lý do ấy là gì?

Tâu Đại vương, đây là hai mươi pháp **tạo thành Sa-môn** và hai đặc điểm của vị Sa-môn, do những điều ấy vị Sa-môn là xứng đáng với sự đảnh lễ, đứng dậy, kính nể, cúng dường.

Hai mươi pháp **tạo thành Sa-môn** và hai đặc điểm của vị Sa-môn là những pháp nào? Sự đặt để ở địa vị tối thượng, sự kềm chế tột đỉnh, sự thực hành, sự an trú [tứ vô lượng tâm], sự thu thúc [giác quan], sự phòng hộ [trong Giới bổn], sự kham nhẫn, hiền hòa, thực hành sự đơn độc, thích thú sự đơn độc, ẩn cư thiền tịnh, tàm quý, tinh tấn, không xao lãng, thọ trì việc học tập, việc đọc tụng [Chánh tạng], học hỏi [Chú giải], thỏa thích giới, định, tuệ, không mong

cầu, có sự tròn đủ các điều học, việc mặc y ca-sa và hình thức cạo tóc. Tâu Đại vương, đây là hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm của vị Sa-môn.

Vị Tỳ-khưu thọ trì và hành theo các đức tính này. Do tính chất không thiếu sót, do tính chất đã được tròn đủ, do trạng thái đã đạt đến đầy đủ, vị ấy tiến vào địa vị của bậc Vô Học, địa vị của bậc A-la-hán, tiến vào vị thế tối thượng khác nữa. [Nghĩ rằng:] "Là vị đã đi đến gần phẩm vị A-la-hán", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân.

[Nghĩ rằng:] "Vị ấy chính là bậc có lậu hoặc đã được cạn kiệt, đã tiến đến bản thể Sa-môn, cơ hội ấy chưa có đối với ta", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân.

[Nghĩ rằng:] "Vị ấy đã tiến đến hội chúng tối cao, ta chưa tiến đến vị thế ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân.

[Nghĩ rằng:] "Vị ấy đạt được tư cách để nghe đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), ta chưa đạt được tư cách để nghe điều ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân.

[Nghĩ rằng:] "Vị ấy cho những người khác xuất gia, cho tu lên bậc trên, làm tăng trưởng giáo pháp của đấng Chiến Thắng, ta chưa đạt được tư cách để làm việc này", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân.

[Nghĩ rằng:] "Là vị có sự thực hành đầy đủ về các điều học nhiều vô số, ta không thực hành về các điều ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân.

[Nghĩ rằng:] "Vị ấy đã tiến đến biểu tượng của Sa-môn, đã tồn tại trong sự mong muốn của đức Phật, ta bị tách rời ra xa đối với biểu tượng ấy", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân.

[Nghĩ rằng:] "Vị ấy có lông nách mọc dài, không thoa son, không trang sức, được bôi xức bằng hương thơm của giới, còn ta thì thích thú việc trang sức, tô điểm", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân.

Tâu Đại vương, và thêm nữa [nghĩ rằng]: "Hai mươi pháp tạo thành Sa-môn và hai đặc điểm ấy, tất cả các pháp này được hiện hữu ở vị Tỳ-khưu, chính vị ấy duy trì các pháp ấy, thậm chí còn cho những người khác học tập về việc ấy, sự truyền thừa ấy và việc huấn luyện [người khác] là không có đối với ta", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân.

3. Tâu Đại vương, giống như vị hoàng tử thu thập kiến thức và học tập lề lối của dòng dõi Sát-đế-ly nơi vị quân sư. Vị ấy, về sau này, đã được đăng quang, vẫn đảnh lễ, vẫn đứng dậy đối với vị thầy [nghĩ rằng]: "Người này là vị tạo điều kiện cho ta việc học tập." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế [nghĩ rằng]:

"Vị Tỳ-khưu là vị tạo điều kiện cho việc học tập, người duy trì truyền thống", người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu cần phải đảnh lễ, đứng dậy đối với vị Tỳ-khưu phàm nhân. Tâu Đại vương, hơn nữa theo cách thức này, Đại vương hãy nhận biết trạng thái vĩ đại và bao la không sánh bằng này của địa vị Tỳ-khưu. Tâu Đại vương, nếu người nam cư sĩ là bậc Nhập lưu chứng ngộ phẩm vị A-la-hán, đối với người ấy chỉ có hai lối đi, không có lối khác: Hoặc là vô dư Niết-bàn nội trong ngày hôm ấy, hoặc là tiến đến trạng thái Tỳ-khưu. Tâu Đại vương, bởi vì sự xuất gia ấy là không bị dao động, vĩ đại, vươn lên cao tột đỉnh, tức là địa vị Tỳ-khưu.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi liên quan đến trí tuệ đã khéo được tháo gỡ bởi Ngài là người có năng lực và vô cùng sáng suốt. Không có người nào khác có khả năng để tháo gỡ câu hỏi này như vậy, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài.

"Câu hỏi về giáo pháp tối thượng" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ SỰ BAN PHÁT ĐIỀU LỢI ÍCH ĐẾN TẤT CẢ CHÚNG SANH (*Sabbasattahitapharaṇapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: **"Đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh."** Và thêm nữa, Ngài còn nói rằng: **"Trong khi bài pháp *Ví dụ về đống lửa*[16] đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi vị."** Thưa Ngài, trong khi đức Như Lai đang thuyết giảng bài pháp *Ví dụ về đống lửa*, Ngài đã xua đi điều lợi ích và đem lại điều bất lợi cho các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi vị. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh, như thế thì lời nói rằng: "Trong khi bài pháp *Ví dụ về đống lửa* đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi vị" là sai trái. Nếu trong khi bài pháp *Ví dụ về đống lửa* đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi vị, như thế thì lời nói rằng: "Đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, đức Như Lai xua đi điều bất lợi và đem lại điều lợi ích cho tất cả chúng sanh. Trong khi bài pháp *Ví dụ về đống lửa* đang được thuyết giảng, máu nóng đã trào ra từ miệng của các Tỳ-khưu có số lượng sáu mươi vị. Tuy nhiên, điều ấy không phải do việc đã làm của đức Như Lai, mà do việc đã làm của bản thân chính các vị ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai không thuyết giảng bài pháp *Ví dụ về đống lửa*, phải chăng máu nóng có thể trào ra từ miệng của các vị ấy?

---

[16] Xem *A.* IV. 128, *Kinh Ví dụ nhóm lửa* (*Aggikkhandhopamasuttaṃ*).

– Tâu Đại vương, không thể. Tâu Đại vương, đối với các vị đã thực hành sai trái ấy thì sau khi lắng nghe bài pháp của đức Thế Tôn có sự nóng nảy đã sanh khởi. Do sự nóng nảy ấy của các vị ấy mà máu nóng đã trào ra từ miệng.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì do việc đã làm của chính đức Như Lai mà máu nóng đã trào ra từ miệng của các vị ấy. Trong trường hợp ấy chính đức Như Lai là tác nhân đưa đến sự tổn hại cho những vị ấy. Thưa Ngài Nāgasena, giống như câu chuyện con rắn đi vào hang mối, rồi có người đàn ông nọ cần dùng đất nên phá vỡ gò mối rồi đem đất đi. Do việc đem đất đi của người ấy làm lấp lại các lỗ hổng của gò mối. Và con rắn, ở ngay tại chỗ ấy, trong khi không đạt được hơi thở vào nên bị chết. Thưa Ngài, không lẽ con rắn đi đến sự chết vì việc đã làm của người ấy?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, trong trường hợp ấy chính đức Như Lai là tác nhân đưa đến sự tổn hại cho những vị ấy.

3. – Tâu Đại vương, đức Như Lai trong khi thuyết giảng giáo pháp không thể hiện sự ưa thích hay ghét bỏ. Được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ, trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông trong lúc làm lay động cây xoài, cây mận, hoặc cây cam thảo, thì ở nơi ấy những trái nào có phẩm chất, có sự gắn bó chắc chắn, thì còn tồn tại ở chính nơi ấy không bị tổn hại; trái lại, ở nơi ấy những trái nào có cuống hay cọng bị thối rữa thì rơi xuống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trong khi thuyết giảng giáo pháp không thể hiện sự ưa thích hay ghét bỏ. Được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ, trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nông dân có ý định gieo hạt bắp nên cày thửa ruộng. Khi người ấy đang cày thì hàng trăm ngàn cỏ dại bị chết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai đã được thoát khỏi hẳn sự ưa thích hay ghét bỏ, Ngài thuyết giảng giáo pháp để giác ngộ các chúng sanh có tâm ý đã được chín muồi. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng như vậy, tại nơi ấy những người nào thực hành đúng đắn thì được giác ngộ; trái lại những người nào thực hành sai trái thì rơi xuống, ví như các cỏ dại ấy bị chết. Tâu Đại vương, hoặc là giống như những người ép cây mía bằng máy ép vì nguyên nhân nước cốt. Khi những người ấy đang ép cây mía, những con sâu bọ nào đi vào miệng máy ép thì bị ép nát. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai ép máy ép giáo pháp để giác ngộ các chúng sanh có tâm ý đã được chín muồi. Tại nơi ấy những người nào thực hành sai trái thì bị chết giống như các con sâu bọ.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, không lẽ các Tỳ-khưu ấy bị rơi xuống vì sự thuyết giảng giáo pháp ấy?

– Tâu Đại vương, phải chăng người thợ đẽo gỗ trong khi bảo vệ khúc cây thì làm cho ngay thẳng và hoàn toàn trơn tru?

– Thưa Ngài, không đúng. Người thợ đẽo gỗ sau khi bỏ đi chỗ hư hỏng rồi mới làm cho khúc cây ngay thẳng và hoàn toàn trơn tru.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trong khi [chỉ lo] bảo vệ hội chúng thì không thể giác ngộ các chúng sanh có khả năng giác ngộ; sau khi loại ra các chúng sanh thực hành sai trái như vậy rồi mới giác ngộ các chúng sanh có khả năng giác ngộ này. Tâu Đại vương, hơn nữa những người thực hành sai trái ấy rơi xuống do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như cây chuối, cây tre, con la khi thành quả được tạo ra bởi bản thân[17] thì bị chết, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người thực hành sai trái ấy bị chết và rơi xuống do việc đã làm của bản thân. Tâu Đại vương, giống như những kẻ trộm gánh chịu sự móc mắt, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu do việc đã làm của bản thân, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người thực hành sai trái ấy bị chết và rơi khỏi giáo pháp của đấng Chiến Thắng do việc đã làm của bản thân.

Tâu Đại vương, đối với các Tỳ-khưu, số lượng sáu mươi vị có máu nóng đã trào ra từ miệng, điều ấy không phải do việc đã làm của đức Thế Tôn, không phải do việc đã làm của những người khác, khi ấy là do việc đã làm của chính bản thân các vị ấy. Tâu Đại vương, giống như người ban bố thuốc bất tử cho tất cả dân chúng, những người ấy sau khi ăn vào thuốc bất tử trở thành vô bệnh, sống lâu, có thể thoát khỏi tất cả các tai họa. Rồi có người nam khác sau khi ăn vào thuốc ấy theo cách hành xử ẩu tả có thể gánh lấy cái chết. Tâu Đại vương, phải chăng người cho thuốc bất tử do nguyên cớ ấy có thể đạt đến tội lỗi nào đó?

– Thưa Ngài, không đúng.

5. – Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai ban bố món quà giáo pháp là sự bất tử đến cho chư thiên và nhân loại ở mười ngàn thế giới. Những chúng sanh nào có khả năng thì được giác ngộ nhờ vào giáo pháp bất tử, trái lại những chúng sanh nào không có khả năng thì chúng bị chết, bị rơi xuống bởi vì giáo pháp bất tử. Tâu Đại vương, vật thực duy trì mạng sống cho tất cả chúng sanh. Một số người ăn vật thực bị chết vì cơn thổ tả. Tâu Đại vương, phải chăng người bố thí vật thực ấy do nguyên cớ ấy có thể đạt đến tội lỗi nào đó?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai ban bố món quà giáo pháp là sự bất tử đến cho chư thiên và nhân loại ở mười ngàn thế giới. Những chúng sanh nào có khả năng thì được giác ngộ nhờ vào giáo pháp bất tử, trái lại những chúng sanh nào không có khả năng thì bị chết, bị rơi xuống bởi vì giáo pháp bất tử.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự ban phát điều lợi ích đến tất cả chúng sanh” là thứ nhì.

[17] Sau khi cây chuối trổ buồng, bụi tre nở hoa, la cái sanh con thì chúng tàn lụi và chết đi.

3. CÂU HỎI VỀ VIỆC BIỂU LỘ VẬT ĐƯỢC CHE GIẤU SAU LỚP VẢI (*Vatthaguyhanidassanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: **"Lành thay sự phòng hộ thân! Lành thay sự phòng hộ lời nói! Lành thay sự phòng hộ ý! Lành thay sự phòng hộ tất cả."**

Và thêm nữa, đức Như Lai sau khi ngồi xuống ở giữa tứ chúng đã phô bày tướng mã âm tàng[18] cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy ở phía trước chư thiên và nhân loại. Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được đức Thế Tôn nói là: **"Lành thay sự phòng hộ thân!"** như thế thì lời nói rằng: "Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy" là sai trái. Nếu Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy, như thế thì lời nói rằng: "Lành thay sự phòng hộ thân!" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: **"Lành thay sự phòng hộ thân!"**, và tướng mã âm tàng đã được phô bày cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy. Tâu Đại vương, đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông. Chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, vả lại ai sẽ tin rằng chỉ có một người ở hội chúng nhìn thấy vật được che giấu sau lớp vải ấy, và số còn lại đang ở ngay tại chỗ ấy lại không nhìn thấy? Trong trường hợp này, xin Ngài hãy xác định cho trẫm lý do ấy, xin hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ.

– Tâu Đại vương, có phải Đại vương đã được nhìn thấy trước đây một người đàn ông nào đó bị bệnh, được vây quanh bởi bà con và bạn bè?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, phải chăng nhóm người nhìn thấy cái cảm thọ ấy, là cái cảm thọ mà người đàn ông ấy cảm nhận?

– Thưa Ngài, không được. Chỉ có người đàn ông ấy cảm nhận bởi chính bản thân.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chỉ đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho chính người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như việc vong linh có thể nhập vào một người nam nào đó, tâu Đại vương, phải chăng nhóm người ấy nhìn thấy vong linh ấy đang tiến đến gần?

– Thưa Ngài, không được. Chỉ có người bệnh ấy nhìn thấy sự tiến đến gần của vong linh ấy.

---

[18] Vật được bao bọc lại bằng lớp màng và được che giấu sau lớp vải. (ND)

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chỉ đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, việc khó làm đã được thực hiện bởi đức Thế Tôn trong lúc Ngài phô bày vật không thể nhìn thấy ấy cho một người thôi.

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn không phô bày vật được che giấu, trái lại đã cho nhìn thấy cái hình bóng bằng thần thông.

– Thưa Ngài, dầu chỉ là cái hình bóng được nhìn thấy nhưng đúng là vật che giấu đã được nhìn thấy, sau khi nhìn thấy vật ấy thì đã đạt được mục đích.

– Tâu Đại vương, đức Như Lai làm việc khó làm để giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai buông lơi công việc thì những chúng sanh có khả năng giác ngộ không thể giác ngộ. Tâu Đại vương, và bởi vì đức Như Lai biết được phương thức để giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ, vì thế bằng phương thức nào khiến cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ thì đức Như Lai giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy.

3. Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, bằng phương thuốc nào khiến người bệnh được lành bệnh thì đi đến người bệnh với phương thuốc ấy, làm cho nôn mửa người cần phải nôn mửa, làm xổ người cần phải xổ, bôi dầu người cần phải bôi dầu, tắm hương người cần phải tắm hương. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai bằng phương thức nào khiến cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ, thì giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nữ có bào thai ngược, phô bày vật che giấu không đáng được nhìn thấy cho người thầy thuốc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, để giác ngộ những người có khả năng giác ngộ, đức Như Lai đã phô bày bằng thần thông cái hình bóng của vật che giấu không đáng được nhìn thấy. Tâu Đại vương, vật gọi là không đáng được nhìn thấy thì không có cơ hội dành cho cá nhân. Tâu Đại vương, nếu người nào đó sau khi nhìn thấy trái tim của đức Thế Tôn mà được giác ngộ thì đức Thế Tôn theo phương thức cũng cho người ấy nhìn thấy trái tim. Tâu Đại vương, đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng. Tâu Đại vương, không lẽ sau khi biết được khuynh hướng của Trưởng lão Nanda, đức Như Lai đã đưa vị ấy đến thiên cung và cho nhìn thấy các cô con gái ở cõi trời [nghĩ rằng]: "Người con trai gia đình danh giá này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc này", và nhờ đó người con trai gia đình danh giá ấy đã được giác ngộ. Tâu Đại vương, như thế trong khi khi dể, trong khi chê trách, trong khi nhờm gớm hình tướng mỹ miều bằng nhiều phương thức, đức Như Lai đã cho vị ấy nhìn thấy những cô tiên nữ có các bàn chân bồ câu vì nguyên nhân giúp cho vị ấy giác ngộ. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy.

4. Tâu Đại vương, còn có việc khác nữa, vào lúc Trưởng lão Cullapanthaka bị người anh đuổi ra [khỏi tu viện] nên có tâm trí buồn bã, đức Như Lai đã đi

đến và trao cho miếng vải mềm [nghĩ rằng]: "Người con trai gia đình danh giá này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc này." Bởi lý do ấy, vị ấy đã đạt được bản thể năng lực về giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy.

Tâu Đại vương, còn có việc khác nữa, đức Như Lai đã không trả lời câu hỏi được vị Bà-la-môn Mogharāja hỏi đến lần thứ ba [nghĩ rằng]: "Như vậy thì sự ngã mạn của người con trai gia đình danh giá này sẽ được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn sẽ có sự chứng ngộ." Và nhờ thế, ngã mạn của người con trai gia đình danh giá ấy đã được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn mà vị Bà-la-môn ấy đã đạt được bản thể năng lực về sáu thắng trí. Đức Như Lai là người biết được phương thức và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ bằng nhiều cách thức với nhiều lý lẽ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị đổ vỡ, [pháp] nhãn đã được sanh khởi cho những người con trai của đấng Chiến Thắng, các ngoại đạo không còn chói sáng, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng.

"Câu hỏi về việc biểu lộ vật được che giấu sau lớp vải" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ CỦA LỜI NÓI GAY GẮT (*Pharusavācābhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, nói đến: **"Này các Đại đức, đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch. Đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói khiến đức Như Lai phải gìn giữ rằng: Chớ để người khác biết việc này của Ta."** Và thêm nữa, trong khi quy định tội *pārājika* về việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Như Lai đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại với những lời nói gay gắt. Và vì thế, vị Trưởng lão ấy bị run sợ, có sự ân hận, đã không thể thấu triệt Thánh đạo. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch, đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói, như thế thì lời nói rằng: 'Trong việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại' là sai trái. Nếu trong việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại, như thế thì lời nói rằng: "Đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch, đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, nói đến: "Này các Đại đức, đức Như Lai có cách hành xử về lời nói hoàn toàn trong sạch. Đức Như Lai không có lối cư xử xấu xa về lời nói

khiến đức Như Lai phải gìn giữ rằng: Chớ để người khác biết việc này của Ta." Và thêm nữa, trong khi quy định tội *pārājika* về việc phạm lỗi của Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng từ kẻ rồ dại. Tuy nhiên, điều ấy là không do tâm xấu xa, không do sự giận dữ, mà là với biểu hiện đúng đắn. Và ở đây biểu hiện đúng đắn là gì? Tâu Đại vương, đối với cá nhân nào mà sự chứng ngộ bốn sự thật không có ở bản ngã này, thì bản thể con người của kẻ ấy là rồ dại, trong khi cái này đang được làm thì lại thành tựu với cái khác; do điều ấy mà được gọi là "kẻ rồ dại". Tâu Đại vương, như thế đối với Trưởng lão Sudinna Kalandaputta, đức Thế Tôn đã xưng hô bằng lời nói về bản thể, không phải bằng lời không đúng sự thật.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, người nào trong khi mắng nhiếc [kẻ khác] mà nói đến cho dầu là đúng với bản thể, đối với người ấy chúng ta nên bắt chịu hình phạt nhẹ. Người ấy rõ ràng là có lỗi, người ấy mắng nhiếc trong khi thể hiện sự bày tỏ căn cứ vào sự kiện theo tính cách riêng.

– Tâu Đại vương, có phải Đại vương đã được nghe trước đây về việc đảnh lễ, đứng dậy, tôn vinh, hoặc dâng biếu quà tặng đến người bị lỗi lầm chăng?

– Thưa Ngài, không có. Người ấy đã bị lỗi lầm vì điều gì, do đâu, ở nơi nào, ở bất cứ đâu, là xứng với sự rầy la, xứng với sự quở trách, đối với kẻ này người ta còn chặt đầu, hành hạ, trói lại, giết chết và thiêu đốt nữa.

– Tâu Đại vương, như thế thì chỉ có việc nên làm là được đức Thế Tôn thực hiện, chứ không có việc không nên làm?

– Thưa Ngài Nāgasena, ngay cả hành động cần phải làm còn được thực hiện một cách phù hợp, một cách thích đáng. Thưa Ngài Nāgasena, đối với đức Như Lai, chỉ riêng với việc nghe danh thôi thì thế gian có cả chư thiên đều kinh hãi, hổ thẹn, với việc nhìn thấy thì còn nhiều hơn, với việc phục vụ khi đi đến gần thì còn vượt trội cả điều ấy nữa.

4. – Tâu Đại vương, phải chăng người thầy thuốc ban cho các loại thuốc thoa trong trường hợp cơ thể bị tiết dịch, có chất độc hoành hành?

– Thưa Ngài, không đúng. Với sự mong mỏi về sức khỏe, ông ta ban cho các loại thuốc mạnh, có thể gây cồn cào.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai ban cho lời chỉ bảo nhằm làm lặng yên tất cả các căn bệnh phiền não. Tâu Đại vương, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng xoa dịu chúng sanh, làm cho trở thành nhu thuận.

Tâu Đại vương, giống như nước nóng làm mềm mại bất cứ vật gì có thể làm mềm mại, làm cho trở thành nhu nhuyến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng thương xót.

Tâu Đại vương, giống như lời nói của người cha đối với các con trai là có lợi ích, được gắn liền với lòng thương xót. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng

thương xót. Tâu Đại vương, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng đưa đến sự dứt bỏ phiền não của các chúng sanh.

Tâu Đại vương, giống như nước tiểu trâu bò dầu có mùi thối mà được uống vào, món thuốc dầu không có mùi vị mà được ăn vào, lại diệt trừ căn bệnh cho các chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng có lợi ích, được gắn liền với lòng thương xót.

Tâu Đại vương, giống như đống gòn, dầu lớn, rơi xuống ở cơ thể của người khác vẫn không gây ra thương tích. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, lời nói của đức Như Lai dầu là gay gắt nhưng không làm sanh lên sự khổ đau cho bất cứ ai.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được giải quyết bằng nhiều lý lẽ. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về bản thể của lời nói gay gắt của đức Như Lai" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ SUY TƯ CỦA CÂY CỐI (*Rukkhācetanabhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: **"Này Bà-la-môn, nguyên nhân của điều gì mà ngươi, là người có sự tinh tấn đã được ra sức, thường xuyên không xao lãng, lại hỏi han cây cối về sự ngủ nghỉ thoải mái trong khi biết rằng cây này là loài không có tâm tư, không nghe, không biết?"**

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng:

"Cây phandana đã tức thời đáp lại rằng: Tôi cũng có lời trình. Này Bhāradvāja, hãy lắng nghe tôi."

Thưa Ngài Nāgasena, nếu cây cối là không có tâm tư, như thế thì lời nói rằng: 'Cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja' là sai trái. Nếu cây phandana đã chuyện trò với Bharadvāja, như thế thì lời nói rằng: 'Cây cối là không có tâm tư' cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài."

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: "Cây cối là không có tâm tư." Và cây phandana đã chuyện trò với Bhāradvāja. Tuy nhiên, lời nói ấy đã được nói theo cách diễn đạt của thế gian. Tâu Đại vương, đối với cây cối không có tâm tư không có việc gọi là chuyện trò. Tâu Đại vương, tuy nhiên ở cây ấy có thiên nhân ngụ. Cái từ gọi "cây" ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và nói "cây cối trò chuyện", đây là quy định của thế gian. Tâu Đại vương, giống như chiếc xe kéo được chất đầy lúa thì người ta gọi là "xe lúa", tuy rằng chiếc xe kéo ấy làm bằng gỗ. Do tính chất đã được chất đống của lúa ở chiếc xe kéo ấy mà người ta gọi là "xe lúa". Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy

có thiên nhân ngự. Cái từ gọi "cây" ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và "cây cối trò chuyện", đấy là quy định của thế gian.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như trong khi khuấy sữa đông thì gọi là: "Tôi khuấy bơ." Vật mà người ấy khuấy không phải là bơ. Người ấy đang khuấy chính là sữa đông nhưng lại nói là: "Tôi khuấy bơ." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân ngự. Cái từ gọi "cây" ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và "cây cối trò chuyện", đấy là quy định của thế gian. Tâu Đại vương, giống như người đang tạo ra vật chưa hình thành thì nói là: "Tôi tạo ra vật đã hình thành." Nói về vật chưa thành tựu là: "Vật đã thành tựu"; như vậy điều ấy là cách diễn đạt của thế gian. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cây cối không trò chuyện. Cây cối không có tâm tư. Tuy nhiên, ở cây ấy có thiên nhân ngự. Cái từ gọi "cây" ấy là ám chỉ vị thiên nhân. Và "cây cối trò chuyện", đấy là quy định của thế gian. Tâu Đại vương, đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp cho chúng sanh cũng theo y như cách diễn đạt của thế gian mà người ta thường nói.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo vậy.

"Câu hỏi về bản thể suy tư của cây cối" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ QUẢ BÁO LỚN CỦA MÓN THÍ THỰC (*Piṇḍapātamahapphalapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được các vị Trưởng lão thực hiện cuộc trùng tụng giáo pháp nói đến: **"Tôi đã được nghe rằng: Sau khi thọ dụng bữa ăn của người thợ rèn Cunda, bậc Sáng Trí đã mắc phải cơn bệnh khốc liệt, kề cận cái chết."**

Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói rằng: **"Này Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. Hai phần thí thực nào? Phần thí thực mà sau khi thọ dụng đức Như Lai đã giác ngộ phẩm vị Chánh đẳng giác tối thượng, và phần thí thực sau khi thọ dụng đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn, không còn dư sót. Hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác."**

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai, sau khi thọ dụng bữa ăn của Cunda, có cơn bệnh trầm trọng đã sanh lên, có cảm thọ khốc liệt đã phát khởi, kề cận cái chết, như thế thì lời nói rằng: "Này Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác" là sai trái. Nếu hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí

thực khác, như thế thì lời nói rằng: "Đức Thế Tôn, sau khi thọ dụng bữa ăn của Cunda, có cơn bệnh trầm trọng đã sanh lên, có cảm thọ khốc liệt đã phát khởi, kề cận cái chết" cũng là sai trái.

Thưa Ngài Nāgasena, không lẽ phần thí thực ấy có quả báo lớn do tình trạng đã bị nhiễm độc, có quả báo lớn do việc đã làm sanh lên cơn bệnh, có quả báo lớn do việc đã làm hoại đi tuổi thọ, có quả báo lớn do việc đã lấy đi mạng sống của đức Thế Tôn? Về việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do nhằm phản bác lại các học thuyết khác. Về việc ấy, đám người bị mê muội này cho rằng: "Bệnh lỵ xuất huyết sanh lên bởi đã ăn quá nhiều do tác động của tham." Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được các vị Đại trưởng lão thực hiện cuộc trùng tụng giáo pháp nói đến: **"Tôi đã được nghe rằng: Sau khi thọ dụng bữa ăn của người thợ rèn Cunda, bậc Sáng Trí đã mắc phải cơn bệnh khốc liệt, kề cận cái chết."**

Và đức Thế Tôn đã nói rằng: **"Này Ānanda, hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.** Hai phần thí thực nào? Phần thí thực mà sau khi thọ dụng đức Như Lai đã giác ngộ phẩm vị Chánh đẳng giác tối thượng, và phần thí thực sau khi thọ dụng đức Như Lai đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót. Hai phần thí thực này là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác." Hơn nữa, phần thí thực ấy có nhiều đức tánh, có nhiều quả thành tựu, có nhiều quả báo.

Tâu Đại vương, chư thiên đã mừng rỡ, có tâm ý tịnh tín [nghĩ rằng]: "Đây là lần thọ thực cuối cùng của đức Thế Tôn" nên đã rắc dưỡng chất thuộc cõi trời ở món thịt lợn rừng.[19] Hơn nữa, món ấy đã được nấu đúng cách, đã được nấu nhuần nhuyễn theo ý thích, có nhiều chất bổ, có lợi cho sức nóng của ngọn lửa (tiêu hóa) ở bao tử. Tâu Đại vương, không phải do duyên cớ ấy khiến cơn bệnh nào đó chưa khởi lên đã khởi lên cho đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy một cách bình thường, khi có nhiên liệu khác được cho vào thì bùng cháy

[19] *Sūkaramaddava*: Các bộ *Chú giải* đã không xác định rõ ràng về món thí thực này. *Chú giải* của *Dīghanikāya* (*Kinh Trường bộ*) ghi như sau: 1) *Sūkaramaddava* là phần thịt ngon nhất đã được làm sẵn của con heo rừng không quá trẻ, không quá già. Món ấy nhừ và béo, đã được cho chuẩn bị và nấu kỹ lưỡng. 2) Một số vị giải thích là: 'Một loại nước xúp bò được nấu với năm loại hương vị.' 3) Nhiều vị khác cho rằng: 'Món ấy là chất bổ dưỡng' (*DA*. II. 568). *Chú giải Udāna* (*Kinh Phật tự thuyết*) cũng giải thích giống như (1) và (3) ở trên, ngoài ra còn có lời giải thích khác rằng: '*Sūkaramaddava* không phải là thịt heo rừng mà là một loại măng tre đã bị loài heo rừng giẫm đạp, hoặc là loại nấm mọc lên ở vùng đất đã được heo rừng cày ủi.' *Chú giải* này còn ghi thêm rằng: 'Thợ rèn Cunda đã chuẩn bị chất bổ dưỡng ấy và đã cúng dường đến đức Phật nhằm kéo dài tuổi thọ vì nghe rằng Ngài sẽ viên tịch Niết-bàn trong ngày đó (*UdA*. 399).

hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, hoặc là giống như con suối đang chảy một cách tự nhiên, khi có đám mây lớn đổ mưa thì trở thành dòng chảy lớn, cơn nước lũ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như bao tử đang no đầy một cách bình thường, khi có vật nào khác chưa nấu chín được nuốt vào thì có thể bị căng cứng hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi cơ thể của đức Thế Tôn vốn đã suy yếu, tuổi thọ đã hết, thì cơn bệnh đã khởi lên càng gia tăng thêm nữa. Tâu Đại vương, không có gì sai trái ở món thí thực ấy. Và không thể gán điều sai trái cho món ấy.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, bởi lý do gì mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác?

– Tâu Đại vương, do năng lực của sự thuần thục và chứng đạt các pháp mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.

– Thưa Ngài Nāgasena, do năng lực của sự thuần thục và chứng đạt đối với các pháp nào mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác?

– Tâu Đại vương, do năng lực của sự thể nhập theo chiều thuận và chiều nghịch đối với chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự mà hai phần thí thực ấy là như nhau, có quả báo như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Như Lai đã thể nhập theo chiều thuận và chiều nghịch một cách nổi bật đối với chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự chỉ trong hai ngày thôi sao?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Việc nào dầu là sự bố thí tột đỉnh không thể sánh bằng ở ruộng phước đức Phật cũng không sánh được với hai phần thí thực này. Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Chín sự chứng đạt và an trú theo tuần tự vĩ đại đến chừng nào, thì do năng lực của sự chứng đạt và an trú theo tuần tự mà sự bố thí ở chính nơi ấy là có được quả báo lớn hơn và phước báu lớn hơn. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về quả báo lớn của món thí thực" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ SỰ CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT (*Buddhapūjanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai."**

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng:

"Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi trời."

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai", như thế thì lời nói rằng: "Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi trời" là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi trời", như thế thì lời nói rằng: "Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai." Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: "Các ngươi hãy cúng dường Xá-lợi của bậc đáng được cúng dường. Làm như vậy, các ngươi từ chốn này sẽ đi đến cõi trời." Tuy nhiên, điều đã được nói ấy: "Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai" không dành cho tất cả, mà chỉ liên quan đến các người con trai của đấng Chiến Thắng.

Tâu Đại vương, điều này, tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quan sát về bốn sự thiết lập niệm, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại.

Tâu Đại vương, giống như đối với các vị hoàng tử ở trên quả đất thì có các môn học về voi, ngựa, xe, cung, gươm, viết chữ, quản lý, binh thư, lắng nghe, khéo tiếp nhận, chiến đấu, động viên là công việc cần phải làm; còn đối với các thành phần còn lại như các thương buôn và nô lệ phàm phu thì việc trồng trọt, buôn bán, chăn giữ trâu bò là việc cần phải làm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc này tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quan sát về bốn sự thiết lập niệm, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đối với các thanh niên Bà-la-môn thì các môn học như (bốn bộ Vệ-đà) Rig-Veda, Yajur-Veda, Sāma-Veda, Atharva-Veda, tướng số, truyền thống, truyền thuyết, từ vựng, nghi thức, sự phân tích âm từ, cú pháp, văn phạm, cấu trúc ngôn ngữ, hiện tượng, giấc mơ, điềm báo hiệu, sáu chi phần (của kinh Vệ-đà), nguyệt thực, nhật thực, sự di chuyển che khuất của các thiên thể, sự tranh giành ảnh hưởng của các vì sao, sự xuất hiện, sự rơi của thiên thể, sự động đất, sự bừng sáng ở các phương, bầu khí quyển, thiên văn học, tương lai của thế gian, điềm báo từ loài chó, điềm báo từ loài thú, điểm báo từ vị trí của các vì sao, hiện tượng bị xáo trộn, tiếng kêu của các loài chim là việc cần phải làm; còn đối với các thành phần còn lại như các thương buôn và nô lệ phàm phu thì việc trồng trọt, buôn bán, chăn giữ trâu bò là việc cần phải làm.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc này tức là việc cúng dường, không phải là việc làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Việc quán sát về các hành, tác ý đúng đường lối, quan sát về bốn sự thiết lập niệm, nắm lấy điều tinh túy của đề mục, sự chiến đấu với các phiền não, sự bám theo mục đích của mình, điều này là việc cần phải làm của những người con trai của đấng Chiến Thắng. Cúng dường là việc nên làm đối với các thành phần còn lại là chư thiên và nhân loại. Tâu Đại vương, do đó đức Như Lai [nghĩ rằng]: "Chớ để những người này vướng bận về những việc không phải là phận sự. Hãy để những người này gắn bó với những công việc của chính mình" nên đã nói rằng: "Này Ānanda, các ngươi chớ bị bận rộn với việc cúng dường nhục thân của Như Lai." Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai không nói điều này thì các vị Tỳ-khưu sau khi nhận lấy y và bình bát của mình rồi làm chỉ mỗi việc cúng dường đức Phật.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự cúng dường đức Phật" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỊ THƯƠNG BỞI MIẾNG ĐÁ Ở BÀN CHÂN (*Pādasakalikāhatapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: **"Trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên."** Và thêm nữa, Ngài còn nói rằng: **"Bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá."** Về miếng đá đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn, tại sao miếng đá ấy đã không né tránh bàn chân [của đức Thế Tôn]. Thưa Ngài Nāgasena, nếu trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên, như thế thì lời nói rằng: "Bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá" là sai trái. Nếu bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá, như thế thì lời nói rằng: "Trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống

và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, việc ấy là thật. Trong khi đức Thế Tôn đang đi, đại địa cầu không có suy tư này nâng cao lên những chỗ bị lõm xuống và hạ thấp xuống những chỗ bị nhô lên. Và bàn chân của đức Thế Tôn đã bị cắt đứt bởi miếng đá. Tuy nhiên, miếng đá ấy đã không rơi theo bản thể tự nhiên của nó, mà đã rơi do mưu mô của Devadatta. Tâu Đại vương, Devadatta đã buộc oan trái với đức Thế Tôn nhiều trăm ngàn kiếp sống. Do sự oan trái ấy, kẻ ấy đã buông ra tảng đá lớn có kích thước bằng ngôi nhà mái nhọn [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho rơi ở phía trên của đức Thế Tôn." Khi ấy, có hai khối đá đã trồi lên từ trái đất và đã hứng chịu tảng đá ấy. Rồi do sự va chạm của chúng, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài Nāgasena, hai khối đá đã hứng chịu tảng đá ấy như thế nào thì mảnh đá [bị vỡ ra] cũng nên được hứng chịu y như thế ấy.

– Tâu Đại vương, mặc dầu đã được hứng chịu nhưng ở đây một mảnh nào đó vuột qua, văng đi, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, giống như nước được giữ lại bởi bàn tay thì vuột qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, rồi mất dạng; [giống như] sữa tươi, sữa đông, bơ lỏng, mật ong, dầu ăn, sốt cá, sốt thịt được giữ lại bởi bàn tay, thì vuột qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đến gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như cát trơn, mịn, li ti, tương tợ hạt bụi được giữ lại bởi nắm tay, thì vuột qua các khe hở của ngón tay, trôi đi, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đến gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như vắt cơm được giữ lại bởi cái miệng, ở đây có thể một phần nào đó từ miệng của người ấy bị trào ra, vuột qua, trôi đi, rồi mất dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do sự va chạm của hai khối đá được tiến đến gần nhằm mục đích hứng chịu, có mảnh đá đã bị vỡ ra khỏi tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Hãy cho là tảng đá được hứng chịu bởi hai khối đá. Thế thì mảnh đá cũng nên thể hiện sự cung kính [đối với đức Phật] giống y như đại địa cầu vậy.

– Tâu Đại vương, có mười hai hạng này không thể hiện sự cung kính. Mười hai hạng nào? Hạng luyến ái do tác động của sự luyến ái không thể hiện sự cung kính, hạng xấu xa do tác động của sân, hạng mê mờ do tác động của si, hạng cao ngạo do tác động của ngã mạn, hạng thiếu tánh tốt do không có ưu điểm, hạng quá bướng bỉnh do thiếu sự răn đe, hạng hạ liệt do bản tánh hạ liệt, hạng làm theo lời sai bảo do thiếu bản lãnh, hạng ác xấu do tánh bỏn xẻn, hạng bị chịu

khổ do tánh tự làm cho khổ, hạng tham lam do bị ngự trị bởi tham, hạng bị bận rộn do chuyên chú vào của cải không thể hiện sự cung kính. Tâu Đại vương, đây là mười hai hạng không thể hiện sự cung kính. Và hơn nữa, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do sự va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như hạt bụi trơn, mịn, li ti, bị gom lại bởi sức mạnh của cơn gió thì lăn lóc tung tóe không theo hướng quy định. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do sự va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, nếu mảnh đá ấy không bị tách rời khỏi tảng đá, thì sau khi trồi lên hai khối đá ấy cũng có thể tóm lấy mảnh vỡ của tảng đá ấy. Tâu Đại vương, hơn nữa sau khi bị vỡ ra do lực va chạm của tảng đá, mảnh đá ấy không trụ ở mặt đất, không trú ở không trung, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như chiếc lá úa bị cuốn lên bởi cơn gió lốc thì lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mảnh đá ấy sau khi bị vỡ ra do lực va chạm của tảng đá, trong khi lăn lóc rơi xuống không theo hướng quy định đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, hơn nữa do tiến trình gánh lấy khổ đau của Devadatta vô ơn, bỏn xẻn mà miếng đá ấy đã rơi ở bàn chân của đức Thế Tôn.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc bị thương bởi miếng đá ở bàn chân” là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ VỊ SA-MÔN CAO QUÝ HẠNG NHẤT (*Aggaggasamaṇapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng:

“Vị có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-môn.”

Trong trường hợp ấy, bốn pháp này là: Kham nhẫn, hạn chế về vật thực, dứt trừ hẳn sự thỏa thích, không sở hữu bất cứ vật gì. Tuy nhiên, người có lậu hoặc chưa được đoạn diệt, thậm chí còn ô nhiễm, vẫn có tất cả các pháp này. Thưa Ngài Nāgasena, nếu do sự đoạn tận của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn, như thế thì lời nói rằng: **“Vị có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-môn”** là sai trái. Nếu được thành tựu bốn pháp là trở thành vị Sa-môn, như thế thì lời nói rằng: **“Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn”** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: “Do sự

cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.” Và đức Thế Tôn đã nói rằng: “Vị có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-môn.” Tâu Đại vương, lời nói này đây đã được nói về phương diện đức hạnh của những con người ấy đấy: “Vị có trạng thái đã sở hữu bốn pháp, đương nhiên thế gian đã gọi vị ấy là Sa-môn.” Còn đây là lời nói trọn vẹn: “*Do sự cạn kiệt của các lậu hoặc mà trở thành vị Sa-môn.*” Hơn nữa tâu Đại vương, liên quan và đề cập đến tất cả những vị đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhất.

Tâu Đại vương, giống như trong số bất cứ các loài hoa nào sống ở nước hoặc sống ở đất liền, thì hoa nhài được gọi là hạng nhất. Hơn nữa, liên quan và đề cập đến tất cả các loài hoa nào đó còn lại, đủ các hạng, thì chỉ riêng hoa nhài là được con người mong cầu, ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, liên quan và đề cập đến tất cả những vị đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhất.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như trong số tất cả các loại hạt thì gạo sāli được gọi là hạng nhất. Liên quan và đề cập đến bất cứ các loại hạt còn lại, đủ các hạng, là các loại vật thực nhằm nuôi dưỡng cơ thể, thì chỉ riêng gạo sāli được gọi là hạng nhất trong số các loại ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, liên quan và đề cập đến tất cả những vị đã thực hành nhằm làm an tịnh các phiền não thì vị Sa-môn có lậu hoặc đã cạn kiệt được gọi là hạng nhất.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về vị Sa-môn cao quý hạng nhất” là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ VIỆC NÓI LỜI CA NGỢI (*Vaṇṇabhaṇanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Này các Tỳ-khưu, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tâm.”**

Và thêm nữa, trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng:

“Này Sela, Ta là đức vua, đấng Pháp Vương vô thượng. Ta chuyển vận bánh xe theo giáo pháp, là bánh xe không thể bị chuyển vận nghịch lại.”

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: “Này các Tỳ-khưu, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tâm”, như thế thì lời nói rằng: “Trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân” là sai trái.

Nếu trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Như Lai đã vui mừng, hoan hỷ, phấn khởi tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tâm" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tâm." Và trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, Ngài đã tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng:

"*Này Sela, Ta là đức vua, đấng Pháp Vương vô thượng. Ta chuyển vận bánh xe theo giáo pháp, là bánh xe không thể bị chuyển vận nghịch lại.*"

Tâu Đại vương, trong khi đang giải thích về hiện tướng của bản thể luôn cả cốt lõi, về bản thể, về sự hiển hiện, về sự hiện hữu, về thực thể, về trạng thái thật của giáo pháp, đức Thế Tôn đã nói lên câu thứ nhất rằng: "Này các Tỳ-khưu, nếu những người khác nói lời ca ngợi về Ta, nói lời ca ngợi về giáo pháp hoặc về hội chúng, trong trường hợp ấy các ngươi không nên thể hiện nỗi vui mừng, niềm hoan hỷ, hay tâm trạng phấn khởi của tâm."

Trái lại, trong khi lời ca ngợi đúng theo sự thật của Bà-la-môn Sela đang được nói lên, đức Thế Tôn đã tuyên dương nhiều hơn, trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: "Này Sela, Ta là đức vua, đấng Pháp Vương vô thượng", điều ấy không do nhân lợi lộc, không do nhân danh vọng, không do nhân phe nhóm, không vì lòng mong mỏi đệ tử. Khi ấy, vì lòng thương tưởng, vì lòng bi mẫn, vì ước muốn điều lợi ích [nghĩ rằng]: "Như vậy sẽ có sự lãnh hội cho người này và ba trăm thanh niên Bà-la-môn", nên Ngài đã công bố nhiều hơn, vượt trội hơn về đức hạnh của bản thân rằng: "Này Sela, Ta là đức vua, đấng Pháp Vương vô thượng."

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc nói lời ca ngợi" là thứ mười.

11. CÂU HỎI VỀ SỰ KHÔNG HÃM HẠI VÀ SỰ TRẤN ÁP (*Ahiṃsāniggahapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận."** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **"Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng**

đỡ.” Thưa Ngài Nāgasena, trấn áp nghĩa là chặt tay, chặt chân, trừng phạt, giam cầm, hành hạ, giết chết, làm tổn thương sự tiếp nối [mạng sống]. Lời nói này đối với đức Thế Tôn là không được đúng đắn. Và đức Thế Tôn không thể nào nói lời nói này.

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: “Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận”, như thế thì lời nói rằng: “Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ” là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: “Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ”, như thế thì lời nói rằng: “Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận.”** Và Ngài đã nói rằng: **“Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ.”**

Tâu Đại vương, điều nói là: “Trong khi không hãm hại người khác ở trên đời, ngươi sẽ trở thành người được yêu mến, được thân cận”, đối với tất cả các đức Như Lai thì điều này được chấp thuận, điều này là sự chỉ dạy, điều này là sự giảng giải giáo pháp. Tâu Đại vương, bởi vì giáo pháp có sự không hãm hại là tướng trạng. Điều này là lời nói về bản thể.

Tâu Đại vương, còn về việc đức Như Lai đã nói rằng: “Hãy trấn áp kẻ xứng đáng với sự trấn áp, hãy nâng đỡ kẻ xứng đáng với sự nâng đỡ”, điều ấy là ngôn từ. Tâu Đại vương, tâm bị kích động là cần được trấn áp, tâm trì trệ là cần được nâng đỡ. Tâm bất thiện là cần được trấn áp, tâm thiện là cần được nâng đỡ. Tác ý không đúng đường lối là cần được trấn áp, tác ý đúng đường lối là cần được nâng đỡ. Sự thực hành sai trái là cần được trấn áp, sự thực hành đúng đắn là cần được nâng đỡ. Người không thánh thiện là cần được trấn áp, người thánh thiện là cần được nâng đỡ. Kẻ trộm cướp là cần được trấn áp, kẻ không là trộm cướp là cần được nâng đỡ.

– Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Giờ đây Ngài mới đề cập đến vấn đề của trẫm, trẫm quan tâm đến ý nghĩa của điều trẫm hỏi. Thưa Ngài Nāgasena, như vậy trong khi trấn áp kẻ trộm cướp thì nên trấn áp như thế nào?

– Tâu Đại vương, trong khi trấn áp kẻ trộm cướp thì nên trấn áp như vầy: Kẻ đáng quở trách thì nên quở trách, kẻ đáng trừng phạt thì nên trừng phạt, kẻ đáng lưu đày thì nên lưu đày, kẻ đáng giam cầm thì nên giam cầm, kẻ đáng tử hình thì nên tử hình.

– Thưa Ngài Nāgasena, như vậy việc tử hình những kẻ trộm cướp có được các đức Như Lai chấp thuận không?

– Tâu Đại vương, không.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì tại sao việc kẻ trộm cướp cần được chỉ dạy lại được các đức Như Lai chấp thuận?

– Tâu Đại vương, kẻ nào bị tử hình, không phải do sự chấp thuận của các đức Như Lai mà kẻ ấy bị tử hình. Kẻ ấy bị tử hình bởi việc đã làm của chính bản thân. Thêm nữa, kẻ ấy được chỉ dạy theo sự chỉ dạy về giáo pháp. Tâu Đại vương, phải chăng bậc trí có thể bắt giữ người không gây án không phạm tội đang đi trên đường rồi giết chết không?

– Thưa Ngài, không thể.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì là người không gây án.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, kẻ trộm cướp sẽ bị giết chết không phải do sự chấp thuận của các đức Như Lai. Kẻ ấy sẽ bị giết chết bởi việc đã làm của chính bản thân. Như thế, phải chăng trong trường hợp này người chỉ dạy phạm vào lỗi lầm nào đó?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, như thế thì sự chỉ dạy của các đức Như Lai là sự chỉ dạy đúng đắn.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự không hãm hại và sự trấn áp" là thứ mười một.

12. CÂU HỎI VỀ VIỆC ĐÃ GIẢI TÁN CÁC VỊ TỲ-KHƯU (*Bhikkhupaṇāmitapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Ta không có nổi giận, không có khắt khe."** Và thêm nữa, đức Như Lai đã giải tán hai vị Trưởng lão Sāriputta và Moggallāna cùng với đồ chúng [của hai vị]. Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Như Lai đã giải tán đồ chúng khi bị nổi giận, hay là đã giải tán khi được vui vẻ? Xin Ngài nhận biết cho việc ấy là thuộc về trường hợp này. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đã giải tán đồ chúng khi bị nổi giận, như thế thì đối với đức Thế Tôn sự nổi giận còn chưa được dứt trừ. Nếu đã giải tán đồ chúng khi được vui vẻ, như thế thì [đồ chúng] đã bị giải tán khi không có cớ sự, trong khi không hay biết. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Ta không có nổi giận, không có khắt khe", và hai vị Trưởng lão Sāriputta và Moggallāna cùng với đồ chúng đã bị giải tán. Tuy nhiên, điều ấy không do sự nổi giận. Tâu Đại vương, ở đây có người nam nào đó vấp chân vào rễ cây, gốc cây, cục đá, miểng sành, hoặc chỗ đất không bằng phẳng rồi té ngã. Tâu Đại vương, phải chăng đại địa cầu này bị nổi giận rồi làm cho kẻ ấy té ngã?

– Thưa Ngài Nāgasena, không đúng. Đối với đại địa cầu không có sự nổi

giận hay vui thích. Đại địa cầu được thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Kẻ ấy chính tự mình lơ đễnh nên mới bị vấp chân rồi té ngã.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình nên mới bị giải tán vì sự sai trái của bản thân. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây biển cả không sống chung với xác chết. Nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy ra khỏi, hoặc hất lên đất liền. Tâu Đại vương, phải chăng biển cả bị nổi giận rồi đưa xác chết ấy ra khỏi?

3. – Thưa Ngài, không đúng. Đối với biển cả không có sự nổi giận hay vui thích. Biển cả được thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã thoát khỏi sự ưng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình, vì sự sai trái của bản thân nên mới bị giải tán.

Tâu Đại vương, giống như người bị lỗi lầm với trái đất rồi té ngã, tương tợ y như thế, người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thắng thì bị giải tán. Giống như xác chết ở trong biển cả thì bị đưa ra khỏi, tương tợ y như thế, người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thắng thì bị giải tán.

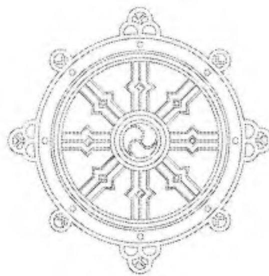
Tâu Đại vương, hơn nữa việc đức Như Lai đã giải tán các vị ấy với sự mong muốn điều tốt đẹp, mong muốn điều lợi ích, mong muốn sự an lạc, mong muốn sự thanh tịnh cho các vị ấy; Ngài đã giải tán [nghĩ rằng]: "Như vậy, những người này sẽ được hoàn toàn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết."

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc đã giải tán các vị Tỳ-khưu" là thứ mười hai.

Phẩm Đã bị giải tán là thứ ba.

(Trong phẩm này có mười hai câu hỏi)



IV. PHẨM VỀ TRÍ TOÀN TRI
(*SABBAÑÑUTAÑĀṆAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ QUẢ THÀNH TỰU CỦA NGHIỆP CÓ NĂNG LỰC LỚN HƠN THẦN THÔNG (*Iddhiyā kammavipākabalavatarapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử có thần thông của Ta tức là Mahāmoggallāna."** Và thêm nữa, nghe nói vị ấy bị đánh bằng những cây côn, đầu bị vỡ, xương thịt gân bị nghiền nát thành bột và toàn thân bị chặt đứt, rồi viên tịch Niết-bàn. Thưa Ngài Nāgasena, nếu vị Trưởng lão Mahāmoggallāna đã đạt đến tột đỉnh của thần thông, như thế thì lời nói rằng: "Bị đánh bằng những cây côn rồi viên tịch Niết-bàn" là sai trái. Nếu bị đánh bằng những cây côn rồi viên tịch Niết-bàn, như thế thì lời nói rằng: "Đã đạt đến tột đỉnh của thần thông" cũng là sai trái. Có phải vị ấy không có khả năng về thần thông để tránh né việc chết chóc của mình, để trở thành đối tượng nương nhờ của thế gian luôn cả chư thiên? Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử có thần thông của Ta tức là Mahāmoggallāna." Và Trưởng lão Mahāmoggallāna đã bị đánh bằng cây côn rồi viên tịch Niết-bàn. Tuy nhiên, điều ấy là do đã bị chế ngự bởi nghiệp.

– Thưa Ngài Nāgasena, thế không phải lãnh vực của thần thông đối với người có thần thông và quả thành tựu của nghiệp là hai điều không thể nghĩ bàn hay sao? Và có thể tránh né việc không thể nghĩ bàn [này] bằng việc không thể nghĩ bàn [khác]? Thưa Ngài, giống như những ai mong muốn trái cây thì chọi thẳng trái táo rừng bằng trái táo rừng, chọi thẳng trái xoài bằng trái xoài, thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, sau khi đối chọi việc không thể nghĩ bàn [này] bằng việc không thể nghĩ bàn [khác] thì có thể tránh né được.

– Tâu Đại vương, tuy nhiên trong hai điều không thể nghĩ bàn thì một điều là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Tâu Đại vương, giống như các vị vua ở trên trái đất là tương đương về dòng dõi. Tuy nhiên trong số các vị tương đương về dòng dõi ấy, có một vị thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội.

Tâu Đại vương, hơn nữa trong trường hợp một người nam vi phạm một sự việc nào đó thì người mẹ, hoặc người cha, hoặc anh chị em, hoặc bạn bè thân hữu của người ấy không bảo vệ được anh ta, khi ấy chính đức vua thống trị ở nơi ấy và thể hiện quyền hành. Trong trường hợp ấy cái gì là nguyên nhân? Do tình trạng vi phạm tội. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám lửa rừng khi đã phát khởi ở trái đất thì cho dầu một ngàn lu nước cũng không thể nào dập tắt. Khi ấy, chính ngọn lửa thống trị ở nơi ấy và thể hiện quyền hành. Trong trường hợp ấy cái gì là nguyên nhân? Là do sức mạnh của ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong số các điều không thể nghĩ bàn ấy thì chính quả thành tựu của nghiệp là trội hơn, có năng lực lớn hơn. Chính quả thành tựu của nghiệp thống trị tất cả và thể hiện quyền hành. Đối với người đã bị chế ngự bởi nghiệp, các hành động còn lại không đạt được cơ hội. Tâu Đại vương, do đó Trưởng lão Mahāmoggallāna là đã bị chế ngự bởi nghiệp, trong khi đang bị đánh bằng những cây côn đã không có được sự gom tụ lại của thần thông.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về thần thông và quả thành tựu của nghiệp" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ PHÁP VÀ LUẬT ĐƯỢC CHE GIẤU HAY KHÔNG ĐƯỢC CHE GIẤU (*Dhammavinayapaṭicchannāpaṭicchannapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bị che giấu."** Và thêm nữa, việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu. Thưa Ngài Nāgasena, nếu Ngài đạt được sự gắn bó, hoặc sự thành tựu, hoặc sự lãnh hội trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, thì sự quy định về Luật là được bộc lộ, có thể tỏa sáng. Vì lý do gì? Toàn bộ ở đây là sự thu thúc trong các điều học, sự kềm chế, sự quy định về giới đức và tánh hạnh đều có hương vị của mục đích, hương vị của giáo pháp, hương vị của giải thoát. Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bị che giấu", như thế thì lời nói rằng: "Việc đọc tụng Giới bổn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu" là sai trái. Nếu việc đọc tụng Giới bổn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bị che giấu" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai là bộc lộ, chói sáng, không bị che giấu." Và thêm nữa, việc đọc tụng Giới bổn và toàn bộ tạng Luật là được đóng lại, được che giấu. Tuy nhiên, điều ấy không phải là đối với tất cả (mọi người), sau khi đã thực hiện ranh giới thì việc ấy được đóng lại.

Tâu Đại vương, việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại bởi đức Thế Tôn bởi vì ba tính chất: Được đóng lại theo quy luật truyền thống của các đức Như Lai thời trước, được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp, được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khưu.

Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại theo quy luật truyền thống của các đức Như Lai thời trước [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, truyền thống này là của tất cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bổn ở giữa các vị Tỳ-khưu, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, giống như kiến thức Sát-đế-ly của dòng Sát-đế-ly lưu truyền chỉ trong số các vị Sát-đế-ly, việc như thế này là tập quán đối với thế gian của các vị Sát-đế-ly, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, truyền thống này là của tất cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bổn ở giữa các vị Tỳ-khưu, và đóng lại đối với các thành phần còn lại.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như các nhóm người sinh sống ở trái đất gồm có: Thợ đấu vật, làm xiếc, uốn dẻo, tài tử, diễn viên, kịch sĩ, vũ công, múa rối, ảo thuật, hạng thờ phụng các vị Trời Maṇibhaddā, Puṇṇabhaddā, thần Mặt trăng, thần Mặt trời, thần May mắn, thần Rủi ro, thần Siva, thần Visnu, thần Mây, thần Asipāsā, thần Bhaddiputta. Điều bí mật của mỗi một nhóm lưu truyền chỉ trong từng nhóm người ấy, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, truyền thống này là của tất cả các đức Như Lai thời trước, tức là việc đọc tụng Giới bổn ở giữa các vị Tỳ-khưu, và đóng lại đối với các thành phần còn lại. Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại theo quy luật truyền thống của các đức Như Lai thời trước [nghĩa] là như vậy.

Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, giáo pháp là đáng được cung kính, đáng được tôn trọng. Ở đây, người có sự thực hành đúng đắn thì đạt được trí tuệ. Người đạt được điều ấy ở đây do sự thực hành đúng đắn theo sự truyền thừa, người không đạt được điều ấy ở đây do sự thực hành đúng đắn theo sự truyền thừa [nghĩ rằng]: "Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có rơi vào tay của những người có sự thực hành sai trái, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có đến với những người xấu xa, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách." Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là như vậy.

Tâu Đại vương, giống như vật gọi là trầm huyết có lõi, cao quý, ưu tú, chính cống, nguyên chất, màu đỏ được đem đến nơi thị tứ ở thôn quê thì bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có người [nghĩ rằng]: "Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có rơi vào tay của những người có sự thực hành sai trái theo sự truyền thừa, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách. Giáo pháp tinh túy, giáo pháp cao quý này chớ có đến với những người xấu xa, rồi bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách." Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với giáo pháp [nghĩa] là như vậy.

Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khưu [nghĩa] là thế nào? Tâu Đại vương, bản thể Tỳ-khưu ở trên đời quả là không so sánh được, không đo lường được, không định giá được, không ai có thể đem ra đánh giá, đem ra so sánh, đem ra đo lường [nghĩ rằng]: "Mong rằng người này đứng vững trong bản thể Tỳ-khưu như vầy và chớ trở thành đồng đẳng với thế gian", việc đọc tụng Giới bổn lưu truyền ở giữa chỉ riêng các vị Tỳ-khưu.

Tâu Đại vương, giống như loại hàng hóa cao quý và ưu tú ở trên đời là tấm vải hoặc là tấm thảm trải, hoặc là voi, ngựa, xe, vàng, bạc, ngọc ma-ni, ngọc trai, các châu báu của phụ nữ, v.v... hoặc là những việc làm và các vị anh hùng không bị đánh bại, tất cả các vật ấy đều đến với đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hết thảy các điều học, các kinh điển khéo được truyền thừa và pháp học, các đức tính của việc thu thúc trong hành xử và của sự phòng hộ các giới, tất cả các điều ấy đều đến với hội chúng Tỳ-khưu. Việc đọc tụng Giới bổn sau khi đã thực hiện ranh giới thì được đóng lại vì sự cung kính đối với địa vị của các Tỳ-khưu [nghĩa] là như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về Pháp và Luật được che giấu hay không được che giấu" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT NẶNG NHẸ CỦA LỜI NÓI DỐI (*Musāvādagarulahubhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Khi cố tình nói dối thì phạm tội *pārājika*."** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **"Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vị."** Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Lý do gì mà do một lời nói dối thì bị đứt đoạn và do một lời nói dối lại có được sự sửa chữa? Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Thế Tôn đã nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội *pārājika*", như thế thì lời nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vị" là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự

hiện diện của một vị", như thế thì lời nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội *pārājika*" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội *pārājika.*" Và Ngài đã nói rằng: "Khi cố tình nói dối thì phạm tội nhẹ với việc sám hối trong sự hiện diện của một vị." Và điều ấy là nặng hay nhẹ tùy theo mức độ của sự việc. Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ gì về điều này? Ở đây, có kẻ tung cú đấm bằng bàn tay vào người khác, Đại vương xét xử hình phạt gì đối với kẻ ấy?

– Thưa Ngài, nếu người kia nói: "Tôi không tha thứ", thì chúng tôi sẽ bảo kẻ không được tha thứ ấy mang lại một đồng tiền.

– Tâu Đại vương, trái lại ở đây nếu chính kẻ ấy tung cú đấm bằng bàn tay vào Đại vương, thì kẻ ấy chịu hình phạt gì?

– Thưa Ngài, đối với kẻ ấy trẫm có thể bảo chặt bàn tay, cũng có thể bảo chặt bàn chân, có thể bảo chặt theo lối xử trảm đến tận cái đầu, cũng có thể cho tịch thu toàn bộ nhà cửa của kẻ ấy và thủ tiêu hai bên nội ngoại cho đến bảy đời.

– Tâu Đại vương, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Lý do gì mà trong việc đấm bằng bàn tay vào một người thì chịu hình phạt nhẹ một đồng tiền, còn trong việc đấm bằng bàn tay vào Đại vương thì chịu sự bị chặt bàn tay, sự bị chặt bàn chân, cho đến việc bị chặt theo lối xử trảm đến tận cái đầu, sự tịch thu toàn bộ nhà cửa, sự thủ tiêu hai bên nội ngoại cho đến bảy đời.

– Thưa Ngài, do sự cách biệt giữa loài người.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc cố tình nói dối là nặng hay nhẹ tùy theo mức độ của sự việc.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về tính chất nặng nhẹ của lời nói dối" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ QUY LUẬT TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI ĐỨC BỒ-TÁT (*Bodhisattadhammatāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở bài giảng pháp về quy luật tự nhiên: **"Ngay trong thời quá khứ, mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác định, cội cây Bồ-đề là được xác định, các vị Thinh văn hàng đầu là được xác định, người con trai là được xác định, vị thị giả là được xác định."** Và thêm nữa, Ngài nói rằng: **"Khi ngự ở tập thể chư thiên Tusitā, đức Bồ-tát quán xét tám điều quán xét chánh yếu: Quán xét về thời điểm, quán xét về châu lục, quán xét về xứ sở, quán xét về gia tộc, quán xét về người mẹ, quán xét về tuổi thọ, quán xét về tháng (thời gian trụ thai), quán xét về việc xuất ly."** Thưa Ngài Nāgasena, khi trí chưa được chín muồi thì không có sự giác ngộ. Khi trí đã chín muồi thì không thể chờ đợi dầu chỉ trong nháy mắt. Trí đã chín muồi sẽ không bị vượt qua. Tại sao đức Bồ-tát quán

xét thời điểm rằng: "Ta tái sanh vào thời điểm nào?" Khi trí chưa được chín muồi thì không có sự giác ngộ. Khi trí đã chín muồi thì không thể chờ đợi dầu chỉ trong nháy mắt. Tại sao đức Bồ-tát quán xét gia tộc rằng: "Ta tái sanh vào gia tộc nào?" Thưa Ngài Nāgasena, nếu mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác định ngay trong thời quá khứ, như thế thì lời nói rằng: "Quán xét về gia tộc" là sai trái. Nếu [đức Bồ-tát] quán xét về gia tộc, như thế thì lời nói rằng: "Mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác định ngay trong thời quá khứ" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

– Tâu Đại vương, mẹ cha của các đức Bồ-tát là được xác định ngay trong thời quá khứ, và đức Bồ-tát quán xét về gia tộc. Nhưng quán xét về gia tộc như thế nào? Quán xét về gia tộc như vầy: "Những người nào là mẹ cha của ta, có phải những người ấy là Sát-đế-ly hay là Bà-la-môn?"

Tâu Đại vương, sự việc chưa xảy đến nên được xem xét trước đối với tám hạng. Đối với tám hạng nào? Tâu Đại vương, đối với thương buôn, hàng hóa mua bán nên được xem xét trước. Đối với con voi chúa, con đường chưa đi đến nên được xem xét trước bằng vòi. Đối với người đánh xe bò, bến nước cạn chưa đi đến nên được xem xét trước. Đối với người thuyền trưởng, bến tàu chưa đi đến nên được xem xét trước rồi mới nên cho thuyền tiến vào. Đối với người thầy thuốc, nên xem xét trước về tuổi thọ rồi mới nên đến gần người bệnh. Đối với cây cầu để vượt qua, nên biết trước về tình trạng bền hay yếu rồi mới nên bước lên. Đối với vị Tỳ-khưu, nên quán xét trước về thời gian [thọ thực] còn chưa trôi qua rồi mới nên thọ dụng thức ăn. Đối với các đức Bồ-tát, nên xem xét trước về gia tộc là gia tộc Sát-đế-ly hay là gia tộc Bà-la-môn. Tâu Đại vương, đối với tám hạng này thì sự việc chưa xảy đến nên được xem xét trước.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về quy luật tự nhiên đối với đức Bồ-tát" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ VIỆC TỰ KẾT LIỄU BẢN THÂN (*Attanipātanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân;[20] vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp."** Và thêm nữa, Ngài nói rằng: **"Ở bất cứ nơi nào, trong khi thuyết giảng giáo pháp cho các đệ tử, đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp bằng nhiều phương tiện nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết. Bởi vì bất cứ vị nào vượt qua sanh, già, bệnh, chết, Ngài ca ngợi vị ấy với lời ca ngợi cao cả nhất."** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp", như thế thì lời nói rằng: "Ngài thuyết giảng giáo pháp nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết" là sai trái. Nếu Ngài

[20] "Tự kết liễu" là đã được dịch thoát. Từ Pāḷi *pāteti* có ý nghĩa là "làm cho rơi, lao xuống."

thuyết giảng giáo pháp nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp." Ở bất cứ nơi nào, trong khi thuyết giảng giáo pháp cho các đệ tử, đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp bằng nhiều phương tiện nhằm cắt đứt hoàn toàn đối với sanh, đối với già, đối với bệnh, đối với chết. Tuy nhiên trường hợp ấy là có lý do, mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước từ và đã khuyến khích.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì ở đây có lý do gì mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước từ và đã khuyến khích?

– Tâu Đại vương, người có giới, đầy đủ về giới, giống như liều thuốc giải trong việc tiêu diệt chất độc phiền não của chúng sanh; giống như phương thuốc làm dịu xuống cơn bệnh phiền não của chúng sanh; giống như nước trong việc tẩy trừ bụi bặm phiền não của chúng sanh; giống như viên ngọc quý ma-ni trong việc ban phát tất cả các sự thành tựu cho chúng sanh; giống như chiếc thuyền trong việc vượt lên trên bốn dòng lũ của chúng sanh; giống như người hướng dẫn đoàn xe trong việc vượt qua bãi sa mạc tái sanh của chúng sanh; giống như làn gió trong việc dập tắt sức nóng của ngọn lửa gồm ba loại cho chúng sanh; giống như cơn mưa lớn trong việc làm tràn đầy tâm ý của chúng sanh; giống như người thầy trong việc rèn luyện điều tốt đẹp cho chúng sanh; giống như người hướng dẫn khéo léo trong việc chỉ ra đạo lộ an toàn cho chúng sanh. Tâu Đại vương, người có hình thức như thế là có nhiều đức tính, có vô số đức tính, có vô lượng đức tính, có một khối đức tính, có một đống đức tính, là người làm lợi lạc cho chúng sanh, tâu Đại vương, vì lòng thương tưởng chúng sanh [nghĩ rằng]: "Chớ để người có giới bị tiêu hoại", đức Thế Tôn đã quy định điều học: "Này các Tỳ-khưu, không nên tự kết liễu bản thân; vị nào tự kết liễu thì nên được hành xử theo pháp." Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khước từ.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được vị Trưởng lão Kumārakassapa, vị Pháp sư có tài hùng biện, trong lúc đang làm sáng tỏ về thế giới khác cho đức Vua Pāyāsi: "Thưa Bệ hạ, các vị Sa-môn, Bà-la-môn có giới, có thiện pháp, tồn tại thời gian dài lâu như thế nào thì họ thực hành vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc cho chư thiên và loài người như thế ấy."

Vậy thì vì lý do gì mà đức Thế Tôn đã khuyến khích? Tâu Đại vương, sanh cũng là khổ, già cũng là khổ, chết cũng là khổ, sầu muộn cũng là khổ, than vãn cũng là khổ, khổ đau cũng là khổ, ưu phiền cũng là khổ, thất vọng cũng là khổ, sự liên hệ với những gì không yêu thích cũng là khổ, sự xa lìa với những gì yêu

thích cũng là khổ, cái chết của mẹ cũng là khổ, cái chết của cha cũng là khổ, cái chết của anh em trai cũng là khổ, cái chết của chị em gái cũng là khổ, cái chết của con cũng là khổ, cái chết của vợ cũng là khổ, mất mát về thân quyến cũng là khổ, mất mát vì bệnh tật cũng là khổ, mất mát về tài sản cũng là khổ, mất mát về giới cũng là khổ, mất mát về kiến thức cũng là khổ, sợ hãi vì đức vua cũng là khổ, sợ hãi vì trộm cướp cũng là khổ, sợ hãi vì kẻ thù cũng là khổ, sợ hãi vì vật thực khó khăn cũng là khổ, sợ hãi vì lửa cũng là khổ, sợ hãi vì nước cũng là khổ, sợ hãi vì sóng nước cũng là khổ, sợ hãi vì nước xoáy cũng là khổ, sợ hãi vì cá sấu cũng là khổ, sợ hãi vì cá dữ cũng là khổ, sợ hãi vì sự quở trách của bản thân cũng là khổ, sợ hãi vì sự quở trách của người khác cũng là khổ, sợ hãi vì hình phạt cũng là khổ, sợ hãi vì khổ cảnh cũng là khổ, sợ hãi vì e ngại tập thể cũng là khổ, sợ hãi vì sự nuôi mạng cũng là khổ, sợ hãi vì sự chết cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây gậy cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây roi cũng là khổ, việc đánh đập bằng những cây đoản côn cũng là khổ, việc chặt bàn tay cũng là khổ, việc chặt bàn chân cũng là khổ, việc chặt bàn tay và bàn chân cũng là khổ, việc cắt tai cũng là khổ, việc xẻo mũi cũng là khổ, việc cắt tai và xẻo mũi cũng là khổ, việc [nhúng vào] hũ giấm chua cũng là khổ, việc cạo đầu bôi vôi cũng là khổ, việc đốt lửa ở miệng cũng là khổ, việc thiêu sống cũng là khổ, việc đốt cháy ở bàn tay cũng là khổ, việc lột da thành sợi cũng là khổ, việc mặc y phục vỏ cây cũng là khổ, việc kéo căng thân người ở trên đất cũng là khổ, việc xiên da thịt bằng lưỡi câu cũng là khổ, việc khoét thịt thành đồng tiền cũng là khổ, việc chà xát với chất kiềm cũng là khổ, việc quay tròn ở trên thập tự giá cũng là khổ, việc ngồi ở ghế rơm cũng là khổ, việc rưới bằng dầu sôi cũng là khổ, việc cho những con chó gặm cũng là khổ, việc đặt trên giáo nhọn lúc còn sống cũng là khổ, việc chặt đầu bằng gươm cũng là khổ.[21] Tâu Đại vương, người bị luân hồi gánh chịu các khổ đau nhiều thứ vô số loại có hình thức như thế.

Tâu Đại vương, giống như nước tích lũy ở núi Hy-mã-lạp ngập tràn ở các viên đá, sỏi, cát nhám, vực nước xoáy, ghềnh, thác, vật chướng ngại, vật ngăn cản, rễ cây, cành lá ở sông Gaṅgā; tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người bị luân hồi gánh chịu các khổ đau nhiều thứ vô số loại có hình thức như thế.

Tâu Đại vương, khổ đau thì bị xoay chuyển, an lạc [Niết-bàn] thì không bị xoay chuyển. Tâu Đại vương, trong khi giải thích rõ về đức tính của sự không bị xoay chuyển và nguy hiểm của sự bị xoay chuyển, vì sự chứng ngộ pháp không bị xoay chuyển, vì sự vượt qua sanh, già, bệnh, chết mà đức Thế Tôn đã khuyến khích. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã khuyến khích.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ. Lý do đã được giảng giải rõ ràng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về việc tự kết liễu bản thân” là thứ năm.

---

[21] Một số hành phạt đã được phỏng đoán. (ND)

6. CÂU HỎI VỀ LỢI ÍCH CỦA TÂM TỪ (*Mettānisaṃsapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, với từ tâm giải thoát đã được rèn luyện, được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp, mười một điều lợi ích này là điều mong đợi. Mười một điều nào? [Vị ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy mộng mị xấu xa, được loài người thương mến, được phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vị ấy, tâm được định nhanh chóng, sắc mặt trầm tĩnh, từ trần không mê mờ, [nếu] chưa thấu triệt pháp cao hơn thì được sanh về thế giới Phạm thiên."** Và thêm nữa, Ngài nói rằng: "Bé trai Sāma, có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy."[22]

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Này các Tỳ-khưu, với từ tâm… (nt)… được sanh về thế giới Phạm thiên", như thế thì lời nói rằng: "Bé trai Sāma có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc nên đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy" là sai trái. Nếu bé trai Sāma có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, với từ tâm… (nt)… lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vị ấy" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng khôn khéo, hết sức tinh vi, tế nhị, sâu xa. Thậm chí mồ hôi có thể tiết ra ở thân thể của những người vô cùng khôn khéo. Nó được dành cho Ngài. Xin Ngài hãy gỡ rối cục rối lớn đã bị rối lại. Xin Ngài hãy ban cho sự nhận thức đến những người con của đấng Chiến Thắng trong ngày vị lai bằng cách giải quyết.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, với từ tâm… (nt)… lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được vị ấy." Và bé trai Sāma có sự an trú tâm từ, được vây quanh bởi bầy nai, trong khi đi lang thang ở khu rừng bị đức Vua Piliyakkha bắn bằng mũi tên tẩm độc, đã bị bất tỉnh và ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Tâu Đại vương, tuy nhiên ở trường hợp ấy là có lý do. Lý do gì ở trường hợp ấy? Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, bé trai Sāma trong khi đang nâng lên vò nước, vào giây phút ấy đã bị xao lãng về sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại

---

[22] *Bổn sanh* "Sāma" (*Sāmajātakaṃ*), số 540, *TTPV*, tập 34. (ND)

vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ.

Tâu Đại vương, ở đây, người nam là anh hùng chiến trận, khoác lên chiếc áo giáp lưới sắt không thể xuyên thủng rồi xông vào chiến trường, những mũi tên được bắn ra hướng đến người ấy đều bị rơi xuống tung tóe, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người anh hùng chiến trận, đức tính ấy thuộc về chiếc áo giáp lưới sắt không thể xuyên thủng, khiến những mũi tên được bắn ra hướng đến người ấy đều bị rơi xuống tung tóe. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ.

3. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đây một người sử dụng rễ cây làm tàng hình ở cõi trời nơi bàn tay. Khi nào rễ cây ấy còn nằm ở bàn tay của người ấy thì không người bình thường nào nhìn thấy người ấy. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người ấy, đức tính ấy thuộc về rễ cây làm tàng hình, khiến người ấy không hiện ra trong tầm nhìn của những người bình thường.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy, đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như cơn mưa to lớn khổng lồ đang đổ mưa không thể làm ướt con người đã đi vào trong hang lớn khéo được tạo lập. Tâu Đại vương, đức tính ấy không thuộc về người ấy, đức tính ấy thuộc về cái hang lớn, khiến cơn mưa to lớn khổng lồ đang đổ mưa không thể làm ướt người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ. Tâu Đại vương, vào giây phút nào con người thể nhập tâm từ thì vào giây phút ấy lửa hoặc thuốc độc hoặc dao gươm không hại được người ấy. Những ai có ý định không tốt đối với người ấy, đi đến gần thì không nhìn thấy người ấy, không đạt được cơ hội ở nơi người ấy. Tâu Đại vương, các đức tính này không thuộc về cá nhân, các đức tính này do sự phát triển tâm từ.

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Sự phát triển tâm từ có sự ngăn cản mọi điều xấu xa.

– Tâu Đại vương, sự phát triển tâm từ có sự vận chuyển mọi đức tính tốt

đẹp đến những người tốt và luôn cả những người xấu. Sự phát triển tâm từ có lợi ích lớn lao nên được phân phát đến tất cả những chúng sanh đã gắn liền với sự nhận thức.

"Câu hỏi về lợi ích của tâm từ" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ SỰ BẰNG NHAU CỦA THIỆN VÀ BẤT THIỆN (*Kusalākusalasamapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, quả thành tựu của người làm việc thiện cũng như của người làm việc bất thiện là tương đương nhau? Hay là có sự khác biệt nào đó?

– Tâu Đại vương, có sự khác biệt giữa thiện và bất thiện. Tâu Đại vương, thiện có an lạc là quả thành tựu đưa đến cõi trời. Bất thiện có khổ đau là quả thành tựu đưa đến địa ngục.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Devadatta thuần đen, hội đủ các pháp thuần đen. Đức Bồ-tát thuần trắng, hội đủ các pháp thuần trắng." Thêm nữa, Devadatta với đức Bồ-tát trong từng kiếp một là tương đương nhau về danh vọng và đồ chúng, hoặc đôi lúc trội hơn. Vào lúc Devadatta đã là con trai viên quan tế tự của đức Vua Brahmadatta ở thành Bārāṇasī, khi ấy đức Bồ-tát đã là người thầy pháp có dòng dõi hạ tiện đáng thương, sau khi đọc thầm thần chú đã làm trổ ra các trái xoài sái mùa.[23] Khi ở vào trường hợp ấy, đức Bồ-tát là thấp kém về dòng dõi và thấp kém về danh vọng so với Devadatta.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua, chủ tể của đại địa cầu, có đầy đủ tất cả các dục, khi ấy đức Bồ-tát đã là vật sử dụng của nhà vua, là con long tượng có đủ mọi tướng tốt. Trong khi bị khó chịu với cử chỉ và điệu bộ duyên dáng của con voi, đức vua trong khi muốn giết nên đã nói với người thầy dạy voi như vầy: "Này ông thầy, con long tượng này không được ngươi dạy dỗ, ngươi hãy cho nó thực hiện việc tên là 'đi trên không trung' đi."[24] Luôn cả trường hợp ấy, đức Bồ-tát là loài thú đáng thương, thấp kém về dòng dõi so với Devadatta.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, kẻ bị phá sản ở trong rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con khỉ tên Mahāpaṭhavī.[25] Cho đến lần này thì sự khác biệt giữa người và thú được nhận thấy. Luôn cả trường hợp ấy, đức Bồ-tát là thấp kém về dòng dõi so với Devadatta.

3. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ thợ săn mạnh mẽ tên Soṇuttara, có sức mạnh hơn cả sức mạnh của con voi, khi ấy đức Bồ-tát đã là con voi chúa tên Chaddanta. Khi ấy, gã thợ săn ấy đã giết chết con long tượng ấy.[26] Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn.

---

[23] *Bổn sanh* "Cây xoài" (*Ambajātakaṃ*), số 474, *TTPV*, tập 32. (ND)

[24] *Bổn sanh* "Câu hỏi của Hoàng hậu Amarā" (*Amarādevipañho*), số 122, *TTPV*, tập 32. (ND)

[25] *Bổn sanh* "Con khỉ vĩ đại" (*Mahākapijātakaṃ*), số 516, *TTPV*, tập 33. (ND)

[26] *Bổn sanh* "Voi chúa Chaddanta" (*Chaddantajātakaṃ*), số 514, *TTPV*, tập 33. (ND)

4. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ sống ở rừng, sống không có chỗ ở, khi ấy đức Bồ-tát đã là loài chim, là con chim đa đa có sự học tập về chú thuật. Khi ấy, kẻ sống ở rừng ấy cũng đã giết chết con chim ấy. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vua xứ Kāsi tên Kalābu, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị đạo sĩ khổ hạnh giảng về sự kham nhẫn.[27] Khi ấy, vị vua ấy bị nổi giận, đã cho chặt đứt các bàn tay và bàn chân của vị đạo sĩ khổ hạnh ấy như là chém các chồi măng non. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi và danh vọng.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là kẻ sống ở rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con khỉ chúa tên Nandiya. Cũng vào khi ấy, kẻ sống ở rừng ấy đã giết chết con khỉ chúa ấy cùng với khỉ mẹ và khỉ em.[28] Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là đạo sĩ lõa thể tên Kārambhiya, khi ấy đức Bồ-tát đã là con rồng chúa tên Paṇḍaraka. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là đạo sĩ bện tóc ở trong rừng. Khi ấy đức Bồ-tát đã là con heo rừng lớn tên Tacchaka. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là đức vua tên Suraparicara của xứ Cetī, có sự di chuyển trong không trung, ở bầu trời, phía bên trên của đám người, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị Bà-la-môn tên Kapila.[29] Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi và danh vọng.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, có tên là Sāma, khi ấy đức Bồ-tát đã là con nai chúa có tên Ruru. Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về dòng dõi.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài người, là thợ săn sống ở rừng, khi ấy đức Bồ-tát đã là con long tượng. Kẻ thợ săn ấy đã bảy lần cắt lấy ngà của con long tượng ấy rồi mang đi.[30] Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về nguồn gốc xuất thân.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài chó rừng, có tư cách của dòng dõi Sát-đế-lỵ, nó đã làm cho hết thảy tất cả những vị vua của các xứ sở ở Jambudīpa trở thành chư hầu, khi ấy đức Bồ-tát đã là bậc sáng trí tên Vidhura.[31] Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn về danh vọng.

5. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là con long tượng, nó đã giết

[27] *Bổn sanh* "Vị thuyết về nhẫn nại" (*Khantivādijātakaṃ*), số 313, *TTPV*, tập 32. (ND)

[28] *Bổn sanh* "Con khỉ Cūḷanandiya" (*Cūḷanandiyajātakaṃ*), số 222, *TTPV*, tập 32. (ND)

[29] *Bổn sanh* "Vua Cetiya" (*Cetiyajātakaṃ*), số 422, *TTPV*, tập 32. (ND)

[30] *Bổn sanh* "Voi chúa giới hạnh" (*Sīlavanāgajātakaṃ*), số 72, *TTPV*, tập 32. (ND)

[31] *Bổn sanh* "Mọi loài thú có nanh" (*Sabbadāṭhajātakaṃ*), số 241, *TTPV*, tập 32. (ND)

những chim con của con chim cút, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là con long tượng, chúa của một bầy.[32] Cho đến trường hợp ấy, cả hai đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là loài dạ-xoa tên Adhamma, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là loài dạ-xoa tên Dhamma.[33] Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là thuyền trưởng, là người chỉ huy của năm trăm gia đình, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là thuyền trưởng, là người chỉ huy của năm trăm gia đình.[34] Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là người chỉ đạo đoàn xe, là người chỉ huy năm trăm cỗ xe, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là người chỉ đạo đoàn xe, là người chỉ huy năm trăm cỗ xe.[35] Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là con nai chúa tên Sākha, khi ấy đức Bồ-tát cũng đã là con nai chúa tên Nigrodha.[36] Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị tướng quân tên Sākha, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị vua tên Nigrodha.[37] Luôn cả trường hợp ấy, cả hai cũng đã là tương đương nhau.

6. Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị Bà-la-môn tên Khaṇḍahāla, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị vương tử tên Canda.[38] Khi ấy, chính Khaṇḍahāla này là trội hơn.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua tên Brahmadatta, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị hoàng tử tên Mahāpaduma, con trai của vị vua ấy. Khi ấy, vị vua ấy đã ra lệnh ném người con trai của mình xuống corapapāta (khe núi kẻ cướp).[39] "Bởi vì ở mọi nơi, chính người cha là đặc biệt, là trội hơn những người con trai", như thế luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là trội hơn.

Còn có điều khác nữa, vào lúc Devadatta đã là vị vua tên Mahāpatāpa, khi ấy đức Bồ-tát đã là vị hoàng tử tên Dhammapāla, con trai của vị vua ấy. Khi ấy, vị vua ấy đã ra lệnh chặt các bàn tay bàn chân và đầu của người con trai của mình.[40] Luôn cả trường hợp ấy, chính Devadatta là cao hơn, trội hơn.

Vào lúc này hôm nay, cả hai cũng đã sanh vào gia tộc Sakya. Đức Bồ-tát đã

---

[32] *Bổn sanh* "Chim cút" (*Laṭukikajātakaṃ*), số 357, *TTPV*, tập 32. (ND)
[33] *Bổn sanh* "Thiên tử Dhamma" (*Dhammajātakaṃ*), số 457, *TTPV*, tập 32. (ND)
[34] *Bổn sanh* "Biển cả và thương buôn" (*Samuddavaṇijajātakaṃ*), số 466, *TTPV*, tập 32. (ND)
[35] *Bổn sanh* "Không lỗi lầm" (*Apaṇṇakajātakaṃ*), số 1, *TTPV*, tập 32. (ND)
[36] *Bổn sanh* "Nai Nigrodha" (*Nigrodhamigajātakaṃ*), số 12, *TTPV*, tập 32. (ND)
[37] *Bổn sanh* "Vua Nigrodha" (*Nigrodhajātakaṃ*), số 445, *TTPV*, tập 32. (ND)
[38] *Bổn sanh* "Quan tế tự Khaṇḍahāla" (*Khaṇḍahālajātakaṃ*), số 542, *TTPV*, tập 34. (ND)
[39] *Bổn sanh* "Hoàng tử Paduma vĩ đại" (*Mahāpadumajātakaṃ*), số 472, *TTPV*, tập 32. (ND)
[40] *Bổn sanh* "Tiểu Dhammapāla" (*Culladhammapālajātakaṃ*), số 358, *TTPV*, tập 32. (ND)

trở thành đức Phật, đấng Toàn Tri, vị Lãnh Đạo Thế Gian, còn Devadatta sau khi xuất gia trong giáo pháp của vị chúa của chư thiên ấy, đã làm sanh khởi thần thông và đã thể hiện ước muốn làm Phật.

Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng điều đã được trẫm nói, mọi điều ấy đều là như thế ấy, hay là như thế khác?

7. – Tâu Đại vương, tất cả mọi lý do theo nhiều loại đã được Ngài dẫn giải ấy đều y như thế ấy, không phải như thế khác.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu đen cũng như trắng là có cảnh giới tái sanh tương đương nhau, như thế thì phải chăng thiện cũng như bất thiện có quả thành tựu tương đương nhau?

– Tâu Đại vương, không phải thiện cũng như bất thiện là có quả thành tựu tương đương nhau. Tâu Đại vương, không hẳn là Devadatta đã chống đối lại tất cả mọi người, đã chống đối lại chính đức Bồ-tát. Mà sự chống đối của vị ấy đối với đức Bồ-tát được chín muồi và trổ quả ngay trong mỗi một kiếp sống ấy.

Tâu Đại vương, ngay cả Devadatta khi được đặt vào ở vị thế quyền lực cũng ban bố sự bảo vệ đến các xứ sở, cũng cho xây dựng cầu cống, hội trường, phước xá, cũng dâng cúng vật thí theo như mong mỏi đến các Sa-môn và Bà-la-môn, đến những người khốn khổ và nghèo khó có sự bảo hộ hoặc không có sự bảo hộ. Do quả thành tựu của điều ấy, Devadatta đạt được các sự thành tựu trong từng kiếp sống một. Tâu Đại vương, đối với người nào mà có thể nói về điều này: "Sẽ hưởng thụ sự thành tựu mà không cần bố thí, rèn luyện, thu thúc, thực hành trai giới?"

Tâu Đại vương, hơn nữa về điều mà Đại vương nói như vầy: "Devadatta và đức Bồ-tát tuần tự luân chuyển chung với nhau", việc gặp gỡ ấy đã xảy ra không phải với sự trải qua của trăm kiếp sống, không phải với sự trải qua của ngàn kiếp sống, không phải với sự trải qua của trăm ngàn kiếp sống, mà đôi lúc đôi khi đã xảy ra với sự trải qua của nhiều ngày đêm. Tâu Đại vương, hơn nữa về ví dụ về con rùa mù đã được đức Thế Tôn chỉ ra về [sự khó khăn trong] việc thành tựu bản thể nhân loại.[41] Tâu Đại vương, hãy ghi nhận việc gặp gỡ của hai người này là [khó khăn] tương tợ như thế.

Tâu Đại vương, không phải đã xảy ra sự gặp gỡ của đức Bồ-tát với riêng Devadatta, tâu Đại vương, Trưởng lão Sāriputta trong nhiều trăm ngàn kiếp sống cũng đã là cha, đã là ông nội, đã là chú, đã là anh [em] trai, đã là con trai, đã là chị [em] gái, đã là bạn bè của đức Bồ-tát. Tâu Đại vương, đức Bồ-tát trong nhiều trăm ngàn kiếp sống cũng đã là cha, đã là ông nội, đã là chú, đã là anh [em] trai, đã là con trai, đã là chị [em] gái, đã là bạn bè của Trưởng lão Sāriputta. Tâu Đại vương, thậm chí tất cả [những ai] đã được gộp vào thành phần chúng sanh, bị xuôi theo dòng chảy luân hồi, bị cuốn trôi bởi dòng chảy luân hồi, đều gặp gỡ với những người ghét lẫn người thương.

---

[41] *M.* III. 164, *Bālapaṇḍitasuttaṃ* (*Kinh Hiền ngu*), số 129.

Tâu Đại vương, giống như nước, trong khi bị cuốn trôi theo dòng thì gặp gỡ với vật sạch, dơ, đẹp, xấu, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thậm chí tất cả [những ai] đã được gộp vào thành phần chúng sanh, bị xuôi theo dòng chảy luân hồi, bị cuốn trôi bởi dòng chảy luân hồi, đều gặp gỡ với những người ghét lẫn người thương.

Tâu Đại vương, Devadatta trong khi là dạ-xoa với bản thân theo phi pháp, sau khi khuyến khích những người khác theo phi pháp đã bị nung nấu ở đại địa ngục trong năm trăm bảy mươi sáu triệu năm.[42] Tâu Đại vương, còn đức Bồ-tát trong khi là dạ-xoa với bản thân theo đúng pháp, sau khi khuyến khích những người khác theo đúng pháp đã vui sướng ở cõi trời, có đầy đủ tất cả các dục, trong năm trăm bảy mươi sáu triệu năm.

Tâu Đại vương, hơn nữa Devadatta trong kiếp sống này sau khi công kích đức Phật là bậc không nên công kích, sau khi chia rẽ hội chúng hòa hợp, đã đi vào trái đất. Đức Như Lai, sau khi được giác ngộ tất cả các pháp, rồi đã viên tịch Niết-bàn khi có sự tiêu diệt của các mầm tái sanh.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự bằng nhau của thiện và bất thiện" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ HOÀNG HẬU AMARĀ (*Amarādevīpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác."

Và thêm nữa được thuật lại rằng: "Người đàn bà tên Amarā, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng."

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là:

"Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác", như thế thì lời nói rằng: "Người đàn bà tên Amarā, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng" là sai trái.

Nếu người đàn bà tên Amarā, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng, như thế thì lời nói rằng: **"Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ**

[42] 57 *koṭi* và 60 trăm ngàn năm.

kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác" cũng là sai trái.

Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý, tất cả các nữ nhân cũng có thể làm điều xấu xa với cả người què quặt khi không đạt được kẻ nào khác."

Và được thuật lại rằng: "Người đàn bà tên Amarā, vợ của Mahosadha, đã ở lại trong thôn khi chồng đi xa. Ngồi xuống trong phòng kín, cô quạnh, nàng đã xem chồng như là vị vua và đã không làm điều xấu xa trong khi được mời mọc với một ngàn đồng."

Tâu Đại vương, người đàn bà ấy trong khi nhận được một ngàn đồng có thể làm hành động xấu xa với người nam vừa ý, [hay] nàng ấy có thể không làm nếu có thể đạt được lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý?

Tâu Đại vương, người đàn bà Amarā ấy, trong khi xem xét, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện hoặc chỗ kín đáo hoặc có được kẻ mời mọc là người vừa ý. Nàng đã không nhìn thấy do sợ hãi về sự chê trách ở đời này, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện do sợ hãi về địa ngục ở đời sau, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện [vì nghĩ rằng]: "Việc xấu xa có quả thành tựu đắng cay", đã không nhìn thấy lúc thuận tiện vì không có ý muốn buông bỏ người yêu, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện do sự kính trọng đối với chồng, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện trong khi tôn kính giáo pháp, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện trong khi đang chê trách việc không thánh thiện, đã không nhìn thấy lúc thuận tiện vì không có ý muốn đổ bể việc làm. Nàng đã không nhìn thấy vì nhiều lý do có hình thức như thế.

Còn về chỗ kín đáo, sau khi suy xét ở thế gian, nàng ấy trong khi không nhìn thấy nên đã không làm điều xấu xa. Nếu nàng ấy có thể đạt được chỗ kín đáo đối với loài người thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với phi nhân. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với phi nhân thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với những vị xuất gia biết được tâm của người khác. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với những vị xuất gia biết được tâm của người khác thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với chư thiên biết được tâm của người khác. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với chư thiên biết được tâm của người khác thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với các điều xấu xa bởi chính mình. Nếu có thể đạt được chỗ kín đáo đối với các điều xấu xa bởi chính mình thì có thể không đạt được chỗ kín đáo đối với điều phi pháp. Sau khi không đạt được chỗ kín đáo vì nhiều lý do có hình thức như thế, nàng đã không làm điều xấu xa.

Còn về kẻ mời mọc, sau khi xem xét ở thế gian, trong khi không đạt được người vừa ý, nàng ấy đã không làm điều xấu xa.

3. Tâu Đại vương, bậc sáng trí Mahosadha được hội đủ với hai mươi tám yếu tố. Được hội đủ với hai mươi tám yếu tố nào? Tâu Đại vương, Mahosadha là bậc anh hùng, có tàm, có quý, có tùy tùng, đạt được bạn bè, nhẫn nại, có giới hạnh, nói lời chân thật, đạt được sự thanh tịnh, không giận dữ, không ngã mạn thái quá, không ganh tỵ, có sự tinh tấn, năng nỗ [làm phước thiện], hào phóng, rộng rãi, nói năng khéo léo, cư xử khiêm tốn, tế nhị, không gian trá, không xảo quyệt, đạt được sự thông minh vượt bậc, khôn khéo, đạt được kiến thức, có sự tầm cầu lợi ích cho những người nương tựa, được mọi người mong mỏi, có tài sản, có danh vọng. Tâu Đại vương, bậc sáng trí Mahosadha được hội đủ với hai mươi tám yếu tố này. Nàng ấy sau khi không đạt được kẻ mời mọc nào khác vừa ý, nàng ấy đã không làm điều xấu xa.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về Hoàng hậu Amarā" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ SỰ KHÔNG SỢ HÃI CỦA BẬC LẬU TẬN (*Khīṇāsavābhāyanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa."** Và thêm nữa ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda. Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng các vị A-la-hán ấy đã tản mác vì sợ hãi? Hay là đã tản mác với ước muốn được chứng kiến thần thông không thể đo lường, vĩ đại, không thể sánh bằng của đức Như Lai?

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa", như thế thì lời nói rằng: "Ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda" là sai trái. Nếu ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda, như thế thì lời nói rằng: "Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa." Và ở thành Rājagaha, năm trăm bậc lậu tận sau khi nhìn thấy con voi Dhanapālaka đang lao đến gần đức Thế Tôn, đã rời bỏ đấng Chiến Thắng Cao Quý và đã tản mác khắp các phương

ngoại trừ một vị là Trưởng lão Ānanda. Tuy nhiên, điều ấy không do sự sợ hãi, cũng không phải do sự mong muốn để khiến cho đức Thế Tôn bị ngã gục.

Tâu Đại vương, do nhân nào các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hoặc có thể bị run rẩy, nhân ấy đã được trừ tuyệt ở các vị A-la-hán; vì thế các vị A-la-hán có sự sợ hãi và run rẩy đã được xa lìa. Tâu Đại vương, vậy thì đại địa cầu có bị sợ hãi trong khi [bị] đào xới, trong khi [bị] đổ vỡ, trong khi nâng đỡ biển cả, núi non và đỉnh núi?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, nhân nào khiến cho đại địa cầu có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở đại địa cầu.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhân nào khiến cho các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở các vị A-la-hán. Tâu Đại vương, vậy thì đỉnh núi có bị sợ hãi trong khi [bị] nứt nẻ, trong khi [bị] đổ vỡ, trong khi sụp xuống, hoặc trong khi [bị] đốt nóng bởi ngọn lửa?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

3. – Thưa Ngài, nhân nào khiến cho đỉnh núi có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở đỉnh núi.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhân nào khiến cho các vị A-la-hán có thể bị sợ hãi hay bị run rẩy thì nhân ấy không có ở các vị A-la-hán. Tâu Đại vương, nếu như tất cả những ai đó được gộp vào thành phần chúng sanh ở trăm ngàn thế giới, với bàn tay cầm gươm, đuổi theo và dọa dẫm một vị A-la-hán, thì cũng không có bất cứ điều gì đổi khác ở tâm của vị A-la-hán. Vì lý do gì? Bởi vì sự không thực tế và tính chất không hợp lý. Tâu Đại vương, hơn nữa các vị A-la-hán ấy đã có ý nghĩ suy tầm như vầy: "Hôm nay, khi bậc cao quý và ưu tú của loài người, đấng Chiến Thắng anh hùng cao quý, đã tiến vào thành phố cao quý ở trên con đường thì con voi Dhanapālakaka sẽ lao đến. Điều không nghi ngờ là vị thị giả sẽ không rời bỏ vị chúa của chư thiên. Nếu tất cả chúng ta sẽ không rời bỏ đức Thế Tôn thì đức tính của Ānanda sẽ không được thể hiện, và chủ yếu là con long tượng sẽ không tự tiến đến gần đức Như Lai. Vậy chúng ta hãy tránh ra xa. Điều này là như vậy, sẽ có sự giải thoát khỏi sự trói buộc của phiền não cho đám đông người, và đức tính của Ānanda sẽ được thể hiện." Như vậy, sau khi nhìn thấy sự lợi ích, các vị A-la-hán ấy đã tản mác khắp các phương.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi đã khéo được phân giải. Điều ấy là như vậy, không có sự sợ hãi hoặc sự run rẩy đối với các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán ấy, sau khi nhìn thấy sự lợi ích, đã tản mác khắp các phương.

"Câu hỏi về sự không sợ hãi của bậc lậu tận" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC NHƯ LAI (*Tathāgatasabbaññutāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: **"Đức Như Lai là đấng Toàn Tri."** Và thêm nữa, Ngài nói rằng: **"Khi hội chúng Tỳ-khưu đứng đầu là Sāriputta và Moggallāna bị đức Như Lai giải tán, các vị dòng Sakya ở tại Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã nhắc đến ví dụ về hạt giống và ví dụ về con bê nhỏ khiến cho đức Thế Tôn tin tưởng, tha thứ và đã tỏ vẻ hài lòng."**

Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng đức Như Lai đã không biết đến các ví dụ ấy, và nhờ vào các ví dụ ấy mà đức Như Lai đã được thích thú, tha thứ, an tịnh và đã tỏ vẻ hài lòng? Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai đã không biết đến các ví dụ ấy, như thế thì đức Phật không là đấng Toàn Tri. Nếu biết, như thế thì Ngài đã ép buộc dời đi, đã giải tán, không có ý định tìm hiểu, như thế thì lòng thương xót không hiện hữu ở Ngài. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Toàn Tri. Và nhờ vào các ví dụ ấy mà đức Thế Tôn đã tin tưởng, thích thú, tha thứ, an tịnh và đã tỏ vẻ hài lòng. Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Pháp Chủ. Nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!"

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn bà nhờ vào tài sản của chính mình dành cho người chồng mà làm cho chồng được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và người chồng nói với cô ấy lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị dòng Sakya ở tại Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!"

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thợ cạo, trong lúc trang điểm cái đầu của đức vua, nhờ vào cái lược vàng của chính mình dành cho đức vua mà làm cho đức vua được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào người ấy, đức vua nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!", rồi ban thưởng theo như ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị dòng Sakya ở tại Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai đã nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!"

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đệ tử sau khi nhận lấy đồ ăn khất thực đã được mang lại cho thầy tế độ, trong khi dâng lên cho thầy tế độ mà làm cho thầy tế độ được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào người ấy, thầy tế độ nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhờ vào các ví dụ đã được chính đức Như Lai công bố ấy mà các vị dòng Sakya ở tại

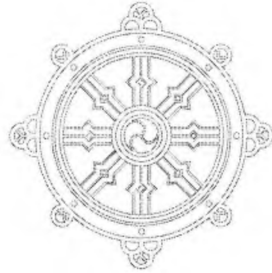
Cātumā và Phạm thiên Sahampati đã làm cho đức Như Lai được vừa ý, vui vẻ, tin tưởng. Và tin tưởng vào các vị ấy, đức Như Lai sau khi nói lời tùy hỷ rằng: "Tốt lắm!", rồi đã thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự hoàn toàn giải thoát mọi khổ đau.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về bản thể toàn tri của đức Như Lai" là thứ mười.

Phẩm về trí toàn tri là thứ tư.

(Trong phẩm này có mười câu hỏi)



V. PHẨM THÂN THIẾT
(*SANTHAVAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ SỰ THÂN THIẾT (*Santhavapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết.”[43]

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy.”**[44]

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: “Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết”, như thế thì lời nói rằng: “Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy” là sai trái.

Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: “Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy”, như thế thì lời nói rằng: “Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết” cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết.”**

Và Ngài đã nói rằng: “Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy.”

Tâu Đại vương, điều đã được đức Thế Tôn nói là: “Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết”, điều ấy là lời nói về bản thể, là lời nói không thiếu sót, là lời nói không thay đổi, [điều ấy] tương xứng với Sa-môn, thích hợp với Sa-môn, thích đáng với Sa-môn, xứng đáng với Sa-môn, [việc ấy] là hành xứ của Sa-môn, là cách thức của Sa-môn, là pháp hành của Sa-môn.

Tâu Đại vương, giống như con nai là loài thú rừng, trong khi lang thang ở

---

[43] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *TTPV*, tập 29, trang 65, câu kệ 209.

[44] *Tạng Luật*, tập 2, *Tiểu phẩm*, *TTPV*, tập 7, trang 133.

rừng cây, rừng rậm, không chỗ ngụ, không nhà ở, thì ngủ [nơi nào] theo như ý thích, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu nên suy tư rằng: "Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết."

3. Tâu Đại vương, trái lại về điều đã được đức Thế Tôn nói là: "Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy", điều ấy đã được đức Thế Tôn nói trong khi xem xét về hai lợi ích. Hai điều nào? Việc gọi là bố thí trú xá được tất cả chư Phật ngợi khen, đồng ý, tán dương, ca tụng rằng: "Những người ấy sau khi dâng cúng vật thí về trú xá ấy thì sẽ hoàn toàn giải thoát khỏi sanh, già, chết." Đây là lợi ích thứ nhất trong việc bố thí trú xá.

Còn có điều khác nữa, trong khi trú xá được hiện hữu thì các Tỳ-khưu-ni sẽ có được nơi gặp gỡ các vị [Tỳ-khưu] có kinh nghiệm, đối với những người có ước muốn tiếp kiến thì việc tiếp kiến sẽ là việc dễ dàng đạt được, việc khó tiếp kiến sẽ xảy ra khi không có trú xứ. Đây là lợi ích thứ nhì trong việc bố thí trú xá. Trong khi xem xét về hai lợi ích này, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy." Trong trường hợp ấy, người con trai của đức Phật không nên biến chỗ ngụ thành nhà ở.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự thân thiết" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HẠN CHẾ BAO TỬ (*Udarasaṃyatapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử."**

Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa."

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử", như thế thì lời nói rằng: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa" là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa", như thế thì lời nói rằng: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử." Và Ngài đã nói rằng: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa."

Tâu Đại vương, điều mà đức Thế Tôn đã nói là: "Không nên xao lãng trong

việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử", điều ấy là lời nói về bản thể, là lời nói không thiếu sót, là lời nói đầy đủ, là lời nói không thay đổi, là lời nói về sự thật, là lời nói đúng sự thật, là lời nói chính xác, là lời nói không sái quấy, là lời nói của bậc Ẩn Sĩ, là lời nói của bậc Hiền Triết, là lời nói của đức Thế Tôn, là lời nói của vị A-la-hán, là lời nói của vị Phật Độc Giác, là lời nói của đấng Chiến Thắng, là lời nói của đấng Toàn Tri, là lời nói của đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác.

Tâu Đại vương, người không hạn chế ở bao tử giết hại mạng sống, lấy vật không cho, đi đến vợ người khác, nói lời dối trá, uống chất say, đoạt mạng sống của mẹ, đoạt mạng sống của cha, đoạt mạng sống của vị A-la-hán, chia rẽ hội chúng, làm chảy máu đức Như Lai với tâm ác xấu. Tâu Đại vương, chẳng phải Devadatta, kẻ không hạn chế ở bao tử, đã chia rẽ hội chúng và đã gây nên nghiệp kéo dài một kiếp (trái đất). Tâu Đại vương, sau khi nhìn thấy các lý do khác, nhiều loại, có hình thức như thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử."

3. Tâu Đại vương, người hạn chế ở bao tử lãnh hội được sự lãnh hội về bốn sự thật, chứng ngộ bốn quả vị Sa-môn, đạt được bản thể năng lực về bốn tuệ phân tích, về tám thiền chứng, về sáu thắng trí, và làm tròn đủ toàn bộ phận sự của Sa-môn. Tâu Đại vương, chẳng phải con bồ câu xinh, sau khi hạn chế ở bao tử, đã làm rung động đến tận cung trời Đạo-lợi và đã khiến cho Sakka, chúa của chư thiên, phải đi đến chăm sóc.[45] Tâu Đại vương, sau khi nhìn thấy các lý do khác, nhiều loại, có hình thức như thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Không nên xao lãng trong việc đứng [khất thực], nên hạn chế ở bao tử."

Tâu Đại vương, trái lại về điều đã được đức Thế Tôn nói là: "Này Udāyi, tuy nhiên một đôi khi Ta thọ thực với bình bát này đầy ngang miệng, thậm chí Ta còn thọ thực nhiều hơn thế nữa", điều ấy đã được đấng Toàn Tri, bậc Tự Chủ, đức Như Lai, vị có phận sự đã làm xong, có công việc đã hoàn thành, có mục đích đã được thành tựu, có nhiệm vụ đã hoàn mãn, không còn chướng ngại, nói về bản thân Ngài.

Tâu Đại vương, giống như đối với người bị bệnh cần được ói ra, cần được xổ, cần phải thải độc, thì công việc chăm sóc là cần thiết, tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người còn phiền não chưa thấy được sự thật thì việc hạn chế ở bao tử là việc nên làm. Tâu Đại vương, giống như đối với viên ngọc quý ma-ni có hào quang, nguyên chất, có phẩm chất cao và hoàn toàn tinh khiết thì không có việc cần phải chùi mài, chà xát, đánh bóng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai, vị đã đi đến sự toàn hảo trong cương vị của một bậc Giác Ngộ, thì không có sự trở ngại trong các hành động và việc làm.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc hạn chế bao tử" là thứ nhì.

---

[45] *Bổn sanh* "Chim két lớn", số 429 và *Bổn sanh* "Chim két nhỏ", số 430, *TTPV*, tập 32. (ND)

3. CÂU HỎI VỀ SỰ ÍT BỆNH CỦA ĐỨC THẾ TÔN
(*Bhagavato appābādhapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bố thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vị phẫu thuật vô thượng."** Và thêm nữa, đức Thế Tôn đã nói rằng: **"Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula."** Và bệnh tật được nhìn thấy đã nhiều lần sanh khởi ở cơ thể của đức Thế Tôn.

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai là vô thượng, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula" là sai trái. Nếu Trưởng lão Bakkula là đứng đầu trong số các vị ít có bệnh tật, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bố thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vị phẫu thuật vô thượng" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bố thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vị phẫu thuật vô thượng." Và Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula." Tuy nhiên, điều ấy được nói có liên quan đến tình trạng đang có ở bản thân đối với sự chứng đắc và việc học tập ở bên ngoài [của Tam tạng].

Tâu Đại vương, hơn nữa có những vị đệ tử của đức Thế Tôn là các vị chuyên đứng và đi kinh hành. Các vị ấy trải qua ngày đêm với việc đứng và đi kinh hành. Tâu Đại vương, trái lại đức Thế Tôn trải qua ngày và đêm với việc đứng, đi kinh hành, ngồi và nằm. Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu nào chuyên đứng và đi kinh hành, những vị ấy là vượt trội về chi phần ấy.

Tâu Đại vương, hơn nữa có những vị đệ tử của đức Thế Tôn là các vị thọ thực chỉ một chỗ ngồi. Các vị ấy cho dù vì nguyên nhân mạng sống, cũng không thọ dụng hai bữa ăn. Tâu Đại vương, trái lại đức Thế Tôn thọ dụng vật thực thậm chí đến lần thứ nhì luôn cả đến lần thứ ba. Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu nào chỉ thọ thực một chỗ ngồi, những vị ấy là vượt trội về chi phần ấy. Tâu Đại vương, những việc làm ấy với nhiều hình thức được nói đến có liên quan đến việc này việc nọ của những vị này vị khác. Tâu Đại vương, tuy nhiên đức Thế Tôn là vượt trội về giới, về định, về tuệ, về giải thoát, về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát, về mười lực, về bốn pháp tự tín, về mười tám pháp của vị Phật, về sáu trí không phổ thông [đến các vị Thinh văn]. Và điều ấy đã được nói đến có liên quan đến toàn bộ cương vị của một bậc Giác Ngộ là: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin, luôn có bàn tay đưa ra [bố thí], mang thân mạng cuối cùng, là vị y sĩ, vị phẫu thuật vô thượng."

3. Tâu Đại vương, nơi đây ở giữa loài người: Một người là có dòng dõi, một người có tài sản, một người có kiến thức, một người có tài nghệ, một người là anh hùng, một người có sự cảnh giác, sau khi vượt trội tất cả những người này, chính đức vua là tối thượng trong số những người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn là vị đứng đầu, cao cả, tối thượng trong số tất cả các chúng sanh.

Trái lại, về việc Đại đức Bakkula đã là người ít có bệnh tật, việc ấy là do năng lực của sự ước nguyện. Tâu Đại vương, bởi vì khi bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn Anomadassī đã sanh khởi, và khi bệnh hoa cỏ [dị ứng?] của đức Thế Tôn Vipassī và sáu mươi tám ngàn vị Tỳ-khưu đã sanh khởi, vị ấy trong khi bản thân là đạo sĩ khổ hạnh, đã xua đi cơn bệnh ấy bằng vô số thuốc men khác loại nên đã đạt được trạng thái ít bệnh tật. Và điều đã được nói là: "Này các Tỳ-khưu, vị đứng đầu trong số các Tỳ-khưu đệ tử ít có bệnh tật của Ta, tức là Bakkula."

Tâu Đại vương, trong khi căn bệnh của đức Thế Tôn đang sanh lên cũng như đang tiếp diễn, trong khi Ngài đang duy trì cũng như không duy trì pháp từ khước, không có bất cứ chúng sanh nào sánh bằng đức Thế Tôn. Điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, nói đến ở đoạn *Varalañchaka* (*Dấu ấn cao quý*) thuộc *Saṃyuttanikāya* (*Tương ưng bộ*) rằng: "*Này các Tỳ-khưu, cho đến các hàng chúng sanh không chân, hoặc hai chân, hoặc bốn chân, hoặc nhiều chân, hoặc hữu hình, hoặc vô hình, hoặc hữu tưởng, hoặc vô tưởng, hoặc phi tưởng phi phi tưởng, trong số các hạng ấy đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác được gọi là hạng nhất.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự ít bệnh của đức Thế Tôn" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ VỊ LÀM SANH KHỞI ĐẠO LỘ CHƯA ĐƯỢC SANH KHỞI (*Anuppannamagguppādakapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi."** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **"Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo."**

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo" là sai trái. Nếu đức Như Lai đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo", như thế thì lời nói rằng: "Đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi."** Và Ngài đã nói rằng: **"Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo."** Cả hai điều ấy đều là lời nói về bản thể.

Tâu Đại vương, với sự biến mất của các đức Như Lai trước đây, trong khi không có người chỉ dạy, đạo lộ đã biến mất. Đức Như Lai ấy, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về đạo lộ đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn ấy, đã nhìn thấy rằng đạo lộ ấy đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta đã nhìn thấy đạo lộ cổ xưa, con đường cổ xưa đã được các bậc Chánh Đẳng Giác trước đây đi theo."

Tâu Đại vương, với sự biến mất của các đức Như Lai trước đây, trong khi không có người chỉ dạy, đạo lộ đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn ấy; giờ đây đức Như Lai đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi."

3. Tâu Đại vương, ở đây do sự biến mất của đức Chuyển Luân Vương, viên ngọc quý ma-ni ẩn tàng ở nơi đỉnh núi. Rồi do việc hành xử chính trực của đức Chuyển Luân Vương khác, nó lại hiện đến. Tâu Đại vương, phải chăng viên ngọc quý ma-ni ấy là được tạo ra cho vị ấy?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, viên ngọc quý ma-ni vốn là vật hiển nhiên, tuy nhiên do vị ấy mà nó lại hiện ra.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đạo lộ an toàn có tám chi phần đã được thực hành bởi các đức Như Lai trước đây vốn là hiển nhiên trong khi không có người chỉ dạy, thì đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn; đức Thế Tôn trong khi quán sát bằng tuệ nhãn đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi."

Tâu Đại vương, hoặc là giống như với việc sanh ra đứa con trai qua đường tử cung và đứa con đang hiện hữu thì người mẹ được gọi là "sanh mẫu". Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi."

4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như một người nam nào đó nhìn thấy vật gì đó đã bị thất lạc, thì người ta đồn đãi rằng: "Nhờ người ấy mà vật ấy được xuất hiện." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về

đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi."

Tâu Đại vương, hoặc là giống như một người nam nào đó dọn sạch mảnh rừng rồi ban ra thành đất bằng, thì người ta đồn đãi rằng: "Mảnh đất ấy là của người ấy." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong khi quán sát bằng tuệ nhãn về đạo lộ vốn luôn hiện hữu nhưng đã bị tiêu hoại, đã bị đổ nát, đã bị phủ lấp, đã bị đóng lại, đã bị che kín, không còn có sự thực hành hoàn mãn, đức Như Lai đã làm sanh khởi, đã thể hiện việc thực hành hoàn mãn [đạo lộ ấy]. Bởi lý do ấy, Ngài đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, đức Như Lai là người làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi."

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ LOMASAKASSAPA (*Lomasakassapapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh."** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **"Trong khi là vị ẩn sĩ tên Lomasakassapa đã giết chết hàng trăm mạng sống và đã hiến cúng đại lễ tế thần *Vājapeyya*."**[46]

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh", như thế thì lời nói rằng: "Đại lễ tế thần *Vājapeyya* đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống" là sai trái. Nếu đại lễ tế thần *Vājapeyya* đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống, như thế thì lời nói rằng: "Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Vào thời quá khứ, trong khi có bản thể nhân loại, Ta đã là người có bản tánh không hãm hại chúng sanh." Và đại lễ tế thần *Vājapeyya* đã được ẩn sĩ Lomasakassapa hiến cúng sau khi đã giết chết hàng trăm mạng sống. Tuy nhiên, việc ấy là do tác động của ái luyến, không có sự suy nghĩ, không có sự cố ý.

– Thưa Ngài Nāgasena, tám hạng người này giết hại mạng sống. Tám hạng nào? Hạng luyến ái giết hại mạng sống do tác động của luyến ái, hạng xấu xa giết hại mạng sống do tác động của sân, hạng mê mờ giết hại mạng sống do tác

[46] *Bổn sanh* "Ẩn sĩ Lomasakassapa" (*Lomasakassapajātakaṃ*), số 433, *TTPV*, tập 32. (ND)

động của si, hạng ngã mạn giết hại mạng sống do tác động của ngã mạn, hạng tham lam giết hại mạng sống do tác động của tham, hạng không có gì giết hại mạng sống vì mục đích nuôi mạng, hạng ngu dốt giết hại mạng sống do tác động của sự đùa giỡn, đức vua giết hại mạng sống do tác động của kỷ cương. Thưa Ngài Nāgasena, đây là tám hạng người giết hại mạng sống. Thưa Ngài Nāgasena, có phải việc đã làm bởi đức Bồ-tát có tính chất tự nhiên?

– Tâu Đại vương, việc đã làm bởi đức Bồ-tát không phải có tính chất tự nhiên. Tâu Đại vương, nếu đức Bồ-tát hạ thấp [phẩm cách] để hiến cúng đại lễ tế thần vì bản tánh tự nhiên thì không nói lên lời kệ này:

"Ta không mong muốn vùng đất có sự bao quanh của biển cả, có biển là vòng đai, cùng với lời phỉ báng. Này Sayha, ngươi hãy nhận biết như vậy."[47]

3. Tâu Đại vương, với lời nói như vậy, đức Bồ-tát do việc nhìn thấy nàng Candavatī, con gái của đức vua, đã không còn có sự suy nghĩ, tâm bị tán loạn, bị luyến ái, có trạng thái không suy nghĩ, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bị tán loạn, đã bị lay động, đã bị khuấy động ấy, vị ấy đã hiến cúng đại lễ tế thần *Vājapeyya* với sự tích lũy to lớn khổng lồ về lượng máu từ cần cổ của những con thú bị giết.

Tâu Đại vương, giống như kẻ bị điên có tâm bị tán loạn, bước lên ngọn lửa đã được đốt cháy, nắm bắt con rắn độc đã bị lên cơn giận, cưỡi lên con voi đã bị nổi điên, lao vào biển cả không nhìn thấy bến bờ, giẫm đạp vào vũng nước luôn cả hố phân, leo lên hàng rào gai, lao vào vực thẳm, ăn vật dơ, thậm chí lõa lồ đi ở đường phố, [hoặc] làm nhiều công việc không xứng đáng khác nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Bồ-tát do việc nhìn thấy nàng Candavatī, con gái của đức vua, đã không còn có sự suy nghĩ, tâm bị tán loạn, bị luyến ái, có trạng thái không suy nghĩ, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bị tán loạn, đã bị lay động, đã bị khuấy động ấy, vị ấy đã hiến cúng đại lễ tế thần *Vājapeyya* với sự tích lũy to lớn khổng lồ về lượng máu từ cần cổ của những con thú bị giết.

Tâu Đại vương, việc xấu xa đã được làm bởi kẻ có tâm bị tán loạn trong thời hiện tại không phải là có tội lỗi nghiêm trọng, và tương tợ y như thế cũng không có quả thành tựu ở thời vị lai. Tâu Đại vương, ở đây một kẻ điên khùng nào đó phạm vào tội đáng chết thì Ngài sẽ giáng xuống kẻ đó hình phạt gì?

4. – Thưa Ngài Nāgasena, sẽ là hình phạt gì đối với kẻ điên khùng? Chúng tôi cho người đánh đập rồi bảo đuổi kẻ ấy đi; chính điều ấy là hình phạt đối với kẻ ấy.

– Tâu Đại vương, như thế cũng không có hình phạt trong việc phạm tội của kẻ điên khùng. Vì thế, trong việc đã làm của kẻ điên khùng thì không có sự sai trái, có thể tha thứ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị ẩn sĩ Lomasakassapa do việc nhìn thấy nàng Candavatī, con gái của đức vua, đã không còn có sự suy

[47] *Bổn sanh* "Quan đại thần Sayha" (*Sayhajātakaṃ*), số 310, *TTPV*, tập 32. (ND)

nghĩ, tâm bị tán loạn, bị luyến ái, có trạng thái không suy nghĩ, đã đi ra ngoài sự kiềm chế, vô cùng bối rối, vô cùng vội vã. Với tâm đã bị tán loạn, đã bị lay động, đã bị khuấy động ấy, vị ấy đã hiến cúng đại lễ tế thần *Vājapeyya* với sự tích lũy to lớn khổng lồ về lượng máu từ cần cổ của những con thú bị giết. Hơn nữa, đến khi đã có tâm trở lại bình thường, có trí nhớ đã được hồi phục, khi ấy [Lomasakassapa] sau khi xuất gia trở lại lần nữa, đã làm sanh khởi năm thắng trí và đã đi đến cõi Phạm thiên.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về Lomasakassapa" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ CHADDANTA VÀ JOTIPĀLA (*Chaddantajotipālapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi là voi chúa Chaddanta:[48] **"Trong khi siết chặt [nghĩ rằng]: Ta có thể hủy diệt gã này, con voi đã nhìn thấy tấm y ca-sa, biểu tượng của các vị ẩn sĩ. Con thú bị hành hạ đau khổ đã có ý tưởng sanh khởi rằng: Biểu tượng của các vị A-la-hán là cao quý, là hình bóng không thể bị hủy diệt."**

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **"Trong khi là người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla thì đã sỉ vả, đã chê bai đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi."**

Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Bồ-tát trong khi là loài thú đã tôn kính tấm y ca-sa, như thế thì lời nói rằng: "Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi" là sai trái. Nếu đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi, như thế thì lời nói rằng: "Y ca-sa đã được tôn kính bởi voi chúa Chaddanta" cũng là sai trái. Nếu đức Bồ-tát, lúc là loài thú, dẫu đang chịu đựng cảm thọ thô thiển, nhức nhối, đau đớn, cũng đã tôn kính tấm y ca-sa được kẻ thợ săn khoác lên, tại sao trong khi là loài người, có trí tuệ đã chín muồi, có sự hiểu biết đã chín muồi, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đấng Thập Lực, vị Lãnh Đạo Thế Gian Kassapa vô cùng nổi bật, có hào quang một sải tay rực sáng, bậc cao quý tối thượng đang khoác lên tấm y ca-sa vải xứ Kāsi cao quý và ưng ý thì đã không tôn kính? Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi là voi chúa Chaddanta: **"Trong khi là người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla thì đã sỉ**

[48] *Bổn sanh* "Voi chúa Chaddanta" (*Chaddantajātakaṃ*), số 514, *TTPV*, tập 33. (ND)

vả, đã chê bai đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi.”

Và đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Kassapa đã bị người thanh niên Bà-la-môn Jotipāla sỉ vả, chê bai bằng những lời nói vô lễ, thô lỗ nói là kẻ trọc đầu, nói là kẻ Sa-môn nhỏ nhoi. Tuy nhiên, điều đó là do tác động của dòng dõi, do tác động của gia tộc. Tâu Đại vương, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín. Cha mẹ, anh chị em, những người tôi trai, tớ gái, kẻ hầu và tùy tùng của anh ta là những người thờ phụng đấng Brahmā, kính trọng đấng Brahmā. Họ [nghĩ rằng]: “Chỉ có các vị Bà-la-môn là tối thượng, cao quý, rồi chê trách, nhờm gớm các vị xuất gia còn lại.” Thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã nghe điều ấy từ những người ấy, nên khi được người thợ làm đồ gốm Ghaṭīkāra mời mọc về việc diện kiến đấng Đạo Sư đã nói như vầy: “Cái gì với việc diện kiến vị Sa-môn nhỏ nhoi trọc đầu của ngươi?”

Tâu Đại vương, giống như thuốc trường sanh sau khi đặt gần thuốc độc thì trở nên đắng. Và giống như nước mát sau khi để gần ngọn lửa thì trở nên nóng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín; anh ta sau khi trở nên mù quáng vì tác động của gia tộc, đã sỉ vả, đã chê bai đức Như Lai.

Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đã được đốt lên phát cháy, có ánh sáng, sau khi gặp nước thì trở nên có màu đen, mát lạnh, ánh sáng và sức nóng bị mất đi, tợ như trái cây niggunḍi đã được chín muồi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thanh niên Bà-la-môn Jotipāla có phước đức, có đức tin, có sự sáng láng bao la của trí tuệ, sau khi đã được sanh ra ở gia tộc không có đức tin, không có tịnh tín; anh ta, sau khi trở nên mù quáng vì tác động của gia tộc, đã sỉ vả, đã chê bai đức Như Lai, và sau khi đi đến gần và đã biết được ân đức của Phật thì đã trở thành như là người hầu, và sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, đã làm sanh khởi các thắng trí và các thiền chứng, rồi đã đi đến cõi Phạm thiên.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về Chaddanta và Jotipāla” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ GHAṬĪKĀRA (*Ghaṭīkārapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **“Căn nhà của người thợ gốm Ghaṭīkāra có mái che là bầu trời đã tồn tại suốt cả ba tháng và đã không bị nước mưa.”** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **“Cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bị mưa dột.”** Thưa Ngài Nāgasena, tại sao cốc liêu của đức Như Lai Kassapa, bậc Có Thiện Căn Đầy Đủ như thế lại bị mưa dột? Oai lực ấy của đức Như Lai là điều đáng được ao ước. Thưa Ngài Nāgasena, nếu căn nhà của người thợ gốm Ghaṭīkāra có mái che là bầu trời đã

không có mưa dột, như thế thì lời nói rằng: "Cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bị mưa dột" là sai trái. Nếu cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bị mưa dột, như thế thì lời nói rằng: "Căn nhà của người thợ gốm Ghaṭīkāra có mái che là bầu trời đã không có mưa dột" cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Căn nhà của người thợ gốm Ghaṭīkāra có mái che là bầu trời đã tồn tại suốt cả ba tháng và đã không bị nước mưa." Và Ngài đã nói rằng: "Cốc liêu của đức Như Lai Kassapa bị mưa dột." Tâu Đại vương, người thợ gốm Ghaṭīkāra là người có giới hạnh, có thiện pháp, có thiện căn đầy đủ, đang nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa già yếu. [Các Tỳ-khưu] không có mặt của vị ấy, còn chưa có hỏi ý, đã lấy đi cỏ [lợp mái] ở nhà của vị ấy rồi che mái cho cốc liêu của đức Thế Tôn. Vị ấy, với việc lấy đi cỏ [lợp mái] ấy, đã đạt được niềm vui không bị lay chuyển, không bị dao động, khéo được ổn định, bao la, không thể sánh bằng, và còn làm sanh lên tâm hoan hỷ không thể ước lượng hơn thế nữa: "Ôi, quả nhiên đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Ở Thế Gian đã vô cùng tin tưởng ở ta!" Do việc ấy, quả thành tựu hiện tiền đã sanh lên cho vị ấy. Tâu Đại vương, bởi vì đức Như Lai không bị dao động vì chừng ấy sự xáo trộn.

Tâu Đại vương, giống như núi chúa Sineru cũng không rúng động, không dao động bởi sự dồn dập của hàng trăm ngàn cơn gió; đại dương, biển cả cao quý và ưu tú, cũng không tràn đầy, không đi đến sự xáo trộn vì hàng trăm vạn trăm ngàn con sông lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai không bị dao động vì chừng ấy sự xáo trộn.

Tâu Đại vương, hơn nữa về việc cốc liêu của đức Như Lai bị mưa dột, việc ấy là vì lòng thương tưởng đối với số đông nhân loại. Tâu Đại vương, trong khi xem xét hai điều lợi ích này, các đức Như Lai không sử dụng vật thiết yếu được tự mình hóa hiện ra: Chư thiên và nhân loại [nghĩ rằng]: "Bậc Đạo Sư này là bậc đáng cúng dường hạng nhất" sẽ dâng cúng vật thiết yếu đến đức Thế Tôn và sẽ được hoàn toàn giải thoát khỏi mọi cảnh giới khổ đau. Chớ để những kẻ khác trách móc rằng: "Những vị này phô diễn điều kỳ diệu và tầm cầu sinh kế." Trong khi xem xét hai điều lợi ích này, các đức Như Lai không sử dụng vật thiết yếu được tự mình hóa hiện ra.

Tâu Đại vương, nếu [Chúa trời] Sakka hoặc đấng Brahmā, hoặc tự thân [đức Thế Tôn] làm cho cốc liêu ấy hết mưa dột thì có thể có điều đáng nói; chính việc làm ấy là có sự sai trái, có sự khiển trách rằng: "Những người này gây ra chuyện rồi mê hoặc thế gian, làm việc có tính chất dư thừa." Do đó, việc làm ấy là đáng bị chê trách. Tâu Đại vương, các đức Như Lai không cầu xin vật chất. Do việc không cầu xin vật chất ấy, các Ngài không đáng bị quở trách.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về Ghaṭīkāra" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ LỜI NÓI LÀ BÀ-LA-MÔN VÀ LÀ VUA (*Brāhmaṇarājavādapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin."** Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **"Ta là đức Vua Sela."** Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin", như thế thì lời nói rằng: "Ta là đức Vua Sela" là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: "Ta là đức Vua Sela", như thế thì lời nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin" cũng là sai trái. Bởi vì chỉ có thể hoặc là Sát-đế-ly hoặc là Bà-la-môn, nghĩa là không thể có hai giai cấp cho một lần sanh ra. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, Ta là vị Bà-la-môn sẵn sàng đáp ứng sự cầu xin." Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: "Ta là đức Vua Sela." Ở đây có lý do, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vị Bà-la-môn vừa là vua.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì lý do ấy là gì, mà với lý do ấy đức Như Lai vừa là vị Bà-la-môn vừa là vua?

– Tâu Đại vương, tất cả các ác bất thiện pháp của đức Như Lai đã được lánh xa, đã được dứt bỏ, đã được xa lìa, đã được dứt lìa, đã được chặt đứt, đã đi đến sự cạn kiệt, đã được diệt tắt, đã được an tịnh, vì thế đức Như Lai được gọi là "Bà-là-môn".

Bà-là-môn nghĩa là đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng đã vượt qua sự nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-là-môn".

Bà-là-môn nghĩa là đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi việc bị dính líu đến ô nhiễm và bụi bặm, không có bạn đồng hành. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng đã lìa khỏi tất cả các nguồn gốc đưa đến hữu và cảnh giới tái sanh, đã thoát ra khỏi việc bị dính líu đến ô nhiễm và bụi bặm, không có bạn đồng hành. Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-là-môn".

3. Bà-là-môn nghĩa là có nhiều sự an trú cao cả, tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng có nhiều sự an trú cao cả, tối thượng, cao quý, ưu tú thuộc về cõi trời. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-là-môn".

Bà-là-môn nghĩa là người duy trì dòng dõi về sự chỉ dạy và truyền thống trước đây về việc học thuộc lòng, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc và kiềm chế. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là người duy trì dòng dõi về sự chỉ dạy và truyền thống đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng trước đây về việc học thuộc lòng, giảng dạy, tiếp nhận vật thí, rèn luyện, thu thúc và kiềm chế. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-là-môn".

Bà-là-môn nghĩa là vị có sự tham thiền về thiền, có sự trú vào lạc bao la. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị có sự tham thiền về thiền, có sự trú vào lạc bao la. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-là-môn".

Bà-là-môn nghĩa là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sanh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị biết sự vận hành và chọn lựa việc tái sanh ở tất cả các cảnh giới hữu và phi hữu. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-là-môn".

Tâu Đại vương, tên gọi "Bà-là-môn" này của đức Thế Tôn không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh trai tạo ra, không do chị gái tạo ra, không do các bạn bè thân hữu tạo ra, không do các thân quyến cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn và Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra. Tên gọi này của chư Phật Thế Tôn liên quan đến mốc cuối cùng của sự giải thoát, cùng với sự đạt được trí toàn tri sau khi tiêu diệt đạo binh của Ma vương ở ngay dưới cội cây Bồ-đề, sau khi lánh xa các ác bất thiện pháp thuộc quá khứ, hiện tại và vị lai, là sự xác định thực tế về việc đã đạt được, đã được hiển lộ, đã được sanh khởi, tức là "Bà-là-môn". Vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Bà-là-môn".

4. – Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì với lý do gì đức Như Lai được gọi là "Vua"?

– Tâu Đại vương, vua nghĩa là người nào cai trị vương quốc, chỉ dạy thế gian. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng cai trị vương quốc bằng giáo pháp ở mười ngàn thế giới, chỉ dạy thế gian tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến loài người luôn cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Vua".

Tâu Đại vương, vua nghĩa là sau khi chế ngự toàn bộ dân chúng loài người, trong khi làm hoan hỷ tập thể thân quyến, trong khi gây sầu muộn cho tập thể kẻ thù, rồi cho giương lên chiếc lọng che màu trắng tinh khiết là vật đem lại danh vọng và vinh quang lớn lao vĩ đại, có thanh cầm bằng lõi cây cứng chắc, được trang hoàng với một trăm thanh nan không thiếu sót. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn trong khi gây sầu muộn cho đội binh của Ma vương có sự thực hành sai trái, trong khi làm hoan hỷ chư thiên và nhân loại có sự thực hành đúng đắn, cũng cho giương lên ở mười ngàn thế giới chiếc lọng che màu trắng tinh khiết của sự giải thoát cao cả quý báu, là vật đem lại danh vọng và vinh quang lớn lao vĩ đại, có thanh cầm bằng lõi cây cứng chắc là sự nhẫn nại, được trang hoàng với một trăm thanh nan trí tuệ cao quý. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Vua".

Tâu Đại vương, vua nghĩa là vị đáng được đảnh lễ bởi số đông dân chúng đã đi đến và gặp gỡ. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng là vị đáng được đảnh lễ bởi số đông chư thiên và nhân loại đã đi đến và gặp gỡ. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Vua".

Tâu Đại vương, vua nghĩa là đối với người nào có sự ra sức thì tin tưởng, ban cho ân huệ đã chọn lựa, và làm thỏa mãn theo như ước muốn. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn đối với người nào có sự ra sức về thân, về khẩu, về ý, thì

cũng tin tưởng, ban cho ân huệ vô thượng đã chọn lựa là sự giải thoát hoàn toàn mọi sự khổ đau, và làm thỏa mãn trọn vẹn ân huệ theo như ước muốn. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Vua".

Tâu Đại vương, vua nghĩa là đối với kẻ chống lại mệnh lệnh thì quở trách, loại trừ, tiêu diệt. Tâu Đại vương, trong giáo pháp cao quý của đức Thế Tôn, kẻ vô liêm sỉ vượt qua sự quy định cũng bị chê bai, khinh miệt, khiển trách vì tình trạng yếu hèn và bị loại ra khỏi giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Vua".

Tâu Đại vương, vua nghĩa là sau khi giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thống và sự chỉ dạy của các vị vua chính trực trước đây, trong khi cai quản vương quốc một cách chính trực thì trở thành vị được ước muốn, được yêu mến, được mong cầu đối với dân chúng và loài người, rồi duy trì dòng dõi hoàng tộc lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của sự chính trực. Tâu Đại vương, đức Thế Tôn sau khi cũng giảng giải về đúng pháp và sai pháp theo truyền thống và sự chỉ dạy của các đấng Tự Chủ trước đây, trong khi chỉ dạy thế gian đúng theo pháp thì sẽ trở thành vị được ước muốn, được yêu mến, được mong cầu đối với chư thiên và nhân loại, rồi chuyển vận giáo pháp lâu dài nhờ vào năng lực và ân đức của Pháp bảo. Cũng vì lý do ấy, đức Như Lai được gọi là "Vua".

Tâu Đại vương, như vậy lý do có nhiều loại, mà với lý do ấy đức Như Lai có thể vừa là Bà-la-môn có thể vừa là vua. Vị Tỳ-khưu vô cùng khôn khéo cũng không có thể thành tựu được việc ấy cho dầu là một kiếp. Có ích gì với việc nói quá nhiều, điều khái quát nên được chấp nhận.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về lời nói là Bà-la-môn và là vua" là thứ tám.

9. CÂU HỎI GIẢNG VỀ VẬT THỰC DO VIỆC NGÂM NGA CÁC BÀI KỆ (*Gāthābhigītabhojanakathāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng. Này Bà-la-môn, đối với những vị đang xem xét thì việc ấy không phải là pháp. Chư Phật khước từ việc ngâm nga các bài kệ. Này Bà-la-môn, việc ấy là cách hành xử khi giáo pháp hiện hữu."

Và thêm nữa, đức Thế Tôn trong khi thuyết giảng giáo pháp có phương pháp, trong khi giảng giải theo thứ lớp, trước tiên hết giảng giải bài thuyết về bố thí, kế đến là bài thuyết về giới. Sau khi lắng nghe lời giảng giải của đức Thế Tôn ấy, vị Chúa Tể Của Tất Cả Các Thế Giới, chư thiên và nhân loại chuẩn bị và dâng cúng vật thí. Vật thí ấy đã được gởi đến cho Ngài và các đệ tử thọ dụng.

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: "[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng", như thế thì lời nói rằng: "Đức Thế Tôn giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên" là sai trái. Nếu

Ngài giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên, như thế thì lời nói rằng: "[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng" cũng là sai trái. Vì lý do gì? Thưa Ngài, vị nào đó là bậc xứng đáng cúng dường, giảng giải cho hàng tại gia bài thuyết về quả thành tựu của việc bố thí vật thực, sau khi lắng nghe bài giảng về giáo pháp của vị ấy, họ có tâm tịnh tín rồi liên tục dâng cúng vật thí. Các vị nào thọ dụng vật thí ấy, tất cả các vị ấy thọ dụng [vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, khôn khéo, thâm sâu, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"[Vật thực do] việc ngâm nga các bài kệ sẽ không được Ta thọ dụng. Này Bà-la-môn, đối với những vị đang xem xét thì việc ấy không phải là pháp. Chư Phật khước từ việc ngâm nga các bài kệ. Này Bà-la-môn, việc ấy là cách hành xử khi giáo pháp hiện hữu."

Và đức Thế Tôn giảng giải bài thuyết về bố thí trước tiên. Hơn nữa, điều ấy là việc làm của tất cả các đức Như Lai, trước hết bằng bài thuyết về bố thí, các Ngài làm cho tâm [người nghe] được thích thú vào việc ấy, sau đó khiến cho [người nghe] gắn bó vào giới. Tâu Đại vương, giống như đối với những đứa trẻ còn nhỏ, người ta trước tiên hết cho chúng những món đồ chơi như là móc câu, gậy ngắn, cối xay, vật đong đo, xe kéo, cây cung, sau đó gắn bó chúng theo hành động của mỗi đứa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trước tiên hết làm cho tâm [người nghe] được thích thú bằng bài thuyết về bố thí, sau đó khiến cho [người nghe] gắn bó vào giới.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc đối với những người bệnh, trước tiên hết cho uống dầu bốn năm ngày để tạo ra sức mạnh để làm cho mềm, sau đó cho thuốc xổ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai trước hết làm cho tâm được thích thú bằng bài thuyết về bố thí, sau đó khiến cho gắn bó vào giới.

Tâu Đại vương, tâm của những người bố thí, của những thí chủ là nhu thuận, dịu dàng, mềm mại. Nhờ cây cầu và đường đi của việc bố thí ấy, những người ấy tiến đến gần bờ bên kia của biển cả luân hồi nhờ vào con thuyền của sự bố thí. Do đó, đối với những người ấy trước hết Ngài chỉ dạy về nền tảng của nghiệp, nhưng không vì điều ấy mà phạm vào sự yêu cầu.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là "yêu cầu", vậy thì các sự yêu cầu ấy có bao nhiêu loại?

4. – Tâu Đại vương, đây là hai sự yêu cầu: Yêu cầu bằng thân và yêu cầu bằng khẩu. Trong trường hợp ấy, có sự yêu cầu bằng thân là có tội, có sự yêu cầu bằng thân là không có tội; có sự yêu cầu bằng khẩu là có tội, có sự yêu cầu bằng khẩu là không có tội. Sự yêu cầu bằng thân nào là có tội? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, đứng ở chỗ không thích hợp, rồi đứng lì tại chỗ; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai,

bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "có sự nuôi mạng bị hư hỏng."

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, đứng ở chỗ không thích hợp, nhướng cổ, nhìn soi mói với cái nhìn của loài công [nghĩ rằng]: "Như vậy thì những người này sẽ nhìn thấy." Và do việc ấy, những người ấy nhìn thấy; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "có sự nuôi mạng bị hư hỏng."

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó yêu cầu bằng quai hàm, hoặc bằng lông mày, hoặc bằng ngón cái; đây là sự yêu cầu bằng thân có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "có sự nuôi mạng bị hư hỏng."

Sự yêu cầu bằng thân nào là không có tội? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó đi đến các gia đình, có niệm, được định tĩnh, có sự tỉnh giác, đi đến chỗ đứng cũng như ở nơi không phải chỗ đứng theo lời chỉ dạy, rồi đứng tại chỗ, ở những người có ý định bố thí thì đứng [chờ], ở những người không có ý định bố thí thì bước đi; đây là sự yêu cầu bằng thân không có tội. Các bậc Thánh thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy được khen ngợi, được ca tụng, được tán dương, được xem là "có hạnh giảm thiểu, có sự nuôi mạng trong sạch."

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"*Các bậc có trí tuệ không cầu xin, các bậc Thánh chê trách việc cầu xin. Các bậc Thánh đứng theo quy định, việc ấy là sự cầu xin của các bậc Thánh.*"

5. Sự yêu cầu bằng khẩu nào là có tội? Tâu Đại vương, ở đây vị Tỳ-khưu yêu cầu các vật dụng là y, vật thực, chỗ ngụ và thuốc men chữa bệnh bằng lời nói theo nhiều cách; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "có sự nuôi mạng bị hư hỏng."

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó nói như vậy khiến cho những người khác nghe được: "Tôi có sự cần dùng với vật này." Và do lời nói ấy, do việc làm cho những người khác nghe được, lợi lộc phát sanh đến vị ấy; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "có sự nuôi mạng bị hư hỏng."

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ở đây một vị Tỳ-khưu nào đó thông

báo cho hội chúng với việc loan tin bằng khẩu rằng: "Nên dâng cúng vật như vầy và như vầy đến các vị Tỳ-khưu." Và do việc ấy, những người ấy nghe theo lời nói rồi mang lại vật đã được thông báo; đây là sự yêu cầu bằng khẩu có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "có sự nuôi mạng bị hư hỏng."

Tâu Đại vương, quả là Trưởng lão Sāriputta trong lúc bị bệnh vào ban đêm khi mặt trời đã lặn, trong khi được Trưởng lão Mahāmoggallāna hỏi về thuốc chữa bệnh, đã nói ra lời. Do việc nói ra lời ấy của vị ấy, thuốc chữa bệnh đã phát sanh. Rồi Trưởng lão Sāriputta [nghĩ rằng]: "Do việc nói ra lời của ta mà thuốc chữa bệnh này đã được phát sanh. Chớ để cho sự nuôi mạng của ta bị hư hỏng", do sự lo âu về việc làm hư hỏng sự nuôi mạng nên đã từ chối, đã không sử dụng thuốc chữa bệnh ấy. Sự yêu cầu bằng khẩu như vậy cũng có tội. Các bậc Thánh không thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy bị chê bai, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến, bị xem là "có sự nuôi mạng bị hư hỏng."

6. Sự yêu cầu bằng khẩu nào là không có tội? Tâu Đại vương, ở đây vị Tỳ-khưu khi có duyên cớ rồi yêu cầu thuốc chữa bệnh ở các gia đình đã được thỉnh cầu và ở thân quyến; đây là sự yêu cầu bằng khẩu không có tội. Các bậc Thánh thọ dụng vật đã được yêu cầu ấy. Và theo quan điểm của các bậc Thánh, nhân vật ấy được khen ngợi, được ca tụng, được tán dương, được xem là "có hạnh giảm thiểu, có sự nuôi mạng được trong sạch", và được cho phép bởi các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác.

Tâu Đại vương, trái lại việc đức Như Lai đã từ chối bữa ăn của Bà-la-môn Kasābhāradvāja, bữa ăn ấy được phát sanh do việc gây rối, việc tháo gỡ, việc lôi kéo, việc phê bình và việc công kích. Do đó, đức Như Lai đã khước từ, đã không sử dụng phần vật thực ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải chư thiên luôn luôn rắc dưỡng chất của cõi trời vào bình bát trong lúc đức Như Lai đang thọ thực, hay là đã rắc vào ở hai món là ở món thịt lợn rừng và ở món cơm sữa ngọt mà thôi?

– Tâu Đại vương, trong lúc đức Như Lai thọ thực, chư thiên luôn luôn cầm lấy dưỡng chất của cõi trời, đứng gần bên, rồi rắc vào những nắm cơm mỗi một lúc được đưa lên [miệng]. Tâu Đại vương, giống như trong lúc đức vua đang ăn, người đầu bếp của vua cầm lấy món súp, đứng gần bên, rồi rưới súp vào mỗi một nắm cơm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong lúc đức Như Lai thọ thực, chư thiên luôn luôn cầm lấy dưỡng chất của cõi trời, đứng gần bên, rồi rắc vào những nắm cơm mỗi một lúc được đưa lên [miệng].

Tâu Đại vương, thậm chí ở Verañjā trong lúc đức Như Lai đang thọ thực những hạt lúa mạch khô khan, chư thiên cũng tuần tự tẩm ướt [chúng] với dưỡng chất của cõi trời rồi đem lại. Nhờ thế, cơ thể của đức Như Lai đã được bồi bổ.

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là điều lợi ích đối với chư thiên ấy, là các vị đã thường xuyên, liên tục thể hiện sự nỗ lực trong việc chăm sóc thân thể của đức Như Lai. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi giảng về vật thực do việc ngâm nga các bài kệ" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG NỖ LỰC TRONG VIỆC THUYẾT GIẢNG GIÁO PHÁP

(*Dhammadesanāya appossukabhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: **"Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng."** Và thêm nữa: **"Tâm của vị đạt đến phẩm vị Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp."**

Thưa Ngài Nāgasena, giống như viên xạ thủ hoặc các học trò của viên xạ thủ, sau khi học tập thuật bắn cung vì mục đích chiến trận trong nhiều ngày, đến khi cuộc chiến đấu lớn xảy ra thì có thể thối lui. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhưng khi đã đạt đến phẩm vị Toàn tri thì Ngài đã thối lui trong việc thuyết giảng giáo pháp.

Thưa Ngài Nāgasena, hoặc là giống như người võ sĩ đấu vật, hoặc các học trò của người võ sĩ đấu vật, sau khi học tập thuật đấu vật trong nhiều ngày, đến khi trận đấu lớn xảy ra thì có thể thối lui. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, nhưng khi đã đạt đến phẩm vị Toàn tri thì Ngài đã thối lui trong việc thuyết giảng giáo pháp.

2. Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng đức Như Lai đã thối lui vì sợ hãi? Hay đã thối lui vì chưa được rành rẽ? Hay đã thối lui vì năng lực yếu kém? Hay đã thối lui vì chưa phải phẩm vị Toàn tri? Ở đây, điều gì là lý do? Nào, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do nhằm vượt qua nỗi nghi hoặc.

Thưa Ngài Nāgasena, nếu trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng, như thế thì lời nói rằng: "Tâm của vị đạt đến phẩm vị Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp" là sai trái. Nếu tâm của vị đạt đến phẩm vị Toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp, như thế thì lời nói rằng: "Trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, đức Như Lai đã làm cho trí toàn tri được chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng" cũng là sai trái. Câu hỏi này

cũng có cả hai khía cạnh, thâm sâu, khó tháo gỡ, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

3. – Tâu Đại vương, trong khoảng thời gian bốn a-tăng-kỳ kiếp và một trăm ngàn kiếp, trí toàn tri đã được đức Như Lai làm cho chín muồi nhằm tế độ đám đông dân chúng. Và tâm của vị đạt đến trí toàn tri đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Vả lại, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thấu triệt của giáo pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chất bám víu cứng nhắc vào quan điểm của chính mình [thì nghĩ rằng]: "[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nào?" và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Điều này chính là sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh.

Tâu Đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi đi đến gặp người bị hành hạ bởi nhiều căn bệnh, thì suy nghĩ như vầy: "Bằng cách thức gì, hoặc với phương thuốc nào thì căn bệnh của người này có thể được lắng xuống?" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thấy loài người bị hành hạ bởi mọi căn bệnh phiền não và tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thấu triệt của giáo pháp [thì nghĩ rằng]: "[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nào?", và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Điều này chính là sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh.

4. Tâu Đại vương, giống như đối với đức vua dòng Sát-đế-ly đã được rưới nước thơm ở đầu [làm lễ phong vương], sau khi nhìn thấy những người giữ cổng, lính gác, quần thần, thị dân, nhân công, binh lính, quan đại thần, hoàng tộc, và thuộc hạ thì có thể khởi tâm như vầy: "Trẫm sẽ hậu đãi cái gì cho những người này? Bằng cách nào?" Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với đức Như Lai, sau khi nhìn thấy tính chất thâm sâu, khôn khéo, khó thấy, khó giác ngộ, tinh vi, khó thấu triệt của giáo pháp, trạng thái ham thích tiềm ẩn của chúng sanh, và tính chất bám víu cứng nhắc vào quan điểm của chính mình [thì nghĩ rằng]: "[Thuyết giảng] về cái gì? Bằng cách nào?", và tâm đã thiên về sự không nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Sự suy nghĩ và tâm ý về việc giác ngộ của chúng sanh chính là điều này.

5. Tâu Đại vương, thêm nữa điều này là quy luật của các đức Như Lai, là việc các Ngài thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu. Vậy trong trường hợp ấy, điều gì là lý do? Vào lúc bấy giờ, tất cả các vị đạo sĩ khổ hạnh, du sĩ, Sa-môn, Bà-la-môn là những người thờ phụng đấng Brahmā, kính trọng đấng Brahmā, nương tựa đấng Brahmā. Do đó [nghĩ rằng]: "Với sự hạ mình của vị [Brahmā] có năng lực, có danh vọng, được biết tiếng, được nổi tiếng, hơn hẳn, được vượt trội ấy, thì thế gian luôn cả chư thiên sẽ hạ mình, sẽ tin tưởng, sẽ quy thuận [Ta]." Tâu Đại vương, và vì lý do này mà đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu.

Tâu Đại vương, giống như vị vua nào đó, hoặc quan đại thần của vị vua, hạ

mình, thể hiện sự cung kính đối với người nào, do sự hạ mình của vị ấy đối với người có năng lực trội hơn, mà số dân chúng còn lại hạ mình, thể hiện sự cung kính. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi Phạm thiên hạ mình đối với các đức Như Lai thì thế gian luôn cả chư thiên sẽ hạ mình. Tâu Đại vương, thế gian tôn vinh bậc đã được tôn vinh. Do đó, vị Phạm thiên ấy thỉnh cầu tất cả các đức Như Lai về việc thuyết giảng giáo pháp. Và vì lý do ấy, các đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp khi được Phạm thiên thỉnh cầu.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, việc giải thích thật là tuyệt hảo. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về trạng thái không nỗ lực trong việc thuyết giảng giáo pháp của đức Thế Tôn" là thứ mười.

11. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG CÓ THẦY CỦA VỊ THẦY (*Ācariyānācariyakatāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy. Ở thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của ta."**

Và thêm nữa, Ngài đã nói rằng: **"Này các Tỳ-khưu, như vậy Āḷāra Kālāma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình, và đã tôn vinh Ta với sự tôn vinh tột bực."**

Thưa Ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: **"Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy"**, như thế thì lời nói rằng: **"Này các Tỳ-khưu, như vậy Āḷāra Kālāma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình"** là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: **"Này các Tỳ-khưu, như vậy Āḷāra Kālama trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình"**, như thế thì lời nói rằng: **"Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy"** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho Ngài. Nó nên được giải quyết bởi Ngài.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến:

"Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy. Ở thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của ta."

Và Ngài đã nói rằng: **"Này các Tỳ-khưu, như vậy Āḷāra Kālāma trong khi đang là thầy của Ta, đã đặt Ta, đang là người đệ tử, ngang hàng với mình, và đã tôn vinh Ta với sự tôn vinh tột bực."** Tuy nhiên, lời nói ấy đã được nói liên quan đến bản thân vị thầy của chính đức Bồ-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ.

Tâu Đại vương, năm vị này là những người thầy của đức Bồ-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ. Được chỉ dạy bởi những vị này, đức Bồ-tát đã trải qua ở nơi kia ở nơi nọ. Năm vị nào?

Tâu Đại vương, khi đức Bồ-tát ở giai đoạn đã được sanh ra, các vị ấy là tám vị Bà-la-môn đã xét đoán các tướng tốt, tức là các vị Rāma, Dhaja, Lakkhaṇa, Mantī, Yañña, Suyāma, Subhoja, Sudatta. Các vị ấy đã tuyên bố về điềm lành của đức Bồ-tát và đã thực hiện công việc bảo hộ; các vị ấy là những vị thầy đầu tiên.

Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là vị Bà-la-môn tên Sabbamitta được sanh ra ở nơi quý phái, cao thượng, có dòng dõi, biết về cú pháp, về văn phạm, có sáu chi phần [của kinh Vệ-đà]. Vào lúc bấy giờ, người cha của đức Bồ-tát, đức Vua Suddhodana, sau khi rước về đã rưới nước với chiếc bình vàng, rồi đã trao cho [nói rằng]: "Hãy cho đứa bé trai này học tập"; đây là vị thầy thứ nhì.

Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là vị thiên nhân đã khiến cho đức Bồ-tát chấn động tâm. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, đức Bồ-tát đã bị chấn động, kinh hoàng, rồi vào chính thời khắc ấy đã ra đi xuất ly và đã xuất gia; đây là vị thầy thứ ba.

Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là Āḷāra Kālāma; đây là vị thầy thứ tư.

Tâu Đại vương, còn có vị khác nữa là Uddaka Rāmaputta; đây là vị thầy thứ năm.

Tâu Đại vương, đây là năm vị thầy của đức Bồ-tát lúc chưa là bậc Chánh Đẳng Giác, trước khi giác ngộ. Tuy nhiên, các vị này là những người thầy về pháp thế gian. Tâu Đại vương, trái lại trong việc thấu triệt trí toàn tri về các pháp xuất thế gian này, thì không có vị hướng dẫn nào trội hơn đức Như Lai. Tâu Đại vương, đức Như Lai là đấng Tự Chủ, bậc không có thầy.

Bởi lý do ấy, đức Như Lai đã nói rằng:

"*Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy. Ở thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của ta.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về trạng thái không có thầy của vị thầy" là thứ mười một.

Phẩm Thân thiết là thứ năm.

(Trong phẩm này có mười một câu hỏi)

CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỌI ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

CÁC CÂU HỎI SUY LUẬN
(*ANUMĀNAPAÑHĀ*)

I. PHẨM ĐỨC PHẬT
(*BUDDHAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ VIỆC SANH LÊN CỦA HAI VỊ PHẬT
(*Dvībuddhuppādapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, điều này là không hợp lý và không có cơ sở, là việc hai bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể sanh lên trong một thế giới không trước không sau, sự kiện này không được biết đến!"** Thưa Ngài Nāgasena, tất cả các đức Như Lai, trong khi thuyết giảng đều thuyết giảng ba mươi bảy pháp góp phần trong việc giác ngộ, trong khi giảng giải đều giảng giải bốn chân lý cao thượng, trong khi huấn luyện đều huấn luyện về ba sự học tập, trong khi chỉ dạy đều chỉ dạy sự thực hành về không xao lãng. Thưa Ngài Nāgasena, nếu tất cả các đức Như Lai đều có sự thuyết giảng thống nhất, sự giảng giải thống nhất, sự huấn luyện thống nhất, sự chỉ dạy thống nhất, vì lý do gì hai đức Như Lai không sanh lên trong cùng một thời điểm? Thế gian này được phát sáng với việc sanh lên của vị Phật cho dầu chỉ một vị, nếu có thêm vị Phật thứ nhì, với hai luồng ánh sáng thế gian này có thể được phát sáng nhiều hơn thế nữa. Và hai đức Như Lai, trong khi giáo giới có thể giáo giới một cách thoải mái [trong khi chỉ dạy, có thể chỉ dạy một cách thoải mái].[1] Về việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do, theo đó trẫm có thể dứt khỏi sự nghi ngờ.

2. – Tâu Đại vương, mười ngàn thế giới này có sự nâng đỡ chỉ một vị Phật, nâng đỡ đức hạnh của chỉ một đức Như Lai. Nếu vị Phật thứ nhì sanh lên, mười ngàn thế giới này không thể nâng đỡ, có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đến việc bị hoại diệt.

Tâu Đại vương, giống như chiếc thuyền là có sự nâng đỡ một người, khi có một người bước lên thì có thể đạt được sự yên ổn. Khi người thứ nhì đi đến có cùng tuổi tác, vóc dáng, thọ mạng, kích thước, ốm mập, toàn bộ cơ thể tứ chi tương đương người kia, rồi người ấy bước lên chiếc thuyền ấy. Tâu Đại vương, phải chăng chiếc thuyền ấy cũng có thể nâng đỡ cả hai người?

[1] Được thêm vào từ văn bản Pāḷi của Miến Điện và PTS. (ND)

– Thưa Ngài, không đúng. Nó có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đến việc bị hoại diệt, có thể chìm xuống nước.

3. – Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mười ngàn thế giới này có sự nâng đỡ chỉ một vị Phật, nâng đỡ đức hạnh của chỉ một đức Như Lai. Nếu vị Phật thứ nhì sanh lên, mười ngàn thế giới này không thể nâng đỡ, có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đến việc bị hoại diệt.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam ăn thức ăn theo như ý thích. Người ấy, sau khi chứa đầy món ăn được ưa thích đến tận cổ họng, được thỏa mãn, căng phồng, đầy ứ, không còn chỗ chứa, bị làm mệt, bị như cây gậy không khom xuống được, rồi lại ăn thức ăn chừng ấy thêm lần nữa. Tâu Đại vương, phải chăng người nam ấy có thể được thoải mái?

– Thưa Ngài, không được. Đã được ăn một lần thôi cũng có thể chết.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, mười ngàn thế giới này có sự nâng đỡ chỉ một vị Phật, nâng đỡ đức hạnh của chỉ một đức Như Lai. Nếu vị Phật thứ nhì sanh lên, mười ngàn thế giới này không thể nâng đỡ, có thể lay động, rúng động, nghiêng qua, hạ thấp xuống, uốn cong, phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, tiến đến việc bị hoại diệt.

– Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng quả đất lay động với gánh nặng giáo pháp quá tải?

– Tâu Đại vương, ở đây hai chiếc xe hàng có thể được chứa đầy châu báu đến ngang miệng, sau khi lấy châu báu từ một chiếc xe hàng rồi đổ vào chiếc xe hàng kia. Tâu Đại vương, phải chăng chiếc xe kéo ấy có thể chứa đựng châu báu của hai chiếc xe kéo?

– Thưa Ngài, không thể. Thậm chí ổ trục bánh xe của nó có thể nứt, các cây căm của nó có thể bị gãy, vành bánh xe của nó có thể sụm xuống, trục xe của nó có thể bị gãy.

– Tâu Đại vương, phải chăng chiếc xe hàng bị gãy đổ với gánh nặng châu báu quá tải?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, quả đất lay động với gánh nặng giáo pháp quá tải. Tâu Đại vương, hơn nữa lý do này được đưa ra để làm rõ năng lực của vị Phật. Xin Đại vương hãy lắng nghe lý do xác đáng khác nữa cho trường hợp ấy, mà vì lý do ấy hai vị Chánh Đẳng Giác không thể sanh lên trong cùng một thời điểm: [Tâu Đại vương, nếu hai vị Chánh Đẳng Giác sanh lên trong cùng một thời điểm.][2] Sự tranh cãi giữa hội chúng của hai vị ấy có thể sanh khởi: "Phật của các vị, Phật của chúng tôi", rồi có thể bị sanh ra hai nhóm. Tâu Đại vương, giống như sự tranh cãi giữa hội chúng của hai vị quan đại thần

[2] Được thêm vào từ văn bản Pāḷi của Miến Điện và PTS. (ND)

có quyền lực có thể sanh khởi: "Quan đại thần của các vị, quan đại thần của chúng tôi", rồi bị sanh ra hai nhóm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu hai vị Chánh Đẳng Giác sanh lên trong cùng một thời điểm, sự tranh cãi giữa hội chúng của hai vị ấy có thể sanh khởi: "Phật của các vị, Phật của chúng tôi", rồi có thể bị sanh ra hai nhóm. Tâu Đại vương, đây còn là một lý do, mà vì lý do ấy hai vị Chánh Đẳng Giác không thể sanh lên trong cùng một thời điểm.

5.[3] Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa, mà vì lý do ấy hai vị Chánh Đẳng Giác không sanh lên trong cùng một thời điểm.

Tâu Đại vương, nếu hai vị Chánh Đẳng Giác có thể sanh lên trong cùng một thời điểm, thì lời nói rằng: "Đức Phật là cao cả" có thể là sai trái, thì lời nói rằng: "Đức Phật là lớn nhất" có thể là sai trái, thì lời nói rằng: "Đức Phật là hạng nhất" có thể là sai trái, thì lời nói rằng: "Đức Phật là nổi bật"... (nt)... "Đức Phật là tối thượng"... (nt)... "Đức Phật là cao quý"... (nt)... "Đức Phật là không người sánh bằng"... (nt)... "Đức Phật là không kẻ tương đương"... (nt)... "Đức Phật là không người đối xứng"... (nt)... "Đức Phật là không kẻ tương tợ"... (nt)... "Đức Phật là không người đối thủ" có thể là sai trái. Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy chấp nhận theo ý nghĩa đây cũng là lý do, mà vì lý do ấy hai vị Chánh Đẳng Giác không thể sanh lên trong cùng một thời điểm.

Tâu Đại vương, thêm nữa tính chất tự nhiên về bản thể của chư Phật Thế Tôn là chỉ một vị Phật sanh lên ở thế gian. Bởi vì lý do gì? Bởi vì tính chất vĩ đại về các đức hạnh của đức Phật Toàn Tri.

Tâu Đại vương, vật khác cũng là vĩ đại ở thế gian, vật ấy là chỉ có một. Tâu Đại vương, quả đất là vĩ đại, nó chỉ có một. Biển cả là vĩ đại, nó chỉ có một. Núi chúa Sineru là vĩ đại, nó chỉ có một. Không gian là vĩ đại, nó chỉ có một. (Thiên chủ) Sakka là vĩ đại, vị ấy chỉ có một. Ma vương là vĩ đại, vị ấy chỉ có một. Đại Phạm thiên là vĩ đại, vị ấy chỉ có một ở thế gian. Nơi nào chúng sanh lên, thì nơi ấy không còn chỗ cho cái khác. Tâu Đại vương, vì thế đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sanh lên ở thế gian chỉ có một vị.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi đã khéo được giảng giải bằng các ví dụ, với các lý lẽ. Ngay cả người không khôn ngoan sau khi lắng nghe điều này cũng có thể trở nên hoan hỷ, người có đại trí tuệ như là trẫm thì đâu có điều gì. Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc sanh lên của hai vị Phật" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ VIỆC DÂNG CÚNG TẤM VẢI CỦA BÀ GOTAMĪ (*Gotamiyā vatthadānapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi Dì mẫu Mahāpajāpati Gotamī đang dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa: **"Này Gotamī, hãy dâng cúng hội chúng. Khi hội chúng được bà dâng cúng,**

[3] Nguyên bản Pāḷi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 4. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa.” Thưa Ngài Nāgasena, việc đức Như Lai trong khi bản thân được người Dì mẫu của mình dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đã được bà đích thân nhuộm, đích thân chải, đích thân đập giũ, đích thân cắt, đích thân dệt, lại bảo dâng đến hội chúng, phải chăng đức Như Lai không là người quan trọng, không là bậc được kính trọng, không là bậc đáng được cúng dường so với hội chúng quý báu? Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Như Lai là vượt hẳn hội chúng quý báu, hoặc là trội hơn, hay nổi bật [nghĩ rằng]: “Khi Ta được dâng cúng thì sẽ có quả báo lớn”, đức Như Lai không bảo dâng cúng đến hội chúng tấm vải choàng tắm mưa đã được người Dì mẫu đích thân nhuộm, đích thân chải, đích thân đập giũ. Thưa Ngài Nāgasena, [hay] bởi vì đức Như Lai không thu lợi, không gom vào cho bản thân, vì thế đức Như Lai đã bảo người Dì mẫu dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng.

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến khi Dì mẫu Mahāpajāpati Gotamī đang dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa: “*Này Gotamī, hãy dâng cúng hội chúng. Khi hội chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa.*” Tuy nhiên, điều ấy không vì trạng thái không có quả thành tựu cho người có sự tôn kính, không phải vì tính chất không đáng được cúng dường của bản thân [Ngài], nhưng vì sự lợi ích, vì lòng thương tưởng [nghĩ rằng]: “Vào thời vị lai xa xôi, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng sẽ được quan tâm.” Trong khi tán dương các đức tính quả đang được nhận biết, Ngài đã nói như vầy: “Này Gotamī, hãy dâng cúng hội chúng. Khi hội chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa.”

Tâu Đại vương, giống như người cha, ngay trong khi đang còn sống, tuyên dương tánh tốt quả đang được nhận biết ở người con trai trong sự hiện diện của đức vua, ở giữa quan đại thần, nhân công, binh lính, người giữ cổng, lính gác, quần thần, dân chúng [nghĩ rằng]: “Được xác lập ở đây, thì vào thời vị lai xa xôi sẽ được tôn vinh ở giữa dân chúng.” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai vì sự lợi ích, vì lòng thương tưởng [nghĩ rằng]: “Vào thời vị lai xa xôi, sau khi Ta tịch diệt, hội chúng sẽ được quan tâm”, trong khi tuyên dương các đức tính quả đang được nhận biết, đã nói như vầy: “Này Gotamī, hãy dâng cúng hội chúng. Khi hội chúng được bà dâng cúng, chính Ta sẽ được tôn vinh và luôn cả hội chúng nữa.”

Tâu Đại vương, nhưng không phải chỉ với chừng ấy việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà hội chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật. Tâu Đại vương, giống như người mẹ và cha xức dầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ cho những đứa con trai. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với chừng ấy việc xức dầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ mà đứa con trai so với mẹ cha được gọi là trội hơn, hay nổi bật?

3. – Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người mẹ và cha có những đứa con trai thì có những việc cần phải làm không theo ý muốn, vì thế người mẹ và cha thực hiện việc xức dầu, xoa bóp, tắm rửa, kỳ cọ cho những đứa con trai.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không phải chỉ với chừng ấy việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà hội chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật. Thêm nữa, đức Như Lai, trong khi thực hiện công việc cần phải làm không theo ý muốn, đã bảo người Dì mẫu dâng cúng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam nào đó mang đến tặng phẩm cho đức vua, đức vua có thể cho tặng phẩm ấy đến người nào đó, hoặc là nhân công hoặc binh lính, hoặc tướng lãnh, hoặc vị quân sư. Tâu Đại vương, phải chăng chỉ với chừng ấy việc nhận lãnh tặng phẩm mà người đàn ông ấy so với đức vua được gọi là trội hơn, hay nổi bật?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, người đàn ông ấy là người lãnh lương của đức vua, có cuộc sống phụ thuộc vào đức vua. Trong khi đặt để vào vị trí ấy mà đức vua ban cho tặng phẩm.

4. – Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không phải chỉ với chừng ấy việc ban cho tấm vải choàng tắm mưa mà hội chúng so với đức Như Lai được gọi là trội hơn, hay nổi bật, khi ấy [hội chúng] là người lãnh lương của đức Như Lai, có cuộc sống phụ thuộc vào đức Như Lai. Trong khi đặt để vào vị trí ấy mà đức Như Lai đã bảo dâng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng. Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Như Lai đã khởi ý như vầy: "Hội chúng là xứng đáng được cúng dường từ trong bản thể, ta sẽ cúng dường đến hội chúng với khả năng của mình", nên đã bảo dâng tấm vải choàng tắm mưa đến hội chúng. Tâu Đại vương, đức Như Lai không ca ngợi sự cúng dường đến chính bản thân, khi ấy những vị nào đáng được cúng dường ở thế gian, đức Như Lai cũng ca ngợi sự cúng dường đến các vị ấy.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến trong khi tuyên dương sự thực hành về ít ham muốn ở bài giảng pháp về sự thừa tự giáo pháp ở đoạn *Varalañchaka* (*Dấu ấn cao quý*) thuộc *Majjhimanikāya* (*Trung bộ*) rằng: "Chính vị Tỳ-khưu đầu tiên ấy, đối với Ta, là đáng được cúng dường hơn và ca tụng hơn." Tâu Đại vương, ở các cõi không có chúng sanh nào so với đức Như Lai là xứng đáng được cúng dường, hoặc là trội hơn, hay nổi bật. Chính đức Như Lai là vượt hơn, trội hơn, nổi bật.

5. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được nói đến ở *Tương ưng bộ* quý báu bởi vị thiên tử Māṇavagāmika khi đứng ở phía trước đức Thế Tôn, giữa chư thiên và nhân loại rằng:

"*Trong số các núi ở Rājagaha, núi Vipula được gọi là tối thắng. Ở dãy Hy-mã-lạp, núi Seta là tối thắng. Mặt trời [là tối thắng] trong số các thiên thể. Đại dương là tối thắng trong số các biển cả. Mặt trăng [là tối thắng] trong số các vì tinh tú. Đức Phật được gọi là tối cao ở thế gian luôn cả chư thiên.*"

Tâu Đại vương, hơn nữa những lời kệ này đây đã được khéo ca, không phải vụng ca, đã được khéo thuyết, không phải vụng thuyết bởi vị thiên tử

Mānavagāmika và đã được đức Thế Tôn chấp thuận. Tâu Đại vương, quả vậy Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, cũng đã nói rằng:

"*Chỉ một việc có niềm tịnh tín ở tâm, hoặc việc nghiêng mình, chắp tay, đi đến nương nhờ nơi đức Phật, bậc có sự tiêu diệt binh đội của Ma vương, có khả năng giúp cho vượt qua [khổ đau].*"

Và đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời đã nói rằng: "*Này các Tỳ-khưu, có một nhân vật, trong khi được sanh ra ở thế gian, được sanh ra vì sự lợi ích của nhiều người, vì sự an lạc của nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân loại. Là một nhân vật nào? Đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, trong khi được sanh ra ở thế gian, được sanh ra vì sự lợi ích của nhiều người, vì sự an lạc của nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, vì sự tốt đẹp, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân loại.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc dâng cúng tấm vải của bà Gotamī" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ VIỆC THỰC HÀNH ĐÚNG ĐẮN CỦA HÀNG TẠI GIA VÀ XUẤT GIA (*Gihipabbajitasammāpaṭipattipañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, Ta khen ngợi sự thực hành đúng đắn của người tại gia hoặc của vị xuất gia. Này các Tỳ-khưu, người tại gia hoặc vị xuất gia đã thực hành đúng đắn, do kết quả của việc thực hành đúng đắn mà trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo."** Thưa Ngài Nāgasena, nếu người tại gia mặc y phục màu trắng, trong khi sinh sống có sự thọ hưởng các dục, có việc nằm chen chúc với vợ và con, trong khi hưởng thụ vải kāsi và trầm hương, trong khi đeo tràng hoa, vật thơm và vật thoa, trong khi ưng thuận vàng và bạc, buộc búi tóc có trang điểm ngọc ma-ni và vàng, đã thực hành đúng đắn và trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo; còn vị xuất gia, đầu được cạo, mặc y ca-sa, đi đến khất thực ở những người khác, có sự thực hành trọn vẹn đúng đắn bốn giới uẩn, thọ lãnh và hành trì một trăm năm mươi điều học, hành trì không thiếu sót mười ba hạnh từ khước, đã thực hành đúng đắn thì cũng trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo. Thưa Ngài, ở đây người tại gia hoặc vị xuất gia có cái gì là khác biệt? Có phải việc hành khổ hạnh là không có kết quả, việc xuất gia là không có lợi ích, việc gìn giữ các điều học là vô ích, sự thọ trì các hạnh từ khước là rồ dại? Ở đây, có gì với việc theo đuổi sự khó khăn? Chẳng phải là sự an lạc có thể được chứng đạt bằng chính sự an lạc?

2. – Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **"Này các Tỳ-khưu, Ta khen ngợi sự thực hành đúng đắn của người tại gia hoặc của vị xuất gia. Này các Tỳ-khưu, người tại gia hoặc vị xuất gia đã thực hành**

đúng đắn, do kết quả của việc thực hành đúng đắn mà trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo."

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chỉ có người đã thực hành đúng đắn là hạng nhất. Tâu Đại vương, thậm chí vị xuất gia [nghĩ rằng]: "Ta là vị xuất gia" rồi không thực hành đúng đắn, thì vị ấy bị xa rời bản thể Sa-môn, bị xa rời phẩm vị Bà-la-môn; không cần đề cập đến người tại gia mặc y phục màu trắng. Tâu Đại vương, ngay cả người tại gia đã thực hành đúng đắn cũng trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo. Tâu Đại vương, luôn cả vị xuất gia đã thực hành đúng đắn cũng trở nên người thành tựu thiện pháp đúng theo Thánh đạo.

Tâu Đại vương, thêm nữa chính vị xuất gia là chúa tể, là người chủ của bản thể Sa-môn. Tâu Đại vương, việc xuất gia là có nhiều đức tính, có vô số đức tính, có vô lượng đức tính, không thể thực hiện việc đo lường đức tính của việc xuất gia.

Tâu Đại vương, giống như không thể thực hiện việc đo lường giá trị bằng tài sản đối với bảo ngọc ma-ni, vật ban cho điều ước, là: "Giá tiền của viên bảo ngọc ma-ni là chừng này." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc xuất gia là có nhiều đức tính, có vô số đức tính, có vô lượng đức tính, không thể thực hiện việc đo lường đức tính của việc xuất gia.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như không thể thực hiện việc đo lường các làn sóng ở đại dương rằng: "Các làn sóng ở đại dương là chừng này." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc xuất gia là có nhiều đức tính, có vô số đức tính, có vô lượng đức tính, không thể thực hiện việc đo lường đức tính của việc xuất gia.

Tâu Đại vương, đối với vị xuất gia điều gì cần phải làm, tất cả mọi việc ấy được thành tựu thật nhanh chóng, không lâu lắc. Vì lý do gì? Tâu Đại vương, vị xuất gia ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không giao du, có sự nỗ lực tinh tấn, không mong cầu, không nhà ở, có giới tròn đủ, có hạnh giảm thiểu, thiện xảo việc thực hành các pháp từ khước. Vì lý do ấy, đối với vị xuất gia điều gì cần phải làm, tất cả mọi việc ấy được thành tựu thật nhanh chóng, không lâu lắc. Tâu Đại vương, giống như mũi tên, không sần sùi, bằng phẳng, khéo được làm sạch, ngay thẳng, không vết nhơ, được bắn ra khéo léo thì di chuyển chính xác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với vị xuất gia điều gì cần phải làm, tất cả mọi việc ấy được thành tựu thật nhanh chóng, không lâu lắc.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc thực hành đúng đắn của hàng tại gia và xuất gia" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ SỰ SAI TRÁI TRONG ĐƯỜNG LỐI THỰC HÀNH (*Paṭipadādosapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, khi đức Bồ-tát thực hiện hành động khó thực

hành [khổ hạnh], không nơi nào khác đã có sự nỗ lực, sự cố gắng, sự chiến đấu với phiền não, sự làm tiêu tan đạo binh của thần chết, sự kiêng vật thực, các hành động khó thực hành như thế này. Ở sự gắng sức có hình thức như thế, đức Bồ-tát đã không đạt được bất cứ sự khoái lạc nào, đã bỏ rơi chính tâm ý ấy, và đã nói như vầy: "Tuy nhiên, với việc khổ hạnh dữ dội này Ta không chứng đắc các pháp thượng nhân, là pháp đặc biệt thuộc về trí tuệ và sự thấy biết xứng đáng bậc Thánh. Có thể có chăng đạo lộ nào khác đưa đến giác ngộ?" Sau khi nhàm chán với việc ấy, bằng một đạo lộ khác Ngài đã đạt đến bản thể toàn tri, rồi cũng vẫn chỉ dạy, khuyến khích các đệ tử về đường lối thực hành ấy rằng:

"Các ngươi hãy nỗ lực, hãy cố gắng, hãy gắn bó vào lời dạy của đức Phật. Các ngươi hãy dẹp bỏ đạo binh của thần chết, tợ như con voi phá bỏ căn chòi bằng lau sậy."[4]

Thưa Ngài Nāgasena, bởi vì lý do gì, đức Thế Tôn lại chỉ dạy, khuyến khích các đệ tử về đường lối thực hành mà bản thân Ngài đã nhàm chán, có vẻ không còn quyến luyến về việc ấy?

2. – Tâu Đại vương, lúc ấy cũng như hiện nay, việc ấy vẫn là đường lối thực hành. Sau khi thực hành chính đường lối thực hành ấy, đức Bồ-tát đã đạt đến bản thể toàn tri. Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Bồ-tát trong khi thực hành tinh tấn tột độ đã ngưng lại vật thực không còn chút gì, do việc buộc ngưng lại vật thực của vị ấy mà sự yếu đuối của tâm đã sanh khởi. Do sự yếu đuối ấy, vị ấy đã không thể đạt được bản thể toàn tri. Trong khi sử dụng lại từng chút từng chút vật thực đã được vắt thành nắm, rồi với chính đường lối thực hành ấy không bao lâu sau, vị ấy đã đạt được bản thể toàn tri. Tâu Đại vương, chính đường lối thực hành ấy đưa đến sự đạt được trí toàn tri của tất cả các đức Như Lai.

Tâu Đại vương, giống như vật thực là sự nâng đỡ cho tất cả chúng sanh, được nương tựa vào vật thực mà tất cả chúng sanh nhận được sự an lạc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chính đường lối thực hành ấy đưa đến sự đạt được trí toàn tri của tất cả các đức Như Lai. Tâu Đại vương, sự sai trái khiến đức Như Lai vào thời điểm ấy đã không đạt được trí toàn tri không phải ở sự nỗ lực, không phải ở sự cố gắng, không phải ở sự chiến đấu với phiền não; nhưng sự sai trái ấy chính là ở việc buộc ngưng lại vật thực. Chính đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng.

Tâu Đại vương, giống như người nam có thể đi rất nhanh đoạn đường dài, vì thế người ấy có thể bị tổn thương một bên [hông], hoặc có sự đi khập khiễng không tự đi lại được ở trên bề mặt trái đất. Tâu Đại vương, chẳng lẽ đại địa cầu cũng có sự sai trái khiến cho người nam ấy đã bị tổn thương một bên [hông]?

– Thưa Ngài, không đúng. Thưa Ngài, đại địa cầu luôn luôn được sẵn sàng. Do đâu mà nó có sự sai trái? Sự sai trái ấy chính là ở sự ra sức, vì nó mà người nam ấy đã tổn thương một bên [hông].

---

[4] Câu kệ này được thấy ở *Theragāthāpāḷi* (*Trưởng lão kệ*), do Trưởng lão Abhibhūta nói lên (*TTPV*, tập 31, trang 91, câu kệ 256).

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự sai trái khiến đức Như Lai vào thời điểm ấy đã không đạt được trí toàn tri không phải ở sự nỗ lực, không phải ở sự cố gắng, không phải ở sự chiến đấu với phiền não; nhưng sự sai trái ấy chính là ở việc buộc ngưng lại vật thực. Chính đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam quấn vào tấm vải choàng bị lấm lem, người ấy không cho giặt sạch nó; sự sai trái ấy không phải là của nước; nước luôn luôn được sẵn sàng. Sự sai trái ấy là của chính người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, sự sai trái khiến đức Như Lai vào thời điểm ấy đã không đạt được trí toàn tri không phải ở sự nỗ lực, không phải ở sự cố gắng, không phải ở sự chiến đấu với phiền não; nhưng sự sai trái ấy chính là ở việc buộc ngưng lại vật thực. Chính đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng. Vì thế, đức Như Lai chỉ dạy, khuyến khích các đệ tử về chính đường lối thực hành ấy. Tâu Đại vương, như vậy đường lối thực hành ấy luôn luôn được sẵn sàng, không có tội lỗi.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về sự sai trái trong đường lối thực hành” là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ VIỆC TRỞ LẠI ĐỜI SỐNG TẠI GIA TẦM THƯỜNG (*Hīnāyāvattanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, giáo pháp này của đức Như Lai là vĩ đại, có lõi, cao quý, tối thượng, ưu tú, không thể sánh bằng, thanh tịnh, vô nhiễm, trong trắng, không chê trách được, không thích hợp để cho người vẫn còn tại gia xuất gia. Người tại gia sau khi đã hướng dẫn đến một quả vị, khi nào có sự không quay trở lại nữa, khi ấy mới nên cho người ấy xuất gia. Vì lý do gì? Những người này vẫn còn là người xấu, sau khi xuất gia ở đây, trong giáo pháp trong sạch, sẽ quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường. Với việc đi ngược trở lại của những người này, đám đông dân chúng này suy nghĩ như vầy: “Giáo pháp này của Sa-môn Gotama quả là rỗng không, khiến những người này quay lui.” Ở đây, điều này là lý do.

2. – Tâu Đại vương, giống như hồ nước được tràn đầy nước sạch, không dơ, mát mẻ; rồi người nào đó bị lấm lem, bị vấy bụi bặm và bùn đất sau khi đi đến hồ nước ấy không tắm rửa, rồi quay lui, vẫn còn bị lấm lem. Tâu Đại vương, trong trường hợp ấy dân chúng nên chê trách ai, kẻ bị lấm lem hay là hồ nước?

– Thưa Ngài, dân chúng nên chê trách kẻ bị lấm lem rằng: “Người này sau khi đi đến hồ nước ấy không tắm rửa, rồi quay lui, vẫn còn bị lấm lem. Làm sao hồ nước tự nó sẽ tắm rửa cho kẻ không có ý định tắm rửa này? Vậy có điều sai trái gì đối với hồ nước?”

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai đã tạo ra hồ nước cao quý là Chánh pháp, được tràn đầy nước cao quý là sự giải thoát [nghĩ rằng]:

"Những người nào đó bị lấm lem bụi bặm phiền não, có suy tư, có trí tuệ, những người ấy sau khi tắm rửa ở đây sẽ tẩy sạch tất cả các phiền não." Nếu người nào đó sau khi đi đến hồ nước Chánh pháp cao quý ấy không tắm rửa, rồi quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường, vẫn còn phiền não. Dân chúng sẽ chê trách chính kẻ ấy rằng: "Người này sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không đạt được chỗ đứng ở nơi ấy nên đã trở lại đời sống tại gia tầm thường. Làm sao giáo pháp của đấng Chiến Thắng sẽ tự mình làm trong sạch kẻ không thực hành này được? Vậy có điều sai trái gì đối với giáo pháp của đấng Chiến Thắng?"

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị bệnh trầm trọng, sau khi gặp người thầy thuốc giải phẫu, rành rẽ về nguyên nhân gây bệnh, có sự chữa trị hiệu quả và lâu dài, lại không cho chữa trị, rồi quay lui, vẫn còn bị bệnh. Trong trường hợp ấy dân chúng nên chê trách ai, kẻ bị bệnh hay là người thầy thuốc?

– Thưa Ngài, dân chúng nên chê trách kẻ bị bệnh rằng: "Người này sau khi gặp người thầy thuốc giải phẫu, rành rẽ về nguyên nhân gây bệnh, có sự chữa trị hiệu quả và lâu dài, lại không cho chữa trị, rồi quay lui, vẫn còn bị bệnh. Làm sao người thầy thuốc tự mình sẽ chữa trị cho kẻ không chịu để cho chữa trị này? Vậy có điều sai trái gì đối với người thầy thuốc?"

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai đã bỏ vào bên trong cái hộp giáo pháp phương thuốc bất tử có khả năng làm yên lặng toàn bộ tất cả căn bệnh phiền não [nghĩ rằng]: "Những người nào đó bị hành hạ bởi căn bệnh phiền não, có suy tư, có trí tuệ, những người ấy sau khi uống vào phương thuốc bất tử này sẽ làm yên lặng mọi căn bệnh phiền não." Nếu người nào đó sau khi không uống vào phương thuốc bất tử ấy, rồi quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường, vẫn còn phiền não. Dân chúng sẽ chê trách chính kẻ ấy rằng: "Người này sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không đạt được chỗ đứng ở nơi ấy nên đã trở lại đời sống tại gia tầm thường. Làm sao giáo pháp của đấng Chiến Thắng sẽ làm trong sạch kẻ không thực hành này được? Vậy có điều sai trái gì đối với giáo pháp của đấng Chiến Thắng?"

4. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam bị đói, sau khi đi đến nơi phân phát vật thực phước thiện lớn lao, lại không ăn vật thực ấy, rồi quay lui, vẫn còn bị đói. Trong trường hợp ấy dân chúng nên chê trách ai, kẻ bị đói hay là vật thực phước thiện?

– Thưa Ngài, dân chúng nên chê trách kẻ bị đói: "Người này, bị hành hạ bởi cơn đói, sau khi nhận lãnh vật thực phước thiện không ăn, rồi quay lui, vẫn còn bị đói. Làm sao vật thực tự nó sẽ đi vào miệng của kẻ không ăn này được? Vậy có điều sai trái gì đối với vật thực?"

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Như Lai đã để vào bên trong cái hộp giáo pháp món vật thực niệm đặt ở thân cao quý tột bậc, yên tịnh, an toàn, hảo hạng, bất tử, ngọt ngào tột bậc [nghĩ rằng]: "Những người nào đó bị đói ở nội phần do phiền não, có tâm bị chế ngự bởi tham ái, có suy tư, có trí tuệ,

những người ấy sau khi thọ dụng vật thực này sẽ xa lìa tất cả tham ái ở dục giới, sắc giới và vô sắc giới." Nếu người nào đó sau khi không ăn vật thực ấy, rồi quay lui, trở lại đời sống tại gia tầm thường, vẫn còn bị ràng buộc bởi tham ái. Dân chúng sẽ chê trách chính kẻ ấy rằng: "Người này sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không đạt được chỗ đứng ở nơi ấy nên đã trở lại đời sống tại gia tầm thường. Làm sao giáo pháp của đấng Chiến Thắng sẽ làm trong sạch kẻ không thực hành này được? Vậy có điều sai trái gì đối với giáo pháp của đấng Chiến Thắng?"

5. Tâu Đại vương, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, thế chẳng phải việc xuất gia này nhằm đưa đến việc dứt bỏ phiền não hay đưa đến sự thanh tịnh? Và không có việc gì cần phải làm với việc xuất gia? Tâu Đại vương, giống như người nam sau khi cho đào cái hồ nước bằng hàng trăm lao động rồi thông báo đến tập thể như vầy: "Này quý ông, chớ để bất cứ những ai bị lấm lem bước xuống hồ nước này của tôi. Hãy để cho những người có bụi bặm dơ dáy đã được tẩy uế, trong sạch, đã kỳ cọ vết nhơ bước xuống hồ nước này." Tâu Đại vương, phải chăng những người có bụi bặm dơ dáy đã được tẩy uế, trong sạch, đã kỳ cọ vết nhơ ấy là có việc cần làm với cái hồ nước ấy?

6. – Thưa Ngài, không đúng. Với mục đích nào mà những người ấy đi đến hồ nước ấy, việc cần làm ấy của những người ấy đã được làm ở tại nơi khác rồi. Họ còn có việc gì với hồ nước ấy?

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, chính ở trường hợp ấy việc cần phải làm của những người ấy đã được làm xong. Họ còn có việc gì với việc xuất gia? Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc giải phẫu, người phục vụ tín cẩn của các vị ẩn sĩ, có sự ghi nhớ các chú thuật và các đoạn kệ ngôn đã được nghe, không là kẻ ngớ ngẩn, rành rẽ về nguyên nhân gây bệnh, có sự chữa trị hiệu quả và lâu dài, sau khi gom lại các loại thuốc men làm yên lặng tất cả các căn bệnh rồi thông báo đến tập thể như vầy: "Này quý ông, chớ để bất cứ những ai có bệnh đi đến gặp tôi. Hãy để cho những người không có bệnh, không ốm đau đi đến gặp tôi." Tâu Đại vương, phải chăng những người không có bệnh, không ốm đau, được toàn vẹn, được hưng phấn ấy là có việc cần làm với người thầy thuốc ấy?

7. – Thưa Ngài, không đúng. Với mục đích nào mà những người ấy đi đến người thầy thuốc ấy, việc cần làm ấy của những người ấy đã được làm ở tại nơi khác rồi. Họ còn có việc gì với người thầy thuốc ấy?

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, chính ở trường hợp ấy việc cần phải làm của những người ấy đã được làm xong. Họ còn có việc gì với việc xuất gia?

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam nào đó, sau khi cho chuẩn

bị bữa ăn hàng trăm đĩa cơm sữa, rồi thông báo đến tập thể như vầy: "Này quý ông, chớ để bất cứ những ai bị đói đi đến nơi phát chẩn này. Hãy để cho những người đã được ăn no, được thỏa mãn, được thừa thãi, no nê, cường tráng, đầy đủ đi đến nơi phát chẩn này." Tâu Đại vương, phải chăng những người đã ăn xong, được thỏa mãn, được thừa thãi, no nê, cường tráng, đầy đủ ấy là có việc gì cần làm với bữa ăn ấy?

8. – Thưa Ngài, không đúng. Với mục đích nào mà những người ấy đi đến nơi phát chẩn ấy, việc cần làm ấy của những người ấy đã được làm ở tại nơi khác rồi. Họ còn có việc gì với nơi phát chẩn ấy?

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nếu đức Như Lai cho xuất gia chỉ riêng người tại gia [nào] đã được hướng dẫn đến một quả vị, chính ở trường hợp ấy việc cần phải làm của những người ấy đã được làm xong. Họ còn có việc gì với việc xuất gia? Tâu Đại vương, phải chăng những người nào trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy phô bày năm đức tính không thể so sánh ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Năm đức tính nào? Họ phô bày tính chất vĩ đại của lãnh địa, phô bày tính chất thanh tịnh không ô nhiễm, phô bày tính chất không sống chung với những kẻ ác, phô bày tính chất khó thấu triệt, phô bày tính chất cần được bảo vệ với nhiều sự thu thúc.

9. Họ phô bày tính chất vĩ đại của lãnh địa là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như người nam không có tài sản, dòng dõi thấp kém, tầm thường, thấp thỏi về trí tuệ, sau khi đạt được vương quốc rộng lớn, không bao lâu sau sẽ sụp đổ, tiêu hoại, suy giảm về danh vọng, không thể duy trì vương quyền. Vì lý do gì? Vì tính chất vĩ đại của vương quyền. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó là tầm thường, không có phước báu đã tạo, thấp thỏi về trí tuệ, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy trong khi không thể duy trì việc xuất gia cao quý và tối thượng ấy, không bao lâu sau từ giáo pháp của đấng Chiến Thắng họ sụp đổ, tiêu hoại, suy giảm, trở lại đời sống tại gia tầm thường, không thể duy trì giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Vì lý do gì? Vì tính chất vĩ đại của lãnh địa giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bày tính chất vĩ đại của lãnh địa là như thế ấy.

10. Họ phô bày tính chất thanh tịnh không ô nhiễm là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như nước ở lá sen sẽ phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, rồi mất dạng, không bám víu. Vì lý do gì? Vì tính chất thanh tịnh không ô nhiễm của loài sen. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó là gian trá, giả dối, cong quẹo, quanh co, có quan điểm không ổn định, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy không bao lâu sau từ giáo pháp thanh tịnh không ô nhiễm, không gai góc, trong trắng, cao quý và ưu tú, sẽ phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ vững, không bám víu, trở lại đời sống tại gia tầm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất thanh tịnh không ô nhiễm ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bày tính chất thanh tịnh không ô nhiễm là như thế ấy.

11. Họ phô bày tính chất không sống chung với những kẻ ác là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền. Vì lý do gì? Vì việc cư trú của các chúng sanh to lớn ở nơi biển cả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó có bản tánh không thu thúc, vô liêm sỉ, không nghiêm chỉnh, có sự tinh tấn yếu ớt, biếng nhác, ô uế, đê tiện, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy không bao lâu sau sẽ lìa khỏi giáo pháp của đấng Chiến Thắng, khỏi nơi cư trú của các chúng sanh to lớn, các bậc A-la-hán, vô nhiễm, lậu tận, không cộng trú và trở lại đời sống tại gia tầm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất không sống chung với những kẻ ác ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bày tính chất không sống chung với những kẻ ác là như thế ấy.

12. Họ phô bày tính chất khó thấu triệt là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như những người nào đó là cung thủ, không thành thạo, không được học tập, không rành nghề, không tập trung tâm, trong khi không thể xuyên thủng đầu của cọng tóc, buông rơi [cung], bỏ đi. Vì lý do gì? Vì tính chất tinh vi, tế nhị, khó xuyên thủng của đầu cọng tóc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó có tuệ tồi, ngu xuẩn, ngớ ngẩn, si mê, điệu bộ chậm chạp, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy trong khi không thể xuyên thủng việc thấu triệt ấy đối với bốn chân lý vô cùng tinh vi, tế nhị, buông rơi giáo pháp của đấng Chiến Thắng, bỏ đi, không bao lâu sau trở lại đời sống tại gia tầm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất vô cùng tinh vi, tế nhị, khó thấu triệt của bốn chân lý. Họ phô bày tính chất khó thấu triệt là như thế ấy.

13. Họ phô bày tính chất cần được bảo vệ với nhiều sự thu thúc là như thế nào? Tâu Đại vương, giống như người nam nào đó đi đến gần bãi chiến trường lớn lao vĩ đại rồi bị bao vây chung quanh khắp các hướng chính hướng phụ bởi đội quân địch, sau khi nhìn thấy người tay cầm gươm đang tiến đến gần thì hoảng sợ, thối lui, quay trở lại, đào tẩu. Vì lý do gì? Vì nỗi sợ hãi trong việc bảo vệ các tiền tuyến của cuộc chiến đấu đa dạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào đó có bản tánh không thu thúc, vô liêm sỉ, không nghiêm chỉnh, không nhẫn nại, thất thường, bị dao động, hay thay đổi, là những người ngu dốt, xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những người ấy trong khi không thể bảo vệ trọn vẹn điều học có nhiều loại, thì thối lui, quay trở lại, đào tẩu, không bao lâu sau thì trở lại đời sống tại gia tầm thường. Vì lý do gì? Vì tính chất cần được bảo vệ sự thu thúc có nhiều loại thuộc giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Họ phô bày tính chất cần được bảo vệ với nhiều sự thu thúc là như thế ấy.

14. Tâu Đại vương, ở bụi hoa nhài trâu, dầu là hạng nhất trong số các loài hoa mọc ở đất bằng, cũng có những bông hoa bị sâu ăn, những chồi non ấy, bị quắn lại, rồi rơi rụng chính vì sự hư hoại. Nhưng không vì chúng bị rơi rụng mà bụi hoa nhài bị xem thường. Những bông hoa nào còn tồn tại ở nơi ấy, chúng

tỏa khắp các hướng chính phụ với hương thơm chân chánh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng có giới không còn phẩm chất và hình tướng, ví như những bông hoa nhài bị sâu ăn, mất đi màu sắc và hương thơm, không thể đưa đến sự phát triển trọn vẹn. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tầm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn tồn tại ở nơi ấy, các vị ấy tỏa khắp thế gian luôn cả cõi trời với hương thơm cao quý của giới.

Tâu Đại vương, có loại lúa sāli tên là karumbhaka, sau khi mọc lên ở khoảng giữa của các giống lúa sāli gạo đỏ không bị èo oặt, rồi bị tiêu hoại lúc còn ở giai đoạn giữa chừng. Nhưng không vì việc bị tiêu hoại của loại lúa ấy mà giống lúa sāli gạo đỏ bị xem thường. Những lúa sāli nào còn tồn tại ở nơi ấy, chúng là vật thực của đức vua. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy, ví như karumbhaka ở khoảng giữa của các loại lúa sāli gạo đỏ, sau khi tăng trưởng không đạt đến sự phát triển trọn vẹn ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng, rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường từ ở chính khoảng giữa. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tầm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn tồn tại ở nơi ấy, các vị ấy là thích đáng đối với phẩm vị A-la-hán.

15. Tâu Đại vương, viên bảo ngọc ma-ni, vật ban cho điều ước có một phần sần sùi sanh khởi. Nhưng không vì việc bị sanh khởi phần sần sùi ở chỗ ấy mà viên bảo ngọc ma-ni bị xem thường. Phần nào ở chỗ ấy của viên bảo ngọc ma-ni là trong suốt, phần ấy có sự tạo ra niềm vui thích cho dân chúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy là lớp vỏ ngoài sần sùi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tầm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn tồn tại ở nơi ấy, các vị ấy có sự tạo ra niềm vui thích cho chư thiên và nhân loại.

Tâu Đại vương, trầm hương màu đỏ chánh tông có một phần bị hư hỏng, [không có mùi thơm. Nhưng không vì việc ấy mà trầm hương màu đỏ bị xem thường.][5] Phần nào ở chỗ ấy là không hư hỏng, có mùi thơm, phần ấy xông khói, tỏa khắp xung quanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng rồi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng, ví như phần bị hư hỏng ở giữa lõi trầm hương màu đỏ, đáng được quăng bỏ. Nhưng không vì việc trở lại đời sống tại gia tầm thường của những người ấy mà giáo pháp của đấng Chiến Thắng bị xem thường. Các vị Tỳ-khưu nào còn tồn tại ở

[5] Đoạn này được thêm vào từ văn bản Pāḷi của Miến Điện và PTS. (ND)

nơi ấy, các vị ấy bôi xức thế gian luôn cả cõi trời với mùi thơm của trầm hương quý giá là giới.

16. – Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Bằng lý lẽ thích đáng với mỗi một trường hợp, tương xứng với mỗi một trường hợp, sự không có lỗi lầm đã được ghi nhận, giáo pháp của đấng Chiến Thắng với bản thể tối thượng đã được làm sáng tỏ. Thậm chí trong khi trở lại đời sống tại gia tầm thường, những người ấy cũng làm sáng tỏ chính bản thể tối thượng thuộc về giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

"Câu hỏi về việc trở lại đời sống tại gia tầm thường" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ SỰ NHẬN BIẾT CẢM THỌ CỦA VỊ A-LA-HÁN
(*Arahato vedanāvediyanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: **"Vị A-la-hán nhận biết một cảm thọ, thuộc thân không thuộc tâm."** Thưa Ngài Nāgasena, việc mà tâm của vị A-la-hán vận hành nương vào thân, vậy có phải vị A-la-hán không phải là chúa tể, không phải là người chủ, không có quyền hành ở nơi ấy?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, việc vị ấy không phải là chúa tể, không phải là người chủ, không có quyền hành đối với tâm của mình trong khi thân đang được vận hành là không đúng. Thậm chí con chim cho đến khi nào còn trú ở nơi tổ chim thì nó là chúa tể, là người chủ, là có quyền hành ở nơi ấy.

2. – Tâu Đại vương, mười pháp này đi theo thân, chạy theo, vận hành theo thân ở mỗi một kiếp sống. Mười pháp nào? Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, dã dượi buồn ngủ, già, bệnh, chết. Tâu Đại vương, đây là mười pháp đi theo thân, chạy theo, vận hành theo thân ở mỗi một kiếp sống. Vị A-la-hán không phải là chúa tể, không phải là người chủ, không có quyền hành ở nơi ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà đối với vị A-la-hán, mệnh lệnh hay là uy quyền không vận hành ở thân? Về việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do.

– Tâu Đại vương, giống như những chúng sanh nào đó là được nương tựa vào trái đất, tất cả bọn họ nương vào trái đất mà di chuyển, sinh sống, quyết định lối cư xử. Tâu Đại vương, phải chăng mệnh lệnh hay là uy quyền của những người ấy vận hành ở trái đất?

– Thưa Ngài, tất nhiên không.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của vị A-la-hán vận hành nương vào thân. Tuy nhiên, đối với vị A-la-hán mệnh lệnh hay là uy quyền không vận hành ở thân.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà phàm nhân nhận biết cảm thọ thuộc thân luôn cả thuộc tâm?

– Tâu Đại vương, vì tính chất không được tu tập của tâm khiến phàm nhân nhận biết cảm thọ thuộc thân luôn cả thuộc tâm. Tâu Đại vương, giống như con

bò đực bị đói, bị run rẩy, có thể được buộc lại bằng những cọng cỏ không chắc, yếu ớt, nhỏ nhắn, hoặc bằng sợi dây leo. Khi nào con bò đực ấy bị kích động, khi ấy nó ra đi cùng với sợi dây buộc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với tâm chưa được tu tập, cảm thọ sau khi sanh khởi thì làm cho tâm bị kích động. Tâm bị kích động thì uốn cong thân, vặn vẹo, làm thân xoay chuyển. Và người ấy, với tâm chưa được tu tập, run rẩy, kêu lên, thét lên tiếng kêu ghê rợn. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy phàm nhân nhận biết cảm thọ thuộc thân luôn cả thuộc tâm.

– Thưa Ngài, vì lý do gì mà vị A-la-hán nhận biết một cảm thọ, thuộc thân không thuộc tâm?

– Tâu Đại vương, tâm của vị A-la-hán là đã được tu tập, đã khéo được tu tập, đã được rèn luyện, đã khéo được rèn luyện, biết nghe, có sự phục tùng. Vị ấy, trong khi bị tiếp xúc với cảm thọ khổ, nắm chắc ý nghĩ rằng: "Là vô thường", rồi buộc tâm vào cột trụ của định. Được buộc chặt vào cột trụ của định, tâm ấy của vị ấy không rung chuyển, không dao động, được vững chãi, không bị tán loạn. Tuy nhiên, do sự lan rộng sức khuấy rối của cảm thọ, thân của vị ấy uốn cong, vặn vẹo, xoay chuyển. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy vị A-la-hán nhận biết một cảm thọ, thuộc thân không thuộc tâm.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, về việc trong khi thân dao động mà tâm không dao động được gọi là điều kỳ diệu ở thế gian. Về việc này, xin Ngài hãy nói cho trẫm lý do.

– Tâu Đại vương, giống như ở cội cây to lớn khổng lồ có đầy đủ thân, cành cây và lá cây, khi bị vùi dập bởi sức mạnh của gió thì cành cây dao động, phải chăng thân của cây cũng dao động?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị A-la-hán trong khi bị tiếp xúc với cảm thọ khổ, nắm chắc ý nghĩ rằng: "Là vô thường", rồi buộc tâm vào cột trụ của định. Được buộc chặt vào cột trụ của định, tâm ấy của vị ấy không rung chuyển, không dao động, được vững chãi, không bị tán loạn. Do sự lan rộng sức khuấy rối của cảm thọ, thân của vị ấy uốn cong, vặn vẹo, xoay chuyển. Tuy nhiên, tâm của vị ấy không rung chuyển, không dao động, tợ như thân của cội cây to lớn vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Ngọn đèn giáo pháp có hình thức như vầy vào mọi lúc là chưa từng được thấy trước đây bởi trẫm.

"Câu hỏi về sự nhận biết cảm thọ của vị A-la-hán" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ CHƯỚNG NGẠI CỦA SỰ CHỨNG NGỘ
(*Abhisamayantarāyapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, ở đây có người tại gia nào đó phạm tội cực

nặng,[6] người ấy vào lúc khác xuất gia, người ấy tự mình cũng không biết rằng: "Khi là người tại gia, ta đã phạm tội cực nặng"; cũng không có ai nói cho người ấy rằng: "Khi là người tại gia, ngươi đã phạm tội cực nặng." Và người ấy thực hành để chứng đạt Niết-bàn, phải chăng đối với người ấy có thể có sự chứng ngộ giáo pháp?

– Tâu Đại vương, không có.

– Thưa Ngài, vì lý do gì?

– Điều kiện đưa đến sự chứng ngộ giáo pháp của người ấy đã bị đứt đoạn đối với người ấy, do đó không có sự chứng ngộ giáo pháp.

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Đối với người biết thì có sự hối hận. Khi có sự hối hận thì có sự che lấp, khi tâm bị che lấp thì không có sự chứng ngộ giáo pháp." Tuy nhiên, người này trong khi không biết thì đã không sanh lòng hối hận, sống có tâm an tịnh, vì lý do gì mà đối với người này thì không có sự chứng ngộ giáo pháp? Câu hỏi này quanh co khúc mắc. Xin Ngài suy nghĩ rồi hãy trả lời.

– Tâu Đại vương, có phải hạt giống có phẩm chất, được ủ tốt đẹp sẽ nảy mầm ở thửa ruộng màu mỡ, được cày kỹ lưỡng, có bùn non?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, phải chăng chính hạt giống ấy có thể nảy mầm ở bề mặt tảng đá cứng?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao cũng hạt giống ấy lại nảy mầm ở bãi bùn, tại sao lại không nảy mầm ở tảng đá cứng?

2. – Thưa Ngài, điều kiện cho việc nảy mầm của hạt giống ấy không có ở tảng đá cứng. Do không có điều kiện, hạt giống không nảy mầm.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với điều kiện nào mà người ấy có sự chứng ngộ giáo pháp, điều kiện ấy đối với người ấy đã bị trừ tuyệt. Do không có điều kiện thì không có sự chứng ngộ giáo pháp. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ đi đến việc trụ lại ở trái đất, phải chăng chính các cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ ấy đi đến việc trụ lại ở không trung?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy chính các cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ ấy đi đến việc trụ lại ở trái đất? Vì lý do gì chúng không trụ lại ở không trung?

– Thưa Ngài, điều kiện cho việc trụ lại của các cây gậy, cục đất, cây côn, cái vồ ấy không có ở không trung. Do không có điều kiện, chúng không trụ lại.

---

[6] Tội cực nặng là từ dịch của từ *pārājika* ở văn bản Pāḷi. Tuy nhiên, tội *pārājika* chỉ dành riêng cho Tỳ-khưu (4 điều) và Tỳ-khưu-ni (8 điều), không thấy được áp dụng cho người tại gia; vì thế không xác định được bao gồm những tội nào. Có 2 bản dịch tiếng Anh ghi là: Tội giết mẹ, tội giết cha, tội giết A-la-hán, tội làm nhơ Tỳ-khưu-ni, tội làm chảy máu (đức Phật), nhưng không xác quyết. Vì thế tạm dịch tội *pārājika* ở trường hợp này là tội cực nặng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tội lỗi ấy điều kiện của sự chứng ngộ đã bị đứt đoạn đối với người ấy. Khi điều kiện đã bị tiêu diệt, do không có điều kiện thì không có sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như ngọn lửa phát cháy ở đất bằng, tâu Đại vương, phải chăng chính ngọn lửa ấy phát cháy ở trong nước?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì ở đây điều gì là lý do mà với lý do ấy chính ngọn lửa ấy phát cháy ở đất bằng? Vì lý do gì nó không phát cháy ở trong nước?

– Thưa Ngài, điều kiện cho việc phát cháy của ngọn lửa không có ở trong nước. Do không có điều kiện, nó không phát cháy.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, do tội lỗi ấy điều kiện của sự chứng ngộ đã bị đứt đoạn đối với người ấy. Khi điều kiện đã bị tiêu diệt, do không có điều kiện thì không có sự chứng ngộ.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài hãy suy nghĩ lại về ý nghĩa này. Trẫm không có sự tin chắc ở tâm về trường hợp ấy là: "Đối với người không biết, khi không có sự hối hận, lại có sự che lấp." Hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ.

– Tâu Đại vương, phải chăng chất độc dữ dội đã được ăn vào mặc dầu không biết, cũng lấy đi mạng sống?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, phải chăng ngọn lửa cũng thiêu đốt người bước lên mà không biết?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, phải chăng rắn độc sau khi cắn người không biết [bản thân đã bị rắn cắn] cũng lấy đi mạng sống?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc ác đã được làm mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ. Tâu Đại vương, quả là Samaṇakolañña, vua xứ Kāliṅga, được tùy tùng với bảy báu vật, sau khi cỡi lên con voi báu, trong khi đi đến thăm gia đình, mặc dầu không biết cũng đã không thể di chuyển phía bên trên khu vực cội cây Bồ-đề. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy việc ác đã được làm, mặc dầu không biết, cũng là việc tạo ra chướng ngại cho sự chứng ngộ.

– Thưa Ngài Nāgasena, không thể bác bỏ lý do đã được đấng Chiến Thắng giảng giải. Điều này đúng là ý nghĩa của việc ấy. Trẫm chấp nhận như thế.

"Câu hỏi về chướng ngại của sự chứng ngộ" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ GIỚI HẠNH TỒI (*Dussīlapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, cái gì là sự phân biệt giữa người tại gia phá giới[7] và của Sa-môn phá giới? Cái gì là sự khác biệt? Có phải cả hai hạng này đều có cảnh giới tái sanh giống nhau? Có phải cả hai đều có quả thành tựu giống nhau? Hay là có cái gì đó khác nhau?

– Tâu Đại vương, mười đức tính này của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới. Và sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do. Mười đức tính nào của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới?

Tâu Đại vương, ở đây vị Sa-môn phá giới có sự tôn kính đức Phật, có sự tôn kính giáo pháp, có sự tôn kính hội chúng, có sự tôn kính những vị hành Phạm hạnh, ra sức trong việc đọc tụng và học hỏi, có nhiều sự lắng nghe [đa văn]; tâu Đại vương, vị có giới bị hỏng, có giới tồi, đi đến tập thể cũng thể hiện tư cách; gìn giữ thân khẩu vì sợ sự chê trách; tâm của vị này có sự hướng đến việc nỗ lực; đã đến gần bản thể Sa-môn của vị Tỳ-khưu; tâu Đại vương, trong khi làm điều ác, vị Sa-môn phá giới thực hiện một cách giấu giếm. Tâu Đại vương, giống như người nữ có chồng lén lút rồi thực hiện việc sái quấy một cách vô cùng bí mật. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, trong khi làm điều ác, vị Sa-môn phá giới thực hiện một cách giấu giếm. Tâu Đại vương, mười đức tính này của vị Sa-môn phá giới là dư thừa cho sự phân biệt với người tại gia phá giới.

2. Sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do nào? Sự cúng dường được trong sạch do việc mang lớp vỏ bọc không tội lỗi; sự cúng dường được trong sạch do việc mang đặc điểm đầu cạo tóc, là biểu hiện Sa-môn của ẩn sĩ; sự cúng dường được trong sạch do việc đã tham gia vào cuộc hội họp của hội chúng; sự cúng dường được trong sạch do việc đi đến nương nhờ đức Phật, giáo pháp và hội chúng; sự cúng dường được trong sạch do việc đã cư ngụ ở tập thể có khuynh hướng nỗ lực; sự cúng dường được trong sạch do việc tầm cầu tài sản giáo pháp của đấng Chiến Thắng; sự cúng dường được trong sạch do việc thuyết giảng giáo pháp cao quý; sự cúng dường được trong sạch vì mục đích tối hậu là việc đi đến hòn đảo giáo pháp; sự cúng dường được trong sạch do có quan điểm hoàn toàn chánh trực về: "Đức Phật là cao cả"; sự cúng dường được trong sạch do việc thọ trì ngày *Uposatha*. Tâu Đại vương, sự cúng dường được trong sạch hơn bởi mười lý do này.

Tâu Đại vương, vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ. Tâu Đại vương, giống như nước, mặc dầu sền sệt, cũng tẩy sạch bùn, lầy, bụi bặm, vết dơ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như nước nóng, mặc dầu đã được đun sôi dữ dội, cũng dập tắt được đám lửa lớn đang bốc cháy. Tâu Đại vương, tương tợ y

[7] Lẽ ra nên dịch là "người tại gia có giới hạnh tồi" và "Sa-môn có giới hạnh tồi." (ND)

như thế, vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như thức ăn, mặc dầu vô vị, cũng xua đi sự suy nhược vì cơn đói. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Sa-môn phá giới, mặc dầu bị phạm tội rõ ràng, cũng làm trong sạch sự cúng dường của các thí chủ.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở lời giải thích về sự phân loại cúng dường ở đoạn *Varalañchaka* (*Dấu ấn cao quý*) thuộc *Majjhimanikāya* (*Trung bộ*) rằng:

"*Người nào có giới hạnh dâng cúng vật thí [do của cải] đã đạt được hợp pháp đến những kẻ có giới hạnh tồi với tâm khéo tịnh tín, trong khi có đức tin thì quả của nghiệp là tột bực; sự cúng dường ấy được trong sạch về phía người thí chủ.*"

3. – Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Chúng tôi đã hỏi câu hỏi có chừng ấy, thì Ngài trong khi giải thích nó bằng những ví dụ, bằng những lý lẽ, đã khiến cho vị ngọt của bất tử được lắng nghe. Thưa Ngài, giống như người đầu bếp hoặc học trò của người đầu bếp, sau khi nhận được chừng ấy thịt thì đã sửa soạn với nhiều vật liệu các loại khác nhau, rồi làm ra món ăn cho đức vua.

Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, chúng tôi đã hỏi câu hỏi có chừng ấy thì Ngài đã khi giải thích nó bằng những ví dụ, bằng những lý lẽ, và đã khiến cho vị ngọt của bất tử được lắng nghe.

"Câu hỏi về giới hạnh tồi" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ SINH MẠNG VÀ SỰ SỐNG CỦA NƯỚC

1. – Thưa Ngài Nāgasena, nước này trong khi được đun nóng ở ngọn lửa thì kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Thưa Ngài Nāgasena, vậy có phải nước sinh tồn? Có phải nước trong khi đùa giỡn thì phát ra âm thanh? Hay là bị vật khác quấy nhiễu thì phát ra âm thanh?

– Tâu Đại vương, nước dĩ nhiên không sinh tồn. Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Tâu Đại vương, thêm nữa, do tính chất mạnh bạo của lực đốt nóng ở ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại.

– Thưa Ngài Nāgasena, ở đây một số ngoại đạo khước từ nước lạnh [cho là]: "Nước sinh tồn", nên đun nóng nước và thọ dụng vật dơ bẩn. Những người ấy chê trách, xem thường các Ngài rằng: "Các Sa-môn Thích tử hãm hại sự sống có một giác quan." Xin Ngài hãy xua đi, đuổi đi, loại trừ đi sự chê trách, sự xem thường ấy của họ.

– Tâu Đại vương, nước dĩ nhiên không sinh tồn. Tâu Đại vương, không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Tâu Đại vương, thêm nữa, do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại. Tâu Đại vương, giống như nước tụ ở hố, ao, suối, hồ, vũng,

hốc, khe, giếng, trũng, đầm sen bị cạn đi và biến mất vì tính chất mạnh bạo về năng lực của gió và sức nóng, trong trường hợp ấy có phải nước cũng kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại?

– Thưa Ngài, không có.

2. – Tâu Đại vương, nếu nước sinh tồn, trong trường hợp ấy nước cũng có thể phát ra âm thanh. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này xin Ngài hãy nhận biết rằng: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại."

Tâu Đại vương, xin Ngài hãy lắng nghe thêm lý lẽ khác nữa [nói rằng]: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh." Tâu Đại vương, khi nước được trộn với các hạt gạo rồi được bỏ vào nồi, đậy lại, chưa đặt lên bếp, trong trường hợp ấy có phải cũng nước phát ra âm thanh?

– Thưa Ngài, không có. Là không dao động, hoàn toàn yên tĩnh.

– Tâu Đại vương, trái lại cũng chính nước ấy được bỏ vào nồi, rồi châm lửa, đặt ở bếp, trong trường hợp ấy có phải nước là không dao động, hoàn toàn yên tĩnh?

– Thưa Ngài, không đúng. Nó dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, trồi lên, trào ra, có màng bọt.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao nước ấy ở trạng thái bình thường lại không dao động, hoàn toàn yên tĩnh? Tại sao khi được đặt ở ngọn lửa thì lại dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, có màng bọt?

– Thưa Ngài, nước ở trạng thái bình thường không dao động. Tuy nhiên, khi đặt ở ngọn lửa, do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước kêu tí ta tí tách và phát ra âm thanh nhiều loại.

– Tâu Đại vương, cũng vì lý do này, xin Ngài nhận biết rằng: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh."

3. Tâu Đại vương, xin Ngài hãy lắng nghe thêm lý lẽ khác nữa [nói rằng]: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh." Tâu Đại vương, có phải nước ấy được để vào lu nước ở mỗi nhà rồi đậy lại?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, phải chăng nước ấy cũng dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, trồi lên, trào ra, có màng bọt?

– Thưa Ngài, không có. Nó không dao động, ở trạng thái bình thường, là nước đã được để vào lu nước.

– Tâu Đại vương, vậy Ngài có được nghe trước đây là nước ở đại dương dao động, bị khuấy động, chuyển động, dấy động, bị nổi sóng, di chuyển trên dưới khắp các hướng, trồi lên, trào ra, có màng bọt, vươn lên rồi vỗ vào bờ, phát ra âm thanh nhiều loại?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Điều này đã được trẫm nghe trước đây và đã được thấy trước đây là nước ở đại dương vươn lên không trung một trăm cánh tay thậm chí đến hai trăm cánh tay.[8]

– Tâu Đại vương, tại sao nước được để vào lu nước không dao động, không phát ra âm thanh? Và tại sao nước ở đại dương lại dao động và phát ra âm thanh?

– Thưa Ngài, nước ở đại dương dao động, phát ra âm thanh vì tính chất mạnh bạo về năng lực của gió. Còn nước được để vào lu nước không bị kích động bởi bất cứ cái gì nên không dao động, không phát ra âm thanh.

– Tâu Đại vương, giống như nước ở đại dương dao động, phát ra âm thanh vì tính chất mạnh bạo về năng lực của gió, tương tợ y như thế, nước phát ra âm thanh vì tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa. Tâu Đại vương, thế không phải cái trống khô ráo được phủ căng tấm da trâu khô ráo, thì phát ra âm thanh?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, phải chăng cũng có sự sống hoặc sinh mạng ở cái trống?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao cái trống lại phát ra âm thanh?

– Thưa Ngài, do sự ra sức phù hợp của người nữ hoặc người nam.

– Tâu Đại vương, giống như cái trống phát ra âm thanh do sự ra sức phù hợp của người nữ hoặc người nam, tương tợ y như thế, do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh. Tâu Đại vương, cũng vì lý do này, xin Ngài nhận biết rằng: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước. Do tính chất mạnh bạo về năng lực đốt nóng của ngọn lửa khiến nước phát ra âm thanh."

4. Tâu Đại vương, giờ đối với chúng tôi cũng có điều cần hỏi dành cho Đại vương, như vậy thì câu hỏi này là khéo được giải quyết. Tâu Đại vương, có phải nước ở tất cả các loại nồi phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng, hay là phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng chỉ ở một số loại nồi?

– Thưa Ngài, không phải nước ở tất cả các loại nồi phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng, mà nước phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng chỉ ở một số loại nồi.

---

[8] *Hattha* (cánh tay) là đơn vị đo chiều dài, bằng 0,5m. Như vậy là 50m và 100m.

– Tâu Đại vương, như thế thì Ngài đã bỏ rơi cơ hội của mình. Ngài đã quay về lại vấn đề của tôi là: "Không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước."

5. Tâu Đại vương, nếu nước ở tất cả các loại nồi có thể phát ra âm thanh trong khi được đốt nóng, thì hợp lý để nói điều này: "Nước sinh tồn." Tâu Đại vương, bởi vì nước không thuộc về hai trường hợp: "Cái nào phát ra âm thanh, cái ấy sinh tồn. Cái nào không phát ra âm thanh, cái ấy không sinh tồn." Tâu Đại vương, nếu nước có thể sinh tồn thì khi các con long tượng khổng lồ, có thân hình kềnh càng, bị lên cơn, sau khi hút nước lên bằng vòi, bỏ vào miệng, nuốt vào bụng, nước ấy, trong khi được lùa qua kẽ răng của chúng, cũng có thể phát ra âm thanh.

Và chiếc thuyền lớn [dài] một trăm cánh tay, nặng nề, loại chở hàng, được chất đầy với hàng trăm ngàn kiện hàng, du hành ở đại dương, nước trong khi bị tung tóe bởi những chiếc thuyền cũng có thể phát ra âm thanh.

Ngay cả những con cá to lớn khổng lồ có thân hình hàng trăm do-tuần, là cá ông, cá voi, cá ông voi, trong khi cư ngụ với chỗ ngụ cố định, chìm vào ở bên trong lòng đại dương, hút vào và phun ra những ngụm nước lớn. Nước ấy, trong khi được lùa qua kẽ răng vào bên trong bao tử của chúng, cũng có thể phát ra âm thanh.

Tâu Đại vương, bởi vì nước có thể phát ra âm thanh khi bị chèn ép bởi những sự chèn ép dữ dội có những hình thức thế này thế khác, vì thế "không có sự sống hoặc sinh mạng ở nước." Tâu Đại vương, Đại vương hãy ghi nhớ điều này như thế.

6. – Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Được hỏi đúng nơi, câu hỏi đã được phân giải với sự phân giải một cách thích đáng. Thưa Ngài Nāgasena, giống như viên ngọc quý ma-ni có giá trị vô cùng lớn lao, sau khi đến với người thợ ngọc ma-ni thành thạo, bậc thầy, khéo léo, được học tập, thì có thể nhận được sự nổi tiếng, sự tán dương, sự ca tụng; hay là viên bảo ngọc trân châu với người thợ ngọc trai, hay là xấp vải quý với người buôn vải, hay là trầm hương đỏ sau khi đến với nhà buôn hương liệu thì có thể nhận được sự nổi tiếng, sự tán dương, sự ca tụng.

Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, được hỏi đúng nơi, câu hỏi đã được phân giải với sự phân giải một cách thích đáng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc có sinh mạng và sự sống của nước" là thứ chín.

Phẩm Đức Phật được đầy đủ là phẩm thứ nhất.

(Ở phẩm này có chín câu hỏi)

II. PHẨM KHÔNG CHƯỚNG NGẠI
(*NIPPAPAÑCAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ PHÁP KHÔNG CHƯỚNG NGẠI (*Nippapañcapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy sống có sự vui thích ở pháp không chướng ngại, có sự thích thú ở pháp không chướng ngại." Pháp không chướng ngại ấy là pháp nào?

– Tâu Đại vương, quả vị Nhập lưu là pháp không chướng ngại, quả vị Nhất lai là pháp không chướng ngại, quả vị Bất lai là pháp không chướng ngại, quả vị A-la-hán là pháp không chướng ngại.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu quả vị Nhập lưu là pháp không chướng ngại, quả vị Nhất lai, quả vị Bất lai, quả vị A-la-hán là pháp không chướng ngại, vậy thì tại sao các vị Tỳ-khưu này lại đọc tụng, lại học hỏi về [chín thể loại]: *Suttaṃ, geyyaṃ, veyyākaraṇaṃ, gāthā, udānaṃ, itivuttakaṃ, jātakaṃ, abbhutadhammaṃ, vedallaṃ*,[9] lại bị chướng ngại vì công trình mới, vì việc bố thí, và vì việc cúng dường? Không lẽ các vị lại tiến hành công việc đã bị đấng Chiến Thắng từ khước?

2. – Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu nào đọc tụng, học hỏi về [chín thể loại]: *Suttaṃ, geyyaṃ, veyyākaraṇaṃ, gāthā, udānaṃ, itivuttakaṃ, jātakaṃ, abbhutadhammaṃ, vedallaṃ*, bị chướng ngại vì công trình mới, vì việc bố

---

[9] Ở tài liệu *Saddhammasaṅgaha* (*Diệu pháp yếu lược*) có lời giải thích chi tiết về chín thể loại này như sau: "Thế nào là có chín phần khi nói về thể (*aṅga*)? Bởi vì toàn bộ gồm có chín hình thức khác biệt, đó là *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhūtadhamma, Vedalla.* Trong trường hợp này, *Ubhatovibhaṅga, Niddesa, Khandhaka, Parivāra,* các bài kinh *Maṅgalasutta, Ratanasutta, Nalakasutta, Tuvaṭakasutta* trong *Suttanipāta* (*Kinh tập*), và các lời dạy của đấng Như Lai có tựa đề là kinh (*suttaṃ*) thì được xếp vào thể *Sutta.* Các bài kinh có xen các bài kệ vào được biết là thể *Geyya*; đặc biệt toàn bộ *Thiên Có kệ* (*Sagāthāvagga*) trong *Kinh Tương ưng bộ* là thể *Geyya.* Toàn bộ tạng *Vi diệu pháp*, các bài kinh không có xen các bài kệ, và các lời dạy khác của đức Phật không thuộc tám loại trên được xếp vào thể *Veyyākaraṇa. Kinh Pháp cú, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ*, các bài có tên là kinh nhưng chỉ là kệ trong *Suttanipāta* (*Kinh tập*) thì được xếp vào thể *Gāthā.* Tám mươi hai bài kinh liên quan đến các bài kệ do tuệ giác hoan hỷ được xếp vào thể *Udāna.* Một trăm mười hai bài kinh được giới thiệu bằng: '*Vuttaṃ h'etaṃ Bhagavatā ti*' (Đức Thế Tôn thuyết về điều ấy như vầy) thì được xếp vào thể *Itivuttaka.* Năm trăm năm mươi *Bổn sanh* bắt đầu bằng *Bổn sanh* 'Apannaka' được xếp vào thể *Jātaka.* Tất cả các bài kinh liên quan đến pháp kỳ diệu phi thường và được giới thiệu như sau: 'Này các Tỳ-khưu, có bốn pháp kỳ diệu phi thường ở Ānanda', được xếp vào thể *Abbhūtadhamma.* Tất cả các bài kinh được hỏi và được liên tục ghi nhận trong sự hiểu biết và hoan hỷ như các bài kinh *Cullavedalla, Mahāvedalla, Sammādiṭṭhi, Sakkapañhā, Saṅkhāra-bhājaniya, Mahāpuṇṇama*, v.v… được xếp vào thể *Vedalla.* Như thế khi đề cập đến 'thể' thì có chín phần" (*Saddhammasaṅgaha - Diệu pháp yếu lược*, chương I, câu 28).

thí, và vì việc cúng dường, tất cả những vị ấy làm nhằm đạt được pháp không chướng ngại.

Tâu Đại vương, những vị nào được trong sạch tự bản chất, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì có được pháp không chướng ngại. Trái lại, những vị Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy có được pháp không chướng ngại với các sự gắng sức này.

Tâu Đại vương, giống như một người nam sau khi gieo hạt giống ở thửa ruộng, rồi trồng trọt cây lúa bằng sức mạnh và nỗ lực của bản thân, không cần tường thành và hàng rào. Một người nam [khác] sau khi gieo hạt giống ở thửa ruộng, thì đi vào rừng chặt cành cây và nhánh cây làm hàng rào và tường, rồi trồng trọt cây lúa; trong trường hợp ấy việc tầm cầu hàng rào và tường thành của người ấy là vì mong muốn đạt được cây lúa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vị nào được trong sạch tự bản chất có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì có được pháp không chướng ngại, tợ như người nam có sự trồng trọt cây lúa không cần hàng rào và tường thành. Trái lại, những vị Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy có được pháp không chướng ngại với các sự gắng sức này, ví như người nam có sự trồng trọt cây lúa sau khi đã làm hàng rào và tường thành.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như có chùm trái ở ngọn cây xoài cao to vĩ đại, rồi một người nào đó có thần thông, sau khi đi đến nơi ấy có thể hái trái của cây ấy. Trái lại, tại nơi ấy người nào không có thần thông, người ấy chặt cành cây và dây leo rồi buộc thành cái thang, nhờ nó leo lên cây ấy, rồi hái trái; trong trường hợp ấy, việc tầm cầu cái thang của người ấy là vì mong muốn đạt được trái cây.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vị nào được trong sạch tự bản chất có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì có được pháp không chướng ngại, tợ như người có thần thông hái được trái cây. Trái lại, những vị Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy chứng ngộ các chân lý với các sự gắng sức này, tợ như người nam hái được trái cây nhờ vào cái thang.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như một người nam là người làm theo chỉ tiêu, chỉ một mình đi đến gặp người chủ rồi hoàn thành chỉ tiêu. Một người [khác] có tài sản, phát triển đồ chúng nhờ vào năng lực của tài sản, rồi hoàn thành chỉ tiêu cùng với đồ chúng; trong trường hợp ấy việc tầm cầu đồ chúng của người ấy là vì mong muốn đạt được chỉ tiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những vị nào được trong sạch tự bản chất, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chặp tâm thì đạt được bản thể năng lực ở sáu thắng trí ví như người nam một mình thực hiện việc thành tựu chỉ tiêu. Trái lại, những vị Tỳ-khưu nào với tầm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy hoàn thành mục tiêu của bản thể Sa-môn với các sự gắng sức này, tợ như người nam thực hiện việc thành tựu chỉ tiêu cùng với đồ chúng.

4. Tâu Đại vương, việc đọc tụng cũng có nhiều lợi ích, việc học hỏi cũng có nhiều lợi ích, việc xây dựng công trình mới cũng có nhiều lợi ích, việc bố thí cũng có nhiều lợi ích, việc cúng dường cũng có nhiều lợi ích cho những người này, những người nọ có công việc cần phải làm.

Tâu Đại vương, giống như người nam hầu cận đức vua, có công việc đã được hoàn thành nhờ vào các quan đại thần, nhân công, binh lính, người giữ cổng, lính gác, quần thần, dân chúng, đối với người ấy khi công việc cần làm chưa đạt được thì tất cả những người ấy đều là những sự trợ giúp. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, việc đọc tụng cũng có nhiều lợi ích, việc học hỏi cũng có nhiều lợi ích, việc xây dựng công trình mới cũng có nhiều lợi ích, việc bố thí cũng có nhiều lợi ích, việc cúng dường cũng có nhiều lợi ích cho những người này, những người nọ có công việc cần phải làm.

Tâu Đại vương, nếu tất cả đều được thanh tịnh ở dòng dõi, có thể không có việc cần phải làm với việc chỉ dạy. Tâu Đại vương, và bởi vì có việc cần phải làm với việc lắng nghe. Tâu Đại vương, Trưởng lão Sāriputta có thiện căn đã được tích lũy liên quan đến vô lượng kiếp, không thể đếm được, đã đạt đến tột đỉnh của trí tuệ, ngay cả vị ấy không có sự lắng nghe cũng không thể đạt được sự diệt tận các lậu hoặc. Tâu Đại vương, vì thế việc lắng nghe cũng có nhiều lợi ích, việc đọc tụng, việc học hỏi cũng như thế. Vì thế, việc đọc tụng và học hỏi là pháp không chướng ngại, là pháp không tạo tác.

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi đã được giải quyết khéo léo. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

“Câu hỏi về pháp không chướng ngại” là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ NGƯỜI TẠI GIA CHỨNG A-LA-HÁN (*Gihī-arahantapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: “Người tại gia nào đạt đến phẩm vị A-la-hán, đối với vị này chỉ có hai lối đi không có lối khác: Xuất gia nội trong ngày ấy, hoặc viên tịch Niết-bàn; ngày ấy là không thể vượt qua.” Thưa Ngài Nāgasena, nếu vị ấy, trong ngày hôm ấy, không có được thầy tuyên ngôn, hoặc thầy tế độ, hoặc y và bình bát, có phải vị A-la-hán ấy có thể tự mình xuất gia, hoặc có thể để cho ngày ấy trôi qua? Hoặc có vị nào khác, là A-la-hán, có thần thông, đi đến rồi cho vị ấy xuất gia? Hoặc có thể viên tịch Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, vị A-la-hán ấy không thể tự mình xuất gia, trong khi tự mình xuất gia thì phạm vào việc trộm cắp [hình tướng]. Và không thể để cho ngày ấy trôi qua. Nếu có thể hoặc không thể có việc đi đến của vị A-la-hán khác, thì sẽ viên tịch Niết-bàn nội trong ngày ấy.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì bản thể an tịnh của vị A-la-hán là bị bỏ đi, bởi vì có sự lấy đi mạng sống của vị đã chứng đắc.

– Tâu Đại vương, hình tướng tại gia là không tương xứng. Khi hình tướng là không tương xứng, do tính chất yếu ớt của hình tướng, người tại gia đạt được phẩm vị A-la-hán [phải] xuất gia, hoặc viên tịch Niết-bàn nội trong ngày ấy. Tâu Đại vương, điều ấy không phải là sự sai trái của phẩm vị A-la-hán, điều ấy là sự sai trái của hình tướng tại gia, tức là tính chất yếu ớt của hình tướng.

Tâu Đại vương, giống như vật thực là vật hộ trì tuổi thọ, là vật duy trì mạng sống của tất cả chúng sanh, nhưng lại lấy đi mạng sống của người có bao tử không điều hòa, có sự hấp thụ trì trệ yếu đuối, vì không tiêu hóa được. Tâu Đại vương, điều ấy không phải là sự sai trái của vật thực, điều ấy là sự sai trái của bao tử, tức là tính chất yếu ớt của lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi hình tướng là không tương xứng, do tính chất yếu ớt của hình tướng, người tại gia đạt được phẩm vị A-la-hán [phải] xuất gia, hoặc viên tịch Niết-bàn nội trong ngày ấy. Tâu Đại vương, điều ấy không phải là sự sai trái của phẩm vị A-la-hán, điều ấy là sự sai trái của hình tướng tại gia, tức là tính chất yếu ớt của hình tướng.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cọng cỏ nhỏ nhoi khi bị tảng đá nặng đặt lên trên, thì bị dập nát, đổ xuống vì tính chất yếu ớt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người tại gia đạt được phẩm vị A-la-hán, vì hình tướng ấy không thể nâng đỡ phẩm vị A-la-hán nên [phải] xuất gia nội trong ngày ấy, hoặc viên tịch Niết-bàn.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam không có sức mạnh, yếu đuối, có dòng dõi thấp kém, phước báu nhỏ nhoi, sau khi đạt được vương quốc to lớn khổng lồ, trong khoảnh khắc sẽ sụp đổ, tiêu hoại, thối lui, không thể duy trì vương quyền. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người tại gia đạt được phẩm vị A-la-hán, vì hình tướng ấy không thể nâng đỡ phẩm vị A-la-hán nên [phải] xuất gia nội trong ngày ấy, hoặc viên tịch Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về người tại gia chứng A-la-hán" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ SỰ THẤT NIỆM CỦA VỊ A-LA-HÁN (*Arahato satisammosapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, có sự thất niệm đối với vị A-la-hán?

– Tâu Đại vương, các vị A-la-hán có các sự thất niệm đã được xa lìa. Đối với các vị A-la-hán không có sự thất niệm.

– Thưa Ngài, phải chăng vị A-la-hán có thể vi phạm tội?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Về sự việc gì?

– Tâu Đại vương, về việc làm cốc liêu, về việc mai mối, vào lúc sái thời

[lầm] tưởng là lúc đúng thời, về vị đã ngăn [lầm] tưởng là chưa ngăn [vật thực dâng thêm], không phải thức ăn thừa [lầm] tưởng là thức ăn thừa.[10]

– Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Những vị nào phạm tội, những vị ấy phạm bởi hai lý do: Vì không tôn trọng hoặc là do không biết." Thưa Ngài, có phải việc vị A-la-hán phạm tội là vì vị A-la-hán có sự không tôn trọng?

– Tâu Đại vương, không đúng.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu vị A-la-hán phạm tội, và không có sự không tôn trọng ở vị A-la-hán, như thế thì có sự thất niệm ở vị A-la-hán?

– Tâu Đại vương, không có sự thất niệm ở vị A-la-hán, và có việc vị A-la-hán phạm tội.

– Thưa Ngài, như thế thì xin Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Ở đây, cái gì là lý do?

2. – Tâu Đại vương, đây là hai loại ô nhiễm: "Tội lỗi đối với thế gian và tội lỗi do sự quy định." Tâu Đại vương, tội lỗi đối với thế gian là việc nào? Mười loại nghiệp bất thiện. Việc này được gọi là tội lỗi đối với thế gian. Tội lỗi do sự quy định là việc nào? Việc nào ở thế gian là không đúng đắn, không hợp lẽ đối với hàng Sa-môn, nhưng không phải là tội lỗi đối với hàng tại gia, trong trường hợp ấy đức Thế Tôn quy định điều học cho các đệ tử, cho đến trọn đời không được vượt qua. Tâu Đại vương, vật thực sái giờ không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Việc làm tổn thương thảo mộc không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Việc chơi giỡn ở trong nước không là tội lỗi đối với thế gian, điều ấy là tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Tâu Đại vương, các hình thức như thế và tương tợ là các tội lỗi ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Việc này được gọi là tội lỗi do sự quy định.

Loại ô nhiễm nào là tội lỗi đối với thế gian, bậc lậu tận không thể vi phạm việc ấy; còn loại ô nhiễm nào là tội lỗi do sự quy định, trong khi không biết, có thể vi phạm việc ấy. Tâu Đại vương, đối với một vị A-la-hán thì không có trình độ để biết tất cả, bởi vì đối với vị ấy không có năng lực để biết tất cả.

Tâu Đại vương, đối với vị A-la-hán tên họ của những người nữ người nam là không được biết; đối với vị ấy đường xá ở trái đất là không được biết. Tâu Đại vương, một vị A-la-hán có thể chỉ biết về sự giải thoát. Vị A-la-hán có sáu thắng trí có thể biết về lãnh vực của mình. Tâu Đại vương, chỉ có đức Như Lai, đấng Toàn Tri là biết tất cả.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự thất niệm của vị A-la-hán" là thứ ba.

[10] Các tội theo thứ tự là: *Saṅghādisesa* 6, *saṅghādisesa* 5, *pācittiya* 37 (thọ thực lúc sái thời) và 85 (đi vào làng lúc sái thời), *pācittiya* 36, *pācittiya* 35. (ND)

4. CÂU HỎI VỀ VẬT THỂ KHÔNG CÓ Ở THẾ GIAN
(*Loke natthibhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, chư Phật được thấy ở thế gian, chư Phật Độc Giác được thấy, các đệ tử của đức Như Lai được thấy, các vị Vua Chuyển Luân được thấy, các vị vua của các xứ sở được thấy, chư thiên và loài người được thấy, những người có tài sản được thấy, những người không có tài sản được thấy, những người may mắn được thấy, những người bất hạnh được thấy, tướng trạng người nữ xuất hiện ở người nam được thấy, tướng trạng người nam xuất hiện ở người nữ được thấy, hành động khéo làm và vụng làm được thấy, các chúng sanh thọ hưởng quả thành tựu của các nghiệp thiện và ác được thấy. Có ở thế gian các chúng sanh hạng noãn sanh, hạng thai sanh, hạng thấp sanh, hạng hóa sanh; có các chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân. Có ở thế gian các hàng dạ-xoa, quỷ sứ, người dạng quỷ, a-tu-la, người khổng lồ, càn-thát-bà, ngạ quỷ, yêu tinh; có các hạng chim đầu người, rắn chúa, long vương, điểu vương, thầy phù thủy, thầy pháp; có các loài voi, ngựa, bò, trâu, lạc đà, lừa, dê, cừu, nai, heo rừng, sư tử, cọp, beo, gấu, chó sói, linh cẩu, chó hoang, chó rừng; có nhiều loại chim; có vàng, bạc, ngọc trai, ngọc ma-ni, vỏ sò, đá, san-hô, hồng ngọc, ngọc mắt mèo, ngọc bích, kim cương, pha-lê, đồng đen, đồng đỏ, đồng hỗn hợp, đồng thau; có sợi lanh, tơ lụa, bông vải, gai thô, chỉ bố, sợi len; có lúa gạo sāli, lúa gạo, lúa mạch, kê, bắp, đậu varaka, lúa mì, đậu tây, đậu māsa, mè, đậu tằm; có hương của rễ cây, hương của lõi cây, hương của giác cây, hương của vỏ cây, hương của lá cây, hương của bông hoa, hương của trái cây, hương thơm của tất cả các loại; có cỏ dại, dây leo, bụi rậm, cây cối, dược thảo, cổ thụ, sông, núi, biển, cá, rùa. Tất cả có ở thế gian. Thưa Ngài, vật gì không có ở thế gian, xin Ngài hãy nói về vật ấy cho trẫm.

2. – Tâu Đại vương, ba vật này không có ở thế gian. Ba vật nào? Vật có tâm thức hoặc không có tâm thức mà không già hoặc không chết là không có, tính chất thường còn của các hành là không có, cái được thừa nhận là chúng sanh theo ý nghĩa rốt ráo là không có. Tâu Đại vương, đây là ba vật không có ở thế gian.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về vật thể không có ở thế gian" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ VẬT KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP
(*Akammajādipañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, các vật sanh ra do nghiệp được thấy ở thế gian, sanh ra do nhân được thấy, sanh ra do mùa tiết được thấy. Ở thế gian vật gì không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết, xin Ngài hãy nói về vật ấy cho trẫm.

– Tâu Đại vương, ở thế gian hai vật này không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Hai vật nào? Tâu Đại vương, hư

không không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Tâu Đại vương, Niết-bàn không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Tâu Đại vương, đây là hai vật không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết.

– Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài chớ bôi nhọ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Không biết thì xin Ngài chớ trả lời câu hỏi.

– Tâu Đại vương, tôi nói điều gì mà Đại vương lại nói với tôi như vầy: "Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài chớ bôi nhọ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Không biết thì xin Ngài chớ trả lời câu hỏi"?

– Thưa Ngài Nāgasena, cho đến điều này thì vẫn còn hợp lý để nói rằng: "Hư không không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết." Thưa Ngài Nāgasena, trái lại đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn đã được đức Thế Tôn nói ra cho các đệ tử bằng hàng trăm cách thức. Vậy mà Ngài lại nói như vầy: "Niết-bàn không sanh ra do nhân."

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn đã được đức Thế Tôn nói ra cho các đệ tử bằng hàng trăm cách thức. Tuy nhiên, nhân làm sanh khởi Niết-bàn là không được nói đến.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, ở đây chúng ta từ chỗ tối đi vào chỗ tối hơn, từ rừng đi vào rừng sâu hơn, từ bụi rậm đi vào bụi rậm hơn, chính là vì cái điều gọi là có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, nhưng nhân làm sanh khởi pháp ấy lại không có. Thưa Ngài Nāgasena, nếu có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, như thế thì cũng nên mong mỏi về nhân làm sanh khởi Niết-bàn.

Thưa Ngài Nāgasena, hoặc là giống như có người cha của đứa con trai, vì lý do ấy cũng nên mong mỏi về người cha của người cha. Giống như có người thầy của người học trò, vì lý do ấy cũng nên mong mỏi về người thầy của người thầy. Giống như có hạt giống của cái mầm non, vì lý do ấy cũng nên mong mỏi về hạt giống của hạt giống. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, nếu có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, như thế thì cũng nên mong mỏi về nhân làm sanh khởi Niết-bàn.

Giống như khi có ngọn của thân cây hoặc của dây leo, vì lý do ấy cũng có phần thân, cũng có phần rễ. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, nếu có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, như thế thì cũng nên mong mỏi về nhân làm sanh khởi Niết-bàn.

– Tâu Đại vương, Niết-bàn là không thể làm cho sanh được. Do đó, nhân làm sanh khởi Niết-bàn không được nói đến.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì sau khi đã chỉ cho thấy lý do, Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ theo đó trẫm có thể biết được rằng: "Có nhân đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn, còn nhân làm sanh khởi Niết-bàn là không có."

3. – Tâu Đại vương, như thế thì Đại vương hãy nghiêm chỉnh lắng tai, và hãy lắng nghe một cách cẩn thận, tôi sẽ nói lý do trong trường hợp này. Tâu Đại

vương, có phải người nam, với sức mạnh bình thường, từ nơi đây có thể đi đến núi chúa Hy-mã-lạp?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, vậy có phải người nam ấy, với sức mạnh bình thường, có thể mang núi chúa Hy-mã-lạp đến đây?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể nói về đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn nhưng không thể chỉ cho thấy nhân làm sanh khởi Niết-bàn. Tâu Đại vương, có phải người nam, với sức mạnh bình thường, có thể vượt qua đại dương bằng thuyền để đi đến bờ xa xa?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, vậy có phải người nam ấy, với sức mạnh bình thường, có thể mang bờ xa xa của đại dương đến đây?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể nói về đạo lộ đưa đến việc chứng ngộ Niết-bàn nhưng không thể chỉ cho thấy nhân làm sanh khởi Niết-bàn. Vì lý do gì? Vì tính chất không bị tạo tác của pháp.

– Thưa Ngài Nāgasena, có phải Niết-bàn là không bị tạo tác?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Niết-bàn là không bị tạo tác, không bị tạo ra bởi bất cứ cái gì. Tâu Đại vương, không nên nói Niết-bàn là "được sanh lên", hoặc là "không được sanh lên", hoặc là "sẽ được làm cho sanh lên", hoặc là "quá khứ", hoặc là "hiện tại", hoặc là "vị lai", hoặc là "được nhận thức bởi mắt", hoặc là "được nhận thức bởi tai", hoặc là "được nhận thức bởi mũi", hoặc là "được nhận thức bởi lưỡi", hoặc là "được nhận thức bởi thân."

4. – Thưa Ngài Nāgasena, nếu Niết-bàn không phải là được sanh lên, không phải là không được sanh lên, không phải là sẽ được làm cho sanh lên, không là quá khứ, không là hiện tại, không là vị lai, không được nhận thức bởi mắt, không được nhận thức bởi tai, không được nhận thức bởi mũi, không được nhận thức bởi lưỡi, không được nhận thức bởi thân. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì Ngài đã chỉ ra Niết-bàn là pháp không có, có phải là không có Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, có Niết-bàn. Niết-bàn được nhận thức bởi ý. Vị đệ tử của bậc Thánh thực hành đúng đắn với tâm ý trong sạch, hướng thượng, ngay thẳng, không bị ngăn che, không liên hệ vật chất thì nhìn thấy Niết-bàn.

– Thưa Ngài, vậy Niết-bàn ấy giống cái gì? Cái ấy nên được làm sáng tỏ bằng các ví dụ. Xin Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng các lý lẽ theo đó pháp có thật là nên được làm sáng tỏ bằng các ví dụ.

5. – Tâu Đại vương, có phải có cái gọi là gió?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, vậy xin Ngài hãy chỉ cho thấy gió qua màu sắc, hoặc qua vị trí, hoặc là vi tế hay thô thiển, hoặc là dài hay ngắn.

– Thưa Ngài Nāgasena, không thể chỉ cho thấy gió được. Gió ấy không đáp ứng việc nắm bắt bằng bàn tay hoặc sự đè nén. Tuy nhiên, gió ấy là có.

– Tâu Đại vương, nếu không thể chỉ cho thấy gió, như thế thì gió là không có.

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm biết rằng: "Gió là có." Nó đã đi vào trong tim của trẫm. Nhưng trẫm không có thể chỉ cho thấy gió được.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là có. Nhưng không thể chỉ cho thấy Niết-bàn qua màu sắc, hoặc qua vị trí.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Ví dụ đã khéo được phô bày. Lý lẽ đã khéo được giải thích. "Có Niết-bàn", trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về vật không sanh ra do nghiệp" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ VẬT SANH RA DO NGHIỆP VÀ KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP (*Kammajākammajapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, ở đây những cái nào là sanh ra do nghiệp, những cái nào là sanh ra do nhân, những cái nào sanh ra do mùa tiết, những cái nào không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết?

2. – Tâu Đại vương, những chúng sanh nào có suy tư, tất cả các hạng ấy là sanh ra do nghiệp. Lửa và tất cả các thứ được sanh ra từ hạt giống là sanh ra do nhân. Trái đất, núi, nước và gió, tất cả các thứ ấy là sanh ra do mùa tiết. Hư không và Niết-bàn, đây là hai thứ không sanh ra do nghiệp, không sanh ra do nhân, không sanh ra do mùa tiết. Tâu Đại vương, hơn nữa Niết-bàn không nên được nói là "sanh ra do nghiệp", "sanh ra do nhân", "sanh ra do mùa tiết", "được sanh lên", hoặc là "không được sanh lên", hoặc là "sẽ được làm cho sanh lên", hoặc là "quá khứ", hoặc là "hiện tại", hoặc là "vị lai", hoặc là "được nhận thức bởi mắt", hoặc là "được nhận thức bởi tai", hoặc là "được nhận thức bởi mũi", hoặc là "được nhận thức bởi lưỡi", hoặc là "được nhận thức bởi thân". Tâu Đại vương, Niết-bàn là được nhận thức bởi ý, vị đệ tử của bậc Thánh thực hành đúng đắn nhìn thấy Niết-bàn với tâm ý trong sạch.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi thú vị đã khéo được giải quyết, sự không còn nghi ngờ đã được xác định, sự phân vân đã được chặt đứt, Ngài đã tiến đến vị thế cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng.

"Câu hỏi về vật sanh ra do nghiệp và không sanh ra do nghiệp" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ THÂY CHẾT CỦA DẠ-XOA (*Yakkhamatasarīrapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, có phải ở thế gian có hạng gọi là dạ-xoa?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Ở thế gian có hạng gọi là dạ-xoa.

– Thưa Ngài, phải chăng các dạ-xoa ấy lìa đời từ sanh chủng ấy?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Các dạ-xoa ấy lìa đời từ sanh chủng ấy.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì tại sao thân xác của các dạ-xoa đã chết ấy không được nhìn thấy, mùi của xác chết cũng không tỏa ra?

– Tâu Đại vương, thân xác của các dạ-xoa đã chết ấy được nhìn thấy. Mùi xác chết của chúng cũng tỏa ra. Tâu Đại vương, thân xác của các dạ-xoa đã chết với hình dáng của côn trùng được nhìn thấy, với hình dáng của con kiến được nhìn thấy, với hình dáng của con mối được nhìn thấy, với hình dáng của con châu chấu được nhìn thấy, với hình dáng của con rắn được nhìn thấy, với hình dáng của con bọ cạp được nhìn thấy, với hình dáng của con rết được nhìn thấy, với hình dáng của con chim được nhìn thấy, với hình dáng của con thú được nhìn thấy.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, còn có người nào khác có thể trả lời khi được hỏi câu hỏi này, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy?

"Câu hỏi về thây chết của dạ-xoa" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ SỰ QUY ĐỊNH ĐIỀU HỌC
(*Sikkhāpadapaññāpanapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, những người đã là những vị thầy ở thời quá khứ của các người thầy thuốc, tức là: Nārada, Dhammantarī, Aṅgīrasa, Kapila, Kaṇḍaraggi, Sāma, Atula, Pubbakaccāyana. Tất cả các vị thầy này cùng một lúc biết một cách trọn vẹn về tất cả các điều ấy là về sự phát sanh của bệnh, sự khởi đầu, bản chất, nguồn sanh khởi, cách chữa trị, việc cần làm, thành công hay không thành công [nghĩ rằng]: "Ở cơ thể này chừng này thứ bệnh sẽ phát sanh", sau đó gom chung lại một mối rồi buộc lại sợi chỉ [đầu mối]. Tất cả những vị này không phải là các bậc Toàn tri. Trái lại, đức Thế Tôn, trong khi là đấng Toàn Tri, với trí tuệ của vị Phật biết được sự việc ở vị lai rằng: "Trong chừng này sự việc, sẽ phải quy định chừng này điều học", sau khi xác định tại sao Ngài đã không quy định điều học một cách toàn diện? Đến khi mỗi một sự việc đã được sanh khởi, tiếng xấu đã rõ rệt, sự sai trái đã lan rộng, đã đi xa, trong khi dân chúng phàn nàn, rồi vào từng thời điểm một Ngài đã quy định điều học cho các đệ tử?

2. – Tâu Đại vương, đối với đức Như Lai, điều này đã được biết đến: "Vào lúc này, trong lúc những người này đang phàn nàn, một trăm năm mươi điều học có tính cách phụ trội sẽ phải được quy định." Tuy nhiên, đức Như Lai đã khởi ý như vầy: Nếu Ta sẽ quy định một trăm năm mươi điều học có tính cách phụ trội vào một lúc, số đông người sẽ có sự hoảng sợ: "Ở đây, có nhiều việc cần phải gìn giữ. Quả là việc khó khăn để xuất gia ở giáo pháp của Sa-môn Gotama." Thậm chí những người có ý định xuất gia cũng sẽ không xuất gia. Và họ sẽ không tin vào lời nói của Ta. Trong khi không tin tưởng, những người

ấy sẽ đi đến chốn đọa đày. Đến khi mỗi một sự việc đã được sanh khởi, sau khi làm cho họ nhận thức nhờ vào sự thuyết giảng giáo pháp, khi sự sai trái đã rõ rệt, thì Ta sẽ quy định điều học.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu đối với chư Phật! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường đối với chư Phật! Trí toàn tri của đức Như Lai lớn lao đến thế! Thưa Ngài Nāgasena, điều này là như vậy, ý nghĩa này đã khéo được giải thích bởi đức Như Lai. Sau khi nghe rằng: "Ở đây, có nhiều việc cần phải gìn giữ", sự hoảng sợ có thể sanh khởi ở chúng sanh, thậm chí không có đến một người có thể xuất gia ở giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự quy định điều học" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ SỰ CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI (*Suriyatāpapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, mặt trời này luôn luôn chiếu sáng thô tháo, hay là vào lúc nào đó thì chiếu sáng yếu ớt?

– Tâu Đại vương, mặt trời luôn luôn chiếu sáng thô tháo, và không lúc nào chiếu sáng yếu ớt.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu mặt trời luôn luôn chiếu sáng thô tháo, vậy thì tại sao mặt trời một đôi khi chiếu sáng thô tháo, một đôi khi chiếu sáng yếu ớt?

2. – Tâu Đại vương, bốn điều này là bệnh của mặt trời, bị quấy nhiễu bởi một bệnh nào đó trong bốn bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Bốn bệnh nào? Tâu Đại vương, mây là bệnh của mặt trời, bị quấy nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Tâu Đại vương, sương mù là bệnh của mặt trời, bị quấy nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Tâu Đại vương, mưa là bệnh của mặt trời, bị quấy nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Tâu Đại vương, nhật thực là bệnh của mặt trời, bị quấy nhiễu bởi bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt. Tâu Đại vương, bốn điều này là bệnh của mặt trời, bị quấy nhiễu bởi một bệnh nào đó trong bốn bệnh ấy, mặt trời chiếu sáng yếu ớt.

– Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Đối với vật có năng lượng thậm chí cho đến mặt trời mà bệnh còn sanh khởi, vậy thì có điều gì đối với những chúng sanh khác? Thưa Ngài, cách phân loại này không có ở người khác, ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là Ngài vậy.

"Câu hỏi về sự chiếu sáng của mặt trời" là thứ chín.

10. CÂU HỎI THỨ NHÌ VỀ SỰ CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI (*Suriyatapanapañho dutiyo*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, tại sao mặt trời chiếu sáng thô tháo vào mùa lạnh, nhưng không như thế vào mùa nắng?

2. – Tâu Đại vương, vào mùa nắng, bụi bặm không bị tiêu hoại. Các bụi

phấn bị khuấy động bởi gió, đi vào không trung, thậm chí ở không trung, mây là vô cùng dày đặc, và gió lớn thổi mạnh hơn. Tất cả các điều ấy với nhiều nguồn khác nhau, được tổng hợp lại, che chắn các tia sáng của mặt trời. Vì thế, vào mùa nắng, mặt trời chiếu sáng yếu ớt.

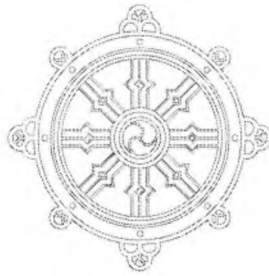
Tâu Đại vương, trái lại vào mùa lạnh, ở phía bên dưới, trái đất thì lạnh; ở phía bên trên, đám mây lớn được lắng đọng lại, bụi bặm thì yên tịnh; và bụi phấn di chuyển vô cùng êm ả ở không trung, bầu trời không có mây đen, và gió thổi vô cùng yếu ớt. Do sự lắng đọng của những việc này, các tia sáng của mặt trời là trong trẻo, khi mặt trời được thoát khỏi việc bị tổn hại, ánh sáng của nó chiếu sáng cực kỳ. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do, mà với lý do ấy mặt mặt trời chiếu sáng thô tháo vào mùa lạnh, không như thế vào mùa nắng.

3. – Thưa Ngài, mặt trời, khi được thoát khỏi tất cả các tai ương thì chiếu sáng thô tháo, khi đồng hành cùng các đám mây, v.v... thì không chiếu sáng thô tháo.

"Câu hỏi về sự chiếu sáng của mặt trời" là thứ mười.

Phẩm Không chướng ngại là phẩm thứ nhì.

(Ở phẩm này có mười câu hỏi)



III. PHẨM VESSANTARA
(*VESSANTARAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỐ THÍ CON CỦA VESSANTARA
(*Vessantaraputtadānapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, có phải hết thảy tất cả các đức Bồ-tát đều bố thí con và vợ, hay là chỉ riêng đức Vua Vessantara đã bố thí con và vợ?

– Tâu Đại vương, tất cả các đức Bồ-tát cũng đều bố thí con và vợ, không phải chỉ riêng đức Vua Vessantara đã bố thí con và vợ.[11]

– Thưa Ngài, phải chăng các vị ấy bố thí với sự đồng ý của những người ấy?

– Tâu Đại vương, người vợ thì đồng ý. Trái lại, hai đứa bé đã than vãn do bản chất trẻ thơ. Nếu chúng có thể biết được mục đích, chúng cũng có thể tùy hỷ, chúng có thể không than vãn.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, hành động khó làm đã được làm bởi đức Bồ-tát là việc vị ấy đã bố thí những đứa con ruột thịt yêu quý của chính mình để làm nô lệ cho người Bà-la-môn.

Việc thứ nhì này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là việc vị ấy đã dửng dưng sau khi nhìn thấy người Bà-la-môn ấy trói lại những đứa con ruột thịt yêu quý dại khờ thơ ấu của chính mình bằng dây rừng và đang đánh đập bằng dây rừng.

Việc thứ ba này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là việc đứa bé trai, sau khi đã được thoát khỏi sự trói buộc nhờ vào sức mạnh bản thân, đã đi đến, bị lâm vào sự hoảng sợ, thì vị ấy đã trói bằng dây rừng rồi lại bố thí lần nữa.

Việc thứ tư này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là khi đứa bé trai đang than vãn rằng: "Cha ơi, gã dạ-xoa này dẫn chúng con đi để ăn đó", vị ấy đã không an ủi rằng: "Các con chớ hãi sợ."

Việc thứ năm này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là trong khi đứa bé trai Jāli đang khóc lóc, nằm mọp xuống ở hai bàn chân, cầu xin rằng: "Cha ơi, thôi đi! Hãy đưa Kaṇhājinā quay về. Chính con sẽ đi với gã dạ-xoa. Hãy để gã dạ-xoa ăn con đi", vị ấy đã không chấp nhận như thế.

Việc thứ sáu này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là trong khi đứa bé trai Jāli đang than vãn rằng: "Cha ơi, không lẽ trái tim của cha giống

[11] *Bổn sanh* "Vessantara vĩ đại " (*Mahāvessantarajātakaṃ*), số 547, *TTPV*, tập 34. (ND)

như hòn đá mất rồi, bởi vì trong khi quan sát chúng con bị đau khổ, đang bị gã dạ-xoa dẫn đi vào trong khu rừng rộng lớn không có bóng người, mà cha không ngăn cản", vị ấy đã không thể hiện lòng thương xót.

Hơn nữa, việc thứ bảy này còn là hành động khó làm hơn hành động khó làm, là khi đứa trẻ bị dẫn đi đã đi ra khỏi tầm nhìn, mà trái tim của vị ấy, dầu là vô cùng hoảng hốt, vô cùng kinh hãi, đã không vỡ ra thành trăm mảnh hay ngàn mảnh. Con người mong mỏi phước thiện được cái gì với việc gây khổ đau cho kẻ khác? Không lẽ có thể đem cho thân quyến như là vật thí?

– Tâu Đại vương, do trạng thái đã làm hành động khó làm, tiếng tăm tốt đẹp của đức Bồ-tát đã được lan rộng ở mười ngàn thế giới có cả chư thiên và nhân loại. Chư thiên ở cõi trời tán thán, các a-tu-la ở cõi a-tu-la tán thán, các nhân điểu ở cõi nhân điểu tán thán, các con rồng ở long cung tán thán, các dạ-xoa ở cõi dạ-xoa tán thán, theo tuần tự tiếng tăm tốt đẹp của vị ấy lần lượt đã đến được cuộc hội họp của chúng ta tại đây vào lúc này hôm nay. Trong khi họ tán thán thì chúng ta lại ngồi bôi bác việc bố thí [ấy suy nghĩ rằng]: "Đã được bố thí tốt đẹp, hay là đã được bố thí tồi?" Tâu Đại vương, hơn nữa, tiếng tăm tốt đẹp này đây phô bày mười đức tính của các vị Bồ-tát khôn khéo, tri thức, hiểu biết, rành rẽ. Mười đức tính nào? Bản chất không tham muốn, không mong cầu, buông xả, dứt bỏ, không quay trở lại, có sự tinh tế, vĩ đại, khó hiểu thấu, khó đạt được, không sánh bằng, thuộc về pháp của vị Phật. Tâu Đại vương, hơn nữa, tiếng tăm tốt đẹp này đây phô bày mười đức tính này của các vị Bồ-tát khôn khéo, hiểu biết, tri thức, rành rẽ.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, người nào làm cho kẻ khác khổ đau rồi đem bố thí [như là] vật thí, phải chăng sự bố thí ấy có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Có điều gì cần phải nói?

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy xin Ngài chỉ cho thấy lý do.

– Tâu Đại vương, ở đây có vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào đó là người có giới, có thiện pháp, vị ấy có thể bị liệt một bên, hoặc què quặt, hoặc mắc phải cơn bệnh nào đó. Rồi một người nào đó, mong mỏi phước báu, mới đặt người kia vào chiếc xe rồi đưa đi đến xứ sở đã được ao ước. Tâu Đại vương, phải chăng do nhân ấy có thể có sự an lạc nào đó sanh khởi cho người nam ấy? Có phải việc làm ấy có thể đưa đến cõi trời?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có điều gì cần phải nói? Thưa Ngài, người nam ấy có thể đạt được phương tiện di chuyển là voi, hoặc phương tiện di chuyển là ngựa, hoặc phương tiện di chuyển là xe, phương tiện di chuyển ở đất liền khi ở đất liền, phương tiện di chuyển ở biển khi ở biển, phương tiện di chuyển của chư thiên khi ở giữa chư thiên, phương tiện di chuyển của loài người khi ở giữa loài người, có thể sanh ra ở cõi này cõi khác thích hợp với điều ấy, phù hợp với điều ấy, và các sự an lạc thích hợp với điều ấy được sanh lên cho vị này, có thể đi đến từ chốn an vui [này] đến chốn an vui [khác], do kết quả của việc làm ấy

thôi, vị ấy có thể cỡi lên phương tiện di chuyển là thần thông và đạt đến thành phố Niết-bàn đã được ao ước.

– Tâu Đại vương, như thế thì vật thí đã được bố thí cùng với việc làm kẻ khác khổ đau lại có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời, là việc người đàn ông ấy, sau khi gây khổ đau cho những con bò kéo, lại thọ hưởng sự an lạc có hình thức như thế. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa nói về vật thí đã được bố thí cùng với việc làm kẻ khác khổ đau lại có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời. Tâu Đại vương, ở đây một vị vua nào đó sau khi tăng thuế má một cách hợp pháp từ nơi xứ sở, rồi do việc ban hành mệnh lệnh mà có thể ban phát tặng phẩm. Tâu Đại vương, phải chăng do nhân ấy vị vua ấy có thể thọ hưởng sự an lạc nào đó? Có phải việc bố thí ấy có thể đưa đến cõi trời?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có điều gì cần phải nói? Thưa Ngài, do nhân ấy vị vua ấy có thể đạt được công đức nhiều trăm ngàn lần thêm hơn nữa là có thể trở thành vị vua vượt trội các vị vua, có thể trở thành vị trời vượt trội các vị trời, có thể trở thành vị Phạm thiên vượt trội các vị Phạm thiên, có thể trở thành vị Sa-môn vượt trội các vị Sa-môn, có thể trở thành vị Bà-la-môn vượt trội các vị Bà-la-môn, có thể trở thành vị A-la-hán vượt trội các vị A-la-hán.

– Tâu Đại vương, như thế thì vật thí đã được bố thí cùng với việc làm kẻ khác khổ đau lại có quả thành tựu là sự an lạc, có thể đưa đến cõi trời, là việc vị vua ấy sau khi áp bức dân chúng bằng thuế má rồi với tặng phẩm đã được ban phát thì thọ hưởng sự an lạc về danh vọng có hình thức như thế thêm hơn nữa.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, vật thí vượt trội đã được đức Vua Vessantara bố thí, là việc vị ấy đã bố thí vợ của mình để làm vợ của kẻ khác, đã bố thí những đứa con ruột thịt của mình để làm nô lệ cho người Bà-la-môn. Thưa Ngài Nāgasena, vật thí vượt trội đã bị lên án, đã bị chê trách bởi các bậc hiểu biết ở thế gian.

Thưa Ngài Nāgasena, giống như bởi vật nặng quá tải mà cái trục của chiếc xe kéo bị gãy, vì vật nặng quá tải mà thuyền chìm, vì đã được ăn quá nhiều mà vật thực trở thành không tiêu, do mưa quá nhiều mà thóc lúa bị hư hại, do sự bố thí quá nhiều mà đưa đến việc khánh tận tài sản, do quá nóng mà phát cháy, do ái luyến quá mức mà trở thành kẻ điên, do quá sân mà trở thành đáng chết, do quá si mê mà lâm cảnh bất hạnh, do quá tham mà đi đến việc bị cướp bắt giữ, do quá sợ hãi mà bị tiêu hoại, do quá đầy mà sông tràn bờ, do gió quá mức mà sét đánh, do quá lửa mà cơm trào, do việc đi lang thang quá mức mà không sống lâu. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, vật thí vượt trội đã bị lên án, đã bị chê trách bởi các bậc hiểu biết ở thế gian. Thưa Ngài Nāgasena, vật thí vượt trội đã được đức Vua Vessantara bố thí, trong trường hợp ấy không có bất cứ quả báo nào là được mong mỏi.

5. – Tâu Đại vương, vật thí vượt trội đã được ngợi khen, tán dương, ca tụng bởi các bậc hiểu biết ở thế gian. Bất cứ những ai bố thí vật thí như thế này hay

như thế nào, thì người bố thí vật thí vượt trội đạt được tiếng tăm ở thế gian. Tâu Đại vương, giống như rễ cây rừng thuộc về cõi trời, với tính chất cao quý vượt trội, đã được nắm vào thì không bị những người khác thậm chí đứng trong tầm tay nhìn thấy; thuốc chữa bệnh với phẩm chất vượt trội là vật tiêu diệt sự đau đớn, làm chấm dứt các căn bệnh; ngọn lửa với ánh sáng vượt trội thì đốt cháy; nước với tính chất mát lạnh vượt trội thì dập tắt; hoa sen với tính chất trong sạch vượt trội thì không bị bùn nước làm lấm lem; ngọc ma-ni với đức tính vượt trội là vật ban cho điều ước; kim cương với tính chất vô cùng sắc bén thì xuyên thủng ngọc ma-ni, ngọc trai, ngọc pha-lê; trái đất với tính chất vô cùng to lớn thì nâng đỡ con người, rắn, thú rừng, chim, nước, đá, núi, cây cối; biển cả bởi tính chất vô cùng rộng lớn mà không bị đầy tràn; núi Sineru do sức nặng vượt trội mà không bị dao động; bầu trời do tính chất cực kỳ rộng lớn là vô biên; mặt trời với ánh sáng vượt trội tiêu diệt sự tăm tối; sư tử do dòng dõi vượt trội không còn sợ hãi; võ sĩ đấu vật do có sức mạnh cực kỳ quật ngã đối thủ một cách nhanh chóng; đức vua với phước báu vượt trội là vị chúa tể; vị Tỳ-khưu với giới hạnh vượt trội đáng được cúi chào bởi các hạng rồng, dạ-xoa, loài người và chư thiên; đức Phật do tính chất cực kỳ cao cả là không kẻ tương đương.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vật thí vượt trội đã được ngợi khen, tán dương, ca tụng bởi các bậc hiểu biết ở thế gian. Bất cứ những ai bố thí vật thí như thế này hay như thế nào, thì người bố thí vật thí vượt trội đạt được tiếng tăm ở thế gian. Với sự bố thí vượt trội, đức Vua Vessantara đã được ngợi khen, tán dương, ca tụng, trọng vọng, tiếng tăm ở trong mười ngàn thế giới. Chính nhờ vào sự bố thí vượt trội ấy, đức Vua Vessantara giờ đây hôm nay đã được trở thành đức Phật, là bậc cao cả ở thế gian có cả chư thiên. Tâu Đại vương, phải chăng ở trên thế gian có loại vật thí là cần được đình chỉ, là không nên được bố thí cho người xứng đáng sự cúng dường, cho người đã đi đến?

6. – Thưa Ngài Nāgasena, mười sự bố thí này ở thế gian không được xem là bố thí. Người nào bố thí những vật thí này, người ấy có sự đi đến địa ngục. Mười sự bố thí nào? Thưa Ngài Nāgasena, sự bố thí chất say ở thế gian không được xem là bố thí. Người nào bố thí vật thí ấy, người ấy có sự đi đến địa ngục. Sự bố thí hội hè… (nt)… Sự bố thí người nữ… (nt)… Sự bố thí bò đực… (nt)… Sự bố thí tranh ảnh [khêu gợi]… (nt)… Sự bố thí vũ khí… (nt)… Sự bố thí thuốc độc… (nt)… Sự bố thí xích xiềng… (nt)… Sự bố thí gà heo… (nt)… Thưa Ngài Nāgasena, sự bố thí cách gian lận về cân và cách gian lận về đo lường ở thế gian không được xem là bố thí. Người nào bố thí vật thí ấy, người ấy có sự đi đến địa ngục. Thưa Ngài Nāgasena, mười sự bố thí này ở thế gian không được xem là bố thí. Người nào bố thí những vật thí ấy, người ấy có sự đi đến địa ngục.

7. – Tâu Đại vương, tôi không hỏi Ngài về việc không được xem là bố thí. Tâu Đại vương, tôi hỏi Ngài về điều này. Tâu Đại vương, phải chăng ở trên thế gian có loại vật thí là cần được đình chỉ, là không nên được bố thí cho người xứng đáng sự cúng dường đã đi đến?

– Thưa Ngài Nāgasena, ở trên thế gian không có loại vật thí là cần được đình chỉ, là không nên được bố thí cho người xứng đáng sự cúng dường đã đi đến. Khi sự tịnh tín của tâm được sanh khởi, một số người dâng vật thực đến các bậc đáng cúng dường, một số người dâng y áo, một số người dâng giường nằm, một số người dâng chỗ ngụ, một số người dâng tấm trải và tấm đắp, một số người dâng tôi trai tớ gái, một số người dâng ruộng vườn, một số người dâng thú hai chân hoặc bốn chân, một số người dâng trăm, ngàn, trăm ngàn đồng, một số người dâng vương quốc rộng lớn, một số người bố thí luôn cả mạng sống.

– Tâu Đại vương, nếu một số người bố thí luôn cả mạng sống, thì vì lý do gì Ngài lại công kích thí chủ Vessantara quá dữ dội về việc đã khéo bố thí các con và vợ. Tâu Đại vương, phải chăng có thói thường ở thế gian, tập quán ở thế gian là người cha bị mắc nợ hoặc không có kế sinh nhai thì được cầm cố hoặc bán đi người con trai?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Người cha bị mắc nợ hoặc không có kế sinh nhai thì được phép để cầm cố hoặc bán đi người con trai.

– Tâu Đại vương, nếu người cha bị mắc nợ hoặc không có kế sinh nhai thì được phép để cầm cố hoặc bán đi người con trai. Tâu Đại vương, đức Vua Vessantara, trong khi không đạt được trí toàn tri, bị buồn rầu, bị khổ sở, nên đã cầm cố và đã bán đi các con và vợ nhằm đạt được tài sản giáo pháp ấy. Tâu Đại vương, như thế việc đã bố thí bởi đức Vua Vessantara cũng chỉ là việc đã bố thí của những người khác, việc đã làm cũng chỉ là việc đã được làm. Tâu Đại vương, vậy thì tại sao Ngài lại công kích thí chủ Vessantara quá dữ dội về việc bố thí ấy?

8. – Thưa Ngài Nāgasena, trẫm không chê trách việc bố thí của thí chủ Vessantara. Tuy nhiên, trong khi người ta cầu xin con và vợ thì nên mặc cả và nên bố thí bản thân mình.

– Tâu Đại vương, việc ấy không phải là việc làm của người có đức hạnh, là trong khi người ta cầu xin con và vợ thì lại bố thí bản thân mình. Bởi vì trong khi người ta cầu xin cái nào thì chính cái ấy nên được bố thí. Đây là hành động của các bậc thiện nhân. Tâu Đại vương, giống như người nam nào đó bảo đem nước đến, người nào đem đến thức ăn cho ông ta, tâu Đại vương, phải chăng người nam ấy là người làm được việc cho ông ta?

– Thưa Ngài, không đúng. Ông ta bảo đem lại cái gì thì trong khi trao cho ông ta chính cái ấy mới là người làm được việc.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Vua Vessantara trong khi người Bà-la-môn cầu xin các con và vợ thì đã bố thí chính các con và vợ. Tâu Đại vương, nếu người Bà-la-môn cầu xin thân xác của Vessantara, tâu Đại vương, vị ấy sẽ không bảo vệ bản thân mình, không dao động, không bị quyến luyến, đối với vị ấy chính cái vật được bố thí, được xả bỏ, sẽ là thân xác. Tâu Đại vương, nếu ai đó đi đến thí chủ Vessantara và cầu xin: "Hãy trở thành nô lệ của ta", thì chính cái vật được bố thí, được xả bỏ, sẽ là thân xác của vị ấy. Sau khi

đã bố thí, vị ấy không bứt rứt. Tâu Đại vương, thân thể của đức Vua Vessantara là chung cho cả số đông.

Tâu Đại vương, giống như miếng thịt đã nấu chín là chung cho cả số đông. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thân thể của đức Vua Vessantara là chung cho cả số đông. Tâu Đại vương, hoặc là giống như cây đã được kết trái là chung cho các bầy chim khác nhau. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thân thể của đức Vua Vessantara là chung cho cả số đông. Vì lý do gì? [Nghĩ rằng:] "Trong khi thực hành như vầy, ta sẽ đạt được phẩm vị Chánh đẳng giác."

Tâu Đại vương, giống như người nam không có tài sản tầm cầu về tài sản, trong khi đi lang thang tìm kiếm tài sản thì đi theo lối đi của loài dê, theo lối đi đầy gai góc, theo lối đi nơi hoang dã, tiến hành việc buôn bán ở sông nước hoặc ở đất liền, tom góp tài sản bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, nỗ lực nhằm đạt được tài sản. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nhằm sự thành tựu báu vật là trí toàn tri, sau khi buông bỏ tài sản và lúa gạo, tôi trai và tớ gái, thuyền và xe, toàn bộ của cải, các con và vợ của mình luôn cả bản thân cho những người xin xỏ, thí chủ Vessantara không có tài sản về tài sản của vị Phật, tầm cầu chỉ riêng phẩm vị Chánh đẳng giác.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như vị quan đại thần, mong muốn cái dấu ấn, có sự tranh chấp về dấu ấn, bất cứ vật gì ở trong nhà như tài sản, lúa gạo, vàng khối, vàng ròng, thậm chí cho đi tất cả các thứ ấy, và nỗ lực nhằm đạt được cái dấu ấn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thí chủ Vessantara sau khi cho đi tất cả tài sản ở bên ngoài và bên trong ấy, còn cho luôn mạng sống của những người khác, và tầm cầu chỉ riêng phẩm vị Chánh đẳng giác.

9. Tâu Đại vương, thêm nữa thí chủ Vessantara đã khởi ý như vầy: "Vật mà người Bà-la-môn cầu xin, trong khi cho chính vật ấy đến gã, ta được gọi là người làm được việc." Như thế vị ấy đã bố thí các con và vợ đến gã ấy. Tâu Đại vương, thí chủ Vessantara không phải vì ghét bỏ mà đã bố thí các con và vợ đến người Bà-la-môn, không phải vì nghĩ rằng: "Các con và vợ của ta là quá nhiều, ta không thể nuôi dưỡng họ" mà đã bố thí các con và vợ, đã không bất mãn [nghĩ rằng]: "Họ không được ta yêu quý" mà đã bố thí các con và vợ vì muốn đuổi đi. Khi ấy, vì lòng yêu quý đối với chỉ riêng báu vật là trí toàn tri, vì lý do của trí toàn tri, đức Vua Vessantara đã bố thí đến người Bà-la-môn vật thí quý giá gồm các con và vợ, là vật yêu quý, được ưa thích, được yêu mến, sánh bằng mạng sống, không thể đo lường, bao la, vô thượng có hình thức như thế.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Cariyāpitaka* (*Hạnh tạng*):

"*Cả hai người con không có bị Ta ghét bỏ, Hoàng hậu Maddī không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã bố thí những người thân yêu.*"

Tâu Đại vương, ở nơi ấy, đức Vua Vessantara, sau khi bố thí các con, đã đi

vào gian nhà lá rồi nằm xuống. Vị ấy, bị đau khổ do lòng thương mến quá độ, đã khởi lên cơn sầu muộn mãnh liệt, vùng trái tim đã trở nên nóng, khi mũi không được thông, đã đưa hơi thở ra vào nóng hổi qua đường miệng, các giọt nước mắt, sau khi lăn tròn trở thành những hạt máu đỏ, đã đi ra từ những con mắt. Tâu Đại vương, với nỗi khổ đau như thế, đức Vua Vessantara đã bố thí các con [nghĩ rằng]: "Chớ làm suy giảm đạo lộ bố thí của ta."

Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Vua Vessantara đã bố thí hai đứa nhỏ cho người Bà-la-môn vì hai điều lợi ích. Hai điều nào? [Nghĩ rằng:] "Đạo lộ bố thí của ta sẽ không bị hư hỏng. Và khi những đứa con nhỏ của ta bị khổ sở vì rễ và trái cây rừng, do nhân này ông nội sẽ giải thoát chúng." Tâu Đại vương, bởi vì đức Vua Vessantara biết rằng: "Hai đứa nhỏ của ta không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Và ông nội sẽ chuộc lại hai đứa nhỏ này. Cuộc hành trình của chúng ta sẽ là như vậy." Tâu Đại vương, vì hai điều lợi ích này mà đức Bồ-tát đã bố thí hai đứa nhỏ cho người Bà-la-môn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, đức Vua Vessantara biết rằng: "Người Bà-la-môn quả đã già, lão, lớn tuổi, yếu đuối, tàn tạ, chống gậy, tuổi thọ đã hết, phước báu ít ỏi; gã này không có khả năng để sử dụng hai đứa nhỏ này theo lối sử dụng nô lệ." Tâu Đại vương, phải chăng người nam với sức mạnh tự nhiên có thể cầm lấy mặt trăng và mặt trời có đại thần lực có đại oai lực này bỏ vào cái hộp hay cái giỏ, làm cho hết ánh sáng, rồi sử dụng theo lối sử dụng cái đĩa?

– Thưa Ngài, không được.

10. – Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như mặt trăng và mặt trời ở thế gian này, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ.

Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như viên ngọc quý ma-ni của đức Chuyển Luân Vương là rực rỡ, có phẩm chất, đã khéo được gọt giũa thành tám mặt, bề dài bốn cánh tay, có chu vi giống như trục bánh của chiếc xe kéo, không thể bị bất cứ ai bao bọc lại bằng mảnh vải rồi bỏ trong cái hộp, và sử dụng theo lối sử dụng đá mài dao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như viên ngọc quý ma-ni của đức Chuyển Luân Vương ở thế gian, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ.

Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như tượng vương Uposatha bị tiết dục ở ba nơi, hoàn toàn màu trắng, được vững chãi gấp bảy lần, có chiều cao tám *ratana*,[12] chiều dài và chu vi chín *ratana*, duyên dáng, đáng nhìn, không thể bị bất cứ ai che đậy lại bằng cái nia hoặc cái vung, hoặc quăng vào trại bò để chăm nom như là con

[12] *Ratana* = 0.25m, đơn vị đo chiều dài. (ND)

bò con. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như tượng vương Uposatha ở thế gian, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ.

Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như đại dương được trải rộng bao la về chiều dài, sâu thẳm, không thể đo lường, khó thể vượt qua, chưa bị thăm dò, không bị che lại, không thể bị bất cứ ai đóng lại tất cả các nơi để tiến hành việc sử dụng bằng một bến tàu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như đại dương ở thế gian, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ.

Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như núi chúa Hy-mã-lạp vươn cao lên không trung năm trăm do-tuần, chiều dài và chiều rộng ba ngàn do-tuần, được điểm tô với tám mươi bốn ngàn đỉnh núi, là khởi nguyên của năm trăm con sông lớn, là chỗ ngụ của những đoàn sinh vật khổng lồ, nơi chất chứa các hương thơm nhiều loại, được điểm trang với hàng trăm dược thảo ở cõi trời, được nhìn thấy vươn lên cao như là đám mây ở không trung. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Vessantara được xem như núi chúa Hy-mã-lạp ở thế gian, hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ.

Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như khối lửa lớn đang cháy sáng ở bên trên đỉnh núi trong đêm tối đen mờ mịt được nhận biết dầu ở rất xa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Vua Vessantara tợ như khối lửa lớn đang cháy sáng ở đỉnh núi, được nổi tiếng, được nhận biết dầu ở rất xa. Hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ.

Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do ấy hai đứa nhỏ của Vessantara không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ. Tâu Đại vương, giống như ở núi Hy-mã-lạp, vào mùa hoa của cây thiết mộc, khi có ngọn gió trực chỉ đang thổi thì hương của các bông hoa tỏa ra mười, mười hai do-tuần. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tiếng tăm tốt đẹp của đức Vua Vessantara cũng được loan truyền và hương thơm cao quý về giới hạnh của vị này tỏa ra một ngàn do-tuần ở các cung điện của chư thiên, a-tu-la, nhân điểu, càn-thát-bà, dạ-xoa, quỷ sứ, rắn chúa, chim đầu người và vị thần Inda, ở khoảng giữa của các nơi ấy cho đến cõi Sắc Cứu Cánh, vì thế hai đứa nhỏ của vị ấy không thể bị bất cứ ai sử dụng theo lối sử dụng nô lệ.

Tâu Đại vương, Hoàng tử Jālī đã được vua cha Vessantara chỉ dạy là: "Này con yêu, trong khi ông nội của con trao tài sản cho người Bà-la-môn và chuộc lại con, thì ông nội hãy trao cho ông ta một ngàn đồng tiền vàng rồi chuộc lại.

Trong khi chuộc lại Kaṇhājinā, thì ông nội hãy trao ra mỗi thứ một trăm là trăm tôi trai, trăm tớ gái, trăm voi, trăm ngựa, trăm bò sữa, trăm bò mộng, trăm đồng tiền vàng, rồi chuộc lại. Này con yêu, nếu ông nội của con giành lấy các con từ tay của người Bà-la-môn bằng mệnh lệnh, bằng sức lực, hoặc miễn phí, thì các con chớ làm theo lời nói của ông nội, mà hãy đi theo chính người Bà-la-môn." Sau khi chỉ dạy như thế rồi đã gởi đi. Sau đó, Hoàng tử Jālī đã ra đi, đến khi được ông nội hỏi, đã nói rằng:

"*Thưa ông, bởi vì cha đã cho con đến người Bà-la-môn với giá một ngàn, còn cô con gái Kaṇhājinā là bằng tài sản cá nhân và giá của những con voi.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, câu hỏi đã khéo được tháo gỡ, mạng lưới tà kiến đã khéo được phá vỡ, các học thuyết khác đã khéo được nghiền nát, kiến thức của bản thân đã khéo được giải thích, vấn đề phụ thuộc đã khéo được làm rõ, ý nghĩa đã khéo được phân tích. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc bố thí con của Vessanta" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HÀNH KHỔ HẠNH (*Dukkarakārikāpañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, toàn bộ tất cả các đức Bồ-tát đều thực hiện việc hành khổ hạnh, hay là việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ-tát Gotama thực hiện?

– Tâu Đại vương, không có việc hành khổ hạnh đối với tất cả các đức Bồ-tát. Việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ-tát Gotama thực hiện.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu như vậy thì việc có sự khác biệt giữa các vị Bồ-tát với các vị Bồ-tát là không hợp lý.

– Tâu Đại vương, sự khác biệt giữa các vị Bồ-tát với các vị Bồ-tát là bởi bốn sự kiện. Bởi bốn sự kiện nào? Sự khác biệt về dòng dõi, sự khác biệt về khoảng thời gian, sự khác biệt về tuổi thọ, sự khác biệt về kích thước. Tâu Đại vương, sự khác biệt giữa các vị Bồ-tát với các vị Bồ-tát là bởi bốn sự kiện này.

Tâu Đại vương, tất cả các vị Bồ-tát không có sự khác biệt về vóc dáng, về giới, về định, về tuệ, về giải thoát, về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát, về bốn pháp tự tín, về mười Như Lai lực, về sáu trí không phổ thông [đến các vị Thinh văn], về mười bốn trí của vị Phật, về mười tám pháp của vị Phật, và toàn bộ các đức hạnh của vị Phật. Tất cả chư Phật đều là đồng đẳng về các pháp của vị Phật.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, nếu tất cả chư Phật đều là đồng đẳng về các pháp của vị Phật, thì vì lý do gì mà việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ-tát Gotama thực hiện?

– Tâu Đại vương, khi trí chưa được chín muồi, khi sự giác ngộ chưa được chín muồi thì đức Bồ-tát Gotama đã ra đi theo hạnh xuất ly. Trong khi đang làm chín muồi trí chưa được chín muồi thì đức Bồ-tát đã thực hiện các việc hành khổ hạnh.

– Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà đức Bồ-tát, khi trí chưa được chín muồi, khi sự giác ngộ chưa được chín muồi, lại ra đi theo hạnh xuất ly? Chẳng phải là nên làm chín muồi trí trước, khi trí đã được chín muồi thì sẽ ra đi?

– Tâu Đại vương, đức Bồ-tát sau khi nhìn thấy hậu cung bị lộn xộn, đã có sự ân hận, khi vị ấy có sự ân hận, sự không còn hứng thú đã khởi lên. Sau khi nhận ra tâm không còn hứng thú đã được sanh khởi, một vị thiên tử nào đó thuộc nhóm của Ma vương [nghĩ rằng]: "Đây quả là lúc để xua đi tâm không còn hứng thú", rồi đã đứng ở không trung và nói lời nói này: "Thưa Ngài, thưa Ngài, xin Ngài chớ bất mãn. Vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, bánh xe báu thuộc cõi trời có ngàn căm, có bánh xe, có trục, được đầy đủ mọi bộ phận, sẽ hiện ra cho Ngài. Và các báu vật di chuyển ở trên đất và ngự ở trên trời cũng sẽ tự động di chuyển đến với Ngài, mệnh lệnh từ miệng của một mình Ngài sẽ vận hành ở bốn châu lục và hai ngàn đảo nhỏ phụ thuộc, Ngài sẽ có hơn một ngàn con trai, là những dũng sĩ có dáng vóc và chi thể của người anh hùng, có sự nghiền nát đạo quân đối phương. Được tháp tùng bởi những người con trai ấy, được thành tựu bảy báu vật, Ngài sẽ lãnh đạo bốn châu lục."

Tâu Đại vương, giống như cái cọc sắt bị đốt lửa nguyên ngày, đang được nung nóng toàn bộ, rồi xuyên vào lỗ tai, tâu Đại vương, lời nói ấy đã đi vào lỗ tai của đức Bồ-tát tương tợ y như thế. Tóm lại, vị ấy lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như khối lửa to lớn khổng lồ đang cháy sáng, được bỏ thêm củi khác vào thì có thể cháy sáng thêm hơn nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Bồ-tát lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như đại địa cầu, bình thường đã bị ẩm ướt, có những vùng cỏ xanh mới mọc, có nước tưới lên, trở thành lầy lội, có thể trở nên lầy lội hơn với mức độ nhiều hơn khi có cơn mưa lớn lại đổ xuống lần nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Bồ-tát lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, nếu vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời sanh lên cho đức Bồ-tát, có phải khi bánh xe báu thuộc cõi trời được sanh lên thì đức Bồ-tát sẽ quay trở lui lại?

– Tâu Đại vương, bởi vì vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời không sanh lên cho đức Bồ-tát, thì vị thiên nhân ấy đã nói lời nói dối nhằm khêu gợi lòng tham. Tâu Đại vương, nếu vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời sanh lên thì đức Bồ-tát sẽ không quay trở lui. Vì lý do gì? Tâu Đại vương, đức Bồ-tát đã nắm giữ chắc chắn rằng: "Là vô thường", đã nắm giữ chắc chắn rằng: "Là khổ não, là vô ngã", đã đạt đến sự cạn kiệt về chấp thủ.

Tâu Đại vương, giống như nước từ hồ nước Anotatta chảy vào sông Gaṅgā, từ sông Gaṅgā chảy vào đại dương, từ đại dương đi vào miệng của lòng trái đất, phải chăng nước ấy từ miệng của lòng trái đất có thể quay trở lui lại rồi chảy vào đại dương, từ đại dương chảy vào sông Gaṅgā, từ sông Gaṅgā chảy vào lại hồ Anotatta?

– Thưa Ngài, không thể.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, pháp thiện đã được đức Bồ-tát làm cho chín muồi trong bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp vì lý do của lần hiện hữu này. Vị ấy có lần hiện hữu sau cùng đã được đạt đến, có trí giác ngộ đã được chín muồi, sau sáu năm sẽ trở thành đức Phật, đấng Toàn Tri, nhân vật cao cả ở thế gian. Tâu Đại vương, có phải đức Bồ-tát có thể quay trở lại vì lý do bánh xe báu?

– Thưa Ngài, không thể.

– Tâu Đại vương, thêm nữa, đại địa cầu với rừng với núi có thể lật ngược lại, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nếu nước của sông Gaṅgā cũng có thể chảy ngược dòng, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nếu đại dương với sự chứa đựng lượng nước vô hạn, cũng có thể khô cạn như là nước ở dấu chân bò, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nếu núi chúa Sineru cũng có thể đổ vỡ thành trăm mảnh, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nếu mặt trăng và mặt trời luôn cả các vì sao cũng có thể rơi xuống như là cục đất rơi xuống mặt đất, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh đẳng giác. Tâu Đại vương, nếu bầu trời cũng có thể cuộn tròn như là chiếc chiếu, nhưng đức Bồ-tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh đẳng giác. Vì lý do gì? Vì trạng thái đã được phá vỡ đối với tất cả các sự trói buộc.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, có bao nhiêu sự trói buộc ở thế gian?

– Tâu Đại vương, đây là mười sự trói buộc ở thế gian, bị trói buộc bởi những sự trói buộc này chúng sanh không thể ra đi, sau khi ra đi rồi cũng quay trở lui.

Mười sự trói buộc nào?

Tâu Đại vương, mẹ là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, cha là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, vợ là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, các con là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, thân quyến là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, bạn bè là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, tài sản là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, lợi lộc và sự tôn vinh là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, quyền uy là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, năm loại dục là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu Đại vương, đây là mười sự trói buộc ở thế gian, bị trói buộc bởi những sự trói buộc này chúng sanh không thể ra đi, sau khi ra đi rồi cũng quay trở lui. Mười sự trói buộc ấy của đức Bồ-tát đã bị chặt đứt, đã bị tách ra, đã bị phá vỡ. Tâu Đại vương, vì thế đức Bồ-tát không quay trở lui.

5. – Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức Bồ-tát, khi tâm không còn hứng thú đã được sanh khởi, do lời nói của vị thiên nhân mà ra đi theo hạnh xuất ly vào lúc trí chưa được chín muồi, vào lúc sự giác ngộ chưa được chín muồi, và do việc hành khổ hạnh đã được thực hiện thì vị ấy có được điều gì? Chẳng lẽ sự chín muồi của trí sẽ được tu tập bởi người đang mong đợi nhờ vào tất cả các loại vật thực?

– Tâu Đại vương, mười hạng người này ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến.

Mười hạng nào? Tâu Đại vương, người nữ là góa phụ ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến.

Tâu Đại vương, người yếu đuối,

Tâu Đại vương, người không bạn bè và thân quyến,

Tâu Đại vương, người ham ăn,

Tâu Đại vương, người chưa sống ở nhà của thầy giáo,

Tâu Đại vương, người có bạn ác,

Tâu Đại vương, người thấp kém về tài sản,

Tâu Đại vương, người thấp kém về tánh hạnh,

Tâu Đại vương, người thấp kém về nghiệp,

Tâu Đại vương, người thấp kém về sự gắng sức ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến.

Tâu Đại vương, đây là mười hạng người ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến.

Tâu Đại vương, trong khi nhớ lại mười trường hợp này, đức Bồ-tát có ý tưởng như vầy đã sanh khởi: "Ta chớ có trở thành người thấp kém về nghiệp, thấp kém về sự gắng sức, bị chư thiên và loài người chê trách. Tốt hơn ta nên là chủ nhân của nghiệp, nên sống không xao lãng, có sự tôn trọng nghiệp, có sự làm chủ đối với nghiệp, có thói quen ở nghiệp, có hành trang là nghiệp, có chỗ ngụ ở trong nghiệp." Tâu Đại vương, đức Bồ-tát trong khi làm chín muồi trí đã thực hiện việc hành khổ hạnh như thế.

6. – Thưa Ngài Nāgasena, đức Bồ-tát, trong khi thực hiện việc hành khổ hạnh, đã nói như vầy: "Do việc hành khổ hạnh nhức nhối này, ta không chứng đắc các pháp thượng nhân, pháp đặc biệt thuộc về trí tuệ và sự thấy biết xứng đáng bậc Thánh; có thể có đạo lộ khác đưa đến sự giác ngộ?" Có phải vào lúc ấy đức Bồ-tát đã có sự mất mát về trí nhớ liên quan đến đạo lộ?

– Tâu Đại vương, đây là hai mươi lăm pháp làm tâm yếu đuối, tâm bị chúng làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc.

Hai mươi lăm pháp nào? Tâu Đại vương, sự giận dữ làm tâm yếu đuối, tâm bị nó làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, sự thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bỏn xẻn, xảo trá, bội bạc, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, kiêu căng, đam mê, xao lãng, dã dượi buồn ngủ, uể oải, lười biếng, bạn xấu, các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, sự đói, sự khát, sự không hứng thú làm tâm yếu đuối, tâm bị nó làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, đây là hai mươi lăm pháp làm tâm yếu đuối, tâm bị chúng làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc.

Tâu Đại vương, hơn nữa, thân thể của đức Bồ-tát đã bị kiệt quệ vì sự đói khát, khi thân thể bị kiệt quệ tâm không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Tâu Đại vương, trong bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, đức Bồ-tát đã theo đuổi sự chứng ngộ về bốn chân lý cao thượng ở những kiếp sống ấy. Vậy thì tại sao ở lần hiện hữu cuối cùng của vị ấy, kiếp sống của sự chứng ngộ, lại có sự mất mát về trí nhớ liên quan đến đạo lộ? Tâu Đại vương, thêm nữa, đức Bồ-tát đã có ý tưởng sanh khởi rằng: "Có thể có đạo lộ khác đưa đến giác ngộ?" Tâu Đại vương, quả là trước đây, đức Bồ-tát, vào lúc một tháng tuổi, ở nơi công trường của người cha và dòng Sakya, tại bóng mát của cây mận đỏ, tại chiếc giường lộng lẫy, đã ngồi, xếp chân vào thế kiết-già, sau khi tách ly hẳn các dục, tách ly các bất thiện pháp, đạt đến và an trú sơ thiền, có tầm, có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. Trong khi làm chín muồi trí tuệ, đức Bồ-tát đã thực hiện việc hành khổ hạnh.

"Câu hỏi về việc hành khổ hạnh" là thứ hai.

3. CÂU HỎI VỀ THIỆN HAY BẤT THIỆN MẠNH HƠN (*Kusalākusalabalavatarapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, cái nào trội hơn, mạnh hơn, thiện hay là bất thiện?

– Tâu Đại vương, thiện là trội hơn, mạnh hơn, bất thiện thì không như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm không chấp nhận lời nói ấy: "Thiện là trội hơn, mạnh hơn, bất thiện thì không như vậy." Thưa Ngài Nāgasena, ở đây được thấy những kẻ giết hại mạng sống, lấy vật chưa được cho, có hành vi sai trái trong các dục, nói lời dối trá, tàn phá làng mạc, quân cướp đường, gian lận, lường gạt,

tất cả những kẻ ấy nhận chịu việc bị chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, [nhúng vào] hũ giấm chua, cạo đầu bôi vôi, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, mặc y phục vỏ cây, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, ngồi ở ghế rơm, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu bằng gươm tương xứng với tội ác, những ai làm điều ác ban đêm thì gánh chịu hậu quả ngay trong đêm, những ai làm ban đêm thì gánh chịu trong ngày [kế], những ai làm ban ngày thì gánh chịu ngay trong đêm, những ai đã trải qua hai ba ngày thì gánh chịu hai ba ngày, tất cả những người ấy đều gánh chịu hậu quả ngay trong hiện tại. Thưa Ngài Nāgasena, trái lại có phải có người nào đó sau khi bố thí vật thí có cả vật phụ tùng đến một vị, hoặc hai vị, hoặc ba vị, hoặc bốn vị, hoặc năm vị, hoặc mười vị, hoặc một trăm vị, hoặc một ngàn vị, hoặc một trăm ngàn vị, thì trở thành người hưởng thụ của cải, hoặc danh tiếng, hoặc an lạc, nhờ vào giới hoặc việc hành trai giới trong thời hiện tại?

– Tâu Đại vương, có bốn người sau khi bố thí vật thí, sau khi thọ trì giới, sau khi thực hiện việc hành trai giới thì đạt đến danh vọng ở thành phố của chư thiên bằng chính cơ thể thân xác ấy ngay trong thời hiện tại.

2. – Thưa Ngài, ai và ai vậy?

– Tâu Đại vương, đức Vua Mandhātā, đức Vua Nimi, đức Vua Sādhīna và Càn-thát-bà Guttila.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều ấy rõ ràng là đã trải qua nhiều ngàn đời. Điều ấy cũng là vượt ngoài tầm nhìn của hai chúng ta. Nếu Ngài có khả năng, xin Ngài hãy nói về cuộc đời đang còn tiếp diễn, vào thời điểm đang còn đức Thế Tôn.

– Tâu Đại vương, thậm chí ở cuộc đời đang còn tiếp diễn, kẻ nô lệ Puṇṇaka sau khi dâng vật thực đến Trưởng lão Sāriputta thì đã đạt đến địa vị nhà triệu phú ngay trong ngày ấy, vị ấy hiện nay đã được biết là: "Triệu phú Punnaka." Hoàng hậu Gopālamātā sau khi bán mái tóc của chính mình, với tám đồng tiền nhận được đã dâng đồ ăn khất thực đến Trưởng lão Mahākaccāyana, [cùng với bảy vị khác] và bản thân Ngài là vị thứ tám, thì đã đạt được ngôi vị hoàng hậu chánh cung của đức vua xứ Udena ngay trong ngày ấy. Nữ cư sĩ Suppiyā sau khi đã dâng nước súp nấu với thịt đùi của chính mình đến một vị Tỳ-khưu bệnh nọ, thì ngay trong ngày thứ nhì vết thương đã được liền lại, có làn da đẹp, đã được hết bệnh.

Mallikādevī, sau khi dâng phần cháo chua của đêm hôm qua đến đức Thế Tôn, đã trở thành hoàng hậu chánh cung của đức vua xứ Kosala ngay trong ngày ấy. Người thợ làm tràng hoa Sumana, sau khi cúng dường đức Thế Tôn với tám nắm hoa nhài, đã đạt được sự thành tựu lớn lao ngay trong ngày ấy. Vị Bà-la-môn Ekasāṭaka [có độc một tấm vải che thân], sau khi cúng dường đức Thế Tôn với tấm vải khoác ngoài, đã đạt được tất cả mỗi thứ tám món ngay

trong ngày ấy. Tâu Đại vương, tất cả những người này cũng đã hưởng thụ của cải và danh vọng ở thời hiện tại.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, sau khi chọn lựa và tìm kiếm, có phải Ngài đã thấy chỉ có sáu người?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì chính bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy. Thưa Ngài Nāgasena, bởi vì chỉ trong một ngày trẫm nhìn thấy mười người nam, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi người nam đang bị đặt trên các giáo nhọn do hậu quả của nghiệp ác. Trẫm nhìn thấy trăm người nam, ngàn người nam đang bị đặt trên các giáo nhọn do hậu quả của nghiệp ác. Thưa Ngài Nāgasena, người con trai của vị tướng quân thuộc dòng họ Nanda có tên là Bhaddasāla. Cuộc chiến đấu giữa vị ấy và đức Vua Candagutta đã diễn ra ác liệt. Thưa Ngài Nāgasena, hơn nữa trong cuộc chiến đấu ấy, đã có tám mươi thây người cụt đầu ở cả hai đoàn quân. Nghe nói khi một cái giỏ đựng đầu được tràn đầy thì có một thây người cụt đầu đứng dậy. Tất cả những người này lâm vào tai họa và bất hạnh do hậu quả của chính nghiệp ác. Thưa Ngài Nāgasena, cũng vì lý do này mà trẫm nói rằng: "Chính bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy." Thưa Ngài Nāgasena, có phải được nghe là trong thời giáo pháp của đức Phật này, vật thí không thể sánh bằng đã được bố thí bởi đức vua xứ Kosala?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Có được nghe.

– Thưa Ngài Nāgasena, phải chăng đức vua xứ Kosala, sau khi bố thí vật thí không thể sánh bằng ấy, do nhân ấy đã nhận được của cải hay danh vọng hay sự an lạc nào đó trong thời hiện tại?

– Tâu Đại vương, không có.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu đức vua xứ Kosala, thậm chí sau khi bố thí vật thí không thể sánh bằng có hình thức như thế, do nhân ấy đã không nhận được của cải hay danh vọng hay sự an lạc trong thời hiện tại. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì chính bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy.

4. – Tâu Đại vương, vì tính chất nhỏ nhoi nên bất thiện chuyển biến mau chóng. Do tính chất rộng lớn nên thiện chuyển biến cần thời gian dài. Tâu Đại vương, điều này nên được quan sát bằng ví dụ. Tâu Đại vương, giống như ở xứ sở Aparanta, có giống lúa tên là kumudabhaṇḍikā sau một tháng thì được gặt rồi đem vào trong nhà. Các lúa sāli chín sau năm sáu tháng. Tâu Đại vương, vậy thì ở đây có điều gì khác nhau? Giữa lúa kumudabhaṇḍikā và các loại lúa sāli có điều gì là khác biệt?

– Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của lúa kumudabhaṇḍikā và tính chất rộng lớn của các lúa sāli. Thưa Ngài Nāgasena, các lúa sāli là xứng đáng với đức vua, là thực phẩm của đức vua, còn lúa kumudabhaṇḍikā là thực phẩm của các nô bộc và những người làm công việc.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vì tính chất nhỏ nhoi nên bất thiện chuyển biến mau chóng. Do tính chất rộng lớn nên thiện chuyển biến cần thời gian dài.

– Thưa Ngài Nāgasena, trong trường hợp ấy cái nào chuyển biến mau chóng, cái ấy ở thế gian gọi là trội hơn, mạnh hơn. Do đó, bất thiện là trội hơn, mạnh hơn, thiện thì không như vậy. Thưa Ngài Nāgasena, giống như người lính chiến nào đó, sau khi tiến vào cuộc chiến đấu lớn lao vĩ đại, thì nắm lấy kẻ thù ở nách, lôi đi, rồi mau chóng hơn nữa đưa đến các chủ soái, người lính chiến ấy ở thế gian gọi là dũng sĩ tài năng. Và người thầy thuốc nào nhanh chóng lấy ra mũi tên, xua đi cơn bệnh, người thầy thuốc ấy gọi là thông thạo. Người kế toán nào tính toán vô cùng mau lẹ và nhanh chóng phô bày [kết quả], người kế toán ấy gọi là thông thạo. Người võ sĩ nào nhanh chóng nhấc bổng và vật ngã ngửa đối thủ, người võ sĩ ấy gọi là dũng sĩ tài năng. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, cái nào chuyển biến mau chóng, dầu là thiện hay là bất thiện, cái ấy ở thế gian là trội hơn, mạnh hơn.

5. – Tâu Đại vương, luôn cả hai nghiệp ấy đều được cảm thọ trong tương lai. Tuy nhiên, bất thiện do có tội lỗi nên lập tức chịu cảm thọ trong thời hiện tại. Tâu Đại vương, các vị Sát-đế-ly trước đây đã thành lập quy định này: "Kẻ nào giết hại mạng sống, kẻ ấy xứng đáng hình phạt; kẻ nào lấy vật chưa cho, kẻ nào đi đến vợ người khác, kẻ nào nói lời dối trá, kẻ nào tàn phá xóm làng, kẻ nào cướp giật đường sá, kẻ nào thực hiện việc gian lận và lường gạt, kẻ ấy xứng đáng hình phạt, nên bị giết chết, nên bị chém, nên bị phanh [thây], nên bị trừng phạt." Căn cứ vào việc ấy, sau khi cân nhắc xét đoán, họ gia hình, giết chết, chém, phanh [thây] và trừng phạt. Tâu Đại vương, phải chăng có điều quy định đã được thành lập bởi những ai đó rằng: "Người nào bố thí vật thí, hoặc gìn giữ giới, hoặc thực hiện việc hành trai giới, thì người ấy sẽ được ban thưởng tài sản hoặc danh vọng?" Phải chăng sau khi cân nhắc xét đoán về việc ấy, họ ban thưởng tài sản hoặc danh vọng, tương tợ như việc giết chết hoặc giam cầm đối với hành động đã làm của kẻ trộm cướp?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, nếu họ sau khi cân nhắc xét đoán có thể ban thưởng tài sản hoặc danh vọng đến các thí chủ, thì thiện cũng có thể được cảm thọ trong hiện tại. Tâu Đại vương, bởi vì họ không cân nhắc về các thí chủ rằng: "Chúng ta sẽ ban thưởng tài sản hoặc danh vọng", vì thế thiện không được cảm thọ trong hiện tại. Tâu Đại vương, vì lý do này bất thiện chịu cảm thọ trong hiện tại, và kẻ ấy cảm nhận cảm thọ trội hơn, mạnh hơn ngay trong tương lai.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Thiếu vắng bậc có sự giác ngộ như là Ngài, câu hỏi này đã không khéo được tháo gỡ. Thưa Ngài Nāgasena, việc thuộc về thế gian đã được giảng giải bằng cách vượt trên thế gian.

"Câu hỏi về thiện hay bất thiện mạnh hơn" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỒI HƯỚNG ĐẾN QUYẾN THUỘC ĐÃ QUÁ VÃNG (*Pubbapetādisapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, các thí chủ này sau khi bố thí vật thí, hồi hướng đến các quyến thuộc đã quá vãng rằng: "Việc này hãy thành tựu cho những người ấy." Phải chăng những người ấy do nhân ấy nhận được quả thành tựu nào đó?

– Tâu Đại vương, một số nhận được, một số không nhận được.

– Thưa Ngài, những ai nhận được, những ai không nhận được?

– Tâu Đại vương, những người đã sanh vào địa ngục không nhận được, những người đã đi đến cõi trời không nhận được, những người đã đi đến bản thể loài thú không nhận được, trong số bốn hạng người đã quá vãng, ba hạng người đã quá vãng không nhận được là hạng chỉ ăn đồ được mửa ra, hạng bị hành hạ bởi sự đói khát, hạng luôn bị dằn vặt bởi sự khao khát. Hạng người đã quá vãng nhận được là hạng sống nhờ vào sự bố thí của người khác, thậm chí những người ấy ngay trong khi nhớ đến cũng nhận được.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì sự bố thí của các thí chủ đã được làm để hồi hướng đến những người nào, nếu những người ấy không nhận được thì bị uổng phí, thì không có kết quả?

– Tâu Đại vương, việc bố thí ấy không hẳn là không có kết quả, là không có quả thành tựu. Chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì xin Ngài giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ?

– Tâu Đại vương, ở đây một số người nào đó chuẩn bị cá, thịt, rượu, thức ăn, vật nhai, rồi đi đến nhà của thân quyến. Nếu những thân quyến ấy không thọ nhận quà biếu ấy, phải chăng quà biếu ấy trở nên uổng phí, hoặc bị mất mát?

– Thưa Ngài, không đúng. Vật ấy là thuộc về chính các người chủ.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nam đã đi vào nội phòng, trong khi lối đi ra không có ở phía trước thì có thể đi ra bằng cách nào?

– Thưa Ngài, bằng chính lối đã đi vào.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, hãy là vậy. Chúng tôi chấp nhận điều này đúng theo như vậy: "Chính các thí chủ thọ hưởng kết quả của việc ấy. Chúng tôi không bàn cãi về lý lẽ ấy."

2. Thưa Ngài Nāgasena, nếu vật thí đã được bố thí của các thí chủ này thành tựu đến các quyến thuộc đã quá vãng, và họ thọ hưởng quả thành tựu của việc ấy, như thế thì kẻ nào có sự giết hại mạng sống, là thợ săn, có bàn tay vấy máu, có tâm tư tồi tệ, sau khi giết chết nhiều người, sau khi gây ra hành động tàn bạo, rồi hồi hướng đến các quyến thuộc đã quá vãng rằng: "Quả thành tựu của việc

làm này của tôi hãy thành tựu đến các quyến thuộc đã quá vãng", phải chăng quả thành tựu của việc ấy thành tựu đến các quyến thuộc đã quá vãng?

– Tâu Đại vương, không đúng.

– Thưa Ngài Nāgasena, trong trường hợp ấy, cái gì là nhân, cái gì là lý do khiến cho thiện thành tựu, còn bất thiện không thành tựu?

– Tâu Đại vương, câu hỏi ấy là không nên hỏi. Tâu Đại vương, xin Đại vương chớ [nghĩ rằng]: "Có người trả lời rồi hỏi câu hỏi không thể trả lời được: 'Tại sao bầu trời không có vật máng lên? Tại sao sông Gaṅgā không chảy về phía thượng nguồn? Tại sao những người này là lưỡng sanh và có hai chân, còn loài thú có bốn chân? Có phải Đại vương cũng sẽ hỏi tôi câu hỏi ấy?'"

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm hỏi Ngài không phải vì có ý muốn gây khó khăn. Tuy nhiên, trẫm hỏi nhằm mục đích làm tiêu tan sự nghi ngờ. Nhiều người ở thế gian có sự cầm nắm bằng tay trái, có mắt bị lòa, trẫm hỏi Ngài điều ấy là như vầy: "Vì điều gì mà những người ấy không thể đạt được cơ hội?"

– Tâu Đại vương, không thể san sẻ nghiệp ác với người đã không làm, với người không tùy hỷ theo. Tâu Đại vương, giống như những người chuyển nước đến nơi rất xa bằng ống dẫn nước. Tâu Đại vương, phải chăng núi đá rắn chắc to lớn có thể chuyển dịch theo như ý muốn cũng bằng ống dẫn?

– Thưa Ngài, không được.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể san sẻ thiện không thể san sẻ bất thiện. Tâu Đại vương, hoặc là giống như có thể đốt sáng ngọn đèn với dầu. Tâu Đại vương, phải chăng có thể đốt sáng ngọn đèn với nước?

– Thưa Ngài, không được.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể san sẻ thiện không thể san sẻ bất thiện. Tâu Đại vương, hoặc là giống như những người nông dân lấy nước từ hồ nước rồi nấu chín gạo. Tâu Đại vương, phải chăng có thể lấy nước từ biển cả rồi nấu chín gạo?

– Thưa Ngài, không được.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có thể san sẻ thiện không thể san sẻ bất thiện.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà có thể san sẻ thiện, không thể san sẻ bất thiện? Xin Ngài giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ. Trẫm không phải là mù lòa và không có ánh sáng, sau khi lắng nghe trẫm sẽ hiểu.

– Tâu Đại vương, bất thiện là ít ỏi, thiện thì dồi dào. Do tính chất ít ỏi, bất thiện tác động chỉ riêng người tạo tác. Bởi tính chất dồi dào, thiện bao phủ thế gian luôn cả cõi trời.

– Xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như một giọt nước nhỏ nhoi rơi xuống trái đất. Tâu Đại vương, phải chăng giọt nước ấy có thể phủ lên luôn cả mười, mười hai do-tuần?

– Thưa Ngài, không đúng. Giọt nước ấy đã rơi xuống ở nơi nào thì nó tác động chỉ ở nơi ấy thôi.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của giọt nước.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, bất thiện là nhỏ nhoi. Do tính chất nhỏ nhoi, nó tác động chỉ riêng người tạo tác, không thể san sẻ. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây to lớn khổng lồ, trong khi làm hài lòng mặt đất, có thể đổ mưa. Tâu Đại vương, phải chăng đám mây to lớn ấy có thể phủ lên khắp nơi?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Đám mây to lớn ấy sau khi làm tràn đầy hố, ao, suối, cành cây, hốc, khe, hồ, vũng, giếng, đầm sen, cũng có thể phủ lên luôn cả mười, mười hai do-tuần.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì tính chất to lớn của đám mây.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thiện thì dồi dào. Do tính chất dồi dào, có thể san sẻ với chư thiên và loài người.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, vì lý do gì mà bất thiện là ít ỏi, còn thiện là dồi dào hơn?

– Tâu Đại vương, ở đây có ai đó dâng cúng vật thí, thọ trì giới, thực hành việc trai giới, người ấy vui mừng, mừng rỡ, vừa lòng, hài lòng, hoan hỷ, có tâm tịnh tín, hân hoan sanh khởi, đối với vị ấy hỷ sanh lên liên tục, đối với người có tâm hỷ thiện phát triển nhiều thêm hơn nữa.

Tâu Đại vương, giống như ở giếng nước được tràn đầy với nhiều nước, nước có thể đi vào bằng một lối, thoát ra bằng một lối, mặc dầu đang được thoát ra nước cũng vẫn liên tục sanh khởi, không thể nào bị lâm vào sự cạn kiệt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, thiện phát triển nhiều thêm hơn nữa. Tâu Đại vương, nếu một người có thể hướng tâm đến việc thiện đã làm thậm chí cả một trăm năm, khi được liên tục hướng tâm thì thiện phát triển nhiều thêm hơn nữa. Đối với người ấy, thiện ấy có thể san sẻ cho những người mong mỏi như thế ấy. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy thiện là dồi dào hơn.

Tâu Đại vương, trái lại người đang làm việc bất thiện thì về sau có sự ân hận; đối với người có sự ân hận, thì tâm thâu hẹp lại, co rút lại, quay trở lại, không trải rộng, buồn rầu, bứt rứt, tiêu tán, cạn kiệt, không phát triển, tác động chỉ ở nơi ấy thôi. Tâu Đại vương, giống như chút ít nước đang rơi xuống phía bên trên của dòng sông khô cạn có bãi cát lớn lồi lõm uốn cong khúc khuỷu, thì tiêu tán, cạn kiệt, không phát triển, tác động chỉ ở nơi ấy thôi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đang làm việc bất thiện, tâm thâu hẹp lại, co rút lại, quay trở lại, không trải rộng, buồn rầu, bứt rứt, tiêu tán, cạn kiệt, không phát triển, tác động chỉ ở nơi ấy thôi. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy bất thiện là ít ỏi.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về việc hồi hướng đến quyến thuộc đã quá vãng" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ GIẤC MƠ (*Supinapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, những người nam và nữ ở thế gian này nhìn thấy giấc mơ, tốt đẹp, xấu xa, đã thấy trước đây, chưa thấy trước đây, đã làm trước đây, chưa làm trước đây, bình yên, có sự sợ hãi, ở xa, ở gần. Họ nhìn thấy nhiều loại, hàng ngàn hình dáng. Và cái gọi là giấc mơ ấy là cái gì? Và ai nhìn thấy điều này?

– Tâu Đại vương, cái gọi là giấc mơ ấy là điềm báo hiệu, là cái tiến đến gần lãnh vực của tâm. Tâu Đại vương, sáu hạng này nhìn thấy giấc mơ: Hạng nhìn thấy giấc mơ liên quan đến gió, hạng nhìn thấy giấc mơ liên quan đến mật, hạng nhìn thấy giấc mơ liên quan đến đờm, hạng nhìn thấy giấc mơ do chư thiên đem lại, hạng nhìn thấy giấc mơ do đã được làm thường xuyên, hạng nhìn thấy giấc mơ do điềm báo hiệu. Tâu Đại vương, ở đây, nhìn thấy giấc mơ nào do điềm báo hiệu thì chính cái ấy là thật, phần còn lại là giả.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, người nào nhìn thấy giấc mơ do điềm báo hiệu, có phải tâm của người ấy tự đi đến và tìm kiếm điềm báo hiệu ấy, hay là điềm báo hiệu ấy tiến đến gần lãnh vực của tâm, hay là cái nào khác đi đến và thông báo cho người ấy?

– Tâu Đại vương, không phải tâm của người ấy tự đi đến và xem xét điềm báo hiệu ấy, cũng không phải cái nào khác đi đến và thông báo cho người ấy. Khi ấy, chính điềm báo hiệu ấy tiến đến gần lãnh vực của tâm. Tâu Đại vương, giống như tấm gương soi không tự đi đến nơi nào đó và xem xét cái bóng phản chiếu, cũng không phải cái nào khác đem cái bóng phản chiếu lại và áp vào tấm gương soi. Khi ấy, từ nơi nào đó cái bóng phản chiếu đi đến và lại gần lãnh vực của tấm gương soi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không phải tâm của người ấy tự đi đến và xem xét điềm báo hiệu ấy, cũng không phải cái nào khác đi đến và thông báo. Khi ấy, từ nơi nào đó điềm báo hiệu ấy tiến đến gần lãnh vực của tâm.

3. – Thưa Ngài Nāgasena, tâm nào đó nhìn thấy giấc mơ, phải chăng tâm ấy biết được rằng: "Kết quả sẽ là như vầy, hoặc là bình yên hoặc là sợ hãi?"

– Tâu Đại vương, không phải là tâm ấy biết được rằng: "Kết quả sẽ là như vầy, hoặc là bình yên hoặc là sợ hãi." Trái lại, khi điềm báo hiệu được sanh lên, thì nó nói cho những cái khác. Sau đó, những cái ấy nói ra ý nghĩa.

– Thưa Ngài Nāgasena, vậy xin Ngài chỉ cho thấy lý do.

– Tâu Đại vương, giống như các nốt ruồi, mụt nhọt, ghẻ lở xuất hiện ở cơ thể là đưa đến việc có lợi lộc hay không có lợi lộc, có danh tiếng hay không có danh tiếng, chê trách hay khen ngợi, an lạc hay khổ đau. Tâu Đại vương, phải chăng các nốt ruồi, mụt nhọt, ghẻ lở sanh lên sau khi biết được rằng: "Chúng tôi sẽ tạo ra sự việc này?"

– Thưa Ngài, không đúng. Ở bất kỳ vị trí nào mà các mụt nhọt sanh lên, sau khi nhìn thấy các mụt nhọt ấy ở chỗ ấy, các nhà tướng số giải thích: "Kết quả sẽ là như vầy."

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm nào đó nhìn thấy giấc mơ, không phải là tâm ấy biết được rằng: "Kết quả sẽ là như vầy, hoặc là bình yên hoặc là sợ hãi." Trái lại, khi điềm báo hiệu được sanh lên, thì nó nói cho những cái khác; sau đó, những cái ấy nói về ý nghĩa.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, người nào nhìn thấy giấc mơ thì người ấy nhìn thấy trong lúc đang ngủ hay là nhìn thấy trong khi còn thức?

– Tâu Đại vương, người nào nhìn thấy giấc mơ thì không phải người ấy nhìn thấy trong lúc đang ngủ, cũng không phải nhìn thấy trong khi còn thức, tuy nhiên nhìn thấy giấc mơ ở vào khoảng giữa của giai đoạn đang rơi vào trạng thái ngủ mơ màng nhưng chưa đạt đến luồng tâm hộ kiếp. Tâu Đại vương, đối với người đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng thì tâm tiến đến luồng tâm hộ kiếp; tâm đã đi vào luồng tâm hộ kiếp thì không vận hành; tâm không vận hành thì không nhận biết an lạc hay khổ đau; trong khi không nhận thức thì không có giấc mơ, khi tâm đang được vận hành thì nhìn thấy giấc mơ.

Tâu Đại vương, giống như ở nơi mờ mịt, tối tăm, không có ánh sáng, thì bóng phản chiếu không được nhìn thấy ở gương soi, dầu là vô cùng trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi tâm đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng đã đi vào luồng tâm hộ kiếp, và đang được duy trì, thì tâm là không vận hành ở cơ thể; tâm không vận hành thì không nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, tấm gương soi là như thế nào thì cơ thể nên được xem xét như vậy. Sự tối tăm là như thế nào thì trạng thái ngủ mơ màng nên được xem xét như vậy. Ánh sáng là như thế nào thì tâm nên được xem xét như vậy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như khi mặt trời bị che lại bởi băng giá thì ánh sáng không được nhìn thấy; tia sáng mặt trời tuy có hiện hữu nhưng không vận hành; khi tia sáng mặt trời không vận hành thì không có ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng thì tâm đi vào luồng tâm hộ kiếp; tâm đã đi vào luồng tâm hộ kiếp thì không vận hành; tâm không vận hành thì không nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, mặt trời là như thế nào thì cơ thể nên được xem xét như vậy. Sự che lại bởi băng giá là như thế nào thì trạng thái ngủ mơ màng nên được xem xét như vậy. Tia sáng mặt trời là như thế nào thì tâm nên được xem xét như vậy.

5. Tâu Đại vương, mặc dầu cơ thể đang hiện hữu nhưng tâm không vận hành trong hai trường hợp: Đối với người đã đạt đến trạng thái ngủ mơ màng, đã đi vào luồng tâm hộ kiếp, mặc dầu cơ thể đang hiện hữu nhưng tâm không vận hành; đối với người đã thể nhập thiền diệt, mặc dầu cơ thể đang hiện hữu nhưng tâm không vận hành. Tâu Đại vương, đối với người đang tỉnh táo, tâm lao xao, mở ra, năng động, không cố định, điềm báo hiệu không tiến đến gần lãnh vực ở tâm của người có trạng thái như vậy. Tâu Đại vương, giống như những ước

muốn thầm kín xa lánh người nam cởi mở, năng động, không nghiêm chỉnh, không kín đáo. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nghĩa lý siêu tự nhiên không tiến đến gần lãnh vực của người đang tỉnh táo. Do đó, người đang tỉnh táo không nhìn thấy giấc mơ.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như các thiện pháp dự phần vào giác ngộ không tiến đến gần lãnh vực là vị Tỳ-khưu có sự nuôi mạng bị sứt mẻ, không nết hạnh, có bạn ác, có giới tồi, biếng nhác, có sự tinh tấn thấp kém. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, nghĩa lý siêu tự nhiên không tiến đến gần lãnh vực của người đang tỉnh táo.

6. – Thưa Ngài Nāgasena, có phải trạng thái ngủ mơ màng là có chặng đầu, chặng giữa và chặng cuối?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Trạng thái ngủ mơ màng có chặng đầu, có chặng giữa và có chặng cuối.

– Chặng đầu là cái nào, chặng giữa là cái nào và chặng cuối là cái nào?

– Tâu Đại vương, trạng thái nào là sự che đậy, sự bao bọc lại, sự yếu đuối của danh uẩn và sắc uẩn, là trạng thái trì trệ, không sẵn sàng cho hành động của thân; đây là chặng đầu của trạng thái ngủ mơ màng. Tâu Đại vương, người nào có được giấc ngủ của con khỉ, ngủ mơ màng một cách lộn xộn [nửa ngủ nửa thức]; đây là chặng giữa của trạng thái ngủ mơ màng. Chặng cuối là việc đi vào luồng tâm hộ kiếp. Tâu Đại vương, người đã tiến đến gần chặng giữa, có được giấc ngủ của con khỉ, thì nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, giống như người nào đó có sự thực hành về tiết chế, có tâm được định tĩnh, có pháp được bền vững, có sự sáng suốt không dao động, sau khi đi sâu vào khu rừng, nơi đã được dứt hẳn sự loạn động và tiếng động, rồi suy nghĩ về ý nghĩa vi tế, và ở nơi ấy, người ấy không rơi vào trạng thái ngủ mơ màng. Ở nơi ấy, được định tĩnh, có tâm chuyên nhất, người ấy thấu hiểu được ý nghĩa vi tế. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người tỉnh táo không đạt đến trạng thái ngủ mơ màng, tiến đến gần giấc ngủ của con khỉ, có được giấc ngủ của con khỉ, thì nhìn thấy giấc mơ. Tâu Đại vương, sự loạn động và tiếng động là như thế nào thì sự tỉnh táo nên được xem xét như vậy. Khu rừng tách biệt là như thế nào thì việc có được giấc ngủ của con khỉ nên được xem xét như vậy. "Người ấy sau khi từ bỏ sự loạn động và tiếng động, sau khi tránh né trạng thái ngủ mơ màng, có được trạng thái trầm tĩnh, thì thấu hiểu được ý nghĩa vi tế" là như thế nào thì "người tỉnh táo, không đạt đến trạng thái ngủ mơ màng, có được giấc ngủ của con khỉ, thì nhìn thấy giấc mơ" là như vậy.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về giấc mơ" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CHẾT KHÔNG ĐÚNG THỜI (*Akālamaraṇapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, các chúng sanh chết đi, tất cả bọn họ đều chết đúng thời hay là cũng có chết không đúng thời?

– Tâu Đại vương, có cái chết đúng thời, cũng có cái chết không đúng thời.

– Thưa Ngài Nāgasena, những người chết đúng thời ấy là những người nào? Chết không đúng thời là những người nào?

– Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã nhìn thấy trước đây những trái cây, cả trái non lẫn trái chín, đang rụng xuống từ cây xoài, hoặc từ cây mận, hoặc từ cây có trái khác nữa?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, những trái cây nào rụng từ cây xuống, tất cả những trái ấy rụng xuống đều đúng thời hay là cũng có không đúng thời?

– Thưa Ngài Nāgasena, những trái cây nào là chín muồi, được phát triển đầy đủ, rồi rụng xuống, tất cả những trái ấy rụng xuống đúng thời. Trái lại, những trái cây nào còn lại, trong số đó những trái nào bị sâu đục rồi rụng xuống, những trái nào bị thọc bởi gậy gộc rồi rụng xuống, những trái nào bị cuốn đi bởi gió rồi rụng xuống, những trái nào bị thối ở bên trong rồi rụng xuống, tất cả những trái ấy rụng xuống không đúng thời.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người bị tàn tạ bởi tác động của tuổi già rồi chết, chính những người ấy chết đúng thời. Số còn lại, những ai đó bị thúc bách bởi nghiệp rồi chết, những ai đó bị thúc bách bởi cảnh giới tái sanh rồi chết, những ai đó bị thúc bách bởi hành động rồi chết [những người này chết không đúng thời].

– Thưa Ngài Nāgasena, những người bị thúc bách bởi nghiệp rồi chết, những người bị thúc bách bởi cảnh giới tái sanh rồi chết, những người bị thúc bách bởi hành động rồi chết, những người bị thúc bách bởi tác động của tuổi già rồi chết, tất cả những người ấy chết đều đúng thời. Người nhập thai ở bụng mẹ rồi chết, [vì] thời điểm ấy là thuộc về người ấy [nên] người ấy chết cũng đúng thời. Người [được sanh ra] ở nhà bảo sanh rồi chết, [vì] thời điểm ấy là thuộc về người ấy [nên] người ấy chết cũng đúng thời. Người một tháng tuổi rồi chết,… (nt)… Người một năm tuổi rồi chết, [vì] thời điểm ấy là thuộc về người ấy [nên] người ấy chết cũng đúng thời. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì không có cái gọi là chết không đúng thời. Những ai đó chết đi, tất cả những người ấy chết đều đúng thời.

2. – Tâu Đại vương, bảy hạng người này chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Bảy hạng nào?

Tâu Đại vương, người bị thèm ăn, trong khi không nhận được vật thực, có nội tạng bị tổn thương, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu Đại vương, người bị thèm uống, trong khi không đạt được nước uống, trái tim bị khô kiệt, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu Đại vương, người bị rắn cắn, bị hành hạ bởi tác động của nọc độc, trong khi không đạt được người chữa trị, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu Đại vương, người đã ăn vào chất độc, trong khi các bộ phận cơ thể chính và phụ đang bị nung nóng, trong khi không đạt được thuốc giải, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu Đại vương, người bị rơi vào ngọn lửa, trong khi bị thiêu đốt, trong khi không đạt được sự dập tắt, chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu Đại vương, người bị té vào nước, trong khi không đạt được sự nâng đỡ, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu Đại vương, người bị thương tích bởi gươm đao, bị lâm bệnh, trong khi không đạt được thầy thuốc, chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu Đại vương, bảy hạng người này chết không đúng thời ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu Đại vương, ở đây tôi cũng vẫn nói một cách khẳng định. Tâu Đại vương, việc tử vong của các chúng sanh là theo tám cách thức: Với nguồn sanh khởi là gió, với nguồn sanh khởi là mật, với nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ [của các dịch chất trong cơ thể], do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, do quả thành tựu của nghiệp; tâu Đại vương là việc tử vong của các chúng sanh. Tâu Đại vương, ở đây tức là sự tử vong do quả thành tựu của nghiệp, ở đây chính việc ấy là sự tử vong phù hợp thời gian, các việc còn lại là sự tử vong không phù hợp thời gian. Vậy là:

"*Do bị thèm ăn, do bị thèm uống, bị rắn cắn, do chất độc, do lửa, nước và gươm đao, ở đây là bị chết không đúng thời.*

Do gió và mật, do đàm, do sự hội tụ, do các mùa tiết, do không đều đặn, do sự đột ngột và do nghiệp, ở đây là bị chết không đúng thời."

3. Tâu Đại vương, các chúng sanh nào đó chết do quả thành tựu của nghiệp bất thiện vì đã làm việc này việc nọ trong thời quá khứ. Tâu Đại vương, ở đây kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì thèm ăn, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, [sẽ] bị hành hạ bởi sự thèm ăn, bị đói, bị kiệt sức, trái tim bị khô héo tàn tạ, muốn được ăn, bị co quắp, đang bị thiêu đốt, đang bị đốt cháy ở nội tạng, chết chính vì sự thèm ăn ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì thèm uống, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, trong khi trở thành ngạ quỷ hạng bị thiêu đốt và bị khao khát, trở nên cằn cỗi, ốm o, trái tim bị khô kiệt, chết chính vì sự thèm uống ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị rắn cắn làm cho bị chết, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, sau khi bị luân chuyển từ miệng trăn đến miệng trăn, từ miệng hắc xà đến miệng hắc xà, bị nhai đi nhai lại bởi chúng, chết chính

vì bị những con rắn cắn ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây cho những người khác chất độc làm cho bị chết, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, với các bộ phận cơ thể chính và phụ đang bị nung nóng, với cơ thể đang bị rữa ra, trong khi tỏa ra mùi thối của tử thi, chết chính vì chất độc ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì lửa, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, sau khi bị luân chuyển từ núi than hừng đến núi than hừng, từ lãnh địa của Dạ-ma đến lãnh địa của Dạ-ma, có tứ chi bị đốt cháy, bị thiêu cháy, chết chính vì lửa ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì nước, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, có thân thể bị hành hạ, bị bóc lột, bị gãy đổ, yếu đuối, có tâm bị xáo trộn, chết ở trong nước ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì gươm đao, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, bị cắt bị xẻ bị băm bị lóc, bị đánh đập bằng mũi dao, chết chính vì gươm đao ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Có cái chết không đúng thời", vậy xin Ngài hãy chỉ cho trẫm lý do của trường hợp ấy.

– Tâu Đại vương, giống như khối lửa to lớn khổng lồ có cỏ, củi, cành, lá đã được đem lại, có đồ tiếp liệu đã được tiêu thụ hết, bị tắt ngấm do cạn nguồn nhiên liệu. Ngọn lửa ấy được gọi là "đã được tắt ngấm hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sau khi sống nhiều ngàn ngày trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã tiến đến cái chết hợp lúc." Tâu Đại vương, hoặc là giống như khối lửa to lớn khổng lồ có cỏ, củi, cành, lá đã được đem lại, rồi có đám mưa to lớn khổng lồ đổ xuống làm tắt ngấm khối lửa ấy mặc dầu cỏ, củi, cành, lá còn chưa được tiêu thụ hết. Tâu Đại vương, phải chăng khối lửa to lớn khổng lồ ấy gọi là đã được tắt ngấm hợp lúc?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao khối lửa thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với khối lửa thứ nhất?

– Thưa Ngài, bị quấy nhiễu bởi cơn mưa đột ngột, khối lửa ấy đã được tắt ngấm không hợp lúc.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, bởi nguồn sanh khởi là mật, bởi nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ [của các

dịch chất trong cơ thể], do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, hoặc bị quấy nhiễu bởi sự thèm ăn, bởi sự thèm uống, do việc bị rắn cắn, do việc bị ăn vào chất độc, do lửa, do nước, hoặc bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

5. Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây mưa to lớn khổng lồ sau khi hiện ra ở bầu trời rồi đổ mưa làm tràn đầy vùng trũng và đất liền, nó được gọi là "đám mây đổ mưa không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sống lâu trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã tiến đến cái chết hợp lúc."

Tâu Đại vương, hoặc là giống như đám mây mưa to lớn khổng lồ sau khi hiện ra ở bầu trời rồi đi đến sự triệt tiêu vì cơn gió lớn ở ngay bên trong. Tâu Đại vương, phải chăng đám mây đó gọi là đã tiêu tan hợp lúc?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao đám mây thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với đám mây thứ nhất?

– Thưa Ngài, bị quấy nhiễu bởi cơn gió đột ngột, đám mây ấy chính vì đã được thành lập không hợp lúc, nên đã tiêu tan.

6. – Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt) ... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như con rắn độc có sức mạnh, bị nổi giận rồi cắn người nam nào đó, chất độc ấy có thể gây ra cái chết cho người ấy, không có rủi ro, không có bất hạnh. Chất độc ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sống lâu trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh."

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy bắt rắn, đối với người bị con rắn độc có sức mạnh cắn, sau khi cho thuốc giải vào tận bên trong thì có thể làm cho hết độc. Tâu Đại vương, phải chăng chất độc ấy gọi là được tiêu tan hợp lúc?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao chất độc thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với chất độc thứ nhất?

– Thưa Ngài, bị quấy nhiễu bởi thuốc giải đột ngột, chất độc, còn chưa đạt đến điểm tận cùng, đã bị tiêu tan.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời,

người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

7. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người cung thủ bắn ra mũi tên, nếu mũi tên ấy đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, mũi tên ấy được gọi là "đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sống lâu trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh."

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người cung thủ bắn ra mũi tên, ngay vào giây phút ấy người nào đó chộp lấy mũi tên ấy của người ấy. Tâu Đại vương, phải chăng mũi tên ấy gọi là đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao mũi tên thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với mũi tên thứ nhất?

– Thưa Ngài, việc di chuyển của mũi tên ấy đã bị gián đoạn vì sự chộp lấy đột ngột.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,... (nt)... hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

8. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó gõ vào cái chậu bằng đồng, do việc gõ của người ấy âm thanh phát ra và truyền đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình. Âm thanh ấy được gọi là "đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sau khi sống nhiều ngàn ngày trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh."

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người nào đó gõ vào cái chậu bằng đồng, do việc gõ của người ấy âm thanh phát ra. Khi âm thanh đã được phát ra và truyền đi xa, người nào đó chạm vào, với việc chạm vào âm thanh bị ngưng lại. Tâu Đại vương, phải chăng âm thanh ấy gọi là đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao âm thanh thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với âm thanh thứ nhất?

– Thưa Ngài, việc di chuyển của âm thanh ấy đã bị ngưng lại vì sự chạm vào đột ngột.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,… (nt)… hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

9. Tâu Đại vương, hoặc là giống như hạt lúa giống đã được mọc lên tốt đẹp ở thửa ruộng, nhờ vào cơn mưa đang được vận hành đúng đắn mà được cắm sâu, tỏa rộng, chen chúc, có nhiều kết quả và đạt đến lúc phát triển mùa màng. Hạt lúa ấy được gọi là "đã thành tựu mùa vụ, không có rủi ro, không có bất hạnh." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó sau khi sống nhiều ngàn ngày trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là "đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh."

Tâu Đại vương, hoặc là giống như hạt giống lúa đã được mọc lên tốt đẹp ở thửa ruộng, bị thiếu nước, có thể chết. Tâu Đại vương, phải chăng hạt lúa ấy gọi là đã thành tựu mùa vụ?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao hạt lúa thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với hạt lúa thứ nhất?

– Thưa Ngài, bị quấy nhiễu bởi sức nóng đột ngột nên hạt lúa ấy đã bị chết.

10. – Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,… (nt)… hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nghe trước đây là khi mùa màng còn non được đạt đến thì các con sâu xuất hiện và tàn phá bộ rễ?

– Thưa Ngài, điều ấy không những trẫm đã được nghe trước đây mà còn được nhìn thấy trước đây nữa.

– Tâu Đại vương, vậy thì mùa màng ấy bị hư hại đúng thời, hay là bị hư hại không đúng thời?

– Thưa Ngài, không đúng thời. Thưa Ngài, nếu các con sâu không gặm nhấm mùa màng ấy thì có thể đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng.

– Tâu Đại vương, vậy thì có phải do bị phá hoại đột ngột mà mùa màng bị hư hại, còn mùa màng không bị hư hại thì đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió,… (nt)… hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

11. Tâu Đại vương, có phải Ngài đã được nghe trước đây là khi mùa màng được đạt đến, được trĩu cong bởi gánh nặng của những hạt, đạt được sự phát

triển trọn vẹn, thì có trận mưa sanh lên gọi là mưa đá rơi xuống và phá hoại, làm cho không có kết quả?

– Thưa Ngài, điều ấy không những trẫm đã được nghe trước đây mà còn được nhìn thấy trước đây nữa.

– Tâu Đại vương, vậy thì mùa màng ấy bị hư hại đúng thời, hay là bị hư hại không đúng thời?

– Thưa Ngài, không đúng thời. Thưa Ngài, nếu trận mưa đá không đổ mưa xuống mùa màng ấy, thì có thể đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng.

– Tâu Đại vương, vậy thì có phải do bị phá hoại đột ngột mà mùa màng bị hư hại, còn mùa màng không bị hư hại thì đạt đến lúc thâu hoạch mùa màng?

– Thưa Ngài, đúng vậy.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, bởi nguồn sanh khởi là mật, bởi nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ [của các dịch chất trong cơ thể], do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, hoặc bị quấy nhiễu bởi sự thèm ăn, bởi sự thèm uống, do việc bị rắn cắn, do việc bị ăn vào chất độc, do lửa, do nước, hoặc bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tuy nhiên, nếu không bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột thì có thể đạt đến cái chết đúng thời. Tâu Đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

12. – Thưa Ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa Ngài Nāgasena, thật là phi thường! Lý do đã được chỉ rõ, ví dụ đã được chỉ rõ nhằm làm sáng tỏ về việc chết không đúng thời. Vấn đề “có sự chết không đúng thời” đã được làm rõ, đã được làm rõ ràng, đã được làm hiển hiện.

Thưa Ngài Nāgasena, cho dầu chỉ cần với một ví dụ thôi, thậm chí người có tâm lơ đểnh cũng có thể đi đến kết luận là “có sự chết không đúng thời”, vậy thì còn có điều gì nữa với người có tâm tư? Thưa Ngài, chỉ với ví dụ đầu tiên thì trẫm đã hiểu được là: “Có sự chết không đúng thời.” Tuy nhiên, là người có ước muốn được nghe sự giải quyết theo tuần tự nên trẫm đã không chấp nhận.

“Câu hỏi về việc chết không đúng thời” là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ ĐIỀU KỲ DIỆU Ở BẢO THÁP (*Cetiyapāṭihāriyapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, có điều kỳ diệu ở bảo tháp của tất cả các vị đã viên tịch Niết-bàn, hay là của chỉ một số vị?

– Tâu Đại vương, có [điều kỳ diệu ở bảo tháp] của một số vị, không có của một số vị.

– Thưa Ngài, có [điều kỳ diệu ở bảo tháp] của những vị nào? Không có của những vị nào?

– Tâu Đại vương, do sự chú nguyện của một hạng nào đó trong ba hạng mà có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn. Của ba hạng nào?

Tâu Đại vương, ở đây vị A-la-hán vì lòng thương tưởng đến chư thiên và loài người, ngay trong khi đang còn tồn tại chú nguyện rằng: "Hãy có thần thông ở bảo tháp tên như vầy." Do năng lực chú nguyện của vị ấy nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp. Như vậy, do năng lực chú nguyện của vị A-la-hán nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vị thiên nhân vì lòng thương tưởng đến loài người nên phô bày điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn [nghĩ rằng]: "Do điều kỳ diệu này, Chánh pháp sẽ được duy trì lâu dài và loài người được tịnh tín, sẽ tăng trưởng về thiện pháp." Như vậy, do sự chú nguyện của chư thiên nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người nữ hoặc là người nam, có đức tin, được tịnh tín, sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, đạt được tánh giác, sau khi suy nghĩ đúng đường lối, sau khi quyết định rồi đem vật thơm, hoặc tràng hoa, hoặc vải vóc, hoặc bất cứ vật gì để ở ngôi bảo tháp [nguyện rằng]: "Hãy là có tên như vầy." Như vậy, do năng lực quyết định của loài người nên có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn. Tâu Đại vương, do năng lực chú nguyện của một hạng nào đó trong ba hạng mà có điều kỳ diệu ở bảo tháp của vị đã viên tịch Niết-bàn.

Tâu Đại vương, nếu không có sự chú nguyện của ba hạng ấy thì không có điều kỳ diệu ở bảo tháp dầu là của bậc Lậu Tận, có sáu thắng trí, đã đạt đến năng lực của tâm. Tâu Đại vương, thậm chí khi không có điều kỳ diệu, thì nên nhìn xem nết hạnh vô cùng trong sạch, nên tin cậy, nên đi đến kết luận, nên tin tưởng rằng: "Người con trai này của đức Phật đã khéo viên tịch Niết-bàn."

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về điều kỳ diệu ở bảo tháp" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ SỰ LÃNH HỘI GIÁO PHÁP (*Dhammābhisamayapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, đối với những vị thực hành đúng đắn thì có sự lãnh hội giáo pháp cho toàn bộ tất cả, hay là chỉ có đối với vị nào đó?

– Tâu Đại vương, có đối với vị nào đó, không có đối với vị nào đó.

– Thưa Ngài, có đối với vị nào? Không có đối với vị nào?

– Tâu Đại vương, đối với thú vật cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp, đối với kẻ đã tái sanh vào cảnh giới ngạ quỷ, đối với kẻ có tà kiến, đối với kẻ xảo trá, đối với kẻ giết mẹ, đối với kẻ giết cha, đối với kẻ giết A-la-hán, đối với kẻ chia rẽ hội chúng, đối với kẻ làm chảy máu [đức Phật], đối với kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], đối với kẻ đã đi theo ngoại đạo, đối với kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, đối với kẻ chưa được thoát tội sau khi đã vi phạm tội nào đó trong mười ba tội nặng, đối với kẻ vô căn, đối với kẻ lưỡng căn, cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Ngay cả con người là đứa bé trai chưa đủ bảy tuổi, đối với vị ấy cho dầu đã thực hành

tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp. Tâu Đại vương, đối với mười sáu cá nhân này cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp.

2. – Thưa Ngài Nāgasena, sự lãnh hội giáo pháp có thể là có hay là không có đối với mười lăm hạng người đã bị ngăn cản thật sự, còn vì lý do gì đối với con người là đứa bé trai chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp, cũng không có được sự lãnh hội giáo pháp? Cần có câu hỏi cho trường hợp này. Đương nhiên đứa bé trai không có luyến ái, không có sân, không có si, không có ngã mạn, không có tà kiến, không có bất bình, không có dục tầm, không bị trộn lẫn với những ô nhiễm, thì đứa bé trai ấy đã gắn bó, đã đạt đến, và xứng đáng để thấu triệt với sự thấu triệt trọn vẹn về bốn chân lý?

– Tâu Đại vương, ở đây chính điều ấy là lý do, mà với lý do ấy tôi nói rằng: "Đối với người chưa đủ bảy tuổi, cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp." Tâu Đại vương, nếu người chưa đủ bảy tuổi có thể bị luyến ái ở vật gây luyến ái, sân ở vật gây sân, si ở vật gây si, đam mê ở vật làm đam mê, nhận thức được tà kiến, nhận thức sự thích thú và không thích thú, suy tầm về thiện và bất thiện, thì có thể có sự lãnh hội giáo pháp đối với người ấy.

Tâu Đại vương, thêm nữa tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ, chưa được phát triển; còn cảnh giới Vô vi Niết-bàn là quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại. Tâu Đại vương, người chưa đủ bảy tuổi với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảnh giới Vô vi Niết-bàn quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại được.

Tâu Đại vương, giống như núi chúa Sineru là quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại, tâu Đại vương, phải chăng người nam với sức mạnh, sức lực, và sự tinh tấn bình thường của bản thân có thể nhấc lên núi chúa Sineru ấy?

– Thưa Ngài, không được.

3. – Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì sức lực yếu kém của người nam, vì tính chất vĩ đại của núi chúa Sineru.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ, chưa được phát triển; còn cảnh giới Vô vi Niết-bàn là quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại. Người chưa đủ bảy tuổi với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảnh giới Vô vi Niết-bàn quan trọng, nghiêm trọng, rộng lớn, vĩ đại được. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như đại địa cầu này là dài, được trải dài, rộng, được trải rộng, thênh thang, được mở ra, bao la, vĩ đại. Tâu Đại vương, phải chăng có thể tẩm ướt và làm đại địa cầu ấy trở thành đầm nước lầy bằng giọt nước nhỏ nhoi?

– Thưa Ngài, không được.

4. – Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của giọt nước, vì tính chất vĩ đại của đại địa cầu.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ, chưa được phát triển; còn cảnh giới Vô vi Niết-bàn là dài, được trải dài, rộng, được trải rộng, thênh thang, được mở ra, bao la, vĩ đại. Người chưa đủ bảy tuổi với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảnh giới Vô vi Niết-bàn vĩ đại được. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như ngọn lửa không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ. Tâu Đại vương, phải chăng có thể xua tan bóng tối và phô bày ánh sáng ở thế gian có cả chư thiên bằng ngọn lửa lờ đờ?

– Thưa Ngài, không được.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì tính chất lờ đờ của ngọn lửa và tính chất vĩ đại của thế gian.

5. – Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ, chưa được phát triển, và bị che lại bởi bóng tối vô minh vĩ đại. Do đó, là điều khó làm để phô bày ánh sáng trí tuệ. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như con sâu gạo bệnh hoạn, ốm o, nhỏ tí xíu, có cơ thể bị giới hạn, sau khi nhìn thấy con long tượng bị tiết dục ở ba nơi, có bề dài chín, bề rộng ba, chu vi mười, cao tám *ratana* đi đến gần chỗ đứng thì kéo lại để nuốt vào. Tâu Đại vương, phải chăng con sâu gạo ấy có thể nuốt vào con long tượng ấy?

– Thưa Ngài, không được.

– Tâu Đại vương, vì lý do gì?

– Thưa Ngài, vì tính chất nhỏ nhoi của cơ thể con sâu gạo, vì tính chất vĩ đại của con long tượng.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của người chưa đủ bảy tuổi là không mạnh mẽ, yếu đuối, nhỏ nhoi, ít ỏi, chút xíu, lờ đờ, chưa được phát triển, và cảnh giới Vô vi Niết-bàn là vĩ đại. Người ấy với tâm yếu đuối, nhỏ nhoi, lờ đờ, chưa được phát triển ấy không thể thấu triệt cảnh giới Vô vi Niết-bàn vĩ đại được. Vì lý do ấy, đối với người chưa đủ bảy tuổi, cho dầu đã thực hành tốt đẹp cũng không có sự lãnh hội giáo pháp.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự lãnh hội giáo pháp" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG BỊ XEN LẪN KHỔ CỦA NIẾT-BÀN (*Nibbānassa adukkhamissabhāvapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, có phải Niết-bàn là thuần lạc, hay bị xen lẫn khổ?

– Tâu Đại vương, Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ.

– Thưa Ngài, chúng tôi không tin lời nói ấy: "Niết-bàn là thuần lạc." Thưa Ngài Nāgasena, trong trường hợp này chúng tôi đối lập lại như vầy: "Niết-bàn bị xen lẫn khổ." Và chúng tôi chấp nhận lý do ở đây rằng: "Niết-bàn bị xen lẫn khổ." Lý do ở đây là điều nào?

Thưa Ngài Nāgasena, đối với những người tầm cầu Niết-bàn thì sự khổ hạnh, sự hành xác của thân và của tâm được nhìn thấy, sự thận trọng trong việc đứng đi ngồi nằm và thức ăn, sự chống chọi lại cơn buồn ngủ, sự chế ngự đối với các đối tượng của giác quan, sự dứt bỏ tài sản, lúa gạo, thân quyến và bạn bè yêu quý. Những người nào ở thế gian được lạc thú, được cung phụng lạc thú, những người ấy, thậm chí tất cả, làm cho các giác quan được thích thú, được quen thuộc với năm loại dục; làm cho mắt được thích thú, được quen thuộc với sắc có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho tai được thích thú, được quen thuộc với thinh có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, của tiếng ca tiếng đàn, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho mũi được thích thú, được quen thuộc với hương có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, của bông hoa, trái cây, lá cây, vỏ cây, rễ cây, lõi cây, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho lưỡi được thích thú, được quen thuộc với vị có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, của vật nhai, vật ăn, vật nhấm nháp, vật uống, vật nếm, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho thân được thích thú, được quen thuộc với xúc có biểu hiện tốt đẹp, nhiều loại, trơn tru, mịn màng, mềm mại, êm dịu, làm hài lòng, làm thích ý; làm cho ý được thích thú, được quen thuộc với các suy nghĩ và chú tâm, nhiều loại, thiện và ác, đẹp và xấu, làm hài lòng, làm thích ý.

Còn Ngài thì tiêu diệt, phá hoại, chặt đứt, bẻ gãy, ngăn chặn, ngưng lại việc làm cho quen thuộc ấy của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Vì thế, thân cũng bị bực bội, tâm cũng bị bực bội, khi thân bị bực bội thì cảm nhận thọ khổ thuộc thân, khi tâm bị bực bội thì cảm nhận thọ khổ thuộc tâm. Chẳng phải du sĩ ngoại đạo Māgandiya trong lúc chê trách đức Thế Tôn cũng đã nói như vầy: "Sa-môn Gotama có sự hành hạ chúng sinh." Ở đây, điều này là lý do mà với lý do ấy trẫm nói rằng: "Niết-bàn bị xen lẫn khổ."

2. – Tâu Đại vương, Niết-bàn hẳn nhiên không bị xen lẫn khổ. Niết-bàn là thuần lạc. Tâu Đại vương, còn điều mà Ngài đã nói rằng: "Niết-bàn là khổ", khổ ấy không gọi là Niết-bàn. Tuy nhiên, điều đó là phần xảy ra trước của việc chứng ngộ Niết-bàn, điều ấy là sự tìm kiếm Niết-bàn. Tâu Đại vương, Niết-bàn quả là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ. Tôi sẽ nói về lý do của trường hợp ấy. Tâu Đại vương, đối với các vị vua, có phải có lạc của vương quyền?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có lạc của vương quyền.

– Tâu Đại vương, phải chăng lạc của vương quyền ấy bị xen lẫn khổ?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao khi biên thùy dấy loạn, nhằm việc ngăn chặn những kẻ sống ở vùng biên thùy ấy, các vị vua ấy, được tháp tùng bởi các quan đại thần, tướng lãnh, nhân công, binh lính, ra đi viễn chinh, bị quấy nhiễu bởi ruồi muỗi gió nắng, chạy khắp ở mặt đất bằng phẳng và gồ ghề, rồi tiến hành trận chiến lớn, và có sự hoài nghi về mạng sống?

– Thưa Ngài Nāgasena, điều ấy không gọi là lạc của vương quyền. Điều đó là phần xảy ra trước của việc tầm cầu lạc của vương quyền. Thưa Ngài Nāgasena, các vị vua, sau khi tầm cầu vương quyền một cách cực khổ thì hưởng thụ lạc của vương quyền. Thưa Ngài Nāgasena, lạc của vương quyền không bị xen lẫn khổ là như vậy; lạc của vương quyền ấy là cái khác, khổ là cái khác.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ. Tuy nhiên, những người nào tầm cầu Niết-bàn thì họ khiến cho thân và tâm khốn khổ, thận trọng về việc đứng đi ngồi nằm và thức ăn, chống chọi lại cơn buồn ngủ, chế ngự đối với các đối tượng của giác quan, buông bỏ thân xác và mạng sống; sau khi tầm cầu Niết-bàn một cách cực khổ thì hưởng thụ Niết-bàn, thuần lạc. Ngay khi các kẻ đối nghịch bị tiêu diệt, các vị vua hưởng thụ lạc của vương quyền. Tâu Đại vương, Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ, là như vậy; Niết-bàn là cái khác, khổ là cái khác.

3. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa: "Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ; Niết-bàn là cái khác, khổ là cái khác." Tâu Đại vương, có cái gọi là lạc của nghề nghiệp đối với các vị thầy về nghề nghiệp?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái gọi là lạc của nghề nghiệp đối với các vị thầy về nghề nghiệp.

– Tâu Đại vương, phải chăng lạc của nghệ thuật ấy bị xen lẫn khổ?

– Thưa Ngài, không đúng.

– Tâu Đại vương, vậy thì tại sao đối với các vị thầy thì những người [học trò] ấy khiến cho thân khốn khổ với việc đảnh lễ, đứng dậy, mang nước lại, quét nhà, cung cấp gỗ chà răng, nước rửa mặt, với việc dọn dẹp rác rưởi, thoa bóp, tắm rửa, chăm sóc bàn chân, với việc hành xử thuận theo tâm của người khác sau khi buông tâm của mình, với việc ngủ một cách khổ cực, với thức ăn không đều đặn?

– Thưa Ngài Nāgasena, điều ấy không gọi là lạc của nghề nghiệp. Điều đó là phần xảy ra trước của việc tầm cầu nghề nghiệp. Thưa Ngài Nāgasena, các vị thầy, sau khi tầm cầu nghề nghiệp một cách cực khổ, thì hưởng thụ lạc của nghề nghiệp. Thưa Ngài Nāgasena, như vậy lạc của nghề nghiệp là cái khác, khổ là cái khác.

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ. Tuy nhiên, những người nào tầm cầu Niết-bàn thì họ khiến cho thân và

mạng sống khốn khổ, thận trọng về việc đứng đi ngồi nằm và thức ăn, chống chọi lại cơn buồn ngủ, chế ngự đối với các đối tượng của giác quan, buông bỏ thân xác và mạng sống; sau khi tầm cầu Niết-bàn một cách cực khổ thì hưởng thụ Niết-bàn, thuần lạc, tợ như các vị thầy hưởng thụ lạc của nghề nghiệp. Tâu Đại vương, Niết-bàn là thuần lạc, không bị xen lẫn khổ, là như vậy; Niết-bàn là cái khác, khổ là cái khác.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về tính chất không bị xen lẫn khổ của Niết-bàn" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ HÌNH THỂ VÀ VỊ TRÍ NIẾT-BÀN
(*Nibbānarūpasaṇṭhānapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Niết-bàn, Niết-bàn", vậy thì có thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn ấy không?

– Tâu Đại vương, Niết-bàn là không có vật đối chiếu. Không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, trẫm không chấp nhận điều ấy, là việc không có được sự xác định bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận về hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn là pháp có thật. Vậy Ngài hãy giúp cho trẫm hiểu bằng lý lẽ.

– Tâu Đại vương, hãy là vậy. Tôi sẽ giúp cho Ngài hiểu bằng lý lẽ. Tâu Đại vương, có cái gọi là đại dương không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Có cái đại dương ấy.

– Tâu Đại vương, nếu có ai đó hỏi Đại vương như vầy: "Tâu Đại vương, có bao nhiêu nước ở đại dương? Và các chúng sanh cư ngụ ở đại dương là bao nhiêu?" Tâu Đại vương, được hỏi như vậy, Đại vương giải thích cho người ấy như thế nào?

– Thưa Ngài, nếu có ai đó hỏi trẫm như vầy: "Tâu Đại vương, có bao nhiêu nước ở đại dương? Và các chúng sanh cư ngụ ở đại dương là bao nhiêu?" Thưa Ngài, trẫm sẽ nói với người ấy như vầy: "Này ông, ông hỏi trẫm điều không nên hỏi, câu hỏi ấy là không nên hỏi bởi bất cứ người nào, câu hỏi ấy nên được bỏ qua, đại dương chưa được phân tích bởi các nhà tự nhiên học, không thể ước lượng nước ở đại dương, hoặc các chúng sanh đã đi đến cư ngụ ở nơi ấy." Thưa Ngài, trẫm sẽ cho người ấy câu trả lời như vậy.

2. – Tâu Đại vương, tại sao Ngài lại cho câu trả lời như vậy về đại dương là pháp có thật, sao không tính toán rồi thuật lại cho người ấy rằng: "Nước ở đại dương là chừng này, và chúng sanh cư ngụ ở đại dương là chừng này"?

– Thưa Ngài, không thể được. Câu hỏi này là không có thực tế.

– Tâu Đại vương, giống như đại dương đúng là pháp có thật còn không thể tính toán lượng nước hoặc các chúng sanh đã đi đến cư ngụ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với Niết-bàn đúng là pháp có thật, cũng không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước. Tâu Đại vương, người có thần thông đã đạt đến năng lực của ý, có thể tính toán nước ở đại dương và chúng sanh có chỗ ở tại nơi ấy. Nhưng vị ấy có thần thông đã đạt đến năng lực của ý, vẫn không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn.

3. Tâu Đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa: "Không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn, đúng là pháp có thật." Tâu Đại vương, trong số chư thiên có hạng gọi là chư thiên thuộc tập thể vô sắc không?

– Thưa Ngài, đúng vậy. Được nghe là: "Trong số chư thiên có hạng gọi là chư thiên thuộc tập thể vô sắc."

– Tâu Đại vương, phải chăng đối với chư thiên thuộc tập thể vô sắc ấy, có thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước?

– Thưa Ngài, không được.

– Tâu Đại vương, như thế thì không có chư thiên thuộc tập thể vô sắc.

– Thưa Ngài, có chư thiên thuộc tập thể vô sắc. Và đối với các vị ấy, không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước.

– Tâu Đại vương, giống như không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của chư thiên thuộc tập thể vô sắc, đúng là các chúng sanh có thật. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn, đúng là pháp có thật.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, Niết-bàn là thuần lạc. Và không thể bằng ví dụ, hoặc bằng lý lẽ, hoặc bằng nguyên nhân, hoặc bằng suy luận để chỉ ra hình thể, hay vị trí, hay tuổi thọ, hay kích thước của Niết-bàn. Thưa Ngài, vậy thì có đức tính nào đó của Niết-bàn được liên quan với các thứ khác có thể làm ví dụ so sánh?

– Tâu Đại vương, về phương diện hình thể thì không có. Tuy nhiên, có thể có cái gì đó về phương diện đức tính để chỉ ra làm ví dụ so sánh.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm tiếp nhận việc giải thích từng phần một về đức tính của Niết-bàn như thế nào thì bằng cách mau chóng như thế ấy

Ngài hãy nói lên, hãy dập tắt sự nóng nảy ở trái tim của trẫm, hãy đưa nó đi bằng làn gió mát lạnh, ngọt ngào của lời nói.

5. – Tâu Đại vương, cây sen có một đức tính được liên quan đến Niết-bàn, nước có hai đức tính, thuốc giải độc có ba đức tính, đại dương có bốn đức tính, vật thực có năm đức tính, bầu trời có mười đức tính, ngọc báu ma-ni có ba đức tính, trầm hương đỏ có ba đức tính, nước trong của bơ lỏng có ba đức tính, đỉnh núi có năm đức tính được liên quan đến Niết-bàn.

6. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Loài sen có một đức tính được liên quan đến Niết-bàn", loài sen có một đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như loài sen không bị lấm lem bởi nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn không bị lấm lem bởi tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, loài sen có một đức tính này được liên quan đến Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Nước có hai đức tính được liên quan đến Niết-bàn", nước có hai đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như nước mát lạnh có sự làm tắt ngấm sự nóng nực. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn mát lạnh có sự làm tắt ngấm sự nóng nực của tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, nước có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước xua đi cơn khát của các loài người và thú bị nhọc mệt, bị run rẩy, bị khát, bị thiêu đốt bởi sự nóng bức. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn xua đi cơn khát về dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Tâu Đại vương, nước có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, nước có hai đức tính này được liên quan đến Niết-bàn.

7. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Thuốc giải độc có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàn", thuốc giải độc có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như thuốc giải độc là nơi nương tựa của các chúng sanh bị hành hạ bởi thuốc độc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là nơi nương tựa của các chúng sanh bị hành hạ bởi thuốc độc phiền não. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thuốc giải độc làm chấm dứt các căn bệnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn làm chấm dứt tất cả các khổ đau. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thuốc giải độc [đem lại] sự bất tử. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn [đem lại] sự bất tử. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, thuốc giải độc có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn.

8. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Đại dương có bốn đức tính

được liên quan đến Niết-bàn", đại dương có bốn đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như đại dương là trống không đối với tất cả các xác chết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là trống không đối với tất cả các xác chết phiền não. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đại dương là rộng lớn, không có bờ này bờ kia, không bị tràn đầy bởi tất cả các dòng sông. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là rộng lớn, không có bờ này bờ kia, không bị tràn đầy bởi tất cả các chúng sanh. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đại dương là nơi cư trú của các sinh vật vĩ đại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là nơi cư trú của các bậc A-la-hán vĩ đại, là các sinh vật vĩ đại không bị ô nhiễm, có các lậu đã cạn kiệt, đã đạt được năng lực, có trạng thái làm chủ. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đại dương được trổ hoa với các bông hoa là những làn sóng vô số kể, đa dạng, trải rộng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được trổ hoa với các bông hoa là sự thanh tịnh, minh và giải thoát vô số kể, đa dạng, trải rộng. Tâu Đại vương, đại dương có đức tính thứ tư này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, đại dương có bốn đức tính này được liên quan đến Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Vật thực có năm đức tính được liên quan đến Niết-bàn", vật thực có năm đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như vật thực duy trì sự sống của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ thì duy trì sự sống nhờ vào việc tiêu diệt sự già và sự chết. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực làm tăng trưởng sức mạnh của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ làm tăng trưởng sức mạnh về thần thông của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực làm sanh ra sắc đẹp của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ làm sanh ra sắc đẹp về đức hạnh của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực làm lắng dịu sự buồn bực của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ làm lắng dịu sự buồn bực về mọi phiền não của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ tư này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực xua đi cơn đói và sự yếu đuối của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đã được chứng ngộ xua đi cơn đói và sự yếu đuối về mọi sự khổ đau của tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, vật thực có đức tính thứ năm này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, vật thực có năm đức tính này được liên quan đến Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hư không có mười đức tính được liên quan đến Niết-bàn", hư không có mười đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như hư không là không bị sanh, không bị già, không bị chết, không lìa đời, không sanh lên, khó chế ngự, không bị trộm lấy đi, không bị lệ thuộc, là chốn di chuyển của loài chim, không bị chướng ngại, không có nơi tận cùng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là không bị sanh, không bị già, không bị chết, không lìa đời, không sanh lên, khó chế ngự, không bị trộm lấy đi, không bị lệ thuộc, là chốn di chuyển của các bậc Thánh, không bị chướng ngại, không có nơi tận cùng. Tâu Đại vương, hư không có mười đức tính này được liên quan đến Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ngọc báu ma-ni có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàn", ngọc báu ma-ni có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như ngọc báu ma-ni ban cho điều ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn ban cho điều ước muốn. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc báu ma-ni làm cho tươi cười. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn làm cho tươi cười. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc báu ma-ni có lợi ích về ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn có lợi ích về ánh sáng. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, ngọc báu ma-ni có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Trầm hương đỏ có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàn", trầm hương đỏ có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như trầm hương đỏ là khó đạt được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là khó đạt được. Tâu Đại vương, trầm hương đỏ có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, trầm hương đỏ có mùi hương tuyệt vời không thể sánh bằng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn có mùi hương tuyệt vời không thể sánh bằng. Tâu Đại vương, trầm hương đỏ có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, trầm hương đỏ được những người tốt ca tụng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được các bậc Thánh nhân ca tụng. Tâu Đại vương, trầm hương đỏ có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, trầm hương đỏ có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Nước trong của bơ lỏng có ba đức tính được liên quan đến Niết-bàn", nước trong của bơ lỏng có ba đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như nước trong của bơ lỏng được thành tựu màu sắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thành tựu màu sắc của đức hạnh. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước trong của bơ lỏng được thành tựu hương thơm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thành tựu hương thơm của giới. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước trong của bơ lỏng được thành tựu phẩm vị. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thành tựu phẩm vị [giải thoát]. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, nước trong của bơ lỏng có ba đức tính này được liên quan đến Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Đỉnh núi có năm đức tính được liên quan đến Niết-bàn", đỉnh núi có năm đức tính nào được liên quan đến Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giống như đỉnh núi là cao ngất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là cao ngất. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ nhất này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi là không dao động. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn không dao động. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ nhì này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi là khó trèo lên. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn là khó trèo lên đối với tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ ba này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi đối với tất cả các hạt giống là không nẩy mầm được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn đối với tất cả các phiền não là không nẩy mầm được. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ tư này được liên quan đến Niết-bàn.

Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đỉnh núi được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, Niết-bàn được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, đỉnh núi có đức tính thứ năm

này được liên quan đến Niết-bàn. Tâu Đại vương, đỉnh núi có năm đức tính thứ này được liên quan đến Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về hình thể và vị trí của Niết-bàn" là thứ mười.

11. CÂU HỎI VỀ SỰ CHỨNG NGỘ NIẾT-BÀN
(*Nibbānasacchikaraṇapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, Ngài nói rằng: "Niết-bàn không là quá khứ, không là hiện tại, không là vị lai, không phải là được sanh lên, không phải là không được sanh lên, không phải là sẽ được làm cho sanh lên." Thưa Ngài Nāgasena, ở đây người nào đó thực hành đúng đắn và chứng ngộ Niết-bàn thì người ấy chứng ngộ cái [Niết-bàn] đã được sanh lên, hay là làm cho [Niết-bàn] sanh lên rồi chứng ngộ?

– Tâu Đại vương, người nào đó thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn, người ấy chứng ngộ không phải cái [Niết-bàn] đã được sanh lên, không phải là làm cho [Niết-bàn] sanh lên rồi chứng ngộ. Tâu Đại vương, tuy nhiên có cảnh giới Niết-bàn ấy, người ấy thực hành đúng đắn và chứng ngộ cái ấy.

– Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài chớ làm cho câu hỏi này bị che đậy lại rồi mới giải thích. Xin Ngài hãy làm cho nó được mở ra, được rõ ràng, rồi giải thích. Với ước muốn đã được sanh khởi, với sự nỗ lực đã được sanh khởi, điều nào Ngài đã học, xin Ngài hãy tuôn ra tất cả các điều ấy cho chính trường hợp này. Ở đây, đám người này là mê muội, bị sanh khởi nỗi phân vân, bị khởi lên sự nghi ngờ. Xin Ngài hãy phá vỡ mũi tên có sự độc hại ở bên trong ấy.

2. – Tâu Đại vương, có cảnh giới Niết-bàn ấy, tịch tịnh, an lạc, hảo hạng. Người thực hành đúng đắn, trong khi quán sát về các hành theo lời dạy của đấng Chiến Thắng, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ Niết-bàn. Tâu Đại vương, giống như người đệ tử, theo lời dạy của vị thầy, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ được kiến thức. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người thực hành đúng đắn theo lời dạy của đấng Chiến Thắng, nhờ vào tuệ mà chứng ngộ Niết-bàn.

– Vậy thì Niết-bàn sẽ được nhìn thấy như thế nào?

– Sẽ được nhìn thấy là không có rủi ro, không có bất hạnh, không có sợ hãi, là an toàn, tịch tịnh, an lạc, thoải mái, hảo hạng, trong sạch, mát lạnh. Tâu Đại vương, giống như người đàn ông, trong khi bị đốt nóng bởi ngọn lửa với nhiều đống củi đã được phát cháy sôi sục, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi không có ngọn lửa, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết-bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa sức nóng của ngọn lửa gồm ba loại. Tâu Đại vương, ngọn lửa là như thế nào thì ngọn lửa gồm ba loại nên được xem xét như vậy. Người đàn ông ở trong ngọn lửa là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có ngọn lửa là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn ông đi đến nơi chất đống các xác chết của rắn, chó, người và các phần thải bỏ của cơ thể, bị kẹt vào ở giữa các búi tóc bị rối lại của các xác chết, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi không có xác chết, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết-bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa xác chết phiền não. Tâu Đại vương, xác chết là như thế nào thì năm loại dục nên được xem xét như vậy. Người đàn ông đi đến nơi các xác chết là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có xác chết là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn ông bị khiếp sợ, bị run sợ, bị rúng động, có tâm bị xáo trộn và bị tán loạn, sau khi thoát khỏi nơi ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi vào nơi chắc chắn, vững chãi, không dao động, không có sự sợ hãi, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết-bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa sự sợ hãi và sự run sợ. Tâu Đại vương, sự sợ hãi là như thế nào thì sự sợ hãi được vận hành một cách liên tục tùy thuận theo sanh, già, bệnh, chết nên được xem xét như vậy. Người đàn ông bị khiếp sợ là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Nơi không có sự sợ hãi là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như người đàn ông bị té ngã vào khu vực là vũng bùn, đầm lầy, bị ô nhiễm, dơ bẩn, sau khi ra khỏi vũng bùn, đầm lầy ấy nhờ vào sự nỗ lực, và đi đến khu vực hoàn toàn trong sạch, không nhơ bẩn, rồi đạt được hạnh phúc tột độ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào thực hành đúng đắn, người ấy nhờ vào sự tác ý đúng đường lối chứng ngộ Niết-bàn an lạc tối thượng, nơi xa lìa vũng lầy phiền não ô nhiễm. Tâu Đại vương, vũng bùn là như thế nào thì lợi lộc, tôn vinh, danh tiếng nên được xem xét như vậy. Người đàn ông ở trong vũng bùn là như thế nào thì người thực hành đúng đắn nên được xem xét như vậy. Khu vực hoàn toàn trong sạch, không nhơ bẩn là như thế nào thì Niết-bàn nên được xem xét như vậy.

4. – Thưa Ngài, vậy thì người thực hành đúng đắn làm cách nào chứng ngộ Niết-bàn ấy?

– Tâu Đại vương, người nào thực hành đúng đắn, người ấy quán sát về sự vận hành của các hành; trong khi quán sát về sự vận hành, nhìn thấy sự sanh, nhìn thấy sự già, nhìn thấy sự bệnh, nhìn thấy sự chết ở nơi ấy, không nhìn thấy bất cứ điều gì an lạc, thoải mái ở nơi ấy, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phần cuối. Người ấy không nhìn thấy bất cứ điều gì đáng được nắm bắt.

Tâu Đại vương, giống như người đàn ông không nhìn thấy bất cứ chỗ nào đáng được nắm bắt ở cục sắt được đốt nóng trọn ngày, bị bốc cháy, sôi sục, nóng bỏng, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phần cuối. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào quán sát về sự vận hành của các hành, người ấy trong khi quán

sát về sự vận hành, nhìn thấy sự sanh, nhìn thấy sự già, nhìn thấy sự bệnh, nhìn thấy sự chết ở nơi ấy, không nhìn thấy bất cứ điều gì an lạc, thoải mái ở nơi ấy, từ phần đầu, từ phần giữa, từ phần cuối. Người ấy không nhìn thấy bất cứ điều gì đáng được nắm bắt. Đối với người ấy, trong khi không nhìn thấy điều gì đáng được nắm bắt, sự không thích thú được thành lập ở tâm của người ấy, sự nóng bức xuất hiện ở thân của người ấy. Người ấy, không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở các hữu.

Tâu Đại vương, giống như người đi vào đống lửa lớn, có ngọn lửa cháy rực. Ở đó, người ấy không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người ấy, trong khi không nhìn thấy điều gì đáng được nắm bắt, sự không thích thú được thành lập ở tâm của người ấy, sự nóng bức xuất hiện ở thân của người ấy. Người ấy, không có sự bảo vệ, không có sự nương nhờ, có trạng thái không có chỗ nương nhờ, nên nhàm chán ở các hữu. Đối với người ấy, đã nhìn thấy nỗi sợ hãi ở sự vận hành, có tâm như vầy sanh khởi: "Sự vận hành này quả đã bị đốt nóng, bị cháy đỏ, bị cháy rực, có nhiều khổ đau, có nhiều ưu phiền. Nếu ai đó có thể đạt được sự không vận hành, điều ấy là tịch tịnh, điều ấy là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt tận ái dục, sự lìa khỏi luyến ái, sự tịnh diệt, Niết-bàn." Nhờ vậy, tâm của người ấy lao vào ở sự không vận hành, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng rằng: "Sự thoát ra đã đạt được bởi ta."

Tâu Đại vương, giống như người đàn ông bị lạc lối, bị rơi vào nơi lạ, sau khi nhìn thấy lối ra thì lao vào nơi ấy, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng rằng: "Lối ra đã đạt được bởi ta." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đã nhìn thấy nỗi sợ hãi ở sự vận hành thì tâm của người ấy lao vào ở sự không vận hành, được tin tưởng, được hài lòng, được vui mừng rằng: "Sự thoát ra đã đạt được bởi ta." Người ấy tích lũy, theo đuổi, tu tập, thực hành thường xuyên đạo lộ đưa đến sự không vận hành. Đối với người ấy, niệm được thành lập ở mục đích ấy, tinh tấn được thành lập ở mục đích ấy, hỷ được thành lập ở mục đích ấy. Trong khi người ấy chú tâm liên tục ở tâm ấy thì vượt qua sự vận hành, đi đến sự không vận hành. Tâu Đại vương, người đã đạt đến sự không vận hành, đã thực hành đúng đắn, được gọi là "chứng ngộ Niết-bàn."

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về sự chứng ngộ Niết-bàn" là thứ mười một.

12. CÂU HỎI VỀ NƠI CHỨA ĐỰNG NIẾT-BÀN (*Nibbānasannihitapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, có phải có vị trí ấy ở hướng Đông, hay ở hướng Nam, hay ở hướng Tây, hay ở hướng Bắc, hay ở hướng trên, hay ở hướng dưới, hay ở hướng ngang, là nơi Niết-bàn được chứa đựng?

– Tâu Đại vương, không có vị trí ấy ở hướng Đông, hay ở hướng Nam, hay

ở hướng Tây, hay ở hướng Bắc, hay ở hướng trên, hay ở hướng dưới, hay ở hướng ngang, là nơi Niết-bàn được chứa đựng.

– Thưa Ngài Nāgasena, nếu không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn, như thế thì không có Niết-bàn, và đối với những vị nào mà Niết-bàn ấy đã được chứng ngộ, thì sự chứng ngộ của những vị ấy cũng là sai trái, trẫm sẽ nói lý do của trường hợp này. Thưa Ngài Nāgasena, giống như ở trái đất có ruộng sản xuất lúa gạo, có hoa sản xuất ra hương thơm, có lùm cây sản xuất ra hoa, có cây cối sản xuất ra trái, có hầm mỏ sản xuất ra châu báu, bất cứ ai ước muốn vật gì tại nơi đó, thì người ấy đi đến nơi đó rồi mang đi vật ấy. Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, nếu có Niết-bàn thì chỗ sản xuất của Niết-bàn ấy cũng là điều được mong mỏi. Và thưa Ngài Nāgasena, chính bởi vì không có chỗ sản xuất của Niết-bàn, vì thế trẫm nói là: "Không có Niết-bàn." Và đối với những vị nào mà Niết-bàn ấy đã được chứng ngộ, thì sự chứng ngộ của những vị ấy cũng là sai trái.

2. – Tâu Đại vương, không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Và có Niết-bàn ấy. Người thực hành đúng đắn chứng ngộ Niết-bàn nhờ vào sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, giống như có cái gọi là ngọn lửa, [nhưng] không có chỗ chứa đựng của nó. Trong khi cọ xát hai thanh củi với nhau thì đạt được ngọn lửa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có Niết-bàn [nhưng] không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Người thực hành đúng đắn chứng ngộ Niết-bàn nhờ vào sự tác ý đúng đường lối.

3. Tâu Đại vương, hoặc là giống như có cái gọi là bảy báu vật, như là: Bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc ma-ni báu, nữ nhân báu, gia chủ báu, tướng quân báu, và không có chỗ chứa đựng của các báu vật ấy. Tuy nhiên, đối với vị Sát-đế-lỵ đã thực hành đúng đắn, do nhờ năng lực của sự thực hành mà các báu vật ấy đi đến [với vị ấy]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, có Niết-bàn [nhưng] không có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Người thực hành đúng đắn chứng ngộ Niết-bàn nhờ vào sự tác ý đúng đường lối.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, vậy thì chớ có chỗ chứa đựng của Niết-bàn. Tuy nhiên, có phải có chỗ đứng ấy, mà người đứng tại chỗ ấy thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, đúng vậy. Có chỗ đứng ấy, mà người đứng tại chỗ ấy thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn.

– Thưa Ngài, vậy thì chỗ đứng ấy là chỗ nào mà người đứng tại chỗ ấy thực hành đúng đắn thì chứng ngộ Niết-bàn?

– Tâu Đại vương, giới là chỗ đứng. Người đã thiết lập ở giới, trong khi tác ý đúng đường lối, dầu là ở Saka hay ở Yavana, ở Cīna hay ở Vilāta, ở Alasanda, ở Nikumba, ở Kāsi hay ở Kosala, ở Kasmīra, ở Gandhāra, ở đỉnh núi, ở thế giới Phạm thiên, dầu đứng ở bất cứ nơi đâu mà thực hành đúng đắn đều chứng ngộ Niết-bàn.

Tâu Đại vương, giống như người đàn ông nào đó, sáng mắt, dầu là ở Saka hay ở Yavana, ở Cīna hay ở Vilāta, ở Alasanda, ở Nikumba, ở Kāsi hay ở Kosala ở Kasmīra, ở Gandhāra, ở đỉnh núi, ở thế giới Phạm thiên, dầu đứng ở bất cứ nơi đâu đều nhìn thấy bầu không gian. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người đã thiết lập ở giới, trong khi tác ý đúng đường lối, dầu là ở Saka hay ở Yavana,… (nt)… dầu đứng ở bất cứ nơi đâu mà thực hành đúng đắn đều chứng ngộ Niết-bàn.

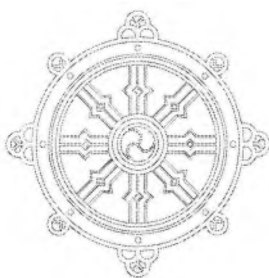
Tâu Đại vương, hoặc là giống như dầu là ở Saka hay ở Yavana,… (nt)… đối với người đứng dầu ở bất cứ nơi đâu đều có phương bắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với người đã thiết lập ở giới, trong khi tác ý đúng đường lối, dầu là ở Saka hay ở Yavana,… (nt)… đối với người đứng dầu ở bất cứ nơi đâu mà thực hành đúng đắn đều chứng ngộ Niết-bàn.

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Niết-bàn đã được Ngài giảng giải, sự chứng ngộ Niết-bàn đã được giảng giải, đức hạnh của giới đã được trang bị, sự thực hành đúng đắn đã được chỉ ra, biểu hiện của Chánh pháp đã được giương cao, lối dẫn vào Chánh pháp đã được thiết lập, sự ra sức đúng đắn của những vị đã ra sức tốt đẹp là không vô ích. Hỡi vị cao quý và ưu tú trong số các vị có đồ chúng, trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.

"Câu hỏi về nơi chứa đựng Niết-bàn" là thứ mười hai.

Phẩm Vessantara là phẩm thứ ba.

(Ở phẩm này có mười hai câu hỏi)



IV. PHẨM SUY LUẬN
(*ANUMĀNAVAGGO*)

1. CÂU HỎI [GIẢNG BẰNG SỰ] SUY LUẬN (*Anumānapañho*)

1. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đi đến gặp Đại đức Nāgasena, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Nāgasena rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda có sự mong muốn được biết, mong muốn được nghe, mong muốn ghi nhớ, mong muốn nhìn thấy ánh sáng của trí tuệ, mong muốn phá vỡ sự không biết, mong muốn làm sanh khởi ánh sáng của trí tuệ, mong muốn tiêu diệt bóng tối của vô minh; sau khi thiết lập sự can đảm vượt bậc, sự cố gắng, sự ghi nhớ và sự nhận biết rõ rệt, rồi đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

2. – Thưa Ngài Nāgasena, có phải đức Phật đã được Ngài nhìn thấy?

– Tâu Đại vương, không có.

– Có phải đức Phật đã được các vị thầy của Ngài nhìn thấy?

– Tâu Đại vương, không có.

– Thưa Ngài Nāgasena, nghe nói đức Phật đã không được Ngài nhìn thấy, cũng nghe nói đức Phật đã không được các vị thầy của Ngài nhìn thấy. Thưa Ngài Nāgasena, như thế thì không có đức Phật. Bởi vì ở đây đức Phật không được biết đến.

– Tâu Đại vương, vậy thì những vị tổ tiên của dòng dõi Sát-đế-ly của Đại vương, có các vị Sát-đế-ly tiền bối ấy không?

– Thưa Ngài, có. Có sự nghi ngờ gì? Có các vị Sát-đế-ly tiền bối, họ là tổ tiên của dòng dõi Sát-đế-ly của trẫm.

– Tâu Đại vương, có phải các vị Sát-đế-ly tiền bối đã được Đại vương nhìn thấy?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, vậy thì các vị quân sư, tướng lãnh, quan tòa, quan đại thần đang cố vấn cho Đại vương, có phải các vị Sát-đế-ly tiền bối đã được những người ấy nhìn thấy?

– Thưa Ngài, không có.

– Tâu Đại vương, nếu các vị Sát-đế-ly tiền bối đã không được Đại vương nhìn thấy, nghe nói các vị Sát-đế-ly tiền bối cũng đã không được những vị cố vấn của Đại vương nhìn thấy, vậy thì các vị Sát-đế-ly tiền bối ở đâu? Bởi vì ở đây các vị Sát-đế-ly tiền bối không được nhận biết.

– Thưa Ngài Nāgasena, những đồ dùng đã được các vị Sát-đế-ly tiền bối sử dụng được nhìn thấy như là: Chiếc lọng màu trắng, khăn bịt đầu, đôi giày, quạt phất trần, viên ngọc ở thanh gươm và các giường nằm vô cùng giá trị, nhờ chúng mà chúng tôi có thể biết được, có thể tin tưởng là: "Có các vị Sát-đế-ly tiền bối."

– Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, chúng tôi cũng có thể biết được, có thể tin tưởng về đức Thế Tôn ấy. Có lý do mà với lý do ấy chúng tôi có thể biết được, có thể tin tưởng là: "Có đức Thế Tôn ấy." Lý do ấy là điều nào? Tâu Đại vương, quả là có những đồ dùng đã được đức Thế Tôn ấy, vị Biết, vị Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sử dụng, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh tinh tấn, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám chi phần, nhờ chúng mà thế gian luôn cả chư thiên biết được, tin tưởng là: "Có đức Thế Tôn ấy." Tâu Đại vương, với lý do này, với nguyên nhân này, với phương pháp này, với sự suy luận này mà có thể biết được rằng: "Có đức Thế Tôn ấy."

"*Sau khi đã giúp cho nhiều người vượt qua, Ngài đã tịch diệt ở sự đoạn tận mầm mống tái sanh. Nhờ vào sự suy luận, có thể biết được rằng: 'Có bậc Tối Thượng Nhân ấy.'*"

3. – Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài cho ví dụ.

– Tâu Đại vương, giống như nhà kiến trúc đô thị có ý định xây dựng thành phố thì trước tiên hết xem qua khoảnh đất bằng phẳng, không bị nhô lên không bị lõm xuống, không sạn sỏi và đá tảng, không nguy hiểm, không bị chê trách, đáng được yêu thích, rồi chỗ nào không bằng phẳng thì cho san bằng chỗ ấy, cho dọn sạch gốc cây và gai góc, rồi tại chỗ ấy xây dựng thành phố lộng lẫy, được phân chia thành từng phần, đã được đo đạc, có đường hào đã được đào lên và thành lũy, có tháp canh và cổng thành vững chắc, có đường băng ngang, ngã tư, giao lộ, bồn binh rộng lớn, có đường lộ chính sạch sẽ và có bề mặt bằng phẳng, có cửa tiệm khéo được bố trí bên trong, được đầy đủ với các khu vườn, công viên, hồ ao, đầm sen, giếng nước, được tô điểm với nhiều loại điện thờ chư thiên, toàn bộ đều không có khuyết điểm. Khi thành phố ấy đã đạt đến sự phát triển về mọi mặt, người ấy có thể đi đến khu vực khác. Rồi thời gian sau đó, thành phố ấy trở nên thịnh vượng, giàu có, vật thực dễ dàng, an toàn, được phát đạt, thắng lợi, không có rủi ro, không có bất hạnh, đông đảo với nhiều hạng người, các Sát-đế-ly có tầm cỡ, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các quản tượng, các kỵ sĩ, các người đánh xe, các khách bộ hành, các cung thủ, các kiếm sĩ, các hiệp sĩ, các quân nhân, các nhà cung cấp vật thực, các hoàng tử dũng mãnh, các cảm tử quân, các yểu nhân, các vị anh hùng, các chiến sĩ mặc áo giáp, các người con của kẻ nô bộc, các người con của kẻ làm thuê, các toán đấu vật, các người nấu ăn, các đầu bếp, các thợ cạo, các người hầu tắm, các thợ rèn, các người làm tràng hoa, các thợ vàng, các thợ bạc, các thợ chì, các thợ thiếc, các thợ đồng, các thợ hợp kim, các thợ sắt, các thợ ngọc ma-ni, các thợ dệt, các thợ gốm, các người làm muối, các thợ thuộc da, các thợ làm xe, các thợ

làm ngà, các thợ làm dây, các thợ làm lược, các thợ quay tơ, các thợ đan giỏ, các thợ làm cung, các thợ làm dây cung, các thợ làm tên, các thợ vẽ tranh, các thợ làm màu, các thợ nhuộm, các thợ dệt vải, các thợ may, các thợ phân kim, các người buôn vải, các người buôn hương liệu, các người cắt cỏ, các người nhặt củi, các người làm thuê, các người bán rau, các người bán trái cây, các người bán rễ cây, các người bán cơm, các người bán bánh, các người bán cá, các người bán thịt, các người bán rượu, các kịch sĩ, các vũ công, các người múa rối, các ảo thuật gia, các nhạc công, các người đấu vật, các người thiêu xác, các người đổ rác hoa, các thợ làm tre, các thợ săn, các kỹ nữ, các vũ nữ, các tớ gái đội nước, các người ở Saka, ở Yavana, ở Cīna, ở Vilāta, ở Ujjenī, ở Bhārukaccha, ở Kāsi, ở Kosala, ở Paranta, ở Magadha, ở Sāketa, ở Soraṭṭha, ở Pāvā, ở Koṭumbara, ở Madhura, ở Alasanda, ở Kasmīra, ở Gandhāra đã đi đến cư ngụ ở thành phố ấy, những người ở các địa phương khác nhau sau khi nhìn thấy thành phố ấy mới mẻ, khéo được bố trí, không khuyết điểm, không bị chê trách, đáng được yêu thích, bằng cách suy luận nhận biết rằng: "Này ông bạn, nhà kiến trúc đô thị xây dựng thành phố này quả là thành thạo."

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn ấy là vị không ai sánh bằng, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không người đối xứng, không kẻ tương đương, không người so sánh, không thể ước lượng, không thể đo lường, không thể định lượng, có đức hạnh vô lượng, đã đạt đến sự toàn hảo của đức hạnh, có sự can đảm vô biên, có sự vinh quang vô biên, có sự tinh tấn vô biên, có năng lực vô biên, đã đạt đến sự toàn hảo về Phật lực, sau khi đánh bại Ma vương cùng với đạo binh, sau khi đã phá tung mạng lưới tà kiến, sau khi dẹp bỏ vô minh, sau khi làm cho minh sanh khởi, sau khi nắm giữ ngọn đuốc Chánh pháp, sau khi đạt được bản thể toàn tri, với trận chiến không bị khuất phục, đã được chiến thắng, Ngài đã xây dựng thành phố giáo pháp.

Tâu Đại vương, thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn có thành lũy là giới, có đường hào là sự hổ thẹn tội lỗi, có cổng thành là trí, có tháp canh là sự tinh tấn, có trụ chống là đức tin, có người gác cổng là niệm, có tòa lâu đài là tuệ, có đường băng ngang là Kinh, có bồn binh là Vi diệu pháp, có tòa án là Luật, có đường phố là sự thiết lập niệm. Tâu Đại vương, hơn nữa ở đường phố về sự thiết lập niệm của thành phố ấy, có các cửa tiệm với hình thức như vầy khéo là được trưng bày, như là: Cửa tiệm bông hoa, cửa tiệm hương liệu, cửa tiệm trái cây, cửa tiệm thuốc giải độc, cửa tiệm thuốc chữa bệnh, cửa tiệm thuốc bất tử, cửa tiệm châu báu, cửa tiệm tổng hợp.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm bông hoa của đức Phật Thế Tôn là cái nào?

– Tâu Đại vương, có các sự phân loại về đối tượng [tham thiền] đã được đức Thế Tôn ấy, vị Biết, vị Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nói đến như là: Tưởng về vô thường, tưởng về khổ não, tưởng về vô ngã, tưởng về bất mỹ, tưởng về điều bất lợi, tưởng về sự dứt bỏ, tưởng về ly luyến ái, tưởng về sự tịch diệt, tưởng về sự không hứng thú với mọi thứ ở thế gian, tưởng về vô thường

trong tất cả các sự tạo tác, niệm hơi thở vào ra, tưởng về tử thi bị trương sình, tưởng về tử thi có màu xanh xám, tưởng về tử thi bắt đầu thối rữa, tưởng về tử thi bị thủng nhiều lỗ, tưởng về tử thi bị thú ăn, tưởng về tử thi bị vung vãi, tưởng về tử thi bị hủy hoại và vung vãi, tưởng về tử thi bị đẫm máu, tưởng về tử thi bị giòi bọ rút rỉa, tưởng về bộ xương, tưởng về tâm từ, tưởng về tâm bi, tưởng về tâm hỷ, tưởng về tâm xả, niệm về sự chết, niệm được đặt ở thân. Tâu Đại vương, các sự phân loại về đối tượng [tham thiền] này đã được đức Phật, Thế Tôn nói đến.

Ở nơi ấy, người nào có ước muốn được thoát khỏi sự già và sự chết, người ấy nắm giữ một đối tượng nào đó trong số đó, rồi nhờ vào đối tượng ấy được thoát khỏi luyến ái, được thoát khỏi sân, được thoát khỏi si, được thoát khỏi ngã mạn, được thoát khỏi [tà] kiến, vượt qua luân hồi, ngăn chặn dòng chảy tham ái, làm trong sạch ba loại vết bẩn, sau khi hủy diệt tất cả phiền não, sau khi đi vào thành phố tối thượng là thành phố Niết-bàn, không vết nhơ, hết bụi bặm, trong sạch, tinh khiết, không sanh, không già, không chết, an lạc, có trạng thái mát lạnh, không có nỗi sợ hãi, rồi làm cho tâm được giải thoát ở phẩm vị A-la-hán. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm bông hoa của đức Thế Tôn."

"*Sau khi nắm lấy tiền vốn là nghiệp [thiện],*[13] *hãy đi đến cửa tiệm, hãy mua lấy đối tượng, từ đó hãy được tự do ở sự giải thoát.*"

5. – Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm hương liệu của đức Phật, Thế Tôn là cái nào?

– Tâu Đại vương, có các sự phân loại về giới đã được đức Thế Tôn ấy nói đến. Được thoa bởi hương thơm của giới ấy, các người con trai của đức Thế Tôn tỏa hơi, tràn ngập thế gian luôn cả chư thiên bằng hương thơm của giới, rồi thổi đến, bao trùm hướng chính, hướng phụ, gió thuận chiều, gió nghịch chiều, sau khi tỏa khắp thì lắng đọng lại. Các sự phân loại về giới ấy là các cái nào? Là giới của sự nương nhờ [tam quy], năm giới, tám điều giới, mười điều giới, giới của sự thu thúc theo Giới bổn (*Pātimokkha*) được bao gồm ở năm phần đọc tụng. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm hương liệu của đức Thế Tôn." Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:[14]

"*Hương thơm của bông hoa không bay ngược chiều gió, [hương thơm của] gỗ trầm, gỗ tagara, hoặc hoa nhài cũng không.*

Còn hương thơm của những người tốt bay ngược chiều gió, bậc thiện nhân tỏa hương [thơm giới hạnh] khắp mọi phương.

Gỗ trầm, gỗ tagara, hoặc ngay cả hoa sen và hoa nhài, trong số các loại có hương thơm này, hương thơm của giới là vô thượng.

---

[13] Theo *Chú giải*, nghiệp [thiện] ở đây là các thiện pháp đã làm trong sự chứng minh của chư Phật quá khứ (*Milindaṭīkā*, văn bản mẫu tự Sinhala, trang 413).

[14] *Dh.* v. 54, 55, 56.

Hương thơm này của gỗ tagara hay gỗ trầm là nhỏ nhoi, còn hương thơm của những người có giới hạnh thổi giữa chư thiên là tối thượng."

6. – Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm trái cây của đức Phật, Thế Tôn là cái nào?

– Tâu Đại vương, các loại quả đã được đức Thế Tôn ấy nói đến như là: Quả vị Nhập lưu, quả vị Nhất lai, quả vị Bất lai, quả vị A-la-hán, sự thể nhập quả vị Không tánh, sự thể nhập quả vị Vô tướng, sự thể nhập quả vị Vô nguyện. Ở nơi ấy, người nào ước muốn quả vị nào, người ấy sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện] rồi mua lấy quả vị đã được mong mỏi, nếu là quả vị Nhập lưu, hay quả vị Nhất lai, hay quả vị Bất lai, hay quả vị A-la-hán, hay sự thể nhập quả vị Không tánh, hay sự thể nhập quả vị Vô tướng, hay sự thể nhập quả vị Vô nguyện.

Tâu Đại vương, giống như cây xoài của người đàn ông nào đó là có trái thường xuyên. Cho đến khi nào người mua chưa đi đến thì người ấy còn chưa làm cho các trái từ trên cây rơi xuống. Trái lại, khi người mua đã đến thì người ấy nhận tiền vốn ở người mua rồi bảo như vầy: "Này ông, cây xoài này quả là có trái thường xuyên, ông muốn chừng nào ở cây ấy thì hãy lấy chừng ấy, hoặc còn sống, hoặc còn non, hoặc còn lông tơ, hoặc chưa chín, hoặc đã chín." Người ấy, với số tiền vốn đã được trao ra ấy của mình, nếu muốn trái còn sống thì lấy trái còn sống, nếu muốn trái còn non thì lấy trái còn non, nếu muốn trái còn lông tơ thì lấy trái còn lông tơ, nếu muốn trái chưa chín thì lấy trái chưa chín, nếu muốn trái chín thì lấy trái chín. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, người nào ước muốn quả vị nào thì sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện], người ấy nhận lấy quả vị đã được mong mỏi, nếu là quả vị Nhập lưu,… (nt)… hay sự thể nhập quả vị Vô nguyện. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm trái cây của đức Thế Tôn."

"*Sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện], rồi cầm lấy trái cây bất tử, những người nào mua trái cây bất tử, do việc ấy những người ấy được an lạc.*"

7. – Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm thuốc giải độc của đức Phật, Thế Tôn là cái nào?

– Tâu Đại vương, các thuốc giải độc đã được đức Thế Tôn nói đến, với các thuốc giải độc này đức Thế Tôn ấy giúp cho thế gian luôn cả chư thiên thoát khỏi thuốc độc phiền não. Vậy thì các thuốc giải độc ấy là các loại nào? Tâu Đại vương, bốn chân lý cao thượng này đã được đức Thế Tôn nói đến, như là: Chân lý cao thượng về sự khổ, chân lý cao thượng về nguyên nhân của khổ, chân lý cao thượng về sự diệt khổ, chân lý cao thượng về sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ. Tại nơi ấy, những người nào mong muốn trí tuệ lắng nghe giáo pháp về bốn chân lý, những người ấy được giải thoát khỏi sự sanh, được giải thoát khỏi sự già, được giải thoát khỏi sự chết, được giải thoát khỏi các sầu-bi-khổ-ưu-não. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm thuốc giải độc của đức Thế Tôn."

"*Bất cứ các thuốc giải độc nào ở thế gian đều là những vật đẩy lùi các chất*

độc, không có loại nào sánh bằng thuốc giải độc là giáo pháp, này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy uống loại này."

8. – Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm thuốc chữa bệnh của đức Phật, Thế Tôn là cái nào?

– Tâu Đại vương, các thuốc chữa bệnh đã được đức Thế Tôn nói đến, với các thuốc chữa bệnh này đức Thế Tôn ấy chữa bệnh cho chư thiên và nhân loại, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh tinh tấn, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám chi phần. Với những thuốc chữa bệnh này đức Thế Tôn tẩy sạch tà kiến, tẩy sạch tà tư duy, tẩy sạch tà ngữ, tẩy sạch tà nghiệp, tẩy sạch tà mạng, tẩy sạch tà tinh tấn, tẩy sạch tà niệm, tẩy sạch tà định, làm cho ói ra tham, làm cho ói ra sân, làm cho ói ra si, làm cho ói ra ngã mạn, làm cho ói ra tà kiến, làm cho ói ra hoài nghi, làm cho ói ra phóng dật, làm cho ói ra sự dã dượi buồn ngủ, làm cho ói ra sự không hổ thẹn và không ghê sợ [tội lỗi], làm cho ói ra tất cả phiền não. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm thuốc chữa bệnh của đức Thế Tôn."

"*Bất cứ các thuốc chữa bệnh nào được tìm thấy ở thế gian là đa dạng và có nhiều, không có loại nào sánh bằng thuốc chữa bệnh là giáo pháp, này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy uống loại này.*

Sau khi uống vào thuốc chữa bệnh là giáo pháp, thì có thể trở thành không già không chết. Sau khi tu tập và sau khi nhìn thấy, thì được tịch diệt ở sự đoạn tận mầm mống tái sanh."

9. – Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm thuốc bất tử của đức Phật, Thế Tôn là cái nào?

– Tâu Đại vương, thuốc bất tử đã được đức Thế Tôn nói đến, với thuốc bất tử này đức Thế Tôn ấy rưới rắc cho thế gian luôn cả chư thiên, do đã được rưới rắc với thuốc bất tử này, chư thiên và nhân loại đã được giải thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não. Thuốc bất tử ấy là cái nào? Tức là niệm đặt ở thân. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến: "*Này các Tỳ-khưu, những người nào thọ hưởng niệm đặt ở thân, những người ấy thọ hưởng sự bất tử.*" Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm bất tử của đức Thế Tôn."

"*Sau khi nhìn thấy loài người bị bệnh, Ngài đã bày ra cửa hàng thuốc bất tử. Này các Tỳ-khưu, các người hãy mua vật ấy bằng nghiệp [thiện] và hãy nhận lấy thuốc bất tử.*"

10. – Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm châu báu của đức Phật, Thế Tôn là cái nào?

– Tâu Đại vương, các châu báu đã được đức Thế Tôn nói đến. Được trang điểm với các châu báu này, những người con trai của đức Thế Tôn chiếu sáng, soi sáng, tỏa sáng, rực sáng, phát sáng ở thế gian luôn cả chư thiên, phô bày ánh sáng ở hướng trên, ở hướng dưới, ở hướng ngang. Các châu báu ấy là các loại

nào? Giới báu, định báu, tuệ báu, giải thoát báu, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu, các tuệ phân tích báu, các giác chi báu.

Tâu Đại vương, giới báu của đức Thế Tôn là cái nào? Giới của sự thu thúc theo Giới bổn (*Pātimokkha*), giới của sự thu thúc ở các quyền, giới của sự trong sạch về nuôi mạng, giới liên quan đến các vật dụng, giới nhỏ, giới trung, giới lớn, giới của đạo, giới của quả. Tâu Đại vương, thế gian luôn cả chư thiên, cùng với Ma vương, Phạm thiên, và các dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn đều ước muốn, mong cầu người đã được trang sức với châu báu của giới.

Tâu Đại vương, được chưng diện với châu báu của giới, vị Tỳ-khưu chiếu sáng, chiếu chói lọi ở hướng chính, hướng phụ, hướng trên, hướng dưới, hướng ngang. Vị ấy vượt qua, ngự trên, nhấn chìm tất cả các châu ngọc ở trong khoảng giữa, tính từ phía dưới là địa ngục Vô Gián từ phía trên là cõi cao nhất, rồi đứng lại. Tâu Đại vương, các giới báu có hình thức như thế được trưng bày ở cửa tiệm châu báu của đức Thế Tôn. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "giới báu của đức Thế Tôn."

"*Các giới có hình thức như thế hiện diện ở cửa tiệm của đức Phật. Các ngươi hãy mua châu báu ấy bằng nghiệp [thiện] và hãy chưng diện.*"

11. Tâu Đại vương, định báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, định có tầm có tứ, định không tầm chỉ có tứ, định không tầm không tứ, định không tánh, định vô tướng, định vô nguyện. Tâu Đại vương, đối với vị Tỳ-khưu chưng diện định báu, các suy nghĩ về [ngũ] dục, các suy nghĩ về oán hận, các suy nghĩ về hãm hại, ngã mạn, phóng dật, tà kiến, hoài nghi, các nền tảng của phiền não và nhiều loại suy nghĩ xấu xa, tất cả chúng sau khi tiếp cận với định thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Tâu Đại vương, giống như nước ở lá sen thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vì tính chất trong sạch của cây sen. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với vị Tỳ-khưu chưng diện định báu, các suy nghĩ về [ngũ] dục, các suy nghĩ về oán hận, các suy nghĩ về hãm hại, ngã mạn, phóng dật, tà kiến, hoài nghi, các nền tảng của phiền não và nhiều loại suy nghĩ xấu xa, tất cả chúng sau khi tiếp cận với định thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vì tính chất trong sạch của định. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "định báu của đức Thế Tôn." Tâu Đại vương, các định báu có hình thức như thế được trưng bày ở cửa tiệm châu báu của đức Thế Tôn.

"*Đối với vị có tràng hoa là định báu, các suy nghĩ xấu xa không sanh lên và tâm không bị tán loạn, các ngươi hãy chưng diện vật ấy.*"

12. Tâu Đại vương, tuệ báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, với tuệ nào vị Thánh đệ tử nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Cái này là thiện", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Cái này là bất thiện", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Cái này là có tội, cái này là không có tội, cái này là nên thực hành, cái này là không nên thực hành, cái này là thấp kém, cái này là hảo hạng,

cái này là đen, cái này là trắng, cái này có sự lẫn lộn giữa đen và trắng", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là nhân sanh khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự diệt tận khổ", nhận biết đúng theo thực thể rằng: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ." Tâu Đại vương, cái này được gọi là "tuệ báu của đức Thế Tôn."

"*Đối với vị có tràng hoa là tuệ báu, sự hiện hữu không xoay chuyển lâu dài. Vị ấy mau chóng chạm đến bất tử và không thích thú ở sự hiện hữu.*"

13. Tâu Đại vương, giải thoát báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, "giải thoát báu" được gọi là phẩm vị A-la-hán. Tâu Đại vương, vị Tỳ-khưu đã đạt đến phẩm vị A-la-hán được gọi là "chưng diện giải thoát báu."

Tâu Đại vương, giống như người đàn ông được trang điểm với đồ trang sức là xâu chuỗi ngọc trai, ngọc ma-ni, vàng, san hô, thân thể được thoa với dầu thơm của các cây tagara, tālīsa và trầm hương đỏ, được điểm tô với các loại hoa lim, hoa nguyệt quế, hoa salaḷa, hoa cầy, hoa nhài vàng, hoa atimuttaka, hoa vòi voi, hoa sen, hoa nhài trâu, hoa nhài Ả-rập thì vượt trội, chiếu sáng, chói sáng, soi sáng, tỏa sáng, lóe sáng, rực sáng, phát sáng, ngự trị, nhấn chìm những người còn lại bằng các đồ trang sức là vòng hoa, hương thơm và châu báu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị đã đạt đến phẩm vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt, được chưng diện giải thoát báu, so với các Tỳ-khưu đã được giải thoát có liên quan điều này điều khác thì vượt trội, vượt lên, chiếu sáng, chói sáng, soi sáng, lóe sáng, rực sáng, phát sáng, ngự trị, nhấn chìm với sự giải thoát [của bản thân]. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Tâu Đại vương, vật chưng diện này là tối thắng trong số tất cả các vật chưng diện, tức là giải thoát báu. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "giải thoát báu của đức Thế Tôn."

"*Người [làm công] trong nhà ngước nhìn người chủ đang mang tràng hoa có ngọc ma-ni, còn thế gian có cả chư thiên ngước nhìn tràng hoa có giải thoát báu.*"

14. Tâu Đại vương, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, trí về việc quán xét lại được gọi là "trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu" của đức Thế Tôn, nhờ vào trí ấy vị Thánh đệ tử quán xét lại đạo, quả, Niết-bàn, các phiền não đã dứt bỏ và các phiền não còn sót lại.

"*Nhờ vào trí nào, các bậc Thánh biết rõ trạng thái đã hoàn thành phận sự, hỡi những người con của đấng Chiến Thắng, hãy tinh tấn để đạt được châu báu trí tuệ ấy.*"

15. Tâu Đại vương, tuệ phân tích báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, là bốn tuệ phân tích là "tuệ phân tích về ý nghĩa, tuệ phân tích về pháp, tuệ phân tích về ngôn từ, tuệ phân tích về phép biện giải." Tâu Đại vương, được trang điểm với bốn tuệ phân tích báu này, vị Tỳ-khưu đi đến mỗi một tập thể nào dầu là tập thể Sát-đế-ly, hay tập thể Bà-la-môn, hay tập thể gia chủ, hay tập thể Sa-môn, đều đi đến với sự tự tin, không có trạng thái hổ thẹn, không nhút

nhát, không hãi sợ, không hốt hoảng, đi đến tập thể không bị nổi da gà. Tâu Đại vương, giống như người chiến sĩ, anh hùng của chiến trận, đã vũ trang năm loại vũ khí, không kinh sợ, lao vào chiến trận [nghĩ rằng]: "Nếu các quân địch ở xa, ta sẽ hạ gục bằng mũi tên, kế đó gần hơn nữa thì ta sẽ đánh bằng cây lao, kế đó gần hơn nữa thì ta sẽ đánh bằng cây thương, với kẻ đang tiến đến gần thì ta sẽ chém làm hai bằng cây kiếm lưỡi cong, còn kẻ đã đến sát bên thân thì ta sẽ đâm thủng bằng cây dao." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị Tỳ-khưu được trang sức với bốn tuệ phân tích đi vào tập thể không kinh sợ [nghĩ rằng]: "Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích ý nghĩa, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về ý nghĩa bằng ý nghĩa, ta sẽ thuyết giảng về lý do bằng lý do, ta sẽ thuyết giảng về nguyên nhân bằng nguyên nhân, ta sẽ thuyết giảng về phương pháp bằng phương pháp, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hỏi.

Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích pháp, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về pháp bằng pháp, ta sẽ thuyết giảng về bất tử bằng bất tử, ta sẽ thuyết giảng về không tạo tác bằng không tạo tác, ta sẽ thuyết giảng về Niết-bàn bằng Niết-bàn, ta sẽ thuyết giảng về không tánh bằng không tánh, ta sẽ thuyết giảng về vô tướng bằng vô tướng, ta sẽ thuyết giảng về vô nguyện bằng vô nguyện, ta sẽ thuyết giảng về bất động bằng bất động, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hỏi.

Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích ngôn từ, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về ngôn từ bằng ngôn từ, ta sẽ thuyết giảng về đoạn kệ đầu bằng đoạn kệ đầu, ta sẽ thuyết giảng về đoạn kệ kế tiếp bằng đoạn kệ kế tiếp, ta sẽ thuyết giảng về âm từ bằng âm từ, ta sẽ thuyết giảng về nối âm bằng nối âm, ta sẽ thuyết giảng về phụ âm bằng phụ âm, ta sẽ thuyết giảng về âm phụ thuộc bằng âm phụ thuộc, ta sẽ thuyết giảng về hình thức bằng hình thức, ta sẽ thuyết giảng về nguyên âm bằng nguyên âm, ta sẽ thuyết giảng về khái niệm bằng khái niệm, ta sẽ thuyết giảng về tên gọi bằng tên gọi, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hỏi.

Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích phép biện giải, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về phép biện giải bằng phép biện giải, ta sẽ thuyết giảng về ví dụ bằng ví dụ, ta sẽ thuyết giảng về tướng trạng bằng tướng trạng, ta sẽ thuyết giảng về phẩm vị bằng phẩm vị, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng việc giải thích câu hỏi."

Tâu Đại vương, cái này được gọi là "các tuệ phân tích báu của đức Thế Tôn."

"*Sau khi mua các tuệ phân tích, nhờ vào trí vị nào có thể chạm đến, thì [vị ấy] không kinh sợ, không xao động, chói sáng thế gian luôn cả chư thiên.*"

16. Tâu Đại vương, giác chi báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu Đại vương, có bảy giác chi này là: "Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi." Tâu Đại vương, được trang

điểm với bảy giác chi báu này, vị Tỳ-khưu chế ngự mọi sự tối tăm, soi sáng, tỏa sáng thế gian luôn cả chư thiên và làm sanh lên ánh sáng. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "giác chi báu của đức Thế Tôn."

"*Thế gian luôn cả chư thiên đều đứng dậy [chào] đối với người có tràng hoa là giác chi báu. Các ngươi hãy mua châu báu ấy bằng nghiệp [thiện] và hãy chưng diện.*"

17. – Thưa Ngài Nāgasena, cửa tiệm tổng hợp của đức Phật, Thế Tôn là cái nào?

– Tâu Đại vương, cửa tiệm tổng hợp của đức Thế Tôn có lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại, các Xá-lợi, các vật dụng, các bảo tháp và hội chúng báu. Tâu Đại vương, do đức Thế Tôn ở cửa tiệm tổng hợp sự thành tựu về sanh chủng được trưng bày, sự thành tựu về của cải được trưng bày, sự thành tựu về tuổi thọ được trưng bày, sự thành tựu về không bệnh được trưng bày, sự thành tựu về sắc đẹp được trưng bày, sự thành tựu về tuệ được trưng bày, sự thành tựu về cõi người được trưng bày, sự thành tựu về cõi trời được trưng bày, sự thành tựu về Niết-bàn được trưng bày.

Tại nơi ấy, những người nào ước muốn sự thành tựu này hay sự thành tựu nọ, những người ấy sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp [thiện] rồi mua lấy sự thành tựu đã được mong mỏi thế này thế nọ. Nhiều người mua bằng sự thọ trì giới, nhiều người mua bằng việc hành trì trai giới, rồi nhận được các sự thành tựu tùy theo từng phần tiền vốn là nghiệp [thiện] ít ỏi. Tâu Đại vương, giống như ở cửa tiệm của người chủ tiệm có các loại mè, đậu mugga, đậu māsa, những người ấy mua gạo, đậu mugga, đậu māsa, với số lượng chút ít tùy theo từng phần tiền vốn ít ỏi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, ở cửa tiệm tổng hợp của đức Thế Tôn, những người ấy nhận được các sự thành tựu tùy theo từng phần tiền vốn là nghiệp [thiện] ít ỏi. Tâu Đại vương, cái này được gọi là "cửa tiệm tổng hợp của đức Thế Tôn."

"*Tuổi thọ, sự không bệnh, sắc đẹp, cõi trời, việc có được gia tộc cao sang và sự không tạo tác, sự bất tử là có ở cửa hàng tổng hợp, ở đấng Chiến Thắng.*

Được nhận lấy ít hay nhiều tùy theo phần tiền vốn là nghiệp [thiện]. Này các Tỳ-khưu, sau khi mua bằng tiền vốn là đức tin, các ngươi hãy được thành tựu."

18. Tâu Đại vương, ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn có những người như thế này sinh sống: Các vị chuyên về Kinh, các vị chuyên về Luật, các vị chuyên về Vi diệu pháp, các vị thuyết giảng về Pháp, các vị trì tụng *Bổn sanh*, các vị trì tụng *Trường bộ*, các vị trì tụng *Trung bộ*, các vị trì tụng *Tương ưng*, các vị trì tụng *Tăng chi*, các vị trì tụng *Tiểu bộ*, các vị đầy đủ giới, các vị đầy đủ định, các vị đầy đủ tuệ, các vị thích thú việc tu tập các giác chi, các vị hành minh sát, các vị gắn liền với mục đích của mình, các vị ngụ ở rừng, các vị ngụ ở gốc cây, các vị ngụ ở ngoài trời, các vị ngụ ở đống rơm, các vị ngụ ở mộ địa, các vị [hành pháp] về oai nghi ngồi [không nằm], các vị đã tiến đến [đạo], các vị đã trú ở quả, các vị Hữu học đã đạt được quả vị, các vị Nhập lưu, các vị Nhất

lai, các vị Bất lai, các vị A-la-hán có ba minh, có sáu thắng trí, có thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về tuệ, thiện xảo về sự thiết lập niệm, chánh tinh tấn, nền tảng của thần thông, quyền, lực, giác chi, đạo, thiền, giải thoát, sắc và vô sắc, về việc thể nhập vào sự tịch tịnh và an lạc. Thành phố giáo pháp đã là đông đúc, dày đặc, chen chúc, tràn ngập với các vị A-la-hán ấy, tợ như rừng sậy hay rừng mía đường. Ở đây có:

"*Các vị có luyến ái đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa, không còn lậu hoặc, có tham ái đã lìa, không còn chấp thủ, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.*

Các vị ngụ ở rừng, duy trì pháp từ khước, chứng thiền, có y thô xấu, thỏa thích sự cô độc, sáng suốt, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị giữ oai nghi ngồi, ngụ chỗ được chỉ định, đứng và đi kinh hành, tất cả đều mang y may bằng vải quăng bỏ, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị sử dụng ba y, thanh tịnh, có mảnh da thú là vật thứ tư, thích thú việc [thọ thực] một chỗ ngồi, hiểu biết, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị ít ham muốn, chín chắn, sáng suốt, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, tự biết đủ với việc có hay không có, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị chứng thiền, thích thú với thiền, sáng suốt, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, có sự mong mỏi về cõi thiền Vô sở hữu, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị đã tiến đến [đạo], đã trú ở quả, là các bậc Hữu học, đã đạt được quả vị, là những vị mong mỏi mục đích tối thượng, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị Nhập lưu, không vết nhơ, các vị Nhất lai, các vị Bất lai và các vị A-la-hán, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị thiện xảo về sự thiết lập niệm, thích thú việc tu tập các giác chi, các vị hành minh sát, có sự ghi nhớ về giáo pháp, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị thiện xảo về các nền tảng của thần thông, thích thú việc tu tập định, gắn bó với chánh tinh tấn, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí, thích thú với hành xứ có tính chất truyền thống, có sự di chuyển ở không trung, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị có mắt nhìn xuống, nói năng chừng mực, có các giác quan được canh phòng, khéo thu thúc, đã được huấn luyện tốt đẹp ở giáo pháp tối thượng, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp.

Các vị có ba minh và sáu thắng trí, đã đi đến sự toàn hảo của thần thông, đã đạt được sự toàn hảo về tuệ, các vị ấy sống ở thành phố giáo pháp."

19. Tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu nào có sự gìn giữ trí cao quý không đo lường được, không bị ràng buộc, có đức hạnh không thể so sánh, có danh vọng không so sánh được, có năng lực không so sánh được, có vinh quang

không so sánh được, là các vị tiếp tục chuyển vận bánh xe giáo pháp, đã đi đến sự toàn hảo về tuệ, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "các Tướng quân Chánh pháp" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào có thần thông, có các tuệ phân tích đã được chứng đạt, có các sự tự tín đã được đạt đến, có sự di chuyển ở không trung, khó sánh bằng, khó khuất phục, di chuyển không cần vật để bám víu, làm rúng động trái đất có biển và núi, có thể vuốt ve mặt trăng và mặt trời, thiện xảo về biến hóa, về sự chú nguyện và phát nguyện, đã đi đến sự toàn hảo về thần thông, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vị quân sư" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào đã theo đuổi các pháp từ khước, ít ham muốn, tự biết đủ, chán ghét sự yêu cầu và sự tầm cầu sai trái, đi khất thực theo từng nhà, tợ như các con ong hút lấy hương hoa rồi đi vào khu rừng cô quạnh, không quan tâm đến thân thể và mạng sống, đã đạt được phẩm vị A-la-hán, đã được xem là tối thắng về đức hạnh của các pháp từ khước, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vị quan tòa" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào thanh tịnh, không vết nhơ, không còn phiền não, thiện xảo về tử sanh, đã đi đến sự toàn hảo về thiên nhãn, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vị thắp sáng thành phố" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào nghe nhiều, có Kinh điển được truyền thừa, có sự ghi nhớ về giáo pháp, có sự ghi nhớ về Luật, có sự ghi nhớ về các tiêu đề, thiện xảo về việc chia chẻ các âm là không gió hay có gió, dài hay ngắn, nặng hay nhẹ, có sự ghi nhớ về các lời giáo huấn gồm chín thể loại, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vị bảo vệ giáo pháp" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào hiểu biết về Luật, thông thái về Luật, thiện xảo về phần mở đầu và phần đọc tụng, thiện xảo về sự phạm tội, sự không phạm tội, tội nặng có thể chữa trị hay không thể chữa trị, sự thoát tội, sự trình báo tội, sự khiển trách, sự sửa chữa, sự mời vào, sự đuổi ra, sự hòa giải, đã đi đến sự toàn hảo về Luật, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vị thành thạo về nghi thức' ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào được quàng vào tràng hoa gồm các bông hoa cao quý của sự giải thoát, đã đạt được bản thể cao quý, ưu tú, giá trị cao, đứng đầu, được yêu quý và mong mỏi của số đông người, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người chủ tiệm hoa" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào đã được thấu triệt sự lãnh hội về bốn sự thật, đã nhìn thấy sự thật, đã nhận thức được giáo pháp, đã vượt

qua các sự hoài nghi về bốn quả vị Sa-môn, đã đạt được an lạc của quả vị, và chia phần những quả vị ấy cùng với những vị khác cũng đang thực hành, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người chủ tiệm trái cây" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào được thoa hương thơm tốt đẹp cao quý của giới, mang nhiều đức hạnh đủ các loại, làm tiêu tan mùi thối của phiền não và ô nhiễm, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người chủ tiệm hương liệu" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào yêu mến giáo pháp, có lời nói đáng yêu quý, có sự vui thích tột bực ở Thắng pháp, ở Thắng luật; những vị đi vào rừng, đi đến cội cây, đi đến ngôi nhà trống vắng, uống vào vị nếm cao quý của giáo pháp, được thấm nhuần hương vị cao quý của giáo pháp bằng thân, bằng khẩu và bằng ý, có tài biện giải tuyệt vời, đã thực hành sự tầm cầu về pháp trong số các pháp, từ nơi này hoặc từ nơi kia; ở nơi nào có sự thuyết giảng về ít ham muốn, thuyết giảng về sự tự hoan hỷ, thuyết giảng về sự tách ly, thuyết giảng về sự không kết giao, thuyết giảng về việc khởi sự tinh tấn, thuyết giảng về giới, thuyết giảng về định, thuyết giảng về tuệ, thuyết giảng về giải thoát, thuyết giảng về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát, sau khi đi đến nơi này nơi khác và uống vào từng hương vị của cuộc thuyết giảng, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những vị nghiện uống, có sự khao khát" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào đầu đêm và cuối đêm gắn bó với sự rèn luyện về tỉnh thức, trải qua đêm ngày với việc ngồi, đứng và đi kinh hành, gắn bó với sự rèn luyện về việc phát triển [thiền], đang đeo đuổi mục đích của mình nhằm xua đuổi các phiền não, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người canh giữ thành phố" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào bảo đọc, bảo đọc theo, giảng giải, lặp lại lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại về ý nghĩa, về văn tự, về phương pháp, về lý do, về nguyên nhân và về ví dụ, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người chủ tiệm giáo pháp" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào là những người có của cải, có tài sản, với của cải là châu báu về giáo pháp, với của cải là sự học tập và lắng nghe về kinh điển, có sự thấu triệt về nguyên âm, phụ âm, và đặc điểm đã được diễn đạt, có sự hiểu biết rộng rãi, tâu Đại vương, những vị Tỳ-khưu như thế được gọi là "những người triệu phú về giáo pháp" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, hơn nữa, những vị Tỳ-khưu nào có sự thấu triệt sự thuyết giảng tột bực, đã quen thuộc với sự phân loại và mô tả đối tượng [của tâm], đã đạt đến sự toàn hảo về đức hạnh của việc học tập, tâu Đại vương, những vị

Tỳ-khưu như thế được gọi là "những nhà đạo đức nổi tiếng" ở thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn.

Tâu Đại vương, thành phố giáo pháp của đức Thế Tôn đã khéo được bố trí như vậy, khéo được xây dựng như vậy, khéo được sắp xếp như vậy, khéo được bồi đắp như vậy, khéo được xác định như vậy, khéo được bảo vệ như vậy, khéo được gìn giữ như vậy, khó bị chế ngự như vậy bởi những kẻ nghịch, những kẻ thù. Tâu Đại vương, với lý do này, với nguyên nhân này, với phương pháp này, với sự suy luận này, nên nhận biết rằng: "Có đức Thế Tôn ấy."

"*Cũng giống như sau khi nhìn thấy thành phố khéo được bố trí, làm thích ý, bằng suy luận họ nhận biết sự vĩ đại của nhà kiến trúc.*

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy thành phố giáo pháp cao quý của đấng Bảo Hộ Thế Gian, bằng suy luận họ biết rằng: 'Có đức Thế Tôn ấy.'

Sau khi nhìn thấy làn sóng ở biển cả, bằng suy luận họ biết rằng theo như làn sóng này được nhìn thấy thì biển cả sẽ là lớn lao.

Tương tợ, đức Phật là bậc xua đi nỗi sầu muộn, không bị đánh bại ở mọi nơi, đã đạt đến sự cạn kiệt của tham ái, có sự thoát khỏi sự luân chuyển trong các cõi.

Sau khi nhìn thấy làn sóng ở thế gian luôn cả chư thiên, theo như sự lan rộng của làn sóng giáo pháp, bằng suy luận có thể biết được đức Phật sẽ là hạng nhất.

Sau khi nhìn thấy ngọn núi vươn cao, theo như cách nó được vươn cao, bằng suy luận họ biết rằng nó sẽ là núi Hy-mã-lạp.

Tương tợ, sau khi nhìn thấy ngọn núi giáo pháp của đức Thế Tôn có trạng thái mát lạnh, không có mầm mống tái sanh, vươn cao, không dao động, khéo được thiết lập.

Sau khi nhìn thấy ngọn núi giáo pháp, bằng suy luận có thể biết được bậc Đại hùng ấy chính là như thế, đức Phật sẽ là hạng nhất.

Cũng giống như sau khi nhìn thấy bàn chân của con voi chúa, bằng suy luận mọi người biết được rằng: 'Con voi ấy là to lớn.'

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy dấu chân của đức Phật vĩ đại, bậc Có Sự Thông Suốt, bằng suy luận họ biết rằng vị ấy sẽ là tột bực.

Sau khi nhìn thấy những con thú nhỏ bị sợ hãi, bằng suy luận họ biết rằng: 'Những con thú nhỏ này bị sợ hãi bởi âm thanh của con thú chúa.'

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy các ngoại đạo bị bối rối, có tâm sợ hãi, bằng suy luận có thể biết được tiếng rống của đấng Pháp Vương.

Sau khi nhìn thấy trái đất đã được nguội lạnh, đạt được màu xanh, có nhiều nước, bằng suy luận họ biết rằng [trái đất] đã được nguội lạnh nhờ đám mưa lớn.

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy người này được vui mừng, hớn hở, bằng suy luận có thể biết được [người ấy] đã được toại ý bởi cơn mưa giáo pháp.

Sau khi nhìn thấy bụi bặm bị kết dính, bùn lầy, mặt đất trở thành lầy lội ẩm thấp, bằng suy luận họ biết rằng có khối nước lớn đã đi đến.

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy người này bị lấm lem bởi bụi bặm và bùn lầy, đã được đưa đến ở dòng sông giáo pháp, đã được chuyển đến ở biển cả giáo pháp.

Sau khi nhìn thấy quả đất này luôn cả chư thiên đi đến sự bất tử của giáo pháp, bằng suy luận có thể biết được có pháp uẩn vĩ đại đã đi đến.

Sau khi ngửi mùi hương tối thượng, bằng suy luận họ biết rằng là theo như mùi hương này thổi đến thì sẽ có những cây đã được trổ hoa.

Y như thế ấy, mùi hương giới đức này thổi ở thế gian luôn cả chư thiên, bằng suy luận có thể biết được là có đức Phật vô thượng."

20. Tâu Đại vương, có thể chỉ cho thấy năng lực của đức Phật bằng một trăm lý do, bằng một ngàn lý do, bằng một trăm nguyên nhân, bằng một ngàn nguyên nhân, bằng một trăm phương pháp, bằng một ngàn phương pháp, bằng một trăm ví dụ, bằng một ngàn ví dụ. Tâu Đại vương, giống như người làm tràng hoa khôn khéo, từ đống bông hoa nhiều loại, theo sự chỉ dạy của người thầy, bằng việc làm của cá nhân một người, có thể tạo thành một đống các kiểu tràng hoa nhiều màu sắc.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đức Thế Tôn ấy có đức hạnh vô biên, có đức hạnh vô lượng, ví như đống bông hoa nhiều màu sắc. Giờ đây, ví như người làm tràng hoa, người kết bông hoa trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, cũng bằng đường lối của các vị thầy tiền bối, cũng bằng năng lực ở sự sáng suốt của tôi, tôi sẽ giải thích năng lực của đức Phật bằng cách suy luận bằng nhiều lý lẽ không thể đếm được. Vậy thì trong trường hợp này, Đại vương hãy khởi lên ước muốn về việc lắng nghe.

21. – Thưa Ngài Nāgasena, thật là việc khó khăn để chỉ cho thấy năng lực của đức Phật bằng sự suy luận, bằng lý lẽ có hình thức như vầy đối với những người khác. Thưa Ngài Nāgasena, trẫm đã được thỏa mãn với việc giải thích câu hỏi một cách vô cùng đa dạng của Ngài.

"Câu hỏi [giảng bằng sự] suy luận" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ PHÁP TỪ KHƯỚC (*Dhutaṅgapañho*)

"*Đức vua nhìn các vị Tỳ-khưu sống ở rừng đã được gắn bó với các hạnh từ khước, rồi nhìn lại những người tại gia đã trú ở quả vị Bất lai.*

Sau khi quan sát cả hai hạng ấy, có nỗi nghi hoặc lớn đã khởi lên: 'Nếu người tại gia có thể giác ngộ giáo pháp thì pháp từ khước là không có kết quả.

Vậy ta nên hỏi vị thuyết giảng hạng nhất, được thông thạo về Tam tạng, có sự nghiền nát học thuyết của các diễn giả khác, vị ấy sẽ tiêu diệt nỗi nghi ngờ của ta.'"

1. Khi ấy, đức Vua Milinda đã đi đến gặp Đại đức Nāgasena, sau khi đến đã

đảnh lễ Đại đức Nāgasena rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Milinda đã nói với Đại đức Nāgasena điều này:

– Thưa Ngài Nāgasena, có người tại gia nào, sống ở nhà, trong khi sinh sống có sự thọ hưởng các dục, có việc nằm chen chúc với vợ và con, trong khi hưởng thụ vải kāsi và trầm hương, trong khi đeo tràng hoa, vật thơm và vật thoa, trong khi ưng thuận vàng và bạc, buộc búi tóc có trang điểm ngọc ma-ni, ngọc trai và vàng, mà người ấy đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn không?

– Tâu Đại vương, không phải chỉ một trăm, không phải hai trăm, không phải ba bốn năm trăm, không phải một ngàn, không phải một trăm *koṭi,*[15] không phải một ngàn *koṭi,* không phải một trăm ngàn *koṭi.* Tâu Đại vương, hãy bỏ qua sự lãnh hội của mười, của hai mươi, của một trăm, của một ngàn [người tại gia], tôi có thể cho Đại vương câu trả lời bằng phương thức nào?

– Chính Ngài hãy nói về điều ấy.

– Tâu Đại vương, như thế thì tôi sẽ nói với Đại vương về một trăm, hay một ngàn, hay một trăm ngàn, hay một *koṭi*, hay một trăm *koṭi*, hay một ngàn *koṭi*, hay một trăm ngàn *koṭi*. Bất cứ lời giảng nào về Phật pháp gồm chín thể loại được liên quan đến sự thực hành hạnh giảm thiểu và các yếu tố cao quý về hạnh từ khước, tất cả các lời giảng ấy sẽ tập trung lại ở đây.

Tâu Đại vương, giống như nước đã được đổ mưa ở các phần đất lõm xuống hoặc nhô lên, bằng phẳng hoặc gồ ghề, đất liền hay không phải đất liền, sau khi rơi xuống từng giọt ở khắp nơi rồi từ đó tập trung lại ở đại dương biển cả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, khi có người tiếp nhận thì bất cứ lời giảng nào về Phật pháp gồm chín thể loại được liên quan đến sự thực hành hạnh giảm thiểu và các yếu tố cao quý về hạnh từ khước, tất cả các lời giảng ấy sẽ tập trung lại ở đây.

Tâu Đại vương, việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của tôi sẽ tập trung lại ở đây, nhờ vậy ý nghĩa ấy sẽ khéo được phân tích, được thêm thắt, được đầy đủ, được gom chung lại.

Tâu Đại vương, giống như vị thầy ghi chép thiện xảo, đã được chỉ dẫn, trong khi ghi lại bài viết thì hoàn thiện bài viết với việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của bản thân, như vậy bài viết ấy sẽ được hoàn thành, được đầy đủ, không thiếu sót. Tương tợ y như thế, việc giải nghĩa theo lý lẽ bằng kinh nghiệm và sự sáng suốt của tôi sẽ tập trung lại ở đây, nhờ vậy ý nghĩa ấy sẽ khéo được phân tích, được thêm thắt, được đầy đủ, được gom chung lại.

2. Tâu Đại vương, ở thành Sāvatthi, có khoảng năm *koṭi* (năm mươi triệu) Thánh đệ tử là các cận sự nam và cận sự nữ của đức Thế Tôn, [trong số đó] ba trăm năm mươi bảy ngàn người đã được thiết lập vào quả vị Bất lai, tất cả những vị ấy đều là người tại gia, họ không phải bậc xuất gia.

---

[15] Một *koṭi* là mười triệu. (ND)

Thêm nữa, ở ngay tại nơi ấy, vào lúc [thị hiện] song thông ở gốc cội cây *gaṇḍamba,* có hai mươi *koṭi* (hai trăm triệu) sinh mạng đã lãnh hội. Thêm nữa, vào lúc [thuyết giảng] *Mahārāhulovāda, Kinh Mahāmaṅgala,* bài giảng về tâm bình lặng, *Kinh Parābhava*, *Kinh Purābheda*, *Kinh Kalahavivāda*, *Kinh Cūḷabyūha, Kinh Mahābyūha, Kinh Tuvaṭaka, Kinh Sāriputta,* đã có sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên với số lượng vượt trội phương thức tính đếm.

Ở thành Rājagaha, ba trăm năm mươi ngàn Thánh đệ tử của đức Thế Tôn là các cận sự nam và cận sự nữ. Thêm nữa, ở ngay tại nơi ấy, vào lúc chế ngự con long tượng Dhanapāla có chín mươi *koṭi* (chín trăm triệu) sinh mạng đã lãnh hội; ở cuộc hội họp về mục đích tối hậu ở điện thờ Pāsānaka có mười bốn *koṭi* (một trăm bốn mươi triệu) sinh mạng đã lãnh hội; thêm nữa ở hang động Indasāla có tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu) chư thiên đã lãnh hội; thêm nữa ở thành Bārāṇasī, Isipatana, nơi Vườn Nai, vào lúc thuyết giảng giáo pháp lần đầu tiên, có mười tám *koṭi* (một trăm tám mươi triệu) đại Phạm thiên và vô số chư thiên đã lãnh hội; thêm nữa ở cõi trời Đạo-lợi, tại tảng đá Paṇḍukambala (ngai vàng của đức Trời Đế-thích) vào lúc thuyết giảng về Vi diệu pháp, có tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu) chư thiên đã lãnh hội; vào lúc từ cõi trời trở lại trần gian tại cổng thành Saṅkassa, vào lúc [thị hiện] thần thông mở ra cho thấy thế gian, có ba mươi *koṭi* (ba trăm triệu) nhân loại và chư thiên được tịnh tín đã lãnh hội.

Thêm nữa, ở thành Kapilavatthu của dòng họ Sakya, tại tu viện Nigrodha, lúc thuyết giảng về dòng dõi chư Phật và lúc thuyết giảng về *Kinh Mahāsamaya*, đã có sự lãnh hội giáo pháp của chư thiên với số lượng vượt trội phương thức tính đếm. Thêm nữa, ở cuộc gặp gỡ với người làm tràng hoa Sumana, ở cuộc gặp gỡ với Garahadinna, ở cuộc gặp gỡ với nhà triệu phú Ānanda, ở cuộc gặp gỡ với đạo sĩ lõa thể Jambuka, ở cuộc gặp gỡ với thiên tử Maṇḍuka, ở cuộc gặp gỡ với thiên tử Maṭṭakuṇḍali, ở cuộc gặp gỡ với Sulasā hoa khôi thành phố, ở cuộc gặp gỡ với Sirimā hoa khôi thành phố, ở cuộc gặp gỡ với người con gái thợ dệt, ở cuộc gặp gỡ với Cūlasubhaddā, ở cuộc gặp gỡ về việc xem xét chỗ hỏa táng của người Bà-la-môn xứ Sāketa, ở cuộc gặp gỡ tại Sunāparanta, ở cuộc gặp gỡ về câu hỏi của Thiên chủ Sakka, ở cuộc gặp gỡ về [bài kinh] *Tirokuḍḍa*, ở cuộc gặp gỡ về *Ratanasutta* (*Kinh Châu báu*), mỗi một lần đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi bốn ngàn sinh mạng.

3. Tâu Đại vương, trong thời gian mà đức Thế Tôn đã ngự ở thế gian, thì trong thời gian ấy, tại mỗi một nơi nào ở trong ba phạm vi thuộc mười sáu xứ sở lớn mà đức Thế Tôn đã trú ngụ, thì ở tại mỗi một nơi ấy hầu hết đều có hai, ba, bốn, năm trăm, một ngàn, một trăm ngàn chư thiên và nhân loại đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn. Tâu Đại vương, những vị nào là chư thiên, những vị ấy cũng chính là người tại gia, họ không phải bậc xuất gia. Tâu Đại vương, những người này, và luôn cả nhiều trăm ngàn *koṭi* (nhiều tỷ) chư thiên khác nữa đều là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, đã chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn.

4. – Thưa Ngài Nāgasena, nếu những người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn, thế thì các pháp từ khước phục vụ mục đích gì? Vì lý do ấy, các pháp từ khước là việc làm không thuộc về bổn phận. Thưa Ngài Nāgasena, nếu các cơn bệnh được lắng dịu không cần chú thuật và dược thảo, thì cần gì với việc làm yếu đuối cơ thể bởi sự nôn mửa và xổ ruột, v.v...? Nếu sự trấn áp kẻ thù nghịch là bằng các nắm tay thì cần gì với gươm, giáo, tên, cung, nỏ, dùi cui, chày vồ? Nếu có được việc leo lên cây sau khi bám vào chạng cây, khúc cong, lỗ hổng, mầm gai, dây leo, cành cây, thì cần gì với việc tìm kiếm cái thang dài và chắc chắn? Nếu có sự điều hòa tứ đại với việc nằm ở nền đất thì cần gì với việc tầm cầu giường nằm to lớn khổng lồ rực rỡ, có sự xúc chạm thoải mái? Nếu mỗi một mình có khả năng vượt qua bãi sa mạc có sự nguy hiểm, có sự sợ hãi, không bằng phẳng, thì cần gì với đoàn xe to lớn khổng lồ đã được chuẩn bị, đã được vũ trang? Nếu có khả năng vượt qua sông hồ bằng cánh tay thì cần gì với việc tìm kiếm cây cầu và thuyền bè vững chắc? Nếu có thể làm ra thức ăn thức mặc bằng vật sở hữu của bản thân thì cần gì với việc hầu hạ, việc nói lời thương mến, và việc lăng xăng chạy phía trước phía sau những kẻ khác? Nếu nước được lấy ở hồ thiên nhiên thì cần gì với việc đào giếng nước, ao, hồ? Thưa Ngài Nāgasena, tương tợ y như thế, nếu những người tại gia sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn, thì cần gì với việc thọ trì cao quý về hạnh từ khước?

5. – Tâu Đại vương, hai mươi tám đức tính này của các pháp từ khước là các đức tính đúng theo bản thể; do những đức tính này, các pháp từ khước được chư Phật ước ao, mong mỏi. Hai mươi tám đức tính nào? Tâu Đại vương, ở đây pháp từ khước là sự nuôi mạng trong sạch, có quả an lạc, không có tội lỗi, không gây đau khổ cho người khác, không sợ hãi, không tự hành hạ mình, thuần túy liên quan đến sự tiến triển, không đưa đến hư hoại, không giả dối, là sự bảo vệ, sự ban cho điều đã được mong mỏi, sự huấn luyện cho tất cả chúng sanh, có sự thu thúc là lợi ích, là sự đúng đắn, không bị lệ thuộc, được thoát ra khỏi, là sự diệt tận luyến ái, diệt tận sân, diệt tận si, dứt bỏ ngã mạn, cắt đứt suy nghĩ xấu xa, vượt khỏi sự nghi hoặc, tiêu diệt sự lười biếng, dứt bỏ sự không ưa thích, sự chịu đựng, không so sánh được, không đo lường được, đưa đến sự diệt tận tất cả khổ đau. Tâu Đại vương, hai mươi tám đức tính này của các pháp từ khước là các đức tính đúng theo bản thể; do những đức tính này, các pháp từ khước được chư Phật ước ao, mong mỏi.

Tâu Đại vương, những người nào thực hiện đúng đắn các hạnh từ khước, những người ấy là những người đi đến hội họp với mười tám đức tính. Với mười tám đức tính nào? Cách cư xử của những vị ấy khéo được thanh tịnh, sự thực hành khéo được đầy đủ, thân khẩu khéo được hộ trì, sự hành xử của ý khéo được thanh tịnh, sự tinh tấn khéo được nắm giữ, sợ hãi được lắng xuống, tùy ngã kiến được xa lìa, sự căm hận được đình chỉ, tâm từ được thiết lập, vật thực được nhận biết rõ rệt, được kính trọng đối với tất cả chúng sanh, biết vừa đủ

về vật thực, gắn liền với sự tỉnh thức, không cần chỗ ngụ, nơi nào có sự thoải mái thì trú ngụ ở nơi ấy, có sự nhờm gớm về điều ác, có sự thích thú nơi thanh vắng, thường xuyên không xao lãng. Tâu Đại vương, những người nào thực hiện đúng đắn các hạnh từ khước, những người ấy là những người đi đến hội họp với mười tám đức tính.

6. Tâu Đại vương, mười hạng người này là xứng đáng với hạnh từ khước. Mười hạng nào? Là người có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự sáng suốt, không lường gạt, có khả năng đối với mục đích, không tham, ưa thích sự học tập, có sự thọ trì kiên cố, không có nhiều sự than phiền, có sự an trú tâm từ. Tâu Đại vương, mười hạng người này là xứng đáng với hạnh từ khước.

7. Tâu Đại vương, những người nào là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn.

Tâu Đại vương, giống như người cung thủ thiện xảo, trước tiên hết bắt những người học trò noi gương tập luyện ở phòng huấn luyện về việc phân loại cây cung, việc nâng lên và nắm giữ cây cung, việc kìm chặt nắm tay, việc cong lại ngón tay, việc đặt để bàn chân, việc nắm lấy mũi tên, việc đặt vào, việc kéo căng ra, việc giữ chặt, việc nhắm vào mục tiêu, việc buông ra, về việc xuyên thủng mục tiêu là hình nhân bằng cỏ, bãi phân thú vật, đống cỏ, đống rơm, đống đất sét, tấm ván, sau khi hoàn thành về thuật bắn cung trong sự hiện diện của đức vua thì được nhận lãnh ân huệ về ngựa thuần chủng, xe kéo, voi, ngựa chiến, tài sản, thóc lúa, vàng khối, vàng ròng, tôi trai, tớ gái, vợ, làng mạc.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là người tại gia, sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ngay ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn. Tâu Đại vương, không có sự luyện tập trước đây về các hạnh từ khước thì không có được sự chứng ngộ phẩm vị A-la-hán chỉ trong một kiếp sống, hơn nữa với sự tinh tấn tột bực, với sự thực hành tột bực, với người thầy có hình thức như thế, với người bạn tốt lành thì có được sự chứng ngộ phẩm vị A-la-hán.

8. Tâu Đại vương, hoặc là giống như người thầy thuốc phẫu thuật sau khi đã làm hài lòng người thầy với tài sản hoặc bằng việc thực hành phận sự, sau khi đã noi theo học tập công việc cầm cây dao, việc cắt, việc rạch, việc xuyên thủng, việc rút ra cây tên, việc rửa vết thương, việc làm khô, việc bôi thuốc,

việc áp dụng dầu thơm cho việc nôn mửa và việc xổ ruột, khi đã thực hành việc học tập về các kiến thức, đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành tay nghề, thì đi thăm những người bệnh nhằm việc chữa trị.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, những người nào là người tại gia sống ở nhà, có sự thọ hưởng các dục, chứng ngộ sự an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn, tất cả những người ấy trong những kiếp sống trước đây đã thực hành sự huấn luyện, đã thực hành các công việc căn bản trong mười ba hạnh từ khước. Những người ấy, sau khi đã hoàn chỉnh cách cư xử và sự thực hành ngay ở tại nơi ấy, giờ đây hôm nay trong khi còn là người tại gia vẫn chứng ngộ an tịnh, mục đích tối hậu, Niết-bàn. Tâu Đại vương, không có sự lãnh hội giáo pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước.

Tâu Đại vương, giống như không có sự rưới nước thì không có sự mọc lên của hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có sự lãnh hội giáo pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như không có việc đi đến cảnh giới tốt đẹp đối với những người đã không làm các việc thiện, đã không làm các việc tốt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, không có sự lãnh hội giáo pháp đối với những người chưa được hoàn thiện về các hạnh từ khước.

9. Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh thì hạnh từ khước ví như trái đất theo ý nghĩa nơi nâng đỡ.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như nước theo ý nghĩa rửa sạch tất cả bợn nhơ phiền não.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như ngọn lửa theo ý nghĩa thiêu đốt tất cả cánh rừng phiền não.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như gió theo ý nghĩa thổi đi tất cả bợn nhơ bụi bặm về phiền não.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thuốc giải độc theo ý nghĩa làm lắng dịu tất cả tật bệnh về phiền não.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thuốc bất tử theo ý nghĩa tiêu diệt tất cả chất độc phiền não.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như thửa ruộng theo ý nghĩa làm mọc lên tất cả mùa màng về Sa-môn hạnh.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như ngọc như ý theo ý nghĩa ban cho ân huệ về mọi sự thành tựu đã được mong mỏi, ước ao.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như chiếc thuyền theo ý nghĩa đi đến bờ bên kia của đại dương luân hồi.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như chốn nương nhờ cho người bị sợ hãi theo ý nghĩa việc làm an ủi cho những người sợ hãi sự già và sự chết.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người mẹ theo ý nghĩa người hỗ trợ cho những người bị áp bức bởi phiền não khổ đau.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người cha theo ý nghĩa người sanh ra tất cả Sa-môn hạnh cho những người có ước muốn tăng trưởng thiện pháp.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người bạn theo ý nghĩa không lường gạt trong việc tầm cầu tất cả Sa-môn hạnh.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như loài sen theo ý nghĩa không bị lấm lem bởi mọi phiền não ô nhiễm.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như bốn loại hương thơm cao quý theo ý nghĩa xua đuổi mùi thối của phiền não.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như núi chúa cao quý theo ý nghĩa không bị lay động bởi các ngọn gió của tám pháp thế gian.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như không trung theo ý nghĩa bao la, tỏa ra, rộng, lớn đối với việc bám víu ở mọi nơi đã được tách rời.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như dòng sông theo ý nghĩa chuyển tải các bợn nhơ phiền não.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người dẫn đường giỏi theo ý nghĩa thoát ra khỏi sa mạc của sự sanh và vùng rậm rạp của khu rừng phiền não.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như người hướng dẫn đoàn xe vĩ đại theo ý nghĩa đạt đến thành phố Niết-bàn cao quý và ưu tú, không sợ hãi, an toàn và không còn tất cả các sự sợ hãi.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như tấm gương được chùi kỹ lưỡng không vết nhơ theo ý nghĩa nhìn thấy bản thể thật của các hành.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như tấm mộc che theo ý nghĩa ngăn chặn tất cả các cây gậy, mũi tên, gươm đao phiền não.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh

từ khước ví như chiếc lọng che theo ý nghĩa ngăn chặn cơn mưa phiền não và sức đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như mặt trăng theo ý nghĩa được ước muốn, được mong cầu.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như mặt trời theo ý nghĩa tiêu diệt sự tăm tối của bóng tối si mê.

Tâu Đại vương, đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh, hạnh từ khước ví như biển cả theo ý nghĩa nâng cao các viên ngọc quý giá về đức hạnh Sa-môn và theo ý nghĩa không đo lường được, không thể tính toán, không thể ước lượng.

10. Tâu Đại vương, như vậy hạnh từ khước đối với những người có ước muốn về sự thanh tịnh là có nhiều sự giúp đỡ, xua đi mọi sự khó chịu và bực bội, xua đi sự không thích thú, xua đi nỗi sợ hãi, xua đi sự hiện hữu, xua đi sự cứng nhắc [của tâm], xua đi ô nhiễm, xua đi sầu muộn, xua đi khổ đau, xua đi ái luyến, xua đi sân hận, xua đi si mê, xua đi ngã mạn, xua đi tà kiến, xua đi tất cả các pháp bất thiện, đem lại danh tiếng, đem lại lợi ích, đem lại an lạc, tạo sự thoải mái, tạo sự vui vẻ, tạo sự an toàn đối với các trói buộc, không có tội lỗi, có quả thành tựu dễ chịu và an lạc, là khối đức hạnh, là đống đức hạnh, có đức hạnh vô lường, vô lượng, cao quý, ưu tú, tối thắng.

Tâu Đại vương, giống như loài người nhờ cậy vật thực vì muốn sự nâng đỡ, nhờ cậy thuốc men vì muốn sự lợi ích, nhờ cậy bạn bè vì muốn sự giúp đỡ, nhờ cậy chiếc thuyền vì muốn sự vượt qua, nhờ cậy mùi thơm của tràng hoa vì muốn mùi thơm tốt, nhờ cậy chỗ ẩn náu đối với sự sợ hãi vì muốn sự không còn sợ hãi, nhờ cậy trái đất vì muốn chỗ nâng đỡ, nhờ cậy người thầy vì muốn nghề nghiệp, nhờ cậy đức Vua vì muốn danh vọng, nhờ cậy ngọc báu ma-ni vì muốn sự ban cho điều ước muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, các bậc Thánh nhờ cậy hạnh từ khước vì muốn sự ban phát tất cả đức hạnh của vị Sa-môn.

11. Tâu Đại vương, hoặc là giống như nước nhằm việc tăng trưởng của hạt giống, lửa nhằm việc thiêu đốt, thực phẩm nhằm mang lại sức mạnh, dây leo vì sự trói buộc, dao vì việc cắt đứt, nước uống nhằm việc xua đuổi cơn khát, của chôn giấu nhằm sự an tâm, chiếc thuyền nhằm việc đạt đến bờ, thuốc men nhằm làm lắng dịu cơn bệnh, xe cộ nhằm việc đi lại được an lạc, chỗ ẩn náu đối với sự sợ hãi nhằm xua đi nỗi sợ hãi, đức Vua nhằm mục đích bảo vệ, tấm mộc che nhằm ngăn chặn roi vọt, đất cục, gậy gộc, mũi tên, gươm đao, thầy giáo nhằm việc chỉ dạy, người mẹ nhằm việc nuôi dưỡng, tấm gương nhằm việc nhìn xem, đồ trang sức vì sắc đẹp, vải vóc nhằm việc che đậy, cái thang nhằm việc leo lên, cái cân nhằm loại bỏ, chú thuật để đọc lẩm nhẩm, vũ khí nhằm ngăn chặn sự hăm dọa, ngọn đèn nhằm tiêu diệt bóng tối, gió nhằm dập tắt sự nóng nực, nghề nghiệp nhằm thành tựu sự sinh sống, thuốc giải độc nhằm bảo vệ mạng sống, hầm mỏ nhằm sản xuất châu ngọc, châu ngọc nhằm để trang điểm, mệnh lệnh nhằm việc không vượt qua, uy quyền nhằm vận hành mệnh lệnh.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, hạnh từ khước nhằm việc tăng trưởng hạt giống Sa-môn, nhằm việc thiêu đốt bợn nhơ phiền não, nhằm mang lại năng lực của thần thông, nhằm buộc chặt sự thu thúc ở niệm, nhằm cắt đứt sự phân vân và nghi ngờ, nhằm xua đuổi sự khát khao về tham ái, nhằm tạo ra sự an tâm trong việc lãnh hội, nhằm thoát ra khỏi bốn dòng nước lũ, nhằm lắng dịu cơn bệnh phiền não, nhằm đạt được an lạc Niết-bàn, nhằm xua đi nỗi sợ hãi về sanh-già-bệnh-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não, nhằm bảo vệ các đức hạnh của Sa-môn, nhằm ngăn chặn sự không ưa thích và các suy nghĩ xấu xa, nhằm chỉ dạy toàn thể mục đích của đời sống Sa-môn, nhằm nuôi dưỡng tất cả các đức hạnh của đời sống Sa-môn, nhằm việc xem xét về chỉ tịnh, minh sát, đạo, quả và Niết-bàn, nhằm tạo ra vẻ đẹp lớn lao vĩ đại đã được tán dương, khen ngợi bởi toàn thể thế gian, nhằm đóng lại tất cả đọa xứ, nhằm leo lên đỉnh chóp núi đá của mục đích đời sống Sa-môn, nhằm loại bỏ tâm cong, quẹo, sai trái, nhằm làm cho việc học tập tốt đẹp về các pháp nên thân cận và không nên thân cận, nhằm hăm dọa kẻ thù là mũi tên phiền não, nhằm tiêu diệt bóng tối vô minh, nhằm dập tắt sự đốt nóng và sự nóng nực của ngọn lửa gồm ba loại, nhằm thành tựu sự chứng đạt sự an tịnh tinh vi và tế nhị, nhằm bảo vệ đức hạnh của toàn bộ đời sống Sa-môn, nhằm sản xuất châu ngọc quý giá là các chi phần đưa đến giác ngộ, nhằm để trang điểm người hành giả, nhằm việc không vượt qua sự an lạc của trạng thái an tịnh không tội lỗi, khôn khéo, tế nhị, nhằm vận hành uy lực của Thánh pháp ở toàn bộ đời sống Sa-môn. Tâu Đại vương, như vậy mỗi một hạnh từ khước là nhằm đưa đến sự chứng đạt các đức hạnh này. Tâu Đại vương, như vậy "hạnh từ khước là không thể so sánh, không thể đo lường, không sánh bằng được, không vật tương đương, không vật đối chiếu, không vật trội hơn, là vô thượng, hàng đầu, đặc biệt, vượt trội, trải dài, bao la, tỏa ra, vươn rộng, quan trọng, nghiêm trọng, vĩ đại."

12. Tâu Đại vương, cá nhân nào có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, gian xảo, tham lam, quan tâm đến bao tử, mong muốn lợi lộc, mong muốn danh vọng, mong muốn tiếng tăm, không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp mà thọ trì hạnh từ khước, kẻ ấy gánh chịu hai lần hình phạt, gánh chịu sự phá hại tất cả các đức hạnh, trong thời hiện tại nhận lấy sự khinh bỉ, khinh miệt, chê trách, chế nhạo, giễu cợt, sự không thọ hưởng chung, sự xua đuổi, sự tống khứ, sự đưa đẩy, sự trục xuất, thậm chí ở thời vị lai, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn *koṭi* [nhiều tỷ] năm, bị nung nấu quay tròn lẫn lộn với bọt nước ở bề mặt, ở hướng trên, ở hướng dưới, ở hướng ngang, trong quầng lưới lửa nóng bỏng, sôi sục, cháy nóng, cháy rực ở đại địa ngục Vô Gián rộng một trăm do-tuần, sau khi được thoát ra khỏi nơi ấy, thì có cơ thể và tứ chi gầy ốm, thô kệch, đen đủi, cái đầu bị sưng, phồng lên, có lỗ thủng với vô số muỗi bám, bị đói, bị khát, có hình thể dáng vóc không đồng đều, khủng khiếp, có lỗ tai bị tơi tả, có tròng con mắt mở ra nhắm lại, có cơ thể bị thương tích, cơ thể bị thối rữa, toàn bộ thân thể lúc nhúc giòi bọ, có ngọn lửa đang đốt cháy đang phát cháy ở bên trong, tợ như đang đốt cháy ở đầu ngọn gió,

không sự bảo vệ, không sự nương nhờ, đang than vãn tiếng khóc tỉ tê, nức nở, bi thương, sau khi trở thành hạng ngạ quỷ to lớn có hình dáng Sa-môn luôn bị dằn vặt bởi sự khao khát, đi lang thang ở trái đất, có giọng kêu gào thảm thiết.

Tâu Đại vương, giống như người nào đó không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp, kém cỏi, có dòng dõi xấu xa mà phong vương với lễ đăng quang của dòng Sát-đế-ly, kẻ ấy nhận chịu việc bị chặt bàn tay, chặt bàn chân, chặt bàn tay và bàn chân, cắt tai, xẻo mũi, cắt tai và xẻo mũi, [nhúng vào] hũ giấm chua, cạo đầu bôi vôi, đốt lửa ở miệng, thiêu sống, đốt cháy ở bàn tay, lột da thành sợi, mặc y phục vỏ cây, kéo căng thân người ở trên đất, xiên da thịt bằng lưỡi câu, khoét thịt thành đồng tiền, chà xát với chất kiềm, quay tròn ở trên thập tự giá, ngồi ở ghế rơm, rưới bằng dầu sôi, cho những con chó gặm, đặt trên giáo nhọn, chặt đầu bằng gươm, gánh chịu việc làm của nghiệp theo nhiều cách. Vì lý do gì? Kẻ không thích hợp, không đạt yêu cầu, không thích đáng, không xứng đáng, không phù hợp, kém cỏi, có dòng dõi xấu xa, đã đặt bản thân vào địa vị vương quyền to lớn, đã thủ tiêu ranh giới. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cá nhân nào có ước muốn xấu xa,… (nt)… ở trái đất, có giọng kêu gào thảm thiết.

13. Tâu Đại vương, tuy nhiên cá nhân nào thích hợp, đạt yêu cầu, thích đáng, xứng đáng, phù hợp, ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không giao du, có sự nỗ lực tinh tấn, có bản tánh cương quyết, không gian trá, không xảo quyệt, không quan tâm đến bao tử, không mong muốn lợi lộc, không mong muốn danh vọng, không mong muốn tiếng tăm, có đức tin, xuất gia vì đức tin, mong muốn thoát khỏi già chết [nghĩ rằng]: “Ta sẽ hiểu được giáo pháp” rồi thọ trì hạnh từ khước, vị ấy xứng đáng sự cúng dường gấp hai lần, đối với chư thiên và loài người là vị được yêu mến, được ưa thích, được ước muốn, được mong cầu, như là bông hoa của các loài hoa nhài trâu, nhài Ả-rập, v.v... đối với người đã được tắm đã được thoa dầu, như là thức ăn hảo hạng đối với người bị thèm ăn, như là nước uống mát sạch thơm tho đối với người bị khát, như là dược thảo cao quý đối với người bị nhiễm độc, như là cỗ xe ngựa thuần chủng cao quý tối thượng đối với người mong muốn đi nhanh, như là ngọc quý ma-ni như ý đối với người có ước muốn về mục đích, như là chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ đối với người có ước muốn được phong vương, như là sự chứng đắc vô thượng của quả vị A-la-hán đối với người có ước muốn về giáo pháp. Đối với vị ấy, bốn sự thiết lập niệm nhờ vào sự tu tập đi đến tròn đủ; bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám chi phần nhờ vào sự tu tập đi đến tròn đủ, chứng đắc chỉ tịnh và minh sát, hoàn thiện sự thực hành của sự chứng đắc; bốn quả báo của đời sống Sa-môn, bốn tuệ phân tích, ba minh, sáu thắng trí và toàn bộ pháp Sa-môn, tất cả là thuộc về vị ấy. Vị ấy được phong vương với chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ của sự giải thoát.

Tâu Đại vương, giống như đối với vị vua dòng Sát-đế-ly, sanh ra ở nơi quý

phái, có dòng dõi gia tộc, đã được phong vương với lễ đăng quang của dòng Sát-đế-ly thì có các thị dân, dân chúng, nhân công, binh lính thuộc vương quốc phục tùng, và ba mươi tám toán tùy tùng của đức vua, các kịch sĩ và vũ công, những người tiên đoán điềm lành, những người nói lời chúc tụng, các Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả các nhóm người ngoại đạo tìm đến; bất cứ việc gì ở trái đất như là bến tàu, hầm mỏ châu báu, thành phố, trạm thuế, các người khác xứ, việc xử chặt, việc xử chém, việc chỉ thị dân chúng, vị vua ấy trở thành người chủ ở tất cả các nơi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, cá nhân nào thích hợp, đạt yêu cầu,... (nt)... được phong vương với chiếc lọng trắng trong sạch không bợn nhơ của sự giải thoát.

14. Tâu Đại vương, đây là mười ba pháp từ khước, được làm trong sạch với các pháp này, [vị Tỳ-khưu] tiến vào đại dương Niết-bàn, tiêu khiển trò tiêu khiển của giáo pháp có nhiều loại, rồi tiến đến tám sự chứng đạt của sắc giới và vô sắc giới, đạt được nhiều loại thần thông, thiên nhĩ giới, nhận biết tâm của người khác, nhớ lại các kiếp sống quá khứ, thiên nhãn và sự diệt tận tất cả các lậu hoặc. Mười ba pháp nào? Pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị chuyên đi khất thực, pháp của vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà, pháp của vị chỉ một chỗ ngồi [khi thọ thực], pháp của vị thọ thực trong bình bát, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị ngụ ở gốc cây, pháp của vị ở ngoài trời, pháp của vị ngụ ở mộ địa, pháp của vị ngụ chỗ ở theo chỉ định, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi [không nằm]. Tâu Đại vương, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] đạt được toàn bộ đời sống Sa-môn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

Tâu Đại vương, giống như người thuyền trưởng có tài sản, đã thực hiện tốt đẹp phần thuế ở bến tàu, thì tiến vào đại dương rồi đi đến các xứ Vaṅga, Takkola, Cīna, Sovīra, Suraṭṭha, Alasanda, Kolapatta, Suvaṇṇabhūmi, luôn cả bất cứ chỗ nào khác là nơi lai vãng của tàu bè. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] đạt được toàn bộ đời sống Sa-môn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

Tâu Đại vương, giống như người nông dân trước tiên dời đi các khuyết điểm của thửa ruộng như là cỏ, cành khô, đá sỏi, rồi cày xới, gieo hạt, đưa nước vào đúng đắn, bảo vệ, giữ gìn, rồi với việc giặt hái đập giũ mà trở thành người có nhiều thóc lúa, những người nào không có tài sản, khốn khổ, nghèo khó, người lâm cảnh bất hạnh là thuộc về người ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo,... (nt)... toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

Tâu Đại vương, hoặc là giống như vị Sát-đế-ly đã được làm lễ phong vương ở đầu, đã được sanh ra ở nơi quý phái, có dòng dõi gia tộc, là người chúa tể trong việc xử chặt, xử chém, chỉ thị dân chúng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn, và toàn bộ đại địa cầu là thuộc về vị ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] trở thành vị chúa tể ở giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn; và toàn bộ các đức hạnh của đời sống Sa-môn là thuộc về vị ấy.

15. Tâu Đại vương, chẳng phải Trưởng lão Upasena, con trai của Vaṅganta, với sự thực hành đầy đủ các hạnh giảm thiểu và từ khước, sau khi không chấp hành quy định của hội chúng ở Sāvatthi, đã cùng tập thể của mình đi đến gặp đấng Điều Ngự Trượng Phu đang thiền tịnh, đã đê đầu đảnh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn, rồi đã ngồi xuống một bên. Và đức Thế Tôn sau khi nhìn thấy tập thể đã khéo được huấn luyện ấy thì mừng rỡ, phấn chấn, vui mừng, phấn khởi, sau khi trao đổi chuyện trò với tập thể, rồi với giọng nói của Phạm thiên không bị lẫn lộn, đã nói điều này:

"*Này Upasena, tập thể này quả là có niềm tin đối với ngươi. Này Upasena, ngươi hướng dẫn tập thể thế nào?*" Được đấng Toàn Tri, bậc Mười Lực, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời hỏi. Vị ấy bằng năng lực về đức hạnh của tự thân đúng theo sự thật, cũng đã nói với đức Thế Tôn điều này: "*Bạch Ngài, người nào đi đến và cầu xin con sự xuất gia, hoặc pháp nương nhờ, thì con nói với người ấy như vầy: 'Này đạo hữu, ta là vị hành pháp ngụ ở rừng, hành pháp chuyên đi khất thực, hành pháp chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, hành pháp chỉ sử dụng ba y. Nếu ngươi cũng sẽ là vị hành pháp ngụ ở rừng, hành pháp chuyên đi khất thực, hành pháp chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, hành pháp chỉ sử dụng ba y, như thế thì ta sẽ cho ngươi xuất gia, sẽ ban cho pháp nương nhờ.' Thưa Ngài, nếu người ấy sau khi đã đồng ý với con, vui vẻ, hứng thú, như vậy thì con cho người ấy xuất gia, con ban cho pháp nương nhờ. Bạch Ngài, con hướng dẫn tập thể như thế.*" Tâu Đại vương, cũng như thế, người thọ trì đức hạnh cao quý của các pháp từ khước là vị chúa tể ở giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng, có sự thể hiện các quyền lực, là người chủ có hành động theo như ước muốn; toàn bộ các sự chứng đạt tịch tịnh, an lạc là thuộc về vị ấy.

Tâu Đại vương, giống như hoa sen có nguồn gốc, sanh trưởng, mọc lên trong sạch cho đến lúc trưởng thành là trơn láng, mềm mại, đáng ham thích, có mùi thơm tốt, được yêu mến, được mong cầu, được ca tụng, không bị lấm lem bởi nước và bùn, được tô điểm bởi những cánh hoa nhỏ, tua nhị, quả sen, được lai vãng bởi bầy ong, được phát triển ở nước mát lạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với mười ba hạnh từ khước này đã được thân cận, đã được thành

thạo, đã được thực hành, đã được hoàn thiện, đã được hành xử, đã được tiếp cận, đã được tròn đủ trước đây mà [bây giờ] các vị đệ tử của bậc Thánh được đầy đủ với ba mươi đức tính cao quý. Với ba mươi đức tính cao quý nào?

Là có tâm từ trìu mến, mềm mỏng, dịu dàng; là có phiền não được tiêu diệt, được phá hủy, được tiêu hoại; là có sự ngã mạn và sự kiêu ngạo được phá hủy, được diệt trừ; là có đức tin không dao động, vững chãi, được củng cố, không có phân vân; là nhận được sự chứng đạt trọn vẹn, được thỏa mãn, được mừng rỡ, đáng ham thích, tịch tịnh, an lạc; là được thấm nhuần bởi hương thơm cao quý, ưu tú, vô song, tinh khiết của giới; là đối tượng yêu quý, ưa thích của chư thiên và nhân loại; được các bậc Lậu Tận, các Thánh nhân và các nhân vật cao quý mong mỏi; được đảnh lễ, cúng dường đối với chư thiên và nhân loại; được tán dương, ca ngợi, khen ngợi, ca tụng của những con người khôn ngoan, thông minh, sáng suốt; không bị lấm lem bởi thế gian ở đời này hay ở đời khác; có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi về chút ít tội lỗi ở thế gian; có sự hoàn thành mục đích cao quý về đạo và quả của những người có sự mong muốn các thành tựu lớn lao và cao quý; có phần về vật dụng lớn lao, hảo hạng đã được [thí chủ] thỉnh cầu; có sự nằm nghỉ ở nơi không nhà; có sự an trú quý cao ở trạng thái gắn bó với thiền; có nền móng của mạng lưới phiền não đã được tháo gỡ; sự che lấp về cảnh giới tái sanh đã được phá vỡ, đập bể, co rút lại, chặt đứt; có pháp bền vững; chỗ ngụ được phù hợp; có sự thọ hưởng không bị chê trách; được thoát khỏi cảnh giới tái sanh; đã vượt lên trên tất cả hoài nghi; đã gắn bó vào sự giải thoát; đã nhìn thấy giáo pháp; đã đi đến chốn nương nhờ vững chắc, không dao động đối với sự kinh sợ; có khuynh hướng ngủ ngầm đã được trừ tuyệt; đã đạt đến sự cạn kiệt tất cả lậu hoặc; có nhiều sự chứng đạt và an trú về sự tịch tịnh và sự an lạc; có đầy đủ tất cả đức tính của vị Sa-môn. Vị ấy được đầy đủ với ba mươi đức tính cao quý này.

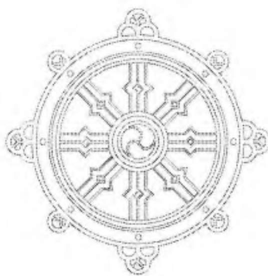
Tâu Đại vương, chẳng phải vị Trưởng lão Sāriputta là con người cao cả ở mười ngàn thế giới, trừ ra đấng Thập Lực, bậc thầy của thế gian? Ngay cả vị ấy, trong vô lượng vô số kiếp sống, có thiện căn đã được tích lũy, có dòng dõi gia tộc Bà-la-môn, sau khi từ bỏ sự hứng thú về dục lạc làm thích ý và tài sản quý giá nhiều trăm con số đếm, sau khi xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, sau khi đã rèn luyện thân, khẩu, ý với mười ba hạnh từ khước này, giờ đây hôm nay được hội đủ các đức hạnh vô biên, đã được sanh làm người tiếp tục chuyển vận bánh xe pháp của đức Thế Tôn Gotama. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở đoạn *Dấu ấn cao quý*, pháp *Một chi* thuộc *Tăng chi bộ* rằng:

"*Này các Tỳ-khưu, Ta không nhìn thấy một cá nhân nào khác là người tiếp tục chuyển vận một cách đúng đắn bánh xe pháp vô thượng đã được chuyển vận bởi đức Như Lai như là Sāriputta. Này các Tỳ-khưu, Sāriputta tiếp tục chuyển vận một cách đúng đắn bánh xe pháp vô thượng đã được chuyển vận bởi đức Như Lai.*"

– Thưa Ngài Nāgasena, tốt lắm! Bất cứ lời dạy nào của đức Phật gồm chín thể loại, các hành động nào vượt trên thế gian, và các sự chứng đạt vĩ đại cao quý nào của các sự chứng đắc ở thế gian; mọi điều ấy đều đi đến sự hội tụ ở mười ba hạnh từ khước.

"Câu hỏi về pháp từ khước" là thứ nhì.

Phẩm Suy luận được đầy đủ.



CÁC CÂU HỎI GIẢNG VỀ CÁC VÍ DỤ
(*OPAMMAKATHĀPAÑHĀ*)

CÁC TIÊU ĐỀ
(*MĀTIKĀ*)

– Thưa Ngài Nāgasena, hội đủ bao nhiêu tính chất thì vị Tỳ-khưu chứng ngộ phẩm vị A-la-hán?

– Tâu Đại vương, ở đây với vị Tỳ-khưu có ước muốn chứng ngộ phẩm vị A-la-hán thì:

Một tính chất của con vật có tiếng kêu ghê rợn nên được hành trì.

Năm tính chất của con gà trống nên được hành trì.

Một tính chất của con sóc nên được hành trì.

Một tính chất của con beo cái nên được hành trì.

Hai tính chất của con beo đực nên được hành trì.

Năm tính chất của con rùa nên được hành trì.

Một tính chất của cây tre nên được hành trì.

Một tính chất của cây cung nên được hành trì.

Hai tính chất của con quạ nên được hành trì.

Hai tính chất của con khỉ nên được hành trì.

Một tính chất của dây bầu nên được hành trì.

Ba tính chất của cây sen nên được hành trì.

Hai tính chất của hạt giống nên được hành trì.

Một tính chất của cây sālā xinh đẹp nên được hành trì.

Ba tính chất của chiếc thuyền nên được hành trì.

Hai tính chất của cái neo thuyền nên được hành trì.

Một tính chất của cột buồm nên được hành trì.

Ba tính chất của người thuyền trưởng nên được hành trì.

Một tính chất của người làm công nên được hành trì.

Năm tính chất của biển cả nên được hành trì.

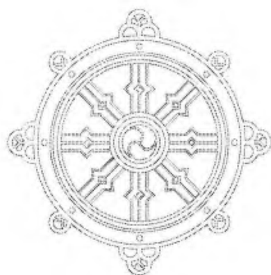
Năm tính chất của đất nên được hành trì.

Năm tính chất của nước nên được hành trì.
Năm tính chất của lửa nên được hành trì.
Năm tính chất của gió nên được hành trì.
Năm tính chất của núi nên được hành trì.
Năm tính chất của hư không nên được hành trì.
Năm tính chất của mặt trăng nên được hành trì.
Bảy tính chất của mặt trời nên được hành trì.
Ba tính chất của vị Sakka nên được hành trì.
Bốn tính chất của vị Chuyển Luân nên được hành trì.
Một tính chất của loài mối nên được hành trì.
Hai tính chất của loài mèo nên được hành trì.
Một tính chất của loài chuột nên được hành trì.
Một tính chất của loài bò cạp nên được hành trì.
Một tính chất của loài chồn nên được hành trì.
Hai tính chất của loài chó rừng già nên được hành trì.
Ba tính chất của loài nai nên được hành trì.
Bốn tính chất của loài bò nên được hành trì.
Hai tính chất của loài heo nên được hành trì.
Năm tính chất của loài voi nên được hành trì.
Bảy tính chất của loài sư tử nên được hành trì.
Ba tính chất của loài ngỗng đỏ nên được hành trì.
Hai tính chất của loài sếu cái nên được hành trì.
Một tính chất của loài bồ câu nhà nên được hành trì.
Hai tính chất của loài chim cú nên được hành trì.
Một tính chất của loài chim gõ kiến nên được hành trì.
Hai tính chất của loài dơi nên được hành trì.
Một tính chất của loài đỉa nên được hành trì.
Ba tính chất của loài rắn nên được hành trì.
Một tính chất của loài trăn nên được hành trì.
Một tính chất của loài nhện đường nên được hành trì.
Một tính chất của đứa bé đeo bầu vú nên được hành trì.
Một tính chất của loài rùa có đốm nên được hành trì.
Năm tính chất của khu rừng nên được hành trì.
Ba tính chất của cây cối nên được hành trì.
Năm tính chất của cơn mưa nên được hành trì.

Ba tính chất của ngọc ma-ni nên được hành trì.
Bốn tính chất của người thợ săn nên được hành trì.
Hai tính chất của người câu cá nên được hành trì.
Hai tính chất của người thợ mộc nên được hành trì.
Một tính chất của chum nước nên được hành trì.
Hai tính chất của sắt đen nên được hành trì.
Ba tính chất của cái lọng che nên được hành trì.
Ba tính chất của thửa ruộng nên được hành trì.
Hai tính chất của thuốc giải độc nên được hành trì.
Ba tính chất của vật thực nên được hành trì.
Bốn tính chất của người cung thủ nên được hành trì.
Bốn tính chất của vị vua nên được hành trì.
Hai tính chất của người gác cổng nên được hành trì.
Một tính chất của cối đá xay được hành trì.
Hai tính chất của cây đèn nên được hành trì.
Hai tính chất của loài chim công nên được hành trì.
Hai tính chất của loài ngựa nên được hành trì.
Hai tính chất của kẻ say rượu nên được hành trì.
Hai tính chất của cái ngưỡng cửa nên được hành trì.
Một tính chất của cái cân nên được hành trì.
Hai tính chất của thanh gươm nên được hành trì.
Hai tính chất của loài cá nên được hành trì.
Một tính chất của kẻ vay nợ nên được hành trì.
Hai tính chất của người bị bệnh nên được hành trì.
Hai tính chất của người bị chết nên được hành trì.
Hai tính chất của con sông nên được hành trì.
Một tính chất của loài bò mộng nên được hành trì.
Hai tính chất của con đường nên được hành trì.
Một tính chất của người thu thuế nên được hành trì.
Ba tính chất của kẻ trộm cướp nên được hành trì.
Một tính chất của loài chim diều hâu nên được hành trì.
Một tính chất của loài chó nên được hành trì.
Ba tính chất của người thầy thuốc nên được hành trì.
Hai tính chất của người nữ mang thai nên được hành trì.
Một tính chất của loài sơn dương nên được hành trì.

Hai tính chất của loài chim giẻ nên được hành trì.
Ba tính chất của loài bồ câu nên được hành trì.
Hai tính chất của người một mắt nên được hành trì.
Ba tính chất của người cày ruộng nên được hành trì.
Một tính chất của loài chó rừng giống Jambuka nên được hành trì.
Hai tính chất của cái sàng loại nhỏ nên được hành trì.
Một tính chất của cái muỗng nên được hành trì.
Ba tính chất của người thâu nợ nên được hành trì.
Một tính chất của người nghiên cứu nên được hành trì.
Hai tính chất của người đánh xe nên được hành trì.
Hai tính chất của người cung cấp thức ăn nên được hành trì.
Một tính chất của người thợ may nên được hành trì.
Một tính chất của người lái thuyền nên được hành trì.
Hai tính chất của loài ong nên được hành trì.

Các Tiêu đề được đầy đủ.



I. PHẨM LỪA
(*GADRABHAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI LỪA (*Gadrabhaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của con vật có tiếng kêu ghê rợn [loài lừa] nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài lừa nằm ở bất cứ nơi đâu: Ở đỉnh đống rác, ở ngã tư đường, ở giao lộ, ở cổng làng, ở đống trấu và không nằm nhiều. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập có thể nằm sau khi đã trải xuống mảnh da ở bất cứ nơi đâu: Ở tấm trải bằng cỏ, ở tấm trải bằng lá, ở chiếc giường nhỏ bằng cây gỗ, ở nền đất, không nên nằm nhiều. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của con vật có tiếng kêu ghê rợn [loài lừa] nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời, nói đến:

"*Này các Tỳ-khưu, giờ đây các đệ tử của Ta, với gối kê đầu là khúc gỗ mục, sống không xao lãng, có nhiệt tâm trong việc nỗ lực.*"

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:[1]

"*Đối với vị đang ngồi với thế kiết-già, trời mưa còn chưa làm ướt đầu gối, vậy là quá đủ cho sự an trú thoải mái của vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài lừa" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI GÀ TRỐNG (*Kukkaṭaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của loài gà trống nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài gà trống đi nghỉ ngơi đúng lúc đúng thời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên quét dọn sân của bảo tháp đúng lúc đúng thời, rồi nên cung cấp nước uống nước rửa, nên chăm sóc cơ thể, nên tắm rửa, nên đảnh lễ bảo tháp, nên đi đến thăm viếng các

[1] *Theragāthāpāḷi* (*Trưởng lão kệ*), *TTPV*, tập 31, trang 229, câu kệ 985.

Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi nên đi vào nơi trống vắng đúng lúc đúng thời. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài gà trống nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trống thức dậy đúng lúc đúng thời. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thức dậy đúng lúc đúng thời, nên quét dọn sân của bảo tháp, rồi cung cấp nước uống nước rửa, nên chăm sóc cơ thể, nên đảnh lễ bảo tháp, rồi nên đi vào nơi trống vắng thêm lần nữa. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài gà trống nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trống sau khi bới đi bới lại mặt đất rồi nuốt miếng ăn vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi quán xét đi quán xét lại rồi mới nên nuốt vật thực vào: "Không phải để chơi giỡn, không phải vì đam mê, không phải để tô điểm, không phải để trang sức, mà chỉ nhằm để duy trì, để nuôi dưỡng thân thể này, để ngăn ngừa sự tổn hại, để hỗ trợ sự thực hành Phạm hạnh [nghĩ rằng]: Như vầy ta tiêu diệt cảm thọ cũ và sẽ không làm sanh lên cảm thọ mới, và sự sống còn, sự không bị chê trách và sự cư trú thoải mái sẽ có đến ta." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài gà trống nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"*Ví như thịt của người con trai ở nơi sa mạc, giống như dầu bôi trơn cho trục xe, tương tợ như thế, người đã ăn vào vật thực nhằm mục đích sống còn, không bị đắm say.*"

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trống dầu sáng mắt cũng bị mù mờ vào ban đêm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập dầu không bị mù cũng nên là như mù, dầu ở trong rừng hay đang khi đi khất thực ở khu vực làng mạc nên là như mù, điếc, câm đối với các sắc, thinh, hương, vị, xúc và pháp quyến rũ, không nên nắm giữ hình tướng, không nên nắm giữ chi tiết. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài gà trống nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mahā Kaccāyana nói đến:[2]

"*Người có mắt nên là như kẻ mù, người có tai nên là như kẻ điếc, người có lưỡi nên là như kẻ câm, người có sức mạnh tợ như kẻ yếu đuối, và khi có sự việc đã được sanh khởi, hãy nằm xuống ngủ như kẻ chết.*"

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài gà trống dầu đang bị tấn công bởi các cục đất, cây gậy, cây côn, cái vồ, cũng không lìa bỏ cái chuồng của mình. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập dầu đang làm công việc may y, đang làm công việc xây dựng công trình mới, đang thực hành phận sự và công việc, đang đọc tụng, đang bảo người khác đọc tụng, cũng không nên lìa bỏ việc tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, bản thân điều này chính là ngôi nhà của hành giả, tức là sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của loài gà trống nên được hành trì. Tâu

---

[2] *Theragāthāpāḷi* (*Trưởng lão kệ*), *TTPV*, tập 31, trang 143, câu kệ 501.

Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"Này các Tỳ-khưu, cái gì là hành xứ của vị Tỳ-khưu? Là lãnh vực tu tập có tính chất truyền thống của bản thân, tức là bốn sự thiết lập niệm."

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"Giống như con voi đang ngủ, không giẫm đạp lên cái vòi của nó. Nó nhận thức được vật ăn được và vật không ăn được, [nhận thức được] hành vi và suy nghĩ của bản thân.

Y như thế ấy, người con trai của đức Phật, dầu là không bị xao lãng, không nên xem thường lời dạy của đấng Chiến Thắng về sự tác ý cao quý tối thượng."

"Câu hỏi về tính chất của loài gà trống" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SÓC (*Kalandakaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài sóc nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài sóc, khi kẻ thù địch lao đến thì ve vẫy cái đuôi và làm cho lớn lên, rồi xua đuổi kẻ thù địch bằng cây côn chính là cái đuôi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, khi kẻ thù phiền não lao đến, thì nên ve vẫy cây côn là sự thiết lập niệm và làm cho nó lớn lên, rồi xua đuổi tất cả phiền não bằng chính cây côn là sự thiết lập niệm ấy. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài sóc nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Cullapanthaka nói đến:

"Khi nào các phiền não phá hoại đức hạnh của đời sống Sa-môn lao đến, chúng nên bị tiêu diệt một cách liên tục bằng cây côn là sự thiết lập niệm."

"Câu hỏi về tính chất của loài sóc" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO CÁI (*Dīpiniyaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài beo cái nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài beo cái đậu thai chỉ có một lần, không tiếp tục đi đến với con đực nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi nhìn thấy sự tiếp nối trong tương lai, sự tái sanh, việc nằm ở bào thai, sự chết, sự tan rã, sự hoại diệt, sự tiêu tan, nỗi sợ về luân hồi, khổ cảnh, sự không tương xứng, sự dằn vặt, nên thực hiện tác ý đúng đường lối rằng: "Ta sẽ không tiếp tục về việc sanh ra lần nữa." Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài beo cái nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Kinh tập*.[3]

[3] *Suttanipāta* (*Kinh tập*), *Kinh Người chăn bò Dhaniya*, câu kệ 29.

"Tợ như con bò mộng đã cắt đứt các sự trói buộc, tợ như con voi đã bứt lìa sợi dây rừng thối tha, Ta sẽ không đi đến việc nằm ở bào thai lần nữa. Này vị trời, vậy nếu ngài mong muốn, thì ngài hãy đổ mưa."

"Câu hỏi về tính chất của loài beo cái" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO ĐỰC (*Dīpikaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài beo đực nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài beo đực ẩn núp nương vào lùm cỏ um tùm hoặc khu rừng um tùm hoặc đồi núi um tùm, rồi chộp lấy các con thú rừng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tới lui nơi vắng vẻ là cánh rừng rậm, gốc cây, sườn núi, thung lũng, hang núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đống rơm, nơi ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Tâu Đại vương, bởi vì trong khi tới lui nơi vắng vẻ, vị hành giả thiết tha tu tập chẳng bao lâu sau đạt được bản thể năng lực về sáu thắng trí. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài beo đực nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được các vị Trưởng lão kết tập giáo pháp nói đến:

"Cũng giống như con beo đực ẩn núp rồi chộp lấy các con thú rừng. Y như thế ấy người con trai này của đức Phật, vị có sự tu tập đã được gắn bó, vị hành minh sát, đi vào khu rừng rồi nắm lấy quả vị tối thượng."

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài beo đực sau khi giết chết bất cứ con thú nào, nếu con thú rơi bị rơi xuống ở sườn bên trái thì nó không ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên thọ dụng vật thực đã được tạo ra do việc cho tre, hoặc do việc cho lá, hoặc do việc cho bông hoa, hoặc do việc cho trái cây, hoặc do việc nhường chỗ tắm, hoặc do việc cho đất sét, hoặc do việc cho bột tắm, hoặc do việc cho tăm xỉa răng, hoặc do việc cho nước súc miệng, hoặc do việc nịnh hót, hoặc do việc tâng bốc, hoặc do việc chiều chuộng, hoặc do việc chuyển tin bằng đôi chân, hoặc do công việc thầy thuốc, hoặc do công việc đầy tớ, hoặc do việc đi theo sự sai bảo, hoặc do thức ăn đổi thức ăn, hoặc do phát sanh bởi quà cáp, hoặc nhờ vào khoa địa lý, hoặc nhờ vào khoa chiêm tinh, hoặc nhờ vào khoa bói tướng, hoặc bởi bất cứ sự nuôi mạng sai trái nào khác đã bị đức Phật quở trách, tợ như con beo đực không ăn con thú rơi bị rơi xuống ở sườn bên trái. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài beo đực nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"Mật ong và cháo được phát sanh do việc lan truyền của sự biểu hiện bằng lời nói, nếu ăn vào thì tôi có thể bị chê trách về sự nuôi mạng của tôi.

Thậm chí, nếu nội tạng của tôi rơi ra lòng thòng ở bên ngoài, dầu cho đang từ bỏ mạng sống, tôi vẫn không làm đổ vỡ sự nuôi mạng [chân chánh]."

"Câu hỏi về tính chất của loài beo đực" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA (*Kummaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của loài rùa nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài rùa là loài sống ở nước, sắp xếp chỗ trú ngụ ở ngay trong nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên lan tỏa toàn thể thế gian với tâm ý bao la, vĩ đại, không đo lường được, không thù oán, không hãm hại, đồng hành với từ ái, có lòng thương tưởng đến sự lợi ích của tất cả các cá nhân có mạng sống và đang hiện hữu, rồi an trú. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài rùa nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa trong khi nổi lên ở trong nước thì ngước đầu lên nhìn xem, nếu nhìn thấy ai đó thì ngay tại nơi ấy lặn xuống và chìm sâu [nghĩ rằng]: "Chớ để những kẻ ấy nhìn thấy ta lần nữa." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, khi các phiền não xâm nhập thì nên lặn xuống hồ nước là cảnh giới [của đề mục thiền] và nên chìm sâu [nghĩ rằng]: "Chớ để các phiền não nhìn thấy ta lần nữa." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài rùa nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa sau khi đi ra khỏi nước thì sưởi ấm thân thể. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đưa tâm ý ra khỏi việc ngồi, đứng, nằm, đi kinh hành thì nên sưởi ấm tâm ý ở sự nỗ lực đúng đắn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài rùa nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa sau khi đào đất thì sắp đặt chỗ ngụ ở nơi cô quạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên dứt bỏ lợi lộc, tôn kính, tiếng tăm, nên đi sâu vào nơi trống vắng, cô quạnh, khu rừng lớn, khu rừng thưa, sườn núi, thung lũng, hang núi, nơi ít âm thanh, ít tiếng ồn, được tách biệt, nên đi đến chỗ trú ngụ ở ngay tại nơi cô quạnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài rùa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Upasena, con trai của Vanganta nói đến:[4]

"*Vị Tỳ-khưu, vì nguyên nhân thiền tịnh nên tới lui chỗ trú ngụ cô quạnh, ít tiếng ồn, được lai vãng bởi các thú dữ.*"

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rùa trong lúc đi lang thang, nếu nhìn thấy cái gì hoặc nghe được cái gì, thì thu giấu các chân và cái đầu là thứ năm ở trong cái vỏ của mình, không cử động, có trạng thái im lặng, giữ yên, trong khi hộ trì thân thể.

[4] *Theragāthāpāḷi* (*Trưởng lão kệ*), *TTPV*, tập 31, trang 161, câu kệ 577.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập ở tất cả các nơi, trong khi các sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp xâm nhập, thì không nên mở ra cánh cửa phòng hộ ở sáu căn, nên tập trung tâm trí, nên thực hành sự thu thúc, nên sống có niệm và có sự nhận biết rõ trong khi hộ trì Sa-môn pháp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của loài rùa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Tương ưng bộ* quý báu, bài *Kinh Ví dụ con rùa*:

"*Tợ như con rùa đang thu lại các phần thân thể ở trong cái vỏ của mình, vị Tỳ-khưu trong khi tập trung lại các sự suy nghĩ của tâm, không bị lệ thuộc, không quấy rối kẻ khác, được hoàn toàn tịch tịnh, không chửi mắng bất cứ ai.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài rùa" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY TRE (*Vaṃsaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của cây tre nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như cây tre nghiêng theo làn gió, không chạy theo hướng khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tuân theo giáo pháp của bậc Đạo sư gồm chín thể loại đã được đức Phật, Thế Tôn giảng dạy, nên duy trì các điều cho phép và không bị chê bai, nên tầm cầu chỉ mỗi Sa-môn pháp. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của cây tre nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Rāhula nói đến:

"*Sau khi luôn luôn tuân theo giáo pháp của đức Phật gồm chín thể loại, sau khi duy trì các điều cho phép và không bị chê bai, tôi đã vượt lên trên chốn đọa đày.*"

"Câu hỏi về tính chất của cây tre" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CUNG (*Cāpaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của cây cung nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như cây cung, được khéo chuốt, được đo đạc, uốn cong thật đồng đều cho đến đầu trên và đầu dưới, không cứng ngắc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tùy thuận đến các vị trưởng lão, mới tu, hoặc trung niên tương tợ như nhau, không tỏ ra đối nghịch. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của cây cung nên được hành trì.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Bổn sanh* "Vidhurapuṇṇaka:"[5]

---

[5] *Bổn sanh* "Bậc Sáng Suốt Vidhura" (*Vidhurajātakaṃ*), số 545, *TTPV*, tập 34. (ND)

"Vị sáng trí nên uốn cong tợ như cây cung, tợ như cây tre đang nghiêng theo, không nên hành xử điều nghịch lại, vị ấy có thể trú ở chỗ ngụ của đức vua."

"Câu hỏi về tính chất của cây cung" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI QUẠ (*Vāyasaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài quạ nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài quạ đi lang thang, dè dặt và e ngại, cẩn thận và đề phòng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đi lại, dè dặt và e ngại, cẩn thận và đề phòng, với niệm được thiết lập, với các giác quan được thu thúc. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài quạ nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài quạ sau khi nhìn thấy bất cứ thức ăn nào thì chia sẻ với đồng loại rồi mới ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, đối với các lợi lộc hợp pháp, được thọ nhận hợp pháp, thậm chí phần đã được đặt vào bình bát, đối với các lợi lộc có hình thức như thế không nên là vị thọ dụng mà không san sẻ với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài quạ nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"Vào lúc ta có sự thực hành khổ hạnh, nếu họ đem lại cho ta phần đã đạt được theo khả năng, thì ta phân chia cho tất cả, sau đó mới thọ dụng phần ăn"

"Câu hỏi về tính chất của loài quạ" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI KHỈ (*Makkaṭagapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài khỉ nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài khỉ, trong khi đi đến chỗ trú, thì đi đến chỗ trú ở khoảng trống có hình thức như thế: Là ở thân cây to lớn vĩ đại, được tách biệt, có cành lá ở mọi nơi, là chốn nương nhờ cho kẻ bị sợ hãi.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên sống nương tựa vào vị thầy, người bạn tốt lành, có hình thức như vầy: Là vị có liêm sỉ, khéo cư xử, có giới hạnh, có thiện pháp, nghe nhiều, vị duy trì giáo pháp, đáng mến, đáng kính, đáng trọng, vị tuyên thuyết, có sự nhẫn nại với lời nói, vị giáo giới, vị giải thích, vị chỉ dạy, vị thức tỉnh, vị khuyến khích, vị tạo niềm phấn khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài khỉ nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài khỉ đi đứng ngồi chỉ ở trên cây, nếu nó rơi vào giấc ngủ thì nó trải qua việc trú đêm ở ngay tại chỗ ấy. Tâu

Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có khuynh hướng ở rừng, nên đứng, đi, ngồi, nằm và rơi vào giấc ngủ chỉ ở trong rừng, nên kinh nghiệm về sự thiết lập niệm ở ngay tại chỗ ấy. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài khỉ nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

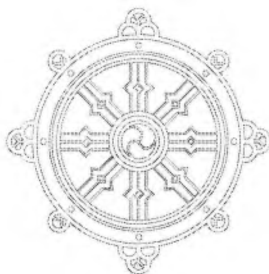
"*Ngay cả trong khi đi kinh hành, trong khi đứng, hoặc với việc ngồi và việc nằm, vị Tỳ-khưu chiếu sáng ở khu rừng, chính khu rừng ấy được ca ngợi.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài khỉ" là thứ mười.

Phẩm Lừa là phẩm thứ nhất.

Phần tóm lược

"[Loài lừa] có tiếng kêu khủng khiếp, loài gà trống, loài sóc, loài beo cái, loài beo đực, loài rùa, cây tre, cây cung và loài quạ, rồi loài khỉ."



II. PHẨM BIỂN CẢ
(*SAMUDDAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA DÂY BẦU (*Lābulaṭaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của dây bầu nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như dây bầu dùng những sợi tua đeo bám ở cọng cỏ, hoặc ở khúc cây, hoặc ở dây leo, rồi phát triển lên trên vật đó. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, có ước muốn tiến triển ở phẩm vị A-la-hán, thì nên dùng ý đeo bám ở đối tượng [đề mục thiền], rồi tiến triển ở phẩm vị A-la-hán. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của dây bầu nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"*Giống như cái gọi là dây bầu đeo bám ở cọng cỏ, ở khúc cây, hoặc ở dây leo bằng những sợi tua, rồi từ đó phát triển lên trên.*

Y như thế ấy, người con trai của đức Phật, có ước muốn về quả vị A-la-hán, thì nên đeo bám ở đối tượng [đề mục thiền], rồi tiến triển ở quả vị Vô học."

"Câu hỏi về tính chất của dây bầu" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SEN (*Padumaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của cây sen nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như cây sen được sanh ra ở nước, được phát triển ở nước, không bị lấm lem bởi nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên bị lấm lem trong mọi trường hợp ở gia đình, ở nhóm, về lợi lộc, về danh vọng, về sự tôn vinh, về sự nể vì, về các nhu cầu vật dụng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cây sen nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cây sen vững vàng sau khi vươn lên khỏi nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên chế ngự tất cả [các pháp] thế gian, nên vươn lên, và nên vững vàng ở các pháp xuất thế gian. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cây sen nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cây sen bị run rẩy, lay động vì gió dầu chỉ chút ít. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập

nên thực hành sự tự chế ngự, nên sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở các phiền não dầu chỉ chút ít. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cây sen nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"*Người có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở các tội lỗi nhỏ nhoi thọ trì và học tập ở các điều học.*"

"Câu hỏi về tính chất của cây sen" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA HẠT GIỐNG (*Bījaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của hạt giống nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như hạt giống dầu là ít ỏi, đã được gieo ở thửa ruộng tốt, trong khi trời ban cho cơn mưa đúng đắn, thì sẽ tạo ra được rất nhiều kết quả. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, giới đã được thực hành theo cách nào mà sẽ tạo ra được toàn bộ quả vị của Sa-môn, thì vị hành giả thiết tha tu tập nên thực hành đúng đắn theo cách như vậy. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của hạt giống nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hạt giống đã được trồng ở thửa ruộng khéo được làm sạch sẽ thì phát triển vô cùng nhanh chóng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập khéo nắm giữ được ý, làm cho ý được thanh tịnh ở căn nhà trống vắng, rồi đặt ý vào thửa ruộng cao quý là sự thiết lập niệm, thì ý phát triển vô cùng nhanh chóng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của hạt giống nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Anuruddha nói đến:

"*Giống như hạt giống được thiết lập ở thửa ruộng sạch sẽ, kết quả của nó là dồi dào, và còn làm cho người nông dân mừng rỡ.*

Y như thế ấy, tâm của vị hành giả đã được làm cho thanh tịnh ở căn nhà trống vắng thì phát triển vô cùng nhanh chóng ở thửa ruộng là sự thiết lập niệm."

"Câu hỏi về tính chất của hạt giống" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SĀLĀ XINH ĐẸP (*Sālakalyāṇikaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của cây sālā xinh đẹp nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như cây sālā xinh đẹp tăng trưởng luôn cả ở bên trong trái đất đến hơn một trăm cánh tay. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho tròn đủ bốn quả vị Sa-môn, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí, và toàn bộ pháp Sa-môn ở ngay tại ngôi nhà trống vắng. Tâu

Đại vương, điều này là một tính chất của cây sālā xinh đẹp nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Rāhula nói đến:

"Loài cây có tên sālā xinh đẹp, mọc ở trái đất, tăng trưởng luôn cả ở bên trong trái đất đến một trăm cánh tay.

Giống như vào lúc thời điểm đã đến, với sự trưởng thành cây ấy vươn lên, tăng trưởng thậm chí một trăm cánh tay trong một ngày.

Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, con tiến triển một cách tự nhiên ở ngôi nhà trống vắng, tợ như cây sālā xinh đẹp tăng trưởng ở khoảng không."

"Câu hỏi về tính chất của cây sālā xinh đẹp" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHIẾC THUYỀN (*Nāvaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của chiếc thuyền nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như chiếc thuyền giúp cho nhiều người vượt qua nhờ vào sự tập hợp đã được kết nối lại bằng nhiều loại cây gỗ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sẽ vượt qua thế gian luôn cả chư thiên nhờ vào sự tập hợp đã được kết nối lại bằng nhiều hình thức giáo pháp như là cách cư xử, giới, đức hạnh, phận sự và công việc. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của chiếc thuyền nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, chiếc thuyền chịu đựng lực đẩy gào thét của nhiều loại sóng, lực đẩy của dòng nước xoáy được lan rộng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên chịu đựng lực đẩy của nhiều loại sóng phiền não, lợi lộc, tôn vinh, danh vọng, danh tiếng, cúng dường, đảnh lễ, sự chê khen ở các gia tộc khác, và lực đẩy của nhiều loại sóng: Sướng, khổ, kính nể, khinh khi và sự sân hận. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của chiếc thuyền nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, chiếc thuyền di chuyển ở biển cả to lớn, khổng lồ, vô lượng, vô biên, không bờ bên kia, không bị xáo trộn, sâu thẳm, có tiếng ồn lớn lao vĩ đại, có sự chen chúc của các bầy cá là cá ông, cá voi, cá đao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho tâm ý di chuyển ở sự lãnh hội và thấu triệt bốn chân lý về ba luân, mười hai thể. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của chiếc thuyền nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Tương ưng bộ* quý báu, *Tương ưng sự thật*:

"Này các Tỳ-khưu, trong lúc suy tư, các người nên suy tư về: 'Đây là khổ', nên suy tư về: 'Đây là nguyên nhân của khổ', nên suy tư về: 'Đây là sự diệt khổ', nên suy tư về: 'Đây là sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ.'"

"Câu hỏi về tính chất của chiếc thuyền" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI NEO THUYỀN (*Nāvālagganakaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của cái neo thuyền nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như cái neo thuyền giữ chặt, duy trì con thuyền ở nơi biển cả to lớn không lồ, trên mặt nước bị hỗn độn, bị khuấy động bởi những đợt dồn dập của nhiều làn sóng, không cho lôi đi theo hướng chính hướng phụ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên giữ chặt tâm ở sự xung đột lớn lao vĩ đại của các suy tư, ở sự dồn dập của những làn sóng luyến ái, sân hận, si mê, không cho lôi đi theo hướng chính hướng phụ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cái neo thuyền nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa cái neo thuyền không nổi lên, nó chìm xuống thậm chí cả trăm cánh tay ở trong nước, nó giữ chặt con thuyền, duy trì ở vị trí. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên nổi lên ở trên đỉnh của lợi lộc, ở trên đỉnh của danh vọng, ở các sự lợi lộc, danh vọng, tôn vinh, kính nể, đảnh lễ, cúng dường, trọng vọng, nên duy trì tâm chỉ ở mỗi việc làm cho cơ thể được sống còn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cái neo thuyền nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"*Giống như cái neo không nổi lên ở biển mà chìm xuống, y như thế ấy, các ngươi chớ nổi lên ở lợi lộc và tôn vinh mà hãy chìm xuống.*"

"Câu hỏi về tính chất của cái neo thuyền" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CỘT BUỒM (*Kūpaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của cột buồm nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như cột buồm chịu đựng dây thừng, dây đai và cánh buồm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ, nên có sự thực hành việc nhận biết rõ trong khi đi tới trong khi đi lui, khi nhìn qua khi nhìn lại, khi co tay khi duỗi tay, trong việc mang y hai lớp, bình bát và y phục, khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, ở hành động đại tiện tiểu tiện, khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, khi nói, khi im lặng. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của cột buồm nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"*Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nên sống có niệm, có sự nhận biết rõ; đây là lời dạy của chúng ta cho các ngươi.*"

"Câu hỏi về tính chất của cột buồm" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG (*Niyāmakaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: “Ba tính chất của người thuyền trưởng nên được hành trì”, ba tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như người thuyền trưởng, ngày đêm, thường xuyên, liên tục, không xao lãng, gắng sức, ra sức, điều khiển con tàu di chuyển. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, trong khi kiểm soát tâm, nên kiểm soát tâm bằng sự tác ý đúng đường lối, ngày đêm, thường xuyên, liên tục, không xao lãng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người thuyền trưởng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Pháp cú*:[6]

“*Các ngươi hãy thích thú trong sự không phóng dật, hãy phòng hộ tâm của mình, hãy đưa bản thân ra khỏi chốn khổ đau, tợ như con voi bị vướng trong vũng bùn [cố gắng lê thân ra khỏi bãi lầy].*”

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa đối với người thuyền trưởng bất cứ việc gì ở biển cả là tốt hay là xấu, tất cả các điều ấy đều được biết đến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên nhận biết thiện hay bất thiện, có tội lỗi hay không tội lỗi, hạ liệt hay cao quý, tối hay sáng hay có sự xen lẫn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của người thuyền trưởng nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa người thuyền trưởng đánh dấu ở bộ phận điều khiển [nói rằng]: “Chớ có người nào chạm đến bộ phận điều khiển.” Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm dấu ấn về sự thu thúc ở tâm rằng: “Chớ suy tư về bất cứ suy tư nào ác và bất thiện.” Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của người thuyền trưởng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Tương ưng bộ* cao quý:

“*Này các Tỳ-khưu, các ngươi chớ suy tư về các điều suy tư ác và bất thiện, như là sự suy tư về ái dục, sự suy tư về oán hận, sự suy tư về hãm hại.*”

“Câu hỏi về tính chất của người thuyền trưởng” là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG (*Kammakāraṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: “Một tính chất của người làm công nên được hành trì”, một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như người làm công suy nghĩ như vầy: “Là người làm thuê, ta làm công việc ở chiếc thuyền này, nhờ vào chiếc thuyền này mà ta

[6] *Dh*. v. 327.

đạt được thức ăn và tiền công, ta không nên tạo ra sự xao lãng, chiếc thuyền này sẽ được chuyển vận nhờ vào ta có sự không xao lãng."

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên suy nghĩ như vầy: "Trong khi quán sát về thân tứ đại này, ta thường xuyên, liên tục không xao lãng, có niệm được thiết lập, có niệm, có sự nhận biết rõ, được định tĩnh, có tâm chuyên nhất, ta nên thực hiện sự không xao lãng [nghĩ rằng]: 'Ta sẽ được hoàn toàn tự do đối với các sự sanh-già-bệnh-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não.'" Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của người làm công nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"*Ngươi hãy quán sát về thân này, hãy biết toàn diện [về nó] lần này, lần khác. Sau khi nhìn thấy bản thể thật ở thân, ngươi sẽ thực hiện việc chấm dứt khổ đau.*"

"Câu hỏi về tính chất của người làm công" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA BIỂN CẢ (*Samuddaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của biển cả nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như biển cả không sống chung với xác chết. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên sống chung với luyến ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, gièm pha, thù oán, ganh tỵ, bỏn xẻn, gian trá, xảo quyệt, lừa đảo, không hài hòa, hạnh kiểm xấu và các bợn nhơ phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của biển cả nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, biển cả, trong khi cất giữ sự tích lũy nhiều loại châu báu là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, pha-lê, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo thì che đậy lại, không vung vãi ở bên ngoài. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, sau khi chứng đắc nhiều loại châu báu đức hạnh là đạo, quả, thiền, sự giải thoát, định và sự chứng đạt, minh sát và sáu thắng trí thì nên che giấu, không nên đưa ra bên ngoài. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của biển cả nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, biển cả sống chung với các chúng sanh to lớn vĩ đại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên sống nương tựa vào vị đồng Phạm hạnh, là người bạn tốt lành, ít ham muốn, tự biết đủ, nói về pháp từ khước, có lối sống giảm thiểu, hội đủ tánh hạnh, có liêm sỉ, khéo cư xử, đáng kính, đáng trọng, vị tuyên thuyết, có sự nhẫn nại với lời nói, vị la rầy, có sự chê trách điều xấu, vị giáo giới, vị giáo hóa, vị giải thích, vị chỉ dạy, vị thức tỉnh, vị khuyến khích, vị tạo niềm phấn khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của biển cả nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, biển cả mặc dầu được làm đầy bởi trăm ngàn con sông như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, v.v... chứa đựng nước nguồn và bởi các cơn mưa ở không trung, cũng không tràn qua khỏi bờ của nó. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên thực hiện việc vi phạm các điều học một cách cố ý vì lý do lợi lộc, tôn vinh, danh tiếng, đảnh lễ, kính nể, cúng dường, thậm chí có nguyên nhân là mạng sống. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của biển cả nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"*Này Pahārāda, cũng giống như đại dương có pháp bền vững không tràn qua khỏi bờ, này Pahārāda, tương tợ y như thế, điều học nào đã được Ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu có nguyên nhân là mạng sống, cũng không vi phạm điều ấy.*"

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, biển cả không bị tràn đầy bởi tất cả các dòng sông Gaṅga, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī và bởi các cơn mưa ở không trung. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên được thỏa mãn với việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc nghe, việc xác định, việc nhận thức, việc đã được chuyên sâu về Luật và Vi diệu pháp, việc tranh luận về Kinh, sự quy định từ, sự liên kết từ, sự phân tích từ, và giáo pháp cao quý của đấng Chiến Thắng gồm chín thể loại. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của biển cả nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Bổn sanh* "Sutasoma:"[7]

"*Giống như ngọn lửa đang thiêu đốt cỏ và củi, hoặc là biển cả không được thỏa mãn với những dòng sông, này vị vua hạng nhất, y theo như vậy những bậc sáng trí này, sau khi lắng nghe, không được thỏa mãn với điều đã được khéo nói.*"

"Câu hỏi về tính chất của biển cả" là thứ mười.

Phẩm Biển cả là phẩm thứ nhì.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

"Dây bầu, cây sen, hạt giống, cây sālā xinh đẹp, chiếc thuyền, cái neo thuyền, cột buồm, người thuyền trưởng là tương tợ, người làm công và biển cả, phẩm [này] được gọi với tên ấy."

[7] *Bổn sanh* "Đại Sutasoma" (*Mahāsutasomajātakaṃ*), số 537, *TTPV*, tập 33.

III. PHẨM ĐẤT
(*PAṬHAVIVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT (*Paṭhavyaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của đất nên được hành trì, năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?"

– Tâu Đại vương, giống như đất là khi có kẻ đang vung vãi các vật được ưa thích hay không được ưa thích như là long não, gỗ tagara, gỗ trầm hương, nghệ, v.v... cũng như đang vung vãi mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, phân, v.v... thì cũng y như thế ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập trong mọi trường hợp về các việc được ưa thích hay không được ưa thích như là về có lợi lộc và không có lợi lộc, về có danh tiếng và không có danh tiếng, về chê trách và khen ngợi, về an lạc và khổ đau thì cũng nên là y như thế ấy. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của đất nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất lánh xa việc trang điểm, trang sức, và được bao phủ bằng mùi hương của chính nó. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên lánh xa việc trang sức, nên bao phủ bằng mùi hương giới hạnh của chính mình. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của đất nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất không có khoảng trống, không có chỗ nứt, không có lỗ hổng, dày đặc, được trải rộng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có giới không có khoảng trống, không có mảnh bể, không có chỗ nứt, không có lỗ hổng, dày đặc, được trải rộng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của đất nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất là không mệt nhọc trong khi nâng đỡ làng mạc, thị trấn, thành phố, xứ sở, cây cối, núi, sông, ao, hồ, thú rừng, chim, con người, đàn ông, đàn bà, tập thể. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập là không mệt nhọc trong những việc thuyết giảng giáo pháp, trong khi giáo giới, trong khi giáo hóa, trong khi giải thích, trong khi chỉ dạy, trong khi thức tỉnh, trong khi khuyến khích, trong khi tạo niềm phấn khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của đất nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, đất được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên sống với tâm ý tương tợ như trái đất, là được thoát ra khỏi sự nuông

chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của đất nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được nữ cư sĩ Cullasubhaddā nói đến trong lúc công bố về pháp Sa-môn của mình:

"*Với tâm ý bị nổi giận, nếu một tay có lưỡi búa thì có thể chém; khi được vui thích, nếu một tay có vật thơm thì có thể bôi thoa.*

Không có sự ghét bỏ ở người ấy, thì sự luyến ái ở người này không được biết đến, những tâm ấy tương tợ như đất, các pháp Sa-môn của tôi là tương tợ như thế."

"Câu hỏi về tính chất của đất" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC (*Āpaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của nước nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như nước khéo được ổn định, không bị lay chuyển, không bị khuấy động, được hoàn toàn trong sạch từ bản thể. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên loại trừ sự gạt gẫm, tán phét, gợi ý, lừa bịp, nên khéo được ổn định, không bị lay chuyển, không bị khuấy động, được hoàn toàn trong sạch từ bản thể. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của nước nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước là được ổn định với bản thể mát lạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đầy đủ lòng nhẫn nại, từ ái và thương xót, có sự tầm cầu việc lợi ích, nên là người có lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của nước nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước làm vật không trong sạch trở thành trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập dầu là ở làng hay ở rừng, không nên có sự tranh tụng, không tạo cơ hội, trong mọi trường hợp, đối với thầy tế độ, đối với thầy dạy học, đối với các vị tương đương thầy dạy học. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của nước nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước được nhiều người mong mỏi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là vị ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, có sự thiền tịnh, thường xuyên được tất cả thế gian mong mỏi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của nước nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, nước không đem lại sự bất lợi cho bất cứ người nào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên làm điều ác bằng thân, khẩu, ý, là nhân gây ra sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi, sự tham thiền bị bỏ bê, sự không thích thú đối với các người khác. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của nước

nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Bổn sanh* "Kaṇha:"[8]

"*Này Sakka, vị chúa tể của tất cả chúng sinh, Ngài đã ban cho Ta đặc ân. Này Sakka, mong rằng việc đã làm bởi Ta bằng tâm hoặc thân không gây hại đến bất cứ người nào, vào bất cứ lúc nào. Này Sakka cao quý, điều này là đặc ân.*"

"Câu hỏi về tính chất của nước" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LỬA (*Tejaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của lửa nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như lửa thiêu đốt cỏ, củi, cành, lá. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, với vị hành giả thiết tha tu tập, những phiền não nào ở bên trong hoặc bên ngoài, do sự tiếp nhận [của giác quan] ở đối tượng được ưa thích hay không được ưa thích, tất cả các phiền não ấy nên được thiêu đốt bằng ngọn lửa trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của lửa nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa không có lòng trắc ẩn, không có lòng thương xót. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên thể hiện lòng thương xót hay trắc ẩn đối với tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của lửa nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa hủy diệt sự mát lạnh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm sanh lên ngọn lửa có sức nóng của sự tinh tấn rồi nên hủy diệt các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của lửa nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa tạo ra sự nóng nực, và được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên an trú với tâm ý tợ như lửa, được thoát ra khỏi sự nuông chiều hay ghét bỏ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của lửa nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, lửa tiêu diệt bóng tối, phô bày ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi tiêu diệt bóng tối vô minh rồi nên phô bày ánh sáng của trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của lửa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến trong khi giáo giới cho Rāhula, người con trai của mình:

"*Này Rāhula, con hãy phát triển sự tu tập tương tợ lửa. Này Rāhula, bởi vì đối với người đang phát triển sự tu tập tương tợ lửa thì các pháp bất thiện chưa*

---

[8] *Bổn sanh* "Ẩn sĩ Kaṇha" (*Kaṇhajātakaṃ*), số 440, *TTPV*, tập 32. (ND)

sanh khởi [sẽ] không sanh khởi, và các bất thiện pháp đã sanh khởi sẽ không chiếm cứ tâm và tồn tại."

"Câu hỏi về tính chất của lửa" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA GIÓ (*Vāyuṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của gió nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như gió thổi vào bên trong cụm rừng đã khéo được trổ hoa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thích thú ở bên trong khu rừng các đối tượng [của đề mục thiền] đã được trổ bông hoa cao quý của sự giải thoát. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của gió nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, gió làm lay động các lùm cây cối mọc ở trái đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập đã đi vào bên trong khu rừng và trong khi đang suy xét về các pháp tạo tác thì nên làm lay động các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của gió nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, gió đi lại ở không trung. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên khiến cho tâm ý hoạt động ở các pháp vượt trên thế gian. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của gió nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, gió thưởng thức mùi hương. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thưởng thức hương thơm về giới của bản thân. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của gió nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, gió là không chỗ ngụ, không nhà ở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên được giải thoát ở mọi nơi, không chỗ ngụ, không nhà ở, không thân thiết. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của gió nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Kinh tập*:

"*Sợ hãi sanh ra từ sự thân thiết, bụi bặm sanh ra từ nhà ở, không nhà ở không thân thiết, quả thật điều ấy là quan điểm của bậc hiền triết.*"

"Câu hỏi về tính chất của gió" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NÚI (*Pabbataṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của núi nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như núi không bị dao động, không thể bị lay động, không có sự rúng động. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết

tha tu tập về việc kính nể [hay] không kính nể, tôn vinh [hay] không tôn vinh, cung kính [hay] không cung kính, có danh tiếng [hay] không có danh tiếng, sự chê trách hay khen ngợi, an lạc hay khổ đau, được ưa thích hay không được ưa thích, trong mọi trường hợp, không nên luyến ái ở các vật gây luyến ái là các sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, không nên sân ở các vật gây sân, không nên si mê ở các vật gây si mê, không bị lay động, không bị dao động, tợ như núi là không dao động. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:[9]

"*Giống như tảng đá cứng rắn không lay chuyển bởi gió, tương tợ như thế các bậc trí không chao động giữa những sự chê khen.*"

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, núi là cứng rắn, không giao du với bất cứ cái gì. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên cứng cỏi, không nên giao du, không nên thực hiện việc giao tiếp với bất cứ ai. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:[10]

"*Không gần gũi với cả hai hạng người tại gia và hạng người xuất gia, không lai vãng các gia đình, ít ham muốn, ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.*"

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hạt giống không phát triển ở núi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên để cho các phiền não phát triển ở tâm của mình. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Subhūti nói đến:

"*Khi nào tâm liên hệ đến ái luyến khởi lên ở tôi, sau khi tự bản thân quán xét, chỉ một mình tôi thuần hóa nó.*

Ngươi bị luyến ái ở các vật gây luyến ái, bị sân ở các vật gây sân, bị si mê ở các vật gây si mê, ngươi hãy lìa khỏi khu rừng.

Chỗ trú ngụ này dành cho các vị đạo sĩ khổ hạnh thanh tịnh, không bị ô nhiễm, ngươi chớ làm ô uế sự thanh tịnh, ngươi hãy lìa khỏi khu rừng."

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, núi thì vươn lên cao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên vươn lên cao nhờ vào trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:[11]

"*Vào lúc bậc sáng trí xua đi sự xao lãng bằng sự không xao lãng, sau khi leo lên tòa lâu đài trí tuệ, không còn sầu muộn, nhìn xuống đám người bị sầu*

---

[9] *Dh.* v. 81.

[10] *Dh.* v. 404.

[11] *Dh.* v. 28.

muộn, tợ như người sáng suốt đứng ở ngọn núi nhìn xuống những người ngu si đứng ở trên mặt đất."

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, núi không bị nhô lên không bị lõm xuống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên thể hiện sự hứng chí hay nản lòng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của núi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được nữ cư sĩ Cūḷasubhaddā nói đến trong lúc công bố về pháp Sa-môn của mình:

"*Thế gian hứng chí vì lợi lộc, nản lòng vì không lợi lộc. Những vị đứng yên một chỗ dầu có lợi lộc hay không có lợi lộc, những vị như thế ấy là những vị Sa-môn của tôi.*"

"Câu hỏi về tính chất của núi" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA HƯ KHÔNG (*Ākāsaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của hư không nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như hư không là hoàn toàn không thể nắm được. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là hoàn toàn không bị nắm được bởi các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của hư không nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không được các vị ẩn sĩ, đạo sĩ khổ hạnh, chúng sanh và các bầy chim thường lui tới. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên để tâm thường lui tới ở các pháp tạo tác [nhận biết rằng]: "Là vô thường, khổ não, vô ngã." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của hư không nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không sẽ gây ra sự run sợ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho tâm bị kinh động về sự tiếp nối tái sanh ở tất cả các cõi, không nên tạo ra sự khoái lạc. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của hư không nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không là vô biên, vô lượng, không thể ước lượng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có giới hạnh vô biên, có trí tuệ vô lượng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của hư không nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, hư không là không dính mắc, không bị bám víu, không bị dựa dẫm, không bị vướng bận. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là không dính mắc trong mọi trường hợp: Về gia đình, đồ chúng, lợi lộc, chỗ ngụ, sự vướng bận, và tất cả các phiền não, nên là không bị bám víu, không bị dựa dẫm, không bị vướng bận. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của hư không nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến trong khi giáo giới cho Rāhula, người con trai của mình:

"Này Rāhula, cũng giống như hư không không trụ lại ở bất cứ chỗ nào. Này Rāhula, tương tợ y như thế, con hãy phát triển sự tu tập tương tợ hư không. Này Rāhula, bởi vì đối với người đang phát triển sự tu tập tương tợ hư không, các xúc làm hài lòng, làm thích ý đã được sanh đi sanh lại sẽ không chiếm cứ tâm và tồn tại."

"Câu hỏi về tính chất của hư không" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRĂNG (*Candaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của mặt trăng nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như mặt trăng, trong khi mọc lên ở thượng huyền, phát triển thêm dần dần. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên phát triển thêm dần dần về tánh hạnh, giới đức, phận sự và pháp hành, về kinh điển và sự chứng đắc, về thiền tịnh, về việc thiết lập niệm, về các quyền, về trạng thái các giác quan được canh phòng, về tính chất biết vừa đủ trong vật thực, về việc gắn liền với sự tỉnh thức. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của mặt trăng nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trăng có sự nổi bật vĩ đại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự nổi bật vĩ đại về ước muốn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của mặt trăng nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trăng di chuyển vào ban đêm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ẩn dật. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của mặt trăng nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trăng có cung điện là biểu hiện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có giới là biểu hiện. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của mặt trăng nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trăng mọc lên, [là vật] được yêu cầu, được mong mỏi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, đã được yêu cầu, đã được mong mỏi, nên đi đến các gia đình. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của mặt trăng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Tương ưng bộ* quý báu:

"Này các Tỳ-khưu, giống như mặt trăng các người hãy đi đến các gia đình, hãy vô cùng dè dặt về thân, hãy dè dặt về tâm, luôn luôn là người mới ở các gia đình, không được thô tháo."

"Câu hỏi về tính chất của mặt trăng" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRỜI (*Suriyaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Bảy tính chất của mặt trời nên được hành trì", bảy tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như mặt trời khiến cho tất cả nước khô kiệt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho tất cả phiền não khô kiệt, không còn dư sót. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của mặt trời nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời tiêu diệt bóng đêm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tiêu diệt tất cả sự tối tăm của ái luyến, sự tối tăm của sân hận, sự tối tăm của si mê, sự tối tăm của ngã mạn, sự tối tăm của tà kiến, sự tối tăm của phiền não, tất cả sự tối tăm của các ác hạnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của mặt trời nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời di chuyển một cách liên tục. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thực hiện sự tác ý đúng đường lối một cách liên tục. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của mặt trời nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời có vòng hoa ánh sáng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có vòng hoa là các đối tượng [của đề mục thiền]. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của mặt trời nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời di chuyển, trong khi sưởi ấm đám đông dân chúng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên sưởi ấm thế gian luôn cả chư thiên bằng tánh hạnh, giới đức, phận sự và pháp hành, bằng các thiền, các sự giải thoát, các tầng định, các sự chứng đạt, các quyền, các lực, các chi phần đưa đến giác ngộ, các sự thiết lập niệm, các chánh tinh tấn và các nền tảng của thần thông. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của mặt trời nên được hành trì.

6. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời di chuyển, bị lo sợ vì nỗi sợ hãi thần Rāhu [hiện tượng nhật thực]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên nhìn thấy các chúng sanh bị vướng víu vào các nết hạnh xấu xa, khổ cảnh, sự thành tựu của nghiệp không giống nhau và khó tránh né, đọa xứ vào mạng lưới phiền não, bị trói buộc vào sự chằng chịt của tà kiến, bị rơi vào đường lối sai trái, đang thực hành đạo lộ xấu xa, và nên làm cho tâm ý bị kinh động với nỗi kinh động và sợ hãi lớn lao. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ sáu của mặt trời nên được hành trì.

7. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, mặt trời giúp cho nhìn thấy các sự việc tốt đẹp và xấu xa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên giúp cho nhìn thấy các quyền, các lực, các chi phần đưa đến giác ngộ, các sự thiết lập niệm, các chánh tinh tấn, các nền tảng của thần thông, các pháp

thuộc thế gian và xuất thế gian. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ bảy của mặt trời nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Vaṅgasa nói đến:

"*Cũng giống như mặt trời, trong khi mọc lên, giúp cho nhìn thấy dáng vóc của các loài sinh vật, sự trong sạch và luôn cả sự không trong sạch, sự tốt đẹp và luôn cả sự xấu xa.*

Tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu có sự ghi nhớ về giáo pháp, giống như mặt trời đang mọc lên, giúp cho người bị vô minh che lấp nhìn thấy con đường có nhiều lối."

"Câu hỏi về tính chất của mặt trời" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VỊ SAKKA (*Sakkaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của vị Sakka[12] nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như vị Sakka đạt được sự an lạc toàn diện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thích thú với sự an lạc toàn diện của cuộc sống tách biệt. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của vị Sakka nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vị Sakka sau khi nhìn thấy chư thiên thì tiếp đón và tạo ra niềm vui [cho họ]. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tiếp đón cái tâm ý không trì trệ, không thụ động, được an tịnh ở các thiện pháp, nên tạo ra niềm vui, nên khơi dậy, nên gắng sức, nên nỗ lực. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của vị Sakka nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, sự bất mãn không sanh khởi ở vị Sakka. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập ở căn nhà trống vắng, không nên làm sanh khởi sự bất mãn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của vị Sakka nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Subhūti nói đến:

"*Bạch đấng Đại Hùng, kể từ khi con đã được xuất gia trong giáo pháp của Ngài, con biết chắc chắn là không có ý nghĩ nào có liên hệ đến dục lạc đã được sanh khởi.*"

"Câu hỏi về tính chất của vị Sakka" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VỊ CHUYỂN LUÂN (*Cakkavatyaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Bốn tính chất của vị Chuyển Luân nên được hành trì", bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

---

[12] Sakka là tên của vị Thiên chủ, vị chúa của chư thiên, vị cai quản cõi trời Tāvatiṃsa. (ND)

– Tâu Đại vương, giống như vị Chuyển Luân thu phục người bằng bốn việc thu phục. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thu phục, nên hỗ trợ, nên làm hài lòng tâm của bốn tập thể.[13] Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của vị Chuyển Luân nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, bọn trộm cướp không nổi dậy ở trong lãnh địa của vị Chuyển Luân. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên để cho các ý nghĩ suy tầm về ái dục, oán hận và hãm hại sanh khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của vị Chuyển Luân nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"*Và người nào thích thú trong sự yên tịnh của tư duy, tu tập về đề mục tử thi, luôn luôn có niệm, quả vậy người ấy sẽ thủ tiêu, người ấy sẽ cắt đứt sự trói buộc của Ma vương.*"

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vị Chuyển Luân ngày ngày di chuyển dọc theo đại địa cầu được bao bọc bởi biển cả, trong khi xem xét các việc thiện ác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập ngày ngày nên quán xét hành động của thân, hành động của khẩu và hành động của ý rằng: "Có phải ngày trôi qua mà ta sẽ không có lỗi lầm do ba chỗ [thân, khẩu, ý]?" Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của vị Chuyển Luân nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Tăng chi bộ* quý giá:

"*Bậc xuất gia nên thường xuyên quán xét rằng: Ta đã như thế nào khi ngày và đêm trôi qua?*"

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vị Chuyển Luân có sự bảo vệ bên trong và bên ngoài khéo được bố trí. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thiết lập người gác cổng là niệm nhằm sự bảo vệ đối với các phiền não bên trong và bên ngoài. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của vị Chuyển Luân nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"*Này các Tỳ-khưu, có người gác cổng là niệm, vị Thánh đệ tử dứt bỏ bất thiện, phát triển thiện, dứt bỏ điều lầm lỗi, phát triển điều không lầm lỗi, gìn giữ bản thân trong sạch.*"

"Câu hỏi về tính chất của vị Chuyển Luân" là thứ mười.

Phẩm Đất là phẩm thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

"Đất, nước, lửa, gió, núi, hư không, mặt trăng, mặt trời, vị Sakka và vị Chuyển Luân."

---

[13] Bốn tập thể là tập thể Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cận sự nam và cận sự nữ. (ND)

IV. PHẨM MỐI
(*UPACIKĀVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MỐI (*Upacikaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài mối nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài mối sau khi thực hiện mái che ở phía trên và canh giữ bản thân, rồi di chuyển ở khu vực kiếm ăn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi thực hiện mái che là sự thu thúc về giới và canh giữ tâm ý, rồi nên đi khất thực. Tâu Đại vương, với mái che là sự thu thúc về giới, vị hành giả thiết tha tu tập vượt qua tất cả sợ hãi. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài mối nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta nói đến:

"*Vị hành giả, sau khi làm cho tâm có mái che là sự thu thúc về giới, không bị lấm lem bởi thế gian, và hoàn toàn thoát khỏi sự sợ hãi.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài mối" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MÈO (*Biḷāraṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài mèo nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài mèo đi đến hang, đi đến hốc, đi đến ở bên trong tòa nhà dài và tìm kiếm chỉ mỗi loài chuột. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập đi đến làng, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, nên thường xuyên, liên tục, không xao lãng, tìm kiếm chỉ mỗi loại vật thực là niệm đặt ở thân. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài mèo nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài mèo tìm kiếm thức ăn chỉ ở khu vực lân cận. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên sống có sự quan sát trạng thái sanh và diệt ở chính năm thủ uẩn này: "Thế này là sắc, thế này là sự sanh lên của sắc, thế này là sự biến mất của sắc. Thế này là thọ, thế này là sự sanh lên của thọ, thế này là sự biến mất của thọ. Thế này là tưởng, thế này là sự sanh lên của tưởng, thế này là sự biến mất của tưởng. Thế này là các hành, thế này là sự sanh lên của các hành, thế này là sự biến mất của các hành. Thế này là thức, thế này là sự sanh lên của thức, thế này

là sự biến mất của thức." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài mèo nên được hành trì.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"*[Sự giải thoát] là không xa nơi đây, vậy sẽ làm gì với cảnh giới tột cùng của hiện hữu? Theo cách diễn tả ở thời hiện tại, thì ngươi nên tìm hiểu thân thể của mình.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài mèo" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHUỘT (*Undūraṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài chuột nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài chuột, trong khi đi lại đó đây, di chuyển chỉ với mỗi ước muốn là vật thực. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, trong khi đi lại đó đây, là chỉ với mỗi ước muốn là sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài chuột nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta nói đến:

"*Sau khi lấy giáo pháp làm chủ đạo, trong khi sống, vị hành minh sát sống không biếng nhác, an tịnh, luôn luôn có niệm.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài chuột" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ CẠP (*Vicchikaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài bò cạp nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài bò cạp có cái đuôi là vũ khí, di chuyển sau khi đã nâng cái đuôi lên cao. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có trí tuệ là vũ khí, nên sống sau khi đã nâng trí tuệ lên cao. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài bò cạp nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta nói đến:

"*Sau khi cầm lấy thanh gươm trí tuệ, trong khi sống, vị hành minh sát hoàn toàn giải thoát mọi sự sợ hãi, và vị ấy là khó khuất phục.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài bò cạp" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHỒN (*Nakulaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài chồn nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài chồn, trong khi tiến đến gần con rắn, thì nó phủ lên thân thể bằng một loại thuốc men rồi tiến đến gần để bắt con rắn.

Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên bôi thoa tâm ý bằng loại thuốc từ ái trong khi tiến đến gần thế gian có nhiều sự giận dữ và va chạm, đã bị ngự trị bởi các cuộc cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, chống đối. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của của loài chồn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"*Do đó, sự tu tập về từ ái nên được thực hiện cho mình và cho luôn cả những người khác, nên tỏa khắp bằng tâm từ ái; điều này là lời dạy của chư Phật.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài chồn" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHÓ RỪNG GIÀ (*Jarasigālaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài chó rừng già nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài chó rừng già sau khi đạt được vật thực thì ăn vào cho đủ theo nhu cầu, không ghê tởm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đạt được vật thực thì thọ dụng chỉ vừa đủ cho việc duy trì cơ thể, không ghê tởm. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài chó rừng già nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mahākassapa nói đến:[14] "*Sau khi từ chỗ trú ngụ đi xuống, ta đã đi vào làng để khất thực. Có người đàn ông bị cùi đang ăn, một cách nghiêm chỉnh ta đã đứng gần gã ấy.*

Người ấy với bàn tay bị lở loét đã dâng vắt cơm cho ta. Trong khi người ấy để vắt cơm vào, ngón tay của gã đã bị rụng xuống ở nơi ấy.

Và ta đã dựa vào chân của vách tường, rồi thọ dụng vắt cơm ấy. Ngay trong khi đang ăn, hoặc đã ăn xong, sự ghê tởm không có ở nơi ta."

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài chó rừng già sau khi đạt được vật thực thì không xem xét: "Là tồi tàn hay hảo hạng." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đạt được vật thực thì không xem xét: "Là tồi tàn, hay hảo hạng, là đầy đủ, hay không đầy đủ", nên hoan hỷ với vật đã nhận được. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài chó rừng già nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta nói đến:

"*Nên hoan hỷ với vật dầu tồi tàn, không nên mong mỏi nhiều vị nếm khác. Đối với vị bị thèm khát ở các vị nếm, thì tâm không thích thú trong việc tham thiền. Vị tự biết đủ với bất cứ vật này hay vật khác làm đầy đủ đời sống Sa-môn.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài chó rừng già" là thứ sáu.

---

[14] *Theragāthāpāḷi* (*Trưởng lão kệ*), *TTPV*, tập 31, trang 243, các câu kệ 1059-61.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NAI (*Migaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của loài nai nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài nai ban ngày sống ở rừng, ban đêm ở khoảng không. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập ban ngày nên trú ở rừng, ban đêm ở khoảng không. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài nai nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở bài giảng về việc nổi da gà:

"*Này Sāriputta, Ta đây trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, trong những đêm có trạng thái như thế, ban đêm Ta trú ở khoảng không, ban ngày ở rừng rậm; vào tháng cuối của mùa nóng, ban ngày Ta trú ở khoảng không, ban đêm ở rừng rậm.*"

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài nai, khi cây thương hay mũi tên đang lao xuống thì tránh né, tẩu thoát, không đem thân lại gần. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập khi các phiền não đang giáng xuống thì nên tránh né. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài nai nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài nai sau khi nhìn thấy những con người thì tẩu thoát hướng này hoặc hướng khác [nghĩ rằng]: "Mong sao những người ấy chớ nhìn thấy ta." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi nhìn thấy những kẻ thích thú với sự tụ hội, có thói quen xung đột, cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, có giới tồi, biếng nhác, thì nên tẩu thoát hướng này hoặc hướng khác [nghĩ rằng]: "Mong sao những người ấy chớ nhìn thấy ta. Và mong sao ta chớ nhìn thấy họ." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài nai nên được hành trì.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"*Vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi đâu, mong rằng kẻ có ước muốn xấu xa, biếng nhác, có sự tinh tấn kém cỏi, ít học hỏi, có hành vi sai trái, chớ đến gần tôi.*" [15]

"Câu hỏi về tính chất của loài nai" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ (*Gorūpaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Bốn tính chất của loài bò nên được hành trì", bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài bò không buông bỏ chuồng của mình. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên buông bỏ thân của mình [nghĩ rằng]: "Thân này có pháp tự nhiên là vô thường, có sự kỳ

---

[15] *Apadānapāḷi* I (*Thánh nhân ký sự* I), *TTPV*, tập 39, trang 55, câu kệ 364.

cọ, xoa bóp, tan rã, phân tán, tiêu hoại." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài bò nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài bò, đã nhận lãnh cái ách, vận chuyển cái ách một cách thoải mái hoặc khổ sở. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập đã nhận lãnh việc thực hành Phạm hạnh, nên thực hành Phạm hạnh một cách thoải mái hoặc khổ sở cho đến lúc chấm dứt mạng sống, đến điểm cuối cùng của hơi thở. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài bò nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài bò, trong khi khao khát, uống nước với sự ham muốn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, trong khi khao khát, nên tiếp nhận lời chỉ dạy của các vị thầy dạy học và thầy tế độ với sự ham muốn, với sự yêu quý, với sự tịnh tín. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài bò nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài bò, trong khi bị người nào đó bắt vận chuyển vật gì, thì nó vận chuyển. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên cúi đầu tiếp thu lời giáo huấn chỉ dạy của các vị Tỳ-khưu trưởng lão, mới tu, hoặc trung niên, thậm chí là của các người tại gia và các người cận sự. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài bò nên được hành trì.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"*Vị bảy tuổi tính từ lúc sanh, đang được xuất gia vào ngày ấy, nếu vị ấy chỉ dạy tôi, tôi [sẽ] tiếp nhận bằng đầu óc.*

Sau khi nhìn thấy, tôi có thể thiết lập sự mong muốn sắc bén và lòng yêu mến ở vị ấy. Tôi có thể đặt vị ấy ở vị thế thầy dạy học một cách nghiêm chỉnh lần này lần khác."

"Câu hỏi về tính chất của loài bò" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI HEO (*Varāhaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài heo nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài heo, khi mùa nóng đã đến, khi bị đốt nóng bị nóng bỏng, thì đi đến gần chỗ có nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập khi tâm bị kích động, bị chao đảo, bị tán loạn, bị đốt nóng bởi sân hận thì nên tiến đến sự tu tập về từ ái mát lạnh, bất tử, hảo hạng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài heo nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài heo sau khi đi đến đầm nước lầy thì đào đất bằng cái mũi làm thành hố trũng rồi nằm ở hố trũng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên đặt thân vào ở tâm, [có tâm] đã đi vào bên trong đối tượng thì nên nằm xuống. Tâu Đại vương, điều

này là tính chất thứ nhì của loài heo nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Piṇḍolabhāradvaja nói đến:

"*Sau khi nhìn và xem xét bản thể ở thân, vị hành minh sát, [có tâm] ở bên trong đối tượng, nằm xuống mỗi một mình, không người thứ hai.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài heo" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI VOI (*Hatthiṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của loài voi nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài voi nghiền nát đất ngay trong khi đang di chuyển. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên nghiền nát tất cả phiền não ngay trong khi đang quán sát về thân. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài voi nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi nhìn quay đi với cả toàn bộ thân hình, chỉ ngước nhìn thẳng, không nhìn soi mói hướng này hướng khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự nhìn quay đi với toàn bộ thân hình, không nên nhìn soi mói hướng này hướng khác, không nên ngước nhìn lên, không nên cúi nhìn xuống, nên có tầm nhìn khoảng cách bằng cái cày.[16] Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài voi nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi có chỗ ngủ không cố định, sau khi đi đến chỗ kiếm ăn thì không đi đến tại khu vực ấy vì mục đích chỗ ngụ, nó không có chỗ trú ngụ được thiết lập dài hạn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có chỗ ngủ không cố định, nên đi khất thực với sự không lưu luyến. Nếu vị hành minh sát nhìn thấy chỗ ngụ vừa lòng, phù hợp ở khu vực thích ý, là mái che, hoặc gốc cây, hoặc hang động, hoặc sườn núi, thì vị ấy nên đi đến chỗ trú ngụ ở ngay tại nơi ấy, không nên làm chỗ trú ngụ được thiết lập dài hạn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài voi nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi sau khi lặn xuống nước, sau khi lặn xuống hồ sen to lớn khổng lồ, được tràn đầy nước tinh khiết, không bợn nhơ, mát lạnh, được che phủ bởi các loài súng trắng, sen xanh, sen hồng, sen trắng, rồi đùa giỡn trò chơi cao quý của loài voi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, sau khi lặn xuống hồ sen to lớn là các sự thiết lập niệm, được đầy đủ nước cao quý là giáo pháp tinh khiết, không bợn nhơ, trong sạch, không bị vẩn đục, được che phủ bởi bông hoa giải thoát, thì nên rũ xuống, nên rũ sạch các pháp tạo tác nhờ vào trí tuệ, nên đùa giỡn trò chơi cao quý của người hành giả thiết tha tu tập. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài voi nên được hành trì.

---

[16] Nghĩa là nhìn phía trước trên mặt đất khoảng 2m. (ND)

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài voi dở bàn chân lên có niệm, đặt bàn chân xuống có niệm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên dở bàn chân lên có niệm có sự nhận biết rõ, đặt bàn chân xuống có niệm có sự nhận biết rõ, trong việc đi tới đi lui, trong việc co tay duỗi tay, nên có niệm có sự nhận biết rõ ở mọi nơi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của loài voi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Tương ưng bộ* cao quý:[17]

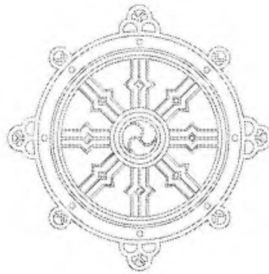
"*Lành thay sự thu thúc thân! Lành thay sự thu thúc lời nói!*
Lành thay sự thu thúc ý! Lành thay sự thu thúc tất cả.
Người có liêm sỉ, đã phòng hộ tất cả, được gọi là: Vị đã được bảo vệ."

"Câu hỏi về tính chất của loài voi" là thứ mười.

Phẩm Mối là phẩm thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

"Loài mối, loài mèo, loài chuột, loài bò cạp, loài chồn, loài chó rừng già, loài nai, loài bò, loài heo và với loài voi là mười."



[17] Câu kệ này cũng được thấy ở *Dh*. v. 316.

V. PHẨM SƯ TỬ
(*SĪHAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SƯ TỬ (*Sīhaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Bảy tính chất của loài sư tử nên được hành trì", bảy tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài sư tử là [con thú] màu vàng nhạt, trắng trẻo, không vết nhơ, trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có tâm màu vàng nhạt, trắng trẻo, không vết nhơ, trong sạch, nên xa lìa nỗi nghi hoặc. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài sư tử nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có bốn chân, có sự đi lại hùng dũng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự thực hành về bốn nền tảng của thần thông. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài sư tử nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có bờm lông xinh đẹp, ưng ý. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có bờm lông là giới, xinh đẹp, ưng ý. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài sư tử nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử, dầu ở vào trường hợp chấm dứt mạng sống, cũng không hạ mình đối với bất cứ ai. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, dầu ở vào trường hợp chấm dứt các vật dụng về y phục vật thực chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh, cũng không nên hạ mình đối với bất cứ người nào. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của loài sư tử nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có sự ăn vật thực theo tuần tự, [con mồi] rơi xuống ở chỗ nào, thì nó ăn cho đủ theo nhu cầu ngay tại chỗ ấy, không chọn lựa phần thịt ngon nhất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có vật thực theo tuần tự, không nên chọn lựa các gia đình, không nên đi đến các gia đình sau khi đã bỏ qua căn nhà trước đó, không nên chọn lựa thức ăn, vắt cơm được để xuống ở chỗ nào thì nên thọ thực chỉ vừa đủ cho việc duy trì cơ thể ở ngay tại chỗ ấy, không nên chọn lựa thức ăn cao sang. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của loài sư tử nên được hành trì.

6. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử có thói không ăn đồ ăn tích trữ, sau khi ăn ở khu vực kiếm ăn một lần thì không đi đến nơi ấy lần nữa. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự không thọ dụng vật tích trữ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ sáu của loài sư tử nên được hành trì.

7. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sư tử không lo âu do đã không đạt được thức ăn, còn khi đã đạt được thức ăn thì thọ dụng không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên lo âu do đã không nhận được thức ăn, còn khi đã nhận được thức ăn thì nên thọ dụng không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự thoát ly. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ bảy của loài sư tử nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Tương ưng bộ* cao quý trong khi tán dương Trưởng lão Mahākassapa:

"Này các Tỳ-khưu, vị Kassapa này tự biết đủ với đồ ăn khất thực loại này loại khác, là vị nói lời ca ngợi về sự tự biết đủ với đồ ăn khất thực loại này loại khác, không vì nguyên nhân đồ ăn khất thực mà phạm vào việc tầm cầu sai trái, không thích hợp, không lo âu do đã không nhận được thức ăn, và khi đã nhận được thức ăn thì thọ dụng không bị vướng mắc, không bị mê mẩn, không bị phạm tội, có sự nhìn thấy điều bất lợi, có tuệ về sự thoát ly."

"Câu hỏi về tính chất của loài sư tử" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NGỖNG ĐỎ (*Cakkavākaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của loài ngỗng đỏ nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài ngỗng đỏ cho đến lúc chấm dứt mạng sống không lìa bỏ bạn tình. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập cho đến lúc chấm dứt mạng sống không nên lìa bỏ sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài ngỗng đỏ nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài ngỗng đỏ có vật thực là rong rêu ở nước, và đạt được sự vừa lòng với điều ấy. Và nhờ vào sự vừa lòng ấy nó không suy giảm về sức lực và sắc đẹp. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thể hiện sự hài lòng với lợi lộc có được. Tâu Đại vương, được hài lòng với lợi lộc có được, vị hành giả thiết tha tu tập không suy giảm về giới, không suy giảm về định, không suy giảm về tuệ, không suy giảm về giải thoát, không suy giảm sự nhận thức về giải thoát, không suy giảm tất cả các thiện pháp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài ngỗng đỏ nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài ngỗng đỏ không hãm hại các sinh mạng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập có gậy đã được bỏ xuống, có dao đã được bỏ xuống, có liêm sỉ, đã đạt được lòng trắc ẩn, có lòng thương tưởng đến sự lợi ích của tất cả các chủng loại có sinh mạng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài ngỗng đỏ nên được hành trì.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Bổn sanh* "Cakkavāka:"[18]

"*Người nào không giết hại, không bảo giết hại, không thống trị, không bảo thống trị, do sự không hãm hại đối với tất cả chúng sanh, người ấy không có oán thù với bất cứ ai.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài ngỗng đỏ" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SẾU CÁI (*Peṇāhikaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài sếu cái nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài sếu cái không nuôi dưỡng các chim con vì sự ghen ghét với chồng của mình (sếu đực). Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ghen ghét các phiền não đã sanh lên ở tâm của mình, nên bỏ chúng vào cái hốc của sự thu thúc đúng đắn bằng sự thiết lập niệm, nên tu tập niệm đặt ở thân tại cánh cửa của ý (ý môn). Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài sếu cái nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài sếu cái sau khi đi lại vào ban ngày ở khu vực kiếm ăn trong rừng, buổi chiều đi đến với bầy chim nhằm sự bảo vệ cho bản thân. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên lui tới nơi thanh vắng mỗi một mình nhằm sự giải thoát hoàn toàn khỏi các sự trói buộc, khi không còn thích thú nơi ấy thì nên trở về hội chúng nhằm hộ trì nỗi sợ hãi vì sự chê trách, và nên sống với sự bảo vệ của hội chúng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài sếu cái nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Phạm thiên Sahampati nói đến trong sự hiện diện của đức Thế Tôn:[19]

"*Nên lui tới các chỗ trú ngụ xa vắng.*
Nên thực hành việc thoát khỏi các sự trói buộc.
Nếu không đạt được sự thích thú tại nơi ấy,
thì nên sống ở hội chúng, bản thân được bảo vệ, có niệm."

"Câu hỏi về tính chất của loài sếu cái" là thứ ba.

---

[18] *Bổn sanh* "Chim hồng hạc " (*Cakkavākajātakaṃ*), số 434, *TTPV*, tập 32. (ND)

[19] *Theragāthāpāḷi* (*Trưởng lão kệ*), *TTPV*, tập 31, trang 59, câu kệ 142, nhưng ghi là lời của Trưởng lão Mahācunda. (ND)

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BỒ CÂU NHÀ (*Gharakapotaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài bồ câu nhà nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài bồ câu nhà, trong khi cư ngụ tại nhà của những người khác, không nắm giữ đặc điểm của bất cứ đồ đạc nào của họ, dửng dưng, sống có nhiều suy tưởng. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập đi đến gia đình của người khác, không nên nắm giữ đặc điểm của những người nữ, hoặc của những người nam, hoặc [đặc điểm] ở giường, hoặc ở ghế, hoặc về vải vóc, hoặc về đồ trang sức, hoặc về vật tiêu khiển, hoặc về vật sử dụng, hoặc về nhiều loại thức ăn ở gia đình ấy, nên dửng dưng, nên thiết lập sự suy tưởng của vị Sa-môn. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài bồ câu nhà nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Bổn sanh* "Cūḷanārada:"[20]

"*Sau khi đi vào gia đình của người khác, nên ăn chừng mực, nên thọ dụng chừng mực về các thức uống hoặc các thức ăn, không nên để tâm đến cảnh sắc.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài bồ câu nhà" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM CÚ (*Ulūkaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài chim cú nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài chim cú chống đối lại các con quạ, ban đêm đi đến bầy quạ, rồi còn giết chết nhiều con quạ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thể hiện sự chống đối lại sự thiếu trí, nên ngồi xuống một mình ở nơi vắng vẻ rồi nên nghiền nát hoàn toàn sự thiếu trí, nên cắt đứt tận gốc rễ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài chim cú nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài chim cú là vô cùng cô tịch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự ưa thích thiền tịnh, được thích thú thiền tịnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài chim cú nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Tương ưng bộ* cao quý:

"*Này các Tỳ-khưu, ở đây vị Tỳ-khưu có sự ưa thích thiền tịnh, được thích thú thiền tịnh, nhận biết đúng theo thực thể rằng: 'Đây là khổ', nhận biết đúng*

[20] *Bổn sanh* "Ẩn sĩ Nārada" (*Cullanāradajātakaṃ*), số 477, *TTPV*, tập 32. (ND)

theo thực thể rằng: 'Đây là nhân sanh khổ', nhận biết đúng theo thực thể rằng: 'Đây là sự diệt tận khổ', nhận biết đúng theo thực thể rằng: 'Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ.'"

"Câu hỏi về tính chất của loài chim cú" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM GÕ KIẾN (*Satapattaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài chim gõ kiến nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài chim gõ kiến kêu réo báo hiệu sự an toàn hoặc sợ hãi cho những kẻ khác. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập trong khi thuyết giảng giáo pháp cho những người khác nên chỉ cho thấy đọa xứ là sự sợ hãi, nên chỉ cho thấy Niết-bàn là sự an toàn. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài chim gõ kiến nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Piṇḍolabhāradvāja nói đến:

"*Ở địa ngục có sự sợ hãi và run sợ, ở Niết-bàn có sự an lạc bao la, vị hành giả nên chỉ cho thấy cả hai ý nghĩa này.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài chim gõ kiến" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI DƠI (*Vagagulyaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của loài dơi nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài dơi sau khi đi vào nhà, bay quanh, rồi đi ra, không chần chờ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đi vào làng để khất thực, nên đi theo tuần tự, khi đã nhận được phần thì rời khỏi thật nhanh chóng, không nên chần chờ ở nơi ấy. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài dơi nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài dơi trong khi sống ở nhà của những người khác thì không làm việc phá hoại đến họ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đi đến những gia đình, không nên gây ra cho họ bất cứ điều gì hối tiếc do sự xin xỏ quá mức, hoặc do nhiều sự yêu cầu, hoặc do nhiều sự sai trái của thân, hoặc do trạng thái nói quá nhiều, hoặc do trạng thái của lạc và khổ là tương đồng, cũng không nên khiến họ bỏ bê công việc căn bản của họ, nên ước muốn chỉ mỗi sự tiến triển về mọi mặt. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài dơi nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Trường bộ* quý báu, bài *Kinh Lakkhaṇa*:[21]

[21] *D*. III. 142, *Kinh Tướng* (*Lakkhaṇasuttaṃ*), số 30.

Vì niềm tin, vì giới, vì sự nghe, vì sự thông minh,
vì sự xả thí, vì giáo pháp, vì các điều tốt đẹp,
vì tài sản, vì lúa gạo và vì ruộng vườn đất đai,
vì các con, vì những người vợ và vì các gia súc,
vì các thân quyến, vì các bạn bè và vì các bà con,
vì sức mạnh, vì sắc đẹp và vì sự an lạc ở cả hai trường hợp ước muốn: "Làm thế nào để các kẻ khác không thoái hóa?" và còn mong mỏi về sự thành tựu của mục đích.

"Câu hỏi về tính chất của loài dơi" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI ĐỈA (*Jalūkaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài đỉa nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài đỉa bám vào nơi nào thì bám chặt ngay tại nơi ấy rồi hút máu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên khiến cho đối tượng mà tâm bám vào được thiết lập một cách chắc chắn theo màu sắc, theo vị trí, theo phương hướng, theo khoảng cách, theo ranh giới, theo đặc điểm, theo dấu hiệu, rồi nhờ vào chính đối tượng ấy nên uống trọn vẹn vị chất của sự giải thoát. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài đỉa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Anuruddha nói đến:

"*Nên thiết lập ở đối tượng bằng tâm thanh tịnh, nên uống vị chất trọn vẹn của sự giải thoát bằng tâm ấy.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài đỉa" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RẮN (*Sappaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của loài rắn nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài rắn di chuyển bằng ngực. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên cư xử bằng tuệ. Tâu Đại vương, tâm của vị hành giả cư xử bằng tuệ di chuyển ở trong khuôn khổ, tránh xa hiện tướng sai trái, phát triển hiện tướng tốt đẹp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của loài rắn nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rắn trong khi di chuyển thì di chuyển tránh xa loại dược thảo. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên hành xử, trong khi tránh xa ác hạnh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của loài rắn nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, loài rắn sau khi nhìn thấy loài người thì bực bội, sầu muộn, suy nghĩ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi suy tầm về sự suy tầm xấu xa, sau khi làm sanh

khởi sự không thích thú, nên bực bội, nên sầu muộn, nên suy nghĩ rằng: "Do ta bị xao lãng, mà ngày đã trôi qua, nó không thể đạt lại được nữa." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của loài rắn nên được hành trì.

Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến ở *Bổn sanh* "Bhallāṭiya" về hai kinnara [loài có chim đầu người]:[22]

"*Này người thợ săn, vào cái đêm chúng tôi đã sống cách biệt,*
không như ý muốn, luôn tưởng nhớ nhau,
cả một đêm ấy, trong khi hối tiếc,
chúng tôi sầu muộn; đêm ấy sẽ không có lần nữa."

"Câu hỏi về tính chất của loài rắn" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI TRĂN (*Ajagaraṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài trăn nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài trăn có thân hình to lớn khổng lồ, thậm chí trong nhiều ngày có bao tử thiếu thốn, hơn cả đáng thương, không đạt được vật thực làm đầy bụng; mặc dầu không được đầy đủ, nó tiếp tục sống dầu chỉ là duy trì cơ thể được tồn tại. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, đối với vị hành giả thiết tha tu tập bị ràng buộc với hạnh khất thực, bị đi đến với đồ ăn khất thực ở những người khác, là người trông đợi vật bố thí từ những người khác, đã từ bỏ việc tự mình đoạt lấy, có vật thực làm đầy bao tử là việc khó đạt được, thêm nữa người con trai gia đình danh giá có sự đeo đuổi mục đích nên ngưng không ăn bốn năm vắt cơm [sau cùng], và nên làm đầy chỗ trống còn lại [của bao tử] bằng nước. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài trăn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:[23]

"*Trong khi thọ dụng đồ ăn ướt và đồ ăn khô, không nên thỏa mãn một cách quá độ. Vị Tỳ-khưu du hành với bao tử thiếu thốn, với vật thực chừng mực, có niệm.*

Nên ngưng không ăn bốn, năm vắt cơm [sau cùng] và nên uống nước. Vậy là đủ cho sự sống thoải mái đối với vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết."

"Câu hỏi về tính chất của loài trăn" là thứ mười.

Phẩm Sư tử là phẩm thứ năm.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

"Loài sư tử, loài ngỗng đỏ, loài sếu cái, loài bồ câu nhà, loài chim cú, loài chim gõ kiến, loài dơi, loài đỉa, loài rắn và loài trăn nữa, vì thế phẩm được đặt tên."

---

[22] *Bổn sanh* "Vua Bhallāṭiya" (*Bhallāṭiyajātakaṃ*), số 504, *TTPV*, tập 33. (ND)

[23] *Theragāthāpāḷi* (*Trưởng lão kệ*), *TTPV*, tập 31, trang 229, các câu kệ 982-83. (ND)

VI. PHẨM NHỆN
(*MAKKAṬAKAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NHỆN (*Makkaṭakaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài nhện đường nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài nhện đường sau khi thực hiện tấm che bằng màng lưới nhện ở đường lộ, nếu ở tại nơi ấy có con sâu, hoặc con ruồi, hoặc con bọ rầy bị vướng vào mạng lưới, thì nó tóm lấy con vật ấy và ăn ngấu nghiến. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi thực hiện tấm che bằng màng lưới của sự thiết lập niệm ở sáu cánh cửa,[24] nếu ở tại nơi ấy có những con ruồi phiền não bị bắt giữ thì nên bị tiêu diệt ngay tại chỗ ấy. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài nhện đường nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Anuruddha nói đến:

"*Nên kiểm soát tâm ở tại sáu cánh cửa có sự thiết lập niệm cao quý tối thượng, nếu các phiền não bị vướng vào ở nơi ấy, chúng nên bị tiêu diệt bởi vị hành minh sát.*"

"Câu hỏi về tính chất của loài nhện" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐỨA BÉ ĐEO BẦU VÚ (*Thanassitadārakaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của đứa bé đeo bầu vú nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như đứa bé đeo bầu vú bám vào nơi có sự lợi ích cho nó, khi có nhu cầu về sữa thì khóc lóc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên bám vào mục đích của mình, nên có trí tuệ của giáo pháp ở mọi trường hợp, ở việc đọc tụng, ở việc học hỏi, ở sự ra sức đúng đắn, ở việc tách ly, ở việc sống chung với vị thầy, ở việc thân cận với bạn tốt. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của đứa bé đeo bầu vú nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Trường bộ* cao quý, bài *Kinh Parinibbāna*:

---

[24] Sáu cánh cửa: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. (ND)

"Này Ānanda, các ngươi hãy nỗ lực cho mục đích của mình, hãy gắn bó vào mục đích của mình, hãy sống không xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết về mục đích của mình."

"Câu hỏi về tính chất của đứa bé đeo bầu vú" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RÙA (*Kummaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của loài rùa có đốm nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như loài rùa có đốm di chuyển, tránh xa nước vì sợ nước, tuy nhiên do việc tránh xa nước ấy, vẫn không bị giảm thiểu về tuổi thọ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng, nên có sự nhìn thấy nét đặc biệt của đức hạnh ở việc không xao lãng. Tuy nhiên, do trạng thái nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng ấy, vẫn không bị suy giảm về bản thể Sa-môn, vị ấy tiến đến gần chỗ kề cận Niết-bàn. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của loài rùa có đốm nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Pháp cú*:[25]

"Vị Tỳ-khưu thích thú trong việc không xao lãng, hoặc có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng, không thể bị hư hỏng và ở kề cận chính Niết-bàn."

"Câu hỏi về tính chất của loài rùa" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA KHU RỪNG (*Pavanaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của khu rừng nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như khu rừng che giấu người không trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên che đậy sự hư hỏng, sự lỗi lầm của những người khác, không nên bộc lộ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của khu rừng nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là trống không về trường hợp nhiều người đông đúc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là trống không về luyến ái, sân hận, si mê, ngã mạn, mạng lưới tà kiến và tất cả các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của khu rừng nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là vắng vẻ, không bị chen chúc người. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tách biệt với các pháp ác, bất thiện, không cao thượng. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của khu rừng nên được hành trì.

---

[25] *Dh*. v. 32.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là yên tịnh, trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là yên tịnh, trong sạch, nên là tịch tịnh, có ngã mạn đã được dứt bỏ, có sự đạo đức giả đã được dứt bỏ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của khu rừng nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, khu rừng là thân cận với những con người thánh thiện. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thân cận với những con người thánh thiện. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của khu rừng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Tương ưng bộ* cao quý:

"*Nên sống với các bậc thánh thiện, đã tách ly, có bản tánh cương quyết, có thiền chứng, với các bậc sáng trí thường xuyên ra sức tinh tấn.*"

"Câu hỏi về tính chất của khu rừng" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CỐI (*Rukkhaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của cây cối nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như cây cối có sự đơm hoa kết trái. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập có sự đơm hoa là sự giải thoát và kết trái là bản thể Sa-môn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cây cối nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cây cối cung cấp bóng che cho những người đã đi đến và đã tiến vào. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tiếp đón với sự tiếp đón về vật chất hoặc là với sự tiếp đón về giáo pháp đối với những cá nhân đã đi đến và đã tiến vào. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cây cối nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cây cối không làm sự phân biệt về bóng che. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên làm sự phân biệt đối với tất cả chúng sanh, nên thể hiện sự tu tập về từ ái thật sự bình đẳng đối với những kẻ trộm cướp, những kẻ phá hoại, những kẻ đối nghịch, cũng như đối với bản thân rằng: "Làm cách nào để các chúng sanh này có thể gìn giữ bản thân, không có thù oán, không có hãm hại, không có phiền phức, có sự an vui." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cây cối nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"*Trong trường hợp kẻ phá hoại Devadatta, kẻ cướp có xâu chuỗi bằng ngón tay, con voi Dhanapāla và luôn cả [người con trai] Rāhula, bậc Hiền trí là bình đẳng trong mọi trường hợp.*"

"Câu hỏi về tính chất của cây cối" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CƠN MƯA (*Meghaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của cơn mưa nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như cơn mưa làm lắng xuống bụi bặm đã sanh khởi. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm lắng xuống bụi bặm phiền não đã sanh khởi. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cơn mưa nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa làm mát lạnh sức nóng của trái đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm mát lạnh thế gian luôn cả chư thiên bằng sự tu tập về từ ái. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cơn mưa nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa làm nảy mầm tất cả các loại hạt giống. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho sanh khởi niềm tin của tất cả chúng sanh, nên gieo hạt giống niềm tin ấy ở ba sự thành tựu, ở sự thành tựu về cõi trời và loài người cho đến sự thành tựu về sự an lạc của chân lý tối thượng Niết-bàn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cơn mưa nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa phát khởi theo mùa bảo vệ các loài cỏ dại, cây cối, dây leo, bụi rậm, dược thảo, cổ thụ đang mọc ở bề mặt trái đất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm sanh khởi sự tác ý, và với sự tác ý đúng đường lối ấy nên bảo vệ pháp Sa-môn. Tất cả các thiện pháp có gốc rễ ở sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của cơn mưa nên được hành trì.

5. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cơn mưa trong khi đổ mưa làm tràn đầy các con sông, hồ nước, đầm sen và các rãnh, các khe, các suối, các hồ, các giếng nước với những khối lượng nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm đổ xuống cơn mưa giáo pháp về kinh điển và pháp học, nên làm đầy đủ tâm ý đối với các ước muốn về sự chứng đắc. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ năm của cơn mưa nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"*Sau khi nhìn thấy chúng sanh có thể giác ngộ dầu ở cách trăm ngàn do-tuần, bậc Đại Hiền triết đi đến trong khoảnh khắc và giác ngộ người ấy.*"

"Câu hỏi về tính chất của cơn mưa" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGỌC MA-NI (*Maṇiratanaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Năm tính chất của ngọc ma-ni nên được hành trì", năm tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như ngọc ma-ni là thuần túy trong sạch. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự nuôi mạng thuần túy trong sạch. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của ngọc ma-ni nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc ma-ni không bị trộn lẫn với bất cứ vật gì. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên bị trộn lẫn với các điều ác xấu, với các bạn bè ác xấu. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của ngọc ma-ni nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, ngọc ma-ni được xếp chung với các loại ngọc nguyên chất. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên sống chung với các bậc tri thức cao quý bậc nhất, nên sống chung với các vị đã đạt đạo, trú quả, có được quả Hữu học, với các ngọc ma-ni là các bậc Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán và các vị Sa-môn có ba minh, sáu thắng trí. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của ngọc ma-ni nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Kinh tập*:[26]

"*Là những người trong sạch, trong khi sống chung với những người trong sạch, hãy tỏ ra có sự kính trọng lẫn nhau. Từ đó, có sự hợp nhất, chín chắn, các ngươi sẽ thực hiện việc chấm dứt khổ đau.*"

"Câu hỏi về tính chất của ngọc ma-ni" là thứ bảy.

8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ SĂN (*Māgavikaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Bốn tính chất của người thợ săn nên được hành trì", bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như người thợ săn thì ít ngủ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ít ngủ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người thợ săn nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn thì trói buộc tâm chỉ ở các con thú. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên trói buộc tâm chỉ ở các đối tượng [của đề mục thiền]. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của người thợ săn nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn biết thời điểm của công việc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha nên biết thời điểm của việc thiền tịnh: "Giờ này là của thiền tịnh, giờ này là của việc xuất ly." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của người thợ săn nên được hành trì.

---

[26] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *Cullavaggo* (*Tiểu phẩm*), *TTPV*, tập 29, trang 88, câu kệ 285.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn sau khi nhìn thấy con thú thì sanh khởi sự vui mừng rằng: "Ta sẽ đạt được con này." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha nên thích thú với các đối tượng [của đề mục thiền], nên sanh khởi sự vui mừng rằng: "Ta sẽ chứng đắc sự thành đạt hơn nữa." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của người thợ săn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mogharāja nói đến:

"*Sau khi đạt được các đối tượng [của đề mục thiền], vị Tỳ-khưu có bản tánh cương quyết nên sanh khởi sự vui mừng hơn nữa rằng: 'Ta sẽ chứng đắc hơn nữa.'*"

"Câu hỏi về tính chất của người thợ săn" là thứ tám.

9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CÂU CÁ (*Bāḷisikaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của người câu cá nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như người câu cá giật lên các con cá nhờ vào lưỡi câu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên giật lên các quả vị Sa-môn cao hơn nữa nhờ vào trí tuệ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người câu cá nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người câu cá gây tổn thương vật nhỏ rồi đạt được lợi lớn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên buông bỏ số lượng tài vật thế gian nhỏ nhoi. Tâu Đại vương, sau khi buông bỏ số lượng tài vật thế gian nhỏ nhoi, vị hành giả thiết tha tu tập chứng đắc quả vị Sa-môn to lớn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của người câu cá nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Rāhula nói đến:

"*Sau khi từ bỏ vật chất thế gian, ngươi hãy đạt được không tánh, vô tướng, vô nguyện giải thoát, bốn quả và sáu thắng trí.*"

"Câu hỏi về tính chất của người câu cá" là thứ chín.

10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ MỘC (*Tacchakaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của người thợ mộc nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như người thợ mộc sau khi làm cho đúng đắn sợi chỉ đen rồi đẽo gọt khúc cây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên làm cho đúng đắn theo giáo pháp của đấng Chiến Thắng, nên đứng vững ở trái đất là giới, nên cầm lấy cái rìu trí tuệ bằng bàn tay đức tin, rồi

nên đẽo gọt các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người thợ mộc nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ mộc loại bỏ giác cây và chọn lấy lõi cây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên loại bỏ các pháp có hình thức như là: Thường [kiến], đoạn [kiến], mạng sống ấy thân thể ấy, mạng sống khác thân thể khác, cái ấy là tối thượng, cái khác là tối thượng, không làm không hình thành, không có sự tạo tác của con người, lối sống phi Phạm hạnh, sự hoại diệt của chúng sanh, sự tạo thành của chúng sanh mới, tính chất thường còn của các hành, người nào làm người ấy thọ hưởng, người khác làm người khác thọ hưởng, sự nhìn thấy quả của nghiệp và tà kiến về quả của hành động; như vậy, sau khi loại bỏ các pháp có hình thức như thế ấy và luôn cả các đường lối tranh cãi khác, nên chọn lấy bản thể của các pháp tạo tác, là không tánh tuyệt đối, là không tánh tối cao không lực tác động, không bị chê trách. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của người thợ mộc nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Kinh tập*:[27]

"*Các ngươi hãy tống đi bụi bặm và hãy lùa bỏ rác rưởi, sau đó hãy đuổi đi những kẻ nói nhiều, những kẻ phi Sa-môn và những kẻ Sa-môn cao ngạo.*

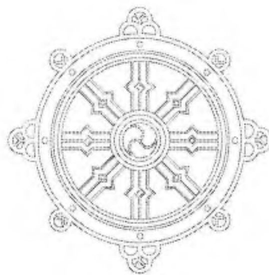
Sau khi tống đi các ước muốn ác xấu, các thói quen và hành xử xấu xa, là những người trong sạch, trong khi sống chung với những người trong sạch, hãy tỏ ra có sự kính trọng lẫn nhau."

"Câu hỏi về tính chất của người thợ mộc" là thứ mười.

Phẩm Nhện là phẩm thứ sáu.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

"Loài nhện, đứa bé, loài rùa, khu rừng và cây cối là thứ năm; cơn mưa, ngọc ma-ni, người thợ săn, người câu cá và thêm người thợ mộc."



[27] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *Cullavaggo* (*Tiểu phẩm*), *TTPV*, tập 29, trang 89, các câu kệ 283-85.

VII. PHẨM CHUM NƯỚC
(*KUMBHAVAGGO*)

1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHUM NƯỚC (*Kumbhaṅgapañho*)

– Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Một tính chất của chum nước nên được hành trì", một tính chất nên được hành trì ấy là điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như chum nước đầy thì không làm thành tiếng vang. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập sau khi đạt đến sự toàn hảo về kinh điển, về sự chứng đắc, về pháp học, về bản thể Sa-môn thì không nên làm thành tiếng vang, không nên thể hiện sự ngã mạn vì điều ấy, không nên phô bày sự kiêu ngạo, nên có sự ngã mạn được lắng xuống, nên có sự kiêu ngạo được lắng xuống, nên thẳng thắn, không nói nhiều, không có sự khoe khoang. Tâu Đại vương, điều này là một tính chất của chum nước nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến ở *Kinh tập*:[28]

"*Cái gì thiếu kém cái ấy làm thành tiếng vang, cái gì được đầy cái ấy thật yên tịnh. Kẻ ngu tương tợ cái chum rỗng, bậc sáng trí tợ như hồ nước đầy tràn.*"

"Câu hỏi về tính chất của chum nước" là thứ nhất.

2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA SẮT ĐEN (*Kāḷāyasaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của sắt đen nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như sắt đen hoạt động khi đã được tẩm nước đầy đủ. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, tâm của vị hành giả thiết tha tu tập hoạt động khi được gắn chặt ở sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của sắt đen nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, sắt đen một khi đã được tẩm nước thì không loại bỏ nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, một khi niềm tin đã được sanh khởi rằng: "Đức Thế Tôn ấy là bậc Chánh Đẳng Giác cao cả, giáo pháp đã khéo được tuyên thuyết, hội chúng đã thực hành tốt đẹp", thì không nên để vuột mất lần nữa; một khi trí tuệ đã được sanh khởi rằng: "Sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, các hành là vô thường, thức là vô thường", thì không nên để vuột mất lần nữa. Tâu

[28] *Suttanipātapāḷi* (*Kinh tập*), *Cullavaggo* (*Tiểu phẩm*), *TTPV*, tập 29, trang 227, câu kệ 724.

Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của sắt đen nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"Người đã được thanh tịnh về sự nhận thức, vững chãi, biết được đặc điểm ở Thánh pháp, không bị lay chuyển về nhiều khía cạnh, và vị ấy có trạng thái đứng đầu so với tất cả."

"Câu hỏi về tính chất của sắt đen" là thứ nhì.

3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI LỌNG CHE (*Chattaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của cái lọng che nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như cái lọng che di chuyển ở phía trên đầu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có sự di chuyển ở phía trên đầu của các phiền não. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của cái lọng che nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cái lọng che là vật che chở cái đầu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có trạng thái che chở sự tác ý đúng đường lối. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của cái lọng che nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, cái lọng che ngăn cản gió, sức nóng và các cơn mưa từ đám mây. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn phàm phu có tà kiến gồm nhiều loại, thì nên ngăn cản các làn gió suy nghĩ, sự đốt nóng của ngọn lửa gồm ba loại [tham, sân, si] và các cơn mưa phiền não của họ. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của cái lọng che nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"Cũng giống như cái lọng che rộng lớn, không lỗ thủng, vững chãi, chắc chắn che cản gió, sức nóng và những cơn mưa lớn từ trên trời.

Y như thế ấy, người con trai của đức Phật, được trong sạch, cầm chiếc lọng che là giới, cản lại cơn mưa phiền não và ngọn lửa gồm ba loại có sự đốt nóng."

"Câu hỏi về tính chất của cái lọng che" là thứ ba.

4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THỬA RUỘNG (*Khettaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của thửa ruộng nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như thửa ruộng có đầy đủ đường dẫn nước. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có đầy đủ đường lối về phận sự và công việc được hành xử tốt đẹp. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của thửa ruộng nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thửa ruộng có đầy đủ bờ bao, và với bờ bao ấy bảo vệ nước và làm cho thóc lúa kết hạt. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có đầy đủ bờ bao về giới và sự hổ thẹn tội lỗi, với bờ bao về giới và sự hổ thẹn tội lỗi ấy nên bảo vệ bản thể Sa-môn, rồi nên nắm lấy bốn quả vị Sa-môn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của thửa ruộng nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thửa ruộng có đầy đủ khả năng sản xuất, là nguồn sanh lên niềm vui cho người nông dân, hạt giống được gieo dầu ít mà đạt được nhiều, được gieo nhiều thì đạt được nhiều hơn. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên có đầy đủ khả năng sản xuất, có sự ban cho các quả báo lớn lao, nên là nguồn sanh lên niềm vui cho các thí chủ để rồi vật được bố thí ít trở thành nhiều, vật được bố thí nhiều trở thành nhiều hơn. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của thửa ruộng nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Upāli, vị rành rẽ về Luật nói đến:

"*Nên giống như thửa ruộng có sự ban cho lớn lao về khả năng sản xuất, vị nào ban cho quả báo lớn lao, vị ấy gọi là thửa ruộng cao quý.*"

"Câu hỏi về tính chất của thửa ruộng" là thứ tư.

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THUỐC GIẢI ĐỘC (*Agadaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Hai tính chất của thuốc giải độc nên được hành trì", hai tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như các con giòi không tồn tại ở thuốc giải độc. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập không nên để cho các phiền não tồn tại ở tâm. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của thuốc giải độc nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, thuốc giải độc ngăn chặn tất cả chất độc do đã bị cắn, bị chạm vào, bị ngộ độc, bị ăn vào, bị uống, bị nhai, bị nếm. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên ngăn chặn tất cả chất độc luyến ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của thuốc giải độc nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời Vượt Trội Các Vị Trời nói đến:

"*Với ước muốn nhìn thấy bản thể và ý nghĩa của các pháp tạo tác, vị hành giả nên giống như thuốc giải độc trong việc tiêu trừ chất độc phiền não.*"

"Câu hỏi về tính chất của thuốc giải độc" là thứ năm.

6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VẬT THỰC (*Bhojanaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Ba tính chất của vật thực nên được hành trì", ba tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như vật thực là sự nâng đỡ cho tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên là sự nâng đỡ về đạo lộ cho tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của vật thực nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực làm tăng trưởng sức mạnh của chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên tăng trưởng sự phát triển của phước báu. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của vật thực nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, vật thực là được mong mỏi đối với tất cả chúng sanh. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên được mong mỏi bởi tất cả thế gian. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của vật thực nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Mahāmoggallāna nói đến:

"*Nhờ vào sự thu thúc, nhờ vào sự kềm chế, nhờ vào giới, nhờ vào sự thực hành, vị hành giả sẽ là được mong mỏi đối với tất cả thế gian.*"

"Câu hỏi về tính chất của vật thực" là thứ sáu.

7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CUNG THỦ (*Issāsaṅgapañho*)

1. – Thưa Ngài Nāgasena, điều mà Ngài nói là: "Bốn tính chất của người cung thủ nên được hành trì", bốn tính chất nên được hành trì ấy là các điều nào?

– Tâu Đại vương, giống như người cung thủ, trong khi bắn những mũi tên thì thiết lập vững chắc hai bàn chân ở trái đất, giữ đầu gối ngay thẳng, đặt bao tên ở thắt lưng, kìm cứng thân hình, nâng hai bàn tay lên ở chỗ tiếp xúc, kìm chặt nắm tay, làm cho các ngón tay không có lỗ hổng, nâng cổ lên, khép lại mắt và miệng, ngắm thẳng mục tiêu, làm sanh khởi niềm vui rằng: "Ta sẽ xuyên thủng." Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên thiết lập hai bàn chân tinh tấn ở trái đất là giới, nên giữ sự khham nhẫn và khoan dung được ngay thẳng, nên đặt tâm ở sự phòng hộ, nên đưa bản thân vào sự thu thúc và sự kiềm chế, nên kìm chặt ước muốn và sự say đắm, nên làm cho tâm không có lỗ hổng ở sự tác ý đúng đường lối, nên nâng sự tinh tấn lên, nên khép lại sáu cánh cửa [giác quan], nên thiết lập niệm, nên làm sanh khởi niềm vui rằng: "Ta sẽ xuyên thủng tất cả phiền não bằng mũi tên trí tuệ." Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhất của người cung thủ nên được hành trì.

2. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người cung thủ mang theo vật uốn thẳng để làm ngay thẳng cây tên bị cong, bị vẹo, bị quẹo. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên mang theo vật uốn thẳng là sự thiết lập niệm ở thân này để làm ngay thẳng cái tâm bị cong, bị vẹo, bị quẹo. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ nhì của người cung thủ nên được hành trì.

3. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người cung thủ chuyên chú ở mục tiêu. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên chuyên chú ở thân này. Tâu Đại vương, vị hành giả thiết tha tu tập nên chuyên chú ở thân này như thế nào? Nên chuyên chú là vô thường, là cơn bệnh,… (nt)… là ghẻ, là mụt nhọt, là tai ương, là tật nguyền, là cái khác, là tiêu hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy hiểm, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, là trạng thái không có nơi nương nhờ, là rỗng không, là trống không, là bất lợi, là không có lõi, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có bản chất chết, là có bản chất sầu muộn, là có bản chất than vãn, là có bản chất thất vọng, là có bản chất phiền não. Tâu Đại vương, vị hành giả thiết tha tu tập nên chuyên chú ở thân này như thế. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ ba của người cung thủ nên được hành trì.

4. Tâu Đại vương, còn có điều khác nữa, người thợ săn chuyên chú sáng chiều. Tâu Đại vương, tương tợ y như thế, vị hành giả thiết tha tu tập nên chuyên chú ở đối tượng [của đề mục thiền] sáng chiều. Tâu Đại vương, điều này là tính chất thứ tư của người thợ săn nên được hành trì. Tâu Đại vương, điều này cũng đã được Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp nói đến:

"*Giống như người cung thủ chuyên chú sáng chiều, trong khi không bê trễ việc chuyên chú, đạt được bữa ăn và tiền lương.*

Tương tợ y như thế, người con trai của đức Phật thực hành sự chuyên chú ở thân, trong khi không bê trễ việc chuyên chú ở thân, chứng đắc phẩm vị A-la-hán."

"Câu hỏi về tính chất của người cung thủ" là thứ bảy.

Phẩm Chum nước là phẩm thứ bảy.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

"Chum nước, sắt đen, cái lọng che, thửa ruộng, thuốc giải độc, vật thực và người cung thủ, đã được các bậc hiểu biết nói đến."

CÂU HỎI GIẢNG VỀ CÁC VÍ DỤ ĐƯỢC CHẤM DỨT.

ĐOẠN KẾT

"Các câu hỏi của đức Vua Milinda được truyền đạt ở trong tập sách này gồm có hai trăm sáu mươi hai câu hỏi, được chia thành hai mươi hai phẩm, thuộc về sáu chương, như vậy là đầy đủ. Tuy nhiên, còn có bốn mươi hai câu hỏi chưa được truyền đạt. Tổng cộng tất cả các câu hỏi đã được truyền đạt và chưa được truyền đạt là ba trăm lẻ bốn câu hỏi. Hết thảy tất cả được gọi tên là: '*Các câu hỏi của đức Vua Milinda.*'

Vào lúc kết thúc các câu hỏi, các câu trả lời của đức Vua và vị Trưởng lão, đại địa cầu này, có phần đất rắn là tám mươi bốn trăm ngàn (tám triệu bốn trăm ngàn) do-tuần, được bao quanh bởi nước, đã rúng động theo sáu cách, các tia sét đã phóng ra, chư thiên đã đổ xuống cơn mưa bông hoa thuộc cõi trời, Đại Phạm thiên đã thốt lời tán thán, ở giữa lòng đại dương đã có tiếng động lớn tợ như tiếng gầm của sấm ở đám mây đen. Như thế, đức Vua Milinda ấy và đoàn hậu cung đã chắp tay cúi mình, đê đầu đảnh lễ.

Đức Vua Milinda, có tâm mừng rỡ tột độ, đã trở thành người có sự hiểu biết về giáo pháp của đức Phật, không còn hoài nghi ở ba ngôi báu, thoát khỏi bụi rậm, không còn ương bướng, đã được tịnh tín tột độ ở các đức hạnh, ở sự xuất gia, ở sự khéo thực hành và bốn oai nghi của vị Trưởng lão, được tự tin, không còn mong cầu, sự ngã mạn và kiêu ngạo đã được diệt trừ, tợ như rắn chúa có răng nanh đã bị nhổ đi, [đức Vua] đã nói như vầy:

'Thưa Ngài Nāgasena, lành thay, lành thay! Các câu hỏi có liên quan đến đức Phật đã được Ngài trả lời. Ở giáo pháp này của đức Phật, ngoại trừ Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp, không có ai khác tương đương Ngài trong việc trả lời các câu hỏi. Thưa Ngài Nāgasena, xin Ngài chấp nhận trẫm là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.'

Từ đó, đức Vua cùng với các đội binh lính phục vụ cho Trưởng lão Nāgasena, cho xây dựng tu viện tên Milinda, sau đó dâng đến vị Trưởng lão, rồi hộ độ bốn món vật dụng đến Trưởng lão Nāgasena cùng với một trăm *koṭi* [một tỷ] vị Tỳ-khưu là các bậc lậu tận. Thêm nữa, sau khi đã được tịnh tín đối với trí tuệ của vị Trưởng lão, sau khi đã trao lại vương quốc cho người con trai, đức Vua đã rời nhà xuất gia sống không nhà, đã làm tăng trưởng pháp minh sát và đã đạt được phẩm vị A-la-hán." Vì thế, đã được nói rằng:

"*Trí tuệ được ca tụng ở thế gian, việc thuyết giảng nhằm việc duy trì Chánh pháp, sau khi trừ diệt sự phân vân bằng trí tuệ, các bậc sáng trí đạt được sự an tịnh.*

Trí tuệ đứng vững ở trên vai của người nào, ở người nào niệm không thiếu sót, người ấy chính là bậc tối cao, vô thượng, nhận lãnh phần đặc biệt của sự cúng dường.

Chính vì thế, con người sáng trí, trong khi nhận thức về mục đích của bản thân, nên cúng dường các bậc có trí tuệ, ví như cúng dường ngôi bảo tháp là nơi đáng được cúng dường."

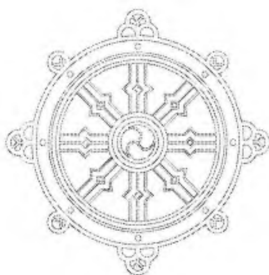
*****

"*Vị Đại Trưởng lão tên Doṇi sống ở thành phố Doṇi thuộc xứ Laṅkā đã viết lại [tập sách] đã được xếp đặt khéo léo theo như đã được nghe.*

Câu hỏi của đức Vua Milinda và câu trả lời của vị Nāgasena, bởi vì Milinda có trí tuệ lớn lao và vị Nāgasena vô cùng sáng trí.

Do việc làm phước thiện này, mong rằng từ chốn này tôi đi đến cõi trời Đẩu-suất, và ở ngày vị lai tôi có thể gặp [đức Phật] Metteyya, và có thể lắng nghe giáo pháp tối thượng."

"MILINDA VẤN ĐẠO" ĐƯỢC CHẤM DỨT.



PHỤ LỤC 1
QUY CÁCH BIÊN TẬP
TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO PHIÊN BẢN PĀLI TÍCH LAN

Các tập kinh trong quyển này được Tỳ-khưu Indacanda dịch từ bản Pāli Tích Lan và được phổ biến trên trang nhà www.tamtangpaliviet.net. Chúng tôi giữ nguyên cách đánh số bản Việt ngữ theo hệ thống này. Lưu ý, cách đánh số kinh, đoạn kinh giữa bản Pāli Tích Lan, Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (CST) và Pali Text Society (PTS) cũng có sự sai khác.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"… đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"… đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

- Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v…

- Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn, lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v…

- Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "Vô nhân luận", thuyết "Luân hồi tịnh hóa", v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), giới (*sīla*), định (*samādhi*), tuệ (*paññā*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử, Xá-lợi-tử, v.v...

4.1.5. Các từ chỉ quả vị đặc biệt, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,…

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú)

- Các kệ từ 108-115 được viết 108-15.
- Trang 254-256 được viết là 254-56.
- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

6.1.1. Tên tập + (số tập) + số trang.

- *S*. I. 70 (*Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70).
- *Sn*. 140 (*Suttanipāta*, trang 140).
- *J*. I. 389 (*Jātaka*, tập I, trang 389).
- *Vin*. II. 287 (*Vinaya*, tập II, trang 287).
- *Vbh*. 351 (*Vibhaṅga*, trang 351).
- *Kv*. 401 (*Kathāvatthu*, trang 401).
- *DA*. I. 41-2 (*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42).

6.1.2. Tên tập + số kệ

- *Dh*. v. 10 (*Dhammapada*, kệ số 10).
- *Sn*. v. 600 (*Suttanipāta*, kệ số 600).
- *Thag*. v. 1196 (*Theragāthā*, kệ số 1196).

6.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kinh + đoạn

- *S*. 56.25: 1 (*Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1).

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục.

- *GS*. II. 42 nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1 nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh

Kinh Tham ái (*It*. I. I. §1) nghĩa là *Kinh Tham ái* này nằm trong *Kinh Phật thuyết như vậy*, chương I, phẩm I, kinh số 1.

Kinh Châu báu (*Sn*. II. §1) nghĩa là *Kinh Châu báu* này nằm trong *Kinh tập*, phẩm II, kinh số 1.

Kinh Bāhiya (*Ud*. I. §10) nghĩa là *Kinh Bāhiya* này nằm trong *Kinh Phật tự thuyết,* phẩm I, kinh số 10.

6.4. Chú thích tên kinh: Kết hợp ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*). Nghĩa là *Trường bộ*, kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pāli là *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta,* tên tiếng Việt là "*Kinh Đại niệm xứ.*"

- *D*. I. 113, *Soṇadaṇḍa Sutta* (*Kinh Chủng Đức*). Nghĩa là *Trường bộ*, tập I, trang 113, *Kinh Soṇadaṇḍa Sutta* bằng tiếng Pāli và *Kinh Chủng Đức* bằng tiếng Việt.

6.5. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli

Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara, S. Ābhāsvara, H. 光音天, E. The Radian gods).

6.6. Chú thích theo Hán văn

6.6.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.6.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

6.6.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh* "Nê-hoàn phẩm" 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04, 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, "Nê-hoàn phẩm" thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

- *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự của "Bất đãi phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm.

Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [ ] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này.

Các chú thích có sẵn trong dịch phẩm vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng* và *Nam truyền Đại tạng kinh.*

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn dịch và tham chiếu của các cước chú.

Về từ "Pāli" (theo hệ thống Kaccāyana) hoặc Pāḷi (theo hệ thống Moggallāna) đều được sử dụng trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ*. Các nhà nghiên cứu và biên tập Tam tạng tại Tích Lan và PTS phần lớn đều dùng "Pāli" theo hệ thống đầu. Hòa thượng Thích Minh Châu cũng dùng "Pāli". Để nhất quán, chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam sử dụng từ "Pāli" cho tất cả các bài liên hệ, riêng trong các dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda, vẫn giữ cách dùng từ "Pāḷi" của dịch giả.

Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN.

Mọi sự góp ý, xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC TIỂU BỘ (KHUDDAKA NIKĀYA) CỦA CÁC ẤN BẢN

STT	VIỆT NAM (16 TẬP)	TÍCH LAN (17 TẬP)	MIẾN ĐIỆN, PTS & CST (18 TẬP)	THÁI LAN & CAMPUCHIA (15 TẬP)	CBETA (15 TẬP)
1	Tiểu tụng	Khuddakapāṭha	Khuddhakapāṭha	Khuddhakapāṭha	小誦經
2	Kinh Pháp cú	Dhammapada	Dhammapada	Dhammapada	法句經
3	Kinh Phật tự thuyết	Udāna	Udāna	Udāna	自說經
4	Kinh Phật thuyết như vậy	Itivuttaka	Itivuttaka	Itivuttaka	如是語經
5	Kinh tập	Suttanipāta	Suttanipāta	Suttanipāta	經 集
6	Chuyện Thiên cung	Vimānavatthu	Vimānavatthu	Vimānavatthu	天宮事經
7	Chuyện Ngạ quỷ	Petavatthu	Petavatthu	Petavatthu	餓鬼事經
8	Trưởng lão Tăng kệ	Theragāthā	Theragāthā	Theragāthā	長老偈經
9	Trưởng lão Ni kệ	Therīgāthā	Therīgāthā	Therīgāthā	長老尼偈經
10	Chuyện Tiền thân	Jātaka	Jātaka	Jātaka	本 生經
11	Diễn giải	Niddesa	Niddesa	Niddesa	義釋
12	Phân tích đạo	Paṭisambhidāmagga	Paṭisambhidāmagga	Paṭisambhidāmagga	無礙解道
13	Thánh nhân ký sự	Apadāna	Apadāna	Apadāna	譬喻經
14	Phật sử	Buddhavaṃsa	Buddhavaṃsa	Buddhavaṃsa	佛種姓經
15	Hạnh tạng	Cariyāpiṭaka	Cariyāpiṭaka	Cariyāpiṭaka	所行藏經
16		Nettipakaraṇa	Nettipakaraṇa		
17		Petakopadesa	Petakopadesa		
18	Milinda vấn đạo		Milindapañha		

PHỤ LỤC 3

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(Được sử dụng trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-27).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys David, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36).

Jātaka, 6 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-96).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-97).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Mahāvaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-99).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-38).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-07).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-47).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Minayeff (London: PTS, 1888).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sārattappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller, E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83).

Vibhaṅga, ed. by Rhys David, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. W. (London: Trübner and Co., 1880).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Cūlavaṃsa (Translation), 2 vols., tr. by Mrs. Rickmers, C. Mabel (London: PTS, 1929-30).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethren* (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Piṭaka), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1954-59).

The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R., Rouse, W. H. D., Francis, H. T., Neil, R. A., Cowell, E. B., and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913).

The Path of Purity, 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Rhys Davids, C. A. F., *A Manual of Buddhism* (London: Sheldon Press, 1932).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism: A Study of the Buddhist Norm* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism* (New York: G. P. Putnam'son, 1896).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India* (New York: G. P. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903).

Tāranātha, *History of Buddhism in India*, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations* (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. W. (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-38).

Encyclopaedia of Buddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. P., Buswell, R. E., Weeraratne, W. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. W. and Stede, William (London: PTS, 1921-25).

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT

A

B

Đ

G

H

K

L

M

N

P

Q

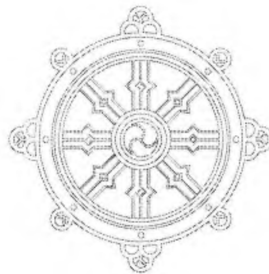
S

T

V

X

Y



SÁCH DẪN PĀLI

A

Ā

I

U

Ū

E

KH

G

GH

C

CH

J

Ñ

ṬH

T

TH

D

DH

N

P

PH

B

BH

M

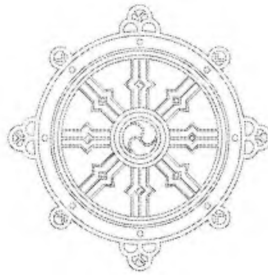
Y

R

L

V

H



TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

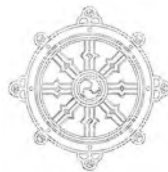
Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.
- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.
- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.
- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu tri thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.



Thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 09
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ - 09
KINH TIỂU BỘ (5)
(Khuddaka Nikāya)
Dịch giả: Tỳ-khưu INDACANDA

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng Biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in
SC. Liên Kỉnh, SC. Hạnh Thường, SC. Tịnh Huệ
Ngọc Thanh, Ngọc Hoa, Thủy Tiên, Liên Nguyệt

Trình bày
Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In: 7.000 bản, khổ: 19 x 27 cm, tại ***Công ty CP In Khuyến học phía Nam*** *(Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh). Số Xác nhận đăng ký XB: 2078-2021/CXBIPH/11-39/HĐ. Số Quyết định xuất bản của NXB: 344/QĐ-NXBHĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.*
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-328-961-9

ISBN:978-604-328-961-9

9 786043 289619